B 1,761,421

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
H68B

# Tạp chí Cộng sản

UNIV. of MICH.
OCT 2 2 1985
Current Serials

5

5.1985

Digitized by Google

CÁN BỘ VÀ ĐẢNG VIÊN CÀNG PHẢI NÂNG CAO TINH THẦN PHỤ TRÁCH TRƯỚC ĐẢNG VÀ TRƯỚC QUẦN CHÚNG, HẾT LÒNG HẾT SỨC PHỤC VỤ NHÂN DÂN, PHẢI YÊU KÍNH NHÂN DÂN. PHẢI THẬT SỰ TÔN TRỌNG QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN. TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC LÊN MẶT « QUAN CÁCH MẠNG » RA LỆNH RA OAI. PHẢI NẮM VỮNG QUAN ĐIỂM GIAI CẤP, ĐI ĐÚNG ĐƯỜNG LỐI QUẦN CHÚNG, THÀNH TÂM HỌC HỎI QUẦN CHÚNG. KIÊN QUYẾT DỰA VÀO QUẦN CHÚNG, GIÁO DỤC VÀ PHÁT ĐỘNG QUẦN CHÚNG TIẾN HÀNH MỌI CHỦ TRƯƠNG CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ CỦA NHÀ NƯỚC. PHẢI THẬT THÀ, NGAY THẲNG; KHÔNG ĐƯỢC GIẤU DỐT, GIẤU KHUYẾT ĐIỂM, SAI LẦM. PHẢI KHIÊM TỐN, GẦN GŨI QUẦN CHÚNG, KHÔNG ĐƯỢC KIÊU NGẠO; ... KHÔNG ĐƯỢC CHỦ QUAN. PHẢI LUÔN LUÔN CHĂM LO ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA QUẦN CHÚNG PHẢI « CHÍ CÔNG VÔ TƯ » VÀ CÓ TINH THẦN « LO TRƯỚC THIÊN HẠ, VUI SAU THIÊN HẠ ». ĐÓ LÀ ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN

HỒ CHÍ MINH
(1961)

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

## *Xã luận*

# Học tập quan điểm quần chúng của Bác Hồ, tăng cường công tác quần chúng của Đảng

*NĂM nay chúng ta kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh của Đồng chí Hồ Chí Minh kính yêu.*

*Kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ là một dịp để chúng ta nhớ lại công ơn trời biển của Bác — người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người vạch đường chỉ lối cho cách mạng nước ta, người suốt đời đấu tranh cho độc lập của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.*

*Bác Hồ là lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt nam và cũng là chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Kỷ niệm ngày sinh của Bác cũng là một dịp để chúng ta ôn lại nhiều bài học quý về Bác. Đặc biệt hiện nay, chúng ta cần ra sức học tập đạo đức cách mạng của Bác, liên tục bồi dưỡng cho mình những phẩm chất tốt đẹp để có thể đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.*

★

*Đạo đức cách mạng của Bác Hồ là đạo đức cách mạng của một người cộng sản vĩ đại. Nó bao gồm nhiều phẩm chất cao quý thể hiện sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn những tư tưởng tiên tiến của thời đại với những tinh hoa của dân tộc.* **Một trong những bài học lớn về đạo đức cách mạng mà chúng ta học tập ở Bác Hồ là quan điểm quần chúng của Người.**

*Quan điểm quần chúng của Bác Hồ là quan điểm quần chúng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đặc điểm nổi bật của quan điểm quần chúng của Bác Hồ là lòng thương yêu vô hạn đối với quần chúng nhân dân và lòng tin tưởng tuyệt đối vào khả năng cách mạng to lớn và tài năng sáng tạo của quần chúng.*

15 87 392AR2 2 013 XL 1 2 2407 Digitized by Google

*Ngay từ buổi đầu cách mạng, trong đường lối cứu nước của Người, Bác Hồ đã chỉ rõ: « Cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người ». Người còn nhấn mạnh vai trò to lớn của quần chúng công nông: « công nông là người chủ cách mệnh », « là gốc cách mệnh »* (1). *Bác Hồ đã sớm tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Ngay từ năm 1923, tại diễn đàn Đại hội Quốc tế nông dân, Bác Hồ đã nói: « Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng... »* (2).

*Trải qua mọi khó khăn, thử thách, lúc hoạt động ở nước ngoài hoặc ở trong nước, những ngày bị giam cầm trong lao tù của đế quốc, phản động cũng như khi cách mạng thành công, chính quyền đã về tay nhân dân, Bác Hồ luôn luôn có lòng tin tưởng vững chắc vào quần chúng. Bác Hồ nói: « Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin »* (3). *Người thường nhắc câu nói của đồng bào Quảng bình, Vĩnh linh trong những ngày chiến đấu ác liệt chống đế quốc Mỹ để nói lên sức mạnh và khả năng sáng tạo to lớn của quần chúng:* « **Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong** ». *Hồ Chủ tịch thường nhấn mạnh vai trò của quần chúng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội: « Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người »*(4).

*Là người suốt đời đấu tranh quên mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho những lý tưởng cao cả của chủ nghĩa cộng sản, Bác Hồ cũng là người có tấm lòng thương yêu nhân dân hết sức thắm thiết và rộng lớn. Người nói: « Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành »* (5); *« Một ngày... đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên »*(6). *Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên ở tất cả các ngành, các cấp phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân.*

*Người dành tình thương yêu cho tất cả mọi người, mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, đặc biệt là đối với đồng bào miền Nam ruột thịt « đi trước về sau » trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước. Đã có biết bao nhiêu mẩu chuyện cảm động nói lên tình thương yêu bao la đó của Bác. Khi sắp qua đời, Người còn « để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng »* (**Di chúc**). *Đồng thời, Người căn dặn: « Đảng cần phải có* **kế hoạch** *thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng* **nâng cao đời sống của nhân dân** » (**Di chúc**).

---

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tập II, tr. 181—187.
(2) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, 1980, tập I, tr 157.
(3) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1969, tập II, tr. 803.
(4) Hồ Chí Minh: *Về quan điểm quần chúng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1974, tr. 69.
(5) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tr. 33.
(6) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1960, tập II, tr. 244.



Digitized by Google

*Cũng với tình thương yêu rộng lớn đó, Bác Hồ đã sống một cuộc sống rất mực thanh bạch, giản dị, gần gũi với quần chúng nhân dân. Hơn thế nữa, Người còn hòa làm một cuộc sống của mình với cuộc sống của quần chúng nhân dân.*

*Một tư tưởng lớn trong quan điểm quần chúng của Bác Hồ là Người sớm khẳng định: nhân dân là người chủ Nhà nước, người chủ của chế độ mới, mọi cơ quan chính quyền Nhà nước, mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước đều là đầy tớ của nhân dân. Người nói: « Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ... »(7); « Các cơ quan của Chính phủ, từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân »(8). Người luôn luôn căn dặn cán bộ, đảng viên: « **Phải** yêu kính nhân dân. **Phải** thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân », « hết lòng hết sức phục vụ nhân dân »(9); « Đối với Đảng, đối với nhân dân, chúng ta có một nghĩa vụ vẻ vang là: suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân »(10) Người phê phán nghiêm khắc tệ quan liêu, mệnh lệnh, coi thường quần chúng, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng, không quan tâm đến đời sống của quần chúng.*

*Nhân dân ta vô cùng kính yêu Bác Hồ, tin tưởng Bác Hồ bởi vì Bác Hồ thương yêu nhân dân, tin tưởng nhân dân, suốt đời đấu tranh cho hạnh phúc của nhân dân. Tình cảm của Bác Hồ đối với nhân dân và tình cảm của nhân dân đối với Bác Hồ là một mẫu mực về mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng.*

★

**Học tập quan điểm quần chúng của Bác Hồ là một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với cán bộ, đảng viên chúng ta, nhất là trong giai đoạn cách mạng hiện nay.**

*Đảng ta ra đời đến nay đã 55 năm. 55 năm qua, dưới ngọn cờ của Bác Hồ và của Đảng, cách mạng nước ta đã giành được những thắng lợi vô cùng rực rỡ. Thắng lợi của cách mạng Việt nam trong hơn nửa thế kỷ nay là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng và cũng là thắng lợi của công tác quần chúng của Đảng.*

*Đảng ta có rất nhiều kinh nghiệm quý về công tác quần chúng. Thấu suốt tư tưởng của Bác Hồ, suốt trong quá trình hoạt động của mình, Đảng ta bao giờ cũng coi trọng công tác quần chúng, coi công tác quần chúng là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đều phản ánh nguyện vọng của quần chúng, đều nhằm phục vụ lợi ích của quần chúng. Đảng còn khéo kết hợp giải quyết những lợi ích trước mắt với những lợi ích lâu dài của quần chúng. Trong mọi công tác, Đảng đều tin tưởng ở quần chúng, dựa vào quần chúng, làm tốt việc tuyên truyền giáo dục quần chúng, phát động quần chúng, nâng cao tính tích cực, tính sáng tạo của quần chúng trong hành động cách mạng. Do đó, Đảng ta được quần chúng nhân dân hết lòng tin nhiệm, ủng hộ; và cũng do đó nhân dân ta đã có bước trưởng thành vượt bậc về mọi mặt, có những cống hiến hết sức to lớn cho sự nghiệp cách mạng. Có thể khẳng định rằng, một trong những đặc điểm của cách mạng nước ta là Đảng*

---

(7) Hồ Chí Minh: *Về công tác hậu cần quân đội*. Nxb Quân đội nhân dân Hà nội, 1970, tr. 46.

(8) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội* Nxb Sự thật Hà nội 1970, tr 58.

(9), (10) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật Hà nội, 1970, tr. 114, 115.



Digitized by Google

*ta đã xây dựng được truyền thống tốt đẹp về mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.*

*Những năm qua, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng, công tác quần chúng của Đảng đã có bước phát triển mới. Nhiều địa phương và cơ sở đã coi trọng công tác vận động quần chúng, tạo được những phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đem lại nhiều thành tích đáng kể trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung của Đảng và các chương trình kinh tế — xã hội của địa phương.*

*Nhưng, nhìn chung công tác quần chúng chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Phong trào cách mạng của quần chúng chưa mạnh, chưa đều, hiệu quả còn thấp, nhiều nơi chưa có phong trào. Nhiều tổ chức Đảng, cấp ủy Đảng coi nhẹ công tác quần chúng, chưa phát huy tốt chức năng của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản và chưa có sự phối hợp giữa các tổ chức ấy trong công tác quần chúng. Nhiều cán bộ, đảng viên xa rời quần chúng, không làm hoặc không biết làm công tác quần chúng, mất tác dụng lãnh đạo quần chúng. Một số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất làm tổn hại đến mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng. Tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, thiếu ý thức phục vụ nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân còn khá phổ biến. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng chậm được đổi mới, chưa gắn chặt với cuộc sống, chưa đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng chính đáng của quần chúng. Đó là những khuyết điểm mà chúng ta cần chú ý khắc phục.*

*Để làm tốt công tác quần chúng, vấn đề quan trọng hàng đầu là các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng và các tổ chức khác trong hệ thống chuyên chính vô sản cần* **quán triệt sâu sắc quan điểm quần chúng của Bác Hồ và của Đảng, nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác quần chúng của Đảng.** *Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, và hiện nay khi cách mạng nước ta làm hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng chẳng những không giảm bớt mà còn tăng thêm »* (11).

*Coi trọng công tác quần chúng trước hết là phải* **không ngừng tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng.** *Đó là truyền thống tốt đẹp, là sức mạnh to lớn của Đảng ta; đó cũng là một yêu cầu có tính nguyên tắc đối với một đảng mác xít — lê nin nít. Coi nhẹ công tác quần chúng, không chú ý giữ gìn mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng là trái với tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, trái với đường lối, quan điểm của Đảng; nó dẫn đến quan liêu xa rời quần chúng, mất cảnh giác với địch, làm yếu sức mạnh của Đảng và Nhà nước chuyên chính vô sản. Lê-nin đã chỉ rõ, một nguy cơ đối với đảng cầm quyền là nguy cơ xa rời quần chúng, cắt đứt mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng.*

*Cần nhận rõ « nhiệm vụ công tác quần chúng của Đảng trong giai đoạn mới là thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động thực hiện thắng lợi « hai nhiệm vụ chiến lược », « ba cuộc cách mạng », xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ*

(11) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 118.



Digitized by Google

*nghĩa ». (Chỉ thị số 53 — CT/TU của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác quần chúng của Đảng).*

*Quyền làm chủ tập thể là sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân lao động, trong mọi lĩnh vực hoạt động và phải được thực hiện bằng sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản trên cơ sở cụ thể hóa và thể chế hóa cơ chế « Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý ».*

*Để thực hiện những yêu cầu nói trên, chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng đã đề ra những điểm rất quan trọng như sau : « Toàn Đảng phải làm công tác quần chúng và phải lãnh đạo tất cả các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể tiến hành công tác quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Công tác quần chúng phải tiến hành từ cơ sở, phải đi sâu vào từng loại hình cơ sở, từng đối tượng quần chúng. Đi sát cơ sở, đi sát quần chúng, hòa mình vào quần chúng, gắn bó với quần chúng phải là phong cách làm việc của mọi cán bộ, đảng viên, mọi công nhân, viên chức. Các tổ chức Đảng và cấp ủy Đảng phải thường xuyên làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên thấu suốt những quan điểm nói trên trong mọi mặt hoạt động và công tác của Đảng, chính quyền và các đoàn thể ».*

*Như Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động phải được thể hiện bằng phong trào cách mạng của quần chúng. Đó cũng là thước đo hiệu quả của công tác quần chúng. Điều quan trọng hiện nay là cần làm cho các phong trào cách mạng của quần chúng đạt hiệu quả thiết thực trên cả ba mặt : kinh tế — xã hội và an ninh — quốc phòng ; giáo dục, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ; tăng cường cơ sở chính trị, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể vững mạnh.*

*Muốn vậy, các cấp ủy Đảng, tổ chức cơ sở Đảng, một mặt cần quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, xác định đúng mục tiêu và chương trình hành động của mình, mặt khác cần hướng phong trào hành động cách mạng của quần chúng vào việc giải quyết những khâu trọng yếu trong từng thời gian. Phải vừa đẩy mạnh sản xuất, làm tốt mọi nhiệm vụ công tác, vừa hết sức chăm lo đời sống của nhân dân, thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm cho quần chúng có quyền bàn bạc và kiểm tra tất cả các công tác có quan hệ trực tiếp đến họ. Cấp ủy Đảng cần chỉ đạo các cơ quan chính quyền và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ với nhau, phát huy sức mạnh tổng hợp, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi lĩnh vực. Trước mắt, cần chú ý đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1985.*

*Muốn làm tốt công tác quần chúng, các tổ chức Đảng cần thường xuyên nắm chắc tình hình tư tưởng, tình hình đời sống của các tầng lớp nhân dân, có chủ trương giải quyết kịp thời những vấn đề do quần chúng đặt ra. Cấp ủy Đảng còn phải thường xuyên kiểm tra trách nhiệm và sự phối hợp giữa các ngành chính quyền và các đoàn thể trong công tác quần chúng. Thực hiện chế độ các cán bộ chủ chốt của Đảng, của chính quyền định kỳ gặp gỡ quần chúng ở cơ sở, nghe quần chúng phát biểu ý kiến về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tất cả đảng viên đều phải làm công tác tuyên truyền, vận động quần chúng ở nơi công tác, nơi cư trú, bản thân gương mẫu trong lao động, công tác, trong đời sống và có quan hệ tốt với quần chúng. Công tác quần chúng phải được coi là một tiêu chuẩn để xem xét tư cách đảng viên, xem xét đảng bộ, chi bộ trong*



Digitized by Google

*sạch, vững mạnh. Cấp ủy Đảng cần bồi dưỡng cán bộ, đảng viên biết cách làm công tác quần chúng.*

*Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, các cơ quan chính quyền là sợi dây liên hệ nối liền Đảng với quần chúng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để góp phần tích cực vào việc tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, điều căn bản là các tổ chức chính quyền cần tích cực đổi mới cách quản lý, cách làm việc để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia xây dựng và quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đặc biệt, các cơ quan chính quyền cần nêu cao ý thức phục vụ nhân dân, có quan hệ tốt với nhân dân. Cần phê phán nghiêm khắc thói quan liêu, hách dịch, cửa quyền, vô trách nhiệm cùng mọi hiện tượng vi phạm quyền làm chủ và lợi ích của quần chúng.*

*Để phát huy vai trò và chức năng của mình trong giai đoạn mới, các đoàn thể quần chúng cần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động cho sát hợp với từng đối tượng, đáp ứng được những yêu cầu của cách mạng và của nhân dân; khắc phục tối làm việc hành chính quan liêu, hình thức chủ nghĩa. Cần hướng mạnh về cơ sở, đi sâu vào các loại hình cơ sở, làm cho tổ chức cơ sở của các đoàn thể hoạt động năng động, thiết thực, tập hợp được rộng rãi các tầng lớp quần chúng.*

*Chúng ta tin rằng, có sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, có sự nỗ lực, sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, công tác quần chúng của Đảng nhất định sẽ được tăng cường và sẽ có những chuyển biến quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.*

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Digitized by Google

Digitized by Google

# THIÊN ANH HÙNG CA VĨ ĐẠI*

LÊ DUẨN

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

*Thưa các vị khách nước ngoài,*

HÔM nay, đồng bào và chiến sĩ cả nước ta cùng với nhân dân các nước anh em và cả loài người tiến bộ vui mừng phấn khởi kỷ niệm lần thứ 10 thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kết thúc bằng Đại thắng mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Mười năm đã qua kể từ ngày miền Nam ruột thịt hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thân yêu liền một dải, Bắc Nam sum họp một nhà.

Thời gian và những sự kiện từ đó đến nay càng làm chúng ta nhận thức sâu sắc thêm về cuộc đụng đầu lịch sử giữa dân tộc Việt nam ta với đế quốc Mỹ, về ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Cuộc chống Mỹ, cứu nước là thử thách lớn nhất đối với dân tộc Việt nam, kể từ sau cuộc thử thách ghê gớm hơn nghìn năm bắc thuộc trước và sau công nguyên.

Xưa kia, đó là sự tàn bạo của chính sách đồng hóa và ngu dân thời cổ đại và trung cổ. Ngày nay, đó là sự dã man của một cường quốc đế quốc chủ nghĩa tự xưng « văn minh » nhất thế giới, đã sử dụng sức mạnh tối đa và hầu hết những thành tựu mới nhất của khoa học, kỹ thuật hiện đại vào mục đích hủy diệt và nô dịch. Dã tâm của Mỹ là lấy Việt nam làm nơi thử nghiệm chống lại phong trào độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Vì nghĩa vụ dân tộc của mình và nhận rõ sứ mệnh lịch sử đối với các dân tộc, nhân dân ta đã chấp nhận mọi hy sinh, anh dũng đương đầu với đế quốc Mỹ, lần lượt làm thất bại các chiến lược chiến tranh, và cuối cùng đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của chúng, một cuộc chiến tranh lớn nhất, dài nhất và ác liệt nhất sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Chiến công thắng Mỹ là thiên anh hùng ca vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Thắng lợi oanh liệt đó chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc phương Tây kéo dài 117 năm, rửa sạch cái nhục và nỗi đau mất nước, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đưa Tổ quốc ta bước hẳn vào kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Nước Việt nam dân chủ cộng hòa, con đẻ của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, được bảo vệ vững chắc qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ngày nay đã trở thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, bên bờ Thái bình dương, một

(* Diễn văn tại lễ kỷ niệm thứ 10 thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước



Digitized by Google

thành viên kiên định, một tiền đồn vững mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, một nhân tố tích cực của hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của nhân dân Việt nam chống đế quốc Mỹ xâm lược là một trong những sự kiện lớn nhất của lịch sử hiện đại. Thắng lợi đó đã đập tan cuộc phản kích quyết liệt nhất của đế quốc Mỹ chĩa vào các lực lượng cách mạng từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm suy yếu hệ thống đế quốc chủ nghĩa, tăng thêm sức mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng, đẩy tới một cao trào mới trên phạm vi toàn cầu đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, cổ vũ mạnh mẽ sự nghiệp giải phóng dân tộc ở nhiều nước Á, Phi, Mỹ la tinh giành thêm những thắng lợi mới.

Ở Đông dương, thắng lợi của nước ta cùng với thắng lợi của hai nước Lào và Cam-pu-chia đã tăng cường liên minh chiến lược và chiến đấu giữa ba dân tộc, đưa đến sự hình thành một măng liên hoàn ba nước anh em cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, gắn bó chặt chẽ với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Thành quả to lớn này đang ngày càng ảnh hưởng sâu sắc đến hòa bình, độc lập dân tộc ở Đông Nam Á, cũng như đến tình hình chung ở châu Á và thế giới.

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, chúng ta đã thắng vì sự nghiệp của chúng ta là chính nghĩa, vì chúng ta dám đánh và biết đánh biết thắng, càng đánh càng mạnh, tạo được lực lượng vượt trội hơn, đủ sức đánh bại đối phương, đè bẹp ý chí xâm lược của địch.

Sức mạnh đó không chỉ là sức mạnh quân sự, càng không phải là sức mạnh của riêng vũ khí và tiền bạc... Đó là sức mạnh tổng hợp về quân sự, chính trị, xã hội, văn hóa, sức mạnh của cả nước và của toàn dân đánh giặc, cả ở tiền tuyến và hậu phương, phát huy cao độ các yếu tố tư tưởng, ý chí và vật chất, kỹ thuật, kết hợp tài năng tổ chức của bộ máy lãnh đạo, chỉ huy với sức chiến đấu và tính năng động của nhân dân và các lực lượng vũ trang. Đó là sức mạnh vô địch của cách mạng Việt nam được tích lũy qua gần nửa thế kỷ đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kết tinh cả truyền thống chiến đấu và tài thao lược của tổ tiên ta. Bao trùm lên tất cả, đó chính là sức mạnh làm chủ của nhân dân lao động nước ta trong thời đại mới, sức mạnh của dân tộc ta kết hợp với sức mạnh của thời đại.

Trải mấy nghìn năm, cộng đồng các dân tộc sống trên dải đất Việt nam đã từng tiến hành nhiều cuộc chiến đấu chống các thế lực xâm lược, giữ gìn nền độc lập, thống nhất của nước nhà, bảo vệ và xây dựng nền văn hóa tốt đẹp của mình. Là một dân tộc từng trải thử thách, người Việt nam sớm có tinh thần làm chủ đất nước, giàu lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng, đã tự khẳng định những giá trị tinh thần cao quý.

Trong quá trình đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng và ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, nhân dân Việt nam, trước hết là nhân dân lao động, đã từng bước tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, những tinh hoa của loài người, ý thức ngày càng rõ vai trò làm chủ của mình đối với sự sống còn của dân tộc, sự tiến hóa của xã hội, đối với quyền sống của chính mình, và trên thực tế, đã dựng lên giành quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đồng thời ý thức được sứ mệnh lịch sử của mình đối với sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân thế giới.

Cách mạng Việt nam, qua thành công của Cách mạng Tháng Tám và



Digitized by Google

thắng lợi của kháng chiến chống Pháp, đã hòa vào ba dòng thác lớn của thời đại, tiêu biểu cho xu thế phát triển từ độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, đồng thời được các lực lượng cách mạng của thời đại tiếp thêm sức mạnh. Đương đầu với sự xâm lược của đế quốc Mỹ, cách mạng Việt nam có sức mạnh của nhân dân lao động làm chủ, của một dân tộc quyết chiến, quyết thắng, quyện với sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại đang ở thế tiến công.

Sức mạnh chiến thắng của chúng ta chính là sức mạnh của ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, do Đảng ta đề ra từ khi mới thành lập, của đường lối tiến hành đồng thời và phối hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng ở hai miền trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm một mục tiêu chung là hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối đó vạch rõ con đường tiến lên của nước ta, kết hợp khôn khéo những yêu cầu cơ bản của nhân dân ta với những mục tiêu của thời đại, tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sự ủng hộ nhiệt tình của các phong trào cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ

Sức mạnh của Việt nam đã được nâng lên và nhân lên với thời đại. Cuộc kháng chiến của Việt nam chính là sự hòa nhập của dân tộc và thời đại. Và thắng lợi của chúng ta cũng là thắng lợi của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, của tình đoàn kết quốc tế mà anh em và bầu bạn khắp năm châu đã dành cho nhân dân Việt nam ta.

Sức mạnh chiến thắng của chúng ta là sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt nam, bao gồm chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc ở miền Nam và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở miền Bắc. Chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc ở miền Nam là một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài; thực hành nhất quán chiến lược tiến công bằng sức mạnh tổng hợp, làm chủ để tiến công, tiến công để làm chủ, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Đó là một cuộc chiến tranh vừa quân sự, vừa chính trị, vừa có chiến tranh vừa có khởi nghĩa; một cuộc chiến tranh tiến hành bằng ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, đánh bằng hai phương thức chiến tranh—chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực — đánh bằng ba mũi giáp công và trên cả ba vùng chiến lược. Nghệ thuật của cuộc chiến tranh đó là lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều; tất cả các địa phương, từ làng bản, huyện, tỉnh cho đến cả nước, đều làm chủ để đánh giặc; mọi người dân, trẻ, già, trai, gái đều chiến đấu hoặc tham gia chiến đấu bằng vũ khí và cách thức của mình; biết hạn chế những cái mạnh của địch, biết phát huy triệt để những cái mạnh của ta; buộc đối phương phải bị động đối phó theo cách đánh của ta, luôn luôn đánh địch trên thế chủ động tiến công, tạo ra thế và lực mạnh hơn địch để chiến thắng.

Nhân tố quyết định thắng lợi của chúng ta là sự lãnh đạo của Đảng ta, đội tiền phong chiến đấu dày dạn và mưu lược của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt nam. Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng ta đã đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ, giải quyết thành công nhiều vấn đề về chiến lược và chiến thuật, về phương pháp cách mạng và nghệ thuật chiến tranh trong một giai



Digitized by Google

đoạn lịch sử đặc biệt của nước ta. Bằng toàn bộ hoạt động thực tiễn của mình, Đảng ta đã động viên, bồi dưỡng, phát huy đến mức cao nhất năng lực cách mạng và sức sáng tạo của nhân dân ta, đồng thời sử dụng có hiệu quả sức mạnh của thời đại vào cuộc chiến đấu của chúng ta, tạo nên sức mạnh lớn nhất, đủ sức đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Mười năm qua, nhân dân cả nước ta đã tiến hành một cuộc chiến đấu gay go, phức tạp, lập những chiến công mới, đạt những thành tựu mới, tạo cho chế độ ta có thế vững vàng và có lực hùng hậu để tiếp tục tiến lên thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội chưa được bao lâu, nhân dân ta lại phải chiến đấu chống sự xâm lược của bọn bành trướng và bè lũ tay sai, đánh thắng hai cuộc chiến tranh do chúng gây ra ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc nước ta, giữ vững thành quả cách mạng. Đồng thời chúng ta đã làm tròn nghĩa vụ giúp đỡ nhân dân Lào bảo vệ và xây dựng đất nước, giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt, truy quét tàn quân các nhóm Khơ-me phản động, xây dựng lại đất nước, thực hiện hồi sinh dân tộc.

Những thắng lợi to lớn đó đã làm thất bại bước đầu âm mưu của giới cầm quyền Trung quốc. Nhưng họ chưa cam chịu thất bại. Chủ nghĩa bành trướng bá quyền là nguy cơ lâu dài đối với nước ta. Từng giờ từng phút, nhân dân ta phải đề cao cảnh giác. Chừng nào các thế lực xâm lược chưa từ bỏ âm mưu đen tối của chúng thì nhân dân ta còn phải tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ với hai nước láng giềng anh em.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một sự nghiệp mới mẻ và khó khăn, nhân dân ta cũng tỏ rõ lòng dũng cảm và tài năng sáng tạo, từ làm chủ trong đấu tranh giành độc lập, tự do đã tiến lên triển khai một bước chế độ làm chủ tập thể, tạo nên những biến đổi bước đầu nhưng rất quan trọng của xã hội ta.

Trong cả nước, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động về chính trị mau chóng được thiết lập. Các tầng lớp bóc lột về cơ bản đã bị xóa bỏ; phần lớn nông dân và những người lao động khác đã đi vào con đường làm ăn tập thể; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đang tiếp tục được xác lập và củng cố.

Các vết thương chiến tranh đã được hàn gắn, nền kinh tế đã được khôi phục. Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp những năm gần đây có tiến bộ rõ, nhất là về sản xuất lương thực. Cơ cấu kinh tế đang được sắp xếp lại; cơ chế quản lý đang được đổi mới; khoa học kỹ thuật ngày càng gắn với kinh tế, sản xuất và xây dựng.

Sự nghiệp giáo dục, văn hoa, y tế phát triển nhanh. Ảnh hưởng của văn hóa cũ dần dần được xóa bỏ. Con người Việt nam qua cách mạng xã hội chủ nghĩa có một bước phát triển về chất, cả tâm hồn và trí tuệ.

Đời sống của nhân dân tuy còn khó khăn, song những nhu cầu thiết yếu nhất được đáp ứng; ở nhiều vùng nông thôn mức sống khá hơn trước. Quốc phòng và an ninh được bảo đảm. Hàng triệu người lao động được phân công lại và sắp xếp việc làm; hàng triệu héc ta đất và những diện tích biển rộng lớn được khai thác thêm; hàng trăm công trình loại lớn đã xây dựng xong; cơ sở vật chất — kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường một bước.



Digitized by Google

Nhân dân ta ở miền Bắc tiếp tục phát huy ý thức giác ngộ và năng lực cách mạng của mình, đóng góp xứng đáng cho cả nước. Nhân dân ta ở miền Nam phấn khởi và vững bước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa, đã và đang thể hiện tính năng động, sáng tạo trong nhiều lĩnh vực. Trong cả nước, nổi lên ngày càng nhiều cơ sở, địa phương đạt tiến bộ toàn diện và vượt bậc; một số ngành ở trung ương bước đầu làm ăn có hiệu quả.

Thực tiễn chứng minh rằng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra, cũng như những mục tiêu và chính sách lớn cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ do Đại hội lần thứ V của Đảng xác định, là đúng đắn.

Thành tựu còn có thể lớn hơn nữa nếu đường lối của Đảng được cụ thể hóa và chấp hành tốt hơn, kinh nghiệm được kịp thời tổng kết để sửa chữa những thiếu sót, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong công tác quản lý, trong việc làm chủ đồng bộ sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, trong công tác tư tưởng, văn hóa, công tác tổ chức và cán bộ. Mấy năm gần đây, chúng ta đã có những tiến bộ quan trọng trong việc khắc phục những chỗ yếu kém, thấu suốt hơn đường lối của Đảng, thấy sáng hơn thực trạng kinh tế, xã hội và quy luật tiến lên của đất nước.

Trong những năm sắp tới, phải tiếp tục phấn đấu làm cho nền kinh tế và xã hội ổn định, đi đúng phương hướng xã hội chủ nghĩa, vượt qua các khó khăn trước mắt, có thể phát triển thuận lợi để thực hiện thành công các mục tiêu của chặng đường đầu tiên và chuyển sang chặng đường tiếp theo, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Muốn vậy, phải xây dựng cơ cấu kinh tế đúng đắn trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại thực trạng kinh tế hiện nay kết hợp với đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa; liên kết hợp lý công nghiệp và nông nghiệp; cân đối giữa sản xuất và kết cấu hạ tầng; phát triển hài hòa kinh tế cơ sở, kinh tế địa phương và kinh tế cả nước; sử dụng mọi thành phần kinh tế trong sản xuất; phối hợp đồng bộ, thông suốt các khâu sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng; gắn liền kinh tế trong nước với kinh tế thế giới thông qua hợp tác với Liên xô và Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), đẩy mạnh xuất nhập khẩu và các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Phải khẩn trương xây dựng các huyện thành các đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, các thành phố lớn thành các trung tâm công nghiệp có ý nghĩa khu vực và cả nước, đồng thời phát huy vai trò nền tảng của các cơ sở, vị trí rất quan trọng của tỉnh và tác dụng trụ cột của các ngành kinh tế — kỹ thuật. Thực hiện làm chủ tập thể ở ba cấp cơ bản: cả nước, địa phương, cơ sở; và ở mỗi cấp đều có ba cấp cùng nhau làm chủ.

Tiếp tục đổi mới và từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, luôn luôn nắm vững kế hoạch là trung tâm, là đòn bẩy kinh tế mạnh nhất, gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chống quan liêu bao cấp, chống theo đuôi thị trường vô tổ chức; giải phóng mạnh mẽ mọi lực lượng sản xuất, đưa nhanh thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Các cơ sở, địa phương phải được tiếp tục mở rộng quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh, song quyền hạn mở rộng phải gắn liền ngay với trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cả nước được nâng lên một cách tương ứng; bảo đảm giữ vững nguyên tắc tập trung thống nhất của kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguồn tích



Digitized by Google

lấy quan trọng nhất phải được tập trung trong tay Nhà nước trung ương.

Đề cao kỷ luật trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội. Mỗi người lao động, mỗi cơ sở, mỗi địa phương phải sản xuất và công tác có kỷ luật, làm theo kế hoạch Nhà nước, sống theo pháp luật Nhà nước. Lợi ích vật chất của người lao động phải được khuyến khích mạnh mẽ; lợi ích của địa phương phải được đáp ứng thỏa đáng. Song cần nhận thức sâu sắc rằng cả nước độc lập, tự do thì từng địa phương mới được yên vui, từng người mới được làm chủ; cả nước kinh tế phát triển thì từng địa phương mới có điều kiện tiến lên, từng người mới có đời sống cải thiện.

Sắp xếp lại cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, trước mắt phải nhằm đưa nông nghiệp tiến một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát huy những thành tựu đáng phấn khởi trong sản xuất nông nghiệp, tập trung cố gắng đưa nông nghiệp phát triển với nhịp độ cao và toàn diện, trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa thâm canh tăng năng suất và tăng vụ đồng thời sử dụng tốt lao động, đất đai để mở rộng diện tích trồng trọt, phát triển chăn nuôi, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm đi đôi với mở mang trồng cây công nghiệp.

Phát huy hết năng lực công nghiệp hiện có, sử dụng có hiệu quả các công trình mới hoàn thành xây dựng, tạo được một chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất công nghiệp, từ thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp đến công nghiệp lớn, từ công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ đến công nghiệp nặng, đưa công nghiệp tác động trực tiếp vào nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp phát triển vượt bậc và vững chắc.

Nhiệm vụ rất cấp bách và cơ bản là thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông. Phải bảo đảm cho Nhà nước dựa trên cơ sở phát triển sản xuất, làm chủ được thị trường xã hội, giải quyết các vấn đề giá, lương, tiền một cách chủ động, giảm bớt khó khăn và cải thiện đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, làm cho các hoạt động kinh tế có thước đo đáng tin cậy, phát huy vai trò đòn bẩy của phân phối, lưu thông trong nền kinh tế.

Phải chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế, văn hóa cho phù hợp với cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Đảng lãnh đạo, dân làm chủ, Nhà nước quản lý, phải kết hợp tốt cả ba điều ấy, không thiếu một điều nào; đó là thực chất của chuyên chính vô sản. Làm chủ tập thể không chỉ là quan hệ sản xuất mà còn là lực lượng sản xuất. Làm chủ tập thể cũng là động lực lớn nhất thúc đẩy người lao động hào hứng làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, hăng hái học tập nâng cao kiến thức, sáng tạo ra những giá trị vật chất và văn hóa ngày càng nhiều, càng tốt, vì đất nước và vì bản thân mình. Tất cả cố gắng của chúng ta phải nhằm phát động cho được phong trào cách mạng thật sự của quần chúng đứng lên xây dựng chế độ làm chủ tập thể.

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Trong những ngày này, tất cả các dân tộc càng nhớ đến chiến công oanh liệt của nhân dân và quân đội Liên Xô anh hùng trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, góp phần quyết định tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản.

Với chiến thắng lịch sử đó, nhân dân Liên xô và các lực lượng vũ trang của mình đã viết nên những trang sử chói ngời nhất, quang vinh nhất trong kỷ nguyên chúng ta, cứu các dân tộc trên thế giới khỏi họa nô



Digitized by Google

dịch của bọn phát xít và cứu nền văn minh của loài người, mở ra một thời kỳ phát triển rực rỡ chưa từng có của cách mạng thế giới.

Ở nước ta, thành công của Cách mạng Tháng Tám dẫn đến sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa gắn liền với chiến thắng của Liên xô trong chiến tranh chống phát xít. Những thắng lợi trong chiến tranh cứu nước, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ đó đến nay cũng gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, quý báu của Liên xô.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng chủ nghĩa phát xít, nhân dân Việt nam gửi đến nhân dân Liên xô lời chào mừng nhiệt liệt, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc, chúc nhân dân Liên xô anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô và Ủy ban Trung ương Đảng do đồng chí Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-chốp đứng đầu, giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, bảo đảm cho Tổ quốc của Lê-nin ngày càng phát huy vai trò trụ cột vững chắc của hòa bình, chỗ dựa tin cậy của cách mạng thế giới.

Chủ nghĩa phát xít đã bị tiêu diệt, nhưng các thế lực hiếu chiến do Mỹ cầm đầu vẫn theo đuổi những kế hoạch điên cuồng chống Liên xô, chống hệ thống xã hội chủ nghĩa, chống phong trào cộng sản quốc tế, chống phong trào độc lập dân tộc và các nước yêu chuộng hòa bình, tự do, chuẩn bị những cuộc can thiệp và xâm lược ở nhiều khu vực. Chúng ráo riết đẩy mạnh chạy đua vũ trang hạt nhân cả trên khoảng không vũ trụ hòng giành lại ưu thế quân sự, đe dọa nghiêm trọng hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới đòi hỏi cấp bách phải phối hợp mọi cố gắng của các nước, các phong trào chính trị, các tổ chức của những người lao động, các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình, tạo thành một mặt trận đấu tranh rộng lớn, ngăn chặn có hiệu quả cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, đẩy lùi và xóa bỏ nguy cơ chiến tranh thế giới mới, làm thất bại những chính sách hiếu chiến, xâm lược của bọn đế quốc và tay sai.

Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5 chúng ta gửi đến giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới lời chào nồng nhiệt của nhân dân Việt nam, bày tỏ niềm tin chắc chắn rằng đội ngũ vĩ đại của những người lao động đoàn kết với các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên quả đất, nhất định sẽ chiến thắng các thế lực hiếu chiến đen tối, không cho chúng khơi lên ngọn lửa chiến tranh thế giới mới và thổi bùng những cuộc chiến tranh khu vực.

Giương cao ngọn cờ hòa bình của Lê-nin vĩ đại, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã và đang theo đuổi một chính sách nhất quán nhằm làm dịu tình hình quốc tế, giữ vững hòa bình, ngăn chặn thảm họa hạt nhân, không để cho thế cân bằng lực lượng quân sự chiến lược bị phá vỡ. Nhiều sáng kiến hòa bình của Liên xô về giải trừ quân bị, giải trừ vũ khí hạt nhân đã được đưa ra. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ lời tuyên bố của đồng chí M.X. Goóc-ba-chốp ngày 11-3-1985 và những đề nghị mới của Liên xô trong dịp cuộc đàm phán Xô — Mỹ được nối lại.

Hơn ai hết, nhân dân Việt nam mong muốn có hòa bình lâu dài. Chúng ta kiên trì chủ trương tiến hành đối thoại một cách thiện chí giữa các nước, các bên ở Đông Nam Á để cùng nhau giải quyết các vấn đề trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, xây dựng một



Digitized by Google

Đông Nam Á hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác. Phải gạt bỏ mọi trở ngại mà người ta dựng lên nhằm chống lại sự hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia, chống lại xu thế đối thoại và việc khôi phục hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Nhân dân ta luôn luôn coi trọng tình hữu nghị với nhân dân Trung quốc. Nước ta sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Trung quốc và kiên trì phấn đấu theo hướng này. Song chúng ta kiên quyết giáng trả mọi hành động chiến tranh lấn chiếm, chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta.

Nhân dân ta đánh giá cao tình đoàn kết mà nhân dân tiến bộ Mỹ đã biểu thị với chúng ta khi cuộc chiến tranh Việt nam đang diễn ra ác liệt. Chúng ta gửi đến nhân dân tiến bộ Mỹ lời chào hữu nghị. Nước ta sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với nước Mỹ vì lợi ích của hai nước, vì lợi ích của hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Cùng với nhân dân các nước châu Á — Thái bình dương, nhân dân ta tỉnh táo theo dõi sự hợp tác nhiều mặt giữa các thế lực hiếu chiến, bành trướng và quân phiệt đang âm mưu mở mặt trận mới chống các nước xã hội chủ nghĩa và các nước độc lập dân tộc ở khu vực rộng lớn này. Những kẻ rắp tâm đi theo vết xe đổ của chủ nghĩa phát xít hãy rút bài học của quá khứ. Mũ quáng gây ra những cuộc phiêu lưu chiến tranh, nhất định họ sẽ chuốc lấy thất bại thảm hại.

Nhân dân ta phấn đấu hết sức mình tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa nước ta với phong trào các nước không liên kết do Ấn độ làm chủ tịch, góp phần vào cuộc đấu tranh rộng lớn của các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh nhằm giữ vững và hoàn thành độc lập dân tộc, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ hòa bình ở từng khu vực và trên toàn thế giới.

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Trong ngày hội vẻ vang hôm nay, chúng ta càng tự hào về nhân dân Việt nam anh hùng đã làm cuộc cách mạng vĩ đại này, chịu đựng những hy sinh cao cả, lớn lao, cống hiến tất cả lực lượng, tài trí để giành toàn thắng cho kháng chiến, hiện nay đang anh dũng phấn đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta càng tự hào về các lực lượng vũ trang Việt nam anh hùng, những chiến sĩ từ nhân dân mà ra, gắn bó máu thịt với nhân dân, dũng cảm tuyệt vời, mưu trí tuyệt vời, sáng tạo biết bao cách đánh độc đáo, lập nên những chiến công kỳ diệu, hiện nay vẫn đang chắc tay súng bảo vệ biên cương Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế trên đất nước anh em.

Nhiều thế kỷ đã qua rồi, các thế hệ Việt nam đều ngưỡng mộ công đức của Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... và xiết bao tự hào về những chiến công oanh liệt Bạch đằng, Hàm tử, Chi lăng, Đống đa... Nhiều thế kỷ nữa sẽ trôi qua, các thế hệ Việt nam sau này sẽ nhớ mãi những chiến công huy hoàng của thời đại Hồ Chí Minh: Xô viết Nghệ tĩnh, Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, Điện biên phủ, Đại thắng mùa xuân năm 1975.

Các thế hệ hôm nay và ngày mai suốt đời tưởng nhớ đến các anh hùng, liệt sĩ đã ngã xuống trong lao tù, ngoài trận mạc, đến các chiến sĩ và đồng bào đã cống hiến xương máu của mình, để làm nên chiến thắng, đem lại vinh quang cho Tổ quốc yêu quý và phẩm giá cho dân tộc Việt nam ta.

Tất cả chúng ta đời đời ghi tạc công ơn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, lãnh tụ kính yêu của Đảng và của dân tộc, người cộng sản Việt nam đầu tiên,



Digitized by Google

người công dân số một của nước Việt nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, người mà toàn bộ cuộc đời gắn liền với những trang sử vẻ vang của cách mạng Việt nam từ khi có Đảng, với sự nghiệp anh hùng chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kính dâng lên Người lòng biết ơn vô hạn. Chúng ta vô cùng tự hào đã thực hiện xuất sắc lời căn dặn cuối cùng của Bác. Và hôm nay, chúng ta vẫn thấy có Bác trong ngày vui đại thắng.

Giai đoạn cách mạng hiện nay còn gay go, phức tạp. Cuộc sống của nhân dân ta còn nhiều khó khăn. Song cách mạng nước ta vẫn vững vàng tiến bước, tiền đồ nước nhà chưa thời kỳ nào tươi sáng như ngày nay.

Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, ra sức phấn đấu đưa nền kinh tế, xã hội vượt qua khó khăn trước mắt và vững bước tiến lên, đó là sự nghiệp có ý nghĩa lịch sử mà cũng là việc làm và ý nghĩ hằng ngày của cả dân tộc và mỗi người Việt nam ta. Trong công cuộc xây dựng vĩ đại này, hơn bao giờ hết, cách mạng là ngày hội của quần chúng.

Trước đây, với ý chí: « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », nhân dân ta đã chiến đấu và chiến thắng. Ngày nay, nhân dân ta càng hun đúc và nâng cao ý chí đó, mãi mãi giữ vững độc lập tự do, xây dựng nước nhà thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ:

« Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay ».

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy anh dũng tiến lên!

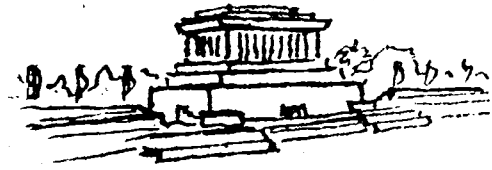



Digitized by Google

# Ý nghĩa thời đại của chiến thắng chủ nghĩa phát xít

HOÀNG TÙNG

ĐẦU thế kỷ 20, sự phân chia thị trường thế giới từ trước không còn phù hợp với so sánh lực lượng mới, đã đưa đến cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất giữa các tập đoàn đế quốc lúc ấy. Kết quả cuộc chiến tranh này đã khiến cho mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản càng gay gắt, hệ thống đế quốc chủ nghĩa bị suy yếu và khủng hoảng nghiêm trọng, phong trào cách mạng dấy lên mạnh mẽ ở các nước đế quốc. Lúc ấy, nước Nga là một trong những khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc và dưới sự lãnh đạo của Lê-nin, đã tách khỏi hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, lần đầu tiên chứng minh luận điểm của Lê-nin khẳng định rằng cách mạng vô sản có thể bùng nổ và giành thắng lợi ở một số nước, thậm chí một nước riêng biệt, ở khâu yếu trong hệ thống đế quốc.

Ngay khi mới ra đời, nước Nga xã hội chủ nghĩa đã phải đương đầu với cuộc phản kích của liên minh phản cách mạng giữa 14 nước đế quốc bên ngoài và các thế lực phản cách mạng ở bên trong. Chúng định bóp chết Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ngay từ trong trứng. Nhưng cũng lần đầu tiên, chế độ xã hội chủ nghĩa thể hiện sức sống mãnh liệt của mình, giữ vững thành quả cách mạng và chiến thắng kẻ thù.

Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai về thực chất là cuộc phản kích thứ hai của liên minh quốc tế của chủ nghĩa đế quốc chống Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết. Những năm 30 của thế kỷ này, trong khi Mỹ, Anh, Pháp khôi phục chậm chạp sau khủng hoảng kinh tế những năm 1929 — 1933, thì nước Đức đã hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển mạnh, thèm khát thị trường, mưu toan bành trướng.

Sau cuộc khủng hoảng lớn cuối những năm 20 đầu những năm 30, một bộ phận chủ nghĩa tư bản phát xít hóa, nguy cơ chiến tranh tăng lên. Quá trình phát xít hóa này bắt đầu từ I-ta-li-a, một nước có tham vọng bành trướng ở Bắc Phi và Địa trung hải, vùng ảnh hưởng của Anh, Pháp. Việc tên trùm phát xít Hít-le nắm chính quyền ở nước Đức tháng giêng năm 1933 đánh dấu một bước quan trọng trên con đường chuẩn bị chiến tranh của chủ nghĩa phát xít. Chủ nghĩa quốc xã dựa trên thuyết cạnh tranh sinh tồn về chính trị, ai mạnh nấy thắng, và thuyết dân tộc thượng đẳng, cho rằng người Giéc-man là giống người ưu việt nhất, có thể thống trị toàn thế giới. Hệ tư tưởng của Hít-le là chủ nghĩa sô vanh cực đoan, chủ nghĩa phục thù và chống cộng điên cuồng nhất.



Digitized by Google

Ở châu Á, trong những năm 20, đế quốc Nhật bản được sự kích thích của thắng lợi trong chiến tranh Nhật — Nga năm 1905 và sự phát triển sau chiến tranh thế giới thứ nhất, lao vào chuẩn bị một cuộc chiến tranh mới. Tháng 7-1927, thủ tướng Nhật bản lúc đó là Ta-na-ca, nhân vật tiêu biểu cho chủ nghĩa quân phiệt, công bố một kế hoạch nói rằng Nhật bản dân số quá đông, và khan hiếm tài nguyên, con đường tồn tại là mở rộng lãnh thổ, trước hết là chiếm Trung quốc, sau đó là cả châu Á, cuối cùng, làm chủ toàn cầu. Ta-na-ca nhấn mạnh: « Một cuộc quyết chiến với nước Nga ở phía bắc là không tránh khỏi ».

Những học thuyết đế quốc chủ nghĩa nói trên là cơ sở cho liên minh quân sự được ký kết tháng 11 năm 1936 giữa Đức và Nhật bản tại Béc-lin với tên gọi là « Hiệp ước chống quốc tế cộng sản ». Năm sau, phát xít I-ta-li-a tham gia liên minh. Thực chất, nó không chỉ chống Liên xô, trở ngại lớn nhất đối với mưu đồ của chủ nghĩa phát xít nô dịch nhân loại, mà còn chống cả Anh, Pháp, Mỹ và các dân tộc khác.

Sự xuất hiện liên minh phát xít đe dọa nghiêm trọng Anh, Pháp, Mỹ. Nhưng tập đoàn này đã làm tất cả mọi việc có thể làm được để khuyến khích chủ nghĩa phát xít gây chiến tranh chống Liên xô, khiến cho cả hai bên đều suy yếu, cuối cùng, những kẻ đứng ngoài cuộc sẽ giành được cả thế giới.

Tuy nhiên do mức độ gay gắt của mâu thuẫn giữa các tập đoàn đế quốc, do sự khác nhau về chiến lược, sách lược của chúng đối với Liên xô, đồng thời do sức mạnh quân sự và đường lối đối ngoại đúng đắn xuất phát từ lợi ích cách mạng của Liên xô, cho nên những cú đấm đầu tiên của chủ nghĩa phát xít lại giáng lên đầu những thế lực đế quốc đã dung túng, nuôi dưỡng nó và đưa nó lên vũ đài quốc tế. Một lần nữa lịch sử lại chứng minh rằng chiến tranh bắt nguồn từ bản chất của chủ nghĩa đế quốc.

Việc chủ nghĩa phát xít Đức giáng đòn đầu tiên sang phương Tây là xuất phát từ mưu đồ tạo cho mình một cơ sở vật chất hùng hậu, làm bàn đạp cho kế hoạch đè bẹp Liên xô, thực hiện bước căn bản trong chiến lược bá chủ thế giới.

Cuộc tiến công của chủ nghĩa phát xít Đức vào Liên xô và cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của quân đội và nhân dân Liên xô làm cho cuộc chiến tranh bước sang giai đoạn thứ hai là giai đoạn chủ yếu. Chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã chuyển thành cuộc đụng đầu lịch sử giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa phát xít, đội quân xung kích hung hãn của chủ nghĩa đế quốc.

Chiến tranh thế giới thứ hai chính thức bắt đầu từ ngày 1-9-1939, khi Đức tiến công Ba lan. Nhưng trước đó, từ 1930 đến 1939 đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, thôn tính do Đức, I-ta-li-a và Nhật bản tiến hành. Nếu tính đến tháng 5-1941, sau khi Đức chiếm hầu như toàn bộ châu Âu (trừ Liên xô và các nước ngoài biển), người ta thấy rõ rằng chủ nghĩa phát xít Đức—I-ta-li-a—Nhật bản đã đánh bại bộ phận tư bản chủ nghĩa còn lại, không một sức nào ngăn cản nổi. Trong khi đó, trong ba năm đầu của chiến tranh giữ nước vĩ đại, những năm khó khăn nhất, quyết liệt nhất, trên thực tế, Liên xô đã đơn độc tiến hành cuộc chiến đấu một mất một còn chống quân đội Đức và chư hầu, đơn độc thực hiện bước ngoặt cơ bản, quyết định, nghĩa là vừa làm biến đổi đến tận gốc rễ, vừa quyết định kết cục thắng lợi của toàn bộ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Không một Nhà nước nào, một dân tộc nào, một chính phủ nào, một quân đội nào khác trong liên minh chống phát xít làm được điều đó. Các thế hệ của loài



Digitized by Google

người mãi mãi không thể quên cống hiến vĩ đại và bất diệt của nhân dân Liên xô.

Thực tế chiến tranh cho thấy suốt từ tháng 6-1941, Anh, Mỹ là đồng minh chống phát xít, nhưng thi hành chính sách «tọa sơn quan hổ đấu». Họ không chịu mở mặt trận thứ hai như đã hứa, mặc dù họ dủ sức làm việc này. Họ lại còn vừa cung cấp vũ khí cho Liên xô, vừa bí mật cung cấp vũ khí cho Đức. Giữa năm 1944, khi cục diện chiến tranh đã được quyết định, họ vội vàng dồ bộ vào Noóc-măng-đi (Pháp), gọi là mở mặt trận thứ hai, nhưng thực ra là để ngăn cản bước tiến của Liên xô, bảo vệ chủ nghĩa tư bản và để chạy đua chia phần thắng lợi.

Sự thật lịch sử là chiến thắng Xta-lin-grát và Cuốc-xcơ đã phá tan các kế hoạch chiến lược đầy tham vọng chẳng những của Đức mà cả của Nhật bản. Bước ngoặt quyết định do Liên xô đơn độc tạo ra khiến cho Đức phải từ bỏ chiến lược tiến công, chuyển sang chiến lược phòng ngự, kéo dài chiến tranh và dự định thương lượng hòa hoãn với Mỹ, Anh để chống Liên xô. Nhật bản thì buộc phải từ bỏ kế hoạch xâm lược Liên xô, từ bỏ chiến lược chiến tranh thắng nhanh, chuyển sang chiến tranh lâu dài trên lục địa châu Á. Đến lượt họ, vì lo Liên xô sẽ tiến công, giới lãnh đạo Nhật bản không dám rút bớt đạo quân Quan đông đóng ở Đông Bắc Trung quốc giáp với Liên xô, để đưa đi chi viện các chiến trường khác.

Năm 1943, năm bước ngoặt cơ bản, quân đội xô viết đã vĩnh viễn chặn đứng con đường của chủ nghĩa phát xít Đức tiến vào Cận Đông, Trung Đông và Ấn độ, vĩnh viễn chặn đứng con đường của quân đội «Thiên hoàng» vào Viễn Đông Liên xô, Ấn độ và vài nước khác nữa, đồng thời lại giam chân tập đoàn chiến lược mạnh nhất để sau này tiêu diệt nó. Chiến thắng của Hồng quân ở châu Âu tạo cho Mỹ, Anh thời gian cần thiết và khả năng khôi phục sau những thất bại nặng nề ở Thái bình dương (họ đã chạy dài và tổn thất nặng trước sức tiến công như vũ bão lúc đầu của quân đội Nhật bản) và chuyển sang các hành động tiến công. Rõ ràng những đòn mà quân đội Liên xô giáng vào bọn phát xít Đức đã tác động đến tình hình quân sự, chính trị của Nhật bản và đến toàn bộ tiến trình của cuộc chiến tranh. Mỗi thành viên của liên minh chống phát xít đều có sự đóng góp của mình vào chiến thắng. Hơn thế nữa, trong chiến công chung ấy, không chỉ có phần của các nước đồng minh, mà còn có sự đóng góp bằng những cuộc chiến đấu anh dũng và hy sinh to lớn của nhân dân và các chiến sĩ cộng sản của các nước như Ba lan, Tiệp khắc, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Đức, Ăn-ba-ni, Ru-ma-ni, Nam tư, Pháp, I-ta-li-a, Hy lạp, Áo,... của Trung quốc, Mông cổ, Việt nam, Triều tiên và nhiều nước châu Á khác.

Tuy nhiên, như lịch sử đã chứng tỏ, mặt trận chủ yếu, quyết định của toàn bộ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai là mặt trận Xô — Đức. Chính những trận chiến đấu mà quân đội Liên xô tiến hành chống quân đội quốc xã quyết định vận mệnh của toàn bộ cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. *Chẳng những kết cục cuối cùng của chiến tranh lệ thuộc vào cuộc đụng đầu này, mà cả sự phát triển sau đó của quá trình cách mạng thế giới và vận mệnh của toàn thể loài người cũng tùy thuộc vào đó.*

Kết quả của chiến tranh là sự thất bại nghiêm trọng của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa xã hội chẳng những không bị tiêu diệt, mà còn lần lượt thắng lợi ở một loạt nước, rồi trở thành hệ thống thế giới, phát huy vai trò quyết định đối với chiều hướng phát triển của xã hội loài người.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít làm suy yếu



Digitized by Google

và sụp đổ từng mảng trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, tạo điều kiện cho cách mạng giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ. Trào lưu cách mạng mới này là mũi tiến công trực tiếp ở hậu phương của chủ nghĩa đế quốc. Trong thế tiến công của cách mạng sau thắng lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít, chủ nghĩa đế quốc chẳng những không giành lại được các vị trí đã mất mà còn không ngừng bị mất thêm những vị trí mới. Bằng cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, nhân dân Việt nam là những người mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Và bằng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, dân tộc Việt nam lại góp phần trực tiếp thúc đẩy quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới. Những thắng lợi đó gắn liền với chiến công của Liên xô đánh tan chủ nghĩa phát xít, gắn liền với sự lớn mạnh không ngừng và những thắng lợi liên tiếp về mọi mặt của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong suốt thời kỳ sau chiến tranh thế giới.

Sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và phong trào giải phóng dân tộc tạo thành hai dòng thác cách mạng lớn tác động trực tiếp từ hai phía đến các trung tâm của chủ nghĩa đế quốc, thúc đẩy phong trào công nhân, phong trào dân chủ và bảo vệ hòa bình trực tiếp tiến công vào dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc, làm gay gắt thêm những mâu thuẫn bên trong và cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Con quái vật tư bản chủ nghĩa, nhất là Mỹ, hiện nguyên hình trong cuộc tổng khủng hoảng toàn diện, sâu sắc chưa từng thấy kể từ sau chiến thắng chủ nghĩa phát xít, đặc biệt từ thời kỳ « sau Việt nam ». Sự xuất hiện của chủ nghĩa Mao và sự câu kết của nó với chủ nghĩa đế quốc, là một đặc điểm của thời kỳ sau chiến tranh. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Trung quốc đã anh dũng chiến đấu chống bọn xâm lược Nhật bản và phản động Tưởng Giới Thạch. Nhưng những thế lực cơ hội chủ nghĩa ở Trung quốc đã từ chối những hoạt động phối hợp với Liên xô trong kế hoạch chống Nhật bản. Thậm chí họ còn mưu tính để cho Đức, Nhật bản đánh quỵ Liên xô, trong khi đó, họ bảo toàn lực lượng để chờ thời cơ thực hiện kế hoạch riêng. Sự câu kết hiện nay giữa Trung quốc và đế quốc Mỹ bắt nguồn từ những mưu tính trong quá khứ. Sự câu kết này tuy có tăng thêm nanh vuốt chống cộng cho chủ nghĩa đế quốc, nhưng là sản phẩm của thế bị động, phòng ngự, của thế đi xuống không thể cứu vãn của chủ nghĩa đế quốc, trước sự thức tỉnh của nhân dân các dân tộc, trước xu thế không thể đảo ngược của độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình và chủ nghĩa xã hội, trước sức mạnh của ba dòng thác cách mạng đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người.

Thắng lợi của Liên xô là chiến công oanh liệt nhất của mọi thời đại, là bước tiến nhảy vọt của lịch sử loài người trong thế kỷ 20 kể từ sau Cách mạng Tháng Mười. Đúng như đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam đã nói : « Thắng lợi của Liên xô trong chiến tranh chống phát xít không những đã bảo vệ được nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, mà còn *tạo điều kiện cho cách mạng của hàng loạt nước châu Âu và châu Á giành được thắng lợi, đưa chủ nghĩa xã hội thoát ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới, thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc phát triển như vũ bão, tạo ra một thế tiến công toàn diện vào chủ nghĩa đế quốc* » (1).

★

(1) Lê Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tập I, tr. 653–664.

Digitized by Google

Cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Việt nam năm 1945 là một mẫu mực về việc Đảng cộng sản Đông dương nắm đúng thời cơ do những thắng lợi của Liên xô tạo ra, lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trước khi chiến tranh bùng nổ, Đảng cộng sản Đông dương chấp hành nghị quyết của Đại hội thứ VII Quốc tế cộng sản đã mở những cuộc vận động rộng lớn chống nguy cơ phát xít và chiến tranh. Đảng đã tiến hành những hoạt động nửa hợp pháp và bất hợp pháp động viên, tập hợp, thức tỉnh quần chúng, chuẩn bị đối phó với tình hình chiến tranh.

Khi chiến tranh bùng nổ, Đảng ta đã phân tích đúng đắn tình hình, nhận rõ kẻ thù, xác định nhiệm vụ chính trị trước mắt, quyết định chuyển hướng trong chỉ đạo chiến lược, đưa nhiệm vụ độc lập dân tộc lên nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt nam. Đảng ta đã thành lập Mặt trận Việt minh, xây dựng các khu căn cứ, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và phát triển lực lượng vũ trang. Nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng Việt nam bắt đầu cuộc chiến đấu từ năm 1940 chống lại cả quân đội Pháp lẫn quân đội Nhật bản. Quân đội Nhật bản xâm nhập Đông dương từ tháng 6-1940, khi đế quốc Phap đầu hàng Hít-le. Sau khi vào Đông dương, phát xít Nhật bản bắt nhân dân Việt nam phá lúa trồng đay và thi hành nhiều chính sách tàn bạo khác, khiến chỉ trong 3 tháng mà có 2 triệu người Việt nam chết đói, gần bằng 1/10 số dân cả nước lúc ấy. Phát xít Nhật bản còn thực hiện chính sách khủng bố trắng. Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản và nhân dân Việt nam bị bắt, bị tù đày, bị xử bắn. Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn đó, mặc dù phải hoạt động bất hợp pháp, Đảng ta vẫn ra sức đẩy mạnh cao trào đấu tranh chống phát xít, ủng hộ Liên xô, lợi dụng mọi cơ hội tuyên truyền chiến thắng của quân đội xô viết.

Thắng lợi của Liên xô trên mặt trận Xô — Đức và châu Á — Thái bình dương buộc phát xít Đức và Nhật lần đầu hàng không điều kiện, không những dã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng nước ta, mà còn tạo thời cơ cách mạng trực tiếp hết sức thuận lợi, thời cơ lịch sử nghìn năm có một đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt nam. Sau khi có lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền cả nước của Hội nghị toàn quốc của Đảng ngày 13-8-1945 và chỉ thị của Hồ Chủ tịch: «Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập», bão táp cách mạng cuồn cuộn dâng lên khắp Bắc — Trung — Nam. Chỉ trong vòng hai tuần, từ ngày 14, chủ yếu là từ 17 đến 25-8-1945, nhân dân ta đã nhanh chóng lật nhào toàn bộ hệ thống cai trị của phát xít Nhật bản, thực dân Pháp và bè lũ tay sai, thành lập chính quyền cách mạng trong cả nước, tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc vĩ đại, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do của dân tộc.

Là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt nam, hơn ai hết, Đảng ta hiểu rõ ý nghĩa và ảnh hưởng của chiến thắng oanh liệt của Liên xô đối với sự thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và những biến đổi sâu sắc trên đất nước ta trong 40 năm qua.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, nhân dân Việt nam chẳng những đã làm tròn nhiệm vụ dân tộc mà còn góp phần vào chiến công vang dội của Liên xô chiến thắng chủ nghĩa phát xít trên toàn thế giới.



Digitized by Google

Bằng chứng lịch sử cho thấy chủ nghĩa đế quốc Mỹ là kẻ đã góp phần gây ra chiến tranh thế giới thứ hai bằng cách nuôi dưỡng và dọn đường cho chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản gây chiến tranh chống Liên xô.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, do thi hành chính sách lợi dụng, ngồi chờ, giữ sức, Mỹ giành được ưu thế về kinh tế và quân sự trong thế giới tư bản chủ nghĩa, xông ra làm sen đầm quốc tế. Suốt 40 năm sau chiến tranh, do đeo đuổi chủ nghĩa bá quyền toàn cầu, Mỹ vẫn lặp lại chính sách mà họ đã thi hành trước chiến tranh. Một mặt Mỹ thay thế các thế lực phát xít trước đây, đóng vai trò trung tâm gây ra hàng loạt cuộc chiến tranh, ra sức chạy đua vũ trang, tăng cường quân bị, gây tình hình quốc tế căng thẳng. Mặt khác, họ khuyến khích sự trỗi dậy của chủ nghĩa phục thù Tây Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Sự căng thẳng trên thế giới và nguy cơ chiến tranh đang tăng lên. Chính quyền Ri-gân đang tự đặt cho mình mục tiêu giành ưu thế quân sự trên thế giới, bằng cách ráo riết chạy đua vũ trang ở khắp nơi, đặt tên lửa tầm trung tại một số nước ở Tây Âu, đe dọa gây chiến tranh hạt nhân, đẩy mạnh việc quân sự hóa vũ trụ, ra sức củng cố những liên minh quân sự hiện có, xúc tiến thiết lập những liên minh quân sự mới, trước hết là trục Oa-sinh-tơn — Tô-ki-ô — Xơ-un và trên thực tế là cả Bắc kinh, nhằm chống sự nghiệp cách mạng và hòa bình trên toàn thế giới, đặt loài người trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt.

Vì vậy, bài học của chiến tranh thế giới thứ hai là chúng ta phải theo dõi, phân tích đường lối chính trị và chính sách của các nước đế quốc và các thế lực phản động khác, *vạch trần những mánh khóe bịp bợm nhằm che đậy thực chất chuẩn bị gây chiến tranh của chúng, ngăn ngừa chiến tranh từ khi nó chưa nổ ra.*

Chúng ta cần vạch trần âm mưu đánh lạc hướng quần chúng về nguồn gốc của chiến tranh hòng làm lẫn lộn kẻ gây chiến và người tự vệ. Cần đặc biệt chú ý, luận điệu bịa đặt về «chủ nghĩa bá quyền» Liên xô và Việt nam do bọn phản động Trung quốc tung ra cũng như chính sách gọi là «phản ứng tự vệ» của chúng, đều là đổi trắng thay đen, đảo lộn phải trái giữa kẻ xâm lược và người bị xâm lược. Chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc và các thế lực phản động khác trên thế giới đã bày tỏ sự ủng hộ hoặc giữ thái độ bàng quan, làm ngơ trước đường lối chính trị của Mỹ hiếu chiến và gây tình hình thế giới căng thẳng, trước cuộc thập tự chinh chống cộng của Mỹ và đồng minh, lặp lại bài học tiêu cực của các đảng xã hội dân chủ từng dao động trước chiến tranh thế giới thứ nhất, điều này là rất nguy hiểm. Thái độ im lặng trước tội ác, cũng là tội ác.

Trong tình hình đấu tranh giai cấp quyết liệt hiện nay trên thế giới, biện pháp ngăn ngừa chiến tranh có hiệu quả nhất là luôn luôn chăm lo tăng cường sức mạnh mọi mặt của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, mặc dù ở vào thế bất lợi trong thời kỳ đầu khi Đức bất ngờ bội ước tiến công, nhưng Liên xô đã vững vàng đương đầu với những thử thách nghiêm trọng, những thử thách đã lật nhào hàng loạt Nhà nước tư sản, kể cả Nhà nước hùng mạnh nhất lúc ấy, cuối cùng, đã đè bẹp chủ nghĩa phát xít, lập nên chiến công oanh liệt nhất trong lịch sử loài người, mang lại một cống hiến vô giá thể hiện sức mạnh vô địch của chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người được chứng kiến sức mạnh và chiến thắng vĩ đại nhất của chủ nghĩa xã hội.



Digitized by Google

Những chiến sĩ hòa bình chân chính không thể không nhận rõ rằng Liên xô là nước đã có cống hiến quyết định nhất đối với chiến thắng chủ nghĩa phát xít trước đây, là người bảo vệ hòa bình vững vàng nhất và có sức mạnh lớn nhất. Chính là với sự tham gia tích cực, có hiệu quả của Liên xô, mà các cuộc hội nghị Tê-hê-ran, Y-an-ta, Pốt-xđam và các hội nghị khác giữa các đồng minh đi đến thành công. Trong suốt 40 năm qua, Liên xô đã không ngừng đấu tranh một cách kiên quyết nhất, liên tục nhất cho sự nghiệp hòa bình. Do đó, việc đẩy mạnh phong trào hòa bình hiện nay không thể tách khỏi việc ủng hộ đường lối và sáng kiến hòa bình của Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ủng hộ những biện pháp của Liên xô giáng trả đích đáng những âm mưu và hành động gây căng thẳng, phá hoại hòa bình và hòa hoãn của các thế lực đế quốc và hiếu chiến, ủng hộ những chính sách kiên quyết của Liên xô nhằm không cho phép đế quốc Mỹ giành ưu thế quân sự trên phạm vi toàn thế giới, ủng hộ lập trường chính nghĩa, hợp tình hợp lý của Liên xô trong các cuộc thương lượng với Mỹ trên các lĩnh vực vũ khí và tài giảm quân bị. Đặc biệt, chúng ta cần ra sức đập tan những luận điệu của chủ nghĩa đế quốc và tất cả những thế lực chống Liên xô về cái gọi là "nguy cơ chiến tranh từ phía Liên xô".

Đất nước ta ngày nay đang ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời phải sẵn sàng đối phó với khả năng địch có thể gây chiến tranh xâm lược với những quy mô khác nhau. Nhân dân ta luôn luôn mong muốn khôi phục tình hữu nghị với nhân dân Trung quốc, bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Nhưng chừng nào nhà cầm quyền Trung quốc còn thi hành chính sách bá quyền thù địch với Việt nam, chúng ta còn phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, làm thất bại mọi âm mưu của họ nhằm làm suy yếu và thôn tính Việt nam. Là một dân tộc đã chiến đấu lâu dài đánh thắng mọi thế lực xâm lược, nhân dân ta nhất định bảo vệ vững chắc toàn bộ lãnh thổ thiêng liêng và nền độc lập, tự do của mình.

Digitized by Google

# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH MƯỜI NĂM THỬ THÁCH, MƯỜI NĂM ĐI TỚI

**NGUYỄN VĂN LINH**

*Ủy viên Trung ương Đảng*
*Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh*

THẮNG lợi tuyệt vời của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã mở ra cho dân tộc chúng ta một kỷ nguyên mới. Đi vào kỷ nguyên mới này, trong chặng đường mười năm nay, vượt qua vô vàn khó khăn, thử thách, thành phố Hồ Chí Minh rất vui mừng trước cái ĐƯỢC chung của đất nước cộng với cái ĐƯỢC riêng của thành phố và trong cái ĐƯỢC đó có những bài học mới rất quý về thành công cũng như về sai lầm, yếu kém. Thành phố đã bắt đầu chặng đường mới bằng *ra sức khắc phục hậu quả của chiến tranh xâm lược, nhanh chóng ổn định tình hình về mọi mặt.*

Mỹ cút, ngụy nhào, để lại một thành phố mà chúng đã ra sức biến thành một trung tâm đầu não về chính trị và quân sự của chúng, một cuộc sống phồn vinh giả tạo, một nền kinh tế phục vụ chiến tranh, phụ thuộc nước ngoài cùng với nửa triệu ngụy quân, trong đó có nhiều tướng tá, ba trăm ngàn nhân viên ngụy quyền và cảnh sát, tan rã tại chỗ; không dưới một triệu người thất nghiệp, người tàn phế lên đến con số xấp xỉ một triệu, trẻ mồ côi không nơi nương tựa có đến hàng trăm nghìn cháu. Nhưng cái di sản nguy hại nhất, dai dẳng nhất là nọc độc của văn hóa phản động, đồi trụy phá hoại tâm hồn và thể xác của một bộ phận thanh niên, thiếu niên, đã biến năm mươi nghìn phụ nữ thành gái điếm, làm cho hàng chục nghìn người nghiện ma túy, làm cho không biết bao nhiêu gia đình bị tan nát. Còn ở ngoại thành là cảnh nông thôn tiêu điều, xơ xác do chiến tranh hủy diệt, do chính sách «đô thị hóa cưỡng bức» của chúng. Lợi dụng tình hình chính trị, xã hội phức tạp trước và sau ngày giải phóng, chúng còn gieo rắc những tin đồn độc hại khiến cho số người hoang mang không phải là ít về «biển máu» về «con gái bị ép gả cho thương phế binh cộng sản»...! Không thể không nói đến bọn gián điệp do Mỹ và các thế lực phản động khác cài lại tiếp tục hoạt động chống phá cách mạng bằng mọi cách.

Nhưng nhân dân thành phố là một bộ phận của dân tộc Việt nam có sức mạnh diệu kỳ của lòng yêu nước và lòng tin đối với cách mạng. Với sức mạnh đó, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động, sinh viên, học sinh, đồng bào các giới, thuộc đủ lứa tuổi ở nội, ngoại thành đã nổi dậy phối hợp tuyệt đẹp với năm mũi tiến công quân sự thần tốc để giải phóng thành phố. Trong những ngày đầu sau giải phóng, cũng chính họ là lực



Digitized by Google

lượng tại chỗ giữ gìn trật tự, an ninh, làm cho mọi sinh hoạt của xã hội nhanh chóng trở lại bình thường. Thành phố được tiếp quản gần như nguyên vẹn; điện, nước không một giờ bị tắc, đài phát thanh liên tục hoạt động, đài truyền hình đã phát sóng chỉ 12 giờ sau khi thành phố được giải phóng và bao nhiêu sự kiện nữa đã nói lên trí thông minh, sáng tạo, lòng quả cảm của giai cấp công nhân và những người yêu nước, con em của thành phố.

Với quần chúng có chất lượng như vậy, chính quyền cách mạng vừa hình thành ở các cấp, vừa bắt tay ngay vào việc quản lý và điều hành mọi sinh hoạt của thành phố, nhằm vào nhiệm vụ quan trọng bức thiết nhất là nhanh chóng ổn định tình hình cả về mặt chính trị, kinh tế, xã hội « Biển máu » không có, chỉ có đoàn kết và hòa hợp dân tộc.

Thành phố đã tổ chức một đợt báo công để từng gia đình có dịp nói lên những hành động yêu nước dù lớn dù nhỏ của mình trong hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Thông qua chính quyền và đoàn thể các cấp, Đảng bộ kiên trì giải thích thắng lợi trong ngày hôm nay là thắng lợi chung của cả dân tộc, mọi người đều có thể vui mừng và tự hào về đất nước được độc lập, thống nhất, kể cả những ai hôm qua còn bị cưỡng ép đi làm bia đỡ đạn cho địch, vì lẽ này hay lẽ khác phải làm việc cho bộ máy ngụy quyền. Đó cũng là cơ sở bước đầu để Đảng bộ xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong thành phố. Chỉ có một số người phải đi học tập trung cải tạo dài ngày và lần lượt được trở về đoàn tụ với gia đình, kể cả một số tướng tá có nợ máu, không hề bị làm nhục mà còn được chính quyền cách mạng tạo điều kiện và để cho họ có thời giờ suy nghĩ về con đường đi tới của dân tộc và đất nước. Theo đạo lý của ông cha « lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo », Đảng bộ và chính quyền của thành phố đã bác bỏ có hiệu quả mọi luận điệu xuyên tạc độc ác của kẻ thù và từng bước xây dựng được khối đoàn kết, hòa hợp dân tộc ở thành phố trong một tình hình hết sức phức tạp. Khối đoàn kết, hòa hợp dân tộc càng được củng cố và mở rộng qua các đợt bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trong năm 1976 cũng như trong những khóa sau, thật sự đã trở thành sức mạnh và chỗ dựa vững chắc của chính quyền cách mạng ở thành phố.

Đồng thời với việc ổn định tình hình chính trị, thành phố cũng đã tập trung sức vào việc khắc phục những hậu quả của chiến tranh và của chế độ thực dân mới trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Bằng những phong trào hành động cách mạng liên tục sôi nổi của quần chúng, thành phố đã lần lượt giải quyết hết khó khăn này đến khó khăn khác, nhất là trong những năm 1978—1980, thời kỳ mà thành phố gặp vô vàn khó khăn do sản xuất không bung ra được, đời sống của người lao động gần như bế tắc, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác gây ra vụ « nạn kiều », gây chiến tranh ở biên giới, chiến tranh phá hoại về nhiều mặt...

Trong những lúc gian nan như vậy, đảng bộ thành phố đã nêu cao tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm và bằng mọi biện pháp động viên tính năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên, phát huy quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân, nông dân, lao động trí óc để tháo gỡ những vướng mắc cản trở sản xuất.

Được nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) và nghị quyết 26 của Bộ chính trị kịp thời soi sáng, thành phố



Digitized by Google

đã tìm được lối thoát, đưa sản xuất bung ra, vượt qua cơn hiểm nghèo mà hậu quả chưa thể lường hết.

Từ năm 1981 đến nay có nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, nghị quyết 01 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về công tác của thành phố, nghị quyết Đại hội thứ 3 của đảng bộ thành phố, đặc biệt những lời phát biểu có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến trước Đại hội thứ 3 của đảng bộ thành phố đã chỉ rõ phương hướng đi tới và thêm sức mạnh tinh thần cho đảng bộ thật sự đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở thành phố.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói: «Ngày nay thành phố về tay nhân dân, là thành phố của cả nước Việt nam, là thành phố đi lên chủ nghĩa xã hội. Quá khứ để lại ở đây những hậu quả nặng nề về nhiều mặt. Song, thành phố này cũng chính là nơi hội tụ những điều kiện khách quan đặc biệt thuận lợi về kinh tế mà không một tỉnh, thành nào ở nước ta có được. Trên cơ sở phân tích một cách đầy đủ những đặc điểm của thành phố, cần nắm lấy hai điều cơ bản nhất là làm chủ tập thể và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa để tiến lên» (1). Đồng chí Tổng bí thư còn chỉ thị cho đảng bộ phải phấn đấu «để trong một tương lai không xa xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố mạnh về mọi mặt, một thành phố xã hội chủ nghĩa có cơ cấu công nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến, một thành phố văn minh, hiện đại có tầm cỡ ở Đông Nam châu Á» (2).

Trong nghị quyết 01 về công tác của thành phố, Bộ chính trị đặc biệt nhấn mạnh: «Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế lớn, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị quan trọng sau thủ đô Hà nội. Nhân dân lao động thành phố Hồ Chí Minh vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, có truyền thống cách mạng kiên cường, đồng thời lại rất năng động và giàu sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh... Điều đặc biệt quan trọng là kinh tế của thành phố gắn liền với một vùng nông, lâm, ngư nghiệp trù phú (khu vực B2 cũ), có nền sản xuất hàng hóa phát triển, có những khả năng lớn về lao động, đất đai, bảo đảm cho thành phố một hậu phương phong phú về lương thực, thực phẩm, nông sản, nguyên liệu v.v.». Về phương hướng phát triển, Bộ chính trị vạch rõ «thành phố có khả năng cùng với các tỉnh trong vùng sớm hình thành một cơ cấu kinh tế công nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ kinh tế trong nước với kinh tế ngoài nước, đóng góp rất quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của cả nước và các nước bạn Lào, Cam-pu-chia...».

Đánh giá cái mạnh, cái yếu của thành phố, Bộ chính trị có nhận xét: «Nhìn chung, thành phố giữ được tính năng động, nhạy bén và ý thức quan tâm đến hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đó là những nhân tố tích cực, rất quý, cần được phát huy», đồng thời cũng nghiêm khắc phê phán: «cảnh giác đối với hành động phá hoại của địch không đầy đủ, trong khi bọn đế quốc, bọn bành trướng Trung quốc và các thế lực thù địch khác đang tìm mọi thủ đoạn phá hoại ta rất ráo riết, nhất là trên mặt trận phân phối lưu thông là mặt trận nóng bỏng nhất trong cuộc đấu tranh giữa ta với tư sản thương nghiệp và các thế lực chống đối khác, giữa chủ nghĩa xã hội với khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất nhỏ và tiểu thương. Thiếu kiểm soát, quản lý

(1), (2) Trích bài nói tại Đại hội thứ 3 của đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh.



Digitized by Google

chặt chẽ thị trường, chưa thật kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, coi nhẹ cuộc đấu tranh chống xu hướng chạy theo lợi nhuận... nhằm từng bước ổn định giá và kéo giá xuống». Đề cao tinh thần tự phê bình, trong khi nghiên cứu nghị quyết 01 này, thành ủy còn nhận rõ đảng ủy và chính quyền các cấp ở thành phố đã buông lỏng chuyên chính vô sản không chỉ trên mặt trận phân phối lưu thông mà cả trên nhiều mặt trận khác, trong đó có mặt trận tư tưởng và văn hóa.

Đảng bộ nhận thức sâu sắc rằng những chỉ thị của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn với đảng bộ và nghị quyết 01 của Bộ chính trị là cẩm nang hành động của thành phố trong thời gian dài của những năm 80 này.

## PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG THÀNH PHỐ XỨNG ĐÁNG VỚI VAI TRÒ MỘT TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP VÀ KHOA HỌC KỸ THUẬT

Nghị quyết 01 của Bộ chính trị Trung ương Đảng chỉ rõ: «Thành phố là một trung tâm công nghiệp lớn, có năng lực sản xuất công nghiệp khá phát triển, nhất là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp rất phong phú, đội ngũ công nhân và thợ thủ công có tay nghề khá, lực lượng khoa học kỹ thuật đông đảo, có tài năng, có cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp, xuất nhập khẩu và du lịch». Và nghị quyết 01 nhấn mạnh: «Ở thành phố Hồ Chí Minh và miền Nam nói chung, nội dung kinh tế của chặng đường đầu tiên là: hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại nền sản xuất xã hội và xây dựng bước đầu một số cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội».

Xuất phát từ đường lối kinh tế của Đảng và theo sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, đảng bộ thành phố đã xác định nhiệm vụ chính trị quan trọng bậc nhất của mình là tập trung sức phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp.

Thành phố đã tiếp thu gần như nguyên vẹn các cơ sở công nghiệp sẵn có với nhiều thiết bị và kỹ thuật hiện đại. Để có thắng lợi đặc biệt này, không thể không có vai trò của giai cấp công nhân đã cùng với những chuyên viên khoa học kỹ thuật yêu nước, bằng tinh thần dũng cảm và trí thông minh trong việc bảo giữ, bảo vệ nhà máy, kho tàng để rồi trao lại đầy đủ cho chính quyền cách mạng.

Công nghiệp thành phố trước ngày giải phóng có những đặc điểm cần được nghiên cứu nắm vững. Nó gồm cả khu công nghiệp Biên hòa, với giá trị tổng sản lượng chiếm tỷ trọng hơn 80% trong công nghiệp toàn miền Nam, hầu hết nằm trong tay tư nhân mà phần không nhỏ là người Hoa. Trong cơ cấu công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng chiếm gần 90%, thiếu hẳn ngành cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản và công nghiệp nguyên liệu. Công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng mang tính chất gia công, lắp ráp, chế biến thuộc công đoạn cuối và hoàn tất sản phẩm. Công nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế của miền Nam được phát triển chủ yếu để làm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ cho chiến tranh xâm lược của Mỹ và gần như hoàn toàn lệ thuộc vào nguồn nguyên liệu, vật tư, phụ tùng của các nước tư bản chủ nghĩa. Gắn liền với công nghiệp thành phố là một lực lượng công nhân, lao động tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp với khoảng 200 000 người, trong đó có 30 000 thợ giỏi và 2 000 chuyên viên



Digitized by Google

khoa học kỹ thuật có trình độ và phong cách làm việc theo sản xuất lớn, lao động có kỷ luật, kỹ thuật và năng suất cao.

Từ sau ngày giải phóng, trong hơn 3 năm đầu (1975 — 1978), công tác quản lý công nghiệp quả thật là mới mẻ, phức tạp và không tránh khỏi lúng túng về nhiều mặt. Nhưng nhờ công tác cải tạo bước đầu có nhiều tác dụng tích cực, gây được phấn chấn cho người lao động với cương vị mới là người làm chủ tập thể, nguyên liệu, vật liệu dự trữ còn, khó khăn về đời sống của người lao động chưa gay gắt, cho nên sản xuất phát triển khá nhanh, trong hai năm 1977 — 1978, tăng bình quân mỗi năm 27,1%.

Đến thời kỳ 1979 — 1980, sản xuất công nghiệp của thành phố gặp khó khăn chồng chất : nguồn vật tư dự trữ đã cạn, năng lượng gặp khó khăn, giá cả biến động lớn, đời sống của người lao động trong khu vực lĩnh lương cố định trở nên gay gắt, cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp bộc lộ nhược điểm trói buộc sản xuất. Bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác gây ra chiến tranh ở biên giới tây nam, ở biên giới phía bắc, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống Việt nam mà thành phố Hồ Chí Minh là một trọng điểm phá hoại của chúng. Tình hình khó khăn, phức tạp, có lúc gần như bế tắc, đã làm cho một số người chao đảo, chùn bước, rời bỏ xí nghiệp, nhưng đa số công nhân của thành phố giữ vững lòng yêu nước, giữ vững vị trí, bám máy, bám xí nghiệp, không chịu bó tay, mà cùng cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật có những cách suy nghĩ đúng, tìm ra cách làm ăn đúng, mò mẫm tháo gỡ những vướng mắc, trói buộc trong cơ chế quản lý, trong cung cách sản xuất, kinh doanh. Và cũng chính trong tình hình ngặt nghèo này mà một bước ngoặt diễn ra trong thành phố, đánh dấu bằng nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) hồi tháng 9 năm 1979 và nghị quyết 26 của Bộ chính trị Trung ương Đảng hồi tháng 6 năm 1980. Trung ương đã phân tích tình hình cả nước, trong đó có thành phố Hồ Chí Minh, chỉ ra tác hại của cơ chế quản lý hành chính bao cấp kéo dài, đồng thời đề ra biện pháp tháo gỡ cho sản xuất bung ra, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế — xã hội phát triển, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phải vươn lên giữ vị trí chủ đạo, mở rộng quyền chủ động của kinh tế địa phương trong mối quan hệ hữu cơ với kinh tế trung ương và ngành kinh tế — kỹ thuật, khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ... Chúng tôi đón nghị quyết 6 như đón nghị quyết 15 trước đây đã mở đường cho cách mạng miền Nam đi tới.

Được sự chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy có nghị quyết 9, bước đầu có chủ trương dành cho cơ sở sản xuất quyền chủ động có kế hoạch bổ sung, không ỷ lại trông chờ cấp trên, bằng cách liên kết công nghiệp thành phố với các tỉnh trong khu vực, bạn chế tình hình do thiếu vật tư, nguyên liệu, công nhân xí nghiệp quốc doanh phải nghỉ việc lĩnh 70% lương. Đầu năm 1979 đã xuất hiện mô hình tháo gỡ của một số cơ sở sản xuất như Công ty bột giặt miền Nam, xí nghiệp liên hợp thuốc lá II, Dược phẩm 2 9, Nhà máy bia Sài gòn, Xí nghiệp dược thú y, các Xí nghiệp dệt Thành công, Phong phú, Phước long, Thắng lợi, Dệt đay 13, Carie, Silico, Sinco, Vinappro v.v. cùng một số tỉnh đồng bằng sông Cửu long, miền Đông, miền Tây dùng nguyên liệu trong nước, xây dựng kế hoạch phụ đẩy mạnh sản xuất cả những mặt hàng mới.

Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, được sự giúp đỡ của một số ngành của trung ương, đã trực tiếp



Digitized by Google

cùng cơ sở bước đầu tháo gỡ những vướng mắc về vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tiền vốn, mở ra khả năng hợp tác giữa xí nghiệp trung ương đóng trên địa bàn với xí nghiệp thành phố, giữa thành phố với các tỉnh, bước đầu tiến hành xuất nhập khẩu trực tiếp để cân đối vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu.

Việc áp dụng rộng rãi cơ chế mới trong quản lý sản xuất công nghiệp, thực hiện lương khoán, lương sản phẩm theo quyết định 25 và 26/CP của Hội đồng chính phủ, đã thiết thực bảo đảm kết hợp hài hòa ba lợi ích: lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động, có quan tâm hơn đến lợi ích của người lao động trong tình hình mức sống của công nhân lao động còn quá thấp.

Thành phố đã bắt đầu đẩy mạnh hướng cân đối bằng 4 nguồn khả năng. Mối liên kết giữa thành phố với các tỉnh mở rộng ra toàn diện. Mối quan hệ đó lại được phân cấp đến quận, phường nội thành trực tiếp với các huyện của các tỉnh trong khu vực theo phương hướng chung hình thành cơ cấu công nông nghiệp trên phạm vi khu vực.

Từ năm 1981 thành phố đã từng bước phát triển xuất nhập khẩu, tạo điều kiện cân đối vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho công nghiệp. Nhiều cơ sở sản xuất nhờ điều kiện chủ động hơn đều bắt đầu xây dựng kế hoạch tích cực từ dưới lên, tuy còn chưa đủ kinh nghiệm, nhưng đã có những mô hình khá toàn diện về xây dựng kế hoạch tự cân đối qua mối liên kết, hợp tác nhiều chiều, qua hoạt động xuất nhập khẩu, như Xí nghiệp dệt Thành công và một số xí nghiệp khác, một số quận, phường và cơ sở tiểu, thủ công nghiệp nội thành v.v.

Phong trào xây dựng và học tập điển hình tiên tiến, mô hình sản xuất và quản lý trong các ngành nghề công nghiệp, bồi thêm sức thúc đẩy công nghiệp của thành phố phát triển tương đối nhanh. Nếu tốc độ tăng bình quân hằng năm từ 1976 đến 1981 là 14,3% thì từ 1982 đến 1981 là 26,8%.

Đến năm 1984, sản phẩm chủ yếu của công nghiệp trung ương hầu hết đều vượt kế hoạch như đúc thép, sản xuất dây điện, ô xy, giấy, bìa, vải thành phẩm. Sản phẩm chủ yếu của công nghiệp thành phố cũng vượt kế hoạch như nông cụ cầm tay, xe đạp hoàn chỉnh, đóng mới xe khách, quạt máy các loại, thuốc chữa bệnh, đồ nhựa, fi-brô xi măng... Một số ngành đã được đầu tư chiều sâu để tăng năng lực sản xuất như dệt, xe đạp, giấy, chế biến hải sản, điện tử... Công nghiệp cơ khí chế tạo trước giải phóng hầu như chưa có gì, nay đã sản xuất được một số thiết bị công nghiệp, các thiết bị chế biến lác, đay, mía, xay xát, ép dầu, sản xuất giấy.... tự sản xuất được một số loại phụ tùng nổ, phụ tùng dệt, phụ tùng trong ngành giao thông vận tải...

Việc tháo gỡ được tiến hành trong công nghiệp và cả trong tiểu, thủ công nghiệp cho nên càng giúp cho tiểu, thủ công nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Trong 10 năm qua thành phố đã sớm nắm bắt được tiềm năng và thế mạnh của tiểu, thủ công nghiệp cho nên đã duy trì và phát huy được vị trí trung tâm của thành phố trong sản xuất hàng tiêu dùng cho khu vực và cả nước với một khối lượng hàng hóa lớn, đa dạng.

Năm 1984 trong thắng lợi chung của thành phố trên mặt trận kinh tế, sản xuất công nghiệp — tiểu, thủ công nghiệp đạt giá trị tổng sản lượng 27,3 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1982) tăng 30,1% so với năm 1983. trong đó công nghiệp quốc doanh trung ương đạt 10,1 tỷ đồng tăng 35,8%, công nghiệp quốc doanh thành phố đạt 4,8 tỷ đồng, tăng 50%, tiểu, thủ công nghiệp đạt 12,1 tỷ đồng, tăng 23,5%.



Digitized by Google

Đồng thời với việc tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế quản lý, thành phố giành sự quan tâm ngày càng lớn hơn đối với yêu cầu phát triển khoa học kỹ thuật. Đại hội thứ 3 của đảng bộ thành phố, trên cơ sở quán triệt nghị quyết 37 của Bộ chính trị về chính sách khoa học—kỹ thuật và nghị quyết 01 của Bộ chính trị, có ra nghị quyết về « đẩy mạnh cách mạng khoa học—kỹ thuật tương xứng với vị trí then chốt trong ba cuộc cách mạng ». Nghị quyết này có nêu rõ nhiệm vụ công tác khoa học kỹ thuật ở thành phố là « tập trung sức vào việc ứng dụng nhanh và rộng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, nhằm góp phần tổ chức lại sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng nhanh hàng xuất khẩu có giá trị, xây dựng con người mới và nền văn hóa mới » (3). Trước Đại hội này, thành ủy cũng đã ra nghị quyết số 18 về « Công nghiệp và khoa học — kỹ thuật phục vụ nông nghiệp ngoại thành và ven nội ».

Trong mấy năm qua, đặc biệt năm 1981 thành phố đã có nhiều tiến bộ trong việc đưa khoa học kỹ thuật thâm nhập vào sản xuất và đời sống. Ở một số quận, huyện, phường, xí nghiệp, hợp tác xã công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp đã hình thành những mô hình gắn khoa học kỹ thuật với sản xuất, từng bước biến khoa học kỹ thuật thành một lực lượng sản xuất thật sự. Ở những nơi đó sản xuất và khoa học — kỹ thuật phát triển, đời sống của người lao động chân tay và trí óc được cải thiện. Trong phạm vi thành phố, hoạt động khoa học — kỹ thuật có gắn với kế hoạch kinh tế xã hội hơn. Nhiều chương trình và đề tài nghiên cứu đã đạt được những kết quả cụ thể, như sử dụng nguyên vật liệu trong nước để sản xuất những thứ phải nhập (như Công ty bột giặt miền Nam và nhiều xí nghiệp khác) thiết kế và chế tạo thành công nhiều chi tiết thiết bị phụ tùng cho công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, kết luận được một số giống cây, con, đưa vào sản xuất đạt hiệu quả cao, hoàn thành bước đầu một số công trình nghiên cứu trong lĩnh vực y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục phục vụ cho thành phố và các tỉnh trong khu vực. Công tác phổ biến, thông tin khoa học, quản lý, sáng kiến và ứng dụng kỹ thuật đều có bước phát triển tốt.

Trong khi ra sức đẩy mạnh công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp phát triển, trong năm 1984 thành phố đã khẩn trương triển khai công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh, sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và tổ chức lại một số ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng. Rút kinh nghiệm đợt cải tạo hồi năm 1978, lần này nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết 01 của Bộ chính trị và theo sự chỉ đạo của Trung ương, thành ủy đặc biệt quan tâm làm cho đảng viên, cán bộ nắm vững mấy quan điểm cơ bản là : cải tạo phải gắn với xây dựng, lấy xây dựng làm chính ; phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt ; cải tạo phải nhằm phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ; cải tạo phải làm cho năm thành phần kinh tế không ngừng chuyển biến theo hướng xã hội chủ nghĩa ; gắn liền cuộc đấu tranh giữa hai con đường với đấu tranh giữa ta và địch.

Thành phố đang ra sức hoàn thành cải tạo các ngành hàng thiết yếu như lương thực, thịt heo và trâu bò, chất đốt, rau, cá, nước mắm và nước chấm, giấy vở học sinh và các tụ điểm chợ trời (kinh doanh vật tư, phế liệu, thiết bị máy móc, phụ tùng), các vựa thu mua vật tư nguyên liệu phế thải,

(3) Văn kiện Đại hội thứ 3 đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh, tr 7*.



Digitized by Google

các hộ kim hoàn, các hộ kinh doanh ăn uống và các hộ dịch vụ thương nghiệp có mức thuế loại A, và B xấp xỉ A. Đồng thời thành phố cũng tiến hành cải tạo, tổ chức các ngành kinh doanh công nghệ phẩm chủ yếu: đường, vải, dỡ nhôm chính phẩm, dỡ nhựa chính phẩm, giấy, thủy tinh, xe đạp và một số phụ tùng chính, xà bông, bột giặt, da và giả da, vật liệu xây dựng, một số ngành kinh doanh văn hóa phẩm và dược phẩm.

Từ cuối tháng 9-1984, thành phố tập trung tổ chức triển khai công tác cải tạo, tổ chức lại công thương nghiệp tư doanh trên địa bàn quận, huyện. Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất của thường vụ Thành ủy và thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, cấp ủy và Ủy ban nhân dân các quận, huyện phụ trách trực tiếp triển khai công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh trên địa bàn mình phụ trách. Đối với các hộ kinh doanh thương nghiệp bán buôn, các hộ kinh doanh ăn uống và dịch vụ quy mô lớn, hình thức "hợp tác kinh doanh" giữa Nhà nước và tư thương là mô hình mới được làm thử ở quận 1, quận 5 và mở rộng dần ra các quận khác đã giành được những thành quả đáng kể và rút ra được nhiều bài học quý báu.

Đối với các hộ tiểu thương bán lẻ, có mức thuế doanh nghiệp loại B và C, trước hết là ở các chợ, lần lượt được tổ chức theo tổ ngành hàng mua chung bán chung, mua chung bán riêng hoặc làm đại lý bán hàng cho Nhà nước ăn hoa hồng (sử dụng tay nghề). Đối với một số tụ điểm chợ trời cũng được sắp xếp tổ chức ổn định chỗ bán, từ đó tách những người lao động nghèo chưa ổn định công ăn việc làm, tạm thời còn phải kiếm sống bằng cách mua bán trao tay — với bọn lưu manh thương nghiệp, bọn đầu cơ buôn lậu.

Qua bước đầu cải tạo lần này, mô hình hợp tác đem lại hiệu quả rõ rệt: Nhà nước thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát để vừa cải tạo vừa sử dụng thương nghiệp tư doanh, cụ thể là: thương nghiệp quốc doanh nắm được hàng hóa mua bán buôn, giành thế chủ động bán lẻ, tiến tới làm chủ thị trường xã hội. Mô hình này cũng là bước quá độ mà tư thương chấp nhận được, họ được Nhà nước bảo đảm những quyền lợi nhất định, được hưởng lãi theo vốn góp, nếu làm việc trực tiếp tại cửa hàng thì có tiền công, phúc lợi, tiền thưởng, có dịp phát huy tay nghề phục vụ kinh doanh xã hội chủ nghĩa, có điều kiện cải tạo mình từng bước trở thành người lao động có ích cho xã hội...

Một vấn đề rất quan trọng là việc xây dựng và vận dụng các chính sách và biện pháp cải tạo, tổ chức lại đối với từng ngành hàng; nhất là đối với những ngành hàng thiết yếu và một số khu vực buôn bán.

Trong thời gian qua tại thành phố xuất hiện nhiều mô hình quản lý ngành, trong đó có mô hình nổi bật là Công ty kinh doanh lương thực do nữ đồng chí Ba Thi phụ trách. Nhờ biết trực tiếp liên kết với các tỉnh, tổ chức tốt mạng lưới nắm nguồn hàng lương thực bằng cách bám sát địa bàn thu mua, cùng địa phương chủ động khơi nguồn hàng, quan tâm giải quyết các nhu cầu của địa phương và của nông dân để phục vụ kịp thời cho sản xuất, tổ chức mạng lưới đại lý dựa vào đoàn thể phụ nữ, biết cách tổ chức và sử dụng tiểu thương..., cho nên huy động được lương thực theo chỉ tiêu, ngoài ra còn huy động được lương thực dư thừa đưa vào lưu thông phân phối có tổ chức, từng bước ổn định giá cả, phá được những thủ đoạn mua bán lương thực của tư thương vừa bóc lột người nông dân sản xuất, vừa bóc lột người tiêu thụ ở thành phố.

Trong phân phối lưu thông, việc sắp xếp lại các chợ trong thành phố cũng là một lĩnh vực tác động trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân



Digitized by Google

lao động. Việc thiết lập lại một bước trật tự thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã hạn chế một phần tình trạng chạy theo kinh doanh đơn thuần, tranh mua tranh bán lấy chênh lệch giá, xác định nhiệm vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa là phục vụ sản xuất và đời sống và qua đó mà xây dựng phẩm chất người mậu dịch viên của chế độ mới. Hiện nay mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã chiếm trên dưới 50% thị trường xã hội, riêng mặt hàng gạo đạt trên 90%, thịt, nước chấm, đường v.v. chiếm tỷ trọng từ 60% trở lên.

## HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP GẮN LIỀN VỚI CẢI TẠO CÔNG THƯƠNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ CƠ CẤU CÔNG NÔNG NGHIỆP CỦA THÀNH PHỐ

Vùng nông thôn ngoại thành hiện nay có tổng diện tích tự nhiên gần 189 000 ha, chiếm trên 93% diện tích thành phố, trong đó có gần 86 000 ha canh tác, và số dân 965 000 người, chiếm 28% dân số toàn thành phố, dân nông nghiệp là 560 000 người. Nối liền với các tỉnh Long an, Tây ninh, Đồng nai, Sông bé, vùng nông thôn ngoại thành trong suốt hai thời kỳ chống xâm lược Pháp và Mỹ từ 1945 đến 1975 luôn luôn là căn cứ kháng chiến, là bàn đạp tiến công vào trung tâm thành phố và đã từng nổi tiếng là « vành đai diệt Mỹ ».

Sau ngày giải phóng đồng bào và chính quyền nhân dân ở đây phải đương đầu với vô vàn khó khăn, phức tạp, bắt tay ngay vào các nhiệm vụ cấp bách *được đặt ra đồng thời* là: khắc phục hậu quả của chiến tranh rất nặng nề đối với con người và thôn xóm, đối với đất đai bị tàn phá, bị hoang hóa; bị nhiễm phèn, giữ gìn an ninh trật tự, khôi phục và phát triển sản xuất để phục vụ đời sống của nhân dân ngoại thành, để biến vùng này thành vành đai thực phẩm, nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và sản phẩm cho xuất khẩu, thực hiện hợp tác hóa với bước đi thích hợp gắn liền với xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ cấu công – nông nghiệp của thành phố.

Được các nghị quyết của Trung ương Đảng và các nghị quyết 18 và 21 của Thành ủy, và nhất là chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng soi sáng, đồng bào nông dân lao động ngoại thành và các vùng kinh tế mới của thành phố, tuy có những bước chập chờn trong những năm 1979 – 1980, nhưng với truyền thống yêu nước luôn luôn đi với Đảng, cho nên đã thực hiện các nhiệm vụ trên đây đạt thành tựu rất lớn, đưa nông thôn ngoại thành tiến những bước vững chắc trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Về mặt sản xuất, sau khi khôi phục lại màu xanh cho vùng « vành đai trắng » của thời chống Mỹ, thành phố đã đầu tư xây dựng vùng rau chuyên canh, các vùng cây công nghiệp, vùng lúa có năng suất cao, phát triển chăn nuôi heo, gia cầm, trâu bò và vùng nuôi tôm xuất khẩu v.v.

Đến năm 1981, thành phố đã xây dựng một vùng rau chuyên canh 2 500 ha, đưa diện tích gieo trồng rau chuyên canh và rau thời vụ phân tán lên 15 000 ha, tăng gấp 6 lần so với trước giải phóng. Nhờ áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật đồng bộ về thâm canh, giải quyết điện, thủy lợi, giống mới v.v. sản lượng rau năm 1981 đạt 259 000 tấn, tăng gấp 9 lần so với trước giải phóng, đáp ứng được



Digitized by Google

70% nhu cầu rau của thành phố và có một phần dành cho xuất khẩu.

Về cây công nghiệp, thành phố đã xác định được phương hướng phát triển một số cây công nghiệp ngắn ngày như dậu phụng, thuốc lá, mía, thơm, lác, đào lộn hột v.v. theo vùng chuyên canh phù hợp với từng vùng đất. Diện tích và sản lượng các cây công nghiệp đều tăng gấp nhiều lần so với trước giải phóng. Diện tích trồng mía tăng gấp 8 lần, sản lượng tăng gấp 7,9 lần mở ra khả năng tự cung cấp đường cho thành phố. Diện tích dậu phụng tăng gấp 11 lần, sản lượng tăng gấp 11,3 lần. Diện tích thuốc lá tăng gấp 2,5 lần, sản lượng tăng gấp 2,6 lần. Diện tích trồng thơm tập trung 2000 ha đạt sản lượng 13 000 tấn. Diện tích đào lộn hột trồng tập trung được 1 200 ha, đã bước đầu thu hoạch. Sản lượng các cây công nghiệp đã giải quyết được một phần nguyên liệu cho ngành tiểu, thủ công nghiệp và đóng góp đáng kể cho xuất khẩu.

Về lương thực, nhờ nỗ lực khắc phục hoang hóa, tăng vụ, mở rộng diện tích và đi vào thâm canh, sử dụng giống mới, xây dựng cánh đồng năng suất cao, sản lượng mỗi năm đều có tăng, đến năm 1984 đạt 252 000 tấn, gấp đôi trước giải phóng, đạt bình quân 450 kg/đầu người, giải quyết được lương thực cho nhân khẩu nông nghiệp ngoại thành và có một phần dành cho chăn nuôi.

Trồng rừng tập trung được trên 26 500 ha và trồng cây phân tán ở các quận, huyện, khôi phục lại khu rừng sát, rừng dước ở Duyên hải, và điều có ý nghĩa quan trọng ngoài ý nghĩa kinh tế là từng bước lập lại thế cân bằng sinh thái trên địa bàn thành phố.

Về chăn nuôi, trong tình hình còn nhiều khó khăn về cung cấp thức ăn cho gia súc, chăn nuôi vẫn đạt được nhiều thành tích như duy trì và phát triển thêm nhiều con giống: heo, gia cầm, đưa đàn gia súc đạt mức cao. So với trước giải phóng, đàn heo tăng 2,5 lần, đàn gia cầm tăng 2,4 lần, đàn trâu bò tăng 2,1 lần. Khu vực chăn nuôi quốc doanh và chăn nuôi gia công phát triển khá, chiếm trên 30% tổng đàn heo của thành phố. Sản lượng chăn nuôi đã đáp ứng được 30% nhu cầu thịt các loại, 25% nhu cầu về cá và 80% nhu cầu nước mắm cho thành phố. Đã hình thành được vùng nuôi tôm xuất khẩu trên vùng đất rừng sát Duyên hải.

Năm 1984, các huyện ngoại thành và các ngành thuộc khối nông nghiệp thành phố đã cung ứng nông sản xuất khẩu đạt khoảng 20 triệu đô la. Riêng huyện Duyên hải cung cấp một khối lượng tôm nguyên liệu phục vụ xuất khẩu đáng kể.

Trong việc cải tạo đất đai, thành phố đã đầu tư cải tạo vùng đất bị phèn mặn từ hành lang phía tây huyện Củ chi đến Bình chánh, Duyên hải, biến miền đất trước đây không sản xuất được, nhất là vùng đất chết Duyên hải bị thuốc độc hóa học hủy hoại thành vùng đất có khả năng canh tác, xây dựng thành những lâm—ngư—nông trường; rừng dước, nuôi trồng thủy sản, trồng cây công nghiệp v.v. kết hợp với phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp. Công trình dẫn nước từ hồ Dầu tiếng về vùng đất Củ chi là một công trình thủy lợi lớn nhất của thành phố. Sau khi được hoàn thành về cơ bản trong hai năm 1985 — 1986, hồ này sẽ đưa một lượng nước trên 135 triệu mét khối/năm về tưới cho 14 000 ha canh tác.

Trong việc cải tạo quan hệ sản xuất ở nông thôn thành phố đã hoàn thành công tác điều chỉnh ruộng đất cho nông dân nghèo không ruộng và thiếu ruộng. Về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, qua những vấp váp ban đầu, thành ủy đã tổ chức công tác tổng kết rút kinh nghiệm học tập các địa phương bạn, nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung



Digitized by Google

ương Đảng và đề ra phương thức sửa chữa các sai lầm, thiếu sót, xây dựng cho được khối đoàn kết nông dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc « tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ », tính toán bước đi thích hợp nhất là thực hiện biện pháp khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đã tạo ra được động lực thúc đẩy phát triển sản xuất và khuyến khích nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể.

Thành phố chú trọng gắn công tác cải tạo nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới với cải tạo công thương nghiệp, cải tạo thị trường nông thôn, kết hợp phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp do Nhà nước quản lý ngay trên địa bàn nông thôn. Thành phố đã từng bước mở rộng thương nghiệp quốc doanh, giúp nông dân thành lập các hợp tác xã mua bán, đưa tư liệu sản xuất (nông cụ, phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu v.v.) và hàng tiêu dùng về nông thôn phục vụ sản xuất và đời sống của nông dân lao động; các hợp tác xã mua bán cũng nhận ủy thác thu mua nông sản, thực phẩm, từng bước đẩy lùi, tiến tới chấm dứt hoạt động của tư sản ở nông thôn hoặc tự thành thị bỏ vói về nông thôn, tranh mua, tranh bán với Nhà nước.

Bên cạnh hợp tác xã mua bán, còn có hợp tác xã tín dụng, nhằm mở rộng việc cho vay với lãi suất thích hợp để giúp các tập đoàn và bà con nông dân phát triển sản xuất, bài trừ nạn tư nhân cho vay nặng lãi, hoặc chèn ép mua lúa non và các nông sản khác. Nhà nước và hợp tác xã cũng cần tổ chức tại chỗ những xí nghiệp nhằm giải quyết khâu chế biến (như xay lúa, chế biến đường và các loại sản phẩm khác), khâu dịch vụ sửa chữa máy móc, nông cụ... không cho tư nhân dùng khâu này để bóc lột người sản xuất.

Các hình thức hoạt động trên đây được triển khai đồng thời với phong trào hợp tác hóa thật sự đang giúp sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phát triển, đồng thời tránh cho người xã viên, tập đoàn viên và nông dân lao động nói chung bị chèn ép, bóc lột. Và đó cũng là cách thiết thực giúp nông dân thấy rõ lợi ích của kinh tế tập thể, tăng cường khối liên minh công nông và hào hứng đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Góp sức vào phong trào hợp tác hóa ở nông thôn, nông trường quốc doanh có nhiều cố gắng vươn lên nhằm đảm nhận từng mặt vai trò chủ đạo của mình. Từ tình trạng làm ăn thua lỗ, nhiều nông trường nay bước đầu đã biết tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, xác định phương hướng sản xuất chuyên canh, cải tiến quản lý kinh tế, sử dụng hình thức liên kết — liên doanh kết hợp với công nghiệp chế biến nông sản tại cơ sở nên đã hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nông trường Phạm Văn Hai, nông trường An hạ v.v. tự bù đắp được mọi chi phí bằng thu nhập của mình, bước đầu có tích lũy và bằng nhiều cách tham gia xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới không còn là vấn đề khẩu hiệu trên giấy tờ. Cùng với việc thành lập phân ban nông thôn của thành ủy, thành phố xác định rõ phương hướng, nội dung, cơ cấu tổ chức và liên tục đôn đốc các ban, ngành, đoàn thể tích cực tham gia xây dựng huyện, xã hình thành vùng nông thôn mới với sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cùng với văn hóa mới, con người mới. Hướng vào mục tiêu đó, thành phố đang tiếp tục công tác điều tra quy hoạch tổng thể cho từng huyện, xã làm cơ sở cho việc phát triển toàn diện.

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật (điện, cơ khí, thủy lợi, chế biến, đường sá và xây dựng kết cấu hạ



Digitized by Google

tầng như sân phơi, nhà kho, bến bãi, cầu đò v.v.) được thực hiện bằng đầu tư của Nhà nước, bằng « Nhà nước và nhân dân cùng làm » hoặc bằng sức của tập đoàn, hợp tác xã và sức của dân. Các cơ sở quốc doanh sản xuất và dịch vụ kỹ thuật được xây dựng ngay từ đầu đã phát huy tác dụng trên mặt trận nông nghiệp.

Giữa các quận, phường nội thành với các huyện, xã ngoại thành đang mở rộng hình thức liên kết — liên doanh, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp trong việc tạo ra sức mạnh tổng hợp ở nông thôn không chỉ nhằm thúc đẩy sản xuất, mà còn phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục thể thao, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Tuy kết quả nói chung còn nhiều hạn chế, nhưng đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt vật chất và tinh thần của bà con nông dân ngoại thành.

Thực tiễn cải tạo và xây dựng nông thôn trong 10 năm qua còn làm nổi bật tầm quan trọng đặc biệt của công tác xây dựng lực lượng cách mạng, từ Đảng đến chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng làm động lực trực tiếp thúc đẩy các phong trào sản xuất, hợp tác hóa, phong trào giữ gìn trật tự xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng nông thôn mới.

Đến nay thành phố đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp. Khu vực hợp tác hóa chiếm 83,6% số hộ nông dân, cũng với tỷ lệ đó về diện tích canh tác. Đã xây dựng được 129 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, 89 tập đoàn sản xuất. Riêng huyện Củ chi có 79 hợp tác xã, 78 tập đoàn sản xuất, chiếm 89,8% diện tích và 86,6% số hộ. Điều đáng vui mừng là các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đã biết cách làm ăn, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Điển hình hợp tác xã, tập đoàn viên tiên tiến ngày càng nhiều, như hợp tác xã Quyết thắng ở xã Bình mỹ, huyện Củ chi đã trở thành một mô hình toàn diện tức là hợp tác xã nông — công — thương — tín và xuất khẩu, đã phá bỏ lối canh tác độc canh, độc vụ, làm nhiều ngành nghề, tính đến cả việc xuất khẩu, làm lợi cho Nhà nước và nâng cao đời sống của xã viên. Huyện Củ chi và các huyện khác đang mở rộng mô hình này.

Nhìn chung sau mười năm giải phóng, nông thôn ngoại thành đã thực hiện được một sự biến đổi cách mạng sâu sắc. Đồng thời với việc hoàn thành về cơ bản hợp tác hóa, nền chuyên chính vô sản với chế độ làm chủ tập thể của nông dân lao động trong khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua thử thách đã được củng cố và đang đảm nhiệm có hiệu quả vai trò xây dựng và không ngừng phát triển cuộc sống mới ở nông thôn ngoại thành.

*(Còn nữa)*

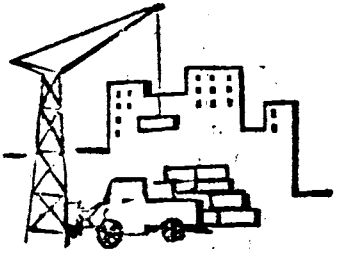



Digitized by Google

# HẢI PHÒNG 30 NĂM PHẤN ĐẤU VÌ ĐỘC LẬP TỰ DO, VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

**LÊ DANH XƯƠNG**
*Phó bí thư Thành ủy Hải phòng*

NGÀY 13-5-1955 những tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải phòng, chấm dứt sự chiếm đóng ngót 100 năm của thực dân Pháp đối với miền Bắc nước ta, mở ra một thời kỳ mới của dân tộc ta nói chung và của nhân dân Hải phòng nói riêng.

Là một thành phố bị chiếm đóng lâu, có truyền thống cách mạng kiên cường, khi được giải phóng, Hải phòng tràn ngập niềm vui, nhân dân nô nức hướng về tương lai xây dựng cuộc sống hạnh phúc trong độc lập và tự do. Nhưng do âm mưu độc ác của kẻ thù, hết đế quốc Mỹ thay chân Pháp thống trị miền Nam, rồi gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, lại đến bọn bành trướng bá quyền Trung quốc rắp tâm phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, trong 30 năm qua thời gian Hải phòng thật sự có hòa bình không được nhiều lắm. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Hải phòng cùng nhân dân cả nước quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược, phấn đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, lập nên những thành tích rất to lớn và vẻ vang. Lịch sử 30 năm qua của Hải phòng là lịch sử đấu tranh cách mạng rất kiên cường, sôi động và đáng tự hào.

Ngay sau khi được giải phóng, từ năm 1955 đến năm 1960, Hải phòng đã giải quyết có kết quả hàng loạt vấn đề to lớn và phức tạp do chế độ cũ để lại, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, hoàn thành cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, hợp tác hóa nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, xóa bỏ các giai cấp bóc lột, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, từng bước ổn định đời sống của nhân dân; đồng thời cùng các tỉnh khác ở miền Bắc làm hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam.

Từ năm 1961 đến năm 1975, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ III của Đảng, Hải phòng đã thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm thứ nhất, bước đầu tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ, củng cố, xây dựng miền Bắc và làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến lớn miền Nam, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Do có cảng lớn duy nhất ở miền Bắc, lại là thành phố công nghiệp tập trung, có bờ biển dài, Hải phòng phải trực tiếp đương đầu quyết liệt với hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ. Từ năm 1965 đến 1973, đế quốc



Digitized by Google

Mỹ đã huy động tới 6 664 lượt chiếc máy bay, tiến hành 982 phi vụ, ném hơn 17 000 quả bom, bắn hơn 10 000 quả rốc két, rải hàng vạn quả mìn và thủy lôi, gây cho Hải phòng những thiệt hại to lớn về người và của. Hàng nghìn người dân của thành phố đã bị giết chết hoặc tàn phế, hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, trường học, bệnh viện bị ném bom dữ dội, hàng vạn mét vuông nhà ở bị tàn phá, hầu hết các cầu qua sông bị phá hủy. Nhưng « thành phố hoa phượng đỏ » chẳng những không bị hủy diệt như giặc Mỹ mong muốn, mà còn hiên ngang đứng vững như « một chiến lũy thép bên bờ biển Đông ». Hải phòng đã chiến đấu 4 118 trận, bắn rơi 317 máy bay các loại, trong đó có 5 chiếc B52, bắn chìm và bắn cháy 8 tàu chiến Mỹ, tháo gỡ 31 635 quả mìn và thủy lôi, bắt sống nhiều giặc lái Mỹ. Thành phố đã tổ chức tốt việc sơ tán người và của, giữ vững các hoạt động sản xuất, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt, phục vụ sản xuất và đời sống, đáp ứng mọi nhu cầu của tiền tuyến.

Với khẩu hiệu « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược », Hải phòng đã không tiếc sức người, sức của chi viện cho miền Nam. Tính ra, ở Hải phòng đã có 90 000 gia đình có người thân ra các mặt trận trên khắp các chiến trường, gần 100 gia đình có từ 5 đến 7 người tòng quân, 15 133 gia đình có từ 2 đến 3 con vào bộ đội, 310 gia đình có con độc nhất đã hy sinh, 490 gia đình có từ 2 đến 3 liệt sĩ, 1 gia đình có 5 liệt sĩ.

Từ năm 1976 đến nay, thực hiện các nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng, Hải phòng tiếp tục đạt nhiều thành tích to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Khi bọn phản động Trung quốc công khai chống phá cách mạng nước ta, Hải phòng đã giải quyết đúng đắn « vấn đề người Hoa », tích cực chi viện cho tiền tuyến đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở biên giới phía tây nam và phía bắc ; hiện nay đang cùng cả nước chống chiến tranh lấn chiếm biên giới, chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch ; giữ vững an ninh và trật tự, củng cố các lực lượng vũ trang, hoàn chỉnh các phương án tác chiến và các tuyến phòng thủ, nâng cao trình độ chiến đấu, sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của địch trên bất kỳ hướng nào, ở bất cứ quy mô nào.

Trên mặt trận xây dựng và phát triển kinh tế — xã hội, Hải phòng có nhiều cố gắng và đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Nông nghiệp từ tình trạng yếu kém triền miên, mấy năm gần đây phát triển nhanh, đồng đều và tương đối ổn định cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năm 1981, toàn thành phố đã vượt « cửa ải 5 tấn ». Năm 1983 đạt năng suất lúa bình quân 6,39 tấn/1 a. Năm 1981 mặc dù bị thiên tai, vẫn đạt gần 6 tấn/ha. Từ năm 1980 đến nay sản lượng thóc bình quân mỗi năm tăng 7,6%. Riêng năm 1983 so với năm 1979 sản lượng thóc tăng 91 000 tấn, mức huy động lương thực tăng 77 000 tấn ; về chăn nuôi, phát triển ngành nghề cũng tăng nhanh. Đời sống nông dân nhờ thế mà từng bước được ổn định và cải thiện. Một bộ phận sức lao động và sản phẩm thặng dư trong nông nghiệp được đầu tư cho việc quai đê, lấn biển, xây dựng các vùng kinh tế mới. Đến nay Hải phòng đã tạo thêm được hơn 10 000 héc ta đất mới ven biển, lập thêm 6 hợp tác xã mới với hơn 2 200 hộ, 8 600 người định cư.

Trong 30 năm qua, công nghiệp Hải phòng đã có bước phát triển khá mạnh mẽ. So với năm 1955, giá trị sản lượng công nghiệp năm 1984 tăng 49 lần. Đặc biệt là từ năm 1979 đến nay, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn về vật tư, nguyên liệu, năng lượng,



Digitized by Google

Hải phòng đã cố gắng chủ động vươn lên tháo gỡ khó khăn, tạo ra bước chuyển biến mới trong công nghiệp. Năm 1984 Hải phòng đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất công nghiệp, tăng 9% so với năm 1978 là năm có sản lượng cao nhất, vượt chỉ tiêu Đại hội thứ 8 của đảng bộ thành phố đề ra trước 1 năm.

Về xây dựng cơ bản, dưới chế độ cũ, phục vụ cho chính sách cai trị và bóc lột của bọn đế quốc, phong kiến, Hải phòng xây dựng với tốc độ ỳ ạch, quy mô nhỏ bé, què quặt và phụ thuộc vào nước ngoài. Sau ngày giải phóng, thành phố đã không ngừng đẩy mạnh việc cải tạo, tu bổ và xây dựng mới các công trình lớn nhỏ về kinh tế — kỹ thuật, văn hóa — xã hội. Nhưng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, đế quốc Mỹ lại phá hủy và phá hỏng nhiều khu vực và công trình. Chỉ trong những năm gần đây thành phố mới có điều kiện để đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản một cách nhanh chóng và vững chắc. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "trung ương và địa phương, thành phố và quận, huyện, phường, xã cùng làm", thành phố đã tập trung vốn và đầu tư xây dựng nhanh nhiều công trình. Đến nay ở Hải phòng đã hình thành một số khu công nghiệp tập trung, một số thị trấn và khu dân cư mới, hình thành 5 cửa ô từ ngoại thành vào nội thành với những đường và cầu lớn. Bộ mặt của thành phố ngày càng đổi mới, quy mô của thành phố ngày càng được mở rộng và đang vươn dần ra biển.

Xuất khẩu và nhập khẩu được coi là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược và đang phát triển mạnh. Năm 1981 giá trị xuất khẩu tăng hơn 8 lần năm 1976. Hải phòng đã xây dựng cảng biển của địa phương, tổ chức đội tàu biển có trọng tải gần 10 000 tấn và bắt đầu mở rộng hoạt động du lịch — dịch vụ.

Phân phối lưu thông có nhiều chuyển biến tiến bộ. Năm 1981 thị trường xã hội đã được chấn chỉnh một bước, tiểu thương và các chợ đang được sắp xếp lại, hệ thống hợp tác xã mua bán được hình thành để cùng thương nghiệp quốc doanh vươn ra làm chủ thị trường về các mặt. Tổng giá trị hàng hóa bán lẻ của thị trường có tổ chức hiện nay đã chiếm gần 70%. Tốc độ thu ngân sách từ năm 1981 đến năm 1984 bình quân mỗi năm tăng 69%. Riêng năm 1984 so với năm 1981 tăng 6 lần.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, thể dục thể thao của Hải phòng phát triển mạnh, ngay cả trong những năm có chiến tranh. Hệ thống trường học mở rộng khắp các xã, phường, huyện, quận. Năm học 1981 — 1985 số học sinh của toàn thành phố là 285 400 em (gấp 9,2 lần năm 1955). Năm 1955 chỉ có 22 y sĩ, bác sĩ, năm 1984 có 1 250 người. Năm 1961 chỉ có 106 cán bộ khoa học kỹ thuật, năm 1984 có 20 580 người, trong đó có 1 162 người có trình độ đại học, 60 phó tiến sĩ và 9 giáo sư. Văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, ngày càng phát triển với nội dung lành mạnh, bám sát và phục vụ các mục tiêu kinh tế — xã hội, phục vụ cho việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay ở Hải phòng, tuy mức sống vật chất chưa cao và còn có nhiều khó khăn, nhưng những nhu cầu thiết yếu của nhân dân được bảo đảm. Mọi người đều có ăn, có mặc, có chỗ ở tương đối tươm tất, con cái được học hành, trình độ văn hóa chung của thành phố ngày càng được nâng cao. Đói rét, dịch bệnh không xảy ra. An ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững. Số đông người đến tuổi lao động đã được sắp xếp công việc làm. Những người già yếu, tàn tật, không nơi nương tựa được quan tâm chăm sóc khá chu đáo.

Trong quá trình phấn đấu vươn lên, Hải phòng đã được Hồ Chủ tịch 5 lần gửi thư khen và tặng danh hiệu



Digitized by Google

«Thành phố cảng trung dũng, quyết thắng». Thành phố cũng đã được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất. Các tập thể và cá nhân của thành phố đã được Nhà nước tặng thưởng 865 Huân chương Lao động các loại. Lực lượng vũ trang của Hải phòng được tuyên dương là đơn vị anh hùng và được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất. 4 tập thể và 11 cá nhân được tuyên dương là anh hùng lao động, 13 tập thể và 14 cá nhân được tuyên dương là anh hùng lực lượng vũ trang. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Hải phòng, Hội đồng Nhà nước đã quyết định tặng thưởng nhân dân thành phố Hải phòng Huân chương Sao vàng — Huân chương cao quý nhất của nước ta. Đó là vinh dự rất lớn lao đối với thành phố cảng, là sự tuyên dương công trạng và khích lệ mạnh mẽ đối với đảng bộ và nhân dân Hải phòng.

★

Những thành tựu mà Hải phòng đạt được trong 30 năm qua trước hết *bắt nguồn từ sự lãnh đạo và chỉ đạo sáng suốt, cụ thể của Trung ương Đảng và Hội đồng bộ trưởng*. Những nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ III, thứ IV và thứ V của Đảng, cũng như các chỉ thị, nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng, của Bộ chính trị, của Ban bí thư, của Hội đồng bộ trưởng là bó đuốc soi đường cho đảng bộ và nhân dân Hải phòng vững bước đi lên. Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn cũng như của các đồng chí lãnh đạo cao cấp khác của Đảng là cơ sở và phương hướng giúp thành ủy chúng tôi suy nghĩ và hành động một cách đúng đắn, sáng tạo.

Những thành tựu đó cũng là *kết quả hoạt động lãnh đạo của Ban chấp hành đảng bộ thành phố, của các cấp ủy Đảng và các cơ quan chính quyền, các đoàn thể, kết quả phong trào cách mạng của quần chúng và vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.*

Thành ủy và đảng bộ Hải phòng đã cố gắng từng bước quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo đường lối đó vào địa phương, đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn, thích hợp. Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã đi sâu nghiên cứu những vấn đề về quan điểm và đường lối xây dựng kinh tế; và yêu cầu cán bộ, đảng viên cũng phải ra sức học tập kinh tế và quản lý kinh tế, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực này. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã lần lượt ban hành một hệ thống tương đối hoàn chỉnh các nghị quyết của thành ủy, trong đó có những nghị quyết về lãnh đạo và chỉ đạo từng lĩnh vực kinh tế cụ thể như: đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; đẩy mạnh thủy sản; phát triển kinh tế gia đình; đẩy mạnh xây dựng cơ bản; phát triển giao thông vận tải; tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường; cải tiến công tác tài chính—tiền tệ; mở rộng hoạt động du lịch — dịch vụ v.v. Chúng tôi coi những nghị quyết đó là chương trình hành động cụ thể của đảng bộ và nhân dân địa phương. Thành ủy yêu cầu các tổ chức Đảng và các cán bộ, đảng viên phải nắm vững và thực hiện các nghị quyết đó, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, làm việc một cách nhiệt tình, tận tụy, khoa học; mọi suy nghĩ và hành động phải hướng vào mục tiêu thống nhất là đưa các hoạt động của thành phố tiến lên nhanh và vững chắc.

Trên cơ sở nhận thức đường lối của Đảng và nắm bắt được thực tiễn



Digitized by Google

địa phương, thành ủy Hải phòng đã luôn luôn dự kiến và có biện pháp giải quyết tích cực những vấn đề do cuộc sống đặt ra, đồng thời suy nghĩ về những vấn đề lâu dài, vạch ra mô hình và triển vọng của thành phố trong tương lai. Trong công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện, thành ủy động viên các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền, đoàn thể *nêu cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước quần chúng và cấp trên, cố gắng tập trung trí tuệ của tập thể, phát huy sức mạnh tổng hợp, đề ra những biện pháp kiên quyết và sắc bén để chỉ đạo thực hiện một cách có kết quả* những chủ trương và mục tiêu đã đề ra. Chẳng hạn như, để tháo gỡ khó khăn, tạo ra nguồn vốn ban đầu, chúng tôi chủ trương một mặt phải lấy nông nghiệp làm cơ sở, tập trung đầu tư hàng tỷ đồng cho nông nghiệp nhằm nhanh chóng tạo ra nhiều nông sản hàng hóa, coi việc khai thác nguồn vốn tại chỗ là cơ bản nhất ; mặt khác phải đẩy mạnh xuất khẩu và nhập khẩu, coi xuất khẩu và nhập khẩu là một hoạt động cực kỳ quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong công tác quản lý kinh tế, ngay từ những năm 1979, 1980 là những năm khó khăn nhất của địa phương, chúng tôi đã chủ trương *nhanh chóng và dứt khoát chuyển từ lối quản lý hành chính bao cấp sang hạch toán kinh tế, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Chúng tôi coi trọng việc vận dụng đúng đắn « ba lợi ích », đồng thời phân cấp triệt để và toàn diện cho huyện, cho quận, phát huy mạnh mẽ vai trò và trách nhiệm của các cơ sở, khuyến khích các cơ sở năng động, sáng tạo, suy nghĩ tìm cách làm ăn có hiệu quả kinh tế. Thành ủy và đảng bộ kiên quyết đấu tranh chống lối làm ăn thụ động, ỷ lại, chống lối quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp. Ở nội thành, thành ủy tập trung chỉ đạo *xây dựng phường*, lấy phường làm cứ điểm để quản lý đô thị, thúc đẩy công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, giải quyết công việc làm cho người lao động, góp phần chống các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh hóa xã hội.

Đảng bộ Hải phòng trong những năm qua đã vượt qua nhiều thử thách, xây dựng được khối đoàn kết nhất trí trong nội bộ. Mọi tư tưởng chỉ đạo của thành ủy đều được quán triệt tới các tổ chức Đảng, các cơ quan chính quyền, đoàn thể quần chúng, đến mọi cán bộ, đảng viên. Thông qua công tác giáo dục tư tưởng kết hợp với thử thách trong công tác thực tiễn, thông qua tự phê bình và phê bình kết hợp với những biện pháp về tổ chức, đảng bộ đã bước đầu xây dựng được một đội ngũ cán bộ, cốt cán có phẩm chất và năng lực, từng bước biết cách làm ăn, năng động, sáng tạo ; đồng thời xây dựng được một đội ngũ đảng viên ngày càng trưởng thành về mọi mặt và đang cố gắng vươn lên đáp ứng yêu cầu mới.

Thành công trong hoạt động lãnh đạo và chỉ đạo của đảng bộ Hải phòng còn là ở chỗ đã tạo ra được phong trào cách mạng của quần chúng. Thành ủy luôn luôn nhắc nhở các cấp, các ngành phải thường xuyên đi sâu đi sát quần chúng, hiểu rõ tâm tư và nguyện vọng của quần chúng, thực hiện đúng khẩu hiệu « dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra ». Trong mấy chục năm qua, các phong trào thi đua yêu nước liên tục được phát động và không ngừng phát triển. Năm 1960 — 1961 phong trào « Sóng Duyên hải » sôi nổi ở Hải phòng và nhanh chóng cuốn hút các xí nghiệp công nghiệp trên toàn miền Bắc. Phong trào xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa theo tổ đá nhỏ ca A (thuộc nhà máy xi măng) đã phát huy tác dụng suốt 25 năm nay. Trong thời gian chống Mỹ cứu nước, Hải phòng sôi



Digitized by Google

sục khí thế thi đua của những phong trào « Ba sẵn sàng » trong thanh niên, « Ba đảm đang » trong phụ nữ, « Tay búa tay súng » trong công nhân, « Tay cày tay súng » trong nông dân. Những năm gần đây, phong trào « Khoán sản phẩm trong nông nghiệp », « Ngói hóa nông thôn », « Hành quân theo bước chân những người anh hùng »... thật sự có sức lôi cuốn mạnh mẽ đối với quần chúng và đã đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Sở dĩ ở Hải phòng tạo được phong trào quần chúng, điều quan trọng là do đảng bộ đã có những chủ trương đáp ứng đúng yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân, làm tốt công tác giáo dục tư tưởng và *quan tâm đúng mức đến đời sống và lợi ích kinh tế của người lao động*. Chúng tôi cho rằng, trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác giáo dục, vận động quần chúng không thể chỉ được tiến hành bằng những lời hô hào, động viên chung chung mà quan trọng hơn là phải bằng những chủ trương, những chính sách thật sự mang lại lợi ích thiết thân cho quần chúng. Một khi quần chúng hiểu rõ ý nghĩa và thấy rõ lợi ích của việc mình làm thì họ sẽ tự giác và nhiệt tình hành động. Phong trào khoán sản phẩm và « ngói hóa » ở Hải phòng đã chứng tỏ rất rõ điều đó. Năm 1983, nhận rõ yêu cầu bức thiết của sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân, thành ủy Hải phòng chủ trương tạo mọi điều kiện để từng bước « ngói hóa » (xây nhà gạch lợp ngói) ở các vùng nông thôn thuộc thành phố. Đáp ứng đúng nguyện vọng của quần chúng, chủ trương này được hưởng ứng nhiệt liệt. Đến năm 1984, Hải phòng đã có 72% số gia đình ở nông thôn ngoại thành có nhà ngói ; diện tích nhà mới xây trong 2 năm 1983 — 1984 khoảng 500 000 mét vuông, vượt xa kế hoạch dự kiến.

Những năm gần đây thành ủy Hải phòng nêu vấn đề xây dựng « chủ nghĩa xã hội tại chỗ » nhằm phát huy tinh thần tự lực tự cường, từng bước bảo đảm và cải thiện đời sống cho nhân dân ; quan tâm đến đời sống nhân dân từ những cái nhỏ nhất, thiết thực nhất. Cùng với những biện pháp đẩy mạnh sản xuất, tổ chức nắm nguồn hàng, việc tích cực thực hiện chính sách đòn bẩy kinh tế, chính sách khoán sản phẩm, thực hiện bù giá, tu bổ và xây dựng mới các công trình công cộng, đường sá, điện nước đã góp phần giảm bớt những khó khăn cho nhân dân và nhờ đó quần chúng ngày càng củng cố lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng.

Những thành tựu của Hải phòng trong thời gian qua còn do *có sự động viên, giúp đỡ của các cơ quan và các ngành trung ương, có sự tương trợ, liên kết và hợp tác của các tỉnh bạn*. Hình thức kết nghĩa giữa thành phố cảng Hải phòng với thành phố cảng Đà nẵng trong những năm chống Mỹ trước đây ngày nay mở rộng thành những hình thức liên kết, liên doanh, hợp tác làm kinh tế. Thành ủy chúng tôi coi đây là một biện pháp quan trọng để mở rộng thị trường trao đổi sản phẩm, tăng thêm nguồn vốn sản xuất kinh doanh, bảo đảm đời sống nhân dân.

Như vậy, những thành tựu về các mặt của Hải phòng là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, bao gồm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Hội đồng bộ trưởng, sự nỗ lực chủ quan của địa phương và sự liên kết giúp đỡ của các ngành, các cơ quan trung ương, các tỉnh bạn

★

**Trên con đường tiến lên của mình, Hải phòng cũng còn nhiều khó khăn, thiếu sót và khuyết điểm. Khó khăn**

*(Xem tiếp trang 47)*



Digitized by Google

# Mười năm xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông của nước Việt nam thống nhất

NGUYỄN THỊ BÌNH

Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, qua những năm kháng chiến chống Pháp, rồi xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, nền giáo dục của nước ta đã từng bước phát triển thành nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Trước Cách mạng, giáo dục nước ta chỉ là công cụ nô dịch của bọn thực dân, phong kiến, dân ta có đến 95% không biết chữ. Đánh xong thực dân Pháp, ở miền Bắc năm 1955, cũng chỉ mới có 20% số trẻ em được đi học, nhưng đến năm 1975, tỷ lệ đó đã lên đến hơn 90%. Hằng năm, hàng chục vạn học sinh tốt nghiệp cấp II, cấp III là lực lượng quan trọng bổ sung cho sản xuất và chiến đấu. Mọi tầng lớp nhân dân lao động: cán bộ, bộ đội, thanh niên, lao động chân tay cũng như lao động trí óc đều không ngừng được nâng cao trình độ văn hóa. Hệ thống các trường phổ thông phát triển ở khắp nơi. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phát triển đông chưa từng có, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và nhiệm vụ to lớn của cách mạng. Trong phong trào thi đua «dạy tốt, học tốt», xuất hiện ngày càng nhiều những trường, những địa phương tiên tiến. Giáo dục quả đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp giáo dục nước ta lại bước sang một giai đoạn mới. Năm học đầu tiên sau ngày thống nhất nước nhà (1976—1977) hơn 10 triệu học sinh nô nức đến trường. Ngành giáo dục đã tiếp quản, cải tạo nhà trường thực dân mới ở miền Nam, xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước, góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội vùng mới giải phóng. Từ đó đến nay, sau 10 năm xây dựng, phát triển, chúng ta đã thu được những thành tựu to lớn và toàn diện. Đặc biệt là sau khi Bộ chính trị có nghị quyết về cải cách giáo dục, sự nghiệp giáo dục đã đi vào hướng mới, ngày càng gắn chặt với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục mẫu giáo đã tiến bộ rõ rệt. Năm 1976 mới thu hút 78 vạn cháu, nay 1,6 triệu cháu, tức 33% số cháu trong độ tuổi (Riêng ở các tỉnh miền Nam, các con số tương ứng là: 24 vạn và 59 vạn). Ở các công trường, nông trường, lâm trường, cơ quan, xí nghiệp, thành phố, thị xã và ở các vùng nông thôn đông dân, do có nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho nên các trường, lớp mẫu giáo phát triển mạnh. Nhiều điển hình tốt về nuôi dạy các cháu cũng đã xuất hiện.



Digitized by Google

*Các trường phổ thông phát triển* cả về số lượng học sinh lẫn trường sở. Đặc biệt ở các tỉnh miền Nam, số học sinh tăng rất nhiều.

| Địa bàn | Phổ thông cơ sở | | Phổ thông trung học | |
|---|---|---|---|---|
| | 1976 – 1977 | 1983 – 1984 | 1976 – 1977 | 1983 – 1984 |
| Miền Bắc | 6000000 em | 5700000 em | 353000 em | 474000 em |
| Miền Nam | 4200000 – | 5350000 – | 178000 – | 241000 – |
| Cả nước | 10200000 – | 11050000 – | 531000 – | 715000 – |

Nói chung, mạng lưới trường, lớp được bố trí hợp lý, thuận tiện cho con em nhân dân lao động. Hầu hết các xã đều có trường cấp I, nhiều xã đã có trường cấp II, hầu hết các quận, huyện đều có trường phổ thông trung học; có quận, huyện có đến 3–4 trường. Năm học 1984 – 1985, cả nước có 12016 trường phổ thông cơ sở và 832 trường phổ thông trung học (miền Bắc: 7033 và 522, miền Nam: 4983 và 310).

Nhằm chuẩn bị cho thế hệ trẻ thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Bộ giáo dục đã chỉ đạo các trường phổ thông «xoay chuyển» theo hướng gắn quá trình giảng dạy, học tập với cuộc sống, với mục tiêu kinh tế – xã hội của cả nước và từng địa phương. Thực hiện cải cách giáo dục theo phương châm «từng bước vững chắc, có trọng điểm, từ thấp đến cao», các trường phổ thông cơ sở đã thay sách giáo khoa từ lớp 1 đến lớp 4 về các môn toán, tiếng Việt, lịch sử, và bước đầu đã có chuyển biến tốt. Nhiều trường học đã kết hợp với Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Hội cha mẹ học sinh để giáo dục đạo đức cách mạng cho các em ngoài giờ lên lớp. Số học sinh lớn tuổi đã có chuyển biến trong nhận thức về nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Khi bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc cùng bọn tay sai của chúng gây chiến tranh xâm lược ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc, các trường ở những nơi có chiến sự đã kịp thời sơ tán, bảo đảm an toàn cho dạy và học, đồng thời còn tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc.

Việc giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp bước đầu đã thu được một số kết quả đáng phấn khởi. Nhiều trường đã liên hệ chặt chẽ với địa phương, với các ngành, các cơ sở sản xuất để hướng nghiệp và sử dụng hợp lý học sinh phổ thông ra trường, mở ra hướng đi mới trong công tác này.

Trong phong trào «thi đua hai tốt», bên cạnh những điển hình tiên tiến của những năm trước (trường phổ thông cơ sở Bắc lý, trường Thanh niên xã hội chủ nghĩa Hòa bình, phong trào giáo dục xã Cẩm bình...) đã xuất hiện thêm nhiều điển hình mới, có những sắc thái mới, tạo nên khí thế thi đua trong các trường học. Các xã Ngổ luông (Hà sơn bình), Cát hanh (Nghĩa bình), trường cấp II Nghĩa đồng (Nghệ tĩnh), các trường phổ thông trung học Cao Bá Quát (Hà nội), Tân lâm (Bình trị thiên), trường phổ thông trung học vừa học vừa làm Trần Hưng Đạo (Hải phòng), trường phổ thông công nghiệp Thái nguyên (Bắc thái) và nhiều trường tiên tiến khác đã gắn mục tiêu đào tạo với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa



Digitized by Google

phương, kiên trì, sáng tạo trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục.

*Ngành học người lớn* cũng thu được những thành tựu đáng kể. Sau ngày miền Nam được giải phóng, phong trào bình dân học vụ, xóa nạn không biết chữ phát triển ở khắp nơi, mang tính chất cách mạng, quần chúng. Đến tháng 12-1978, 1,4 triệu người không biết chữ đã biết đọc, biết viết. Nạn không biết chữ đã được thanh toán về cơ bản. Chiến dịch "ánh sáng văn hóa" đã góp phần quan trọng trong việc đưa văn hóa đến với đồng bào miền núi. Đến nay, miền Bắc đã có 11 tỉnh, thành phố ở đồng bằng, trung du hoàn thành về cơ bản phổ cập cấp I cho người lớn. Tiếp theo, nhiều địa phương đã và đang mở lớp học chuyên đề về kiến thức khoa học kỹ thuật, văn hóa phục vụ sản xuất, đời sống. Mạng lưới bổ túc văn hóa tập trung phát triển ở mọi cấp: huyện, xã, cụm xã. Nhờ có những cố gắng trên mà trình độ văn hóa của cán bộ, nhân dân ngày càng được nâng cao, góp phần quan trọng cả vào việc bài trừ hủ tục, tập quán lạc hậu lẫn xây dựng nếp sống mới.

*Các trường sư phạm* cũng tiếp tục được mở thêm, nhất là ở miền Nam. Đến nay cả nước có 144 trường sư phạm (8 trường đại học, 24 trường cao đẳng) và một hệ thống các trường bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục từ trung ương đến địa phương. Đội ngũ giáo viên các cấp ngày thêm đông và được kiện toàn thêm một bước.

| Giáo viên | Tháng 12-75 | 1983 — 1984 | | |
|---|---|---|---|---|
| | | miền Bắc | miền Nam | Cả nước |
| Mẫu giáo | 32000 người | 40600 người | 18985 người | 59585 người |
| Cấp I | 92800 — | 120392 — | 98357 — | 218749 — |
| Cấp II | 66700 — | 85317 — | 46524 — | 131841 — |
| Cấp III | 15700 — | 21212 — | 11165 — | 35377 — |

Trong gần nửa triệu giáo viên các cấp, có hàng trăm tiến sĩ, phó tiến sĩ, giáo sư. Cuối năm học 1983-1984, 42% giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm, 81% giáo viên phổ thông trung học có trình độ đại học.

Tóm lại, phát huy những thành tựu to lớn của nền giáo dục mới của nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám, 10 năm qua, vượt lên bao khó khăn, sự nghiệp giáo dục phổ thông không ngừng phát triển. Đặc biệt ở miền Nam, giáo dục phát triển nhanh chóng và toàn diện cả về ngành học (nhất là phổ thông cấp I, cấp II và phổ thông trung học), về số lượng học sinh, trường sở, về xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cũng như về xóa nạn không biết chữ, xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục mẫu giáo, v.v. Cho đến nay chúng ta đã xây dựng được hệ thống giáo dục phổ thông xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước.

★

Tuy nhiên, so với yêu cầu to lớn của cách mạng, ngành giáo dục vẫn còn nhiều thiếu sót. Việc phổ cập cấp I còn khó khăn, nhiều trẻ em chưa học hết cấp I. Nhiều người lớn, nhất là ở các vùng núi cao, vùng sâu đồng bằng sông Cửu long, vừa thoát nạn không biết chữ, đã lại quên hết. Số lượng học sinh phổ thông trung học phát triển không cân đối với yêu cầu phát triển kinh tế—xã hội của đất nước, của từng địa phương, với giáo viên và cơ sở vật chất của việc dạy, học. Phong trào bổ túc văn hóa mấy



Digitized by Google

năm gần đây có chiều hướng giảm sút: trước năm 1978, hằng năm có từ 70 đến 80 vạn học viên tại chức, đến năm 1983 – 1984 chỉ còn 3,1 vạn người. Tính chung trong cả nước, tuy số lượng trường, lớp có phát triển nhưng số lượng học sinh tăng không nhiều vì học sinh bỏ học và lưu ban tăng lên. Do vậy, hiệu quả đào tạo (tính đến khi học sinh tốt nghiệp cấp học) còn thấp. Xin nêu số liệu của năm học 1983 – 1984:

| Cấp học | Bỏ học | Lưu ban | Hiệu quả đào tạo |
|---|---|---|---|
| Cấp I | 10% | 8% | 61,6% |
| Cấp II | 16 – | 7 – | 66 – |
| Phổ thông trung học | 12 – | 4,5 – | 77 – |

Nhà trường cũng chưa quan tâm nhiều đến việc bồi dưỡng lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho học sinh, cho nên các em nhận thức về chủ nghĩa xã hội còn mơ hồ, thậm chí sai lệch. Động cơ học tập chưa đúng đắn, tâm lý học để thoát ly nông thôn, để khỏi phải lao động chân tay còn khá phổ biến trong học sinh và chế mẹ các em. Tình hình sức khoẻ của học sinh rất đáng lo ngại. Qua điều tra một số nhóm học sinh từ 8 đến 15 tuổi thì chỉ có 3% học sinh không mắc bệnh nào (trừ bệnh giun), còn lại các em đều mắc từ 1 đến 3 bệnh.

Những thiếu sót, khuyết điểm trên đây có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan nhưng ngành giáo dục phải thấy hết trách nhiệm của mình. Nói chung, ngành giáo dục chưa cụ thể hóa đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng thành những chủ trương, biện pháp đúng đắn, cụ thể, phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội của đất nước, của từng vùng. Phương pháp dạy còn nhồi nhét, sách vở, tách rời thực tế. Nhà trường chưa quan tâm đến việc giáo dục toàn diện, xây dựng tính cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Giáo dục chính trị, đạo đức bị buông lỏng. Giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, giáo dục hướng nghiệp còn lúng túng.

Đội ngũ giáo viên – nhân tố quyết định trong sự nghiệp giáo dục –, trình độ chính trị, giác ngộ xã hội chủ nghĩa còn thấp, chuyên môn yếu, nhất là ở các tỉnh miền Nam. Ngay việc tuyển sinh, hướng nghiệp vào các trường sư phạm cũng chưa làm tốt. Việc cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy ở nhiều trường sư phạm làm chậm trễ, chưa kịp yêu cầu của trường phổ thông. Do vậy, trong đội ngũ giáo viên mới ra trường, một số lớn còn yếu cả về tinh thần, thái độ giảng dạy lẫn kiến thức, kỹ năng, khả năng giáo dục theo mục tiêu giáo dục của Đảng đề ra. Nhiều giáo viên mải lo làm thêm nghề phụ để bảo đảm cuộc sống, cho nên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ không được nâng cao bao nhiêu. Đời sống của anh chị em gặp nhiều khó khăn, chính sách, chế độ đối với giáo viên và học viên (bổ túc văn hóa) có mặt chưa thỏa đáng, vị trí của người thầy chưa được coi trọng.

Kinh phí cho giáo dục còn thấp, mà trong đó 80% là để chi về lương, cho nên cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ dạy và học rất thiếu. Nhiều trường phải học 3 – 4 ca một ngày. Nhiều lớp không có bàn ghế cho học sinh, sách vở cũng rất thiếu.

Ngành giáo dục cũng chưa có kế hoạch tổng thể cân đối giữa công tác phát triển giáo dục và nhiệm vụ kinh tế – xã hội của đất nước và của từng địa phương. Hằng năm có khoảng



Digitized by Google

30–35% trong số 80 vạn học sinh vào cuộc sống không theo một kế hoạch cụ thể nào. Công tác nghiên cứu khoa học chưa giải quyết được tốt các vấn đề cấp bách đặt ra; việc cải tiến nội dung, phương pháp dạy và học còn chậm trễ v.v. do vậy chất lượng giáo dục còn thấp.

Trong thời gian tới dưới sự lãnh đạo của Đảng và với sự giúp đỡ tích cực của các ngành, các cấp, ngành giáo dục phải có sự cố gắng rất lớn thì mới cải thiện được tình trạng giáo dục hiện nay và vươn lên những bước phát triển mới.

★

Qua 10 năm xây dựng và phát triển nền giáo dục phổ thông thống nhất trong cả nước, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích cho bước phát triển trong những năm tới.

Đảng ta đã chỉ rõ, giáo dục là một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa nói riêng. « Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, là sự nghiệp mang nội dung toàn diện. Trong đó, *hệ thống giáo dục* bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo dục đại học và trên đại học có tầm quan trọng hàng đầu » (1). « Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hóa của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc » (2). Vì vậy, trong *cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải xác định đúng vị trí của công tác giáo dục.* Đây không chỉ là vấn đề phúc lợi xã hội mà còn là vấn đề chiến lược hết sức quan trọng — chiến lược con người — với nhiệm vụ đào tạo lớp người mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, trong khi tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục, phải chú ý phát triển giáo dục toàn diện, xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa mà cốt lõi là phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng cho thành niên, thiếu niên, hướng họ nắm vững khoa học kỹ thuật, trau dồi nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước và của từng địa phương.

*Vấn đề cơ bản hiện nay là « đào tạo con người có lòng yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất, có kiến thức và kỹ năng để làm tốt một nghề, hợp với sự phân công lao động trong địa phương và trong cả nước, thích ứng với trình độ phát triển kinh tế, xã hội trong một thời gian nhất định ở nước ta* » (3). Khẩu hiệu của ngành giáo dục « xoay chuyển nhà trường gắn với cuộc sống » chính là hướng nhà trường phấn đấu theo mục tiêu đào tạo của Đảng.

Từ mục tiêu giáo dục đó, phương hướng giáo dục của chúng ta là phát triển một cách tích cực và vững chắc, phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân, nghĩa là phát triển giáo dục phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế — xã hội và yêu cầu bảo vệ đất nước, gắn với kế hoạch sử dụng học sinh đã được đào tạo. Nền kinh tế của chúng ta còn nhiều khó khăn và mất cân đối, do đó, *giáo dục không thể tách khỏi điều kiện kinh tế*, mà phải tính đến mối quan hệ với kinh tế. Vấn đề chất lượng giáo dục có ý nghĩa quyết định trong sự phát triển giáo dục, không thể vì lý do số lượng mà bỏ qua các điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng đào tạo.

---

(1) Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội V. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 55.

(2) Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục, ngày 11-1-1979. tr. 13.

(3) Bài nói của Chủ tịch HĐBT Phạm Văn Đồng với giáo viên và cán bộ giáo dục nhân ngày Nhà giáo Việt nam (20-11-84). Báo *Nhân dân*, ngày 26-11-1984.



Digitized by Google

Trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo thế hệ tương lai của đất nước, *giáo viên có vị trí và vai trò rất quan trọng.* Giáo viên là chiến sĩ của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, do đó phải được chăm lo bồi dưỡng về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức, phẩm chất, trình độ chuyên môn, thể lực, đời sống vật chất, tinh thần... Trong các vấn đề về đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thì một trong những vấn đề đáng quan tâm nhất hiện nay là số lượng đảng viên trong ngành giáo dục còn quá ít: miền Bắc có 20,3% giáo viên phổ thông trung học, 13,1% giáo viên phổ thông cơ sở; miền Nam có 5,7% giáo viên phổ thông trung học, 1,7% giáo viên phổ thông cơ sở là đảng viên. Trong cả nước chỉ có 15% số trường học có chi bộ Đảng, rất nhiều trường không có đảng viên. Vì vậy, trong thời gian tới chúng ta bằng mọi cách phải nâng cao chất lượng chính trị của đội ngũ giáo viên và tăng cường công tác xây dựng Đảng trong nhà trường. Đời sống của anh chị em giáo viên đang là vấn đề cần được quan tâm giải quyết cấp bách. Đồng thời với việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, cần có sự quan tâm chăm lo hơn nữa của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các địa phương đối với việc cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho anh chị em giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi cho anh chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ cao cả của mình. Nâng cao vị trí, vai trò của giáo viên trong xã hội là việc rất quan trọng. Thực tiễn cho thấy, nơi nào làm tốt việc chăm sóc, giúp đỡ giáo viên thì sự nghiệp giáo dục ở nơi đó phát triển, con em nhân dân được dạy dỗ, chăm sóc chu đáo, chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ rệt.

— Trong hoàn cảnh kinh tế của nước ta còn nhiều khó khăn, sự đầu tư của Nhà nước cho giáo dục còn có hạn, *thực hiện phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm», «trung ương và địa phương cùng làm» là điều hết sức cần thiết đối với việc xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục.* Việc thực hiện phương châm này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, thực hiện mục tiêu đào tạo theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Phương châm này cũng có tác dụng chỉ đạo thực tiễn việc kết hợp ba môi trường: nhà trường, gia đình, xã hội để giáo dục đạo đức, quản lý học sinh, chăm sóc đời sống cán bộ, giáo viên, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho giáo dục và sử dụng hợp lý học sinh ra trường. Nếu không làm tốt việc kết hợp ba môi trường giáo dục thì không thể làm cho sự nghiệp giáo dục phát triển theo đúng mục tiêu đào tạo, gắn liền với kế hoạch kinh tế — xã hội và đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Về thực chất đó là sự phát huy sức mạnh tổng hợp và tinh thần làm chủ của nhân dân lao động trong sự nghiệp giáo dục. Cho đến nay sự phối hợp, liên kết giữa giáo dục với các ngành, các đoàn thể và các cơ sở, địa phương chưa được chặt chẽ, thường xuyên và còn tùy thuộc ở «thiện chí» của một số người lãnh đạo ở nơi này nơi khác, ngành này ngành khác. Giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, nó phải được sự chăm lo của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà ngành giáo dục chịu trách nhiệm chính, do đó phải có một cơ chế quản lý phù hợp để thực hiện tốt «chiến lược con người».

— *Sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục có ý nghĩa quyết định.* Quan điểm của Đảng về công tác giáo dục, nhất là về mục tiêu đào tạo con người lao động mới cần được các cấp ủy Đảng quán triệt. Đào tạo lớp người lao động mới cũng là đầu tư cho tái sản xuất sức lao động và tạo tiền đề cho việc xây dựng cuộc sống mới. Phổ cập giáo



Digitized by Google

dục, phổ cập dạy nghề, đào tạo thế hệ trẻ thành lớp người lao động mới, phát triển toàn diện là quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bác Hồ đã dạy " Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết " (4). Do đó, để nhiệm vụ trọng đại này được thực hiện một cách tốt đẹp, việc xây dựng đội ngũ giáo viên, củng cố, ổn định đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhất là các hiệu trưởng các trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học cần được các cấp ủy Đảng thật sự coi trọng. Công tác phát triển Đảng trong giáo viên phải được tăng cường cùng với việc xây dựng Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên vững mạnh. Trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư cho công tác giáo dục, cần nắm vững đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội, địa lý của từng địa phương, của từng dân tộc để bảo đảm tính dân chủ, bình đẳng, thống nhất của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

★

Nắm vững quan điểm giáo dục của Đảng, gắn giáo dục với các mục tiêu kinh tế — xã hội của đất nước ta, vận dụng tốt những kinh nghiệm giáo dục đã tích lũy được, chắc chắn trong thời gian tới chúng ta sẽ đạt được nhiều thành tựu mới trong sự nghiệp phát triển nền giáo dục xã hội chủ nghĩa.

(4) Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

# HẢI PHÒNG 30 NĂM PHẤN ĐẤU...

*(Tiếp theo trang 40)*

lớn nhất và tập trung nhất hiện nay là chưa có đủ vốn (bao gồm cả vật tư, nguyên liệu, năng lượng) để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Trên một số lĩnh vực tuy đã có chuyển biến tiến bộ nhưng mới chỉ là bước đầu. Chúng tôi còn phải giải quyết rất nhiều vấn đề để tiếp tục đưa phong trào của thành phố tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Đảng bộ và nhân dân Hải phòng chúng tôi đang phát huy truyền thống trung dũng, kiên cường, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, thực hiện thật tốt nghị quyết Đại hội thứ 8 của đảng bộ thành phố, từng bước *xây dựng Hải phòng thành một thành phố có cảng hiện đại, có công — nông nghiệp phát triển, một trung tâm xuất nhập khẩu, một cơ sở du lịch — dịch vụ, một pháo đài thép chống xâm lược.*

Với những tiền đề chính trị và những cơ sở kinh tế — xã hội đã có, với những kinh nghiệm bước đầu nhưng quý báu trong lãnh đạo, tổ chức và quản lý, chúng tôi tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, những năm cuối của thập niên này và trong những thập niên sau sẽ là những năm thuộc về thời kỳ đầy năng động, sáng tạo và phát triển với tốc độ cao của một thành phố Hải phòng ngày càng đổi mới.



Digitized by Google

# Bốn mươi năm phục vụ và trưởng thành của ngành y tế nước ta

ĐẶNG HỒI XUÂN

Nền y tế Việt nam xã hội chủ nghĩa ngày nay là một niềm tự hào lớn của chúng ta.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dân ta phải sống trong đói khổ, bệnh tật. Dịch tả, đậu mùa, thương hàn, bại liệt ở trẻ em lan tràn. Các bệnh sốt rét, lao, phong, mắt hột, da liễu v.v. cũng rất phổ biến. Ở nông thôn và ở miền núi, nạn có đẻ không có nuôi rất nghiêm trọng. Cả nước chỉ có 17 nhà thương lớn phúc và 9 nhà hộ sinh, phần lớn ở các đô thị. Chỉ có 51 bác sĩ, 152 y sĩ, một thầy thuốc cho 180 nghìn dân, cho nên tỷ lệ chết cao nhất thế giới: 26‰. Tuổi thọ trung bình là 38.

Sau Cách mạng Tháng Tám, chúng ta đã nhanh chóng xây dựng được một đội ngũ cán bộ và cơ sở chữa bệnh, cấp cứu, sản xuất thuốc, y cụ và một số cơ sở nghiên cứu y dược. Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, ngành y tế đã tích cực góp phần củng cố hậu phương, phục vụ tiền tuyến, phấn đấu không để một nạn dịch lớn nào xảy ra trong các vùng căn cứ cách mạng. Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Bắc mới có 1000 giường bệnh, 100 bác sĩ, 200 y sĩ và hơn 1000 y tá. Mạng lưới y tế cơ sở trong vùng mới được giải phóng hầu như không có. Nhưng phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, xây dựng hố xí hai ngăn, giếng nước, nhà tắm, đẩy mạnh việc chủng đậu, tiêm và uống thuốc phòng bệnh v.v., chúng ta đã xóa được dịch tả và đậu mùa. Bệnh sốt rét ở miền Bắc đang trên đà bị tiêu diệt. Tỷ lệ người mắc bệnh lao từ 25‰ (năm 1958) hạ xuống 9,8‰ (năm 1964). Trên 10 triệu người được khám, chữa bệnh mắt hột, gần 20 vạn người được mổ quặm. Đến năm 1964, một mạng lưới y tế rộng khắp đã được xây dựng: so với năm 1951, số bác sĩ tăng 15 lần, dược sĩ 9 lần; có 2500 y sĩ cho các xã, hơn 3000 y sĩ và hàng vạn nhân viên y tế cho các cơ sở phòng bệnh, chữa bệnh, sản xuất và phân phối thuốc, 7 viện nghiên cứu (kể cả Viện nghiên cứu Đông y), 2 trường đại học y và dược, hai phân hiệu đại học y cùng các trường đào tạo y sĩ ở các tỉnh. Các huyện đều có bệnh viện, bệnh xá. Hội đông y và Hội chữ thập đỏ hoạt động đều khắp.

Trong những năm 1965 — 1975, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ngành y tế đã phục vụ đắc lực sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Ở miền Bắc đã kiện toàn tổ chức y tế xã và huyện, thực hiện «ngoại khoa hóa» cán bộ, phát triển rộng rãi mạng lưới cứu thương nhân dân để cấp cứu tại chỗ. Ở miền Nam, cán bộ y tế của ta đã dũng cảm, kiên trì bám trụ, vừa phục vụ chiến đấu trên chiến trường, vừa làm công tác vận động quần chúng trong các vùng tạm bị địch chiếm. Trong những năm chiến đấu ác liệt và anh hùng ấy, ngành y tế



Digitized by Google

vẫn không ngừng đẩy mạnh các mặt công tác vệ sinh phòng, chống dịch, khám, chữa bệnh, sản xuất và phân phối thuốc, phát triển y học dân tộc, tăng cường đào tạo cán bộ và ra sức nghiên cứu khoa học. Số cán bộ tăng hơn ba lần so với 10 năm trước, mạng lưới y tế được mở rộng và kiện toàn nhanh chóng.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước ta hoàn toàn độc lập, tự do và thống nhất, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng ở các vùng mới được giải phóng, môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng. Chế độ nô dịch, lối sống truỵ lạc, tệ mê tín, phong tục tập quán lạc hậu được khuyến khích thời Mỹ—ngụy v.v. là nguồn gốc gây ra những dịch bệnh hiểm nghèo, những tệ nạn xã hội làm suy sụp sức khoẻ con người. Dịch tả, dịch hạch, bại liệt, thương hàn vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi. Tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét gấp 10 lần so với miền Bắc, lao gấp hơn 2 lần. Hơn một triệu người mắc bệnh hoa liễu, trong đó 20 vạn người bị giang mai. Chỉ riêng Sài gòn đã có trên 15 vạn người nghiện ma tuý v.v. Lại thêm bọn bành trướng bá quyền Trung quốc cũng tay sai gây chiến tranh xâm lược ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc, thiên tai xảy ra liên miên... càng làm tăng thêm những khó khăn cho đất nước và cho ngành y tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt được các nghị quyết Đại hội thứ IV, thứ V và nghị quyết các Hội nghị của Trung ương Đảng soi sáng, ngành y tế đã từng bước khắc phục những khó khăn ấy một cách có hiệu quả, đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện về mặt phục vụ sức khoẻ của nhân dân cũng như xây dựng ngành lớn mạnh.

★

Cho đến nay, chúng ta đã *xây dựng được mạng lưới y tế thống nhất trong cả nước*, từ trung ương tới cơ sở, từ đồng bằng đến miền núi, thể hiện rõ đường lối y tế xã hội chủ nghĩa và các quan điểm của Đảng ta về công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân, lấy phục vụ làm mục đích, theo hướng dự phòng tích cực, kết hợp y học hiện đại với y học dân tộc, kết hợp trách nhiệm của tổ chức y tế Nhà nước với sự tham gia tự giác của nhân dân. Trong mạng lưới y tế ấy, y tế huyện, quận và cơ sở được coi trọng vì đó là y tế phổ cập, đáp ứng yêu cầu hằng ngày của nhân dân trong thời bình cũng như trong thời chiến. Từ chỗ xã không có tổ chức y tế, đến nay cả nước đã có 8660 trạm y tế xã, phường và 1121 trạm y tế tại các công trường, nông trường, lâm trường, xí nghiệp... có chức năng vừa làm vệ sinh phòng, chống dịch vừa khám, chữa bệnh bằng y học hiện đại và y học dân tộc, đỡ đẻ và thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, bảo đảm thuốc men, quản lý thai sản và từng bước quản lý sức khoẻ. Ở tất cả các huyện đều đã có bệnh viện, có đội vệ sinh phòng dịch và chống bệnh sốt rét, có hiệu thuốc trung tâm cùng các chi nhánh và các quầy thuốc ở xã. Nối liền huyện với xã có gần 600 phòng khám đa khoa khu vực. Các phòng chẩn trị theo y học dân tộc đang tiếp tục được xây dựng ở huyện, quận để mở rộng việc khám và chữa bệnh bằng thuốc nam, bằng châm cứu.

Ở các tỉnh, thành miền Nam cũng đã hình thành cơ cấu tổ chức y tế như ở các tỉnh, thành miền Bắc, bao gồm các bệnh viện đa khoa, y học dân tộc và một số chuyên khoa, các trạm vệ sinh phòng dịch, chống sốt rét, lao, mắt hột, các xí nghiệp liên hợp dược và các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế sơ cấp, trung cấp.

Ở trung ương đã có 28 viện và phân viện, trong đó có 7 viện nghiên cứu về vệ sinh phòng, chống dịch, vắc xin và y học lao động; 3 viện và phân



Digitized by Google

viện về sốt rét, 1 viện về bướu cổ, 1 viện dinh dưỡng, 2 viện y học dân tộc và 1 viện châm cứu. Ngoài ra, còn có các viện nghiên cứu về dược liệu, về bảo vệ sức khoẻ trẻ em và người có tuổi, viện thông tin và thư viện y học v.v. Đã có 6 trường đại học y, dược, 1 trường và 1 phân hiệu cán bộ quản lý y tế. Đã xây dựng và kiện toàn các bệnh viện lớn, khu điều trị phong, các xí nghiệp dược phẩm, các công ty dược và vật tư, liên hiệp các xí nghiệp dược. Hệ thống các tổ chức y tế chuyên sâu đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học đạt trình độ quốc tế, giải quyết những vấn đề bức bách và cơ bản về bệnh tật và sức khoẻ của nhân dân, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện nước ta.

*Các mặt hoạt động chuyên môn – kỹ thuật đã đem lại những kết quả to lớn.* Công tác vệ sinh phòng, chống dịch, kết hợp các biện pháp kỹ thuật với phong trào quần chúng trước đây đã thanh toán được những dịch lớn ở miền Bắc và từ năm 1975 đến nay đã khống chế, kịp thời dập tắt được các bệnh dịch ở miền Nam hoặc từ miền Nam lan ra miền Bắc, hạ thấp được tỷ lệ mắc bệnh nhiễm khuẩn, sốt rét, lao, mắt hột... Các cơ sở khám, chữa bệnh phát triển nhanh chóng. Trong 30 năm, số giường bệnh tăng 50 lần (1954: 4 000; 1976: 159 088; 1983: 205 780). Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em được đặc biệt chú ý. Số giường dành cho sản phụ và trẻ em từ sau ngày miền Nam được giải phóng đến nay đã tăng gấp rưỡi. Việc bảo vệ thai sản và kế hoạch hóa gia đình được coi trọng từ xã, phường. Tỷ lệ phát triển dân số từ 3,2% (năm 1976) đã hạ xuống 2,29% (1983). Công tác bảo vệ sức khoẻ người có tuổi và đồng bào các dân tộc miền núi đã được tăng cường. Công tác quản lý sức khoẻ của từng người dân ngay ở cơ sở thực hiện từ năm 1973 ở miền Bắc, đang được mở rộng ra cả nước và đã thành nền nếp ở hơn 1000 xã, 20 huyện, quận và nhiều cơ sở công nghiệp.

Chúng ta cũng đã có những cố gắng lớn trong việc nuôi, trồng dược liệu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối thuốc, cố gắng đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của nhân dân. Từ năm 1976 đến nay, thuốc sản xuất trong nước tăng lên gấp 3 lần, tiền thuốc phân phối tính theo đầu người cũng tăng hơn 3 lần, thuốc nam phát triển mạnh, khoảng 3 000 xã đã đạt tiêu chuẩn dứt điểm về trồng và sử dụng thuốc nam.

Kết quả của những cố gắng về các mặt chuyên môn – kỹ thuật đã thể hiện bằng những chỉ số chung sau đây:

| Tỷ lệ chết | Trước 8-1945 | Năm 1983 |
|---|---|---|
| Tỷ lệ chết chung | 26‰ | 7,4‰ |
| Tỷ lệ chết của trẻ em dưới 1 tuổi | 300 – 400‰ | 20,1‰ |
| Tỷ lệ chết của mẹ | 20‰ | 1,1‰ |
| Tuổi thọ trung bình | 38 tuổi | 63 tuổi (nam 62, nữ 66) |

Một thành tựu nổi bật và to lớn của ngành y tế Việt nam là *đi đôi với việc phục vụ sản xuất và đời sống, nó đã phục vụ đắc lực, kịp thời nhiệm vụ*



Digitized by Google

*chiến đấu* trong suốt 30 năm chiến tranh chống đế quốc cũng như trong chiến tranh chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc hiện nay. Trong chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, chúng ta đã nhanh chóng đào tạo và bồ túc cán bộ, « ngoại khoa hóa » cán bộ và trang bị kỹ thuật y tế đến huyện, xã ; tổ chức các đội phẫu thuật lưu động, các trạm cấp cứu tiền phương ; phát triển mạng lưới chữ thập đỏ khắp nơi. Nhờ có mạng lưới y tế dày đặc, cho nên, mặc dù kẻ địch đánh phá ác liệt ngày đêm, chúng ta vẫn làm tốt việc cấp cứu tại chỗ, hạn chế tử vong đến mức thấp nhất, góp phần làm cho chiến sĩ, đồng bào ta vững tâm chiến đấu và sản xuất. Ngoài ra, ngành y tế nước ta còn luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia anh em trong cuộc kháng chiến chống xâm lược và trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

Bằng nhiều hình thức, biện pháp đào tạo, mấy chục năm qua, chúng ta đã *đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ y tế trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, thấm nhuần lời dạy của Hồ Chủ tịch « thầy thuốc như mẹ hiền », làm chủ được kỹ thuật.* Từ năm 1975 đến nay, chúng ta đã có kế hoạch tích cực đào tạo cán bộ sau đại học có trình độ chuyên khoa cấp I, cấp II và phó tiến sĩ ở trong nước ; tăng cường việc đào tạo và bồ túc cán bộ về y học dân tộc, về vệ sinh phòng dịch và về sốt rét v.v. Hiện nay, mỗi năm có khoảng 2000 bác sĩ, dược sĩ được đào tạo. Đến năm 1981 ta đã có 17 nghìn bác sĩ, tăng gấp hơn 300 lần so với năm 1945. Đội ngũ cán bộ y tế gắn bó với sự nghiệp cách mạng của Đảng, nêu cao tinh thần đoàn kết, tận tụy hy sinh, hết lòng phục vụ người bệnh, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ y tế luôn luôn kết hợp công tác chuyên môn với việc vận động phong trào quần chúng. Những phong trào « sạch làng tốt ruộng », « sạch bản tốt nương » « toàn dân xây dựng trạm y tế » và đặc biệt là phong trào « 5 dứt điểm về công tác y tế » hiện nay đã và đang thúc đẩy việc thực hiện thành công đường lối y tế của Đảng.

Thành tựu là to lớn và đáng tự hào nhưng trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân ngày càng cao, ngành y tế còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Chúng ta chưa nhận thức đầy đủ tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giữa « hai con đường ». Việc tuyên truyền, giáo dục đường lối quan điểm của Đảng về công tác y tế chưa được chú trọng đúng mức, thậm chí có lúc bị buông lỏng, dẫn đến tình trạng thái độ công tác, tinh thần phục vụ giảm sút, nhiều biểu hiện tiêu cực trong việc khám, chữa bệnh, sản xuất và phân phối thuốc. Phong trào vệ sinh phòng bệnh chuyển biến chậm, môi trường chưa được cải thiện, ở một số nơi có xu hướng ngày càng xấu hơn. Dịch bệnh kéo dài vẫn xảy ra ở một số địa phương. Mạng lưới y tế, nhất là ở tuyến xã, đang gặp nhiều khó khăn, do chúng ta chưa đào tạo, bồi dưỡng tốt cán bộ, chưa giải quyết thỏa đáng đời sống cho cán bộ y tế xã, chưa tạo điều kiện cho anh chị em yên tâm phục vụ. Tỉ lệ phát triển dân số vẫn còn cao, v.v. Tất cả tình hình trên ảnh hưởng xấu tới chất lượng công tác y tế, hạn chế thành tích của chúng ta trên lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

★

Trong những năm cuối của thế kỷ này, mô hình của ngành y tế nước ta là mô hình y tế của nước đang phát triển, nghĩa là phải nhanh chóng vượt qua giai đoạn phòng và chống



Digitized by Google

các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, vi rút và suy dinh dưỡng, giảm tỷ lệ phát triển dân số, ngăn ngừa các bệnh ở các nước đã phát triển. Trước mắt, ngành y tế còn gặp nhiều khó khăn, nhiệm vụ thì rất nặng nề. Do đó, muốn góp phần thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, ngành y tế cần thực hiện tốt 5 nhiệm vụ:

1 — Phát triển sự nghiệp y tế thường xuyên để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

2 — Sẵn sàng phục vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3 — Xây dựng và phát triển một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành, trước hết là xây dựng và phát triển tốt ngành dược và thiết bị y tế để bảo đảm phần lớn nhu cầu về thuốc và những trang bị y tế thông thường trong nước.

4 — Thừa kế và phát huy y học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại để xây dựng nền y học dân tộc Việt nam.

5 — Hết lòng giúp đỡ hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, mở rộng sự hợp tác với Liên xô, và các nước xã hội chủ nghĩa khác, với các tổ chức quốc tế.

Muốn thực hiện nhiệm vụ phát triển sự nghiệp y tế thường xuyên, phải dấy mạnh y tế phổ cập. Nội dung của y tế phổ cập là phấn đấu đạt 5 mục tiêu mà trước mắt là thực hiện phong trào « 5 dứt điểm » (+) trên quy mô ngày càng rộng, chất lượng ngày càng cao. Từng bước nâng cao chất lượng và phát triển y tế chuyên sâu là một nhiệm vụ quan trọng, nhưng phương hướng phấn đấu chủ yếu của y tế chuyên sâu là phục vụ cho y tế phổ cập, giải quyết những vấn đề cấp thiết của y tế phổ cập. Phải quán triệt các quan điểm của Đảng về y tế phục vụ sản xuất, đời sống và chiến đấu; kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc; đấu tranh chống mọi quan điểm trái với đường lối y tế xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đấu tranh giữa « hai con đường », giải quyết vấn đề làm tư, xóa bỏ thị trường tự do về thuốc.

Việc thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng và các nhiệm vụ của ngành y tế trong những năm tới hướng về *5 mục tiêu* sau đây:

— Phòng, chống có hiệu quả các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm. Khống chế bệnh tả, lỵ, dịch hạch, sốt rét, sốt xuất huyết; hạ thấp các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em; thực hiện tốt vệ sinh thực phẩm, ăn, uống, vệ sinh lao động, vệ sinh học đường.

— Tích cực phòng và chống các bệnh xã hội. Mở rộng phòng khám đa khoa, nâng cao một bước mạng lưới khám và chữa bệnh mà quản lý sức khoẻ là khâu quan trọng nhất. Chú ý các đối tượng công nhân, trẻ em, phụ nữ, dân tộc thiểu số.

— Giảm bớt tỷ lệ phát triển dân số, bảo vệ tốt sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, lấy sinh đẻ có kế hoạch làm công tác chủ yếu.

— Giải quyết thuốc một cách chủ động, phát triển thuốc nam, châm cứu, quản lý chặt chẽ việc phân phối và sử dụng thuốc, không để thiếu thuốc chống dịch, thuốc cấp cứu, thuốc thông thường, nhất là thuốc trẻ em. Phát triển các phương pháp chữa bệnh không phải dùng thuốc.

— Xây dựng một tổ chức y tế hoàn chỉnh, chính quy, hiện đại. Trước mắt lấy việc kiện toàn y tế cơ sở, huyện, quận làm khâu quyết định để giải quyết những yêu cầu cơ bản của y tế phổ cập.

(+) « 5 dứt điểm » gồm: xây dựng các công trình vệ sinh, quản lý sức khoẻ, sinh đẻ có kế hoạch, trồng và sử dụng thuốc nam, kiện toàn tổ chức y tế ở quận, huyện và cơ sở.



Digitized by Google

Việc thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu của ngành y tế không chỉ đòi hỏi sự cố gắng của bản thân ngành y tế, mà còn cần có sự đóng góp của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương giữ vai trò lãnh đạo và chỉ đạo rất quan trọng đối với những công tác chính sau đây:

Trước hết, việc bảo vệ và làm sạch môi trường, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác phòng và chống dịch phải được các cấp ủy Đảng chủ trì, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành có liên quan. Nó phải được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Cần giáo dục những kiến thức cơ bản về vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, bảo vệ môi trường và vận động nhân dân tham gia các phong trào vệ sinh phòng bệnh, giải quyết vấn đề phân, nước, rác, gắn với cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín...

Khám, chữa bệnh là một công tác quan trọng và đang có nhiều khó khăn. Do đó, từ trung ương đến các địa phương phải củng cố và mở rộng các cơ sở khám, chữa bệnh, kể cả các cơ sở y học dân tộc, các trạm y tế xã, công trường, nông trường, xí nghiệp..., bảo đảm cho các cơ sở đó có đủ kinh phí, vật tư và các điều kiện cần thiết khác mà ngành y tế không thể tự giải quyết được. Có chủ trương, biện pháp và chính sách thích đáng để phát huy vai trò của y học dân tộc. Tăng cường giáo dục, động viên đội ngũ cán bộ y tế bằng nhiều hình thức để họ luôn luôn nhận rõ nhiệm vụ vẻ vang của người thầy thuốc xã hội chủ nghĩa.

Để góp phần khắc phục sự mất cân đối nghiêm trọng trong kinh tế — xã hội ở nước ta hiện nay, nhất thiết phải hạ tỷ lệ phát triển dân số bằng cách đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Việc này cũng vậy, không chỉ đòi hỏi tuyên truyền, giáo dục có hiệu quả hơn nữa về dân số và sinh đẻ có kế hoạch, sự gương mẫu thực hiện của cán bộ, đảng viên, đoàn viên mà còn cần có các chế độ, chính sách thích hợp ở từng nơi nhằm đạt được chỉ tiêu cụ thể của địa phương mình.

Việc sản xuất, phân phối và sử dụng thuốc chữa bệnh trong những năm tới cũng cần được quan tâm đúng mức hơn. Nguồn thuốc của trung ương hiện không đủ. Mỗi địa phương cần phát huy mọi khả năng tạo ra nguồn thuốc chữa bệnh bằng nuôi, trồng dược liệu ở cả ba tuyến tỉnh, huyện, xã, đồng thời đẩy mạnh phong trào trồng và sử dụng thuốc nam tại chỗ. Như vậy chẳng những giải quyết được nạn thiếu thuốc mà còn tạo ra được nguồn thuốc xuất khẩu để nhập về những thuốc kháng sinh, hóa chất, dụng cụ y tế mà ta chưa có khả năng sản xuất. Đồng thời, chúng ta phải vươn lên đẩy mạnh sản xuất hóa dược, y cụ và bắt tay vào sản xuất thuốc kháng sinh. Công tác quản lý, bảo quản, phân phối, sử dụng thuốc cần được làm tốt hơn, khắc phục tình trạng thiếu thuốc giả tạo.

Một vấn đề bức bách hiện nay là củng cố và mở rộng mạng lưới y tế, nhất là ở huyện, quận, xã, phường. Hướng chính của công tác này là tuyển lựa, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ y tế cho phù hợp. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước đã ban hành đối với cán bộ y tế, nhất là với cán bộ y tế xã, cán bộ hoạt động ở các huyện miền núi, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế mới, cán bộ lưu động và làm công tác vệ sinh phòng dịch, đặc biệt chú ý đến vấn đề đào tạo cán bộ địa phương. Thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « trung ương và địa phương cùng làm » để xây dựng, sửa chữa các

*(Xem tiếp trang 69)*



Digitized by Google

# *Mười năm xây dựng nền văn hóa mới ở các tỉnh miền Nam*

NGUYỄN VĂN HIẾU

MƯỜI năm sau ngày giải phóng, bộ mặt văn hóa của các tỉnh miền Nam đã có những thay đổi lớn lao song song với những thành tựu về kinh tế, xã hội. Các kẻ thù của chúng ta, trong một thời gian dài, đã dùng mọi thủ đoạn để làm sa đọa, tha hóa con người, kích động những tình cảm, lối sống ích kỷ, ươn hèn, thấp kém. Chúng đã gây được những tác hại nhất định, đặc biệt đối với tầng lớp thanh niên. Lối sống Mỹ, lối sống hưởng thụ đã thu hút một bộ phận dân chúng, nhất là ở các đô thị, thông qua những hàng hóa, phim ảnh, sách báo... mà bọn đế quốc đã đổ vào miền Nam. Lối sống xấu xa ấy cho đến nay vẫn còn những ảnh hưởng dai dẳng và còn gây tác hại lâu dài nếu chúng ta không kiên quyết đấu tranh để xóa sạch nó đi và xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa trong sáng.

Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã nhận định: « cùng với sự hình thành dần dần chế độ mới và nền kinh tế mới, việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới đã thu được những thành tích nhất định... nhưng vì xã hội ta mới bước vào thời kỳ quá độ, cho nên bên cạnh những con người mới xã hội chủ nghĩa đang hình thành, những nét mới, tiến bộ trong con người đang nảy nở, còn không ít những biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường: giữa cái mới với cái cũ, tiên tiến với lạc hậu, tiến bộ với phản động trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, lối sống, đang diễn ra hằng ngày, rất phức tạp, mà chúng ta không thể nào xem nhẹ » (1).

Chúng ta đã và đang tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.

Trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, ở các tỉnh miền Nam, ngay sau ngày giải phóng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã nắm các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, truyền thanh, truyền hình, các nhà xuất bản, thư viện, các rạp hát, rạp chiếu bóng, các trường nghệ thuật, phần lớn các nhà in... đồng thời xúc tiến cải tạo những ngành mà tư nhân còn ít nhiều ảnh hưởng. Đến nay, hầu hết các hoạt động văn hóa nghệ thuật đều do Nhà nước hay các tổ chức tập thể nắm.

Có thể nói văn hóa thực dân mới ở miền Nam đã cơ bản bị xóa bỏ và nền

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 91—92.



Digitized by Google

văn hóa xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Đảng ta chủ trương tới cuối năm 1985 phải bảo đảm cho phần lớn các đơn vị cơ sở có hoạt động văn hóa, nhân dân lao động đều được đọc báo, nghe đài, xem phim, xem nghệ thuật; đặc biệt chú ý tới các vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Ngành văn hóa thông tin ở các tỉnh miền Nam đã thực hiện chủ trương này liên tục trong nhiều năm và đã thu được những thắng lợi đáng kể:

Hiện nay, hầu hết các xã ở miền Nam đều có đội thông tin cơ sở, đội nghệ thuật quần chúng. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển sôi nổi và hằng năm những cuộc hội diễn đã được tổ chức trên phạm vi huyện, tỉnh, thành, với sự tham gia của hàng vạn người, gây một không khí vui tươi, lành mạnh.

Việc tổ chức đời sống văn hóa ở các đơn vị cơ sở đã chú ý tới đặc điểm của từng vùng dân cư, từng đối tượng để có thể «đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân». Những vùng dân tộc thiểu số, vùng công nhân tập trung ngày càng được quan tâm. Các tỉnh Tây nguyên đã có những bước tiến quan trọng. Cho đến nay, ở 3 tỉnh Gia lai — Công tum, Đắc lắc, Lâm đồng đã có 350 đội văn nghệ quần chúng, 112 đội tuyên truyền cổ động xã; các huyện đều có từ 1 đến 2 đội chiếu bóng; các điểm trắng về chiếu bóng hầu như đã được xóa bỏ. Vùng công nhân cao su kéo dài từ miền Đông Nam bộ đến các tỉnh Tây nguyên, trước đây là những nơi nổi tiếng về đời sống cơ cực, nay đã có một bộ mặt mới. Cùng với sự cải thiện về đời sống vật chất, đời sống tinh thần cũng được nâng lên. Hầu hết các nông trường đều có hệ thống truyền thanh, đội văn nghệ quần chúng, có nơi có đội chiếu bóng, máy thu hình.

Cấp phường ở thành phố cũng có một đời sống văn hóa phong phú, nhất là các phường ở thành phố Hồ Chí Minh, Đà nẵng...

Có được những hoạt động văn hóa văn nghệ trên đây một phần là do chúng ta đã xây dựng được mạng lưới các công trình văn hóa từ tỉnh, thành đến huyện, xã như: nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, nhà truyền thống... Thực hiện phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm» tất cả các địa phương miền Nam đều có thành tựu về mặt này, và nhiều trung tâm văn hóa tiêu biểu cho nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đã hình thành.

Nhà văn hóa quận, huyện đã trở thành nơi giáo dục phương pháp hoạt động văn hóa quần chúng cho phong trào cơ sở và cũng là nơi sinh hoạt văn hóa của đông đảo quần chúng tại chỗ. Ở thành phố Hồ Chí Minh, các nhà văn hóa quận, huyện hằng ngày thu hút hàng nghìn người, đặc biệt là thanh niên, do đó phát huy vai trò giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ rất sắc bén của trung tâm văn hóa.

Một sáng tạo của các tỉnh miền Nam là việc hình thành các cụm kinh tế — xã hội. Nơi đó, bên cạnh các cơ sở kinh tế, còn có một số công trình văn hóa. Cụm kinh tế — xã hội là chiếc cầu nối giữa nông thôn với thành thị và đang phát triển ở một số tỉnh, nhất là ở Nghĩa bình.

Nếu xét về tốc độ phát triển thì có thể nói về các mặt hưởng thụ văn hóa nghệ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, các tỉnh miền Nam sau 10 năm giải phóng đã đạt mức tương đương với các tỉnh miền Bắc. Thí dụ:

Ở vùng đồng bằng sông Hồng (kể cả Hà nội), trung du và miền núi phía bắc, với khoảng 22 triệu dân, 210 huyện, quận, thị, bình quân một huyện có 2,62 đơn vị chiếu bóng, 0,7 đội thông tin lưu động, 0,27 nhà văn



Digitized by Google

hóa, 0,4 nhà thông tin; bình quân có 4,93 lượt/đầu người/năm xem chiếu bóng; 0,55 lượt xem nghệ thuật chuyên nghiệp; bình quân mỗi người có 0,27 bản sách (không kể sách giáo khoa), 0,42 tờ tranh ảnh và văn hóa phẩm khác.

Vùng đồng bằng sông Cửu long và miền Đông Nam bộ (kể cả thành phố Hồ Chí Minh) với khoảng 20 triệu dân, 140 huyện, quận, thị, bình quân một huyện cũng có 2,73 đơn vị chiếu bóng, 1,1 đội thông tin lưu động, 0,35 nhà văn hóa, 0,33 nhà thông tin; bình quân có 5,22 lượt/đầu người/năm xem chiếu bóng; 1,12 lượt xem nghệ thuật chuyên nghiệp; bình quân mỗi người có 0,49 bản sách, 0,46 tờ tranh ảnh và văn hóa phẩm khác.

Tất nhiên, nội dung và phương hướng hoạt động văn hóa nghệ thuật ở cả hai miền Bắc Nam đều cơ bản như nhau, theo sự chỉ đạo thống nhất của các cơ quan Đảng và Nhà nước; đó là nội dung xã hội chủ nghĩa, tuy mức độ thể hiện và chất lượng hoạt động có sự chênh lệch giữa nơi này và nơi khác.

Cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, phản động đã và đang diễn ra rất quyết liệt trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

Cùng với cả nước, các tỉnh miền Nam đã có những cố gắng lớn để loại bỏ những tệ nạn xã hội, những hủ tục, tệ mê tín, những tàn dư «văn hóa» thực dân cũ và mới. Tuy nhiên, do công tác quản lý có lúc còn lơi lỏng và do kẻ địch lợi dụng sơ hở của ta tìm mọi cách phản kích trên mặt trận văn hóa tư tưởng, cho nên có nơi, có lúc, những hủ tục, tệ mê tín có chiều hướng trỗi dậy; lối sống ăn bám, xa hoa, lãng phí, nhất là của một số thị dân tư sản hóa (gồm cả những cán bộ biến chất) vẫn chưa bị xóa sạch.

Trong lĩnh vực nghệ thuật, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa thực hiện chưa đều tay, một số hoạt động nghệ thuật bộc lộ khuynh hướng thương mại, chạy theo thị hiếu tầm thường; có lúc, hoạt động ca nhạc gần như mất phương hướng, để cho xu thế sùng ngoại, lai căng, kích động chi phối.

Chúng ta đã kịp thời uốn nắn những lệch lạc đó và trong những ngày kỷ niệm lớn vừa qua, hoạt động ca nhạc, sân khấu chuyên nghiệp đã phát triển rầm rộ, đầy sức sống, bảo đảm được nhiệm vụ giáo dục truyền thống, cổ vũ tốt phong trào sản xuất và chiến đấu.

★

Ở các tỉnh miền Nam, qua 10 năm cải tạo và xây dựng, nhờ có các nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng soi đường, các cấp Đảng và chính quyền Nhà nước đã có những chuyển biến quan trọng trong nhận thức về công tác văn hóa, về cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Phải nói là trong một thời gian dài, nghị quyết của Đảng về việc đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng chưa thật sự thấm sâu vào nếp nghĩ và cách làm của nhiều cấp ủy và Ủy ban. Trong thực tế, nhiều địa phương chỉ thấy có nhiệm vụ xây dựng kinh tế, bảo đảm đời sống và xem rất nhẹ công tác văn hóa. Thậm hoặc có đặt vấn đề xây dựng văn hóa thì cũng chỉ với quan niệm «văn hóa phục vụ kinh tế», hay đặt ra trong phạm vi «nâng cao mức sống văn hóa».

Nhưng theo luận điểm của Đảng ta, vấn đề không phải chỉ thu hẹp trong những khái niệm chật hẹp như trên. Đảng ta luôn luôn đặt nhiệm vụ xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và nền văn hóa mới trong mối quan hệ tác động lẫn nhau. Bởi vì văn hóa vừa



Digitized by Google

là sản phẩm của kinh tế vừa là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển.

Nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới được hình thành là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng, đồng thời con người mới cũng là tác giả của ba cuộc cách mạng ấy.

Cho nên công tác văn hóa không thể tách rời cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa; cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa lại phải gắn bó với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Trong những điều kiện nhất định, văn hóa có thể đi trước để ảnh hưởng trở lại quá trình phát triển kinh tế.

Thực tế trong 10 năm qua cho thấy các tỉnh miền Nam đã có những tiến bộ lớn trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Do có những thuận lợi rất cơ bản như nước nhà đã thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, có kinh nghiệm của miền Bắc, lại có tính năng động của vùng mới giải phóng, cho nên tốc độ phát triển văn hóa ở miền Nam khá cao. Nhưng cũng không vì thế mà «đốt cháy giai đoạn», không bước những bước cơ bản cần thiết như xây dựng cấu trúc hạ tầng — điều kiện cực kỳ quan trọng đối với cả sự nghiệp xây dựng kinh tế và xã hội — và đào tạo một đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, có nghiệp vụ giỏi.

Ở nhiều tỉnh miền Nam, nhất là đồng bằng sông Cửu long, cấu trúc hạ tầng phải xây dựng trước hết là hệ thống giao thông còn đang rất thiếu. Hiện nay, vì thiếu đường bộ và thiếu phương tiện đi lại mà nền văn hóa giáo dục rất khó phát triển vào vùng nông thôn sâu thường bị ngập nước. Do thấy rõ điều đó, cơ quan chính quyền ở các tỉnh Long an, Hậu giang, Minh hải, Kiên giang, trong mấy năm qua đã cố gắng xây dựng nhiều con đường liên xã, liên huyện. Từ đó ánh sáng văn hóa đã đi rất nhanh vào nông thôn.

Cấu trúc hạ tầng còn là những cơ sở năng lượng mà nếu không có thì hoạt động văn hóa thông tin cũng khó tiến hành. Về phương diện này, nhiều địa phương đã và đang phát triển tốt như xây dựng thủy điện nhỏ ở duyên hải miền Trung, Tây nguyên và miền Đông Nam bộ. Mong rằng trong những năm tới, điện bằng khí mê tan, điện bằng năng lượng mặt trời, bằng sức gió sẽ góp phần làm cho đời sống văn hóa ở nông thôn có thêm nhiều điểm sáng. Cũng cần nói ngay là nhiều địa phương đã mạnh bạo đưa vào nông thôn sâu những phương tiện truyền thông hiện đại nhất (Minh hải đã đưa máy thu hình đến 200 xã). Đó là những việc rất đáng hoan nghênh.

Đào tạo cán bộ là một khâu quan trọng có tính quyết định trong việc xây dựng nền văn hóa mới. Về vấn đề này, các tỉnh miền Nam còn gặp nhiều khó khăn. Hầu hết cán bộ văn hóa ở cơ sở hiện nay đều chưa được đào tạo chính quy. Ở cấp tỉnh, thành phố và huyện, có một số cán bộ đã qua trường lớp. Nhưng nhất thiết phải có một quy hoạch dài hạn đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật để qua một, hai kế hoạch 5 năm, ở các cấp tỉnh, thành, huyện và cơ sở đều có cán bộ văn hóa có nghiệp vụ theo những tiêu chuẩn nhất định. Hiện nay, cán bộ ngành văn hóa nghệ thuật chẳng những thiếu mà còn bị xáo trộn nghiêm trọng, cho nên khó có điều kiện chuyên sâu. Sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới đòi hỏi các cấp lãnh đạo các địa phương sớm khắc phục tư tưởng tạm bợ, chắp vá, «ăn đong» trong công tác cán bộ, có quy hoạch và kế hoạch đào tạo và sử dụng cán bộ, và có những chế độ, chính sách cần thiết và thích đáng đối với một ngành

*(Xem tiếp trang 85)*



Digitized by Google

# Mười năm xây dựng và củng cố chính quyền ở các tỉnh miền Nam

VŨ TRỌNG KIÊN

SAU Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trải qua 30 năm chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta đã đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn đất nước, giành lại chính quyền cách mạng trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Hiếm có nước nào như nước ta phải trải qua một cuộc đấu tranh cực kỳ gian khổ và lâu dài hàng mấy chục năm để giải quyết vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Cho nên, có thể nói thành quả vô giá, có ý nghĩa hết sức to lớn mà chiến thắng vĩ đại mùa Xuân 1975 đem lại trước hết là chính quyền cách mạng đã về tay nhân dân ta trong cả nước. Một kỷ nguyên mới đã mở đầu: cả nước ta hoàn toàn độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Phải đổ biết bao xương máu, nhân dân ta mới thực hiện được nguyện vọng thiêng liêng, tha thiết nhất của mình: có chính quyền để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Vì thế, Đảng ta, nhân dân ta rất quan tâm xây dựng và củng cố chính quyền ở các tỉnh miền Nam, để nó trở thành công cụ chủ yếu thực hiện quyền làm chủ tập thể về mọi mặt của nhân dân lao động.

★

Thấm nhuần lời dạy của Lê-nin: «Giữ vững chính quyền thì khó hơn là giành chính quyền» (1), mười năm qua, bên cạnh những thuận lợi cơ bản là cả nước đã thực hiện nhanh chóng sự thống nhất về Nhà nước, có hiến pháp mới của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và những luật lệ về xây dựng chính quyền, lại có kinh nghiệm mấy chục năm xây dựng chính quyền của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhân dân miền Nam đã phải khắc phục nhiều khó khăn, phức tạp, nhất là trong thời kỳ đầu xây dựng và gìn giữ chính quyền.

Hai mươi năm dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và chịu những hậu quả nặng nề của chiến tranh ác liệt kéo dài, xã hội miền Nam sau ngày được giải phóng đã đặt ra biết bao vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội mà chính quyền cách mạng phải giải quyết. Hơn một triệu ngụy quân và nhân viên ngụy quyền tan rã tại chỗ: hàng vạn lưu manh, côn đồ, gái điếm, những kẻ bụi đời, nghiện xì ke, ma túy, lang thang gây rối; lối sống kiểu Mỹ tràn ngập trong xã hội. Những phần tử ngoan cố chống đối vẫn tiếp tục hoạt động và câu kết với bọn phản động bên ngoài phá hoại chính

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 585.



Digitized by Google

quyền cách mạng. Đặc biệt, nền kinh tế phồn vinh giả tạo, trước đây hoàn toàn phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài thì nay, trong hoàn cảnh mới, đã gặp phải những khó khăn to lớn về nhiều mặt... Những năm qua, địch lại gây chiến tranh xâm lược ở phía tây nam, tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt; thiên tai xảy ra ở nhiều nơi.

Trong hoàn cảnh như vậy, chính quyền các cấp ở miền Nam, được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ nhiệt tình và chăm lo xây dựng của nhân dân, đã có nhiều cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ: cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính quyền ấy đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của nhân dân ta ở miền Nam và trong cả nước trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, đồng thời thu được những kinh nghiệm bổ ích để tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò và tác dụng của mình. Đó là:

*1 – Xây dựng nhanh chóng, vững chắc hệ thống chính quyền các cấp nhằm xác lập và thực hiện quyền làm chủ tập thể về mọi mặt của nhân dân lao động.*

Sau khi nhanh chóng đánh đổ ngụy quyền, giải phóng hoàn toàn miền Nam, chúng ta phải thực hiện nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là thiết lập ngay một hệ thống chính quyền từ tỉnh, thành phố đến cơ sở. Chính quyền đó một mặt đã tổ chức tiếp quản mau lẹ các cơ sở vật chất kỹ thuật của toàn bộ hệ thống ngụy quyền, nhất là các cơ quan quân sự, tòa án, cảnh sát và các cơ sở kinh tế, thông tin liên lạc ở các trung tâm đô thị lớn như Sài gòn, Cần thơ, Đà nẵng, Huế... cũng như ở các tỉnh lỵ, các quận, huyện, phường, xã. Mặt khác, đã trấn áp bọn ngoan cố còn hoạt động chống đối, phá hoại; đồng thời tổ chức lại đời sống xã hội. Hệ thống chính quyền phường, xã đã sớm được xây dựng để trước hết phục vụ ngay cuộc sống hằng ngày của nhân dân.

Điều đáng chú ý là, ở các thành phố, thị xã, chúng ta đã thiết lập chính quyền ngay sau thắng lợi của các cuộc tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Còn ở nhiều vùng nông thôn, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng địa phương, và cùng với thắng lợi dồn dập về quân sự, nhân dân ta đã nổi dậy làm tan rã ngụy quyền, tổ chức nên chính quyền của mình.

Khó mà kể hết được những khó khăn của những ngày đầu xây dựng chính quyền. Chỉ riêng vấn đề cán bộ để tổ chức bộ máy chính quyền từ tỉnh, huyện đến cơ sở đã là một khó khăn rất lớn. Buổi đầu chúng ta đã lập Ủy ban quân quản ở tỉnh và thành phố, và Ủy ban nhân dân cách mạng ở huyện, phường, xã. Sau một thời gian ngắn, khi tình hình cơ bản đã ổn định, chính quyền các cấp chuyển sang tập trung làm nhiệm vụ của Nhà nước chuyên chính vô sản, vừa trấn áp bọn chống đối cách mạng, vừa xây dựng mọi mặt đời sống của nhân dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngay từ đầu, chính quyền của ta đã tạo nên được không khí hòa hợp dân tộc, thực hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với những người làm đường lạc lối, biết hối cải.

Chính quyền nhân dân đã dựa vào sức mạnh của các tổ chức quần chúng cách mạng để tập hợp lực lượng, tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân bảo vệ và củng cố chính quyền. Nhiều người tích cực trong các phong trào cách mạng, kể cả nhân sĩ trí thức do chế độ cũ để lại, đã được lựa chọn đưa vào bộ máy chính quyền, vào các cơ quan nghiên cứu khoa học và các tổ chức xã hội để phục vụ nhân dân.

Bộ máy chính quyền được kiện toàn từng bước. Đến nay hệ thống



Digitized by Google

chính quyền hoàn chỉnh ở các cấp đã hình thành, có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân do nhân dân bầu ra, ngày càng phát huy vai trò của mình. Hệ thống chính quyền các cấp được xây dựng và củng cố đủ mạnh, là cơ sở thuận lợi để sớm thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

*2—Bước đầu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế cao cả.*

Để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng trong giai đoạn mới, chính quyền các cấp ở miền Nam trong những năm qua đã kết hợp chặt chẽ và bảo đảm thực hiện cả hai chức năng trấn áp và tổ chức, xây dựng, không coi nhẹ mặt nào. Thực tiễn cách mạng ở miền Nam cũng chứng tỏ rằng, kẻ địch sau khi bị đánh đổ, đã tìm cách ngóc đầu dậy chống phá cách mạng. Do đó, trên lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội có những lúc diễn biến phức tạp, cuộc đấu tranh giai cấp giữa ta và địch, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở địa bàn miền Nam rất phức tạp và quyện chặt vào nhau. Chính quyền nhân dân đã sử dụng nhiều hình thức thích hợp và biện pháp cần thiết để giữ vững an ninh, trật tự, cải tạo lối sống cũ, xây dựng lối sống mới. Đặc biệt chú ý xóa bỏ các hang ổ của tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại, cải tạo những nạn nhân của chế độ Mỹ — ngụy, đưa họ về cuộc sống chân chính. Chính quyền đã tổ chức cho những sĩ quan ngụy quân, quan chức ngụy quyền ra tự khai báo, tiến hành cải tạo họ theo những hình thức và mức độ khác nhau hoặc cho về sản xuất, sinh sống với gia đình. Các lực lượng quân đội, an ninh phối hợp với các tổ chức quần chúng tiếp tục truy quét bọn ngoan cố chống đối, trừng trị địch dăng những tên dầu sỏ. Một số tên gián điệp do địch cài lại có âm mưu phá hoại và lật đổ chính quyền đã bị sa lưới. Cuộc chiến tranh xâm lược của địch ở biên giới tây nam bị thất bại, chứng tỏ chính quyền nhân dân ta đứng vững trước mọi thử thách quyết liệt.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam trong 10 năm qua đặt ra cho các cấp chính quyền nhân dân những nhiệm vụ rất nặng nề. Một trong những nhiệm vụ nặng nề nhất là cải biến nền kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài, phục vụ chiến tranh xâm lược thành nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển sản xuất, đáp ứng những nhu cầu của đời sống nhân dân và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện đường lối và các chính sách kinh tế — xã hội của Đảng, chính quyền nhân dân các cấp đã làm nhiều việc để giải quyết công ăn việc làm cho hàng triệu người trước đây phục dịch cho bộ máy chiến tranh của Mỹ—ngụy, vận động và tổ chức hàng vạn đồng bào trước đây từ nông thôn chạy ra thành thị kiếm sống, trở về quê cũ sản xuất hoặc đi khai hoang ở vùng kinh tế mới, đưa hàng nghìn nạn nhân của xã hội cũ vào các trại phục hồi nhân phẩm.

Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở thành phố, thị trấn được chính quyền khuyến khích trở lại tiếp tục sản xuất. Đồng thời chính quyền lập ra nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh mới để thu hút những người lao động không có việc làm, giải quyết từng bước nạn thất nghiệp do xã hội cũ để lại, góp phần cải tạo các thành phố từ chỗ ăn chơi, tiêu phí thành nơi lao động sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trong điều kiện có nhiều thành phần kinh tế và tình hình xã hội còn phức tạp, chính quyền nhân dân đã có nhiều cố gắng trong cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, chống



Digitized by Google

những âm mưu và hành động phá hoại kinh tế của địch, tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo những hình thức thích hợp, đưa dần các nhà tư bản vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, bắt họ phục tùng sự quản lý của Nhà nước. Nhiều chuyên gia tư sản được giáo dục và tham gia phục vụ đời sống nhân dân lao động. Dưới sự quản lý của chính quyền, nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động ngày càng tiến bộ.

Những năm gần đây, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, ngư nghiệp đã được chính quyền các cấp chú ý đẩy mạnh hơn trước. Riêng về nông nghiệp, đến nay đã có 52% số hộ nông dân với 44% diện tích ruộng đất đi vào con đường làm ăn tập thể. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp từng bước được mở rộng và củng cố, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa. Chính quyền các cấp đang đẩy mạnh việc áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, xây dựng các cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội (có những công trình lớn đã đi vào hoạt động có hiệu quả). Đồng thời quan tâm xây dựng từng bước nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ những tàn dư của nền văn hóa và lối sống cũ. Hàng chục triệu con em nhân dân lao động được đi học tại các trường mẫu giáo, phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Hàng nghìn bệnh viện, trạm y tế được xây dựng và phát triển thêm, phục vụ đời sống nhân dân.

Mười năm qua, chính quyền được xây dựng và bảo vệ, chẳng những bảo đảm được an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, mà còn cải tạo được nhiều mặt do xã hội cũ để lại, xây dựng được một số cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, nâng dần từng bước đời sống nhân dân.

Một nhiệm vụ quan trọng nữa mà chính quyền các cấp đã hoàn thành tốt là cùng với các địa phương trong cả nước, nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, chi viện sức người, sức của, giúp nhân dân Cam-pu-chia anh em chiến đấu thoát khỏi nạn diệt chủng và xây dựng chính quyền nhân dân, thực hiện sự kết nghĩa giữa các tỉnh miền Nam với các tỉnh của Lào và Cam-pu-chia nhằm bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng cuộc sống mới của nhân dân ba nước.

*3— Chính quyền các cấp ngày càng thể hiện rõ bản chất là chính quyền của dân, do dân và vì dân.*

Qua nhiều năm sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, nhân dân miền Nam càng thấy rõ bản chất tốt đẹp của chính quyền cách mạng, của chế độ xã hội mới. Bằng những hoạt động và việc làm cụ thể, chính quyền các cấp ở miền Nam ngày càng trở thành và xứng đáng là người đại biểu trực tiếp lợi ích chính đáng của nhân dân lao động. Chính quyền đã từng bước tạo điều kiện cho nhân dân vốn trước đây là người bị áp bức, bóc lột, đứng lên làm chủ đất nước, tham gia quản lý các mặt của đời sống xã hội, giám sát sự hoạt động của các cơ quan quyền lực và cơ quan chấp hành của Nhà nước ở mỗi cấp. Khi được cầm lá phiếu đi bầu cử Quốc hội thống nhất của cả nước, thực hiện quyền công dân của mình, đồng bào rất đỗi cảm động, vui sướng. Qua các kỳ bầu cử, chính quyền các cấp đã tổ chức kiểm điểm trước dân, lắng nghe ý kiến của dân để thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ của mình.

Chính quyền các cấp đã coi trọng việc quản lý xã hội theo pháp luật, xử lý kịp thời những hành vi trái pháp luật, bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân,



Digitized by Google

giáo dục nhân dân học tập và làm theo Hiến pháp và pháp luật. Do đó đã tập hợp được các tổ chức quần chúng, các cá nhân tham gia xây dựng chính quyền, ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần, thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Thông qua phong trào quần chúng xây dựng chính quyền, nhiều nơi đã phát hiện, thanh lọc được những phần tử xấu, cơ hội chui vào bộ máy chính quyền.

Để tăng cường khối liên minh công nông, chính quyền đã tạo điều kiện và tổ chức trao đổi sản phẩm giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, thông qua các hợp đồng kinh tế. Việc trao đổi sản phẩm công nghiệp và thu mua nông sản theo phương thức xã hội chủ nghĩa làm cho người lao động phấn khởi, hăng hái sản xuất, công nhân và nông dân đều thấy đó là vì lợi ích của chính mình. Cho nên, một số nơi đã từng bước loại dần được tư thương ra khỏi thị trường nông thôn.

Chính quyền ở nhiều nơi, nhất là cấp phường đã tổ chức mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đưa hàng đến tận tay người tiêu dùng, thiết thực góp phần bảo đảm đời sống của dân. Chính quyền cũng đã quan tâm giải quyết những đơn khiếu tố, những yêu cầu chính đáng của dân.

Để phục vụ nhân dân ngày càng tốt, chính quyền các cấp đã từng bước kiện toàn bộ máy, nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ, cải tiến lề lối làm việc, chống quan liêu và tham ô, phát huy tính năng động sáng tạo của mình.

★

Có được những bước trưởng thành qua 10 năm xây dựng và củng cố chính quyền ở các tỉnh miền Nam, trước hết là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Trung ương Đảng và Chính phủ, sự quan tâm đặc biệt của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, và nhờ các cấp ủy Đảng đã biết vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương mình. Nhiệt tình cách mạng của nhân dân một lòng đi theo Đảng, kiên quyết xây dựng, củng cố chính quyền của mình và sự cố gắng vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, nâng cao trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp là những nhân tố rất quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn và những kinh nghiệm quý báu đã thu được, chính quyền các cấp ở miền Nam còn có những nhược điểm, thiếu sót cần khắc phục. Trước những yêu cầu mới của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình hiện nay, chính quyền các tỉnh ở miền Nam trong hệ thống chính quyền thống nhất của cả nước, cần được xây dựng vững mạnh một cách toàn diện từ tỉnh, thành phố cho đến xã, phường; coi trọng vai trò của chính quyền cơ sở, đồng thời không ngừng nâng cao trình độ, năng lực quản lý của chính quyền các cấp, vừa bảo đảm tốt sự tập trung thống nhất của trung ương, vừa phát huy tính năng động sáng tạo của địa phương, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, quan tâm đào tạo cán bộ tại chỗ, tránh sự xáo trộn không cần thiết, nhưng cũng tránh tư tưởng cục bộ, bản vị. Bằng những hình thức và biện pháp thiết thực, chính quyền của chúng ta phải bảo đảm thực hiện ngày càng tốt quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt; tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa chính quyền và nhân dân. Một mặt tổ chức giáo dục nhân dân nâng cao ý thức, năng lực làm chủ của mình, mặt khác, tạo điều kiện để nhân dân tích cực đóng

*(Xem tiếp trang 90)*



Digitized by Google

# Chủ tịch Hồ Chí Minh
## và việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt nam

VĂN TẠO

LỊCH sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cho thấy không những bản thân lý luận Mác — Lê-nin có tầm quan trọng đặc biệt mà việc tiếp thu và truyền bá lý luận Mác — Lê-nin cũng có ý nghĩa rất to lớn. Tiếp thu không *đúng thực chất* chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì không thể *truyền bá đúng nội dung* của nó vào phong trào công nhân, thậm chí có khi còn xuyên tạc những nguyên lý cơ bản của nó nữa. Chỉ có những nhà cách mạng chân chính của giai cấp công nhân mới có thể *tiếp thu đúng thực chất* chủ nghĩa Mác — Lê-nin và *truyền bá đúng nội dung* của nó vào phong trào công nhân.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là một trong những người như vậy. Người đã có những cống hiến to lớn trong việc tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào phương Đông nói chung, vào Việt nam nói riêng. Việc tiếp thu và truyền bá này, thực chất là một nhiệm vụ đấu tranh cách mạng, và *thực tế nó đã trở thành một cuộc đấu tranh cách mạng rất sinh động.*

Trên trường quốc tế, đó là cuộc đấu tranh chống các trào lưu cơ hội chủ nghĩa như chủ nghĩa men sê vích, chủ nghĩa Tờ-rốt-xki, chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa xã hội — sô vanh của bọn phản bội thuộc Quốc tế thứ hai... Còn ở trong nước là đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa cải lương tư sản, chủ nghĩa địa phương, cục bộ bè phái, cùng các bệnh ấu trĩ của phong trào công nhân ở một nước nông nghiệp lạc hậu, đang bị đế quốc, phong kiến thống trị.

Vấn đề mấu chốt nhất, quan trọng và thiết thực nhất đối với cách mạng nước ta là đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã *tiếp thu đúng thực chất của chủ nghĩa Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.* Đây cũng là vấn đề đã được đặt ra và được thử thách trong cuộc đấu tranh giữa Quốc tế thứ ba và Quốc tế thứ hai. Cuộc đấu tranh đó có ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình tìm đường cứu nước của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí kể lại: Lúc bấy giờ, "về cảm tình tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lê-nin... Khi tôi nêu câu hỏi: « Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức? » thì



Digitized by Google

người ta trả lời: *Quốc tế thứ ba*. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê-nin vừa đăng trên báo *Nhân đạo*... Từ đó tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lê-nin» (1).

Sơ thảo lần thứ nhất *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin đã giúp đồng chí Nguyễn Ái Quốc thấy rõ những quan điểm cơ bản của Quốc tế cộng sản đối với phong trào giải phóng dân tộc, mang lại cho đồng chí những nhận thức và tình cảm mới mẻ, giống như người đang khát mà được nước uống, đang đói mà có cơm ăn. Luận cương của Lê-nin làm cho đồng chí rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng. Đồng chí vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà đồng chí nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: «Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!» (2). Từ đó đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định dứt khoát: «Vấn đề dân tộc... chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản» (3) và: «Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ» (4).

Tiếp thu đúng thực chất chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lại trực tiếp truyền bá vào Việt nam qua các sách báo do đồng chí biên soạn. Đầu tiên là những bài đăng trên *Tạp chí cộng sản* của Đảng cộng sản Pháp, rồi đến các bài đăng trên báo *Người cùng khổ* (Le Paria) do đồng chí làm chủ bút; tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* xuất bản năm 1925 ở Pa-ri. Những bài báo và tác phẩm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã thức tỉnh đồng bào ta, thổi một luồng gió mới vào nước ta cũng như vào nhân dân các nước bị áp bức, «trả lời đúng vào ý nghĩa, nguyện vọng và tâm tình thế hệ thanh niên lúc bấy giờ» (5).

Từ tháng 6-1923, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tới Liên xô. Tại đây đồng chí đã cho công bố trên báo *Sự thật*, cơ quan của Đảng cộng sản Liên xô và trên tạp chí *Thư tín Quốc tế* của Quốc tế cộng sản nhiều bài nói về nhiệm vụ của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa theo đường lối của Lê-nin và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga. Từ tháng 11 năm 1924 đồng chí hoạt động ở Trung quốc với nhiệm vụ xây dựng phong trào cộng sản và công nhân ở Đông Nam Á mà Quốc tế cộng sản giao cho và trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng Việt nam. Tháng 6-1925 đồng chí cho ra đời tờ báo *Thanh niên* mà đến tháng 4-1927 đã ra được 88 số. Tuần báo *Thanh niên* góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt nam. Năm 1927, Bộ tuyên truyền của *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* lại cho xuất bản những bài giảng của đồng chí trong các lớp huấn luyện ở Quảng châu (Trung quốc) thành cuốn sách mang tên *Đường kách mệnh*. Cuốn sách nêu lên những kinh nghiệm của cách mạng thế giới, vạch ra phương hướng cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt nam.

Nhìn chung, toàn bộ quá trình tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt nam của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong khoảng 10 năm

---

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 519.

(2) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr. 175

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 207.

(4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 176.

(5) Hồi ký của đồng chí Tôn Đức Thắng và đồng chí Phạm Hùng, báo *Thống nhất*, ngày 13-5-1960.



Digitized by Google

(1920 – 1930) là một quá trình đấu tranh không ngừng cho sự xác lập chân lý cách mạng của thời đại. Thắng lợi của nó, về lý luận cũng như về thực tiễn, biểu hiện rõ trên những vấn đề cơ bản sau đây:

*1 – Đặt cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt nam vào phạm trù cách mạng vô sản, kết hợp cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp.* Ở đây vấn đề cực kỳ quan trọng là phải nhanh chóng xác lập cho được quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với phong trào giải phóng dân tộc. Ở Việt nam lúc này cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản để giành quyền lãnh đạo cách mạng vẫn đang còn tiếp diễn. Những năm 1927 – 1930 Việt nam quốc dân đảng – chính đảng có xu hướng tư sản vẫn còn có ý đồ giành quyền lãnh đạo cách mạng với giai cấp công nhân Việt nam. Cho nên việc xác lập quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, đưa cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt nam vào phạm trù cách mạng vô sản không phải là việc đơn giản, dễ dàng. Đó là chưa kể ở ngoài nước lúc đó, bọn cơ hội hữu khuynh đang khăng khăng phủ nhận khả năng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ của giai cấp vô sản. Họ cho rằng, cách mạng tư sản dân chủ nhất thiết phải do giai cấp tư sản lãnh đạo; và giai cấp vô sản phải giúp đỡ và phục tùng cuộc cách mạng đó.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, do thấm nhuần chân lý sáng ngời của chủ nghĩa Lê-nin, lại nhờ thực tiễn cách mạng Việt nam soi sáng, đã không bị mắc vào những luận điểm sai lầm của bọn cơ hội hữu khuynh. Thực tiễn cách mạng Việt nam đã chỉ rõ, nếu trông chờ vào giai cấp tư sản dân tộc, một giai cấp nhỏ yếu, bất lực, chỉ vươn tới cải lương chứ chưa bao giờ đạt tới trình độ cách mạng, thì không thể lãnh đạo được cuộc cách mạng dân tộc dân chủ mà đối tượng là bọn đế quốc hung hãn và phong kiến phản động đã câu kết chặt chẽ với nhau. Chỉ có giai cấp công nhân, một giai cấp đang độ trưởng thành và tràn đầy sinh lực do kế thừa được truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc và tiếp thu được tinh hoa cách mạng của thời đại, mới có khả năng lãnh đạo cuộc cách mạng đó. Vì vậy, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã kiên quyết đấu tranh chống những nọc độc của bọn cơ hội chủ nghĩa, quyết tâm đưa giai cấp công nhân Việt nam lên giành lấy độc quyền lãnh đạo cách mạng.

*2 – Quyết tâm làm cách mạng dân tộc dân chủ, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến.* Theo nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, lợi dụng sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, cách mạng vô sản có thể nổ ra và giành thắng lợi ở một nước riêng lẻ – nơi đang là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc. Nhưng bọn cơ hội chủ nghĩa trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lại chống lại luận điểm đó. Plê-kha-nốp và Cau-xki « hùa theo giai cấp tư sản để chế giễu mọi tư tưởng về cách mạng, mọi biện pháp tiến tới một cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp » (6). Bọn xét lại thì đề cao chủ nghĩa cải lương, « coi những cuộc cải lương là việc thực hiện từng phần chủ nghĩa xã hội » (7), thực chất là họ từ bỏ đấu tranh cách mạng. Còn bọn tờ rốt xkít thì lại phủ nhận khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng lực lượng công nhân và nông dân, chúng phủ nhận khả năng cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công ở một nước riêng lẻ.

(6) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 26, tr. 408.

(7) V.I. Lê-nin: Sách đã dẫn, tập 20, tr. 79.



Digitized by Google

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, thấm nhuần sâu sắc chân lý của chủ nghĩa Lê-nin và được thực tiễn cách mạng Nga chứng minh và thuyết phục, ngay từ năm 1925 đã nêu ra trong *Đường kách mệnh* luận điểm quyết tâm làm cách mạng dân tộc dân chủ triệt để, tiến lên chủ nghĩa xã hội theo gương cách mạng Nga. Đó là con đường mà đến nay nhân dân Việt nam nói riêng và nhân dân ba nước Đông dương nói chung đang thực hiện.

*3 – Gắn liền vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa với vấn đề nông dân*: Thực chất của chủ nghĩa Tờ-rốt-xki là phủ nhận khả năng thu hút quần chúng cơ bản trong nông dân tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng cho rằng bản chất nông dân là phản động không thể đi cùng với công nhân lên chủ nghĩa xã hội được ; rằng giai cấp công nhân không đủ sức lãnh đạo nông dân để chuyển kinh tế cá thể của nông dân vào con đường tập thể hóa... Ở Việt nam cũng còn nhiều người có nhận thức sai lạc về vấn đề nông dân. Phan Bội Châu, trong khi kêu gọi « 10 giới đồng tâm » chưa đề cập đến nông dân. Phan Chu Trinh chưa có một ý niệm rõ rệt nào về vai trò to lớn của nông dân, và chủ trương muốn đánh đổ phong kiến phải dựa vào đế quốc. Ngay những trí thức tiểu tư sản có xu hướng tiến bộ như Nguyễn Thái Học và các lãnh tụ khác của Việt nam Quốc dân đảng cũng mới chỉ chú trọng thu hút trí thức tư sản, địa chủ yêu nước, phú nông, binh lính nói chung chứ chưa thấy vai trò của nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ.

Lê-nin từng chỉ rõ : Nếu không đưa cuộc đấu tranh giai cấp vào nông thôn, nếu không đoàn kết quần chúng lao động ở nông thôn chung quanh Đảng cộng sản của giai cấp vô sản thành thị, thì sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản sẽ không hoàn thành được (8). Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, do có lòng yêu nước nồng nàn và sống gần gũi quần chúng cách mạng cho nên đã sớm thấy sức mạnh của nông dân. Khi gặp được chủ nghĩa Lê-nin, Người nhanh chóng tiếp thu quan điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, thấy rõ cách mạng dân tộc ở các nước thuộc địa thực chất là cách mạng nông dân, nhận thức được vai trò to lớn của liên minh công nông trong quá trình cách mạng. Các tác phẩm của Người đều gắn vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa với vấn đề nông dân, chỉ cho giai cấp công nhân phương hướng giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân trong cách mạng.

Tuy nhiên, Người không bao giờ đánh giá quá cao khả năng của nông dân. Trong khi chủ nghĩa dân túy và bọn cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế quá đề cao vai trò nông dân, cho rằng có thể dựa vào nông dân để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nhìn thấy cả mặt hạn chế, mặt tiêu cực của nông dân. Tại Đại hội thứ nhất Quốc tế nông dân năm 1923, Người đã khẳng định : « Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, nịnh nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lê-nin mà thôi (9) ».

Có một quan điểm đúng đắn như vậy về vấn đề nông dân để lãnh đạo

(8) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 41, tr. 2..8.

(9) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật Hà nội, 1980, tập 1, tr. 157—158.



Digitized by Google

cách mạng Việt nam là vô cùng quan trọng. Bởi vì ở Việt nam, bọn tờ rốt xkit lợi dụng vấn đề nông dân để phá hoại phong trào cách mạng. Cuộc đấu tranh với chúng kéo dài và cuối cùng chủ nghĩa Lê-nin và đường lối của Đảng cộng sản Đông dương do đồng chí Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo đã giành được toàn thắng.

*4—Về đoàn kết quốc tế vô sản:* Nhờ tiếp thu đúng thực chất chủ nghĩa Mác — Lê-nin và thực hiện đúng đường lối đoàn kết quốc tế mà phong trào công nhân Đông dương có một sức mạnh mới. Thật ra, ngay trong thời kỳ «phương Đông thức tỉnh», những nhà yêu nước Việt nam cũng bước đầu thấy được nhu cầu đoàn kết quốc tế chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc và đã đi tìm sự viện trợ quốc tế, coi đó như một trong những yếu tố thành công của cách mạng. Nhưng do những hạn chế lịch sử và hạn chế giai cấp, họ đã không biết phải dựa vào ai, ai là đồng minh chiến lược, ai là đồng minh tạm thời, thậm chí có người còn lầm thù thành bạn, cho nên cuối cùng đã thất bại. Còn trên trường quốc tế lúc đó, bọn xã hội sô vanh thuộc Quốc tế thứ hai lại nêu lên chiêu bài «Bảo vệ Tổ quốc» bằng bất cứ giá nào, thực chất là chống lại đường lối đoàn kết theo chủ nghĩa quốc tế vô sản của Lê-nin.

Khẩu hiệu «Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!» của Lê-nin có sức thuyết phục rất to lớn. Nhưng để thực hiện khẩu hiệu đó, giai cấp công nhân Đông dương phải làm sao cho nhân dân Đông dương trút bỏ được những thành kiến dân tộc và chủng tộc, trút bỏ được quan niệm phân biệt bạn thù theo màu da như một số nhà yêu nước trước kia đã phạm phải, đoàn kết với công nhân và nhân dân lao động chính quốc trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, giai cấp công nhân Đông dương cũng phải làm cho công nhân và nhân dân lao động chính quốc hiểu sâu vấn đề thuộc địa, hiểu rõ đời sống khổ cực của nhân dân thuộc địa và khả năng cách mạng của họ để cùng nhau đấu tranh chống kẻ thù chung. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người tiêu biểu cho giai cấp công nhân Đông dương trong nhiệm vụ đoàn kết quốc tế này. Trong tham luận về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa tại Đại hội thứ V của Quốc tế cộng sản, Người nhấn mạnh: «Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch»(10). Người nhắc nhở Đảng cộng sản Pháp cần quan tâm đúng mức tới vấn đề thuộc địa và phải đặt nhiệm vụ cho các đảng viên của Đảng quan tâm hơn nữa đến vấn đề này. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra một hình ảnh sinh động để nêu cao yêu cầu đoàn kết quốc tế giữa công nhân thuộc địa và công nhân chính quốc: «Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt dứt lại sẽ mọc ra» (11).

Chỉ có thực hiện được nhiệm vụ đoàn kết quốc tế, công nhân Đông dương cũng như công nhân toàn thế giới mới có sức mạnh để chiến thắng chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc.

*5—Về vấn đề dân tộc*: Vào những năm thực dân Pháp thống trị, «Xứ

(10) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tập I, tr. 217.

(11) Sách đã dẫn, tr. 454.



Digitized by Google

Đông dương thuộc Pháp » được coi như một quốc gia mà thực tế gồm ba dân tộc : Việt nam, Lào, Cam-pu-chia. Vấn đề dân tộc được đặt ra không chỉ ở Việt nam mà ở cả ba nước trên bán đảo Đông dương. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc đòi hỏi các dân tộc ở Đông dương phải đoàn kết dưới một ngọn cờ lãnh đạo duy nhất của giai cấp vô sản do Đảng cộng sản Đông dương giương cao.

Tiếp thu lý luận Mác — Lê-nin về vấn đề dân tộc và được thực tiễn cách mạng ở Liên xô chứng minh, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá lý luận đó vào Việt nam, lãnh đạo giai cấp công nhân Việt nam giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc. Sau khi khẳng định ý nghĩa quan trọng của sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và vai trò của liên minh công nông trong cách mạng, Người chủ trương phải sớm thiết lập một mặt trận đoàn kết rộng rãi trong dân tộc.

Theo tinh thần đó, sau khi ra đời, Đảng cộng sản Đông dương đã đề ra chủ trương thành lập Hội phản đế đồng minh, rồi tiếp theo đó, nhiều hình thức mặt trận dân tộc thống nhất lần lượt ra đời như Mặt trận dân chủ (thời kỳ 1936 — 1939), Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế (thời kỳ 1939—1941), Mặt trận Việt minh (thời kỳ 1941 — 1945), Mặt trận Liên Việt (1946—1954), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam (1960 — 1975) và Mặt trận Tổ quốc Việt nam (từ 1954 đến nay)... Các Mặt trận đều dựa trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo, đoàn kết tất cả các giai cấp, các đảng phái, các tôn giáo yêu nước, làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng trong quá trình trên, đồng chí Nguyễn Ái Quốc và Đảng cộng sản Đông dương đã giải quyết đúng đắn vấn đề quyền tự quyết của các dân tộc theo nguyên lý của chủ nghĩa Lê-nin. Năm 1941, Đảng cộng sản Đông dương, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã thấy rõ sự cần thiết phải nêu cao quyền tự quyết của mỗi dân tộc trong ba dân tộc Việt nam, Cam-pu-chia, Lào, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất riêng của mỗi nước. Sau đó, Đảng cộng sản Đông dương cũng tách ra làm ba đảng ở ba nước để lãnh đạo cách mạng mỗi nước.

*6—Chuyển biến cách mạng từ cách mạng dân tộc dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa :* Cuộc đấu tranh chống các loại chủ nghĩa cơ hội đều trực tiếp đụng đến vấn đề chuyển biến cách mạng. Lê-nin đã từng vạch rõ, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, giai cấp vô sản không những có khả năng mà còn có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo hoàn thành triệt để cách mạng dân tộc dân chủ để đưa đất nước tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Hai nhiệm vụ cách mạng đó tuy có những chiến lược, sách lược khác nhau nhưng vẫn là hai bước đi nối tiếp của một quá trình cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Đối với Việt nam, đây là một đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, hợp với lòng người. Bởi vì ở Việt nam lúc đó, thực dân Pháp xâm lược đã duy trì chế độ phong kiến phản động làm tay sai cho chúng, kìm hãm sự phát triển của giai cấp tư sản dân tộc. Cho đến những năm 20 của thế kỷ này, giai cấp tư sản dân tộc mới ra đời và cũng rất què quặt, ốm yếu, không thể đương đầu được với chủ nghĩa đế quốc. Nó chỉ có khả năng cải lương chứ chưa lúc nào vươn tới cách mạng. Nếu sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, Việt nam tiếp tục phát triển theo con đường của chủ nghĩa tư bản thì không tránh khỏi rơi vào sân vườn của chủ nghĩa thực dân mới, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Hơn nữa, ước vọng của dân tộc Việt nam là độc lập, tự do và xây dựng



Digitized by Google

cuộc sống ấm no hạnh phúc. Vì vậy, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản, không có quá trình nào khác ngoài quá trình chuyển biến cách mạng từ cách mạng dân tộc dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. *Luận cương chính trị* của Đảng (năm 1930) đã nêu rõ: « Thời kỳ này là thời kỳ cách mạng vô sản toàn thế giới và thời kỳ kiến trúc xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết; xứ Đông dương sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chính các nước giúp sức cho mà phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa » (12).

Tóm lại, chính nhờ đồng chí Nguyễn Ái Quốc tức Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta, dân tộc ta, Người tiếp thu đúng thực chất, truyền bá đúng nội dung, vận dụng sáng tạo lý luận Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta đã giải quyết đúng các vấn đề về đường lối, nhiệm vụ cách mạng, vượt qua nhiều bước hiểm nghèo, tiến lên giành thắng lợi toàn vẹn và triệt để trong cách mạng dân tộc dân chủ và ngày nay đang vững bước tiến lên trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Được tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng dẫn, dưới sự lãnh đạo tài tình và sáng tạo của Đảng ta, nhất định nhân dân ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thực hiện một cách xuất sắc những tư tưởng cao cả của Người, những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

---

(12) *Văn kiện Đảng 1930 — 1945*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1978, tập I, tr. 68.

---

## Bốn mươi năm phục vụ...

*(Tiếp theo trang 53)*

cơ sở y tế và chăm lo cải thiện đời sống cho cán bộ y tế.

★

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy những thành tựu to lớn 10 năm qua, bằng sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chúng ta tin tưởng rằng ngành y tế sẽ vươn lên khắc phục những khó khăn, thiếu sót, phục vụ có hiệu quả hơn nữa sản xuất, đời sống và chiến đấu, góp phần vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

# HỌC TẬP TÁC PHONG CỦA BÁC HỒ

ĐẶNG XUÂN KỲ

Từ trước đến nay chúng ta vẫn thường nói đến việc học tập tư tưởng, đạo đức và tác phong của Hồ Chủ tịch. Nhưng thật ra chúng ta mới chú ý đến phần tư tưởng và đạo đức, còn phần tác phong thì chưa được coi trọng đúng mức. Ngay việc học tập tư tưởng và đạo đức của Người cũng chưa phải đã được tiến hành tốt ở mọi nơi, mọi lúc. Chính vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã nhấn mạnh: «Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng» (1).

Tư tưởng, đạo đức, tác phong của Bác Hồ mãi mãi là di sản vô giá đối với toàn Đảng, toàn dân ta. Đó là một chỉnh thể đã tạo nên nhân cách của Bác — một mẫu mực hoàn thiện nhất của nhân cách Việt nam — nhân cách của con người cách mạng, con người cộng sản, một tấm gương trong sáng tuyệt vời đối với các thế hệ người Việt nam hôm nay và mai sau.

Tư tưởng, đạo đức, tác phong là ba mặt có liên quan chặt chẽ với nhau, bao quát cả lý trí và tình cảm, nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Tư tưởng chi phối đạo đức, tác phong; đồng thời đạo đức, tác phong lại hiện thực hóa tư tưởng, qua hoạt động thực tiễn của con người.

Trong việc giáo dục cán bộ, đảng viên, Bác Hồ luôn luôn chú ý đến cả ba mặt tư tưởng, đạo đức và tác phong. Bác rất coi trọng tư tưởng và đạo đức, nhưng hoàn toàn không xem nhẹ tác phong. Nhiều khi những điều dạy bảo của Bác về tác phong lại rất cụ thể, sâu sắc, có sức cảm hóa, thuyết phục và hướng dẫn trực tiếp cho hành động của mọi người.

Về mặt tác phong, Bác đã chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên trên cả ba lĩnh vực: công tác, lãnh đạo và sinh hoạt hằng ngày; trong cả ba mối quan hệ: đối với công việc, đối với người khác và đối với bản thân mình.

Bác giáo dục cán bộ, đảng viên về tác phong, cũng như về tư tưởng, đạo đức, không phải chỉ qua những lời nói, những bài viết, mà điều quan trọng hơn là ở ngay những hoạt động thực tiễn của Người. Bác đã thực hiện trước hết và hơn ai hết câu: «Nói phải đi đôi với làm». Hơn thế nữa, Bác đã làm nhiều hơn những điều Bác đã nói và viết. Sự vĩ đại của Bác chính là ở đó. Niềm tin tuyệt đối của mọi người đối với Bác, sự kính trọng đến mức thiêng liêng đối với Bác cũng bắt nguồn từ đó.

Tác phong của Bác Hồ là một tác phong hoàn chỉnh, mẫu mực, bao gồm rất nhiều nội dung phong phú. Trong bài này chúng tôi chỉ nêu một số điểm chủ yếu nhất.

★

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 61.



Digitized by Google

Điểm nổi bật nhất trong tác phong của Bác là *tác phong quần chúng*: sâu sát, tin yêu và tôn trọng quần chúng; vừa lãnh đạo quần chúng vừa phát huy quyền làm chủ của quần chúng; vừa giáo dục quần chúng vừa không ngừng học hỏi quần chúng; chú ý lắng nghe ý kiến quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng; giản dị, gương mẫu trước quần chúng, luôn luôn quan tâm đến đời sống của quần chúng.

Bác thường dạy cán bộ, đảng viên chúng ta phải "từ nơi quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng". Bác đã nhiều lần phê phán tệ xa rời quần chúng, lên mặt "quan cách mạng", "quan nhân dân", không xứng đáng là người đầy tớ, người học trò của nhân dân. Những thói mệnh lệnh, cửa quyền đối với quần chúng, cường bức ức hiếp quần chúng, không chú ý lắng nghe ý kiến phê bình, những kiến nghị của quần chúng, bỏ mặc không xem xét những yêu cầu, khiếu nại của quần chúng là hoàn toàn xa lạ với quan điểm và tác phong của Bác. Bác thường nhắc nhở mọi người: "Chúng ta phải yêu dân thì dân mới yêu ta, kính ta" (2). Làm cho dân kính, dân tin, dân yêu, dân phục là vấn đề thuộc về lòng người. Uy quyền chỉ có thể làm cho người ta sợ, chứ không thể giành được sự tin yêu, kính phục của người khác. Quần chúng chỉ tin yêu, kính phục cán bộ, đảng viên khi thấy ở người cán bộ, đảng viên tấm lòng trọn vẹn với dân, với nước, như Bác Hồ đã dạy.

Tấm lòng của Bác đối với nước, với dân mênh mông như biển cả. Khi đã trở thành Chủ tịch nước, Bác vẫn không khác Già Thu hồi mới trở về Pắc bó. Khi về ở tại khu Phủ Chủ tịch giữa thủ đô Hà nội, Bác vẫn gần gũi mọi người như Ông Kẻ hồi ở chiến khu Việt bắc. Dù bận rất nhiều việc lớn của Đảng và Nhà nước, nhưng đã hàng trăm lần Bác đi thăm các cơ sở của Hà nội; hàng trăm lần Bác đến các đơn vị của các lực lượng vũ trang nhân dân thuộc đủ các ngành, các binh chủng, quân chủng để thăm hỏi cán bộ, chiến sĩ. Bác đã có mặt ở hàng trăm công trường, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, bệnh viện, trường học, nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo và nhiều nơi ở của những công nhân, cán bộ bình thường. Dấu chân Bác đã đề lại ở nhiều địa phương từ trung du đến đồng bằng, từ miền núi đến vùng duyên hải và các đảo xa. Có đến hàng nghìn lần Bác đã tiếp khách trong khu Phủ Chủ tịch, không phải chỉ ở trong phòng khách long trọng mà còn ở cả bên giàn hoa hoặc trên sàn gỗ. Đối với mọi người Bác đều ân cần, trân trọng. Ngay đối với các cháu thiếu niên, nhi đồng cũng vậy. Bác đã nói với các đồng chí phục vụ: "Ở nhà các cháu là con là cháu của các chú, nhưng vào đây các cháu là khách của Bác". Nhận được hàng nghìn lá thư của nhiều người khác nhau, Bác đều đọc và trả lời một cách chu đáo hoặc cho ý kiến cụ thể để các cơ quan có trách nhiệm giải quyết.

Tác phong quần chúng của Bác còn thể hiện ở sự giản dị như chính bản thân cuộc sống của Bác. Đối với Bác, mọi nghi thức hình như đều trở nên thừa, hoặc nếu phải chấp nhận thì cũng chỉ là miễn cưỡng. Bác đến với quần chúng nhân dân như đến với những người thân thích, ruột thịt. Bao giờ Bác cũng đem đến cho mọi người sự gần gũi, ấm cúng, niềm lạc quan, tin tưởng, sự động viên khích lệ lớn lao và thấy rõ những việc cần làm, rất cụ thể, rất thiết thực.

Nếu tác phong quần chúng là nội dung nổi bật nhất trong tác phong của Bác, thì *tác phong lập thể dân chủ* lại là một nội dung không kém phần quan trọng. Xuất phát từ quan điểm về chủ

(2) Hồ Chí Minh: *Về quan điểm quần chúng*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1974, tr. 29



Digitized by Google

nghĩa tập thể của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và từ nguyên tắc tập trung dân chủ của đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, Bác yêu cầu cán bộ, đảng viên phải xây dựng một tác phong tập thể dân chủ trong công tác, trong lãnh đạo.

Gắn bó với tập thể, tôn trọng tập thể, phát huy sức mạnh của tập thể, tinh thần ấy thấm sâu vào suy nghĩ và hành động của người cán bộ, đảng viên sẽ giúp cho cán bộ, đảng viên tránh được nhiều khuyết điểm, sai lầm. Như Bác vẫn thường nói, không một người nào có thể hiểu biết được tất cả mọi thứ, làm nổi được tất cả mọi việc. Ngay đến anh hùng, lãnh tụ cũng vậy: «Đem so với công việc của cả loài người trong thế giới, thì những người đại anh hùng xưa nay cũng chẳng qua làm tròn một bộ phận mà thôi»(3). Cái thông minh của người phụ trách, người lãnh đạo không phải chỉ là những điều tự mình nghĩ ra, mà quan trọng hơn, chính là ở chỗ biết phát huy và tổng hợp được những cái thông minh của nhiều người khác, của tập thể. Sự tổng hợp đó có thể là một cấp số cộng hoặc một cấp số nhân, mà bất cứ một người riêng lẻ nào cũng không bằng được.

Đối với một người phụ trách, người lãnh đạo, tác phong tập thể dân chủ đòi hỏi phải mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng dân chủ với quần chúng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của mọi người. Cách làm việc đó sẽ tạo ra được không khí làm việc hoạt bát, phấn khởi, hăng hái và đầy sáng tạo. Đã có lần Bác phê bình cách lãnh đạo của một số cấp bộ không dân chủ, do đó mà người có ý kiến không dám nói, người muốn phê bình không dám phê bình, thành thử cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau, quần chúng với Đảng xa rời nhau, không còn sáng kiến, không còn hăng hái trong khi làm việc. Cách lãnh đạo ấy chỉ tạo ra «không khí âm u» trong nội bộ, và gây nên tình trạng «chán nản, bực bội, uất ức, bất mãn» trong quần chúng, không thể xây dựng được những tập thể vững mạnh, và sẽ làm cho cấp dưới và quần chúng giảm lòng tin vào những quan điểm đúng đắn của Đảng về chủ nghĩa tập thể, về làm chủ tập thể.

Đối với người phụ trách, người lãnh đạo, tác phong tập thể dân chủ đòi hỏi phải hết sức lắng nghe cấp dưới, khơi gợi cho cấp dưới nói lên ý kiến của mình.

Chính bản thân Bác đã có một tác phong tập thể dân chủ rất cao. Dù ở cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, Bác vẫn giữ lối làm việc tập thể, dân chủ với Bộ chính trị, với các cơ quan của Đảng và Nhà nước, và rất chú ý lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và người dân bình thường. Không phải chỉ những văn kiện lớn của Đảng và Nhà nước, mà cả những bài báo Bác viết, những bài thơ Bác làm, thường Bác vẫn đưa cho nhiều đồng chí trong Bộ chính trị đọc và tham gia ý kiến; nhiều khi Bác còn đưa cho một số đồng chí khác hoặc ngay cả những anh em phục vụ xem để góp ý hoặc nêu ra những chỗ nào khó hiểu để Bác sửa. Bác đã sử dụng nhiều cơ quan của Đảng và Nhà nước chuẩn bị cho Bác những việc cần thiết, và trước khi quyết định Bác đều hỏi lại cẩn thận và chu đáo. Bác thường gặp gỡ Bộ chính trị vào ngày «sóc vọng» (tức là ngày 1 và 15) hằng tháng để làm việc tập thể, cùng góp ý kiến phê bình một cách nhẹ nhàng, thoải mái nhưng rất có hiệu quả.

Hằng ngày đọc báo, xem thư, nếu phát hiện thấy có những ý kiến của cán bộ, đảng viên và người dân bình thường cần phải chú ý giải quyết, không bao giờ Bác bỏ qua mà đều đánh dấu, hệ thống lại và yêu cầu các

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội 1984, tập 4 tr. 472.



Digitized by Google

cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giải quyết kịp thời.

Trong công tác, trong lãnh đạo, Bác yêu cầu cán bộ, đảng viên phải xây dựng *tác phong khoa học*, cách « làm việc có khoa học ».

Nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu đã để lại cho chúng ta một tác phong không khoa học, một thói quen « làm việc theo lối thủ công nghiệp ». Đó là hàng loạt những thói xấu như tự do, tùy tiện, gặp chăng hay chớ, thiếu kế hoạch, thiếu điều tra nghiên cứu, thiếu ngăn nắp trật tự, luộm thuộm, lề mề, chậm chạp, không coi trọng thời gian, không cụ thể, không thiết thực, bảo thủ, trì trệ, thiếu nhìn xa trông rộng v.v. Bác thường xuyên phê phán những hiện tượng này và đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải kiên quyết đấu tranh khắc phục cho được.

Tác phong khoa học đòi hỏi trong khi làm việc, trong khi lãnh đạo phải có kế hoạch rõ ràng, từ kế hoạch lớn đến kế hoạch nhỏ, từ kế hoạch dài đến kế hoạch ngắn, không phải chỉ hằng năm mà cho đến hằng tuần, hằng ngày; làm việc có chương trình, có giờ giấc, giờ nào việc ấy, như Bác vẫn thường làm. Bác nhắc chúng ta phải biết quý trọng thời gian, làm việc phải đúng giờ; làm việc phải có điều tra nghiên cứu, nắm chắc tình hình, nắm chắc vấn đề mới đi đến quyết định. Đối với người phụ trách, người lãnh đạo, phải có cách sử dụng bộ máy, sử dụng những người cộng sự để họ giúp mình nắm được những thông tin cần thiết và chính xác, đặc biệt là sàng lọc những thông tin sai lệch, những báo cáo sai sự thật.

Tác phong khoa học đòi hỏi chúng ta làm việc phải cụ thể, chính xác, thiết thực, có hiệu quả; đã làm thì phải làm một cách kiên quyết, khẩn trương, làm đến nơi đến chốn, không bày biện ra nhiều thứ; làm ít nhưng làm hẳn hoi. Bác phê phán cái bệnh « *hữu danh vô thực* », — « Làm việc không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện, làm lấy rồi. Làm được ít xuýt ra nhiều, để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại thì rỗng tuếch... Thế là dối trá với Đảng, có tội với Đảng. Làm việc không thiết thực, báo cáo không thật thà cũng là một bệnh rất nguy hiểm » (1).

Tác phong khoa học còn đòi hỏi chúng ta làm việc, lãnh đạo phải sâu sát, lãnh đạo chung kết hợp với chỉ đạo riêng, làm nhiều nhưng phải nghĩ nhiều, phải tăng cường kiểm tra đôn đốc chặt chẽ, kịp thời. Bác thường căn dặn cán bộ phải chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm, óc nghĩ; không được lãnh đạo chung chung, chỉ đạo chung chung. Sự sâu sát sẽ giúp cho người phụ trách, người lãnh đạo nhìn thấy tình hình được chính xác, kịp thời để đi đến những quyết định chính xác.

Trong công tác, trong lãnh đạo, Bác luôn luôn chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên về *cách nói, cách viết*. Bác yêu cầu khi nói, khi viết phải đặt vấn đề: nói, viết cho ai nghe, ai đọc; nói, viết để làm gì? nói, viết như thế nào; có nghĩa là phải thật rõ ràng về đối tượng, về mục đích và về cách thể hiện.

Đối với cán bộ, đảng viên, đối tượng để nói, để viết là quần chúng, mục đích nói và viết là nhằm tuyên truyền giải thích đường lối, chủ trương của Đảng để quần chúng có thể hiểu được, nhớ được và làm được. Vì vậy phải rèn luyện để có được cách nói, cách viết giản dị, trong sáng, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, thiết thực, chống thói « lụp chụp » « cầu thả », chưa điều tra nghiên cứu, chưa nắm chắc vấn đề, chưa phân tích kỹ càng và đề ra được cách giải quyết đã nói, đã viết. Bác nhắc nhở những người

(1) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tập 4, tr. 472—473.



Digitized by Google

phụ trách, những người lãnh đạo: «Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết. Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết cẩn» (5).

Trước khi nói, khi viết, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận. Khi chuẩn bị xong một bài viết, bài nói, lại phải xem đi xem lại 3—4 lần. Nếu là một tài liệu quan trọng, phải xem đi xem lại 9—10 lần. Hơn nữa, mình phải tự phê bình bài của mình, hỏi ý kiến đồng chí khác; những câu những chữ thừa, vô ích, phải bỏ đi.

Trong khi nói, khi viết, còn phải chống thói «cầu kỳ rỏm», «cao xa, màu mè», thích dùng nhiều danh từ cho kêu, cho oai, nhiều khi đưa ra cả một xốc danh từ học thuộc lòng, một lô tiếng nước ngoài có khi không chính xác, thậm chí chính bản thân người nói, người viết cũng không hiểu kỹ càng. Phải làm sao cho «Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng» (6).

Để có được cách nói, cách viết như vậy—Bác yêu cầu chúng ta — «phải học cách nói của quần chúng» (7) vì cách nói của quần chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực mà lại rất giản đơn.

Cả cuộc đời, Bác đã nói và viết như Bác dạy chúng ta. Những lời của Bác đã đi thẳng vào lòng người, gần gũi, xúc động, thúc giục mọi người hoàn thành nhiệm vụ.

Bác yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện để có được một *tác phong sinh hoạt giản dị, lành mạnh, trong sạch*. Những tư tưởng, đạo đức cách mạng cao đẹp phải biến thành những thói quen trong cuộc sống của mỗi người. Khi nói đến Lê-nin, Bác của chúng ta đã có những lời tâm huyết: «Trước con mắt các dân tộc phương Đông, Lê-nin không phải chỉ là một lãnh tụ, một người chỉ huy. Đó cũng là một người thầy có sức hấp dẫn; tính coi thường sự xa hoa, lòng ham mê công việc, đời sống trong sạch, sự giản dị và tâm hồn cao thượng của Người làm cho quả tim chúng tôi hướng về Người, không gì ngăn nổi» (8). Như vậy là sự hấp dẫn của Lê-nin không phải chỉ ở sự vĩ đại của tư tưởng và sự lỗi lạc của tài năng, mà còn ở sự trong sạch, lành mạnh và giản dị trong nếp sống hằng ngày. Trong suốt cuộc đời của Bác, Bác đã giáo dục chúng ta hướng về Lê-nin như hướng về một cuộc đời đẹp nhất, hướng về một con người trọn vẹn nhất.

Con người ta ai cũng có những ham muốn nhất định. Bác dạy cán bộ, đảng viên phải hướng những ham muốn đó vào việc phấn đấu thực hiện những mục tiêu, lý tưởng của người cách mạng, của người cộng sản. Như Bác đã từng nói về mình: «Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành» (9). Nếu những ham muốn của con người chỉ hướng vào những cái ăn, mặc, ở, đi lại, những dục vọng tầm thường và coi đấy là trên hết, trước hết, thì như vậy là biến phương tiện thành mục đích, hoặc làm cho con người sống không còn mục đích đúng đắn, hay nói đúng hơn là chỉ sống với một mục đích thấp hèn. Bác đã dạy: «Người ta ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc

(5) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tập 4, tr. 526.
(6), (7) Sách đã dẫn, tập 4, tr. 530.
(8) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980 tập 2, tr. 521—522.
(9) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tập 1, tr. 381.



Digitized by Google

đẹp, như vậy là không có đạo đức » (10).

Theo Bác, mỗi người phải biết tự kiềm chế, không để cho những ham muốn thấp hèn trở thành thói quen trong cuộc sống, trong sinh hoạt hằng ngày. Bởi vì khi đã thành thói quen rồi thì rất khó sửa; có khi nó còn làm cho con người đi tới thoái hóa, biến chất, hư hỏng. Bác đã nhắc nhở chúng ta: « Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, ham sắm các thứ xa hoa. Lương không đủ thì sẽ lấy ở đâu? Lúc ấy chỉ có hai cách: một là ăn cắp của Chính phủ, hai là bị tiền mua chuộc » (11). Sự kiềm chế ấy trước hết là đối với những ham muốn, những tham vọng của cá nhân mình và phải thể hiện ở chỗ « không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa » (12). Đồng thời còn phải kiềm chế cả những ham muốn, những tham vọng của vợ con mình, của những người thân thích ruột thịt của mình, một vấn đề mà người cán bộ, đảng viên không thể không quan tâm, không có trách nhiệm. Mọi sự lơ là, dễ dãi, bỏ qua hay dung túng trong vấn đề này đều có thể dẫn đến những hậu quả nhiều khi không lường trước được.

Sự giản dị, lành mạnh, trong sạch trong nếp sống, trong các mặt sinh hoạt như ăn, mặc, ở, đi lại, đối xử, giao tiếp hằng ngày của Bác đã được mọi người Việt nam biết rất rõ. Bạn bè khắp nơi trên thế giới, cũng như bất cứ một người khách nước ngoài nào khi được tiếp xúc với Bác hoặc đến thăm nơi ở và làm việc của Bác đều thấy sự giản dị vĩ đại của Bác. Sự giản dị đến mức mà, như Gian-nét Véc-mét Tô-rê đã phát biểu: « Giữa bạn bè, người ta không biết lấy gì biếu Chủ tịch. Hình như Chủ tịch không cần điều gì khác hơn sự ủng hộ chính nghĩa của Việt nam » (13).

Tóm lại, *tác phong của Bác Hồ là tác phong quần chúng, tác phong tập thể dân chủ, tác phong khoa học; là phong cách nói và viết giản dị, trong sáng, ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực; là tác phong sinh hoạt giản dị, lành mạnh, trong sạch.* Đó là tác phong mang tính cách mạng triệt để và tính khoa học sâu sắc. Tác phong ấy đã chắt lọc và chứa đựng được tất cả những gì là tốt đẹp nhất của truyền thống Việt nam, của con người và dân tộc Việt nam. Tác phong ấy lại rất hiện đại, luôn hướng con người về tương lai, là một bộ phận không thể thiếu của nhân cách những con người mới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Phải chăng chính vì vậy mà ngay từ những năm hai mươi của thế kỷ này, O-xíp Man-den-stam đã thấy ở Người một sự thu hút kỳ lạ đến mức phải cảm phục và đã sớm phát hiện: « Từ Nguyễn Ái Quốc, tỏa ra một nền văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai » (14).

Những lời dạy của Bác về tác phong của người cán bộ, đảng viên và chính tác phong của Bác mãi mãi là một tài sản vô cùng quý báu đối với chúng ta. Nếu chúng ta xây dựng được một tác phong theo kiểu Bác Hồ trong đông đảo cán bộ, đảng viên, thì chắc chắn sẽ góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ tình hình, hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đề ra.

---

(10) Hồ Chí Minh: *Với các lực lượng vũ trang nhân dân* Nxb Quân đội nhân dân. Hà nội, 1975. tr 307-308.

(11), (12) Hồ Chí Minh: *Về đạo đức cách mạng*, Nxb Sự thật. Hà nội, 1976, tr. 52 và 35.

(13) *Bác Hồ ở Pháp*. Nxb Văn học. Hà nội, 1970, tr 74

(14) O-xíp Man-den-stam: Gặp một chiến sĩ quốc tế Nguyễn Ái Quốc, Báo *Ngọn lửa nhỏ*, số 39, 23-12-1923.



Digitized by Google

# Mấy suy nghĩ về tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh

*Trung tướng* **HOÀNG PHƯƠNG**

MỘT trong những di sản vô cùng quý báu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau là tư tưởng quân sự của Người, yếu tố rất cơ bản, có ý nghĩa quyết định làm nền móng cho đường lối quân sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta.

Tư tưởng quân sự của Hồ Chủ tịch là hệ thống tri thức bao gồm những vấn đề lý luận và cách mạng bạo lực, về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh nhân dân, về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hậu phương và nền quốc phòng toàn dân, về chỉ đạo chiến tranh và nghệ thuật quân sự nhằm đánh bại mọi kẻ thù xâm lược trong điều kiện đất nước và con người Việt nam từ chế độ thuộc địa và nửa phong kiến vùng lên đấu tranh để giành độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện thực tế Việt nam, kết hợp truyền thống tốt đẹp của dân tộc với trí tuệ của loài người trong thời đại mới, kết hợp lý tưởng độc lập tự do với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tinh thần yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản chân chính.

Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu chủ nghĩa Mác — Lê-nin và khẳng định con đường cứu nước là con đường cách mạng vô sản đã có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành tư tưởng quân sự của Người. Nắm vững thực chất của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nhận rõ kẻ thù của dân tộc, ngay từ đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng tư tưởng quân sự của Người là *phải dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi quân cướp nước, chứ không có con đường nào khác*. Nhưng trước kẻ thù là những tên đế quốc hung bạo, có bộ máy cai trị lão luyện trong nghề đàn áp, có tiềm lực quân sự, kinh tế rất to lớn, làm thế nào để thực hiện thành công bạo lực cách mạng, khi nhân dân ta bị chúng kìm kẹp, lừa bịp, không có vũ khí trong tay, thua kém chúng cả về lực lượng quân sự và kinh tế? Về mặt quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng những quy luật phổ biến về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng một cách rất sáng tạo và phù hợp với điều kiện của đất nước và con người Việt nam trong từng giai đoạn lịch sử để cuối cùng đánh thắng mọi kẻ thù.

Điều mà Người dày công xây dựng trên cơ sở phân tích một cách khoa học lực lượng ta và địch là *quyết tâm đánh thắng kẻ thù trong bất kỳ tình huống nào* để giành độc lập tự do và bảo vệ Tổ quốc. Quyết tâm chiến lược mà Người nêu ra « Kháng chiến nhất định thắng lợi, độc lập thống nhất nhất định thành công » không những chỉ là nguyện vọng tha thiết, lòng tin tuyệt đối của Người, mà còn là nhiệm vụ, mục tiêu cao cả mà Người đặt ra để cùng toàn dân phấn đấu thực hiện



Digitized by Google

cho kỳ được. Có thể nói đây là điểm xuất phát của tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nói: « Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất » (1); « *Không có gì quý hơn độc lập tự do* » (2). Nhiệm vụ của toàn dân trong cuộc đấu tranh cách mạng nói chung và đấu tranh vũ trang nói riêng là phải tìm mọi cách để đánh thắng kẻ thù dù chúng có lực lượng mạnh như thế nào, dù chúng là những tên đế quốc, phản động nào. Yêu cầu đánh thắng được đặt ra cho cả sự nghiệp cách mạng lâu dài của nhân dân ta, từ việc giành chính quyền, đánh bại mọi cuộc phản công của địch đến việc bảo vệ thành quả cách mạng để đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: « Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi... Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc » (3). Lịch sử đấu tranh để dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh điều ấy.

Để giành được thắng lợi hoàn toàn, điều cần thiết trước hết là sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng. Vì vậy đấu tranh vũ trang phải tiến hành theo đường lối của Đảng. *Quân sự phải phục tùng chính trị* là một nội dung cơ bản trong tư tưởng quân sự và là một nguyên tắc mà Hồ Chủ tịch đề ra để chỉ đạo chiến tranh, tổ chức và rèn luyện lực lượng vũ trang, chỉ đạo nghệ thuật quân sự và giải quyết mối quan hệ giữa đấu tranh vũ trang với các mặt đấu tranh khác, giữa quân đội với nhân dân, với tổ chức Đảng và chính quyền cách mạng. Nhờ đó các lực lượng vũ trang luôn luôn chấp hành triệt để đường lối, chính sách và mọi nghị quyết của Đảng, thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân. Những tư tưởng công thần, kiêu ngạo, những quan điểm sai trái với đường lối chủ trương của Đảng, những hành động không đúng đối với nhân dân đều được kịp thời phê phán. Hồ Chủ tịch nói: « Quân đội phải tôn trọng sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, phải giúp đỡ các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương. Phải tránh tự kiêu tự đại vì lúc thành công thì dễ tự kiêu tự đại, mà đã tự kiêu tự đại là thoái bộ » (4).

Trong khi nêu lên sự cần thiết phải có Đảng lãnh đạo đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng, Hồ Chủ tịch rất quan tâm đến việc động viên, giáo dục và tổ chức toàn dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Tư tưởng của Người là không lấy quân đội ta làm lực lượng duy nhất để chống lại quân đội địch, mà *lấy toàn dân đánh giặc*, buộc quân địch phải đánh với cả một dân tộc, chứ không phải chỉ đánh với một quân đội. Cho nên, Người đã đề ra yêu cầu « 31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng » (5). Tin tưởng vào sức mạnh của toàn dân vốn có truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm và lòng yêu nước nồng nàn, có khả năng làm được mọi việc, Hồ Chủ tịch hết sức chăm lo động viên, giáo dục và tổ chức nhân dân tham gia đánh giặc bằng mọi cách. Người nhắc nhở các cấp lãnh đạo phải có tinh thần trách nhiệm rất cao trong việc phát động toàn dân đánh giặc, tổ chức và hướng dẫn hành động cho

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 407.
(2) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tập II, tr 430.
(3) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tập I, tr. 212.
(4) Hồ Chí Minh: *Về vấn đề quân sự*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1975, tr. 328.
(5) Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tr. 437.



Digitized by Google

quân chúng đi từ thấp đến cao, bằng những biện pháp rất cụ thể vừa đưa lại kết quả to lớn, vừa giữ gìn và bồi dưỡng được lực lượng cách mạng của ta.

Theo tư tưởng của Người, toàn dân đánh giặc phải gắn liền với *đánh giặc toàn diện trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa*, v.v.; cuộc đấu tranh trên các mặt trận đó tạo nên sức mạnh to lớn làm cho kháng chiến thắng lợi. Hai cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã thể hiện rất rõ tư tưởng kháng chiến toàn dân, toàn diện của Hồ Chủ tịch.

Để đánh thắng quân đội xâm lược có trang bị hiện đại, có tiềm lực mạnh, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đề ra *chiến lược đánh lâu dài*. Vì cậy có lực lượng quân sự mạnh hơn ta, địch muốn đánh nhanh thắng nhanh, cho nên « ta dùng chiến lược trường kỳ kháng chiến để phát triển lực lượng, tăng thêm kinh nghiệm » (6). Đánh lâu dài để tranh thủ thời gian làm cho lực lượng đối sánh giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta, làm chuyển hóa những nhân tố tích cực, chính nghĩa của sự nghiệp kháng chiến thành sức mạnh vật chất và tinh thần càng đánh càng mạnh. Bị sa lầy vào cuộc chiến tranh phi nghĩa kéo dài, địch sẽ bị bao người tốn của, bị dư luận lên án, mâu thuẫn nội bộ của chúng càng sâu sắc ; lực lượng của chúng càng suy yếu, cuối cùng chúng sẽ bị thất bại hoàn toàn. Tư tưởng đánh lâu dài thể hiện ý chí quyết đánh quyết thắng. « Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi. ». Nhưng đánh lâu dài không phải là thụ động, để khi nào chiến tranh kết thúc cũng được, mà toàn dân, toàn quân ta phải cố gắng rất cao trong mọi hành động để giành thắng lợi từng bước, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn, và chuẩn bị điều kiện khi có thời cơ thì giành thắng lợi nhanh chóng. Vì vậy đánh lâu dài là một quá trình tiến công địch rất tích cực bằng những cách đánh và quy mô thích hợp theo phương châm lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh. Nếu không tiến công thì không có cách gì đánh đuổi được quân xâm lược. Nhìn toàn cục, hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đều là hành động « kiên quyết không ngừng thế tiến công » *Tư tưởng tiến công* của Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo cho quân và dân ta giữ được thế chủ động đánh địch, buộc chúng phải đối phó với cách đánh của ta. Với thế trận toàn dân đánh giặc, ta đánh địch cả ở vùng rừng núi, ở nông thôn đồng bằng cũng như ở các đô thị, bằng những hình thức và phương pháp thích hợp. Ở đâu có giặc, ở đó có già trẻ, gái trai đều đánh theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch : « ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước ». Như thế thì lực lượng kháng chiến bao giờ cũng đông hơn quân địch, mặc dù địch thường có số quân đông hơn quân ta. Với tinh thần và lực lượng như vậy, thế trận chiến tranh nhân dân càng hiểm hóc, tạo điều kiện thuận lợi cho những đòn tiến công của ta vào những mục tiêu và thời gian do ta chủ động lựa chọn. Tư tưởng tiến công mà Hồ Chủ tịch dạy cho quân và dân ta không phủ nhận những trường hợp phải phòng ngự khi cần thiết, nhưng như Hồ Chủ tịch giải thích, lối phòng ngự này là phòng ngự tích cực, là tiến đánh quân thù để phòng ngự, chứ không phải rút vào một nơi để cho địch tha hồ đánh phá. Thực hiện tư tưởng tiến công không có nghĩa là đánh ào, đánh ầu, mà phải làm theo đúng lời căn dặn của Người là « bất kỳ ở đâu phải chắc chắn thắng thì

(6) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 419.



Digitized by Google

mới đánh, còn lúc nào chưa chắc thì không nên đánh » (7).

Để thực hiện toàn dân kháng chiến, với tư tưởng tiến công, nhất thiết phải phát động *chiến tranh du kích*, một thành phần cơ bản của chiến tranh cách mạng ở nước ta, một phương thức cơ bản để phát động toàn dân đánh giặc. Chiến tranh du kích làm cho địch phải căng mỏng ra để chống đỡ, do đó tạo được nhiều sơ hở cho chủ lực ta đánh. Địch đi đến đâu, dừng quân ở đâu cũng bị ta đánh. Ngay những vùng chúng chiếm cũng không yên. Lúc nào binh sĩ của chúng cũng nơm nớp lo sợ, ăn không ngon, ngủ không yên. Lực lượng của địch bị hao mòn cả về tinh thần và vật chất, không sao bổ sung kịp. Chiến tranh du kích phát triển rộng rãi tạo điều kiện thuận lợi cho ta xây dựng quân đội, đặc biệt là các đơn vị chủ lực. Tuy nhiên, chiến tranh du kích không đáp ứng được yêu cầu đánh tiêu diệt lớn các binh đoàn chủ lực, cơ động chiến lược của địch để kết thúc chiến tranh. Vì vậy chiến tranh du kích phải được đẩy mạnh để tạo điều kiện hình thành và phát triển *chiến tranh chính quy* do các binh đoàn chủ lực tiến hành. Đây cũng là một thành phần cơ bản của chiến tranh cách mạng ở nước ta. Sự kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy làm cho chiến tranh nhân dân của ta dần dần có sức mạnh áp đảo quân địch trong giai đoạn cuối của chiến tranh để giành chiến thắng hoàn toàn.

*Tổ chức lực lượng* để đánh giặc là một công tác được Hồ Chủ tịch rất quan tâm. Người nói: « Muốn giải phóng thì phải đánh phát xít Nhật và Pháp. Muốn đánh chúng thì phải có lực lượng quân sự. Muốn có lực lượng thì phải có tổ chức » (8). Trên cơ sở các tổ chức cách mạng, các đoàn thể quần chúng yêu nước được thành lập và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, những đội tự vệ, đội du kích, đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân lần lượt ra đời. Đó là những « hạt giống tốt » để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đề ra việc xây dựng lực lượng vũ trang gồm dân quân tự vệ, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Mỗi thứ quân này có chức năng rõ rệt, được xây dựng theo một cơ cấu hợp lý và cùng phối hợp đánh giặc, cùng giúp nhau phát triển, cùng thi đua lập công. Chất lượng của mỗi thứ quân được Hồ Chủ tịch thường xuyên quan tâm bồi dưỡng. Nguồn gốc của chất lượng đó là sự lãnh đạo của Đảng và mối quan hệ ruột thịt với nhân dân. Đối với bộ đội chủ lực, vì việc xây dựng phải công phu, Hồ Chủ tịch cùng với Trung ương Đảng luôn luôn theo dõi chỉ bảo và vận động đồng bào giúp đỡ về mọi mặt. Nhờ đó mà quân đội ta, trong hoàn cảnh vừa sinh ra đã chiến đấu ngay, vẫn hoàn thành được nhiệm vụ, vẫn trưởng thành nhanh chóng và càng đánh càng mạnh.

Để bảo đảm cho kháng chiến thắng lợi, phải có *hậu phương vững chắc về mọi mặt*. Nếu trong thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa, vấn đề xây dựng căn cứ địa được Hồ Chủ tịch rất mực quan tâm, thì trong kháng chiến, vấn đề xây dựng hậu phương lại càng được Người coi trọng. Kháng chiến lâu dài mà không có hậu phương vững chắc thì không thể thành công được. Vì vậy, Hồ Chủ tịch chăm lo củng cố mọi nhân tố bảo đảm cho sự vững chắc của hậu phương, từ việc xây dựng chính quyền các cấp, tăng gia sản xuất, xóa nạn không biết chữ,

(7) Hồ Chí Minh: *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1980, tr. 268.

(8) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập I, tr. 426.



Digitized by Google

phát triển văn hóa đến việc tổ chức làng chiến đấu, dạy dỗ thiếu niên, nhi đồng, phòng gian giữ bí mật, v.v. Nhờ đó mà guồng máy kháng chiến chạy đều, ngày càng mạnh, tạo điều kiện cho nhân dân ta thực hiện được chủ trương « vừa kháng chiến vừa kiến quốc », *dựa vào sức mình là chính*, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các nước anh em và làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình.

Trong việc chỉ đạo nghệ thuật quân sự, Hồ Chủ tịch chú trọng việc *đánh giá đúng kẻ địch để tìm cách đánh có hiệu quả*. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ và chiến sĩ phải đề cao cảnh giác. Càng thắng to càng *không được chủ quan khinh địch*. Người dạy, ta biết rõ địch thì thắng, nếu để địch biết rõ ta thì ta sẽ thất bại. Cho nên chúng ta phải hết sức giữ bí mật. « Phải tìm mọi cách giữ bí mật cho tất cả mọi công việc, trong tất cả mọi trường hợp: trong quán nước, trong câu chuyện, trong công việc... Giữ được bí mật tức là một bước thắng lợi rồi » (9). Người yêu cầu quân đội ta phải quán triệt tư tưởng *đánh tiêu diệt địch*, bắt tù binh, thu vũ khí, và giữ gìn lực lượng ta. Người quan tâm nhiều đến việc sử dụng bộ đội chủ lực đúng chỗ, đúng lúc để tiêu diệt gọn quân địch, rèn luyện được quân ta, phát triển được lực lượng. Tác chiến phải kết hợp với binh vận, địch vận, cũng như đấu tranh vũ trang phải kết hợp với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao. Chiến lược kiên quyết phải gắn với sách lược linh hoạt. Đó là những vấn đề được Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng ta chỉ đạo rất sắc sảo, quân và dân ta thực hiện một cách sáng tạo, mang lại kết quả rất lớn.

★

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng vĩ đại, đồng thời là một nhà hoạt động thực tiễn dày dạn kinh nghiệm, luôn luôn gắn bó với nhân dân, học hỏi kinh nghiệm của nhân dân để lãnh đạo nhân dân. Trong đấu tranh cách mạng nói chung và đấu tranh quân sự nói riêng, sự sáng suốt và tài thao lược của Hồ Chủ tịch thể hiện nổi bật ở việc giải quyết thành công những yêu cầu cơ bản của cách mạng trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, phức tạp, và trong từng tình thế cụ thể. Với tầm nhìn xa trông rộng, Người hiểu thấu đáo những chỗ yếu chí mạng của địch để khai thác triệt để làm cho chúng không có cách nào mạnh lên được. Với lòng tin tưởng sắt đá vào sức mạnh lớn lao của nhân dân, Người đã đưa những tư tưởng cách mạng vào quần chúng, để ra những yêu cầu phù hợp với trình độ hiểu biết và cuộc sống thực tế của quần chúng để thật sự khơi dậy và nhân lên gấp bội sức mạnh lớn lao ấy, biến nó thành những hành động cách mạng phi thường chiến thắng quân thù.

---

(9) Hồ Chí Minh : *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà nội. 1980. tr. 229.



Digitized by Google

# Chủ tịch Hồ Chí Minh với công an nhân dân

LÊ QUANG THÀNH

NĂM nay, lực lượng công an nhân dân Việt nam kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập. Bốn mươi năm qua công an nhân dân Việt nam đã đạt được những thành tích to lớn trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đạt được những thành tích đó trước hết là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ tiền thân là những đội tự vệ đỏ thời kỳ Xô viết Nghệ tĩnh, những đội tự vệ công nông và các đội trừ gian, đội danh dự Việt minh thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đến lực lượng công an nhân dân hùng mạnh, phát triển toàn diện ngày nay, sự trưởng thành đó gắn liền với tên tuổi, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư tưởng công an nhân dân của Người.

Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về công an nhân dân là một *hệ thống tri thức rộng lớn, phong phú và hết sức sâu sắc*, bao gồm nhiều mặt: vị trí, vai trò của công an nhân dân, xây dựng lực lượng công an nhân dân, quan hệ của công an với nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng đối với công an nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, công tác bảo vệ an ninh, công tác quản lý trật tự, an toàn xã hội, v.v. Nhân dịp kỷ niệm lần này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu mấy tư tưởng cơ bản của Hồ Chủ tịch về công an nhân dân.

★

Ngay từ những năm đầu sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chủ tịch đã khẳng định rõ ràng bản chất của công an nhân dân: «Công an của ta là công an nhân dân, vì dân mà phục vụ, dựa vào nhân dân mà làm việc» (2). Để làm rõ bản chất đó, Người đã phân biệt công an ta với công an đế quốc: «Công an nhân dân hoàn toàn khác công an đế quốc, công an đế quốc là nanh vuốt của đế quốc để hà hiếp, áp bức đa số nhân dân, chúng là bọn đầu trâu mặt ngựa... Công an nhân dân phải thực sự phục vụ nhân dân». Và sau đó, Người xác định tiếp: «Làm công tác chính quyền, ở Công an hay ở Quân đội, đều là làm đầy tớ cho nhân dân cả, vì chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ» (3). Những quan điểm đó chính là bắt nguồn từ tư tưởng cơ bản của Người được nêu ra ngay từ khi chính quyền cách mạng mới thành lập: «Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân» (4). Tư tưởng đó đã làm cho nhân dân ta hiểu rõ bản chất của chính quyền cách mạng, xóa bỏ nhận thức cũ đối với bộ máy chính quyền của mình, đối với lực lượng công an của mình. Đồng thời đã chỉ ra trách nhiệm cao nhất của các cơ quan chính

(2) *Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành công an nhân dân Việt nam*. Viện nghiên cứu khoa học công an xuất bản. Hà nội, 1980, tr. 75.

(3) Sách đã dẫn, tr. 9.

(4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 980, tập I, tr. 370.



Digitized by Google

phủ, trong đó có công an nhân dân. Mãi đến ngày nay, lời dạy đó của Bác Hồ vẫn còn như mới mẻ, vì một số cán bộ, chiến sĩ chúng ta còn chưa thực hiện được trách nhiệm là đầy tớ của nhân dân, còn có thái độ cửa quyền, hách dịch, ngạo mạn đối với nhân dân, thậm chí còn vi phạm đến thân thể, tài sản của nhân dân.

Trong 12 điều răn cán bộ, Hồ Chủ tịch đã khái quát bằng mấy câu thơ:

Quần tốt dân tốt,
Muôn sự đều nên.
Gốc có vững cây mới bền,
Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân (5).

Cái nền « nhân dân » ấy cũng là nền tảng của công an nhân dân, của toàn bộ cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Bác Hồ là người đầu tiên khẳng định nhân dân lao động là lực lượng quyết định sự nghiệp đấu tranh chống phản cách mạng và các tội phạm khác, nhân dân lao động là nguồn gốc tạo thành sức mạnh vô địch của công an. Người nói: « Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn » (6). Người đã nhiều lần nhắc nhở: « Phải đi đường lối quần chúng thì nhân dân mới tin yêu, giúp Công an và Công an mới thành công được... Các chú phải thấu suốt chính sách của Đảng và đi đường lối quần chúng... Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác » (7). Người giáo dục công an cả về *hình thức, phương pháp vận động quần chúng trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội*. « Phải dựa vào các đoàn thể mà tổ chức và giáo dục nhân dân trong công việc phòng gian, trừ gian, để nhân dân thiết thực giúp đỡ Công an », « Phải thật sự giúp đỡ dân trong công việc chứ không phải là lối ngoại giao qua loa », « ta quan tâm đến đời sống quần chúng thì quần chúng sẽ theo ta » (8). Người cũng nghiêm khắc phê phán thái độ tự kiêu, tự đại, xa rời quần chúng, làm việc không chịu điều tra nghiên cứu. « Công tác phải đi sâu và thiết thực. Làm việc phải có điều tra, nghiên cứu, không được tự kiêu, tự đại... Phải triệt để sửa đổi tác phong mệnh lệnh, quan liêu, hống hách, phải gây quan hệ thật tốt giữa công an và nhân dân » (9).

Theo tư tưởng của Hồ Chủ tịch, bản chất công an nhân dân còn biểu hiện ở mối quan hệ giữa nhân dân và công an: « Phải hoan nghênh nhân dân phê bình công an, để đi đến hiểu công an, yêu công an, và giúp đỡ công an », « phải khuyến khích cho dân phê bình Công an » (10). Để làm cho chúng ta hiểu thật rõ vai trò của nhân dân trong công tác công an, Người nhấn mạnh: « vấn đề quan trọng nhất là giáo dục, tuyên truyền cho dân, để quần lý, tốt tai, mắt, miệng của dân, làm thế nào dân giúp công an để phát hiện địch, nói những điều dân biết về địch, và giấu địch những điều của ta. Nói cho địch là phải nói dối, nói cho ta thì nói thật. Mắt để phát hiện địch. Tai cũng vậy » (11).

Không phải chỉ trong tư tưởng, mà cả trong hoạt động cụ thể, Hồ Chủ tịch cũng thường xuyên quan tâm giáo dục công an thăm nhuần quan điểm nhân dân. Một ví dụ điển hình, năm 1956, Bộ công an có trình lên Bác dự thảo « Mấy điều quy định về đồn công an ». Trong đoạn mở đầu, dự thảo ghi: « Để tăng cường trị an xã

(5) Hồ Chí Minh: *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân. Hà nội, 1970, tr. 210.
(6) *Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành công an nhân dân Việt nam*. Viện nghiên cứu Khoa học công an xuất bản. Hà nội, 1980, tr. 11.
(7) Sách đã dẫn, tr. 25, 36, 63.
(8) Sách đã dẫn, tr. 7, 10, 63.
(9) Sách đã dẫn, tr. 24, 70.
(10) Sách đã dẫn, tr. 8, 11.
(11) Sách đã dẫn, tr. 61.



Digitized by Google

hội, giữ gìn trật tự chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ tính mệnh tài sản của nhân dân, nay quy định nhiệm vụ và quyền hạn Đồn công an như sau: ...», Bác đã chữa lại là: «Công an là công an của nhân dân, phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, cho nên mỗi người công an phải làm đúng những quy định sau đây...».

Nghiên cứu tư tưởng cơ bản của Hồ Chủ tịch về bản chất nhân dân của công an, chúng ta thấy rất rõ: phục vụ nhân dân là mục đích, là trách nhiệm cao nhất của công an; nhân dân là lực lượng quyết định trong công tác xây dựng và chiến đấu của công an, là nguồn gốc sức mạnh vô địch của công an; dựa vào dân là đường lối và biện pháp công tác rất cơ bản của công an. Theo tư tưởng của Người, bản chất nhân dân quyện chặt làm một với bản chất giai cấp, bản chất cách mạng của công an. Người đã chỉ rõ: «Công an cách mạng là một vũ khí sắc bén của chuyên chính vô sản», «là cánh tay... của Đảng.... của vô sản chuyên chính» (12). Chính bản chất giai cấp — cái bản chất thứ nhất đó, theo cách nói của Lê-nin — đã quy định bản chất nhân dân, bản chất cách mạng của công an ta.

★

Vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất trong công tác và tổ chức của công an nhân dân như nhiều lần Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ, là *Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ công an, công an phải tuyệt đối trung thành với Đảng*. Ngay từ những năm 50, Hồ Chủ tịch đã nêu ra những nội dung chủ yếu của sự lãnh đạo của Đảng đối với công an nhân dân. Đảng lãnh đạo công an nhân dân là một nguyên tắc, một yêu cầu tuyệt đối. Người chỉ rõ: «Đảng có lãnh đạo chính trị đúng, thì chuyên môn mới đúng. Công an nhân dân vũ trang hay là quân đội cũng thế, phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng từ trên xuống dưới. Nhất định phải như thế» (13). Sự lãnh đạo đó thể hiện trước hết *bằng đường lối chính trị đúng đắn* trong sự nghiệp cách mạng chung, trong công cuộc đấu tranh giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của mỗi thời kỳ. Đảng chỉ ra những âm mưu, bản chất của kẻ thù, những đối tượng phải chuyên chính, những chủ trương, chính sách đấu tranh chống phản cách mạng và các tội phạm khác, đồng thời nêu ra những nhiệm vụ chính trị của công an qua các giai đoạn cách mạng. Hồ Chủ tịch đã yêu cầu «Công tác công an phải gắn chặt với đường lối chính trị của Đảng». «Muốn làm tròn nhiệm vụ, Công an phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và của Chính phủ». «Chẳng những các chú phải thấu suốt chính sách của Đảng và đi đường lối quần chúng mà các chú còn phải làm cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ công an đều thấu suốt chính sách của Đảng» (14). Đó là yêu cầu quan trọng hàng đầu để bảo đảm công an nhân dân tuyệt đối trung thành với Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với công an không thể chung chung, đại khái. Các cấp ủy Đảng phải thật sự giúp đỡ và lãnh đạo chặt chẽ công an. Sự lãnh đạo ấy bao gồm về các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, phương pháp, lề lối làm việc... và là sự lãnh đạo của cả tập thể cấp ủy, chứ không phải của riêng một ủy viên nào. Các cấp ủy phải tích cực tạo mọi điều kiện để công an có đầy đủ sức mạnh về chính trị, tinh thần, về vật chất để có thể hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Để bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn đối với công tác công an, Người còn yêu cầu «những đồng chí lãnh đạo địa phương cũng phải nghiên cứu công tác chuyên môn, hiểu biết

(12) Sách đã dẫn, tr. 45, 27.
(13) Sách đã dẫn, tr. 28.
(14) Sách đã dẫn, tr. 61, 21, 36.



Digitized by Google

chuyên môn thì giải quyết các vấn đề mới được thiết thực» (15). Bản thân lực lượng công an nhân dân phải rất coi trọng xây dựng đảng bộ và chi bộ, coi trọng xây dựng Đoàn thanh niên.

Ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định vai trò, vị trí có ý nghĩa chiến lược của công tác công an trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: «Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì quân đội đánh giặc, lúc hòa bình thì tập luyện. Còn công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình càng nhiều việc. Còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại» (16). Trong từng giai đoạn cách mạng, Hồ Chủ tịch và Đảng ta chỉ ra những nhiệm vụ chính trị, phương hướng hành động của công an để công an có thể làm tròn vai trò là công cụ sắc bén của Đảng, của Nhà nước. Người yêu cầu công an nhân dân khi đặt kế hoạch công tác của mình phải đi trước một bước so với tất cả các ngành kinh tế: «Công an phải có kế hoạch. Công an không thể đi sau công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải. Tốt nhất là công an đi bước trước» (17).

Song dù công an có sức mạnh đến đâu, có đi trước một bước, thì cũng chỉ là *lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp toàn dân tham gia đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội*. Nếu trong kháng chiến cứu nước, Hồ Chủ tịch kêu gọi «toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc», thì trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, Người cũng đòi hỏi phải quán triệt tư tưởng toàn dân tham gia sự nghiệp đó. Tư tưởng chiến lược này đã được Hồ Chủ tịch nêu ra ngay từ những năm đầu của thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp: «Công an có bao nhiêu người? Dù có vài ba nghìn hay năm bảy vạn đi nữa thì lực lượng ấy vẫn còn ít lắm bên cạnh lực lượng nhân dân. Năm vạn người thì chỉ có 5 vạn cặp mắt, 5 vạn đôi bàn tay. Phải làm sao có hàng chục triệu đôi bàn tay, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được» (18). Cho nên, điều quan trọng là chúng ta một mặt xây dựng lực lượng công an thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, mặt khác phát động, lôi cuốn được đông đảo nhân dân tích cực tham gia, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn trong sự nghiệp bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội. Đoàn kết nội bộ lực lượng công an là vấn đề quan trọng hàng đầu. Hồ Chủ tịch chỉ rõ: «Nội bộ công an từ cấp cao cho đến nhân viên phải đoàn kết nhất trí,... phải thực hành dân chủ, phải luôn luôn tự kiểm thảo để đi đến đoàn kết» (19). Có thể nói, trong những bài nói, những bức thư của Người gửi công an nhân dân, Hồ Chủ tịch không quên căn dặn công an phải thường xuyên giữ vững đoàn kết nội bộ. Nếu nội bộ công an nhân dân chưa thật sự đoàn kết nhất trí thì làm sao có thể đoàn kết với nhân dân, đoàn kết với các ngành để tạo nên sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh này? Hồ Chủ tịch hết sức chăm lo xây dựng mối tình đoàn kết giữa công an với nhân dân, với các ngành, các đoàn thể trong hệ thống chuyên chính vô sản. Người đặc biệt nhấn mạnh sự đoàn kết chặt chẽ giữa quân đội và công an, hai «anh em sinh đôi» của cách mạng. Người nói: «Công an và quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng, của Chính phủ, của vô sản chuyên chính. Vì vậy, càng phải đoàn kết chặt chẽ với nhau, giúp đỡ lẫn nhau, ra sức phát triển ưu điểm, khắc phục những tư tưởng không đúng», «Công an với quân đội và các

(15) Sách đã dẫn, tr. 28.
(16) Sách đã dẫn, tr. 19.
(17) Sách đã dẫn, tr. 22.
(18) Sách đã dẫn tr. 10.
(19) Sách đã dẫn, tr. 11.



Digitized by Google

ngành khác cũng phải thật sự đoàn kết » (20).

Sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh này, theo tư tưởng của Hồ Chủ tịch, còn bao gồm cả sức mạnh do *sự hợp tác chặt chẽ giữa công an nhân dân Việt nam và công an các nước xã hội chủ nghĩa tạo thành*. Người đã nhắc nhở công an Việt nam và công an các nước xã hội chủ nghĩa cần học tập kinh nghiệm của nhau, nhưng khi học tập lẫn nhau phải có sáng tạo. Học tập và sáng tạo đi liền với nhau. Đây cũng là tư tưởng về chủ nghĩa quốc tế vô sản mà Người dạy bảo công an nhân dân ta.

★

Những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công an nhân dân đang soi sáng cho sự nghiệp xây dựng lực lượng công an nhân dân Việt nam, cho công cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Ngày nay, trước những yêu cầu mới của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, lực lượng công an nhân dân cùng toàn Đảng, toàn dân cần quán triệt và thực hiện tốt hơn nữa những tư tưởng của Người về công an nhân dân cùng những chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực đấu tranh này. Làm theo những lời dạy bảo của Hồ Chủ tịch, lực lượng công an nhân dân nhất định vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi to lớn hơn nữa, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam yêu quý của chúng ta.

(20) Sách đã dẫn, tr 27. 11.

# Mười năm xây dựng...

*(Tiếp theo trang 57)*

hoạt động kể như là mới đối với miền Nam.

Mười năm đã qua kể từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa đã được xác lập ở các tỉnh miền Nam và ngày càng vững mạnh. Nhưng vấn đề xây dựng con người mới, nền văn hóa mới là một sự nghiệp lâu dài, gian khổ và là cả một cuộc đấu tranh liên tục. Hiện nay kẻ địch đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống chúng ta, chúng tìm mọi cách hà hơi tiếp sức cho văn hóa cũ, văn hóa phản động trỗi dậy. Điều đó càng đòi hỏi chúng ta không được chút nào lơi lỏng trong cuộc đấu tranh xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

# Sức mạnh «Bản án» và hình ảnh «Người kết án»

**PHONG LÊ**

«Vũ khí tiếng nói» của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn đầu đi tìm đường cứu nước luôn luôn nhạy bén và kiên định hướng vào mục tiêu *cảnh tỉnh* và *thức tỉnh*. Cảnh tỉnh những người ở phương Tây còn bị che dậy và xuyên tạc. Và thức tỉnh thế giới thuộc địa còn đang chìm vào đêm thẳm của sự ngu dốt, tối tăm.

Vậy là cùng với văn thơ Nguyễn Ái Quốc, một tiếng nói mới đã cất lên từ giữa những năm hai mươi. Một tiếng nói mới trong văn học dân tộc, và cũng là một tiếng nói mới trong văn học nhân loại, góp vào nền móng của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, như là sản phẩm của thời đại.

***Bản án***

Sự đối lập của hai thế giới (thế giới của những người «khai hóa», những tên quan cai trị và thế giới người dân thuộc địa), một sự đối lập cực kỳ vô lý, bất công, đó là nhận thức cần làm sáng tỏ không chỉ cho người bản xứ, mà ngay cả cho chính quốc và công chúng phương Tây. Bởi lẽ, do sự bưng bít, xuyên tạc của chính quyền thực dân và với khoảng cách hàng vạn dặm, giai cấp công nhân và nhân dân lao động, và ngay cả những người tốt, những người có thiện ý trong các tầng lớp trên ở phương Tây cũng khó hoặc chưa thể nào hiểu được thực chất của tình hình.

Tháng 7-1924, ở Mát-xcơ-va, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu ý kiến phê bình tình trạng các đảng cộng sản chính quốc còn ít quan tâm vấn đề thuộc địa. Trong nhiều nguyên nhân gây nên sự đáng tiếc đó, như «diện tích các thuộc địa rất rộng», như «tình trạng dốt nát của người dân bản xứ», như «sự đàn áp dã man» của chính quyền thực dân, còn có nguyên nhân ở «những thành kiến» do «giai cấp vô sản ở cả hai đằng đều không hiểu biết lẫn nhau», và «tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với thuộc địa». «Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ mà trên là mặt trời, dưới là cát, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da, thế thôi» (1). Bản báo cáo này đã gây

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1980, t. I, tr. 9.



Digitized by Google

một ấn tượng mạnh mẽ như sau này, đồng chí Phrăng-xoa Bi-u ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Pháp nhớ lại (mùa hè năm 1924 đồng chí Phrăng-xoa Bi-u là đại biểu Pháp đến Mát-xcơ-va dự Đại hội quốc tế thanh niên cộng sản) : « Tại đại hội Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đọc bản tham luận nổi tiếng trong đó đồng chí phê phán một số điểm trong chính sách của Đảng cộng sản Pháp lúc bấy giờ chưa thoát khỏi ý thức hệ thực dân chủ nghĩa. Đồng chí nói thành khẩn và nghiêm khắc với động cơ duy nhất là phát triển hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Pháp — Việt chống kẻ thù chung : đế quốc Pháp » (2).

Không phải chỉ những người vô sản và ngay cả những chiến sĩ cộng sản cũng phải qua một quá trình tìm hiểu, nghiên cứu mới hiểu được thực chất của vấn đề. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã góp sức quan trọng cho quá trình giác ngộ ấy. Giác Đuy-clô kể : « Tôi bỗng nhớ đến những lần tôi về quê ở vùng Tac-bơ, gần dãy núi Pi-rê-nê, tôi đã thấy nhiều người Việt nam làm việc ở hầm công xưởng của địa phương. Họ bị giam trong trại và bị đối xử xấu. Tôi muốn biết chuyện những người Việt nam đó và tôi hỏi anh Nguyễn Ái Quốc vì sao họ phải sang Pháp làm. Anh Nguyễn bắt đầu kể cho tôi nghe tình hình nước anh và những hành động xấu xa của chủ nghĩa thực dân Pháp đang thống trị nhân dân anh.

Đối với tôi, đấy là điều mới lạ. Vì lúc đó ở Pháp, người ta giới thiệu chính sách thuộc địa như là một công việc xuất cảng văn minh sang các nước lạc hậu. Nhờ quen biết anh Nguyễn mà tôi hiểu sự thật về chủ nghĩa thực dân Pháp » (3). Một đồng chí lãnh đạo khác của Đảng cộng sản Pháp, Pôn Vay-ăng Cu-tuya-ri-ê — như qua lời vợ của đồng chí ấy kể lại sau này — cũng cho rằng : « Sự quen biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giúp ích rất nhiều trong suốt đời của Pôn Vay-ăng để nắm chắc hơn vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân » (4).

Đó là không kể một số các chiến sĩ cách mạng hoặc những người có thiện chí khác như Giăng Lông-ghê — cháu ngoại Mác ; hoặc giáo sư Ga-bri-en Sơ-vy, người thay mặt Hội nhân quyền và công dân quyền » (5).

Cần nói rõ mọi sự thật về chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa để đính chính lại những ngộ nhận, hơn nữa, để cảnh tỉnh những ai còn mê muội.

Để đạt mục tiêu này phải có một bầu nhiệt huyết, một cảm xúc nồng nàn. Cần những lời từ trái tim. Nhưng như vậy chưa đủ. « Sự thật » thuộc địa không phải là « những điều trông thấy » ở chính quốc lúc này. Vậy cần một sự chứng minh mang tính thuyết phục của khoa học và hình ảnh. Cần các cứ liệu rút từ báo chí, sách vở. Và rút từ chính những người phương Tây viết. Hơn nữa, chính những tên thực dân thú nhận.

Đó là giá trị của *Bản án*. Một giá trị khoa học, với những lý lẽ không thể nào bác bỏ được.

Để chứng minh « sự thịnh vượng » của Đông dương dưới triều đại toàn quyền Mô-ri-xơ Long, tác giả dẫn chính thư của đại tá Bác-na gửi báo *Cộng hòa Pháp*, số ra ngày 6-12-1922, với sự nhắc nhủ thêm : « đại tá đó không phải là một người cộng sản đâu » (6).

---

(2) *Bác Hồ ở Pháp*. Nxb Văn học. Hà nội. 1970. tr. 42.

(3) Sách đã dẫn, tr. 25.

(4) Sách đã dẫn, tr. 77.

(5) Theo Hồng Hà : « Thời thanh niên của Bác Hồ », Nxb Thanh niên, Hà nội. 1976, tr. 86, 87.

(6) *Tổng tập văn học Việt nam*. Nxb Khoa học xã hội. Hà nội 1980. tập 36. tr. 146.



Digitized by Google

Những năm tháng làm việc miệt mài ở Thư viện chính quốc (lại vẫn chính là phong cách hoạt động của Mác, Lê-nin), theo dõi báo chí, thời sự, bám sát tình hình chính trị, xã hội... đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc nắm được cả một kho tư liệu để làm bằng chứng kết tội chủ nghĩa thực dân. Và giá trị thuyết phục của *Bản án* là ở chính các tư liệu đó, chính những lời xác nhận, thú nhận của Béc-na, Đơ Pu-vuốc-vin, Vi-nhê Đốc-tông, E. Ma-các, và cả toàn quyền Du-me nữa (7).

Nhưng dừng nghĩ tư liệu, con số, lời trích, đoạn văn là khô khan. Đó là những tư liệu có hồn. Những con số của thơ ca. Những trích dẫn chất chứa cảm xúc, suy tư.

Để nói về *Thuế máu*: «Bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa» (8).

Để nói về *Chế độ báo chí*: «Tôi biết nhiều nhà văn thân bị kết án khổ sai chung thân vì đã đọc tạp chí *Trung quốc hồn*, *Âm băng* và những bài cùng loại ấy của các nhà duy tân Trung quốc. Năm 1920, có nhiều người Việt nam ở Bắc kỳ bị kết án từ hai đến năm năm tù, chỉ vì một người đã làm thơ ca tụng tự do, và các người khác đã nghe ngâm bài thơ ấy» (9).

Để nói về *Công lý*: «Công lý» được tượng trưng bằng một bà đầm, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, dĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu tỷ, nên «bà đầm Công lý» tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội...» (10).

Từ đó, mọi mâu thuẫn, mọi đối lập đều được bộc lộ. Một sự đối lập không chỉ diễn ra như nước với lửa trên các thuộc địa, giữa các ông chủ và người nô lệ. Sự đối lập đó cũng diễn ra ngay cả trên chính quốc, trên đất Pháp. Chính nhận thức này đã làm sáng tỏ chân lý thời đại, nằm trong sự phân tích khoa học của Mác – Lê-nin mà bằng trí tuệ nhạy bén và bằng tình cảm sâu dậm, Nguyễn Ái Quốc đã ghi nhận được trong truyện ngắn *Pa-ri* viết năm 1922. Pa-ri, một góc hẻm mà đón chứa cả hai thế giới:

*Á Âu đâu cũng lòng trong đục*
*Vàng máu chia đôi cảnh khổ giàu* (11)

★

### *Người kết án*

Từ những trang bút chiến, tiểu phẩm đầu tiên đăng trên *Người cùng khổ*, cùng với một số bài đăng trên các báo khác sau này được gom lại trong cuốn sách đầu tiên, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, nổi lên hình ảnh tác giả – vị quan tòa công minh của lịch sử.

Dẫu «tư cách» tác giả không phải là điều người viết muốn phô bày nhưng sau những dòng văn sôi sục tình cảm và chất chứa suy tư của *Bản án...*, «nhân vật» này vẫn hiện diện. Và thật sự nó đã gây một nỗi lo lắng và kinh sợ ghê gớm cho chính quyền thực dân. Sau này, khi có đủ tài liệu để hình dung lại toàn cảnh, ta sẽ thấy, cảm động và kỳ vĩ biết bao, hình ảnh Bác một mình tay không trong sự săn đuổi của chủ nghĩa thực dân. Và điều «may» là nền dân chủ tư sản vẫn còn có những kẽ hở ở chính quốc để cho người cách mạng thuộc địa như Bác

(7) Sách đã dẫn, tr. 185.
(8) Sách đã dẫn, tr. 324.
(9) Sách đã dẫn, tr. 231.
(10) Sách đã dẫn, tr. 395.
(11) Tô Hữu: *Theo chân Bác*



Digitized by Google

có thể có một chỗ trú ngụ, đi lại, làm ăn, kiếm sống... Tóm lại, một ít tự do tối thiểu để hành động, để tìm gặp bạn bè, đồng chí, để liên hệ với thân hữu đồng bào. Lưu ý đến sự tự do ấy, chúng ta không được quên rằng Bác luôn luôn bị dò xét, truy đuổi; luôn luôn được một đội quân cảnh vệ túc trực, bám gót, mà số lương tháng Nhà nước chính quốc phải trả cho chúng là hai mươi lăm ngàn quan.

Ở tất cả những chi tiết lịch sử ly kỳ, quý giá này ta sẽ thấy sự xuất hiện hình ảnh vị quan tòa lịch sử, dẫu còn trong vị trí người bị săn đuổi, dẫu còn trong thân phận người nô lệ.

Lịch sử rồi sẽ còn góp thêm vào tầm vóc kỳ vĩ ấy, một vài nét «huyền thoại» nữa, trong câu chuyện đối thoại giữa chàng thanh niên mảnh khảnh Nguyễn Ái Quốc và viên Bộ trưởng bộ thuộc địa hệ vệ, dây quyền uy An-be Xa-rô nơi nhiệm sở thẩm nghiêm của hắn ta (12).

Và kẻ thù, dẫu tàn bạo, ngông cuồng, nhưng đâu phải không có chút thông minh trong xét đoán. Rồi sẽ thành sự thật lời tiên đoán của tên mật thám Ac-nu năm 1919, sau này là chánh mật thám ở Đông dương, nói với đồng sự của y, nơi Bộ thuộc địa: «Con người thanh niên mảnh khảnh và dầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông dương» (13).

Một sự theo dõi ngầm ngầm, và một tổ chức chặt chẽ để ngăn chặn thứ văn chương «nghịch loạn» kia đã hình thành. Cả một bộ máy gồm nhiều mạng lưới giăng mắc, từ Tây sang Đông, từ chính quốc đến các thuộc địa, để đối phó với một đối thủ thật ra lúc này mới chỉ là một thanh niên, tuổi ngoài ba mươi, đang còn phải tìm công ăn việc làm, vừa kiếm sống, học nghề, vừa cố gắng trau dồi trí thức, học tập, nghĩ suy và thâm nhập vào các hoạt động xã hội.

Thế nhưng từ những trang *Người cùng khổ* và *Bản án* đã hình thành một cuộc chiến không cân sức giữa tác giả và cả một chế độ. Cuộc chiến đấu được khai mở dầu tiên vào những năm 20, và rồi sẽ kéo dài trên 20 năm, đưa tới sự cách mạng hóa cả một dân tộc, và sự sụp đổ một trong những thành trì kiên cố của phản động quốc tế.

Bởi vì đằng sau những dòng, những trang mỏng manh kia đang dấy lên từ từ một sự *thức tỉnh* của cả một dân tộc, đang hình thành một sự *gắn nối* của những người khốn khổ, nô lệ thuộc nhiều màu da, một sự gắn nối Đông và Tây, «lạc hậu» và «văn minh» như là hậu quả trực tiếp của chủ nghĩa đế quốc đồng thời là sản phẩm của phong trào cách mạng vô sản thế giới, đã có được-sự định hướng, sự tiên tri từ *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, và từ *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê-nin.

Với *Bản án*, tác giả của nó là người đại diện của một dân tộc còn bị đày đọa viết cho diễn đàn nhân loại, vì sự nhận thức *tính chất giai cấp* và *ý nghĩa quốc tế* của cuộc đấu tranh mới, mà dân tộc mình là một thành viên gắn bó, không thể và không được đơn độc, đứng ngoài.

Một sự gắn nối, có ý nghĩa đánh tan những thiên kiến, hoặc ảo tưởng đã gây ám ảnh khá lâu trong lịch sử, từ cái ngu muội cổ hủ do sự bế quan tỏa cảng của các «thiên triều» đến cái quan niệm tư sản mang màu sắc chủng tộc, hoặc có lúc lại rơi vào cực đối lập của sự tự ti, bi quan trước thần tượng đế quốc và văn

(12) Theo Hồng Hà: Sách đã dẫn, tr. 134—135.

(13) Sách đã dẫn, tr. 41.



Digitized by Google

mình phương Tây. Phải có nhãn quan Mác — Lê-nin mới tìm thấy được sự thăng bằng, rõ được thực chất, hiểu được con đường giải cứu tình hình. Đó là sức mạnh dân tộc được tiếp sức bởi khối đoàn kết của giai cấp vô sản chính quốc và các dân tộc bị áp bức — tức là sự giác ngộ tính giai cấp và tính quốc tế của cuộc chiến đấu, cũng tức là sức mạnh tổng hợp của thời đại.

Từ cái nhìn mới này, ta sẽ thấy chính vị quan tòa nghiêm khắc chống chủ nghĩa thực dân, cũng sẽ là người chan chứa một tình thương nhân loại đau khổ. Và đó là nét cơ bản trong phẩm chất và phong cách Nguyễn Ái Quốc, qua con mắt những người cùng sống, hoạt động và tiếp xúc với Người. Từ những năm 20, qua cảm tưởng của luật sư Mác Clanh-vin Blông-cua: « Ở anh ý nghĩa đấu tranh giải phóng dân tộc luôn luôn khắc sâu trong tâm trí anh và quán triệt suốt cuộc đời của anh. Một lần nghe tin thực dân Pháp khủng bố, tàn sát nhân dân ở Da-hô-mây, tôi thấy anh căm phẫn, xúc động, đau đớn như chính việc đó xảy ra đối với nhân dân Việt nam của anh » (14). Đến nửa thế kỷ sau, với nhận xét của nhà thơ Cu-ba, Phê-lích Pi-ta Rô-dri-ghêt: « Trong tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người nông dân ở Việt nam, ở An-giê-ri, ở Tuy-ni-di, ở Công-gô, người bị áp bức ở quần đảo Ang-ti-giát hoặc ở « miền Nam già cỗi » của nước Mỹ đều có một người nhiệt thành bênh vực mình » (15).

(14) Bác Hồ ở Pháp. Nxb Văn học, Hà nội, 1970, tr. 49—50.

(15) *Nghiên cứu, học tập thơ văn Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, 1979, tr. 583.

## MƯỜI NĂM XÂY...

*(Tiếp theo trang 62)*

góp xây dựng chính quyền. Cần có cách tổ chức quản lý tốt, chăm lo mọi mặt đời sống của nhân dân. Thông qua hoạt động thực tiễn của mình, chính quyền các cấp nắm vững pháp luật, điều hành công việc theo luật pháp, tránh tùy tiện chủ quan trong quản lý, làm cho bộ máy chính quyền thật sự có hiệu lực; đồng thời đóng góp tích cực vào việc hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, thực hiện điều mà đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt nam: « Nhà nước mạnh thì Đảng mạnh và nhân dân mạnh » (2).

(2) Lê Duẩn: « Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân, » *Tạp chí Cộng sản*, số 2, 1985, tr. 16.



Digitized by Google

# Cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên

LÊ HÙNG TÂM

GIÁO dục lý luận Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta, vì đó là nhiệm vụ cơ bản để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao tính tiên phong và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên. Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Cần mở rộng và nâng cao chất lượng *giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin* nhằm từng bước đem lại cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, hiểu biết có hệ thống về những thành tựu mới trong công tác lý luận của Đảng ta và các đảng anh em, để tham gia một cách chủ động, tích cực vào việc xây dựng và vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng » (1).

Tiến hành công tác giáo dục lý luận, chính trị một cách cơ bản cho cán bộ, đảng viên, chúng ta có *hệ thống trường Đảng tập trung* để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt của các cấp, các ngành; có *hệ thống giáo dục lý luận, chính trị tại chức* để bồi dưỡng cho đông đảo cán bộ, đảng viên còn lại, bao gồm cả cán bộ chưa là đảng viên.

Vấn đề tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập tại chức đã được Đảng ta đề ra từ lâu. Năm 1957, những đợt học lý luận về thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội được tổ chức khá chu đáo. Năm 1962, đi đôi với việc tổ chức nghiên cứu quán triệt các nghị quyết lớn của Trung ương, việc học lý luận cơ bản được bắt đầu bằng môn triết học và môn kinh tế chính trị Mác — Lê-nin.

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa càng phát triển càng đòi hỏi cán bộ, đảng viên ta phải có kiến thức mới, năng lực mới. Vì vậy, việc học tập để nắm được lý luận Mác — Lê-nin một cách có hệ thống, để quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước càng trở nên cấp thiết. Đáp ứng yêu cầu học tập của cán bộ, đảng viên, Trung ương Đảng ta đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết về học tập lý luận, chính trị. Nghị quyết 210 NQ/TƯ ngày 29-12-1970 của Ban bí thư đã khẳng định *học tập tại chức là hình thức học tập chính* của cán bộ, đảng viên, đã quy định chương trình lý luận 4 cấp: cơ sở, sơ cấp, trung cấp, cao cấp cho cả hệ thống học tập tập.

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập 1, tr. 165 — 166.



Digitized by Google

trung và tại chức. Tiếp đó, nghị quyết Hội nghị thứ 23 của Ban chấp hành trung ương (khóa III) đã đưa việc học tập 4 cấp chương trình lý luận thành mục tiêu cụ thể, thành tiêu chuẩn về trình độ chính trị của cán bộ, đảng viên. Nghị quyết Đại hội IV của Đảng (1976) và nghị quyết 36 NQ/TƯ của Ban bí thư (1981), đều nhấn mạnh phải củng cố hệ thống trường Đảng tập trung và mở rộng hệ thống trường, lớp lý luận, chính trị tại chức. *Việc học tập lý luận, chính trị đã trở thành nhu cầu của đông đảo cán bộ, đảng viên; chỉ có hình thức học tập tại chức mới có thể đáp ứng nhanh chóng nhu cầu đó.* Trước ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chỉ tính các tỉnh ở miền Bắc có năm có tới 5 vạn cán bộ tham gia các lớp học lý luận tại chức, nhiều tỉnh đã hoàn thành cơ bản việc giáo dục đảng viên theo chương trình cơ sở. Từ năm 1980, hằng năm, cả nước có trên 10 vạn cán bộ theo học các lớp lý luận tại chức từ chương trình sơ cấp đến chương trình cao cấp; và mấy chục vạn đảng viên ở các tổ chức cơ sở học tập chương trình giáo dục đảng viên mới, chương trình cơ sở và sơ cấp. Đặc biệt, việc tổ chức nghiên cứu tại chức các nghị quyết Đại hội Đảng được chú trọng. Năm 1977 có tới một triệu ba mươi vạn cán bộ, đảng viên tham gia học tập các chuyên đề nghị quyết Đại hội IV, năm 1983 chỉ tính riêng 25 tỉnh, thành đã có mười vạn cán bộ từ huyện trở lên tham gia học tập các chuyên đề nghị quyết Đại hội V, đó là chưa kể nhiều cơ sở Đảng ở nông thôn, xí nghiệp đã hoàn thành việc tổ chức học tập các chuyên đề nghị quyết Đại hội V.

Học lý luận, chính trị tại chức đã giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao trình độ nhận thức, năng lực vận dụng và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Học các chuyên đề nghị quyết Đại hội V đã củng cố sự nhất trí trong Đảng và trong bộ máy Nhà nước về cục diện cách mạng, về đường lối của Đảng và mục tiêu cách mạng trong chặng đường trước mắt, góp phần vào việc ổn định tư tưởng cán bộ trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế, xã hội hiện nay, tăng thêm niềm tin vào khả năng phát triển của cách mạng nước ta.

Công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức trong những năm qua đã cho chúng ta *một số bài học bổ ích* như sau:

*Một là, học tập tại chức là phương thức thích hợp nhất* để giáo dục một cách nhanh chóng lý luận Mác — Lênin và đường lối, quan điểm của Đảng cho đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân viên Nhà nước. Học tập tại chức có nhiều ưu thế. Các đợt học tập có thể huy động được nhiều người học. Năm 1983, trường đảng tại chức Hà nội có trên 6 000 học viên. Nhờ có hình thức giáo dục tại chức, nhiều địa phương đã nhanh chóng giúp cho nhiều cán bộ đạt được tiêu chuẩn về trình độ lý luận, chính trị. Ở Thái bình, Nghệ tĩnh có chừng 80% cán bộ đạt trình độ lý luận trung cấp do học tập tại chức. Mặt khác, tổ chức học tập tại chức lại ít tốn kém. Đối với người học thì học tập tại chức không ảnh hưởng đáng kể đến sinh hoạt cá nhân, gia đình, cho nên nhiều người có thể tham gia.

*Hai là*, muốn cho công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức phát triển tốt, đi đôi với việc xây dựng chương trình, nội dung học tập thích hợp, *cần có trường, lớp tại chức* có cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy cần thiết và được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy.

Những nơi có phong trào học tập tại chức khá là những nơi có trường



Digitized by Google

lý luận, chính trị tại chức hoạt động tốt như Thái bình, Nghệ tĩnh, Hà nội, Hải hưng, Hà bắc, Quảng ninh, Vĩnh phú, Hậu giang, Hà sơn bình v.v. Một số nơi khác tuy không có trường riêng nhưng có sự quan tâm đúng mức của cấp ủy và có cán bộ có năng lực, có nhiệt tình chỉ đạo thì phong trào học tập tại chức cũng phát triển tốt như thành phố Hồ Chí Minh, Thanh hóa, Bình trị thiên v.v.

*Ba là, hình thức tổ chức giáo dục tại chức phải linh hoạt, đa dạng, thích hợp với đặc điểm các loại học viên khác nhau, đồng thời phải có tổ chức chặt chẽ bảo đảm chất lượng giảng dạy và tự học.* Đặc điểm cơ bản của học tập tại chức là người học vừa làm việc, vừa học tập. Những người học tập tại chức rất đông và rất khác nhau về trình độ, chức trách, nghề nghiệp, hiểu biết thực tế v.v. Vì vậy các hình thức, biện pháp tổ chức có linh hoạt, đa dạng thì mới thu hút được người học, duy trì được lớp học. Tuy tổ chức linh hoạt nhưng vẫn phải bảo đảm học tập có tổ chức, có kỷ luật. Hiện nay, các hình thức học tập tại chức phổ biến là : lớp tập trung ngắn ngày hằng tháng, hằng quý, lớp thông tin, lớp học buổi tối.

*Bốn là, phải xây dựng được đội ngũ giảng viên chuyên trách và giảng viên kiêm chức có chất lượng và đủ về số lượng.* Giảng viên chẳng những phải truyền đạt được các nguyên lý lý luận và tư tưởng, quan điểm của Đảng một cách khoa học, mà còn phải hướng cho người học biết vận dụng những nội dung học tập, hướng dẫn họ tự học tốt.

Đối với giáo dục lý luận, chính trị tại chức thì đội ngũ giảng viên chủ yếu là giảng viên không chuyên trách. Có thu hút được nhiều cán bộ có năng lực, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì chất lượng giáo dục mới cao. Nhưng muốn bảo đảm chất lượng giáo dục, nhất thiết các trường phải có một số lượng giảng viên chuyên trách bảo đảm được khoảng 1/3 chương trình. Lực lượng này ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn làm nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo, quản lý học tập. Hai nhiệm vụ này hỗ trợ lẫn nhau làm cho việc giáo dục có hiệu quả.

*Năm là, đánh giá kết quả học tập lý luận, chính trị tại chức trước hết phải căn cứ vào chất lượng và hiệu quả giáo dục chứ không nên chỉ thiên về quy mô, số lượng học viên.* Chất lượng và hiệu quả là kết quả tổng hợp của nhiều khâu trong quá trình giáo dục : chương trình, tài liệu, bài giảng, phương pháp dạy và học, điều kiện vật chất, v.v., trong đó vấn đề giảng dạy và tự học là quan trọng hàng đầu. Chất lượng giáo dục có cao thì mới phát triển được công tác học tập tại chức, mới thu hút được nhiều người học. Hiệu quả công tác giáo dục không chỉ là đem lại cho người học những hiểu biết mới về lý luận Mác — Lê-nin và đường lối của Đảng, mà còn góp phần xây dựng, bồi dưỡng cho người học thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nâng cao niềm tin, bồi dưỡng ý chí cách mạng và quan trọng hơn cả là giúp người học có năng lực vận dụng những kiến thức mới vào thực tiễn công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên trong những năm qua tuy đạt được một số kết quả tốt, nhưng còn nhiều vấn đề phải giải quyết thì mới có thể mở rộng và nâng cao chất lượng được. Phong trào học tập không đều, ở nhiều tỉnh miền núi và ở một số địa phương khác phong trào học tập còn thấp. Ở nhiều công trường, nông trường, lâm trường, các đơn vị giao thông vận tải, phân phối lưu thông, việc tổ chức học tập chưa đi vào nền nếp. Mặt khác, hệ thống chương trình học tập, sách giáo khoa chậm được



Digitized by Google

đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng; phương pháp giảng dạy ít được cải tiến, nhiều nơi coi nhẹ việc tự học của học viên bao gồm các khâu đọc tài liệu, thảo luận tổ, ôn tập v.v.; giảng viên còn rất thiếu và không được bồi dưỡng thường xuyên; do đó ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy còn thiếu, lạc hậu; chúng ta còn thiếu cả những chế độ nhằm bảo đảm và khuyến khích việc dạy và học. Về phía học viên, bên cạnh nhiều đồng chí học tập một cách tự giác cũng còn không ít đồng chí học tập một cách chiếu lệ, hình thức, cốt để lấy bằng cho đủ tiêu chuẩn cán bộ. Về lãnh đạo, chỉ đạo, một số cấp ủy chưa nhận thức đúng vị trí quan trọng và tác dụng của công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho nên đã coi nhẹ công tác này.

★

Dựa trên kết quả, kinh nghiệm của công tác giáo dục lý luận chính trị tại chức trong mấy chục năm qua, ngày 8-12-1983 Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra quyết định số 30 QĐ/TƯ về tăng cường công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên. Quyết định của Ban bí thư khẳng định những kết quả, tiến bộ đã đạt được, khẳng định vị trí, tác dụng của công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức trong toàn bộ công tác tư tưởng của Đảng, nêu rõ mục đích, đối tượng, chương trình và các biện pháp lớn về tổ chức.

*Về mục đích giáo dục lý luận, chính trị tại chức*, quyết định của Ban bí thư đã nêu rõ: « Bồi dưỡng cho đông đảo cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối của Đảng và Nhà nước ta nhằm trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên ».

Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ cơ bản của công tác tư tưởng của đảng cộng sản. Mọi cán bộ, đảng viên cần được nghiên cứu một cách có hệ thống lý luận Mác — Lê-nin trong mối liên hệ với đường lối, chính sách của Đảng, với thực tế xã hội. Tất cả các chương trình học tập lý luận, chính trị xét cho cùng đều nhằm xây dựng cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, nhằm làm cho người học quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và nâng cao trình độ vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện mục đích giáo dục nói trên còn có ý nghĩa thiết thực *giúp cho cán bộ đạt được tiêu chuẩn về trình độ lý luận, chính trị theo quy định của Đảng và Nhà nước.*

Việc giáo dục lý luận, chính trị tại chức còn *góp phần đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp*, vì thông qua việc học tập của đông đảo cán bộ, sẽ có điều kiện lựa chọn cán bộ để đào tạo.

*Về đối tượng giáo dục tại chức.* Hệ thống trường Đảng chịu trách nhiệm bồi dưỡng và đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt của các cấp, các ngành (một số trường đảng còn có nhiệm vụ khác như đào tạo cán bộ nghiên cứu lý luận, giảng viên v.v.). Hệ thống trường, lớp lý luận, chính trị tại chức có đối tượng rất đông đảo, đó là toàn bộ cán bộ còn lại (bao gồm cả cán bộ ngoài Đảng), các đảng viên ở cơ sở, các nhân viên Nhà nước. Ngay các cán bộ lãnh đạo, trong các đợt nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng (nhất là các đợt nghiên cứu



Digitized by Google

các nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết lớn của Trung ương) thì số lớn cũng tham gia học tại chức.

Cần phân biệt hệ thống tại chức trong hệ thống trường Đảng (từ tỉnh trở lên) với hệ thống trường, lớp lý luận, chính trị tại chức. Trường Đảng tập trung mở lớp theo hình thức tại chức để bồi dưỡng cho một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt không có điều kiện học tập trung. Các lớp này học cùng một chương trình như các lớp tập trung. Còn hệ thống trường, lớp tại chức thì thực hiện các chương trình phổ cập cho đông đảo cán bộ, đảng viên; các chương trình này có phần rút gọn cho phù hợp với đặc điểm học tại chức nhưng vẫn có khối lượng kiến thức lý luận tương đương với các lớp ở hệ thống trường Đảng.

*Về nội dung, chương trình học tập*, quyết định 30 QĐ/TƯ của Ban bí thư nêu rõ: «Nội dung giáo dục lý luận chính trị của các trường và lớp này bao gồm những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, những kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, v.v.

Chương trình lý luận, chính trị có hai loại:

— Chương trình lý luận, chính trị phổ thông gồm những kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác — Lê-nin và những vấn đề cơ bản về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

— Chương trình lý luận cơ bản gồm những nguyên lý cơ bản về triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa cộng sản khoa học, lịch sử Đảng và xây dựng Đảng».

Theo quyết định 30 QĐ/TƯ thì từ nay không áp dụng hệ thống chương trình bốn cấp (cơ sở, sơ cấp, trung cấp, cao cấp) nữa, mà việc giáo dục lý luận, chính trị theo hai chương trình nói trên.

Chương trình lý luận chính trị phổ thông được xây dựng trên cơ sở đổi mới, nâng cao chương trình sơ cấp hiện nay. Chương trình lý luận cơ bản được xây dựng từ sự cải tiến, bổ sung chương trình lý luận trung cấp. Tùy theo trình độ và nhu cầu công tác mà cán bộ được sắp xếp học một trong hai chương trình. Tất nhiên, học tại chức không phải chỉ có hai chương trình nói trên, mà còn có chương trình bồi dưỡng về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chương trình quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, chương trình nâng cao trình độ lý luận theo chuyên đề cho các đối tượng đã học lý luận cơ bản.

Hiện nay, việc nghiên cứu xây dựng chương trình và biên soạn sách giáo khoa mới là một yêu cầu cấp bách, đang được Ban tuyên huấn trung ương xúc tiến, đó là những công trình khoa học đòi hỏi phải có thời gian. Trong khi chờ đợi chương trình mới, việc học tập tại chức vẫn tiếp tục thực hiện chương trình trung cấp, chương trình sơ cấp nhưng có cải tiến và bổ sung. Cần nắm vững nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất của nội dung chương trình, không tùy tiện sửa đổi chương trình, cắt xén nội dung, thậm chí bỏ cả một môn học dưới danh nghĩa «cải tiến» mà thực chất chỉ cốt rút ngắn thời gian, khiến cho nội dung chương trình thiếu khoa học, thiếu tính hệ thống, làm giảm sút chất lượng giáo dục.

*Về tổ chức học tập*. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng, nếu không có một hệ thống tổ chức và những chế độ thích hợp thì công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức không thể đạt được mục tiêu đề ra. Đặc điểm nổi bật của học tập tại chức là người học vừa công tác vừa học tập. Do đó hình thức tổ chức các lớp phải linh hoạt, đa dạng phù hợp với từng loại đối tượng, nhưng lại phải có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, bảo đảm yêu cầu



Digitized by Google

giảng dạy và học tập. Quyết định của Ban bí thư đã nêu ra những vấn đề lớn về tổ chức, trong đó nêu bật vấn đề *phải có một hệ thống trường, lớp tại chức*. Quyết định nêu rõ: "tiếp tục xây dựng, kiện toàn các trường lý luận chính trị tại chức các tỉnh, thành phố, đặc khu. Các trường này trực thuộc các cấp ủy". Kinh nghiệm nhiều năm qua cho thấy phải có trường thì việc học tập mới có thể đi vào nền nếp, có tổ chức chặt chẽ. Trường có trực thuộc cấp ủy thì mới có đủ điều kiện về chỉ đạo và tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và kinh phí cần thiết. Trường cũng cần gắn với ban tuyên huấn, và có sự kết hợp chặt chẽ với ban tổ chức, ban tài chính quản trị thì sự hoạt động của trường, và công tác giảng dạy mới phát triển vững chắc theo quy hoạch chung. Ở các tỉnh, thành phố chưa có trường, cần mở các lớp tại chức (do Ban tuyên huấn phụ trách) và chuẩn bị mọi điều kiện để mau chóng thành lập trường. Trong tình hình hiện nay, bộ máy trường tại chức cần xây dựng gọn, nhẹ nhưng có hiệu lực. Muốn vậy, trước hết cần quan tâm lựa chọn cán bộ chỉ đạo, giảng viên có chất lượng, vừa có năng lực chỉ đạo, giảng dạy, vừa có trình độ tổ chức, có lòng yêu nghề nồng nhiệt.

*Vấn đề tổ chức, hướng dẫn cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở nhất là các cơ sở nông thôn, xí nghiệp* học lý luận, chính trị là rất quan trọng, vì họ là những người trực tiếp sản xuất, trực tiếp đưa tư tưởng, chính sách của Đảng và Nhà nước đến quần chúng và trực tiếp nắm tình hình tư tưởng của quần chúng để phản ánh với tổ chức Đảng. Theo quyết định của Ban bí thư thì việc tổ chức hướng dẫn cho cán bộ, đảng viên cơ sở học tập lý luận, chính trị tại chức là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy huyện, quận.

Vấn đề then chốt để tăng cường, cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên là *sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng*. Việc tổ chức học tập có liên quan trực tiếp đến các ngành, các cấp, nếu không có sự lãnh đạo cụ thể của cấp ủy, của thủ trưởng thì chẳng những việc học tập tại chức không thực hiện được đều đặn mà hiệu quả giáo dục sẽ thấp.

Chỉ đạo thực hiện quyết định của Ban bí thư, cần hướng việc tổ chức giáo dục lý luận chính trị tại chức đi vào nền nếp, vừa mở rộng, vừa nâng cao chất lượng giáo dục. Trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả học tập mà có kế hoạch từng bước mở rộng phong trào học tập tại chức một cách vững chắc. Sự chỉ đạo đối với việc học tập tại chức cần được quan tâm toàn diện, từ việc định ra quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kế hoạch mở lớp hằng năm, xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức trường, lớp, xây dựng đội ngũ giảng viên, đến việc thực hiện tốt các chế độ để bảo đảm dạy tốt và học tốt, thực hiện kiểm tra chất lượng giáo dục v.v.



Digitized by Google

# Kinh tế Tiệp khắc trên đà phát triển

YẾN VÂN

Là nạn nhân của bọn phát xít xâm lược trước khi chiến tranh thế giới thứ hai chính thức bùng nổ, Tiệp khắc cũng là nước cuối cùng thoát khỏi nanh vuốt của chúng khi chiến tranh chấm dứt. Sau những năm tháng chiến đấu gian khổ, ngày 9-5-1945, với sự giúp đỡ có tính quyết định của Hồng quân Liên xô, nhân dân Tiệp khắc đã xóa bỏ ách chiếm đóng của phát xít Đức, giải phóng đất nước, giành chính quyền, khôi phục nền độc lập dân tộc, và tiếp đó đưa Tiệp khắc vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bốn thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản Tiệp khắc, với sự hợp tác chặt chẽ của Liên xô và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, nhân dân Tiệp khắc đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt, trong đó có việc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ đầu, từ năm 1945 đến năm 1968, sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế ở Tiệp khắc đã trải qua nhiều khó khăn gay gắt. Trong chiến tranh, hơn 300 nghìn người Tiệp khắc trong đó có 25 nghìn đảng viên cộng sản đã chết, nhiều nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá nặng nề, cơ cấu sản xuất công nghiệp bị đảo lộn nghiêm trọng, tổn thất về kinh tế ước tính khoảng 700 tỷ của ron. Sau khi chiến tranh kết thúc, mặc dù chính quyền đã về tay nhân dân, chủ nghĩa đế quốc bên ngoài câu kết với những thế lực của giai cấp tư sản và bọn phản động trong nước đã không ngừng tìm cơ hội phản kích. Chúng đã gây ra những sự kiện năm 1948 và năm 1968 nhằm phục hồi chủ nghĩa tư bản ở Tiệp khắc. Nhưng dưới sự lãnh đạo kiên quyết của Đảng cộng sản, nhân dân Tiệp khắc đã vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi hành động phá hoại của bọn thù địch, vững bước đi lên. Kế hoạch hai năm (1946—1948) được hoàn thành thắng lợi, tạo một bước thay đổi căn bản về cơ cấu sản xuất và tổ chức sản xuất. Kế hoạch năm năm thứ nhất (1950—1955) với mục tiêu thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, đã được hoàn thành vượt mức, khiến cho tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong tổng thu nhập quốc dân tăng nhanh, từ 56% năm 1918 lên 65% năm 1955. Miền Xlô-va-ki-a lạc hậu đã được nhanh chóng công nghiệp hóa. Kế hoạch năm năm thứ hai (1956—1960) nhằm mục tiêu hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và tạo lập cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội cũng đã được thực hiện tốt. Sản xuất công nghiệp năm 1960 so với năm 1955 tăng 66%, và so với thời kỳ trước chiến tranh bằng 4 lần. Nông nghiệp đã cung cấp một phần quan trọng lương thực, thực phẩm cho nhân dân, năm 1960 giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 80% so với năm 1955.

Sau thử thách to lớn của sự kiện năm 1968, dưới sự lãnh đạo đã được tăng cường của Đảng cộng sản, Tiệp khắc chuyển sang một thời kỳ mới, với những thắng lợi ngày càng rực



Digitized by Google

rõ. Đây có thể coi là thời kỳ phát triển tốt đẹp chưa từng có trong lịch sử Tiệp khắc. Đại hội thứ 14 của Đảng cộng sản Tiệp khắc họp năm 1971 đã định ra đường lối chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển ở Tiệp khắc. Đại hội thứ 15, họp năm 1976, tiếp tục hoàn thiện đường lối do Đại hội thứ 14 đề ra, khẳng định những phương hướng và nhiệm vụ quan trọng nhằm đưa đất nước Tiệp khắc tiến nhanh trên con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Đại hội thứ 16 của Đảng, họp năm 1981 đã đề ra nhiệm vụ tiếp tục phát triển kinh tế và xã hội bằng nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng lao động đạt tính kinh tế cao, củng cố kỷ luật lao động, nhanh chóng chuyển nền kinh tế sang phát triển chiều sâu, trước hết dựa trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật, và tăng cường hợp tác kinh tế và khoa học—kỹ thuật với các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là với Liên xô.

Trên cơ sở đường lối kinh tế chung, Đảng cộng sản Tiệp-khắc đã giải quyết kịp thời và sát đúng các vấn đề được đặt ra trong các lĩnh vực sản xuất, trước hết là trong công nghiệp và nông nghiệp.

Về *công nghiệp*, Tiệp khắc chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, coi trọng công nghiệp chế tạo máy và công nghiệp hóa chất. Công nghiệp chế tạo máy phát triển từ lâu ở Tiệp khắc, gần như là một ngành «truyền thống». Trước đây ngành này hướng vào sản xuất các loại máy hơi nước, máy công cụ, và các thiết bị cho các ngành công nghiệp khác. Hiện nay ngành chế tạo máy càng được coi trọng nhằm bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân những phương tiện sản xuất và kỹ thuật mới. Phương thức hoạt động của nó được đổi khác, không chạy theo nhiều loại mặt hàng như trước. Trong khuôn khổ của sự hợp tác, phân công lao động quốc tế, theo kế hoạch của Hội đồng tương trợ kinh tế, ngành chế tạo máy của Tiệp khắc tập trung vào việc sản xuất một số mặt hàng chính. Do tập trung được lực lượng, nguyên liệu và kinh nghiệm trong sản xuất, các mặt hàng đó ngày càng có vị trí cao trên thị trường quốc tế về kỹ thuật, thẩm mỹ và chất lượng.

Đối với một nước có công nghiệp phát triển nhưng nguyên liệu không được dồi dào như Tiệp khắc, việc phát triển mạnh *công nghiệp hóa chất* là rất cần thiết. Cùng với việc phát triển theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa chất ở Tiệp khắc đã xây dựng những ngành mới, sản xuất các chất tổng hợp.

Tiệp khắc cũng coi trọng việc tổ chức cơ cấu công nghiệp hợp lý, nhanh chóng công nghiệp hóa những vùng lạc hậu để sớm tạo ra sự cân bằng về mặt kinh tế giữa các vùng, từ đó thúc đẩy nền kinh tế chung phát triển nhanh. Việc công nghiệp hóa vùng Xlô-va-ki-a ngay từ trong kế hoạch năm năm thứ nhất đã mang lại tác dụng lớn về nhiều mặt. Với việc này, không chỉ vấn đề cân bằng nền kinh tế của đất nước, mà vấn đề dân tộc trong lĩnh vực kinh tế cũng đã được giải quyết tốt, tạo thế đi lên vững chắc cả về kinh tế và chính trị.

Về *nông nghiệp*, sau khi giành được chính quyền, Đảng cộng sản Tiệp khắc đã tiến hành cải cách ruộng đất. Từ năm 1949, bắt đầu hợp tác hóa nông nghiệp. Lúc đầu, các hợp tác xã được xây dựng theo quy mô nhỏ. Dần dần, các hợp tác xã được xây dựng với quy mô ngày càng lớn. Cuối năm 1980, sản xuất nông nghiệp của Tiệp khắc được tập trung vào 1779 hợp tác xã và 162 nông trường quốc doanh.

Công nghiệp cùng với những tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được sử



Digitized by Google

dụng để tác động tích cực vào nông nghiệp. Việc tập trung hóa, chuyên môn hóa và liên kết sản xuất trong nông nghiệp được coi trọng. Tiệp khắc hiện có những vùng rộng lớn chuyên trồng lúa mì, củ cải đường, khoai tây, v.v. ở đó, toàn bộ khâu thu hoạch được thực hiện bằng máy. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, Tiệp khắc chỉ có mấy nghìn máy kéo, hiện nay đã có khoảng 200 nghìn. Số máy gặt đập đã có khoảng 22 nghìn chiếc. Năm 1937, mỗi héc ta đất canh tác được bón 18 ki lô gam phân hóa học, nay đã được bón bình quân 245 ki lô gam.

Việc đào tạo cán bộ cho các hợp tác xã nông nghiệp cũng được coi trọng. Hiện nay, tất cả các hợp tác xã đều có đầy đủ các loại cán bộ thuộc các ngành trồng trọt, thú y, quản lý kinh tế, sửa chữa máy, v.v. có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp, trong đó số đông đã tốt nghiệp các trường kỹ thuật nông nghiệp.

Những cố gắng của Đảng và nhân dân Tiệp khắc trên mặt trận kinh tế đã mang lại nhiều kết quả ngày càng to lớn. Năm 1980, tổng thu nhập quốc dân đã bằng 6 lần so với năm 1937. Năm 1984, sản lượng công nghiệp bằng 13 lần so với năm 1948. Với số dân 15,5 triệu người, năm 1984 Tiệp khắc sản xuất 15 triệu tấn thép, 78 tỷ ki lô oát giờ điện, khai thác 129 triệu tấn than và li nhít, sản xuất 227 000 xe hơi các loại, 34 000 máy kéo. Hiện nay, với số dân chỉ bằng 0,4% số dân thế giới, công nghiệp Tiệp khắc hằng năm làm ra 1,6% tổng sản lượng công nghiệp của tất cả các nước trên hành tinh này gộp lại. Sản lượng công nghiệp của Tiệp khắc, tính bình quân đầu người, nhiều gấp 4 lần mức trung bình của thế giới.

Về nông nghiệp, năm 1984, Tiệp khắc thu hoạch 12 triệu tấn ngũ cốc, 3,7 triệu tấn khoai tây, 7,6 triệu tấn củ cải đường, chăn nuôi 5,1 triệu con bò và 6,7 triệu con lợn v.v. Như vậy, so với năm 1948, mặc dù số người lao động giảm 60% và diện tích đất canh tác giảm 10%, sản lượng nông nghiệp vẫn tăng lên gấp 2,2 lần.

Do trồng trọt và chăn nuôi đều phát triển, những nhu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân ngày càng được thỏa mãn với mức cao. Năm 1983, bình quân mỗi người dân Tiệp khắc tiêu thụ 83,3 ki lô gam thịt, 328 quả trứng, 37,8 ki lô gam đường, 10,1 ki lô gam mỡ thực vật, 220 ki lô gam sữa và sản phẩm từ sữa.

Sự lớn mạnh về kinh tế của Tiệp khắc không những đã tăng cường về mọi mặt sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa ở trong nước mà còn góp phần tích cực tăng cường sức mạnh của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa thế giới. Hiện nay, phần kim ngạch buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa chiếm 78,3% trong tổng kim ngạch buôn bán với nước ngoài của Tiệp khắc. Những đóng góp trong Hội đồng tương trợ kinh tế chứng tỏ Tiệp khắc có vai trò ngày càng quan trọng trong việc hợp tác và phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa.

★

Nhân dân Việt nam rất vui mừng trước những thành tựu to lớn về mọi mặt của nhân dân Tiệp khắc anh em.

Nhân dịp kỷ niệm thứ 40 ngày giải phóng Tiệp khắc, cùng với những lời chào mừng nồng nhiệt, chúng ta chúc nhân dân Tiệp khắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Tiệp khắc, đứng đầu là đồng chí Gu-xta-vơ Hu-xắc kính mến, tiếp tục thu nhiều thắng lợi mới, to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển trên Tổ quốc tươi đẹp của mình.



Digitized by Google

# Một vài ý kiến về "Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc"

NGUYỄN THÀNH LÊ

Từ lâu, chủ nghĩa xã hội đã thành chương trình nghị sự của cả loài người tiến bộ. Trong tác phẩm « Về một sự biếm họa chủ nghĩa Mác » viết năm 1916, Lê-nin đã khẳng định: « Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi »..(1). Phân tích tính chất thời đại chúng ta, Tuyên bố Mát-xcơ-va năm 1960 của các đảng cộng sản và công nhân nêu rõ đó là « thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới »(2).

Trong khi khẳng định tính tất yếu của con đường xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước, Lê-nin đã tiên đoán mỗi dân tộc sẽ đưa « đặc điểm của mình » vào bước đi, vào nhịp độ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với đời sống xã hội, vào hình thức tổ chức Nhà nước. Tuyên bố của Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp tại Mát-xcơ-va năm 1957 nhấn mạnh « Đảng của giai cấp vô sản mà coi thường những đặc điểm dân tộc thì nhất định sẽ đi tới chỗ tách rời khỏi cuộc sống, rời khỏi quần chúng, nhất định sẽ làm tổn hại đến sự nghiệp xã hội chủ nghĩa »(3).

Ngày 1-9-1982, khai mạc Đại hội XII của Đảng cộng sản Trung quốc, Đặng Tiểu Bình tuyên bố « đi theo con đường riêng của bản thân mình, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc, đó là kết luận cơ bản rút ra được từ sự tổng kết kinh nghiệm lịch sử lâu dài của chúng ta (Trung quốc) ».

Phải chăng cái gọi là « chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc » của Đặng Tiểu Bình có cùng nội dung với khái niệm « đặc điểm dân tộc » của Lê-nin và của Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân năm 1957?

Chúng ta hãy xem xét những lời nói và nhất là việc làm của ban lãnh đạo Trung quốc từ sau khi Mao chết, đặc biệt là từ Hội nghị thứ 3 (tháng 12-1978) của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc (khóa XI) trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội Trung quốc thì sẽ rõ.

---

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, tập 30, tr. 160

(2) *Văn kiện Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân tại Mát-xcơ-va tháng 1-1960*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1961, tr. 18.

(3) « Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mát-xcơ-va từ 14 đến 16 tháng 11 năm 1957 ». *Cương lĩnh của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, tr. 20



Digitized by Google

**«Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc» trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận.**

Trên lĩnh vực tư tưởng và lý luận, tuy ban lãnh đạo Trung quốc hiện nay có nói họ xây dựng chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin nhưng họ lại nhấn rất mạnh, rất đậm việc họ «theo tư tưởng Mao Trạch Đông».

Nghị quyết Hội nghị thứ 6 (tháng 6-1981) của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc (khóa XI) viết: «Tư tưởng Mao Trạch Đông là tài sản quý báu của đảng ta. Nó chỉ đạo hành động của chúng ta một cách lâu dài; các tác phẩm quan trọng của đồng chí Mao Trạch Đông... vẫn là những tác phẩm chúng ta cần thường xuyên học tập». Cương lĩnh chung của điều lệ Đảng cộng sản Trung quốc được thông qua tại Đại hội XII của đảng ấy viết: «Đảng cộng sản Trung quốc lấy chủ nghĩa Mác—Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông làm kim chỉ nam cho hành động của mình».

Những thực tế lịch sử đã chứng tỏ, việc những người theo chủ nghĩa Mao đặt chủ nghĩa Mác—Lê-nin bên cạnh tư tưởng Mao chỉ là việc làm hình thức, chỉ là để ngụy trang cho tư tưởng Mao. Hơn nữa, chủ nghĩa Mác—Lê-nin của họ đã được «Trung quốc hóa». Rốt cuộc, chỉ có tư tưởng Mao hay chủ nghĩa Mao là tư tưởng chỉ đạo, là kim chỉ nam cho việc xây dựng «chủ nghĩa xã hội» ở Trung quốc. «Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc» chỉ là xây dựng cái gọi là «chủ nghĩa xã hội» dưới sự chỉ đạo của tư tưởng Mao, một khuynh hướng tư tưởng pha trộn giữa tư tưởng tiểu tư sản, đặc biệt là tư tưởng nông dân, với tư tưởng tư sản và tư tưởng phong kiến, một trào lưu dân tộc chủ nghĩa, một biểu hiện nổi bật của chủ nghĩa dân tộc đại Hán.

Trong thực tiễn và lý luận, chủ nghĩa Mao là sự đoạn tuyệt hoàn toàn với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, với chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa Mao đã đẩy Đảng cộng sản Trung quốc vào vũng bùn của chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa cơ hội «tả» khuynh và chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Về *triết học*, chủ nghĩa Mao là một thứ chủ nghĩa duy tâm, một thứ chủ nghĩa thực dụng, đối lập với chủ nghĩa duy vật lịch sử và phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác.

Chủ nghĩa Mao là chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Nó đặt tinh thần ích kỷ dân tộc lên trên chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nó mưu đồ thực hiện chủ nghĩa bành trướng và bá quyền, chống lại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước, nhất là các nước láng giềng.

Dưới sự chi phối của chủ nghĩa Mao, «chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc» thực chất cũng giống như «chủ nghĩa xã hội phong kiến», «chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản», «chủ nghĩa xã hội tư sản» mà Mác đã nói cách đây gần 150 năm hoặc như chủ nghĩa xã hội của các đảng xã hội — dân chủ, một loại chính đảng tư sản.

**«Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc» trên lĩnh vực kinh tế — xã hội.**

Do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, do quá trình và mức độ cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới có khác nhau, cho nên giữa các nước xã hội chủ nghĩa có sự khác nhau về trình độ phát triển kinh tế — xã hội. Ngoài ra, mỗi nước lại có những truyền thống lịch sử, văn hóa riêng. Do đó có sự khác nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa về trình độ phát triển xã hội, về hình thức quản lý kinh tế là điều không thể tránh khỏi.

«Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc» trên lĩnh vực kinh tế — xã hội là như thế nào?



Digitized by Google

Ngày 10-5-1984 nói chuyện với nhà báo Mỹ Phren-cơ Gíp-nây, thủ tướng Trung quốc Triệu Tử Dương khẳng định: « Trung quốc là nước không thể dễ dàng phân loại ». Triệu Tử Dương phê phán việc phân loại các nước theo chế độ xã hội, cho cách làm đó là « lỗi thời ». Triệu Tử Dương nói: « ... chúng tôi không vạch ra giới hạn ở các chế độ xã hội để phân biệt các nước ». Tháng 10-1984, Triệu Tử Dương lại nói với đại biểu Hoa kiều: « Chúng tôi sẵn sàng thực hiện bất kỳ phương hướng chính trị nào nhằm đáp ứng yêu cầu nói trên đây (bốn hiện đại hóa)... chúng tôi không bị kìm hãm bởi bất cứ mô hình nào, nghị quyết nào, nguyên tắc nào ».

Gần đây, Đặng Tiểu Bình đưa ra khái niệm Trung quốc là « một quốc gia, hai chế độ ». Thực chất đây là chủ trương mở đường cho hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa được phục hồi và tồn tại ở Trung quốc, mở cửa cho chủ nghĩa tư bản quốc tế thâm nhập đặng thực hiện mưu đồ diễn biến hòa bình ở Trung quốc.

Từ Hội nghị thứ 3 của Ban chấp hành trung ương khóa XI của Đảng cộng sản Trung quốc đến nay, ban lãnh đạo Trung quốc đã dựa theo các quan điểm cơ bản nói trên để thực hiện một loạt biện pháp về kinh tế — xã hội, trong đó cải cách kinh tế trong nước và mở cửa với nước ngoài được coi là hai quốc sách lớn, hai chiến lược lớn.

Việc cải cách kinh tế được bắt đầu trong nông nghiệp từ cuối những năm 70 của thế kỷ này bằng cách xóa bỏ hình thức công xã nhân dân, phát triển nhiều thành phần kinh tế, khuyến khích tính tích cực sản xuất của một bộ phận nông dân, làm cho sản xuất lương thực, thực phẩm đạt được một số thành tích nhất định. Tuy nhiên, những cải cách kinh tế ở nông thôn đã tạo ra và sẽ còn tạo ra nhiều nhân tố phức tạp mà hậu quả chưa thể lường hết được.

Những cải cách kinh tế nông thôn đã dẫn đến chỗ làm suy yếu rõ rệt khu vực kinh tế tập thể và khu vực kinh tế toàn dân; phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; làm sâu sắc sự phân hóa xã hội và sự phân hóa giai cấp ở nông thôn Trung quốc. Việc phát canh thu tô đã được phục hồi ở nhiều nơi. Hiện tượng bóc lột trực tiếp sức lao động và bóc lột qua khâu lưu thông, phân phối trở thành phổ biến và được báo chí của Đảng cộng sản Trung quốc cổ vũ dưới khẩu hiệu « hãy làm giàu đi! ».

Từ nhiều năm về trước, Trung quốc đã bắt đầu thực hiện có tính chất thí nghiệm một số cải cách kinh tế ở thành thị. Những cải cách đó được chính thức thông qua ngày 20-10-1984 tại Hội nghị thứ 3 của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc (khóa XII) và được coi như một sự kiện có ý nghĩa lịch sử lớn lao, như một bước ngoặt quyết định trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của Trung quốc.

Nghị quyết ngày 20-10-1984 nói trên hãy còn là một văn kiện có tính chất định hướng và đang bắt đầu triển khai cho nên chúng ta chưa thể có ngay những nhận xét đầy đủ về văn kiện ấy. Tuy nhiên, căn cứ vào những thí nghiệm và việc mở rộng kết quả thí nghiệm về cải cách kinh tế thành thị, căn cứ vào nhiều đoạn văn và tinh thần của « nghị quyết » nói trên, chúng ta thấy, một mặt, ban lãnh đạo Trung quốc tiếp tục phủ định phương thức quản lý kinh tế của thời kỳ Mao, mặt khác họ dụng ý làm cho vai trò của kế hoạch, của khu vực kinh tế toàn dân giảm rõ rệt, trái lại vai trò của thị trường, của tự do cạnh tranh, của hàng hóa, của quy luật giá trị được đề lên rất cao, *kinh tế cá thể được bảo đảm phát triển mạnh.*



Digitized by Google

Bình luận về cải cách kinh tế thành thị của ban lãnh đạo Trung quốc, báo *Mỹ Bưu điện Oa-sinh-tơn* viết: « Cải cách này được coi là tiêm một liều mạnh thuốc bổ tư bản chủ nghĩa để đẩy mạnh sản xuất và để chữa chạy chế độ phân phối bất hợp lý ở Trung quốc ». Báo Anh *Thời báo tài chính* viết: « Rõ ràng những thay đổi này sẽ ném những tàn tích có tính chất chính thống của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa qua cửa sổ công xã nhân dân ».

Không phải không có căn cứ mà nhiều nhà nghiên cứu về Trung quốc ở nhiều nước, cả ở phương Đông và phương Tây, có nhận xét giống nhau hoặc gần giống nhau là chính sách kinh tế của ban lãnh đạo hiện nay ở Trung quốc là sự hỗn hợp của những nhân tố xã hội chủ nghĩa và những nhân tố tư bản chủ nghĩa, hoặc nói như nhiều nhà triết học tư sản phương Tây, chính sách kinh tế của Trung quốc ngày càng thể hiện sự hội tụ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Những yếu tố còn lại của chủ nghĩa xã hội tiếp tục bị xói mòn, những yếu tố tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển. Xu thế này được biểu hiện đặc biệt rõ ở các đặc khu kinh tế và ở 14 thành phố ven biển được mở cửa với các nước tư bản chủ nghĩa. Cách đây không lâu, chính bí thư đảng bộ Đảng cộng sản Trung quốc ở đặc khu kinh tế Thẩm quyến đã nói toạc ra rằng kinh tế tư bản chủ nghĩa sẽ chiếm ưu thế ở đặc khu kinh tế này.

Về đối ngoại, quan hệ kinh tế — kỹ thuật giữa Trung quốc với nước ngoài biểu hiện chủ yếu ở quan hệ với các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là với các trung tâm đế quốc chủ nghĩa như Nhật bản, Mỹ, khối thị trường chung châu Âu.

Xuất phát từ những thực tế đó, người ta có lý do xác đáng để khẳng định rằng *Trung quốc ngày càng đi sâu vào sự phân công lao động quốc tế tư bản chủ nghĩa.*

Tóm lại, về kinh tế — xã hội, « chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc » có những đặc điểm như sau:

Khu vực kinh tế toàn dân và khu vực kinh tế tập thể đang bị thu hẹp. Các khu vực kinh tế phi xã hội chủ nghĩa (tư bản và sản xuất nhỏ cá thể) đang phát triển khá mạnh, dẫn đến kết quả là khôi phục và phát triển một bước chủ nghĩa tư bản ở thành thị và nông thôn.

Ban lãnh đạo Trung quốc ngày càng tích cực áp dụng phương pháp quản lý kinh tế của giai cấp tư sản, vận dụng những quy luật và biện pháp kinh tế của chủ nghĩa tư bản để điều hành tổng thể nền kinh tế Trung quốc.

Sự nghiệp « bốn hiện đại » của Trung quốc dựa chủ yếu vào sự hợp tác với các nước đế quốc.

**« Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc » trên lĩnh vực chính trị đối ngoại.**

Năm 1920, phát biểu tại Đại hội thứ 2 của Quốc tế cộng sản, Lê-nin nói: « ... tư tưởng quan trọng nhất, cơ bản nhất của những luận cương của chúng ta là gì? Đó là sự phân biệt giữa những dân tộc bị bóc lột và dân tộc bóc lột... », ... « Tư tưởng chỉ đạo thứ hai của các luận cương của chúng ta là ở chỗ trong hoàn cảnh thế giới hiện nay, sau chiến tranh đế quốc, mối quan hệ giữa các dân tộc, toàn bộ hệ thống chính trị trên thế giới đều được quyết định bởi cuộc đấu tranh của một số nhỏ các dân tộc đế quốc chống phong trào xô viết và những nhà nước xô viết, mà đứng đầu là nước Nga xô viết... Chỉ có xuất phát từ quan điểm đó, thì các vấn đề chính trị mới được đặt ra và được giải quyết đúng đắn bởi các đảng



Digitized by Google

cộng sản ở những nước văn minh cũng như ở các nước lạc hậu» (4).

Những giáo huấn đó của Lê-nin là tư tưởng chỉ đạo, là cơ sở của đường lối, chính sách đối ngoại của các nước xã hội chủ nghĩa, của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế.

Ban lãnh đạo hiện nay của Trung quốc đã quay lưng lại với những giáo huấn của Lê-nin về chủ nghĩa quốc tế vô sản. Họ dựng ra cái gọi là «chủ nghĩa quốc tế mới», khuôn quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, giữa các đảng cộng sản và công nhân chỉ vào bốn điều: độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Chúng ta đều nhớ Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa năm 1957 mà Đảng cộng sản Trung quốc có tham gia, đã ra tuyên bố nhất trí nhấn mạnh: «Trong quan hệ với nhau, các nước xã hội chủ nghĩa dựa trên những nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ, độc lập và chủ quyền quốc gia của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đó là những nguyên tắc quan trọng, song những nguyên tắc ấy không phải là những nguyên tắc duy nhất thể hiện thực chất của mối quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Tình tương trợ anh em là bộ phận khăng khít của những mối quan hệ giữa các nước đó. Tình tương trợ đó là biểu hiện thiết thực của nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa» (5).

Ban lãnh đạo Trung quốc đã dụng ý cắt bỏ những đoạn văn, những nội dung thể hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, trong việc làm cụ thể, ban lãnh đạo Trung quốc đã không ngần ngại chà đạp lên cả bốn nội dung của «chủ nghĩa quốc tế mới» do họ nêu ra, cũng như họ đã không ngần ngại chà đạp năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau.

Chỉ kể những việc làm từ những năm 1976, 1977 đến nay trên lĩnh vực đối ngoại của ban lãnh đạo Trung quốc cũng đủ thấy họ đã xa rời chủ nghĩa Mác—Lê-nin biết nhường nào!

Họ đã ra sức xây dựng lực lượng cho bọn đồ tể Pôn Pốt để chúng thi hành chính sách diệt chủng ghê tởm ở Cam-pu-chia. Sau khi bọn diệt chủng Pôn Pốt bị nhân dân Cam-pu-chia lật đổ tháng 1-1979, ban lãnh đạo Trung quốc, phối hợp với đế quốc Mỹ, với giới cầm quyền phản động cực hữu Thái lan và các bọn phản động quốc tế khác, vẫn ra sức hà hơi tiếp sức cho bọn Pôn Pốt và các bọn phản động Khơ me khác chống lại độc lập, chủ quyền và công cuộc hồi sinh của Cam-pu-chia.

Đối với Việt nam, ban lãnh đạo Trung quốc đã phát động hai cuộc chiến tranh xâm lược và hiện nay họ đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chiến tranh lấn chiếm với hàng chục sư đoàn bộ binh và nhiều lực lượng hải quân, không quân hòng buộc Việt nam phải khuất phục trước chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn của họ. Họ lại đang lớn tiếng đe dọa cho Việt nam «bài học thứ hai».

Đối với Lào, ban lãnh đạo Trung quốc đã không ngừng xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của Lào.

Phối hợp chặt chẽ với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, ban lãnh đạo Trung quốc tiến

(4) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tập 41, 1978, tr. 290—291.

(5) «Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp ở Mát-xcơ-va từ 14 đến 16 tháng 1-1957». *Cương lĩnh của chúng ta* Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, tr. 16.



Digitized by Google

hành chiến tranh không tuyên bố chống Áp-ga-ni-xtan từ nhiều năm nay.

Đối với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước đây ban lãnh đạo Trung quốc thực hiện chính sách chống đối cả khối; gần đây, thay đổi sách lược, họ thực hiện chính sách chia rẽ, tranh thủ nước này, cô lập nước khác.

Đối với Liên xô, Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên của loài người tiến bộ, trụ cột của hòa bình và cách mạng, thì ban lãnh đạo Trung quốc coi là « siêu cường », « đại bá ».

Trên lời nói, bọn lãnh đạo Trung quốc nói họ chống cả hai siêu cường, coi đó là một trong ba nhiệm vụ chủ yếu, cơ bản của Trung quốc trong những năm 80 của thế kỷ này, nhưng trong hành động thực tế, họ ngày càng có quan hệ chặt chẽ về nhiều mặt kể cả về quân sự với đế quốc Mỹ, đặc biệt là với chính quyền Rê gân, còn đối với Liên xô thì họ chĩa mũi nhọn đấu tranh và dựng lên « ba trở ngại » để không chịu bình thường hóa một cách căn bản và toàn diện quan hệ về mặt Nhà nước.

Đối với các đảng cộng sản và công nhân, ban lãnh đạo Trung quốc, sau khi thất bại trong chính sách Mao hóa các đảng ấy, quay sang khuyến khích những khuynh hướng cơ hội, những chủ nghĩa biệt lập, trái với giáo huấn của Mác và Lê-nin: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! ».

Trên nhiều vấn đề trọng yếu của thời đại như vấn đề chiến tranh và hòa bình, chống chính sách chạy đua vũ trang của chủ nghĩa đế quốc, trong nhiều vấn đề có tính chất toàn cầu hoặc có tính chất khu vực, ban lãnh đạo Trung quốc trên thực tế là bạn đồng hành của đế quốc Mỹ và phe lũ.

Ngày 5-6-1981, tại Brúc-xen (thủ đô Bỉ), Triệu Tử Dương đã biện hộ cho hành động thân đế quốc của ban lãnh đạo Trung quốc và lập luận rằng Trung quốc không chú ý đến chế độ xã hội của nước khác, « các nước có chế độ khác nhau có thể xây dựng quan hệ rất hữu nghị với nhau. Các nước có chế độ giống nhau chưa chắc đã có quan hệ hữu nghị ». Rõ ràng đó chỉ là một sự ngụy biện cho chính sách cố tình không phân biệt những nước bị bóc lột và những nước bóc lột như Lê-nin đã chỉ rõ, cố tình xóa nhòa ranh giới giữa các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa, phụ họa với mưu đồ thực hiện sự hội tụ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

★

Nhìn chung lại, « chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc » do ban lãnh đạo hiện nay của Trung quốc đề xướng, có những đặc điểm gì?

*Thứ nhất*, nó xa rời chủ nghĩa Mác—Lê-nin và lấy chủ nghĩa Mao làm cơ sở tư tưởng và lý luận.

*Thứ hai*, trên thực tế nó phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, phủ nhận vai trò của chuyên chính vô sản, chủ trương cùng tồn tại giữa hai chế độ xã hội đối lập, chế độ tư bản chủ nghĩa và chế độ xã hội chủ nghĩa, ngay trong một nước, trước hết là ở Trung quốc.

*Thứ ba*, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nó ngày càng xa rời những quy luật phổ biến, những nguyên tắc chung của chủ nghĩa xã hội khoa học.

*Thứ tư*, nó phục vụ chủ nghĩa sô vanh đại Hán, do đó, nó « thừa nhận chủ nghĩa quốc tế trên lời nói, nhưng thật ra trong toàn bộ công tác tuyên truyền, cổ động và hoạt động thực tiễn, thì lại lấy chủ nghĩa dân tộc... thay cho chủ nghĩa quốc tế... » (6).

(6) Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 41, tr. 202.



Digitized by Google

Những cái gọi là "đặc điểm dân tộc" ấy, "màu sắc riêng" ấy của "chủ nghĩa xã hội" ở Trung quốc không làm phong phú chủ nghĩa Mác như ban lãnh đạo Trung quốc thường nói. Trái lại, đó là sự xuyên tạc chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác, Ăng-ghen, Lê-nin sáng lập và phát triển. Vì thế trong nội bộ Đảng cộng sản Trung quốc đang diễn ra cuộc đấu tranh tư tưởng và lý luận khá gay gắt được phản ánh trong chừng mực nhất định trên báo chí Trung quốc thời gian gần đây.

Là những người theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng ta mong rằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin được khôi phục và toàn thắng ở Trung quốc, vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung quốc, vì lợi ích của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và của cả loài người tiến bộ.

Hơn ai hết, những người cộng sản Việt nam thiết tha mong muốn Đảng cộng sản Trung quốc trở lại với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đưa giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung quốc tiếp tục đi theo con đường đúng đắn của chủ nghĩa xã hội khoa học mà có thời kỳ họ đã đi và đạt nhiều thành tích xuất sắc (thời kỳ 1949—1956).

Trong khi kiên quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chiến tranh lấn chiếm của nhà cầm quyền Trung quốc, chúng ta sẵn sàng bình thường hóa quan hệ về mặt Nhà nước giữa hai nước và khôi phục quan hệ hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc Việt nam — Trung quốc.


*Các bạn hãy mua đọc:*

**Tạp chí NGƯỜI LÀM BÁO**

**CƠ QUAN CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM**

*Đặt mua tại:* — 5 Lý Thường Kiệt, Hà nội
— 120 Xô viết Nghệ tĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Và các chi hội nhà báo các địa phương trong cả nước.




Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 5 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – Стоя на позициях Хо Ши Мина, углублять работу с массами. ЛЕ ЗУАН – Великая героическая эпопея. ХОАНГ ТУНГ – Эпохальное значение Победы над фашизмом. НГУЕН ВАН ЛИНЬ – Город Хошимин: десять лет испытаний и поступательных шагов. ЛЕ ЗАНГ СЬОНГ – Хайфон: Тридцатилетняя борьба за свободу и независимость, за социализм. НГУЕН ТХИ БИНЬ – Общеобразовательной школе единого Вьетнама – 10 лет. ДАНГ ХОЙ СУАН – 10 лет здравоохранения нашей страны. НГУЕН ВАН ХИЕУ – 10 лет строительства новой культуры в южновьетнамских провинциях. ИЕН ВИ – Экономика ЧССР на пути успешного развития. НГУЕН ТХАНЬ ЛЕ – Немного о «Специфическом социализме Китая».

**REVIEW OF COMMUNISM N° 5-1985**

**Editorial** – Let us Learn from Uncle Ho's Mass Viewpoint and Strengthen the Party's Mass Work. LÊ DUÂN – The Great Epic. HOÀNG TÙNG – The Epoch-making Significance of the Victory over Fascism. NGUYÊN VÂN LINH – Ho Chi Minh City: Ten Years of Trials, Ten Years of Progress. LÊ DANH XƯƠNG – Hai phong: Thirty Years of Struggle for Independence, Freedom and for Socialism. NGUYÊN THỊ BÌNH – Ten Years of Building and Developing General Education in Reunified Vietnam. ĐẶNG HỒI XUÂN – Forty Years of Growth and Service of our Public Health. NGUYÊN VÂN HIÊU – Ten Years of Building of New Culture in the Southern Provinces. YÊN VÂN – Czechoslovak Economy and Its March Forward. NGUYÊN THÀNH LÊ – Some Views on «Chinese-tinted Socialism».

**REVUE DU COMMUNISME N° 5-1985**

**Editorial** – Suivant la conception de masse de l'Oncle Ho, renforçons le travail des masses du Parti. LÊ DUÂN – Une glorieuse épopée. HOÀNG TÙNG – Portée historique de la victoire sur le fascisme. NGUYÊN VÂN LINH – Ho Chi Minh-ville: 10 ans d'épreuves et de progrès. LÊ DANH XƯƠNG – Hai Phong, 30 ans d'offorts pour l'indépendance, la liberté et le socialisme. NGUYÊN THỊ BÌNH – 10 ans d'édification et de développement de l'enseignement général du Vietnam unifié. ĐẶNG HỒI XUÂN – 10 ans de service et d'essor de la santé publique au Vietnam. NGUYÊN VÂN HIÊU – 10 ans de création d'une culture nouvelle dans les provinces du Sud. YÊN VÂN – Economie de la Tchécoslovaquie en développement. NGUYÊN THÀNH LÊ – Quelques opinions sur «Le socialisme aux couleurs chinoises».

**REVISTA DEL COMUNISMO N° 5-1985**

**Editorial** – Aprender el criterio de las masas del Tío Ho e incrementar el trabajo masivo del Partido. LÊ DUÂN – La gran epopeya. HOÀNG TÙNG – La significación de época de la victoria sobre el fascismo. NGUYÊN VÂN LINH – Ciudad Ho Chi Minh: diez años de pruebas y diez años de avance. LÊ DANH XƯƠNG – Treinta años de esfuerzos de Hai Phong por la independencia, la libertad y el socialismo. NGUYÊN THỊ BÌNH – Un decenio de construcción y desarrollo de la enseñanza general en Vietnam reunificado. ĐẶNG HỒI XUÂN – Cuarenta años de trabajos y crecimiento de la rama sanitaria en nuestro país. NGUYÊN VÂN HIÊU – Formación de una nueva cultura en las provincias meridionales en los últimos diez años. YÊN VÂN – La economía de Checoslovaquia en su avance de desarrollo. NGUYÊN THÀNH LÊ – Algunas consideraciones sobre «El socialismo llevado del matiz chino».

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 5-1985. NĂM THỨ XXXI (353)

# Mục lục

**Xã luận** — Học tập quan điểm quần chúng của Bác Hồ, tăng cường công tác quần chúng của Đảng 1
LÊ DUẨN — Thiên anh hùng ca vĩ đại 7
HOÀNG TÙNG — Ý nghĩa thời đại của chiến thắng chủ nghĩa phát xít 16
NGUYỄN VĂN LINH — Thành phố Hồ Chí Minh mười năm thử thách, mười năm đi tới 23
LÊ DANH XƯƠNG — Hải phòng 30 năm phấn đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội 35
NGUYỄN THỊ BÌNH — Mười năm xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông của nước Việt nam thống nhất 41
ĐẶNG HỒI XUÂN — Bốn mươi năm phục vụ và trưởng thành của ngành y tế nước ta 48
NGUYỄN VĂN HIẾU — Mười năm xây dựng nền văn hóa mới ở các tỉnh miền Nam 54
VŨ TRỌNG KIÊN — Mười năm xây dựng và củng cố chính quyền ở các tỉnh miền Nam 58
VĂN TẠO — Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin vào Việt nam 63
ĐẶNG XUÂN KỲ — Học tập tác phong của Bác Hồ 70
HOÀNG PHƯƠNG — Mấy suy nghĩ về tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh 76
LÊ QUANG THÀNH — Chủ tịch Hồ Chí Minh với công an nhân dân 81
PHONG LÊ — Sức mạnh « Bản án » và hình ảnh « Người kết án » 86
LÊ HÙNG TÂM — Cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên 91
YẾN VÂN — Kinh tế Tiệp khắc trên đà phát triển 97
NGUYỄN THÀNH LÊ — Một vài ý kiến về « Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc » 100
Bìa 3 — *Một số số tư liệu về phát triển y tế*
Bìa 4 — Tranh của *DƯƠNG HƯỚNG MINH*

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Duy Tân — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22010

Digitized by Google

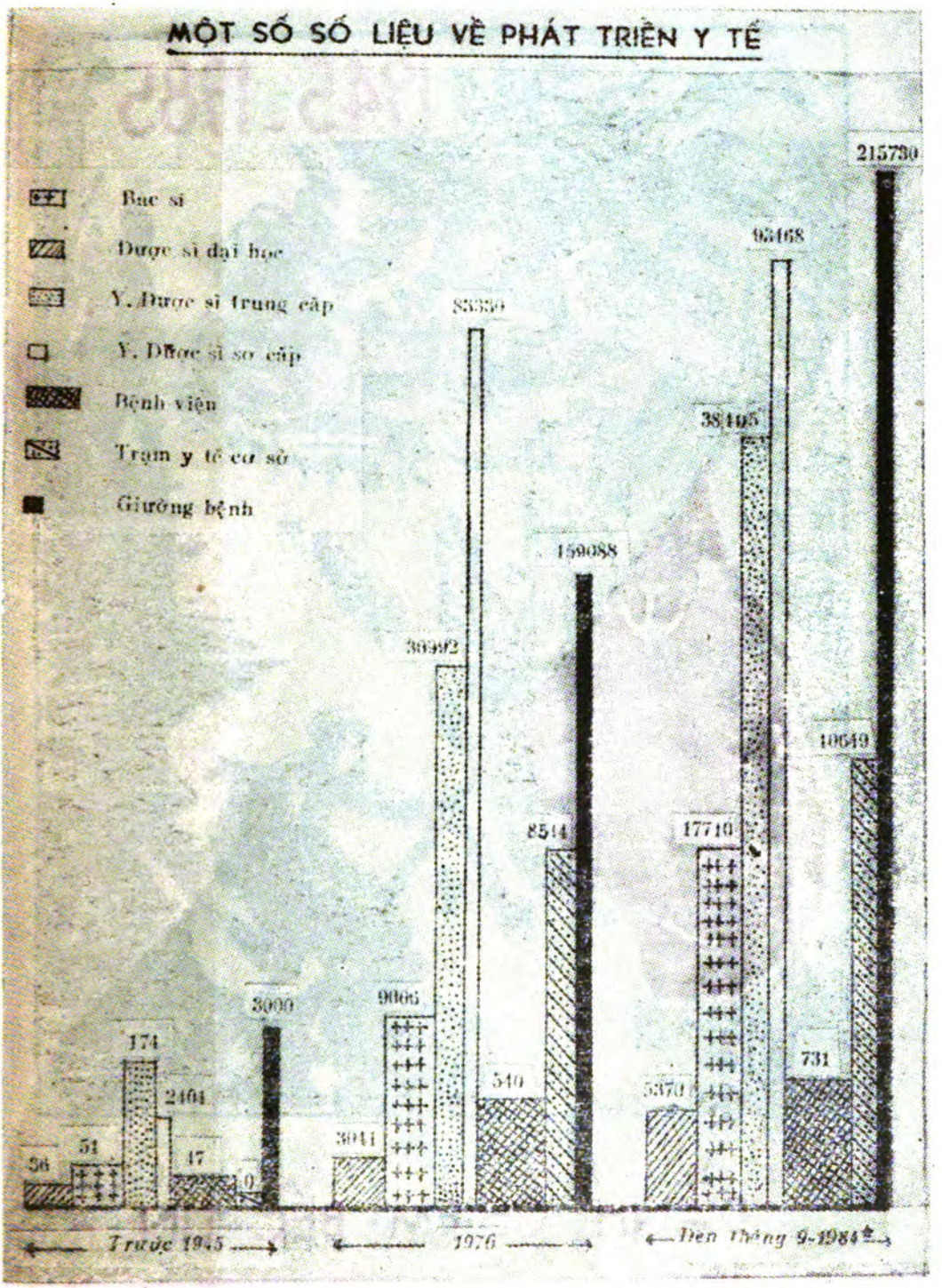


**Ghi chú :** * *Riêng số cán bộ Y, Dược trung, sơ cấp · tính đến cuối năm 1983*

Digitized by Google

From:
交流圖書公司
IAO LIU PUB. SERVICE
19 65
Title
Vol. No.

# ĐÁNH CHIẾM BÉC-LIN

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số : 12651 — Giá 4đ

Digitized by Google

HX
9
H68B

# Tạp chí Cộng sản

U. of MICH.
OCT 31 1985

6

6.1985

Digitized by Google

THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG LÀ NGƯỜI CHỦ TƯƠNG LAI CỦA NƯỚC NHÀ. VÌ VẬY CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TỐT CÁC CHÁU LÀ NHIỆM VỤ CỦA TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN. CÔNG TÁC ĐÓ PHẢI LÀM KIÊN TRÌ, BỀN BỈ.

HỒ CHÍ MINH
(1969)

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

## *Xã luận*

# Cải tiến cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp

*CHÚNG ta đều biết, cơ chế quản lý kinh tế là tổng thể các hình thức kinh tế nhằm tác động có ý thức vào những lực lượng tham gia quá trình sản xuất để đạt được những mục tiêu kinh tế đã định. Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay đòi hỏi phải cải tiến cơ chế quản lý nông nghiệp, phải tìm ra được những hình thức kinh tế phù hợp nhằm tác động trực tiếp hoặc gián tiếp vào các lực lượng tham gia quá trình sản xuất nông nghiệp, từ hợp tác xã cho đến từng người xã viên, từ các cơ quan quản lý đến các cơ quan dịch vụ, kỹ thuật, từ cán bộ quản lý đến cán bộ khoa học kỹ thuật... để thực hiện bằng được những mục tiêu nông nghiệp.*

*Nhằm đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách cải tiến quản lý nông nghiệp, quản lý hợp tác xã. Trong các chính sách đó, nổi lên chính sách về khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, chính sách thu mua và chủ trương phân cấp quản lý nông nghiệp...*

*Kết quả thực hiện các chính sách ấy đã phá vỡ một phần cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp trong nông nghiệp, trong hợp tác xã; một số nhân tố mới của cơ chế quản lý nông nghiệp đang hình thành.*

*Bốn năm qua, sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ: sản xuất lương thực bình quân mỗi năm tăng 70 vạn tấn; chăn nuôi trâu bò bình quân mỗi năm tăng 5,4%; sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đều tăng với tốc độ khá... Những thành tựu ấy do nhiều nguyên nhân, trong đó quan trọng nhất là những cải tiến về cơ chế quản lý.*

*Tuy nhiên, cần nhận rõ những tiến bộ về quản lý kinh tế nói chung cũng như nông nghiệp nói riêng còn có nhược điểm là chưa đều, chưa mạnh và chưa cơ bản; trong nông nghiệp, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp còn nặng. Tình*



Digitized by Google

*hình ấy đã hạn chế khá nhiều việc huy động các lực lượng để khai thác các tiềm năng trong nông nghiệp. Vì vậy, Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng đã có những quyết định rất quan trọng về cải tiến quản lý kinh tế, trong đó có việc cải tiến cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Nội dung quản lý hợp tác xã bao gồm nhiều mặt:*

*1 — Nghị quyết của Trung ương quyết định phải* **đổi mới công tác kế hoạch của hợp tác xã,** *bộ phận quan trọng nhất của cơ chế quản lý. Chúng ta đều biết một thời gian dài trước đây, việc xây dựng kế hoạch ở hợp tác xã thường bị động, các chỉ tiêu kế hoạch của hợp tác xã do huyện giao xuống, các chỉ tiêu của huyện cũng lại do tỉnh phân bổ. Nội dung chỉ tiêu kế hoạch mà huyện giao cho hợp tác xã bao gồm nhiều mặt (trồng cây gì, nuôi con gì, diện tích bao nhiêu, năng suất thế nào...), thậm chí có nơi quy định cả biện pháp canh tác cụ thể. Tóm lại là kế hoạch sản xuất, thu mua mang nặng tính áp đặt từ trên xuống, mà không quy định rõ phần nghĩa vụ bắt buộc đối với cơ quan Nhà nước trong việc bảo đảm các điều kiện cho hợp tác xã thực hiện kế hoạch. Vì vậy, đã hạn chế tính chủ động, sáng tạo, tích cực của hợp tác xã và xã viên.*

*Khắc phục một phần những thiếu sót đó, những năm gần đây, Nhà nước có chính sách ổn định nghĩa vụ thu mua lương thực trong 5 năm, điều đó đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Tuy nhiên ở đây, nghĩa vụ của Nhà nước đối với hợp tác xã trong việc cung ứng năng lượng, vật tư nông nghiệp, thuốc trừ sâu, phân bón... vẫn chưa trở thành pháp lệnh. Mặt khác, do nhiều nguyên nhân, kể cả do yêu cầu khách quan, trong tình hình khó khăn chung của đất nước về lương thực, nhiều hợp tác xã vẫn phải đóng góp tăng lên khi sản lượng lương thực tăng, mặc dù các hợp tác xã này đã làm tròn nghĩa vụ giao nộp lương thực cho Nhà nước theo kế hoạch. Từ đó dẫn đến tình trạng một số hợp tác xã làm ăn càng giỏi, càng phải đóng góp nhiều, thu nhập thực tế của hợp tác xã và xã viên không tăng.*

*Vì vậy, để cải tiến công tác xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch, phải khắc phục một cách cơ bản những nhược điểm nói trên. Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương đã xác định số lượng chỉ tiêu pháp lệnh giao cho hợp tác xã chỉ còn hai loại, thể hiện trong hợp đồng kinh tế được ký từ đầu vụ:* **một là,** *khối lượng sản phẩm hợp tác xã bán cho Nhà nước theo chất lượng và giá cả được xác định trong hợp đồng kinh tế (trong đó có phần dành cho xuất khẩu).* **Và hai là,** *các điều kiện vật chất (năng lượng, vật tư, nguyên liệu, máy móc, dịch vụ...) Nhà nước cung ứng cho hợp tác xã theo số lượng, chất lượng, giá cả, địa điểm, thời gian quy định và liên ứng trước. Hai chỉ tiêu đó thể hiện một quan hệ kinh tế bình đẳng về nghĩa vụ giữa nông dân đối với Nhà nước và Nhà nước đối với nông dân trong suốt cả quá trình sản xuất ra nông phẩm. Đây là sự đổi mới rất quan trọng về số lượng và tính chất chỉ tiêu pháp lệnh, có tính khuyến khích cao đối với hợp tác xã và người lao động; tuy vậy, cũng còn không ít khó khăn khi thực hiện, đòi hỏi các cơ quan cung ứng vật tư, các cơ sở dịch vụ kinh tế — kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, nhất là trên địa bàn huyện, phải có sự chuyển biến căn bản về tổ chức, quản lý và phương thức hoạt động. Cho đến nay, khó khăn chủ yếu vẫn là huyện chưa nắm chắc được nguồn năng lượng, vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu... để ký hợp đồng với các hợp tác xã. Vấn đề là, làm thế nào quản lý được những thứ đó trên phạm vi cả nước? Không thể kéo dài tình trạng nhiều tổ chức, cơ quan không có chức năng quản lý nông nghiệp cũng có trong tay phân đạm, vật tư, xăng dầu... dùng để « đổi lưu » với hợp tác xã, làm « kế hoạch ba » hoặc sử dụng không đúng mục đích. Không khác*



Digitized by Google

*phục được điều đó, tất yếu dẫn đến sự lộn xộn không đáng có, mạnh ai nấy chạy, móc ngoặc để chạy vật tư, phân bón... do đó không bảo đảm được tính vững chắc của kế hoạch, không bảo đảm đủ lương thực trang trải cho nhu cầu xã hội.*

*Điểm mới nữa trong công tác kế hoạch của hợp tác xã là ở việc xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch. Kế hoạch của hợp tác xã do Đại hội xã viên quyết định dưới sự chỉ đạo của chính quyền huyện và xã. Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch trước đây nặng về phương pháp hành chính, nay được thay thế bằng phương thức thông qua các chính sách đòn bẩy, cung ứng vật tư kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, các hình thức tổ chức liên kết, liên doanh. Đây là sự thay đổi quan trọng, gắn nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của Nhà nước và của hợp tác xã, đòi hỏi cả hai bên đều phải cố gắng phấn đấu để duy trì sự hoạt động bình thường của các công đoạn sản xuất của hợp tác xã đến sản phẩm cuối cùng. Bên nào không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình sẽ bị phạt. Phương pháp nói trên cần được bảo đảm bởi nhiều quy định cụ thể, đúng đắn của các chính sách kinh tế, nhất là chính sách giá cả, chính sách về lao động, về khoa học kỹ thuật, về cán bộ... và phải trông vào khối lượng vật tư có trong tay Nhà nước ở cấp huyện bằng nhiều nguồn khác nhau v.v. Trong bước đầu thực hiện, cần có sự tính toán cụ thể các điều kiện vật chất bảo đảm theo đúng các bước đi thích hợp để nâng cao dần trình độ chỉ đạo, điều hành của cấp huyện và hợp tác xã.*

*Việc thực hiện đúng đắn sự đổi mới trên đây về kế hoạch chắc chắn sẽ tăng cường quyền chủ động của hợp tác xã trong phạm vi rộng rãi hơn trước, bảo đảm được nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế, bảo đảm được vai trò trung tâm của kế hoạch.*

*2—Cùng với quyết định về đổi mới công tác kế hoạch, nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương nhấn mạnh việc* **tổng kết để hoàn thiện cơ chế quản lý trong bản thân hợp tác xã**, *nhất là việc* **tiếp tục tìm ra hình thức kích thích tính tích cực của xã viên.**

*Hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động trong nông nghiệp theo chỉ thị số 100 của Ban bí thư được áp dụng phổ biến ở các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất bốn năm qua, đã đem lại kết quả rất lớn trong sản xuất nông nghiệp — đó là điều không phải bàn cãi. Những khuynh hướng muốn xem lại chủ trương khoán sản phẩm là không đúng. Tuy nhiên, không thể coi nhẹ những lệch lạc ở một số nơi trong quá trình thực hiện, mà biểu hiện là khoán trắng một số khâu hoặc tất cả các khâu, để các hộ nhận khoán tự lo sức kéo, cày cuốc, chọn giống, tự chạy thuốc trừ sâu. Một số nơi chưa chú ý củng cố các đội, tổ chuyên khâu, nhất là ở những công việc quan trọng như chọn và bảo quản giống, bảo vệ thực vật... Việc trả công lao động ở các tổ, đội chuyên khâu chưa gắn với kết quả cuối cùng, chưa có chế độ đúng đắn để gắn trách nhiệm, nghĩa vụ với quyền lợi của cán bộ quản lý tương xứng với kết quả sản xuất. Nhiều nơi chưa coi trọng đúng mức việc áp dụng khoán sản phẩm trong chăn nuôi và các ngành nghề. Những yếu kém nói trên do nhiều nguyên nhân, có phần do các cơ quan Nhà nước, nhưng có phần do Ban quản trị hợp tác xã chưa nắm vững nội dung cơ chế khoán hoặc lúng túng trong tổ chức thực hiện.*

*Vì vậy, việc hoàn thiện cơ chế khoán đòi hỏi phải tích cực khắc phục những khuyết điểm nói trên, đồng thời mở rộng việc khoán trong chăn nuôi, ngành nghề, hoàn thiện các chế độ thưởng phạt, hạch toán và phân phối đúng đắn, hợp lý*



Digitized by Google

giữa ba lợi ích, trong đó chú ý thích đáng lợi ích của người lao động. Kinh nghiệm thực tế phong phú về thực hiện khoán sản phẩm của nhiều hợp tác xã, nhiều huyện (từng mặt hoặc toàn diện) nếu được tổng kết chu đáo, phổ biến kịp thời, chắc chắn sẽ có tác dụng không nhỏ đối với việc hoàn thiện cơ chế khoán mới. Chẳng hạn, trong việc giải quyết sức kéo, nhiều nơi đã có những cách làm hay: hợp tác xã Đình bảng (Tiên sơn, Hà bắc) có cả một hệ thống các quy định cụ thể từ việc quy định chế độ làm việc, chế độ ăn uống, chế độ chữa bệnh, điều dưỡng cho trâu bò đến các quy định thưởng, phạt thích đáng đối với cán bộ quản lý có liên quan (đội, hợp tác xã), với thợ cày và người chăm sóc. Nhờ đó vụ đông xuân 1983 — 1984 đã khôi phục sức cho 59 trong tổng số 60 con trâu bò đưa vào trạm điều dưỡng v.v. Kết quả là hợp tác xã có đủ sức kéo, đàn trâu ngày càng đông: từ 260 con, sau 2 năm tăng đến 303 con, không ai phải cuốc ruộng thay trâu, năng suất cây trồng của hợp tác xã lên cao.

Trong khâu giống, hợp tác xã Phụng thượng (Hà nội), qua rút kinh nghiệm nhiều lần, đã áp dụng mô hình "4 chuyên": ruộng riêng, kho riêng (bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật), người riêng (đội chuyên, thủ kho kho giống riêng), sân phơi riêng. Bí quyết ở đây là vấn đề khoán: cũng như các đội khác, đội giống nhận khoán 3 khâu cuối, còn các khâu khác vẫn do hợp tác xã đảm nhiệm, về chi phí đội giống được cấp tăng 30% nhưng mức khoán sản lượng chỉ giao bằng các đội khác. Nếu vượt khoán, cứ 1 kí lô gam thóc giống được đổi 1,3 kí lô gam thóc thường. Việc kiểm tra chất lượng các khâu công việc kể cả thu hoạch, dập và nhập kho của đội được hợp tác xã làm chặt chẽ; hợp tác xã còn tăng cường người bảo vệ bên cạnh thủ kho (thủ kho được trả công bằng một lao động giỏi). Qua nhiều vụ rút kinh nghiệm (từng việc, từng mặt) đến nay hợp tác xã đã ổn định quy trình quản lý khâu giống, duy trì được giống lúa thích hợp cho năng suất cao.

Trong các khâu khác như tưới nước và tiêu nước, bảo vệ thực vật..., trong việc tăng cường sở hữu tập thể, củng cố các đội cơ bản và chuyên khâu, thực hiện các chính sách đãi ngộ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và người lao động cũng có những điển hình tốt. Tổng kết những kinh nghiệm ấy, chắc chắn chúng ta tìm ra được những hình thức phù hợp để hoàn chỉnh hình thức khoán mới.

3 — Việc cải tiến quản lý trong nội bộ hợp tác xã không thể không gắn với các cơ quan kỹ thuật dịch vụ ở huyện. Vì vậy, nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương đề ra phương hướng **huy động được mạng lưới kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ của Nhà nước để phục vụ tốt hơn các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp.**

Hiện nay ở mỗi huyện đều đã có một mạng lưới các công ty, trạm, trại, cửa hàng phục vụ các cơ sở sản xuất. Trước đây, hệ thống này do tỉnh quản lý, hoạt động theo cơ chế hành chính bao cấp, không gắn với kết quả sản xuất của cơ sở. Do chưa có cơ chế bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mạng lưới dịch vụ — kỹ thuật và của hợp tác xã, cho nên giữa hợp tác xã với các cơ quan đó có những điểm không ăn khớp, nhịp nhàng, có nhiều biểu hiện tiêu cực, khiến cho kết quả của sản xuất bị hạn chế. Khắc phục tình hình đó, gần đây, mạng lưới dịch vụ — kỹ thuật đã được chuyển giao cho huyện quản lý. Ở một số nơi, hoạt động của các trạm, trại, các cơ quan dịch vụ — kỹ thuật huyện **được chuyển sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện hạch toán kinh tế, lấy thu bù chi,** giúp các hợp tác xã tăng năng suất cây trồng, con vật nuôi, qua đó, bản thân các cơ quan dịch vụ — kỹ thuật cũng có lãi và lớn lên, ngày càng đáp ứng nhu cầu sản xuất của



Digitized by Google

*hợp tác xã. Phương thức hoạt động này là một chiếc cầu, là chất keo gắn huyện với cơ sở, một kiểu quan hệ hợp tác và phân công mới để đi lên sản xuất lớn trên địa bàn huyện, và góp phần thúc đẩy sự hình thành cơ cấu nông — công nghiệp huyện. Lấy trạm bảo vệ thực vật ở huyện Kiến an (Hải phòng) làm ví dụ: trước đây, công tác bảo vệ thực vật ở đây không được quản lý chặt chẽ, thậm chí khoán trắng cho các hộ nhận khoán. Thuốc trừ sâu có bao nhiêu (thường là thiếu, không cấp kịp thời) thì đem chia cho hộ xã viên. Khi lúa bị sâu bệnh, mạnh ai nấy bơm thuốc, cho nên không phát huy được hiệu lực của thuốc. Khắc phục tình trạng đó, « công ty bảo hiểm cây trồng » huyện được thành lập. Từ một trạm bảo vệ thực vật huyện gồm 8 người trước đây chỉ làm công tác hành chính và chỉ đạo phong trào, kinh phí hoạt động, lương, phụ cấp đều do Nhà nước đài thọ, nay công ty có 25 người, lấy xã làm địa bàn hoạt động. Vụ sản xuất đông xuân 1983 — 1984, công ty đã ký hợp đồng bảo hiểm cho 6 000 héc ta lúa của 25 hợp tác xã đạt kết quả tốt. Mức thiệt hại do sâu bệnh chỉ chiếm 7—8% sản lượng (trong khi mức thiệt hại tối thiểu trung bình được quy định trong hợp đồng là 10%) và hao phí vật tư, xăng dầu, thuốc trừ sâu... giảm được 30%. Công ty thu được 300 tấn thóc (do thực hiện đúng hợp đồng, công ty được hợp tác xã trả 2% sản lượng như đã ký kết đầu vụ). Đồng thời công ty cũng phải bồi thường 93 tấn thóc do không đạt kết quả bảo hiểm ghi trong hợp đồng đối với một số hợp tác xã. Số thóc còn lại được chi như sau: trả lương cho kỹ thuật viên hết 72 tấn (cả huyện có 284 kỹ thuật viên, mỗi kỹ thuật viên được công ty trả 3 tạ thóc mỗi vụ và một số tiền chi phí hoạt động), mua vật tư dùng trong vụ và chi về huấn luyện hết 1 225 972 đồng (48% số thu). Tuy còn một số vấn đề cần được giải quyết tốt hơn (ví dụ: định mức đầu tư vật tư, mức thưởng phạt, trình độ cán bộ, các biện pháp kỹ thuật đi theo...), rõ ràng, đây là một hình thức tốt, thể hiện được nhiều nguyên tắc quan trọng của quản lý, đưa được tiến bộ khoa học — kỹ thuật vào sản xuất.*

*Hiện nay, các huyện trong cả nước đã có 936 công ty thương nghiệp tổng hợp, 197 công ty vật tư tổng hợp, 83 công ty lương thực, một số huyện đã tổ chức công ty vận tải, công ty xuất khẩu, công ty hải sản, công ty làm sản v.v. Đây là lực lượng không nhỏ trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Nếu ở đâu cũng chuyển mạnh sang phương thức hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động và phục vụ, chắc chắn sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ. Vấn đề có thể rút ra từ thực tiễn là* **phải tìm được các hình thức kinh tế thích hợp, đủ sức cuốn hút các cơ quan kinh tế, dịch vụ, kỹ thuật vào guồng máy sản xuất nông nghiệp.** *Cũng qua đây, vị trí, vai trò to lớn của cấp huyện càng được khẳng định.*

*4 — Kinh nghiệm thực tế cho thấy, cùng với việc áp dụng cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động, việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và áp dụng rộng rãi thành tựu khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của nông nghiệp nước ta, nhất là trên lĩnh vực sản xuất lương thực. Làm thế nào để huy động được nhiều cơ quan khoa học, kỹ thuật từ trung ương đến địa phương và nhiều cán bộ khoa học góp sức giúp cơ sở nâng cao sản lượng trồng trọt và chăn nuôi? Mấy năm nay, đã xuất hiện ngày càng phổ biến, những hình thức* **liên kết kinh tế thông qua việc ký hợp đồng giữa cơ sở sản xuất với các cơ quan khoa học, kỹ thuật phục vụ nông nghiệp.** *Thực tế đã chỉ rõ, đây là một hình thức sáng tạo, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hợp tác xã Sen chiền (Phúc thọ, Hà nội) trước đây là hợp tác xã kém, mấy năm nay trở thành khá của huyện, chính là*



Digitized by Google

*đo phát triển sản xuất trên cơ sở thực hiện tốt hợp đồng kinh tế ký với các cơ quan khoa học, kỹ thuật. Vụ ngô đông xuân 1983 — 1984, hợp tác xã đã ký hợp đồng với trung tâm giống ngô Sông Bôi. Trung tâm chịu trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật cho hợp tác xã. Hợp tác xã chịu mọi chi phí sản xuất và thù lao thích đáng cho cán bộ kỹ thuật của trung tâm đến hướng dẫn. Năng suất ký kết giữa trung tâm và hợp tác xã là 40 tạ ngô/ha (năng suất thực tế của hợp tác xã năm 1981 là 22 tạ, năm 1982 là 26 tạ). Trung tâm sẽ được thưởng hoặc bị phạt 50% sản lượng vượt hoặc hụt. Xã viên không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật sẽ bị hợp tác xã phạt. Kết quả, năng suất ngô bình quân đạt 43 tạ/ha, hợp tác xã thu thêm được hàng chục tấn. Xã viên từ chỗ không biết, nay đã nắm chắc kỹ thuật thâm canh ngô. Những việc làm tương tự cũng được áp dụng trong chăn nuôi trâu bò, lợn, gà... ở nhiều nơi. Vấn đề là cần phổ biến kịp thời kinh nghiệm áp dụng các hình thức liên kết kinh tế — kỹ thuật thích hợp giữa cơ sở sản xuất với các cơ quan khoa học kỹ thuật ở mọi cấp. Cũng cần lường trước tình hình, khi sự liên kết trực tiếp về kinh tế — kỹ thuật giữa các cơ sở sản xuất với các cơ quan khoa học — kỹ thuật các cấp đã trở thành phổ biến thì vai trò của địa phương, của huyện và của các ngành sẽ lớn lên rất nhiều. Lúc đó cần thiết phải có kế hoạch liên kết kinh tế — kỹ thuật trên phạm vi rộng lớn. Nên chăng, trong phương hướng phát triển các ngành khoa học, kỹ thuật cần tính tới khả năng này?*

*Cùng với việc huy động lực lượng các cơ quan khoa học, kỹ thuật phục vụ các cơ sở sản xuất, nhiều nơi đã chú trọng thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật về công tác ở cơ sở. Trong cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp, vấn đề rất quan trọng là* **phải tìm ra được những hình thức, những chính sách thích hợp để có thể huy động được đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ tốt nhất cho nông nghiệp.**

*Hiện nay, cả nước có tới 10 vạn cán bộ trung cấp, 3 vạn kỹ sư nông nghiệp. Đây là cái vốn rất quý, và trên thực tế, đội ngũ này đã góp phần quan trọng vào thành tựu nông nghiệp nước ta. Nhưng thử hỏi lực lượng này đã được sử dụng tốt chưa? bao nhiêu cán bộ khoa học đã về cơ sở? Tiếc rằng, do nhiều nguyên nhân, số này không phải là nhiều so với lòng số. Bao nhiêu người giỏi đã chịu nên làm cho khoa học, kỹ thuật nông nghiệp? Câu trả lời chắc là chưa đáng phấn khởi. Có tình hình đó trước hết là do cơ chế quản lý khoa học — kỹ thuật chưa tương xứng với tầm vóc của ngành này. Gần đây, Nhà nước đã thực hiện một số chính sách mới về đãi ngộ, động viên cán bộ khoa học, kỹ thuật. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật bước đầu phải gắn với nhu cầu của địa phương. Một số địa phương ký hợp đồng với các trường đại học về đào tạo cán bộ cho nhu cầu phát triển khoa học kỹ thuật của mình. Đây cũng là một cách làm tốt để khắc phục cách phân phối cán bộ khoa học nông nghiệp chưa hợp lý trước đây. Để thu hút cán bộ kỹ thuật về công tác ở cơ sở, tỉnh Hà tuyên đã đề ra một số chế độ khuyến khích trong phạm vi khả năng cho phép: được nâng mức phụ cấp hàng tháng, được ưu tiên mua một số hàng công nghiệp, vợ con đi theo được bố trí công việc... Nhờ đó, tỉnh Hà tuyên đã huy động được hơn 100 cán bộ làm việc ở các ngành chung quanh tỉnh về làm việc ở cơ sở.*

*5 — Việc đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp nói chung, hợp tác xã nói riêng* **còn đòi hỏi phải rất coi trọng hoàn thiện hệ thống chính sách để nó phản ánh đúng đắn mối quan hệ mật thiết giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa công nhân với nông dân.** *Những chính sách này*



Digitized by Google

*tác động rất lớn đến sự phát triển của nông nghiệp. Ví dụ: chính sách đầu tư vào nông nghiệp đã tương xứng với vị trí hàng đầu của nông nghiệp và cân đối giữa nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng chưa? Giá cả nông phẩm đã được tính toán đúng chưa? Giá thu mua có khuyến khích nông dân tích cực sản xuất không, có bảo đảm tái sản xuất không? Tỷ giá giữa hàng công nghiệp với nông sản phẩm có thể hiện mối quan hệ kinh tế bình đẳng giữa nông nghiệp với công nghiệp không? Ở đây, chính sách giá cả có vai trò rất quan trọng. Hội nghị thứ 6 của Trung ương chỉ rõ: « Điều chỉnh ngay một số giá thu mua nông sản để đẩy mạnh sản xuất, nhất là những cây công nghiệp cho xuất khẩu và cho nhu cầu quan trọng trong nước, bảo đảm giá hợp lý giữa nông, lâm, thủy sản và hàng công nghiệp, điều chỉnh một số tỷ giá giữa lương thực, cây công nghiệp và sản phẩm chăn nuôi ».*

*Để phát huy tác dụng tốt, những chính sách đó cần phải đồng bộ và trong mỗi chính sách kinh tế phải bao hàm yếu tố xã hội, đều hướng vào mục tiêu năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trong nông nghiệp, góp phần phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.*

★

*Xây dựng cơ chế quản lý kinh tế nói chung cũng như cơ chế quản lý nông nghiệp nói riêng là việc khó khăn, đòi hỏi phải có thời gian. Để có được cơ chế quản lý nông nghiệp, cơ chế quản lý hợp tác xã đúng đắn, phải thấu suốt đường lối của Đảng, nắm chắc đặc điểm nước ta và đặc điểm riêng của nông nghiệp, kể cả đặc điểm kỹ thuật, sinh vật của nó, có tư duy đúng, đủ sức phân tích, tổng kết những nhân tố mới xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Đó là công việc chung của các ngành ở trung ương, của các địa phương, các cơ sở. Đương nhiên các cơ quan của trung ương có trách nhiệm nghiên cứu đề ra những chính sách, chế độ chung, còn mỗi địa phương, mỗi cơ sở phải năng động, sáng tạo, chủ động tìm ra những hình thức kinh tế thích hợp góp phần tích cực vào việc hình thành cơ chế quản lý nông nghiệp.*



Digitized by Google

# Diễn văn của đồng chí Trường-Chinh tại lễ kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

*Thưa đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến,*

*Thưa Đoàn chủ tịch,*

*Thưa các vị khách quý,*

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

HÔM nay, với niềm tin vô hạn và lòng biết ơn sâu sắc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt nam, nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, chiến sĩ xuất sắc của phong trào giải phóng dân tộc, người bạn thân thiết của các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động toàn thế giới.

Lòng tràn đầy nhớ thương, nhân dân ta hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng, nêu gương sáng cho các thế hệ người Việt nam ngày nay và mai sau.

Bác Hồ ra đi đã mười sáu năm rồi, nhưng chúng ta vẫn cảm thấy như Người luôn luôn bên cạnh. Người vẫn sống mãi với sự nghiệp cách mạng của chúng ta, với non sông, đất nước ta.

Nhân ngày lịch sử vẻ vang này, chúng ta nhìn lại con đường Người đã đi, sự nghiệp Người để lại, tăng thêm lòng tự hào và tin tưởng, tiếp tục thực hiện những điều Người đã chỉ bảo, quyết đem lá cờ bách chiến, bách thắng của Người đến đích thắng lợi cuối cùng.

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ-NIN VÀ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI, TÌM RA CON ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Để có một nước Việt nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa như ngày nay, dân tộc ta đã phải vượt qua một con đường dài đầy khó khăn, gian khổ, đầy thử thách, hy sinh, đồng thời cũng là con đường hết sức vẻ vang. Đó cũng chính là con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt nam.

Bác Hồ sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước ta đầy biến động. Người đau với nỗi đau mất nước của đồng bào. Người chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của cha anh. Người đã chứng



Digitized by Google

kiến biết bao cuộc nổi dậy anh dũng của nhân dân ta và sự khủng bố tàn bạo của thực dân Pháp. Người theo dõi phong trào Cần vương của Phan Đình Phùng, phong trào Đông du của Phan Bội Châu, phong trào vũ trang chống Pháp của Hoàng Hoa Thám, cuộc vận động cải cách của Phan Chu Trinh. Nhưng các phong trào đó đã lần lượt thất bại khiến cho Người băn khoăn, suy nghĩ để tìm ra nguyên nhân thành bại.

Người đã sớm nhận thấy sai lầm của những nhà cách mạng lớp trước, những hạn chế của các sĩ phu đương thời. Người đã vượt qua những lối mòn để tìm ra con đường đúng đắn giải phóng cho dân tộc.

Vào đầu thế kỷ thứ XX, giữa lúc cả đất nước đang chìm đắm trong đêm dày đen tối, thì Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, với một ý chí mãnh liệt, một nghị lực phi thường, một quyết tâm không gì lay chuyển nổi.

Làm sao đánh đuổi bọn thực dân xâm lược để nước nhà được độc lập, dân tộc được tự do? Trong thời gian ấy, tìm ra lời giải đáp đúng đắn câu hỏi đó đã trở thành mục đích cao cả nhất, hoài bão lớn lao nhất của Bác Hồ.

Ra đi với tinh thần yêu nước nồng nàn và lòng thương dân sâu sắc, Người sang các nước phương Tây, nơi đã sớm nổ ra những cuộc cách mạng dân chủ tư sản, tìm hiểu xem nhân dân các nước đó đã làm cách mạng như thế nào, để trở về « giúp đỡ đồng bào đánh đuổi thực dân Pháp ».

Người đã đặt chân lên nhiều nước, từ châu Á đến châu Âu, từ châu Phi đến châu Mỹ, để quan sát, tìm hiểu và rút ra những kết luận cần thiết cho con đường cách mạng của dân tộc mình.

Từ chỗ hiểu biết về chủ nghĩa thực dân Pháp. Người đã đi đến chỗ hiểu biết về chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc thế giới nói chung. Từ tình yêu dân tộc, tình yêu đất nước, Người đã đi đến đồng cảm với các dân tộc thuộc địa, hữu ái với những người lao động, những người vô sản bị áp bức, bóc lột.

Trong cuộc hành trình dài hàng chục năm, sống bằng hai bàn tay lao động, Người đã trau dồi cho mình một cơ sở tri thức phong phú, một tình cảm cách mạng rộng lớn và nồng nàn để nhanh chóng tiếp thụ chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chân lý của thời đại.

Người hiểu biết được chân lý ấy bắt đầu từ bản « Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa » của V.I. Lê-nin. Với luận cương nổi tiếng của mình, Lê-nin đã nêu ra những vấn đề đặc biệt quan trọng. Đó là quyền bình đẳng, tự do thật sự giữa các dân tộc và tình đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp vô sản và nhân dân lao động các nước. Đó là những nhận định đúng đắn về Cách mạng Tháng Mười, về chính quyền xô viết, về chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đặc biệt, Luận cương đã chỉ ra con đường giải phóng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, nhiệm vụ của các đảng cộng sản trong việc giải quyết những vấn đề dân tộc và thuộc địa v.v.

Có thể nói, tất cả những vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng trăn trở trong bao nhiêu năm tìm đường cứu nước, đến đây đã được giải đáp. Như Người đã nói: « Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: « Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta ».

Chủ tịch Hồ Chí Minh là *người Việt nam đầu tiên thấy rõ được tầm*



Digitized by Google

*quan trọng đặc biệt của bản Luận cương của V.I. Lê-nin*, nhận thức được sớm nhất ý nghĩa quyết định của nó đối với cách mạng Việt nam, cách mạng Đông dương và cách mạng thuộc địa nói chung. Đó là kết quả của một quá trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với sự hòa mình vào cuộc sống và đấu tranh của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động nhiều nước. Đó cũng là kết quả của một trí tuệ thiên tài đã không ngừng được nâng cao bằng kiên trì học tập và tiếp nhận những tinh hoa văn hóa của thế giới.

Từ đó, Người đã triển khai các hoạt động tuyên truyền và tổ chức trong giai cấp công nhân và những người yêu nước ở một số nước thuộc địa, với nhịp độ khẩn trương chưa từng thấy. Người kiên quyết đấu tranh chống những tư tưởng hữu khuynh, mơ hồ về chủ nghĩa thực dân ngay trong Đảng cộng sản Pháp. Người đã thường xuyên lên tiếng tố cáo chủ nghĩa thực dân làm cho các tầng lớp nhân dân Pháp hiểu rõ tình cảnh của nhân dân Việt nam cũng như của nhân dân các nước thuộc địa khác. Người đã trở thành *nhà báo vô sản Việt nam đầu tiên* với tinh thần chiến đấu dũng cảm, *nhà cách mạng đầu tiên đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin chiếu rọi vào Việt nam.*

Bản Luận cương của Lê-nin như một cái cửa mở ra để Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Do nhu cầu của hoạt động cách mạng, Người càng ra sức tìm hiểu để thấu suốt được tinh túy của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt nam, nhằm giải quyết những vấn đề do cách mạng Việt nam đề ra.

Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ *chủ nghĩa yêu nước đi đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin, từ một nhà yêu nước trở thành một chiến sĩ cộng sản.* Người rất mong sớm trở về nước để thực hiện hoài bão lớn lao mà Người đã từng ôm ấp. Giữa năm 1923, Người đã để lại những lời tạm biệt cho những người bạn chiến đấu của mình trong Hội liên hiệp thuộc địa: «Chúng ta phải làm gì?... Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập» (1).

Con đường trở về Tổ quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là con đường đi qua nước Nga xô viết, đất nước của V.I. Lê-nin, quê hương của Cách mạng Tháng Mười. Đây là con đường đưa Người tới tận ngọn nguồn chân lý của thời đại. Suốt thời gian ở lại đất nước xô viết, Người đã tích cực học tập lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tham gia các hoạt động của Quốc tế cộng sản. Người tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản và nhiều Đại hội khác của Quốc tế công hội đỏ, Quốc tế nông dân, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thanh niên v.v.

Người đã trở thành một chiến sĩ dũng cảm của phong trào cộng sản quốc tế, kiên quyết bảo vệ những quan điểm của V.I. Lê-nin về các vấn đề của cách mạng thế giới. Người đã *mở rộng mối quan hệ quốc tế và đặt nền móng đầu tiên* cho tình hữu nghị giữa nhân dân Việt nam với nhân dân Liên xô và nhân dân nhiều nước khác.

Người đã tìm hiểu xã hội xô viết, một chế độ xã hội mới trong đó nhân dân lao động được giải phóng và đã trở thành những người làm chủ thật sự vận mệnh của mình. Qua thực tế này, con đường cứu nước, cứu dân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy không chỉ là con đường đánh đổ chủ nghĩa thực dân, đế quốc, mà còn là *con đường xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.*

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 11.



Digitized by Google

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười, Chủ tịch Hồ Chí Minh *đã chuẩn bị để ra một đường lối chiến lược đúng đắn cho cách mạng Việt nam*, đưa cách mạng Việt nam bước vào một thời kỳ mới. Người khẳng định: ... đối với cách mạng Việt nam, chủ nghĩa Mác — Lê-nin không những là cái « cẩm nang thần kỳ », không những là kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi hoàn toàn, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy là con đường dân tộc Việt nam tất yếu phải đi. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tiếp nối vĩ đại sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt nam trên cơ sở của sức mạnh mới, sức mạnh của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và sức mạnh của thời đại. Người đã ra đi tìm đường cứu nước và đã trở về với con đường chiến lược mà Người đã vạch ra, đưa dân tộc Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc mình, nâng dân tộc Việt nam lên ngang tầm thời đại.

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ LÀM PHONG PHÚ THÊM HỌC THUYẾT CỦA LÊ-NIN VỀ CÁCH MẠNG THUỘC ĐỊA

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

1— Suốt đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chiến đấu không mệt mỏi để giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc mình và quyền dân tộc tự quyết cho các dân tộc khác trên thế giới. Với Người, chân lý «Không có gì quý hơn độc lập, tự do» vừa là nguyên tắc quan trọng hàng đầu của lý luận về cách mạng thuộc địa, vừa là phương châm hành động trong chiến đấu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm sức nghiên cứu vấn đề cách mạng thuộc địa, vấn đề sống còn của dân tộc Việt nam và của các dân tộc thuộc địa khác trong thế kỷ thứ XX. Người đã vận dụng một cách sáng tạo, làm phong phú thêm và phát triển học thuyết của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Người sinh ra và lớn lên trong thời đại mà những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản đang phát triển đến điểm sắp bùng nổ, thời đại mà sự vùng dậy của cả phương Đông bị đè nén phát triển song song với sự chín muồi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa. Người sớm nhận rõ mâu thuẫn cơ bản giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa, giữa đế quốc với đế quốc và mối quan hệ giữa các thuộc địa với nhau.

Người hiểu một cách sâu sắc quan điểm nổi tiếng của Lê-nin cho rằng, bước vào thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc, tuy mang nội dung dân tộc dân chủ, nhưng không còn thuộc phạm trù cách mạng tư sản nữa, mà đã trở thành một bộ phận quan trọng không thể tách rời của cách mạng vô sản. Người nói: « Trong thời đại ngày nay, *cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới* » (2).

Quan điểm đó giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ này, nhận thức được tầm quan trọng quyết định của sự đoàn kết

(2) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1975, tr. 272—273.



Digitized by Google

giữa các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và sự liên minh giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp công nhân ở các nước đế quốc.

Với Người, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc là hai dòng thác của cùng một quá trình cách mạng. Hai dòng thác ấy không chảy ngang nhau hay ngược chiều với nhau, mà quyện chặt vào nhau, hòa trong một dòng thác chung của quá trình cách mạng thế giới.

Người luôn luôn tìm các nhân tố thống nhất của hai dòng thác đó, và chính Người đã thực hiện một cách xuất sắc khẩu hiệu chiến lược của Lê-nin: «Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!».

2—Từ sau Cách mạng Tháng Mười, sự liên minh chiến đấu giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc đã bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ thay đổi về chất. Đặc điểm nổi bật của sự liên minh đó là giai cấp công nhân đã thức tỉnh và ngày càng đóng vai trò quyết định trong phong trào giải phóng dân tộc, còn giai cấp tư sản dân tộc thì dần dần vứt bỏ vai trò lãnh đạo của nó hoặc tỏ ra bất lực ngay từ đầu phong trào, hoặc có giành được quyền lãnh đạo cách mạng ở một nước thuộc địa nào đó thì cuộc cách mạng có nguy cơ bị bỏ dở, và không loại trừ khả năng nước đó sẽ trở thành thuộc địa kiểu mới của chủ nghĩa đế quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhìn thấy xu thế phát triển tất yếu đó của lịch sử. Người nhận rõ *mối quan hệ mật thiết giữa cách mạng giải phóng dân tộc với Cách mạng Tháng Mười*. Người nói: «Cách mạng Tháng Mười mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cho cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử» (3).

Như vậy, lý luận và thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười đã giúp các dân tộc bị áp bức thấy rõ con đường giải phóng của dân tộc mình phải gắn liền với cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới. Vì Cách mạng Tháng Mười đã đánh đổ chủ nghĩa đế quốc ở ngay một «chính quốc», làm lay chuyển hậu phương rộng lớn của chủ nghĩa đế quốc thế giới, *giải phóng cho các dân tộc thuộc địa của Sa hoàng*, mở ra thời kỳ vùng dậy không gì ngăn cản được của các dân tộc bị áp bức, giành độc lập, tự do.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng thuộc địa chứng minh một điều rất rõ ràng là: không thể đẩy mạnh cách mạng giải phóng dân tộc mà lại phủ nhận tác dụng mở đường và tấm gương cổ vũ của Cách mạng Tháng Mười; không thể xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc mà lại phủ nhận những nguyên tắc chỉ đạo, bài học vô giá, có tính phổ biến của Cách mạng Tháng Mười.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc và Cách mạng Tháng Mười, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Nó được chứng minh trong thực tế qua những thắng lợi dồn dập của phong trào giải phóng dân tộc diễn ra sau Cách mạng Tháng Mười.

3—Với tư cách là một nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy sâu sắc rằng, *cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc phải kết hợp chặt chẽ, cổ vũ và giúp đỡ lẫn nhau, nhằm đạt cùng một mục đích: đánh đổ kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc*. Người ví chủ nghĩa đế quốc như con đỉa có hai vòi để nói lên sự cần thiết phải cùng tiêu diệt nó ở hai đầu: một đầu ở chính quốc, một đầu ở thuộc địa, thì cách mạng mới dễ giành thắng lợi. Người xem mối liên hệ khăng khít của hai cuộc cách mạng đó cũng như hai cánh của

(3) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, tr. 272—273.



Digitized by Google

một con chim là cách mạng thế giới. Con chim đó phải cùng vỗ cánh tung bay.

Cách mạng vô sản ở chính quốc có tác dụng công phá ngay tận sào huyệt của chủ nghĩa đế quốc, còn cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa lại có tác dụng đánh vào các hậu cứ của nó. Đó là mối liên hệ hữu cơ và sự tác động qua lại giữa lực lượng cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước đế quốc với lực lượng cách mạng của các dân tộc thuộc địa, hình thành một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc, giải phóng giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức.

4 — Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh *tính chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc*. Người cho rằng, cách mạng thuộc địa tuy liên hệ mật thiết với cách mạng ở chính quốc, nhưng nó không phụ thuộc vào cuộc cách mạng đó. *Cách mạng thuộc địa hoàn toàn có khả năng thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc*. Bởi vì cách mạng có thể nổ ra và giành thắng lợi ở khâu nào yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc. Nhân dân các nước thuộc địa không nên và không thể trông chờ cách mạng vô sản thắng lợi ở chính quốc sẽ giải phóng cho mình; phải chủ động đứng lên làm cách mạng, và thắng lợi của cách mạng thuộc địa sẽ trở thành sức mạnh cổ vũ, hỗ trợ mạnh mẽ cách mạng vô sản ở chính quốc. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt nam đã chứng minh hùng hồn điều đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: nếu chúng ta muốn đánh thắng các nước đế quốc chủ nghĩa, thì trước tiên chúng ta phải tước hết thuộc địa của chúng đi. Thắng lợi của các dân tộc thuộc địa sẽ giúp cho người anh em của họ ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Đó là một luận đề rất quan trọng, phản ánh tinh thần cách mạng tiến công và thái độ khoa học của một nhà tư tưởng lớn, giàu kinh nghiệm. Đồng thời cũng là một đóng góp đáng kể vào lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về cách mạng thuộc địa.

Thắng lợi của cách mạng Việt nam và của cách mạng nhiều nước khác ở khu vực Á, Phi và Mỹ la tinh trong vòng mấy chục năm qua đã chứng minh tính đúng đắn của quan điểm nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

5 — Một vấn đề đặc biệt quan trọng nữa là *các dân tộc thuộc địa đi lên bằng con đường nào, làm thế nào để giành được độc lập hoàn toàn và tự do thật sự?*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định ngay từ đầu, khi Người đã trở thành một nhà mác xít — lê nin nít, một chiến sĩ cộng sản: cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành được thắng lợi phải theo con đường cách mạng vô sản; giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động; độc lập dân tộc không thể tách rời chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm của Người, ở một nước thuộc địa, giai cấp vô sản muốn tự giải phóng cho mình, phải đồng thời giải phóng cho toàn thể dân tộc mình khỏi mọi áp bức, bóc lột; ngược lại, muốn giải phóng dân tộc khỏi mọi áp bức, bóc lột, phải giải phóng giai cấp vô sản. Cả hai cuộc giải phóng đó chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội và của cách mạng thế giới. Người khẳng định: *« cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn »* (1).

Như vậy, cách mạng giải phóng dân tộc thành công, phải chuyển ngay lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã tiến hành hai

(4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, tập II, tr. 467.



Digitized by Google

cuộc cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai cuộc cách mạng ấy là hai giai đoạn của một quá trình. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là sự chuẩn bị, là tiền đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự phát triển tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thực hiện trước, giành được thắng lợi rồi chuyển ngay lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, không thể ngừng lại. Do đó, năm 1954, sau khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta mới giành được thắng lợi trong một nửa nước, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đưa miền Bắc lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi ở miền Nam còn phải tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Sau thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng ta lập tức chủ trương đưa cả nước cùng bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

6 — Để hoàn thành hai cuộc cách mạng nói trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh *vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân*, xem đó là điều kiện quyết định thắng lợi. Người nói: "Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng" (5)

Ngay từ đầu, Người đã chỉ ra rằng giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa phải nắm lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc, chứ không thể để cho nó rơi vào tay bất cứ giai cấp nào khác. Mặc dù thấy rõ vai trò và lực lượng to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa, Người kiên quyết phê phán những quan điểm sai lầm đã mơn trớn, phỉnh phờ nông dân, cho rằng có thể giải quyết vấn đề thuộc địa trên lập trường nông dân.

Phải nắm vững quan điểm của Lê-nin, hiểu biết sâu sắc về giai cấp nông dân, có một tầm nhìn xa trông rộng như thế nào, Người mới dự đoán được những hậu quả vô cùng tai hại mà bọn cơ hội chủ nghĩa có thể mang lại cho cách mạng ở các nước thuộc địa.

Như vậy, bằng hoạt động thực tiễn phong phú, bằng tư duy sáng suốt và trí tuệ thiên tài của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những cống hiến xuất sắc trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin, làm phong phú và phát triển học thuyết của Lê-nin về cách mạng thuộc địa. Người đã xây dựng thành một hệ thống lý luận chặt chẽ, đặt cơ sở cho việc hình thành đường lối chiến lược và sách lược cũng như phương pháp và nghệ thuật tiến hành cách mạng ở một nước vốn là thuộc địa như nước ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm vững ngọn cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, ngọn cờ tiêu biểu cho xu thế phát triển tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với tư tưởng của mình về cách mạng thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần tích cực vào quá trình biến đổi sâu sắc lịch sử thế giới trong thời đại ngày nay.

## CÔNG LAO TO LỚN, SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của lịch sử. Từ *người đi tìm đường cứu nước*, Chủ tịch đã trở thành *người lãnh đạo cách mạng* của giai cấp công nhân và của

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, tập I, tr. 157.



Digitized by Google

dân tộc Việt nam, mở ra một chặng đường vẻ vang nhất, một thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử hơn bốn nghìn năm của dân tộc.

Đối với cách mạng Việt nam, sự nghiệp của Người thật là vĩ đại, công lao của Người như biển rộng, trời cao.

Công lao to lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã *đưa chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt nam*, và từ đó dấy lên khắp trong nước một làn sóng cách mạng mạnh mẽ, dẫn đến việc thành lập *Đảng cộng sản Đông dương*, đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong lịch sử nước ta và nói cho đúng hơn là lịch sử ba nước Đông dương.

Người đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin để vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng thắng lợi. Đó là đường lối *làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi chuyển ngay lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa* ở một nước nông nghiệp vốn là thuộc địa. Đó là *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Với lý luận của Người về cách mạng thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt công đặt nền móng tư tưởng cho việc xây dựng đường lối cách mạng của Đảng — một sự tổng hợp những quan điểm chiến lược có tính chỉ đạo lớn về chính trị và lý luận, về nhận thức và hành động, về phương pháp và nghệ thuật đánh thắng kẻ thù và xây dựng đất nước.

Nắm vững đường lối ấy của Người, chúng ta có căn cứ khoa học để hiểu được con đường phát triển của cách mạng Việt nam, hiểu được quá trình sâu xa của cách mạng thế giới trong thời đại ngày nay. Từ đó, mới hiểu được vì sao Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lại có thể kết hợp được sức mạnh của độc lập dân tộc với sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của thời đại, gắn liền cuộc chiến đấu của nhân dân ta với thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Để thực hiện đường lối trên, đưa cách mạng Việt nam đến thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm trước hết đến việc *thành lập Đảng cách mạng của giai cấp công nhân ở nước ta*. Thành công to lớn của Người là đã xây dựng và rèn luyện Đảng ta cả về ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, một Đảng Mác — Lê-nin ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, sản xuất nhỏ là phổ biến, nhưng thường xuyên giữ được bản chất cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, phát huy được truyền thống anh hùng của dân tộc Việt nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo *xây dựng sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng, trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối đúng đắn của Đảng*. Người coi việc giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Với Người, sự đoàn kết, nhất trí của Đảng phải được thể hiện trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Người luôn luôn giữ vững nguyên tắc dân chủ tập trung của Đảng, và căn dặn mọi đảng viên phải bảo vệ và quyết tâm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nghiêm chỉnh và tự giác chấp hành kỷ luật của Đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình, luôn luôn chăm lo trau dồi phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng.

Vấn đề *Đảng cầm quyền* là một trong những mối quan tâm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã sớm thấy nguy cơ của bệnh quan liêu có thể xảy ra trong điều kiện Đảng cầm quyền, nhất là trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chưa phát triển mấy, còn mang nặng tàn dư phong kiến và những thói hư, tật xấu của những người sản xuất nhỏ. Nguy cơ ấy làm cho Đảng xa rời quần chúng, xa rời cái vốn đã



Digitized by Google

tạo nên sức mạnh của Đảng. Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải chống bệnh hách dịch, cửa quyền, làm « quan cách mạng », cũng như những biểu hiện khác của bệnh quan liêu, hoàn toàn xa lạ với bản chất của Đảng.

Đối với Người, đào tạo cán bộ cách mạng cho đời sau là một việc rất cần thiết trong sự nghiệp xây dựng Đảng. Người chú trọng đào tạo và bồi dưỡng cho Đảng một đội ngũ cán bộ, đảng viên dồng dảo, đáp ứng yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Để bảo đảm chắc chắn nhất thắng lợi của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện cho được *liên minh công nông*. Người chỉ rõ, chỉ có liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo, mới có thể kiên quyết và triệt để đánh đổ các thế lực phản động, giành lấy và củng cố chính quyền cách mạng của nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Người đã phấn đấu không mệt mỏi để *thành lập, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân* dựa trên cơ sở liên minh công nông, nhằm thực hiện thống nhất hành động chống kẻ thù chung của dân tộc. Khẩu hiệu Người đề ra cho Mặt trận là « Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công ». Tư tưởng chiến lược này của Người xuyên suốt cả quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người cha thân yêu của các *lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam*. Người đã tổ chức, giáo dục và rèn luyện quân đội ta thành một đội quân cách mạng hùng hậu, gắn liền với nhân dân, biết làm chiến tranh nhân dân độc đáo theo kiểu Việt nam, lập nên chiến công hiển hách, đem lại vinh quang và tự hào cho Đảng và cho dân tộc.

Người đã đặt cơ sở vững chắc cho lý luận quân sự cách mạng Việt nam. Người nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nhận thức sâu sắc vai trò của đấu tranh vũ trang và vị trí của lực lượng vũ trang nhân dân trong đấu tranh cách mạng. Người thường xuyên chăm lo xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng và tổ chức; bồi dưỡng cho quân đội ta về bản chất giai cấp công nhân và truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc; giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng cao đẹp. Người cũng thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của quân đội, dành cho quân đội những tình cảm yêu thương nhất.

Chúng ta đời đời ghi nhớ công ơn to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các lực lượng vũ trang nhân dân. Quân đội ta tự nguyện nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, mãi mãi xứng đáng là « Bộ đội Cụ Hồ », mãi mãi nêu cao truyền thống « trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ».

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã khai sinh ra *nước Việt nam dân chủ cộng hòa, sáng lập ra Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á*. Theo Người, cách mạng Việt nam phát triển đến một lúc nào đó thì phải thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân, cơ quan tiêu biểu cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, một bảo đảm để giữ vững và phát triển thắng lợi của cách mạng. Trong điều kiện đấu tranh vũ trang, theo đà thắng lợi của cách mạng,



Digitized by Google

chính quyền đó có thể thành lập ở một địa phương, một vùng, thậm chí có thể thành lập trong nhiều địa phương, nhiều vùng hoặc trong một phần rộng lớn của đất nước. Kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã chứng minh hùng hồn điều đó. Quan điểm cho rằng ở một nước thuộc địa hay là phụ thuộc, chỉ có thể thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân sau khi cách mạng đã thắng lợi trong cả nước là hoàn toàn sai lầm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nhiều tâm sức vào việc xây dựng Nhà nước. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người đã đề ra những nguyên tắc cơ bản để củng cố và tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản về mọi mặt.

Người thường căn dặn các cơ quan của Nhà nước phải vừa phản ánh kịp thời nguyện vọng và ý chí của nhân dân, vừa là công cụ phục vụ nhân dân, chăm lo đến đời sống và lợi ích của nhân dân. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ và nhân viên Nhà nước không được quan liêu, hống hách, hà hiếp nhân dân; phải xứng đáng là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh *là người thầy về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt nam*. Thiên tài của Người là sau khi tìm ra con đường cách mạng đúng đắn, Người đã vạch ra chiến lược và sách lược cách mạng rất tài tình. Chiến lược và sách lược ấy xác định rõ mục tiêu và đối tượng của cách mạng; quy định hướng tiến công vào kẻ thù chủ yếu trong từng giai đoạn (và có khi từng thời kỳ); đặt kế hoạch sát hợp để sắp xếp, bố trí các lực lượng cách mạng và kiên quyết đấu tranh thực hiện kế hoạch ấy trong mỗi giai đoạn; giải quyết đúng đắn phương pháp và hình thức đấu tranh, kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.... nhằm đánh đổ kẻ thù, giành thắng lợi cho cách mạng.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, ở trong nước cũng như trên thế giới, chiến lược và sách lược của Người nhằm « thêm bạn bớt thù ». Người chủ trương đoàn kết tất cả những lực lượng có thể đoàn kết được, tranh thủ bất cứ lực lượng nào có thể tranh thủ được, còn những lực lượng không thể tranh thủ được, nhưng có khả năng trung lập thì trung lập; nghĩa là càng ít kẻ địch càng tốt, càng nhiều bạn đồng minh càng tốt.

Một đặc điểm của cách mạng Việt nam là phải đương đầu với những kẻ thù lớn mạnh và nhiều khi phải đối phó với nhiều kẻ thù trong cùng một lúc. Cho nên, nét đặc sắc trong chiến lược và sách lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh là kiên trì phương châm đánh lâu dài, đẩy lùi địch từng bước, đánh đổ chúng từng bộ phận, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Mặt khác, triệt để lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, phân hóa và cô lập chúng, làm cho chúng suy yếu, tê liệt, còn lực lượng cách mạng thì được củng cố và tăng cường.

Trong chỉ đạo chiến lược và sách lược, Người căn cứ vào tình hình cụ thể, đề ra những phương pháp cách mạng và hình thức đấu tranh thích hợp; định ra một cách đúng đắn những phương thức đưa quần chúng tới những khẩu hiệu của Đảng, biến những khẩu hiệu đó thành hành động tự giác của quần chúng, nhằm thực hiện mục tiêu cơ bản của cách mạng.

*Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản* cũng là một cống hiến hết sức quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay từ đầu, Người đã nhận rõ cách mạng Việt nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Sự nghiệp cách



Digitized by Google

mạng của nhân dân Việt nam góp phần thực hiện những mục tiêu cơ bản của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Với Người, cách mạng Việt nam không phải chỉ hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với dân tộc mình là đủ, mà còn làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả: không chỉ vì lợi ích của bản thân mình, mà còn vì lợi ích chung của phong trào cách mạng thế giới. Người nói: « Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì lợi ích của phe xã hội chủ nghĩa, của các dân tộc bị áp bức và của cả loài người tiến bộ, chúng ta đang chiến đấu và chiến thắng một kẻ thù hung ác nhất trên thế giới (6).

Kiên trì tư tưởng chiến lược ấy của Người, Đảng ta đã sử dụng được sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt nam với sức mạnh của cách mạng thế giới, sức mạnh tổng hợp của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại. Do đó, đã đoàn kết được các lực lượng xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và tiến bộ, các lực lượng hòa bình và dân chủ trên thế giới đứng về phía nhân dân ta, ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta chống bọn thực dân, đế quốc và các thế lực phản động khác, ủng hộ và giúp đỡ nhân dân ta xây dựng và bảo vệ nước nhà.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là *một chiến sĩ cộng sản mẫu mực*. Người kết tinh những giá trị tinh thần cao đẹp của giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam. Người là đỉnh cao chói lọi của phẩm chất và đạo đức vô sản.

Lẽ sống của Người là luôn luôn toàn tâm, toàn ý phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, suốt đời đấu tranh vì Đảng, vì cách mạng. Ham muốn tột bậc của Người là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Ham muốn ấy đã chi phối mọi suy nghĩ và hành động của Người, khiến Người dũng cảm, quyết tâm, lạc quan và tin tưởng.

Phẩm chất cao quý của Người là trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, luôn luôn khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách, « giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục » (7).

Tác phong của Người là « lời nói đi đôi với việc làm », « đảng viên đi trước, làng nước theo sau ». Chính Người nêu gương « cần kiệm liêm chính, chí công vô tư »; lắng nghe ý kiến quần chúng, suy nghĩ, cân nhắc, cốt tìm ra chân lý. Đó là tác phong quần chúng, tác phong tập thể, dân chủ, tác phong khoa học.

Tình cảm của Người đối với nhân dân thật là bao la, thắm thiết. Người quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân, luôn luôn gần gũi, tin tưởng ở khả năng sáng tạo của quần chúng. Khi đi xa, Người còn « để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng » (8).

Sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật là vĩ đại. Công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh thật là to lớn.

Con người của Bác, toàn bộ cuộc đời hoạt động của Bác, tư tưởng và lý luận cách mạng của Bác, phẩm chất và đạo đức của Bác là tài sản vô giá mà Đảng ta và nhân dân ta đặc biệt quý trọng và nâng niu.

Thời đại mới đã sản sinh ra Người, đã vun đắp tâm hồn, trí tuệ của Người để Người đưa cách mạng Việt nam vững bước tiến lên, đưa dân tộc Việt nam lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới, đưa đất nước Việt nam đến tương lai tươi sáng.

---

(6) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, tr. 313.

(7) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1960, tr. 371.

(8) Hồ Chí Minh: *Di chúc*.



Digitized by Google

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI SỐNG MÃI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA CHÚNG TA

*Thưa các đồng chí và các bạn.*

Đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang ra sức phấn đấu, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra: *xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.*

Mười năm qua, nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, tinh thần tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ sở, chúng ta đã khôi phục và phát triển lực lượng sản xuất, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, từng bước ổn định và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Chúng ta đã đánh bại một bước kiều chiến tranh phá hoại nhiều mặt và tiếp tục đánh bại chiến tranh lấn chiếm ở biên giới của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tăng cường và củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc biên giới phía bắc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em. Chúng ta đã vượt qua nhiều thử thách gay go, phức tạp, tạo ra những tiến bộ và chuyển biến mới đáng phấn khởi trên mặt trận kinh tế và đang tiếp tục vững bước tiến lên.

Song những tiến bộ đã đạt chưa vững chắc, chưa đồng bộ. Chúng ta chưa có kế hoạch tốt nhằm tận dụng lao động, đất đai, ngành nghề và cơ sở vật chất – kỹ thuật sẵn có; còn lãng phí nhiều năng lực sản xuất; năng suất lao động xã hội còn thấp; công tác quản lý kinh tế và kế hoạch hóa chưa bảo đảm cho các cấp, các ngành, các địa phương và cơ sở phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo, cùng nhau thật sự làm chủ tập thể để động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân, của trung ương và địa phương. Đồng thời, chưa bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất cần thiết của trung ương. Bộ máy quản lý còn cồng kềnh, nặng tính chất quan liêu bao cấp, gây trở ngại cho sản xuất. Một số nơi còn biểu hiện tư tưởng tự do chủ nghĩa, cục bộ, bản vị. Phân phối lưu thông còn nhiều thiếu sót, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Trong khi khẳng định những thành tích to lớn đã đạt được là cơ bản chúng ta dũng cảm tự phê bình những thiếu sót trong công tác của Đảng và Nhà nước ta về mọi mặt, nhất là về kinh tế và đời sống nhân dân. Trong thời gian tới, chúng ta phải kiên quyết khắc phục những khuyết điểm đó.

Trước mắt, cần nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết các cuộc Hội nghị lần thứ sáu và lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất và công tác, quyết tâm thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm 1985, hoàn thành kế hoạch 5 năm 1981–1985, phấn đấu đạt được bốn mục tiêu kinh tế–xã hội và các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội V, đưa nền kinh tế đi vào thế ổn định và phát triển đúng đường lối của Đảng. Khẩn trương xúc tiến các công việc chuẩn bị cho kế hoạch 5 năm 1986 – 1990, tổng kết 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, đề ra chiến lược kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhất là trong chặng đường đầu tiên hiện nay, phối hợp kế hoạch với các nước trong Hội đồng tương



Digitized by Google

trợ kinh tế, với Lào và Cam-pu-chia, xây dựng và phát huy cơ chế quản lý mới để thúc đẩy mạnh mẽ việc bãi bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa ; chuẩn bị tốt về tổ chức và cán bộ; tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và sức mạnh tổng hợp của cả nước, nhất định chúng ta sẽ khắc phục được khó khăn, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, đẩy lên phong trào cách mạng sôi nổi, tạo ra chuyển biến quan trọng về kinh tế — xã hội.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, chúng ta phải ra sức tăng cường và củng cố quốc phòng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chiến tranh lấn chiếm ở biên giới của bọn bành trướng, bá quyền câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược bất cứ với quy mô, mức độ nào.

Phải bảo đảm không ngừng tăng cường phòng thủ đất nước, củng cố thế trận của chiến tranh nhân dân ở từng địa phương và trong cả nước, nhất là ở tuyến đầu, tại các vùng xung yếu. Trong khi tập trung sức lực vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, các ngành, các địa phương phải thật sự góp phần chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

Chúng ta phải ra sức hoàn thành nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Tình hình thế giới hiện nay rất căng thẳng. Đó là các giới quân phiệt và hiếu chiến Mỹ đang điên cuồng lao vào cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Chúng triển khai việc bố trí tên lửa hạt nhân ở Tây Âu. Gần đây chúng lại đẩy mạnh việc quân sự hóa vũ trụ, hò hét về chuẩn bị « những cuộc chiến tranh trên các vì sao ». Chúng muốn phá vỡ thế cân bằng lực lượng, giành ưu thế quân sự, ưu thế hạt nhân, đặt loài người trước nguy cơ thật sự của một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt mà hậu quả không thể lường hết được!

Trước tình hình đó, chính sách hòa bình của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa là hoàn toàn đúng đắn. Chúng ta hoan nghênh quyết định gia hạn 20 năm hiệu lực của Hiệp ước Vác-sa-va đã được quyết định trong cuộc gặp cấp cao các nước thành viên Hiệp ước Vác-sa-va mới đây. Chúng ta nhiệt liệt ủng hộ lập trường nguyên tắc và những sáng kiến hòa bình nổi tiếng của Liên xô, đặc biệt là đề nghị quan trọng vừa qua do đồng chí M.X. Goóc-ba-chốp. Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, về việc cùng ngừng sản xuất và triển khai các vũ khí hạt nhân và vũ khí vũ trụ. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ lời kêu gọi của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, Đoàn chủ tịch xô viết tối cao và Hội đồng Bộ trưởng Liên xô gửi các dân tộc, Quốc hội và Chính phủ các nước nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa quân phiệt.

Sáng kiến mới của Liên xô được sự ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân Mỹ và nhân dân các nước Tây Âu. Sáng kiến đó thể hiện đường lối đối ngoại nhất quán, chính sách hòa bình đầy thiện chí và có trách nhiệm cao của Liên xô đối với toàn thể loài người.



Digitized by Google

Những biện pháp mà Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã và đang làm để đối phó với cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân của Mỹ không những tăng cường khả năng phòng thủ của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, không cho phép bọn đế quốc hiếu chiến giành ưu thế quân sự, mà còn có tác dụng vạch trần luận điệu hòa bình bịp bợm của Ri-gân, động viên nhân dân thế giới, trước hết là nhân dân các nước Tây Âu, đứng lên chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Trong khi đẩy mạnh chạy đua vũ trang hạt nhân, đế quốc Mỹ ra sức tập hợp các thế lực phản động, liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang, những cuộc chiến tranh khu vực, chiến tranh không tuyên chiến, chiến tranh mượn tay người, hòng giành lại những vị trí đã mất và giữ những vị trí còn lại của chúng, tạo nên những vùng căng thẳng trên các lục địa.

Mấy chục năm qua, Đông Nam châu Á là một vùng bão táp cách mạng. Tình hình khu vực này vẫn đang nóng bỏng. Ở đây, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh, câu kết với đế quốc Mỹ, đang ra sức chống phá các nước Đông dương, gây đối đầu giữa các nước ASEAN với ba nước Đông dương. Đế quốc Mỹ đang biến khu vực Đông Á — Thái bình dương thành một mắt xích trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng. Ở đây, bọn đế quốc, bọn bành trướng, bá quyền không những chĩa mũi nhọn vào Việt nam, vào ba nước Đông dương, mà còn chống Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chống xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác giữa các nước trong khu vực.

Vì vậy, trong tình hình quốc tế hiện nay, cuộc đấu tranh vì hòa bình thế giới, chống chuẩn bị chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ hàng đầu, có ý nghĩa thời sự đối với mọi dân tộc trên thế giới, trong đó *cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng và bá quyền là một bộ phận quan trọng không thể tách rời.*

Phải khẳng định rằng, đối với Việt nam, đối với Lào và Cam-pu-chia, chiến lược và sách lược của Bắc kinh chưa hề thay đổi.

Bất chấp hành động khiêu khích và phá hoại thâm độc của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam vẫn vững vàng tiến về phía trước. Cách mạng Cam-pu-chia tiếp tục giành thắng lợi to lớn, vừa qua đã giáng một đòn trí mạng vào kế hoạch phá hoại nhiều mặt của bọn phản động, kể cả những hoạt động « du kích » do tàn quân Pôn Pốt tiến hành. Cách mạng Lào tiếp tục phát triển, làm thất bại các âm mưu xâm lấn, phá hoại và lật đổ của bọn phản động.

Cục diện chung trên bán đảo Đông dương ngày càng thuận lợi cho cách mạng và hòa bình ở khu vực. Xu thế đối thoại đang đẩy lùi xu thế đối đầu ở Đông Nam Á.

Tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị hợp tác giữa ba nước Đông dương được củng cố và tăng cường. Âm mưu của Trung quốc và Mỹ nhằm chia rẽ ba nước Đông dương thất bại thêm.

Tình đoàn kết hữu nghị và quan hệ hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông dương với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngày càng củng cố và phát triển.

Nhân dân Việt nam luôn luôn tôn trọng tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước Việt — Trung, mong muốn cùng tồn tại hòa bình và hữu nghị với Trung quốc và các nước khác ở Đông Nam Á. Nước ta sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Trung quốc và kiên trì phấn đấu theo hướng này. Nhưng quân và dân Việt nam kiên quyết chống lại bọn bành trướng và bá quyền và chính sách thù



Digitized by Google

địch của họ đối với nước ta, cũng như đối với Lào và Cam-pu-chia, kiên quyết đánh bại mọi hành động lấn chiếm và chiến tranh xâm lược đối với Tổ quốc mình.

Bọn đế quốc và các thế lực phản động dù hiếu chiến đến đâu cũng không thể ngăn chặn được sự phát triển mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, do Liên xô làm trụ cột, cùng các lực lượng cách mạng và hòa bình khác tiếp tục lớn mạnh không ngừng. Khả năng bảo vệ và giữ gìn hòa bình thế giới là hiện thực. Các lực lượng hòa bình vững mạnh hơn bao giờ hết!

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt nam, thời đại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đó là thời đại Hồ Chí Minh quang vinh.

Vô cùng tự hào được sống trong thời đại đó, chúng ta hãy xứng đáng là những lớp người được Bác Hồ đào tạo, giáo dục và rèn luyện, đang đi theo con đường do Người vạch ra.

« Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại », đó là khẩu hiệu được đặt ra trước tất cả các thế hệ người Việt nam ngày nay và mai sau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta một di sản vô giá về tư tưởng, đạo đức và tác phong. Chúng ta phải ra sức nghiên cứu, học tập để vận dụng đầy đủ trong việc định ra đường lối, chính sách của Đảng, trong hoạt động của Nhà nước, trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Sự nghiệp vĩ đại và công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh tấm gương chói lọi của Người mãi mãi là nguồn cổ vũ vô tận và luôn luôn dẫn dắt nhân dân ta đi đến thắng lợi.

Phấn khởi, tin tưởng, hướng về tương lai tươi sáng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, quyết đem tinh thần và lực lượng giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, làm cho đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, như Bác Hồ đã căn dặn.

*Chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến, bách thắng muôn năm!*

*Đảng cộng sản Việt nam quang vinh muôn năm!*

*Nước Việt nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa muôn năm!*

*Cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội muôn năm!*

*Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!*

*Ngày 18 tháng 5 năm 1985*



Digitized by Google

# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH MƯỜI NĂM THỬ THÁCH, MƯỜI NĂM ĐI TỚI *

**NGUYỄN VĂN LINH**
*Ủy viên Trung ương Đảng*
*Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh*

## VÌ CUỘC SỐNG VÀ CON NGƯỜI

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn có nói: «Con người là vốn quý nhất. Hạnh phúc của con người là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng, của Đảng và nhân dân ta. Khẩu hiệu hành động của chúng ta là tất cả vì con người, tất cả do con người».

Đại hội thứ II của đảng bộ thành phố (năm 1980) đã ra một nghị quyết riêng về những biện pháp cấp bách chăm lo đời sống. Nghị quyết 01 của Bộ chính trị Trung ương Đảng nhắc nhở: «Trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, phải hết sức chăm lo ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của ba triệu rưỡi nhân dân thành phố, trước hết là cán bộ, công nhân, viên chức, những người lao động chân tay và trí óc, các chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân. Đó phải là mối quan tâm hàng đầu của đảng bộ và chính quyền thành phố...».

Ngay sau ngày giải phóng, vấn đề nóng bỏng là cứu đói và giải quyết công ăn việc làm cho khoảng một triệu người thất nghiệp, nạn nhân của chiến tranh và những chính sách thâm độc của Mỹ ngụy. Chính quyền cách mạng đã vận động nhân dân trở về quê cũ và đi tham gia xây dựng vùng kinh tế mới. 700 000 bà con lao động đã hăng hái hưởng ứng chủ trương này, nhưng do thiếu kinh nghiệm, thiếu chuẩn bị chu đáo về nhiều mặt, cho nên kết quả xây dựng vùng kinh tế mới bị hạn chế và nhiều người đã quay trở lại thành phố.

Từ năm 1980 đến nay, trong khi quan tâm phát triển sản xuất, đảng bộ và chính quyền thành phố luôn luôn tính toán đến yêu cầu ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào lao động. Việc phát triển công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp ngoài mục tiêu tăng sản lượng hàng hóa còn nhằm thu hút lao động tại chỗ song song với việc tiếp tục bố trí lại lao động ra ngoài thành phố. Số lao động có việc làm hiện nay chiếm 86% tổng số lao động trong độ tuổi ở thành phố và hằng năm phải lo thêm công ăn việc làm cho hơn 80 000 người không phải là vấn đề giản đơn. Đưa hàng triệu người trước kia lao động tản mạn hoặc thoát ly sản xuất vào lao động có tổ chức, gắn với sản xuất là một công việc phức tạp. Không có cách nào khác hơn trong việc giải quyết đời sống và lao động chưa có việc làm

* Tiếp theo kỳ trước.



Digitized by Google

là phải tháo gỡ để sản xuất bung ra và có chính sách, biện pháp thu hút lao động cho thỏa đáng.

Nét tiến bộ trong phân bố lao động của thành phố là số lao động trong khu vực sản xuất ngày càng tăng, ở khu vực không trực tiếp sản xuất ngày càng giảm (năm 1984 khu vực sản xuất tăng gần 7%, khu vực không trực tiếp sản xuất giảm gần 7%).

Để tăng thu nhập thực tế của những người ăn lương, thành phố đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau: đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thì vận dụng chế độ khoán sản phẩm, cải tiến chế độ khen thưởng, đối với khu vực hành chính sự nghiệp thì thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp (nhất là đối với giáo viên và nhân viên y tế trực tiếp chăm sóc bệnh nhân); thực hiện chính sách khuyến khích sản xuất và chăn nuôi gia đình (đưa kinh tế gia đình vào diện Nhà nước cần đầu tư, bảo trợ), cố gắng bảo đảm cung cấp 9 mặt hàng theo đúng định lượng, chất lượng và thời gian, đồng thời bán thêm một số mặt hàng nhu yếu phẩm với giá rẻ hơn giá thị trường «tự do»; tổ chức bữa cơm trưa bù lỗ trong khu vực cơ quan Nhà nước với giá thấp hơn giá thị trường. Đây là cuộc vận động sâu rộng, phát huy tiềm năng của từng cơ sở, từng địa phương đã góp phần hạn chế bớt một số khó khăn trong đời sống cán bộ công nhân viên chức mà mức sống còn thấp.

Nhà ở là một trong những vấn đề nóng bỏng của thành phố hiện nay. Kinh nghiệm cho thấy vấn đề nhà đất là cuộc cách mạng ở đô thị, giống như ruộng đất ở nông thôn, tuy chúng ta có chú ý nhưng chưa tập trung chỉ đạo bằng một kế hoạch toàn diện và đồng bộ, cho nên kết quả còn rất hạn chế. Đối với một số đối tượng cần được quan tâm hơn như giáo viên, nhân viên y tế, thành ủy đã có những nghị quyết riêng, các quận, huyện thực hiện các nghị quyết này đã có những cố gắng đáng kể. Chủ trương giải tỏa các khu vực nhà «ổ chuột» và chủ trương xây dựng các căn nhà «tình nghĩa» cho những đối tượng chính sách bằng phương thức «Nhà nước và nhân dân, thành phố, quận, huyện và phường xã cùng với các cơ sở sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn huyện cùng làm» được quần chúng ủng hộ và tạo thành phong trào thi đua của các quận, huyện, đã có những kết quả đáng kể.

Nhìn chung, trong những năm qua, việc thực hiện mục tiêu đời sống của thành phố tuy có nhiều cố gắng, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Nguyên nhân cũng bởi nhiều lẽ: sản xuất chưa thật ổn định, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vẫn chưa giành được quyền chủ động thật sự trên thị trường, giá cả cứ tiếp tục nhích lên, hằng năm thành phố vẫn còn tồn đọng trên chục vạn người chưa có việc làm; một số phương án giải quyết lao động chưa được thực hiện tốt, một số chính sách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình chưa đạt hiệu quả tăng thu nhập cho người sản xuất. Do đó giải quyết đời sống vẫn còn là nhiệm vụ có nhiều khó khăn nhất, phải giải quyết đồng bộ, gắn chặt với sản xuất, kinh doanh và cải tạo xã hội chủ nghĩa, gắn rất chặt với việc phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, mà cách mạng khoa học kỹ thuật có vai trò rất tích cực. Thành phố sắp tới sẽ tổ chức các hội nghị chuyên đề để từng bước giải quyết vấn đề này.

Đời sống còn là tổng hợp các mặt hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và các phúc lợi công cộng khác.

Trước hết nói đến công tác giáo dục vì lẽ không có văn hóa thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội, và cũng vì lẽ hệ thống giáo dục có «tầm quan trọng hàng đầu» trong việc



Digitized by Google

đào tạo lớp người chủ tương lai của đất nước. Mạng lưới trường lớp tỏa rộng từ các khu trung tâm của quận 1, quận 3 tới các xóm lao động, đến các xã xa xôi, hẻo lánh và căn cứ kháng chiến cũ ở ngoại thành. Thành phố có hệ thống đào tạo ban ngày, lại còn có lớp bổ túc văn hóa, ngoại ngữ và dạy nghề ban đêm; bên cạnh lớp phổ thông bình thường, còn có lớp phổ cập văn hóa cho trẻ em nghèo thất học, có lớp học tình thương cho trẻ em bụi đời hư hỏng. Từ sau 30-4-1975 đến nay, hằng năm có hơn mười nghìn học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học và hơn hai nghìn cán bộ và thanh niên tốt nghiệp bổ túc văn hóa trung học. Học sinh cứ mỗi năm tăng gần mười nghìn và hiện nay một triệu học sinh và thầy giáo hằng ngày phấn đấu "dạy tốt, học tốt".

Hiệu quả đào tạo có nhiều mặt nổi bật: số cháu đạt danh hiệu bé ngoan, cháu ngoan Bác Hồ, số học sinh tiên tiến, số tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa, số đội viên, đoàn viên đều tăng lên qua từng năm học. Học sinh giỏi của thành phố năm nào cũng đạt vị trí khá trong kỳ thi quốc gia; một số em như Lê Tự Quốc Thắng, Nguyễn Vinh Khanh, Hồ Trung Dũng và Hồ thị Mai Phương đã chiếm được giải cao trong kỳ thi quốc tế về toán, vật lý và Nga văn...

Thành phố có nhiều cố gắng chăm lo mở vườn trẻ và mở lớp mẫu giáo. Năm 1984 -- 1985 ngành giáo dục mở 380 trường mẫu giáo, thu hút 47% số cháu trong độ tuổi.

Về hệ đại học, các trường đại học tại thành phố đã đào tạo 24 000 sinh viên và các trường trung học chuyên nghiệp đã đào tạo 42 000 học sinh của thành phố.

Mới đây, nghị quyết 03 của Ban thường vụ thành ủy nhằm cụ thể hóa các nghị quyết của trung ương và thành phố có giúp cho các ngành giáo dục ở thành phố tích cực phấn đấu theo hướng xoay chuyển nhà trường gắn với đời sống, với mục tiêu kinh tế—xã hội của thành phố và của khu vực. Giáo dục quân sự, giáo dục lao động và hướng nghiệp được coi trọng. Nhà trường xã hội chủ nghĩa đã tạo được khí thế lành mạnh, hồ hởi, vững chắc trong phương hướng đi lên của mình. Năm qua có nhiều trường tiên tiến mới, nhiều chiến sĩ thi đua, nhiều giáo viên giỏi xuất hiện ở nhiều nơi. Nhiều trường được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động.

Trường nào cũng có những thầy cô hăng say tự học, tự rèn luyện, khắc phục nhiều khó khăn để tạo thêm vốn chuyên môn nghiệp vụ và chính trị tư tưởng; một số không ít có sáng kiến, kinh nghiệm, có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị. Có tập thể nhà trường giỏi về nghiệp vụ, đồng thời có kinh nghiệm tổ chức chăm sóc đời sống của giáo viên. Những kinh nghiệm này rất quý vì nếu cô, thầy giáo không được chăm sóc, thì không đủ sức khỏe và khó yên tâm để làm tròn trách nhiệm của mình.

Những tiến bộ của ngành giáo dục là rất đáng kể, nhưng hiện nay vẫn có những vấn đề tồn tại cần được tiếp tục nghiên cứu giải quyết cho có kết quả, đó là tình hình sa sút về chất lượng dạy ở một số trường như dạy chính trị, dạy văn; chất lượng giáo dục ở khu vực ngoại thành nói chung chưa được nâng lên kịp với yêu cầu; còn một số trường chưa tiên tiến, một số giáo viên chưa tiên tiến.

Nhu cầu văn hóa, tinh thần của nhân dân thành phố rất đa dạng và có nhiều chuyển động theo hướng tích cực trong vòng mười năm nay. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật bao gồm văn học, sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc, bảo tồn bảo tàng v.v., đã có những nỗ lực rất lớn nhằm đáp



Digitized by Google

ứng những nhu cầu này theo hai hướng: một là nâng cao mức hưởng thụ đồng thời có điều chỉnh những thị hiếu, tâm lý hưởng thụ, kích thích nhu cầu mới, nghĩa là có hướng dẫn phát triển những nhu cầu gì và hạn chế đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực gì trong hưởng thụ, thưởng thức (thí dụ: khuyến khích nhu cầu đọc sách, xem triển lãm, viếng khu di tích, nhà bảo tàng, đến nhà văn hóa, câu lạc bộ, đến tụ điểm có ca nhạc...); hai là kích thích, hướng dẫn nhu cầu sáng tạo nghệ thuật (bằng tổ chức phát triển sinh hoạt văn hóa ở cơ sở, nhiều loại câu lạc bộ, nhóm đội câu lạc bộ, hằng văn nghệ quần chúng, liên hoan sáng tác, biểu diễn...).

Để đáp ứng nhu cầu tinh thần, văn hóa một cách chủ động thì phải có điều tra xã hội học đối với từng loại đối tượng theo lứa tuổi, theo giới, theo nghề nghiệp... Viện khoa học xã hội có giúp một số quận, huyện làm việc này.

Cuộc đấu tranh về quan điểm, lập trường giai cấp, quan điểm, lý tưởng thẩm mỹ, về quan điểm phục vụ có thu... còn tiếp diễn. Phải xử lý nghiêm khắc những trường hợp chạy theo tiền một cách vô tội vạ, làm hại chất lượng, gây nhiễm độc, làm hại nghệ sĩ và người xem. Tình hình này đòi hỏi không chỉ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa, văn nghệ phải tỉnh táo, mà cả cấp ủy, chính quyền, đoàn thể quần chúng cũng phải tỉnh táo, không được buông trôi, khoán trắng cho cơ quan chức năng như đã xảy ra hồi năm 1980 — 1981. Cơ quan báo chí kịp thời phê phán các hiện tượng tiêu cực trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ là một điều tốt cần tiếp tục làm, có chú ý rút kinh nghiệm để làm tốt hơn, có hiệu quả hơn. Nhưng cũng cần quan tâm biểu dương nhiều hơn cái đẹp, cái mới xuất hiện.

Các cơ quan xuất bản, in, phát hành, đài, báo... đều có vai trò và tác dụng quan trọng đối với từng loại đối tượng.

Với các biện pháp linh hoạt, có tính đến nhu cầu và trình độ của quần chúng, ngành thể dục thể thao thành phố đã từng bước đưa các hoạt động thể dục thể thao thành phong trào quần chúng với chất lượng ngày càng cao. Các phong trào liên tiếp được phát động và nuôi dưỡng như « phong trào rèn luyện thân thể mừng Tổ quốc thống nhất », « Phong trào chạy về thủ đô, chạy ra Chi lăng, bơi bến Bạch đằng đánh quân bành trướng xâm lược », « Phong trào rèn luyện thân thể theo bước chân những người anh hùng »... đã thu hút một lực lượng lớn quần chúng tham gia và góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo được không khí sinh hoạt lành mạnh trong nhân dân. Đến nay thành phố đã có gần 1 triệu người tập thể dục thường xuyên hằng ngày, nhiều người tham gia tập luyện một trong 14 bộ môn thể thao mà mình ưa thích.

Thành phố cũng nhận thức được cơ sở vật chất (sân bãi, trang bị...) là một yếu tố quan trọng trong hoạt động thể dục thể thao, cho nên đã tích cực sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, nguồn thu của cơ sở và vận dụng phương thức « Nhà nước và nhân dân cùng làm », đầu tư, sửa chữa và trang bị thêm sân, bãi. Số sân bãi so với trước giải phóng tăng lên gấp 2,3 lần (năm 1976 có 86 sân bóng đá thì nay đã có 181 sân; bóng chuyền có hơn 500 sân, bóng bàn có hơn 1 200 sân...).

Từ năm 1979, thành phố đã triển khai xây dựng hệ thống năng khiếu thể thao để chăm lo cho lớp vận động viên trẻ, với 4 tuyến năng khiếu hợp thành một hệ thống hoàn chỉnh: năng khiếu nghiệp dư, năng khiếu trọng điểm, năng khiếu dự bị tập



Digitized by Google

trung và năng khiếu tập trung. Hệ thống câu lạc bộ thể dục thể thao thành phố, quận, huyện thu hút hàng vạn người tham gia luyện tập.

Mười năm qua, tham gia các cuộc thi đấu toàn quốc, các vận động viên đã mang về cho thành phố 303 huy chương vàng, 213 huy chương bạc, 138 huy chương đồng, đã phá và giữ nhiều kỷ lục quốc gia.

Tuy vậy mặt tồn tại lớn của phong trào thể dục thể thao là nhận thức của quần chúng về thể dục thể thao chưa đầy đủ, quần chúng tham gia phong trào còn do sở thích tự nhiên, chưa gây được ý thức tự giác là rèn luyện thân thể để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chưa đầu tư đúng mức cho việc mở rộng phong trào, nhất là về chiều sâu, còn khuynh hướng chạy theo thi đấu thể thao, chú trọng thắng thua, ít coi trọng hiệu quả đối với sức khoẻ của nhân dân lao động. Đội ngũ vận động viên chưa được bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại, một số còn nặng về thành tích, quyền lợi cá nhân, tinh thần tập thể chưa cao.

Ngành y tế thành phố đã từng bước quy hoạch lại ngành theo hướng củng cố và phát triển mạng lưới y tế phổ cập « chăm sóc sức khoẻ ban đầu » ở tuyến cơ sở, đồng thời hình thành một số trọng tâm chuyên khoa đầu ngành ; đã tổ chức phòng chống dịch có hiệu quả, khống chế được các vụ dịch hạch, dịch tả, sốt xuất huyết, ngăn chặn không để dịch bùng nổ lớn, giảm thấp được tỷ lệ tử vong, đặc biệt là đối với các bệnh truyền nhiễm và các bệnh trẻ em. Việc tuyên truyền và tận tình giúp đỡ gia đình sinh đẻ có kế hoạch đạt kết quả tốt.

Tuy các bệnh viện còn nhiều khó khăn về thuốc men và phương tiện hoạt động chuyên môn, nhưng đã cố gắng bảo đảm tốt công tác khám, chữa bệnh, trung bình mỗi năm đã khám hơn 10 triệu lượt người và nhận điều trị tại các bệnh viện gần nửa triệu lượt người. Đặc biệt là ngành đã tổ chức tốt công tác thừa kế y học dân tộc, đã quy tụ trên 1000 lương y, thừa kế được nhiều bài thuốc hay, một số phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, nhất là phong trào luyện tập dưỡng sinh ở thành phố khá mạnh.

Công tác sản xuất dược phẩm và phân phối thuốc hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, chất lượng ngày càng được nâng lên, tự cân đối những khoản về thuốc men cho thành phố. (Năm 1984, trung ương chỉ cấp cho thành phố 7% nhu cầu về thuốc, còn lại thành phố tự giải quyết).

Đáng chú ý là công tác nghiên cứu khoa học trong ngành ngày càng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng điều trị, chỉ trong 5 năm (1981 – 1985) thành phố đã có 250 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có các công trình có kết quả khá tốt như : viêm ruột hoại tử ở trẻ em, tỷ lệ tử vong trong sốt rét ác tính bằng kết hợp đông tây y, sản xuất vòng tránh thai, sản xuất dịch truyền Alkelec AB...

Trong mười năm qua, chúng ta cũng đã cố gắng hết sức mình để cùng đồng bào chăm lo cho cuộc sống ở thành phố này, cuộc sống của từng giới đồng bào lao động, từng lứa tuổi trong đó có lứa tuổi sẽ thay chúng ta đưa sự nghiệp ngày hôm nay đến thắng lợi. Chúng ta biết mức sống vật chất và tinh thần của số đông đồng bào lao động còn thấp, do nguyên nhân khách quan, do kẻ thù điên cuồng phá hoại sự nghiệp của dân tộc ta và có phần cũng do trình độ quản lý yếu kém của chúng ta. Nhưng có một điều không ai có thể phủ nhận được là từ chế độ này, từ xã hội này đã sản sinh ra một lớp con người Việt nam mới ở lĩnh vực hoạt động nào cũng có, ở nơi nào cũng có, ở lứa tuổi nào, giới nào cũng có, những



Digitized by Google

người biết sống vì mọi người. Họ chưa phải là số đông, nhưng ngày qua ngày tấm lòng và việc làm của họ thuyết phục thêm người chung quanh, họ đang góp phần tạo ra một xã hội đẹp về lối sống.

## XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

Chính quyền nhân dân ở thành phố còn rất non trẻ, nhưng là thành quả đấu tranh cách mạng của quần chúng giành đi giật lại từ tay kẻ thù, trải vô vàn hy sinh và qua nhiều thế hệ. Giành chính quyền đã gian khổ, giữ chính quyền còn gian khổ hơn. Trong tình hình thành phố mới được giải phóng, giữ chính quyền không chỉ làm công việc trấn áp đơn thuần, mà nhiệm vụ chính là xây dựng, cải tạo và quản lý, không chỉ thay thế bộ máy cũ bằng bộ máy mới mà là xây dựng cho được trong cán bộ và nhân dân thành phố ý thức làm chủ tập thể, bao gồm cả trách nhiệm và quyền lợi.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã chỉ rõ: «trên cơ sở phân tích một cách đầy đủ những đặc điểm của thành phố, cần nắm lấy hai điều cơ bản nhất là làm chủ tập thể và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa để tiến lên» (1).

Quán triệt luận điểm của Đảng về «quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động» trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, thành phố đã nhanh chóng và từng bước hình thành những cơ cấu bộ máy chính quyền. Trong 10 năm qua thành phố đã hai lần bầu cử Hội đồng nhân dân cấp thành và 4 lần bầu cử Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện, phường, xã. Hiện nay ở mỗi cấp đều có tổ chức Đảng, đoàn thể, cùng hệ thống chính quyền hình thành cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, chính quyền quản lý. Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị thường ngày và trong từng đợt tập trung mà thành phố làm cho cơ chế này phát huy hiệu lực, có bước tiến bộ đáng kể trong việc phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân ở các cấp, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trên địa bàn dân cư, của các đoàn thể Công đoàn, Hội liên hiệp nông dân tập thể, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế xã hội.

Việc tổ chức cho cán bộ chiến sĩ công an và một số ban ngành của chính quyền tiếp dân và giải quyết các khiếu tố và nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, tự phê bình trước dân đã góp phần hoàn thiện pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền nếp «sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật». Các quyết định của thành phố về cơ chế tổ chức cấp cơ sở phường, xã, xí nghiệp quốc doanh đã cụ thể hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở cơ sở và đã mang đến kết quả cụ thể làm cho chính quyền thật sự có tính chất «do dân, của dân và vì dân», và nhân dân lao động thêm gắn bó với chính quyền, với chế độ.

Đảng bộ thành phố coi trọng việc xây dựng, củng cố chính quyền cấp quận, huyện và cả ở cấp cơ sở phường, xã. Ở đây chúng tôi muốn nói nhiều về cấp phường. Từ năm 1981 thành ủy đã có quyết định về cơ chế tổ chức cấp cơ sở phường, căn cứ tình hình thực tế của phường và nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Với sự tác

(1) Trích bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Đại hội thứ III của đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh.



Digitized by Google

động của cơ chế tổ chức đó, phường đã có thêm những bước phát triển mới, đạt được nhiều thành quả quan trọng, nhưng đồng thời cũng xuất hiện những yêu cầu mới do bản thân sự phát triển của phường đặt ra. Tổng kết tình hình mới này, tháng 3 năm nay thành ủy ra quyết định về « việc cải tiến cơ chế quản lý cấp cơ sở phường » khẳng định những mặt tích cực, xác định mục tiêu, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của phường, những nội dung chủ yếu phân cấp cho phường quản lý như kế hoạch, ngân sách... bổ sung cơ cấu tổ chức bộ máy... Quyết định này nêu rõ: Trong thời gian trước mắt phường có nhiệm vụ chủ yếu là cùng với quận và thành phố thực hiện đúng đắn chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người trong diện cải tạo ở phường; chăm lo đời sống và việc làm của nhân dân ở phường trên cơ sở tổ chức phát triển sản xuất, dịch vụ và tổ chức kinh tế gia đình; giữ vững và thực hiện tốt công tác an ninh quốc phòng, quản lý hộ khẩu, bố trí dân cư; thực hiện các mặt công tác văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, bảo vệ sức khoẻ và xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, khu phố, tổ dân phố, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, phát triển Đảng, Đoàn, tổ chức các lực lượng nòng cốt, xây dựng và nhân rộng các mô hình...

Quyết định của thành ủy lần này xác định rõ phường là một cấp kế hoạch, một cấp ngân sách. Đó là một nội dung hết sức quan trọng để tạo điều kiện, tạo sức mạnh vật chất cho phường phát huy đầy đủ vai trò của mình là đơn vị cơ sở của chính quyền, Đảng, Mặt trận.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo, thành ủy chú trọng làm cho các cấp ủy Đảng, chi bộ, cán bộ, đảng viên trong chính quyền và hệ thống cơ quan chuyên chính ở phường nói chung nắm vững vấn đề gốc là đánh giá đúng quần chúng, tin vào quần chúng, dựa vào quần chúng, ra sức phát triển sản xuất, tích cực giải quyết việc làm, phát triển các dịch vụ phục vụ, hết lòng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trên cơ sở đó mà cải tạo và xây dựng phường vững mạnh.

Trong mười năm xây dựng chính quyền ở thành phố còn có một số vấn đề về quan điểm, nhận thức phải được sáng tỏ từ cấp thành phố đến cơ sở.

Đó là yêu cầu xác định nhận thức, quan điểm của Đảng về Nhà nước, về pháp chế xã hội chủ nghĩa. Quản lý một thành phố cũng như quản lý đất nước bằng luật pháp là một nguyên tắc, vì pháp luật xã hội chủ nghĩa là biểu hiện của bình đẳng và tự do trong mối quan hệ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là công ước về quyền lợi và nghĩa vụ giữa nhân dân và chính quyền, không thể tùy tiện theo ý muốn của bất cứ ai. Tiêu chuẩn của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở hai mặt: một là phải thiết thực giải phóng sức sản xuất, hai là hình thành mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng nhau giữa những người lao động. Mọi biểu hiện « ban ơn » hoặc « cắt xén » dân chủ đều xa lạ với quan điểm của Đảng. Nhân dân thành phố cũng như cán bộ các cấp, các ngành đều cần được giáo dục sâu sắc về pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Có một điều rất rõ là nhân dân rất « nhạy cảm » với cái gì dụng đến chính quyền do chính họ đổ máu để giành lấy và xây dựng nên.

Tuy nhiên, trên mặt trận quan trọng này, thành phố còn phải tiếp tục cải tiến nhiều mặt, một số cơ quan dân cử còn hoạt động hình thức, chưa làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo Hiến pháp, các cơ quan chuyên chính đã có công lao lớn trong giữ gìn an



Digitized by Google

ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhưng chưa bài trừ được tệ cửa quyền, hối lộ, hiếp đáp dân của cán bộ, nhân viên trong ngành. Những gương tốt chưa được nhân ra rộng khắp. Nhiều cơ quan hành chính còn làm phiền hà nhân dân. Đó là chỗ yếu của bộ máy chính quyền, cũng là khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng.

Thời kỳ quá độ là thời kỳ đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt để giải quyết vấn đề «ai thắng ai», là thời kỳ chuyển biến cách mạng triệt để nhất, sâu sắc nhất về tất cả các mặt của xã hội trong phạm vi cả nước. Mức độ gay go, quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn ở các nơi khác là do đặc điểm lịch sử của thành phố và còn do kẻ thù đế quốc Mỹ và bọn bành trướng bá quyền Trung quốc coi thành phố này là trọng điểm hàng đầu trong cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng. Do đó chẳng những không được giây phút nào lơi lỏng việc củng cố tăng cường chính quyền mà còn bằng mọi biện pháp làm cho chính quyền thật sự là công cụ sắc bén nhất của hệ thống chuyên chính vô sản, nghĩa là bản thân của nó phải có hiệu lực, trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân lao động làm chủ.

Lực lượng vũ trang nhân dân, công an nhân dân trong mười năm qua kế tục và phát huy được truyền thống và bản chất tốt đẹp của quân đội nhân dân anh hùng, luôn luôn là chỗ dựa vững chắc của chính quyền các cấp.

Lực lượng vũ trang địa phương đã có hệ thống từ thành phố đến quận, huyện, phường xã, hệ thống công an nhân dân đến tận khu phố, xây dựng được lực lượng thanh niên xung kích, dân quân tự vệ đều khắp, có phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng tổ dân phố, tổ nhân dân. Lực lượng quân dự bị được tổ chức khá chặt chẽ... Sự phối hợp giữa quân đội và công an trong tư thế sẵn sàng chiến đấu trên địa bàn khá chặt chẽ, đồng thời có khả năng phối hợp tốt với quân khu, với lực lượng bên trên trong mọi tình huống.

Cùng với cả nước tham gia làm nghĩa vụ quốc tế, năm nào Thành phố cũng vượt chỉ tiêu giao quân và được biết con em của thành phố đi làm nghĩa vụ quốc tế trên đất bạn đều lập thành tích tốt.

Việc chống những biểu hiện tiêu cực trong chính quyền như quan liêu, bảo thủ, mất phẩm chất, ăn hối lộ, ức hiếp, gây phiền hà cho quần chúng v.v. cũng là thiết thực thúc đẩy việc củng cố và tăng cường chính quyền các cấp ở thành phố.

Đảng cầm quyền là một vấn đề rất mới, vấn đề quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động cũng là rất mới, nhất là đối với một thành phố như thành phố Hồ Chí Minh. Cho nên việc củng cố chính quyền gắn liền với yêu cầu phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, việc thường xuyên cải tiến cơ chế quản lý, trong đó có việc phân cấp quản lý là mối quan tâm hàng ngày hằng giờ của đảng bộ và nhân dân lao động thành phố để không ngừng động viên mọi khả năng sẵn có và huy động mọi nguồn tiềm năng thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa



Digitized by Google

## XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH VỮNG MẠNH; MỞ RỘNG PHONG TRÀO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG CỦA QUẦN CHÚNG

Nghị quyết 01 của Bộ chính trị đặc biệt nhấn mạnh: «Để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của thành phố, nhân tố quyết định là phải xây dựng đảng bộ thành phố vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng».

Trong 10 năm qua, đảng bộ tiếp tục duy trì truyền thống năng động của những năm chiến tranh, đã bắt kịp cuộc sống mới, đã giải quyết những vấn đề phức tạp về chính trị, xã hội và kinh tế khá nhạy bén. Trên cơ sở nắm vững đường lối của Đảng và đặc điểm của thành phố, đảng bộ đã ổn định được tình hình nhiều mặt của thành phố ngay từ sau ngày giải phóng. Trong những năm khó khăn, hiểm nghèo, đảng bộ đã lãnh đạo quần chúng chiến đấu vượt qua thác ghềnh và giành thắng lợi.

Ưu điểm và nhược điểm của đảng bộ thể hiện rõ nhất trên lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội. Khi đối mặt với những thử thách mới, những trói buộc nặng nề của cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp, đảng bộ đã không chịu bó tay, luôn luôn trong tư thế cách mạng tiến công. Thoạt tiên, vì phục vụ lợi ích của quần chúng và của cách mạng mà đảng bộ hành động. Rồi từng bước, dựa vào thực tiễn và có lý luận soi sáng, đảng bộ hiểu dần quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết hợp được nhiệt tình và trí thức, kết hợp được lãnh đạo với quần chúng cơ sở, đưa quá trình chỉ đạo thành phố vào quỹ đạo, vận dụng thắng lợi từng phần quan điểm của Trung ương Đảng. Dám kiên trì cái đúng, dám nhận sai lầm và kiên quyết sửa chữa từ trên xuống, đó là mặt trưởng thành quan trọng nhất của đảng bộ. Ưu điểm thứ hai của đảng bộ là dần dần đánh giá đúng vai trò, vị trí, thế mạnh của thành phố là một trung tâm công nghiệp của khu vực, do đó đảng bộ phải có phương pháp làm việc khoa học, tác phong công nghiệp, năng động, đồng bộ, thể hiện bằng kế hoạch, bằng biện pháp tổ chức cụ thể, bằng phong trào xây dựng và học tập điển hình tiên tiến. Ưu điểm thứ ba của đảng bộ là tiếp tục phát huy truyền thống bám quần chúng lao động, phục vụ quần chúng lao động, kiên trì trong việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể ở cơ sở, cổ vũ quần chúng sáng tạo trong lao động và xây dựng cuộc sống mới — những yếu tố góp phần hạn chế, đấu tranh chống bệnh quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ. Phát huy truyền thống bám quần chúng còn thể hiện ở chỗ biến mọi chủ trương, chính sách, mọi nghị quyết thành nhận thức và hành động của quần chúng, trao cho quần chúng trách nhiệm xây dựng, bảo vệ chính quyền, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, kiên quyết và bằng nhiều hình thức trấn áp bọn phản cách mạng và bọn lưu manh.

Về tổ chức, từ trên dưới 1000 đảng viên trong nội ngoại thành trước ngày giải phóng, nay đảng bộ thành phố đã có trên 56 000 đồng chí, hơn 1900 cơ sở. Mười năm qua đảng bộ đã kết nạp thêm 20 000 đảng viên, đa số thuộc lớp trẻ, nhưng mới có 17% là công nhân trực tiếp sản xuất. Đảng bộ còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa để xây dựng đảng bộ có tỷ lệ đảng viên tương ứng với tính chất công nhân của Đảng trong một trung tâm công nghiệp. Đặc biệt phải có một sự cố gắng lớn để phát triển Đảng ở cấp cơ sở, xí nghiệp,



Digitized by Google

phường, xã, vì hằng ngày ở những nơi đó xuất hiện những cá nhân, tập thể xuất sắc, có trình độ chính trị, chuyên môn, có phẩm chất cách mạng, có tinh thần chiến đấu, nhất là lớp trẻ. Chúng ta chưa coi trọng đúng mức đối tượng này, có khi còn có những định kiến, hẹp hòi đối với họ. Chính vì những lẽ đó mà số lượng cơ sở Đảng tuy có tăng gấp 20 lần so với lúc mới giải phóng, nhưng vẫn còn nhiều nơi xung yếu, nhiều mũi nhọn của cuộc đấu tranh chưa có đảng viên. Số cơ sở yếu kém đến nay được thu hẹp, số cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng hằng năm, nhưng xét chung, năng lực của đảng bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu của cách mạng.

Trong việc giáo dục, bồi dưỡng đảng viên đảng bộ có mấy thiếu sót lớn như sau:

— Không làm cho đảng viên nhận thức sâu sắc rằng cuộc đấu tranh giai cấp còn đang tiếp diễn dưới một hình thức khác để đảng viên khỏi mơ hồ.

— Không quan tâm đúng mức những sai lầm mà một đảng cầm quyền dễ mắc phải: bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, thiếu dân chủ... đảng viên có chức có quyền nên không tu dưỡng thường xuyên thì dễ mắc nhiều bệnh như độc đoán, chuyên quyền, thích được nịnh bợ, bè phái, quan cách rồi cũng dễ đi đến tham ô, hủ hóa.

— Việc đấu tranh chống tiêu cực trong nội bộ, từng nơi từng lúc có dấy mạnh, đạt kết quả tốt, nhưng thiếu biện pháp đồng bộ, cho nên kết quả hạn chế, để ra mâu thuẫn nội bộ, ảnh hưởng xấu đến công tác, sản xuất.

— Chưa làm cho từng đảng viên, đoàn viên nhận thức sâu sắc về cách mạng xã hội chủ nghĩa để phát huy mạnh mẽ hơn nữa nhiệt tình cách mạng của họ trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là cánh tay đắc lực và là lực lượng hậu bị của Đảng càng trở nên hết sức quan trọng, nhất là trong tình hình cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra quyết liệt và phức tạp. Những cán bộ Thành đoàn trưởng thành trong kháng chiến và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội 10 năm qua, hiện đang giữ những trọng trách trong bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể. Xây dựng Đảng có nghĩa là phải quan tâm xây dựng Đoàn — tổ chức của những người cộng sản trẻ.

Lực lượng Đoàn đã phát triển khá nhanh về số lượng (160 nghìn đoàn viên, gấp hàng trăm lần lúc mới giải phóng) và về chất lượng, đã thay Đảng ở những nơi chưa có cơ sở Đảng, là nòng cốt trong các phong trào của thành phố 10 năm qua. Nói đến Đoàn thanh niên, trước hết phải nói thanh niên trong công nhân, trong nông dân tập thể, trong cán bộ khoa học kỹ thuật, trong lực lượng vũ trang và trong đội ngũ làm công tác văn hóa — xã hội. Đoàn thanh niên còn phải quan tâm đầy đủ hơn bộ phận thanh niên chậm tiến, thanh niên trung bình. Mặc dù Đoàn trong những năm qua có nhiều cố gắng sáng tạo, linh hoạt, có tờ báo *Tuổi trẻ*, có nhà văn hóa thanh niên, nhà văn hóa thiếu nhi ở cấp thành phố và ở quận huyện để tập hợp quần chúng trong và ngoài Đoàn, nhưng còn nhiều thanh niên chưa đi vào phong trào cách mạng, Đoàn chưa giáo dục đầy đủ lý tưởng cho thanh niên, chưa chú ý đúng mức việc nâng cao giác ngộ giai cấp, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, nhất là phong cách hoạt động ít nhiều còn mang tính chất hành chính, hình thức chủ nghĩa, chưa chuyển hẳn sang tác



Digitized by Google

phong công nghiệp. Nói chung thành phố đánh giá cao những nỗ lực và kết quả hoạt động của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong 10 năm qua. Trong tình hình của thành phố luôn luôn có biến động đi lên, Đoàn đã tìm tòi, suy nghĩ nhưng còn chưa đáp ứng kịp những đòi hỏi phong phú, đa dạng của thanh niên, thiếu niên và nhi đồng thành phố.

Tại thành phố trong mười năm qua liên tục có những phong trào hành động cách mạng của đồng bào các giới, các lứa tuổi và mang nhiều nội dung thiết thực, góp phần vào thắng lợi của thành phố.

Nói về người dân thành phố trước hết là nói về giai cấp công nhân. Được hình thành từ khi chủ nghĩa tư bản thực dân Pháp xâm chiếm đất nước này, giai cấp công nhân đã sớm có phong trào đấu tranh, được Đảng lãnh đạo từ những năm 30, từ tự phát chuyển lên tự giác, giữ vị trí trung tâm của các sự kiện lịch sử diễn ra ở thành phố. Trong 21 năm dưới chế độ thực dân mới, cùng với sự phát triển của nền công nghiệp thành phố, giai cấp công nhân đã trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Đó là những con người Việt nam kiên cường bất khuất, bị áp bức bóc lột, nô dịch nặng nề nhất, tủi nhục nhất mà kỹ thuật càng tinh vi thì mức bóc lột càng khốc liệt.

Dưới chế độ mới, công nhân không chỉ lo sản xuất mà còn tích cực tham gia cuộc đấu tranh xóa tư sản mại bản, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, cải tạo nông nghiệp. Công nhân phát huy quyền làm chủ tập thể cả trong việc ổn định và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của công nhân tại xí nghiệp và trong các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội tại địa bàn dân cư. Trong tổng tiến công và nổi dậy, trong những năm tháng đầu sau ngày giải phóng, nhất là trong những năm khó khăn 1979 — 1980, chúng ta càng có cơ sở để khẳng định bản chất cách mạng và phẩm chất rất quý của đội ngũ công nhân thành phố. Thành phố có quyền tự hào về đội ngũ công nhân mình có tinh thần cách mạng cao, có năng lực tay nghề, có tổ chức kỷ luật công nghiệp được rèn luyện qua nhiều thử thách.

Hiện nay số lượng công nhân công nghiệp tập trung đã tăng 28% so với lúc mới giải phóng (cả công nghiệp trung ương và địa phương), 95% công nhân viên chức đã vào công đoàn so với 50% trước đây. Chất lượng công đoàn cơ sở đã được nâng lên từng năm.

Lao động tiểu, thủ công nghiệp cũng là một lực lượng rất đông ở thành phố đã tăng 50% so với hồi mới giải phóng, trong đó 56% đã vào làm ăn tập thể và số đông đã đứng trong tổ chức Hội lao động hợp tác.

Liên hiệp công đoàn và Hội lao động hợp tác ở các cấp đã có nhiều cố gắng trong tập hợp, giáo dục công nhân nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nhất là các tổ chức hoạt động bảo hiểm xã hội cho công nhân một cách thiết thực như xây dựng nhà nghỉ Thanh da dành cho công nhân, tổ chức cho công nhân đi nghỉ mát ở Đà lạt, Vũng tàu, Nha trang, giải quyết nhà ở, duy trì và cải thiện hệ thống xe đưa rước công nhân cùng nhiều hoạt động khác.

Liên hiệp công đoàn trong những năm gần đây có nhiều cố gắng để phát động nhiều phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, tiến quân vào khoa học kỹ thuật, giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị... Nhưng phải thừa nhận so với yêu cầu và tiềm năng dồi dào trong giai cấp công nhân, thì chức năng giáo dục của Liên hiệp công đoàn còn phải được tăng cường nhiều hơn nữa.

Nông dân ngoại thành là đồng minh chí cốt của giai cấp công nhân. Công



Digitized by Google

nhân và nông dân là quân chủ lực trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những năm đầu sau ngày giải phóng nông dân đã cần cù lao động xây dựng lại quê hương bị tàn phá, đưa màu xanh phủ khắp đồng ruộng, vườn tược. Qua những va vấp ban đầu, ngập ngừng trước ngưỡng cửa của hợp tác hóa, nay đa số đã xác định hướng đi vào chủ nghĩa xã hội. Nhiều huyện đã đưa phong trào hợp tác hóa tiến bộ khá nhanh và vững chắc.

Qua phong trào điều chỉnh ruộng đất hoàn thành trước thời hạn trong năm 1983 và phong trào hợp tác hóa với hình thức, bước đi, biện pháp tổ chức đồng bộ như nghị quyết 21, ngày 6 tháng 6 năm 1983 của thành ủy đề ra, đồng thời với việc phát huy thắng lợi của chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc triển khai nghị quyết 7 của Ban chấp hành trung ương về xây dựng huyện, chúng ta càng hiểu rõ và tin tưởng bản chất cách mạng của đồng bào nông dân lao động ở ngoại thành từ khi có Đảng đến nay luôn luôn đi theo Đảng.

Đội ngũ trí thức hiện nay của thành phố gồm bốn nguồn hợp thành: trí thức tại chỗ, trí thức kháng chiến, trí thức chi viện và trí thức trẻ mới được đào tạo là lực lượng khá đông đảo. Từ đầu giải phóng, thành phố đã quan tâm thực hiện chính sách đoàn kết, phát huy lực lượng quý này, đã sử dụng lại hầu hết anh chị em cũ, nhiều trí thức đầu đàn đã phát huy tác dụng. Anh chị em từ nhiều nguồn, nhiều trình độ đã bổ sung được cho nhau, phát huy chỗ mạnh, khắc phục chỗ yếu, vì sự nghiệp chung xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, một số biểu hiện phân biệt đối xử lúc ban đầu và đến nay chưa phải đã chấm dứt của một số cá nhân, một số bộ phận cùng với chính sách chậm cải tiến về lương bổng, về công nhận học vị... những khó khăn khách quan của tình hình kinh tế xã hội, cộng với tác động của kẻ thù có làm một số anh chị em trí thức tại chỗ dao động, đó là điều đáng tiếc. Sau mười năm, qua thử thách và qua cả sự chấn chỉnh thái độ và chính sách của thành phố, anh chị em bám trận địa đã dần dần xóa mặc cảm, thành phố chỉ còn một đội ngũ duy nhất, đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa. Đóng góp về khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật, văn học, nghệ thuật của trí thức xã hội chủ nghĩa thành phố rất to lớn. Điều rất phấn khởi là đông đảo anh chị em hăng hái đi vào lao động sản xuất, đem những phát minh sáng chế của mình cùng bàn bạc với anh chị em công nhân và biến những phát minh sáng chế đó thành tài sản chung của xã hội, không nhằm mục đích gì khác hơn là phục vụ sản xuất và quốc phòng, phục vụ sức khỏe và đời sống của đồng bào. Việc nhích lại gần, gắn bó giữa lao động trí óc và lao động chân tay không còn là hiện tượng riêng lẻ trong một vài cơ quan, một vài xí nghiệp. Vui mừng ghi nhận sự trưởng thành và phẩm chất của người trí thức mới, trong dịp gặp gỡ thân mật anh chị em trí thức thành phố, đồng chí Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã khẳng định từ nay trong ngôn ngữ của chúng ta không còn khái niệm "trí thức tại chỗ", mà tất cả anh chị em trí thức Việt nam từ các nguồn đào tạo khác nhau nay đang lao động cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đều là *trí thức xã hội chủ nghĩa*. Vấn đề sắp tới là phát huy hơn nữa tài năng của những người lao động trí óc đó bằng các chính sách toàn diện, cụ thể, bằng việc tạo cho anh chị em phương tiện thí nghiệm, hoạt động, thu nhập thành quả khoa học mới của thế giới, giải quyết đời sống một cách căn bản và quan tâm thích đáng hơn đối với lớp trí thức trẻ.



Digitized by Google

Thanh niên thành phố tiếp tục vai trò xung kích đi đầu của mình trên các lĩnh vực hoạt động trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » của thanh niên thành phố trong lao động sản xuất, bảo vệ an ninh, quốc phòng, học tập và công tác được duy trì và phát triển liên tục, mặc dù qua nhiều chặng đường khó khăn của 10 năm dãy sóng gió của đất nước, của thành phố. Nhiều cán bộ trẻ trưởng thành từ phong trào 10 năm đã bổ sung cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý. Hiện nay tỷ lệ lớp trẻ khá cao trong các cương vị chủ chốt các ngành, các cấp, đoàn thể.

Thành phố đã sớm phát động và tổ chức lực lượng thanh niên xung phong, kế tục truyền thống trong kháng chiến của thanh niên, đưa thanh niên đi vào lao động, qua đó xây dựng thanh niên thành những người lao động mới, đáng biểu dương trên tất cả các lĩnh vực. Đó là môi trường tập thể để thanh niên tự cải tạo mình thành người lao động tự nguyện, biết lao động cho mình và cho xã hội, có năng suất, có hiệu quả. Hơn sáu vạn lượt thanh niên đã qua môi trường sôi động này của tuổi trẻ, kể cả số thanh niên hư hỏng cũ, hơn 2/3 đã mãn nhiệm vụ trở về các đơn vị, địa phương, hầu hết đều là những công dân có phẩm chất, có năng lực mới. Việc còn thiếu chính sách rõ ràng bảo đảm các quyền lợi cho đội viên để thanh niên xung phong trở thành một tổ chức chính thức, điều này cũng thiếu tác dụng động viên đối với thanh niên xung phong.

Thành phố có một lực lượng phụ nữ rất hùng hậu và rất quý. Đó là những người đã góp phần vào thắng lợi huy hoàng của tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, có người tham gia mũi tiến công quân sự, có người tham gia mũi tiến công nổi dậy. Trong mười năm nay phát huy truyền thống « anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang », phụ nữ có phong trào « người phụ nữ mới », « gia đình văn hóa mới ». Tỷ lệ nữ chiếm 53,4% trong công nghiệp, 75% trong tiểu, thủ công nghiệp, 60% trong nông nghiệp, 80% trong y tế và phân phối lưu thông, 100% trong nuôi dạy trẻ. Trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục, văn nghệ, thể dục thể thao, an ninh, quốc phòng đều có phụ nữ tham gia và lập thành tích. Trong 9000 chiến sĩ thi đua toàn thành phố có trên 50% là nữ. Qua bình bầu đến nay đã có 150 000 gia đình được công nhận là gia đình văn hóa mới và 197 000 chị em được công nhận là phụ nữ mới. Chúng ta làm sao quên được tên tuổi liệt sĩ Nguyễn Thị Hai, công nhân ở Bình tây đã liều mình bảo vệ tài sản của nhà máy. Chị em cũng đã và đang tích cực tham gia các đợt công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, nông nghiệp, sắp xếp lại và quản lý các chợ... Cả nước đều nói đến mô hình Công ty kinh doanh lương thực do đồng chí Ba Thi phụ trách. Hàng triệu người dân thành phố mua gạo của công ty này.

Khi bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ dùng bọn tay sai gây ra chiến tranh ở biên giới tây nam, bao nhiêu phụ nữ lại động viên, chăm sóc người yêu, chồng, con, anh em lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc như năm nào đã động viên người thân đi đánh giặc Pháp, giặc Mỹ.

Các tầng lớp phụ lão, bà con các đạo, người Hoa, giới công thương gia, Việt kiều có thân nhân ở thành phố v.v. đã cùng với các đoàn thể công, nông, thanh, phụ, trí thức, đứng trong Mặt trận Tổ quốc (hiện đã có 1 triệu rưỡi hội viên) đã và đang phối hợp hành động vì sự nghiệp chung, mười năm qua đều có những cống hiến đáng quý trên nhiều lĩnh vực, đã và đang sáng tạo nhiều hình thức



Digitized by Google

hoạt động phong phú và có hiệu quả cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa ở thành phố và bảo vệ Tổ quốc.

Qua mười năm vận động quần chúng, phát động các phong trào hành động cách mạng và xây dựng lực lượng, chúng ta đã kiên trì chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng. Đảng gắn bó với dân, trong vận động biết hòa hợp nghĩa vụ với quyền lợi của từng giới, lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là nội dung thống nhất. Trước sau như một chúng ta đều giữ tấm lòng của Đảng tin dân và dân tin Đảng. Trên cơ sở cải tạo và tổ chức lại nền kinh tế thành phố, xây dựng nền tảng giai cấp ngày càng thuần nhất trong xã hội, Đảng bộ đã tin và dựa vào quần chúng để phát động phong trào hành động cách mạng có nội dung, mục tiêu ngày càng cụ thể, thiết thực, từ phong trào tuyển chọn những cán bộ nòng cốt cho cách mạng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được coi trọng đặc biệt, nội dung giáo dục không tách rời quyền lợi và nghĩa vụ, không tách rời giáo dục truyền thống với nhiệm vụ hiện tại và tương lai, luôn luôn làm cho truyền thống không ngừng được phát triển, nâng cao cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị của thành phố trong các thời kỳ khác nhau.

Tuy vậy, trong công tác vận động quần chúng, chúng ta cũng còn có những chỗ yếu. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị đang có xu hướng « hành chính hóa ». Một số cán bộ đoàn thể chịu ảnh hưởng của lối làm việc « bàn giấy », ít sâu sát hiểu biết con người, chạy theo hình thức hơn là thực chất, đó là một trong nhiều nguyên nhân hạn chế phong trào cách mạng của quần chúng.

## ĐỀ XỨNG ĐÁNG LÀ THÀNH PHỐ MANG TÊN BÁC HỒ VĨ ĐẠI, ĐỀ XỨNG ĐÁNG VỚI LÒNG TIN YÊU CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỒNG BÀO CẢ NƯỚC

Qua mười năm, thành phố đã sang trang, từ một thành phố là sào huyệt của kẻ xâm lược và bọn người làm tay sai cho xâm lược, một thành phố đầy dẫy lối sống ăn chơi xa xỉ, tệ nạn xã hội, áp bức, bất công, trở thành một thành phố sản xuất, có văn hóa của người lao động, phục vụ nhân dân lao động, từng bước đảm nhận vai trò của một trung tâm về nhiều mặt.

Thời gian mười năm không phải là dài, nhưng qua đấu tranh gay gắt giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa sáng tạo, tiến bộ với bảo thủ, trì trệ, đảng bộ thành phố đã bộc lộ khá đậm nét chỗ mạnh, chỗ yếu của mình. Đảng bộ và nhân dân thành phố vui mừng và phấn khởi trước những thành tựu đã giành được gần như toàn diện. Nguyên nhân của những thành tựu đó trước hết là do đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng, do sự lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát thường xuyên của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn cùng với tập thể Bộ chính trị, Ban bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, cùng với các ban, ngành trung ương.

Nguyên nhân thứ hai là do thành phố đã biết động viên và phát huy sức mạnh tổng hợp, gồm sức mạnh chủ quan của thành phố cộng với sức mạnh chi viện cho thành phố: quyền làm chủ tập thể của bốn thế hệ, của bốn nguồn cán bộ, cả ba cấp cùng chung sức chung lòng tiến hành dồng thời ba cuộc cách mạng; chi viện từ trung ương, từ sự liên kết — liên doanh hợp tác với các thành phố, tỉnh bạn trong khu vực và trong cả nước;



Digitized by Google

sự góp công, góp sức bền bỉ của Việt kiều yêu nước; sự giúp đỡ tận tình của Liên xô cùng với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các tỉnh, thành các nước anh em kết nghĩa với thành phố, và bầu bạn trên thế giới.

Nguyên nhân thứ ba là do đảng ủy và chính quyền các cấp, với tinh thần trách nhiệm đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân, luôn luôn nghiêm chỉnh chấp hành sự chỉ đạo của cấp trên, kiên trì ủng hộ, bảo vệ cái mới, cái đúng, kiên quyết sửa chữa cái sai, khắc phục cái yếu và không chịu đi theo đường mòn sai lệch.

Nguyên nhân thứ tư có ý nghĩa rất quan trọng, trong tình hình con đường đi tới của thành phố là rất mới mẻ, còn nhiều chông gai, cạm bẫy, cán bộ, đảng viên và quần chúng ngày càng nâng cao ý thức học tập lý luận và thực tiễn, thực tiễn của thành phố, của các địa phương bạn và của nước ngoài, chủ yếu là của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Ôn lại chặng đường 10 năm qua, thành phố còn có yêu cầu là nắm bắt cho hết tiềm năng, truyền thống dồi dào, phong phú của thành phố cùng với những bài học quan trọng nhất. Chúng tôi hết sức thấm thía về bài học mà đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nêu lên trong Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (ngày 3 tháng 7 năm 1981): « Quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang đặt ra hàng loạt vấn đề về lý luận và thực tiễn cần được giải quyết, bao gồm những vấn đề thấu suốt đường lối cách mạng và đường lối phát triển kinh tế, phát huy những động lực của sự phát triển, tăng cường quản lý Nhà nước, nâng cao trình độ tổ chức thực tiễn, phát động phong trào cách mạng của quần chúng. Chúng ta không thể quản lý thành công nền kinh tế nếu không vươn lên nắm lấy vũ khí lý luận sắc bén nhất của thời đại — phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đảng phải trang bị cho cán bộ, đảng viên những hiểu biết sâu sắc về lý luận và thực tiễn, tạo ra trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý một tư duy kinh tế đúng đắn, tức là *nắm vững và vận dụng đúng các quy luật kinh tế, và các vấn đề có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta* » (5).

Đối với thành phố, rõ ràng tiến độ của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tùy thuộc ở tri thức nắm và vận dụng quy luật khách quan trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tại một thành phố gắn liền với một khu vực mang nhiều đặc điểm, một thành phố có vai trò và vị trí đối với cả nước. Từ tri thức đó, với nhiệt tình cách mạng mà tiếp tục khơi dậy khí thế tiến công trong giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức và đông đảo quần chúng thành phố, lấy tuổi trẻ làm lực lượng xung kích.

Bước vào năm 1985, đảng bộ và nhân dân thành phố khắc sâu những lời chỉ dạy ân cần của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến và đồng chí Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh kính mến cùng nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước đã phát biểu trong dịp về vui Tết với cán bộ, đảng viên và đồng bào thành phố năm nay. Đảng bộ và chính quyền thành phố sẽ nâng cao nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn nữa về vị trí và đặc điểm của thành phố như nghị quyết 01 của Bộ chính trị đã nêu, phát huy thế mạnh của thành phố về năng lực sản xuất trên cơ sở thấu suốt và thực hiện tốt các nghị qnyết Hội nghị thứ 6 và Hội nghị thứ 7 của Ban chấp hành trung ương, kiên quyết xóa bỏ

(5) Lê Duẩn : *Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1984. tr. 8.



Digitized by Google

cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và đối với nông nghiệp (việc cải tạo chỉ mới hoàn thành về cơ bản). Đồng thời với việc tăng cường công tác tư tưởng và văn hóa, chúng tôi thường xuyên tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, ra sức xây dựng đảng bộ từ thành phố đến cơ sở thật sự trong sạch, vững mạnh, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, phát động phong trào hành động cách mạng liên tục sôi nổi trong quần chúng.

Với ý thức « vì cả nước, cùng cả nước », đảng bộ sẽ ra sức thực hiện các nhiệm vụ công tác trên đây với tính năng động, nhạy bén và ý thức quan tâm đến hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang mà đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã giao cho thành phố với tất cả tấm lòng thương yêu và tin cậy là : « xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố mạnh về mọi mặt, một thành phố xã hội chủ nghĩa có cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến, một thành phố văn minh, hiện đại có tầm cỡ ở Đông Nam Á ».

Trên con đường đi tới, đảng bộ và nhân dân thành phố tuyệt đối tin tưởng và làm theo lời Bác Hồ vô vàn kính yêu đã chỉ dạy « Công nhân, nông dân ta và người lao động trí óc cần tin rằng chúng ta có đầy đủ sức mạnh, can đảm và thông minh để xây dựng cuộc đời mới của mình. Chỉ cần chúng ta có đầy đủ ý thức làm chủ, tinh thần tập thể, kỷ luật và ra sức học tập, nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, có tinh thần sáng tạo, tìm tòi cái mới, học tập cái mới, ủng hộ cái mới, thực hiện cái mới thì việc gì chúng ta cũng làm được » (6).

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II, tr. 215.

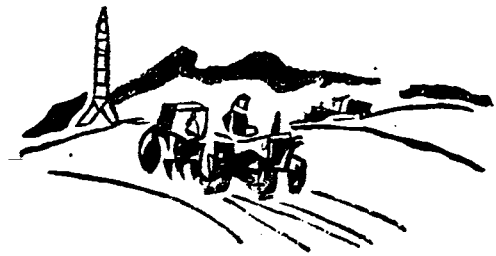



Digitized by Google

# Vài vấn đề trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ hiện nay

LÊ ĐỨC BÌNH

**Tiến bộ và vấn đề tồn tại.**

Ba năm qua, kể từ Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đến nay, gắn liền với quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị, công tác lựa chọn, bố trí cán bộ đã được tiến hành trên một quy mô rộng lớn, với nhiều biện pháp tích cực, và đã đem lại những kết quả rõ rệt.

Qua đại hội đảng bộ các cấp năm 1982 – 1983, *các cấp ủy Đảng từ tỉnh, thành phố đến huyện, quận, thị xã và cơ sở đã được kiện toàn một bước quan trọng về cơ cấu và chất lượng.* Trên 1/3 số cấp ủy viên của khóa cũ đã rút khỏi cấp ủy mới, nếu chỉ kể số đồng chí rút ra vì tuổi cao, sức yếu, năng lực hạn chế hoặc vì có sai phạm về phẩm chất thì cũng tới khoảng 20%. Phần lớn số đồng chí mới được lựa chọn tham gia cấp ủy khóa này là những đồng chí đã qua thử thách trong thực tiễn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, tuổi trẻ hơn, trình độ kiến thức các mặt tương đối khá.

Do kết quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ những năm qua, một nét mới của khóa tỉnh ủy này là đã đạt được sự đồng đều về trình độ lý luận chính trị và quản lý kinh tế giữa các địa phương miền Nam và miền Bắc.

Năng lực chỉ đạo của nhiều tỉnh ủy, huyện ủy có tiến bộ. Hầu hết các cấp ủy đều đã xây dựng quy chế làm việc; cách làm việc có cải tiến.

Việc đề bạt và bố trí lại cán bộ ở nhiều bộ, tổng cục, ngành trung ương và xí nghiệp, công ty đã tiến hành khá mạnh mẽ. Trong 3 năm qua, Đảng ta đã đề bạt và bố trí lại tới 40% số cán bộ cấp bộ trưởng, thứ trưởng và tương đương. Trong cán bộ lãnh đạo các xí nghiệp, công ty, các vụ, cục, viện ở nhiều ngành, tỷ lệ thay đổi cũng khoảng 40–50%. Điều đó đã đáp ứng một phần yêu cầu kiện toàn tổ chức và bảo đảm các nhiệm vụ chính trị thời gian qua.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 4 BCHTƯĐ (khóa V), Đảng đã tiến hành *rà soát cán bộ*, chú trọng cán bộ lãnh đạo các địa phương, các ngành và cơ sở kinh tế quan trọng. Nhìn chung, việc thẩm tra, xử lý kỷ luật và thay đổi số cán bộ kém phẩm chất, có khuyết điểm nặng đã được tiến hành tích cực và nghiêm túc hơn trước. Một số vụ xử lý kỷ luật nghiêm minh được dư luận hoan nghênh và đã có tác dụng giáo dục tốt.

Để bảo đảm cho nhiệm vụ xây dựng huyện, chúng ta đã tiếp tục *tăng cường cán bộ cho các huyện.* Có tới 70% bí thư huyện ủy là tỉnh ủy viên, có 29 tỉnh ủy, thành ủy đã phân công ủy viên thường vụ trực tiếp làm bí thư những huyện xung yếu về quốc phòng hoặc trọng điểm về kinh tế. Theo



Digitized by Google

thống kê chưa đầy đủ, trong 2 năm 1983—1984 đã đưa về huyện và cơ sở trên 5000 cán bộ, trước hết là cho các huyện biên giới phía bắc, Tây nguyên và các huyện trọng điểm về nông nghiệp. Công tác cán bộ đã bảo đảm yêu cầu của việc phân cấp quản lý kinh tế và phân giao cơ sở cho huyện, cho việc sắp xếp lại các phòng, ban của huyện và hình thành các công ty kinh doanh của huyện.

Như vậy là trong thời gian tương đối ngắn, công tác lựa chọn, bố trí cán bộ đã triển khai được khá, có tiến bộ trong việc quán triệt đường lối, quan điểm công tác cán bộ của Đảng và đã cố gắng bám sát, bảo đảm cho các nhiệm vụ chính trị lớn của Đảng.

Tuy nhiên, công tác cán bộ vẫn còn chuyển chậm. Có những tổ chức yếu kém không đủ sức hoàn thành nhiệm vụ vẫn chưa được kiện toàn. Có một số cán bộ lãnh đạo kém năng lực, hoặc sai phạm nặng về phẩm chất vẫn chưa được thay đổi, sắp xếp lại. Việc bố trí cán bộ chưa đáp ứng được các yêu cầu về xây dựng cơ chế quản lý mới. *Tác dụng và hiệu quả của công tác bố trí, đề bạt cán bộ đối với việc kiện toàn tổ chức và thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị còn chưa tương xứng.*

Tại sao có tình trạng này? Có nguyên nhân về chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đó là tình trạng phương hướng, nhiệm vụ công tác có những nơi chưa rõ, chưa ổn định, chính sách và cơ chế quản lý chậm sửa đổi, v.v. làm cho cán bộ gặp nhiều khó khăn và bị ràng buộc, không phát triển được năng lực, không hoàn thành được nhiệm vụ.

Có nguyên nhân về tổ chức. Đó là tình trạng bộ máy tổ chức chưa hợp lý, quan liêu cồng kềnh, chức trách và quyền hạn không rõ làm cho cán bộ khó phát huy tài năng. Có nơi chưa xác định rõ cơ cấu lãnh đạo như thế nào là hợp lý cho nên bố trí cán bộ thiếu đồng bộ, cán bộ không có điều kiện bổ sung, hỗ trợ cho nhau.

Song, nguyên nhân trực tiếp là những khuyết điểm của công tác lựa chọn, bố trí cán bộ. Những khuyết điểm này còn khá nhiều, trong đó cần nhấn mạnh ba điểm sau đây:

*Một là*, quan điểm về đánh giá cán bộ, bố trí cán bộ ở một số nơi chưa thật đúng. Chưa bám sát, chưa nhạy bén với những yêu cầu mới của nhiệm vụ chính trị để đánh giá, lựa chọn, bố trí cán bộ. Chưa quán triệt đầy đủ tiêu chuẩn cán bộ, hoặc chỉ nhìn vào mặt lanh lợi, tháo vát, mà xem nhẹ phẩm chất, đạo đức; hoặc chỉ nhìn vào bằng cấp, học vị mà xem nhẹ năng lực tổ chức và kinh nghiệm thực tiễn. Lại có trường hợp vì bệnh địa phương, cục bộ hoặc cá nhân chủ nghĩa làm cho việc đánh giá cán bộ bị sai lệch.

*Hai là*, thiếu quy hoạch cán bộ, hoặc có nhưng chất lượng quy hoạch thấp, kém chính xác. Lực lượng cán bộ dự bị quá mỏng dẫn đến đề bạt, bố trí cán bộ gượng ép, phải thay đi đổi lại nhiều lần mà ý nghĩa đổi mới về chất lượng không bao nhiêu, thậm chí người sau không hơn gì người trước.

*Ba là*, công tác quản lý cán bộ còn yếu, chưa có nền nếp. Nắm cán bộ không chắc, hiểu cán bộ thiếu hệ thống. Vì vậy đánh giá cán bộ không rõ, thiếu nhất trí. Chưa có quy chế cụ thể bảo đảm việc nhận xét, lựa chọn, đề bạt cán bộ được chính xác, khách quan.

Khắc phục những nhược điểm và thiếu sót ấy đang là những đòi hỏi cấp bách để làm tốt hơn nữa việc lựa chọn, bố trí cán bộ.

### Cơ chế quản lý mới và việc lựa chọn, bố trí cán bộ.

Chúng ta đang chuyển mạnh từ cơ chế quản lý cũ, quan liêu bao cấp,



Digitized by Google

sung cơ chế quản lý mới. *Việc thay đổi cơ chế quản lý đang có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của đội ngũ cán bộ.*

Con người định ra cơ chế quản lý và quyết định việc thực hiện cơ chế đó. Mặt khác, hoạt động của con người, của cán bộ được tiến hành trong khuôn khổ của một cơ chế quản lý nhất định và chịu sự quy định của cơ chế ấy. Cơ chế đúng tạo điều kiện cho cán bộ hoạt động có hiệu quả và trưởng thành nhanh chóng. Cơ chế không hợp lý thì tác động tiêu cực đến sự phát triển của cán bộ.

Hoạt động trong cơ chế quản lý cũ, quan liêu bao cấp, cán bộ thường có những nhược điểm, khuyết điểm như: thụ động, ỷ lại, trên giao việc gì làm việc đó, gặp khó khăn thì ngồi chờ trên giải quyết, không dám nghĩ dám làm. Cán bộ bị nhiều ràng buộc và gò bó, khó phát triển được tài năng. Cũng vì vậy, khó đánh giá, phân biệt đâu là cán bộ có năng lực, đâu là cán bộ kém.

Trong mấy năm nay, chúng ta từng bước xóa bỏ cơ chế quản lý cũ, đang xây dựng và hoàn chỉnh dần cơ chế quản lý mới. Tình hình này đã tác động khá rõ đến sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ. Nhiều cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh, thành phố, các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiến bộ khá nhanh. Những đồng chí này biết vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, nêu cao tinh năng động, chủ động, dám làm và dám chịu trách nhiệm, tạo ra những chuyển biến tích cực về kinh tế — xã hội ở địa phương và cơ sở. Sự tiến bộ ấy của đội ngũ cán bộ có nguồn gốc quan trọng từ những cải tiến — tuy mới là bước đầu — trong cơ chế quản lý.

Mặt khác, *cơ chế quản lý mới có những đòi hỏi mới về việc xem xét, lựa chọn, bố trí cán bộ.* Nghị quyết Hội nghị thứ 7 của BCHTƯĐ (khóa V) đã chỉ rõ: "Phải có cách nhìn mới để đánh giá đúng phẩm chất và năng lực cán bộ"; "Nhanh chóng phát hiện, sử dụng, đề bạt những cán bộ đã được đào tạo và rèn luyện, có cách nghĩ, cách làm thích hợp với cơ chế quản lý mới; kiên quyết thay đổi những cán bộ lãnh đạo và quản lý bảo thủ, thiếu năng lực và kém phẩm chất".

Phải từ những yêu cầu của cơ chế quản lý mới mà lựa chọn, sắp xếp cán bộ cho phù hợp, bảo đảm thực hiện thắng lợi cơ chế quản lý mới. Cần thay đổi số cán bộ bảo thủ, vẫn bám giữ cách quản lý quan liêu bao cấp, không có khả năng vươn lên thích ứng với cơ chế quản lý mới.

Trước đây với cơ chế quản lý cũ, trong điều kiện kế hoạch trên giao xuống tương đối ổn định, được cung cấp vật tư, nguyên liệu tương đối đủ, có những cán bộ có thể quản lý, điều hành hoạt động sản xuất có nền nếp, hoàn thành được nhiệm vụ trên giao cho. Nhưng nay trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cán bộ lãnh đạo không chỉ biết điều hành sản xuất mà còn phải biết kinh doanh xã hội chủ nghĩa, biết khai thác bốn nguồn cân đối, biết tổ chức hợp tác và liên kết kinh tế, hiểu thị trường trong nước và quốc tế, có khả năng linh hoạt phát hiện và chuyển sang sản xuất mặt hàng mới, v.v.

Có những cán bộ trước đây làm ăn khá, nhưng nay lại không đáp ứng được những yêu cầu của cơ chế quản lý mới, mặc dù đó vẫn là những đồng chí tốt. Cần sắp xếp lại công tác cho những đồng chí này.

Trong khi đó, có những cán bộ đã nảy nở và trưởng thành nhanh chóng trong điều kiện cơ chế quản lý mới, nắm vững đường lối của Đảng, năng động, nhạy bén, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm và có ý thức tổ chức kỷ luật, làm ăn có hiệu quả. Cần biết phát hiện và mạnh dạn đề bạt những cán bộ này.



Digitized by Google

Cải tiến cơ chế quản lý là công việc rộng lớn, phức tạp, mới mẻ, phải vừa làm vừa mày mò, rút kinh nghiệm, sửa chữa, hoàn chỉnh dần. Chúng ta tin rằng rồi đây cơ chế quản lý mới được hoàn chỉnh, các chính sách, chế độ quản lý được quy định rõ ràng, thì sẽ có thêm điều kiện thuận lợi cho cán bộ phát huy năng lực của mình, sẽ có căn cứ đánh giá cán bộ rõ hơn, và cũng ngăn chặn được những lệch lạc và việc làm tiêu cực của cán bộ.

Còn trong điều kiện hiện nay việc đánh giá cán bộ không tránh khỏi có những khó khăn. Đối với cùng một việc làm, có người cho là đúng, có người cho là sai. Trước một việc « xé rào » làm khác quy định lâu nay, có người khen là năng động, sáng tạo, có người chê là vô tổ chức, vô kỷ luật! Trong tình hình đó, việc xem xét, đánh giá cán bộ phải có thái độ rất thực tế, rất cụ thể. Cần đối chiếu việc làm của cán bộ với đường lối, quan điểm của Đảng; phân tích kỹ hiệu quả và chất lượng công tác của họ, xem xét kết quả công tác của họ đối với việc bảo đảm lợi ích của Nhà nước, của tập thể và cá nhân người lao động v.v Cũng cần xem xét việc làm của họ có tính chất lợi dụng, móc ngoặc, kiếm chác cho cá nhân, cho riêng đơn vị, hay là hoàn toàn vì lợi ích chung.

Cán bộ nhiệt tình đi vào cung cách làm ăn mới, còn đang mày mò, thử nghiệm, thường khó tránh khỏi vấp váp, lệch lạc. Cần có thái độ đối xử đúng đắn với cán bộ. Một mặt phê bình, uốn nắn lệch lạc; mặt khác, ủng hộ, khuyến khích phương hướng suy nghĩ và hành động đúng, mạnh bạo của cán bộ.

*Khắc phục thái độ bảo thủ, hẹp hòi*, cách nhìn cũ đối với cán bộ, do không thấy sâu sắc những yêu cầu về cán bộ do cơ chế quản lý mới đề ra. Đồng thời *khắc phục quan niệm lệch lạc về « cách nhìn mới »*, đi tới xa rời những nguyên tắc cơ bản của công tác cán bộ. Thời gian qua, có nơi khi lựa chọn, đề bạt cán bộ đã thiên về mặt lanh lợi, tháo vát, xoay xở giỏi mà nhẹ về mặt phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Vì vậy đã sử dụng, đề bạt cả những người không đủ tin cậy về chính trị, những cán bộ sa đọa về phẩm chất. Những người này đã lợi dụng cương vị công tác để làm bậy, tham ô, lãng phí, gây tổn thất không ít cho tài sản xã hội chủ nghĩa. Trong khi lựa chọn, đề bạt cán bộ, chúng ta vẫn phải luôn luôn nắm vững tiêu chuẩn cơ bản là phẩm chất cách mạng và năng lực công tác. Cán bộ lãnh đạo các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nắm giữ tiền, hàng, vật tư của Nhà nước, phải là những người có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng tốt đẹp, « cần, kiệm, liêm, chính », « chí công vô tư ». Đó là điều không thể châm chước. Còn năng động, tháo vát phải là năng động, tháo vát trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng. Nhấn mạnh tính năng động, sáng tạo hoàn toàn không đối lập với yêu cầu nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý không chỉ là người giỏi kỹ thuật, nghiệp vụ, mà phải có năng lực lãnh đạo và quản lý, biết xây dựng tổ chức, biết công tác với con người, gắn bó với tập thể, với quần chúng, giữ gìn đoàn kết nội bộ, dù có tài năng cũng không được kiêu ngạo, chủ quan, độc đoán, coi thường tổ chức, đặt mình lên trên tập thể.

Thực hiện cơ chế quản lý mới, người cán bộ được giao trách nhiệm và quyền hạn rộng rãi, thì cơ quan lãnh đạo cấp trên càng phải tăng cường kiểm tra cán bộ. Có như vậy mới kịp thời phát hiện những nhân tố mới, sớm có những kết luận bổ sung, hoàn chỉnh chính sách và cơ chế quản lý, mới kịp thời uốn nắn



Digitized by Google

và ngăn chặn những lệch lạc, vấp váp có thể xảy ra.

### Quy hoạch cán bộ và việc chuẩn bị cán bộ kế tục.

Từ vài năm nay, chúng ta đã tiến hành xây dựng *quy hoạch cán bộ lãnh đạo* các địa phương và các ngành. Những nơi làm tốt đã thu được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng quy hoạch cán bộ chưa đều khắp, chất lượng quy hoạch còn thấp, ở nhiều nơi vẫn còn tình trạng bị động, chắp vá trong việc bố trí cán bộ.

Cán bộ lãnh đạo không thể hình thành một cách tự phát, mà phải có quá trình chọn lựa, thử thách, vun trồng rất công phu. Việc bố trí cán bộ để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt phải kết hợp chặt chẽ với việc chuẩn bị cán bộ cho lâu dài. Nếu không tập trung bảo đảm cho nhiệm vụ trước mắt thì sẽ hỏng việc ngay lúc này. Nhưng nếu việc bố trí cán bộ lúc này không gắn với yêu cầu chuẩn bị cán bộ lãnh đạo cho tương lai thì rồi đây sẽ lúng túng, bị động.

Vì vậy, việc bố trí cán bộ không thể làm một cách sự vụ, riêng rẽ từng trường hợp mà phải đi vào quy hoạch. Xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo với chất lượng ngày một cao là một việc có ý nghĩa vừa cơ bản, lâu dài, vừa cấp bách, thiết thực trước mắt để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác bố trí và sử dụng cán bộ.

Khâu then chốt trong quy hoạch cán bộ là *lựa chọn, chuẩn bị tốt cán bộ dự bị và chăm lo đào tạo, bồi dưỡng họ*. Mấy năm nay, chúng ta có lựa chọn cán bộ dự bị nhưng số lượng còn mỏng, chọn chưa chính xác, và nhất là chưa có những biện pháp bồi dưỡng, tạo điều kiện cho các đồng chí này trưởng thành nhanh và vững chắc.

Để đánh giá, lựa chọn cán bộ nói chung, cán bộ dự bị nói riêng, trước hết phải nắm vững *tiêu chuẩn cán bộ* và những yêu cầu cụ thể đối với từng loại cán bộ lãnh đạo ở những cương vị khác nhau.

Cán bộ dự bị đương nhiên phải trẻ tuổi hơn cán bộ đương chức, có trình độ văn hóa tương đối khá, và nếu đã qua đào tạo cơ bản về lý luận chính trị, về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, về chuyên môn kỹ thuật, thì càng tốt. Nhưng điều quan trọng nhất, cán bộ dự bị phải là những người đã được thử thách trong công tác thực tiễn, là những phần tử ưu tú nảy nở từ phong trào cách mạng của quần chúng, từ cuộc đấu tranh thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật đông đảo là một nguồn rất phong phú để lựa chọn cán bộ dự bị cho lãnh đạo. Cán bộ lãnh đạo cũng cần có những kiến thức nhất định về chuyên môn, kỹ thuật. Nhưng trước hết cán bộ lãnh đạo cần có hiểu biết và năng lực lãnh đạo, quản lý. Cần tránh một chiều hướng không đúng là cứ thấy ai có học vị, bằng cấp cao thì dễ dàng đề bạt hoặc chọn làm cán bộ dự bị cho lãnh đạo. Người có chuyên môn kỹ thuật giỏi nhưng không có năng lực lãnh đạo, quản lý, thì nên sử dụng và phát huy vai trò của họ trong công tác chuyên môn kỹ thuật, họ sẽ cống hiến cho sự nghiệp chung tốt hơn là làm cán bộ lãnh đạo.

Hiện nay, *xét về cơ cấu*, đội ngũ cán bộ có một số nhược điểm là: số cán bộ xuất thân từ công nhân chiếm tỷ lệ thấp; cán bộ lãnh đạo nữ cuối những năm 60 phát triển khá nhanh, nhưng từ những năm 70 lại đây phát triển chậm, nhiều nơi giảm sút; cán bộ dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng cao, tăng chậm.

Việc quan tâm tăng cường những loại cán bộ này không chỉ có ý nghĩa đơn thuần về cơ cấu, mà có ý nghĩa



Digitized by Google

thiết thực nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, làm cho đội ngũ cán bộ phản ánh đầy đủ phong trào cách mạng của nhân dân, giữ được mối liên hệ mật thiết với quần chúng đông đảo, có sức chiến đấu cao.

Đương nhiên không thể làm việc này một cách hình thức, cốt có một tỷ lệ cơ cấu đẹp, mà phải tiến hành vững chắc, xem trọng chất lượng từ việc chuẩn bị, lựa chọn đến việc đào tạo, bồi dưỡng nhằm thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Nếu vì những quan niệm hẹp hòi, khắt khe, phong kiến v.v, mà vừa qua không đề bạt những cán bộ xuất thân công nhân, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số có đủ tiêu chuẩn thì cần soát xét lại và sửa chữa ngay. Mặt khác, đối với những loại cán bộ này cần có sự chuẩn bị chu đáo, đào tạo, bồi dưỡng công phu thì khi được đề bạt lên làm cán bộ lãnh đạo họ mới có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Vì vậy, phải có quy hoạch lựa chọn và đào tạo, bồi dưỡng những loại cán bộ này.

Cùng với việc lựa chọn cán bộ dự bị theo tiêu chuẩn và phương hướng đúng đắn, phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng họ. Cán bộ lãnh đạo được đào tạo, bồi dưỡng một phần quan trọng ở các trường, lớp. Ở đây cần làm tốt việc trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về lý luận, chính trị, về quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, những kinh nghiệm đã được tổng kết của cách mạng nước ta, những kinh nghiệm mới của các đảng và các nước anh em.

Cán bộ lãnh đạo này nở và trưởng thành chủ yếu trong hoạt động thực tiễn, trong phong trào cách mạng của quần chúng. Kinh nghiệm những năm qua cho thấy, cán bộ lãnh đạo ngành kinh tế, nói chung, phải trải qua hoạt động lãnh đạo tốt cơ sở sản xuất, kinh doanh. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, nói chung, phải trải qua lãnh đạo ở cấp huyện. Nếu cán bộ dự bị còn thiếu thực tiễn đó thì nên đưa xuống cấp dưới công tác một thời gian.

*Kết hợp đúng đắn giữa ổn định công tác và luân chuyển công tác một cách hợp lý, có kế hoạch* là điều có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của cán bộ lãnh đạo. Đương nhiên cán bộ cần được tương đối ổn định công tác để có thời gian đi sâu vào công việc và tích lũy kinh nghiệm. Xáo trộn công tác của cán bộ một cách tùy tiện là điều phải hết sức tránh. Mặt khác, cán bộ lãnh đạo cần có sự hiểu biết và tích lũy kinh nghiệm khá toàn diện, chẳng những về công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, mà cả về công tác Đảng, công tác quần chúng, về lãnh đạo chung một địa phương và quản lý cụ thể một ngành v.v. Đối với cán bộ dự bị cho các chức vụ lãnh đạo, tùy theo chỗ mạnh, chỗ yếu của mỗi người, và căn cứ vào ý định sử dụng cán bộ đó sau này, nên có kế hoạch luân chuyển, bố trí công tác thích hợp (ví dụ: từ ngành tỉnh về huyện và ngược lại, từ cơ quan Bộ về xí nghiệp và ngược lại, từ bộ máy Đảng sang bộ máy Nhà nước và ngược lại v.v.), giúp họ làm quen với những mặt công tác cần thiết của người lãnh đạo tương lai.

*Kết hợp đúng đắn giữa cán bộ cũ, cán bộ già với cán bộ mới, cán bộ trẻ* là một chính sách cán bộ rất quan trọng. Những điểm mạnh của hai loại cán bộ này được kết hợp lại, bổ sung cho nhau sẽ góp phần nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, bảo đảm hoàn thành tốt những nhiệm vụ chính trị của Đảng. Thêm nữa, việc kết hợp đúng đắn giữa hai loại cán bộ này còn có ý nghĩa đào tạo số cán bộ kế tục, bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong sự lãnh đạo của Đảng. Cán bộ mới, cán bộ trẻ tham



Digitized by Google

gia hoạt động lãnh đạo bên cạnh cán bộ cũ, cán bộ già, tiếp thu vốn hiểu biết và kinh nghiệm của những cán bộ này, tập dượt và chuẩn bị sẵn sàng để đảm nhận nhiệm vụ nặng nề hơn khi cần thiết. Có nơi ban thường vụ cấp ủy hầu hết là cán bộ già, đau yếu; việc bố trí cán bộ như vậy rõ ràng không có lợi cho việc chuẩn bị cán bộ kế tục.

Việc chuẩn bị cán bộ kế tục là một việc rất quan trọng và cũng rất công phu, tỉ mỉ. Việc đó chỉ có thể thực hiện tốt khi cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành có sự quan tâm đầy đủ và dích thân chăm lo chu đáo.

**Tăng cường công tác quản lý cán bộ**

Hiểu cán bộ có hệ thống, đánh giá cán bộ chính xác là cơ sở quan trọng đầu tiên để có thể bố trí, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ được đúng. Đánh giá người cán bộ trong sự vận động và phát triển không ngừng, trong các mối quan hệ chính trị và xã hội đa dạng và phức tạp, từ rất nhiều hiện tượng và sự việc cụ thể, riêng lẻ tìm ra mặt bản chất của người cán bộ — đó quả không phải là một công việc dễ dàng, đơn giản. Chúng ta phải phấn đấu rất nhiều để nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ nhằm nắm cán bộ thật chắc, đánh giá cán bộ thật chính xác và từ đó bố trí, đề bạt, sử dụng cán bộ ngày càng đúng đắn hơn.

Đánh giá người cán bộ trước hết là đánh giá kết quả công tác của họ, xem xét phẩm chất và năng lực của họ thể hiện trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Phải quản lý người cán bộ trong quá trình họ chấp hành đường lối của Đảng và các nhiệm vụ của cấp trên giao cho. Nói cách khác, phải nắm vững đường lối, nhiệm vụ chính trị của Đảng, chủ trương của cấp trên, hiểu rõ công việc người cán bộ làm, với những khó khăn và thuận lợi, với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nó, để đánh giá đúng kết quả công tác, ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ.

Cần có thái độ và phương pháp tư tưởng đúng khi đánh giá cán bộ. Trước hết, đó là thái độ trong sáng, chí công vô tư, hoàn toàn xuất phát từ lợi ích chung của Đảng, của cách mạng. Mọi sự chi phối của chủ nghĩa cá nhân, địa phương, cục bộ, của thái độ thành kiến, hẹp hòi hoặc cảm tình riêng tư đều dẫn tới những lệch lạc trong việc đánh giá cán bộ.

Lại phải có tổ chức, có quy chế bảo đảm cho việc đánh giá, lựa chọn, đề bạt cán bộ được thận trọng, khách quan, chính xác, loại trừ những yếu tố tùy tiện, ngẫu nhiên trong công tác cán bộ. Quy chế đó phải xác định rõ trách nhiệm quản lý cán bộ của cấp ủy Đảng, các mối quan hệ giữa tổ chức Đảng và cơ quan Nhà nước, giữa ngành dọc cấp trên và địa phương, giữa tập thể và người thủ trưởng, giữa người lãnh đạo chuyên môn và đảng ủy cơ quan v.v.

*Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ* — đó là vấn đề có tính nguyên tắc của công tác cán bộ. Những cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành đều phải do một cấp ủy Đảng quản lý, theo quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ của Đảng. Có người lập luận rằng, việc bố trí cán bộ là một khâu của công tác tổ chức thực hiện, cơ quan chính quyền là người tổ chức thực hiện vậy phải có quyền quyết định bố trí, đề bạt cán bộ.

Lập luận ấy chưa đầy đủ và chưa đúng hẳn. Việc bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành không chỉ có ý nghĩa là một khâu của công tác tổ chức thực hiện, mà hơn thế, việc đó còn có ý nghĩa to lớn bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và bảo đảm sự sống còn của nền chuyên chính vô sản. Vả lại, chức năng lãnh đạo



Digitized by Google

của Đảng không chỉ dừng lại ở việc vạch ra đường lối, mà Đảng có trách nhiệm tổ chức thực hiện, trước hết phải nắm những khâu then chốt là bố trí cán bộ và kiểm tra. Nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của Đảng trong công tác quản lý cán bộ là nhằm để những vấn đề quan trọng về cán bộ được xem xét, cân nhắc một cách toàn diện, quyết định một cách chính xác, bảo đảm cho đường lối cán bộ của Đảng được thực hiện nhất quán và luôn luôn phù hợp với đường lối chính trị của Đảng.

Đương nhiên, cơ quan Nhà nước có trách nhiệm phối hợp và giúp cấp ủy Đảng trong công tác quản lý cán bộ. Đồng chí thủ trưởng và ban lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hằng ngày phân phối công tác và kiểm tra công tác của cán bộ, biểu dương những việc làm tốt, phê bình uốn nắn những việc làm sai của cán bộ, đó là một nội dung quan trọng thường xuyên hằng ngày của công tác quản lý cán bộ. Và cũng từ quản lý công việc hằng ngày đó mà đề xuất với cấp ủy những ý kiến về đánh giá cán bộ, bố trí, đề bạt cán bộ.

Xuất phát từ yêu cầu gắn chặt công tác quản lý cán bộ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, người thủ trưởng ở các ngành, các cơ quan, đơn vị cần nắm công tác cán bộ. Người lãnh đạo nắm nhiệm vụ chính trị, cho nên có điều kiện hiểu rõ cán bộ, quản lý cán bộ chặt chẽ. Mặt khác, nắm công tác cán bộ là nắm khâu then chốt bảo đảm cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

Những quyết định quan trọng về cán bộ (đánh giá, bố trí, đề bạt, kỷ luật) đều phải là quyết định của tập thể cơ quan lãnh đạo. *Nguyên tắc tập thể* là một nguyên tắc quan trọng trong công tác cán bộ. Chỉ có sự quyết định tập thể mới bảo đảm việc lựa chọn, bố trí cán bộ được chính xác, khách quan, bảo đảm giữ gìn đoàn kết thống nhất nội bộ. Công tác cán bộ nếu chỉ do một người quyết định thì khó tránh khỏi chủ quan, phiến diện.

Những quyết định quan trọng về cán bộ cần được tiến hành trên cơ sở dân chủ. Cần có tổ chức và quy chế bảo đảm cho quần chúng, cán bộ, đảng viên bên dưới, cho chi bộ, đảng ủy cơ sở có thể tham gia một cách dân chủ vào quá trình đánh giá, lựa chọn, đề bạt cán bộ. Hơn nữa, điều này còn có ý nghĩa làm cho người cán bộ được đề bạt tăng thêm trách nhiệm đối với cấp dưới, đối với quần chúng trong đơn vị họ phụ trách.

Trong công tác quản lý cán bộ, cần tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa cấp trên ngành dọc và cấp ủy địa phương. Cấp trên ngành dọc hiểu cán bộ qua quản lý công tác chuyên môn của họ, còn cấp ủy địa phương hiểu người cán bộ đó qua công tác quản lý đảng viên trong đảng bộ mình. Có tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa hai bên mới đánh giá và sử dụng cán bộ được đúng đắn, tránh tình trạng bên này thì đề bạt trong khi bên kia đang xem xét để thi hành kỷ luật!

Đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta đến nay đã phát triển đông đảo, các nhiệm vụ chính trị mà đội ngũ cán bộ phải gánh vác lại rất phong phú, đa dạng. Cho nên công tác quản lý cán bộ cần khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, ôm đồm bao biện. Cần tăng cường việc phân công và phân cấp quản lý cán bộ để sát và nhạy bén hơn với nhiệm vụ chính trị từng nơi. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời uốn nắn lệch lạc, bảo đảm cho đường lối chính sách cán bộ của Đảng được thông suốt và thực hiện nhất quán từ trên xuống dưới, ở tất cả các ngành, các cấp.



Digitized by Google

# Kinh tế Việt nam sau 10 năm thống nhất đất nước

NGUYỄN QUÁN

VỚI thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, cách mạng nước ta bước sang giai đoạn mới. Mười năm qua, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, ra sức phấn đấu, đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế. Việc nhanh chóng thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước tạo cơ sở và tiền đề thúc đẩy quá trình thống nhất về mọi mặt trong những kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 1976–1980 và 1981–1985. Khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới, cùng những khó khăn do thiên tai liên tiếp gây ra, chúng ta đã đưa nền kinh tế vượt qua tình trạng sa sút sau những đảo lộn trong những năm 1979 – 1980, chuyển dần theo hướng đi lên, ổn định từng mặt, chuẩn bị điều kiện để phát triển trong những năm sau.

**Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc ; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.**

Sau khi thống nhất, nước ta còn nhiều hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất. Đến năm 1975, ở miền Bắc, về cơ bản chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất với hai hình thức toàn dân và tập thể đã được thiết lập, đang trong giai đoạn củng cố, hoàn thiện và phát triển. Ở miền Nam, công thương nghiệp tư bản tư doanh có lực lượng kinh tế và kinh nghiệm hoạt động hơn hẳn tư sản miền Bắc ngày trước, có ảnh hưởng kinh tế khá lớn trong "biển" tiểu thương, những người sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nông dân cá thể ; trong nông thôn vẫn còn tàn dư của chế độ chiếm hữu ruộng đất và bóc lột theo lối phong kiến, chưa kể sự tồn tại hình thức bóc lột của tư sản nông thôn. Chúng ta đã quốc hữu hóa các cơ sở kinh tế của tư sản mại bản, của bọn phản quốc và bọn tư sản chạy ra nước ngoài, sử dụng và cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh chủ yếu bằng hình thức công tư hợp doanh, xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa trên cơ sở phát triển thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán. Riêng ở Nam bộ, thực hiện điều chỉnh ruộng đất, đã chia 265 400 ha cho hơn 440 000 hộ nông dân, trong đó ở đồng bằng sông Cửu long đã chia 239 600 ha cho 296 300 hộ nông dân. Đồng thời đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đến năm 1981 65% số hộ nông dân và 59,6% diện tích ruộng đất đã được đưa vào làm ăn tập thể. Tuy nhiên, mức độ tiến hành cách mạng quan hệ sản xuất trong nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ không đều nhau ; nếu



Digitized by Google

như ở Tiền giang đã có tới 83,5% số hộ nông dân gia nhập các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, thì ở một số tỉnh khác mới có 50%. Cả nước hiện có 15 629 hợp tác xã với trên 5,3 triệu hộ xã viên. Quan hệ sản xuất mới đang được củng cố, phát triển và hoàn thiện. Quy mô hợp tác xã nông nghiệp cũng được điều chỉnh, phù hợp với năng lực quản lý, điều hành của cán bộ. Bên cạnh đó, thành phần kinh tế quốc doanh được củng cố và mở rộng, đến nay đã có 335 nông trường, gần 2900 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh với 695 000 người. Nhà nước độc quyền nắm ngoại thương, ngân hàng, bưu điện, gần hết phần vận tải, xây dựng cơ bản... Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đến nay đã đem lại trên 56% thu nhập quốc dân.

**Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước.**

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Sau khi giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, chúng ta đứng trước tình hình : nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất vốn đã nhỏ bé, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Ở miền Bắc, « chiến tranh đã phá hủy hầu hết những cái mà nhân dân ta đã tốn biết bao công sức xây dựng nên » (1). Ở miền Nam, chiến tranh đã để lại hơn nửa triệu héc ta ruộng đất hoang hóa, hàng triệu héc ta rừng bị hủy diệt, khoảng 7 triệu người phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn đi nơi khác ; cơ cấu kinh tế vẫn mang tính chất lạc hậu, què quặt, phụ thuộc nhiều vào nước ngoài.

Trong điều kiện ấy, những năm đầu chúng ta ra sức khôi phục lại sản xuất, nhằm bảo đảm các ngành kinh tế quốc dân hoạt động ổn định rồi phát triển. Chúng ta đã bước đầu chú ý tới sắp xếp lại sản xuất công nghiệp theo hướng tập trung sức phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, làm hàng xuất khẩu.

Năm năm đầu sau khi thống nhất đất nước, chúng ta đã khôi phục được hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp, các tuyến đường giao thông chính, đường sắt Thống nhất, các bến cảng, kho tàng ; trong nông nghiệp, chỉ hai năm sau giải phóng, 50 vạn ha đã được khai hoang, phục hóa và đưa vào sản xuất.

Nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật mới được xây dựng. Vốn đầu tư vào ngành điện năng trong hai năm gần đây chiếm tới 1/3 vốn đầu tư vào công nghiệp. Các nhà máy nhiệt điện Uông bí, Trà nóc, thủy điện Đa nhim được sửa chữa, mở rộng ; các công trình nhiệt điện Phả lại, Đà nẵng, thủy điện sông Đà, Trị an bảo đảm tiến độ xây dựng ; nhiều trạm thủy điện nhỏ ở Tây nguyên và một số vùng miền núi khác đã được xây dựng ; nhiều trạm biến thế và đường dây cao thế đã được xây dựng như : đường dây 220 KV Phả lại — Hà đông (80km), Hòa bình — Hà đông (58 km), Thanh hóa — Vinh (153 km), đường dây 35 KV thành phố Hồ Chí Minh — Trà nóc... Các nhà máy cơ khí Hà nội, sửa chữa tàu Phà Rừng, động cơ Hung-ga-ri, chế tạo biến thế Hà nội, phụ tùng nổ Tân bình, cơ khí Gò đàm, đi ê den sông Công, xe lửa Gia lâm,... được xây dựng hoặc mở rộng. Ngành khai thác mỏ cũng được khôi phục và mở rộng như ở các mỏ a pa tít Lào cai, thiếc Cao bằng (nhất là sau khi bị quân Trung quốc phá hoại) ; các mỏ than có công suất lớn đã được xây dựng như : Cao sơn, Mông dương, Mạo khê,

(1) Xem Tạp chí *Học tập*, số tháng 12-1976.



Digitized by Google

Khe chàm...; công tác thăm dò, chuẩn bị khai thác dầu khí ở Vũng tàu có nhiều hứa hẹn tốt.

Các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng được đầu tư thích đáng, đã đưa vào hoạt động các nhà máy xi măng lớn: Bỉm sơn, Hoàng thạch, mở rộng các nhà máy xi măng Hải phòng, Hà tiên và nhiều nhà máy địa phương. Chúng ta đã xây dựng nhiều nhà máy gạch, ngói công suất từ 7 triệu viên/năm đến 20 triệu viên/năm, nhà máy gạch chịu lửa 10 000 tấn/năm, nhiều nhà máy bê tông đúc sẵn, nhà máy ván ép. Các cơ sở công nghiệp hóa chất được chú ý xây dựng và mở rộng như su pe lân Lâm thao, pin Văn điển... Việc xây dựng hoặc mở rộng các cơ sở công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng được đặc biệt chú ý. Các nhà máy sợi Hà nội, Huế, Nha trang, giấy Bãi bằng, đường La ngà được xây dựng. Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng đông được mở rộng. Một số nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm cũng được xây dựng thêm, nhất là ở các địa phương.

Vốn đầu tư vào nông nghiệp và lâm nghiệp chiếm khoảng 1/5 vốn đầu tư của Nhà nước (1984: gần 1/4). Từ 1976 đến 1984 chúng ta đã khai hoang được 90 vạn ha, chủ yếu ở các tỉnh Tây nguyên và các vùng miền núi khác. Về thủy lợi, chúng ta xây dựng một số công trình lớn như: Kẻ gỗ, Thạch hãn, Dầu tiếng; nạo vét nhiều sông, kênh, đào mương; sửa chữa và xây dựng mới nhiều trạm bơm các loại, đưa diện tích được tưới nước tăng thêm 800 000 ha, diện tích được tiêu nước tăng thêm 330 000 ha. Số máy kéo thực tế đến nay đã có trên 40 000 chiếc, nếu quy ra máy tiêu chuẩn thì có trên 55000 chiếc. Về giao thông vận tải, đã xây dựng mới được hơn 238 km đường sắt, gần 3500 km đường ô tô, hàng chục kilô mét cầu các loại, trong đó có các cầu Thăng long, Chương dương, các cầu trên quốc lộ 1 ở miền Trung, đồng bằng sông Cửu long... đã và đang được xây dựng. Chúng ta cũng đã xây dựng sân bay quốc tế Nội bài, cảng Cửa lò, các cảng sông trên sông Hồng, sông Tiền, sông Hậu, mở rộng cảng biển Hải phòng; trang bị nhiều phương tiện vận tải mới, nhất là tàu biển. Các trung tâm nghiên cứu khoa học, các trạm trại nghiên cứu, thí nghiệm, nhiều cơ sở phục vụ các ngành thương nghiệp, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa đã được xây dựng.

Nguồn lao động dồi dào là một tiềm năng to lớn của nước ta. Chúng ta đã có nhiều biện pháp tổ chức, quản lý, sử dụng tốt lao động, phân bố lại lao động giữa các vùng, các ngành trong cả nước. Số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân tăng từ 18,4 triệu (1976) lên 23,1 triệu (1984); 92% lao động xã hội làm việc trong khu vực sản xuất vật chất. Đây là một tỷ lệ khá cao. Lao động trong nông nghiệp và lâm nghiệp tăng từ 12,2 triệu (1976) lên 15,7 triệu người (1984). Lực lượng lao động có kỹ thuật ở nước ta tăng nhanh chóng (kể cả trong khu vực kinh tế tập thể) từ 145 900 người có trình độ đại học trở lên năm 1976 đã tăng lên 265 500 người năm 1981, công nhân kỹ thuật cùng thời gian đó đã từ 1053500 người lên 1859200 người.

Trong những năm qua, chúng ta đã tiến hành xây dựng từng bước các ngành kinh tế—kỹ thuật, sắp xếp tổ chức lại sản xuất, phân công, phân cấp quản lý, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn, trên cơ sở bảo đảm sự phát triển theo quy hoạch, kế hoạch Nhà nước, bảo đảm sự cân đối giữa các ngành, phát huy các tiềm năng lao động, đất đai, năng lực sản xuất hiện có ở các vùng, các thành phần kinh tế, các cơ sở sản xuất và kinh doanh. Các xí nghiệp công nghiệp nhất là các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trung ương được sắp xếp lại sản xuất và phân cấp quản lý. Trong nông nghiệp



Digitized by Google

cũng có những điều chỉnh tương tự. Việc đưa dân đến các vùng kinh tế mới, vào đồng bằng sông Cửu long, Tây nguyên đã đạt kết quả bước đầu. Trong 4 năm (1981–1984) có tới 770 000 người đi xây dựng vùng kinh tế mới ngoài tỉnh và trong tỉnh.

Việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, quy hoạch huyện, trong những năm gần đây được đặc biệt chú ý, 65 huyện trọng điểm và nhiều huyện khác đã có quy hoạch tổng thể.

Cơ cấu kinh tế nước ta đã có những thay đổi. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, chiếm tới 63% tổng sản phẩm xã hội. Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương đều phát triển, nhưng kinh tế địa phương với năng lực sản xuất sẵn có, hoặc xây dựng mới (với vốn đầu tư không nhiều, thời gian xây dựng không dài), với vật tư nguyên liệu chủ yếu trong nước, hoặc khai thác tại chỗ, chiếm tỷ lệ khá lớn trong nền kinh tế quốc dân; riêng công nghiệp địa phương từ chỗ chiếm 56,1% giá trị sản lượng công nghiệp năm 1975, tăng lên trên 63,2% trong năm 1981. Các vùng kinh tế cũng bước đầu phát huy thế mạnh của mình, như các vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu long, Tây nguyên...

**Trong quá trình ổn định tình hình kinh tế – xã hội, nền kinh tế đã có những bước tiến quan trọng, tiến tới có những bước phát triển mới.**

Trong mười năm qua, nền kinh tế nước ta đã có những giai đoạn phát triển khác nhau, nếu ba năm đầu sau giải phóng, nền kinh tế phát triển nhanh, thì các năm 1979–1980 nền kinh tế nước ta bị giảm sút, nhưng từ 1981 đến nay, nền kinh tế nước ta vượt qua tình trạng sa sút đó, đang ổn định dần từng mặt, tiến tới những bước phát triển mới.

Thu nhập quốc dân năm 1984 tăng hơn 52% so với năm 1975. Mặc dù dân số vẫn còn tăng nhanh, nhưng thu nhập quốc dân bình quân đầu người vẫn cao hơn năm 1975. Sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu luôn luôn gặp thiên tai, nhưng vẫn tiếp tục phát triển, sản lượng lương thực năm 1984 đạt 17,9 triệu tấn (quy thóc); như vậy, từ 1981 đến nay, mỗi năm tăng bình quân trên 70 vạn tấn, còn thời kỳ 1976–1980 mỗi năm chỉ tăng khoảng 20 vạn tấn; bình quân lương thực đầu người từ 240kg (1975) lên xấp xỉ 310kg. Năng suất lúa bình quân cả năm 1984 đạt 27,4 tạ/ha – là năng suất cao nhất từ trước tới nay. Nếu như trước đây, miền Bắc có phong trào thi đua đạt 5 tấn thóc/ha trên diện tích 2 vụ lúa, thì năm 1983 đã có 10 tỉnh đạt năng suất lúa từ 6 tấn/ha trở lên, trong đó có 7 tỉnh đạt từ 6,5 đến 7 tấn/ha; 10 huyện đạt từ 7 tấn/ha trở lên, trong đó có 6 huyện đạt trên 10 tấn/ha; gần 300 xã đạt trên 8 tấn/ha. Sản lượng của hầu hết các cây trồng vượt năm 1975, đặc biệt là đậu tương, mía, day, cao su, lạc, thuốc lá, chè... Chăn nuôi cũng phát triển, năm 1984 ta có 2,5 triệu con trâu, 2,1 triệu con bò – bằng 1,6 lần năm 1975 và 11,7 triệu con lợn – bằng 1,3 lần năm 1975.

Với việc mở rộng phương thức giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, công tác trồng rừng, bảo vệ rừng, khai thác rừng đã được đẩy mạnh; từ 1976 đến 1981 chúng ta đã trồng được gần 90 vạn ha rừng, khai thác được trên 13 triệu $m^3$ gỗ tròn. Việc nuôi cá nước ngọt, đánh bắt cá biển gặp nhiều khó khăn, nhất là đánh bắt cá biển; sản lượng cá biển đạt được mức cao vào năm 1976 – tới 601 600 tấn –, sau đó giảm sút liên tục; nhưng đến năm 1983 đã bắt đầu tăng, năm 1984 đạt gần 560 000 tấn.

Sản xuất công nghiệp năm 1984 bằng 1,98 lần năm 1975, phát triển tương



Digitized by Google

đối đều trong các ngành công nghiệp; nhóm A bằng 175,5%, nhóm B bằng 212,6% năm 1975. Riêng giá trị sản lượng nhóm B năm 1984 lớn hơn giá trị sản lượng công nghiệp của cả nước năm 1976; điện đạt sản lượng gần 1,9 tỷ kWh (bằng 1,6 lần 1976); than-đá 5,2 triệu tấn; xi măng 1,3 triệu tấn, giấy gần 70 000 tấn, vải các loại 364 triệu mét.

Vận tải từ năm 1983 bắt đầu tăng, đạt trên 11,2 tỷ tấn ki lô mét hàng hóa luân chuyển, và trên 15,3 tỷ người/ki lô mét hành khách đi lại. Đặc biệt vận tải đường biển bằng 2,2 lần năm 1976; đường hàng không dân dụng cũng đạt được nhiều tiến bộ. Bên cạnh việc phát triển vận tải bằng phương tiện cơ giới, khối lượng vận tải bằng phương tiện thô sơ cũng có vị trí quan trọng, chiếm trên 21% khối lượng hàng hóa vận chuyển, và khoảng 6,0% khối lượng hàng hóa luân chuyển.

Công tác phân phối lưu thông ngày càng tiến bộ. Thị trường trong nước bắt đầu được chấn chỉnh, nhất là thị trường lương thực; nhiều loại nông sản khác thu mua được khá hơn. Mấy năm gần đây, mỗi năm Nhà nước thu mua được trên 3 triệu tấn lương thực (trong các năm 1976 — 1980 mỗi năm chỉ thu mua được khoảng 2 triệu tấn). Một số mặt hàng chủ yếu do thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán bán lẻ đều tăng so với năm 1975, như lương thực, năm 1983 bán lẻ tới 2,3 triệu tấn (quy gạo) bằng 123% năm 1975, các mặt hàng chủ yếu khác đều tăng hơn so với năm 1975.

Công tác ngoại thương cũng phát triển. Xuất khẩu năm 1984 đã bằng 4,9 lần năm 1975 và bằng 3,2 lần năm 1976. Nhiều mặt hàng xuất khẩu trong các năm 1983 — 1984 như cao su (35 nghìn tấn), lạc vỏ (45,2 nghìn tấn); chè, dứa, cam, chuối tươi, gỗ ván sàn, rau quả hộp, hàng mây, tre, cói... đều vượt các năm 1975 — 1976. Trị giá hàng xuất nhập khẩu với các nước xã hội chủ nghĩa trong tổng trị giá hàng xuất nhập khẩu đã từ 47,7% năm 1976 lên xấp xỉ 75% năm 1984 (mà hầu hết là với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế).

Ổn định và cải thiện từng bước đời sống của nhân dân là một trong những mục tiêu mà nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đã chỉ rõ, và được coi là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1981 — 1985. Ngoài việc phấn đấu giải quyết vấn đề ăn, mặc cho nhân dân, trong những năm qua chúng ta đã xây dựng được gần 7 triệu $m^2$ nhà ở các loại; phong trào « ngói hóa » ngày càng mở rộng ở nông thôn. Các mặt giáo dục, văn hóa, y tế đều phát triển. Về cơ bản ta đã thanh toán xong nạn không biết chữ trong cả nước; năm học 1984 — 1985 đã có hơn 13 triệu người đi học (trong đó có 130 000 học sinh đại học), tính chung gần 1/4 số dân Việt nam đi học ở tất cả các loại trường, lớp. Với tỷ lệ này, nước ta đứng vào loại cao trong các nước tham gia Hội đồng tương trợ kinh tế. Y tế là một ngành phát triển nhanh nhất, từ 141 600 giường bệnh năm 1975 tăng lên 205 100 giường năm 1983, số bác sĩ từ 8,1 nghìn người tăng lên 16 100 người. Việc xây dựng ba công trình vệ sinh phòng bệnh ở nông thôn phát triển nhanh, nhất là ở đồng bằng sông Cửu long; năm 1983 so với 1975 số giếng nước, hố xí hợp quy cách tăng hơn 2 lần, nhà tắm tăng 5 lần. Số sách xuất bản không tăng, nhưng sách trong các thư viện công cộng đã tăng từ 6,21 triệu bản lên 11,5 triệu bản. Số lượt xem phim bình quân 1 người dân đã từ 3,9 (1975) lên 5,5 (1983); năm 1976 cả nước có 206 rạp chiếu bóng và 689 đội chiếu bóng lưu động, năm 1983 có tới 302 rạp và 891 đội

*(Xem tiếp trang 65)*



Digitized by Google

# Mở rộng quyền chủ động sáng tạo của cơ sở trong xây dựng cơ bản

NGUYỄN VĂN TÂN

## I

NGHỊ quyết Hội nghị thứ 6 BCHTƯĐ (khóa V) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tệ quan liêu bao cấp, bảo thủ, trì trệ trong cơ chế quản lý kinh tế. Cũng như các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các ngành kinh tế khác, các cơ sở trong lĩnh vực xây dựng cơ bản đang chịu tác động xấu của những nhân tố tiêu cực trong cơ chế quản lý ấy. Hơn nữa, do tính đặc thù của chu trình đầu tư xây dựng cơ bản và tính chất liên ngành rộng rãi của lĩnh vực này, các cơ sở xây dựng càng bị ràng buộc bởi nhiều dây mối ở những tầng cấp khác nhau. Bởi vậy, yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và tháo gỡ sự trói buộc đối với xí nghiệp xây lắp không chỉ đặt ra ở một khâu hay một cấp quản lý nào, mà đặt ra chung cho cả hệ thống quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ kế hoạch hóa, tài chính, tín dụng, giá cả, sản xuất và cung ứng vật liệu đến quy định các chế độ đối với lao động.

Là đơn vị sản xuất kinh doanh cơ sở, nhưng xí nghiệp xây lắp (bao gồm xí nghiệp độc lập, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty, tổng công ty) lại được cơ quan quản lý cấp trên điều khiển chủ yếu bằng các biện pháp hành chính — tổ chức mang tính chất tác nghiệp. Xí nghiệp gần như mất tính năng động cần thiết của một cơ sở sản xuất, sinh ra ỷ lại và trông chờ cấp trên. Trong điều kiện đó, hạch toán kinh tế ở xí nghiệp chỉ là hình thức; còn thực thanh, thực chi — một phương thức đặc trưng của cơ chế bao cấp, là phổ biến và chi phối toàn bộ hoạt động kinh tế — tài chính của xí nghiệp.

Trong nhiều trường hợp, khi đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu về đầu tư xây dựng cơ bản thường chỉ chú trọng về chỉ tiêu số lượng, chưa chú trọng đến hiệu quả kinh tế, thường chỉ thấy trách nhiệm của đơn vị thiết kế và xây lắp mà không thấy hết vai trò các đơn vị tham gia quá trình đầu tư xây dựng, cũng như người tổ chức và quản lý bên ngoài quá trình đó. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm qua cho thấy rất nhiều trường hợp không thực hiện đúng kế hoạch khởi công và mục tiêu huy động công trình, theo đó là sự đảo lộn tổ chức lao động trên công trường, gây ra tổn thất về tiền vốn, vật tư, phá vỡ kỷ luật sản xuất và kỷ luật quản lý, chủ yếu là do khâu kế hoạch hóa và chuẩn bị đầu tư có nhiều thiếu sót.

Những thiếu sót của công tác chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng trước hết là thiếu sót của công tác kế hoạch. Và, chịu trách nhiệm về vấn đề đó không chỉ riêng hệ thống cơ quan kế hoạch các cấp mà là cả hệ thống quản lý kinh tế quốc dân. Hầu hết các công



Digitized by Google

trình trên hạn ngạch phải thi công từ 3 đến 7 năm hoặc hơn nữa, song chúng ta mới lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách Nhà nước theo từng năm. Các nguồn vốn tự có của địa phương, vốn huy động của nhân dân theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » chưa được cân đối và phản ánh đầy đủ vào kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội của đất nước. Tình trạng đến cuối quý I mới giao kế hoạch nhưng vẫn chưa có đủ đồ án thiết kế và dự toán xây lắp cho khối lượng cần làm trong năm; việc cung ứng vật tư « lệch pha » cả về thời gian, địa điểm, số lượng, chất lượng và giá cả... là những hiện tượng phổ biến, kéo dài. Hiện nay, còn hàng trăm công trình đang thi công cầm chừng và được cấp vốn nhỏ giọt vì những công trình đó chưa có luận chứng kinh tế — kỹ thuật, hoặc đã lập nhưng chưa được duyệt. Cơ quan tài chính, tín dụng được lệnh cấp vốn một cách miễn cưỡng và việc thanh toán, quyết toán lại kéo dài do phần lớn khối lượng đang làm chưa có đủ thiết kế và dự toán...

Vậy, trong điều kiện ấy người giám đốc đơn vị xây lắp cũng như ban quản lý công trình — tổ chức đại diện chủ đầu tư — phải làm gì và làm bằng cách nào để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh; để lao động có đủ việc làm, xí nghiệp có tiền thanh toán công nợ và trả lương đúng hạn cho công nhân; để tiến hành quản lý theo phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh có lãi?

Từ sau khi có nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Trung ương Đảng (khóa IV) ở nhiều tỉnh, thành phố, quận, huyện và cơ sở sản xuất kinh doanh đã hình thành nguồn vốn tự có và vốn do nhân dân đóng góp theo phương thức « Nhà nước và nhân dân cùng làm »; nhờ các nguồn vốn này, nhiều địa phương đã xây dựng được một số công trình có ích, tạo ra việc làm cho lao động xã hội, giải quyết nhu cầu cấp bách của sản xuất, đời sống nhân dân địa phương và góp phần đáng kể vào việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, từ định nghĩa về nguồn vốn tự có, đến phương thức huy động nguồn vốn đo nhân dân đóng góp và cơ chế quản lý, sử dụng các nguồn vốn ấy, đều phải được giải quyết trong đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản. Đồng thời, cần *làm rõ trách nhiệm và quyền hạn* của xí nghiệp xây lắp về kế hoạch hóa, về lao động và tài chính phù hợp với trình độ nền kinh tế quốc dân và phản ánh tính đặc thù trong sản xuất xây dựng.

## II

Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản được ban hành tháng 6 năm 1981 theo nghị định 232/CP của HĐCP đã xác định các nguyên tắc cơ bản trong quản lý xây dựng cơ bản. Căn cứ vào đặc điểm của sản xuất xây dựng, Điều lệ đã phân toàn bộ chu trình đầu tư xây dựng cơ bản thành ba giai đoạn vừa nối tiếp vừa xen kẽ nhau. *Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:* bao gồm điều tra cơ bản, lập dự án sơ bộ, thăm dò khả năng hợp tác quốc tế và kết thúc bằng luận chứng kinh tế — kỹ thuật công trình xây dựng. *Giai đoạn chuẩn bị xây dựng:* cụ thể hóa luận chứng kinh tế — kỹ thuật được thể hiện chủ yếu bằng đồ án thiết kế kỹ thuật và tổng mức vốn đầu tư cho công trình theo các định mức và chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật của Nhà nước. *Giai đoạn thi công:* xây lắp công trình, chạy thử, nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư, thực hiện thanh toán, quyết toán tiền vốn, vật tư và xác định giá trị tài sản cố định đưa vào nền kinh tế quốc dân.

Việc phân chia giai đoạn như vậy dựa trên kinh nghiệm nhiều năm của ta, đồng thời phản ánh quy trình công



Digitized by Google

nghệ có tính chất khách quan của sản xuất xây dựng, không phân biệt trình độ kỹ thuật thi công và mức độ công nghiệp hóa xây dựng. Nhưng giới hạn tương đối giữa các giai đoạn, mức độ xen kẽ các loại công việc của giai đoạn trước và giai đoạn sau nhiều hay ít lại tùy thuộc vào trình độ phát triển khoa học kỹ thuật xây dựng cơ bản, trình độ công nghiệp hóa xây dựng và trình độ tổ chức quản lý của chúng ta, đồng thời cũng tùy thuộc vào đặc điểm của từng loại công trình và quy mô của nó.

Việc làm ra sản phẩm xây dựng — công trình rất đa dạng về công việc, rộng rãi về liên ngành (cả nước ngoài) cho nên cũng rất phức tạp về phân công và hợp tác. Bởi vậy, trong việc đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản cần xác định có căn cứ khoa học trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích của các ngành, các cấp để tạo ra một hệ thống quản lý thông suốt và nhịp nhàng, có hiệu lực mạnh mẽ và hiệu quả cao, quản lý được cơ sở và phục vụ tốt cơ sở; đó là một yêu cầu có tính bao quát.

Đơn vị cơ sở trong xây dựng cơ bản là các tổ chức khảo sát, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình, các đơn vị xây lắp và các tổ chức cung ứng vật tư. Để tiến hành xây dựng công trình theo trình tự, đúng tiêu chuẩn, quy phạm, định mức kinh tế — kỹ thuật và thời gian, phải hình thành hệ thống tổ chức quản lý có tính cộng đồng trách nhiệm giữa các đơn vị cơ sở đối với mục tiêu xây dựng công trình nhanh, tốt và chi phí hợp lý. Yêu cầu cải tiến quản lý ở các ngành, các cấp, một mặt, phải tháo gỡ những trở ngại do tệ quan liêu bao cấp gây ra, bảo đảm cho cơ sở có quyền hạn tương ứng với trách nhiệm; mặt khác phải khắc phục và ngăn ngừa tình trạng vô tổ chức vô kỷ luật, đồng thời chú trọng phát triển các mối liên hệ trực tiếp giữa các cơ sở với nhau.

Chúng ta không thể chấp nhận sự hình thành một thượng tầng không cần thiết như các cơ quan trung gian trong bộ máy của các ngành ở trung ương, ở tỉnh, thành phố (và chừng mực nào đó đối với một số hình thức liên hiệp sản xuất toàn quốc mang tính chất «tiểu ngành» trong một số bộ) đang nắm giữ mọi quyền hạn về tổ chức sản xuất kinh doanh của cơ sở trực thuộc, biến cơ sở, một đơn vị kinh tế có tư cách pháp nhân, thành đơn vị «đi xin» vật tư và tài chính vì không còn thực quyền dựa trên cơ sở nắm vật tư, tài chính và quản lý lao động.

Nội dung mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của các cơ sở trong xây dựng cơ bản có rất nhiều vấn đề đặt ra cho các cơ quan chức năng của Nhà nước ở trung ương cũng như ở tỉnh, thành phố phải giải quyết. Vấn đề hàng đầu và cấp bách là phải *cải tiến công tác kế hoạch hóa* theo hướng khai thác tốt tiềm năng của cơ sở, ngành, địa phương, và bao khắp các mặt công tác xây dựng cơ bản trong cả ba giai đoạn. Để cho cơ sở được quyền chủ động trong việc lập kế hoạch, làm căn cứ ký hợp đồng xây lắp và cung ứng vật tư, tiến hành chuẩn bị xây dựng, các cơ sở phải phát biểu về mức kế hoạch, điều kiện cần và đủ cho việc thực hiện kế hoạch, trong đó, có phần cơ sở tham gia cân đối trong chỉ tiêu pháp lệnh và cấp trên trực tiếp phải giao kế hoạch cho cơ sở sớm hơn và ổn định từng năm. Cần khớp các loại kế hoạch khảo sát, thiết kế, xây lắp; xây lắp là khâu trung tâm của kế hoạch hóa xây dựng cơ bản. Việc lập, duyệt và giao kế hoạch cho cơ sở phải được đồng bộ giữa cơ quan chủ quản đầu tư, cơ quan chủ quản nhận thầu và cung ứng, vận tải; phải cải tiến kế hoạch hóa ngành và kế hoạch hóa đơn vị hành chính — lãnh thổ, tiến tới thực hiện kế hoạch hóa tổng hợp về xây dựng cơ bản ngành — lãnh thổ.



Digitized by Google

Vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong cải tiến phương pháp kế hoạch hóa bằng sự kết hợp chặt chẽ tính pháp lệnh và tính năng động được thể hiện trong việc thay đổi hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh. Rút gọn các chỉ tiêu pháp lệnh và bổ sung các chỉ tiêu hướng dẫn nhằm đề cao trách nhiệm của chủ đầu tư đối với hiệu quả đồng vốn và tạo cho xí nghiệp xây lắp khả năng tự chủ về tài chính, sản xuất kinh doanh có lãi, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Để nâng cao trình độ kế hoạch hóa của cơ sở, cơ quan chủ quản phải định kỳ đánh giá tiềm năng thực tế của cơ sở. Cần khắc phục việc gò ép cơ sở nhận kế hoạch vượt quá khả năng, không cân đối với điều kiện thực hiện và đề phòng tình trạng cơ sở « găm » khả năng lại để làm ngoài kế hoạch. Cơ quan quản lý cấp trên phải tạo cho cơ sở khả năng tiếp cận phương pháp kế hoạch hóa mới, chủ động, khuyến khích các cơ sở phát triển các mối liên hệ thẳng giữa các đơn vị thuộc các ngành trên vùng lãnh thổ, phương hướng tạo ra những nhân tố phát triển chiều sâu, tổ chức hợp lý quá trình sản xuất xây dựng, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được cấp.

*Đổi mới cơ chế tài chính, tín dụng* là đòi hỏi rất cấp bách, nhất là đối với tổ chức xây lắp. Mặc dù thời gian gần đây công tác tài chính và tín dụng trong đầu tư xây dựng cơ bản đã có sửa đổi, bổ sung, nhưng chưa đủ để cho các cơ sở được chủ động về tài chính và thực hiện hạch toán kinh tế. Một số nội dung trong các chính sách, chế độ giữa tài chính và tín dụng bộc lộ sự thiếu nhất quán và không cụ thể. Chức năng quản lý của hệ thống tài chính và ngân hàng có chỗ còn trùng lắp và chưa rõ ràng, gây cho cơ sở nhiều vướng mắc, đồng thời, tạo ra những sơ hở lớn về cấp phát và thanh toán như cho vay và trả nợ không theo kế hoạch, sử dụng tiền mặt không đúng quy định ; trong các nhà thầu và tổ hợp xây dựng, tình trạng « chui lót » xảy ra phổ biến.

Bởi vậy, yêu cầu cải tiến chế độ tài chính, tín dụng xây dựng cơ bản là phải giải quyết các vấn đề thiết yếu đang ràng buộc các cơ sở như : cơ chế về quản lý, sử dụng vốn tự có, vốn huy động của nhân dân vào đầu tư xây dựng cơ bản. Cải tiến phương thức cấp vốn, cho vay và rút tiền không gây phiền hà cho cơ sở. Cần nâng tỷ lệ lợi nhuận định mức và phần để lại cho xí nghiệp, đồng thời quy định chế độ trích lập các quỹ xí nghiệp theo hướng ưu tiên quỹ phát triển sản xuất, đổi mới kỹ thuật và không hạn chế quỹ tiền thưởng. Áp dụng phương thức cho vay đối với khối lượng xây dựng dở dang của các tổ chức xây lắp trên cơ sở xác định định mức khối lượng dở dang cho từng đối tượng. Đồng thời, xác định lại định mức vốn lưu động cho phù hợp với tình hình cung ứng vật tư, áp dụng mức lãi tín dụng, khuyến khích cơ sở cải tiến tổ chức sản xuất, tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động. Cải tiến phương thức thanh toán sản phẩm xây dựng hoàn thành, ban hành quy định « điểm dừng kỹ thuật » làm căn cứ thanh toán đối với công trình có dạng phức tạp và xây dựng nhiều năm, khắc phục tình trạng cơ sở thiếu vốn hoạt động do thanh toán chậm trễ gây ra. Để khuyến khích tổ chức khảo sát và xây lắp sử dụng tài sản cố định có hiệu quả cao, duy trì và đổi mới kỹ thuật phù hợp với bước đi công nghiệp hóa xây dựng, nên để lại cho cơ sở phần lớn vốn khấu hao cơ bản và thu thuế trên giá trị tài sản cố định.

Song song với việc đổi mới cơ chế tài chính và tín dụng, phải *cải tiến công tác định giá, lập dự toán và thanh toán quyết toán trong xây dựng*



Digitized by Google

*cơ bản*. Để bảo đảm chi phí hợp lý, loại trừ các « chi phí tiêu cực » trong dự toán xây lắp, phản ánh đúng đắn hao phí lao động xã hội cần thiết trong giá thành công trình, phải đề cao trách nhiệm của tổ chức thiết kế để lập dự toán cho chính xác, đồng thời gắn trách nhiệm của bên nhận thầu đối với công việc này để dự toán sát với điều kiện thi công ở hiện trường. Trong điều kiện nguồn cung ứng vật tư cho xây dựng còn chưa ổn định, giá cả còn biến động, phải áp dụng các biện pháp đặc biệt trong quản lý giá, bảo đảm giữ nghiêm kỷ luật giá, đồng thời cho phép được bù giá trong phạm vi quy định.

Để tổ chức nhận thầu có thời gian chuẩn bị xây dựng, đối với những công trình lớn, phức tạp về kỹ thuật thi công, khi lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật, tổng thầu xây lắp được tham gia những điều mục liên quan đến nhập vật tư, thiết bị thi công, địa điểm công trình và những vấn đề khác.

Để nâng cao và ràng buộc trách nhiệm giữa chủ đầu tư và nhận thầu xây lắp, đơn vị nhận thầu xây lắp có quyền từ chối không ký hợp đồng nếu chủ đầu tư chưa có các điều kiện cần và đủ. Trường hợp phải ký hợp đồng khi chưa có đủ các điều kiện thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư giải quyết, thì đơn vị nhận thầu được chủ đầu tư thanh toán những chi phí do thiếu các điều kiện đó gây nên. Việc ban hành *quy chế giao thầu và nhận thầu xây lắp* nhằm xác định quan hệ trách nhiệm và quyền hạn của các bên có liên quan đang là vấn đề cấp thiết.

*Cần áp dụng rộng rãi chế độ làm khoán trong xây dựng cơ bản*, xem đây là biện pháp quản lý có hiệu quả vì nó cho phép phát huy một cách thiết thực vai trò làm chủ tập thể của người lao động trong sản xuất và phân phối kết quả lao động.

Muốn thực hiện có kết quả hình thức khoán và trả lương theo sản phẩm cuối cùng, cần hợp lý hóa tổ chức lao động ở cơ sở và kiện toàn các đội nhận khoán. Hình thức khoán tiến bộ trong xây dựng là khoán gọn hạng mục công trình hoặc công trình nhỏ; ngoài ra, có thể áp dụng khoán theo giai đoạn xây lắp; khoán theo dây chuyền sản xuất xây dựng. Cần áp dụng khoán cả tiền lương, các loại chế độ phụ cấp theo lương, các chi phí quản lý cho đơn vị nhận khoán và có chế độ thưởng, phạt để khuyến khích từng người và tập thể lao động quan tâm đến kết quả cuối cùng.

## III

Vấn đề nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị cơ sở trong xây dựng cơ bản tùy thuộc vào kết quả *sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, chấn chỉnh sự phân công, phân cấp quản lý xây dựng cơ bản và kiện toàn bộ máy quản lý xây dựng cơ bản ở các ngành, các cấp.*

Để cho các cơ sở trong xây dựng cơ bản có thể vươn lên thực hiện có kết quả nhiệm vụ đầu tư xây dựng công trình, việc sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, cải tiến phân công, phân cấp và chấn chỉnh bộ máy quản lý xây dựng cơ bản ở các ngành các cấp trong những năm trước mắt phải đạt được mấy yêu cầu:

*Một là*, áp dụng nguyên tắc phân công xây lắp theo chuyên ngành kết hợp với quản lý trên lãnh thổ; trên các khu vực xây dựng tập trung hình thành tổ hợp khảo sát, thiết kế, xây lắp và cung ứng, vận tải, đồng thời khắc phục tình trạng có quá nhiều cơ sở thuộc nhiều ngành khác nhau (trung ương và địa phương) có công việc trùng nhau. Tiến tới áp dụng mô hình giao cho một tổ chức có chức năng quản lý đầu ngành trên vùng để phối hợp các loại công tác xây dựng



Digitized by Google

theo «nước chảy» và mở rộng các mối liên hệ vùng giữa các đơn vị cơ sở của trung ương và của địa phương với nhau.

*Hai là*, song song với củng cố một số chuyên ngành xây lắp trung ương, cần đẩy mạnh phân cấp cho tỉnh và thành phố về chức năng quản lý xây dựng cơ bản và về nhiệm vụ xây lắp phù hợp với trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đời sống xã hội trên lãnh thổ. Với các trách nhiệm được giao: quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý đất xây dựng, quản lý kiến trúc và môi trường sinh thái, quản lý và khai thác công trình đô thị, đơn giá, cung ứng vật liệu tại chỗ, công tác dịch vụ sinh hoạt v.v. chính quyền địa phương có vai trò rất lớn về mặt quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách kinh tế — kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng cơ bản mà không một bộ, ngành nào có thể làm thay được.

Việc xác định mô hình tổ chức sản xuất xây dựng trên đơn vị hành chính — lãnh thổ (tỉnh, huyện, xã) là vấn đề đã chín muồi. Quan tâm củng cố và phát triển đúng mức lực lượng xây lắp của Nhà nước ở tỉnh và huyện, nhất là các địa phương vùng Tây nguyên và đồng bằng sông Cửu long, để có lực lượng làm nòng cốt trong việc kết hợp sử dụng và cải tạo các nhà thầu làm công việc xây dựng, cũng như trong việc giúp đỡ các hợp tác xã xây dựng.

*Ba là*, từng bước, tạo thế ổn định cho sự phát triển có kế hoạch năng lực xây lắp của các chuyên ngành trung ương và lực lượng quốc doanh địa phương theo nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản trong thời gian tới. Trên cơ sở các tổ chức hiện có như: công ty, tổng công ty, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp khảo sát, xây lắp của các bộ và địa phương, cần định hình hóa đơn vị sản xuất xây dựng theo loại công tác xây lắp của từng chuyên ngành và nhu cầu xây dựng của mỗi địa phương.

Nghiên cứu hoàn thiện các hình thức liên hiệp sản xuất và xúc tiến thử nghiệm liên hiệp khoa học — sản xuất trong xây dựng.

*Bốn là*, sắp xếp và kiện toàn các cơ sở công nghiệp trong xây lắp (sản xuất cấu kiện thép, bê tông, gỗ...) nhằm phát huy hết công suất tương đối lớn của các cơ sở này. Chấn chỉnh tổ chức quản lý xe, máy và thiết bị thi công, phân công hợp lý giữa các bộ và địa phương để phối hợp sử dụng và sửa chữa trên từng vùng. Sắp xếp lại mạng lưới cơ khí xây dựng trong các ngành và địa phương theo quy hoạch, có phân công, phân cấp hợp lý để tạo điều kiện cho lực lượng cơ khí chuyên ngành xây dựng vươn lên đáp ứng nhu cầu sửa chữa xe máy, thiết bị thi công và sản xuất công cụ thông thường.

Trình độ hoàn thiện và sức sống của một hệ thống quản lý kinh tế cuối cùng do nhân tố con người trong hệ thống đó quyết định. Bởi vậy, việc áp dụng các chính sách và biện pháp quản lý, trước hết phải nhằm phát huy tính chủ động và năng lực quản lý của các cấp, nhất là cơ sở, nơi trực tiếp làm nên những công trình thuộc cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Ở đây, động lực của người lao động phải được tạo ra bằng sự khuyến khích bằng lợi ích vật chất, giáo dục chính trị và bồi dưỡng khả năng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chính sách đãi ngộ về vật chất và chăm lo đời sống tinh thần đối với lao động xây dựng cơ bản hiện nay chưa đủ sức khuyến khích lao động có chất lượng cao, chưa giáo dục tốt tinh thần yêu nghề và không thuận lợi cho việc thu hút lao động xã hội, nhất là thanh niên vào mặt trận kinh tế quan trọng này.



Digitized by Google

# Một số ý kiến về mối quan hệ giữa cải tạo thị trường và phân phối lưu thông

NGUYỄN MẠI

## I

Thị trường tồn tại một cách khách quan gắn với sự tồn tại và phát triển của sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa. Thị trường là lĩnh vực cụ thể của lưu thông hàng hóa, là tổng hợp các điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội.

« Vấn đề thị trường » thực chất là vấn đề sản phẩm sản xuất ra được thực hiện như thế nào, tức là phải tìm thấy trên thị trường một bộ phận khác có thể trao đổi với bộ phận này của sản phẩm xã hội về mặt giá trị sử dụng và về mặt giá trị.

Phạm trù kinh tế thị trường có quan hệ hữu cơ với phạm trù kinh tế hàng hóa, chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế của sản xuất và lưu thông hàng hóa, như quy luật giá trị, quy luật cung — cầu... Nhưng, sản xuất hàng hóa cũng như thị trường trong mỗi nước lại đồng thời chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế của bản thân phương thức sản xuất của nước đó. Nếu tuyệt đối hóa một trong hai loại quy luật kinh tế — của sản xuất hàng hóa và của từng phương thức sản xuất — thì hoặc là phủ nhận tính phổ biến, những yêu cầu chung của sản xuất và trao đổi hàng hóa, hoặc là phủ nhận tính đặc thù của sản xuất và trao đổi hàng hóa trong từng phương thức sản xuất. Lịch sử phát triển của kinh tế xã hội chủ nghĩa đã ghi nhận những tác hại của cả hai khuynh hướng sai lầm đó đối với sản xuất và tiêu dùng.

Những đặc điểm cơ bản của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế — xã hội khác nhau và một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn phổ biến với kỹ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp, phân công lao động xã hội chưa được mở rộng..., đã biểu hiện rõ nét trên thị trường.

Trên thị trường đang *diễn ra gay gắt cuộc đấu tranh giai cấp* giữa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với thương nghiệp tư nhân mà chính bọn đầu cơ tích trữ và tư sản thương nghiệp là đối tượng; giữa việc thiết lập sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa và hoạt động phá hoại từ bên trong và bên ngoài chống lại sự kiểm kê, kiểm soát đó.

Trong những năm gần đây, trên thị trường nước ta đã diễn ra *một trạng thái không bình thường* của quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội: tỷ trọng



Digitized by Google

của thị trường có kế hoạch (1) giảm sút rõ rệt, trong khi đó thị trường không có kế hoạch có xu hướng mở rộng, nạn đầu cơ, buôn lậu, kinh doanh trái phép trở thành hiện tượng phổ biến.

Ở miền Bắc, sau khi cơ bản hoàn thành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa (1960), thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán đã chiếm gần 90% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ của thị trường xã hội. Cuối năm 1983, con số đó chỉ trên 60%, đó là một bước thụt lùi rõ rệt.

Ở miền Nam, cuối năm 1978, sau ba năm phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và cải tạo thương nghiệp tư nhân, thị trường có kế hoạch đã chiếm được 30% tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ của thị trường xã hội. Con số đó, hầu như không thay đổi cho đến cuối năm 1983.

Trên nhiều lĩnh vực kinh doanh như ăn uống, dịch vụ, thực phẩm tươi sống, hàng nông sản khô, hàng công nghệ phẩm là quà biếu và do lao động từ nước ngoài gửi về... thương nghiệp tư nhân còn chi phối mạnh mẽ hoạt động của thị trường.

Hiện nay cả nước có từ 1,2 đến 1,5 triệu tư thương, trong khi đó thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có khoảng 30 vạn người lao động. Những con số này nói lên hai điều bất hợp lý: một là, trong tình hình sản xuất và tiêu dùng như hiện nay, gần 3% số dân và 6,5% sức lao động xã hội hoạt động trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa là quá thừa; hai là, sự so sánh lực lượng giữa hai bên rõ ràng là không lợi cho chủ nghĩa xã hội, nếu tính riêng số lao động trực tiếp bán hàng và thu mua trong bộ máy thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (thường chiếm khoảng 40% tổng số lao động) là 12 — 13 vạn người, thì chỉ bằng 10% số tư thương (vì phần lớn đều trực tiếp kinh doanh).

Từ khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, sự mở rộng giao lưu hàng hóa giữa hai miền đã góp phần kích thích sản xuất và tiêu dùng ở từng địa phương. Điều đó thể hiện rõ nét trên thị trường Hà nội: sự đòi hỏi cao hơn của người tiêu dùng đối với số lượng, chất lượng, kiểu mốt và cơ cấu hàng hóa; tính năng động của người sản xuất để thích nghi với sự biến đổi của thị trường v.v. Tuy vậy, mặt trái của vấn đề thường lại nổi lên như là một hiện tượng có tính thời sự và cấp bách phải được giải quyết: nạn đầu cơ buôn lậu phát triển với những thủ đoạn tinh vi hơn; nhiều tư sản không kinh doanh công nghiệp mà hoạt động thương nghiệp và dịch vụ dưới nhiều hình thức.

Hiện nay, tư sản thương nghiệp đang sử dụng tiền thương để tranh mua, tranh bán với thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chúng tạo lập quan hệ kinh tế trực tiếp với nông dân, thợ thủ công và mọi hàng từ trong một số xí nghiệp quốc doanh, lợi dụng chênh lệch giá để buôn bán đường dài, mua bán trao tay và đầu cơ tích trữ. Chúng dùng các thủ đoạn bất chính và phi pháp để kiếm những món lãi kếch sù. Bọn phản động trong nước câu kết với bọn phản động ngoài nước lợi dụng việc buông lỏng quản lý và kiểm soát thị trường để thực hiện mục tiêu phá rối thị trường, làm suy yếu nền kinh tế nước ta.

Thị trường nước ta hiện nay và trong một số năm sắp tới vẫn còn tình trạng *cung không kịp cầu*, nhiều loại nhu cầu thiết yếu về đời sống vẫn chưa được thỏa mãn ở mức tối thiểu. Tình trạng đó có nguyên nhân sâu xa

(1) Chúng tôi gọi bộ phận thị trường do thương nghiệp xã hội chủ nghĩa kinh doanh là thị trường có kế hoạch, còn bộ phận đối lập với nó là thị trường không có kế hoạch, thay cho cách nói phổ biến hiện nay là thị trường có tổ chức và thị trường tự do, để cho chính xác hơn. (N.M.)



Digitized by Google

từ sản xuất và tiêu dùng trong một nền kinh tế còn chưa phát triển, lại phải khắc phục hậu quả của cuộc chiến tranh lâu dài. Tình trạng đó trở nên nghiêm trọng hơn do những khuyết điểm trong tổ chức sản xuất, xử lý mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trên các lĩnh vực như xuất nhập khẩu, giá cả, ngân sách..., cũng như trong việc tổ chức lưu thông hàng hóa, mà sự rối ren lại xảy ra chính trên thị trường có kế hoạch.

Những trạng thái như vậy của thị trường được biểu hiện bằng tốc độ tăng giá cả hàng hóa rất nhanh; gây ra những đảo lộn trong trật tự kinh tế—xã hội. Trong đó đặc biệt nổi lên là vấn đề phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư rất không hợp lý: những người lao động mà nguồn thu nhập chính là tiền lương thì không được bảo đảm có mức sống tối thiểu. Nông dân lao động tuy mức sống nói chung chưa cao, nhưng nhờ sự tăng liên tục giá thu mua nông sản, thực phẩm của Nhà nước (và cả trên thị trường không có kế hoạch) cho nên thu nhập bằng tiền của họ tăng lên rõ rệt. Tầng lớp có mức thu nhập cao, nhất là tư thương, bọn làm ăn phi pháp, đầu cơ buôn lậu, thì thu nhập của họ tăng lên theo mức độ sử dụng các thủ đoạn phi pháp và bất lương (2).

## II

Trong nhiều năm qua, một tình trạng được lặp đi lặp lại là cứ mỗi lần tiến hành cải tạo và quản lý thị trường thì thị trường có vẻ trở nên tiêu điều và, như một hiện tượng tự nhiên, đến một lúc nào đó, tư thương lại phát triển, cạnh tranh với thương nghiệp xã hội chủ nghĩa...; do vậy buộc chúng ta phải thường xuyên xử lý vấn đề thị trường như một vấn đề kinh tế—xã hội cấp bách.

Cho nên để bảo đảm thắng lợi hoàn toàn của cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa, cần chú ý các vấn đề cơ bản sau đây:

*Một là*, công cuộc cải tạo và xây dựng thị trường phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các vấn đề kinh tế—xã hội trong chặng đầu của thời kỳ quá độ, phải gắn liền với cải tạo và xây dựng trong nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp. Hai loại công việc đó vừa phải tiến hành đồng thời, vừa phục vụ và thúc đẩy lẫn nhau và *phải thường xuyên được xử lý như là một hệ thống*, chứ không được phép cô lập, thậm chí đối lập nhau.

*Hai là* trong khi cải tạo và xây dựng thị trường phải luôn luôn chú ý đến hiệu quả kinh tế, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và từng bước cải thiện đời sống nhân dân lao động. Sẽ trở nên vô nghĩa, nếu như thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chỉ chú ý tỷ trọng chiếm lĩnh thị trường xã hội, bởi vì điều đó có thể được thực hiện bằng cách thu hẹp hoạt động trao đổi trên thị trường. Hướng chính là phải gắn thị trường với sản xuất và tiêu dùng, phải làm cho thị trường luôn luôn mở rộng để phù hợp với yêu cầu về mức độ và chiều sâu của sản xuất và tiêu dùng.

*Ba là*, cải tạo và xây dựng là hai loại công việc có liên quan chặt chẽ với nhau, trong đó luôn luôn phải lấy xây dựng làm chính. Vấn đề đặt ra hiện nay là làm sao để thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thay thế được và thay thế có hiệu quả hoạt động của tư

(2) Theo tài liệu điều tra, ở Hà nội có nhiều hộ kinh doanh vải đã có doanh số hằng tháng 1 triệu đồng. Họ thường nộp thuế theo doanh số đăng ký chỉ bằng 1/4 hoặc 1/5 doanh số thực thu. Nếu tính tỷ lệ lãi chỉ là 10% (chắc chắn là thấp hơn thực tế) thì số hộ này hằng tháng có thu nhập khoảng 100 — 120 nghìn đồng. Hàng nghìn hộ có thu nhập hằng tháng 50 — 60 nghìn đồng.



Digitized by Google

thương. Điều đó chỉ có thể được giải quyết khi hệ thống tổ chức được bố trí hợp lý hơn, số lượng cán bộ thương nghiệp được tăng lên và cơ cấu lao động thương nghiệp được phân bố hợp lý, mối quan hệ giữa thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, cũng như giữa các hệ thống thương nghiệp thuộc các bộ khác nhau được xử lý tốt, và có một cơ chế kinh doanh thích hợp với thực tế nước ta, cho phép thương nghiệp xã hội chủ nghĩa xuất hiện trên thị trường như là những binh chủng mạnh mẽ, đủ sức khống chế mọi hoạt động của thị trường.

*Bốn là*, việc cải tạo và xây dựng thị trường đòi hỏi Nhà nước phải có thái độ đối xử nhất quán đối với các đối tượng tham gia thị trường, thông qua các chính sách thị trường, bao gồm thuế và thu nhập, giá cả, tiền tệ và thanh toán, quản lý hàng hóa, cũng như các phương thức và hình thức thích hợp để cải tạo từng ngành hàng trên từng vùng lãnh thổ.

Trên cơ sở những vấn đề đó, công cuộc cải tạo và xây dựng thị trường đòi hỏi từng cấp ủy Đảng và chính quyền phải điều hành một cách cụ thể, đặc biệt là về *hình thức cải tạo và bước đi* trong việc sắp xếp từng ngành hàng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương. *Vấn đề có tính nguyên tắc là phải thống nhất về quan điểm* đối với cuộc đấu tranh liên tục bằng pháp luật Nhà nước, chống đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, và việc xóa bỏ nhanh tư sản thương nghiệp bằng mọi biện pháp có thể áp dụng được, vì xét trên tất cả mọi khía cạnh của tình hình, thì hoạt động của tư sản thương nghiệp chỉ làm rối loạn thị trường và gây ra tiêu cực cả về kinh tế và xã hội. Bọn đầu cơ tích trữ và tư sản thương nghiệp đang lôi kéo tầng lớp trung gian, nhất là những người buôn bán nhỏ để chống lại sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Do vậy, vấn đề cơ bản và quan trọng bậc nhất để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giai cấp này là Nhà nước xã hội chủ nghĩa với sức mạnh to lớn về kinh tế và quyền lực của hệ thống chuyên chính vô sản, cần phải và có thể thông qua hàng loạt chính sách và biện pháp, lôi kéo các phần tử trung gian đi theo hướng xã hội chủ nghĩa, cô lập đối tượng của cuộc đấu tranh, tiến công liên tục cho đến khi giành được thắng lợi quyết định, xác lập được ưu thế tuyệt đối của chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực thị trường.

Khó nhất trong việc cải tạo thị trường là *chính sách đối với tiểu thương*. Hiện nay, tiểu thương có số lượng quá đông và cơ cấu rất phức tạp (3), trong lúc sức lao động xã hội đang có hiện tượng thừa, do đó việc chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, ở những địa phương có điều kiện mở rộng sản xuất, phát triển thêm các ngành nghề trong công nghiệp và thủ công nghiệp, hoặc còn diện tích để khai hoang thì cần coi đây là hướng chính của việc cải tạo tiểu thương. Về lâu dài, trong các kế hoạch 5 năm sắp tới, cả ở trung ương và địa phương, cần phải đem số tiểu thương vào cân đối lao động xã hội trên từng địa bàn, để có những biện pháp thiết thực chuyển họ sang sản xuất. Một hướng quan trọng để cải tạo tiểu thương là *chuyển họ sang lao động trong lĩnh vực dịch vụ*, để mở rộng nhanh chóng những dịch vụ do xã hội đảm nhiệm, bằng những hình thức tổ chức thích hợp, vừa bảo đảm cho họ có được mức thu nhập tương ứng với trình độ nghề nghiệp và hao phí lao động

(3) Nếu trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trước đây (1958 — 1960), tầng lớp tiểu thương tương đối thuần nhất, thì hiện nay cơ cấu xã hội của tiểu thương rất phức tạp, nhiều cán bộ về hưu, nhiều gia đình có con em là cán bộ, bộ đội cũng tham gia buôn bán.



Digitized by Google

của họ, vừa tăng cường sự kiểm soát của Nhà nước đối với thị trường.

Kinh nghiệm ở nhiều địa phương đã khẳng định sự cần thiết phải áp dụng những *hình thức quá độ* trong cải tạo tiểu thương. Đó là các hình thức liên doanh giữa một tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với một số đối tượng nhất định trong những ngành hàng, mà bản thân tiểu thương còn cần thiết cho việc khai thác luồng hàng hoặc phân phối hàng hóa. Việc lựa chọn phương thức liên doanh tùy thuộc vào từng ngành, nghề ở từng địa phương, nhưng về nguyên tắc, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải giữ địa vị lãnh đạo và phải biết hướng tất cả các hình thức quá độ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Vì thế, khi áp dụng các hình thức quá độ trong cải tạo tiểu thương, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần tạo ra mọi tiền đề để thực hiện việc chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất và sang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

Công cuộc cải tạo thị trường đang đặt ra sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp kinh tế, giáo dục và hành chính một cách tổng hợp. Cũng như những vấn đề kinh tế khác, vấn đề cơ bản của hoạt động thị trường, là sức mạnh về kinh tế. Thắng lợi của cuộc cải tạo thị trường phụ thuộc trực tiếp vào việc Nhà nước nắm hàng và tiền, cũng như vào việc thương nghiệp quốc doanh sử dụng hợp lý lực lượng vật chất của mình, có tính toán đến yêu cầu của thị trường. Chính vì vậy mà việc sắp xếp lại trật tự ngay trong nội bộ thị trường có kế hoạch, sửa đổi những gò bó về chính sách và cơ chế kinh doanh để thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, bao gồm cả quốc doanh và tập thể, nắm được và điều phối một cách chủ động quan hệ hàng—tiền, quan hệ cung — cầu trên thị trường, là một yêu cầu bức thiết.

Cùng với việc đặt biện pháp *kinh tế* lên hàng đầu, phải hết sức coi trọng biện pháp *giáo dục* các lực lượng tham gia thị trường, động viên phong trào quần chúng, nhất là phụ nữ, tham gia đấu tranh cải tạo và quản lý thị trường, cũng như tham gia giám sát và kiểm tra hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; đồng thời phải áp dụng đúng lúc biện pháp *hành chính* để xử lý mọi sự vi phạm các quy tắc và thể lệ quản lý thị trường, kể cả việc áp dụng những hình phạt nặng nhất đối với bọn đầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường.

## III

Việc cải tạo thị trường có liên quan chặt chẽ với việc thực hiện những nhiệm vụ của các ngành kinh tế trong các lĩnh vực phân phối và lưu thông.

Tiền tệ — hàng hóa — giá cả là ba yếu tố cơ bản của thị trường, chúng vận động trong mối quan hệ qua lại, phụ thuộc lẫn nhau. Quan hệ cung cầu hàng hóa biến động kéo theo sự thay đổi mức giá và quan hệ tỷ giá giữa các loại hàng; ngược lại, sự biến động giá cả thị trường làm thay đổi theo những khuynh hướng khác nhau quan hệ cung — cầu hàng hóa. Do vậy, các ngành kinh tế có chức năng lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ phải nắm được tính quy luật về hoạt động của cung — cầu hàng hóa, quan hệ tiền — hàng — giá cả, để chủ động trong việc điều tiết thị trường xã hội.

Một tình hình đáng quan tâm hiện nay là sự tách rời nghiêm trọng giữa lưu thông hàng hóa với lưu thông tiền tệ, vòng quay của tiền tệ chậm dần, năm 1981 chỉ bằng 1/2 của năm 1980, khối lượng tiền tệ được phát hành tăng lên nhiều, trong khi đó Nhà nước không kiểm tra được sự phân



Digitized by Google

bố tiền tệ trong các tầng lớp dân cư, hiện tượng tiền tệ thoát ra khỏi lưu thông với một khối lượng ngày càng lớn đang trở thành một áp lực mạnh mẽ đối với thị trường.

Trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay, việc tăng với một mức độ nhất định lượng tiền phát hành là cần thiết và cũng khó tránh khỏi tình trạng tạm thời gây nên sự mất ổn định trên thị trường. Tuy vậy, cần phải xem xét *giới hạn cần thiết* của nó. Nếu thiếu một sự cân nhắc toàn diện, thì đôi khi chính sự không ổn định trên thị trường lại bắt đầu bằng việc áp dụng những biện pháp tiền tệ không sát hợp gây nên ảnh hưởng tiêu cực và kéo dài, mà để khắc phục được hậu quả của nó lại phải trả giá khá đắt cả về kinh tế và xã hội.

Cần đặt trọng tâm của công tác lưu thông tiền tệ vào việc *tăng nhanh tốc độ quay vòng của đồng tiền*. Ai cũng biết đến công thức của C. Mác về mối quan hệ giữa khối lượng tiền tệ lưu thông với tốc độ lưu thông tiền tệ. Đó là hai đại lượng tỷ lệ nghịch với nhau. Nếu chúng ta tăng được vòng quay gấp đôi (tức là khôi phục lại tốc độ đã đạt được của năm 1980) và nếu các yếu tố về hàng hóa không đổi, thì chắc chắn sẽ giảm đi được một nửa lượng tiền tệ lưu thông, hoặc với một khối lượng tiền tệ như đã có, sẽ đưa lại hiệu quả gấp hai lần. Biện pháp có tính chất cơ bản để đạt được yêu cầu trên đây là sự phối hợp nghiệp vụ giữa lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ, từ trung ương cho đến địa phương, bảo đảm sự ăn khớp về không gian, thời gian giữa khối lượng tiền tệ tung vào lưu thông và việc mở rộng tương ứng lưu chuyển hàng hóa trên thị trường. Điều đáng tiếc là trong khi thị trường còn đang thiếu hàng, thì lại có hiện tượng « hàng ứ đọng » ở các xí nghiệp sản xuất, trong kho thương nghiệp, chỉ vì mắc mớ về thủ tục và thể lệ giao nhận, thanh toán. Trong khi ở địa phương này thiếu tiền để thu mua nông sản, thực phẩm, thì ở địa phương khác còn tiền đọng trong các quỹ, không được vận động gắn với lưu chuyển hàng hóa, do vậy đã xảy ra tình trạng nơi này thừa tiền, nơi khác thiếu tiền, mà lẽ ra chỉ cần có hệ thống thông tin nhanh nhạy và việc xử lý linh hoạt và có hiệu lực, thì đồng tiền sẽ được sử dụng có hiệu quả lớn hơn.

Một tình hình đáng quan tâm là nhiều địa phương đã không chú ý đến sự phân bố tiền tệ trong các tầng lớp dân cư, đã nhiều năm nay, không sử dụng « biểu cân đối thu chi tiền tệ của dân cư », cũng như « biểu cân đối quỹ mua và quỹ hàng hóa », do vậy không thể áp dụng các biện pháp có hiệu lực để điều phối các khoản tiền tệ còn đọng trong dân cư.

Trong những năm gần đây, mức giá của thị trường xã hội (kể cả thị trường có kế hoạch) tăng lên với tốc độ rất cao. So với năm trước, thì mức tăng giá cả của những năm gần đây như sau: 1977: 18,6% ; 1978: 20,9% ; 1979 ; 19,4% ; 1980 : 25,2% ; 1981 : 66,1% và 1982 : 78,5%. Từ 1978 đến 1980 giá cả thị trường có kế hoạch thay đổi không đáng kể, năm 1981 tăng 102% và năm 1982 tăng thêm 95%, cho nên đã làm cho chỉ số giá cả thị trường xã hội 2 năm 1981 — 1982 tăng cao hơn thị trường không có kế hoạch.

Sự thay đổi hàng loạt mức giá hàng hóa năm 1981 và 1982 do không được tính toán trong những phương án đồng bộ, và không dự kiến được hậu quả của chủ trương đó, cho nên những mục tiêu đề ra để Nhà nước chủ động nắm hàng, nắm tiền và điều tiết thị trường, nói chung không thực hiện được. Bài học kinh nghiệm có thể rút ra được là, trong khi xử lý mức giá và quan hệ tỷ giá các loại hàng hóa, cần phải quan tâm đến toàn bộ quan hệ cung — cầu, quan hệ tiền —



Digitized by Google

hàng — giá cả thị trường, hướng những sự thay đổi cần thiết về mức giá, cũng như quan hệ tỷ giá đúng vào các đối tượng mà Nhà nước cần phải điều tiết thu nhập, để tạo ra được một tình hình hợp lý trong phân phối và phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

Trong điều kiện hiện nay của nền kinh tế nước ta, Nhà nước chủ trương một cách nhất quán việc mở rộng quyền hạn cho các địa phương (tỉnh, huyện) và các đơn vị cơ sở, đồng thời đề cao trách nhiệm của từng cấp trong việc thực hiện các quy định chung của trung ương. Trên lĩnh vực thị trường, đặc biệt là trong việc vận dụng các quy định về giá cả hàng nông sản, thực phẩm, cũng như hàng xuất khẩu và hàng công nghiệp, các địa phương cần phải nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật giá cả, theo đúng mức giá và khung giá mà trung ương cho phép áp dụng; quyết không để xảy ra tình trạng mỗi nơi tự nâng giá lên một ít, khiến cho mức giá nói chung tăng lên, rốt cuộc là công cuộc cải tạo thị trường gặp khó khăn thêm.

Các tổ chức thương nghiệp trong khi áp dụng mức giá bảo đảm kinh doanh cần luôn luôn có ý thức điều tiết thị trường, chứ không phải chạy theo mức giá thị trường; muốn như vậy thì phải kết hợp chặt chẽ mở rộng kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với cải tạo và thu hẹp hoạt động của tư thương, tạo lập được quan hệ trao đổi trực tiếp giữa Nhà nước và nông dân, loại trừ tư thương ra khỏi lĩnh vực bán buôn.

Cải tạo thị trường còn có quan hệ rất chặt chẽ với một mục tiêu hàng đầu của nền kinh tế nước ta: ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân lao động, trước hết là cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Mục tiêu đó trước hết được giải quyết từ trong sản xuất, bao gồm bố trí cơ cấu sản xuất và xác định đúng phương hướng của từng thời kỳ kế hoạch để đạt được tốc độ phát triển cao và tạo ra nhiều sản phẩm cung ứng cho thị trường.

Thị trường với cơ chế hoạt động gắn liền và tác động qua lại với cả sản xuất và tiêu dùng, có tác dụng to lớn đối với việc bảo đảm thu nhập thực tế của người lao động, thực hiện phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư một cách hợp lý. Ở đây, hiện đang nổi lên hai loại vấn đề: một là, bảo đảm cho người lao động không bị điều tiết bởi giá cả thị trường bằng một số biện pháp cần thiết, làm cho thu nhập thực tế của họ không bị giảm sút; hai là, Nhà nước có những biện pháp đồng bộ để điều tiết có hiệu quả việc phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, hiện đang không hợp lý, gây ra nhiều tiêu cực về xã hội. Hai loại vấn đề đó gắn liền với việc thực hiện nhất quán chính sách cung cấp một số mặt hàng thiết yếu cho người lao động, và áp dụng chính sách hai giá, trong đó, mức giá cao phải có tác dụng dấu tranh để cải tạo thị trường, hạn chế mức lãi và mức thu nhập của tư thương.

Do vậy, việc cải tiến một cách cơ bản hệ thống cung cấp hàng hóa cho cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, bảo đảm những yêu cầu cơ bản: đủ số lượng, kịp thời gian, chất lượng tốt... phải được coi là nhiệm vụ hàng đầu của các ngành nội thương và lương thực. Tùy theo điều kiện sản xuất cho phép mà đưa thêm những mặt hàng cần thiết vào diện cung cấp theo giá cả ổn định, để bảo đảm cho được 70% mức thu nhập của người lao động không bị ảnh hưởng của giá cả thị trường theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (30% thu nhập còn lại sẽ được xử lý định kỳ theo chỉ số giá sinh hoạt).

Đồng thời, với việc bảo đảm cung cấp các mặt hàng định lượng, thương



Digitized by Google

nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nhanh chóng củng cố và tăng cường tổ chức, bộ máy, sửa đổi cơ chế kinh doanh thích ứng với thị trường... để nhanh chóng mở rộng kinh doanh, thay thế có hiệu quả hoạt động của tư thương trên thị trường. Chỉ khi nào thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã làm chủ thị trường, có đủ sức điều tiết hoạt động của thị trường theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, thì khi đó mới có thể làm chủ được giá cả, ổn định mức giá thị trường, thực hiện được việc phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư, tạo điều kiện ổn định tình hình kinh tế — xã hội ở nước ta.

Cốt lõi của toàn bộ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như cải tạo và xây dựng thị trường, nói cho cùng, là *hiệu quả kinh tế — xã hội* của nó.

Trong kinh doanh thương nghiệp, không thể không tính toán lỗ lãi, và bất kỳ lúc nào thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng phải bảo đảm doanh thu và lợi nhuận. Chúng ta đều biết, lợi nhuận thương nghiệp có nguồn gốc từ giá trị được tạo ra trong sản xuất và biểu hiện bằng chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Thương nghiệp phải biết tính toán để có thể tạo ra được lợi nhuận nhiều hơn nhờ hết sức tiết kiệm chi phí lưu thông. Chênh lệch giá sẽ là hợp lý và việc vận dụng chênh lệch giá được coi là nghệ thuật chỉ trong phạm vi đó mà thôi. Không thể chấp nhận việc nhập thuốc lá, rượu mạnh và những hàng xa xỉ để kiếm chênh lệch giá, mà xét về lâu dài lại tạo ra nhân tố kìm hãm sản xuất trong nước, làm giảm bớt nguồn gốc tạo ra chênh lệch giá cho thương nghiệp.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trên thị trường là nhiệm vụ cấp bách, đồng thời cũng là công việc thường xuyên và lâu dài. Không nên nghĩ rằng chỉ cần một đợt vận động trong một giai đoạn nào đó là có thể giải quyết được vấn đề này một cách trọn vẹn. Cuộc đấu tranh giai cấp luôn luôn được đặt ra trong lĩnh vực thị trường cho đến khi chủ nghĩa xã hội đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

---

## Kinh tế Việt nam sau...

*(Tiếp theo trang 51)*

Mấy năm gần đây, vấn đề hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số đã được nêu thành « quốc sách », thành một phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân cả nước, nhờ đó tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số đã từ 3,2% năm 1976 xuống còn 2,2% năm 1981. Tuy vậy dân số nước ta vẫn tăng nhanh: từ 47,6 triệu người 1975 đã lên tới 58,8 triệu người 1984.

Mười năm qua, bên cạnh nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhân dân cả nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nỗ lực phấn đấu vượt mọi khó khăn để xây dựng Tổ quốc. Chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm về xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế. Hiện nay, phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa đang phát triển sâu rộng trong quần chúng. « Năng suất, chất lượng, hiệu quả » đang trở thành khẩu hiệu hành động cách mạng của mỗi đơn vị, mỗi tổ chức và mỗi người lao động.



Digitized by Google

# Về vận dụng quy luật giá trị trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

TRẦN HỖ

THỰC tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước anh em và nước ta đã chứng minh một cách rõ ràng rằng, trong chủ nghĩa xã hội, việc vận dụng quy luật giá trị giữ một vị trí rất quan trọng, nhất là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, khi mà nền kinh tế còn nhiều thành phần. Trong nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, quy luật kế hoạch, quy luật tăng năng suất lao động, quy luật giá trị và các quy luật kinh tế khác đang hoạt động một cách xoắn xuýt và quyện vào nhau trong một thể thống nhất. Ai phủ nhận sự tác động của quy luật giá trị thì phải chịu những hậu quả rất chua xót và cay đắng trong sản xuất và đời sống.

Những tư tưởng lỗi thời, bảo thủ muốn duy trì phương thức quản lý quan liêu bao cấp thì hoàn toàn không thích hợp với nền kinh tế ở nước ta hiện nay. Các hiện tượng không tính toán đến giá thành, lợi nhuận, hiệu quả kinh tế, đầu tư vào xây dựng với bất cứ giá nào, đã gây ra thua lỗ lớn trong sản xuất và kinh doanh.

Trong các công trình mới xây dựng, có nhiều xí nghiệp đã phát huy được hiệu quả tốt; tuy nhiên do không tính toán đến điều kiện năng lượng, vật tư, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, thiếu tính toán đến lỗ lãi, cho nên việc xây dựng một số xí nghiệp chưa đủ điều kiện và chưa cần thiết đã gây ra thiệt hại không nhỏ về kinh tế, càng làm tăng thêm mất cân đối nghiêm trọng về quan hệ giữa xây dựng cơ bản với đời sống.

Trong thời gian dài, chúng ta chưa coi trọng đúng mức đến việc quản lý tiền tệ, quản lý giá cả. Mặc dù những điều kiện về sản xuất và sức mua của đồng tiền đã thay đổi, nhưng vẫn cứ cố định giá cả, cho giá cả căn bản là « ổn định ». Đến khi khuyết điểm này bị phê phán thì lại nảy ra một số sai lầm khác là đã vội vàng điều chỉnh một cách không cân nhắc, thiếu những biện pháp đồng bộ, nhất là không kịp thời cải tiến tiền lương. Việc điều chỉnh giá cả năm 1981 vẫn chưa đúng mức, chưa phù hợp với sức mua của đồng tiền đang ngày càng giảm sút, do đó buộc phải điều chỉnh lại nhiều lần, đã làm ảnh hưởng không tốt đến sự ổn định của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Nghị quyết thứ 6 của Trung ương Đảng đã chỉ rõ trong thời gian trước mắt, cần « *khẩn trương điều chỉnh hệ thống giá của Nhà nước một cách có kế hoạch* vững chắc, làm cho giá cả ngày càng phản ánh đầy đủ hơn hao phí lao động xã hội cần thiết



Digitized by Google

và phù hợp với sức mua của đồng tiền » (1).

Sở dĩ phạm những khuyết điểm trên là do trong một thời gian dài, chúng ta đã có những lệch lạc về nhận thức và vận dụng quy luật giá trị sau đây:

*Một là*, không thực hiện đúng mối quan hệ hàng hóa — tiền tệ, không thực hiện đầy đủ nguyên tắc trao đổi hàng hóa trên cơ sở ngang giá, cho nên đã áp dụng lối quản lý hành chính bao cấp. Chúng ta đã không tính toán đầy đủ giá thành, lợi nhuận, không thực hiện đúng hạch toán kinh tế mà « *hạch toán kinh tế* mang tính chất hình thức, không phản ánh đúng thực chất hiệu quả của sản xuất, kinh doanh » (2).

*Hai là*, việc quy định giá cả không xuất phát từ một nền kinh tế đang còn nhiều thành phần, có lúc đã coi nước ta như ở giai đoạn xã hội xã hội chủ nghĩa, xem như chỉ có kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, thiếu chính sách cụ thể về quản lý đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

*Ba là*, trong quá trình quy định giá cả của Nhà nước, chưa tính toán đúng mức đến mối quan hệ giữa cung và cầu về hàng hóa trên thị trường. Hiện nay, quan hệ giữa cung và cầu về hàng hóa đang mất cân đối nghiêm trọng, phản ánh mâu thuẫn đang rất gay gắt giữa sản xuất và tiêu dùng. Phạm trù cung — cầu gắn liền lâu dài với sự tồn tại của kinh tế hàng hóa; hơn thế nữa, ở nước ta đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ thì quan hệ cung—cầu lại càng là một nhân tố quan trọng gắn liền với thị trường và giá cả. Cung và cầu đang căng thẳng, thế mà suốt trong thời gian dài, khi quy định giá cả, chúng ta không quan tâm thỏa đáng đến nhân tố này. Chính cũng từ đó mà chúng ta không thấy đầy đủ phạm vi và cường độ của quy luật giá trị đang hoạt động thông qua quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường.

*Bốn là*, khi vận dụng quy luật giá trị, chúng ta đã thiếu nhận thức một cách biện chứng về sự vận động tổng hợp của các quy luật kinh tế. Trong mối quan hệ tổng hợp các quy luật thì quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật kế hoạch giữ vai trò chủ đạo. Đối với quy luật giá trị, chúng ta phải vận dụng nó một cách tổng hợp trong mối tương quan chặt chẽ với quy luật kế hoạch, quy luật tăng năng suất lao động, quy luật phân phối theo lao động v.v. Vấn đề giá cả liên quan đến những vấn đề: tiền tệ, hàng hóa, tiền lương, lợi nhuận. Do đó, chúng ta không thể giải quyết một cách đơn độc và cô lập từng vấn đề mà phải có nhiều biện pháp đồng bộ và tổng hợp. Chính vì vậy mà Trung ương Đảng đã tập trung nghiên cứu về giá cả, tiền lương, tài chính, tín dụng, tiền tệ, nhằm giải quyết các vấn đề đó một cách đồng bộ.

Các quy luật kinh tế tồn tại thống nhất trong nền kinh tế quốc dân, có tác động qua lại và chi phối lẫn nhau. Khi thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã phát triển mạnh thì quy luật kế hoạch không chế được tác động của quy luật giá trị và ngược lại thì quy luật giá trị được mở rộng phạm vi và cường độ, việc thực hiện kế hoạch hóa kinh tế quốc dân nhất định không được trôi chảy.

★

Quy luật giá trị có tác động rất quan trọng đến sản xuất. Sự lên xuống giá cả thị trường có tác dụng kích thích hoặc kìm hãm sự phát triển

(1) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 BCHTUĐ* (khóa V), tr. 20.
(2) Sách đã dẫn, tr. 4.



Digitized by Google

của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Cho nên, sự điều chỉnh về giá thu mua lương thực và các nông sản khác vừa qua đã có tác dụng kích thích sản xuất phát triển. Khi mà giá thu mua của Nhà nước quá thấp, không đủ bù đắp lại giá thành và những người sản xuất bị thua lỗ, không thu được lợi nhuận đáng kể thì những cơ sở sản xuất không phấn khởi và hào hứng trong sản xuất và cũng không muốn bán hàng hóa cho Nhà nước. Nhiều hợp tác xã sản xuất tiểu, thủ công nghiệp phát triển chậm, nhiều hàng hóa bị teo lại, có một nguyên nhân là do giá cả quy định chưa hợp lý trong quá trình gia công đặt hàng giữa Nhà nước và các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp.

Trong các thành phần kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thì quy luật giá trị đã điều tiết sản xuất và lại càng tác động mạnh mẽ gấp bội phần. Ở đây, sản xuất mía hay là sản xuất lạc, người nông dân suy nghĩ tính toán rất nhiều trên mảnh đất của mình, xem sản xuất loại sản phẩm nào là có lợi nhất.

Cần phải chú ý đến đặc điểm nổi bật ở nước ta là từ sản xuất nhỏ tiến lên, từ một nước nông nghiệp với kinh tế tự cấp, tự túc chuyển sang kinh tế hàng hóa và nền kinh tế hàng hóa non trẻ của nước ta đang còn kém phát triển. Cho nên, hiện nay ở nước ta đang có nhiều điều kiện cho sự kích thích phát triển kinh tế hàng hóa. Sự kích thích dù rất nhỏ về mặt giá trị cũng có tác động lớn đến việc phát triển sản xuất và đẩy mạnh giao lưu hàng hóa giữa các vùng, giữa các miền của đất nước. Nếu từ đâu, chúng ta nhận thức đúng và vận dụng tốt quy luật giá trị thì đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển sản xuất, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những người sản xuất nhỏ, khi tiếp nhận việc gia công đặt hàng của các tổ chức kinh tế quốc doanh, đã tích cực lao động, dù cho chỉ có lấy công làm lãi cũng đã đẩy mạnh phát triển kinh tế. Chúng ta chỉ mới sửa đổi phương thức phân phối bằng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động mà đã kích thích sản xuất nông nghiệp phát triển tốt. Trong bốn năm qua, bình quân hằng năm tăng 70 vạn tấn lương thực, đó là nhờ có sự kích thích sản xuất bằng cách thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Vậy, cái gì đã kích thích, thúc đẩy được phát triển sản xuất nông nghiệp vừa qua. Một yếu tố rất quan trọng là lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất của quần chúng đã được thực hiện thông qua khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động. Chính thông qua giá thu mua, tiền lương, lợi nhuận mà quần chúng lao động đã đạt được lợi ích kinh tế. Do đó, việc vận dụng đúng quy luật giá trị có ý nghĩa rất quan trọng đến việc thúc đẩy phát triển sản xuất. Trong thời gian qua, nhờ điều chỉnh giá thu mua cho nên đã kích thích được nông dân hào hứng bán lương thực và các nông sản khác cho Nhà nước với khối lượng nhiều hơn so với thời kỳ 1976 — 1980.

Tác động của quy luật giá trị trong lĩnh vực lưu thông có tính đặc thù của nó; ở đây sự biểu hiện của quy luật giá trị được nổi bật trên thị trường và tác động rất nhanh nhạy, mạnh mẽ. Hàng hóa vận động và được hút về thị trường đang có giá cả cao hơn ở các nơi khác. Khi mà giá thu mua được quy định hợp lý, có lợi cho những người sản xuất thì việc khai thác nguồn hàng nhanh và Nhà nước mua được nhiều hàng hóa.

Tuy nhiên, chúng ta không thể chỉ lấy giá cả làm « phép màu nhiệm duy nhất và kỳ diệu » để giải quyết những khó khăn về kinh tế hiện nay. Muốn đẩy mạnh phát triển sản xuất cần



Digitized by Google

phải thực hiện các biện pháp đồng bộ như: tổ chức sản xuất, cung cấp kịp thời vật tư, nguyên liệu, giống mới, phân bón, áp dụng những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật v.v. Cũng như Nhà nước muốn mua được nhiều hàng thì không những chỉ có bằng biện pháp giá cả mà còn phải tổ chức mạng lưới thu mua hợp lý và sự phối hợp đồng bộ với các ngành khác nữa.

Một khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế vừa qua là đã để nhiều tổ chức quốc doanh sử dụng việc tăng giá cả như là một công cụ «cạnh tranh» để hút hàng hóa về mình. Một số công ty đã «say sưa, thích thú» dùng biện pháp tăng giá cả để tập trung nguồn hàng về mình, nhất là những hàng hóa xuất khẩu. Một lít nguyên liệu, một kilôgam vật tư hay một kilôgam tôm he xuất khẩu được mua với giá cả quá cao, cao đến mức thoát ly hẳn giá trị gấp nhiều lần. Mặc dù Nhà nước đã quy định khung giá về hàng hóa cho các địa phương, nhưng giá thu mua và giá bán lẻ hàng tiêu dùng đã được thực hiện một cách khác biệt nhau rất xa giữa các địa phương, tuy số lượng và chất lượng sản phẩm giống nhau. Một vấn đề nữa cũng rất «hấp dẫn» là nhiều địa phương và đơn vị kinh doanh đã tăng thu nhập bằng cách hưởng thụ «chênh lệch giá» mà thực chất đó không khác gì với «bọn buôn nước bọt». Nghị quyết thứ 7 của Trung ương Đảng đã khẳng định: «nghiêm cấm việc lợi dụng chênh lệch giá cả để kiếm lãi bất hợp pháp». Đó là do khuyết điểm về mặt ý thức chấp hành kỷ luật giá cả và việc quản lý giá cả không nghiêm túc. Cho nên sự hỗn loạn về giá cả trên thị trường hiện nay đã gây thành hạt nổ giây chuyền có tác động nghiêm trọng đến sự ổn định của nền kinh tế quốc dân.

★

Để vận dụng tốt quy luật giá trị, hiện nay chúng ta cần thực hiện một số công tác sau đây:

*Nghiên cứu để xác định giá thành hàng hóa, trên cơ sở đó, xác định đúng giá trị hàng hóa.*

Đây là biện pháp rất cấp bách trong tình hình hiện nay của công tác quản lý giá cả, nhất là đối với các loại hàng hóa như: thóc, lợn thịt, nông sản khác và một số hàng công nghiệp. Làm tốt công tác này là cả một quá trình nghiên cứu lâu dài rất phức tạp; không được chủ quan nóng vội hay muốn có thành tích nên báo cáo sai sự thật, làm cho việc quyết định giá cả của Nhà nước thiếu chính xác, dẫn đến gây ra nhiều tác hại cho sản xuất và đời sống. Nếu không xác định đúng giá thành thì cũng không thể quy định đúng giá cả hàng hóa và cũng không có cơ sở thực tế để tiến hành hạch toán kinh tế. Sở dĩ trong một thời gian dài, chúng ta không thực hiện được tốt hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp là vì giá thành chưa được quy định hợp lý. Nếu không xác định đúng giá thành thì việc quy định giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp chẳng qua cũng chỉ là hình thức mà thôi, và cũng từ đó việc quy định giá bán lẻ hàng tiêu dùng cũng không thể nào chính xác được. Đương nhiên, việc quy định giá cả còn phải căn cứ vào các mặt chính sách của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, nhưng trước hết phải nhận rõ rằng, giá thành, giá trị của hàng hóa là một căn cứ hàng đầu rất quan trọng để quy định giá cả hàng hóa. Lâu nay, một số cơ quan có trách nhiệm cũng đã tiến hành điều tra nghiên cứu về giá thành, nhưng cho đến nay, việc xác định giá thành vẫn còn nhiều vấn đề cần phải được tiếp tục nghiên cứu.

Gắn liền với mức giá, chúng ta cần nghiên cứu để xác định quan hệ tỷ giá giữa hàng công nghiệp và hàng



Digitized by Google

nông sản một cách hợp lý. Mối quan hệ này cũng dựa trên cơ sở quan hệ tỷ lệ giá trị giữa các loại hàng hóa, tức là dựa trên hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra các hàng hóa đó. Mặt khác, tỷ giá ấy còn là biểu hiện của mối quan hệ phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là biểu hiện của mối quan hệ liên minh giữa công nhân và nông dân trong điều kiện mới của chuyên chính vô sản.

*Thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động thông qua cải tiến tiền lương.*

Yêu cầu của quy luật phân phối theo lao động là đem phần vật phẩm tiêu dùng cá nhân phân phối cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động mà mỗi người đóng góp cho xã hội. Những người lao động trong biên chế Nhà nước được hưởng phần vật phẩm tiêu dùng đó dưới hình thức tiền lương. Do đó, việc quy định chế độ tiền lương có liên quan chặt chẽ với giá cả hàng hóa tiêu dùng và sức mua của đồng tiền. Tiền lương thực tế của những người lao động lại do sự lên xuống của giá cả hàng hóa tiêu dùng quyết định. Cho nên việc quy định thang lương, bậc lương... gắn liền chặt chẽ với tài chính ngân sách, giá cả và tiền tệ. Trong những năm qua, giá cả hàng hóa trên thị trường đã tăng lên cao vọt, do đó tiền lương thực tế của công nhân viên chức giảm sút, đời sống gặp nhiều khó khăn, nhất là cán bộ, công nhân ở khu vực hành chính sự nghiệp.

*Thực hiện vững chắc hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp.*

Trong điều kiện còn sản xuất hàng hóa, các xí nghiệp thực hiện yêu cầu của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa thông qua sự hoạt động của quy luật giá trị. Bằng đồng tiền, các xí nghiệp có thể tính toán được chi phí sản xuất và mức lợi nhuận. Trong quá trình sản xuất, các xí nghiệp không ngừng nâng cao năng suất lao động để hạ giá thành làm tăng lợi nhuận cho xí nghiệp và góp phần tích lũy đáng kể cho Nhà nước.

Hiện nay, về thực chất, hạch toán kinh tế ở nước ta chưa được thực hiện đầy đủ, vì chưa tính toán đầy đủ giá thành, do đó cũng chưa vận dụng tốt quy luật giá trị trong quá trình quản lý các xí nghiệp. Phải kiên quyết xóa bỏ chế độ quan liêu bao cấp, dùng đồng tiền để giám sát việc thực hiện kế hoạch hóa trong sản xuất và lưu thông, bảo đảm doanh lãi cho xí nghiệp và tích lũy cho Nhà nước.

*Nắm vững quy luật lưu thông tiền tệ trong quá trình quản lý giá cả.*

Sự thay đổi về sức mua của đồng tiền và sự vận động của tiền tệ cũng làm thay đổi giá cả. Đồng tiền đã bị mất giá nghiêm trọng mà giá cả hàng hóa tỷ lệ nghịch với giá trị tiền tệ, cho nên khi quy định giá cả hàng hóa phải tính đến sức mua của đồng tiền. Trên thị trường, giá cả đang tăng vọt một cách nhanh chóng, tháng sau cao hơn tháng trước, ngày sau cao hơn ngày trước.

Mặt khác, cần phải chú ý đến sự vận động tiền tệ và nắm vững quy luật lưu thông tiền tệ trong quá trình quản lý giá cả. Sự phát hành tiền tệ phải tương ứng với khối lượng hàng hóa đang lưu thông trên thị trường. Hiện nay có sự mất cân đối nghiêm trọng giữa tiền và hàng trên từng địa bàn, trên từng thị trường, có nơi có nhiều hàng nhưng thiếu tiền và ngược lại; không có đủ tiền mặt để mua hàng hóa nông sản và thực phẩm đối với nông dân. Cho nên sự không ổn định về giá cả trong tình hình hiện nay, một phần là do chúng ta chưa quản lý tốt tiền tệ, chưa nhận thức đầy đủ tác động quan trọng của

*(Xem tiếp trang 98)*



Digitized by Google

# Đảng bộ huyện Hoài đức lãnh đạo phát triển thủ công nghiệp trên địa bàn huyện

**NGUYỄN VĂN ĐỨC**

*Bí thư Huyện ủy Hoài đức*

HUYỆN Hoài đức (thành phố Hà nội), có 8258 hếc ta đất canh tác và 168 338 dân, là huyện đất ít, người đông. Vấn đề « đất ít, người đông » như một bài toán hóc búa luôn luôn buộc đảng bộ huyện chúng tôi phải suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết.

Trong nhiều năm đảng bộ huyện Hoài đức đã giải quyết vấn đề trên bằng nhiều biện pháp tích cực, như thực hiện thâm canh tăng năng suất cây trồng và mở rộng vụ đông, cố gắng hạ dần tỷ lệ tăng dân số của huyện; vận động và tổ chức tốt việc đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới; dây mạnh phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Trong các biện pháp đó, huyện ủy chúng tôi *đặc biệt chú trọng phát triển mạnh thủ công nghiệp*, coi đây là biện pháp cơ bản giải quyết lao động dôi thừa của huyện.

Vì sao Hoài đức chú trọng phát triển mạnh thủ công nghiệp? Trước hết, vì chủ trương đó phù hợp với đường lối kinh tế của Đảng ta. Trong phương hướng phát triển kinh tế của nước ta, Đảng ta xác định rõ tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là một bộ phận quan trọng của công nghiệp hàng tiêu dùng, có vị trí quan trọng lâu dài trong nền kinh tế quốc dân, nhất là đối với kinh tế địa phương.

Chúng tôi chủ trương phát triển mạnh thủ công nghiệp còn vì xuất phát từ đặc điểm của Hoài đức là huyện có nhiều nghề thủ công truyền thống, nhiều nghề nổi tiếng cả nước như làm dò mây, dệt vải, dệt lụa, thêu (Vân canh), điêu khắc, sơn mài (Sơn đồng). Lực lượng lao động thủ công đông đảo, có tay nghề cao. Người thợ thủ công Hoài đức đã mang nghề nghiệp của quê hương đến làm ăn và truyền nghề ở nhiều địa phương khác. Nghề thủ công là vốn quý của huyện. Huyện Hoài đức lại có lực lượng lao động rất dồi dào, và là huyện ở gần thành phố Hà nội, có đường giao thông vào thành phố rất thuận tiện.

Phát triển mạnh thủ công nghiệp là phù hợp với đặc điểm và sở trường của huyện Hoài đức. Phát triển mạnh thủ công nghiệp sẽ giải quyết việc làm tại chỗ cho nhiều người, tận dụng triệt để lao động nông nhàn. Ở Hoài đức nghề thủ công gắn rất chặt với sản xuất nông nghiệp, tồn tại trong từng gia đình nông dân. Họ vừa làm ruộng, vừa làm nghề thủ công. Nghề thủ công chính là nguồn làm giàu cho từng gia đình xã viên, là nguồn lợi tích lũy cho hợp tác xã, cho huyện.

Phát triển mạnh thủ công nghiệp còn tạo ra nguồn hàng xuất khẩu cho huyện, cho thành phố.



Digitized by Google

Thực tế cho thấy, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp không phải đầu tư nhiều, thu hút đông đảo lao động mà hiệu quả kinh tế mang lại không nhỏ. Với một huyện «đất ít, người đông» như Hoài đức, phát triển mạnh thủ công nghiệp là hết sức cần thiết.

Tuy nhiên, để có được nhận thức và đề ra được chủ trương trên, phải trải qua một quá trình đấu tranh trong nhiều khóa huyện ủy.

Từ năm 1977 về trước, khắp các xã trong huyện, xã nào cũng có nhiều người làm nghề thủ công, có nhiều nghề cùng tồn tại, nhưng người ta duy trì nghề nghiệp một cách tự phát, trong từng gia đình, hết đời này đến đời khác. Lúc này trong huyện ủy, trong các cấp ủy cơ sở không ít ý kiến cho rằng nghề thủ công đã ảnh hưởng không tốt đến sản xuất nông nghiệp. Một số xã, do nhiều năm sản xuất nông nghiệp phát triển ì ạch đã cắt bỏ nghề thủ công như Di trạch, Phụng châu, Vân canh, An thượng.

Năm 1977, được sự khuyến khích và tích cực giúp đỡ của Tỉnh ủy Hà sơn bình (lúc ấy Hoài đức chưa sáp nhập vào Hà nội) Huyện ủy Hoài đức đã xác định rõ vai trò, vị trí của thủ công nghiệp đối với kinh tế của huyện và đề ra chủ trương phát triển mạnh thủ công nghiệp, coi thủ công nghiệp là một bộ phận kinh tế quan trọng của huyện.

★

Đảng bộ huyện chúng tôi xác định phương hướng phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện là làm hàng gia công cho Nhà nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ tiêu dùng cho địa phương và tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Theo hướng đó, Hoài đức chủ trương *khôi phục và phát triển những nghề truyền thống của huyện và mạnh dạn đưa vào huyện những ngành nghề mới.*

Để thực hiện tốt chủ trương trên, huyện ủy tổ chức làm thử ở Yên sở. Huyện giúp Yên sở vừa tổ chức sắp xếp để các nghề thủ công phát triển tốt vừa đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Thực tế ở Yên sở và một số nơi khác trong huyện chứng tỏ thủ công nghiệp không cản trở sản xuất nông nghiệp mà lại làm tăng thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy cho hợp tác xã.

Từ thực tế Yên sở, huyện chỉ đạo phát triển mạnh thủ công nghiệp ở khắp các xã. Huyện đã cùng các cơ sở tiến hành điều tra, xác định các ngành nghề, tổ chức sắp xếp lại lực lượng lao động thủ công. Lao động thủ công được sắp xếp theo hai loại: lao động thủ công trong các đơn vị sản xuất thủ công chuyên nghiệp và lao động thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp. Huyện thành lập 17 hợp tác xã và 16 tổ hợp tác thủ công chuyên nghiệp. Các hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp phần lớn sản xuất các mặt hàng gia công cho Nhà nước. Mỗi hợp tác xã thủ công nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng, mỗi mặt hàng được sản xuất trong một phân xưởng. Lao động thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp là lực lượng to lớn. Những người thợ này gắn rất chặt với sản xuất nông nghiệp. Trên thực tế huyện chỉ quản lý số lao động thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp.

Thực hiện chủ trương khuyến khích khôi phục những nghề truyền thống của địa phương và mạnh dạn phát triển nghề mới, huyện lập quy hoạch phát triển thủ công nghiệp trong quy hoạch xây dựng huyện. Huyện còn xây dựng kế hoạch cho từng nghề trong từng năm, trong năm năm.

Do được khuyến khích và tổ chức lại, các nghề thủ công truyền thống của huyện được khôi phục và phát



Digitized by Google

triển mạnh. Nghề dệt trước kia chỉ dệt một số mặt hàng bằng khung đơn thì nay dệt bằng khung đôi với nhiều mặt hàng phong phú như vải xuất khẩu, vải nội địa, sa tanh, vải sợi pê-cô... Các mặt hàng mới cũng phát triển nhanh chóng như thảm len, thảm đay, khăn bông xuất khẩu, bít tất ni lông... Nghề thêu trước kia chỉ có ở Vân canh thì nay cả huyện có 2676 thợ thêu màu ở 24 xã và 731 thợ thêu trắng ở 5 xã. Có những nghề tưởng như đã bị bỏ quên thì nay được khôi phục như nghề điêu khắc. Nghề điêu khắc đã đào tạo được 33 thợ. Nghề đắp tượng đến nay cả hợp tác xã Sơn đồng chỉ còn một cụ đã 85 tuổi biết nghề. Hợp tác xã Sơn đồng được sự giúp đỡ của huyện đang khẩn trương đào tạo thợ để khôi phục nghề này.

Khôi phục và phát triển những nghề chế biến nông sản, thực phẩm là một hướng quan trọng trong chủ trương của huyện chúng tôi. Một mặt, huyện chú ý khôi phục những nghề đã có từ lâu đời ở Hoài đức như làm miến đong, bánh đa nem, sản xuất mật mía; mặt khác, huyện khuyến khích phát triển mạnh một số nghề mới để phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện, như sản xuất nước chấm, thức ăn gia súc, làm miến dong riềng, làm sấu khô xuất khẩu, sản xuất rượu, cồn từ mật mía... Huyện ủy chúng tôi coi chế biến nông sản, thực phẩm là thế mạnh của nghề thủ công trong huyện. Huyện sẽ giúp các cơ sở khai thác triệt để khả năng này. Huyện ủy còn chủ trương sẽ dần dần thực hiện việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho thành phố Hà nội *qua chế biến*. Làm như vậy vừa nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, vừa tạo thêm việc làm cho nhân dân trong huyện, lại vừa tận dụng sản phẩm qua chế biến để phát triển chăn nuôi.

Hoài đức còn quan tâm phát triển những nghề thủ công phục vụ sản xuất nông nghiệp và phục vụ nhu cầu xây dựng của nhân dân. Trạm nông cụ của huyện bảo đảm sản xuất nông cụ cầm tay cung cấp cho các hợp tác xã nông nghiệp và sửa chữa các máy do các xã gửi lên. Tất cả các xã trong huyện đều có cơ sở sản xuất gạch. Huyện có 17 cơ sở sản xuất ngói. Huyện đang cố gắng đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng để đáp ứng nhu cầu về xây dựng ngày càng cao của huyện và nhân dân trong huyện.

Thủ công nghiệp của Hoài đức tuy được khôi phục và phát triển như vậy nhưng những năm gần đây gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu, vật tư. Có thể nói nguyên liệu là vấn đề sống còn của nghề thủ công. Về mặt này, huyện ủy Hoài đức chủ trương động viên, giúp đỡ cơ sở mở rộng mặt hàng, kịp thời thay đổi mặt hàng thích hợp để bảo đảm đời sống cho người thợ. Huyện còn chủ trương mở rộng liên kết kinh tế với huyện bạn, tỉnh bạn để khai thác nguyên liệu, vật tư mà huyện cần, như liên kết với các tỉnh miền núi để mua song, mây, gỗ... Tuy nhiên huyện ủy xác định rõ hướng phát triển cơ bản của thủ công nghiệp Hoài đức là khai thác triệt để tiềm năng của huyện, mở rộng những nghề sản xuất bằng nguyên liệu tại chỗ như chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất sành, sứ (huyện có mỏ cao lanh).

**Một số kết quả:**

Từ khi có chủ trương phát triển mạnh tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, Hoài đức đã có nhiều chuyển biến tốt. Năm 1977, Hoài đức là huyện đứng đầu tỉnh Hà sơn bình về giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Từ đó đến nay, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện giữ được nhịp độ phát triển tốt, ngày một đi lên, vững vàng. Giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp mỗi năm một tăng.



Digitized by Google

| *Năm* | *Giá trị (triệu đồng) (*)* |
|---|---|
| 1976 | 18,3 |
| 1981 | 18,662 |
| 1982 | 22,170 |
| 1983 | 21,118 |

Hiện nay giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chiếm 39,6% tổng số thu nhập của toàn huyện. Giá trị hàng xuất khẩu tăng không ngừng. Năm 1976 đạt 2 218 000 đồng, năm 1981 đạt 5415 000 đồng, năm 1983 đạt 7 triệu đồng (*).

**Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển mạnh đã thu hút một lực lượng lao động đông đảo. Lao động thủ công (nhất là lao động thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp) tăng lên nhanh chóng.**

| *Năm* | *Lao động thủ công* | *Chuyên nghiệp* | *Trong HTX N. nghiệp* |
|---|---|---|---|
| 1976 | 9 400 | 4 453 | 4 947 |
| 1980 | 10 336 | 3 665 | 6 671 |
| 1981 | 15 167 | 3 065 | 12 102 |
| 1983 | 16 000 | 4 500 | 11 500 |

Năm 1981, số lao động thủ công nghiệp là 20 281 người, chiếm 28% lực lượng lao động cả huyện. Hoài đức đang cố gắng mở rộng sản xuất tiểu công nghiệp hơn nữa để đến năm 1990 có thể thu hút khoảng 35 – 40 vạn lao động tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giải quyết về cơ bản vấn đề lao động dôi thừa của huyện.

Quá trình phát triển thủ công nghiệp cũng là quá trình nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Hoài đức về vị trí, vai trò của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đối với kinh tế của huyện, nhất là đối với việc đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện đời sống của nhân dân, giải quyết lao động dôi thừa trong huyện. Trong những năm qua, cùng với việc phát triển thủ công nghiệp, Hoài đức cũng tạo được bước tiến mạnh mẽ về nông nghiệp. Đó là hai hướng phát triển của cùng một cơ cấu kinh tế, hỗ trợ nhau, thúc đẩy nhau. Thực tế ngày càng khẳng định mạnh mẽ rằng, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là một hướng đi đúng, tạo cơ sở vững chắc để Hoài đức xây dựng huyện theo cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp.

**Một số vướng mắc cần tháo gỡ.**

Những năm qua, thủ công nghiệp Hoài đức tuy đạt được những kết quả đáng phấn khởi nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Về phần mình, huyện ủy chúng tôi nhận thấy mình chưa thật quan tâm đúng mức, chưa thấy những khó khăn, vướng mắc của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp để có hướng giải quyết tích cực kịp thời. Huyện chưa chú ý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý cho ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Đội ngũ cán bộ này còn yếu và thiếu. Hiện nay, Hoài đức đang gấp rút xây dựng quy hoạch cán bộ cho ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, cố gắng để sớm có một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Hiện nay, ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đang gặp những khó khăn, vướng mắc về chế độ, chính sách. Vấn đề giá cả các mặt hàng gia công, vấn đề cung cấp lương thực cho lao động thủ công, vấn đề nghỉ hưu của những người thợ quá tuổi lao động, vấn đề bổ sung thợ trẻ, vấn đề tổ chức nhận hàng gia công... đang còn có nhiều điều chưa hợp lý khiến cho người thợ thủ công chưa yên tâm,

*(Xem tiếp trang 106)*

(*) Tính theo giá cố định năm 1970.



Digitized by Google

# Những chuyển biến mới trong công tác phát triển Đảng của đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh

PHẠM XUÂN ÁI

TRƯỚC ngày giải phóng, đảng bộ thành phố có 1200 đảng viên hoạt động bí mật trong nội thành và trên 3000 đảng viên hoạt động ở các căn cứ, bàu dạp vào thành phố như Bến cát, Long an, Dầu tiếng, Long thành, Vũng tàu, Mỹ tho.

Ngày nay đảng bộ thành phố đã có gần 56 000 đảng viên hoạt động trong mọi lĩnh vực công tác. Ngoài số đảng viên tại chỗ có từ trước năm 1975 và số đảng viên các nơi điều về, đảng bộ thành phố trong 10 năm qua đã kết nạp thêm 20 000 người vào Đảng. Đó là những người trưởng thành trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thành phố Hồ Chí Minh trước đây vốn là trung tâm đầu não của chế độ Mỹ—ngụy, là nơi tập trung nhiều hiện tượng phức tạp của xã hội miền Nam; nhân dân lao động, nhất là giai cấp công nhân ở đây đã bị Mỹ—ngụy tìm mọi cách gây ảnh hưởng xấu về chính trị, tư tưởng, lối sống..., bị chúng ly gián với cách mạng, với Đảng cho nên việc chọn người để giáo dục, kết nạp vào Đảng là một vấn đề khó khăn và phức tạp.

Sau khi thành phố được giải phóng, nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi, công tác phát triển Đảng phải đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ mới. Để làm điều đó, các cơ sở Đảng ở thành phố đã dựa vào các cơ sở cách mạng được tổ chức trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. 921 người được lựa chọn kết nạp vào Đảng năm 1975 đều là những người ít nhiều đã được thử thách trong quá trình hoạt động cách mạng trước đây. Trong hai năm 1976 — 1977, công tác phát triển Đảng của thành phố bị chững lại do việc chuẩn bị đối tượng cho công tác phát triển Đảng gặp khó khăn. Sở dĩ như vậy là vì không ít cán bộ, đảng viên chưa hiểu rõ hoàn cảnh cụ thể của con người thành phố, chưa thấy hết âm mưu xảo quyệt của kẻ thù, đánh giá quần chúng chưa toàn diện, đầy đủ, thậm chí có phần sai lệch, cho nên chưa mạnh dạn đi vào quần chúng để tổ chức và giáo dục họ. Mặt khác, việc chỉ đạo công tác phát triển Đảng cũng còn nhiều lúng túng cho nên số người được kết nạp vào Đảng trong hai năm này chỉ bằng năm 1975.

Để khắc phục tình trạng trên, thành ủy đã tập trung chỉ đạo công tác phát triển Đảng ở một số xí nghiệp, phường, xã. Những bài học rút ra được từ những điển hình tiên tiến đã giúp cho các cấp bộ Đảng ở thành phố tiến hành công tác phát triển Đảng một cách có bài bản.

Nhà máy dệt Phong phú là một điển hình tốt trong công tác phát triển Đảng. Chỉ trong vòng hơn 1 năm (tháng 1-1978 đến tháng 6-1979) chi bộ nhà máy dệt Phong phú đã kết nạp



Digitized by Google

được 21 người vào Đảng, trong đó 17 người là công nhân kỹ thuật. Bài học của Phong phú là phải làm cho toàn thể đảng viên thấy được yêu cầu cấp thiết của công tác phát triển Đảng, có nhận thức đúng đắn đối với quần chúng, phải phân công đảng viên bám sát các phân xưởng để có điều kiện gần gũi quần chúng, qua đó giáo dục, giác ngộ quần chúng, rồi chọn những người ưu tú kết nạp vào Đảng. Quá trình đó cũng là quá trình rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên, tăng cường sức chiến đấu tử cơ sở, bảo đảm công tác phát triển Đảng đi đúng hướng.

Thực tiễn công tác phát triển Đảng ở những điển hình tiên tiến đã giúp cho cán bộ đảng viên thấy rõ hơn vai trò tích cực của quần chúng trong quá trình cách mạng, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ và ngay cả trong những ngày đầu của cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng thành phố. Mặc dù sống dưới ách kìm kẹp và luôn chịu sự đàn áp khủng bố của kẻ thù, đông đảo những người lao động, nhất là công nhân ở thành phố vẫn giữ được lòng tin đối với cách mạng (bộ phận tiên tiến trong quần chúng vẫn tìm mọi cách đấu tranh chống kẻ thù dưới nhiều hình thức) và khi thời cơ đến, họ đã nổi dậy phối hợp với cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang cách mạng. Đó là chỗ dựa, là cơ sở để lựa chọn người kết nạp vào Đảng.

Đại hội thứ ba của đảng bộ thành phố đã phê phán mạnh mẽ những quan điểm đánh giá quần chúng một cách lệch lạc; phê phán ý thức trách nhiệm kém của một số cấp ủy Đảng và đảng viên đã không mạnh dạn kết nạp vào Đảng nhiều công nhân ưu tú. Đại hội đã quyết định tổ chức một đợt phát triển Đảng lấy tên là "lớp đảng viên Nguyễn Văn Cừ". Từ đó công tác phát triển Đảng ở thành phố được tiến hành thuận lợi.

Để làm tốt công tác phát triển Đảng, các cấp ủy Đảng đặc biệt quan tâm đến việc củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng và xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh. Đi đôi với việc xác định đối tượng, các cấp ủy Đảng còn có phương hướng và phương pháp đúng trong việc lựa chọn, thẩm tra người để kết nạp vào Đảng, bồi dưỡng giáo dục họ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về nhiệm vụ, trách nhiệm của đảng viên.

Việc chỉ đạo công tác phát triển Đảng được các cấp ủy thực hiện theo một kế hoạch toàn diện, có nền nếp tốt hơn trước. Nhờ đó, công tác phát triển Đảng ở thành phố đã tiến bộ rõ rệt, cả về mặt số lượng lẫn chất lượng. Số người được kết nạp vào Đảng từ 533 người năm 1977 tăng lên 1002 người năm 1978, và 3298 người năm 1983. Đợt phát triển Đảng năm 1984 lớp Nguyễn Văn Cừ đã có 2575 người được kết nạp vào Đảng. Đợt này các quận 1, 3, 5, 10, các huyện Hóc môn, Củ chi, Thủ đức, các đảng bộ thuộc công ty điện lực, xí nghiệp liên hiệp thép, các xí nghiệp dệt, trường đại học tổng hợp, v.v. là những đơn vị làm tốt công tác phát triển Đảng. Đảng bộ Công an thành phố trong năm 1984 đã kết nạp 613 người vào Đảng.

Tăng cường lực lượng đảng viên ở cơ sở là điều có ý nghĩa quan trọng để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng. Với số người được kết nạp vào Đảng trong mấy năm qua, tỷ lệ đảng viên nảy sinh từ phong trào quần chúng tại chỗ đã chiếm trên 1/3 so với tổng số đảng viên hiện có của toàn đảng bộ thành phố. Cùng với số hội viên, đoàn viên của các đoàn thể quần chúng được tổ chức và phát triển, số đảng viên mới này đã làm cho lực lượng chính trị ở cơ sở ngày càng tăng lên gắn bó với quần chúng hơn. Hiện nay ở nhiều cơ sở đã có



Digitized by Google

đảng viên hoạt động, từng bước xóa được những đơn vị trắng không có đảng viên. Ở huyện Hóc môn, trước đây nhiều ấp không có đảng viên, nay một trăm phần trăm số ấp của toàn huyện đã có đảng viên hoạt động. Nhà máy dệt Thành công trước đây chỉ có 1 chi bộ với 13 đảng viên, nhiều phân xưởng không có đảng viên trực tiếp sản xuất. Hiện nay toàn đảng bộ nhà máy đã có 110 đảng viên, tất cả các phân xưởng đều có chi bộ. Trong mấy năm qua, ở thành phố Hồ Chí Minh, bình quân mỗi phường có 15 người, mỗi xã có 10 người được kết nạp vào Đảng.

Trong phương hướng phát triển Đảng, đảng bộ thành phố rất coi trọng việc đưa những công nhân ưu tú ; trực tiếp sản xuất vào Đảng. Hiện nay tỷ lệ đảng viên thuộc thành phần công nhân trong đảng bộ thành phố đã tăng lên rõ rệt, từ 4% năm 1977 lên 17,58% năm 1983. Số công nhân trực tiếp sản xuất được chọn lọc kết nạp vào Đảng cũng tăng từ 3,77% năm 1977 lên 13,7% năm 1983. Cũng qua công tác phát triển Đảng, đảng bộ thành phố đã tăng cường lực lượng đảng viên trẻ, có kiến thức văn hóa và khoa học kỹ thuật. Trong tổng số đảng viên mới có 2/3 là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, 2% là chiến sĩ thi đua (riêng lớp Nguyễn Văn Cừ có 3,53%), 13,49% có trình độ đại học và trên đại học.

Trong công tác phát triển Đảng, việc bảo đảm tính chất của Đảng phải được chú ý ngay từ khi lựa chọn đối tượng, thẩm tra xét duyệt để kết nạp họ vào Đảng. Quá trình đó là quá trình giáo dục giác ngộ họ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về ý thức giai cấp phân biệt ranh giới giữa lao động và bóc lột, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa) về ý chí chiến đấu cách mạng, nhất là về nhiệm vụ của đảng viên trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhìn chung số người được kết nạp vào Đảng qua thử thách đã trưởng thành, phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu trên mọi cương vị công tác được Đảng giao cho. Số đảng viên mới xét thấy không đủ tư cách đảng viên chiếm tỷ lệ rất thấp.

Công tác phát triển Đảng của thành phố trong mấy năm qua đã đạt được những kết quả tốt đẹp, song đó mới chỉ là bước đầu. Hiện nay trên toàn thành phố còn 59% cơ sở Đảng lâu nay chưa làm công tác phát triển Đảng, hàng vạn người ưu tú, thợ giỏi, chiến sĩ thi đua, lao động xuất sắc trong các xí nghiệp đang tha thiết đứng vào hàng ngũ của Đảng nhưng chưa được các tổ chức Đảng quan tâm chăm sóc, bồi dưỡng và giáo dục. So với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của một thành phố là trung tâm công nghiệp, có đội ngũ công nhân đông tới hàng chục vạn người, đã được thử thách trong đấu tranh cách mạng mấy chục năm qua và trong thực tiễn lao động sản xuất những năm gần đây, và so với sự phát triển của phong trào thi đua sôi nổi đã sản sinh ra hàng vạn người ưu tú, thì kết quả của công tác phát triển Đảng trong mấy năm qua rõ ràng là còn rất hạn chế.

Mặc dù thành phố đã chú ý tăng cường lực lượng đảng viên cho cơ sở nhưng hiện nay lực lượng đó quá mỏng, nhiều cơ sở còn quá ít đảng viên, thậm chí có cơ sở không có đảng viên.

Cùng với việc phát triển Đảng, việc bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, kể cả cũ và mới, là hết sức quan trọng. Cho nên tiếp tục bồi dưỡng, rèn luyện những đảng viên mới để họ vươn lên thực hiện được vai trò đầu tàu gương mẫu trong phong trào quần chúng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao là một vấn đề mà đảng bộ thành phố hết sức quan tâm.



Digitized by Google

# «Làm xiếc»

XIẾC là một môn nghệ thuật chân chính đầy hứng thú và hấp dẫn. Nó cuốn hút người xem bởi những tiết mục rất điêu luyện và tài hoa. Người xem xiếc nhiều khi bị chinh phục và mê mẩn bởi những trò tung hứng đến rối mắt, nhào lộn đến chóng mặt, uốn dẻo cực kỳ tinh vi và khéo léo. Trong tiếng nhạc xập xình lác trăm bông, lác đốm thúc, dưới ánh sáng xanh, đỏ, vàng, tím, huyền ảo, lung linh, người xem càng cảm thấy như bị thôi miên đến mức khó mà phân biệt được đâu là thật đâu là giả; tất cả đều như là ảo thuật. Nhiều người chỉ còn biết gật đầu tán thưởng hặc vỗ đùi đen đét mà reo lên: «Thế thì *thành* thật! Giỏi đến thế là cùng!».

Có lẽ vì thế mà nói đến xiếc, nhiều người nghĩ ngay đến ảo thuật hoặc một cái gì giống như ảo thuật.

Gần đây, trong dư luận xã hội ta, từ «làm xiếc» được dùng để ám chỉ và phê phán những việc làm có tính xảo thuật và mánh khóe vì lợi ích cá nhân, lợi ích cục bộ của một số người, một số cơ quan, đơn vị. Và cách dùng từ như vậy phải nói là rất «đắt».

Ta cứ điểm qua một số việc mà xem.

Có những xí nghiệp quốc doanh, những hợp tác xã, những công ty... «làm xiếc» ngay từ khâu lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Biết được sự kém cỏi hoặc quan liêu của một số cán bộ có trách nhiệm ở cấp trên, họ dựng lên những tình hình giả, đưa ra những số liệu giả để «ủm» cấp trên, làm kế hoạch một cách gian lận. Năng lực sản xuất của xí nghiệp họ, đơn vị họ đáng là một trăm thì họ khai báo độ bảy, tám chục; chi phí sản xuất, mức hao phí nguyên liệu, vật tư đáng là bảy tám chục, họ vẽ thành con số hàng trăm. Để làm gì? Để được nhận nhiều tiền vốn, nguyên liệu, vật tư do Nhà nước cấp nhưng chỉ phải giao nộp cho Nhà nước một số sản phẩm không tương xứng. Số tiền vốn, nguyên liệu, vật tư chênh lệch họ sẽ «xăng xê», đem chi dùng vào những việc phục vụ cho lợi ích cục bộ của xí nghiệp họ, đơn vị họ.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, không ít cơ sở núp dưới chiêu bài «sáng tạo», «linh hoạt», tìm mọi thứ phù phép, làm đủ trò «ảo thuật» để chuyển dịch, bớt xén hàng hóa, vật tư của Nhà nước, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước. Về mặt này, phải công nhận rằng có một số đơn vị đạt đến trình độ «bậc thầy». Họ lấy khoản này dập vào khoản nọ, dùng cái này bù vào cái khác, thứ này đạt trong sổ sách, thứ nọ để ở «quỹ đen»; họ lập ra hóa đơn giả, chứng từ giả, chi dùng tiền vốn, vật tư một cách vô tội vạ. Họ «xé rào» không phải để sáng tạo ra một phương thức làm ăn mới, vượt qua những gò bó của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mà là vì những lợi ích cục bộ, địa phương, vì tư lợi; họ chạy theo đồng tiền, bất chấp những chính sách, chế độ đúng đắn mà mọi người cần phải thực hiện nghiêm chỉnh.

Có những xí nghiệp quốc doanh cứ khoảng tháng 9, tháng 10, xem chừng khó hoàn thành được kế hoạch cả năm



Digitized by Google

thì bắt đầu vỏ đầu gãi tai trước cấp trên, nêu ra đủ thứ khó khăn để xin được « điều chỉnh kế hoạch ». Thế rồi với kế hoạch mới đã được điều chỉnh (tất nhiên là thấp hơn so với khả năng thực tế), cuối năm đơn vị họ cũng « hoàn thành vượt mức » kế hoạch, cũng nhận đủ các khoản tiền thưởng như các đơn vị làm ăn chân chính khác. Nếu anh nào « làm xiếc » giỏi, có phép thuật tính toán 2 × 2 = 5 (!) thì phần thưởng mà họ lĩnh sẽ còn hời hơn nữa.

Có những hợp tác xã và tổ sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chỉ còn cái vỏ là tập thể chứ thực chất là kinh doanh, hành nghề theo kiểu tư nhân, tư nhân một trăm phần trăm. Ở đó, chủ nhiệm hợp tác xã hoặc tổ trưởng tổ hợp thực chất chỉ là một anh « cai đầu dài » đứng ra làm môi giới, ký hợp đồng với nơi này nơi nọ rồi thuê mướn nhân công, kinh doanh hốt lãi. Chính do cách làm ăn gian dối đó của một số người mà trong xã hội ta đang có tình trạng về danh nghĩa thì không ít xí nghiệp, hợp tác xã hoàn thành kế hoạch nhưng Nhà nước vẫn chẳng có thêm được bao nhiêu sản phẩm để trang trải cho các nhu cầu của xã hội.

Đó là chưa kể trong số các sản phẩm làm ra có nhiều cái không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, thậm chí chất lượng rất tồi. Nhưng vì đã ăn cánh được với các cán bộ OTK, người ta vẫn xếp được nó vào kho chính phẩm ; nó vẫn được đưa ra thị trường, vào tay người tiêu dùng, hậu quả thế nào người ta không cần biết. Ngay những hàng giao nộp cho Nhà nước có phải thứ nào cũng bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng đâu ! Lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý, những kẻ làm ăn lấu cá, lấu tôm đánh tráo hàng chính phẩm thành « thứ phẩm » để giữ lại « phân phối nội bộ », còn hàng thứ phẩm thì xếp vào loại « chính phẩm » để giao nộp cho Nhà nước.

Trong sản xuất đã thấy có nhiều trò « xiếc », sang lĩnh vực phân phối lưu thông càng thấy người ta « làm xiếc » nhiều hơn. Có tiền, có hàng trong tay, một số người trong ngành thương nghiệp quốc doanh vừa cửa quyền, bắt bí người tiêu dùng, gây khó khăn, phiền phức cho người tiêu dùng, vừa giở các mánh khóe, thủ đoạn để xoay xở, kiếm chác. Những « tiết mục » quen thuộc, thông thường như quay vòng tem phiếu, cân đong do dếm gian lận, bớt xén tiêu chuẩn của khách hàng, ăn cắp hàng của Nhà nước rồi pha chế lại để giữ đúng định lượng,... được các « diễn viên xiếc » của ngành thương nghiệp quốc doanh diễn đi diễn lại mãi. Lắm lúc khách hàng không chịu được đã phải lên tiếng đấu tranh nhưng các « diễn viên » vẫn không « đóng màn » lại. Tệ hơn nữa, họ còn thông đồng, móc ngoặc với « con phe », tuồn hàng của Nhà nước cho « con phe » bán, rồi nhận hàng xấu, hàng giả của « con phe » vào bán trong cửa hàng ; hàng tốt thì bán cho tư thương hoặc giữ lại để « bán nội bộ », hàng xấu thì đưa lên thành « hàng tốt » để nâng giá bán kiếm lời. Chẳng đã có chuyện dao kéo dùng vào việc mổ xẻ của y tế cũng được mang « phân phối nội bộ » đó sao ? Chẳng đã có khối người không mua được hàng của Nhà nước ở cửa hàng mậu dịch quốc doanh nhưng lại mua được ở chính ngay nhà của nhân viên cửa hàng hoặc « đồng cốt » của nhân viên cửa hàng đó sao ? Điều rất đáng suy nghĩ là những hiện tượng đó đang lây lan sang cả những ngành vốn là mô phạm và nhân hậu được xã hội rất tin cậy, kính trọng như ngành y, ngành giáo dục. Bệnh nhân cần thuốc kháng sinh chữa bệnh cấp tính hiểm nghèo ư ? Bệnh viện không có. Nhưng nếu đến nhà riêng bác sĩ này, cô dược tá nọ thì thế nào cũng có, muốn mua bao nhiêu cũng được, chỉ có điều phải mua với giá đắt mà thôi. Thật mỉa mai và đau xót !



Digitized by Google

Chắc có người sẽ hỏi: Thế cấp trên của họ đâu mà để cho họ làm ăn bậy bạ như vậy? Xin thưa rằng: nhiều vị cấp trên còn « bận »! Vả lại, dù cấp trên có quan tâm, có nhiều biện pháp và việc làm tích cực, rào riết, nhưng có khi do chưa thạo chuyên môn, kém năng lực quản lý, hoặc quan liêu, cho nên vẫn dễ bị người ta bịp, bịp mà không biết hoặc biết mà không làm gì được. Một số cán bộ ở cấp trên thấy tình hình phức tạp quá thì có thái độ lờ tịt, bỏ qua. Thật ra, trừ một số vị cấp trên dòng tình, thậm chí còn đứng ra « đạo diễn » cho các trò « xiếc » đó, cũng có nhiều cán bộ cấp trên rất xông xáo, có trình độ và năng lực, nhưng trong « cơ chế » của ngành, với « luật lệ » của đơn vị như hiện tại, các đồng chí đó rất khó làm việc. Nếu anh muốn xuống kiểm tra cơ sở ư? Vâng, xin mời! Cơ sở sẵn sàng đón tiếp và sẽ đón tiếp một cách chu đáo. Nhưng xuống cơ sở anh sẽ được những gì? Trước hết sẽ được nghe một bản báo cáo rất rành rọt, lọt tai, có khi kèm theo cả sự phân tích số liệu đâu ra đấy, rất chi là cụ thể và khoa học. Nghe sướng tai lắm. Rồi anh sẽ được đi xem xét thực tế, tận mắt chứng kiến « thành tích cụ thể và sinh động » đã được bố trí sẵn để « minh họa » cho bản báo cáo đó. Anh sẽ thấy tất cả đều là hợp lý, hợp lý đến không thể bắt bẻ vào đâu được. Từ số liệu đến sự kiện, từ sổ sách chứng từ đến hiện trường thực tế, tất cả đều khớp nhau. Anh làm sao mà biết được số liệu ấy là thật hay là ma, hiện trường ấy là thật hay là giả. Anh chưa kịp suy nghĩ, so sánh, đối chiếu thì người ta đã mời anh « lên mâm » đánh chén rồi. Gọi là có chén rượu mừng đón anh, mừng thành tích của ngành ta, không lẽ anh từ chối! Rồi khi anh ra về, người ta sẽ biếu anh chút « quà mọn », gọi là « cây nhà lá vườn », « đặc sản » của địa phương, của xí nghiệp. Anh không cầm ư? Thì xin gửi biếu bà chị và các cháu vậy!... Cứ theo cách ấy, người ta bao vây anh tứ phía, người ta bịt mồm bịt mắt anh lại, người ta « xiếc » anh, anh làm sao mà biết hết sự tình ở bên dưới, « thủ trưởng » làm sao kiểm tra hết được việc làm của các cán bộ thuộc quyền mình!

Tất nhiên, không phải ở nơi nào cũng thế, ở xí nghiệp, đơn vị nào cũng có cảnh như vậy. Không, chúng ta không vơ đũa cả nắm. Nhưng phải thừa nhận rằng những hiện tượng « làm xiếc » như vậy đang diễn ra không phải ít. Nó đang gây ra biết bao tai hại cho đời sống kinh tế, xã hội ta, cho thuần phong mỹ tục của nhân dân ta, cho nền đạo đức mới, văn hóa mới của chúng ta. Nó làm hư hỏng không ít cán bộ, đảng viên ta. Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần phê phán nghiêm khắc những hiện tượng đó. Đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân thường chê trách những hiện tượng đó. Bởi vì những hiện tượng đó chính là biểu hiện của tư tưởng con buôn, tư tưởng phường hội, chỉ biết đến lợi ích của cá nhân mình, của bộ phận mình, không phù hợp với tư tưởng và thái độ của người làm chủ tập thể, trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Thử hỏi nếu cơ sở nào, đơn vị nào cũng làm ăn theo kiểu « làm xiếc » gian lận đó, thì Nhà nước làm sao có thể nắm được thực chất của tình hình để có chủ trương, chính sách đúng? Làm sao có thể nắm được sản phẩm, hàng hóa để chủ động được sản xuất, kinh doanh, phân phối, quản lý thị trường, quản lý xã hội?

Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh, làm tất cả những gì có thể làm được để hạn chế và từng bước xóa bỏ những hiện tượng « làm xiếc », những kiểu làm ăn dối trá trong đời sống kinh tế xã hội ta.

*TRỌNG NGHĨA*



Digitized by Google

# Một đóng góp to lớn và quý báu

**Đọc *Về văn hóa và nghệ thuật* của Trường-Chinh, Nhà xuất bản Văn học, Hà nội, 1985**

**LÊ XUÂN VŨ**

ĐỒNG chí Trường-Chinh là một trong những nhà cách mạng Việt nam đem ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lê-nin soi sáng nền văn hóa dân tộc, là nhà lý luận văn hóa mác xít hàng đầu hơn nửa thế kỷ nay theo gót Hồ Chủ tịch chăm lo đến quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa mới Việt nam. Những bài đồng chí viết về văn hóa và nghệ thuật đã quen thuộc đối với chúng ta, có bài riêng nó đã là một tác phẩm lý luận hoàn mỹ. Năm nay, trong không khí những ngày kỷ niệm lớn, Nhà xuất bản Văn học chọn lấy một số bài tiêu biểu cho ra mắt bạn đọc dưới tên sách *Về văn hóa và nghệ thuật*. Sách in thành hai tập: tập I gồm những bài viết từ năm 1938 đến năm 1960; tập II từ năm 1961 đến nay.

Tập I chỉ có 20 bài nhưng nội dung bao quát các lĩnh vực phong tục, tập quán, giáo dục, báo chí, ngôn ngữ, khoa học, văn học, nghệ thuật. 20 bài nhưng là nền móng, là những bước mở đầu có ý nghĩa quyết định của nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt nam ngày nay mà cũng chính đồng chí Trường-Chinh vừa có dịp kiểm điểm lại trong lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời *Đề cương văn hóa Việt nam*. 20 bài nhưng vẫn một phong cách văn chương ấy, gọn chắc và sắc sảo.

★

Đọc *Về văn hóa và nghệ thuật* (tập I) của đồng chí Trường-Chinh hôm nay, khi nền văn hóa Việt nam «đổi đời» từ Cách mạng Tháng Tám đã trở thành «nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, với sức sống mãnh liệt, đang củng cố những đổi mới trong tư tưởng, tình cảm, trí tuệ và đạo đức của nhân dân ta ngày nay» (1), càng thấy rõ giá trị của *một đường lối văn hóa đúng đắn*. Đường lối ấy được xác định trong các văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ nửa thế kỷ nay. Đường lối ấy sáng ngời trong những cống hiến đặc biệt của Hồ Chủ tịch về cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta. Đường lối ấy được khẳng định, cụ thể hóa và phát triển qua các chặng đường trong nhiều bài viết của các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, nhất là trong các bài viết của đồng chí Trường-Chinh về văn hóa và nghệ thuật.

Lần theo những bài viết sắp xếp theo thứ tự thời gian trong *Về văn hóa và nghệ thuật* của đồng chí Trường-Chinh, chúng ta thấy được không chỉ «quá trình đấu tranh sôi nổi của tác giả trên mặt trận quyết liệt này» như lời nhà xuất bản, mà

(1) Trường-Chinh: «Diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt nam». *Tạp chí Cộng sản*, số 4, 1984, tr 21.



Digitized by Google

cả những cột mốc quan trọng trên đường phát triển của nền văn hóa Việt nam. Bởi vì nhiều bài viết trong đó ,vào những thời điểm đáng ghi nhớ, đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối chung của Đảng soi rọi vào thực tiễn văn hóa, tổng kết thực tiễn ấy, rút ra những kết luận để chỉ đạo lại thực tiễn, giúp cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ ta « nhận đường », đi tới.

*Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt nam lúc này* viết năm 1944 phân tích thực trạng văn hóa Việt nam để làm sáng tỏ khẩu hiệu dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa ; chỉ rõ ba nguyên tắc đó « không ở đâu xa, ở ngay tình trạng văn hóa nước Việt nam hiện tại » (tr. 26)★, đó là « ba cái khâu của một sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn » (tr. 30).

*Kháng chiến về mặt văn hóa* từ thực tiễn những năm 1946 — 1947 nêu ra nhiệm vụ và công việc thiết thực của mặt trận này, giúp những người hoạt động văn hóa đem văn hóa phục vụ kháng chiến, phát triển văn hóa nước ta trên nền tảng dân chủ mới.

Bản báo cáo nổi tiếng *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* tại Hội nghị văn hóa toàn quốc thứ hai tháng 7 năm 1948 là tác phẩm lý luận đầu tiên toàn diện của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ. Nó làm sáng tỏ những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về văn hóa, văn nghệ vận dụng vào tình hình cụ thể của đất nước. Nó phân tích một cách khoa học văn hóa Việt nam xưa và nay. Nó xác định tính chất và nhiệm vụ văn hóa dân chủ mới Việt nam, tập hợp mọi người làm công tác văn hóa yêu nước Việt nam vào mặt trận văn hóa thống nhất trong mặt trận dân tộc thống nhất và trong mặt trận văn hóa dân chủ thế giới. Nó giải đáp cặn kẽ những vấn đề cụ thể trong văn học và nghệ thuật nước ta đang làm nhiều người băn khoăn thắc mắc, như nghệ thuật và tuyên truyền, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, phê bình và luận chiến, làm thế nào để sáng tác văn nghệ được tốt v.v. Vì vậy mà nó là kim chỉ nam cho hoạt động văn hóa, văn nghệ của chúng ta.

*Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc, phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội* kiểm điểm phong trào văn nghệ từ Cách mạng Tháng Tám đến Đại hội văn nghệ toàn quốc thứ hai đầu năm 1957. Trong bối cảnh đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm củng cố miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà, nó nêu ra những nhiệm vụ trước mắt của văn nghệ sĩ, lên án bọn phá hoại Nhân văn — Giai phẩm, và cũng trả lời hàng loạt vấn đề cụ thể về văn nghệ Việt nam lúc bấy giờ, như quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, miêu tả sự thật và phê bình xây dựng, sáng tác phục vụ kịp thời và sáng tác lâu dài, tự do sáng tác, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, học tập văn nghệ tiên tiến của thế giới.

Có thể kể thêm nhiều nữa những bài có tính chỉ đạo quan trọng như vậy, không chỉ ở tập I mà rồi đây cả ở tập II, như những bài nói chuyện của đồng chí ở Đại hội văn nghệ toàn quốc thứ III, thứ IV hay Diễn văn tại lễ kỷ niệm thứ 40 ngày ra đời của *Đề cương văn hóa Việt nam*.

Xuất phát từ thực tiễn để chỉ đạo lại thực tiễn ở tầm nhìn của một nhà chiến lược mác xít là phẩm chất quan trọng nhất trong những bài viết của đồng chí Trường-Chinh. Ở đây, vừa khái quát lại vừa cụ thể, ấy là sự khái quát về mặt lý luận thực tiễn phát triển văn hóa, văn nghệ nước ta để vạch đường chỉ lối theo quan điểm

(★) Những câu dẫn có ghi chú số trang đều trích từ *Về văn hóa và nghệ thuật* của đồng chí Trường-Chinh. Nxb Văn học. Hà nội, 1965.



Digitized by Google

của chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong từng thời gian nhất định. Do đó mà hình thành cả một hệ thống những vấn đề lý luận văn hóa, văn nghệ Việt nam và việc giải quyết những vấn đề ấy mang tính nhất quán trong sự phát triển liên tục. Chính trị và văn nghệ, tự do sáng tác, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, phê bình văn nghệ, v.v., những vấn đề lý luận như vậy trở đi trở lại nhiều lần trong tập sách, song do yêu cầu chỉ đạo thực tiễn, mỗi lần đều có sự phát triển, tươi mới, ngày càng phong phú, cụ thể và sâu sắc hơn mà vẫn không xa rời những nguyên tắc cơ bản. Lý luận của đồng chí Trường-Chinh, lý luận của Đảng ta, theo lời dạy của Hồ Chủ tịch « là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính » (2).

Nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng đường lối, chính sách của Đảng để tự tìm lấy từ trong thực tiễn lời giải đáp cho những vấn đề đang đặt ra hôm nay, đó là điều đầu tiên chúng ta cần học tập trong sách *Về văn hóa và nghệ thuật* của đồng chí Trường-Chinh.

★

*Về văn hóa và nghệ thuật* (tập I) của đồng chí Trường Chinh không chỉ là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào văn hóa Việt nam mà còn là sự chiến đấu cho thắng lợi của lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong việc nhận thức và giải quyết mọi vấn đề. Cốt lõi của văn hóa là tư tưởng. Chú trọng đến việc *xây dựng lại đời sống tinh thần của nước ta trên cơ sở thế giới quan của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng là điểm son nổi bật* của tập sách.

*Nhân sự lầm lạc của cụ Phan Bội Châu*, « một việc làm cho nhiều bạn phải đau đớn, phải ngạc nhiên (tr. 19), đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ nguyên nhân dích thực của nó và kết luận: « Sự nghiệp xưa của ông, ta không quên. Nhưng ta cũng đừng quá tin ở ông để khỏi phải quá thất vọng về ông. Ông đã mất trí sáng suốt, mất giác quan cách mạng thì ông bị bọn An, Tá đánh lừa hay ông biết mà cứ viết thư chúc ông Sa-ten đi nữa, cái đó không lấy gì làm lạ đối với những ai biết nhận chân sự thật, những ai tin ở sức quần chúng, và coi cá nhân chỉ là sản phẩm của phong trào, mặc dầu cá nhân có thể ảnh hưởng mạnh đến phong trào và điều khiển được phong trào » (tr. 21). Từ đó, đồng chí lại chứng minh rằng sứ mệnh của Văn thân đã hết từ lâu rồi, « quyền lãnh đạo cách mạng phải ở trong tay giai cấp vô sản » (tr. 21), « sự nghiệp chung cụ bỏ dở đã có người kế tục » (tr. 25).

Tên tờ rốt kít Nguyễn Tế Mỹ viết sách *Hai Bà Trưng khởi nghĩa* cho rằng Hai Bà còn ở chế độ mẫu hệ mà chồng lại Trung quốc bấy giờ đã ở chế độ phụ quyền là « ngược đường tiến hóa của xã hội ». Đồng chí Trường-Chinh chỉ rõ Tế Mỹ là « *một con quỷ đội lốt mác xít* » (tr 33), biện hộ cho chính sách xâm lược của bọn phong kiến Đông Hán cũng như của bọn đế quốc Pháp, và kêu gọi các bậc thức giả kịp vạch mặt những tên ngụy trí thức này trong nhóm *Hàn Thuyên*.

Đồng chí Trường-Chinh yêu cầu kiên quyết chống lại « ảnh hưởng của văn hóa thực dân vẫn còn khá mạnh trong tập quán, trong tư tưởng của cán bộ và nhân dân ta » (tr. 45). Đồng chí vạch trần tư tưởng « Nhân văn » và những tư tưởng tương tự lúc bấy giờ trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại và quốc tế, chỉ rõ tính chất nguy hại của bọn Nhân văn –

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1984, tập 4 tr 444.



Digitized by Google

Giai phẩm « tử phá hoại về mặt tư tưởng và nghệ thuật đi đến phá hoại về mặt chính trị » (tr. 221). Đồng chí trang bị cho chúng ta quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về văn hóa Việt nam qua những báo cáo rất cơ bản cũng như qua mỗi bài nói chuyện với những người làm văn hóa, văn nghệ. Bàn về *Thi đua ái quốc và chủ nghĩa anh hùng mới*, đồng chí biểu dương chủ nghĩa anh hùng cách mạng ở các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu, nhằm động viên chính trị, giáo dục đạo đức cách mạng, xây dựng con người mới.

Năm 1955, nhân việc xuất bản Tạp chí *Học tập* (nay là *Tạp chí Cộng sản*), đồng chí Trường-Chinh phân tích cả « hai mặt tốt và xấu của tình hình gây ra những ưu điểm và nhược điểm của Đảng » (tr. 173), chỉ rõ vai trò của Tạp chí *Học tập* trong công tác tư tưởng và tổ chức của Đảng, trong việc tổng kết kinh nghiệm cách mạng phong phú của Đảng, trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Đồng chí « mong rằng, với Tạp chí *Học tập* ra đời, Đảng ta sẽ đẩy mạnh phê bình, tự phê bình, đẩy mạnh đấu tranh chống mọi khuynh hướng sai lầm trong khi chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, chống mọi sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác—Lê-nin và những lệch lạc về tư tưởng đã khá nhiều ở nước ta hiện nay. Đồng thời, Đảng sẽ làm cho lý luận của mình tiến trước và chỉ đường cho công tác thực tiễn, khắc phục được chủ nghĩa sự vụ thiển cận hiện đang phổ biến trong cán bộ, đảng viên » (tr. 188).

Tham luận *Công tác tư tưởng của Đảng* hoàn toàn đồng ý với Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí Lê Duẩn trình bày tại Đại hội thứ III của Đảng, nhìn lại 30 năm đã qua, chỉ ra nhiệm vụ và biện pháp cụ thể của công tác tư tưởng trong tình hình mới, nhấn mạnh « *xóa bỏ đến tận gốc hệ tư tưởng của giai cấp tư sản là nội dung cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa* » (tr. 357).

*Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam* là một tác phẩm hoàn chỉnh, viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 ngày sinh Hồ Chủ tịch. Nó không chỉ ôn lại tiểu sử và sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ. Nó còn làm sáng tỏ « đường lối cách mạng của Hồ Chủ tịch tức là đường lối cách mạng của Đảng ta, đường lối mác xít—lê nin nít ở một nước vốn là nông nghiệp và thuộc địa » (327). Nó ca ngợi đạo đức và tác phong cao quý của Người « suốt đời tận tụy, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa » (tr. 328), mãi mãi là tấm gương sáng chói cho tất cả chúng ta...

Không thể kể hết, nhưng rõ ràng mối quan tâm hàng đầu của đồng chí Trường-Chinh là giáo dục chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, là làm cho thế giới quan Mác—Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Đó cũng chính là mục tiêu của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta.

*Về văn hóa và nghệ thuật* (tập I) của đồng chí Trường-Chinh cũng rất quan tâm đến việc *dân chủ hóa nền văn hóa*. Năm 1957, khi bàn về cách mạng văn hóa ở nước ta, đồng chí nói: « Cuộc cách mạng văn hóa của ta phải làm cho văn nghệ không còn là của quý đắt tiền bày trong tủ kính, chỉ có một số ít người có đặc quyền mới dám nhòm ngó tới, mà trở thành như nước uống, khí trời của hàng triệu nhân dân » (tr. 204).

Công nông là gốc cách mạng, là người chủ của nước nhà, theo « đường kách mệnh » ấy của Hồ Chủ tịch, từ lâu, khi cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp



Digitized by Google

viết *Vấn đề dân cày*, đồng chí Trường-Chinh đã lên án sự bóc lột tàn bạo, « thứ phong tục phong kiến đã đến ngày đời bại » (tr. 7) trói buộc người lao động, chính sách ngu dân, nạn mù chữ kinh khủng ở nước ta. Đồng chí vạch trần tính chất phản đại chúng bên cạnh tính chất phản dân tộc, phản khoa học của văn hóa thời đó : « Đại chúng mang sức sống vật chất của xã hội, vì đại chúng gồm những người sản xuất nuôi đời ; các nhà văn hóa mang sức sống về tinh thần của xã hội đáng lẽ phải phục vụ đại chúng, cái vú sữa của xã hội, mật thiết với đại chúng, nhưng đằng này lại phản đại chúng, xa đại chúng. Văn hóa không bắt rễ thẳng ở đại chúng. Kết quả văn hóa cằn cỗi, héo hon... » (tr. 29).

Đồng chí vui mừng khôn xiết vì ngót ba năm sau cách mạng thêm được bảy triệu đồng bào biết chữ : « Chúng ta quả đã chiếm giải vô địch trong cuộc đấu tranh chống giặc dốt » (tr. 93).

Trong *Thư gửi anh chị em họa sĩ* năm 1951, đồng chí cũng nhấn mạnh trước hết đến đối tượng phục vụ của văn nghệ theo lời dạy của Hồ Chủ tịch. Đồng chí cho rằng hội họa còn tương đối nghèo nàn so với cuộc sống phong phú là do phần lớn họa sĩ ta chưa thấm nhuần đường lối cách mạng, chưa nắm vững quan điểm phục vụ nhân dân, chưa nhận rõ quần chúng lao động và đấu tranh là nguồn sinh lực vô cùng vô tận của nghệ thuật, chưa nhận rõ nội dung của nghệ thuật là mô tả vai trò của nhân dân... Đại chúng hóa nghệ thuật không phải là « tầm thường hóa » nghệ thuật. Đồng chí nói : « nghệ thuật có đại chúng hóa mới có thể đồng thời là nghệ thuật tuyệt tác và nghệ thuật càng tuyệt tác chừng nào càng đại chúng hóa chừng nấy, tuy không phải bất cứ nghệ thuật đại chúng nào cũng tuyệt tác cả » (tr. 141).

Trong dòng tư tưởng ấy, đồng chí luôn luôn nhắc nhở, động viên những người làm văn hóa, văn nghệ tăng cường tính đảng, đi sâu vào đời sống nhân dân, đem văn hóa phục vụ nhân dân. Không những thế, đồng chí còn cho rằng quần chúng hoàn toàn có khả năng làm văn nghệ và đồng chí hết lòng chăm chút phong trào quần chúng sáng tác văn nghệ : « Quần chúng là viên giám khảo vô tư nhất, sáng suốt nhất đối với nghệ thuật... Quần chúng là nhà phê bình nghệ thuật sành hơn ai hết, chính vì quần chúng gồm nhiều tai, mắt, óc khôn và có cảm giác chung đấu lại » (tr. 121). *Nói chuyện tại hội nghị bạn viết toàn quân* năm 1959, đồng chí cho rằng một trong những nguyên nhân làm nên thành tích và tiến bộ trong công tác văn nghệ quân đội, là biết « cổ vũ quần chúng sáng tác, có khi chỉ viết những bài tự thuật, những bút ký ngắn, gọn, nhưng chan chứa tình cảm chân thật, làm như thế khơi được nguồn sáng tác của quần chúng, phát hiện được những tài năng mới, những mầm non của văn nghệ. Phương pháp vận động quần chúng tham gia sáng tác văn nghệ như thế là đúng và đã có kết quả rõ rệt » (tr. 255 – 256).

Nhằm xây dựng lại đời sống tinh thần của xã hội trên cơ sở thế giới quan Mác — Lê-nin, làm cho văn hóa trở thành tài sản chung của toàn dân, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa như ngày nay chúng ta thường nói, *Về văn hóa và nghệ thuật*, ngay ở tập I, đã chú trọng đầy đủ đến cả mặt *tư tưởng* và mặt *xã hội* của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta. Tính chất cương lĩnh ấy đã thấy rõ ngay từ *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* :

« Về xã hội, lấy giai cấp công nhân làm gốc.

Về chính trị, lấy độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội làm gốc.



Digitized by Google

Về tư tưởng, lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm gốc.

Về sáng tác văn nghệ, lấy chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa làm gốc » (tr. 69)

★

Bàn những vấn đề tư tưởng, lý luận, đường lối của Đảng trên một mặt trận tinh tế và phức tạp nhưng những bài viết của đồng chí Trường Chinh trong *Về văn hóa và nghệ thuật* lại gãy gọn, sáng sủa, dễ hiểu. « ...Văn của đồng chí Trường-Chinh đã tạo nên một nề nếp tư tưởng và diễn tả mới trong văn học. Nó sắc bén, cụ thể, chắc gọn, hun đúc lửa chiến đấu... », từ lâu đồng chí Tố Hữu đã nhận xét như vậy (3).

Đó dĩ nhiên là vì tác giả đã làm theo « *Mười tám điều tự răn trong khi viết văn* (tr. 50), gương mẫu thực hiện yêu cầu « *Hãy gây một phong trào làm trong sáng lời và văn của chúng ta* » (tr. 125). Tác giả nghiêm túc và thận trọng trong từng câu, từng chữ, trong từng dấu phẩy, dấu chấm. Ngay khi cho xuất bản tập sách này, tác giả cũng đã xem lại và chỉnh lý cẩn thận. Điều đó chúng ta đều biết. Nhưng không chỉ có thế.

Nếu như mỗi bài viết của tác giả đều có một dàn bài rất dễ nhận biết — mở đầu, thân bài, kết luận —, một kết cấu lô gích chặt chẽ, ý dồi dào mà câu văn ngắn gọn, hơi văn mạnh sắc, trước hết là bởi vì tác giả bằng phương pháp luận Mác — Lê-nin, đã nắm thật chắc và thật nhuần nhuyễn vấn đề định nói. Điều này, xưa kia Boa-lô đã viết : « Những gì người ta nhận thức thấu đáo thì biểu hiện ra rõ ràng, và những tiếng dùng để diễn đạt sẽ đến một cách dễ dàng ». Điều này, chính tác giả cũng đã nói trong đề cương bài giảng *Viết xã luận* : « Một vấn đề càng nghĩ chín, viết ra càng dễ và càng hay » (tr. 135).

Cho nên văn của tác giả chẳng những dễ hiểu mà nhiều đoạn dễ nhớ, dễ thuộc. Làm văn hóa, văn nghệ ai người quên được những hình ảnh như « văn chương liếm gót giầy, văn chương « không đau mà rên », văn chương « bò sát đất », hoặc hình ảnh « Không có phê bình, không có luận chiến, phong trào văn nghệ nước ta êm đềm, trầm mặc quá ! Nó khác nào con ngựa đi bước một rủ cổ xuống đất... » ? Ai người không nhớ đoạn văn mẫu mực bàn về quan hệ giữa kinh tế và văn hóa trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* ; về nghệ thuật và tuyên truyền cũng trong bản báo cáo đó : « Tuyên truyền cao tới một mức nào đó thì tuyên truyền trở thành nghệ thuật. Nghệ thuật thiết thực tới một mức nào đó thì nghệ thuật có tính chất rõ rệt là tuyên truyền. Cho nên, có thể có những người tuyên truyền không phải hoặc chưa phải là nghệ sĩ, nhưng không thể có những nghệ sĩ hoàn toàn không phải là người tuyên truyền » (tr. 113). Hoặc như đoạn văn sau đây về nhiệm vụ chủ yếu của văn nghệ ta cũng vậy : « Hãy ca ngợi *những con người mới* của chúng ta, trong lao động và tình yêu, trong đời công và đời tư, trong quan hệ công tác và quan hệ gia đình, bè bạn, những con người giản dị, bình thường, nhưng rất dũng cảm, được rèn luyện trong cách mạng, trong kháng chiến và ngày nay đang dem hết sức mình ra để làm cho Tổ quốc ta ngày thêm giàu mạnh, đất nước ta ngày thêm tươi đẹp. Hãy đấu tranh không nhân nhượng chống những thói xấu của giai cấp bóc lột, lười biếng, gian dối, khinh miệt công nông, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do tư sản, không để cho nó đầu độc những con người ấy (tr. 208).

(3) Tố Hữu : *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta*. Nxb Văn học, Hà nội, 1973, tr. 72.



Digitized by Google

« Nghĩ chín » cho nên mỗi lập luận của tác giả đều sắc sảo, có tính chiến đấu cao mà lại thấu tình đạt lý, có sức thuyết phục. Chẳng hạn, khi bàn về chính trị lãnh đạo văn nghệ và văn nghệ phục vụ chính trị, tác giả đã làm rõ quan niệm thế nào là chính trị lãnh đạo văn nghệ, và « đối với văn nghệ sĩ, còn vinh dự nào cao quý bằng đem nghệ thuật phục vụ một đường lối cách mạng giải phóng cho nhân dân khỏi áp lức và bóc lột ? » (tr. 215 – 216). Tác giả nói chuyện thẳng thắn và thông cảm với những « anh chị em văn nghệ sĩ nhìn lại mười năm qua cảm thấy « tiếc đời mình », vì trong khoảng thời gian ấy đã thủ tiêu sáng tác hoặc không sáng tác được gì có thể gọi là tác phẩm có giá trị » (tr. 229). Tác giả phân tích rõ cả hai nguyên nhân, từ phía anh chị em văn nghệ sĩ và từ phía một số cán bộ lãnh đạo văn nghệ, đã làm cho vấn đề « tự do sáng tác » trở nên sôi nổi v.v.

« Nghĩ chín » cho nên mỗi bài viết của tác giả – không chỉ những bài lớn mà cả những bài nhỏ – đều có sức lôi cuốn từ bên trong, sức lôi cuốn của chân lý, của luận lý. *Mấy lời tâm huyết cùng các bạn sinh viên* và *Sinh viên văn tiến* chẳng hạn, là hai bài báo nhỏ về thái độ chính trị của sinh viên những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, rất đanh thép mà cũng rất khôn khéo, đầy sức thuyết phục, đã giúp cho Tổng hội sinh viên cứu quốc lúc bấy giờ chống được sự khiêu khích, chia rẽ của bọn việt gian và tự tẩy uế, chấn chỉnh lại hàng ngũ của mình trong mặt trận Việt minh...

« Nền nếp tư tưởng và diễn tả mới » của đồng chí Trường-Chinh là sự thực hiện yêu cầu của chính đồng chí : « Phải cách mạng lối nói và viết của chúng ta hơn nữa. Phải *kiên quyết bảo vệ tiếng mẹ đẻ, giữ cho lời văn, tiếng nói của ta trong sáng, noi theo gương Hồ Chủ tịch* » (tr. 130).

★

*Về văn hóa và nghệ thuật* của đồng chí Trường-Chinh bao quát những vấn đề quan điểm, đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta ngót nửa thế kỷ nay. Mỗi thế hệ làm văn hóa, văn nghệ chúng ta đều thấy như có mình trong đó, đều có thể tìm thấy trong đó những vấn đề của mình đã và đang được giải quyết. Sách mới ra tập I, nhưng chỉ mới đọc tập I, chúng ta đã cảm nhận sâu sắc rằng *Về văn hóa và nghệ thuật* của đồng chí Trường-Chinh là một đóng góp to lớn và quý báu vào cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt nam.



Digitized by Google

# Vấn đề xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số Tây nguyên

MẠC ĐƯỜNG

TẠI Đại hội thứ V của Đảng ta, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn nêu rõ: "Một nhiệm vụ của cách mạng tư tưởng và văn hóa là đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở (...). Hết sức chăm lo xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn, chú ý đến vùng căn cứ cũ, vùng có đồng bào các dân tộc" (1). Những ý kiến đó đề cập đến một số lĩnh vực lý luận và thực tiễn của công tác văn hóa. Rõ ràng là việc đưa văn hóa thâm nhập vào cuộc sống của nhân dân và xây dựng đời sống ở cơ sở *có quan hệ chặt chẽ với nhau*. Đó cũng là một nhiệm vụ, một nội dung của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta. Từ đây, lại nảy ra một loạt vấn đề cần được nghiên cứu giải quyết, nhất là đối với vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là ở Tây nguyên.

Văn hóa, văn hóa dân gian truyền thống, đời sống văn hóa ở cơ sở là những quan niệm có gì khác nhau? Đời sống văn hóa ở cơ sở gồm có những lĩnh vực nào? Trong khi xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thái độ của chúng ta đối với văn hóa dân gian truyền thống và phong tục tập quán ra sao? Văn hóa nào sẽ được đưa vào quần chúng?... Tìm câu trả lời cho những vấn đề trên quả là không đơn giản và không phải là một công việc của vài người.

Với góc độ dân tộc học, chúng tôi xin mạnh dạn nêu lên một số suy nghĩ nhằm góp phần làm rõ thêm vấn đề nói trên.

## I — MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ MẶT NHẬN THỨC LÝ LUẬN

Văn hóa là một lĩnh vực sáng tạo rất rộng của con người. Quan niệm về văn hóa hiện nay đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Ở phương Tây nói chung hiện tồn tại 250 quan niệm khác nhau về vấn đề này (2). Trước đây, văn hóa được hiểu đó là học vấn, nhà trường và chế độ giáo dục. Ngày nay, văn hóa được quan niệm rộng hơn bao gồm cả khoa học — kỹ thuật, ngôn ngữ và văn học. "Văn hóa là toàn bộ thành tựu của xã hội bao gồm sự phát triển vật chất và tinh thần của xã hội đó và được xã hội đó sử dụng. Văn hóa bao gồm văn hóa dân gian truyền thống và nó đáp ứng cho sự tiến bộ không ngừng của nhân loại" (3).

Vậy thì, văn hóa là một khái niệm rộng về sự sáng tạo của con người trên nhiều lĩnh vực với mục đích làm cho xã hội loài người không ngừng tiến lên văn minh. Trong đó, văn hóa dân gian truyền thống là sản phẩm lâu dài của nhiều lớp người sáng tạo nên, nó mang đậm nét đặc tính tộc người được tồn tại cho đến ngày

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1982, tập I, tr. 101.

(2) A. Môl — *Động thái xã hội của văn hóa*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1973, tr. 35.

(3) *Từ điển triết học bách khoa*. Mát-xcơ-va, 1964, tập 3, tr. 118.



Digitized by Google

nay trải qua nhiều chế độ, nhiều thời kỳ lịch sử. Văn hóa dân gian truyền thống là hòn ngọc quý của kho tàng văn hóa. Song, vì đã trải qua nhiều chế độ, nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau cho nên bụi « phong trần » cũng bám vào hòn ngọc quý đó. Và như vậy trong văn hóa dân gian không tránh khỏi tồn tại những yếu tố lạc hậu, bảo thủ, mê tín mà chúng ta phải có công tìm hiểu và gạn lọc.

*Đời sống văn hóa ở cơ sở là những sinh hoạt cụ thể hàng ngày của nhân dân trên nhiều mặt mà trước hết là các vấn đề ở, ăn, mặc, phương tiện vận chuyển, văn nghệ dân gian truyền thống, tri thức chữa bệnh, lễ hội và cơ sở vật chất kỹ thuật mới. Đời sống văn hóa ở cơ sở là những vấn đề cụ thể của văn hóa* nhằm *bảo đảm đời sống* vật chất và tinh thần cho con người *không ngừng tiến bộ*. Đời sống văn hóa ở cơ sở bao gồm ba lĩnh vực chính: *một là*, lĩnh vực văn hóa vật chất (ăn, ở, mặc, phương tiện vận chuyển); *hai là*, lĩnh vực văn hóa tinh thần (văn nghệ dân gian truyền thống, tri thức chữa bệnh, lễ hội); *ba là*, lĩnh vực văn hóa kỹ thuật (hệ thống truyền thông đại chúng, trạm điện, thủy điện, máy móc công nghiệp). Trong báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội V, từ *cơ sở* được xác định cụ thể: đó là các nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, xã, hợp tác xã, phường, ấp... Vì vậy, công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở phải được tiến hành từ dưới, phải bắt đầu từ những điểm cư trú tập trung dân, những nơi trình độ văn hóa còn thấp so với nhiều nơi khác. (Điều này làm cho chúng ta nhớ lại những sắc lệnh của Lê-nin về việc xây dựng các trung tâm văn hóa — khoa học ở Đa-ghe-xtan, Tua-ke-xtan vào những năm 1920 — 1922. Đây là những vùng dân tộc thiểu số ở biên cương có đời sống văn hóa thấp nhất ở nước Nga sau cách mạng. Điều này cũng lưu ý chúng ta những kinh nghiệm của Liên xô trong việc thành lập các cơ sở văn hóa (Kultbazơ) ở vùng Xi-bê-ri vào những năm 30 dưới chính quyền xô viết nhằm nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở cho các bộ lạc chăn nuôi còn lạc hậu).

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là một sự nghiệp lớn, một cuộc đấu tranh quyết liệt và phức tạp giữa chủ nghĩa xã hội với tất cả những lực lượng, tàn dư văn hóa phản động và lạc hậu nhằm khẳng định một cuộc sống mới của một chế độ mới cho nhân dân. Chính vì vậy, đó là một sự nghiệp của quần chúng; dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng của Nhà nước, nhân dân phải được chủ động và tham gia công tác này theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ».

## II — XÃ HỘI TÂY NGUYÊN VÀ ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ HIỆN NAY TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Xã hội Tây nguyên là một xã hội mà ở đó « sản xuất tự cấp, tự túc là chính (...). Chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chưa hình thành một cách phổ biến. Sự phân hóa giai cấp chưa rõ rệt. Còn tồn tại những tàn dư của chế độ công hữu có tính chất cộng sản nguyên thủy » (1). Nhận xét đó của đồng chí Trường-Chinh về xã hội Tây nguyên là hoàn toàn chính xác về đặc trưng chung nhất và mang tính phổ biến của quy luật. *Mặt khác, ở Tây nguyên còn có nhiều mô hình cấu trúc xã hội quá độ, mô hình sinh hoạt văn hóa trong đời sống nhân dân mà chúng ta chưa nắm được hết những đặc thù.* Bởi vì, xã hội Tây nguyên là một xã hội trong thời kỳ tan rã của

(1) Trường-Chinh: « Đưa nhân dân các dân tộc ở Đắk Lắk tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội » *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1983, tr. 10.



Digitized by Google

chế độ xã hội nguyên thủy trong bối cảnh lịch sử chịu sự tác động của các chế độ phong kiến, thực dân cũ, thực dân mới. Cơ cấu dòng họ và quan hệ huyết thống trong các buôn làng còn ràng buộc chặt chẽ thông qua những phong tục, tập quán. Do đó, đối với nội bộ từng buôn thì những quan hệ dòng họ và huyết thống đó rất chặt chẽ. Nó là cơ sở của sự quản lý xã hội trong buôn thông qua các luật tục. Song, đối với các buôn khác, nhất là đối với các dân tộc khác thì tính độc lập và tự trị địa phương rất cao. Nó khác hẳn với công xã nông thôn ở chỗ quan hệ dòng họ và huyết thống. Trong công xã nông thôn, quan hệ này không còn ý nghĩa ràng buộc chặt chẽ và là cơ sở để quản lý xã hội nữa. Như Các Mác đã viết: « Công xã nông thôn là tổ chức đầu tiên của những người tự do không bị ràng buộc bởi những quan hệ huyết thống » (5).

Có quan điểm cho rằng, xã hội Tây nguyên là « thể hiện đặc trưng của công xã nông thôn thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa ». Ở đây, có thể đặt câu hỏi: vậy làng xã ở Bắc bộ, Trung bộ, Nam bộ trước năm 1954 có thể hiện đặc trưng cho công xã nông thôn thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa không? Và như chúng ta đều biết ở đó trước năm 1945, phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp đã trở thành sâu sắc khiến cho Đảng ta đã vạch ra những chính sách rất đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn xã hội này. Cũng có quan điểm nhấn mạnh đến sự « manh nha giai cấp ». Vậy cũng xin được hỏi rằng: ở Tây nguyên hiện nay, các chính sách của ta sẽ nhấn mạnh vấn đề « giai cấp » hay là cần thiết xây dựng một quan hệ xã hội mới xóa bỏ những quan hệ ràng buộc về dòng họ và phong tục, tập quán lạc hậu đang ngăn cản sự tiến bộ của đồng bào các dân tộc? Rõ ràng sự « *tồn tại những tàn dư của chế độ công hữu có tính chất cộng sản nguyên thủy* » của xã hội các dân tộc ở Tây nguyên như đồng chí Trường-Chinh nhấn mạnh là điều mà chúng ta cần chú ý nghiên cứu sâu hơn nữa

Từ nhận thức quy luật xã hội, chúng ta đi đến nhận thức về quy luật và tính chất của văn hóa. Các nhà dân tộc học xô viết quan niệm: xã hội được phân chia thành những hình thái kinh tế — xã hội (nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản và xã hội chủ nghĩa) (6). Giá trị văn hóa chính là ở sự sáng tạo. Sáng tạo khoa học, sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo ra những biện pháp chống thiên nhiên, sáng tạo ra những nghệ thuật đấu tranh xã hội để đạt được thắng lợi, bảo tồn con người và làm cho con người tiến bộ không ngừng.

Văn hóa dân tộc thiểu số ở Tây nguyên là thuộc loại hình văn hóa nguyên thủy trong giai đoạn phân giải (déculturation). *Đời sống văn hóa ở cơ sở còn tồn tại những tàn dư sinh hoạt cộng đồng có tính chất nguyên thủy.* Trên lĩnh vực văn hóa vật chất (ở, ăn, uống, mặc, đi lại) còn rất nhiều nét cổ xưa và lạc hậu. Sự phân bố của buôn làng phụ thuộc vào nguồn nước và đất rừng để làm rẫy. Mỗi buôn làng đều có một khu vực rộng để phát rẫy riêng. Do đó, buôn làng phân bố rất phân tán có khuynh hướng bám sâu vào rừng già, đầu nguồn nước. Có những buôn làng định cư lâu ruộng khô nhờ nước trời trên những vùng thoáng mát, nhưng lại rất thiếu nước sinh hoạt vì xa nguồn nước. Tổ chức buôn làng như trên phù hợp với lối sống du cư du canh hoặc định cư luân canh trên cơ sở săn bắn, thu hái lâm sản và khai thác rừng một cách thô sơ nhất. Làng càng phân bố phân tán thì nhà lại được tập trung với mật độ cao. Có ở gần

(5) *Tuyển tập Mác — Ăng-ghen*, tiếng Nga, quyển I, tr. 754.

(6) Theo V. Brom-lây: *Đại cương lý thuyết tộc người*, Nxb Khoa học, Mát-xcơ-va, 1983, tr. 26.



Digitized by Google

nhau mới bảo tồn được con người trước thú dữ và những cuộc xung đột bất người như trước đây đã xảy ra, bảo tồn chặt chẽ những quan hệ huyết thống và dòng họ do ngoại hôn tạo nên. Đặc biệt là trong những nhà dài, quan hệ chặt chẽ về dòng họ lại càng được bảo lưu mạnh mẽ hơn. Ở Tây nguyên, có hai loại nhà dài: nhà dài trên sàn (Ê-đê, Gia rai, Mạ...), nhà dài nền đất (Mnông Ga, Giẻ triêng, Xtiêng...). Mỗi nhà dài có từ 5 – 7 hộ đến vài chục hộ, thậm chí mỗi làng có nơi cá biệt chỉ có vài nhà dài. Có những vùng tồn tại loại nhà ngắn cho từng gia đình riêng. Nhà ngắn cũng có hai loại: nhà sàn và nhà nền đất. Hiện nay, ở Đắc lắc, Lâm đồng, quá trình phân giải những nhà dài đang bắt đầu. Ở Đắc lắc cuộc vận động phân giải nhà dài đã trở thành một chủ trương của chính quyền và được sự đồng tình của nhân dân, đặc biệt là tuổi trẻ người dân tộc.

Trước năm 1978, vấn đề lương thực và muối còn là vấn đề gay gắt trong đời sống hằng ngày. Năm 1979, về cơ bản, hai vấn đề trên đã được giải quyết nhờ tiến hành vận động định canh định cư có kết quả và an ninh chính trị được bảo đảm. Từ năm 1982 đến năm 1983, nhiều buôn làng, hợp tác xã đồng bào dân tộc đã đạt được bình quân lương thực đầu người từ 250 kg đến 350 kg, có những nơi đạt đến 550 kg, cá biệt như vùng Xtiêng (huyện Phước long, tỉnh Sông bé) đạt đến 650 kg năm 1982, trong đó tỷ lệ lúa chiếm 70 đến 80 phần trăm. Nếu không bị thiên tai nặng, đồng bào các dân tộc Tây nguyên chắc chắn có khả năng tự túc được lương thực. Hơn nữa, nếu đẩy mạnh cuộc vận động định canh định cư kết hợp với mở rộng diện tích ruộng nước và thâm canh, phát triển kinh tế vườn và vườn rừng trồng cây xuất khẩu, thì nhất định đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc sẽ nhanh chóng thay đổi. Đồng bào Tây nguyên có khả năng đạt 500 kg lương thực đầu người là mức lương thực cần thiết để đi lên trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ chuẩn bị phát triển công nghiệp. Cá khô là thực phẩm rất cần cho đời sống của đồng bào hiện nay. Nhiều nơi, đồng bào phải mua từng con cá khô của tư thương với giá cắt cổ. Do hậu quả của chiến tranh, do phá rừng bừa bãi và dùng thuốc nổ đánh cá ở sông suối cho nên ngày nay số thịt và cá cho bữa ăn đã dần dần trở thành khan hiếm. Do đó, thực phẩm chính trong bữa ăn của đồng bào các dân tộc ở đây là muối và rau rừng (rau rừng có loại ngọt như nước thịt như rau nhíp... có loại béo và ngon miệng như các loại dọt mây..., rất nhiều loại hạt cung cấp mỡ thực vật. Các món ăn như canh thụt, canh bồi, cơm lam, cá nướng vừa ngon vừa có giá trị dinh dưỡng cao, được đồng bào các dân tộc Tây nguyên yêu thích. Những món ăn này gắn với tài nguyên rừng). Ở Tây nguyên hiện nay có nhiều buôn làng đang lâm vào cảnh thiếu nước uống cho người và gia súc, đặc biệt nguồn nước sạch. Còn một số nơi định cư định canh mới nghĩ đến khai thác ruộng nước và dòng nước thủy lợi, nhưng chưa chú ý đến nước sạch cho người, nước tắm cho voi. Nạn thiếu mặc hiện nay đang khá phổ biến, nhiều nơi mức độ thiếu mặc đáng được báo động. Các cơ quan thương nghiệp chưa chú ý đến việc cung cấp các loại vải có độ dày và bền cần thiết, thích hợp với điều kiện thiên nhiên và lao động của đồng bào các dân tộc. Mặt khác, chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa quan tâm vận động đồng bào trồng cây có sợi, cải tiến và tổ chức lại nghề dệt cổ truyền mà làng nào cũng có. Chăn màn hiện nay hầu như không có; có nơi, mười gia đình mới có được một chăn sợi mỏng Nam định (mỗi gia đình trung bình có từ 4 đến 6 người); nhiều nơi cả buôn không tìm đâu ra được một tấm chăn. Nhân dân đi lại



Digitized by Google

và vận chuyển chủ yếu vẫn bằng đôi chân trần với một chiếc gùi trên lưng; chỉ một số nơi dùng voi, thuyền độc mộc, hay xe đạp; rất cá biệt có nơi dùng xe gắn máy và ô tô vận tải nhỏ. Hiện nay, có được đôi dép lốp cao su đã trở thành điều ước mong chung của đồng bào để tiện việc đi rừng, đi hội họp, giao dịch hằng ngày. Đồng bào đã biết nuôi trâu, bò, ngựa từ xa xưa để cúng tế, săn bắn, chống cháy rừng, nhưng lại chưa biết dùng để kéo xe.

Trên lĩnh vực văn hóa tinh thần, Tây nguyên là một khu vực văn hóa dân gian truyền thống rất phong phú và đa dạng, một « hòn ngọc quý » của nhân loại trong thế kỷ hiện nay. Dưới lòng đất của Tây nguyên chắc chắn còn nhiều tài nguyên hiếm có mà ta chưa biết được hết, *trong đó còn những nền văn hóa khảo cổ nổi tiếng mà nay vẫn còn là ẩn số*. Các phương thuốc chữa bệnh bằng cây cỏ rất hiệu nghiệm trong nhân dân (như chữa rắn cắn, hồ cắn, hạn chế sinh đẻ..) cho đến nay vẫn còn nằm trong sự huyền bí của thần linh. Đời sống văn hóa ở cơ sở từ những trò chơi thả diều với các ống sáo bằng cây lồ ô, cây giang cho đến các bẫy thú, dàn nhạc gõ đuổi chim, những bài hát trữ tình của nam nữ, những điệu múa tập thể, múa trống, múa khiên, đến những bản trường ca đồ sộ mang tính sử thi đầy gợi cảm và lung linh hình tượng cho đến những bộ dàn đá, dàn t'rưng, krông pút, kèn Kvoai, kèn lá... phản ánh thiên nhiên hùng vĩ và tâm hồn nhạy cảm của con người Tây nguyên. Từ những chiếc cồng có núm đến những bộ chiêng A ráp nổi tiếng được dùng trong các lễ hội (đâm trâu, Pô thi, hội mùa, hội mừng sức khỏe là bốn lễ hội lớn nhất trong nhân dân với số người dự rất đông và kéo dài nhiều ngày) đến câu tục ngữ « Chín tháng đổ mồ hôi ra nước mắt, Ba tháng rồi nhàn hè hội vui chơi » của đồng bào Gia rai cũng nói lên một lối sống mang đậm màu sắc tân dự của một xã hội nguyên thủy còn đang tồn tại hiện nay. Thế nhưng, những lễ hội trên lại cũng dễ làm sống dậy những tư tưởng thần linh, những quan niệm lệch lạc về cuộc sống hiện tại, những tư tưởng cục bộ, hẹp hòi của dòng họ, những đặc quyền và thần quyền của tầng lớp trên... « Ma lai », cưới xin, ma chay với những hủ tục còn dang đè nặng lên đời sống nhân dân, nhất là những người tiến bộ và lớp trẻ; « ma lai » còn đe dọa cả tính mạng con người, cá biệt có những trường hợp giết người vô cớ chỉ vì mê tín. Qua hiện tượng « ma lai » ở một vài nơi, chúng ta cũng cần nghĩ đến một âm mưu chính trị nào đó nhằm phá hoại an ninh trật tự địa phương cần được theo dõi thêm để kết luận. Điều đáng quan tâm hơn nữa, là gần đây nạn không biết chữ lại tái phát và đang lan rộng cùng với sự phát triển của tệ cúng kiêng, đồng bóng, thầy hum... Trong khi đó, vài năm gần đây công tác tư tưởng, giáo dục, phổ biến khoa học và tri thức mới ngày càng tỏ ra yếu kém dần trong vùng đồng bào các dân tộc.

Trên lĩnh vực văn hóa—kỹ thuật, nhìn chung, có thể nói vùng các dân tộc Tây nguyên là một thế giới chưa có sự ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đáng kể vào đời sống. Hiện nay, chỉ mới có một vài hợp tác xã khá có máy xay xát, máy quạt gió bơm nước, quạt gió kéo mô tơ điện, một đôi nơi có máy kéo, xe vận tải; một số địa phương đang có dự án xây thủy điện nhỏ trong những năm sắp đến. Nhưng nhìn chung, các mạng lưới truyền thanh, hệ thống điện thoại, thư viện xã, phim ảnh, trường học, bệnh xá, cửa hàng thương nghiệp... chỉ là những hiện tượng mới mẻ trong đời sống văn hóa của nhân dân ở cơ sở.

Trên đây là những nét phác họa đơn sơ nhất hiện trạng của đời sống văn hóa ở cơ sở trong các buôn làng Tây nguyên mà chúng tôi biết được.



Digitized by Google

## III – MẤY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ VÙNG CÁC DÂN TỘC TÂY NGUYÊN

Trong dịp đi thăm tỉnh Đắc lắc tháng 4-1983, đồng chí Trường-Chinh có nói: «Các dân tộc thiểu số ở Đắc lắc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội càng có nhiều khó khăn, phức tạp, vì không chỉ bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà phải nhảy vọt qua mấy chế độ xã hội» (7). Ý kiến này cần được các nhà nghiên cứu thảo luận rộng và sâu thêm để hình dung cho được những khó khăn sẽ gặp phải và mức độ của những khó khăn đó. Từ đây cho đến năm 1990 tức vẻn vẹn còn 5 năm nữa hoặc đến năm 2000 tức còn 15 năm tròn, chúng ta sẽ xây dựng những gì cho Tây nguyên và đồng bào các dân tộc Tây nguyên sẽ được hưởng những gì trong đời sống cụ thể xuất phát từ hiện trạng như trên đã trình bày?

Trước hết và là then chốt nhất, đó là công tác vận động định canh, định cư. Lâu nay, Nhà nước bao cấp và đầu tư dàn dều cho công việc này, nhưng rất tiếc chưa có một mô hình nào được gọi là hoàn chỉnh mà mọi người đều thấy vừa ý. Theo quan niệm của chúng tôi, Nhà nước chỉ nên tập trung lớn và dứt điểm vào một số nơi có tầm chiến lược quan trọng, những đầu mối của các vùng tập trung dân. Nên huy động các lực lượng khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội vào những chương trình giải quyết vấn đề ở cho Tây nguyên. Cho đến năm 1990, mỗi huyện ở Tây nguyên nên có một vài điểm định cư định canh kiểu mẫu để đồng bào có thể nhìn thấy được và tổ chức xây dựng theo phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm». Hoặc có thể bằng con đường đổi lưu hàng hóa xuất khẩu, Nhà nước bán vật tư cho các buôn làng tự xây dựng nơi ở của mình. Song song với tổ chức lại vấn đề ở, chúng ta cần tổ chức các ngành nghề thủ công, những cơ sở chế biến lương thực và thực phẩm (chế biến sắn, ngô, các cây có dầu...), những xí nghiệp gỗ, mộc nhỏ, những lò nung vôi, làm ngói, chế biến lâm sản cho đồng bào các dân tộc hoặc phải tuyển dụng lao động người dân tộc thiểu số để hướng dẫn họ làm và dạy cho họ thành thạo nghề. Cần phổ biến các kỹ thuật trồng cây và chăm sóc các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, phổ biến kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, chữa bệnh trong gia đình, phát triển hộ cá nhân, vườn nhà cho mỗi hộ, vườn rừng cho tập thể. Cần vận động đồng bào sớm bỏ cảnh sống trong các nhà dài, đồng thời chọn những nơi có nhà dài đẹp để bảo tồn như những di tích văn hóa, chuẩn bị cho những kế hoạch phát triển du lịch và giải trí về sau này cho địa phương.

*Đưa đồng bào các dân tộc thiểu số vào các lâm trường, nông trường Nhà nước là con đường ngắn nhất xóa bỏ chênh lệch trong đời sống, thực hiện bình đẳng dân tộc.* Song vì đó là con đường ngắn nhất cho nên cũng tồn tại nhiều khó khăn và phức tạp gay gắt nhất mà thường những người lãnh đạo không sớm lường được hết. Do đó, những chương trình đưa đồng bào các dân tộc vào các lâm trường và nông trường cũng có thể bị thất bại nếu chúng ta không phát hiện sớm mâu thuẫn và có biện pháp giải quyết một cách đúng đắn.

Cần đặc biệt quan tâm đến việc phát triển ruộng nước, thực hiện thâm canh, đưa những kinh nghiệm và tri thức kỹ thuật ở miền xuôi vào đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số (kinh nghiệm trồng vườn cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, dùng sức kéo súc vật, chọn giống...). Đồng thời, coi

(7) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1983, tr. 11.



Digitized by Google

trọng phát triển trồng ngô, sắn, bí, bầu và các loại đậu là những cây trồng quen thuộc với đồng bào xưa nay. Tổ chức chế biến bột sắn theo phương pháp thủ công trong các buôn làng như đồng bào miền xuôi, tiến tới xây dựng những xí nghiệp chế biến bột sắn để trao đổi hàng với các tỉnh và xuất khẩu. Ao cá, hồ nuôi cá đang bắt đầu phát triển, nhiều nơi đã thu được những kết quả tốt. Vậy cần phát triển mạnh ao, hồ nuôi cá nhiều hơn nữa, nhất là ở Nam Tây nguyên là nơi có nhiều bàu nước thiên nhiên.

Nhà nước nên giúp đồng bào hoặc bán cho đồng bào vật liệu, xi măng để mỗi hợp tác xã, mỗi buôn có vài ba giếng khơi lớn nên xi măng, giải quyết nguồn nước uống vệ sinh. Phấn đấu cho đến năm 1990, đồng bào các dân tộc ở Tây nguyên có đủ nước sạch để uống và dùng trong sinh hoạt. Trong vấn đề mặc, cần có chính sách khôi phục và khuyến khích phát triển nghề trồng bông và cây có sợi, nghề dệt thủ công trong đồng bào, xem như những nghề, ngành chính thức của hợp tác xã ; đồng thời, cần nghiên cứu cung cấp các loại vải thích hợp với điều kiện sinh hoạt, lao động của đồng bào. Trong vài năm sắp đến, bằng các phương thức thích hợp, làm sao cho mỗi hộ sắm được hai chăn đắp, mọi người dân Tây nguyên đều có dép lốp cao su để không còn đi chân đất, mọi gia đình có đủ bát ăn, nồi nhôm, chảo gang nấu cơm, xóa bỏ được cảnh ăn uống bằng các dụng cụ quá lạc hậu.

Trên lĩnh vực văn hóa tinh thần của đời sống ở cơ sở, nên tổ chức tốt việc sử dụng các bài thuốc dân tộc để chữa bệnh. Đồng thời đưa các loại cây dược liệu thông thường từ miền xuôi lên trồng ở các vườn gia đình đồng bào dân tộc để chữa các bệnh đau bụng, kiết lỵ, cảm cúm, viêm phế quản... còn khá phổ biến trong các buôn làng. Cần phát triển những đội nhạc, ca múa dân gian ở cơ sở, tiến tới tổ chức nhạc hội của từng loại nhạc cụ (chiêng cồng, trống, đàn gỗ, đàn hơi, và đàn dây...). Không ngăn cản hoạt động biểu diễn của các đội nhạc dùng các nhạc cụ mới nhưng phải hết sức chú trọng đẩy mạnh việc phát triển và sử dụng rộng rãi các nhạc cụ dân tộc. Vấn đề từng bước tổ chức lại những ngày lễ hội lớn là rất quan trọng, đặc biệt là lễ Pô thi, tránh kéo dài nhiều ngày, tiêu phí lớn. Các địa phương nên tổ chức những cuộc họp có các già làng và các người tiêu biểu bàn bạc xây dựng những quy ước cưới xin, ma chay mới, xóa bỏ những hủ tục, tệ nạn nặng nề mà ngày nay đồng bào đều mong muốn thay đổi. Cần có biện pháp kiên quyết, vừa tiến hành giáo dục, vừa thi hành nghiêm minh pháp luật để nhanh chóng chấm dứt tệ nạn giết người vô cớ rồi rêu rao người bị giết là « ma lai ».

Trên lĩnh vực văn hóa kỹ thuật, với chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, nên đẩy mạnh việc xây dựng những trạm thủy điện nhỏ, những cơ sở phát điện bằng sức gió, sản xuất nhiều bình ắc quy điện để bán cho đồng bào. Tích cực giúp đỡ các hợp tác xã và các buôn làng có được những máy xay xát gạo cỡ nhỏ, nhằm giải phóng sức lao động phụ nữ trong gia đình ; phát triển truyền thanh, truyền hình, tổ phát thanh, đèn chiếu,... để đẩy mạnh phổ biến khoa học, làm biến đổi hẳn đời sống văn hóa ở cơ sở trong những năm sắp đến.

Phấn đấu thực hiện được những vấn đề cụ thể nêu trên là tiến tới xóa bỏ được một bước sự chênh lệch về đời sống của đồng bào miền núi so với miền xuôi, thực hiện một nội dung quan trọng của chính sách dân tộc của Đảng ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.



Digitized by Google

# Ngày báo chí Việt nam

NĂM nay, chúng ta tổ chức *lần đầu* ngày báo chí Việt nam trong cả nước theo chỉ thị của BBTTU Đảng: lấy ngày 21-6 hằng năm làm *Ngày báo chí Việt nam.*

Cách đây đúng 60 năm, ngày 21-6-1925, tuần báo *Thanh niên* do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, xuất bản bằng tiếng Việt, ra mắt bạn đọc. Hồi bấy giờ, Bác Hồ từ Liên xô tới Trung quốc để trực tiếp tổ chức và lãnh đạo phong trào yêu nước Việt nam đi theo con đường cách mạng vô sản. Tới Quảng châu, Người liên lạc ngay với những thanh niên yêu nước đang trên con đường đi tìm chân lý; giáo dục họ về những quan điểm và phương pháp cơ bản của một tổ chức cách mạng theo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, rồi tổ chức ra hội yêu nước Việt nam kiểu mới gọi là *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.* Tuần báo *Thanh niên* là cơ quan tuyên truyền của Hội. Việc xuất bản tuần báo *Thanh niên* đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt nam.

Ngày báo chí Việt nam được tổ chức hằng năm là để ghi nhớ *công ơn to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với báo chí cách mạng Việt nam.* Cũng như Đảng cộng sản Việt nam, báo chí cách mạng Việt nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt nền móng tư tưởng, chỉ rõ phương hướng chính trị, nghiệp vụ, chăm lo giáo dục, đào tạo và dìu dắt. Cuộc đời của Người gắn liền với sự nghiệp của báo chí cách mạng. Bản thân Người cũng là một nhà báo vô sản vĩ đại. Báo chí cách mạng Việt nam có được những cống hiến to lớn và sự trưởng thành vượt bậc về mọi mặt như ngày nay, «xứng đáng là một trong những nền báo chí cách mạng tiên tiến trên thế giới» (1) là do có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đội ngũ những người làm báo chúng ta vô cùng sung sướng và tự hào vì có người thầy và đồng nghiệp vĩ đại là Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Ngày báo chí Việt nam cũng là dịp để chúng ta *ôn lại và tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của báo chí cách mạng.* Truyền thống đó đã được Chủ tịch Trường-Chinh chỉ ra rất rõ, rất đầy đủ trong thư gửi Đại hội thứ IV Hội nhà báo Việt nam: «Trước Cách mạng Tháng Tám, báo chí do Đảng ta lãnh đạo đã góp phần quan trọng vào công cuộc vận động và chỉ đạo cách mạng, đưa cuộc Tổng khởi nghĩa (1945) đến thành công, lập nên chính quyền nhân dân trong cả nước.

«Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong cuộc chiến tranh đánh thắng bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc cùng bè lũ tay sai, các nhà báo Việt nam luôn luôn có mặt ở tiền tuyến. Nhiều anh chị em đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, lấy máu đào tô thắm phẩm chất cao quý của giới làm báo Việt nam.

«Khi miền Nam nước ta chưa hoàn toàn giải phóng khỏi ách thực dân mới của đế quốc Mỹ, công tác báo chí kháng chiến đã kết hợp với một bộ phận báo chí xuất bản công khai để

(1) Thư của Chủ tịch Trường-Chinh gửi Đại hội thứ IV Hội nhà báo Việt nam. báo *Nhân dân* ngày 9-12-1983.



Digitized by Google

tuyên truyền, vận động trong các thành thị và vùng nông thôn do địch kiểm soát. Ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, giới làm báo nước ta đã dũng cảm làm tròn nhiệm vụ, là đội quân đi đầu trong công tác tư tưởng của Đảng.

« Ngày nay, tiếp tục thực hiện chức năng người cổ động tập thể và người tổ chức tập thể, báo chí nước ta đang ra sức tuyên truyền đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, chống tiêu cực trong xã hội, đẩy mạnh cuộc đấu tranh giữa hai con đường, nâng cao phẩm chất cách mạng và kiến thức kinh tế, khoa học, kỹ thuật, xây dựng con người mới, lối sống mới và nền văn hóa mới ; đồng thời, giáo dục chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tuyên truyền đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta » (2).

Có thể nói, nét nổi bật và quán xuyến từ đầu chí cuối trong truyền thống tốt đẹp của báo chí ta là sự trung thành tuyệt đối với lập trường chính trị và đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Thực hiện đúng chức năng của mình, báo chí không chỉ phổ cập, truyền bá đường lối của Đảng, mà còn có tác dụng tổ chức lực lượng cách mạng. Nêu cao tính Đảng và tính nguyên tắc, ý thức tổ chức và kỷ luật, báo chí ta không một phút xa rời đường lối của Đảng. Khi cách mạng trải qua bước ngoặt hoặc gặp khó khăn, ở chỗ này, chỗ khác, đôi khi có hiện tượng chao đảo về chính trị, nhưng báo chí luôn luôn tuyệt đối trung thành, vững vàng giương cao ngọn cờ thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Tổ chức Ngày báo chí Việt nam, báo chí ta và đội ngũ những người làm báo phải *xác định rõ hơn nữa vai trò và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay :*

Báo chí « phải kịp thời làm sáng tỏ quan điểm của Đảng về những sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới, góp phần nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, thể lệ về trật tự, an ninh, nâng cao nhiệt tình lao động của quần chúng, hướng dẫn kịp thời và đúng dắn dư luận xã hội, làm phong phú đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân » (3). Bằng những luận cứ khoa học và thực tế sinh động, báo chí phải làm cho mọi người hiểu sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội nói chung và trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ nói riêng, góp phần nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế—xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Báo chí cần trang bị cho nhân dân cái nhìn sáng tỏ về cục diện đất nước, từ đó thấy rõ những thành tựu đã đạt được mà phấn khởi tự hào ; đồng thời thấy rõ những khó khăn để cố gắng khắc phục, vươn lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Báo chí dành vị trí thích đáng để phân tích cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt giữa hai con đường và bằng phương tiện nghiệp vụ của mình thiết thực tham gia vào cuộc đấu tranh ấy vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Báo chí phải tiếp tục làm cho mọi người thấy rõ kẻ thù cơ bản và lâu dài của nhân dân ta là chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, kẻ thù nguy hiểm và trực tiếp trước mắt là bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung quốc đang

(2) Tài liệu đã dẫn

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 56.



Digitized by Google

ôm ấp mưu đồ thôn tính Việt nam và Đông dương

Giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cũng là trách nhiệm của báo chí ta hiện nay. Báo chí cần biểu dương kịp thời phong cách lao động mới và lối sống mới; đấu tranh chống lối sống lười biếng, ích kỷ, sa đọa; góp phần bài trừ hủ tục, mê tín, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động, đồi trụy.

Đặc trưng nổi bật của báo chí cách mạng là mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí. Vì vậy, tất cả các báo chí ở trung ương cũng như ở địa phương đều phải « thường xuyên phê bình và tự phê bình có tính chất quần chúng đối với những hoạt động của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, ngành chuyên môn, cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị — coi đó là biểu hiện quan trọng về tính chiến đấu của mỗi tờ báo » (1). Mở rộng phê bình và tự phê bình trên báo chí là thể hiện sức mạnh của Đảng và Nhà nước ta. Ủng hộ và tham gia phê bình và tự phê bình là nghĩa vụ của mỗi cán bộ, đảng viên và của mỗi công dân. Ngăn cản phê bình và tự phê bình là vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Báo chí còn phải tham gia tích cực vào việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nhiệm vụ của báo chí là làm cho tiếng nói của nước Việt nam xã hội chủ nghĩa vang xa trên trường quốc tế, làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ thực tế đất nước ta, hiểu rõ đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của ta, qua đó mà tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của loài người tiến bộ. Mặt khác, báo chí phải góp phần đấu tranh để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, làm sáng tỏ lập trường, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về những vấn đề lớn của thời đại.

Ngày báo chí Việt nam, không chỉ là ngày hội của những người làm công tác thông tin báo chí, mà còn là ngày hội của toàn dân, bởi vì trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước, báo chí vừa là công cụ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, vừa là công cụ làm chủ tập thể của nhân dân. Thông qua Ngày báo chí Việt nam, chúng ta cần *tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa báo chí với quần chúng*. Báo chí cần đi sâu đi sát quần chúng, phản ánh kịp thời những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của quần chúng. Phải làm cho quần chúng hiểu sâu sắc rằng, báo chí cách mạng là diễn đàn của chính họ, chứ không phải là công cụ của riêng một nhóm người nào. Muốn vậy, các nhà báo phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước quần chúng; phải có sự tu dưỡng và rèn luyện rất lớn, phấn đấu nâng nhanh trình độ và sự hiểu biết của mình về tất cả các mặt: quan điểm, lập trường chính trị, trình độ lý luận, trình độ văn hóa, trình độ nghiệp vụ và vốn kiến thức thực tế...

Ngày báo chí Việt nam cũng là dịp để Đảng nhìn lại và *tăng cường sự lãnh đạo đối với báo chí*, bởi vì báo chí cách mạng là báo chí của Đảng, chịu sự lãnh đạo của Đảng. Báo chí có phục vụ được đắc lực các nhiệm vụ chính trị của Đảng, có phát huy được hiệu quả to lớn của nó trong sự nghiệp cách mạng hiện nay của nhân dân ta hay không là tùy thuộc vào sự lãnh đạo ấy của Đảng. Vì vậy, tổ chức Đảng và chính quyền các cấp cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý chặt chẽ hơn nữa báo chí và đội ngũ những người làm báo. Hệ thống truyền thông đại chúng cần

(1) Chỉ thị 197 CT—TƯ ngày 13-3-1972 của BCTBCHTƯĐ « Về việc mở rộng phê bình trên báo chí ».



Digitized by Google

được mở rộng hơn và hoạt động có hiệu quả hơn. Đội ngũ những người làm báo cần được phát triển đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng. Các cấp Đảng và chính quyền chăm lo nhiều hơn tới đời sống tinh thần và vật chất của các nhà báo, tạo cho anh chị em có những điều kiện tối thiểu để làm việc và phát triển tài năng. Nên có chế độ, chính sách cụ thể đối với các nhà báo theo phương hướng khuyến khích tài năng, thúc đẩy tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của họ.

Thông qua Ngày báo chí Việt nam, các nhà báo cùng toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp phát triển của báo chí, khiến cho báo chí có thể phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

---

# *Về vận dụng quy luật...*

*(Tiếp theo trang 70)*

quy luật lưu thông tiền tệ đối với sản xuất và lưu thông hàng hóa.

*Phát triển mạnh mẽ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải tạo thương nghiệp tư doanh, tăng cường quản lý thị trường.*

Một kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ rõ rằng, muốn cải tạo thương nghiệp tư doanh và phát huy tốt những thành quả đạt được trong cải tạo thì các tổ chức của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải mạnh mẽ về các mặt: chính sách và quản lý kinh doanh; lực lượng hàng hóa và cơ sở vật chất kỹ thuật thương nghiệp; đội ngũ cán bộ có phẩm chất cách mạng, biết làm công tác thương nghiệp. Trước đây, đã có lúc chúng ta cải tạo xong thì có hiện tượng thị trường tiêu điều, đó là vì thương nghiệp xã hội chủ nghĩa không đủ lực lượng và khả năng để thay thế việc mua bán của thương nghiệp tư nhân. Cho nên chỉ sau một thời gian ngắn, thương nghiệp tư nhân được phục hồi và có nơi có lúc lại phát triển mạnh hơn trước; từ đó những hoạt động đầu cơ, buôn lậu, nhiễu loạn thị trường, đẩy giá lên cao lại diễn ra liên tiếp.

Chính thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được tổ chức và xây dựng mạnh mẽ tạo điều kiện về mặt kinh tế cho sự hình thành và phát triển quan hệ sản xuất mới trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa. Từ đó, việc kế hoạch hóa lưu thông hàng hóa mới trở thành hiện thực, tạo điều kiện tốt cho việc ổn định và quản lý giá cả trên thị trường. Nhờ tiền đề vật chất đó mà các tổ chức thương nghiệp quốc doanh mới có thể vận dụng được quy luật giá trị để kích thích sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển. Cho nên việc chăm lo xây dựng, phát triển thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán là một yêu cầu cấp bách hiện nay trong việc cải tạo, quản lý thị trường và ổn định giá cả hàng hóa.



Digitized by Google

# Tờ báo cách mạng đầu tiên ở Việt nam

NGUYỄN THÀNH

CUỐI năm 1924, sau khi tham dự Đại hội thứ V của Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Liên xô đến Trung quốc, nhận công tác ở Bộ phương Đông của Quốc tế cộng sản, đồng thời bắt tay vào việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập một đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt nam. Người đã lập ra Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và xuất bản tờ *Thanh niên* làm cơ quan ngôn luận của hội đó.

Báo *Thanh niên* ra hằng tuần bằng tiếng Việt, in tại Quảng châu (Trung quốc), số đầu tiên ra mắt bạn đọc ngày 21-6-1925. Báo ra không đều kỳ. Tháng 4-1927, Tưởng Giới Thạch phản bội Tôn Văn, chống lại cách mạng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc buộc phải rời khỏi Quảng châu, Tổng bộ (cơ quan lãnh đạo) của Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội phải rút vào hoạt động bí mật, báo ra càng thất thường hơn.

Báo *Thanh niên* là tờ báo Việt nam đầu tiên gắn với một đoàn thể cách mạng và là cơ quan ngôn luận của đoàn thể đó. Báo *Thanh niên* là tờ báo tiếng Việt đầu tiên đảm nhận được vai trò « người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể, người tổ chức tập thể » như Lê-nin đã nói về báo chí. Đồng chí Trường-Chinh khẳng định : « Tờ báo đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở nước ta là tờ *Thanh niên*, cơ quan của Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và làm chủ bút. Trong nhiều năm, qua các bài đăng trên báo đó, Bác Hồ đã chỉ rõ cho giai cấp công nhân và nhân dân ta con đường giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ». *

Ngày nay, mặc dù chúng ta chỉ còn giữ được một ít bản gốc báo *Thanh niên*, nhưng có thể sử dụng thêm những bản dịch của thực dân Pháp để hiểu về di sản cách mạng quý báu này.

1 — Báo *Thanh niên* đề ra nhiệm vụ trước hết là *tuyên truyền lòng yêu nước, căm thù đế quốc cho nhân dân, nhất là cho thanh niên ; khơi dậy trong họ niềm tin ở lực lượng cách mạng sẽ thắng đế quốc ; đấu tranh chống các khuynh hướng cải lương, đầu hàng, thỏa hiệp với đế quốc*. Mọi bài viết, dù nói chuyện đông, tây, kim, cổ, trong nước hay ngoài nước, đều quy tụ vào một điểm cơ bản : muốn thắng đế quốc và xây dựng lại đất nước giàu mạnh, phải có một đảng cách mạng chân chính, có học thuyết Lê-nin soi đường.

Để cho bạn đọc biết rằng thực dân Pháp tuy mạnh nhưng có nhiều chỗ yếu, báo *Thanh niên* dùng hình ảnh và câu chuyện dễ hiểu : « Chỉ cần một hạt bụi là cái máy đồng hồ trục trặc ngay. Bây giờ thì cái máy đồng hồ đế quốc, thực dân bị bụi nhiều lắm rồi. Chúng nói tự do, bình đẳng, văn minh, mà lại phân biệt chủng tộc, nô

(*) Trường-Chinh : Bài nói tại lễ kỷ niệm thứ 30, xuất bản báo *Nhân dân* ngày 11-8-1981.



Digitized by Google

dịch, đầu độc, cho nên không sớm thì chầy nhân dân thuộc địa sẽ trông thấy sự đối trá đó, sẽ thức tỉnh và nổi dậy đấu tranh. Vả lại, các nước đế quốc thực dân như Pháp, Anh, Mỹ, Ý, Nhật, Đức v.v. mạnh thì có mạnh, nhưng ngày càng mâu thuẫn xung đột nhau như kẻ cướp, cắn xé nhau như bầy chó. Chúng xung đột nhau thì chúng sẽ yếu đi, sẽ gặp khó khăn thêm, khi những khó khăn đó lên đến tột bậc thì cách mạng sẽ thắng, đế quốc sẽ thua. Huống chi các nước thực dân đều là nước tư bản, ở ngay xứ họ họ đã bị giai cấp vô sản chống đối kịch liệt, cho nên các dân tộc thuộc địa càng có thể đánh đổ được thực dân»(1).

Chỉ trong một đoạn ngắn, bài báo đã trình bày được những mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản, đó là: mâu thuẫn giữa đế quốc với các dân tộc thuộc địa; mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc, giữa tư bản với vô sản trong các nước đế quốc; làm cho chủ nghĩa thực dân, đế quốc suy yếu và các dân tộc thuộc địa có thể đánh đổ chúng.

Báo *Thanh niên* còn khẳng định: muốn thắng đế quốc chỉ có một con đường là làm cách mạng, dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng: «Cách mạng là biến đổi từ xấu thành tốt, đó là tổng hợp mọi hoạt động, nhờ đó mà một dân tộc bị áp bức trở nên mạnh. Lịch sử các nước đã dạy chúng ta rằng chỉ bằng con đường cách mạng thì mới có thể tiến tới hình thành được một chính thể có nền giáo dục, công nghiệp, tổ chức phục vụ xã hội tốt đẹp, v.v.» (2).

2 — Về *quá trình phát triển của cách mạng Việt nam*, báo *Thanh niên* viết: «Cách mạng phải trải qua hai thời kỳ: thời kỳ hủy diệt và thời kỳ xây dựng lại. Mục tiêu của thời kỳ đầu là lật đổ chính thể chuyên chế ở Việt nam. Mục tiêu của thời kỳ thứ hai là khai thác triệt để thắng lợi của cách mạng. Vì vậy, sau khi đánh đuổi Pháp ra khỏi bờ cõi Việt nam, chúng ta phải trừ diệt các phần tử phản cách mạng, xây dựng các đường giao thông, phát triển thương nghiệp và công nghiệp, giáo dục nhân dân và lo cho dân được hòa bình và hạnh phúc» (3). Đây chính là bức phác họa về hai giai đoạn của cách mạng Việt nam mà sau này Đảng ta cụ thể hóa và hoàn chỉnh.

3 — Có đường lối cách mạng đúng, quan điểm cách mạng vững vàng rồi, lại phải có *phương pháp cách mạng* tốt mới đưa cách mạng mau đến thắng lợi. Báo *Thanh niên* xác định: «Cách mạng là sự rất to lớn, không phải một vài người làm nổi được, mà cũng không phải mấy ngày mấy tháng làm ngay được» (4) nhằm khắc phục tư tưởng nóng vội dẫn tới hành động phiêu lưu. Làm cách mạng phải kiên trì, nhẫn nại, phải nhiều năm, «trước hết phải biết chính sách của Tây, sau phải biết bí mật mà sắp đặt những công việc mình» (5). Về công việc của mình, phải biết việc gì làm trước, việc gì làm đồng thời, việc gì làm sau, không thể gặp việc nào làm việc ấy, nghĩ ra việc gì là làm ngay. «Cách mạng trước hết phải tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, sau cùng mới dùng đến vũ lực, đừng chăm chăm chỉ biết làm cách bạo động» (6). Đó là vấn đề khoa học và nghệ thuật hành động cách mạng. Chỉ có thấm nhuần kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản quốc tế đã được học thuyết Lê-nin tổng kết mới có thể nhận thức được như vậy. Quan điểm đúng đắn này đối lập hoàn toàn với các xu hướng «tả» khuynh và hữu khuynh đang là vấn đề phổ biến lúc bấy giờ.

Báo *Thanh niên* chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng, coi đó là yếu tố

(1) Báo *Thanh niên*, số 17, ngày 25-10-1925.
(2), (3) Báo *Thanh niên*, số 2, ngày 28-6-1925.
(4) Báo *Thanh niên*, số 66, ngày 24-10-1926.
(5) Báo *Thanh niên*, số 67, ngày 31-10-1926.
(6) Báo *Thanh niên*, số 72, ngày 5-12-1926.



Digitized by Google

rất cơ bản để đưa cách mạng đến thắng lợi. «Làm việc cách mạng phải biết cách mạng là việc chung, nên phải lấy lòng chí công vô tư mà theo dõi các công việc, lại phải biết cách mạng cốt nhất là sự hy sinh, hy sinh gia đình, hy sinh tính mệnh, hy sinh lợi quyền, hy sinh ý kiến» (7).

Với quan điểm trên đây, báo *Thanh niên* bồi dưỡng cho những người tham gia cách mạng tinh thần triệt để cách mạng, giúp họ khắc phục chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản. Nếu không xuất phát từ lợi ích chung mà dựa theo ý chí chủ quan của mỗi người để xem xét các công việc của cách mạng, nhất định sẽ không tránh khỏi gây thiệt hại cho cách mạng. Với quan điểm đó, báo *Thanh niên* cũng đấu tranh chống tính bồng bột, hăng hái nhất thời của những người tham gia cách mạng xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản, không sẵn sàng hy sinh đến cùng, khi gặp khó khăn dễ dao động, dẫn tới xa rời cách mạng. Hy sinh gia đình, tính mệnh, lợi quyền là một việc khó, nhưng *hy sinh ý kiến* không phải là một việc dễ. Có khi chỉ qua một cuộc tranh luận, vì tự ái cá nhân mà bảo thủ, không thành khẩn tiếp thu ý kiến đúng, dẫn tới xa rời tổ chức, chống đối về chính trị. Một câu ngắn mà nội dung thật súc tích và hết sức sâu sắc.

4 — Báo *Thanh niên* thường nói đến *vai trò tổ chức, đoàn kết, lãnh đạo* của một đảng cách mạng và khẳng định chỉ có một đảng như thế lãnh đạo thì cách mạng Việt nam mới đi tới thắng lợi. «Để đưa cách mạng tới thắng lợi, phải có một đảng cách mạng có tổ chức tốt, có khả năng tập hợp và giáo dục quần chúng, làm cho họ biết hy sinh quyền mình và lãnh đạo họ tham gia chiến đấu» (8). Báo *Thanh niên* khẳng định: «Chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa chân chính, đó là cái chủ nghĩa của đảng cách mạng mà ta phải đi theo» (9) và kêu gọi: «Hỡi đồng bào thân mến, như vậy chỉ còn có một con đường chân chính là phải theo cái đảng duy nhất kiên quyết trong hành động, đó là Đảng cộng sản» (10).

Đảng cách mạng chân chính, theo báo *Thanh niên*, phải bao gồm những đảng viên mẫu mực: một lòng vì sự nghiệp của cách mạng Việt nam và cách mạng thế giới; hy sinh cá nhân mình, tất cả vì cuộc đấu tranh của nhân dân bị áp bức; tùy tài, tùy sức mà cống hiến để đưa cách mạng tiến lên; chăm lo giáo dục, giác ngộ nhân dân, làm cho nhân dân tin tưởng Đảng và lãnh đạo nhân dân đấu tranh; lập ra nhiều tổ chức cách mạng để lôi cuốn đông đảo quần chúng vào các đoàn thể thích hợp; phải luôn luôn trau dồi phẩm chất và đạo đức cách mạng, xa lánh những đức tính xấu như hiếu danh, hám quyền, tham tiền; không được kiêu căng, đề cao cá nhân, phải khiêm tốn và có lòng vị tha; thắng không kiêu, bại không nản; bền bỉ, kiên cường chiến đấu đến cùng... (11).

Đó là những nhiệm vụ cơ bản, là phẩm chất đạo đức của người đảng viên cộng sản mà mỗi hội viên thanh niên phải lấy làm phương hướng phấn đấu để tiến tới trở thành đảng viên cộng sản.

5 — Báo *Thanh niên* dành khá nhiều bài giới thiệu về cách mạng Nga, về Lê-nin, về những thành tựu mà nhân dân Liên xô đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ đó giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản cho hội viên thanh niên và nhân dân ta. «Cách mạng Nga chẳng những là có quan hệ với dân Nga mà lại có quan hệ với tất cả các dân tộc bị đè nén và giai cấp bị áp bức trong thế giới... Nay Nga cách mạng đã được

(7) Báo *Thanh niên*, số 65, ngày 17-10-1926.
(8) Xem báo *Thanh niên* số 100 (không rõ ngày, tháng, năm).
(9) Báo *Thanh niên*, số 58, ngày 22-8-1926.
(10) Báo *Thanh niên*, số 60 ngày 1-9-1926.
(11) Xem báo *Thanh niên* số 61, ngày 18-9-1926.



Digitized by Google

nhiều điều kinh nghiệm để làm gương cho chúng ta bắt chước. Cách mạng Nga như đã đắp đường cho chúng ta cứ thẳng mà đi» (12).

Về Lê-nin, báo *Thanh niên* viết: «Ông ấy tài năng đã giỏi, đạo đức lại cao, chẳng những là một người lĩnh tụ cách mạng nước Nga mà lại là một người đem đường cho cách mạng toàn thế giới, cho nên những dân tộc bị áp bức ai cũng kính ông như cha, như thầy. Đế quốc chủ nghĩa tuy ghét ông nhưng vẫn sợ ông» (13). Ở đây, báo *Thanh niên* dựng lên một ngọn cờ mới, một hình ảnh tiêu biểu mới, để hướng nhân dân cách mạng Việt nam xác định niềm tin vào đó, gắn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của mình với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đặt dứt khoát cách mạng Việt nam nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản thế giới.

Hướng về Liên xô, ngọn cờ của cách mạng thế giới, báo *Thanh niên* giới thiệu những thành tựu mà nhân dân Liên xô đã giành được trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội. Những thành tựu đó là một thực tế khách quan không ai có thể phủ nhận được. Ngay cả Phùng Ngọc Tường, một tên quân phiệt nổi tiếng của Quốc dân đảng Trung hoa, sau khi đi thăm nước Nga về, cũng phải ca tụng: «Tôi trông thấy bên Nga nhiều việc phát đạt. Nhưng phát đạt nhất là do Cộng sản đảng ấy chẳng những làm việc cho dân Nga mà lại làm việc cho cả thế giới» (14).

★

Những bài viết trên báo *Thanh niên* đều có lời văn giản dị, trong sang. Tờ báo khổ nhỏ, nhưng phần lớn các bài đều đăng gọn trong một số, trừ một số ít bài về lịch sử cách mạng các nước và các tổ chức quốc tế phải đăng liên tiếp nhiều kỳ. Những bài lý luận về triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa cộng sản khoa học được viết một cách dễ hiểu và chứng minh bằng thực tiễn cụ thể, tuy là những vấn đề mới mẻ nhưng thanh niên có học thức có thể tiếp thu được, không khó khăn lắm.

Báo *Thanh niên* đã đáp ứng được yêu cầu của nhiều bạn đọc có trình độ văn hóa, kiến thức chính trị và lịch sử xã hội khác nhau.

Để làm cho báo thêm sinh động, hấp dẫn, ngoài các mục xã luận, bình luận, phê bình, tin tức, báo *Thanh niên* còn có cả thơ ca và tranh ảnh.

Báo *Thanh niên* có tác dụng to lớn, nó thật sự là vũ khí sắc bén của Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội để thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình: đưa chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào Việt nam; kết hợp chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước; đưa cách mạng Việt nam tiến sang một giai đoạn mới, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam.

Báo *Thanh niên*, ngọn cờ tiên phong của báo chí cách mạng Việt nam, mãi mãi là niềm tự hào của cách mạng Việt nam và của giới báo chí Việt nam.

(12), (13) báo *Thanh niên*, số 68, ngày 7-11-1926.

(14) Báo *Thanh niên*, số 65, ngày 17-10-1926

## SỬA LẠI

Trong Tạp chí Cộng sản số 4-1985,

— trang 11, cột 1, dòng 21, xin đọc: ... cánh phía tây và tây — nam đo anh Sáu Nam chỉ huy cần dây mạnh hoạt động chia cắt đường số 4...

— trang 12, cột 1, dòng 13: ... ở cánh yen biển...

— trang 12, cột 2, dòng 20: ... như giữa tiến công...



Digitized by Google

# Cộng hòa nhân dân Mô-dăm-bích qua mười năm xây dựng

HỒ BẤT KHUẤT

NGÀY 25-6-1975, một sự kiện chính trị có ý nghĩa đã diễn ra ở Đông Nam lục địa châu Phi. Sau hơn mười năm đấu tranh vũ trang kiên cường, anh dũng dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng Mô-dăm-bích (gọi tắt là FRELIMO), nhân dân Mô-dăm-bích đã giành được độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, chấm dứt ách đô hộ kéo dài ngót 500 năm của thực dân Bồ đào nha, và tuyên bố thành lập nước Cộng hòa nhân dân Mô-dăm-bích. Từ những ngày đầu thắng lợi, nhân dân Mô-dăm-bích đã khẳng định ý chí và khát vọng của mình là xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tổ chức lại một cách triệt để các cơ cấu kinh tế — xã hội, chính trị, chuẩn bị điều kiện đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong mười năm qua, nhân dân Mô-dăm-bích đã có những cố gắng to lớn và đã giành được những thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thành tựu có ý nghĩa quyết định của Mô-dăm-bích là đã xác lập và củng cố vai trò lãnh đạo của đảng tiên phong — Đảng FRELIMO được thành lập trong Đại hội thứ III của Mặt trận FRELIMO họp tháng 2 năm 1977, lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm cơ sở lý luận chính trị và tư tưởng. Hiện nay Đảng FRELIMO tập hợp trong đội ngũ của mình hơn 110 000 đảng viên, gồm những chiến sĩ cách mạng lão thành của cuộc đấu tranh giải phóng và những chiến sĩ trẻ, nhiệt tình, hăng hái trong lao động sản xuất, mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Đảng FRELIMO đã thực hiện đoàn kết dân tộc rộng rãi và lãnh đạo các hoạt động của xã hội thông qua chính quyền Nhà nước. Chính quyền cách mạng, được thiết lập sau khi đập tan bộ máy cai trị phát xít — thực dân, là nền chuyên chính của giai cấp vô sản liên minh với nông dân và những người lao động khác. Cơ sở của nó là hội đồng nhân dân các cấp với hơn 43 nghìn đại biểu được bầu ra một cách dân chủ. Cùng với bộ máy Nhà nước, các tổ chức quần chúng như công đoàn, thanh niên, phụ nữ, các hội mang tính chất nghề nghiệp như: hội nhà giáo, hội nhà văn, hội nhà báo v.v. được thành lập đã góp phần tích cực vào sự nghiệp vẻ vang của cách mạng Mô-dăm-bích.

Liên hệ chặt chẽ với quần chúng, Đảng FRELIMO đã lãnh đạo nhân dân Mô-dăm-bích vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, đưa cách mạng tiến lên không ngừng.

Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Mô-dăm-bích là xây dựng một nền kinh tế dân tộc độc lập và lớn mạnh. Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề vì Mô-dăm-bích vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu lại bị bọn thực dân bóc lột và kìm hãm suốt trong năm thế kỷ. Vào những năm trước khi



Digitized by Google

giành được độc lập, tình hình kinh tế rất bi thảm. Thấy trước chế độ thực dân không thể nào tránh khỏi thất bại, bọn tư bản nước ngoài và cả bọn tư bản trong nước đã từng bước bỏ chạy khỏi Mô-dăm-bích. Các cơ sở sản xuất bị thả nổi, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải bị lấy cắp và phá hủy. Trong các năm 1973, 1974, hằng năm sản xuất nông nghiệp giảm gần một phần ba, sản xuất công nghiệp giảm hơn một phần ba, khối lượng hàng hóa vận chuyển giảm một phần tư so với các năm trước đó. Vào lúc chính quyền thực dân sụp đổ, gần một nửa số dân Mô-dăm-bích không có công ăn việc làm, hơn 2 triệu người khác bị đày trong các trại tập trung.

Những người cách mạng Mô-dăm-bích nhận thức rằng sau khi giành được độc lập dân tộc, nhiệm vụ trọng tâm của cuộc đấu tranh cách mạng chuyển sang lĩnh vực kinh tế. Muốn giải quyết thắng lợi nhiệm vụ này phải kết hợp với việc từng bước thiết lập cơ sở chính trị, tư tưởng, văn hóa và vật chất kỹ thuật, đồng thời không ngừng nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của bọn phản động câu kết với chủ nghĩa đế quốc.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình cụ thể của đất nước, Đảng FRELIMO xác định nông nghiệp là cột sống của nền kinh tế quốc dân, là cơ sở để phát triển kinh tế.

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Mô-dăm-bích đã quốc hữu hóa các đồn điền và trang trại của bọn tư bản, xây dựng thành những cơ sở sản xuất của Nhà nước. Hiện nay Nhà nước quản lý gần 60 nông trường. Với diện tích 140 000 ha, các nông trường đó cung cấp gần một nửa nông sản hàng hóa của cả nước, đặc biệt là những nông sản xuất khẩu. Cùng với việc xây dựng, củng cố các nông trường của Nhà nước, công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp đã được tiến hành. Năm 1982 cả nước mới có 195 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nay đã có gần 400. Công việc tổ chức, quản lý lao động ở các hợp tác xã không ngừng được cải tiến. Các hợp tác xã tiêu thụ cũng được phát triển mạnh. Hiện nay ở Mô-dăm-bích có 1200 hợp tác xã tiêu thụ, phục vụ gần 3 triệu người. Tại các cửa hàng này, lương thực, thực phẩm và một số mặt hàng cần thiết khác được bán với giá cố định và có hạn định về số lượng. Trong điều kiện hàng hóa còn thiếu, những biện pháp này nhằm mục đích phân phối công bằng, phúc lợi, ngăn ngừa hoạt động đầu cơ và bảo đảm khả năng đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất của nhân dân.

Trong nông nghiệp, cùng với việc phát huy tiềm năng của mọi loại đất đai, Mô-dăm-bích coi trọng việc sản xuất những nông sản có giá trị cao phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của mình như chè, hồ đào (một loại đào lộn hột), cùi dừa... Những năm gần đây, hằng năm, Mô-dăm-bích sản xuất trên 20 000 tấn chè, phần lớn dành cho xuất khẩu. Về hồ đào, số lượng xuất khẩu hằng năm khoảng 120 – 150 nghìn tấn, mang lại nhiều ngoại tệ mạnh.

Để khai thác tiềm năng lớn lao của mình, Mô-dăm-bích đã hợp tác chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa. Liên xô giúp Mô-dăm-bích xây dựng 30 công trình công – nông nghiệp, trong đó có công trình sử dụng tiềm năng của lưu vực sông Lim-pô-pô xây hồ chứa nước tưới cho 90 000 ha ruộng đất ở tỉnh Gát-da. Theo dự tính, khi công trình này hoàn thành, nông nghiệp của Mô-dăm-bích sẽ có bước phát triển nhảy vọt.

Về công nghiệp, sau ngày giải phóng, trước những hành động phá hoại điên cuồng của bọn chủ cũ làm cho nhiều nhà máy, xí nghiệp phải ngừng sản xuất. Nhà nước đã quốc



Digitized by Google

hữu hóa các xí nghiệp, nhà máy và những cơ sở sản xuất quan trọng. Công nhân nhất trí ủng hộ quyết định này và đứng ra đảm đương việc lãnh đạo, quản lý và tổ chức sản xuất. Nhờ những hoạt động tích cực của các chi bộ Đảng FRELIMO, của các hội đồng sản xuất và những cố gắng lớn lao của giai cấp công nhân, chẳng bao lâu tình hình đã trở lại bình thường. Khu vực Nhà nước dần dần nắm vai trò chủ đạo trong sản xuất, công nghiệp. Ở nhiều nhà máy, xí nghiệp đã có phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Cùng với việc tận dụng những cơ sở công nghiệp đã có, Mô-dăm-bích đã đầu tư một số lớn vốn xây dựng những cơ sở công nghiệp mới, trước hết là các xí nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp với việc sử dụng nguyên liệu trong nước, đem lại hiệu quả nhanh chóng. Một số mặt hàng công nghiệp của Mô-dăm-bích ngày càng được chú ý trên thị trường thế giới, có mặt hàng đã được tặng huy chương vàng ở hội chợ quốc tế. Máy khâu và tủ lạnh do Mô-dăm-bích sản xuất không những được sử dụng rộng rãi trong nước mà còn được xuất khẩu sang một số nước châu Phi.

Một thành tựu quan trọng khác của cách mạng Mô-dăm-bích là, trong hoàn cảnh đất nước bị thiên tai kéo dài, các lực lượng thù địch không ngừng điên cuồng chống phá, hệ thống giáo dục, hệ thống bảo vệ sức khỏe và những công trình văn hóa vẫn không ngừng được xây dựng, củng cố nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân. Trước ngày giải phóng, trên 90% số dân Mô-dăm-bích không biết chữ, cả nước chỉ có 50 nghìn người có trình độ tiểu học. Hiện nay số người không biết chữ chỉ chiếm chưa đầy 20% số dân, và cứ sáu người dân thì có một người đi học. Học sinh từ lớp 6 trở xuống không phải đóng học phí. Các trường đại học mở rộng cửa đón con em công nhân, nông dân. Nhiều thanh niên Mô-dăm-bích đã được cử đi học tại các nước xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống y tế với hàng chục bệnh viện lớn, hơn 100 phòng khám bệnh đa khoa, hàng nghìn trạm y tế đã được thiết lập; nhân dân được khám bệnh và chữa bệnh không phải trả tiền. Trình độ tay nghề của cán bộ y tế được nâng cao, các thiết bị được cải tiến. Nhiều bác sĩ giỏi của các nước xã hội chủ nghĩa đã tình nguyện đến làm việc ở Mô-dăm-bích.

Về văn hóa, những phong tục tập quán lạc hậu đang từng bước được xóa bỏ. Các hoạt động văn hóa ngày càng phong phú. Riêng về điện ảnh, Mô-dăm-bích đã xây dựng được một số phim truyện về cuộc đấu tranh giải phóng anh hùng và sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới của nhân dân. Xưởng phim tài liệu "Cu-sa Ca-nhe-ma" hằng năm sản xuất khoảng 50 bộ phim tài liệu về mọi mặt hoạt động trong nước, về các nước xã hội chủ nghĩa, về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh. Những bộ phim này góp phần to lớn vào việc nâng cao nhận thức chính trị của nhân dân.

Nhìn lại chặng đường đã qua của Mô-dăm-bích, những thành tựu đã thu được là đáng tự hào. Trong hoàn cảnh đế quốc Mỹ câu kết với chính quyền phân biệt chủng tộc Nam Phi và bọn tay sai điên cuồng thực hiện chính sách chiến tranh phá hoại nhiều mặt hòng ngăn chặn sự phát triển của cách mạng Mô-dăm-bích, âm mưu dập tắt phong trào giải phóng dân tộc ở miền Nam châu Phi, những thành tựu nói trên của cách mạng Mô-dăm-bích càng có ý nghĩa.

Cùng chung mục đích đấu tranh cho độc lập, tự do, tiến bộ xã hội, nhân dân Mô-dăm-bích rất gần gũi với nhân dân Việt nam. Trong cuộc kháng



Digitized by Google

chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, nhân dân Mô-dăm-bích đã dành cho chúng ta những tình cảm nồng hậu, sự cổ vũ quý báu. Tháng 7-1981 vừa qua, Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước nước CHND Mô-dăm-bích do Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Nhà nước, Nguyên soái X.M. Masen làm trưởng đoàn đến thăm hữu nghị nước ta, mang đến cho nhân dân ta tình bạn chiến đấu và tình hữu nghị thắm thiết của hơn 12 triệu nhân dân Mô-dăm-bích anh em.

Nhân dân Việt nam theo dõi với mối cảm tình sâu sắc cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Mô-dăm-bích. Trước sau như một, nhân dân Việt nam khẳng định tình đoàn kết chiến đấu và sự ủng hộ mạnh mẽ đối với nhân dân Mô-dăm-bích trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang, và rất phấn khởi trước những thành tựu có ý nghĩa to lớn mà nhân dân Mô-dăm-bích đã đạt được.

Chào mừng nước CHND Mô-dăm-bích tròn mười tuổi, chúng ta chân thành chúc nhân dân Mô-dăm-bích anh em đạt được nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

---

## Đảng bộ huyện Hoài đức...

*(tiếp theo trang 74)*

phấn khởi sản xuất. Đời sống của người thợ thủ công (nhất là thợ thủ công chuyên nghiệp) gặp nhiều khó khăn. Giá cả gia công nhiều mặt hàng đang là vấn đề đáng suy nghĩ. Ở Hoài đức có thực tế là hàng gia công của Nhà nước phải qua quá nhiều cơ quan trung gian mới đến cơ sở. Thường thường mặt hàng nào cũng qua 3 cơ quan gia công, có loại như sa tanh phải qua 5 cơ quan. Do vậy đến người thợ thì tiền gia công còn quá ít. Có thể cải tiến tổ chức, tạo thuận lợi hơn cho cơ sở nhận hàng gia công được không? Cũng do giá cả không hợp lý cho nên ngành tơ tằm gặp khó khăn kéo dài. Ai cũng biết tơ tằm là mặt hàng xuất khẩu có giá trị, Hoài đức lại có truyền thống trồng dâu nuôi tằm nhưng diện tích trồng dâu cứ bị thu hẹp dần, người dân đã phá dâu để trồng các cây khác. Vì sao vậy? Đơn giản là người ta không thể mở rộng diện tích trồng dâu khi hiệu quả kinh tế do cây dâu mang lại kém 5,6 lần so với việc trồng các cây khác. Đó là những vấn đề mà huyện ủy Hoài đức thiết tha mong muốn được các cơ quan có trách nhiệm cấp trên quan tâm nghiên cứu, giải quyết kịp thời.

Thấy rõ thiếu sót của mình trong lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời xác định rõ phương hướng phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong thời gian tới, huyện ủy chúng tôi quyết tâm khai thác triệt để tiềm năng về ngành nghề của huyện và tiềm năng do liên kết kinh tế mang lại, quyết tâm xây dựng Hoài đức thành huyện có cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp vững mạnh.



Digitized by Google

## «ТАПТИ КОНГШАН» № 6 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – Совершенствование механизма управления сельскохозяйственным кооперативом. Речь тов. Чыонг Тиня на митинге, посвященном 95 – й годовщине со дня рождения Президента Хо Ши мина. ЛЕ ДЫК БИНЬ – Некоторые проблемы по отбору, расстановке кадров в настоящее время. НГУЕН КУАН – Экономика во Вьетнаме спустя 10 лет после воссоединения страны. НГУЕН ВАН ТАН – Расширение права на творческую самостоятельность предприятий в капитальном строительстве. НГУЕН МАЙ – Некоторые мнения о взаимосвязи преобразования рынка, распределения и товарного обращения. ★ ★ ★ – День вьетнамской журналистики. ХО БАТ КХУАТ – Народная Республика Мозамбик после десятилетия строительства.

## REVIEW OF COMMUNISM N° 6-1985

**Editorial** – Improving the structure of management of agricultural co-operatives. Comrade Truong Chinh's speech at the 95th anniversary of President Ho Chi Minh's birthday. LÊ ĐỨC BÌNH – Some problems about the selection and appointment of cadres. NGUYỄN QUÁN – Vietnam's economy ten years after reunification. NGUYỄN VĂN TÂN – Expanding the right of grassroots units to take initiative in capital construction. NGUYỄN MẠI – Some opinions on the relations between market transformation and distribution - circulation. ★ ★ ★ – Journalists' day in Vietnam. HỒ BẤT KHUẤT – The People's Republic of Mozambique through ten years of construction

## REVUE DU COMMUNISME N° 6-1985

**Editorial** – Améliorer le mécanisme de la gestion des coopératives agricoles. Discours de Truong-Chinh à la cérémonie du 95e anniversaire de la naissance du Président Ho Chi Minh. LÊ ĐỨC BÌNH – Sur le choix et l'affectation des cadres à l'heure actuelle. NGUYỄN QUÁN – L'économie du Vietnam dix ans après la réunification nationale. NGUYỄN VĂN TÂN – Elargir l' initiative de la base dans les constructions de base. NGUYỄN MẠI – Sur le rapport entre la réforme du marché et la distribution et la circulation des marchandises. ★ ★ ★ – La « Journée de la presse » du Vietnam. HỒ BẤT KHUẤT – La République populaire de Mozambique après dix années d'édification

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 6-1985

**Editorial** – Mejorar el mecanismo de la gestión de las cooperativas agrícolas. Discurso pronunciado por el Camarada Truong Chinh en el acto conmemorativo del 95 aniversario del natalicio del Presidente Ho Chi Minh. LÊ ĐỨC BÌNH – Sobre el nombramiento y la ubicación de los cuadros en actualidad. NGUYỄN QUÁN – La economía vietnamita 10 años después de la reunificación nacional. NGUYỄN VĂN TÂN – Ampliar la iniciativa de la base en las construcciones básicas. NGUYỄN MẠI – Algunas ideas sobre las relaciones entre la reforma del mercado y la distribución y circulación de las mercancías. ★ ★ ★ – El día de « prensa » de Vietnam. HỒ BẤT KHUẤT – La República Popular de Mozambique después de 10 años de edificación.

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 6-1985. NĂM THỨ XXXI (351)

# Mục lục

**Xã luận** – Cải tiến cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp 1

Diễn văn của đồng chí Trường-Chinh tại lễ kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 8

NGUYỄN VĂN LINH – Thành phố Hồ Chí Minh – mười năm thử thách, mười năm đi tới (tiếp theo kỳ trước) 23

LÊ ĐỨC BÌNH – Vài vấn đề trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ hiện nay 39

NGUYỄN QUÁN – Kinh tế Việt nam sau 10 năm thống nhất đất nước 47

NGUYỄN VĂN TÂN – Mở rộng quyền chủ động sáng tạo của cơ sở trong xây dựng cơ bản 52

NGUYỄN MẠI – Một số ý kiến về mối quan hệ giữa cải tạo thị trường và phân phối lưu thông 58

TRẦN HỒ – Về vận dụng quy luật giá trị trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta 66

NGUYỄN VĂN ĐỨC – Đảng bộ huyện Hoài đức lãnh đạo phát triển thủ công nghiệp trên địa bàn huyện 71

PHẠM XUÂN ÁI – Những chuyển biến mới trong công tác phát triển Đảng của đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh 75

**Sinh hoạt tư tưởng** ★ TRỌNG NGHĨA – "Làm xiếc" 78

**Đọc sách** ★ LÊ XUÂN VŨ – Một đóng góp to lớn và quý báu 81

MẠC DƯỜNG – Vấn đề xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số Tây nguyên 88

★ ★ ★ – Ngày báo chí Việt nam 95

NGUYỄN THÀNH – Tờ báo cách mạng đầu tiên ở Việt nam 99

HỒ BẤT KHUẤT – Cộng hòa nhân dân Mô-dăm-bích qua mười năm xây dựng 103

Bìa 3 – Một số thành tựu về vận tải

Bìa 4 – Tranh của *THỤC PHI*

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Ngày-a Trường Tiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52152

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch – T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22040

Digitized by Google

# VẬN TẢI

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN (%)

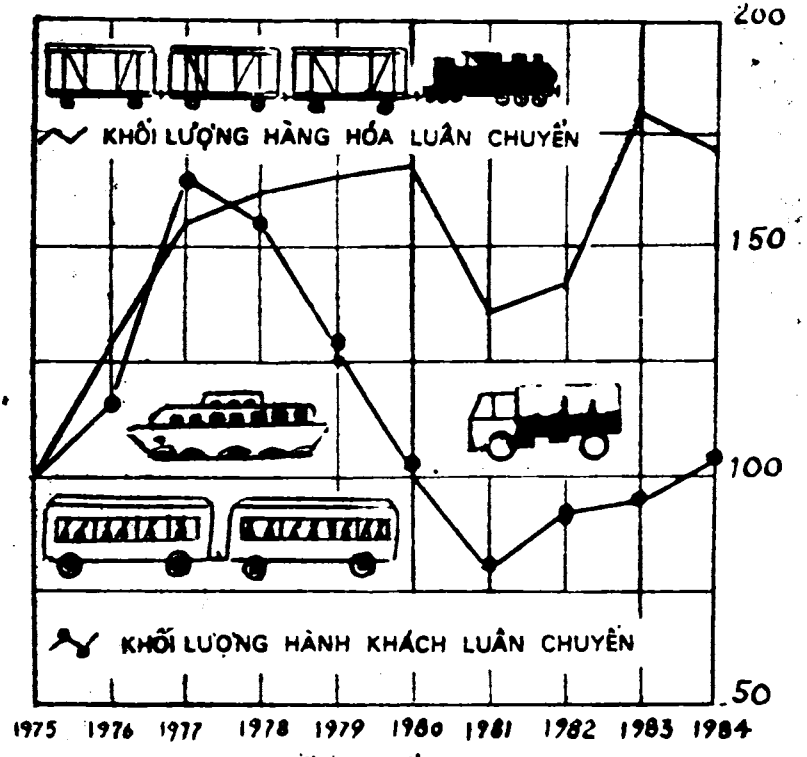


CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG

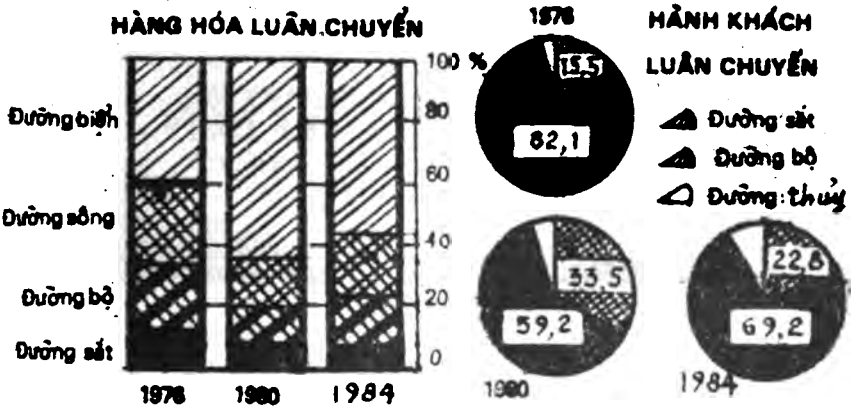


Digitized by Google

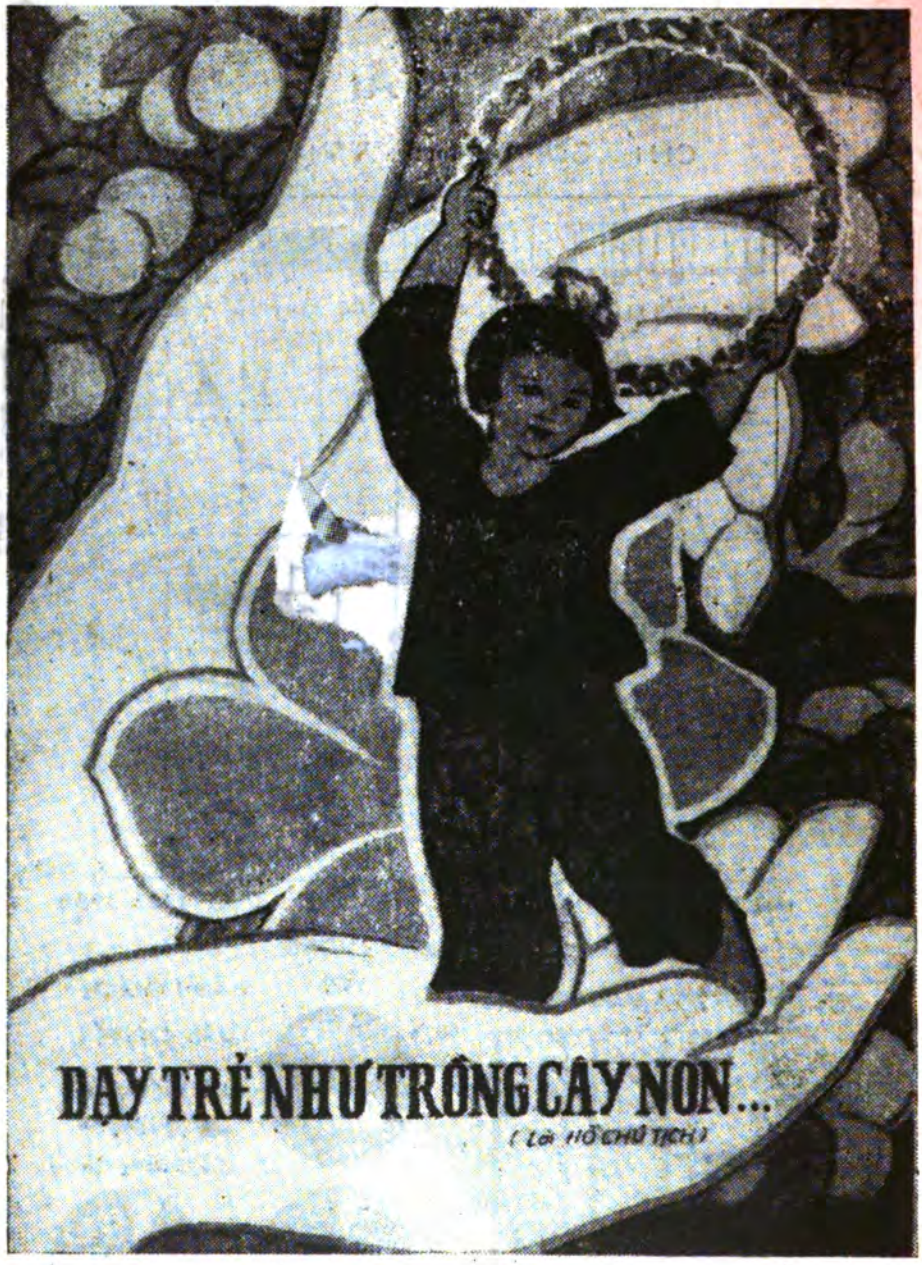


In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số : 12651 — Giá 4đ00

Digitized by Google

# Tạp chí Cộng sản

HX
9
68B

UNIV. of MICH.
NOV 1 8 1985
Current Serials

7

7 . 1985

Digitized by Google

*Tiến nhanh, tiến mạnh là quy luật của chủ nghĩa xã hội. Muốn sản xuất được nhiều, nhanh, tốt, rẻ, thì phải có nhiệt tình cách mạng. Nhưng lại còn phải hiểu biết và nắm vững khoa học.*

*Mỗi người lao động cần có tinh thần dám nghĩ, dám làm, vươn lên hàng đầu, thành người lao động tiên tiến. Công nhân, nông dân ta và người lao động trí óc cần tin rằng chúng ta có đầy đủ sức mạnh, can đảm và thông minh để xây dựng cuộc đời mới của mình. Chỉ cần chúng ta có đầy đủ ý thức làm chủ, tinh thần tập thể, kỷ luật và ra sức học tập, nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, có tinh thần sáng tạo, tìm tòi cái mới, học tập cái mới, ủng hộ cái mới, thực hiện cái mới thì việc gì chúng ta cũng làm được.*

HỒ CHÍ MINH
(1961)

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

# Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về giá — lương — tiền

Từ ngày 10 đến ngày 17-6-1985, tại Hà nội, đã tiến hành Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về giá — lương — tiền.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn khai mạc hội nghị.

Hội nghị đã kiểm điểm tình hình kinh tế — tài chính nước ta từ sau ngày giải phóng miền Nam. Từ sau nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV — tháng 9-1979), Đảng và Nhà nước đã đề ra một số chủ trương, chính sách về sản xuất, về phân phối lưu thông; một số địa phương và cơ sở đã mạnh dạn áp dụng những cách làm mới nhằm tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh thu mua nắm hàng, cải thiện một bước nền tài chính quốc gia, giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá và lương.

Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng chỉ ra bài học bao trùm là: phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ và hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Hội nghị Trung ương chỉ rõ: hiện nay, xóa quan liêu — bao cấp trong giá và lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có



Digitized by Google

tinh quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cả nước.

Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương (khóa V) nhất trí cao về mục tiêu, phương hướng giải quyết các vấn đề giá – lương – tiền:

– Thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý, khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có, nhằm phát triển mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn.

– Ổn định đời sống nhân dân lao động, trước hết là đời sống công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Nhà nước làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông, làm chủ thị trường; từng bước cân bằng ngân sách và tiền mặt.

– Góp phần tạo dần nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

– Thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; phát triển kinh tế gia đình.

– Góp phần tăng cường quốc phòng và an ninh, kiên quyết chống địch phá hoại, đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực.

Các cấp lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể, từ trung ương đến cơ sở, phải coi việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương (khóa V) là công tác trung tâm đột xuất từ nay cho đến hết năm 1985.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này về giá – lương – tiền là kết quả rút ra từ thực tiễn và kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua, thể hiện sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc trong chủ trương, chính sách của Đảng ta, không những về giá cả, tiền lương mà cả về thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, cơ chế kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, nhằm triệt để xóa bỏ quan liêu – bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nước ta phát triển lên một bước mới.



Digitized by Google

*Xã luận*

# Xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa

*Cơ chế bao cấp ra đời trong hoàn cảnh chiến tranh lâu dài và ác liệt. Với nền kinh tế chậm phát triển, để bảo đảm nhu cầu chiến đấu và đời sống, trong kháng chiến chống Mỹ, chúng ta phải áp dụng phương thức bao cấp trong phân phối sản phẩm xã hội. Đó là cần thiết lúc bấy giờ.*

*Lẽ ra, sau khi chiến tranh chống Mỹ kết thúc, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, chúng ta phải kịp thời xóa bỏ cơ chế quản lý quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tiến hành sắp xếp lại sản xuất và xây dựng, quy định lại chính sách tài chính quốc gia lấy nguồn động viên trong nước làm cơ sở, bãi bỏ tốt phân phối bao cấp v.v.* Nhưng **do bảo thủ, tập trung quan liêu, thiếu linh hoạt, nhạy bén, chỉ đạo và điều hành có nhiều khuyết điểm, tư tưởng ỷ lại vào viện trợ từ bên ngoài còn nặng,** *cho nên chúng ta đã chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Khuyết điểm đó làm cho các mặt mất cân đối trong nền kinh tế chậm được khắc phục, tính năng động trong sản xuất, kinh doanh không được phát huy, tài chính quốc gia ngày càng thiếu hụt, lạm phát không ngừng tăng thêm, hệ thống giá cả của Nhà nước ngày càng thoát ly giá trị, sức mua của đồng tiền, tiền lương thực tế và đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang ngày càng giảm sút. Mặc dù chúng ta đã ra sức phát triển sản xuất, cố gắng xuất khẩu để nhập khẩu và đã đạt được một số thành tựu đáng phấn khởi, nhất là từ năm 1981 trở đi, nhưng số của cải do sản xuất trong nước tăng thêm vẫn chưa nhiều hơn số của cải từ các nguồn bên ngoài giảm, dân số lại tăng lên quá nhanh, cho nên thu nhập quốc dân sử dụng bình quân đầu người giảm.*

*Từ sau nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương (khóa IV), Đảng và Nhà nước đã lần lượt ban hành nhiều chủ trương và chính sách nhằm khắc phục tình hình trên. Một số ngành, địa phương và cơ sở đã mạnh dạn áp dụng những cách làm mới để* **tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh thu mua nắm nguồn hàng, cải thiện một bước nền tài chính quốc gia, giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá cả và tiền lương.**

*Tuy nhiên, các chính sách và biện pháp của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua về phân phối lưu thông vẫn chưa được giải quyết về cơ bản, vì vẫn tiếp tục duy trì các vấn đề giá cả, tiền lương và các vấn đề kinh tế trên cơ sở cơ chế quản lý* **tập trung quan liêu — bao cấp.**



Digitized by Google

*Chúng ta đã tiếp tục kế hoạch hóa và quản lý đơn thuần dựa vào chế độ cấp phát và giao nộp, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, giả tạo. Cơ chế đó đặt các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong tình trạng bị gò bó, thụ động, ỷ lại, không kích thích, cũng không ràng buộc các xí nghiệp phải quan tâm đến năng suất, chất lượng và hiệu quả. Tình trạng duy trì quá lâu chế độ phân phối hiện vật với giá cả rất thấp, đến mức gần như cho không và diện cung cấp mở rộng. Tiền lương không còn ý nghĩa kích thích lao động sản xuất.*

*Trong các hình thức bao cấp thì bao cấp* **qua giá cả** *là nghiêm trọng hơn cả. Vật tư, hàng hóa của Nhà nước bán ra không bù đắp đủ chi phí sản xuất; chênh lệch giá biến thành nguồn thu nhập bổ sung của nhiều người trong xã hội, thậm chí biến thành miếng đất nuôi dưỡng thị trường không tổ chức và chợ đen, làm giàu cho bọn gian thương và phần tử thoái hóa biến chất trong bộ máy Nhà nước.*

*Chính do không quán triệt quan điểm xóa bỏ quan liêu — bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cho nên đã* **cải tiến giá cả và tiền lương một cách nửa vời**, *không tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất vào giá thành, còn bù lỗ một cách tràn lan và hạch toán kinh tế hình thức; duy trì giá mua và giá bán thấp; duy trì chế độ cung cấp hiện vật là chính với giá cung cấp giả tạo và diện bao cấp rất rộng. Sau khi điều chỉnh giá cả và tiền lương, chúng ta* **vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế « tĩnh » đối với giá cả và tiền lương**, *trong lúc tình hình kinh tế chung đòi hỏi một cơ chế « động ». Cuối cùng dẫn đến hệ thống giá cả hàng hóa của Nhà nước tiếp tục thoát ly giá trị, Nhà nước phải bù lỗ đối với sản xuất và kinh doanh ngày càng lớn, tiền lương thực tế ngày càng giảm sút.*

*Thời gian qua, chúng ta đã* **điều chỉnh giá cả và tiền lương một cách riêng rẽ**, *chắp vá, không gắn với cải cách cơ chế quản lý kinh tế, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất cho có hiệu quả, tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải tạo và quản lý thị trường. Chúng ta đã buông lỏng quản lý thị trường, không làm chủ được giá cả, để cho giá tăng lên quá nhanh, vượt ra khỏi sự kiểm soát của Nhà nước.*

*Những khuyết điểm trên đã làm cho tình hình giá cả tiếp tục diễn biến xấu, giá cả hàng hóa của Nhà nước ngày càng thấp hơn giá trị rất nhiều. Những hậu quả nghiêm trọng của giá thấp giả tạo, do cơ chế quan liêu — bao cấp đẻ ra, đã làm cho thu nhập của khu vực kinh tế quốc doanh chỉ đủ trả lương công nhân, viên chức của bản thân xí nghiệp với mức rất thấp, không có đóng góp cho Nhà nước, không có tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Những tài sản cố định ngày càng hao mòn, hư hỏng vì khoản thu về khấu hao không đủ chi cho sửa chữa, càng không thể khôi phục tài sản cố định. Việc cung cấp vật tư với giá thấp để đổi lại việc giao nộp sản phẩm theo giá thấp làm cho giá thành và giá tiêu thụ sản phẩm cũng thấp nhiều so với giá trị thực của nó, cho nên sự tính toán về hiệu quả kinh tế của xí nghiệp đều bị sai lệch. Đó là sợi dây trói buộc xí nghiệp vào cơ chế quan liêu, thủ tiêu quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Với điều kiện giá cả như vậy, một phần tiền vay của nước ngoài bị phung phí qua bao cấp theo giá quá thấp. Việc duy trì giá mua và giá bán thấp theo cơ chế quan liêu — bao cấp làm cho Nhà nước gặp nhiều khó khăn trong việc nắm hàng, nắm tiền, gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.*

*Cũng như giá cả, cơ chế quan liêu — bao cấp đã vi phạm đến nguyên tắc phân phối theo lao động,* **tiền lương** *đã thành vấn đề nóng bỏng trong đời sống xã hội.*



Digitized by Google

*Tiền lương mang tính chất bao cấp, bình quân đã không kích thích cải tiến kỹ thuật và thúc đẩy phát triển sản xuất. Nguyên tắc phân phối theo lao động bị vi phạm, làm cho những người lao động không phấn khởi, gây ra nhiều tiêu cực trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh*

*Tiền lương thực tế của những người ăn lương bị giảm sút; sự chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các ngành nghề, các vùng và giữa các tầng lớp dân cư ngày càng bất hợp lý.*

*Đi đôi với chế độ cung cấp hiện vật bình quân với giá cả thấp, thực tế là cấp phát cho không, bản thân chế độ tiền lương hiện hành đã quá lâu không sửa đổi, cho nên không những lạc hậu về mức lương bằng tiền mà tự thân nó mang nặng tính bao cấp. Tiền lương không gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; chế độ tiền lương bằng hiện vật đã gây ra nhiều lãng phí và tiêu cực trong xã hội, vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của người lao động đối với thu nhập của mình.*

*Qua thực tiễn sản xuất và đời sống thời gian qua, chúng ta rút ra bài học bao trùm là phải* **dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp**, *thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ và hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

★

*Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã xem xét tình hình kinh tế nước ta hiện nay, và đã ra nghị quyết về giá – lương – tiền. Hội nghị cho rằng, giá cả và tiền lương không hợp lý hiện nay là hạt nhân của cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp; xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp về mặt giá cả và tiền lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

*Giải quyết các vấn đề giá–lương–tiền phải trên cơ sở quan điểm triệt để xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp và phải được tiến hành liên tục, dứt khoát với cơ chế cũ, không do dự và không dừng lại nửa vời. Phải kiên quyết chống khuynh hướng bảo thủ trì trệ, duy trì lối quản lý cũ nhằm quay về với cơ chế tập trung quan liêu–bao cấp.*

*Chúng ta đã sống với cơ chế quan liêu–bao cấp hàng chục năm, những quy tắc, thể lệ do cơ chế đó quy định đã ghi dấu ấn vào đời sống kinh tế – xã hội có cái đã trở thành lối làm việc và tập quán của nếp sống trong cán bộ và nhân dân, có cái đã trở thành sức ỳ trong nhiều người mà không thể một sớm một chiều gột sạch được hoàn toàn. Do đó, chúng ta phải kiên quyết và triệt để, không luyến tiếc, có những biện pháp thích đáng và liên tục để xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp, chuyển mạnh sang cơ chế kế hoạch hóa gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

*Việc giải quyết vấn đề giá–lương–tiền nhằm đạt các mục tiêu chủ yếu sau đây.* **Một là**, *thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý, khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có để phát triển mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả tốt hơn.* **Hai là**, *ổn định đời sống nhân dân lao động, trước hết là đời sống công nhân viên chức và lực lượng vũ trang. Nhà nước làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông,*



Digitized by Google

*làm chủ thị trường và giá cả, từng bước cân bằng ngân sách và tiền mặt.* **Ba là,** *góp phần tạo dần nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.* **Bốn là,** *thúc đẩy việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình.* **Năm là,** *góp phần tăng cường quốc phòng và an ninh, kiên quyết chống địch phá hoại, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.*

*Các mục tiêu trên có mối quan hệ biện chứng và thống nhất với nhau trong quá trình thực hiện. Nội dung chủ yếu của việc xóa bỏ cơ chế quan liêu – bao cấp trong giá – lương – tiền hiện nay gồm những vấn đề như :*

**Thứ nhất : Tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm, giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thỏa đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy ; xóa bỏ tình trạng Nhà nước mua và bán hàng hóa với giá thấp và bù lỗ bất hợp lý.**

*Trong việc điều chỉnh mặt bằng giá cả và quy định cơ chế mới về quản lý giá cả, chúng ta cần phải nắm vững những nguyên tắc đúng đắn. Giá cả được quy định phải phù hợp với giá trị và sức mua của đồng tiền. Việc quy định giá cả phải trên cơ sở* **lấy kế hoạch làm trung tâm.** *Thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung cầu. Trong hoàn cảnh nền kinh tế nước ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, sản xuất nông nghiệp còn là mặt trận hàng đầu thì* **phải lấy giá thóc làm chuẩn** *để tính toán các loại giá khác và toàn bộ mặt bằng giá cả. Thực hiện* **cơ chế một giá** *trong toàn bộ hệ thống giá cả, khắc phục việc « thả nổi » giá cả cũng như việc định giá và quản lý giá cứng nhắc.*

**Giá mua lương thực và nông sản khác** *phải thể hiện và góp phần thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp nhằm hình thành cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý, thể hiện mối liên minh giữa công nhân và nông dân trong điều kiện mới của chuyên chính vô sản, quan hệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng, tạo điều kiện cho cả công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển, đời sống của nông dân và công nhân đều được cải thiện. Giá mua nông sản phải khuyến khích việc hình thành và phát triển các vùng chuyên canh, các vùng kinh tế mới, chú trọng những vùng chuyên trồng lúa. Thực hiện ngay việc Nhà nước thống nhất quản lý, độc quyền kinh doanh lương thực và các nông sản khác chủ yếu bằng chính sách giá và bằng phương thức mua hợp lý.*

**Với cơ chế một giá**, *giá mua lương thực và nông sản được quy định trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và nông dân (có phân biệt theo vùng và điều chỉnh theo từng vụ sản xuất), bảo đảm cho người sản xuất bù đắp đủ chi phí sản xuất và có lãi hợp lý. Đối với những vùng có điều kiện thiên nhiên không thuận lợi và cơ sở vật chất – kỹ thuật kém, đời sống còn nhiều khó khăn, Nhà nước có chính sách giá mua cao hơn đi đôi với chính sách đầu tư. Nhà nước cần có chính sách thuế và giá thích hợp đối với những vùng có điều kiện thiên nhiên thuận lợi. Thông qua* **hợp đồng kinh tế**, *Nhà nước nắm hầu hết lương thực hàng hóa và nông sản hàng hóa quan trọng.*

**Giá thành sản phẩm công nghiệp phải được quy định đúng.** *Cần tính đủ các yếu tố của chi phí sản xuất bao gồm những chi phí về tư liệu sản xuất và tiền lương mới của khu vực sản xuất.*



Digitized by Google

*Trong hao phí về lao động quá khứ, cần tính đủ khấu hao về tài sản cố định theo hướng đánh giá lại tài sản cố định, tính đủ khấu hao sửa chữa lớn, tạm thời tính khấu hao cơ bản căn cứ vào tình hình sử dụng thực tế máy móc và thiết bị. Tính đúng và đủ giá trị vật tư: đối với vật tư sản xuất trong nước, phải tính đủ giá vốn; trên cơ sở lý giá kết toán nội bộ mới dựa trên giá vốn nhập khẩu và chính sách giá cả trong nước để tính giá những vật tư nhập khẩu. Đi đôi với tính đủ các chi phí hiện còn để ngoài giá thành, cần loại bỏ các chi phí không hợp lý và không hợp lệ.*

**Giá bán buôn xí nghiệp** *phải bù đắp đủ chi phí sản xuất trên cơ sở định mức vật tư và lao động hợp lý, lợi nhuận định mức thỏa đáng để xí nghiệp có thể tái sản xuất mở rộng và có tích lũy cho Nhà nước. Giá bán buôn xí nghiệp phải có tác dụng khuyến khích và tạo điều kiện cho xí nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính, chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh tế thật sự.*

**Giá bán buôn công nghiệp đối với vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng** *cần phải thể hiện quan điểm tích lũy và tiêu dùng của Đảng. Nhà nước thực hiện thu quốc doanh có mức độ đối với tư liệu sản xuất và thu quốc doanh thỏa đáng đối với hàng công nghiệp tiêu dùng.*

*Giá bán vật tư, hàng hóa nhập khẩu phải tương ứng với quan hệ giá cả hàng hóa sản xuất trong nước, có tác dụng khuyến khích sản xuất vật tư trong nước thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng tiết kiệm vật tư nhập khẩu.*

*Trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh những vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng chủ yếu, Nhà nước trung ương định giá thống nhất (một số mặt hàng giá định chênh lệch theo vùng) cho những loại hàng này.*

**Giá bán lẻ** *được quy định trên cơ sở giá trị hàng hóa, có tính đến quan hệ cung—cầu, sức mua của đồng tiền và phải thể hiện chính sách kinh tế — xã hội của Đảng và Nhà nước. Đối với hàng tiêu dùng, chính sách về giá bán lẻ cần phân biệt theo tính chất mặt hàng. Thực hiện tích lũy thỏa đáng cho ngân sách đối với hàng công nghiệp thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng, trừ một vài mặt hàng thiết yếu thì tích lũy ít hoặc là không tích lũy, thậm chí có thể bù lỗ theo chính sách xã hội đối với vài mặt hàng nhất định.*

*Nhà nước thực hiện nhất quán* **cơ chế một giá bán lẻ;** *trung ương định một giá kinh doanh thống nhất cho những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, có phân biệt thỏa đáng về mức giá theo vùng, nhất là lương thực — thực phẩm và một số vật tư, hàng hóa đòi hỏi vận chuyển xa với chi phí vận tải lớn.*

*Để quản lý giá cả, cần phải có phân công, phân cấp hợp lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp với thực tế. Cần thực hiện phân công, phân cấp quản lý giá hợp lý giữa các cơ quan Nhà nước trung ương và địa phương.*

**Thứ hai: tiền lương thực tế phải thật sự bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng tiền lương, tái sản xuất được sức lao động, phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân.**

*Tiền lương phải được gắn chặt với năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động. Phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động trong chế độ tiền lương. Thực hiện* **trả lương bằng tiền,** *có hàng hóa bảo đảm, xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hóa. Phải thực hiện chế độ*



Digitized by Google

*tiền lương thống nhất trong cả nước, có tính đến sự khác biệt hợp lý giữa các vùng và các ngành.*

*Chính sách về tiền lương nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Phải xóa bỏ bao cấp, bình quân, chênh lệch bất hợp lý trong tiền lương, khôi phục trật tự về tiền lương, tiền thưởng trong cả nước.*

*Muốn đạt được các yêu cầu trên, cần phải thực hiện các chủ trương biện pháp sau đây:*

**Một là, bãi bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá bù lỗ, chuyển sang chế độ lương bằng tiền, định lại mức lương tối thiểu làm cơ sở cho hệ thống lương cơ bản thống nhất cả nước.** *Tiền lương phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động trong điều kiện cụ thể của nước ta. Phải tính lại* **tiền lương tối thiểu** *theo mặt bằng giá mới, lấy đó làm cơ sở để tính hệ thống tiền lương cơ bản thống nhất cả nước.*

**Hai là, sắp xếp lại các mức lương, thang lương, phụ cấp, tiền thưởng** *cho phù hợp với trách nhiệm và cống hiến của các loại công nhân, viên chức. Cần bảo đảm tương quan hợp lý giữa các ngành nghề, đãi ngộ thỏa đáng hơn các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, các ngành nghề đòi hỏi trình độ khoa học kỹ thuật, các ngành giáo dục, y tế, văn hóa nghệ thuật.*

*Sắp xếp lại hệ thống phụ cấp khu vực căn cứ vào điều kiện khí hậu, mức độ xa xôi hẻo lánh, đi lại khó khăn, điều kiện sinh hoạt vật chất và văn hóa thiếu thốn. Cần nghiên cứu để quy định các khoản tiền thưởng khuyến khích các hoạt động sáng tạo, phát minh khoa học kỹ thuật và văn học nghệ thuật.*

**Ba là, cần có phụ cấp đắt đỏ** *để bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân, viên chức, xem xét tình hình biến động giá cả trong từng quý để định phụ cấp đắt đỏ. Phụ cấp đắt đỏ được hạch toán vào quỹ tiền lương và vào giá thành sản phẩm.*

**Bốn là, điều chỉnh chế độ trợ cấp xã hội.** *Công nhân, viên chức và quân nhân về hưu được hưởng trợ cấp hưu trí căn cứ vào mức lương cũ trước khi nghỉ hưu để chuyển đổi sang mức lương mới.*

**Thứ ba: xác lập quyền tự chủ về tài chính của các ngành kinh tế – kỹ thuật, các địa phương và đơn vị cơ sở gắn liền với sửa đổi cơ chế kế hoạch hóa và quản lý.**

*Cần phải chuyển hẳn mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành, các địa phương và cơ sở sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

*Các tổ chức kinh tế phải tự chịu trách nhiệm về lời – lỗ của mình, xóa bỏ mọi khoản bù lỗ bất hợp lý của ngân sách Nhà nước (trung ương và địa phương) về các hoạt động sản xuất, kinh doanh.*

*Xóa bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương và địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan. Tích cực phấn đấu tiến tới thực hiện cân bằng ngân sách; tạo điều kiện cho ngân sách địa phương có nguồn thu ổn định và phát triển.*

*Cần cải tiến công tác tài chính bằng thực hiện việc huy động mạnh mẽ các nguồn thu cho ngân sách Nhà nước trên cơ sở phát triển sản xuất, phấn đấu hạ giá thành và chi phí lưu thông. Cải tiến chế độ thu quốc doanh mang tính chất bao cấp và các loại thuế. Xóa bỏ các chế độ chi tiêu không phù hợp với khả*



Digitized by Google

*năng tài chính của Nhà nước. Thực hiện chế độ* **tự chủ tài chính** *của xí nghiệp, làm cho giá cả, tiền lương, tài chính, tín dụng phát huy đầy đủ chức năng đòn bẩy kinh tế, kích thích các đơn vị kinh tế phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả kinh tế. Chuyển dần bộ phận vốn đầu tư và toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp sang hình thức tín dụng. Điều chỉnh mối quan hệ giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, cải tiến chế độ phân cấp ngân sách trên cơ sở ba cấp cùng làm chủ, bảo đảm sự nhất trí giữa ba lợi ích (toàn xã hội, tập thể, cá nhân người lao động).*

**Thứ tư: nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.**

*Trong hoạt động tín dụng của ngân hàng, phải lấy hiệu quả kinh tế của đồng vốn làm tiêu chuẩn hàng đầu. Ngân hàng phải làm tốt chức năng của mình, nhằm tạo điều kiện tốt cho các ngành, các địa phương và cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

*Cần áp dụng các biện pháp có hiệu lực để* **cải tiến lưu thông tiền tệ**, *thu hút tiền nhàn rỗi, đẩy nhanh tốc độ vòng quay đồng tiền. Chuyển mạnh hoạt động của ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đáp ứng kịp thời những nhu cầu về vốn cho sản xuất, kinh doanh theo giá mới.*

*Phải tăng cường sự* **kiểm soát bằng đồng tiền** *và kỷ luật về tài chính và tiền mặt; nghiêm cấm mọi sự chi tiêu sai chế độ, nghiêm trị mọi hành vi tham ô, lãng phí, lập quỹ đen. Thực hiện nghiêm ngặt sự kiểm tra và thanh tra tài chính của Nhà nước.*

★

*Nghị quyết thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về giá — lương — tiền là sự đúc kết kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo công tác phân phối lưu thông của Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua. Đây là sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc về chủ trương, chính sách của Đảng ta không những về giá cả, tiền lương mà cả về tài chính, thương nghiệp, tín dụng, tiền tệ, nhằm triệt để xóa bỏ quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế nước ta phát triển lên một bước mới.*

*Trong tình hình kinh tế đang chuyển biến, chưa ổn định, việc đổi mới chính sách về giá — lương — tiền lần này cần được thi hành khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán cẩn thận các phương án vững chắc gắn với phát triển sản xuất, xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới. Các chủ trương và việc tổ chức thực hiện ngay trong mỗi bước phải đồng bộ và trên cơ sở quán triệt quan điểm xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp. Chúng ta cần dự kiến được mặt tích cực, đồng thời phải lường trước những hệ quả kinh tế, chính trị, xã hội bất lợi nhất thời có thể xảy ra để kịp thời có biện pháp đề phòng và ngăn chặn.*

*Các ngành, các địa phương phải quán triệt đầy đủ nghị quyết này và có kế hoạch thống nhất thực hiện từng bước một cách vững chắc. Các ngành trung ương có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương trong quá trình thực hiện các chính sách cụ thể về cơ chế quản lý mới.*



Digitized by Google

*Các cấp lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở phải coi việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết này là công tác* **trung tâm đột xuất** *từ nay đến hết năm 1985. Các cấp, các ngành phải căn cứ vào tinh thần nghị quyết này để soát xét lại chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan, kiên quyết sắp xếp, chấn chỉnh những tổ chức và bộ máy bất hợp lý, loại bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết đang cản trở sự hoạt động kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cần bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế, đồng thời sắp xếp, bố trí đúng cán bộ để bảo đảm thực hiện tốt việc đổi mới cơ chế quản lý.*

*Việc thực hiện nghị quyết này đòi hỏi sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp; đồng thời đòi hỏi sự nâng cao và chấp hành nghiêm túc về ý thức tổ chức và kỷ luật của mọi cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức. Chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng nghị quyết Hội nghị thứ tám của Trung ương Đảng nhất định tạo ra sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, dấy lên một cao trào cách mạng của quần chúng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta tiến lên đạt được những thành quả to lớn hơn.*

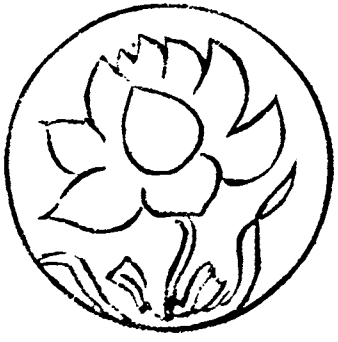



Digitized by Google

# Thư của đồng chí Trường-Chinh, ủy viên BCT TƯ Đảng, Chủ tịch HĐNN gửi các nhà báo nhân ngày báo chí Việt nam

*Hà nội, ngày 20-6-1985*

*Các đồng chí thân mến,*

NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 60 Ngày xuất bản báo *Thanh niên* do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, Ngày báo chí Việt nam được tổ chức lần đầu tiên ở nước ta, thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi thân ái gửi đến các đồng chí lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng nhiệt liệt.

Trong mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, báo chí cách mạng nước ta phát triển mạnh mẽ và có những cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Những người làm báo, chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, đã tỏ rõ phẩm chất cách mạng tốt đẹp của mình. Nhiều nhà báo đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp thiêng liêng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Báo chí Việt nam xứng đáng là một bộ phận trong nền báo chí tiên phong của thời đại chúng ta.

Hiện nay, nước ta đang tiến bước vững chắc trên con đường xã hội chủ nghĩa. Báo chí chúng ta cần cố gắng nhiều hơn nữa để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phổ biến rộng rãi kinh nghiệm thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ năm của Đảng và nghị quyết các hội nghị Ban chấp hành trung ương, nhất là nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương mới đây nhằm xóa bỏ quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Anh chị em làm báo phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao tính chiến đấu, đi sâu vào phong trào cách mạng của quần chúng, phát hiện và biểu dương những nhân tố mới, phê phán, đấu tranh chống những sai lầm, lạc hậu, những biểu hiện tiêu cực, không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Ngày báo chí Việt nam được tổ chức hằng năm là rất tốt để bồi dưỡng truyền thống cách mạng, tổng kết những thành tích và kinh nghiệm, cải tiến công tác báo chí của chúng ta. Tôi tin chắc rằng báo chí Việt nam, được Đảng lãnh đạo chặt chẽ, lại được quần chúng nhân dân hết lòng ủng hộ, giúp đỡ, sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

Chúc các đồng chí luôn luôn xứng đáng với nhiệm vụ vẻ vang của mình, xứng đáng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và người thầy vĩ đại của báo chí cách mạng nước ta.

Chào thân ái,

**TRƯỜNG-CHINH**



Digitized by Google

# TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC HIỆN NAY

LÊ QUANG ĐẠO

BƯỚC sang giai đoạn cách mạng mới, việc nắm khoa học và giáo dục càng có tầm quan trọng chiến lược. Trước kia, chúng ta chủ yếu tập trung vào khoa học vận động cách mạng để khởi nghĩa giành chính quyền. Trong kháng chiến, chúng ta tập trung vào khoa học kỹ thuật quân sự. Ngày nay, vấn đề đặt ra là phải xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, làm cho nước nhà ngày một giàu mạnh, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hàng loạt vấn đề mới đang đặt ra, cả về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu và giải đáp thật nghiêm túc. Chúng ta cần tham khảo kinh nghiệm của các nước anh em, và quan trọng hơn nữa là phải tổng kết kinh nghiệm của ta, nhất là kinh nghiệm 10 năm qua, phải tìm tòi sáng tạo để đưa nước ta tiến lên nhanh nhất và vững chắc nhất theo đường lối hoàn toàn đúng đắn đã được vạch ra ở các Đại hội IV và V của Đảng.

« Giáo dục là bộ phận khăng khít của chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và nhìn về lâu dài thì đây là bộ phận rất quan trọng, bởi lẽ, nói cho cùng chiến lược của chúng ta là chiến lược con người — nhân tố quyết định tất cả » (1). Chúng ta phải giáo dục, đào tạo, xây dựng con người mới để tiến hành tốt nhất ba cuộc cách mạng hôm nay, đồng thời để chuẩn bị cái « vốn quý nhất » ấy cho những bước phát triển to lớn hơn của mai sau. Đó là những con người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, có quyết tâm cách mạng cao, có kiến thức văn hóa vững chắc, nắm được và sử dụng được các công cụ, phương tiện sản xuất hiện đại, biết tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế xã hội, những cán bộ có phẩm chất tốt và có năng lực, những người chỉ huy quân sự giỏi, những nhà khoa học giỏi ở tất cả các ngành, những văn nghệ sĩ có tài năng v.v.

Cho nên, chúng ta phải nắm khoa học, vận dụng vào điều kiện của ta cho phù hợp và thông minh; phải nắm giáo dục, xây dựng con người mới phát triển toàn diện để hoàn thành các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

## I — Mấy vấn đề khoa học và kỹ thuật hiện nay.

Từ sau khi có nghị quyết số 37 của Bộ chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật, nhận thức của chúng ta về cách mạng khoa học kỹ thuật đã được nâng lên một bước đáng kể. Phần lớn các tỉnh, thành, đặc khu đã có

(1) « Bài nói của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng với giáo viên và cán bộ giáo dục nhân Ngày nhà giáo Việt nam » (20-11-1984). *Báo nhân dân*, ngày 26-11-1984.



Digitized by Google

nghị quyết về công tác khoa học và kỹ thuật. Nhiều cấp ủy đã có chủ trương, biện pháp cụ thể, thiết thực: xác định chương trình và đề tài ứng dụng khoa học kỹ thuật có mục tiêu; ký hợp đồng giữa địa phương và cơ sở với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các tập thể khoa học kỹ thuật, các trạm, trại thực nghiệm khoa học kỹ thuật; hình thành các hình thức mới để phát huy tác dụng của lực lượng khoa học và kỹ thuật như Hội đồng khoa học kỹ thuật, ban khoa học kỹ thuật phụ trách các chuyên đề, các tổ chức quần chúng làm khoa học kỹ thuật. Nhiều nơi đã bước đầu biết sử dụng lực lượng khoa học và kỹ thuật của địa phương và của các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn mình; đã có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật về vật chất và tinh thần v.v.

Tuy nhiên, nhận thức của chúng ta về đường lối, quan điểm của Đảng về khoa học và kỹ thuật vẫn chưa thật sâu sắc. Đồng chí Lê Duẩn nói: *« Khoa học, kỹ thuật không chỉ là căn cứ, là cơ sở của hoạt động kinh tế, xã hội, mà còn là yêu cầu nội tại của hoạt động ấy »* (2). Nhưng chúng ta chưa thấy rõ hoạt động khoa học – kỹ thuật và hoạt động kinh tế – xã hội phải thâm nhập vào nhau thành một khối thống nhất. Chúng ta đã đạt được nhiều thành tích trong việc đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, song vẫn phải tiếp tục làm cho mọi người thấy rõ chính vì nước ta còn nghèo, dân ta còn nhiều khó khăn cho nên càng phải ra sức học hỏi và ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật từ thấp đến cao, sát hợp với điều kiện của cả nước cũng như của từng địa phương, từng cơ sở. Chúng ta cũng chưa tạo được cơ chế đồng bộ làm cho kế hoạch khoa học – kỹ thuật thật sự trở thành một bộ phận hữu cơ, không thể tách rời của kế hoạch kinh tế – xã hội của toàn quốc và của từng địa phương, từng cơ sở; do đó cũng chưa nhanh chóng ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả cao những tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Chúng ta cũng chưa chú ý đầy đủ đến việc phát triển nhịp nhàng, gắn bó giữa khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Nghị quyết Hội nghị thứ 6 của BCHTƯĐ (phần nói về khoa học và kỹ thuật) cũng như các kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ rõ: muốn cho hoạt động khoa học – kỹ thuật và hoạt động kinh tế – xã hội có hiệu quả thì hai loại hoạt động ấy phải gắn liền với nhau, thâm nhập vào nhau, đan chéo, liên kết với nhau. Cấp ủy Đảng, HĐND, UBND, các ngành, các đoàn thể ở các địa phương, các cơ sở, có nhiệm vụ tạo ra hoặc góp phần tạo ra sự đồng bộ ấy. Bản thân các tổ chức và đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật cần phát huy tính năng động của mình, không ỷ lại, ngồi chờ.

Chúng ta phải phát huy tiềm lực và các thế mạnh kinh tế của cả nước cũng như của mỗi địa phương. Sự hợp tác, liên kết giữa các lực lượng khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là của các địa phương, các cơ sở với các tổ chức của trung ương là rất quan trọng, chẳng những để đưa nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nhằm khai thác mọi tiềm năng, phát huy các thế mạnh của ta mà còn để tăng cường quản lý và kiểm tra, bảo đảm đánh giá đúng và kịp thời các sáng chế, phát minh, các công trình nghiên cứu và ứng dụng.

Đội ngũ khoa học và kỹ thuật của chúng ta khá đông: hơn 4 nghìn có trình độ trên đại học, trên 30 vạn có trình độ đại học, hơn 70 vạn có trình độ trung cấp và 1,7 triệu công nhân kỹ thuật. Chúng ta cần có chủ trương,

(2) Lê Duẩn: *« Nắm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế »*, *Tạp chí Cộng sản*, số 9-1984, tr. 21.



Digitized by Google

biện pháp cụ thể, thiết thực chăm lo đến sự trưởng thành nhanh chóng, toàn diện của đội ngũ này cả về chính trị, tư tưởng và nghề nghiệp, tăng cường phát triển Đoàn, phát triển Đảng trong đội ngũ này nhằm bảo đảm cho hoạt động khoa học — kỹ thuật phát triển theo đúng đường lối của Đảng.

## II — Mấy vấn đề giáo dục hiện nay.

*Mục tiêu đào tạo* của nhà trường xã hội chủ nghĩa do bản chất của chế độ ta, do yêu cầu của cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể quyết định. Đại hội thứ V của Đảng khi nói về mục tiêu đào tạo của nhà trường xã hội chủ nghĩa đã nhấn mạnh:

— Phải có lập trường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất tư tưởng đạo đức như yêu lao động, làm chủ tập thể, yêu nước, có tinh thần quốc tế vô sản.

— Phải nắm được kiến thức văn hóa của loài người, biết biến kiến thức thành niềm tin, thành thế giới quan và phương pháp tư duy khoa học.

— Phải có khả năng suy nghĩ sáng tạo và hành động đúng đắn.

Ba cuộc cách mạng của chúng ta có quan hệ mật thiết với nhau. Trong cách mạng khoa học — kỹ thuật, chúng ta cần nhấn mạnh vị trí của khoa học xã hội, trước hết là vị trí quan trọng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Trong cách mạng tư tưởng và văn hóa, vấn đề cốt lõi là phải làm cho tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, của chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm địa vị thống trị tuyệt đối. Nói nhà trường là công cụ của chuyên chính vô sản, là pháo đài của chủ nghĩa xã hội, trước hết là nói trong nhà trường tư tưởng xã hội chủ nghĩa phải giữ vị trí thống trị tuyệt đối trong cả thầy và trò.

« Mục tiêu của giáo dục phổ thông, cũng như của cả hệ thống giáo dục, là đào tạo con người có lòng yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất, kiến thức và kỹ năng để làm tốt một nghề, hợp với sự phân công lao động trong địa phương và trong cả nước, thích ứng với trình độ phát triển kinh tế, xã hội trong một thời gian nhất định ở nước ta » (3). Chúng ta đào tạo con người mới phát triển toàn diện, hài hòa về các mặt đức, trí, thể, mỹ và lao động, không coi nhẹ mặt nào, song mặt quyết định của nhân cách, là xu hướng chính trị.

Cần hiểu giáo dục chính trị cho đúng. Giáo dục chính trị và hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa không phải chỉ bằng dạy chính trị, tuy dạy chính trị là rất quan trọng. Phải thông qua cả các môn khoa học xã hội khác và cả các môn khoa học tự nhiên, cả giáo dục đạo đức và giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề (trước hết là những nghề phổ thông) để giáo dục về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp tư duy khoa học, giáo dục tư tưởng và tình cảm cách mạng. Riêng về dạy và học chính trị cũng phải cải tiến cả nội dung và phương pháp để đạt hiệu quả cao. Phải nâng cao trình độ chính trị cho giáo viên các bộ môn, các ngành và các cấp học. Phải đào tạo thầy dạy chính trị giỏi. Hiện nay nhiều học sinh chưa ham thích học chính trị, có phần vì ý thức kém nhưng cái chính là vì giáo viên chính trị chưa được đào tạo và bồi dưỡng tốt, nội dung và phương pháp dạy học chậm được cải tiến. Để hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa, không phải chỉ có học, mà còn phải thông qua hoạt động trong các đoàn thể, công đoàn, đoàn thanh niên, đội thiếu nhi, qua lao động và các hoạt động xã hội. Trong nghị quyết về cải cách giáo dục của TƯĐCS Liên xô vừa rồi có nói rằng giáo dục lao động cho học sinh là một

(3) Phạm Văn Đồng : Bài đã dẫn.



Digitized by Google

nội dung không gì có thể thay thế được để hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa. Giáo dục để hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa là một vấn đề rất tổng hợp, rất toàn diện, cả trong và ngoài nhà trường. Kinh nghiệm của chúng ta trong giai đoạn cách mạng vừa qua cũng cho thấy rằng chính là thông qua học tập chính trị, văn hóa, quân sự, thông qua sinh hoạt của các đoàn thể, thực tiễn chiến đấu và sản xuất mà Đảng ta đã đào tạo ra lớp lớp những con người cách mạng làm nên thắng lợi lịch sử vĩ đại của nước ta.

Để đào tạo những thế hệ con người mới, đáp ứng sự phân công lao động xã hội, chúng ta đang cố gắng xây dựng một *hệ thống giáo dục hợp lý*. Ủy ban cải cách giáo dục trung ương đang giúp Trung ương Đảng và chính phủ chỉ đạo sự hình thành hệ thống này. Trong thực tiễn lại đang xuất hiện những hình thức học tập mới. Ở đây, cần lưu ý mấy điểm:

a) Hệ thống giáo dục phải bảo đảm mục tiêu, nguyên lý giáo dục và sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước quản lý mọi loại trường lớp, không để cho tư nhân, nhà thờ quản lý trường học. Mọi lớp học do tư nhân mở, bao gồm cả những lớp dạy nghề, dạy nhạc, dạy ngoại ngữ, dạy võ, luyện thi đại học v.v. đều phải được đăng ký, kiểm tra chặt chẽ, đề phòng địch phá ta bằng giáo dục và « thương mại hóa » giáo dục

b) Hệ thống giáo dục phải gắn với mục tiêu kinh tế — xã hội, với quy hoạch đào tạo cán bộ, công nhân... Trước mắt cần rất coi trọng công tác giáo dục phục vụ việc xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo cán bộ và công nhân cho từng địa phương, đáp ứng sự phân công lao động của địa phương và của cả nước, góp phần cải tạo cơ cấu giai cấp trong xã hội theo chủ nghĩa xã hội. Kế hoạch giáo dục và đào tạo phải ăn khớp với kế hoạch sử dụng hợp lý số học sinh tốt nghiệp ra trường.

c) Bên cạnh hệ thống giáo dục chính quy, cần hình thành hệ thống giáo dục thường xuyên, liên tục bao gồm nhiều hình thức học tập linh hoạt, đáp ứng nhu cầu nâng cao không ngừng trình độ chính trị, văn hóa và hoàn thiện nghề nghiệp của mọi người lao động và chuẩn bị dự trữ lao động cho những biến đổi của ngành nghề. Làm tốt và phát triển các hình thức học bổ túc văn hóa, học tại chức..., làm thử và rút kinh nghiệm các loại hình trường học mới như: trường phổ thông có học nghề, trường dạy nghề trung học, lớp học chuyên đề có chứng chỉ v.v.

d) Sắp xếp lại mạng lưới các trường học, liên kết hệ thống giáo dục từng vùng vào hệ thống giáo dục cả nước. Chúng ta chú ý tuyển sinh theo vùng, song phải coi trọng điều chỉnh lao động kỹ thuật trong phạm vi cả nước.

e) Ngoài những trường trọng điểm có chất lượng cao, bất cứ trường, lớp nào trong hệ thống giáo dục cũng đều phải có điều kiện nhất định bảo đảm chương trình và chất lượng giáo dục ở mức độ cần thiết, do đó, cần có những định mức hợp lý như tỷ lệ giáo viên so với số học sinh, tỷ lệ trường sở và thiết bị theo đầu học sinh...

*Giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục* là những người quyết định chất lượng giáo dục. Họ là kỹ sư tâm hồn của chế độ mới. Đội ngũ giáo viên của ta nói chung là tốt, đã có nhiều cố gắng, làm nên những thành tích rất đáng tự hào. Nhiều người đã là những tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Song bên cạnh những ưu điểm rất cơ bản, do nhiều nguyên nhân, kể cả do lịch sử để lại, trong đội ngũ này còn có nhiều nhược điểm về tư tưởng chính trị, về quan điểm giáo dục cũng như về năng lực nghiệp vụ, về phẩm chất, đạo đức. Giáo viên hiện nay lại đang gặp khó khăn về đời sống, phải



Digitized by Google

làm nhiều nghề phụ, không tập trung được vào công tác giáo dục, thậm chí có nơi nghề phụ trở thành nghề chính. Chúng ta cần chăm lo hơn nữa xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cả về số lượng lẫn chất lượng, chăm lo cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Đối với những giáo viên quá kém về chính trị, đạo đức hoặc về năng lực thì nên chuyển họ sang công tác khác. Mỗi địa phương cần triệt để chấp hành những chế độ, chính sách đã ban hành đối với giáo viên, và tùy tình hình cụ thể, cố gắng cung cấp thêm cho giáo viên lương thực, thực phẩm, vải mặc và các phương tiện dạy học, giúp đỡ gia đình giáo viên làm những nghề phụ thích hợp. Giáo viên xứng đáng có vị trí xã hội cao quý, và chúng ta cần coi trọng hơn nữa việc phát triển Đoàn, phát triển Đảng trong giáo viên.

### III — Đảng lãnh đạo công tác khoa học và giáo dục.

*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học* hiện nay *trước hết* là làm cho mọi người nhận thức rõ đường lối, quan điểm của Đảng về cách mạng khoa học — kỹ thuật như trên đã nói.

*Thứ hai* là lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch khoa học và kỹ thuật trong kế hoạch kinh tế — xã hội thống nhất của từng địa phương và của cả nước, cả ngắn hạn và dài hạn. Ở đây có hai vấn đề cần chú ý.

1—Bảo đảm cho kế hoạch kinh tế — xã hội có căn cứ khoa học. Tiến hành điều tra cơ bản mọi mặt: lao động, tài nguyên v.v. ở địa phương để quy hoạch, phân vùng sản xuất, huy động lực lượng khoa học phục vụ kinh tế. Điều tra cơ bản không dễ dàng, chúng ta làm dần từng bước. Căn cứ vào kế hoạch chung của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, khả năng chung và khả năng cụ thể của địa phương mà xác định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch. Có phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế — xã hội đúng đắn, chúng ta mới xác định được phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển khoa học — kỹ thuật đúng đắn, tập trung vào những chương trình đề tài nào, thứ tự ưu tiên thế nào, xác định đầu tư vào đâu để mau có hiệu quả. Tránh làm tràn lan, trùng lặp với các địa phương và cơ quan khác có điều kiện hơn. Về kế hoạch đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất cũng cần biết chọn tiến bộ nào? Tập trung vào lĩnh vực nào? Đặt mua máy móc, thiết bị kỹ thuật nào là thích hợp để có hiệu quả cao?

2—Tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học — kỹ thuật là vấn đề khá phức tạp: phân công cho tổ chức hay cá nhân nào nghiên cứu, tổ chức sản xuất thử, kiểm tra giám định, công nhận kết quả nghiên cứu, định chính sách khuyến khích. Kiểm tra giám định phải theo quy chế Nhà nước, phải có hội đồng xét duyệt. Lại phải kiện toàn tổ chức quản lý khoa học, quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng. Nên phát triển các tổ chức khoa học có hạch toán như trung tâm dịch vụ khoa học ở thành phố Hồ Chí Minh, ở Hà nội: các trung tâm này làm môi giới giữa các cơ sở sản xuất, các địa phương với các tổ chức và các nhà khoa học, đem lại hiệu quả kinh tế, có lợi cho cả hai bên và người môi giới. Cần phát triển các công ty dịch vụ kỹ thuật ở các huyện. Khuyến khích các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học, các trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp liên kết với các cơ sở sản xuất, vừa làm ra sản phẩm, vừa giúp các xí nghiệp, các địa phương giải quyết các khó khăn về sửa chữa thiết bị, về phụ tùng và nguyên liệu thay thế, vừa đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, vừa có thêm thu nhập.



Digitized by Google

Ở các địa phương, tùy theo tình hình và yêu cầu của nhiệm vụ cụ thể từng nơi, việc nghiên cứu khoa học, kỹ thuật chỉ nên tập trung vào một số vấn đề quan trọng và nên dựa vào các trường, viện, các tổ chức khoa học của trung ương. Vấn đề lớn nhất ở địa phương là lãnh đạo quần chúng đưa nhanh những tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã được kết luận vào sản xuất. Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu sau khi đã xác định được phương hướng kế hoạch. Rút kinh nghiệm ở các điển hình tiên tiến, nếu biết lựa chọn đúng, đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật nào vào ngành gì có được hiệu quả mau nhất, tốt nhất, đem lại lợi ích thiết thực thì nhất định sẽ tạo được phong trào quần chúng. Sau khi đã chỉ đạo điểm làm thử thành công, muốn nhân ra diện rộng phải bồi dưỡng nhân viên kỹ thuật ở các cơ sở, hướng dẫn họ làm đúng quy trình kỹ thuật, tạo được điều kiện vật chất cần thiết để ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật, tuyên truyền phổ biến rộng rãi kinh nghiệm thành công và điều tra tìm rõ nguyên nhân ở những chỗ làm bị thất bại. Chính là bằng cách này mà nhiều địa phương đã từng bước đưa được phong trào cấy giống lúa mới, thay đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng v.v. lên cao.

*Thứ ba* là đào tạo, bồi dưỡng, tạo mọi điều kiện phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của địa phương, phát huy tiềm lực khoa học, kỹ thuật của cả trung ương lẫn địa phương, rất coi trọng việc liên kết giữa địa phương, cơ sở và các tổ chức của trung ương. Chúng ta chăm lo bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật cho mọi cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề, hết sức tạo điều kiện cho lực lượng khoa học — kỹ thuật phát huy được khả năng cống hiến của mình. Chúng ta đánh giá con người bằng kết quả việc làm, chứ không chỉ căn cứ vào bằng cấp hay lời nói, và cần đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, đề phòng việc đầu cơ khoa học, thiếu trung thực, đề cao cá nhân mình và dìm người khác, làm thiệt hại cho sự nghiệp chung.

Căn cứ quy hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật trẻ, chú trọng đào tạo các nhà khoa học về chủ nghĩa Mác—Lê-nin, về kinh tế và quản lý kinh tế, đào tạo những công nhân có tài năng thành các nhà khoa học có trình độ cao. Mục tiêu của chúng ta là đào tạo ra những người cộng sản làm khoa học, những nhà khoa học trung thành tuyệt đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục* hiện nay cũng là làm cho mọi người hiểu rõ đường lối, quan điểm của Đảng về công tác giáo dục, vị trí của công tác giáo dục, mối quan hệ hữu cơ giữa giáo dục, đào tạo và các mục tiêu kinh tế — xã hội, để huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản và toàn xã hội đưa sự nghiệp giáo dục tiến lên.

Trên cơ sở kiểm điểm tình hình, đánh giá đúng thực trạng giáo dục, các địa phương sẽ rà lại kế hoạch giáo dục trong hai năm học 1981 — 1985 và 1985 — 1986; từ đó đề ra các biện pháp cụ thể nhằm tạo nên chuyển biến thật sự trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức và lao động ở các trường học; trong việc phục vụ các mục tiêu kinh tế — xã hội, đáp ứng yêu cầu phân công lao động và bảo vệ Tổ quốc; trong việc đào tạo, bồi dưỡng và chăm lo đời sống của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Ngành giáo dục phổ thông chú ý thực hiện



Digitized by Google

tốt đợt sinh hoạt chính trị do Bộ giáo dục chủ trương.

Việc chấn chỉnh tổ chức quản lý các ngành học và kiện toàn đội ngũ cán bộ giáo dục là rất cấp bách. Chúng ta cần có quy hoạch đào tạo, sắp xếp lại, bồi dưỡng và sử dụng tốt hơn đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, nhất là hiệu trưởng, bí thư chi bộ Đảng các trường học, các giáo viên chính trị và giáo viên các môn khoa học xã hội khác, giáo viên kỹ thuật và cán bộ phụ trách đoàn, đội cho những năm tới.

Chúng ta kiện toàn các đoàn thể trong nhà trường và hội đồng giáo dục các cấp, tiến tới hình thành một cơ chế hoạt động phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Đồng thời tạo ra sự phối hợp thật tốt giữa ngành giáo dục và các ngành kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, giữa trường học với các cơ sở sản xuất, hình thành cơ chế liên kết giáo dục, đào tạo với nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và sản xuất ở địa phương.

Đẩy mạnh việc phát triển Đảng, chấn chỉnh tổ chức cơ sở Đảng trong các trường học, ra sức bồi dưỡng bí thư chi bộ hoặc đảng bộ lãnh đạo việc dạy và học theo những mục tiêu của cải cách giáo dục là rất cần thiết để trên cơ sở đó rút kinh nghiệm xây dựng quy chế cụ thể Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý đối với các trường học.

Khoa học và giáo dục có vị trí rất quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng và toàn dân ta. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học và giáo dục hiện nay là vấn đề có ý nghĩa quyết định để tiến lên giành những thắng lợi mới.

Digitized by Google

# Hai mươi lăm năm hoạt động và trưởng thành của ngành kiểm sát nhân dân

**TRẦN LÊ**

*Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

TÍNH chất và mục đích của Nhà nước xã hội chủ nghĩa quy định tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tất cả các cơ quan Nhà nước đều phải thực hiện chức năng của mình trong khuôn khổ của pháp luật, phải tôn trọng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, đồng thời đòi hỏi mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước.

Hiến pháp của nước ta đã ghi nhận nguyên tắc ấy và quy định tổ chức Viện kiểm sát nhân dân để làm nhiệm vụ «kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất» (điều 138, Hiến pháp 1980).

Bảo đảm pháp chế được nhận thức và thực hiện thống nhất, nghiêm chỉnh trong cả nước thực chất là bảo đảm quyền tập trung của Trung ương (trên cơ sở phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở), bảo đảm cho sự phát triển của xã hội theo đúng đường lối của Đảng đã vạch ra. Đó là chức năng duy nhất của Viện kiểm sát nhân dân.

Trong 25 năm qua, kể từ ngày thành lập (26-7-1960) toàn bộ hoạt động của ngành kiểm sát gắn liền với cuộc đấu tranh chung của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Có thể nói, đây là thời kỳ cách mạng nước ta có những diễn biến gay go, phức tạp nhất, đất nước ta dường như luôn luôn ở trong tình trạng vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, nhân dân ta phải thường xuyên gánh vác những nhiệm vụ cách mạng nặng nề và phức tạp. Cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước lâu dài và vô cùng ác liệt vừa giành được thắng lợi không bao lâu thì cuộc chiến tranh chống âm mưu và hành động xâm lược, phá hoại của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc lại diễn ra. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa có nhiều biến hiện gay go, phức tạp, nhất là cuộc đấu tranh đó lại ngày càng quyện chặt với cuộc đấu tranh địch ta. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, bên cạnh những hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, đất nước ta tuy đã thống nhất nhanh chóng về mặt Nhà nước, nhưng vẫn còn những mặt chênh lệch nhau về kinh tế — xã hội, phải tiếp



Digitized by Google

tục hoàn thiện sự thống nhất giữa hai miền Nam—Bắc, trong đó có việc xây dựng và thi hành pháp chế thống nhất trong cả nước. Nền sản xuất nhỏ còn phổ biến lại cộng thêm tình trạng chiến tranh kéo dài đã trở thành chỗ dựa cho tệ quan liêu bao cấp tồn tại dai dẳng và lối làm ăn tùy tiện, tự do, tản mạn, vô tổ chức, vô kỷ luật. Đặc điểm tình hình trên đây đã có ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành kiểm sát. Tuy vậy, trải qua những năm tháng được tôi luyện trong khói lửa chiến tranh và phong trào cách mạng của quần chúng, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, từng bước trưởng thành, ngành kiểm sát nhân dân đã góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân qua các thời kỳ cách mạng, đã bám sát và tích cực phục vụ những nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là phục vụ những nhiệm vụ trung tâm của từng thời kỳ, trong đó nổi lên nhiệm vụ phục vụ sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phục vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng và quản lý kinh tế, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, đấu tranh chống các hiện tượng vi phạm pháp luật trong các cơ quan Nhà nước và công dân, bảo đảm nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, thông qua hoạt động của mình, ngành dần dần trưởng thành về thực hiện chức năng, kinh nghiệm công tác và về bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ. Quan hệ phối hợp với các ngành trong đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm từng bước được mở rộng.

Nhìn tổng quát, thành tựu cơ bản của Viện kiểm sát nhân dân trong 25 năm qua là đã nắm được bản chất của pháp luật xã hội chủ nghĩa, gắn yêu cầu bảo vệ pháp chế thống nhất với việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ, đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ phục vụ cho việc thực hiện đường lối pháp chế của Đảng trong thời kỳ quá độ, đã hình thành và củng cố hệ thống tổ chức Viện kiểm sát nhân dân trên phạm vi cả nước theo nguyên tắc «tập trung thống nhất lãnh đạo trong ngành», tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chức năng kiểm sát trên mọi miền của đất nước.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, ngành kiểm sát nhân dân còn phải chú ý nâng cao hơn nữa nhận thức về chức năng và tính chất công tác kiểm sát, về lương tâm và trách nhiệm của người cán bộ kiểm sát, tiếp tục cải tiến và tăng cường tổ chức quản lý của Viện kiểm sát các cấp, bảo đảm hiệu quả của công tác kiểm sát ngày càng cao.

★

Từ thực tiễn tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân 25 năm qua, từ những thành công và những tồn tại, ngành kiểm sát nhân dân đã rút ra những bài học kinh nghiệm để xác định bước đi vững chắc hơn, có hiệu quả hơn trong nhiệm vụ củng cố, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong những năm sắp tới.

*a) Việc nhận thức rõ vị trí, chức năng của Viện kiểm sát nhân dân và tính chất công tác kiểm sát có ý nghĩa quan trọng hàng đầu và là tiền đề quan trọng bảo đảm hiệu quả của công tác kiểm sát.*

Thực tế cho thấy, muốn nhận thức rõ ràng, đầy đủ chức năng và tính chất công tác kiểm sát là phải trải qua một



Digitized by Google

quá trình công tác thực tiễn. Điều này không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với bản thân ngành kiểm sát, mà theo chúng tôi nghĩ, còn là cần thiết đối với các cấp, các ngành trong việc bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động thực tiễn của mình.

Căn cứ Hiến pháp 1980 (các điều 83, 138 và 141) và luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 1981 (các điều 2, 5 và 6) thì kiểm sát việc tuân theo pháp luật là một hình thức thực hiện quyền lực Nhà nước. Quyền đó thuộc về Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Quốc hội giao quyền và chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Đối tượng và phạm vi tác động của kiểm sát rất rộng, bao gồm các quan hệ xã hội do các ngành luật điều chỉnh và trên mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Căn cứ pháp luật duy nhất để tiến hành công tác kiểm sát là hiến pháp, pháp luật, các nghị quyết của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư của Hội đồng bộ trưởng. Ngoài ra, đối với các văn bản pháp quy khác của các cơ quan Nhà nước đều là đối tượng của kiểm sát về tính hợp pháp của nó. Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân theo chế độ tập trung thống nhất lãnh đạo trong ngành, không lệ thuộc vào bất cứ cơ quan nào của Nhà nước ở địa phương. Đó là những cơ sở để làm rõ sự khác nhau giữa kiểm sát (bảo đảm pháp chế thống nhất) với thanh tra (gắn với chức năng quản lý, điều hành) và hoạt động kiểm tra (gắn với yêu cầu chỉ đạo thực hiện).

Viện kiểm sát nhân dân với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm, giữ vững pháp chế thống nhất, mặc dù phải hoạt động trong những điều kiện có nhiều khó khăn, đã kiên trì nguyên tắc pháp chế thống nhất trong mọi hoàn cảnh và ở các thời điểm khác nhau. Việc này đã có tác động tích cực đối với yêu cầu tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật.

Trên cơ sở nhận thức chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân theo luật định, nhiều vấn đề có quan hệ đến việc thực hiện trách nhiệm của ngành kiểm sát đã được giải quyết về cơ bản như: mối quan hệ giữa kiểm sát việc tuân theo pháp luật với thực hành quyền công tố; giữa bảo đảm pháp chế thống nhất với phục vụ yêu cầu chính trị của địa phương; mối quan hệ giữa chống tội phạm với chống vi phạm, giữa chống với phòng, giữa chống với xây, lấy xây làm mục đích, cũng như mối quan hệ giữa nguyên tắc và phương pháp trong hoạt động kiểm sát...

Tuy vậy, trong những năm đầu do chưa nắm vững chức năng và tính chất công tác kiểm sát, cho nên trong hoạt động thực tiễn từng lúc, từng nơi đã có những biểu hiện không nắm vững mối quan hệ có tính chất quy luật giữa tội phạm và vi phạm (trong nhiều trường hợp vi phạm pháp luật là điều kiện hoặc nguyên nhân trực tiếp của tội phạm; ngược lại, tội phạm không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời hoặc xử lý không nghiêm minh, sẽ gây tác động xấu đến ý thức tuân thủ pháp luật). Có nơi chưa thấy rõ trách nhiệm của Viện kiểm sát không chỉ là phát hiện và xử lý kẻ phạm tội, mà điều quan trọng hơn là tích cực ngăn ngừa không để phạm pháp xảy ra; không chỉ là giải quyết đúng đắn từng vụ, từng việc, mà phải từ những vụ, việc cụ thể rút ra nguyên nhân, điều kiện phát sinh, nghiên cứu đề xuất biện pháp nhằm giải quyết cả một tình trạng vi



Digitized by Google

phạm pháp chế, gắn cuộc đấu tranh thanh toán những tàn dư của xã hội cũ với việc xây dựng xã hội mới, con người mới. Mặt khác, hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực quản lý hành chính kinh tế, có những trường hợp đã không thực hiện trọng phạm vi chức năng kiểm sát, mà có phần lấn sang nhiệm vụ của thanh tra như: có một số kiến nghị yêu cầu sửa chữa của Viện kiểm sát không chỉ trong việc làm sai trái pháp luật, mà còn đề cập đến cả những vấn đề bất hợp lý trong quá trình sản xuất kinh doanh làm hạn chế hiệu quả kinh tế. Hoặc có thiên hướng nặng về phát hiện vi phạm và xử lý người có trách nhiệm, ít đi sâu làm rõ mối quan hệ giữa vi phạm với tội phạm, giữa vi phạm của cấp dưới với sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên (nhất là cấp bộ) để từ đó có biện pháp xử lý một cách toàn diện và triệt để nhằm đạt mục đích của công tác kiểm sát là bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước.

Điều đáng chú ý là, khi Đảng và Nhà nước đưa ra thực hiện một số chính sách mới về kinh tế trong điều kiện đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh giữa hai con đường diễn ra gay gắt và phức tạp thì thường có những hiện tượng vi phạm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động quản lý Nhà nước. Do đó, cuộc đấu tranh bảo vệ pháp chế thống nhất của Viện kiểm sát lúc này càng phải được tăng cường. Nếu lẫn lộn giữa việc vận dụng phương pháp với kiên trì nguyên tắc, nặng thương lượng, nhẹ đấu tranh, buông lỏng trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân là không được để bất cứ một hành vi sai trái pháp luật nào, do bất cứ ai gây ra, mà không bị xử lý theo pháp luật, thì hiệu quả của công tác kiểm sát sẽ bị hạn chế.

Tồn tại chủ yếu và cũng là mối quan tâm của ngành kiểm sát hiện nay là vấn đề thực hành quyền công tố và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân. Ngành kiểm sát chưa thực hiện được đầy đủ thẩm quyền của mình theo như pháp luật quy định, còn để lọt tội phạm (nhất là các tội phạm về kinh tế, về chức vụ), những trường hợp oan sai vẫn còn xảy ra, chất lượng hồ sơ chưa bảo đảm, chế độ thủ tục bắt giam tha, có nơi có lúc chấp hành chưa nghiêm chỉnh. Nguyên nhân của tình trạng trên đã được xác định, nhưng việc khắc phục còn gặp nhiều khó khăn. Sắp tới, ngành kiểm sát sẽ tổng kết vấn đề này một cách đầy đủ hơn, để trình bày với Đảng và Nhà nước xem xét, giải quyết một cách cơ bản, đồng bộ. Song trước hết, Viện kiểm sát phải tích cực, chủ động khắc phục cho được những mặt còn non yếu của mình, không chỉ về kiến thức nghiệp vụ, mà cả về tư tưởng, tổ chức và tác phong, luôn luôn ghi nhớ lời căn dặn của đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước: "Không có cơ quan Nhà nước nào có thể thay thế ngành kiểm sát để sử dụng quyền công tố. Việc bắt giam, điều tra, tha, truy tố, xét xử có đúng người, đúng pháp luật hay không, có đúng đường lối chính sách của Đảng hay không, điều đó chính là Viện kiểm sát nhân dân phải trông nom bảo đảm cho tốt" (1).

*b) Xây dựng và thực hiện đúng đắn mối quan hệ công tác giữa Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội là phương hướng cơ bản của hoạt động kiểm sát trong đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm.*

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang còn trong chặng

(1) Trường Chinh: *Nhận xét về công tác của ngành kiểm sát*, năm 1967.



Digitized by Google

đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, mâu thuẫn giữa ta và địch, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp dưới nhiều hình thức khác nhau. Do đó, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong giai đoạn hiện nay là sự phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa tiến bộ và lạc hậu. Tính chất của cuộc đấu tranh là gay go, phức tạp và lâu dài. Đảng và Nhà nước ta xác định, đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật phải gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội, phải là nhiệm vụ của toàn dân, của các ngành, các cấp. Nó là một cuộc đấu tranh toàn diện, đồng bộ, bằng nhiều biện pháp và trên mọi lĩnh vực, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Trong cuộc đấu tranh đó, các cơ quan bảo vệ pháp chế giữ vai trò nòng cốt.

Chấp hành đường lối và quan điểm nói trên của Đảng, trong nhiều năm qua, các cơ quan bảo vệ pháp chế (công an, tòa án, kiểm sát, tư pháp...) đã từng bước tăng cường quan hệ phối hợp với nhau trong việc thực hiện mục tiêu chung. Thực chất của mối quan hệ này là sự hợp tác xã hội chủ nghĩa, dựa vào chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan bảo vệ pháp chế, phát huy vai trò của mình nhằm mục đích cao nhất là tạo nên sức mạnh tổng hợp đấu tranh có hiệu quả chống mọi vi phạm và tội phạm, bảo đảm mọi người bất kể là ai đều tuân thủ pháp luật của Nhà nước. Mặc dù chưa có pháp luật quy định, nhưng xuất phát từ vị trí, chức năng của mỗi ngành, các cơ quan bạn đều nhất trí giao trách nhiệm cho Viện kiểm sát nhân dân chủ trì sự quan hệ phối hợp đó. Qua thực tế hoạt động, mỗi ngành đều đã phát huy tốt vai trò và tác dụng của mình, đồng thời, quan hệ giữa Viện kiểm sát với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội cũng được tăng cường. Nhiều Viện kiểm sát địa phương đã thực hiện tốt quan hệ với các cơ quan chức năng như : kế hoạch, tài chính, lao động, v.v. trong việc tổ chức quản lý tình hình chấp hành pháp luật theo phạm vi quản hạt, đã phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng trong việc xử lý các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nấu rượu trái phép, vi phạm pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình, v.v.

Thực tế cho thấy, ở nơi nào Viện kiểm sát cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan hành chính kinh tế, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức xã hội thực hiện được nền nếp quan hệ phối hợp thì ở đó chẳng những công tác kiểm sát có nhiều thuận lợi và đạt hiệu quả cao, mà còn tạo điều kiện tốt để mọi người sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Điều đáng chú ý là, trong quá trình thực hiện mối quan hệ phối hợp, mỗi ngành cần nêu cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, làm đúng chức năng của mình, không làm lấn, làm thay ngành khác, triệt để tôn trọng những quy định cụ thể đã cùng nhau thỏa thuận. Nếu có xảy ra những vướng mắc trong quan hệ, điều này khó tránh khỏi, thì cần được giải quyết kịp thời và triệt để trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và vì lợi ích chung. Đây không phải chỉ là vấn đề nội bộ giữa các cơ quan Nhà nước với nhau, mà còn là vấn đề uy tín của bộ máy Nhà nước ta, lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước của mình...

c) *Xây dựng đội ngũ cán bộ của ngành kiểm sát theo những tiêu chuẩn do Đảng và Nhà nước đề ra là điều kiện bảo đảm tính chiến đấu và tính khoa học của công tác kiểm sát.*

Kiểm sát việc tuân theo pháp luật là một loại hình hoạt động đặc trưng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản



Digitized by Google

lý của Nhà nước và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Nó không chỉ nhằm trấn áp mọi kẻ thù của giai cấp và dân tộc, mà còn đấu tranh không khoan nhượng chống mọi biểu hiện coi thường kỷ luật Nhà nước. Vì vậy, nội dung hoạt động kiểm sát mang tính cách mạng và tính giai cấp sâu sắc. Thực hiện được đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân không phải là đơn giản và dễ dàng. Nó đòi hỏi người cán bộ kiểm sát phải «công minh, chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn» như Bác Hồ dạy. Khi thực hiện trách nhiệm của mình, phải kiên định trên lập trường nguyên tắc, có nhãn quan toàn quốc, quan điểm toàn diện, vừa nắm vững các căn cứ pháp luật, vừa hiểu rõ thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần chúng, nhạy bén về thời cuộc, xử lý công việc có lý, có tình.

Thực tiễn cho thấy, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát (từ việc tuyển lựa, đào tạo, sử dụng, bồi dưỡng, cất nhắc đến việc nhận xét, đánh giá cán bộ nói chung) phải suy nghĩ từ những điều nói trên. Như vậy mới có thể làm tốt công tác cán bộ và chấp hành đúng chính sách cán bộ của Đảng qua mỗi giai đoạn phát triển của ngành kiểm sát nhân dân.

Ngay từ khi Viện kiểm sát nhân dân mới được thành lập, Ban lãnh đạo Viện tối cao đã xác định nhiệm vụ hàng đầu của ngành kiểm sát là phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, gương mẫu về phẩm chất đạo đức, có tinh thần đấu tranh bảo vệ chân lý, giữ vững nguyên tắc. Yêu cầu đó chính là xuất phát từ vị trí, chức năng và tính chất công tác kiểm sát. Do có phương hướng đúng, cho nên sớm xác định được tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ chặt chẽ, thành phần và cơ cấu cán bộ thể hiện được tính giai cấp và đường lối cán bộ của Đảng. Số lượng cán bộ kiểm sát sau 25 năm đã tăng lên 10 lần so với khi mới thành lập, đại bộ phận là từ những cán bộ chính trị chuyển sang, số đảng viên chiếm tỷ lệ cao (hiện nay là 70%). Về chất lượng nói chung được bảo đảm, từng bước được bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và trưởng thành qua thực tiễn. Công tác quản lý đội ngũ cán bộ của ngành kiểm sát gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của ngành, với việc xây dựng đảng bộ, chi bộ vững mạnh, nhằm tạo cơ sở tốt cho cán bộ kiểm sát thấu suốt đường lối của Đảng, nâng cao năng lực và phẩm chất trong mọi hoạt động kiểm sát.

Hiện nay đội ngũ cán bộ của ngành kiểm sát (trong đó số kiểm sát viên các cấp chiếm gần 50%) tuy về trình độ và năng lực còn bị hạn chế so với nhiệm vụ và trách nhiệm phải gánh vác, nhưng có ưu điểm cơ bản là sự kiên định về chính trị, thể hiện ở sự trung thành với đường lối chính sách của Đảng, có lập trường quan điểm rõ ràng, tích cực tận tụy trong công tác, dũng cảm kiên trì trong đấu tranh bảo vệ pháp chế, bảo vệ nguyên tắc, có tinh thần khắc phục khó khăn trong cuộc sống hằng ngày (số cán bộ có sai phạm phải thi hành kỷ luật chiếm tỷ lệ thấp).

Trong những năm qua, ngành kiểm sát nhân dân còn tăng cường quan hệ với ngành kiểm sát của các nước xã hội chủ nghĩa anh em nhằm học tập, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức của nhau, tranh thủ sự giúp đỡ về đào tạo cán bộ.

Thời gian tới, công tác cán bộ và việc thực hiện chính sách cán bộ của Viện kiểm sát cần được quan tâm hơn nữa. Sớm có chủ trương và biện pháp nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ chuyên sâu vào từng lĩnh vực công tác, từ đó đào tạo các chuyên gia giỏi cho ngành, chú trọng thông



Digitized by Google

qua thực tiễn để phát hiện những cán bộ có năng lực và triển vọng, coi trọng việc lựa chọn những cán bộ chủ chốt để tạo thành những tập thể lãnh đạo mạnh ở các cấp kiểm sát. Đẩy mạnh việc tổng kết nghiệp vụ, xây dựng lý luận kiểm sát, bồi dưỡng trình độ chuyên môn của cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp. Thường xuyên quan tâm đến đời sống của cán bộ; tạo điều kiện để cán bộ có thể hoàn thành được trọng trách của mình, vượt qua những thử thách trong cuộc sống. Đây không chỉ là vấn đề quan tâm đến lợi ích của cán bộ, mà còn là vấn đề bảo vệ đội ngũ kiểm sát viên, chống lại ảnh hưởng của những hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống hiện nay.

*d) Sự lãnh đạo của Đảng đối với ngành kiểm sát nhân dân là nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm sự phát triển toàn diện và vững chắc của hoạt động kiểm sát.*

Đảng ta đã thấy rõ hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân là một công việc khó khăn, phức tạp và có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động đó đòi hỏi phải có sự lãnh đạo trực tiếp, chặt chẽ của các cấp ủy Đảng.

Nghị quyết số 68 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về công tác kiểm sát, đã chỉ rõ phương hướng và phương pháp công tác cho Viện kiểm sát nhân dân ngay từ buổi đầu mới thành lập, đồng thời xác định mối quan hệ giữa Viện kiểm sát với các cấp ủy Đảng ở địa phương nhằm giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo kết hợp với nguyên tắc tập trung thống nhất theo ngành dọc của Viện kiểm sát nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm sát chủ yếu là bảo đảm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân vừa phục vụ đắc lực các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, vừa giữ vững nguyên tắc pháp chế thống nhất, là phát huy vai trò tham mưu của cơ quan kiểm sát đối với các vấn đề pháp chế ở địa phương, là chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm sát ngày càng vững mạnh, là quan tâm giải quyết mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan bảo vệ pháp chế khác.

Kinh nghiệm cho thấy, ở đâu và khi nào những hướng dẫn và quy định của Đảng và Nhà nước được cấp ủy Đảng ở địa phương và Viện kiểm sát chấp hành đúng đắn, đầy đủ, thì hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân có nhiều kết quả, sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác pháp chế được tăng cường. Tuy vậy, cũng có nơi cấp ủy Đảng chưa thông hiểu hết vai trò, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân, cho nên «còn buông lỏng lãnh đạo, hoặc bao biện làm thay công việc của cơ quan bảo vệ pháp luật» như chỉ thị số 57 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ rõ. Về phần mình, nhiều Viện kiểm sát địa phương chưa cố gắng vươn lên trong trách nhiệm làm tham mưu cho cấp ủy, đề xuất những chủ trương, biện pháp để giúp cấp ủy giải quyết một cách cơ bản, toàn diện, kịp thời những vấn đề công tác pháp chế ở địa phương, còn nặng về xin ý kiến cấp ủy từng vụ, việc cụ thể, làm cho cấp ủy dễ đi tới chỗ sự vụ, làm thay chức năng của Viện kiểm sát cấp trên về mặt áp dụng pháp luật.

Thời gian tới, xuất phát từ thực tiễn của việc chấp hành nghị quyết số 68 của Bộ chính trị Trung ương Đảng, ngành kiểm sát nhân dân sẽ nghiên cứu đề xuất với Trung ương những quy định bổ sung, nhằm cụ thể hóa mối quan hệ giữa Viện kiểm sát nhân dân với cấp ủy Đảng ở địa phương cho phù hợp với những yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

★

*(Xem tiếp trang 32)*



Digitized by Google

# Thi hành tốt Bộ luật hình sự, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

PHAN HIỀN

QUỐC hội vừa thông qua chính thức Bộ luật hình sự, bộ luật đầu tiên của Nhà nước ta. Đây là sự kiện lớn về mặt hoàn thiện pháp luật hình sự, là bước tiến mới đáng ghi nhớ trong công tác hoàn chỉnh dần hệ thống pháp luật nhằm thực hiện chủ trương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Pháp luật hình sự có nhiệm vụ trọng yếu bảo vệ các thành quả cách mạng, góp phần bảo đảm việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Chính vì vậy mà nó ra đời rất sớm. Chỉ 11 ngày sau ngày Người đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh ngày 13-9-1945 thành lập các tòa án quân sự và trừng trị những kẻ có hành động phương hại đến nền độc lập của ta. Từ bấy về sau, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự khác, bám sát các yêu cầu của cách mạng. Một số văn bản chưa hoàn hảo về mặt kỹ thuật, cả về mặt pháp lý nữa. Nhưng tất cả đã phát huy tác dụng, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, quốc phòng, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, củng cố kỷ luật Nhà nước, kỷ cương xã hội trong từng thời kỳ cách mạng. Nhưng đây chỉ là những văn bản lẻ, mỗi văn bản quy định về một vài vấn đề. Cho nên nhìn chung thấy chưa đồng bộ và thống nhất, chưa quy định đầy đủ các tội phạm; có văn bản không còn phù hợp với tình hình mới.

Bộ luật hình sự mà Quốc hội vừa thông qua là một văn bản hoàn chỉnh, quy định tập trung và thống nhất mọi vấn đề về tội phạm, hình phạt và áp dụng hình phạt, thể hiện toàn diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn cách mạng trước mắt, phản ánh những quy luật phát triển của xã hội ta. Bộ luật hình sự thấu suốt những yêu cầu của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là trong chặng đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, của việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Bộ luật hình sự được thi hành đúng đắn sẽ là công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ tập thể của nhân dân, hiệu lực quản lý của Nhà nước.

« Ba quyết định đúng chỉ mới đặt cơ sở cho phương hướng hành động. Vấn đề trọng yếu là *tổ chức thực hiện các quyết định* để biến nó thành hiện thực » (1). Đối với Bộ luật hình sự cũng vậy. Muốn Bộ luật hình sự phát

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật. Hà nội 1982, tập I, tr. 129.



Digitized by Google

huy đầy đủ tác dụng, phải tổ chức tốt việc thi hành nó.

*1 — Bổ sung, sửa đổi những văn bản hiện hành, ra những văn bản mới bảo đảm việc thi hành đúng đắn Bộ luật hình sự.*

Tùy theo lĩnh vực mình phụ trách, các cơ quan trung ương có trách nhiệm chuẩn bị khẩn trương để đề nghị Quốc hội; Hội đồng Nhà nước hoặc Hội đồng bộ trưởng sớm bổ sung, sửa đổi những văn bản hiện hành hoặc ra những văn bản mới liên quan đến việc thi hành Bộ luật hình sự nhằm bảo đảm việc thi hành này.

a) Trong rất nhiều trường hợp, chỉ căn cứ riêng vào các quy định của Bộ luật hình sự để xác định một hành vi là tội phạm. Thí dụ đối với hầu hết các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia (các tội phản cách mạng), đối với nhiều tội khác: giết người, cố ý gây thương tích, cướp, trộm cắp, lừa đảo tài sản (tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản riêng của công dân); ... Trong nhiều trường hợp khác, ngoài Bộ luật hình sự còn phải vận dụng những quy định nằm trong những văn bản quản lý khác mới xác định được một hành vi là tội phạm hay không. Thí dụ: Bộ luật hình sự trừng trị những hành vi làm lộ bí mật Nhà nước, bí mật công tác; làm lộ bí mật Nhà nước nghiêm trọng hơn làm lộ bí mật công tác. Muốn xác định rõ hành vi phạm tội phải căn cứ vào văn bản của Nhà nước phân biệt giữa tài liệu thuộc bí mật và tài liệu không thuộc bí mật, giữa bí mật Nhà nước và bí mật công tác. Muốn truy cứu trách nhiệm hình sự của người trốn nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ lao động, phải căn cứ vào các văn bản quy định nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ lao động. Để xử lý tội lập quỹ trái phép, tội báo cáo sai trong quản lý kinh tế, phải dựa vào các văn bản đã đặt chế độ lập quỹ, chế độ báo cáo trong quản lý kinh tế;...

Nhằm bảo đảm các công tác quản lý của Nhà nước, chúng ta cần rà soát các văn bản pháp luật, các chế độ thể lệ hiện hành, có những bổ sung, sửa đổi thích đáng, và những quy định mới nếu cần thiết.

Pháp luật có tính ổn định. Những quy định của Nhà nước đặt ra để thi hành trong một thời gian nhất định, không phải nay thay, mai đổi. Nhưng ổn định không có nghĩa là cố định. Khi tình hình xã hội thay đổi thì phải kịp thời bổ sung sửa đổi pháp luật hiện có hoặc đặt ra pháp luật mới đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới, thúc đẩy tình hình này phát triển đúng hướng. Một công tác rất quan trọng mà ta chưa quan tâm đúng mức là thường xuyên đánh giá hiệu quả của một văn bản, của nhiều văn bản liên quan đến một lĩnh vực quản lý nhất định. Kết quả công tác đánh giá hiệu quả của pháp luật là cơ sở để hoàn thiện pháp luật. Việc đánh giá hiệu quả của pháp luật đặc biệt có ý nghĩa đối với quản lý kinh tế của ta hiện nay. Không kịp thời bổ sung, sửa đổi các chế độ, thể lệ hiện hành, bãi bỏ những quy định lỗi thời, ban hành những quy định mới cần thiết thì chẳng những không thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế mà ngược lại kìm hãm nó. Trong quản lý kinh tế, một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay là đổi mới cơ chế quản lý theo hướng khắc phục cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp, bảo thủ trì trệ sang hướng phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể, tính chủ động sáng tạo của các cơ sở, các địa phương, các ngành, đồng thời bảo đảm sự tập trung, thống nhất quản lý của Trung ương. Để góp phần thực hiện nhiệm vụ này, theo chủ trương của Hội đồng bộ trưởng, « các bộ, các địa phương khẩn trương soát xét lại tất cả những chính sách, chế độ để kịp thời kiến nghị bổ sung, sửa đổi



Digitized by Google

những vấn đề không phù hợp... » (2). Kết quả việc thực hiện chủ trương này sẽ có tác dụng tích cực đối với quản lý kinh tế và cả đối với các lĩnh vực quản lý khác. Tác dụng khác là nó sẽ góp phần tạo những cơ sở cần thiết để áp dụng đúng đắn Bộ luật hình sự.

b) Xử lý các hành vi phạm tội, trừng trị người phạm tội không thể tùy tiện, chủ quan, độc đoán mà phải tuân theo những quy tắc nhất định. Những quy tắc này nhằm làm cho việc phát hiện, xác minh hành vi phạm tội nhanh chóng, đầy đủ, khách quan, việc trừng trị được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt người có tội, không xử oan người vô tội. Đây là lĩnh vực của luật tố tụng hình sự. Từ mấy năm nay, ta đã bắt tay soạn thảo Bộ luật tố tụng hình sự; cần phấn đấu để trong một hai năm nữa có thể trình Quốc hội thông qua bộ luật này.

Không chờ đợi bộ luật hình sự ra đời, các cơ quan có trách nhiệm đang chuẩn bị một số văn bản về tố tụng hoặc soạn thảo văn bản về chế định giám định viên, về chế định luật sư, bào chữa viên. Cần sớm hoàn thành mấy công tác này.

Cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội là những hình phạt chủ yếu mang tính chất giáo dục, áp dụng đối với công dân thường hoặc quân nhân tại ngũ lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, chưa đến mức bị phạt tù. Bộ luật hình sự chỉ quy định những điểm chính về hai hình phạt mới này. Cần chuẩn bị để đề nghị Hội đồng bộ trưởng ra văn bản quy định chi tiết thi hành.

Quản chế là hình phạt bổ sung (hình phạt phụ) buộc người bị kết án đã hết hạn tù phải cư trú, sinh sống và tiếp tục cải tạo ở một địa phương nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Những văn bản hiện hành về chế độ quản chế cần được xem xét để bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế bằng văn bản mới nếu cần.

Nhà nước ta không trừng trị người có hành vi phạm tội trong thời gian đang bị bệnh tâm thần hoặc bị một bệnh khác làm người đó mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển việc làm của mình. Đối với người này sẽ áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh ở một cơ sở điều trị chuyên khoa. Đây là một biện pháp mới thể hiện tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa và có tính chất phòng ngừa. Cần sớm có văn bản về chế độ bắt buộc chữa bệnh.

Trong chế độ ta, hình phạt không chỉ nhằm trừng trị mà còn nhằm cải tạo người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Hướng về mục đích này, ngoài việc quy định cụ thể chế độ cải tạo không giam giữ, chế độ cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội đã nói ở trên, cần sớm có văn bản mới về chế độ thi hành án tù, về tạo điều kiện cho người đã chấp hành xong án tù lao động, sinh sống lương thiện.

Trên thế giới, ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác đều tổ chức lý lịch tư pháp. Mỗi bản án có hiệu lực pháp luật đều được ghi chép vào lý lịch tư pháp của người bị kết án. Ở nước ta, cũng cần hoàn chỉnh công tác này, tạo thuận lợi cho việc xác định một người đã can án hay chưa can án, phạm tội lần đầu hay tái phạm, như vậy góp phần bảo vệ an ninh, duy trì trật tự, an toàn xã hội.

Những văn bản nhằm bảo đảm việc thi hành đúng đắn Bộ luật hình sự có

(2) Trích báo cáo của Hội đồng bộ trưởng về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1985, trước kỳ họp tháng 12-1984 của Quốc hội.



Digitized by Google

nhiều. Trên đây chỉ nêu một số văn bản cấp bách hoặc quan trọng nhất.

*II—Tuyên truyền, phổ biến, học tập Bộ luật hình sự, nâng cao ý thức đấu tranh chống tội phạm*

Đấu tranh chống tội phạm là công việc chung của Nhà nước, của toàn thể nhân dân. «Thi hành nghiêm chỉnh Bộ luật hình sự là nhiệm vụ chung của tất cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và của toàn thể nhân dân» (3). Đặc biệt, đảng viên là người phải đi đầu, gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có trách nhiệm lớn trong việc thi hành Bộ luật hình sự, trong công tác đấu tranh chống tội phạm.

Mọi người cần nắm được những quy định của pháp luật để tuân theo và buộc người khác tuân theo. Muốn Bộ luật hình sự được thi hành tốt, phải tuyên truyền phổ biến nó sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, nhân viên các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội. Việc tuyên truyền, phổ biến Bộ luật hình sự phải gắn với việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật khác, với việc giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật. Chúng ta cố gắng thực hiện điều mà Lê-nin dạy: làm sao để hàng triệu người được rèn luyện tập quán tôn trọng kỷ luật... Chúng ta quyết tâm giải quyết bằng được tâm lý cho rằng có thể bỏ qua, thậm chí giẫm lên các quy định của pháp luật mà không bị phát hiện, không bị xử lý, tâm lý cho rằng các quy tắc đề ra «không phải cho mình, mà cho người khác»; chúng ta cố gắng tạo cho mọi người thói quen tự giác chấp hành pháp luật trong đời sống hằng ngày.

Tuyên truyền, phổ biến Bộ luật hình sự, chúng ta phải làm cho mọi người hiểu, tán thành nội dung bộ luật, ủng hộ tích cực việc thi hành bộ luật, khắc phục tư tưởng bàng quan, tư tưởng sợ bị liên lụy không dám đấu tranh chống tội phạm. Chúng ta tìm cách lôi cuốn mọi người vào công tác đấu tranh này vì lợi ích của xã hội, vì lợi ích của bản thân mỗi người.

Giáo dục luật hình sự và pháp luật khác là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, của công tác xây dựng và nâng cao ý thức làm chủ. Chế độ ta xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới «sống và làm việc theo pháp luật», do vậy phải có trình độ văn hóa pháp lý nhất định. Văn hóa pháp lý là một bộ phận của văn hóa chung. Mỗi công dân ít nhất phải có kiến thức pháp lý phổ thông, am hiểu pháp luật thường thức, biết rõ quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đối với cán bộ, nhân viên cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thì ngoài pháp luật thường thức, còn phải nắm những quy định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế hoặc quản lý xã hội trong đó mình hoạt động, nắm những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức mình, của bản thân mình.

Giáo dục luật hình sự và pháp luật khác còn phải gắn với công tác giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa. Khó mường tượng người thiếu ý thức tôn trọng, bảo vệ của công mà lại thấu suốt tinh thần các điều luật trừng trị các tội tham ô, trộm cắp, lừa đảo tài sản công. Khó nghĩ rằng người chưa được giáo dục tốt về đạo đức chí công vô tư, cần, kiệm, liêm, chính mà lại có đầy đủ ý thức lên án, đấu tranh chống tệ hối lộ, nạn đầu cơ, buôn lậu...

Tuyên truyền, giáo dục luật hình sự và pháp luật khác phải sâu rộng đến từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, từng đơn vị lực lượng vũ trang, từng cơ quan, trường học, đến các tầng lớp công nhân, nông dân, trí thức xã hội

(3) Trích Lời nói đầu của Bộ luật hình sự.



Digitized by Google

chủ nghĩa, thanh niên, phụ nữ, ở nông thôn cũng như ở thành thị. Đảng và Nhà nước đã có chủ trương về giảng dạy pháp luật ở các trường học. Chúng ta phải khẩn trương trong việc nghiên cứu và đặt chương trình, biên soạn bài giảng.

Trên đây là yêu cầu chung đối với việc tuyên truyền, phổ biến Bộ luật hình sự. Đối với cán bộ pháp luật bao gồm người làm công tác điều tra, kiểm sát, xét xử, thi hành án, tư pháp... thì yêu cầu cao hơn. Cán bộ, nhân viên nói trên có trọng trách gìn giữ, bảo vệ pháp chế, đứng ở tuyến đầu của công tác đấu tranh chống tội phạm, phải gương mẫu thi hành và tổ chức thi hành Bộ luật hình sự. Vì vậy họ phải có trình độ chính trị vững vàng, có phẩm chất và đạo đức cách mạng trong sáng, có trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao. Họ phải nắm vững toàn bộ nội dung của Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ, Bộ tư pháp sẽ sớm tổ chức hàng loạt hội nghị, mở hàng loạt lớp để lần lượt bồi dưỡng toàn thể cán bộ, nhân viên ngành mình về đường lối, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay, về chính sách đối với từng loại tội phạm, từng tội phạm, chính sách đối với từng loại đối tượng phạm tội. Các cơ quan trên đây cũng sẽ sớm có văn bản riêng hoặc văn bản liên ngành hướng dẫn về những vấn đề mới được quy định trong Bộ luật hình sự, tiến tới có văn bản hướng dẫn cặn kẽ về mọi vấn đề.

*III — Coi trọng cả hai mặt phòng ngừa và trừng trị tội phạm.*

Trong xã hội ta hiện nay, những nguyên nhân sâu xa của tội phạm, chế độ người bóc lột người, sự bần cùng hóa người lao động, đã được xóa bỏ. Nhưng tình hình tội phạm đang còn rất phức tạp, có nơi, có lúc nghiêm trọng. Tình hình này do nhiều nguyên nhân trực tiếp, nhiều điều kiện cụ thể gây ra.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay go, quyết liệt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bọn bành trướng, bá quyền Trung Quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác lại tiến hành một cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta.

Tình hình kinh tế của nước ta đã vượt qua những thử thách gay gắt song còn nhiều khó khăn. Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng nhận định: «những tiến bộ và chuyển biến trong quản lý kinh tế chưa đồng đều, chưa mạnh mẽ, chưa cơ bản. Công tác quản lý kinh tế còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm trong đó có những mặt kéo dài và nghiêm trọng, không được cải tiến kịp thời, phù hợp với tình hình mới».

Những tư tưởng, tâm lý và tập quán của các giai cấp bóc lột, của xã hội cũ chưa thể tẩy rửa hết, các tệ nạn xã hội, những nọc độc của văn hóa phản động chưa thể quét sạch. Trong khi đại bộ phận nhân dân, cán bộ tu dưỡng, lớn lên thì một số người trước sự tiến công của tư tưởng tư sản đã không giữ được phẩm chất và đạo đức cách mạng, một số cán bộ thoái hóa, biến chất, sa đọa, lạm quyền, ức hiếp quần chúng...

Đấu tranh chống tội phạm là công việc phức tạp, lâu dài tiến hành trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tội phạm là những hiện tượng xã hội tồn tại cả trong chế độ xã hội chủ nghĩa, có thể dự đoán tình hình tội phạm và vạch kế hoạch đấu tranh. Dĩ nhiên trong lĩnh vực này việc dự đoán tình hình, việc xây dựng kế hoạch đấu tranh không thể chính xác như trong các lĩnh vực khoa học khác. Dù sao cũng vạch cho được phương



Digitized by Google

hướng, trọng tâm, trọng điểm của công tác trong những thời gian nhất định, đề ra được những biện pháp thích hợp.

Đấu tranh có hiệu quả chống tội phạm đòi hỏi phải huy động sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể, phải áp dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế — xã hội, chính trị — tư tưởng, pháp lý.

Đấu tranh chống tội phạm tất phải trừng trị, tiến công trực diện vào hành vi phạm tội. Trừng trị là cần thiết nhưng chỉ trừng trị thì chưa đủ vì như vậy mới giải quyết những hành vi phạm tội đã xảy ra. Việc rất quan trọng khác là ngăn chặn những hành vi phạm tội có thể xảy ra, hơn nữa xác định những nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh tội phạm, những điều kiện thúc đẩy, dung dưỡng nó, để có biện pháp hạn chế đi đến thủ tiêu các nguyên nhân, các điều kiện đó. Theo quan điểm mác xít, phương hướng đấu tranh chống tội phạm cơ bản nhất là phòng ngừa. Giữa trừng trị và phòng ngừa tội phạm có mối quan hệ biện chứng. Phòng ngừa tốt sẽ hạn chế tội phạm, sẽ ít phải trừng trị. Bản thân việc trừng trị cũng có tác dụng phòng ngừa: trừng trị nghiêm minh sẽ giáo dục người phạm tội, ngăn ngừa người đó tái phạm, đồng thời răn đe các người khác. Không phát hiện kịp thời, không trừng trị dích đáng tội phạm sẽ gây tâm lý coi nhờn pháp luật và có thể thúc đẩy người ta phạm tội.

Bộ luật hình sự xem trọng cả hai mặt trừng trị và phòng ngừa tội phạm. Thấu suốt tinh thần này, các cơ quan tư pháp cần thấy rõ trách nhiệm của mình không thu hẹp vào phạm vi phát hiện, xác minh và xử lý các hành vi phạm tội, cần thấy vai trò lớn về mặt phòng ngừa của các công tác điều tra, kiểm sát, xét xử, thi hành án. Giải quyết nhanh chóng, đúng đắn vụ án hình sự đã là phòng ngừa tội phạm, nhưng điều đáng nhấn mạnh là qua giải quyết vụ án, các cơ quan tư pháp phải quan tâm làm sáng tỏ nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm, kiến nghị để cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội hữu quan có biện pháp xử lý nguyên nhân, điều kiện đó.

Các cơ quan Nhà nước khác và các tổ chức xã hội đều có trách nhiệm trong công tác đấu tranh chống tội phạm, không được có tư tưởng và hành vi khoán trắng công tác này cho các cơ quan tư pháp. Đặc biệt vai trò phòng ngừa tội phạm của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức xã hội được Bộ luật hình sự vạch rõ: « Các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác cách mạng, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan và tổ chức của mình ». Xảy ra các vi phạm pháp luật chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội phải kịp thời xử lý bằng kỷ luật đoàn thể, kỷ luật hành chính, kỷ luật dân sự hoặc biện pháp thích đáng khác. Các vi phạm pháp luật dù nhỏ nhặt nếu không được ngăn chặn, xử lý nghiêm minh cũng có khả năng thúc đẩy các vi phạm khác, thậm chí thúc đẩy tội phạm. Xảy ra hành vi phạm tội, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội phải báo ngay cho các cơ quan công an, kiểm sát và tạo mọi thuận lợi cho công tác của các cơ quan này, tuyệt đối không được có thái độ bao che người phạm tội, không được vì sợ mất thành tích chung mà bịt việc...

Một công tác lớn để bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, để chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác là tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, là thực hiện



Digitized by Google

nguyên lý đã nêu trong báo cáo về xây dựng Đảng trước Đại hội thứ V của Đảng: « *Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo* »(1)

Nhà nước đã đặt ra một hệ thống đầy đủ các hình thức kiểm tra, giám sát từ trên xuống, từ dưới lên trên: kiểm tra, giám sát mang tính chất Nhà nước của Quốc hội và các Hội đồng nhân dân, của các cơ quan hành chính Nhà nước, của các Viện kiểm sát; kiểm tra, giám sát mang tính chất xã hội của các đoàn thể nhân dân, nhất là của công đoàn, phụ nữ, thanh niên, của các tổ chức thanh tra nhân dân ở cơ sở. Muốn bộ luật hình sự phát huy cao độ tác dụng, muốn đấu tranh có hiệu quả chống tội phạm, chúng ta phải biết tận dụng các hình thức kiểm tra, giám sát trên đây, phối hợp các hình thức kiểm tra, giám sát Nhà nước với các hình thức kiểm tra, giám sát xã hội, với các hình thức kiểm tra, giám sát của hệ thống các cơ quan Đảng. Một điểm cần nói thêm là chúng ta phải quan tâm đến các khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Nhân dân khiếu nại, tố cáo cũng có ý nghĩa trực tiếp thực hiện quyền giám sát của cá nhân công dân đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, của cán bộ, nhân viên cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. Khiếu nại tố cáo của nhân dân là một nguồn khá phong phú giúp nắm tình hình vi phạm pháp luật, tình hình tội phạm.

★

Vui mừng, phấn khởi trước việc ra đời của Bộ luật hình sự, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của Hội đồng bộ trưởng, chúng ta quyết tâm chuẩn bị tốt, tạo các điều kiện cần thiết để thi hành đúng đắn Bộ luật hình sự. Chúng ta cố gắng làm cho mỗi cơ quan Nhà nước, mỗi tổ chức xã hội từ trung ương đến cơ sở, mỗi đảng viên, quản nhân, nhân viên, công nhân, nông dân, công dân khác nắm được nội dung Bộ luật hình sự ở mức độ cần thiết đối với từng loại đối tượng, thấy và thực hiện phần trách nhiệm của mình trong việc thi hành Bộ luật hình sự, đấu tranh không khoan nhượng và bền bỉ chống tội phạm, góp phần đưa cách mạng nước ta vững bước tiến lên.

(1) *Văn kiện Đại hội V* Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 123.

## Hai mươi lăm năm...

*(Tiếp theo trang 25)*

Gắn liền với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, 25 năm qua, ngành kiểm sát nhân dân đã được xây dựng và trưởng thành, vượt qua nhiều thử thách trong cuộc sống. Có thể nói, thành tựu nổi bật là ngành đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ đáng tin cậy của Đảng và nhân dân, có nhiều tiến bộ về công tác và phẩm chất, đang cố gắng vươn lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ nặng nề của mình. Trong những năm sắp tới, trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới đối với công tác pháp chế và hoạt động của ngành kiểm sát, toàn ngành cần ra sức phấn đấu nâng cao tính chiến đấu và hiệu quả của công tác kiểm sát để có thể phục vụ tốt hơn nữa, xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc của Đảng và Nhà nước, với lòng tin cậy và giúp đỡ của nhân dân, luôn luôn giữ vững danh hiệu cao quý người cán bộ kiểm sát nhân dân.



Digitized by Google

# Cải tiến tiền lương

ĐÀO THIỆN THI

HIỆN nay, tiền lương đã trở thành vấn đề nóng bỏng trong đời sống xã hội nước ta. Tiền lương là nguồn sống chủ yếu của hàng chục triệu người, là một đòn bẩy mạnh mẽ đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm giải quyết đúng đắn vấn đề tiền lương. Các hội nghị thứ 5, thứ 6, thứ 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), đều có xem xét vấn đề tiền lương. Đến Hội nghị thứ 8 Trung ương Đảng đã có những quyết định *cải tiến tiền lương một cách đồng bộ với điều chỉnh giá cả và các mặt tài chính, tiền tệ, thương nghiệp*, triệt để chống tập trung quan liêu — bao cấp, thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới — cơ chế hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm.

Ở nước ta, nhân dân lao động làm chủ tập thể đất nước, làm chủ các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, làm chủ lao động. Sức lao động không còn là hàng hóa nữa. Người lao động làm việc hết sức mình cho đất nước. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng ta hoàn toàn có khả năng thực hiện mọi người đều có việc làm và làm việc có năng suất, đẩy mạnh phát triển kinh tế và văn hóa với tốc độ cao, từng bước xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân lao động.

Dưới chủ nghĩa xã hội, cải thiện đời sống nhân dân lao động là vấn đề thuộc về quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Toàn bộ sản phẩm xã hội, toàn bộ thu nhập quốc dân không ngừng tăng lên, đều thuộc về nhân dân, không bị bóc lột, không bị chiếm đoạt, đều được phân phối và sử dụng nhằm lợi ích chung của nhân dân, trong đó lợi ích của xã hội và lợi ích của cá nhân người lao động là hoàn toàn nhất trí. Tiền lương không còn là giá cả của sức lao động nữa, mà là một bộ phận sản phẩm do người lao động làm ra, phần sản phẩm cho mình, còn phần sản phẩm cho xã hội là thuộc về Nhà nước. Tiền lương về thực chất là những tư liệu tiêu dùng cần thiết cho đời sống để bảo đảm tái sản xuất sức lao động. Với trách nhiệm làm chủ trong phân phối, chúng ta phải bảo đảm đủ *quỹ tiêu dùng cá nhân*, đồng thời lại bảo đảm đủ *quỹ tiêu dùng xã hội*, chăm lo cho mọi yêu cầu về giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội của toàn thể nhân dân. Tất cả mọi người lại phải chăm lo bảo vệ đất nước, bảo đảm *quỹ quốc phòng, an ninh*, và bảo đảm xây dựng *quỹ tích lũy* để xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, với trách nhiệm làm chủ trong phân phối, trong điều kiện của nước ta đang đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta tự giác giữ mức tiêu dùng cá nhân *đủ ở mức vừa phải*, còn phải lo đầy đủ đến công việc chung của cả nước,



Digitized by Google

gánh vác nghĩa vụ quốc phòng, chăm lo tích lũy để công nghiệp hóa, làm ra bao nhiêu, dành phần tiêu dùng trước mắt vừa phải và lo đầy đủ cho tương lai. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là con đường cải thiện đời sống nhân dân một cách chắc chắn nhất. Nhờ có công nghiệp hóa, năng suất lao động xã hội sẽ được nâng cao nhiều lần, sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân sẽ tăng thêm, khả năng tiêu dùng và khả năng tích lũy cũng ngày càng tăng. Chúng ta tiêu dùng trong phạm vi chúng ta làm ra, không tiêu dùng quá mức đó, năng suất lao động của chúng ta ngày hôm nay quyết định mức tiêu dùng của chúng ta hôm nay và cả ngày mai nữa. Trong văn kiện Đại hội thứ V của Đảng, có đoạn nói: "Chúng ta phải sống phù hợp với kết quả lao động của mình, không tiêu dùng quá giới hạn mà mức sản xuất cho phép. Phải bảo đảm nhu cầu đời sống, nhưng phải biết chịu đựng khó khăn để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc và dành tỷ lệ tích lũy thích đáng để thực hiện tái sản xuất mở rộng, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội".

Cơ sở để giải quyết vấn đề tiền lương và đời sống là tổ chức lại sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, sử dụng lao động xã hội đầy đủ và hợp lý, tạo thêm công ăn việc làm và tăng năng suất lao động, thực hiện tiết kiệm, bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế, tăng cường kinh tế quốc doanh, tăng cường kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình. Trên cơ sở điều chỉnh giá cả, Nhà nước nắm được phần lương thực và hàng hóa chủ yếu, làm chủ thị trường, tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, từng bước ổn định tài chính, ổn định tiền tệ. Phải có quỹ hàng hóa và quỹ tiền tệ cân đối với quỹ tiền lương được tính bằng tiền theo giá bán lẻ Nhà nước ở các địa bàn cả nước, đặc biệt là ở những vùng công nghiệp tập trung và các thành phố lớn. Cải tiến tiền lương một cách đồng bộ sẽ góp phần thiết thực cải thiện đời sống người lao động một bước, nâng cao nhiệt tình lao động của mọi người, khuyến khích tăng năng suất lao động, đẩy mạnh thi đua sản xuất, góp phần ổn định tình hình chung của đất nước.

Mấy năm qua *tiền lương thực tế* của công nhân viên chức bao gồm cả phần hiện vật và phần bằng tiền, liên tục bị giảm sút, không đủ bảo đảm tái sản xuất sức lao động một cách bình thường, làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực trong giai cấp công nhân, và những chênh lệch về thu nhập không hợp lý giữa các tầng lớp dân cư.

Tiền lương được thể hiện phần chủ yếu là bằng hiện vật cung cấp theo giá thấp, không gắn liền với kết quả lao động của người ăn lương, mang tính bao cấp nặng nề. Nếu kể cả việc cung cấp cho người ăn theo, thì lại càng mang tính bình quân và không hợp lý. Và cách trả lương bao cấp đó ra chủ nghĩa bình quân ngày càng nặng, làm cho biên chế Nhà nước ngày càng tăng lên quá lớn, không khuyến khích tài năng và những người lao động giỏi, những người có cống hiến nhiều. Tiền lương không khuyến khích đúng mức các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, các ngành nghề có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân như các ngành công nghiệp nặng, không khuyến khích thỏa đáng các khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, những người làm khoa học kỹ thuật, giáo dục y tế, văn hóa nghệ thuật. Phần lương cấp bậc chiếm tỷ lệ thấp trong thu nhập người lao động không khuyến khích mọi người coi trọng cấp bậc, và quan tâm nâng cao trình độ và tay nghề.

Do tiền lương chưa được giải quyết tốt, cho nên mấy năm nay các ngành, các cấp, các đơn vị buộc phải tìm mọi



Digitized by Google

cách để tăng thêm thu nhập cho công nhân viên chức của mình. Hiện nay, có nhiều cách trả lương, trả thưởng, và nhiều mức tiền lương, tiền thưởng rất chênh lệch nhau một cách không hợp lý, tính thống nhất của tiền lương không còn nữa, ảnh hưởng đến tính thống nhất của giá cả, và gây khó khăn cho việc lưu thông hàng hóa trong cả nước.

Tiền lương chỉ hạch toán phần bằng tiền vào giá thành sản phẩm, còn phần bằng hiện vật là phần chủ yếu của tiền lương không tính vào quỹ lương và không tính vào giá thành, do đó hạch toán kinh tế xí nghiệp không đúng đắn; hạch toán kinh tế của các ngành lương thực và thương nghiệp là mua giá cao, bán giá thấp, hoạt động không bình thường và gặp nhiều khó khăn trong lưu thông hàng hóa.

Tình hình tiền lương như trên làm cho tiền lương không còn là một đòn bẩy kinh tế nữa, đang gây nhiều tác động tiêu cực đối với việc quản lý kinh tế tài chính, quản lý lao động, làm cho kỷ luật lao động không được tôn trọng, đội ngũ công nhân không được ổn định.

★

Nghị quyết Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã chỉ rõ: hiện nay, xóa bỏ quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu *đột phá có tính quyết định* để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa. Về cải tiến tiền lương, nghị quyết có nêu: "*Tiền lương thực tế phải thực sự bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng tiền lương, tái sản xuất được sức lao động và phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân*.

Gắn chặt tiền lương với năng suất, chất lượng, hiệu quả, thực hiện *phân phối theo lao động*.

Thực hiện trả lương bằng tiền, có hàng hóa bảo đảm của thị trường có tổ chức, xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hóa.

Thực hiện *chế độ lương thống nhất trong cả nước* có tính đến sự khác biệt hợp lý giữa các vùng, các ngành; ưu đãi thỏa đáng các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, có yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật cao, các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật" (1).

*1 — Bảo đảm cho người ăn lương tái sản xuất được sức lao động phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân.*

Mức tiêu dùng cần thiết được xác định phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân, có cải thiện so với hiện nay. Trước mắt cần tập trung chủ yếu vào các nhu cầu về ăn, bảo đảm số calo cần thiết từ mức lương tối thiểu; các nhu cầu tiêu dùng khác được tính toán ở mức hợp lý, kể cả việc chăm sóc gia đình. Thực hiện việc trả lương bằng tiền, tính theo giá bán lẻ Nhà nước đối với tư liệu tiêu dùng.

*Hàng công nghiệp tiêu dùng* tính theo giá kinh doanh thương nghiệp do Nhà nước quy định, thống nhất trong cả nước về những mặt hàng chủ yếu.

*Lương thực* được tính theo giá mua của Nhà nước ở vùng sản xuất hàng hóa chủ yếu.

*Giá thực phẩm* tính theo giá thị trường trung bình ở nơi sản xuất, như vậy có giá khu vực đối với lương thực — thực phẩm. Tiền lương tính theo

(1) *Nghị quyết Hội nghị thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về Giá — Lương — Tiền*



Digitized by Google

*giá vùng thấp nhất* là *tiền lương làm cơ sở cho hệ thống lương cơ bản của cả nước*, địa phương có mức giá cao hơn thì có *phụ cấp đắt đỏ theo vùng*. Trong một vùng, các thành phố và thị xã có phụ cấp đắt đỏ cao hơn các vùng nông thôn.

Để hạn chế tác động phức tạp do giá cả còn có thể biến động và để thực hiện việc kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, cần *ổn định giá bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu để tính lương* trong từng thời gian. Khi điều chỉnh giá thì tính lại phụ cấp lương tương ứng. Cần cân đối quỹ hàng hóa xã hội trên từng địa phương và khu vực, cân đối với quỹ tiền đưa ra, đẩy mạnh cải tiến và quản lý thị trường « tự do », xóa bỏ dần cơ buôn lậu, bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

2— *Quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, điều chỉnh thang lương, bảng lương và các thứ phụ cấp.* Chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải thực hiện nguyên tắc « làm theo năng lực, phân phối theo lao động », thực hiện phân phối cho các thành viên trong xã hội theo số lượng và chất lượng lao động mà họ đã cống hiến. Toàn bộ sản phẩm do lao động làm ra, phải dành đủ cho quỹ bù đắp, và các quỹ tích lũy, quỹ quốc phòng, quỹ tiêu dùng xã hội, *phần còn lại* của tổng sản phẩm xã hội được đem phân phối cho tiêu dùng cá nhân.

Việc phân phối cho tiêu dùng cá nhân *thực hiện chủ yếu theo nguyên tắc phân phối theo lao động*, là phương thức phân phối công bằng hợp lý, tác động mạnh mẽ nhất đến sản xuất và đời sống; phân phối theo lao động là nhân tố quan trọng để giáo dục ý thức lao động cho mỗi thành viên của xã hội, đồng thời là một phương tiện để giám đốc mức độ lao động và mức độ tiêu dùng có hiệu quả nhất, thực hiện sự kiểm tra của xã hội đối với từng người lao động. Kiểm tra hàng ngày mỗi người cống hiến và hưởng thụ theo lao động đã cống hiến.

Vận dụng nguyên tắc phân phối theo lao động cần phải kết hợp chặt chẽ giữa việc giáo dục chính trị tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất. V.I. Lê-nin đã chỉ rõ: « Trong một nước tiểu nông, trước hết các dòng chỉ phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản Nhà nước, sang chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào tinh thần phấn khởi, mà là, với tinh thần phấn khởi do cuộc cách mạng vĩ đại gây ra, bằng cách khêu gợi hứng thú cá nhân, lợi ích cá nhân, bằng cách áp dụng nguyên tắc kinh tế hạch toán » (2).

Tiền lương thể hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Dưới chủ nghĩa xã hội, tiền lương, về thực chất, là phần thu nhập quốc dân thực hiện dưới hình thức tiền tệ được Nhà nước phân phối cho công nhân viên chức phù hợp với số lượng và chất lượng lao động của mỗi người đã cống hiến. Việc phân phối bằng giá trị, thực hiện qua lương bằng tiền được bảo đảm bằng lượng hàng hóa tiêu dùng bằng hiện vật, có giá bán lẻ Nhà nước được ổn định, thống nhất trong cả nước, có thứ có phân biệt giá vùng và có phụ cấp đắt đỏ theo vùng.

Cải tiến các thang lương, bảng lương và các thứ phụ cấp, về thực chất, là *xây dựng chế độ tiền lương mới*, và công việc này có những yêu cầu sau đây:

— Làm cho năng suất lao động không ngừng nâng cao.

— Phân bổ hợp lý sức lao động giữa các ngành kinh tế quốc dân, giữa các xí nghiệp trong nội bộ ngành.

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 29 — 37.



Digitized by Google

- Khuyến khích việc nâng cao trình độ lành nghề của công nhân viên chức.

— Bảo đảm tính thống nhất cả nước, lập lại trật tự về tiền lương, tiền thưởng trong cả nước.

Cần mở rộng một bước mức chênh lệch giữa mức lương tối thiểu — mức lương trung bình — mức lương tối đa so với hiện nay; mức chênh lệch giữa các bậc lương được mở rộng một bước; sẽ khuyến khích tài năng, và khi có điều kiện và khả năng, sẽ tiếp tục mở rộng chênh lệch.

Cần xác định lại quan hệ hợp lý giữa các ngành nghề trong nền kinh tế quốc dân, căn cứ vào trình độ lành nghề bình quân của những người lao động ở mỗi ngành, điều kiện lao động khác nhau, nặng nhọc, độc hại khác nhau, và vị trí kinh tế của mỗi ngành trong nền kinh tế quốc dân. Tính lương tối thiểu hệ số là 1, thì hương bậc 1 của một số nghề được sắp xếp có chênh lệch thỏa đáng theo thứ tự khai thác than hầm lò, khai thác lộ thiên, khai thác gỗ, thi công cơ giới, luyện kim, hóa chất cơ bản, điện, cơ khí, xi măng, dệt thoi, xây dựng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm v.v. Điều chỉnh lại mức lương của viên chức theo hướng giảm bớt số lượng mức quá nhiều. Mở rộng chênh lệch giữa các bậc lương, cân đối lại mức lương của các loại viên chức cùng trình độ, cùng điều kiện làm việc như nhau. Điều chỉnh quan hệ tiền lương cấp tỉnh, cấp huyện, cấp liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp, gắn mức lương với chức danh tiêu chuẩn của viên chức, thi hành lương chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo, đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, đối với nhân viên phục vụ và quản trị. Sửa đổi phụ cấp khu vực nhằm thu hút lao động đến các vùng xa xôi hẻo lánh, có ý nghĩa kinh tế quốc phòng quan trọng. Cải tiến phụ cấp thâm niên đối với một số ngành nghề cần thiết, áp dụng chế độ thâm niên tột khung cho tất cả các ngành nghề nhằm khuyến khích người lao động tiếp tục công tác sau khi đã có mức lương tột khung. Chuyển các khoản phụ cấp ngành nghề vào lương cơ bản, chuyển bữa ăn giữa ca thành phụ cấp lương để khắc phục tình trạng bao cấp và nâng cao hiệu quả của bữa ăn giữa ca.

Cần khuyến khích hình thức lương sản phẩm và áp dụng mức khuyến khích lũy tiến theo chất lượng của định mức. Duy trì chế độ thưởng từ quỹ lương có phân biệt theo ngành có điều kiện khác nhau và chế độ thưởng hoàn thành nhiệm vụ cuối năm của các ngành hành chính sự nghiệp cũng như chế độ thưởng trích từ lợi nhuận xí nghiệp đối với các tổ chức xí nghiệp hạch toán kinh tế. Áp dụng phụ cấp giáo dục đối với ngành giáo dục, phụ cấp trách nhiệm đối với ngành y tế, nghiên cứu các khoản tiền thưởng khuyến khích các hoạt động sáng tạo phát minh khoa học kỹ thuật và văn hóa nghệ thuật.

Để bảo đảm nhiệm vụ tăng cường quốc phòng và an ninh, cần quan tâm đúng mức đến việc chăm sóc lực lượng vũ trang và chế độ lương đối với sĩ quan.

Để bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân viên chức, cần xem xét tình hình giá cả từng quý (hoặc đột xuất khi cần thiết) để định phụ cấp đắt đỏ; phụ cấp đắt đỏ do trung ương thống nhất quy định cho từng vùng và được hạch toán vào quỹ lương và vào giá thành sản phẩm. Tiền lương có tính chất cơ động được bảo hiểm phù hợp với thực tế.

Tiền lương và các khoản phụ cấp được sắp xếp lại để tiền lương cơ bản trong khu vực sản xuất kinh doanh chiếm khoảng 70% thu nhập về tiền lương, làm cho mọi người quan tâm đến lương cơ bản và đến



Digitized by Google

cấp bậc và trình độ tay nghề của mình.

Việc cải tiến tiền lương phải làm từng bước, đồng bộ cùng với việc điều chỉnh giá cả, tài chính, tiền tệ, ăn khớp giữa yêu cầu và khả năng có hạn của nền kinh tế quốc dân. Cần tập trung cao độ nỗ lực chung của kế hoạch kinh tế và ngân sách Nhà nước cho mục tiêu số một là đời sống, trước hết là cải tiến tiền lương cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

Việc cải tiến tiền lương lần này cũng là một việc cải tiến rất cơ bản, nhằm triệt để xóa bỏ quan liêu — bao cấp trong giá cả và tiền lương, bảo đảm tiền lương đã cho yêu cầu tái sản xuất sức lao động và quán triệt tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động; cải tiến các hệ thống thang lương, bảng lương, các phụ cấp, tiền thưởng để thống nhất tiền lương trong cả nước có chênh lệch khu vực và phụ cấp đắt đỏ theo vùng và theo thời gian, tiền lương thực tế được bảo hiểm cho người lao động và trở thành đòn bẩy kinh tế có hiệu lực để quản lý kinh tế tài chính, quản lý lao động.

So với tình hình hiện nay, việc cải tiến tiền lương lần này có cải thiện thỏa đáng đời sống công nhân viên chức. Những người có trình độ nghiệp vụ kỹ thuật cao được tăng lương nhiều hơn, tiền lương sẽ được phân phối theo lao động, và bỏ bao cấp bằng hiện vật và giảm bớt bình quân.

Khi Nhà nước áp dụng chế độ lương mới, những gia đình công nhân, viên chức đông con, có nhiều người ăn theo được xử lý theo chế độ trợ cấp xã hội. Quỹ trợ cấp xã hội sẽ do Tổng công đoàn cùng các ngành có trách nhiệm và các địa phương quản lý.

Với chế độ lương mới, Nhà nước có khả năng lập lại được trật tự trong cả nước về tiền lương và tiền thưởng. Đối với một vài xí nghiệp có biệt, mức thu nhập có cao hơn, Nhà nước sẽ xem xét và xử lý cụ thể.

Chế độ lương mới được thực hiện dựa trên tiền đề tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại lao động, cải tiến định mức lao động, đẩy mạnh trả lương theo sản phẩm, đẩy mạnh tăng năng suất lao động, giảm biên chế hành chính và biên chế gián tiếp.

Từng ngành, từng địa phương, từng xí nghiệp và cơ quan phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân, viên chức, thực hiện nghiêm túc nghị quyết Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), xóa bỏ quan liêu — bao cấp về giá — lương — tiền, đặc biệt là cải tiến tiền lương theo nguyên tắc phân phối theo lao động, nhất định sẽ đem lại một khí thế mới trong lao động sản xuất, thúc đẩy mọi ngành, nghề, mọi tầng lớp nhân dân lao động hăng hái tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm, góp phần ổn định tình hình chung.



Digitized by Google

# Mấy vấn đề cấp bách về cải tiến chính sách giá cả hiện nay

PHAN VĂN TIỆM

NGHỊ quyết Hội nghị thứ sáu BCHTƯĐ (khóa IV) mở đầu quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, trong đó có bộ phận năng động của cơ chế này là chính sách giá cả. Tất nhiên, quá trình đó không phải diễn ra một cách «thuận buồm xuôi gió». Sự đổi mới một cách căn bản cơ chế kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân và chính sách giá cả cho phù hợp với quy luật vận động của nền kinh tế thời kỳ quá độ ở nước ta trên thực tế là phải làm từng bước. Điều đó không những do chúng ta thiếu kinh nghiệm trong sự nghiệp cực kỳ phức tạp này mà còn do sự đổi mới đó, cũng như mọi sự cải tiến, đều phải trải qua một quá trình nhận thức, một quá trình tìm tòi, mò mẫm.

Trong lĩnh vực chính sách giá cả, do những lý do khách quan và chủ quan, chúng ta đã duy trì quá lâu những giá cơ bản của các sản phẩm chủ yếu trong xã hội ở mức thấp và ngày càng thoát ly giá trị hàng hóa, thoát ly sức mua của đồng tiền.

Trong năm 1981 — 1982, Nhà nước đã thực hiện một cuộc tổng điều chỉnh với diện rất rộng (trừ những mặt hàng cung cấp) tổng mức giá sản phẩm xã hội sản xuất và lưu thông trên thị trường trong nước, so với năm 1980 và trước đó, tăng từ 5 đến 7 lần, có thứ 10 lần, lên sát giá thị trường, có thứ cao hơn giá thị trường hình thành lúc đó. Như vậy tổng mức giá đó ở mức độ đáng kể, đã phản ánh sức mua của đồng tiền hình thành trên thị trường «tự do» qua nhiều năm vận động. Cùng với việc điều chỉnh giá và thực hiện phụ cấp lương, năm 1981, việc đưa giá lên sát giá trị hàng hóa và sức mua của đồng tiền đã có những tác động tích cực trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy sản xuất, mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thu mua, nắm hàng vào tay Nhà nước, nhiều ngành và xí nghiệp quốc doanh do trung ương và địa phương quản lý từ chỗ làm ăn thua lỗ, bắt đầu đã có lãi. Cũng phải nhắc lại rằng, khi phán đoán việc tổng điều chỉnh giá cả năm 1981 — 1982, vấn đề gay cấn lớn là lúc đó ta còn chủ trương duy trì chế độ cung cấp theo tem phiếu cũng như mức giá hình thành năm 1960 tương ứng với mức thu nhập danh nghĩa (qua phụ cấp lương) hình thành trong thời gian đó. Theo số liệu ước tính thì mức giá những mặt hàng cung cấp này chỉ bằng khoảng 3% giá vốn mua và sản xuất của nhóm hàng đó, tương đương khoảng 4% doanh số của thương nghiệp quốc doanh. Nói cách khác, khoảng một nửa quỹ hàng (lại là những hàng quan trọng) nằm



Digitized by Google

trong tay thương nghiệp quốc doanh là để cung cấp theo giá cả phi kinh tế — thực chất là dùng để cấp phát nhằm duy trì chế độ lương thấp. Chính vì vậy, mặt bằng giá Nhà nước đã dựng lên năm 1981 — 1982 chưa phản ánh đầy đủ thực trạng sức mua của đồng tiền lúc đó. Dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng trong mấy năm gần đây, chúng ta có cơ sở để đánh giá vấn đề gay cấn lớn này trong chính sách và cơ chế kinh doanh nói chung và chính sách giá cả nói riêng. Chúng ta đã cố gắng nhìn ra vấn đề, chậm khắc phục sự lạc hậu của mức giá, một phần quan trọng quỹ hàng hóa đem bán cung cấp theo định lượng và không định lượng gây nên hậu quả xấu đối với yêu cầu *hạch toán* (toàn bộ nền kinh tế và từng ngành, địa phương và cơ sở). Với mức giá cung cấp không còn mang ý nghĩa và nội dung kinh tế, chế độ bao cấp đã có thêm chỗ dựa và môi trường ăn sâu, lan rộng trong đời sống kinh tế nước ta. Thực tế là chúng ta không thể hạch toán được xác thực. Tất cả các chỉ tiêu tính bằng giá trị đều thoát ly xa và ngày càng xa cơ cấu và động thái vận động của sản xuất và sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân. Đó là biểu hiện khá rõ nét của bệnh *bảo thủ, tập trung quan liêu bao cấp*, xa lạ với cơ chế quản lý tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Điều này nói rõ vì sao nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯĐ (khóa V) coi việc sửa giá, sửa lương *là khâu đột phá có tính quyết định* để làm chuyển biến toàn bộ cơ chế quản lý và kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Từ sau lần điều chỉnh giá trên diện rộng năm 1981 — 1982, tình hình diễn biến rất phức tạp, thể hiện rõ nét ở các mặt sau đây:

*Một là*, sự mất cân đối về hiện vật trong nền kinh tế và do đó, về giá trị, tiếp diễn và ngày càng căng thẳng.

*Hai là*, sau điều chỉnh, giá thị trường và một bộ phận ngày càng lớn giá Nhà nước tăng rất nhanh, sức mua của đồng tiền bị giảm sút cũng với tốc độ khá cao.

*Ba là*, trong lúc sản xuất của các thành phần kinh tế, nhất là trong nông nghiệp có những bước phát triển khá, thì tình hình thị trường diễn biến ngày càng bất lợi cho các lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong chính sách và cơ chế quản lý giá mới, nói chung có nhiều vấn đề không thích hợp với tình hình kinh tế tài chính và yêu cầu điều hành mặt giá trị của quá trình tái sản xuất xã hội trong sản xuất trực tiếp, cũng như trong phân phối lưu thông và tiêu dùng sản phẩm xã hội, trong sử dụng thu nhập quốc dân (cả tiêu dùng trực tiếp và tiêu dùng cho sản xuất qua đầu tư vốn). Những vấn đề đó là:

— Ngoài giá cung cấp vẫn giữ như đã nói trên đây, hầu như mức giá mua nông sản, lâm sản, thủy sản cùng giá bán các loại vật tư và dịch vụ của các ngành này, qua hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước và các cơ sở sản xuất, trong 4 năm qua, cơ bản không thay đổi, ngày càng thấp hơn giá trị và không phù hợp với sức mua của đồng tiền.

— Mặt khác, trong khi giá mua và bán trong hợp đồng và theo chỉ tiêu kế hoạch chậm thay đổi, thì giá ngoài hợp đồng, ngoài kế hoạch đã tăng nhanh tương đương mức tăng giá thị trường. Kết quả là tổng sản phẩm xã hội được đo lường theo hai giá rõ rệt và mức giá của chúng cách nhau từ 5 đến 7 lần, hoặc hơn nữa.

— Trong lúc chi phí sản xuất hàng xuất khẩu và giá hàng mua để xuất khẩu tăng rất nhanh (từ 5 đến 7 lần) thì giá vật tư thiết bị nhập khẩu cơ bản giữ như mức đã định năm 1981 — 1982.



Digitized by Google

Nếu nhìn một cách tổng quát về chính sách giá (bao gồm cả mức giá, quan hệ giá, quản lý điều hành giá), chúng ta có thể nêu *mấy vấn đề cấp bách cần giải quyết*: đó là giá thấp hơn giá trị; thoát ly khá xa sức mua của đồng tiền trên thị trường; giá không được quản lý và điều hành bằng một cơ chế thích hợp cho nên diễn biến tự phát, hỗn loạn, giá tăng với mức độ quá nhanh, không có sự ổn định cần thiết và không bình thường. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân; có cái bắt nguồn từ bản thân nền kinh tế, có cái do chủ quan chúng ta gây ra. Bản thân cuộc điều chỉnh giá cả và phân phối lưu thông năm 1981—1982 cũng có những khuyết điểm từ chủ trương cụ thể đến biện pháp thực hiện như: không đồng bộ, không có cơ chế «động» cần thiết, không làm chủ được thị trường v.v. Nhưng bao trùm hơn cả là việc điều chỉnh giá cả không thoát ra khỏi khuôn khổ của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong quản lý và kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân, mà quản lý và kế hoạch hóa giá—lương—tiền là bộ phận rất quan trọng của cơ chế đó. Lĩnh vực quản lý giá cũng là lĩnh vực biểu hiện đậm nét lối quản lý nặng về mệnh lệnh hành chính đơn thuần, ít chú trọng vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, trước hết là quy luật giá trị và các quy luật của chủ nghĩa xã hội đã phát huy tác dụng trong nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay.

★

Thi hành nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTUĐ (khóa V), công tác chỉ đạo và quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá cả có *ba nội dung cơ bản* sau đây:

*Một là*, xây dựng lại hệ thống giá Nhà nước về những sản phẩm xã hội quan trọng nhất trong nền kinh tế để thiết lập một bằng mới thích hợp hơn của giá cả trên thị trường trong nước theo yêu cầu phản ánh sát giá trị hàng hóa và sức mua của đồng tiền để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát huy sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hóa, hạch toán và tổng hạch toán nền kinh tế quốc dân, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu.

*Hai là*, cùng với việc sửa đổi cơ chế chung kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân phải rà soát một cách căn bản và xây dựng cơ chế mới về quản lý giá, xác định rõ chức năng, thực hiện sự phân công, phân cấp hợp lý về quản lý giá của Nhà nước và thiết lập cơ chế tác động, điều hành sự hình thành và vận động giá cả chung trên thị trường xã hội.

*Ba là*, trên cơ sở xác định đúng chức năng, phân công, phân cấp hợp lý, xây dựng một hệ thống tổ chức vững mạnh và bố trí một đội ngũ cán bộ quản lý giá có chất lượng để thực hiện quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá cả.

Điều chỉnh giá là bộ phận cực kỳ quan trọng trong việc đổi mới tiền lương và các mặt khác của chính sách kinh tế, đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay, nhằm những mục tiêu chủ yếu sau đây:

— Thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý, khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, nhằm phát triển sản xuất với năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cao hơn.

— Ổn định đời sống nhân dân lao động, trước hết là đời sống công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Nhà



Digitized by Google

nước làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông, làm chủ thị trường và giá cả, từng bước cân bằng ngân sách và tiền mặt.

— Góp phần tạo dần nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

— Thúc đẩy việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình.

— Góp phần tăng cường quốc phòng và an ninh, kiên quyết chống địch phá hoại; đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực.

Để đạt các mục tiêu nói trên, việc điều chỉnh mặt bằng giá và cơ chế quản lý giá phải dựa trên các nguyên tắc sau đây:

— Xác định giá cả phải phù hợp với giá trị và với sức mua thực tế của đồng tiền.

— Định giá trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung cầu.

— Phải lấy giá thóc làm chuẩn cho toàn bộ mặt bằng giá.

— Phải có phân công, phân cấp hợp lý.

Việc lớn đầu tiên có tính chất mở đầu cho một giai đoạn mới của chính sách giá cả và là điểm nút của khâu đột phá cho cơ chế quản lý mới xuất hiện là *thực hiện việc tính đủ vào giá toàn bộ chi phí sản xuất và lưu thông xã hội cần thiết trong nền kinh tế; làm cho giá cả phản ánh được sức mua thực tế của đồng tiền hiện nay.*

Trước hết, phải tính đủ « V », tức là phần tiền lương mà người lao động trong lĩnh vực sản xuất vật chất được phân phối sau quá trình sản xuất, để mua sắm các vật phẩm tiêu dùng, bảo đảm nhu cầu tái sản xuất sức lao động của mình. Như vậy, tiền lương ở đây hiểu theo nghĩa rộng bao gồm bộ phận thu nhập bằng tiền trả cho người sản xuất và trở thành bộ phận chi phí làm ra sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghiệp, thủ công nghiệp, và bộ phận của chi phí lưu thông tương ứng với tiền lương của những người lao động hoạt động trong lĩnh vực lưu thông.

Thực tiễn đang đặt ra vấn đề sửa đổi căn bản chế độ tiền lương, chuyển phần lương hiện vật thành tiền. Điều đó đòi hỏi định lại mức giá các vật phẩm tiêu dùng, dịch vụ cần thiết cho đời sống vật chất và văn hóa của người lao động, để làm cơ sở tính mức lương. Giá ở đây cũng phải quán triệt nguyên tắc tính đủ các chi phí xã hội cần thiết để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ đó. Đương nhiên, do nhiều lý do, chưa thể một lúc và nói chung không thể trích đủ hoàn toàn mọi khoản của cải vật chất và văn hóa dùng để tái sản xuất sức lao động đưa vào tiền lương và thu nhập bằng tiền của cả nhiều người lao động (ví dụ như nhiều khoản phúc lợi, quỹ tiêu dùng xã hội). Hơn nữa, có những khoản như tiền nhà chưa thể phản ánh ngay vào tiền lương hết được, đó là do những nguyên nhân về tài chính, chứ không phải do chính sách giá cả. Xu hướng chung là ngày càng làm cho tiền lương phản ánh đúng và đủ chi phí xã hội cần thiết và có thể trang trải cho việc tái sản xuất sức lao động của người lao động trong khu vực sản xuất vật chất. Đó là một điều kiện rất cơ bản làm cho giá cả phản ánh đủ và đúng giá trị hàng hóa. Trước mắt, *đưa ngay bộ phận lương hiện vật vào giá thành và giá*



Digitized by Google

*cả sản phẩm tương ứng với chi phí xã hội đã bỏ ra cho những vật phẩm tiêu dùng hiện đang phân phối cho người lao động*: trước hết là *đưa mức giá hàng cung cấp theo định lượng và không định lượng lên mức giá «tính đủ», bảo đảm cho các ngành và cơ sở sản xuất lưu thông những mặt hàng này nói chung không lỗ.*

Việc tính đủ tiền lương vào giá thành và giá cả hàng hóa có ý nghĩa rất quan trọng đối với nền kinh tế nước ta hiện nay, khi mà hao phí lao động sống còn chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá trị sản phẩm xã hội do trình độ kỹ thuật còn thấp. Vì vậy, tính «hụt» phần tiền lương sẽ xuyên tạc bộ phận này trong giá trị sản phẩm của tất cả các ngành kinh tế quốc dân.

Có tính đủ như vậy mới phản ánh (qua giá) năng suất lao động của các cơ sở sản xuất, các ngành, và mới có điều kiện so sánh năng suất lao động giữa các ngành, các cơ sở, các loại sản phẩm, và trong từng thời gian, phát hiện và khai thác tiềm năng tổ chức lại lao động, nâng cao kỷ luật và năng suất lao động. Cơ chế bao cấp đã che lấp tiềm năng nói trên và dung dưỡng nhiều hiện tượng tiêu cực tùy tiện trong lĩnh vực lao động; việc trả lương và thưởng cho người lao động không gắn với giá thành, giá cả sản phẩm.

Việc «bù giá» vào lương và tính lương vào giá thành sản phẩm được thực hiện ở một số nơi trong thời gian qua không những góp phần khắc phục nhiều hiện tượng tiêu cực trong khâu lưu thông phân phối giúp cho người lao động làm chủ được tiền lương của mình, mà còn tạo điều kiện cho cơ sở phát hiện được mặt yếu kém của mình về tổ chức lao động, về năng suất, hiệu quả của lao động, về trả lương, trả thưởng, trên cơ sở đó bước đầu có đơn giá khoán đủ hơn, đúng hơn, tạo ra sự kích thích đối với việc nâng cao năng suất lao động. Tính đủ tiền lương vào giá thành và giá cả hàng hóa sẽ giúp phát hiện tính bao cấp một cách cụ thể, và khi khắc phục bao cấp qua tiền lương, giá cả, thì hao phí lao động sống trong giá trị, khoản chi về tiền lương trong giá thành đơn vị sản phẩm sẽ hạ xuống trong khi thu nhập của người lao động có năng suất cao ngày càng tăng

Vấn đề tiếp đến là tính đủ giá trị và làm cho giá cả các yếu tố vật chất (C1 và C2) sử dụng trong nền kinh tế phù hợp với giá trị và sức mua của đồng tiền hiện nay. Tính đủ và đúng giá trị vật tư nhập khẩu và sản xuất trong nước sẽ tạo nên động lực thúc đẩy sử dụng tiết kiệm và hợp lý các loại năng lượng, vật tư, thiết bị, phụ tùng trong quá trình sản xuất, giảm mức tiêu hao vật tư, năng lượng hiện quá lớn và nâng cao công suất sử dụng các thiết bị hiện quá thấp.

Nguyên tắc «tính đủ» trước hết phải thể hiện trong giá mua nông sản, lâm sản, thủy sản, là lĩnh vực cực kỳ quan trọng của chính sách giá cả trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Giá mua lương thực và nông sản phải thể hiện và góp phần thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp nhằm hình thành cơ cấu công nông nghiệp hợp lý, thể hiện quan hệ công — nông cùng làm chủ, cả công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển và đóng góp đúng mức cho Nhà nước, góp phần cải thiện đời sống của công nhân và nông dân.

Giá mua lương thực và các nông sản khác phải được xác định trên cơ sở *thỏa thuận* giữa Nhà nước và nông dân, bảo đảm cho người sản xuất *bù đắp đủ chi phí, có lãi hợp lý* nhằm khuyến khích nông dân hăng hái



Digitized by Google

sản xuất. Giá mua có phân biệt theo vùng, khuyến khích phát triển các vùng chuyên canh, các vùng kinh tế mới, chú trọng những vùng chuyên trồng lúa.

Như vậy có ba yếu tố quyết định giá mua lương thực và nông sản là chi phí sản xuất từng vùng, lợi nhuận của người sản xuất và quan hệ cung — cầu về loại sản phẩm trong từng vụ sản xuất, thu mua.

Việc điều chỉnh giá bán buôn hàng công nghiệp phải dựa trên cơ sở giá thành tính đủ chi phí của từng ngành, có lãi thỏa đáng cho người sản xuất và thể hiện chính sách kinh tế đối với sản xuất và tiêu dùng (cả tiêu dùng trực tiếp và tiêu dùng cho sản xuất).

Một yếu tố cơ bản quyết định mặt bằng giá trong nước là giá tư liệu sản xuất. Tất nhiên, phần tư liệu sản xuất tạo ra trong nền kinh tế của ta phải được tính đủ chi phí gồm tiền lương, khấu hao cơ bản (tạm thời còn phải tính đến mức độ sử dụng công suất máy móc, thiết bị), khấu hao sửa chữa lớn theo mặt bằng giá mới. Song quan trọng hơn là tư liệu sản xuất nhập khẩu, phần này hiện chiếm 70—90% tư liệu sản xuất sử dụng trong nền kinh tế quốc dân.

Nguyên tắc định giá hàng nhập khẩu là phải tính đến các quan hệ giá cả và chính sách giá trong nước, hướng vào việc khuyến khích sản xuất vật tư trong nước thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng tiết kiệm vật tư nhập khẩu, tính đến mức chi phí xuất khẩu để tạo nguồn nhập khẩu. Vì vậy, cần xác định đúng tỷ giá kết toán nội bộ nhằm bảo đảm kinh doanh xuất nhập khẩu bình thường có lãi, giá hàng nhập khẩu phải bù đắp được chi phí (giá vốn) hàng xuất khẩu, nói chung Nhà nước không lỗ trong việc xuất khẩu và nhập khẩu. Tình hình thực tế đang đặt ra vấn đề khá gay gắt là giá vốn xuất khẩu (bao gồm giá mua, giá thành, lợi nhuận, chi phí sản xuất, chế biến, vận tải hàng xuất khẩu) mấy năm qua tăng rất nhanh. Nếu lấy giá vốn hình thành hiện nay để tính giá hàng nhập khẩu tương ứng, thì mức giá hàng trong nước sẽ rất cao, có khi vượt quá sức mua trên thị trường nội địa. Ngược lại, nếu lấy giá thị trường trong nước hiện nay làm giới hạn cao cho giá hàng nhập khẩu, nhất là tư liệu sản xuất, thì giá hàng nhập khẩu không trang trải được vốn hàng xuất khẩu, gây ra bù lỗ cho khâu xuất khẩu quá lớn, ảnh hưởng đến ngân sách Nhà nước mà còn bất lợi cho hoạt động của các công ty ngoại thương, và cho việc đẩy mạnh xuất khẩu. Trong tình hình đó, việc chấn chỉnh khâu xuất khẩu từ làm hàng xuất khẩu đến thu mua, định giá cả, tính chi phí và hiệu quả hàng xuất, chống cạnh tranh mua bán hàng xuất khẩu, để có tỷ giá hàng xuất khẩu ngày càng hợp lý, là điều hết sức quan trọng.

Yêu cầu cấp bách là phải xây dựng một cơ chế quản lý và điều hành tỷ giá giữa đồng tiền của ta và ngoại tệ, trong đó đồng rúp là cơ bản nhất. Tiến tới thực hiện một cơ chế kết hối hoàn chỉnh có căn cứ khoa học và phù hợp với thực tế để các công ty ngoại thương do trung ương và địa phương quản lý thông qua ngân hàng ngoại thương mà mua ngoại tệ khi có giấy phép nhập khẩu và bán ngoại tệ sau khi xuất khẩu.

*Giá bán lẻ* phải được xác định trên cơ sở giá trị hàng hóa, có tính đến quan hệ cung—cầu, tiền—hàng, và phải thể hiện chính sách kinh tế — xã hội của Đảng và Nhà nước, phân biệt theo tính chất mặt hàng. Nói chung giá bán lẻ hàng công nghiệp thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng phải bảo đảm tích lũy cho ngân sách, trừ một số ít hàng thiết yếu có ý nghĩa chính



Digitized by Google

trị — xã hội đặc biệt thì tích lũy ít, cá biệt có thể bù lỗ theo chính sách.

Tóm lại, quán triệt nguyên tắc « tính đủ » chi phí sản xuất và lưu thông cần thiết trong nền kinh tế hiện nay là phương hướng rất cơ bản nhằm làm cho hệ thống giá cả phản ánh yêu cầu của các quy luật kinh tế, tạo điều kiện chống bao cấp qua giá và thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế làm mục tiêu hàng đầu của sản xuất, kinh doanh và mọi hoạt động kinh tế. Như vậy « tính đủ » bao hàm ý nghĩa thúc đẩy nâng cao hiệu quả kinh tế và là một sự đòi hỏi nghiêm khắc đối với các tổ chức kinh tế thực hiện các chức năng sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc tự chủ về tài chính và tự chủ về lời — lỗ trong hoạt động của mình.

Để có mặt bằng giá mới và các quan hệ giá cả trong nước được hình thành một cách hợp lý, phù hợp với giá trị hàng hóa và sức mua thực tế của đồng tiền, vừa củng cố được sức mua đó và xã hội chấp nhận được, thì nhất thiết phải tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, nhất là trong khu vực kinh tế quốc doanh, sắp xếp lại công tác xuất nhập khẩu, nhằm đạt hiệu quả cao hơn; chấn chỉnh lưu thông (cung ứng vật tư, thương nghiệp), xóa ngay các khâu trung gian không cần thiết, trùng lặp, tính đúng định mức, loại bỏ chi phí sản phẩm và lưu thông bất hợp lý và bất hợp lệ. Cùng với việc tính toán các mức giá, phải xử lý hàng loạt vấn đề về cơ cấu và tổ chức sản xuất, quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như trong từng ngành và từng đơn vị cơ sở theo quan điểm triệt để xóa bỏ bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ tám BCHTUĐ (khóa V) đòi hỏi phải có *sự chuyển biến rất cơ bản trong cơ chế quản lý và chỉ đạo giá cả*, cơ chế đó gồm ba nội dung chủ yếu sau đây:

— Thực hiện cơ chế một giá mua, một giá bán.

— Thực hiện sự chỉ đạo và điều hành hệ thống giá Nhà nước một cách linh hoạt, cơ động và nhạy bén.

— Thực hiện sự phân công, phân cấp hợp lý trong quản lý giá theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ thích hợp với cơ chế quản lý và kế hoạch hóa toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Cả ba nội dung trên đây có mối liên hệ gắn bó với nhau rất khăng khít, tác động qua lại với nhau thành một thể thống nhất trong cơ chế quản lý và chỉ đạo giá mới.

Thực hiện *cơ chế một giá mua, một giá bán đối với một loại hàng hóa trên một thị trường* (thị trường thống nhất hoặc thị trường địa phương), trong một thời điểm, chính là yêu cầu khách quan của quy luật giá trị hoạt động trong điều kiện bình thường về quan hệ cung — cầu.

Trong nhiều năm qua, nhất là những năm gần đây, do những khó khăn khách quan và những lý do chủ quan về cơ chế quản lý, nhất là tình hình làm chủ thị trường và giá cả còn nhiều mặt yếu, kém cho nên chúng ta đã áp dụng cơ chế hai giá mua và hai giá bán (trong thực tế, nhiều trường hợp tồn tại nhiều giá đối với cùng một mặt hàng và trong cùng một thời điểm).

Thực tế chứng tỏ là cơ chế nhiều giá cùng với phương thức cung cấp tràn lan đã làm phát sinh nhiều mặt tiêu cực, nhất là trong các tổ chức lưu thông và gây nhiều rối ren về quan hệ phân phối trong thời gian quá dài. Do đó, cơ chế nhiều giá đã trở thành trở ngại cho việc thiết lập



Digitized by Google

trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông nhiều loại sản phẩm quan trọng của nền kinh tế quốc dân.

Việc chuyển qua cơ chế nhất quán *bán và mua theo một giá* đòi hỏi việc điều hành các hệ thống giá Nhà nước phải nhạy bén, phản ánh kịp thời vào mức giá hàng hóa diễn biến của các quan hệ cân đối, nhất là quan hệ cung — cầu, tiền — hàng trên phạm vi cả nước, cũng như trên địa bàn vùng và địa phương, không để xảy ra tình trạng cắt khúc trong lưu thông hàng hóa, cũng như hệ thống nhiều tầng nấc trung gian, làm trở ngại sự thông suốt của lưu thông hàng hóa và tiền tệ.

Điều kiện quyết định để thực hiện cơ chế một giá mua và một giá bán là không ngừng nâng cao mức độ làm chủ thị trường. Vô luận trong tình huống nào, Nhà nước (trung ương và địa phương) cũng phải làm chủ được sản xuất, phân phối và lưu thông, trước hết là đối với những mặt hàng có ý nghĩa chi phối trong quan hệ cung — cầu và diễn biến của thị trường, giá cả chung trong từng thời kỳ. Như vậy, bản thân cơ chế một giá đòi hỏi phải bảo đảm tính năng động, nhạy bén về chỉ đạo và quản lý giá; đồng thời cũng đòi hỏi phải tiến hành phân công, phân cấp quản lý giá cả hợp lý để việc chỉ đạo và quản lý có thể thực hiện được sâu sát và nhạy bén, đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất, kinh doanh. Các cơ quan cấp trung ương tập trung thống nhất quản lý giá những sản phẩm (vật tư và hàng hóa) quan trọng nhất, ảnh hưởng đến cân đối chung của toàn bộ nền kinh tế. Những sản phẩm mà việc sản xuất, lưu thông và tiêu dùng mang tính địa phương phải do địa phương (tỉnh, thành phố) quản lý. Các tổ chức kinh tế có tính toàn quốc và địa phương và các đơn vị cơ sở trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh cần có quyền quyết định giá trong những phạm vi và khuôn khổ nhất định để mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh, nhất là quyền tự chủ về tài chính. Việc mở rộng quyền quyết định giá cho địa phương và cơ sở, cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh sẽ nâng cao tính nhạy bén của công cụ giá phục vụ kịp thời yêu cầu đổi mới mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, gắn sản xuất với tiêu thụ, gắn sản xuất với thị trường, thỏa mãn tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Việc quản lý Nhà nước về giá cả sẽ được tăng cường qua sự phân công, phân cấp hợp lý, và vai trò điều chỉnh bằng các định mức, chế độ, luật pháp, vai trò kiểm tra, điều hòa phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước trở thành một *yếu tố quyết định* đối với sự hình thành và vận động của giá cả Nhà nước và toàn bộ giá cả hình thành trên thị trường xã hội, trong đó có một bộ phận thị trường chưa phải đã được trực tiếp kế hoạch hóa, chủ yếu là sản phẩm lưu thông trên thị trường địa phương, trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng sản phẩm đó.



Digitized by Google

# Mấy kinh nghiệm về cải tiến phân phối lưu thông, xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp ở tỉnh Long an

TÂN BÌNH

NĂM 1980, cũng như trong cả nước, tỉnh Long An đã gặp nhiều khó khăn lớn: nền kinh tế phải chịu hậu quả của chiến tranh biên giới tây nam và trận lũ lụt lớn chưa từng có cuối năm 1978 đã làm thiệt hại trên 1/2 tổng sản lượng nông nghiệp, những mục tiêu kinh tế — xã hội đề ra trong kế hoạch 5 năm thứ hai không đạt. Khối lượng hàng công nghiệp mà Long an nhận được từ trung ương mỗi năm một ít đi. Công tác thu mua nắm nguồn hàng gặp nhiều trở ngại, khó khăn. Quan hệ giữa tiền và hàng bị mất cân đối nghiêm trọng. Thương nghiệp tư nhân vẫn còn nhiều, đang hoạt động lũng đoạn thị trường. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đang diễn biến phức tạp. Sản xuất chậm phát triển, lực lượng hàng hóa trong tay Nhà nước ngày một giảm sút.

Trước tình hình đó, tỉnh Long an cho rằng: *muốn sản xuất phát triển, phải tháo gỡ vướng mắc từ khâu phân phối — lưu thông.* Do đó, sau khi có nghị quyết số 26 — NQ/TƯ của Bộ chính trị trung ương Đảng (khóa IV), Tỉnh Long an *bắt tay ngay vào việc cải tiến công tác phân phối — lưu thông* trong hoàn cảnh vốn hàng hóa ban đầu và cơ sở vật chất trong tay của địa phương thật eo hẹp.

Để tháo gỡ những vướng mắc trong phân phối — lưu thông, trước tiên tỉnh Long an tập trung chỉ đạo làm tốt việc *chuyển thương nghiệp từ hành chính bao cấp sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở một cơ chế giá thích hợp*, từng bước tiến lên làm chủ thị trường, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo ra một động lực mới thường xuyên cho nền kinh tế.

Mục tiêu của phương án cải tiến phân phối — lưu thông trên đây là nhằm kích thích và thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh kinh doanh, từng bước xóa bỏ chế độ quan liêu — bao cấp, cải tiến phương thức mua bán với giá cả hợp lý để Nhà nước *nắm được hàng, tiền*, từng bước cân đối ngân sách và tiền mặt, đấu tranh để ổn định giá cả và thị trường và cải tạo công thương nghiệp tư doanh, góp phần cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Trên cơ sở đó, giải quyết vấn đề đời sống cho người lao động, trước hết là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

Tỉnh Long an đã nhận thức rất sớm rằng: vấn đề mấu chốt của phân phối lưu thông là *Nhà nước phải nắm được hàng, tiền.* Sở dĩ từ trước đến nay Nhà nước không nắm được hàng và tiền *là do chính sách giá cả và phương thức mua bán không phù hợp* với tình hình sản xuất, kinh doanh hiện nay.



Digitized by Google

Do đó, Tỉnh ủy chủ trương thực hiện chính sách *giá mua và giá bán trên cơ sở thỏa thuận*, gần sát giá thị trường (mua thấp hơn từ 10 — 15%, bán thấp hơn từ 5 — 15%). Về phương thức mua bán, lúc đầu Tỉnh ủy dùng chính sách *giá mua thỏa thuận* để nắm hàng và quay vòng vốn kinh doanh; khi đã có vốn thì phải nhập cho được một số vật tư cần thiết bao gồm phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu... để thực hiện *hợp đồng hai chiều ứng trước* cho nông dân, nhằm chủ động nắm hàng nông sản chủ yếu với giá ổn định, không phải tung tiền ra thị trường. Đối với số nông sản còn lại, tỉnh thu mua theo giá thỏa thuận để nắm thêm nông sản vào tay Nhà nước, không để hàng nông sản lọt vào tay tư thương. Về bán ra, tỉnh *thực hiện thống nhất một hệ thống giá*, xóa bỏ chế độ cung cấp hàng hóa theo tem phiếu, bìa, sổ mua hàng. Những người được hưởng chế độ cung cấp hàng hóa được *bù giá đủ tiêu chuẩn và theo đúng giá bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh.*

Qua 5 năm thực hiện phương án cải tiến quản lý trên đây, tỉnh Long an đã thu được kết quả tốt:

— Do sự tác động của cơ chế quản lý mới (giá cả và phương thức mua bán), sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp đều phát triển. Về nông nghiệp, mặc dù năm 1984 bị lụt lớn, giá trị tổng sản lượng vẫn cao hơn các năm trước (năm 1980: 2 171 triệu đồng; năm 1983: 2 396 triệu đồng; năm 1984: 2 279 triệu đồng). Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp tăng lên rõ rệt (năm 1980: 282 triệu đồng; năm 1983: 675 triệu đồng; năm 1984: 951 triệu đồng).

— Việc huy động nguồn hàng vào tay Nhà nước tăng lên nhanh chóng, không những bảo đảm đóng góp với Trung ương, phân phối cho cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang, mà còn có lực lượng hàng hóa bán ra để ổn định giá cả thị trường.

Năm 1980, tỉnh huy động lương thực đạt 61 400 tấn, mua heo được 1 168 tấn, mua đường được 502 tấn, mua vải được 2 251 000 mét; đến năm 1984 các mặt hàng này tăng lên khá nhanh: lương thực: 138 000 tấn, heo: 7 200 tấn; đường 3 971 tấn; vải 4 797 000 mét.

— Việc bán ra được đẩy mạnh. Doanh số bán lẻ thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán năm 1984 tăng lên gấp nhiều lần so với năm 1980. Vòng quay vốn lưu động của ngành thương nghiệp năm 1980 là 4,3 vòng, đến năm 1984 vòng quay vốn này tăng lên 8,3 vòng. Nhờ bán hàng ra một cách bình thường, nên thương nghiệp đã góp phần điều tiết được cung — cầu về hàng hóa và xóa bỏ những nhu cầu giả tạo do chế độ hành chính bao cấp tạo ra. *Ví dụ*: chỉ riêng việc bù giá lương thực năm 1984, tỉnh Long an đã dành ra được gần 3 000 tấn gạo mà đáng lẽ phải bán theo tiêu chuẩn cho công nhân viên chức và lực lượng vũ trang. Từ tháng 2 năm 1985 đến tháng 5 năm 1985, do thống nhất việc bù giá lương thực trong toàn tỉnh, Long an đã dành ra được trên 1 000 tấn gạo. Các mặt hàng thiết yếu khác cũng xảy ra trường hợp tương tự.

— Việc đóng góp cho Trung ương 5 năm liền đều hoàn thành kế hoạch. Kim ngạch xuất khẩu năm 1984 đạt 6 triệu rúp, đô la, gấp 12 lần so với năm 1981. Ngân sách địa phương 5 năm liền đều có bội thu và cân đối. Năm 1984, tổng thu ngân sách địa phương gấp 20 lần năm 1980, trong đó thu từ kinh tế quốc doanh tăng 24 lần, thu từ kinh tế tập thể, cá thể tăng 13,4 lần. Số thu từ kinh tế quốc doanh ngày một tăng và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng số thu ngân sách địa phương (năm 1984 tỷ trọng này chiếm gần 40%). Khối lượng tiền mặt cũng tăng lên gấp bội. Tổng số thu tiền mặt năm 1984 gấp 11,2 lần so với năm 1980



Digitized by Google

(trong khi đó chỉ số giá cả năm 1981 so với năm 1980 là 6 lần). Vòng quay tiền mặt năm 1980 là 2,1 vòng, năm 1984 là 8,3 vòng. Vào thời vụ thu mua, tiền mặt có phần căng thẳng, nhưng nhìn chung, với tiến độ tăng thu tiền mặt, nhờ thực hiện phương thức kinh doanh và giá kinh doanh cho nên tỉnh đã điều tiết được thị trường, tập trung một khối lượng khá lớn tiền mặt đang trôi nổi trong lưu thông vào tay Nhà nước. Chính nhờ đó mà tỉnh Long an đã đáp ứng được nhu cầu tiền mặt tại địa phương theo kế hoạch hằng năm đề ra.

Để đáp ứng yêu cầu kinh doanh tránh tiêu hao lực lượng hàng hóa, tỉnh Long an đã nhiều lần *điều chỉnh giá kinh doanh thương nghiệp và mức bù giá cho cán bộ, công nhân, viên chức*. Thực hiện bù giá theo đúng chế độ tiêu chuẩn định lượng của Trung ương và điều chỉnh giá, bù giá đủ và kịp thời theo giá kinh doanh, Tỉnh ủy Long an đã bảo đảm trọn vẹn tiêu chuẩn cung cấp hàng hóa; ngoài ra, trên cơ sở tính toán các mặt nhu cầu thiết yếu khác, địa phương còn phụ cấp thêm 100% lương chính mới để giảm bớt khó khăn trong đời sống công nhân, viên chức. Chính nhờ đó, trong 5 năm qua, tỉnh Long an đã ổn định được đội ngũ công nhân, viên chức của tỉnh, tránh được những hiện tượng xin nghỉ việc và bỏ việc như những năm 1979 — 1980.

Đối với nông dân và thợ thủ công, phương thức mua bán theo giá thỏa thuận này là rất thích hợp. Họ không còn khó chịu khi bán hàng cho Nhà nước vì quan hệ mua bán rất sòng phẳng, vì chính sách giá cả đủ bảo đảm được chi phí sản xuất và có lãi thỏa đáng cho người sản xuất. Đặc biệt là đối với hợp đồng hai chiều ứng trước tư liệu sản xuất, nông dân kể cả những người nghèo ít vốn, cũng đều có thể nhận đủ tư liệu sản xuất, bảo đảm thời vụ gieo trồng. Do đó, quan hệ giữa Nhà nước và nông dân về kinh tế được gắn bó thêm, hạn chế được quan hệ mua bán giữa tư thương và người sản xuất.

Việc chống tiêu cực trong nội bộ kinh tế quốc doanh cũng có những hiệu quả rõ rệt: Tình trạng lợi dụng, bớt xén, móc ngoặc, cửa quyền đã không còn cơ sở để nảy mầm và phát triển. Số vụ vi phạm giảm nhiều so với khi còn thực hiện chế độ cung cấp hàng hóa.

Để tiếp tục nhiệm vụ cải tiến quản lý kinh tế, Tỉnh ủy Long an đã có nghị quyết *cải tiến quản lý kinh tế toàn diện bao gồm công nghiệp, nông nghiệp và phân phối lưu thông*. Từ tháng 3-1985, tỉnh đã tiến hành thí điểm việc cải tiến quản lý ở hai xí nghiệp dệt và gỗ. Qua việc hạch toán đủ chi phí thực tế cần thiết vào giá thành sản phẩm của 6 triệu mét vải, mặc dù chi phí máy móc thiết bị tăng 5 lần, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng tăng 43% so với trước; giá bán lẻ 1 mét vải mới hình thành vẫn thấp hơn giá thị trường từ 7 đến 66%. Ba lợi ích đều được giải quyết thỏa đáng; tích lũy Nhà nước tăng 30 triệu đồng một năm tích lũy xí nghiệp tăng 25 triệu đồng một năm; thu nhập bình quân của công nhân viên chức là 2 041đ/tháng, tăng 660 đồng/1 tháng so với năm 1984; và ngân sách Nhà nước xóa bỏ được khoản chi bù lỗ và bù giá là 233 triệu đồng năm 1985.

Phương án cải tiến quản lý phân phối lưu thông trên đây đã thực hiện ở Long an qua 5 năm, lúc đầu có gặp nhiều khó khăn khách quan cũng như chủ quan, nhất là phải đấu tranh chống những tư tưởng bảo thủ, ngại khó, muốn giữ lại cơ chế quan liêu — bao cấp, không muốn vươn lên theo cái mới. Đến nay, Long an đã vượt qua những khó khăn đó và đã thu nhiều kết quả và thắng lợi trên nhiều mặt: từ chỗ không nắm được hàng, tiền, để thị trường rối loạn đến chỗ nắm ngày



Digitized by Google

càng nhiều hàng hóa, làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Trung ương, tăng cường xuất khẩu và chi phối được thị trường và giá cả. Hiện nay, trên thị trường Long an, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã làm chủ được 9 mặt hàng thiết yếu đối với đời sống nhân dân, những vật tư chủ yếu phục vụ nông nghiệp và một số mặt hàng quan trọng khác. Thương nghiệp tư nhân được sắp xếp lại và hoạt động dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa năm 1980 chỉ chiếm 28% doanh số bán lẻ, đến năm 1984 đã chiếm trên 40% doanh số bán lẻ trên thị trường xã hội. Ngân sách bội thu 5 năm liền, Long an đã bước đầu làm chủ thu chi tiền mặt, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của địa phương, xóa bỏ được bù lỗ sản xuất và kinh doanh. Long an đã nhanh chóng ổn định được đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, làm cho nhân dân lao động phấn khởi đẩy mạnh sản xuất và thúc đẩy tăng năng suất lao động xã hội.

★

Thực tiễn công tác cải tiến quản lý phân phối lưu thông ở Long an và những kinh nghiệm trên đây trong 5 năm qua đã cho phép chúng ta rút ra những kết luận sau đây:

*Một là*, muốn xóa bỏ cơ chế quan liêu – bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, *trước hết phải có một cơ chế giá cả hợp lý, phản ánh đúng thực tế tình hình sản xuất, kinh doanh.*

Kinh nghiệm thực tế ở Long an đã cho ta thấy: khi tình hình sản xuất và kinh doanh đã thay đổi, nếu ta vẫn giữ giá chỉ đạo của Nhà nước một cách cứng nhắc thì chúng ta sẽ bị thua lỗ trong kế hoạch làm ăn và chịu sức ép kinh tế ở nhiều phía. Vì giá chỉ đạo không đúng, thì không những Nhà nước không nắm được hàng mà còn kìm hãm việc phát triển sản xuất; không những không có đủ hàng để bán ra bình thường để lãnh đạo thị trường; Nhà nước không những không nắm được tiền, mà còn làm căng thẳng thêm cân đối tiền – hàng và cân đối thu – chi tiền mặt; không những ngân sách phải bỏ ra số tiền lớn để bù lỗ, bù giá cho sản xuất, kinh doanh, mà còn gây ra nhiều mặt tiêu cực trong sản xuất kinh doanh trên thị trường xã hội.

Chúng ta không thể để giá cả tự phát theo quy luật cung cầu, chạy theo đuôi giá cả thị trường, nhưng chúng ta cũng không thể giữ giá một cách cứng nhắc trong một thời gian quá dài, không tính đến những thay đổi của các yếu tố hình thành giá cả. Ở đây Tỉnh ủy Long an đã vận dụng linh hoạt chính sách giá cả, đã sử dụng giá cả như một *đòn xeo* thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, đưa đến kết quả là Nhà nước nắm được hàng, tiền, quản lý tốt thị trường và giá cả, ổn định được đời sống cán bộ, công nhân, viên chức.

*Hai là*, đi đôi với cải tiến cơ chế giá cả và đẩy mạnh kinh doanh cần phải *giải quyết kịp thời và đúng mức vấn đề tiền lương và thu nhập thực tế của người lao động*, nhất là tiền lương của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

Trong một thời gian dài, chế độ bao cấp trong phân phối và chế độ tiền lương thấp đã làm nảy sinh nhiều tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội. Khi tình hình này trở thành phổ biến thì kỷ cương của Nhà nước không giữ nổi, năng suất lao động, ngày công, giờ công đều giảm, sản xuất và công tác của mỗi người, mỗi cơ sở đều giảm sút nghiêm trọng.

Vì vậy, đi đôi với vấn đề cải tiến cơ chế giá cả, phải kịp thời *giải quyết*

*(Xem tiếp trang 66)*



Digitized by Google

# Những kết quả tích cực của việc bù giá vào lương, từng bước đưa lương vào giá thành sản phẩm ở Quảng nam – Đà nẵng

TÙNG VÂN

Cơ chế quan liêu – bao cấp trên lĩnh vực phân phối lưu thông thể hiện ở giá – lương – tiền đã gây nhiều tác động tiêu cực đối với tình hình kinh tế xã hội.

Tỉnh ủy Quảng nam – Đà nẵng nhận thức rằng *phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế quan liêu – bao cấp, chuyển hàn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa* theo tinh thần các Nghị quyết hội nghị thứ sáu và thứ bảy của Ban chấp hành trung ương Đảng thì mới phát triển được sản xuất, ổn định được đời sống, và có tích lũy để công nghiệp hóa. Với tinh thần đó, Tỉnh ủy đã ra nghị quyết số 23 về việc *tiến hành bù giá các mặt hàng cung cấp định lượng đưa vào tiền lương và từng bước đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm.*

Đó là một chủ trương đúng, xuất phát từ sự quán triệt các quan điểm của Đảng về cải tiến cơ chế quản lý kinh tế hiện nay. Bù giá vào tiền lương là bước đầu của việc xóa bỏ cơ chế quan liêu – bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Những cán bộ, công nhân, viên chức, những người ăn theo, những người khác trước đây được lĩnh tem phiếu cung cấp, từ nay được bù giá vào tiền lương. Từ nay, những người này không cần dùng tem phiếu nữa (riêng gạo thì còn bán theo sổ). Từ nay trong tỉnh thi hành chính sách một giá, không còn có chênh lệch giá, không còn bù lỗ cho ngành thương nghiệp và lương thực.

Các mặt hàng được bù giá vào tiền lương là 9 mặt hàng cung cấp định lượng và 9 mặt hàng cung cấp không định lượng. Việc định mức giá để tính bù vào tiền lương căn cứ vào giá kinh doanh thương nghiệp của tỉnh. Tỉnh quyết định phụ cấp 20% tổng số tiền lương sau khi đã bù giá để ổn định và cải thiện một bước đời sống của người làm công ăn lương, đồng thời bãi bỏ các trợ cấp vào các ngày lễ, tết... Nếu sau này giá cả thị trường thay đổi thì tỉnh sẽ định lại giá.

Đưa ra những chủ trương trên đây, Tỉnh ủy Quảng nam – Đà nẵng đã quán triệt quan điểm của Đảng về tiền lương, coi tiền lương là một *yếu tố trong giá thành sản phẩm*. Lâu nay, việc đưa tiền lương vào giá thành sản phẩm mới phản ánh một phần bằng tiền, phần hiện vật còn để ngoài giá thành. Tình hình này đã làm cho tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh không gắn chặt với kết quả cuối cùng của người lao động, của đơn vị sản xuất và chưa phản ánh đầy đủ hao phí lao động sống (V)



Digitized by Google

trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, cùng với việc tiến hành bù giá vào tiền lương, Tỉnh ủy đã quyết định trong quý II năm 1985, *làm thử việc từng bước đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm ở 12 xí nghiệp do tỉnh quản lý và mỗi huyện làm thử một xí nghiệp.*

Để thực hiện chủ trương bù giá vào tiền lương và từng bước đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm đạt kết quả tốt, Tỉnh ủy đã đề ra những biện pháp sau đây :

Một là, mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ; thay đổi phương thức kinh doanh thương nghiệp. Đẩy mạnh việc thu mua nắm nguồn hàng, bảo đảm quỹ hàng hóa, có hàng hóa bán bình thường cho công nhân, viên chức và nhân dân theo chính sách giá đã bù, nhằm ổn định giá cả thị trường.

Hai là, quản lý thị trường, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh trên nhiều mặt, áp dụng hình thức hợp tác kinh doanh đối với các hộ tư nhân loại A và B để Nhà nước quản lý doanh thu, nắm hàng, nắm tiền.

Ba là, cải tiến công tác ngân hàng để Nhà nước nắm được tiền, đẩy mạnh vòng quay vốn, vận động gửi tiền tiết kiệm, mua công trái v.v.

Bốn là, khai thác nguồn thu, hạn chế chi tiêu hành chính, thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm để bảo đảm cân đối ngân sách và không đảo lộn kế hoạch chi ngân sách, nhất là phần bù giá vào tiền lương và đầu tư xây dựng cơ bản.

★

Bắt đầu từ tháng 4-1985, tỉnh Quảng nam — Đà nẵng đã tiến hành bù giá vào tiền lương và từng bước đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành ở một số xí nghiệp. Sau hai tháng thực hiện chủ trương trên, tuy có gặp nhiều khó khăn, phức tạp, kết quả bước đầu đã chứng tỏ cách làm mới này là có tác dụng tích cực trên nhiều mặt.

*1—Chuyển từ cấp phát tem phiếu sang cấp phát bằng tiền.*

Thực hiện chủ trương trên đây, tỉnh Quảng nam — Đà nẵng đã làm được một việc thay đổi lớn trong phân phối — lưu thông là xóa bỏ chế độ cấp tem phiếu, áp dụng thống nhất chế độ trả lương hoàn toàn bằng tiền, thi hành chính sách một giá, xác lập quan hệ mua bán bình thường, bài trừ được những hiện tượng mua bán tem phiếu, nhân viên thương nghiệp không còn chỗ để lợi dụng chênh lệch giá, v.v. Bỏ tem phiếu, lĩnh lương bằng tiền, gia đình cán bộ, công nhân, viên chức chi tiêu được chủ động hơn, cần hàng gì thì mua thứ hàng ấy, không cần thì không mua, mua bán khỏi phải xếp hàng dài, chờ đợi lâu như trước đây.

Khi chuẩn bị thực hiện bù giá vào tiền lương, vấn đề đầu tiên là phải xác định lại số người được cấp bù giá, làm cơ sở để xác định tổng quỹ lương để làm dự toán ngân sách và tiền mặt. Theo dự toán lúc đầu, thì số cán bộ, công nhân, viên chức và người ăn theo (chưa kể đối tượng cứu tế xã hội) và số tiền bù giá vào tiền lương mỗi tháng của khối trung ương có 88 203 người với số tiền dự toán cấp bù 81,4 triệu đồng, khối tỉnh có 72 175 người với số tiền dự toán cấp bù là 66,3 triệu đồng. Nhưng khi soát xét lại để cấp phát tiền lương thực tế và quyết toán, thì số người được cấp phát ở khối trung ương chỉ còn 61 931 người, giảm 26 269 người và ở khối tỉnh chỉ còn 63 010 người, giảm 9 165 người ; đồng thời số tiền cấp phát thực tế ở khối trung ương chỉ còn 43,7 triệu đồng ; giảm 37,7 triệu đồng, ở khối tỉnh chỉ còn 50,1 triệu đồng, giảm 16,2 triệu đồng.



Digitized by Google

Hiện nay, khối của huyện và số người thuộc diện chính sách cứu tế xã hội đang được làm quyết toán. Kết quả bước đầu đã phát hiện hàng trăm trường hợp cấp sai chế độ, khai gian số người để lĩnh tem phiếu lương thực, làm dôi ra số lượng khá lớn lương thực và tem phiếu.

Nói chung, tổng số người sau khi thực hiện bù giá vào tiền lương, kể cả ba khối: trung ương, tỉnh và huyện, thấp hơn số người trước khi bù giá vào tiền lương. Do số người giảm, cho nên tổng quỹ lương cũng giảm so với dự kiến. Hiện nay, tỉnh đang chỉ đạo các ngành tiếp tục làm quyết toán đầy đủ chính xác để làm rõ những hiện tượng tiêu cực được che đậy bởi chế độ cấp phát bằng tem phiếu.

2 — *Chuyển hướng kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, mở rộng mạng lưới thương nghiệp, đẩy mạnh thu mua, nắm nguồn hàng.*

Việc thực hiện chủ trương bù giá vào tiền lương đã có tác động thúc đẩy các ngành thương nghiệp và lương thực chuyển mạnh sang phương thức hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ngành thương nghiệp đã xây dựng lại phương án cân đối lực lượng hàng hóa, khai thác nguồn hàng, mở rộng mạng lưới; chỉ trong hai tháng 4 và 5-1985 đã mở thêm 20 cửa hàng, 90 điểm bán hàng, 169 quầy hàng, 267 đại lý, 1167 ghế ăn uống và 65 tổ bán hàng lưu động; đồng thời, tăng giờ bán hàng. Đi đôi với việc mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh, ngành thương nghiệp đã tổ chức được 52 cửa hàng hợp tác kinh doanh giữa Nhà nước và tư nhân. Riêng thành phố Đà Nẵng tổ chức được 42 cửa hàng bao gồm 406 hộ với tổng số vốn gần 20 triệu đồng. Do đó, Nhà nước nắm được tiền, hàng, thu được thuế và lãi tốt hơn. Ngành lương thực vừa làm tốt việc huy động lương thực, vừa tổ chức lại mạng lưới bán gạo cho cán bộ, công nhân, viên chức, bảo đảm bán gạo tốt cho người tiêu dùng. Chỉ trong thời gian một tháng, ngành lương thực đã mở thêm 53 cửa hàng với 193 điểm bán hàng. Người mua gạo muốn mua ở cửa hàng nào cũng được, không còn tình trạng xếp hàng như trước đây.

Kết quả đáng phấn khởi là qua hai tháng tiến hành bù giá vào tiền lương, doanh số bán ra của hai ngành thương nghiệp và lương thực đều tăng lên rõ rệt: tổng giá trị hàng hóa bán ra của ngành thương nghiệp trong tháng 3-1985 là 333 triệu đồng, đến tháng 5-1985 là 405 triệu đồng, tăng 72 triệu đồng; tổng số tiền bán gạo của ngành lương thực trong tháng 3-1985 là 19 triệu đồng, đến tháng 5-1985 là 105 triệu đồng, tăng 86 triệu đồng.

3 — *Thực hiện bù giá vào tiền lương không làm bội chi tiền mặt, giá cả thị trường vẫn ổn định, đời sống cán bộ, công nhân được cải thiện.*

Thực hiện bù giá vào tiền lương là chuyển từ ngân sách cấp bù lỗ, bù chênh lệch giá sang trả tiền trực tiếp cho người làm công ăn lương, bỏ chế độ mua thấp, bán thấp gần như cho không. Ngân sách không tăng do bù giá vào tiền lương. Qua 2 tháng làm thử, kết quả tiền mặt thu được trong hai tháng (tháng 4 và 5-1985) tăng lên: tháng 4 thu tăng hơn tháng 3 là 190 triệu đồng, tháng 5 thu tăng hơn tháng 3 là 303 triệu đồng. Rõ ràng, việc thực hiện bù giá vào tiền lương không làm bội chi tiền mặt, trái lại còn bội thu.

Khi bắt đầu thực hiện việc bù giá vào tiền lương một số công nhân, viên chức băn khoăn, lo lắng, cho rằng Nhà nước sẽ không đủ tiền, không đủ hàng, giá cả sẽ tăng lên và đời sống sẽ khó khăn hơn. Nhưng thực tế hai tháng qua cho thấy tình hình giá cả thị trường vẫn ổn định, chính quyền tỉnh dự kiến phát lương mỗi tháng 2 lần, thực tế chỉ phát 1 lần; đối với các mặt hàng thiết yếu, cán



Digitized by Google

bộ công nhân vẫn mua bình thường theo giá bù. Nói chung, sau khi bù giá vào tiền lương, đời sống công nhân viên chức được bảo đảm ổn định và có phần cải thiện hơn trước.

*4 — Sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng.*

Cùng với việc bù giá vào tiền lương, việc từng bước đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm đã làm thử ở 6 xí nghiệp do tỉnh quản lý và một số xí nghiệp do huyện quản lý. Qua 2 tháng làm thử, giám đốc xí nghiệp phát huy được quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý sản xuất kinh doanh; công nhân phấn khởi; sản xuất phát triển; năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao hơn trước, tiêu hao vật tư nhiên liệu giảm xuống. Ở xí nghiệp dệt Hòa khánh, sản lượng vải vượt mức kế hoạch 5,1%; ở xí nghiệp xi măng Thủy tú, mức sản xuất tháng 4-1985 tăng hơn mức sản xuất tháng 3-1985: xi măng P. 300 tăng 11,1%, xi măng trắng tăng 24,3%, gạch xi măng tăng 112,9%. Năng suất lao động ở tất cả các xí nghiệp làm thử đều tăng lên từ 12 đến 40%; có xí nghiệp năng suất lao động tăng rất nhanh như ở xí nghiệp gạch ngói Thăng bình, năng suất lao động tháng 4-1985 tăng lên 6 lần so với tháng 3-1985 v.v. Do đó, thu nhập của công nhân cao hơn trước, giá thành sản phẩm và giá bán lẻ tuy có tăng lên, song vẫn được khách hàng chấp nhận, lãi định suất và thu quốc doanh vẫn bảo đảm.

Qua việc làm thử chính sách bù giá vào tiền lương và từng bước đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm ở một số xí nghiệp, Tỉnh ủy Quảng nam — Đà nẵng đã thu được nhiều điều bổ ích trong công tác quản lý kinh tế, phát huy được ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chống những biểu hiện tiêu cực trong xã hội, cũng như trong bộ máy Nhà nước, xây dựng được thái độ lao động và tinh thần phục vụ đúng đắn trong các xí nghiệp và cửa hàng quốc doanh. Đồng thời, Tỉnh ủy cũng thấy rõ hơn tác hại của cơ chế quan liêu — bao cấp trong các chính sách giá — lương — tiền. Từ đó, Tỉnh ủy đã nhận thức sâu sắc rằng, có xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp trong các chính sách giá — lương — tiền, thực hiện được việc bù giá vào tiền lương và đưa tiền lương đã bù giá vào giá thành sản phẩm, thì mới giải quyết được bế tắc trong sản xuất và kinh doanh, tạo ra một chuyển biến mới trong cung cách làm ăn của các ngành kinh tế, gây được không khí phấn khởi sản xuất, góp phần cải thiện được đời sống nhân dân lao động.

Digitized by Google

# «Phi thương bất phú»

THANH THANH

«PHI thương bất phú» có nghĩa là không buôn bán thì không giàu. Qua đó, cũng có thể hiểu là: muốn giàu thì phải buôn bán.

Buôn bán dễ có khả năng trở nên giàu có là hiện tượng có thật trong xã hội. Bởi vậy, dưới chế độ cũ, «phi thương bất phú» đã trở thành nhân sinh quan của nhiều lớp người. Không phải chỉ những người lao động, dân nghèo, ít chữ nghĩa, lép vế mới tính đến chuyện buôn bán để ngoi lên. Ngay nhiều kẻ tai to mặt lớn, nhiều kẻ vốn đã lắm tiền, nhiều của, công chức, quan lại cỡ bự cũng thích buôn bán để còn «phất» to. Người ít vốn thì buôn bán có con, kẻ nhiều tiền thì buôn bán lớn. Bọn sừng sỏ vừa lắm tiền của vừa có chức có quyền còn dùng cả quyền hành, thế lực phục vụ cho việc buôn—bán, chạy các ấp phe đặc biệt. Nhiều tên trong bọn này không chỉ buôn bán ở trong nước mà còn vươn ra thị trường nước ngoài, trở thành «triệu phú», «tỷ phú»...

Tuy giữa những người buôn bán nhỏ và những người buôn bán lớn có khác nhau về thái độ chính trị, về thủ đoạn buôn bán, về mức độ giàu có và sự khác nhau đó nhiều khi rất lớn, nhưng họ đều gặp nhau ở một điểm: đã buôn bán thì phải có mánh khoé khôn ngoan, mua rẻ bán đắt, xoay xở, nhất là đối với những kẻ «máu mê», cay cú, có tư tưởng làm giàu thì sẵn sàng đổi trắng thay đen, làm mọi điều xấu xa, tội lỗi, cốt sao kiếm được nhiều lãi. Đó là bản chất của những người buôn bán trong xã hội cũ, và những thủ đoạn xấu xa ấy chính là những phương tiện đưa họ đến giàu có.

Tất nhiên trong cái xã hội làm ăn, buôn bán cạnh tranh, bon chen chạy theo đồng tiền, có những anh «phất» to, «phất» nhanh như diều gặp gió, tậu được biệt thự, đồn điền, «tậu» được cả nàng hầu, vợ bé, thì cũng có những anh «lên voi xuống chó», «thất cơ lỡ vận».

Buôn bán về bản chất là như vậy, cho nên trước đây trong dân gian đã có câu «tráo trở như bọn con buôn», «lật lọng như giọng lưỡi con buôn». Và bằng câu «nhất sĩ, nhì nông, tam công, tứ thương», người ta xếp nghề buôn bán, người buôn bán vào hạng cuối cùng của xã hội. Với chúng ta, những người theo quan điểm chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng ta biết rằng việc xếp thứ hạng như vậy là không đúng, nhưng nói thế để thấy rằng, ngay trong xã hội cũ người ta cũng đã thấy những cái tiêu cực của nghề buôn bán.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, vấn đề buôn bán được đặt ra hoàn toàn khác trước. Trước đây, dưới chế độ cũ, việc buôn bán chỉ mang tính chất tư nhân, vụ lợi, thì ngày nay Nhà nước xã hội chủ nghĩa trực tiếp nắm lấy việc buôn bán để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Công việc buôn bán, mà chúng ta quen gọi



Digitized by Google

là thương nghiệp đã trở thành một ngành hoạt động quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa là cái cầu nối liền sản xuất với tiêu thụ, là người nội trợ đảm đang của xã hội. Trên cơ sở nắm vững chức năng, nhiệm vụ của mình, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa càng mở rộng diện hoạt động và nâng cao chất lượng hoạt động bao nhiêu càng phục vụ đắc lực sản xuất và đời sống của nhân dân bấy nhiêu. Nó còn góp phần không nhỏ vào việc tạo ra nguồn vốn tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, khi cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt, quyết liệt thì trong lĩnh vực buôn bán, cuộc đấu giữa một bên là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và một bên là buôn bán tư nhân cũng diễn ra hết sức quyết liệt và phức tạp. Lê-nin đã gọi thương nghiệp là « khâu cơ bản trong các hình thức quá độ mà chúng ta phải dem toàn lực để nắm lấy » và Người dòi hỏi cán bộ, đảng viên phải gạt bỏ « tính huênh hoang cộng sản » để ra sức học tập buôn bán, học tập cách buôn bán của các chuyên gia tư sản và của ngay những người « buôn bán tầm thường ».

Ở miền Bắc nước ta, ngay từ khi bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc dẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đã nhanh chóng mở rộng mạng lưới hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, và đấu tranh hạn chế những mặt tiêu cực của tư thương. Ở thành phố Hà nội, đã có thời kỳ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chiếm lĩnh trên 80% thị trường bán lẻ và đã nắm hầu hết phần bán buôn những mặt hàng thiết yếu. Những địa phương khác ở miền Bắc cũng đạt được những kết quả tương tự. Nhờ vậy, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã góp phần tích cực vào việc ổn định đời sống của nhân dân, của cán bộ, công nhân viên chức và các lực lượng vũ trang, kể cả trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có rất nhiều khó khăn về mọi mặt.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong tình hình mới của đất nước, hoạt động thương nghiệp có những diễn biến khác trước. Chúng ta không chỉ đứng trước cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa mà còn phải đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt hết sức thâm độc của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, nhất là trên mặt trận kinh tế. Mặt khác, chúng ta lại hữu khuynh trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và có những khuyết điểm trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trong một thời gian dài và trong phạm vi cả nước, công tác cải tạo công thương nghiệp tư nhân bị buông trôi, để cho giai cấp tư sản, nhất là tư sản người Hoa, phục hồi và phát triển và để cho thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động, làm hỗn loạn trật tự kinh tế — xã hội. Số người đổ xô ra buôn bán trong mấy năm gần đây tăng lên rất nhanh, có đến khoảng 1,5 triệu người trong cả nước. Mấy năm nay, phần kinh doanh, buôn bán của tư thương đã phát triển nhanh chóng cả về doanh số lẫn tỷ trọng chiếm lĩnh thị trường. Tư thương không những đã mở rộng việc bán lẻ rất nhiều mặt hàng mà còn nắm bán buôn và cạnh tranh ráo riết với thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên một số mặt hàng và địa bàn quan trọng.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, buôn bán tư nhân ngoài mặt tích cực, vẫn mang những yếu tố tiêu cực. Phổ biến



Digitized by Google

là những hiện tượng phe phẩy, mua rẻ bán đắt, buôn gian bán lận, trốn thuế, lậu thuế... Bên cạnh những thủ đoạn thông thường ấy, có những lọn chuyên buôn bán lừa đảo, bán và làm hàng giả, tem phiếu giả, kết hợp buôn bán với chứa của ăn cắp, chứa hàng lậu, móc nối với lái tàu, lái xe và các nhân viên thoái hóa biến chất khác trong cơ quan Nhà nước để lấy cắp của công. Mấy năm gần đây còn xuất hiện các đường dây buôn lậu với nước ngoài kết hợp với buôn bán ngoại tệ, vàng bạc, thuốc phiện... Có những tên không chỉ buôn bán đơn thuần mà còn mang tính chất côn đồ lưu manh hoặc dính líu tới chính trị phản động.

Do các thủ đoạn buôn bán xấu xa của họ, do những khuyết điểm của chúng ta trong công tác quản lý, mấy năm qua — ở miền Nam cũng như miền Bắc — nhiều người buôn bán trở nên giàu có rất nhanh. Không chỉ là nhiều tư sản cũ phục hồi mà không ít tư sản mới đã xuất hiện.

Những kẻ « phất to », giàu nhanh, sống xa hoa, đài các, phè phỡn, nhiều khi đến lố lăng, kệch cỡm theo kiểu « trưởng giả học làm sang ». Họ chê bai những người sống chân chính, lương thiện, nghèo khó là « quỷnh », là « ngốc », là « không thức thời ». Họ luôn luôn đề cao đồng tiền, tôn thờ đồng tiền, chạy theo đồng tiền, coi « đồng tiền là tiên, là phật », là tất cả.

Những hành động tiêu cực của tư thương, nhất là của tư sản thương nghiệp, như buôn lậu, mua đi bán lại những mặt hàng chiến lược do Nhà nước quản lý, tranh mua tranh bán với các cơ quan quốc doanh, nâng giá, ép giá, « treo đầu dê bán thịt chó », đầu cơ tích trữ, v.v. đã làm hỗn loạn giá cả, thị trường, phá rối trật tự kinh tế — xã hội, gây nhiều khó khăn phức tạp cho công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, gây tác hại nghiêm trọng cho sản xuất và đời sống. Nó không chỉ phá rối kinh tế mà còn tác động tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội, tạo ra một tâm lý, một lối sống không lành mạnh, làm hư hỏng không ít cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước.

Do những tác động tiêu cực ấy của họ, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phải tích cực phấn đấu để đến năm 1985 hoàn thành về cơ bản việc cải tạo thương nghiệp tư nhân. Đặc biệt, cần sớm triệt để xóa bỏ tư sản thương nghiệp. Chuyển dần những người buôn bán nhỏ không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ khác.

Song, giữa lúc cần xúc tiến, việc cải tạo thương nghiệp tư nhân, lên án những thủ đoạn làm giàu bất chính, phê phán lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền thì một số cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước lại tấp tểnh nhảy ra buôn bán. Họ cũng bàn cãi, phân tích, nào là « phi thương bất phú », « nhân bất thương bất phú », tính chuyện làm giàu.

Làm giàu, nói rộng ra, có nhiều cách ; người làm giàu bằng cách này, người làm giàu bằng cách khác. Điều quan trọng là phải phân biệt rạch ròi giữa hai lối làm giàu : làm giàu chân chính và làm giàu bất chính. Chúng ta không chê trách những người làm giàu chân chính. Cái mà chúng ta cần đấu tranh phê phán là lối làm giàu bất chính. Làm giàu bất chính cũng có nhiều cách. Làm giàu bằng những thủ đoạn buôn gian bán lậu, những hành động phi pháp có tính chất bóc lột, phá hoại đời sống kinh tế — xã hội, trái với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là một cách làm giàu bất chính. Trên thực tế, không phải tất cả những người buôn bán đều là những người chóng giàu cả, cũng như không phải tất cả mọi người buôn bán đều là có hại cho đời sống kinh tế — xã hội. Chỉ với những thủ đoạn buôn bán bất chính, phi pháp,



Digitized by Google

lọt qua được tai mắt của cơ quan Nhà nước và của nhân dân, người buôn bán mới có thể giàu nhanh, giàu to. Song, làm giàu bằng những thủ đoạn buôn bán phi pháp, những hành động bất chính, tuyệt nhiên không thể là hướng suy nghĩ, là con đường đi tới của những người cán bộ, nhân viên Nhà nước có lương tâm, biết quý trọng phẩm giá, nhân cách của mình. Đối với những đảng viên là những người có giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa càng không bao giờ được mơ màng tới điều đó. « Phi thương bất phú », « không buôn bán không giàu » mà thực chất là làm giàu bất chính, luận điểm ấy hoàn toàn đối lập với nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa.

Phải nói rằng, trong mấy năm gần đây, trong một số cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước đã có những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chung quanh chuyện làm giàu. Một số người đã hăn vốn buôn bán, kinh doanh chung với tư sản. Một số người khác thuê mướn nhân công để kinh doanh, sản xuất thứ này, thứ khác như những nhà tư sản. Dù muốn hay không muốn, trên thực tế họ đã trở thành những người tham gia bóc lột, đứng về phía thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa. Một loại người khác đã làm giàu và đang mon men làm giàu bằng những hình thức khác : làm ăn phi pháp, buôn bán gian lậu, ăn hối lộ, ăn cắp tiền, hàng, tài sản của Nhà nước, của tập thể, móc nối, thông đồng với tư sản, gian thương và những phần tử xấu. Nhiều kẻ trong loại người này đã bị đuổi ra khỏi Đảng, khỏi cơ quan Nhà nước, nằm trong nhà giam hoặc đang chờ ngày ra trước vành móng ngựa.

Hiện nay, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Kẻ thù đang ra sức phá hoại ta về nhiều mặt. Một trong những âm mưu thâm độc của chúng là phá hoại tư tưởng, đạo đức và lối sống của chúng ta. Bởi vậy, những cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước chúng ta cần tỉnh táo, vững vàng, cảnh giác hơn bao giờ hết. Chúng ta quyết giữ vững tư tưởng, tình cảm, tâm hồn mình trong sáng, không để bị vẩn đục bởi tư tưởng làm giàu bất chính, bởi lối sống chạy theo đồng tiền phi pháp. Đó không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân mà còn là trách nhiệm của tập thể, của mỗi tổ chức Đảng, mỗi cơ quan, đơn vị ; và ngay những người giữ vai trò lãnh đạo trong mỗi tập thể ấy cũng cần cảnh giác với những tư tưởng sai trái của mình. Kinh nghiệm đã nhiều lần cho thấy : chủ nghĩa cá nhân không buông tha bất cứ một người nào thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện mình về phẩm chất cách mạng.



Digitized by Google

# «Chuyện được thua có thể biết được»

NHUẬN VŨ

Từ năm 1282, ngay sau khi được tin quân Nguyên kéo sang xâm lược Cham-pa, triều đình nhà Trần đã xác định đây là bước đầu trong kế hoạch « Nam chinh » rộng lớn của Hốt Tất Liệt và đây cũng là bước chuẩn bị của triều Nguyên cho cuộc chiến tranh xâm lược mà chúng sẽ tiến hành chống Đại Việt.

Từ nhận định chiến lược sáng suốt đó, triều đình nhà Trần khẩn trương tiến hành ngay các bước chuẩn bị trên mọi lĩnh vực cho việc phòng thủ đất nước.

Trước hết và trên hết, triều đình nhà Trần chú trọng xây dựng tinh thần sẵn sàng xả thân vì nước, quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ Tổ quốc. Tinh thần, quyết tâm này, kế thừa của tổ tiên, từ vua, tướng lĩnh, binh sĩ đến người dân thường đều thấm nhuần, đã kết tinh trong hai chữ « giết giặc » được xăm trên cánh tay nhiều người. Tinh thần quyết chiến gắn bó triều đình nhà Trần với quân và dân trong nước thành một khối đoàn kết vững mạnh, nền tảng của chiến lược « cử quốc nghênh địch » (đưa sức mạnh cả nước ra đánh giặc), của thế trận chữ « nhân » trong đó « một người làm một trận, nghìn vạn người làm một trận ». « Vua tôi đồng tâm, anh em hòa thuận, cả nước góp sức » (1). Khối đoàn kết này bắt nguồn từ tinh thần quyết chiến và có tác dụng củng cố và tăng cường tinh thần quyết chiến. Các vị đại biểu dầu bạc được vua Trần mời từ bốn phương tụ họp tại điện Diên hồng vào đầu năm 1285 đồng thanh hô : đánh ! Để có thể đánh thắng một kẻ thù đông, mạnh hơn ta gấp bội và lúc đó vừa diệt xong Nam Tống, thì cả nước phải toàn lực, toàn tâm, toàn chí hướng về một mục tiêu cao nhất này. Chính vì thế, một số người trong tôn thất nhà Trần đã gạt sang một bên những hiềm khích riêng tư để cùng chung lo việc nước, đối phó với quốc nạn. Trên, dưới, cả nước một lòng, đấy thật sự là khí thế chuẩn bị ra quân đánh giặc Nguyên, cứu nước của Đại Việt.

Từ quyết đánh dẫn ngay đến đánh như thế nào để thắng. Ngay từ năm 1282, vua Trần đã triệu tập hội nghị Bình than gồm các vương hầu và quan lại, tướng lĩnh cao cấp để bàn và vạch kế hoạch kháng chiến. Sau hội nghị này, công cuộc chuẩn bị về quân sự được tiến hành khẩn trương. Tổ chức, xây dựng lực lượng quân

(1) Lời Trần Quốc Tuấn căn dặn vua Trần năm 1300 trước lúc từ trần. *Lịch sử Việt nam*. Nxb Khoa học xã hội. 1976 Hà nội. t. I, tr. 215.



Digitized by Google

sự và huấn luyện quân sự đã diễn ra khắp nước. Đến một thiếu niên trong hàng ngũ vương hầu như Trần Quốc Toản cũng hăng hái mộ quân để trực tiếp tham gia đánh giặc. Quân triều đình, quân các lộ, dân quân các thôn xóm ngày đêm luyện tập. Các thói chơi bời sa đọa bị gạt bỏ, vì "cựa gà không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh" (2). Trần Quốc Tuấn viết *Binh thư yếu lược* lệnh cho các tướng sĩ "chuyên tập sách này" (3) và nghiêm khắc cảnh cáo "nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, thì trọn đời là nghịch thù" (1). Lý luận quân sự, sản phẩm của tư duy quân sự của vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn, kết tinh của những kinh nghiệm chiến tranh giữ nước từ các thời trước, đã được ghi thành văn bản và được sử dụng làm nền tảng cho chiến lược, chiến thuật của quân và dân ta thời Trần. Nhiều cuộc diễn tập và duyệt binh lớn được tổ chức tại kinh thành và một số lộ xung yếu.

Thế giặc Nguyên rất mạnh, triều đình nhà Trần thấy rõ không thể đánh bại được chúng tại những ải địa đầu của Tổ quốc như Ngô Quyền, Lê Hoàn đã làm, cho nên dự kiến cả những tình huống xấu nhất có thể xảy ra, kể cả việc mất kinh thành. Vì thế, trong công cuộc chuẩn bị phòng thủ đất nước, triều đình nhà Trần đã xây dựng những khu vực thoái thủ chiến lược như các lộ ở vùng đông bắc ven biển (Hải phòng – Quảng ninh), các vùng Thiên trường (Nam định), Trường yên (Ninh bình) và Hoan Diễn (Nghệ an – Thanh hóa). Các vùng đó có địa hình hiểm trở, sông ngòi chi chít bất lợi cho sự triển khai của quân Nguyên đông đảo, đặc biệt là kỵ binh, binh chủng lợi hại của chúng. Mặt khác, triều Trần muốn tận dụng thủy quân khá hùng hậu của mình. Quan trọng hơn hết, đây là những vùng căn cứ "tiến có thể đánh, lui có thể giữ", đóng vai trò bàn đạp cho những cuộc phản công mà phía ta dự định sẽ tiến hành sau giai đoạn "đến ồ ạt như lửa cháy, gió thổi" của quân Nguyên.

Trong công cuộc chuẩn bị hậu phương và căn cứ này, triều Trần rất chú trọng xây dựng và duy trì lực lượng dự bị chiến lược tại hai châu Hoan – Ái (Nghệ an – Thanh hóa), nơi dồi dào nhân lực thiện chiến. Chính nhờ vậy mà khi phải rút lui về Hải đông (các lộ vùng bờ biển phía Đông), vua Trần Nhân Tông đã hân hoan viết câu thơ đầy tin tưởng:

"Hoan Ái do tồn thập vạn binh"
(Hoan Ái hãy còn mười vạn quân) (5).

Trong khi đó, những lực lượng của ta nằm ngay ở vùng sau lưng địch – như dân binh người Tày do Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh chỉ huy tại vùng Lạng sơn, dân binh các dân tộc miền núi ở vùng Vĩnh phú do Hà Đặc – Hà Chương chỉ huy, dân quân các lộ vùng đồng bằng ở hai bờ sông Hồng do Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền chỉ huy – đã liên tục tác chiến chống giặc và trở thành lực lượng dự bị chiến lược quan trọng được tung ra trong giai đoạn phản công đánh vào sườn và sau lưng quân Nguyên.

Trong kế hoạch kháng chiến, triều đình nhà Trần còn đặt nhân tố kinh tế vào một vị trí đặc biệt quan trọng. Nhận rõ số phận của đạo quân viễn chinh xâm lược đông đảo tùy thuộc một phần lớn vào các nguồn cung cấp lương thảo tại chỗ, cho nên một mặt quân dân ta hoạt động tích cực để triệt phá các đường giao thông tiếp tế, đánh các đoàn vận tải lương thảo của quân giặc, mặt khác, kiên quyết thực

(2), (3), (4) "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn. Sách đã dẫn, tr. 20.

(5) Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb khoa học xã hội Hà nội, 1967, t. II, tr. 51.



Digitized by Google

hiện chính sách « vườn không nhà trống » không để cho giặc cướp « một bạt thóc, một cọng rơm ». Ở khắp các lộ, người ta thấy các bảng treo với dòng chữ « *Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng* » (Nguyên sử, q. 209, t. 7b) (6). Triều Trần có cả dự kiến rời bỏ kinh thành để nếu chiếm được Thăng long, giặc Nguyên cũng chỉ vào được một tòa thành trống không cả người lẫn của.

Công cuộc chuẩn bị phòng thủ đất nước của triều Trần về mặt quân sự thật toàn diện, các biện pháp quân sự nằm trong khuôn khổ một cuộc kháng chiến toàn diện, nhằm xây dựng một thế trận chiến tranh nhân dân, đưa sức mạnh cả nước, cả dân tộc ra « nghênh địch ». Công cuộc chuẩn bị không chỉ hạn chế trong phạm vi đất nước ta, mà còn hướng cả ra ngoài nước.

Triều Trần đã kiên quyết bác bỏ mọi yêu cầu của Hốt Tất Liệt đòi Đại Việt « giúp binh lương » và cho quân Nguyên « mượn đường » để chúng đi đánh Cham-pa. Mối quan hệ đồng minh cùng chung sức chống kẻ thù chung giữa Đại Việt và Cham-pa được củng cố.

Sau khi Hốt Tất Liệt lập nên triều Nguyên năm 1271, nắm chắc được dã tâm xâm lược của hắn đối với nước ta, triều Trần vẫn tiến hành các hoạt động ngoại giao kéo dài nhiều năm với triều Nguyên. Đây là một cuộc đấu tranh cực kỳ gay go, phức tạp. Giữ vững quyền độc lập và danh dự của dân tộc, đồng thời mềm dẻo, linh hoạt trong sách lược, triều Trần đã kéo dài được thời gian chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Đến khi Hốt Tất Liệt thấy rằng hắn không thể nào đạt được mục tiêu thôn tính Đại Việt bằng một biện pháp nào ngoài biện pháp chiến tranh và quyết định « hạ chiếu xuất quân » thì thế trận chiến tranh « cử quốc nghênh địch » của triều Trần và quân dân Đại Việt đã được bày sẵn xong xuôi.

Công cuộc phòng bị được tổ chức và thực hiện chu đáo, tài tình, khẩn trương mọi mặt, đó là một trong những nhân tố thắng lợi của quân và dân Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống Nguyên năm 1285.

« Nếu ta không phòng bị trước thì chuyện được thua chưa thể biết được » — Ngô Quyền đã nói như vậy với các tướng sĩ vào năm 938 sau khi nghe tin Hoằng Thao sắp kéo quân Nam Hán sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền đã khẩn trương tiến hành công cuộc phòng bị, trong đó có biện pháp cắm những hàng cọc gỗ tại lòng sông Bạch đằng và nhờ đấy đã đại phá quân Nam Hán, giết chết Hoằng Thao tại trận.

Noi gương người xưa, triều Trần đã tiến hành công cuộc phòng bị đất nước trong một thời gian dài về mọi mặt, trên một quy mô rộng khắp. Trên cơ sở đó, vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn thấy trước được thế tất thắng của ta, thế tất bại của quân Nguyên, luôn luôn nắm vững quyền chủ động chiến lược, ứng phó tài tình, linh hoạt với mọi tình huống. Dưới sự lãnh đạo chiến tranh và chỉ huy chiến trận xuất sắc của bộ thống soái, quân và dân thời Trần dũng cảm và tài trí đã đưa cuộc kháng chiến chống Nguyên năm 1285 đến thắng lợi rực rỡ, mở ra một trong những trang vẻ vang nhất của lịch sử dân tộc Việt nam.

---

(6) Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm. *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1968, tr 185.



Digitized by Google

# Phấn đấu cho sự phát triển mạnh mẽ của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa

TẠ QUANG CHIẾN

CÁCH mạng Tháng Tám năm 1945 khai sinh nước Việt nam mới, đồng thời mở đường cho sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội đi lên theo hướng hoàn toàn khác với chế độ cũ. Nền thể dục thể thao mới của ta ra đời từ những ngày lịch sử vẻ vang đó. Song chẳng được bao lâu, do ta phải đi vào cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp, cho nên mọi hoạt động thể dục thể thao cũng chỉ có thể phát huy tác dụng ở mức độ nhất định. Từ năm 1951, trong khi cả nước chống Mỹ, miền Bắc đã đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Với quan hệ quốc tế thuận lợi, chúng ta đã thật sự có điều kiện bắt đầu xây dựng nền móng của thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cả nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội đã tạo ra bước ngoặt quyết định cho sự phát triển của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV, thứ V của Đảng đã khẳng định: thể dục thể thao là một hoạt động không thể thiếu được trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa và phải phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đường lối thể dục thể thao của Đảng đã được thể chế hóa trong điều 48 Hiến pháp năm 1980 của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam như sau: "Nền thể dục, thể thao Việt nam có tính chất dân tộc, khoa học và nhân dân, được phát triển mạnh mẽ, cân đối nhằm tăng cường sức khoẻ và bồi dưỡng thể lực của nhân dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc".

Mười năm qua, theo phương hướng đó, phong trào thể dục thể thao cả nước đã nhanh chóng thống nhất vào mục tiêu chung và ngày càng phát triển rộng rãi ở khắp các địa phương, các ngành. Nhiều tỉnh, thành ở miền Nam đang có sức bật mới. Phong trào thể dục thể thao ở đó phát triển tương đối nhanh, góp phần tích cực đẩy lùi những tàn dư văn hóa đồi trụy của chế độ cũ để lại. Từ khi có chủ trương tổ chức đại hội thể dục thể thao các cấp, tiến tới Đại hội thể dục thể thao toàn quốc thứ 1, phong trào đã có những chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ và sôi nổi, thu hút hơn 40 triệu người tham gia luyện tập, trong đó có 3,3 triệu người đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, có hơn 1 nghìn đơn vị đạt danh hiệu tiên tiến về thể dục thể thao. Lực lượng học sinh, thanh niên, thiếu niên được khẳng định là đối tượng chủ lực của phong trào quần chúng rộng rãi. Lực lượng vũ trang



Digitized by Google

bao gồm cả quân đội và công an đang là nơi có phong trào mạnh và có sức lôi cuốn phong trào ở hầu hết các địa phương trong cả nước. Lực lượng công nhân, viên chức có nhiều hoạt động tích cực, sáng tạo góp phần nâng cao sinh hoạt văn hóa, tăng cường sức khoẻ phục vụ đắc lực cho sản xuất và công tác.

Lực lượng thể thao nâng cao hiện nay đang được phát triển theo hướng ngày càng cơ bản, vững chắc hơn trước. Từ phong trào quần chúng rộng rãi, nhiều mầm non năng khiếu thể thao được phát hiện và đưa vào hệ thống đào tạo, bồi dưỡng một cách khoa học, do đó liên tiếp có nhiều vận động viên trẻ của các môn thể thao đã sớm phá được những kỷ lục của các vận động viên lớp trước. Nhân tố mới, sinh lực mới đầy triển vọng đó đang có chiều hướng phát triển mạnh ở nhiều địa phương, nhiều ngành trên phạm vi cả nước. Lực lượng trẻ hiện nay chiếm trên 50% trong tổng số hơn 700 vận động viên cấp I và kiện tướng quốc gia. Tỷ lệ này còn cao hơn trong số 180 nghìn vận động viên phổ thông đang hoạt động ở các địa phương, các ngành trong cả nước. Nói chung, công tác huấn luyện cơ bản toàn diện đang được quan tâm cải tiến ở các môn thể thao hiện nay.

Lực lượng cán bộ quản lý thể dục thể thao có trình độ cơ bản và có kinh nghiệm ngày càng nhiều. Đặc biệt, từ hơn 20 năm nay, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật thể dục thể thao được đào tạo có hệ thống trong nước và ngoài nước phát triển rất nhanh cả về số lượng và chất lượng. Hơn 40 giáo sư, phó tiến sĩ, gần 3000 cán bộ đại học và gần 4000 cán bộ trung cấp, cao đẳng đang giữ các cương vị công tác khác nhau trong bộ máy của ngành thể dục thể thao, trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, phổ thông trung học và cơ sở, trong các trung tâm huấn luyện thể thao, trong các đội tuyển thể thao nâng cao... ở khắp các ngành, các địa phương trong cả nước.

Cơ sở vật chất của phong trào thể dục thể thao đang được nhiều ngành, nhiều cấp quan tâm đầu tư xây dựng hoặc củng cố, do đó bên cạnh những công trình hiện đại như sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi, trường bắn súng thể thao tiêu biểu cho từng cấp đã xuất hiện trong mấy năm gần đây, còn có thêm rất nhiều điểm tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao đang hình thành ở các cơ sở, được đông đảo quần chúng rất hoan nghênh. Mạng lưới sản xuất và phân phối dụng cụ thể dục thể thao cũng được nhiều nơi quan tâm phát triển, từng bước thỏa mãn nhu cầu rộng lớn của phong trào.

Nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa non trẻ của chúng ta đang hình thành hòa vào nhịp điệu phát triển mạnh mẽ của hệ thống thể dục thể thao trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và phong trào thể thao ô lim pic quốc tế. Ngoài sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, nền thể dục thể thao của chúng ta có nhiều cơ hội so sánh, học xát để vươn lên tầm cao của thời đại.

Những thành tựu và tiến bộ trên đây làm cho công tác thể dục thể thao có vị trí vững chắc trong đời sống xã hội và đang tạo ra những điều kiện thực tế bảo đảm cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. Nếu được quan tâm chỉ đạo thích đáng hơn, sự phát triển ấy sẽ đi những bước vững chắc và cao hơn hiện nay rất nhiều lần.

Song, bên cạnh những sự trưởng thành, công tác thể dục thể thao còn những mặt yếu kém, những mặt chưa thật cơ bản so với yêu cầu của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa. Phong trào thể dục thể thao quần chúng chưa có đầy đủ cơ sở vững chắc, thường xuyên, chất lượng và



Digitized by Google

hiệu quả còn thấp. Lực lượng học sinh, thanh niên, thiếu niên chưa thật sự chiếm lĩnh vị trí chủ chốt của phong trào. Chế độ giáo dục thể chất vẫn còn bị coi nhẹ. Đội ngũ vận động viên, nhất là lực lượng trẻ vẫn còn mỏng và phát triển với tốc độ chậm; trình độ, thành tích, kỷ lục còn quá thấp so với sự cần thiết phải có; trong một số hoạt động còn chịu sự tác động mạnh của những hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội, còn mang tàn dư của nền thể dục thể thao cũ. Sự đầu tư cho lĩnh vực thể dục thể thao chưa đúng mức; sự chỉ đạo còn tùy tiện, không phù hợp với hoạt động thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa.

★

Sự nghiệp thể dục thể thao của chúng ta đang bước vào một thời kỳ phát triển mới. Được sự quan tâm của các cấp Đảng, chính quyền và các ngành, các đoàn thể, đại hội thể dục thể thao ở các địa phương, các ngành vừa qua chẳng những tổng kết được phong trào và phát động được phong trào, mà còn góp phần rất tích cực cổ vũ, giáo dục truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội ở khắp mọi vùng của Tổ quốc. Qua các đại hội đó, phong trào thể dục thể thao đang dần dần quy tụ về Đại hội thể dục thể thao toàn quốc. Đây là sự kiện, là hiện tượng chưa từng có trong lịch sử thể dục thể thao nhiều năm của nước ta. Nếu như đại hội thể dục thể thao ở mỗi cấp có sức mạnh cổ vũ ở cấp đó thì Đại hội thể dục thể thao toàn quốc sẽ có sức mạnh gấp nhiều lần cổ vũ cho phong trào của cả nước.

Để cho các hoạt động thể dục thể thao có thể phục vụ đắc lực những nhiệm vụ chính trị trước mắt cũng như lâu dài của đất nước, từ nay đến năm 2000 *phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm của toàn xã hội đối với sự nghiệp thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa mang tính chất dân tộc khoa học và nhân dân, nhằm mục tiêu chủ yếu là góp phần đắc lực giữ gìn sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa-xã hội chủ nghĩa và quốc phòng hiện đại.*

Thực hiện phương hướng chiến lược đó, một mặt *phải đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp trong cả nước*, trước hết là trong thanh niên học sinh; phấn đấu có khoảng 16 triệu người tham gia tập luyện thường xuyên, 5 triệu thanh niên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể sẵn sàng lao động và bảo vệ Tổ quốc; tập trung cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh nhằm bồi dưỡng sức khoẻ, thể lực cho thế hệ tương lai và làm cơ sở cho việc đào tạo tài năng thể thao trẻ; nâng cao chất lượng rèn luyện thể lực trong các lực lượng vũ trang. Mặt khác, *tích cực xây dựng đội ngũ vận động viên đông đảo, kế tiếp nhau có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và đạt trình độ thành tích cao*, trước hết so với khu vực Đông Nam Á và vươn lên tiếp cận trình độ quốc tế về những môn chủ yếu mà hiện nay ta có nhiều khả năng và điều kiện tiến bộ nhanh. Đó là hai mặt chủ yếu nói lên thực chất của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa, mỗi mặt đều có mục tiêu cụ thể phù hợp với từng giai đoạn lịch sử.

Bản chất xã hội chủ nghĩa của phong trào quần chúng thể hiện trước hết ở mục tiêu, quy mô tập hợp có tổ chức và kết quả thiết thực mà phong trào mang lại. Với thể thao nâng cao, bản chất đó phải thể hiện trước hết ở trình độ chuyên môn đạt được, ở phẩm chất chính trị và đạo đức của vận động viên trong tập luyện hằng ngày và trong thi đấu ở mọi môn, mọi cấp. Mọi hoạt động thể dục thể thao phải thể hiện sự phát triển của nền văn hóa



Digitized by Google

mới và con người mới, phải coi trọng yếu tố giáo dục và đoàn kết rộng rãi vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Vì thể dục thể thao mang tính chất chính trị — xã hội — khoa học rất chặt chẽ, cho nên trong chỉ đạo thực hiện phương hướng chiến lược phát triển thể dục thể thao nói trên, phải rất coi trọng yếu tố chính trị — xã hội và khoa học của hoạt động này.

*Về chính trị — xã hội*, phải luôn luôn gắn thể dục thể thao với nhiệm vụ chiến lược của cách mạng và mục tiêu kinh tế — xã hội từng thời kỳ. Hiện nay cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chúng ta phải cảnh giác với những tàn dư thể dục thể thao cũ như cay cú ăn thua, cục bộ địa phương, thiếu trung thực, coi thường quần chúng, thương mại hóa, vô kỷ luật, vô trật tự, ăn chơi trụy lạc ngay trong thể thao..., cảnh giác với âm mưu của địch lợi dụng mâu thuẫn nội bộ trong thể thao để phá tính chất thống nhất, đoàn kết của phong trào. Để bảo đảm cho các hoạt động thể dục thể thao mang tính tích cực, phải coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng theo đúng những cơ chế, điều lệ đã quy định. Các cấp lãnh đạo giúp đỡ cho ngành thể dục thể thao phát huy tác dụng tốt trong công tác quản lý phong trào theo quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước. Tính chất chính trị — xã hội của thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa thể hiện sức mạnh, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chỉ có dưới chế độ ta thể dục thể thao mới có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội thực hiện mục tiêu thống nhất vì con người mới, vì nền văn hóa mới. Để bảo đảm cho thể dục thể thao luôn luôn đi đúng hướng, các cơ quan tuyên truyền, báo chí giữ vai trò rất quan trọng. Song báo chí phải đứng trên quan điểm, đường lối thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa thì mới phát huy được tác dụng giáo dục của mình. Các cơ sở có hoạt động thể dục thể thao phải có những đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản làm nòng cốt thì phong trào mới được giữ vững và phát triển.

Về chuyên môn kỹ thuật, không thể có trường hợp thiếu cán bộ khoa học kỹ thuật mà thành tích của vận động viên vẫn được nâng cao, phong trào quần chúng vẫn phát triển. Trong thể thao nâng cao phải coi trọng công tác tuyển chọn, huấn luyện toàn diện cả về chuyên môn kỹ thuật và chính trị tư tưởng theo một hệ thống khoa học rất cơ bản; phải có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, huấn luyện viên thật sự có năng lực và phẩm chất để làm nhiệm vụ này; phải có chế độ quản lý nghiêm ngặt, có sự chăm sóc rất chu đáo và thỏa đáng, có cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến và rất nhiều điều kiện khác nữa mới có thể tạo ra thành tích, kỷ lục cao tiến kịp trình độ của thời đại. Thi đấu là biện pháp để khẳng định trình độ vận động viên, là dịp để kiểm tra mọi yếu tố chuẩn bị nói trên. Không thể lấy thi đấu với một sự nỗ lực nào đó thay cho những yếu tố phải có trong công tác huấn luyện. Toàn bộ công tác huấn luyện tiến hành được tốt và đầy đủ mới phát huy được tiềm năng chứa đựng trong tài năng của từng con người cụ thể. Phải có thái độ khoa học khách quan mới phân tích được chỗ mạnh, chỗ yếu qua kết quả thi đấu của từng vận động viên hoặc cả tập thể vận động viên. Nếu ngược lại sẽ không có hướng phấn đấu tiến lên và có khi còn gây nhiều hậu quả phiền toái cho xã hội. Với điều kiện thực tế của ta hiện nay, toàn quốc cũng như mỗi địa phương, mỗi ngành phải chú ý phát triển phong trào thể dục thể thao một cách toàn diện; đồng thời phải biết chọn lấy những môn



Digitized by Google

trọng điểm mà mình có khả năng phấn đấu nhanh chóng đạt được thành tích cao. Ngành thể dục thể thao phải chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành y tế và khoa học kỹ thuật khác để thực hiện trách nhiệm được giao và nâng cao thành tích thể thao.

Sự phát triển của sự nghiệp thể dục thể thao phụ thuộc rất nhiều vào tình hình kinh tế, chính trị, xã hội từng thời kỳ nhất định. Kế hoạch hóa trong chỉ đạo thể dục thể thao là điều rất quan trọng. Nó giúp ta chọn đúng mục tiêu cụ thể và biện pháp tối ưu cho từng thời gian nhất định. Kế hoạch phát triển thể dục thể thao là một bộ phận của kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội của từng địa phương, của cả nước. Vì vậy phải rất coi trọng công tác kế hoạch hóa trong chỉ đạo thể dục thể thao.

Thể dục thể thao là bộ phận không thể thiếu trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa có bước đi ban đầu của nó và dần dần hoàn chỉnh theo sự phát triển chung của cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa của chúng ta đang nỗ lực phấn đấu vươn lên xứng đáng với tầm vóc của dân tộc và của thời đại.

---

# Mấy kinh nghiệm...

*(Tiếp theo trang 50)*

*vấn đề tiền lương* cho cán bộ, công nhân viên chức và vấn đề này trở thành vấn đề cấp bách nhất có ảnh hưởng đến mọi mặt sản xuất và đời sống xã hội.

*Ba là*, việc *cải tiến cơ chế giá và lương phải tiến hành đồng thời với việc cải tiến cơ chế tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng*, nhằm xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp trong phân phối lưu thông. Đây là một yêu cầu khách quan, có tính quy luật, đòi hỏi phải cải cách một cách đồng bộ, toàn diện cơ chế phân phối lưu thông, vì nếu tài chính ngân hàng còn hoạt động theo cơ chế cũ thì sẽ gây nhiều trở ngại cho việc thiết lập cơ chế quản lý mới.

Vì vậy, vấn đề cấp bách hiện nay trong phân phối — lưu thông là phải tiến hành điều chỉnh các chính sách giá — lương — tiền một cách đồng bộ, nhất quán và đây là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế mang nặng tính tập trung quan liêu — bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

# Đại hội VII Quốc tế cộng sản và nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới

CÁCH đây 50 năm, tại Mát-xcơ-va đã diễn ra một sự kiện chính trị có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới và phong trào giải phóng dân tộc: Quốc tế cộng sản họp Đại hội thứ VII (*).

Vào đầu những năm 30 của thế kỷ này, chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn khủng hoảng sâu sắc, nguy cơ chiến tranh tăng lên rõ rệt. Chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản, với bản chất hiếu chiến, lại được các giới phản động của chủ nghĩa tư bản Mỹ — Anh — Pháp dung túng và khuyến khích, đã ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới mới với tham vọng chia lại thế giới và thiết lập trên toàn thế giới các chế độ phát xít. Bằng hành động khuyến khích bọn phát xít xâm lược, bọn đế quốc hy vọng hướng cuộc xâm lược đó vào Liên xô nhằm tiêu diệt nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Tình hình đó đòi hỏi các đảng cộng sản phải có đường lối chiến lược và sách lược mới nhằm đoàn kết đông đảo quần chúng đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống nguy cơ chiến tranh đang ngày càng đến gần.

Vào thời điểm này, Quốc tế cộng sản có 76 đảng và tổ chức cộng sản ở các nước là thành viên, trong đó chỉ có 26 đảng và tổ chức hoạt động công khai, 50 đảng và tổ chức còn lại phải hoạt động bí mật dưới sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của kẻ thù giai cấp. Bất chấp mọi khó khăn, trở ngại, 513 đại biểu của các đảng và các tổ chức cộng sản, thay mặt cho hơn 3 140 000 đảng viên cộng sản lúc bấy giờ, đã đến Mát-xcơ-va dự Đại hội VII Quốc tế cộng sản. Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông dương dự Đại hội gồm 3 người, do đồng chí Lê Hồng Phong làm trưởng đoàn. Với tư cách là đại biểu Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh, hồi đó lấy tên là Lin đã tham dự Đại hội. Người tham gia thảo luận các chuyên đề ở các tiểu ban, đồng thời giúp đoàn đại biểu Đảng ta hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Đại hội.

Trung tâm chú ý của Đại hội VII Quốc tế cộng sản là *vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, thành lập Mặt trận thống nhất của giai cấp vô sản và của nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh.*

Đại hội đã phân tích tính chất của chủ nghĩa phát xít, nhận định nó là chế độ độc tài khủng bố trắng trợn của những phần tử phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính. Đại hội chỉ ra rằng việc bọn phát xít lên cầm quyền không phải đơn giản là sự thay thế một chính phủ tư sản này bằng chính phủ tư sản khác, mà là sự thay thế hình thức cai trị dân chủ tư sản bằng chế độ độc tài khủng bố. Đánh giá chủ nghĩa phát xít Đức là hình thức

(*) Đại hội họp từ ngày 25-7-1935 đến ngày 20-8-1935.



Digitized by Google

phản động nhất của chủ nghĩa phát xít. Đại hội nhấn mạnh rằng nó là mũi nhọn xung kích của thế lực phản cách mạng quốc tế, là tên đầu sỏ gây ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, tên chủ mưu tổ chức cuộc « thập tự chinh » chống Liên xô.

Đại hội phê phán mọi sự đánh giá thấp những nguy cơ do chủ nghĩa phát xít gây ra, đồng thời kiên quyết bác bỏ quan điểm sai lầm cho rằng chủ nghĩa phát xít nhất định sẽ thắng lợi. Đại hội chỉ rõ điều kiện chủ yếu để đấu tranh thắng lợi là thực hiện sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân, phát huy tính tích cực chiến đấu của giai cấp công nhân, đoàn kết lực lượng của giai cấp công nhân thành một đội quân chiến đấu thống nhất. Do đó, Đại hội đã kêu gọi tất cả các đảng cộng sản tích cực đấu tranh để lập *Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân.*

Đại hội cũng đề nghị tất cả các đảng cộng sản mở rộng cuộc đấu tranh để đoàn kết nông dân, giai cấp tiểu tư sản thành thị và quần chúng lao động thuộc các dân tộc bị áp bức nhằm lập *Mặt trận chống phát xít rộng rãi của nhân dân* trên cơ sở *Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân.*

Đại hội đã thông qua những nghị quyết về vấn đề thống nhất phong trào công đoàn, coi đó là khâu đặc biệt quan trọng để củng cố Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân.

Đại hội đã chỉ hướng cho các đảng cộng sản, trong trường hợp chiến tranh nổ ra thì sẽ lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị do chiến tranh gây nên để đánh đổ chủ nghĩa tư bản càng sớm càng hay.

Nhận rõ thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới, Đại hội đã đề ra cho tất cả các đảng cộng sản ở các nước nhiệm vụ « dốc toàn bộ lực lượng và bằng mọi cách giúp đỡ củng cố Liên xô, đấu tranh chống lại những kẻ thù của Liên xô ».

Đại hội cũng đã thông qua các nghị quyết về các vấn đề tổ chức, đề ra những phương pháp lãnh đạo và hình thức hoạt động phù hợp với tình hình mới, tránh can thiệp vào công việc nội bộ của các đảng cộng sản, tạo điều kiện cho các đảng đó phát huy tính sáng tạo trong việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Đại hội VII Quốc tế cộng sản đã định ra đường lối chiến lược và sách lược cho phong trào cộng sản quốc tế trong tình hình mới.

★

Năm mươi năm đã qua kể từ khi Đại hội VII Quốc tế cộng sản kêu gọi đoàn kết rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hòa bình. Trong khoảng thời gian đó, cục diện thế giới đã có những thay đổi lớn lao. Loài người đã trải qua cuộc chiến tranh thế giới thứ hai vô cùng khốc liệt với 55 triệu người chết và hơn 90 triệu người bị thương. Liên xô cùng với các lực lượng dân chủ tiến bộ và yêu chuộng hòa bình đã đánh tan chủ nghĩa phát xít — đội quân phản động nhất của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, làm suy yếu toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, một loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời ; chủ nghĩa xã hội với tư cách là một hệ thống thế giới đã trở thành nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ và mới sụp đổ từng mảng lớn và đang đi đến chỗ sụp đổ hoàn toàn. Giai cấp công nhân và các lực lượng tiến bộ ở các nước tư bản chủ nghĩa tăng cường cuộc đấu tranh cho dân sinh dân chủ, chống thất nghiệp, chống bóc lột, chống tệ nạn xã hội, vì công lý, tự do, hòa bình.



Digitized by Google

Bộ mặt thế giới ngày nay rõ ràng đã khác xa so với năm mươi năm về trước. Nhưng cuộc đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa đế quốc, chống nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hòa bình vẫn diễn ra với mức độ hết sức khẩn trương. Vì vậy, những bài học về chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa của Đại hội VII Quốc tế cộng sản vẫn mang tính thời đại sâu sắc.

Tinh thần của Đại hội VII Quốc tế cộng sản nhắc nhở chúng ta phải *luôn luôn cảnh giác, đánh giá đúng những âm mưu và hành động gây chiến của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ.* Hiện nay, trong khi Liên xô, cộng đồng xã hội chủ nghĩa cùng toàn thể các lực lượng tiến bộ chủ trương phấn đấu cho hòa bình và an ninh thế giới thì chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ vẫn theo đuổi những kế hoạch điên cuồng chống Liên xô, chống cộng đồng xã hội chủ nghĩa, chống phong trào giải phóng dân tộc và các nước yêu chuộng hòa bình, tự do, chống nhân dân lao động ở các nước tư bản. Vì quyền lợi ích kỷ, vì những nguồn lợi nhuận kếch sù của chúng, vì ảo vọng ngăn chặn và tiêu diệt phong trào cộng sản và công nhân thế giới, các giới quân phiệt và hiếu chiến Mỹ đang lao vào cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Chúng triển khai việc bố trí tên lửa hạt nhân ở Tây Âu, đẩy mạnh việc quân sự hóa vũ trụ, mưu toan gây «những cuộc chiến tranh trên các vì sao» hòng phá vỡ thế cân bằng lực lượng, giành ưu thế quân sự, ưu thế hạt nhân, đưa loài người đến bờ vực của một cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt. Song song với hành động chạy đua vũ trang hạt nhân, đế quốc Mỹ khuyến khích và ủng hộ chủ nghĩa phục thù ở Cộng hòa liên bang Đức, kích động sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Mỹ công khai tìm cách giành «quyền» can thiệp ở khắp nơi, xâm phạm trắng trợn lợi ích của các nước và các dân tộc, thường xuyên tạo ra các nguồn xung đột và nguy cơ chiến tranh, trắng trợn duy trì «các điểm nóng» trên thế giới. Dưới bàn tay đạo diễn của Mỹ, những cuộc xung đột vũ trang, những cuộc chiến tranh khu vực, chiến tranh không tuyên chiến, chiến tranh mượn tay người khác liên tiếp xảy ra ở nhiều vùng trên trái đất. Ở Đông Nam châu Á, Mỹ tiếp tay cho tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh ra sức chống phá các nước Đông dương, gây đối đầu giữa các nước ASEAN với ba nước Đông dương.

Vốn quen thói lừa bịp và đối trá, trong khi lòng lộn chạy đua vũ trang, ráo riết chuẩn bị chiến tranh, bọn đế quốc lại không ngớt uốn lưỡi nói đến hòa bình, hữu nghị, đồng thời lớn tiếng vu cáo Liên xô, xuyên tạc thiện chí bảo vệ hòa bình của Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng là tình hình thế giới hiện nay căng thẳng và phức tạp hơn bất cứ lúc nào trong bốn mươi năm qua. Nguy cơ chiến tranh thế giới mới do đế quốc Mỹ ráo riết chuẩn bị đang đe dọa loài người. Đấu tranh bảo vệ hòa bình đang là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng hàng đầu của nhân dân các nước và những người có lương tri trên thế giới. Ghi nhớ những tổn thất nghiêm trọng mà nhân dân thế giới đã phải gánh chịu trong chiến tranh thế giới thứ hai, chúng ta càng kiên quyết không để xảy ra hiểm họa hạt nhân, kiên quyết chặn bàn tay gây chiến của đế quốc Mỹ và phe lũ, kiên quyết ngăn chặn chiến tranh thế giới ngay khi nó chưa nổ ra.

Tinh thần của Đại hội VII Quốc tế cộng sản nhắc nhở chúng ta phải đấu tranh không mệt mỏi để bảo vệ hòa bình; và trong sự nghiệp đầy gian khổ và quang vinh này, *nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi là sức mạnh tổng hợp của chủ nghĩa xã hội*, vì vậy tăng cường sức mạnh mọi mặt của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với



Digitized by Google

Liên xô là trụ cột, là việc làm có tầm quan trọng hàng đầu. Bên cạnh đó, cần *không ngừng mở rộng mặt trận rộng lớn và mạnh mẽ đấu tranh bảo vệ hòa bình.*

Đúng như nhận định của Đại hội VII Quốc tế cộng sản, sức mạnh của Liên xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và độc nhất trên thế giới trong chiến tranh thế giới thứ hai cùng với sức mạnh của phong trào cộng sản và công nhân thế giới đã có tác dụng quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít. Thực tế lịch sử bốn mươi năm qua đã chứng tỏ sự đoàn kết nhất trí, sức mạnh kinh tế và quốc phòng, sự thống nhất hành động trên trường quốc tế của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa với Liên xô là trụ cột, là lực lượng vô địch trong cuộc đấu tranh vì tương lai hòa bình của loài người. Hơn lúc nào hết, việc tăng cường sức mạnh về mọi mặt của cộng đồng xã hội chủ nghĩa có tác dụng vững chắc kiềm chế những tham vọng xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Không một dân tộc nào trên thế giới muốn chiến tranh. Loài người với kinh nghiệm và tầm nhìn của mình, đã nhận thức được rằng chính sách xâm lược, chiến tranh thế giới với việc sử dụng vũ khí hạt nhân sẽ hướng họ tới đâu. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhân dân lao động các nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng mác xít — lê nin nít, sẽ giành thêm những thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội ở những địa bàn mới trên trái đất mà hoàn toàn không cần đến chiến tranh. Ngày nay những khả năng duy trì hòa bình và tiến bộ thật là to lớn. Hơn lúc nào hết, đội ngũ những người thiết tha với hòa bình rất đông đảo. Không ngừng mở rộng mặt trận rộng lớn và mạnh mẽ đấu tranh bảo vệ hòa bình, bao gồm các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các nước trong phong trào không liên kết, các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình và tiến bộ khắp năm châu là điều hết sức cần thiết và hoàn toàn có thể thực hiện được với kết quả cao nhất. Sự tập trung lực lượng, sự phối hợp những cố gắng để hình thành một mặt trận rộng lớn với nhiều hình thức đấu tranh phong phú của các nước, các phong trào chính trị, các lực lượng chính trị nói trên nhất định sẽ tạo ra khả năng thực tế làm thất bại chính sách hiếu chiến, xâm lược của bọn đế quốc và phản động, ngăn chặn có hiệu quả cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, đẩy lùi và xóa bỏ nguy cơ chiến tranh thế giới mới.

Nhân dân Việt nam ta đã buộc phải cầm súng chiến đấu liên tục nhiều năm để bảo vệ nền độc lập dân tộc, đã chịu đựng biết bao gian khổ, hy sinh. Cho nên, hơn ai hết, nhân dân ta tha thiết mong muốn có hòa bình lâu dài và ổn định, không chỉ riêng cho mình mà cho tất cả loài người. Kỷ niệm lần thứ 50 ngày tiến hành Đại hội VII Quốc tế cộng sản, nhớ lại tinh thần của Đại hội, chúng ta càng quyết tâm phấn đấu hết sức mình, cùng với cộng đồng xã hội chủ nghĩa và loài người yêu chuộng hòa bình làm tất cả những gì mà lương tri thời đại đòi hỏi, xây dựng một mặt trận đấu tranh rộng lớn, ngăn chặn có hiệu quả mọi hành động gây chiến, xâm lược của bọn đế quốc và các lực lượng phản động, bảo vệ vững chắc hòa bình trên toàn thế giới.



Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 7 — 1985

VIII пленум ЦК КПВ (V созыва) по вопросам цен, зарплаты и денег ПЕРЕДОВАЯ — Полностью покончить с бюрократически-снабженческим механизмом и перейти к хозрасчету и социалистическому хозяйствованию. Письмо члена Политбюро ЦК КПВ, Председателя Государственного Совета Чыонг Тиня журналистам по случаю Дня печати во Вьетнаме. ЛЕ КУАНГ ДАО — Усиливать партийное руководство научной и воспитательной работой. ЧАН ЛЕ — 25 лет деятельности и роста народной прокуратуры. ФАН ХИЕН — Претворять в жизнь уголовный кодекс и тем самым усиливать социалистическую законность. VII Конгресс Коминтерна и борьба в защиту всеобщего мира.

## REVIEW OF COMMUNISM N° 7-1985

The 8th Plenum of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam (5th Session) on the price-salary-money system. **Editorial** — Let's get rid of the bureaucratic subsidy-based system so as to completely change into economic cost-accounting and socialist-orientated trade operations. Letter by Comrade Truong-Chinh, CPVCC Politburo member and President of the State Council, to journalists on Vietnamese Press Day. LÊ QUANG ĐẠO — Strengthening the Party's leadership towards the scientific and educational work of today. TRẦN LÊ — Twenty years of activities and growth of the People's Supervision and Control Branch. PHAN HIỀN — Let's well carry out the penal law code and our socialist law system. The 7th Congress of Communist Internationale and its task of struggle for defending world peace.

## REVUE DU COMMUNISME N° 7-1985

Le 8e Plénum du CC du Parti (Ve législature) sur les prix, les salaires et la monnaie. **Editorial** — Abolir le mécanisme bureaucratique des subventions d'Etat, passer définitivement à la comptabilisation économique et à la commercialisation socialiste. Lettre du camarade Truong-Chinh, membre du BP du CC du Parti, président du Conseil d'Etat aux journalistes à l'occasion de la journée de la presse vietnamienne. LÊ QUANG ĐẠO — Renforcer la direction du Parti dans la recherche scientifique et l'enseignement à l'étape actuelle. TRẦN LÊ — 25 ans d'activités et de développement du Parquet populaire. PHAN HIỀN — Bien appliquer le code pénal, contribuer à intensifier la législation socialiste. Le VIIe Congrès de l'Internationale communiste et la tâche de lutte pour la défense de la paix mondiale.

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 7-1985

El octavo Pleno del CC del Partido (V legislatura) sobre el precio, los salarios y el dinero. **Editorial** — Abolir el mecanismo burocrático de asignaciones presupuestarias para pasar por completo al cálculo económico y la comercialización socialista. Carta del camarada Truong Chinh, miembro del Buró Político del CC del Partido y presidente del Consejo de Estado, dirigida a los periodistas con motivo del Día de la Prensa Vietnamita. LÊ QUANG ĐẠO — Reforzar la dirección del Partido en el trabajo científico y educacional en la actualidad. TRẦN LÊ — 25 años de actividades y de crecimiento de la fiscalía popular. PHAN HIỀN — Aplicar bien el Código penal por contribuir a fortalecer la legislación socialista. El VII Congreso de la Internacional comunista y las tareas de la lucha por la defensa de la paz mundial.

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 7-1985. NĂM THỨ XXXI (355)

# Mục lục

Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về giá — lương — tiền 1

**Xã luận** — Xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa 3

Thư của đồng chí Trường-Chinh, ủy viên BCT TƯĐ, Chủ tịch HĐNN gửi các nhà báo nhân Ngày báo chí Việt nam

LÊ QUANG ĐẠO — Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học và giáo dục hiện nay 12

TRẦN LÊ — Hai mươi lăm năm hoạt động và trưởng thành của ngành kiểm sát nhân dân 19

PHAN HIỀN — Thi hành tốt Bộ luật hình sự, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa 26

ĐÀO THIỆN THI — Cải tiến tiền lương 33

PHAN VĂN TIỆM — Mấy vấn đề cấp bách về cải tiến chính sách giá cả hiện nay 39

TÂN BÌNH — Mấy kinh nghiệm về cải tiến phân phối lưu thông, xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp ở tỉnh Long an 47

TÙNG VÂN — Những kết quả tích cực của việc bù giá vào lương, từng bước đưa lương vào giá thành sản phẩm ở Quảng nam — Đà nẵng 51

**Sinh hoạt tư tưởng** ★ THANH THANH — « Phi thương bất phú » 55

NHUẬN VŨ — « Chuyện được thua có thể biết được » 59

TẠ QUANG CHIẾN — Phấn đấu cho sự phát triển mạnh mẽ của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa 62

Đại hội VII Quốc tế cộng sản và nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới 67

Bìa 3 — Một số mặt hàng thực phẩm chính do thương nghiệp XHCN bán lẻ

Bìa 4 — Tranh của *TRỌNG AN*

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

## MỘT SỐ MẶT HÀNG THỰC PHẨM CHÍNH DO THƯƠNG NGHIỆP X.H.C.N BÁN LẺ

### NỘI THƯƠNG

LƯƠNG THỰC (Quy gạo) (triệu tấn)

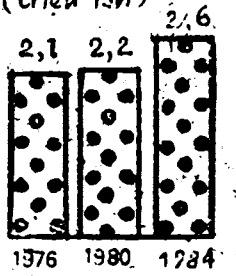


CÁ TƯƠI (nghìn tấn)

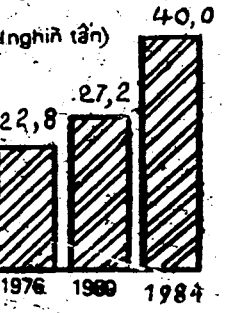


THỊT CÁC LOẠI (nghìn tấn)

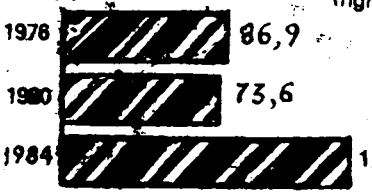


ĐƯỜNG

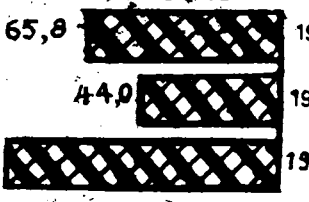


### NGOẠI THƯƠNG

TỔNG TRỊ GIÁ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU (%)

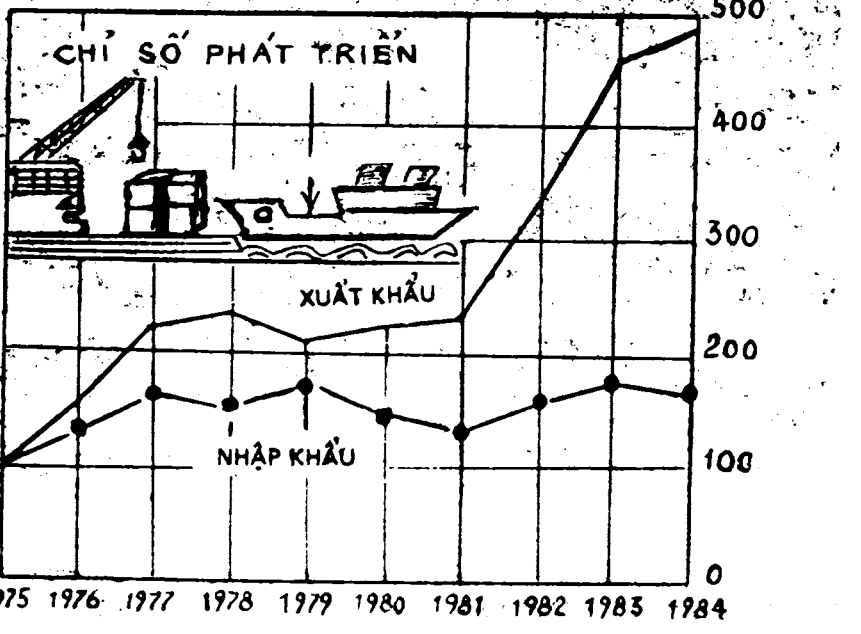


Digitized by Google

# LÀM NHIỀU PHÂN XANH TĂNG NĂNG SUẤT LÚA

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 — Giá 4đ00

Digitized by Google

M
9
.H68B

UNIV. of M...
DEC 1 3 1985
Current S...

# Tạp chí Cộng sản

## KỶ NIỆM LẦN THỨ 40 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 8.1945.8.1985

8
8.1985

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐÃ LẬT ĐỔ NỀN QUÂN CHỦ MẤY MƯƠI THẾ KỶ, ĐÃ ĐÁNH TAN XIỀNG XÍCH THỰC DÂN GẦN 100 NĂM, ĐÃ ĐƯA CHÍNH QUYỀN LẠI CHO NHÂN DÂN, ĐÃ XÂY NỀN TẢNG CHO NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA, ĐỘC LẬP, TỰ DO, HẠNH PHÚC.

ĐÓ LÀ MỘT CUỘC THAY ĐỔI CỰC KỲ TO LỚN TRONG LỊCH SỬ CỦA NƯỚC TA.

HỒ CHÍ MINH
(1951)

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

*Xã luận*

# Bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, xây dựng Tổ quốc hùng mạnh, phồn vinh

*CÁCH đây 40 năm, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời, kiên quyết của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhân dân ta đã nổi dậy đánh đổ chính phủ bù nhìn tay sai của đế quốc Nhật, thành lập chính quyền nhân dân trong cả nước. Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công là một trang rất vẻ vang trong lịch sử lâu đời của dân tộc ta. Chỉ trong vòng một tuần lễ, từ ngày 19-8-1945 đến ngày 25-8-1945, nhân dân ta từ Bắc đến Nam đã đập tan bộ máy Nhà nước phản động của đế quốc và phong kiến, dựng lên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, người Việt nam ta bắt đầu cuộc đời mới: từ nô lệ của bọn đế quốc, nhân dân ta đã trở thành người chủ đất nước.*

*Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", toàn thể dân tộc Việt nam đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập đã giành được. Cách mạng Tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử của dân tộc ta: kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

*Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối cứu nước của Đảng kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là thắng lợi của tinh thần chiến đấu anh dũng của nhân dân ta. Đó là thắng lợi của truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam anh hùng. Biết bao liệt sĩ đã hy sinh xương máu trong ngót một thế kỷ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân để tạo nên thắng lợi đó.*



Digitized by Google

*Thắng lợi đó cũng là thắng lợi của tinh thần đoàn kết quốc tế, của sự ủng hộ và phối hợp đấu tranh của nhân dân thế giới, trước hết là của quân và dân Liên xô đã chiến đấu anh dũng và hy sinh to lớn để đánh bại chủ nghĩa phát xít Đức — Nhật tạo cơ hội thuận lợi cho nhân dân ta nổi dậy tự giải phóng.*

*« Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới* **15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc** *»* (1).

*« Đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt nam, mà cũng là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở một nước thuộc địa »* (2).

☆

*40 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, nhân dân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, bảo vệ vững chắc những thành quả của Cách mạng Tháng Tám. Sau 9 năm kháng chiến gian khổ, chúng ta đã đánh thắng đế quốc Pháp. Sau 21 năm chiến đấu kiên cường, chúng ta đã đánh thắng đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế giàu mạnh nhất trong phe đế quốc.*

*Hơn 10 năm qua, chúng ta liên tiếp làm thất bại những âm mưu và hành động chống phá nước ta của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Hiện nay cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống chiến tranh lấn chiếm và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đang tiếp tục, nhằm bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc và thành quả của cách mạng.*

*Vừa chiến đấu chống ngoại xâm, vừa lao động xây dựng đất nước, các giới đồng bào ta đem sức lực và trí tuệ ra phát triển kinh tế và văn hóa làm cho Tổ quốc ta ngày càng phồn vinh.*

*40 năm chỉ là một thời gian ngắn trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Tuy vậy, trong thời gian ấy, nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, nhân dân ta ra sức phấn đấu đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt đất nước ta.*

*Ngày trước Việt nam là một xứ thuộc địa, tên nước bị xóa trên bản đồ thế giới, ngày nay Việt nam là một nước* **độc lập**, *sánh vai cùng các nước có chủ quyền trên thế giới.*

*Ngày trước Việt nam là một nước bị chia cắt, ngày nay Việt nam là một nước* **thống nhất** *từ Đồng đăng đến mãi Cà mau. « Nước Việt nam là một, dân tộc Việt nam là một », chân lý đó đã được thực hiện.*

*Từ hàng nghìn năm trước nước ta do vua làm chủ, ngày nay nước ta do* **dân làm chủ.**

---

(1) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978 tr. 107.

(2) Sách đã dẫn, tr 215.



Digitized by Google

*Ngày trước địa chủ bóc lột áp bức nông dân, tư sản bóc lột áp bức công nhân, ngày nay* **các giai cấp bóc lột về cơ bản được xóa bỏ,** *mọi người Việt nam đều bình đẳng, đều tham gia lao động để sống và để xây dựng đất nước.*

*Ngày trước các dân tộc trong nước không bình đẳng; mâu thuẫn và kỳ thị dân tộc làm giảm sức mạnh của toàn dân;* **ngày nay các dân tộc trong nước đều bình đẳng,** *cùng nhau đoàn kết ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

*Ngày trước các tư liệu sản xuất chủ yếu (ruộng đất, nhà máy, hầm mỏ...) là của riêng của một thiểu số, ngày nay chế độ tư hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu được xóa bỏ và được thay thế bằng chế độ công hữu. Nhân dân lao động trở thành người chủ của các tư liệu sản xuất chủ yếu. Trên cơ sở* **chế độ công hữu** *về các tư liệu sản xuất,* **quyền làm chủ tập thể** *của nhân dân lao động được thiết lập.*

*40 năm qua, người Việt nam ta trải qua hai cuộc đổi đời: từ người dân mất nước, trở thành người công dân của một nước độc lập; từ người làm thuê trở thành người làm chủ.*

*Hiện nay, tuy mức sống vật chất của chúng ta chưa cao, nhưng chúng ta có lối sống đẹp, có khung cảnh sống kết hợp hài hòa con người với thiên nhiên đất nước.*

*Nước ta hiện nay đứng trong hàng ngũ những nước có chế độ xã hội tiên tiến nhất, tốt đẹp nhất trên thế giới.*

*Mặc dù kẻ thù ra sức nói xấu nhằm bôi nhọ chúng ta, trong tình cảm của nhân dân thế giới, Việt nam vẫn là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng và chủ nghĩa nhân đạo cách mạng được mọi người yêu mến, tin cậy.*

*Một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa không có giai cấp, không có người bóc lột người, trong đó người với người là bạn, đang được xây dựng. Đó là điều chưa từng có trong lịch sử lâu dài của dân tộc Việt nam ta.*

★

*Nguyện vọng lâu dài của người Việt nam chúng ta là nước nhà được độc lập, dân tộc được tự do, nhân dân được hạnh phúc. Người Việt nam chúng ta ai cũng muốn cho Tổ quốc được hùng mạnh và phồn vinh. Tổ quốc có hùng mạnh và phồn vinh thì mới giữ vững được chủ quyền dân tộc, bảo đảm cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân. Nếu ngày trước lý tưởng cao cả của người Việt nam là đánh đuổi quân ngoại xâm giành độc lập cho Tổ quốc, thì ngày nay, sau khi nước nhà đã độc lập và thống nhất, lý tưởng cao cả của chúng ta là xây dựng Tổ quốc hùng mạnh, phồn vinh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.*

*Có thực hiện* **công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa** *thì Tổ quốc mới hùng mạnh và phồn vinh. Vì chỉ có thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì nước ta mới có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, nhờ đó mà nước ta trở nên phồn vinh và hùng mạnh.*



Digitized by Google

*Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đang xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tự giác và chủ động tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, nắm vững nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.*

*Vượt qua địch họa, thiên tai liên tiếp, nặng nề, nhân dân ta đã làm được nhiều việc lớn. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xây dựng và củng cố. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được tăng cường ; nhiều công trình lớn được xây dựng, một số đã đi vào sản xuất ; nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực, tăng khá ; công nghiệp đã phục hồi và đang trên đà phát triển. Sự nghiệp văn hóa giáo dục đạt được những thành tích to lớn. Ngày nay Tổ quốc ta có thế và lực lớn mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây.*

*Những thành tựu mà nhân dân ta đạt được trong sự nghiệp xây dựng đất nước những năm qua sẽ còn to lớn hơn nữa nếu chúng ta không phạm sai lầm trong quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp ngăn cản việc phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương và cơ sở đã gây trở ngại cho công cuộc phát triển kinh tế.*

*Nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chúng ta sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa của chúng ta là nền sản xuất hàng hóa có kế hoạch, lấy kinh doanh làm phương tiện, lấy phục vụ làm mục đích. Chúng ta phục vụ thông qua kinh doanh chứ không phải thông qua bao cấp, không phải bằng phân phối hiện vật trực tiếp. Nếu kinh doanh tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản lấy thực hiện giá trị làm mục đích, chạy theo lợi nhuận với bất kỳ giá nào, thì kinh doanh xã hội chủ nghĩa của chúng ta lấy thực hiện giá trị sử dụng làm căn bản, nhằm mục đích phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đồng thời lấy giá trị làm một trong những phương tiện để đo lường và kích thích tăng hiệu quả kinh doanh, chất lượng phục vụ.*

*Đảng và Nhà nước ta thực hiện những chính sách và biện pháp có hiệu quả nhằm phát huy bằng được tinh thần làm chủ tập thể của mọi ngành, mọi cấp, của toàn thể nhân dân, nhằm khai thác những thế mạnh và tiềm năng to lớn của nước ta về đất đai, lao động, về cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, làm cho nước ta trở nên giàu mạnh, nhân dân ta no ấm, Tổ quốc ta được bảo vệ vững chắc, chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.*

*Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng, xây dựng Tổ quốc ta hùng mạnh và phồn vinh.*



Digitized by Google

# Liên minh ba nước Đông dương không ngừng lớn mạnh

Đại tướng **CHU HUY MÂN**

Ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia láng giềng anh em đã gắn bó với nhau từ xa xưa trong mối quan hệ tự nhiên về địa lý, xã hội và lịch sử của ba dân tộc. Cùng sống trên bán đảo Đông dương, ba nước có quan hệ địa lý mật thiết với nhau, núi liền núi, sông liền sông. Điều kiện tự nhiên ấy đã khiến ba dân tộc sớm giao lưu với nhau về kinh tế và văn hóa, hình thành mối quan hệ láng giềng thân thiện. Đặc biệt trong lịch sử nhiều thế kỷ, ba dân tộc luôn bị các thế lực phong kiến phản động phía bắc và phía tây đe dọa, xâm lược, nên ba dân tộc đã từng giúp đỡ lẫn nhau, dựa vào nhau, chống lại kẻ thù để tồn tại và phát triển.

Từ khi thực dân Pháp đặt ách thống trị tàn bạo lên bán đảo Đông dương thì ba dân tộc cùng chịu nỗi đau mất nước, cùng có kẻ thù chung và cùng nổi dậy đấu tranh giành độc lập. Tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau chống xâm lược trở nên khăng khít và rõ nét hơn. Từ đây, nhân dân ba nước cùng chung mục đích đấu tranh vì độc lập tự do, tiến bộ xã hội, phồn vinh đất nước và bình đẳng giữa các dân tộc. Nổi lên trong thời kỳ này là sự phối hợp chiến đấu giữa lực lượng yêu nước của Đốc Huân ở vùng Đồng tháp mười (Việt nam) với phong trào Acha Soa, Cha la Chuk, Kracôhon (Cam-pu-chia) năm 1865 – 1866; giữa phong trào yêu nước của người Thượng ở Tây nguyên Việt nam với cuộc khởi nghĩa do ông Kẹo và ông Comadam lãnh đạo năm 1901 – 1937 ở Hạ Lào; giữa nhân dân yêu nước ở các vùng Thanh hóa, Hòa bình, Sơn la (Việt nam) với cuộc nổi dậy của nhân dân Lào ở Sầm nưa, Xiêng khoảng (Lào) năm 1918 – 1922... Những cuộc nổi dậy đấu tranh yêu nước, chính nghĩa ấy của ba dân tộc Đông dương đều thất bại và bị dìm trong biển máu. Sự đoàn kết phối hợp chiến đấu của nhân dân ba nước trong thời kỳ này còn mang tính chất tự phát, rời rạc.

Kế thừa truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc, nặng lòng yêu nước thương dân, nung nấu chí căm thù giặc, thấy rõ sự bế tắc về đường lối của các phong trào yêu nước, năm 1911 đồng chí Nguyễn Ái Quốc, nhà yêu nước và chiến sĩ quốc tế vĩ đại mà năm nay chúng ta kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh, đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Sau nhiều năm lao động, nghiên cứu học tập khắp bốn biển, năm châu Người đã đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đến nước Nga quê hương của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, tìm thấy và khẳng định « Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản ». Từ đó,



Digitized by Google

Người ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt nam và Đông dương chuẩn bị thành lập chính đảng của giai cấp công nhân, và ngày 3-2-1930 Đảng cộng sản Đông dương, tiền thân của các Đảng cộng sản Việt nam, Đảng nhân dân cách mạng Lào, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã ra đời.

Ngay từ ngày đầu thành lập, Đảng cộng sản Đông dương đã xác định đúng đắn, rõ ràng đối tượng cách mạng, kẻ thù chủ yếu phải đánh đổ là đế quốc, phong kiến, đường lối cách mạng là giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ; lực lượng của cách mạng là toàn thể dân tộc, nòng cốt là liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông dương. Từ đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo khôn khéo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng ở Việt nam cũng như ở cả ba nước Đông dương bùng lên như lửa đốt rừng khô, như diều gặp gió. Trong khói lửa đấu tranh đó sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau chống kẻ thù chung của ba dân tộc Đông dương từ tự phát dần dần trở thành tự giác, phát triển ngày càng mạnh mẽ. Hoảng sợ trước sự lớn mạnh của cách mạng Đông dương, kẻ thù đã thẳng tay đàn áp, khủng bố trắng, nhưng người trước ngã người sau xốc tới, những chiến sĩ cộng sản Đông dương vẫn nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế. Nhân dân ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia được Đảng cộng sản Đông dương tổ chức, giáo dục trong mối quan hệ kiểu mới, kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, vững tin vào thắng lợi cuối cùng.

Tháng Tám năm 1945, nắm vững thời cơ khách quan thuận lợi là Liên xô và đồng minh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật, Đảng cộng sản Đông dương đã kịp thời phát động toàn dân nhanh chóng vùng lên tổng khởi nghĩa, đập tan bộ máy thống trị thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa được thành lập. Đảng bộ Lào đã kịp thời lãnh đạo nhân dân nổi dậy xóa bỏ bộ máy thống trị phản động, thành lập chính quyền nhân dân ở Viêng chăn và một số thành phố, thị xã, lập ra chính phủ Lào độc lập ; đảng bộ Cam-pu-chia nhanh chóng phát triển phong trào đấu tranh của toàn dân, nhiều cuộc biểu tình bãi khóa, bãi thị nổ ra, nhiều căn cứ cách mạng được xây dựng ở khắp nơi trong nước. Đây là thành quả to lớn đầu tiên của Liên minh ba nước Đông dương, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo trong thời đại mới. Chẳng bao lâu thực dân Pháp được đế quốc Anh – Mỹ giúp đỡ, mang quân quay lại xâm lược Việt nam, Lào, Cam-pu-chia. Cả ba dân tộc Đông dương lại đứng trước nguy cơ bị nô dịch một lần nữa. Mặc dù gặp muôn vàn khó khăn trong tình thế « ngàn cân treo sợi tóc », nhưng với tinh thần « thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ », nhân dân ba nước Đông dương tăng cường đoàn kết, cùng đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, anh dũng chống kẻ thù chung.

Cuộc chiến đấu không cân sức cả về kinh tế, quốc phòng và trang bị kỹ thuật mà ba dân tộc Đông dương buộc phải chấp nhận tưởng chừng như « trứng chọi với đá », « châu chấu đá voi ». Giặc Pháp ra sức chia rẽ ba dân tộc, chia rẽ nhân dân trong từng nước theo chính sách nham hiểm « chia để trị », đồng thời chúng lại lấy cả Đông dương làm một chiến trường để bao vây, chia cắt hòng để bẹp lực lượng



Digitized by Google

kháng chiến của từng nước và cả ba nước.

Song, đường lối đúng đắn, sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo ra và nhân sức mạnh của liên minh ba nước Đông dương lên gấp bội. Sự trưởng thành mạnh mẽ của cách mạng ba nước và đòi hỏi khách quan của cách mạng mỗi nước đã dẫn đến việc từ một Đảng chung, Đảng cộng sản Đông dương, mà thành lập các đảng mác xít — lê nin nít ở ba nước. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, bằng xương máu, mồ hôi và công sức của mình, quân và dân ba nước anh em đã tận tụy hy sinh suốt 9 năm chiến đấu cực kỳ gian khổ, quyết liệt, đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, can thiệp Mỹ đến thắng lợi lịch sử mà đỉnh cao là chiến dịch Điện biên phủ « chấn động địa cầu ». Nhân dân ba nước đã hết lòng hết sức đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trên tinh thần tự lực tự cường, lòng yêu nước nồng nàn gắn bó chặt chẽ với tinh thần quốc tế trong sáng.

Liên minh ba nước Đông dương là một nhân tố quan trọng tạo ra sức mạnh để nhân dân ba nước giành được thắng lợi đó.

Thực dân Pháp thất bại, đế quốc Mỹ đã nhảy vào hất cẳng Pháp, tiến hành chiến tranh thực dân kiểu mới xâm lược miền Nam Việt nam, Lào và Cam-pu-chia. Đế quốc Mỹ đã sử dụng các lực lượng phản động, mọi vũ khí, kỹ thuật quân sự hiện đại (trừ vũ khí hạt nhân), thi thố hết chiến lược chiến tranh này đến chiến lược chiến tranh khác một cách cực kỳ dã man hòng khuất phục nhân dân ba nước Đông dương. Cũng như thực dân Pháp trước đây đối với Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ đã dùng nước này làm địa bàn bao vây hòng phá thế chiến lược kháng chiến và cách mạng của nước kia. Trên thực tế, đế quốc Mỹ cũng đã biến Đông dương thành một chiến trường. Trước tình hình khách quan đó, nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng của ba nước Đông dương đã đoàn kết, phối hợp với nhau trên quan điểm Đông dương là một chiến trường. Qua cuộc chiến đấu ác liệt chống kẻ thù chung, tình đoàn kết chiến đấu, hữu nghị đặc biệt của nhân dân ba nước lại một lần nữa được thử thách và tôi luyện. Liên minh ba nước Đông dương trở thành thực tế lịch sử.

Dưới sự lãnh đạo của ba Đảng, nhân dân ba nước đã giành được thắng lợi kỳ diệu « đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào ». Với thắng lợi đó, ba nước Việt nam, Lào ; Cam-pu-chia đi vào kỷ nguyên phát triển rực rỡ của dân tộc mình, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Lịch sử lại chứng minh lần nữa, liên minh ba nước Đông dương là một nhân tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc của mỗi nước cũng như của cả ba dân tộc Đông dương.

Thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ cũng là thất bại đau đớn của bọn phản động Bắc kinh vốn từ lâu có ý đồ thôn tính ba nước Đông dương, bành trướng xuống Đông Nam Á. Ba nước Đông dương đoàn kết, hợp tác trong độc lập tự do và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội là một trở ngại cho việc thực hiện tư tưởng sô vanh đại hán tộc của chúng ở khu vực này và trên thế giới. Do vậy sau khi ba nước vừa giành được chiến thắng, chúng đã dùng bọn phản động Khơ-me làm tay sai đắc lực thực hiện chính sách diệt chủng ở Cam-pu-chia, phát động chiến tranh xâm lược Việt nam ở phía tây nam, lôi kéo, kích động bọn phản động chống phá cách mạng ở Lào. Nhân dân và các lực lượng cách mạng Việt nam, Lào đã hết lòng giúp đỡ những người yêu nước Cam-pu-chia đánh bại bọn diệt chủng tay sai của Bắc kinh. Đất nước có nền



Digitized by Google

văn minh Ăng co huy hoàng đã được cứu nguy, nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ra đời. Liền sau đó tháng 2 năm 1979, bọn phản động Bắc kinh lại đưa hơn 60 vạn quân trực tiếp xâm lược 6 tỉnh biên giới phía bắc Việt nam. Nhưng, như mọi người đều biết chúng cũng đã thất bại nhục nhã. Chính với sự liên minh chiến đấu, đoàn kết gắn bó chặt chẽ, hết lòng giúp đỡ lẫn nhau, nhân dân ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đã bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu của mình. Liên minh ba nước Đông dương là một nhân tố quyết định tạo cho nhân dân ba nước sức mạnh to lớn đó.

Như vậy do nhu cầu khách quan của sự tồn tại và phát triển, nhân dân Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đã phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. Từ khi có Đảng của giai cấp công nhân ba nước ra đời và lãnh đạo, nhân dân ba nước ý thức được ngày càng đầy đủ tính tất yếu đó. Nhân dân ba nước anh em đã một lòng chung thủy sắt son, sẻ cơm nhường áo, sống chết bên nhau, biết hy sinh cho nhau để giành thắng lợi chung, liên minh chiến đấu vì mỗi nước và mỗi nước sẵn sàng hy sinh chiến đấu vì liên minh.

Ngày nay liên minh của nhân dân ba nước Đông dương đã phát triển lên thành liên minh Nhà nước của ba quốc gia láng giềng thân thiện, độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ do ba đảng mác xít — lê nin nít chân chính lãnh đạo.

Một sự kiện đặc biệt đáng ghi nhớ là tháng 2-1983, hội nghị cấp cao đại diện ba Nhà nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đã họp tại Viên chăn, thủ đô nước Lào tươi đẹp. Từ thực tiễn của cả quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ba nước, hội nghị đã tổng kết : « *Liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc là một quy luật phát triển của cách mạng ba nước và là một nhân tố cơ bản để đánh thắng mọi kẻ thù và giành lấy độc lập, tự do của mỗi nước. Mỗi khi khối đoàn kết giữa ba nước bị phá hoại thì nền độc lập của mỗi nước bị lâm nguy* ».

Với bản tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao của ba Nhà nước, liên minh chiến lược, chiến đấu ba nước Đông dương từ nay có cơ sở pháp lý đầy đủ, bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả ba nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, góp phần thực hiện mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay trên thế giới, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đang cùng các thế lực phản động khác tăng cường liên minh toàn cầu phản cách mạng, điên cuồng chạy đua vũ trang kể cả trên vũ trụ hòng giành ưu thế quân sự đối với Liên xô, ngăn chặn ba dòng thác cách mạng, mưu toan đẩy loài người vào cuộc chiến tranh hạt nhân hủy diệt. Trong khi chưa thể phát động chiến tranh thế giới, chúng dựa vào các liên minh khu vực được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, gây chiến tranh khu vực nhằm thực hiện mưu đồ đen tối của chúng.

Chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc ngày càng câu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ và các lực lượng phản động khác hòng thực hiện âm mưu cơ bản lâu dài là làm suy yếu và thôn tính Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, mở đường tràn xuống Đông Nam Á. Chúng đang tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với ba nước Đông dương, đồng thời tích cực chuẩn bị chiến tranh quy mô lớn xâm lược cả ba nước.

Thực tế chứng tỏ đế quốc Mỹ là kẻ thù cơ bản lâu dài của cách mạng thế giới, bọn phản động Trung quốc là kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân ba nước Đông dương.

Ngày nay cũng như trước kia kẻ địch nào cũng vậy vừa chia rẽ ba nước Đông dương để làm suy yếu thế và lực



Digitized by Google

của cách mạng ba nước, vừa lấy cả Đông dương làm một chiến trường để chống lại cách mạng từng nước và cả ba nước Đông dương. Chia rẽ ba nước Đông dương, coi ba nước Đông dương là một chiến trường đã trở thành chính sách cổ truyền, có vị trí chiến lược quan trọng hàng đầu của mọi kẻ thù của nhân dân ba nước nhằm phục vụ ý đồ chính trị nhất quán của chúng là thôn tính và thống trị cả ba nước.

Thực tế khách quan đó đã chỉ cho nhân dân Việt nam cũng như nhân dân Lào, Cam-pu-chia con đường tất yếu, duy nhất đúng đắn là phải tự nguyện, chủ động và kiên định lấy Đông dương là một chiến trường để đoàn kết, phối hợp chiến lược, chiến đấu đánh bại kẻ thù chung, giành lại và bảo vệ độc lập tự do cũng như xây dựng đất nước mình giàu mạnh.

Nếu như trước đây liên minh ba nước Đông dương đã tạo cho nhân dân ba nước chúng ta sức mạnh to lớn mà nhờ đó đã giành được thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thì ngày nay trong giai đoạn mới của cách mạng cũng như mãi mãi về sau, chúng ta không một phút lơi lỏng việc củng cố và tăng cường liên minh đó để bảo vệ vững chắc nền độc lập đã giành được và xây dựng đất nước chúng ta ngày càng phồn vinh. Chúng ta phấn đấu làm cho nhân dân, cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam (cũng như nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng của Lào, Cam-pu-chia anh em) nhận thức sâu sắc bản chất phản động và âm mưu nham hiểm của kẻ thù. Từ đó mà mài sắc tinh thần cảnh giác, cảnh giác thật sự, sẵn sàng đoàn kết, phối hợp cùng nhau đập tan mọi hành động của chúng. Kinh nghiệm đấu tranh cách mạng của nhân dân ba nước Đông dương cho thấy : bản chất và âm mưu của địch không hề thay đổi. Trong quá trình đấu tranh, chúng thường có những thủ đoạn quân sự, chính trị, ngoại giao lắt léo. Nhưng thủ đoạn sách lược đó dù ngụy trang dưới hình thức nào cũng đều nhằm phục vụ ý đồ chiến lược, nhằm đạt mục tiêu cơ bản không thay đổi của chúng.

Về phía ta, tùy theo tình hình phát triển cụ thể trong từng thời kỳ nhất định có thể có những hình thức đấu tranh thích hợp. Đó là điều tất nhiên và nhằm làm cho vị trí chiến lược của ta mạnh lên, phục vụ đắc lực cho mục tiêu chiến lược của ta. Nhân dân và lực lượng vũ trang ta tuyệt đối không bao giờ được mơ hồ, lẫn lộn giữa sách lược và chiến lược. Là người cầm súng trực tiếp bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân, lực lượng vũ trang ta nắm vững điều quan trọng mà thực tế lịch sử đã nhiều lần chứng minh, là thắng lợi triệt để của cách mạng chỉ có thể được giải quyết bằng thực lực cách mạng của chính mình ở trên chiến trường.

Trong giai đoạn mới của cách mạng đường lối của Đảng đã chỉ cho nhân dân chúng ta nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ đó liên quan mật thiết với nhau, trở thành quy luật tồn tại và phát triển của mọi dân tộc trong thời đại ngày nay, khi cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa thành công trên đại bộ phận hành tinh chúng ta. Liên minh ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia mà Hội nghị cấp cao Đông dương đã tổng kết là quy luật sống còn của mỗi nước cũng như của ba nước chúng ta, hoàn toàn phù hợp với quy luật phổ biến đó của thời đại. Chỉ có không ngừng củng cố, tăng cường liên minh ba nước Đông dương, chúng ta mới có đủ sức mạnh để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Chỉ có tăng cường được liên minh ba nước Đông dương, nhân dân Việt nam cũng như nhân dân Lào, Cam-pu-chia



Digitized by Google

mới khai thác, sử dụng ngày càng có hiệu quả và bổ sung được cho nhau tiềm năng phong phú về lao động và tài nguyên, giúp nhau giải quyết những nhu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống, chuẩn bị cho những chương trình xây dựng đất nước lâu dài phù hợp với kế hoạch của mỗi nước, dần dần gắn bó liên kết với nhau trong chiến lược phát triển kinh tế chung.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đặt ra cho quân và dân ta cũng như cho nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng hai nước bạn nhiệm vụ phải củng cố và tăng cường liên minh, nắm vững quan điểm Đông dương là một chiến trường, nhiệm vụ đó yêu cầu nhân dân ba nước anh em tích cực giúp đỡ lẫn nhau trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội.

Nhân dân Việt nam cũng như nhân dân Lào, Cam-pu-chia anh em tăng cường đoàn kết chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng mình, thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng mình là để làm cho nước mình giàu mạnh lên trong sự giàu mạnh chung của Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của mỗi nước, làm cho mỗi nước và cả ba nước giàu mạnh lên là con đường đúng đắn để thiết thực tăng cường liên minh ba nước.

Trong nhiệm vụ củng cố, tăng cường liên minh ba nước Đông dương, ngày nay cũng như trước kia, nhân dân và lực lượng vũ trang chúng ta tuyệt đối tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đó là mối quan hệ tự nguyện, thật sự bình đẳng, không phân biệt nước lớn hay nước nhỏ, cách mạng thành công trước hay sau, sự giúp đỡ nhiều hay ít... mọi vấn đề thuộc quan hệ giữa ba nước đều nhất thiết và hoàn toàn có thể giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hiểu biết lẫn nhau. Trong kinh tế, việc hợp tác và tương trợ với tinh thần bình đẳng, có đi có lại thì các bên đều cùng có lợi, có ưu tiên, ưu đãi cho nhau...

Hồ Chủ tịch đã dạy quân và dân ta « Giúp bạn là tự giúp mình ». Quân và dân ta nhận thức sâu sắc rằng khi nền độc lập của Lào và Cam-pu-chia anh em bị lâm nguy thì Tổ quốc Việt nam sẽ bị uy hiếp. Cách mạng Việt nam cũng như cách mạng Lào, Cam-pu-chia bao giờ cũng là một bộ phận của cách mạng thế giới. Với tinh thần đó, quân và dân ta nhìn thấy trong thắng lợi của mình có sự đóng góp cao cả của nhân dân Lào, Cam-pu-chia anh em và biết ơn sâu sắc sự giúp đỡ quý báu đó, đồng thời coi thắng lợi của Lào, Cam-pu-chia là thắng lợi của bản thân nước mình. Cùng trên tinh thần đó, thể theo yêu cầu của bạn, nhân dân Việt nam đã và tiếp tục cử những người con ưu tú của mình đi công tác, chiến đấu trên chiến trường bạn. Các chuyên gia, quân tình nguyện Việt nam đã hết lòng hết sức, chấp nhận mọi khó khăn gian khổ, hy sinh chiến đấu phối hợp với quân và dân nước bạn, bảo vệ tính mạng, giữ vững từng tấc đất và mọi tài sản, tài nguyên của nước bạn. Tình nghĩa quốc tế trước sau như một của quân và dân Việt nam đã và đang góp phần thiết thực củng cố, tăng cường liên minh ba nước Đông dương.

Thực tiễn hình thành và phát triển của liên minh ba nước Đông dương đã chứng minh rằng nền tảng tư tưởng của liên minh đó là chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Đảng cộng sản Việt nam cũng như các đảng anh em ở Lào, Cam-pu-chia luôn luôn giáo dục nhân dân mình từ thế hệ này qua thế hệ khác theo tinh thần đó, coi



Digitized by Google

tinh thần đó là một nội dung quan trọng trong chiến lược xây dựng con người mới. Một mặt Đảng ta không ngừng giáo dục nhân dân và lực lượng vũ trang ta hiểu biết sâu sắc về đất nước, xã hội và con người, lịch sử và truyền thống đấu tranh cách mạng của các nước anh em, xây dựng tình cảm yêu mến dân tộc bạn như dân tộc mình, góp phần làm cho nhân dân ba nước ngày càng gắn bó chặt chẽ với nhau. Mặt khác Đảng ta kiên quyết đấu tranh chống những âm mưu hành động chia rẽ ba dân tộc, chống mọi biểu hiện xa lạ với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng như dân tộc hẹp hòi hoặc sô vanh nước lớn.

★

Thành quả vĩ đại nhất của quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân Việt nam, Lào, Cam-pu-chia là ba nước giành được độc lập, thống nhất cho Tổ quốc mình, cả ba nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt, liên minh chiến lược, chiến đấu trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Mọi thắng lợi của nhân dân ba nước Đông dương cũng như mối quan hệ và liên minh đó đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo kiên cường, sáng suốt với đường lối đúng đắn của ba đảng mác xít—lê nin nít, ba đội tiên phong của giai cấp công nhân của ba nước trên bán đảo Đông dương, đều gắn liền với thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập ra Đảng cộng sản Đông dương, người đặt nền móng đầu tiên và vun đắp cho mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt và liên minh chiến lược, chiến đấu của ba nước anh em. Liên minh ba nước Đông dương đã tạo ra sức mạnh to lớn làm cho nhân dân Việt nam, Lào, Cam-pu-chia giành được thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mình, đã trở thành quy luật tồn tại và phát triển của ba dân tộc. Liên minh ba nước Đông dương là bộ phận ở một hướng chiến lược của liên minh quốc tế xã hội chủ nghĩa và lực lượng cách mạng thế giới do Liên xô làm trụ cột, là nhân tố quan trọng của hòa bình, ổn định, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

Ngày nay trong giai đoạn mới của cách mạng, trước âm mưu của kẻ thù, ba nước tiếp tục đoàn kết chiến đấu, ra sức củng cố, tăng cường sức mạnh của liên minh nhằm giúp nhau xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, góp phần tăng cường sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Đó là sự nghiệp cao cả, chính nghĩa, hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng sâu xa của nhân dân ba nước Đông dương và quy luật phát triển của xã hội loài người.

Digitized by Google

# Công đoàn và sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

VẬN dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, Đảng ta đã đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của công nghiệp hóa, coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Đó là đường lối đúng đắn, cách mạng và khoa học.

Trong những năm gần đây, do có những thiếu sót trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện, do chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu, nội dung, biện pháp tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, do cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, do chưa giải quyết tốt các vấn đề giá — lương — tiền, cho nên trong công nhân chưa thật sự có phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ và sôi nổi để tiến quân vào mặt trận rất quan trọng này.

Để cùng toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, trách nhiệm to lớn của công đoàn là ra sức giáo dục, tổ chức và động viên công nhân, viên chức quán triệt tư tưởng chiến lược của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể, thực hiện một cách gương mẫu, sáng tạo và có hiệu quả mọi chủ trương Đảng đã vạch ra.

★

Trước hết, công đoàn cần làm cho công nhân, viên chức hiểu sâu sắc rằng, để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, để thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho hiện tại và tương lai, không có con đường nào khác là thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử, một quy luật bắt buộc đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước mà nền kinh tế kém phát triển như nước ta. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, như Đảng ta đã khẳng định, là phải xây dựng từ gốc đến ngọn, từ cơ sở đến cấu trúc thượng tầng, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, trong đó đặc biệt phải nhanh chóng tạo ra « cái cốt vật chất » của chủ nghĩa xã hội.

Không thấu triệt quan điểm cơ bản này là xa rời nguyên lý của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội; và trong hành động thực tế sẽ làm chậm tốc độ xây dựng công nghiệp, làm suy yếu vai trò chủ đạo của công nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân. Nói đến công nghiệp hóa, trước hết là nói đến phát triển công nghiệp nặng. Đối với nước ta, Đảng ta đã tìm ra hình thức kinh tế thích hợp với chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là xây dựng cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý tiến tới công — nông nghiệp hiện



Digitized by Google

đại. Vì vậy, sự hiểu biết về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta không thể dừng lại ở những nguyên lý chung, mà phải hiểu và nắm được nội dung và thực chất đường lối kinh tế của Đảng.

Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ ra *những nội dung chính của công nghiệp xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt ở nước ta* là: *« Cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý »* (1).

Để khắc phục và ngăn ngừa những nhận thức, những khuynh hướng sai trái trong việc chấp hành đường lối nói trên của Đảng, nghị quyết Hội nghị thứ 4 của BCHTƯD lại chỉ rõ: « Không xem nông nghiệp hiện nay là mặt trận hàng đầu là sai lầm; nhưng xem nhẹ *nhiệm vụ trung tâm của suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với nội dung kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý cũng là sai lầm ».

Cùng với việc làm rõ những quan điểm cơ bản nói trên của Đảng, công đoàn cần làm cho công nhân, viên chức nhận thức sâu sắc rằng, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng trước hết phải là sự nghiệp của giai cấp công nhân, giai cấp gắn liền và tiêu biểu cho phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, lực lượng cơ bản, và là cơ sở xã hội chủ yếu của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là một sự nghiệp vẻ vang nhưng hết sức nặng nề mà lịch sử đã giao phó cho giai cấp công nhân. Mỗi công nhân, viên chức phải nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Công đoàn cần làm cho công nhân, viên chức thấy rõ trong bước đường đi lên, chúng ta không chỉ có thuận lợi, mà còn có rất nhiều khó khăn. Khó khăn lớn nhất của ta hiện nay là nhu cầu về vốn tích lũy cho công nghiệp hóa rất lớn, trong khi khả năng đáp ứng của nền kinh tế chỉ có hạn. Điều đó đòi hỏi những người lao động không những phải nhiệt tình và sáng tạo lao động để đạt hiệu quả ngày càng cao, mà còn phải có sự chịu đựng, hy sinh cần thiết cho hiện tại và ngày mai. Nếu như làm ra bao nhiêu tiêu dùng hết bấy nhiêu, thậm chí làm ít tiêu dùng nhiều, thì sẽ không bao giờ chúng ta có thể tích lũy vốn để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

★

Cùng với việc giáo dục công nhân, viên chức quán triệt đường lối, quan điểm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng, công đoàn có trách nhiệm rất lớn trong việc phát động và tổ chức phong trào hành động cách mạng của giai cấp công nhân, động viên công nhân, viên chức tiến quân mạnh mẽ vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu cụ thể, quan trọng nhất, quyết định nhất đối với phong trào hành động cách mạng của công nhân, viên chức là năng suất cao, chất lượng tốt, hiệu quả kinh tế nhiều trên cơ sở lấy sản xuất làm gốc.

(1) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 62 — 63.



Digitized by Google

*Trong công nghiệp*, công đoàn phải trên cơ sở tham gia sắp xếp lại sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế mà vận động công nhân, viên chức nêu cao ý thức làm chủ tập thể, khai thác và sử dụng tốt nhất, hợp lý nhất các nguồn khả năng về vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị và lao động để hoàn thành thắng lợi mọi kế hoạch sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

Sản phẩm cho sản xuất và cho tiêu dùng xã hội hiện đang rất thiếu; cả nước thiếu, từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở thiếu; và ngay từng gia đình, từng người lao động hằng ngày đang rất thiếu. Trong lúc đó, công suất máy móc, thiết bị mới sử dụng trên một nửa; giờ công lao động và ngay cả lực lượng lao động trong công nghiệp còn từ 20 – 30% chưa được sử dụng; nguyên liệu, vật liệu sản xuất bị lãng phí, mất mát trên 10%. Ở đây có trách nhiệm của công nhân, viên chức là người làm chủ tập thể trực tiếp ở cơ sở, đồng thời có trách nhiệm của những người lãnh đạo, quản lý và ban chấp hành công đoàn cơ sở. Quan điểm sản xuất, ý thức làm chủ tập thể của người công nhân giác ngộ xã hội chủ nghĩa phải được thể hiện cụ thể ở tinh thần lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao và chất lượng tốt; kiên quyết chống lại thói chây lười lao động, lãng phí của công, chăm lo thu vén cho lợi ích không chính đáng của bộ phận, của cá nhân... Trốn tránh lao động, làm không trọn nghĩa vụ lao động, hoặc làm hàng xấu, hàng hỏng... trên thực tế là sống dựa vào lao động của người khác. Những hiện tượng dành cho mình phần lợi nhuận cao bằng xà xẻo lợi ích của Nhà nước, của tập thể là hiện tượng xa lạ với bản chất của người công nhân trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Hành động cách mạng của người công nhân trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa không phải chỉ nhằm xóa bỏ triệt để mọi sự áp bức, bóc lột trong xã hội, mà còn nhằm chống lại những hành vi ăn bám, dựa dẫm, tư tưởng cá nhân, trục lợi ngay trong nội bộ giai cấp mình, trong gia đình mình, bản thân mình.

Trong những năm trước mắt, phong trào thi đua của công nhân, viên chức do công đoàn tổ chức phải nhằm thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển trên cơ sở sử dụng hợp lý nhất, có hiệu quả nhất tiềm năng của đất nước, khả năng của máy móc, thiết bị, lao động đã có và sẽ có để hoàn thành các kế hoạch sản xuất. Công đoàn phải tham gia thiết thực và có hiệu lực với cơ quan Nhà nước trong việc giáo dục công nhân, viên chức thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động, kết hợp hài hòa 3 lợi ích kinh tế làm động lực cho phong trào thi đua. Công đoàn phải rất chú trọng vấn đề phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, coi đây là biện pháp quan trọng để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. Cho nên công đoàn cần chú trọng tổ chức phong trào tập thể của những người lao động ở trong từng đơn vị cơ sở, trong từng tổ, đội lao động, làm cho mỗi đơn vị đó thật sự là một trường học – nơi rèn luyện tư tưởng và nghề nghiệp của công nhân, viên chức.

Trong lúc chú trọng biện pháp tổ chức và kinh tế, công đoàn không lơ là việc thường xuyên bồi dưỡng nâng cao giác ngộ chính trị, ý thức làm chủ tập thể cho công nhân, viên chức. Đó vừa là một động lực của phong trào cách mạng của quần chúng, vừa là mục tiêu xây dựng người công nhân mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Ý thức chính trị, tinh thần làm chủ tập thể của người công nhân, viên chức phải được thể hiện cụ thể trước hết trong việc gương mẫu lao động và tự giác chấp hành kỷ luật lao động. Củng cố và tăng cường kỷ luật lao động trong giai cấp công nhân, cũng



Digitized by Google

như trong xã hội ta — một xã hội bị thói quen tự do, tản mạn thống trị lâu đời — là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa rất sâu xa về kinh tế cũng như về chính trị. Khi nước Nga bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã nhấn mạnh: «Phải tập trung tất cả sự chú ý vào các vấn đề kỷ luật lao động, mà kỷ luật lao động là then chốt của toàn bộ công cuộc xây dựng kinh tế của chủ nghĩa xã hội, là cơ sở trong sự nhận thức của chúng ta về chuyên chính vô sản» (2).

Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯĐ là một điều kiện rất quan trọng cho sự phát triển của phong trào thi đua lao động sản xuất trong các cơ sở công nghiệp. Các cấp công đoàn cần hướng hoạt động của mình vào việc đấu tranh xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao vai trò chủ động và sáng tạo của cơ sở. Cán bộ công đoàn phải phấn đấu nâng cao trình độ hiểu biết về quản lý kinh tế và có phương pháp vận động, tổ chức quần chúng thích ứng với yêu cầu tham gia quản lý kinh tế.

*Trong nông nghiệp:* Nội dung hàng đầu và chủ yếu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt ở nước ta là đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý. Nếu không có sự tác động trực tiếp và sự xâm nhập ngày càng nhiều của công nghiệp về mặt kỹ thuật cũng như về tổ chức sản xuất và quản lý thì nông nghiệp tự nó không thể chuyển thành nông nghiệp sản xuất lớn được. Bởi vì, nói sản xuất lớn hay sản xuất nhỏ không phải chỉ là nói về quy mô tổ chức, mà quan trọng nhất, quyết định nhất là trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của nó. Những năm gần đây, do thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển về năng suất và sản lượng, nhưng chắc chắn sẽ không thể tiếp tục tăng mãi nếu thiếu vai trò của công nghiệp; thực tế ở nhiều nơi cho thấy sự phát triển đó đã có chiều hướng chậm lại. Sự kích thích nhiệt tình lao động của người lao động dù cao đến mức nào cũng không thể thay thế được việc đổi mới công cụ lao động và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiến bộ, sử dụng các giống mới có năng suất cao vào trồng trọt, chăn nuôi. Mà những việc ấy tự nông nghiệp và nông dân không giải quyết được; nó phải dựa vào công nghiệp, vào giai cấp công nhân và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Các cấp công đoàn cần làm cho công nhân, viên chức hiểu rõ rằng, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa cũng là một nhiệm vụ cơ bản, trực tiếp và lâu dài của phong trào công nhân và công đoàn nước ta.

Phong trào thi đua của công nhân, viên chức phải nhằm đáp ứng một cách tốt nhất, thuận tiện nhất những yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, trước hết là những yêu cầu về máy móc, công cụ, vật tư nông nghiệp, năng lượng, thủy lợi, giống cây, giống con... Công đoàn các cấp, các ngành, trước hết là công đoàn ở các cơ sở phục vụ sản xuất nông nghiệp, công đoàn các huyện cần phát huy tốt các kinh nghiệm gắn phong trào thi đua của công nhân, viên chức với yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chẳng hạn như phong trào tưới nước, tiêu nước khoa học theo điển hình tiên tiến cụm thủy nông Cầu Ghẽ; phong trào đưa phân bón về tận nơi sản xuất theo các điển hình của

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 40, tr. 350.



Digitized by Google

Hà bắc, An giang...; phong trào bảo vệ giống cây trồng theo các điển hình của Long an, Hải phòng; phong trào liên kết xây dựng các vùng lúa cao sản, các vùng chuyên doanh rau quả, cây công nghiệp và các cụm kinh tế — kỹ thuật theo các điển hình ở Đại lộc (Quảng nam — Đà nẵng), Thủ đức (thành phố Hồ Chí Minh) v.v.

Chính nhờ có sự tác động và xâm nhập của công nghiệp vào nông nghiệp mà trong những năm qua, mặc dù còn rất nhiều khó khăn, nông nghiệp vẫn có bước phát triển đáng kể, tạo nên hình ảnh đẹp đẽ: hai giai cấp (công nhân và nông dân tập thể) cùng làm ra một sản phẩm, cùng nhau xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Trong các cơ sở nông nghiệp quốc doanh (nông trường, trạm, trại...), các liên hợp nông — công nghiệp, công đoàn cần làm tốt việc vận động công nhân, viên chức thực hiện mục tiêu nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng, con vật nuôi, sản xuất và kinh doanh có lãi, nêu gương cho các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất trong việc áp dụng cơ chế quản lý mới, kỹ thuật tiến bộ và xây dựng cuộc sống mới. Việc hình thành các vùng tập trung cây công nghiệp (cao su, cà phê, chè, dạy, mía, cây có dầu...) đang đặt ra những vấn đề mới đối với hoạt động của công đoàn, nhất là ở những vùng liên doanh nông — công nghiệp. Công đoàn phải từ yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất mà định ra những nội dung và phương thức hoạt động sao cho có hiệu quả thiết thực nhất, góp phần thúc đẩy sản xuất ngày càng phát triển.

Công đoàn huyện cần vươn lên thực hiện tốt vai trò liên kết phong trào của các ngành sản xuất công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; liên kết các cơ sở quốc doanh đóng trên địa bàn huyện với các đơn vị kinh tế tập thể trong huyện nhằm thực hiện thắng lợi các kế hoạch sản xuất.

Như vậy, phục vụ nông nghiệp, nói đúng hơn là tác động vào nông nghiệp cũng là một nội dung cơ bản của phong trào công nhân nước ta. Thực hiện khẩu hiệu «công nông cùng làm chủ» mà đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã đề ra, cuộc vận động công nghiệp phục vụ nông nghiệp mở ra chân trời rộng lớn cho sự phát triển của phong trào công nhân và hoạt động của công đoàn, mở rộng phạm vi và không gian hoạt động của công đoàn, tạo tiền đề cho công đoàn tiến tới thực hiện vai trò «trường học cộng sản chủ nghĩa cho nông dân» như Lê-nin tiên đoán.

Dương nhiên, tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa không phải chỉ là giải quyết các vấn đề về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, mà còn nhằm giải quyết hàng loạt các vấn đề khác của nền kinh tế nhằm phát triển mạnh mẽ và đồng bộ mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội như giao thông vận vải, xây dựng cơ bản, phân phối, lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu, văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật,... Mỗi lĩnh vực đều giữ một vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, có ảnh hưởng to lớn đối với nền kinh tế quốc dân. Công đoàn ở các ngành này căn theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình, ra sức giáo dục, động viên và tổ chức công nhân, viên chức phát huy quyền làm chủ tập thể, thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.

Một nhiệm vụ cấp thiết của công đoàn là phải *tích cực chăm lo xây dựng đội ngũ công nhân*. Bởi vì không có giai cấp công nhân thì không thể có công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, không thể có nền công nghiệp hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công đoàn



Digitized by Google

phải cùng với các cơ quan Nhà nước có kế hoạch xây dựng và phát triển đội ngũ công nhân tương ứng với kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội, làm cho đội ngũ công nhân có đủ khả năng đảm đương được những nhiệm vụ công nghiệp hóa, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo, là đội ngũ hùng hậu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong việc xây dựng đội ngũ công nhân, đi đôi với chăm lo nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cho công nhân, viên chức, công đoàn phải rất quan tâm ổn định và từng bước nâng cao đời sống và sức khỏe của công nhân, viên chức. Trong những năm gần đây, với sự tham gia của công đoàn, Đảng và Nhà nước ta đã có những biện pháp để ổn định đời sống cho công nhân, viên chức. Nhưng do tình hình giá cả và thị trường không ổn định, tiền lương thực tế của công nhân, viên chức không bảo đảm tái sản xuất sức lao động. Chúng ta cần kiên quyết và khẩn trương thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯĐ về giá — lương — tiền, ổn định đời sống của công nhân, viên chức. Trước mắt cũng như lâu dài, chúng ta phải coi lao động là một yếu tố quan trọng nhất của quá trình tái sản xuất; đầu tư cho con người là phương hướng đầu tư có hiệu quả nhất. Trong những năm sau Cách mạng Tháng Mười, nước Nga xô viết trải qua muôn vàn khó khăn, quan hệ giữa sản xuất và đời sống cực kỳ gay gắt. Lê-nin cho rằng muốn thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn đó, vấn đề mấu chốt là phải làm cho nhà máy tiếp tục nhả khói; mà muốn nhà máy nhả khói thì "*nhiệm vụ đầu tiên là phải cứu người lao động. Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động.* Nếu họ còn thì chúng ta sẽ cứu vãn và khôi phục lại được *tất cả*" (3).

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động, chúng ta cần điều chỉnh lại thu nhập không hợp lý trong các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế, thực hiện nghiêm ngặt chính sách tiết kiệm, thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, thi hành đúng đắn chính sách tiền lương, tiền thưởng, làm cho tiền lương, tiền thưởng thật sự có tác dụng kích thích người lao động hăng say làm việc, tự giác chấp hành kỷ luật lao động, hăng hái phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng lãng phí, tham ô, xoay xở, lợi dụng, ăn cắp của công, chỉ lo thu vén cho lợi ích cá nhân, cục bộ, làm hại đến lợi ích của Nhà nước và tập thể.

Trong hoàn cảnh đời sống vật chất còn khó khăn, công đoàn càng cần chú ý nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân, viên chức. Những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan, du lịch, vui chơi giải trí lành mạnh chắc chắn sẽ có tác dụng giáo dục, bồi dưỡng tình cảm yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội cho công nhân, viên chức, động viên họ hăng hái thi đua, hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác.

★

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp rất to lớn, nặng nề và vẻ vang. Sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thắng lợi sẽ tạo ra cho đất nước ta công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa, khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng hùng hậu, với những con

(*Xem tiếp trang 49*)

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 38, tr 430.



Digitized by Google

# Chủ tịch Hồ Chí Minh

## BIÊN NIÊN TÓM TẮT

## (Từ 14-8-1945 đến 20-12-1946)

**14, 15-8-1945** – Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân trào (Tuyên quang). Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Hồ Chí Minh và đồng chí Trường Chinh (1). Hội nghị đã quyết định phải kịp thời lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

**16, 17-8-1945** – Đại hội quốc dân họp ở đình làng Tân trào do đồng chí Hồ Chí Minh chủ tọa. Đại hội tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua lệnh khởi nghĩa của Tổng bộ Việt minh, quy định quốc kỳ, quốc thiều và cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt nam tức Chính phủ lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

**24-8-1945** – Buổi tối, Hồ Chủ tịch gặp gỡ thân mật tất cả anh chị em trong khu căn cứ Tân trào. Người báo tin thủ đô Hà nội đã được giải phóng và chào anh chị em để ngày mai Người về Hà nội.

**25-8-1945** – Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân trào về Hà nội, nghỉ tạm trong gia đình một nông dân ở làng Gạ (Phú gia, huyện Từ liêm).

**26-8-1945** – Đồng chí Trường Chinh đón Hồ Chủ tịch vào nội thành ở nhà số 48 phố Hàng ngang. Người triệu tập ngay và chủ trì phiên họp đầu tiên của Ban thường vụ Trung ương Đảng bàn về một số công tác cấp bách.

**27-8-1945** – Hồ Chủ tịch họp mặt thân mật với các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tại Bắc bộ phủ.

**Cuối tháng 8-1945** – Tại nhà số 48 phố Hàng ngang, Hồ Chủ tịch dự thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Một buổi sáng, Người mời đồng chí Trường Chinh và một số đồng chí khác đến để thông qua bản Tuyên ngôn lịch sử.

**2-9-1945** – Tại quảng trường Ba đình (Hà nội), trong cuộc mít tinh của hơn 500 nghìn đồng bào, Hồ Chủ tịch đọc *Tuyên ngôn Độc lập*.

**3-9-1945** – Hồ Chủ tịch họp phiên đầu tiên với các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tại Bắc bộ phủ. Người nêu ra sáu vấn đề cấp bách nhất để Hội đồng chính phủ thảo luận, quyết nghị và thi hành.

---

(1) Hồ Chủ tịch tuy bị cảm sốt chưa được khỏe, nhưng vẫn theo dõi sát diễn biến ở hội nghị và cố gắng đến dự buổi kết thúc hội nghị. Đồng chí Trường Chinh (lúc ấy lấy tên là Nhân), Tổng bí thư của Đảng, chủ trì hội nghị.



Digitized by Google

**5-9-1945** – Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi quốc dân đồng bào cảnh giác với quân Pháp và sẵn sàng đợi lệnh chiến đấu.

**8-9-1945** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh Tổng tuyển cử.

**15-9-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư cho học sinh cả nước nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

**17-9-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư cho các cháu thiếu nhi trong cả nước nhân dịp Tết trung thu độc lập đầu tiên.

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng « Tuần lễ vàng ».

**20-9-1945** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh thành lập *Ủy ban dự thảo Hiến pháp* của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

**21-9-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư cho các cụ phụ lão kêu gọi các cụ hãy thành lập và gia nhập *Hội phụ lão cứu quốc*.

**22-9-1945** – Đêm trung thu, Hồ Chủ tịch nói chuyện với các cháu thiếu nhi.

**23-9-1945** – Hồ Chủ tịch và Ban thường vụ Trung ương Đảng theo dõi rất sát tình hình chiến sự ở Nam bộ, nhận được những báo cáo đầu tiên và ra những chỉ thị kháng chiến đầu tiên cho đảng bộ và đồng bào Nam bộ.

**25-9-1945** – Hồ Chủ tịch chủ tọa phiên họp Hội đồng chính phủ thảo luận về vấn đề cứu tế, về kháng chiến ở Nam bộ và quan hệ với Pháp.

**26-9-1945** – Sau ba ngày thực dân Pháp gây hấn ở Nam bộ, qua đài phát thanh, Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào Nam bộ kiên quyết chiến đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

**28-9-1945** – Trước tình hình nạn đói trầm trọng do phát xít Nhật gây ra kéo dài, Hồ Chủ tịch đề ra những biện pháp cần thiết cho Hội đồng chính phủ thực hiện và gửi thư kêu gọi đồng bào thương yêu cứu giúp nhau, sẻ cơm nhường áo cho nhau.

Một hôm, *trong tháng này*, Hồ Chủ tịch gặp Bộ tư lệnh quân đội Tưởng. Người từ chối việc cung cấp thêm gạo cho chúng, Người nhắc nhở các đồng chí trong cơ quan phải kiên nhẫn chịu đựng, giữ hòa hoãn với quân Tưởng để tập trung mũi nhọn chống kẻ thù chính là thực dân Pháp.

**3-10-1945** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh bãi bỏ tất cả các công sở và cơ quan của thực dân Pháp.

**4-10-1945** – Hồ Chủ tịch viết thư kêu gọi chống nạn thất học.

**12-10-1945**–Hồ Chủ tịch gửi thư hoan nghênh và khuyến khích giới công thương thành lập tổ chức *Công thương cứu quốc* và gia nhập Mặt trận Việt minh.

**14-10-1945** – Hồ Chủ tịch thay mặt Chính phủ gửi thư cảm ơn các vị giám mục và đồng bào theo đạo Thiên chúa ở Vinh, Hà tĩnh, Quảng bình đã viết thư lên Chính phủ biểu thị quyết tâm của giáo dân trong việc kiến thiết đất nước.



Digitized by Google

**17-10-1945** – Qua đài phát thanh Tiếng nói Việt nam, Hồ Chủ tịch đọc bức thông điệp gửi tổng thống Mỹ Tờ-ru-man, nói rõ sự phản bội đồng minh của nước Pháp qua việc giao chính quyền Đông dương cho người Nhật.

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch gửi thư cho các Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, khuyên nhủ cán bộ chính quyền các cấp phải ra sức làm tròn trách nhiệm trước nhân dân.

**18-10-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư thăm hỏi đồng bào Lào cai bị bọn tay sai quân đội Tưởng tràn sang chiếm đóng, khống chế chính quyền, áp bức nhân dân.

**19-10-1945** – Thay mặt Chính phủ ta, Hồ Chủ tịch gửi điện đến Hội nghị liên Phi đang họp tại Măng-sét-tơ (Anh) bày tỏ niềm xúc động trước nghị quyết của Hội nghị ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam chống bọn thực dân Pháp xâm lược.

**20-10-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư cho những người Pháp ở Đông dương, bày tỏ thiện chí của nhân dân Việt nam đối với những người Pháp lương thiện.

**24-10-1945** – Hồ Chủ tịch chủ tọa phiên họp Hội đồng chính phủ thảo luận về nội dung bản Hiến pháp của nước ta.

**27-10-1945** – Tại Bắc bộ phủ, Hồ Chủ tịch tiếp và trả lời phỏng vấn của đại biểu các báo Việt nam, Pháp, Trùng hoa, Mỹ về các vấn đề: ban bố Hiến pháp, bầu cử Quốc hội, về mối quan hệ giữa nước Việt nam và nước Pháp...

**29-10-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư biểu dương tinh thần chiến đấu anh dũng của đồng bào Nam bộ.

**2-11-1945** – Hồ Chủ tịch tiếp một số phóng viên các báo hằng ngày, phát biểu ý kiến về bản tuyên bố 12 điểm chính sách đối ngoại do tổng thống Mỹ Tơ-ru-man đọc ngày 28-10-1945. Người khẳng định quyền độc lập chính đáng của Việt nam.

**5-11-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư hoan nghênh những hành động yêu nước của Việt kiều ở Pháp và kêu gọi Việt kiều hãy cố gắng làm cho nhân dân thế giới, nhất là nhân dân Pháp hiểu rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

**7-11-1945** – Hồ Chủ tịch tiếp đoàn đại biểu công giáo cứu quốc Việt nam, nói về chính sách tự do tín ngưỡng và đoàn kết đồng bào các tôn giáo.

**14-11-1945** – Hồ Chủ tịch viết bài «Nhân tài và kiến quốc» (đăng trên báo *Cứu quốc* số 91 ra ngày 14-11-1945). Người kêu gọi nhân tài trong nước hãy hăng hái tham gia xây dựng đất nước.

**15-11-1945** – Hồ Chủ tịch dự lễ tốt nghiệp khóa thứ 5 Trường huấn luyện cán bộ Việt nam.

**19-11-1945** – Hồ Chủ tịch chủ tọa phiên họp Hội đồng chính phủ thảo luận về việc khen thưởng những chiến sĩ hy sinh vì Tổ quốc, về bảo vệ các di tích lịch sử v.v.

**22-11-1945** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh ấn định tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.



Digitized by Google

**25-11-1945** – Với danh nghĩa là đại biểu Mặt trận Việt minh, Hồ Chủ tịch họp với Nguyễn Hải Thần, đại biểu của Việt nam cách mạng đồng minh hội và Vũ Hồng Khanh, đại biểu của Việt nam quốc dân đảng để thảo luận vấn đề đoàn kết.

**3-12-1945** – Hồ Chủ tịch chủ tọa Hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số Việt nam...

**15-12-1945** – Hồ Chủ tịch viết thư cảm ơn đồng bào Hà nội về việc đồng bào yêu cầu Người ứng cử tại Hà nội.

**21-12-1945** – Với tư cách là ứng cử viên ở Hà nội, Hồ Chủ tịch nói về mục đích và ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử sắp tới.

*Cùng ngày*, thay mặt Chính phủ, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh thành lập *Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc*.

**22-12-1945** – Hồ Chủ tịch gửi thư úy lạo các chiến sĩ miền Nam.

**24-12-1945** – Thay mặt Mặt trận Việt minh, Hồ Chủ tịch họp với đại biểu Việt nam cách mạng đồng minh hội và đại biểu Việt nam quốc dân đảng, ra điều ước cam kết đặt quyền độc lập của Tổ quốc lên trên hết, đoàn kết trên hết, đôi bên phải ủng hộ cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội và cuộc kháng chiến cứu nước, và phải lập tức đình chỉ hết thảy những vụ công kích nhau cả trên lời nói cũng như việc làm.

**25-12-1945** – Nhân ngày lễ nô en đầu tiên trong không khí nước nhà được độc lập, tự do, Hồ Chủ tịch gửi thư chúc mừng các vị linh mục và đồng bào theo đạo Thiên chúa.

**1-1-1946** – Chính phủ lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch làm lễ ra mắt tại quảng trường Nhà hát lớn thành phố Hà nội. Hồ Chủ tịch đọc bản tuyên bố nêu rõ chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

**5-1-1946** – Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân cả nước hăng hái đi bầu cử, chọn người xứng đáng ra gánh vác việc nước.

**6-1-1946** – Hồ Chủ tịch bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước ta tại hòm phiếu đặt ở phố Bắc ninh (nay là phố Nguyễn Hữu Huân), Hà nội. Sau đó Người đi thăm một số nơi bầu cử ở phố Hàng bạc, Hàng gai, Hàng trống và một làng ngoại thành.

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch nói chuyện với phái viên đặc biệt của báo Résistance (kháng chiến), nêu rõ quyết tâm của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược.

**7-1-1946** – Hồ Chủ tịch đến dự và nói chuyện trong buổi khai giảng trường cán bộ tự vệ mang tên Người.

**18-1-1946** – Hồ Chủ tịch gặp một số đồng chí được Chính phủ phái vào Nam bộ công tác.

**21-1-1946** – Nhân dịp Tết nguyên đán độc lập đầu tiên, Hồ Chủ tịch kêu gọi đồng bào cả nước hãy chia sẻ cuộc vui ngày Tết với các chiến sĩ ngoài mặt trận, gia đình các chiến sĩ và những đồng bào nghèo.

Người còn gửi thư kêu gọi thanh niên và nhi đồng toàn quốc hăng hái tham gia xây dựng phong trào « Đời sống mới ».



Digitized by Google

**1-2-1946** – (ngày 30 tháng chạp Ất Dậu) Hồ Chủ tịch đến thăm và chúc Tết một số gia đình ở Hà nội.

**2-2-1946** – (ngày mồng một Tết Bính Tuất) – Hồ Chủ tịch chúc Tết các chiến sĩ cảnh sát trung ương; tiếp các đoàn đại biểu đến chúc Tết Người; đi chúc Tết các chiến sĩ bị thương đang điều trị ở bệnh viện, v.v.

**2-3-1946** – Hồ Chủ tịch dự kỳ họp của Quốc hội khóa I. Tại kỳ họp lịch sử này, Quốc hội nhất trí cử Người làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến và ủy nhiệm Hồ Chủ tịch đứng ra thành lập Chính phủ mới.

**5-3-1946** – Hồ Chủ tịch hội đàm với Xanh-tơ-ni và Pi-nhông về nội dung văn bản Hiệp định sơ bộ Việt–Pháp.

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch gặp đoàn đại biểu Pháp trao đổi ý kiến về quan hệ Việt – Pháp. Người khẳng định lập trường của nhân dân ta là Pháp phải thừa nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam.

**6-3-1946** – Thay mặt Chính phủ ta, Hồ Chủ tịch đã ký với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ Việt – Pháp.

**7-3-1946** – Buổi sáng, tại Bắc bộ phủ, Hồ Chủ tịch tiếp Xanh-tơ-ni thay mặt chính phủ Pháp, đến thăm Người. Buổi chiều, Hồ Chủ tịch dự cuộc mít tinh lớn tại quảng trường Nhà hát lớn, Hà nội, Người nói rõ vì sao ta ký với Pháp hiệp định sơ bộ.

**9-3-1946** – Tại tòa thị chính thành phố, Hồ Chủ tịch gặp các đồng chí khu trưởng và đại đội trưởng tự vệ thành. Người chỉ rõ, Hiệp định sơ bộ Việt – Pháp đã ký, nhưng ta phải luôn cảnh giác, nâng cao tinh thần kháng chiến của toàn dân, bồi dưỡng lực lượng, sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc...

**10-3-1946** – Hồ Chủ tịch gửi thư cho đồng bào và chiến sĩ Nam bộ nói về việc điều đình giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp.

**11-3-1946** – Hồ Chủ tịch gửi thư kêu gọi đồng bào toàn quốc bình tĩnh trước những hành động khiêu khích của thực dân Pháp. Đồng thời Người yêu cầu các chính phủ và nhân dân các nước trên thế giới hãy ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta.

Hồ Chủ tịch cũng gửi thông điệp nhắc Chính phủ Pháp về việc tiến hành cuộc đàm phán chính thức.

**24-3-1946** – Hồ Chủ tịch dự cuộc hội kiến trên tuần dương hạm E-min Béc-tanh đậu ở vịnh Bắc bộ, theo lời mời của cao ủy Pháp Đác-giăng-li-ơ. Người đòi mở ngay cuộc đàm phán chính thức tại thủ đô nước Pháp. Đác-giăng-li-ơ dề nghị cần có trước một hội nghị trù bị họp tại Đà lạt.

**25-3-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh về việc tổ chức Bộ quốc phòng

**27-3-1946** – Hồ Chủ tịch nhắc nhở đồng bào cần luyện tập thể dục.

**29-3-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh quy định chế độ báo chí.

**3-4-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh về thành lập Ban vận động Đời sống mới trung ương.

**5-4-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh về việc phát hành giấy bạc ở Việt nam.



Digitized by Google

**7-4-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh tổ chức Bộ ngoại giao.

**13-4-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh về việc tổ chức Bộ giao thông công chính.

**17-4-1946** – Hồ Chủ tịch đến thăm một lớp học bình dân ở phố Hàng trống. Người nói: « Cả người dạy và người học đều là những chiến sĩ trên mặt trận chống giặc dốt ».

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch tiễn Đoàn đại biểu Chính phủ ta dự hội nghị Việt – Pháp tại Đà lạt. Người căn dặn đoàn « cần đặt vấn đề Nam bộ và vấn đề đình chiến lên đầu chương trình nghị sự ».

**19-4-1946** – Hồ Chủ tịch gửi thư chúc mừng Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Plây-cu.

**1-5-1946** – Nhân ngày Quốc tế lao động, Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân lao động và đồng bào cả nước tăng cường đoàn kết, nêu cao tinh thần cần kiệm, đẩy mạnh sản xuất v.v.

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch kêu gọi nông dân thành lập hợp tác xã nông nghiệp.

**4-5-1946** – Hồ Chủ tịch gửi thư động viên anh chị em giáo viên bình dân học vụ.

**16-5-1946** – Hồ Chủ tịch gửi điện đến đô đốc Đác-giăng-li-ơ cảm ơn nước Pháp đã tiếp đón niềm nở phái đoàn Quốc hội Việt nam qua thăm nước Pháp.

**19-5-1946** – Tại Bắc bộ phủ, Hồ Chủ tịch tiếp các đoàn đại biểu Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể quần chúng đến chúc thọ Người.

*Cùng ngày*, Hồ Chủ tịch trả lời phỏng vấn của phóng viên hãng thông tấn Pháp AFP về cuộc hội nghị Đà lạt bị đứt quãng.

**20-5-1946** – Hồ Chủ tịch tiếp Đác-giăng-li-ơ tại Bắc bộ phủ. Đác-giăng-li-ơ đề nghị cho lui lại một thời gian ngày lên đường của phái đoàn Chính phủ ta sang đàm phán chính thức với Chính phủ Pháp. Người kiên quyết bác bỏ đề nghị đó.

**27-5-1946** – Hồ Chủ tịch dự lễ khai giảng Trường võ bị Trần Quốc Tuấn ở Sơn tây. Người căn dặn các học viên: « Trung với nước, hiếu với dân là một bổn phận thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề, nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước nhà ».

**29-5-1946** – Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh về việc tổ chức Bộ tài chính.

**30-5-1946** – Hồ Chủ tịch dự cuộc mít tinh của 50 nghìn nhân dân thủ đô tiễn Đoàn đại biểu Chính phủ ta sang đàm phán chính thức với Chính phủ Pháp. Người đã nêu ra 4 yêu cầu cần thực hiện để giúp cho cuộc đấu tranh ngoại giao thắng lợi.

**31-5-1946** – Trước lúc lên đường sang Pháp, Hồ Chủ tịch viết thư gửi đồng bào Nam bộ, trong đó có đoạn: « Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi ».

**Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1946**, trong thời gian ở Pháp, Hồ Chủ tịch đã tiếp xúc với các đại biểu Đảng cộng sản Pháp, các tầng lớp nhân dân Pháp; gặp gỡ đại biểu Việt kiều, nhiều nhân sĩ, trí thức và một số người đứng đầu các đảng phái ở Pháp v.v... tuyên truyền làm sáng tỏ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của



Digitized by Google

nhân dân Pháp, và nâng cao uy tín của nước Việt nam dân chủ cộng hòa trên trường quốc tế.

**14-9-1946** – Do thái độ ngoan cố và hiếu chiến của thực dân Pháp, hội nghị Phông-ten-nơ-blô không thành công, Hồ Chủ tịch ký *Tạm ước* với Chính phủ Pháp để tranh thủ thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến.

**18-9-1946** – Người rời nước Pháp về nước bằng tàu thủy Dumont d'Urville.

**20-10-1946** – Đồng bào Hải phòng đón chào Hồ Chủ tịch sau hơn 4 tháng xa Tổ quốc, bình yên mạnh khỏe trở về.

**21-10-1946** – Hồ Chủ tịch về thủ đô Hà nội.

**23-10-1946** – Hồ Chủ tịch báo cáo với đồng bào cả nước về kết quả cuộc đi thăm nước Pháp.

**30-10-1946** – Tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội, thay mặt Chính phủ, Hồ Chủ tịch trả lời một số đại biểu Quốc hội về chính sách ngoại giao của Chính phủ, về việc ký tạm ước 14-9...

**31-10-1946** – Hồ Chủ tịch thay mặt Chính phủ lâm thời tuyên bố từ chức, trao lại quyền cho Quốc hội. Quốc hội nhất trí ủy nhiệm Người đứng ra lập Chính phủ mới.

**3-11-1946** – Hồ Chủ tịch báo cáo trước Quốc hội việc thành lập Chính phủ mới và trình bày chương trình làm việc của Chính phủ mới.

**4-11-1946** – Tại Bắc bộ phủ, Hồ Chủ tịch tiếp Moóc-li-e, tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông dương và Ny-ô, trưởng phái đoàn quân sự Pháp, để bàn việc thành lập một ủy ban quân sự hỗn hợp Việt – Pháp nhằm thực hiện và kiểm soát việc đình chiến ở Nam bộ.

**5-11-1946** – Hồ Chủ tịch cùng Ban thường vụ Trung ương Đảng họp kiểm điểm tình hình đấu tranh của nhân dân ta trên các mặt chính trị, quân sự, ngoại giao. Người nhận định: nhân dân ta rất khó tránh một cuộc chiến tranh do thực dân Pháp gây ra. Hồ Chủ tịch viết một văn kiện quan trọng *Công việc khẩn cấp bây giờ*, nêu lên những điều cơ bản để đối phó với những tình huống có thể xảy ra và những chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc...

**9-11-1946** – Quốc hội bỏ phiếu chuẩn y Hiến pháp chính thức của nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Hồ Chủ tịch nói về bản Hiến pháp đó.

**16-11-1946** – Hồ Chủ tịch gửi đến Chính phủ Pháp lời phản kháng việc Pháp đơn phương tổ chức phòng thuế quan và kiểm soát ngoại thương tại Hải phòng.

**17-11-1946** – Hồ Chủ tịch bác bỏ những luận điệu xuyên tạc trắng trợn của Đác-giăng-li-ơ đối với Ủy ban hành chính Nam bộ.

**24-11-1946** – Thực dân Pháp âm mưu lấn chiếm toàn bộ thành phố Hải phòng, Hồ Chủ tịch kêu gọi các nhà đương cục Pháp ở Việt nam phải lập tức đình chỉ việc gây đổ máu cho người Pháp và người Việt, kêu gọi toàn thể đồng bào phải bình tĩnh, bộ đội và tự vệ phải sẵn sàng bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

**26-11-1946** – Thực dân Pháp tăng cường khiêu khích ở nhiều nơi, Hồ Chủ tịch rời Hà nội, tạm chuyển về ở và làm việc tại làng Canh thuộc huyện Hoài đức.



Digitized by Google

**3-12-1946** – Từ làng Canh, Hồ Chủ tịch về Bắc bộ phủ gặp Xanh-tơ-ni mới ở Pháp sang. Người đòi Chính phủ Pháp phải ra lệnh cho quân đội Pháp ở Hải phòng và Lạng sơn rút về vị trí cũ như trước ngày xảy ra xung đột.

7 giờ rưỡi tối, một số đồng chí đến đón Người về nghỉ ở làng Vạn phúc, tỉnh Hà đông (nay thuộc Hà sơn bình).

**7-12-1946** – Hồ Chủ tịch kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp ra lệnh cho các nhà chức trách Pháp ở Việt nam phải rút quân về vị trí trước ngày 20-11 để thực hiện bản Tạm ước 14-9. Người nhắc lại sự mong muốn hợp tác thành thật của nhân dân Việt nam với nhân dân Pháp...

**8-12-1946** – Hồ Chủ tịch ra Hà nội gặp giám đốc Cục châu Á trong Bộ ngoại giao Mỹ.

*Cùng ngày*, trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Pa-ri–Sài gòn, Hồ Chủ tịch nói: « Đồng bào tôi và tôi muốn hòa bình, thành thật mong muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh và tôi biết nhân dân Pháp cũng không muốn chiến tranh. Nhưng nếu người ta bắt buộc chúng tôi, thì chúng tôi phải kháng chiến. Cuộc chiến đấu sẽ tàn khốc, nhưng nhân dân Việt nam sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do ».

**13-12-1946** – Hồ Chủ tịch gửi công hàm cho Chính phủ Pháp và Đắc-giăng-li-ơ phản đối việc 800 lính lê dương Pháp đổ bộ trái phép vào Đà nẵng.

**18-12-1946** – Hồ Chủ tịch họp với Ban thường vụ Trung ương Đảng, nhận định tình hình và đề ra chủ trương mới. Trước đó, Người đã giao cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng lên Việt bắc chuẩn bị mọi mặt để di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước khi cần.

**19-12-1946** – Hồ Chủ tịch dậy rất sớm và làm việc khẩn trương. Người viết thư gửi Chính phủ Pháp và yêu cầu chuyển ngay. 12 giờ trưa, Hồ Chủ tịch được báo cáo là Xanh-tơ-ni không tiếp người mang thư, và bộ chỉ huy Pháp đã gửi ta tối hậu thư đòi tước vũ khí của tự vệ thành, đòi đình chỉ mọi hoạt động kháng chiến của ta và trao cho chúng việc giữ gìn an ninh trong thành phố.

Suốt buổi trưa, Hồ Chủ tịch không nghỉ, ngồi chăm chú làm việc và sắp xếp tài liệu.

2 giờ rưỡi chiều, Người họp với một số đồng chí trong Ban thường vụ Trung ương Đảng. 3 giờ 15 phút, cuộc họp kết thúc, Hồ Chủ tịch tiếp tục ngồi viết xong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

Buổi tối, Hồ Chủ tịch và các đồng chí giúp việc rời làng Vạn phúc, chuyển đến một địa điểm mới.

**20-12-1946** – Hồ Chủ tịch đến ở và làm việc tại làng Xuyên dương, huyện Thanh oai, tỉnh Hà đông cũ. Hồ Chủ tịch cho phát thanh *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*:

« Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

« Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

« Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!... »

THẾ TẬP
*sưu tầm*



Digitized by Google

# Hà nội khởi nghĩa

Thượng tướng NGUYỄN QUYẾT

## I

PHONG trào cách mạng Hà nội gặp nhiều khó khăn lớn sau những cuộc khủng bố điên cuồng, dã man của thực dân Pháp vào những năm 1939 — 1940.

Những năm 1941 - 1942, đồng chí Hoàng Văn Thụ, ủy viên thường vụ Trung ương Đảng về trực tiếp chỉ đạo khôi phục phong trào, nhưng do Hà nội là nơi đầu não của bộ máy thống trị của bọn đế quốc và bù nhìn, cho nên chúng tập trung khủng bố gay gắt. Cơ quan lãnh đạo của đảng bộ Hà nội luôn luôn bị địch đánh phá, không ban cán sự và thành ủy nào hoạt động được trên sáu tháng.

Đầu năm 1943, phong trào công nhân bị vỡ, đồng chí Hoàng Văn Thụ bị bắt và bị bắn tại Tương mai. Số đảng viên chỉ còn một ít người nhưng mất liên lạc. Cơ sở quần chúng trong công nhân và thanh niên chỉ còn lại các mối lẻ. Phong trào ở đây yếu, và đang ở trong thời kỳ khó khăn.

Song dù khó khăn đến mấy, với niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng, vào quần chúng cách mạng, Trung ương và Xứ ủy vẫn quyết tâm củng cố, duy trì ban lãnh đạo và phát triển phong trào cách mạng ở Hà nội, vì đây là nơi có bộ máy đầu não của kẻ thù. Lúc đó tôi đang công tác ở Tỉnh ủy Hưng yên thì được điều về ban cán sự Hà nội. Theo nguyên tắc giữ bí mật, lúc đầu, Xứ ủy giao cho tôi việc vận động công nhân ở nội và ngoại thành, nhưng trước mắt là xây dựng căn cứ ở vùng ngoại thành với yêu cầu bảo đảm bí mật, an toàn. Mãi sau này tôi mới được giới thiệu liên lạc với đồng chí Lê Quang Đạo, bí thư ban cán sự, phụ trách thanh niên nội thành.

Công việc đầu tiên của tôi hồi đó là xây dựng lại cơ sở ở ngoại thành — nơi mà trước kia đã từng là khu an toàn của Trung ương. Rút kinh nghiệm của các lần trước (không có căn cứ, không giữ được bí mật), lần này chúng tôi bắt đầu từ xây dựng chỗ đứng, xây dựng căn cứ ở ngoại thành để tạo điều kiện vào nội thành. Trong nhiệm vụ xây dựng cơ sở ở nội thành thì vấn đề chính là phải tập trung xây dựng, củng cố cơ sở trong giai cấp công nhân, khắc phục hiện tượng thiếu tin ở giai cấp công nhân. Trong khi chắp nối với cơ sở, phải hết sức giữ bí mật về cách đi lại, về nơi ăn chỗ ở. Tôi bắt mối với một số đảng viên là thợ thủ công thường lui tới giữa nội thành và ngoại thành. Dần dần chúng tôi tổ chức lại chi bộ công nhân trong nội thành. Với một số cán bộ ra tù sau ngày 9-3-1945, lực lượng lãnh đạo của Đảng ở Hà nội được tăng cường một bước. Tiếp đó, chúng tôi xây dựng lại cơ sở ở các hội công nhân cứu quốc, trong các xưởng xẻ gỗ, xưởng giặt, giầy vải, rồi tới các xí nghiệp in,



Digitized by Google

nhà máy nước, nhà máy điện, xưởng sửa chữa ô tô AVIA, STAI, hỏa xa Gia lâm... Phong trào công nhân cứu quốc sau một thời gian khôi phục, đã dần dần phát triển trong các xí nghiệp khác. Thành ủy Hà nội chủ trương đưa quần chúng ra đấu tranh bằng những hình thức thích hợp, đòi những quyền lợi thiết thực như yêu cầu được mua gạo, cấp phiếu vải, xà phòng... tiến tới đòi tăng lương, trả lương chiều thứ bảy. Cao hơn nữa là đình công, bãi công liên tiếp, từ nhỏ đến lớn, từ một vài nơi sau lan ra một số nhà máy, xí nghiệp quan trọng của Nhật — Pháp lúc bấy giờ. Rầm rộ nhất là phong trào bãi công của toàn ngành xẻ gỗ. Cuộc bãi công lớn này được Ban công vận xứ ủy trực tiếp chỉ đạo. Mặc dù bọn chủ xin lính Nhật về đàn áp, công nhân đã giành được thắng lợi sau chín ngày bãi công. Từ đấu tranh lẻ tẻ đã bắt đầu thống nhất được lực lượng của từng ngành, đưa hình thức đấu tranh từ thấp lên cao, tạo nên sức mạnh mới. Đáng chú ý là giữa lúc nạn đói khủng khiếp đang diễn ra ở Bắc bộ và Trung bộ, trong đó có Hà nội và các tỉnh như Thái bình, Hưng yên, Nam định... Đảng ta kịp thời đề ra khẩu hiệu « phá kho thóc, giải quyết nạn đói », đây cũng là khẩu hiệu chính để phát động phong trào chống Nhật, cứu nước. Khẩu hiệu đó đã đáp ứng nguyện vọng cấp bách nhất của quần chúng, thổi bùng lên ngọn lửa căm thù địch trong dông dảo nhân dân, phát động, tập dượt quần chúng đấu tranh chống địch với khí thế hừng hực, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Để chuẩn bị cho khởi nghĩa, Thành ủy Hà nội đã tổ chức các đội tự vệ, rút các hội viên hăng hái, khoẻ mạnh trong các đoàn thể cứu quốc đưa đi dự các lớp học quân sự. Từ các tiểu đội tự vệ lẻ tẻ, đã tổ chức thống nhất được hai chi đội (sau ngày giành chính quyền, hai chi đội này trở thành hai đơn vị vệ quốc quân). Việc tổ chức quyên tiền, bán tín phiếu mua vũ khí trang bị cho các đội tự vệ được tiến hành một cách bí mật nhưng khẩn trương. Cuối năm 1944, Trung ương Đảng đã kêu gọi nhân dân « sắm vũ khí, đuổi thù chung ». Ngày 22-12-1944, đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời mở đầu cho một thời kỳ phát triển mới của cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân ta.

Tình hình trên đòi hỏi Hà nội phải chuẩn bị rất gấp rút. Tuy vậy, lúc đó ở Hà nội chưa thể làm như ở Việt bắc được, mà vấn đề cơ bản là phải tiếp tục xây dựng lực lượng mạnh. Tôi được Xứ ủy cử đi học lớp quân sự của Xứ ủy mở ở Thái nguyên 15 ngày. Nội dung gồm hai phần: chỉ thị khởi nghĩa và chiến thuật du kích.

Khi tôi đi học về, anh Lê Quang Đạo chuyển công tác đi nơi khác. Tôi được thay anh Đạo làm bí thư Thành ủy và trực tiếp phụ trách quân sự.

## II

Đầu năm 1945, tình hình thế giới có những biến đổi mới. Liên xô đã thu hồi toàn bộ đất đai bị chiếm và bắt đầu tiến công vào đinh lũy cuối cùng của chủ nghĩa phát xít Đức. Ở Thái bình dương, Nhật thua liên tiếp.

Đã từ lâu, Đảng ta chỉ rõ Nhật sẽ hất cẳng Pháp. Điều tiên đoán ấy đã đến. 20 giờ 25 ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng tiến công vào các doanh trại Pháp ở trong thành như: Đồn thủy, Nhà diêm, trường bay Bạch mai, trại lính khố xanh...

4 giờ 15' ngày hôm sau, bọn Pháp ở Hà nội đầu hàng.



Digitized by Google

Trước tình hình Nhật, Pháp bắn nhau, quần chúng cách mạng rất sôi sục muốn hành động. Do quán triệt nghị quyết của Đảng, Thành ủy đã kịp thời xác định tính chất cuộc đảo chính và nhận định thời cơ khởi nghĩa chưa tới, giải thích, uốn nắn cho các cơ sở và đồng thời chỉ đạo các nơi lợi dụng tình hình lúc đó đoạt súng địch trang bị cho tự vệ.

Đêm 10-3-1945, Thành ủy tổ chức một số tổ thanh niên tuyên truyền xung phong dùng xe đạp, mô tô lợi dụng Nhật chưa kịp ổn định tình hình, chớp nhoáng đi rải truyền đơn vạch mặt phát xít Nhật và chỉ đạo tự vệ toàn thành đồng loạt xé các bản bố cáo lừa bịp, dọa dẫm của Nhật dán nhan nhản khắp nơi.

Tình hình có những chuyển biến mới, ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra bản chỉ thị nổi tiếng «Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta» nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ khẩn cấp trước mắt.

Được bản chỉ thị 12-3 dẫn đường, Thành ủy Hà nội phổ biến sâu rộng cho các cơ sở, gây được một luồng không khí mới. Trên cơ sở đó, phát triển lực lượng vũ trang và chính trị, tranh thủ tuyên truyền sâu rộng đường lối, chính sách của Việt minh, kết hợp chính trị với vũ trang, tiến hành những cuộc tuyên truyền sôi động, táo bạo và tập dượt quần chúng, từ việc tổ chức các cuộc diễn thuyết, mít tinh chớp nhoáng, bí mật, bán công khai ở ngoại thành đến việc dần dần đưa vào nội thành những cuộc tập hợp và biểu tình ngày càng rộng lớn. Đặc biệt, phong trào đấu tranh nổi lên mạnh mẽ ở nhiều xí nghiệp lớn đều chĩa mũi nhọn vào bọn phát xít Nhật và chính quyền bù nhìn, như cuộc biểu tình kéo đến bàn giấy của bọn Nhật ở nhà máy điện, nhà máy nước, nhà in IDEO, bệnh viện Đồn thủy, nơi phát xít Nhật đóng quân.

Để phát động mạnh mẽ cao trào chuẩn bị khởi nghĩa, đầu tháng 4-1945, Thành ủy triệu tập một cuộc hội nghị quân sự tại chùa Tân, xã Thái đô nhằm thống nhất chỉ đạo lực lượng tự vệ toàn thành và bàn kế hoạch đẩy mạnh việc phát triển các đội tự vệ, các đội tuyên truyền xung phong để làm lực lượng nòng cốt, trợ lực cho các cuộc đấu tranh chính trị như diễn thuyết, trừ gian, gây cơ sở cứu quốc và tự vệ...

Sau đó các đội tuyên truyền xung phong đã đột nhập diễn thuyết tại các trường kỹ nghệ thực hành, trường Thăng long, trường Văn lang; diễn thuyết, dán áp phích, treo cờ trên các chuyến tàu điện Bờ hồ — Hà đông, Cầu giấy, Kim liên. Thanh niên cứu quốc, phụ nữ cứu quốc tổ chức mít tinh tại chùa Láng, Bưởi, Ngã tư vọng, Ngã tư sở.

Giặc Nhật điên cuồng đối phó, vây ráp các phố ban đêm, chăng dây các ngã đường, khám xét, bắt bớ hàng nghìn người đem về đánh đập dã man ở Sở hiến binh Nhật (nhà dầu Shell). Song hành động dã man của phát xít Nhật không làm cho phong trào cách mạng giảm sút, mà ngược lại như lửa đổ thêm dầu, cao trào chuẩn bị khởi nghĩa dâng lên như thác đổ. Các đội tuyên truyền xung phong vẫn đột nhập và diễn thuyết trước những vòng vây canh gác và ngay trước mắt bọn sĩ quan Nhật.

Lúc này chủ trương phá kho thóc để cứu đói cho dân của Thành ủy nhằm hai tác dụng: vừa tập dượt quần chúng đấu tranh trực diện với kẻ thù, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho quần chúng. Quần chúng đã nhiệt liệt hưởng ứng nổi dậy phá kho thóc của Nhật ở làng Mọc quan nhân, ở phố Bắc ninh, sau đó phá kho thóc Phà đen, Lò lợn. Trên đường bờ sông, công nhân, nhân dân lao động tự động



Digitized by Google

chiếm lại gạo trên các xe bò và đánh trả lại bọn lính Nhật đi áp tải. Đồng thời Thành ủy cũng chủ trương đẩy mạnh những cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng tiến lên những bước mới. Hai cuộc mít tinh lớn tại Mễ trì và chợ Canh đã có hàng nghìn người dự.

Thành ủy còn chủ trương phá các cuộc mít tinh của địch như cuộc mít tinh lừa bịp của bọn Đại việt kỷ niệm Nguyễn Thái Học tại vườn Bách thảo. Tại đây ta hô hào quần chúng biến cuộc mít tinh của địch thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt minh, biểu dương lực lượng cách mạng ngay trước mắt kẻ thù. Đây là những hình thức đấu tranh khá quyết liệt.

Để trợ lực cho cao trào chuẩn bị khởi nghĩa, Trung ương, Xứ ủy và Thành ủy còn chủ trương cảnh cáo bọn việt gian, diệt trừ bọn phản động đầu sỏ như tên Sinh, cai Long, Nga Thanh Hương... Mặt khác ta cũng phát triển nhân mối cứu quốc trong lính bảo an và cảnh sát của địch. Nhiều cảnh sát có cảm tình với Việt minh, báo cho ta biết trước các vụ khám xét, bắt bớ, chỉ đường cho ta thoát các cuộc vây ráp, làm cho bọn Nhật và tay sai nhiều lúc có mắt như mù.

Lúc này, Thành ủy đã tổ chức các đơn vị tự vệ tiến hành điều tra tình hình địch, vẽ sơ đồ các trại lính Nhật, các khu quân sự, những nơi trọng yếu trong thành phố Hà nội, đẩy mạnh công tác huấn luyện quân sự cho các đội tự vệ, chuẩn bị kế hoạch chiến đấu khi khởi nghĩa.

Tin tức thành lập chính quyền cách mạng ở khu giải phóng và các tỉnh chung quanh ảnh hưởng đến Hà nội. Tổ chức chính quyền của địch ở ngoại thành đã bắt đầu tan rã. Ở nhiều làng, Việt minh tước triện của lý trưởng và đứng ra giải quyết công việc của dân. Ở vùng Bưởi, Nghĩa đô chính quyền cách mạng lâm thời được thành lập; ở nhiều nơi khác, tổ chức cứu quốc đứng ra giải quyết mọi việc.

Từ cuối tháng 6 năm 1945 trở đi, phong trào cách mạng ở Hà nội ngày càng phát triển mạnh mẽ và đều khắp. Đội ngũ cốt cán được củng cố vững mạnh, quần chúng cơ bản được tổ chức trong các đoàn thể cứu quốc, phong trào cách mạng trong công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, trí thức, học sinh ngày càng phát triển rồi lan sang công chức, tư sản dân tộc và con em họ.

Quán triệt chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương Đảng và Xứ ủy và hoàn cảnh cụ thể của Hà nội, Thành ủy đã lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương từ chỗ yếu kém tiến lên một bước nhảy vọt, theo kịp đà tiến chung của cả nước.

## III

Sau khi tuyên chiến với Nhật, chỉ trong vài ngày, Liên xô đã tiêu diệt đạo quân Quan đông tinh nhuệ nhất của phát xít Nhật. Ngày 10-8-1945, tin Nhật đầu hàng Đồng minh lan truyền nhanh chóng trong nhân dân Hà nội.

Ở Hà nội, bọn Nhật cố bưng bít tin tức. Chúng tăng cường canh gác mọi nơi, đặt súng liên thanh tại nhà máy nước, nhà máy điện, nhà máy đèn, nhà bưu điện, kho bạc..., xe tăng, thiết giáp đi tuần suốt đêm.

Từ 13-8, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ toàn quốc ở Tân trào. Thành ủy Hà nội được cử một số đại biểu đi dự hội nghị lịch sử này.

Trong khi hội nghị Tân trào đang họp, thì ở Hà nội tin tức về khởi nghĩa từng phần ở nhiều nơi bay về. Cao trào chuẩn bị khởi nghĩa của quần



Digitized by Google

chúng ngày một dâng lên mạnh mẽ. Căn cứ vào chỉ thị ngày 12-3 của Ban thường vụ Trung ương Đảng, Thành ủy chúng tôi nhận định: trước đây, khi phong trào Hà nội còn yếu, ta chỉ đạo phương thức hoạt động thích hợp với địa phương, không giống như ở Việt bắc là đúng, nhưng nay lực lượng cách mạng ở Hà nội đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, cả bề rộng và chiều sâu, những điều kiện khách quan và chủ quan cho khởi nghĩa đã chín muồi, thời cơ nghìn năm có một dã đến, nếu như không hành động kịp thời, mau lẹ thì là một sai lầm nghiêm trọng. Muốn chớp thời cơ lúc đó, chúng tôi phải dấu tranh khắc phục tư tưởng ỷ lại, chờ đợi giải phóng quân ở Việt bắc về. Phải tin vào sức mình, phải khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà nội bằng chính lực lượng của Hà nội, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: « Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta » (1). Thành ủy đã cấp tốc triệu tập các cán bộ phụ trách, đội trưởng tự vệ và tuyên truyền xung phong về dự hội nghị quân sự bất thường ở chùa Hà để kiểm điểm lực lượng và bàn kế hoạch giành chính quyền ở Hà nội.

Hội nghị cho rằng phải dựa vào lực lượng tự vệ làm nòng cốt và lấy lực lượng quần chúng cách mạng áp đảo địch để giành lấy chính quyền. Ngày giờ khởi nghĩa chưa quyết định cụ thể, nhưng hội nghị nhất trí phải tiến hành gấp ba việc sau đây:

1— Tổ chức diễn thuyết tại khắp các khu phố, ngoại thành, báo tin Nhật dầu hàng, hô hào quần chúng tham gia khởi nghĩa.

2— Tổ chức những cuộc mít tinh, trương cờ, biểu ngữ đi thăm dò thái độ bọn Nhật.

3— Chuẩn bị đội ngũ, trang bị thêm vũ khí để đối phó với Nhật nếu chúng đàn áp cách mạng.

Ngày 15-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố dầu hàng không điều kiện. Ở Hà nội, bọn phát xít Nhật bắt đầu rút hết các toán quân ở các xí nghiệp, khu phố về phòng thủ trong doanh trại. Các trại lính Nhật treo cờ tang.

Cùng ngày 15-8, Hội nghị Xứ ủy họp quyết định khởi nghĩa ở các tỉnh thuộc Xứ bộ Bắc kỳ lúc đó, chủ yếu là ở nông thôn, chưa có quyết định khởi nghĩa ở Hà nội.

Ngày 16-8, đồng chí Nguyễn Khang, được sự ủy nhiệm của Xứ ủy ra Hà nội, triệu tập Thành ủy và một số cán bộ họp để nghe phổ biến thông báo của kỳ bộ Việt minh. Sau khi phân tích tình hình khách quan, chủ quan, chúng tôi nhất trí tiến hành khởi nghĩa ở Hà nội và thành lập ngay Ủy ban quân sự cách mạng để chỉ đạo khởi nghĩa. Ủy ban quân sự cách mạng gồm có 5 người do đồng chí Nguyễn Khang làm Chủ tịch. Tôi được phân công phụ trách quân sự. Hội nghị đã phân tích sâu sắc điều kiện chín muồi của cuộc khởi nghĩa và nhấn mạnh trước mắt phải dẩy mạnh đấu tranh chính trị, khoét sâu hơn nữa tinh thần hoang mang của phát xít Nhật và tình trạng tan rã của ngụy quyền. Hội nghị cũng quyết định triệu tập hội nghị cán bộ mở rộng ngay buổi tối hôm đó để kiểm điểm lực lượng và bàn kế hoạch khởi nghĩa.

Hội nghị thảo luận tới khuya chưa dứt, thì được tin chiều ngày sau, tổng hội viên chức tổ chức mít tinh ở nhà hát lớn để hô hào quần chúng ủng hộ chính quyền bù nhìn, xin Nhật trao trả độc lập. Những ngày này, bọn bù nhìn tỏ ra ngoan cố, muốn trì hoãn cuộc nổi dậy của lực lượng cách mạng, chờ quân đồng minh vào thành lập một chính phủ thân Anh, Mỹ để chống lại cách mạng. Một số người cầm đầu các đảng phái khác lại muốn nắm lấy chính quyền, điều đình với Nhật xin vũ khí, chống lại Việt minh.

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1960, tập I, tr. 248.



Digitized by Google

Hội nghị bàn cách phá cuộc mít tinh của địch, vạch mặt lừa bịp của chúng và biến thành cuộc mít tinh của ta như cuộc mít tinh ở núi Nùng hôm trước; lần này chúng tôi chủ trương tập trung hai chi đội tự vệ làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh lớn này.

Chiều ngày 17-8, các đoàn thể cứu quốc ở nội, ngoại thành đã bí mật huy động hàng vạn người đến dự cuộc mít tinh. Các đơn vị tự vệ và tuyên truyền xung phong đã được bố trí sẵn sàng theo kế hoạch.

Mít tinh vừa khai mạc thì bất ngờ một lá cờ đỏ sao vàng rộng lớn được giương lên. Quần chúng lập tức hò reo vang dậy. Hàng chục, hàng trăm lá cờ mới xuất hiện. Cảnh sát và lính bảo an canh gác, bảo vệ cuộc mít tinh ngơ ngác đứng im tại chỗ. Ngay lúc đó, đội tuyên truyền xung phong của ta giành lấy diễn đàn báo tin Nhật đầu hàng và tuyên truyền đường lối cứu nước của Việt minh, hô hào nhân dân đả đảo chính quyền bù nhìn thân Nhật, chuẩn bị tham gia khởi nghĩa. Quần chúng vỗ tay hô: « Việt minh vạn tuế ».

Hàng vạn quần chúng tự động xếp thành hàng ngũ trùng trùng điệp điệp đi theo lá cờ đỏ sao vàng, theo các chiến sĩ Việt minh từ nhà hát lớn qua Tràng tiền ra Bờ hồ, vừa đi vừa hô khẩu hiệu « Ủng hộ Việt minh », « Đả đảo chính phủ bù nhìn », « Việt nam hoàn toàn độc lập »... Người hai bên hè phố cũng xuống đường làm cho đoàn biểu tình càng thêm đông. Một số cảnh sát và lính bảo an lúc đầu còn rụt rè đi trên hè đường, về sau cũng nhập theo đoàn biểu tình. Đoàn biểu tình cứ thế tiến lên Hàng đào, Hàng ngang, Đồng xuân, rẽ lên Cửa Bắc đến Phủ toàn quyền (nơi tư lệnh quân Nhật đóng) rồi vòng về Cửa Nam mới giải tán.

Cuộc biểu dương sức mạnh đó là một đòn nặng đánh vào chính quyền bù nhìn và các đảng phái tay sai phát xít nhật. Hội nghị tư vấn Bắc kỳ họp chiều hôm đó nhằm chống lại cuộc khởi nghĩa của Hà nội cũng phải giải tán không kèn không trống trước sức mạnh của quần chúng cách mạng.

Tối 17-8, Ủy ban quân sự cách mạng tiếp tục họp hội nghị cán bộ mở rộng với không khí phấn khởi sau cuộc tuần hành buổi chiều. Hội nghị quyết định toàn thành phố nổi dậy đồng loạt giành chính quyền, dùng bạo lực chính trị, huy động toàn dân, lấy lực lượng nòng cốt là các đội tự vệ chiến đấu, đội tuyên truyền xung phong, chiếm các nơi quan trọng trong nội thành, tập trung hai chi đội tự vệ chiến đấu vào hai trọng điểm là phủ khâm sai và trại lính bảo an.

Về thời gian khởi nghĩa, hội nghị thấy cần phải tiến hành ngay. Nếu để kéo dài thì tinh thần quần chúng đang sôi sục, mong đợi có thể sụt xuống. Nhưng khởi nghĩa vào ngày 18-8 thì không kịp huy động lực lượng. Tốt nhất là khởi nghĩa vào ngày 19-8. Số người dự tính huy động đi giành chính quyền là khoảng 10 vạn hoặc hơn nữa. Sẽ huy động cả bên Gia lâm sang, ngoại thành vào. Cần đề phòng chính phủ bù nhìn, nhất là bọn đầu sỏ Đại việt, Quốc dân đảng có thể dựa vào Nhật gây khó khăn cho cách mạng. Đối với quân Nhật, làm sao giữ cho chúng án binh bất động, và ta không đặt vấn đề chiếm các doanh trại của chúng. Lúc ấy, ở Hà nội có tổng hành dinh của bộ tư lệnh quân đoàn 38 Nhật do tên tướng Ui-xu Xu-si-ba-si chỉ huy và quân đội Nhật theo lệnh hắn mãi tới ngày 21-8 mới chịu ngừng bắn. Vì vậy, Ủy ban quân sự cách mạng có kế hoạch bố trí lực lượng sẵn sàng đối phó nếu quân Nhật ngoan cố chống lại cách mạng Việt nam.

Sáng 18-8, Ủy ban quân sự cách mạng chuyển trụ sở cơ quan ở ngoại thành vào đóng ở nhà số 101 đường Găm-bét-ta (Trần Hưng Đạo bây giờ) để trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa.



Digitized by Google

Hà nội sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa, truyền đơn áp phích dán khắp nơi... Tại nhiều nhà in, công nhân làm việc suốt đêm để in truyền đơn. Nhiều nhà máy, công sở, công nhân viên chức tự động không đến làm việc, ở nhà sắm vũ khí, học bài hát cách mạng.

Cũng chiều ngày 18-8, anh em công nhân xưởng AVIA lấy ô tô của Nhật trong xưởng cắm cờ Việt minh, đi lấy vũ khí ở Gia lâm về, qua cầu Long biên anh em bị lính Nhật giữ lại. Ủy ban khởi nghĩa biết tin đó huy động hàng nghìn công nhân, thanh niên và nhân dân, tổ chức thành một đoàn biểu tình kéo đến bộ tham mưu quân đội Nhật ở phố Phạm Ngũ Lão đòi trả lại người và súng. Đấu tranh, giằng co mãi tới 12 giờ đêm, bọn Nhật phải nhượng bộ, đem trả cả người và súng.

Từ sáng sớm 19-8, Hà nội rợp bóng cờ đỏ sao vàng. Hơn hai trăm nghìn người, một biển người mênh mông gồm đủ các tầng lớp nhân dân Hà nội đổ xuống đường khởi nghĩa, với khí thế cách mạng như vũ bão.

Sau cuộc mít tinh lớn ở nhà hát thành phố để nghe lời hiệu triệu của Ủy ban khởi nghĩa, khối quần chúng cách mạng tổ chức chia làm hai ngả đi chiếm phủ khâm sai và trại lính bảo an.

Sự kiện gay cấn nhất là cuộc đấu tranh ở trại lính bảo an, nơi sào huyệt chỉ huy bọn lính ngụy ở Bắc bộ lúc đó. Trại này có hơn 1 000 tên với đầy đủ vũ khí. Khi lực lượng cách mạng kéo tới thì tên Thụ, quan ba chỉ huy trại tìm cách chống lại. Trước sự kiên quyết và mưu trí của ta, tên Thụ đành chịu đầu hàng. Giữa lúc đó thì quân Nhật lại dùng dùng mang xe tăng đến bao vây dồi trước khí giới của quân cách mạng.

Đánh hay không đánh ?

Chúng ta đã biết dựa vào sức mạnh của quần chúng đông đảo có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, tỏ rõ khí thế kiên định của người chiến thắng : một mặt dùng sức mạnh quần chúng tiến công quân địch, mặt khác dùng lý lẽ nói rõ sự đổ máu vô ích của một đội quân đã thua trận. Ta đánh trúng vào tinh thần đang dao động của bọn Nhật: chúng muốn sống để về với vợ, con. Cuộc đấu tranh siết chặt hàng ngũ, dũng cảm thi gan đấu trí với bọn Nhật kéo dài từ trưa đến chiều, buộc Nhật phải rút quân.

Đến chiều tối ngày 19-8, hầu hết các cơ quan đầu não của chính quyền bù nhìn thân Nhật đã lọt vào tay quần chúng cách mạng. Các đồng chí đại biểu của Hà nội đi dự hội nghị ở Tân trào về thì Hà nội đã khởi nghĩa thành công.

Ngày 21-8-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng từ Tân trào về đến Hà nội đã cùng với Thành ủy rút kinh nghiệm về công tác khởi nghĩa và chỉ thị gấp cho các nơi noi theo Hà nội, đẩy mạnh cao trào tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Có thể nói, thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà nội đối với cả nước có ý nghĩa hết sức to lớn, nó động viên, cổ vũ mạnh mẽ các thành phố, các địa phương trong cả nước đứng lên đồng loạt khởi nghĩa thắng lợi.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chủ tịch về đến Hà nội. Sau khi nghe báo cáo, Người nhất trí với nhận định và cách làm của Hà nội.

Cùng với Hà nội các địa phương trong cả nước đã lần lượt khởi nghĩa thắng lợi, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là một cuộc đổi đời đối với mỗi người Việt nam ta. Những người hôm trước còn sống ngột ngạt dưới ách thống trị hà khắc của bọn đế quốc và phong kiến, hôm nay đã đứng lên nắm chính quyền, xây dựng cuộc đời mới của mình.

Công việc gấp rút trước mắt của Thành ủy Hà nội lúc ấy là xóa bỏ chính quyền cũ một cách triệt để và thành lập ngay chính quyền cách mạng, chỉ



Digitized by Google

đạo tổ chức điều hành bộ máy chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, nhanh chóng đưa đời sống mọi mặt của thành phố trở lại bình thường. Thành ủy đặc biệt coi trọng công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, động viên lòng yêu nước của nhân dân, phát triển và củng cố các lực lượng vũ trang để bảo vệ thành quả cách mạng vừa mới giành được, kịp thời trấn áp bọn phản động âm mưu ngóc đầu dậy phục hồi chính quyền tay sai của đế quốc. Thành ủy còn chỉ đạo xây dựng xưởng quân giới Phan Đình Phùng, xí nghiệp quốc phòng đầu tiên của Hà nội.

Sau khởi nghĩa, Hà nội có biết bao nhiêu công việc phải làm, nhưng Thành ủy đã biết nắm lấy những vấn đề chính như xây dựng, củng cố Đảng và chính quyền; tăng cường xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, khắc phục hậu quả lũ lụt, đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân. Một yêu cầu lớn đã đặt ra cho đảng bộ Hà nội là phải động viên, đoàn kết mọi lực lượng yêu nước làm hậu thuẫn đắc lực cho mọi chủ trương chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời. Mọi hoạt động cách mạng của quần chúng nhân dân Hà nội phải nhằm bảo vệ chủ quyền độc lập của dân tộc, tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt. Thi hành chủ trương của Đảng, Thành ủy đã cho xóa bỏ các món nợ lâu năm của dân nghèo, tiếp hành chia lại ruộng đất công, thực hiện khẩu hiệu không một tấc đất bỏ hoang, chống nạn đói, xóa nạn không biết chữ trong nhân dân. Các cuộc quyên góp cho quỹ độc lập, quỹ quốc phòng và nhất là «tuần lễ vàng» tổ chức từ 17-9-1945 được quần chúng nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt.

Trong không khí sôi sục căm thù bọn thực dân Anh và Pháp gây hấn ở Nam bộ, hàng chục vạn nhân dân Hà nội đã xuống đường biểu tình phản đối. Hàng nghìn thanh niên ghi tên tham gia đội quân Nam tiến chống Pháp. Đi đôi với phong trào ủng hộ cuộc kháng chiến ở miền Nam, nhân dân Hà nội còn làm thất bại âm mưu đen tối của bọn Lư Hán, Tiêu Văn, những tên tướng quân phiệt của Tưởng Giới Thạch định dùng bọn tay sai lật đổ chính quyền cách mạng của ta.

Lực lượng vũ trang Hà nội mà nòng cốt là các chi đội tự vệ chiến đấu thời tiền khởi nghĩa hầu hết được chuyển lên thành bộ đội chủ lực. Các đơn vị giải phóng quân, vệ quốc quân cùng với lực lượng dân quân tự vệ Hà nội được nhận một vinh dự to lớn: bảo vệ an toàn tuyệt đối cuộc mít tinh trọng thể ngày mồng 2 tháng 9 tổ chức tại quảng trường Ba đình, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Digitized by Google

# Nhớ lại cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế

HOÀNG ANH

THÀNH phố Huế là một trong những thành phố lớn của nước ta, ở đoạn giữa của các tỉnh Trung bộ. Đã mấy trăm năm, Huế là thủ đô lúc đầu của Tây sơn, sau đó trở thành thủ đô của triều Nguyễn. Trong thành phố Huế có dinh cơ của một triều đình với bộ máy phục vụ rất lớn. Sau khi thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, ở Huế có tòa khâm sứ với một bộ máy cai trị các tỉnh Trung bộ. Sau khi phát xít Nhật hất cẳng Pháp, dưới cái vỏ trao trả độc lập cho Việt nam, chúng lập ra ở Huế một chính phủ bù nhìn được mệnh danh là chính phủ trung ương của cả nước, có tối cao cố vấn Nhật và 4 500 quân để chiếm đóng tại chỗ và tiếp ứng cho các tỉnh miền Trung. Ở Thừa thiên—Huế còn có bộ máy cai trị cấp tỉnh, thành phố và các huyện như ở tất cả các tỉnh khác.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Thừa thiên—Huế đã nhiều lần cùng với cả nước đứng lên chống giặc, cứu nước. Từ ngày có Đảng, trong các cao trào 1930 —1931, 1935 — 1939, Huế là một trong những nơi phong trào đấu tranh của quần chúng rất sôi nổi. Đã nhiều lần Huế là nơi đóng cơ quan của xứ ủy Trung kỳ. Từ cuối năm 1939 phong trào ở Thừa thiên—Huế hết lượt này đến lượt khác bị địch đàn áp rất dã man: người có ít nhiều chứng cớ chúng bắt tra tấn dã man, kết án tù đưa đi dày ở Lao bảo, Buôn ma thuột hoặc giam ở nhà lao Huế, người không đủ chứng cớ, chúng đưa đi giam ở các trại tập trung Đắc tô, Trà kê, La hy; người có chút nghi ngờ, chúng đưa đi an trí ở các huyện xa. Đến cuối năm 1944 đầu năm 1945, đảng bộ Thừa thiên chỉ còn một số cơ sở ở huyện Phú lộc, huyện Phong điền, trong một số dân nghèo thành thị và mất liên lạc với cấp trên.

Sau ngày 9-3-1945, để tỏ ra rằng chúng thật sự trả lại độc lập cho nước Việt nam, phát xít Nhật lần lượt trả tự do cho anh chị em bị Pháp bắt giam trong các nhà tù, trại tập trung, căng an trí. Trong thời gian ở tù, nhiều đồng chí đã có dịp nghiên cứu, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương trước tình hình mới. Vì vậy, sau khi ra tù, phần lớn đều mong muốn đem hết sức mình phục vụ cách mạng, nhưng một số đồng chí trong tổ chức lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời lúc bấy giờ vì quá thận trọng chưa muốn bắt liên lạc và giao công tác cho các đồng chí mới ở tù về. Cá nhân tôi và một số đồng chí trong đó có anh Nguyễn Duy Trinh, anh Nguyễn Côn, vì mấy tên việt gian thân Nhật tố cáo với Nhật rằng chúng tôi là cộng sản chống Nhật, bị Nhật đưa từ trại tập trung Đắc tô về giam ở nhà lao Quy nhơn gần 2 tháng mới được trả lại tự do.

Khi tôi về đến nhà ngày 2 tháng 5-1945, phần lớn những đồng chí ra



Digitized by Google

tù trước tôi vẫn còn lóng ngóng chờ đợi chưa tham gia công tác. Không thể kéo dài tình trạng này, tôi và một số đồng chí đã cùng ở tù, cùng tham gia các lớp học tập và các cuộc đấu tranh trong tù như các đồng chí Nguyễn Dĩnh, Nguyễn Song (huyện Quảng điền), Đặng Cháu, Trần Liên (huyện Hương trà) bàn bạc và nhất trí với nhau: «Về nguyên tắc, một đảng viên mất liên lạc với Đảng có nhiệm vụ tiếp tục phổ biến tuyên truyền chủ trương của Đảng trong quần chúng, giác ngộ đưa dần quần chúng vào tổ chức và tham gia đấu tranh từ thấp lên cao. Những hoạt động của mỗi người sẽ giới thiện cá nhân mình với tổ chức. Thụ động, chờ đợi là không đúng. Trước tình hình như hiện nay mà ngồi chờ lại càng sai».

Nhất trí với nhau như vậy, chúng tôi khuyến khích nhau và khuyên nhiều đồng chí khác móc nối với những cơ sở đã từng quen biết trước đây, tuyên truyền phổ biến chủ trương đoàn kết cứu nước của Mặt trận Việt minh, chỉ cho mỗi người thấy rõ bộ mặt thật của phát xít Nhật và âm mưu thâm độc của chúng, vận động quần chúng tham gia Việt minh, ủng hộ Việt minh... Trong tuần đầu của tháng 5, chúng tôi đã liên lạc được với nhiều cơ sở cũ và tổ chức thêm một số cơ sở mới ở các huyện Phong điền, Quảng điền, Hương trà và Phú vang. Dựa vào đồng chí Hoàng Tiến là một tỉnh ủy viên trong Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Thừa thiên, chúng tôi báo cáo kết quả những việc đã làm và đề nghị Tỉnh ủy triệu tập một cuộc họp Việt minh tỉnh, có đại diện của anh chị em ở tù về tham gia để có sự nhận định thống nhất về tình hình và bàn nhiệm vụ cách mạng trước mắt. Được sự đồng ý của nhiều đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Nguyễn Sơn làm bí thư, cuộc họp cán bộ lấy tên là Việt minh Nguyễn Tri Phương được triệu tập ngày 23-5-1945.

Cuộc họp gồm phần lớn các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời và những đồng chí đang hoạt động ở địa phương trong đó có các đồng chí Nguyễn Sơn, Trần Thanh Từ, Trần Dung, Lê Minh, Lê Hải, Phan Sung, Hoàng Tiến; đại diện cho những đồng chí mới ở tù về có các đồng chí Lê Tự Đồng, Nguyễn Dĩnh và Hoàng Anh. Cuộc họp được tiến hành trên một chiếc thuyền giữa đầm Cầu hai. Lúc này Tỉnh ủy Thừa thiên vẫn chưa liên lạc được với cấp trên, nhưng dựa vào các tài liệu xin được của các tỉnh bạn và các tài liệu chúng tôi đã học thuộc trong các nhà tù, hội nghị đã dựa vào những chỉ thị, nghị quyết của Trung ương để thảo luận. Sau hơn một tuần làm việc, hội nghị đã nhất trí về những điểm lớn đại ý như sau:

1— Thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền của cách mạng Việt nam, như các tài liệu của Trung ương đã xác định, là lúc quân đội đồng minh đổ bộ hoặc quân Trung quốc tràn sang đánh Nhật trên đất nước ta. Đầu tháng 5 vừa qua, phát xít Đức đã đầu hàng các nước đồng minh. Khả năng Nhật bị đánh dau phải đầu hàng là khả năng có thể xảy ra. Nếu như vậy thì đó là thời cơ khởi nghĩa tốt nhất. Dù trong trường hợp nào, khi có thời cơ, tỉnh Thừa thiên và thành phố Huế phải cùng với cả nước khởi nghĩa giành chính quyền.

2— Tình hình rất cấp bách nhưng phong trào quần chúng, tổ chức của Đảng, của Việt minh trong tỉnh còn quá yếu, nhất là trong thanh niên học sinh, trong công chức, trong binh lính. Nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là phải ra sức dấy mạnh phong trào, mở rộng tổ chức Việt minh và các đoàn thể cứu quốc, nhất là trong thành phố Huế, sẵn sàng đón thời cơ cùng cả nước đứng lên khởi nghĩa.



Digitized by Google

3— Trong các huyện và thành phố Huế có nhiều anh chị em từ các nhà tù của đế quốc được thả về chưa tham gia hoạt động. Chúng ta cần phải thu hút anh chị em vào công tác, để một lực lượng cán bộ lớn như vậy không làm gì thì rất lãng phí.

4— Đối với các tổ chức thân Nhật (như đảng Tân Việt nam, đoàn thanh niên Việt nam, hội đồng tư vấn, ủy ban hiến pháp, trường thanh niên tiền tuyến...), thái độ của chúng ta là lên án, dứt khoát không tham gia. Nhưng trong các tổ chức ấy có nhiều người tưởng lầm rằng đó là tổ chức yêu nước. Chúng ta cần tìm cách gần gũi họ, chỉ cho họ thấy rõ âm mưu thâm độc của phát xít Nhật, tuyên truyền phổ biến chủ trương đoàn kết cứu nước của Việt minh, vận động những người thật sự yêu nước tham gia Việt minh, vạch mặt những tên việt gian thân Nhật, làm cho các tổ chức thân Nhật trở thành vô hiệu.

5— Tình hình trong nước và thế giới chuyển biến hằng ngày hằng giờ, yêu cầu đối với lãnh đạo của tỉnh là phải nắm kịp thời những diễn biến của tình hình. Vì vậy cần chuyển ngay cơ quan của tỉnh lên sát thành phố Huế. Cơ quan đóng ở Phú lộc không tiện cho việc nắm tình hình chung và cũng khó khăn cho việc liên lạc với các huyện phía bắc tỉnh.

6— Đẩy mạnh việc tổ chức các đội tự vệ, trang bị chủ yếu là giáo, mác; cần tổ chức việc tìm kiếm vũ khí của Pháp cất giấu hoặc rơi rớt khi bị Nhật đảo chính; nghiên cứu việc mua vũ khí của lính Nhật; chuẩn bị một số căn cứ địa để làm chỗ dựa chống địch.

7— Cử một ban thường vụ lấy tên là thường vụ Việt minh Nguyễn Tri Phương gồm 5 đồng chí: Nguyễn Sơn (bí thư), Nguyễn Dĩnh (tổ chức), Hoàng Anh (tuyên huấn và trực), Lê Tự Đồng (quân sự và căn cứ địa), Trần Thanh Tử (phụ trách thành phố Huế). Các đồng chí khác trong ban chấp hành được phân công về tăng cường các huyện yếu và thành phố Huế.

Hội nghị Cầu hai bế mạc được 2 hôm thì cơ quan của tỉnh chuyển lên Bao vinh. Thường vụ Việt minh tỉnh ăn ở và làm việc trên một chiếc thuyền đi lại giữa sông hoặc trong túp lều của đồng chí Tô Tuấn. Việt minh các huyện và thành phố Huế được một số ủy viên ban chấp hành tỉnh về tăng cường và những đồng chí mới ở tù về tham gia đều ra sức đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng tham gia phong trào cứu nước. Chương trình và điều lệ Việt minh được tuyên truyền phổ biến đến đâu quần chúng hoan nghênh và sẵn sàng tham gia đến đó. Chưa bao giờ các tầng lớp nhân dân ở Thừa thiên — Huế lại hưởng ứng Lời kêu gọi của Đảng nhanh chóng như lúc này.

Đồng thời với việc chỉ đạo các huyện và thành phố Huế mở rộng phong trào, thường vụ Việt minh tỉnh đã trực tiếp giải quyết một vấn đề về tổ chức như sau:

Từ cuối năm 1944, một số công chức ở Huế đã liên lạc và xin được tài liệu Việt minh của những bạn thân ở Hà nội. Theo nội dung tài liệu, họ tổ chức một nhóm Việt minh ở Huế, bao gồm một số công chức và học sinh. Người chủ trì nhóm này là đồng chí Nguyễn Tấn (thứ trưởng Bộ lương thực chết đến năm 1981). Tham gia nhóm Việt minh này có đồng chí Lê Khánh Khang, một nhân viên Sở bưu điện Huế đã bị giam với chúng tôi ở Đắc tô. Sau khi Nhật hất chân Pháp, đồng chí Khang cùng với nhiều người khác được trả lại tự do. Đồng chí Khang trở lại làm việc ở Sở bưu điện Huế và tham gia nhóm Việt minh của đồng chí Tấn.

Gặp tôi ở Huế, đồng chí Khang cho tôi biết rằng đồng chí ấy đã tham gia Việt minh. Anh em trong nhóm này trông mong gặp Đảng để được lãnh đạo; tổ chức càng phát triển, chỉ đạo càng lúng túng. Dựa vào đồng chí



Digitized by Google

Khang, chúng tôi điều tra và biết rằng anh em trong nhóm này đều là người yêu nước và sẵn sàng chịu sự lãnh đạo của Đảng. Chúng tôi báo cáo với thường vụ Việt minh tỉnh và đề nghị thống nhất nhóm này vào Việt minh Nguyễn Tri Phương. Sau khi đã cử người thẩm tra lại một lần nữa, thường vụ quyết định cho tiến hành việc thống nhất tổ chức và chỉ đạo giữa Việt minh Nguyễn Tri Phương với nhóm của đồng chí Tấn. Cuối tháng 6-1945 cuộc họp để quyết định việc thống nhất được tiến hành giữa vườn hoa Bảo Đại (dải đất ven sông Hương từ Phu văn lâu đến Kim long). Từ đó việc chỉ đạo phong trào Việt minh trong tỉnh được thống nhất.

Tiếp theo những chuyển biến mạnh mẽ của phong trào trong tỉnh sau cuộc hội nghị trên đầm Cầu hai (23-5-1945), việc thống nhất với nhóm Việt minh ở Huế đã góp phần đẩy mạnh phong trào lên những bước mới. Đi đôi với phong trào công nhân và nông dân, phong trào dân nghèo thành thị cũng ngày càng sôi nổi; việc mở rộng phong trào và tổ chức Việt minh trong công chức, thanh niên học sinh, thân sĩ trí thức và binh lính cũng thuận lợi hơn trước. Nhiều nhà máy in lớn sẵn sàng cho giấy, mực và đề cho công nhân in truyền đơn, biểu ngữ cho Việt minh. Từ đầu tháng 7-1945, do ảnh hưởng vang dội của những thắng lợi của Việt minh ở Bắc bộ và Quảng ngãi và do những cố gắng của cán bộ và đảng viên, phong trào cứu nước phát triển ở đều khắp các huyện và phần lớn các phố phường của Huế. Những đội tự vệ trong công nhân và ở nhiều thôn xóm được tổ chức và luyện tập ngày đêm. Không khí tiền khởi nghĩa lan rộng trong tỉnh và thành phố Huế

Đi đôi với việc phát triển tổ chức và mở rộng phong trào Việt minh, việc đối phó với các tổ chức thân Nhật cũng là một việc làm cho thường vụ Việt minh phải tốn nhiều thì giờ và sức lực.

Những tổ chức thân Nhật có tính quần chúng hoạt động khá mạnh ở Thừa thiên — Huế sau khi Nhật hất chân Pháp, đó là đoàn thanh niên Việt nam do chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim lập ra để làm hậu thuẫn cho mình, Đảng tân Việt nam do anh Tôn Quang Phiệt lập ra, hội đồng tư vấn của chính phủ bù nhìn, ủy ban hiến pháp Trần Trọng Kim, trường thanh niên tiền tuyến... Dưới danh nghĩa là những tổ chức quần chúng yêu nước, các tổ chức này đã thu hút khá đông thanh niên và nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Một số đảng viên cũ đã từng bị tù đày và quần chúng cảm tình của Đảng trước đây, vì không hiểu rõ chủ trương của Đảng cũng tham gia, càng làm cho quần chúng tưởng lầm rằng đây là những tổ chức yêu nước. Sự hoạt động ngày càng rộng của các tổ chức thân Nhật là một trở lực lớn cho sự phát triển của phong trào Việt minh. Trước tình hình ấy, một số đồng chí chúng ta muốn dùng vũ lực để trừng trị những phần tử ngoan cố trong các tổ chức nói trên. Nhưng theo đúng tinh thần nghị quyết hội nghị Việt minh tỉnh trên đầm Cầu hai, thường vụ Việt minh tỉnh đã chỉ thị cho các cấp chịu khó đi sát quần chúng, tuyên truyền phổ biến sâu rộng chủ trương của mặt trận, phân tích rõ âm mưu thâm độc và xảo trá của phát xít Nhật, kiên trí vận động quần chúng tham gia hoặc ủng hộ Việt minh, cô lập bọn việt gian thân Nhật...

Bằng cách kết hợp chặt chẽ việc gặp gỡ và thân tình giải thích cho những đồng chí cũ hiểu rõ chủ trương của Đảng cũng như sai lầm của họ, giúp họ trở lại phục vụ cách mạng, với việc vận động quần chúng rộng rãi và vạch mặt những tên việt gian giả danh yêu nước, chúng ta đã dần dần làm cho các tổ chức thân Nhật



Digitized by Google

mất hết hiệu lực, cuối cùng đều tự giải tán.

Ngoài những tổ chức nói trên, từ đầu tháng 6-1945, ở Huế đã xuất hiện một tổ chức bí mật chống Việt minh, chống cộng sản quyết liệt. Lần đầu, khi Việt minh Nguyễn Tri Phương rải truyền đơn kêu gọi chống phát xít Nhật, đoàn kết cứu nước, tham gia và ủng hộ Việt minh, bọn này liền rải truyền đơn nói rằng: Việt minh giả do cộng sản trá hình đã xuất hiện ở Huế để lừa phỉnh đồng bào, yêu cầu đồng bào đừng tin; rằng chính bọn chúng mới là Việt minh thật có liên lạc với lãnh tụ ở Trung hoa... Sau đó cứ mỗi lần chúng ta rải truyền đơn, dán biểu ngữ, chúng đều rải truyền đơn nhắc lại luận điệu của chúng. Sau mấy tuần điều tra, chúng tôi biết được rằng nhóm này thuộc tổ chức chống cách mạng, chống cộng sản của Ngô Đình Khôi. Vì tổ chức của chúng chỉ thu hẹp trong một số quan lại, công chức cao cấp chống cách mạng, chống cộng sản cho nên chỉ hoạt động hăng hái được mấy tuần. Từ đầu tháng 8, khi chúng ta hoạt động mạnh thì bọn chúng im hơi lặng tiếng.

Ngày 8 tháng 8-1945 chúng tôi biết tin Liên xô tham chiến ở mặt trận Thái bình dương và Hồng quân đã đánh tan đội quân Quan đông của Nhật. Tin rằng ngày phát xít Nhật bị đánh bại không xa nữa, thường vụ tỉnh liền chỉ thị cho các huyện và thành phố đẩy mạnh công tác vận động quần chúng và phát triển tổ chức tự vệ, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến. Sáng 12 tháng 8, đồng chí Lê Khánh Khang từ Sở bưu điện chạy đến báo cho chúng tôi biết tin Nhật xin đầu hàng các nước đồng minh. Những tin tức trên các đài thu thanh và báo chí trong những ngày tiếp theo xác nhận tin Nhật xin đầu hàng là có thật.

Như vậy là thời cơ khởi nghĩa đã đến. Nhiệm vụ cấp bách của nhân dân và đảng bộ Thừa thiên — Huế là phải sẵn sàng cùng với cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Cuộc họp của thường vụ Việt minh tỉnh để quyết định chủ trương trước tình hình mới được tiến hành trong căn nhà của Tô Tuấn, từ trưa ngày 12 đến tối ngày 13-8-1945 mới kết thúc. Vì đảng bộ Thừa thiên — Huế chưa liên lạc được với Trung ương, việc bàn và quyết định chủ trương khởi nghĩa rất gay go và căng thẳng. Cuối cùng với đại đa số tán thành, thường vụ đã quyết định phát động quần chúng trong tỉnh khởi nghĩa giành chính quyền.

Căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, kế hoạch khởi nghĩa của thường vụ Việt minh tỉnh được phác thảo như sau: gấp rút chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở các huyện; huyện nào chuẩn bị xong thì khởi nghĩa ngay để lấy đà thúc đẩy các huyện khác. Khởi nghĩa giành chính quyền xong ở các huyện, nhất là các huyện sát thành phố, chúng ta sẽ dựa vào sự giúp sức của các huyện phát động quần chúng đứng lên giành chính quyền ở Huế.

Để phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng đứng lên khởi nghĩa, thường vụ tỉnh đã cho in để phân phát 5 loại truyền đơn, mỗi loại 300 đến 400 nghìn tờ, đều in ti pô:

1 — Phân tích thời cơ khởi nghĩa đã đến, kêu gọi các tầng lớp nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

2 — Hướng dẫn việc tổ chức và tiến hành khởi nghĩa, lật đổ chính quyền bù nhìn, thành lập chính quyền cách mạng ở cấp xã, cấp tổng, cấp huyện.

3 — Phổ biến các khẩu hiệu và giải thích một số khẩu hiệu khởi nghĩa giành chính quyền.

4 — Hướng dẫn cách làm và giải thích ý nghĩa của cờ đỏ sao vàng.

5 — Hướng dẫn tổ chức, trang bị và chọn người vào các đội tự vệ.



Digitized by Google

Đi đôi với việc phát động quần chúng ở các huyện, các cơ quan, xí nghiệp, đường phố nhằm giảm đến mức thấp nhất sức chống phá của các tổ chức và cơ quan có thế lực lúc bấy giờ, thường vụ Việt minh tỉnh đã viết thư gửi riêng cho từng ông bộ trưởng, thủ tướng, nhân viên cao cấp trong chính phủ Trần Trọng Kim, cho tỉnh trưởng, đốc lý thành phố, huyện trưởng các huyện... nói rõ mục đích của Việt minh là đoàn kết cứu nước, giành độc lập cho Tổ quốc, nay Nhật đã đầu hàng, thời cơ cứu nước đã đến, họ hãy vì nước vì dân mà ủng hộ Việt minh, không làm gì có hại cho sự nghiệp cứu nước của nhân dân, các ông bộ trưởng hãy vận động Bảo Đại thoái vị, vận động chính phủ từ chức. Ngoài ra thường vụ còn cử một số đồng chí trực tiếp vận động anh Phan Tử Lăng, chỉ huy trưởng đội lính bảo an, ủng hộ Việt minh; trực tiếp gặp anh Phan Anh, yêu cầu anh ấy chỉ thị cho đoàn thanh niên hợp tác với Việt minh, chí ít không gây gổ và cản trở sự nghiệp cứu nước của Việt minh; gặp và trực tiếp vận động các ông huyện trưởng, đốc lý thành phố và nha lại ủng hộ Việt minh. Trước việc Nhật phải đầu hàng các nước đồng minh, trước cao trào cách mạng như triều dâng thác đổ trong cả nước và trong tỉnh, và trước thái độ có tình có lý của Việt minh, công tác vận động tầng lớp trên đã thu được kết quả tốt: 4 huyện trưởng, chỉ huy trưởng đội quân bảo an và nhiều cán bộ, chỉ huy đã hăng hái ủng hộ Việt minh; phần lớn các quan lại, công chức trong chính phủ Trần Trọng Kim không có thái độ chống đối...

Đối với quân đội Nhật, sau khi có tin chính thức Nhật đã đầu hàng, chúng tôi gửi cho tối cao cố vấn Nhật ở Huế một bức thư đại ý nói: « Nước Nhật đã đầu hàng các nước đồng minh. Rồi đây các ông sẽ về nước. Chúng tôi phải giành độc lập cho đất nước chúng tôi. Để giữ mối quan hệ tốt giữa nhân dân Nhật với nhân dân Việt nam, chúng tôi yêu cầu ông ủng hộ sự nghiệp cứu nước của chúng tôi, ra lệnh cho quân đội Nhật dưới quyền của ông đừng cản trở sự nghiệp của chúng tôi. Về phía mặt trận Việt minh, chúng tôi sẽ hết sức tránh những va chạm với quân đội Nhật ».

Khoảng giữa tháng 8, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa trong 6 huyện phát triển rầm rộ. Được Thường vụ tỉnh đồng ý, sáng ngày 18-8-1945 nhân dân huyện Phong điền đã khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn huyện, thành lập ủy ban nhân dân cách mạng từ xã lên tổng, lên huyện thắng lợi. Ngày 20 và 21 các huyện Phú vang, Hương trà, Hương thủy cũng lần lượt khởi nghĩa giành chính quyền. Huyện Phú lộc và Quảng điền khởi nghĩa xong ở xã mới tập trung lên khởi nghĩa ở huyện.

Sau khi huyện Phong điền khởi nghĩa thành công, sáng ngày 20-8-1945 Thường vụ tỉnh họp để quyết định kế hoạch khởi nghĩa ở Huế. Giữa cuộc họp chúng tôi được tin Hà nội đã giành được chính quyền. Tin mới càng làm cho chúng tôi thêm vững tâm bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế. Đại thể kế hoạch được quyết định như sau:

Ngày 23-8-1945 chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim có kế hoạch tổ chức một cuộc mít tinh lớn ở sân vận động Huế để mừng việc Nhật trả quyền cai trị Nam kỳ cho triều đình Huế. Đây là một hành động vớt vát cuối cùng của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, vừa để thử sức Việt minh, vừa để đánh giá thái độ của quần chúng đối với Nam triều. Đã vậy, chúng ta sẽ tương kế tựu kế, lấy ngày 23-8 làm ngày khởi nghĩa giành chính quyền. Các huyện phụ cận và các cơ sở trong thành phố sẽ huy động quần chúng có đủ cờ, biểu ngữ, tự vệ có dây đủ vũ khí, sáng 23-8 kéo vào thành phố và đi đến sân vận động Huế. Khi có



Digitized by Google

lệnh, tất cả sẽ nhất loạt trương cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ ghi các khẩu hiệu cách mạng lên. Và chúng ta sẽ chiếm lễ đài, biến cuộc mít tinh của địch thành cuộc mít tinh và tuần hành giành chính quyền của ta. Các đội tự vệ, các đội bảo an ta đã nắm được, học sinh trường thanh niên tiền tuyến được bố trí làm nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh, nhất là đoàn chủ tịch; bảo vệ các đoàn đi giành chính quyền ở các cơ quan, công sở; vây bắt những tên việt gian nguy hiểm...

Chiều ngày 20-8-1945 một đoàn cán bộ của Trung ương gồm các anh Tố Hữu, Nguyễn Duy Trinh, Hồ Tùng Mậu, thay mặt Trung ương đến Huế chỉ đạo việc giành chính quyền ở Huế. Được đoàn cán bộ trung ương về trực tiếp chỉ đạo, chúng tôi rất mừng và ngay chiều hôm đó báo cáo đầy đủ tình hình giành chính quyền ở các huyện và dự kiến kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế của Thường vụ Việt minh tỉnh. Kế hoạch khởi nghĩa của chúng tôi được các anh chuẩn y và ngay tối hôm đó (20-8-1945) Ủy ban khởi nghĩa Huế được thành lập do anh Tố Hữu làm Chủ tịch, Hoàng Anh Phó chủ tịch, các anh Lê Tự Đồng, Nguyễn Tăn, Lê Khánh Khang làm ủy viên. Suốt đêm 20-8 và ngày 21-8, Ủy ban khởi nghĩa họp bàn kế hoạch cụ thể trên gác hai ngôi nhà của anh Thuật trước cửa Thượng tứ. Cuộc họp đã quyết định một số việc quan trọng:

— Kế hoạch tổ chức và chỉ đạo cuộc tuần hành và cuộc mít tinh ở sân vận động Huế.

— Phân công chỉ đạo các đoàn đi chiếm giữ các cơ quan, công sở.

— Kế hoạch bao vây và bắt giữ bọn việt gian nguy hiểm.

— Kế hoạch sử dụng lực lượng tự vệ, các đội bảo an, trường thanh niên tiền tuyến.

— Chọn người đề cử vào Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thừa thiên.

Giữa lúc Ủy ban khởi nghĩa đang họp, khoảng 19 giờ chiều ngày 21-8 trên đài truyền thanh Huế vang lên lời tuyên bố rằng Bảo Đại sẵn sàng thoái vị, nhường quyền cho một đảng mạnh nhất quản lý đất nước. Lời tuyên bố trên đây như đổ thêm dầu vào ngọn lửa cách mạng đang sôi sục trong thành phố. Việc chuẩn bị cờ, biểu ngữ được tiến hành rầm rộ trên các đường phố. Để khớp với kế hoạch khởi nghĩa của tỉnh, theo yêu cầu của chúng tôi, chiều 22-8-1945 Bảo Đại tuyên bố một lần nữa trên đài truyền thanh là sẵn sàng thoái vị nhường quyền quản lý đất nước cho Việt minh.

Suốt đêm 22-8 cả thành phố Huế và nhiều huyện không ngủ. Từ 3 giờ sáng ngày 23-8 trên các nẻo đường, từng đoàn người hàng ngũ chỉnh tề từ ngoại ô kéo vào thành phố. Nhân dân và tự vệ ở các phố phường cũng đổ ra đường. Lúc đầu các đoàn đều im lặng. Nhưng lúc trời vừa bừng sáng thì không còn giấu giếm gì nữa, các đoàn biểu tình, với cờ, biểu ngữ và cả giáo mác của tự vệ giương cao, rầm rộ kéo đi trên các đường phố, hô vang các khẩu hiệu: Việt nam hoàn toàn độc lập muôn năm; Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim; Mặt trận Việt minh muôn năm... Cả thành phố ngập trong biển người với cờ, biểu ngữ cách mạng.

Sau khi kéo đi tuần hành trên các đường phố lớn, trợ lực các bộ phận chiếm giữ các cơ quan, công sở, đồn lính, các đoàn quần chúng lần lượt kéo đến sân vận động Huế dự cuộc mít tinh lớn. Khoảng 4 giờ chiều, trước hơn 150 nghìn quần chúng, đồng chí Tố Hữu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Huế, tuyên bố xóa bỏ chính quyền thực dân và phong kiến phản động, tuyên bố thành lập chính



Digitized by Google

quyền nhân dân cách mạng tỉnh Thừa thiên và thành phố Huế, giới thiệu với đồng bào thành phần của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Thừa thiên. Tiếng hoan hô dậy đất vang trời. Thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh gồm có một số đồng chí có chân trong Ban chấp hành Việt minh tỉnh và một số thân sĩ trí thức yêu nước như: Bửu Tiếp, giáo học, Nguyễn Tài Đức, nguyên huyện trưởng Phú vang; anh Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch, Hoàng Anh Phó chủ tịch, các anh Lê Tự Đồng, Lê Khánh Khang, Trần Thanh Chữ, Bửu Tiếp, Nguyễn Tài Đức làm ủy viên.

Việc chiếm giữ các cơ quan, công sở, trại lính, kho tàng của chính phủ bù nhìn được tiến hành song song với cuộc mít tinh và tuần hành của quần chúng tổ chức ở sân vận động Huế. Nói là chiếm giữ nhưng thật ra thì chúng ta đến đâu, người ta đều đã chuẩn bị sẵn cả giấy tờ, sổ sách, tài sản đã kiểm kê và cả hồ sơ nhân sự để giao cho cách mạng. Riêng Đại nội (khu cung điện của nhà vua) thì sau khi phái đoàn chính phủ trung ương tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại (30-8-1945), chúng ta mới tiếp nhận.

Nhìn chung, sổ sách, tài liệu, kho tàng, tài sản của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và của triều đình nhà Nguyễn, chúng ta đã thu được nguyên vẹn, không bị mất mát. Nhưng qua tài sản tịch thu được càng thấy rõ: sau gần 100 năm bị thực dân Pháp vơ vét, mấy năm bị phát xít Nhật cướp bóc, lại thêm sự phung phí và bất lực của vua quan nhà Nguyễn, kho tàng của triều đình Huế và chính phủ bù nhìn hầu như trống rỗng. Ngoài một số vàng ít ỏi trong hoàng cung, tài sản tương đối có giá trị được cất giữ trong kho của chính phủ bù nhìn gọi là « nội khố » chỉ có 60 thùng bạc nén mỗi thùng khoảng 50 kg và hơn 500 nghìn đồng Đông dương.

Đối với những tên việt gian nguy hiểm, trong ngày 23-8-1945 chúng ta chỉ bắt giam Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Huân và Phạm Quỳnh. Sáng hôm sau (24-8) một toán lính Nhật kéo đến nhà lao Huế đòi thả những người bạn của chúng. Anh em gác lao kiên quyết từ chối. Chúng phải bỏ đi. Ngoài hành động nói trên, trong khi chúng ta khởi nghĩa giành chính quyền, quân đội Nhật không có hành động gì tỏ ra muốn ngăn cản hoặc chống phá.

Sau ngày khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế hai hôm, chúng tôi được tin một phái đoàn của chính phủ trung ương gồm các anh Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Cù Huy Cận sẽ đến Huế dự lễ thoái vị của Bảo Đại. Chúng tôi chuẩn bị đón tiếp phái đoàn và tổ chức buổi lễ ấy. Ngày 28-8-1945 hàng trăm nghìn quần chúng đứng hai bên đường quốc lộ từ Mỹ chánh đến Huế nhiệt liệt chào mừng phái đoàn. Lúc đầu phái đoàn xuống xe để chào quần chúng, bắt tay từng người. Nếu cứ để như vậy thì phải mất mấy ngày chưa đi hết đoạn đường hơn 40 km, chúng tôi đành phải mời phái đoàn lên xe, vừa đi vừa vẫy chào đồng bào.

Chiều 30-8-1945, trước hơn 50 nghìn quần chúng, cờ quẻ ly bị hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được kéo lên phấp phới bay trên cột cờ Huế. Bảo Đại đọc lời thoái vị và nộp ấn kiếm cho cách mạng. Đại diện Chính phủ tuyên bố xóa bỏ chính thể quân chủ, tiếng hoan hô vang dậy một góc trời. Sau lễ thoái vị của Bảo Đại, việc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế coi như đã kết thúc tốt đẹp.

Giữa lúc chúng tôi đang lo giải quyết những việc cấp bách của cách mạng và chuẩn bị đón phái đoàn chính phủ trung ương, thì chiều ngày 27-8-1945, 6 tên biệt kích Pháp nhảy dù xuống cách Huế 20 km về phía bắc. Tự vệ ta đến vây bắt, chúng trình đủ



Digitized by Google

giấy tờ là quân đồng minh, và đòi để cho chúng đi Huế ngay. Chúng tôi lúng túng: nếu bắt giữ, tước vũ khí của chúng thì sợ chạm đến quân đồng minh, nhưng nếu để cho chúng đến Huế trong đó có 4500 quân Nhật và 400 sĩ quan, binh lính và thường dân Pháp bị Nhật giam nay đã được tự do thì rất nguy hiểm. Lấy lý do phải đợi xin ý kiến cấp trên, chúng tôi đưa chúng đến ở tạm trong một nhà thờ họ cuối làng Hiền sĩ, cách đường quốc lộ hơn 3 km.

Sau mấy ngày điều tra và biết rằng bọn này là những sĩ quan Pháp nhảy dù xuống Huế để cùng với bọn Pháp có mặt ở Huế câu kết với bọn việt gian thân Pháp chiếm thành phố Huế trước khi quân đồng minh đến trước vũ khí của Nhật, chúng tôi cho tước vũ khí và bắt giam bọn chúng. Những giấy tờ bắt được cho thấy rõ âm mưu quỷ quyệt và thâm độc của thực dân Pháp. Vụ 6 tên nhảy dù vừa giải quyết xong thì 4 tên biệt kích Pháp khác lại đổ bộ bằng thuyền ở cửa bể Thuận an. Bọn này bị bắt, bị tước vũ khí ngay và đưa vào giam cùng với 6 tên nhảy dù. Phát xít Nhật chưa cút đi mà thực dân Pháp đã mò đến, điều đó báo trước cho chúng ta nhiệm vụ nặng nề phải chống giặc, bảo vệ chính quyền cách mạng còn rất non trẻ.

Khoảng giữa tháng 9-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng cấp kỳ được thành lập, đóng trụ sở ở Huế. Từ đó các mặt công tác ở Thừa thiên—Huế được sự chỉ đạo trực tiếp của xứ ủy Trung kỳ và Ủy ban nhân dân cách mạng Trung bộ. Đó là may mắn lớn đối với chúng tôi giữa lúc công tác hằng ngày hằng giờ được đặt ra quá nhiều trong một thành phố như thành phố Huế: giao dịch với bộ chỉ huy và đối phó với quân đội Nhật từ các tỉnh tập trung về Huế đợi ngày bị giải giáp; theo dõi hoạt động của 100 tên Pháp được trả lại tự do đang tìm cách móc nối với bọn việt gian thân Pháp chờ dịp cướp nước ta một lần nữa; chuẩn bị đón tiếp hơn 5000 quân đội Tưởng Giới Thạch sẽ đến Huế tước vũ khí quân Nhật, phải lo ăn, lo chỗ ở, bảo đảm quan hệ tốt với một đội quân xa lạ... Bấy nhiêu việc đều dồn vào một thành phố chưa đầy 60 000 dân thì thật là quá nặng. Được sự chỉ đạo và giúp đỡ của Ủy ban nhân dân Trung bộ, chúng tôi đỡ được phần lớn gánh nặng quá sức của mình.

Đối với bên trong, việc cấp bách của Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh và đảng bộ tỉnh Thừa thiên là phải tập trung sức chống nạn đói cuối năm 1945, đầu năm 1946; phát động phong trào tăng gia sản xuất để phòng nạn đói kinh niên; thực hiện những điểm có thể thực hiện được trong chương trình Việt minh như: quân cấp ruộng đất công cho công bằng, thực hiện quyền nam nữ bình đẳng, vận động hoãn nợ cho người nghèo, thực hiện ngày làm 8 giờ cho công nhân, đẩy mạnh truyền bá chữ quốc ngữ...

Phấn khởi trước thắng lợi to lớn của cách mạng, được thoát khỏi kiếp nô lệ và được làm người dân một nước độc lập tự do, nhân dân Thừa thiên — Huế đem hết sức mình thực hiện các chủ trương chính sách của Chính phủ, của Mặt trận. Với sự đoàn kết tương trợ nhau của đồng bào trong thôn xóm, nạn đói cuối năm 1945 đã qua khỏi, phong trào tăng gia sản xuất, chia lại ruộng đất công, xóa nạn không biết chữ, luyện tập tự vệ... được quần chúng hưởng ứng sôi nổi và hào hứng. Lúa, ngô, khoai, sắn, rau, đậu phủ kín cả những dãm đất bỏ hoang từ trước. Ngay giữa thành phố Huế, trên các lề đường, trên mặt thành cổ cũng không còn một mảnh đất bỏ không. Điều đáng phấn khởi là ở nhiều nơi không còn xảy ra

*(Xem tiếp trang 86)*



Digitized by Google

# Phát huy truyền thống cách mạng, quyết tâm xây dựng Bắc thái giàu mạnh

**VŨ NGỌC LINH**
Bí thư Tỉnh ủy Bắc thái

Từ trong gông xiềng nô lệ, nhân dân các dân tộc Bắc thái, cùng với nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã vùng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, mở ra bước ngoặt có ý nghĩa cực kỳ to lớn trong lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc ta. Cách mạng Tháng Tám đã mở đường cho nhân dân các dân tộc Bắc thái thật sự làm chủ cuộc đời, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, đoàn kết cùng nhau xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc.

Nhưng trong suốt bốn mươi năm qua, đất nước ta không có hòa bình thật sự để chuyên dốc sức vào công cuộc xây dựng đất nước. Các thế lực đế quốc và phản động quốc tế liên tiếp xâm lược và âm mưu thôn tính nước ta. Cũng như các tỉnh khác trong cả nước, Bắc thái phải vừa chiến đấu, vừa xây dựng, và đã thu được những thành tích to lớn, vẻ vang.

Thành tích nổi bật trước hết là *đảng bộ Bắc thái đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo chính sách dân tộc của Đảng, xây dựng khối đoàn kết nhất trí, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc, tạo nên sức mạnh tổng hợp của khối liên minh công nông, động viên cao độ sức người, sức của, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.*

Là một tỉnh trung du, miền núi, có nhiều dân tộc, lại trải qua hàng trăm năm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và bị chiến tranh tàn phá, Bắc thái rất nghèo, nền kinh tế lạc hậu, mang nặng tính chất tự cung, tự cấp; sản xuất nông, lâm nghiệp còn trong tình trạng tiểu nông, du canh, du cư. Các tệ nạn mê tín, ma chay, cưới xin lãng phí đè nặng lên đời sống của nhân dân. Trình độ giác ngộ cách mạng giữa các vùng, các dân tộc có khác nhau. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong bốn mươi năm qua, nhân dân các dân tộc Bắc thái đã đóng góp đáng kể sức người, sức của vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bắc thái là một trong những tỉnh «căn cứ địa của cả nước», là «thủ đô» của cuộc kháng chiến thần thánh. Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng đã nhiều năm làm việc và chỉ đạo cuộc kháng chiến từ đây. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bắc thái có mấy chục nghìn thanh niên nhập ngũ, bắn rơi 69 máy bay Mỹ, trong đó có 2 máy bay B52, bắt sống 21 giặc lái Mỹ. Trong cuộc chiến đấu chống bọn bành trướng Trung quốc xâm lược tháng 2-1979, quân và dân Bắc thái đã tiêu diệt 3675 tên địch, bắt sống 111 tù binh, bắn cháy 13 xe tăng. Ở hậu phương,



Digitized by Google

nhân dân các dân tộc Bắc thái đã thi đua lao động sản xuất, làm ra nhiều lương thực, thực phẩm cung cấp cho các chiến trường.

Có được phong trào cách mạng sôi nổi đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước chính là do đảng bộ Bắc thái đã từng bước vận dụng chủ trương, chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, tạo nên sự bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc. Việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng trong phát triển kinh tế — xã hội ở Bắc thái trước đây đã trải qua những bước « gập ghềnh » khác nhau. Có lúc, có nơi vận dụng chưa đúng chủ trương của Đảng, thực hiện chính sách thiếu sáng tạo cho nên đã làm hạn chế việc khai thác tiềm năng đất đai, lao động, phát huy tinh thần làm chủ, ý thức tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, có khi còn làm nảy sinh tư tưởng tự ty, ỷ lại, trông chờ, ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng sự đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc.

Từ những bài học thực tế và quán triệt ngày càng sâu sắc chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng, những năm qua, Bắc thái đã ra sức củng cố các cơ sở Đảng và chính quyền, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế như mở mang giao thông, thủy lợi, thủy điện, từng bước đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào miền núi, nhất là vùng dân tộc thiểu số để nâng cao một bước đời sống của nhân dân. Cùng với đẩy mạnh sản xuất, Bắc thái ra sức phát triển sự nghiệp giáo dục, mở mang trường học, cơ sở y tế, văn hóa, tạo điều kiện để hầu hết con em các dân tộc được đi học, ốm đau được chữa bệnh. Một biện pháp quan trọng trong những năm qua là Bắc thái đã tiếp nhận hàng vạn gia đình đồng bào miền xuôi lên sống xen kẽ với đồng bào các dân tộc để vừa phát triển kinh tế vừa nâng cao trình độ văn hóa — xã hội, nhất là trình độ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm nghiệp ở địa phương. Thông qua lao động sản xuất và xây dựng cuộc sống mới, nhân dân các dân tộc đã tăng cường khối đoàn kết nhất trí, bình đẳng, giúp đỡ nhau. Mọi nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm trong lao động sản xuất, học tập, xây dựng nếp sống mới, bảo vệ Tổ quốc... các dân tộc đều bình đẳng như nhau. Dân tộc nào, vùng nào trình độ văn hóa thấp, trình độ khoa học kỹ thuật còn lạc hậu thì cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm giúp đỡ, giáo dục, bồi dưỡng, tăng cường đầu tư thích đáng, tạo ra phong trào cách mạng của quần chúng, động viên quần chúng tự lực vươn lên, không ưu tiên theo kiểu « ban ơn ».

Cũng do vận dụng đúng đắn chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng mà đảng bộ Bắc thái đã *lập hợp được nhân dân các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất mới, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, từng bước đưa Bắc thái từ một tỉnh nghèo nàn, lạc hậu thành tỉnh có cơ cấu kinh tế công — nông — lâm nghiệp phát triển.*

Hiểu rõ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một tỉnh miền núi, Bắc thái đã vận dụng và cụ thể hóa đường lối phát triển kinh tế của Đảng sát hợp với đặc điểm tình hình ở địa phương, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đưa nông dân các dân tộc từ địa vị làm thuê, bị bóc lột lên địa vị làm chủ về mọi mặt. Cách mạng quan hệ sản xuất thành công với trên 90% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể đã mở đường cho sản xuất nông, lâm nghiệp nói riêng, kinh tế — xã hội nói chung.



Digitized by Google

phát triển với nhịp độ nhanh. Trong chặng đường đầu tiên, đưa nền kinh tế của tỉnh từ nhỏ lên lớn, đảng bộ Bắc thái đã huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành để phát triển nông, lâm nghiệp. Với các phong trào khai hoang, phục hóa, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Bắc thái đã dần dần đưa trồng trọt phát triển cân đối với chăn nuôi. Năng suất lúa nhiều huyện đã vượt qua cửa ải 5 tấn. Nhiều hợp tác xã, kể cả ở miền núi, đã đạt 7 — 8 tấn/ha. Thành phần kinh tế mới xã hội chủ nghĩa được xác lập. Các nông trường, lâm trường, trạm, trại quốc doanh được xây dựng cùng với trạm, trại tập thể, làm cho ba thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể và gia đình cùng phát triển, trong đó kinh tế quốc doanh đã trở thành chủ đạo trong nền kinh tế chung của tỉnh.

Về công nghiệp, giao thông vận tải, thủy lợi, xây dựng cơ bản... từ chỗ chưa có một cơ sở nào đáng kể, sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (1951) đã được trung ương đầu tư xây dựng mạnh. Hàng loạt cơ sở công nghiệp quan trọng về năng lượng, luyện kim, khai khoáng, chế biến nông, lâm sản và sản xuất hàng tiêu dùng... đã ra đời. Từ cơ sở gang thép đầu tiên, Bắc thái đã xây dựng các cơ sở công nghiệp cơ khí như nhà máy điện Sông công, Y cụ 2... Mạng lưới giao thông ngày càng mở rộng; nhiều huyện, xã xa xôi hẻo lánh như Na rì, Chợ đồn, Bạch thông... đã có đường ô tô thông suốt. Hệ thống thủy lợi, thủy điện phát triển nhanh. Công trình đại thủy nông Núi cốc có dung tích 200 triệu mét khối nước đã được xây dựng xong; công trình thủy điện Nặm cắt và các công trình thủy lợi, thủy điện vừa và nhỏ khác đang được xây dựng. Các công trình phúc lợi công cộng, nhà ở, xí nghiệp mọc lên ngày càng nhiều. Những cơ sở ấy đã tạo ra tiền đề vật chất thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển.

*Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa đã thật sự là động lực thúc đẩy cuộc cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển.*

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bắc thái đã nhanh chóng phát triển giáo dục, y tế, văn hóa. Cùng với việc xóa nạn không biết chữ, hệ thống các trường phổ thông được mở mang tới tận xóm, xã vùng cao hẻo lánh, thu hút hầu hết con em các dân tộc trong tỉnh vào học. Nếu trước Cách mạng Tháng Tám cả tỉnh chỉ có 3 trường tiểu học thì ngày nay ở Bắc thái có 4 trường đại học, hơn 20 trường trung học chuyên nghiệp, 15 trường phổ thông trung học, 264 trường phổ thông cơ sở, 859 lớp mẫu giáo, thu hút hàng trăm nghìn người đi học và hằng năm đào tạo hàng nghìn con em các dân tộc trở thành cán bộ các ngành kinh tế, văn hóa trong tỉnh. Về y tế, năm 1932 cả tỉnh chỉ có 32 nhân viên y tế, hiện nay ở tất cả các xã trong tỉnh đều có trạm y tế xã; tỉnh có hai bệnh viện đa khoa, 2 bệnh viện chuyên khoa (lao và phong), 1 viện điều dưỡng. Hằng năm có 500 nghìn lượt người được khám bệnh. Về văn hóa, hằng năm có 200 nghìn bản sách được đưa đến các bản, làng; tỉnh có 4 rạp chiếu bóng và 20 đội chiếu bóng lưu động, 1 tờ báo « Bắc thái », 1 đài phát thanh và 11 đài truyền thanh huyện. Các tập tục lạc hậu, mê tín đã và đang được loại trừ khỏi đời sống, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số. Các bệnh dịch như sốt rét, tả, lỵ... đã bị đẩy lùi. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển làm cho đời sống tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao.

Thắng lợi của sự nghiệp phát triển kinh tế — xã hội ở Bắc thái trong bốn mươi năm qua chính là thắng lợi của đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, của tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, tinh thần làm chủ tập thể,



Digitized by Google

trí thông minh, sáng tạo của nhân dân các dân tộc Bắc thái. Những thắng lợi ấy đã làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập và ngày càng hoàn thiện ; cơ cấu kinh tế mới công — nông — lâm nghiệp được hình thành.

*Tiếp tục vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trên cơ sở đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, củng cố tổ chức Đảng, đưa Bắc thái thành tỉnh công — nông — lâm nghiệp vững mạnh.*

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Bắc thái đã nhanh chóng kắt nhịp cùng cả nước tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Yêu cầu cần kiệm, dồn sức xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm và hành động của nhân dân các dân tộc Bắc thái.

Từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình đấu tranh cách mạng gian khổ, phức tạp để cùng một lúc đưa sản xuất từ nhỏ lên lớn, từ không xã hội chủ nghĩa lên xã hội chủ nghĩa bằng công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực kinh tế — xã hội. Trong quá trình ấy, cuộc đấu tranh giữa hai con đường diễn ra rất gay gắt trên các mặt hoạt động của đời sống xã hội. Bắc thái là một tỉnh trung du, miền núi, có vị trí chiến lược quan trọng không những trong lĩnh vực quốc phòng mà cả trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra là cần đánh giá thật đúng vị trí, tiềm năng và thế mạnh của mình. Trải qua hàng chục năm tiến hành quy hoạch, nắm thực tế đất đai, tài nguyên, lao động, qua những lần thắng lợi và cả những lần chưa thành công, Bắc thái ngày càng thấy được tiềm năng về đất đai, tài nguyên, lao động và cơ sở vật chất — kỹ thuật của mình. Nhưng khai thác những thế mạnh ấy như thế nào là việc không dễ dàng. Trước đây, năng suất lúa cả tỉnh mới đạt 12 tạ/ha, đến nay đã đạt trên dưới 20 tạ/ha. Cây chè trước kia không được chú ý phát triển nhưng từ khi Tỉnh ủy Bắc thái có chủ trương đưa lao động miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi, vùng chè đã được mở rộng tới 5 — 6 nghìn héc ta. Cây lạc, thuốc lá cũng có tiềm năng không nhỏ nhưng lâu nay ít được chú ý. Nhận thức ngày càng sâu sắc vai trò của xuất khẩu, Bắc thái đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, hàng nông sản..., bước đầu tạo ra được sản phẩm hàng hóa cho tiêu dùng và góp phần tích lũy cho tỉnh. Các cơ sở công nghiệp trung ương trước đây chưa gắn chặt với kinh tế địa phương, do đó gặp nhiều khó khăn. Qua việc tổ chức liên kết kinh tế, đến nay Bắc thái đã giảm bớt được nhiều khó khăn về vật tư, nguyên liệu, đời sống. Các cơ sở công nghiệp, trường học của trung ương đóng trên địa bàn của tỉnh từng bước đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế — xã hội ở địa phương, gắn trách nhiệm của mình với địa phương ; ngược lại, địa phương có trách nhiệm giúp các cơ sở của trung ương về lao động, lương thực, thực phẩm, nguyên liệu... Liên kết giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, gắn ngành với lãnh thổ đã góp phần tận dụng triệt để công suất máy móc, thiết bị, cơ sở vật chất và kiến thức khoa học kỹ thuật, đồng thời khai thác hết tiềm năng về nguyên liệu, lao động trên địa bàn để tạo ra sản phẩm hàng hóa phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, bên cạnh những thành tích to lớn đã đạt được, đảng bộ Bắc thái cũng đã bộc lộ một số thiếu sót, khuyết điểm : trên mặt này mặt khác, lúc này lúc khác chưa quan



Digitized by Google

triệt sâu sắc những quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng cho nên vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương còn lúng túng, làm hạn chế kết quả khai thác các thế mạnh của tỉnh. Trong nông nghiệp, năng suất, sản lượng lương thực tăng không đều và chưa vững chắc. Lâm nghiệp chưa thật sự gắn với nông nghiệp và công nghiệp. Công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chưa khai thác hết năng lực hiện có. Kinh doanh, hạch toán triển khai chậm.

★

Từ những thành tích đã đạt được và những thiếu sót, nhược điểm còn mắc phải, đảng bộ Bắc thái chúng tôi đã nhận thức được một số vấn đề như sau:

*Một là*, để khai thác ngày càng đạt hiệu quả kinh tế cao tiềm năng đất đai, lao động, tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, trước hết phải củng cố các cơ sở Đảng, nâng cao sức chiến đấu của từng chi bộ, đảng bộ và từng đảng viên, nâng cao cả trình độ chính trị và năng lực tổ chức quản lý kinh tế. Từ thực tế của Bắc thái, chúng tôi thấy rằng: những cơ sở yếu kém là do việc chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ở cơ sở thiếu nghiêm túc. Vì vậy *cán bộ, đảng viên dứt khoát phải nắm vững và tin tưởng vào đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, trên cơ sở đó tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi. Đảng viên là cái cầu nối liền chủ trương, chính sách của Đảng với quần chúng.*

*Hai là*, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội, trọng tâm là lương thực, thực phẩm, Bắc thái càng hiểu sâu sắc hơn về mối quan hệ hữu cơ giữa ba thành phần kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cả ba thành phần kinh tế có quan hệ mật thiết và thúc đẩy nhau cùng phát triển. Điều đó cũng có nghĩa là phải đặt kinh tế gia đình trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Thực tế cho thấy, nếu chỉ chú ý kinh tế quốc doanh thì từ 5–6 nghìn héc ta chè hiện nay khó có thể đưa lên 10 nghìn/héc ta trong một thời gian ngắn. Nhưng nếu phát động và có chính sách khuyến khích thỏa đáng đối với kinh tế gia đình thì việc phát triển lên trên 10 nghìn héc ta chè trong vài năm tới là điều có thể thực hiện được. Từ nhận thức trên, Bắc thái đã thực hiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân người lao động. Việc tổ chức liên kết kinh tế giữa công nghiệp với nông nghiệp, lâm nghiệp, giữa công nghiệp trung ương với công nghiệp địa phương, giữa kinh tế với quốc phòng... chính là dựa trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa ba thành phần kinh tế và ba lợi ích. *Ba mặt lợi ích có được coi trọng và kết hợp hài hòa thì ba thành phần kinh tế mới phát triển nhịp nhàng. Kinh tế gia đình phải dựa vào kinh tế tập thể, đồng thời luôn thủ sự hướng dẫn và chỉ đạo của kinh tế quốc doanh.*

*Ba là*, phải nhanh chóng xây dựng huyện thành một đơn vị kinh tế – xã hội hoàn chỉnh và phát triển. Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, nhất là các huyện có vị trí trọng yếu về kinh tế và quốc phòng, đang là một nội dung quan trọng, cấp bách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Trong mấy năm qua, Bắc thái đã có nhiều cố gắng trong việc rà soát lại quy hoạch và xây dựng đề án kinh tế – xã hội cho từng huyện, tăng cường cán bộ có phẩm chất, năng lực cho



Digitized by Google

huyện, giúp huyện đủ sức chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đề án kinh tế – xã hội đã đề ra. Qua vài năm tiến hành xây dựng cấp huyện, Bắc thái đã có sự phân công lao động mới giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp... Sự liên kết kinh tế giữa huyện với trung ương, tỉnh đang trở thành một thể thống nhất thúc đẩy nhau cùng phát triển. Các huyện và tỉnh bám chắc sự chỉ đạo, giúp đỡ của các ngành dọc, vận dụng sức mạnh tổng hợp của các ngành và của cả nước vào việc xây dựng địa phương. Qua xây dựng huyện, quan điểm làm chủ tập thể, ba cấp cùng làm chủ gắn chặt với phát triển ba thành phần kinh tế và kết hợp ba lợi ích cũng được nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn. Yêu cầu xây dựng huyện là tạo ra được đơn vị kinh tế – xã hội, quốc phòng hoàn chỉnh, vừa giải quyết được cái ăn, cái mặc cho nhân dân, vừa có nhiều hàng hóa phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Trước đây, có huyện cho rằng xây dựng huyện là phải giải quyết cái ăn chắc chắn rồi mới phát triển hàng hóa. *Nhưng yêu cầu xây dựng huyện vững mạnh toàn diện cũng như đòi hỏi của thực tế buộc phải tiến hành đồng thời việc giải quyết cái ăn, cái mặc và việc phát triển kinh tế hàng hóa trên cơ sở phát triển nông – lâm – công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp.*

*Xã, phường là đơn vị tế bào của huyện; xã, phường có kinh tế – xã hội – quốc phòng vững mạnh thì mới có huyện vững mạnh. Vì vậy, việc xây dựng huyện phải làm toàn diện và gắn với xã, phường, gắn với cơ sở.*

*Bốn là*, để thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế – xã hội, vấn đề xây dựng điển hình có tầm quan trọng đặc biệt. Ở Bắc thái, nếu không có điển hình thâm canh cây lúa ở Đồng quan (Đại từ) thì không thể có phong trào làm lúa cao sản. Nếu không có mô hình làm kinh tế đồi rừng ở Yên trạch, Tức tranh (Phú lương) thì khó đẩy mạnh việc khai thác 200 nghìn héc ta đất trống, đồi trọc trong tỉnh. Vì vậy, tạo ra mô hình, xây dựng điển hình về từng mặt, từng địa bàn là tạo ra điểm tựa, gây lòng tin cho phong trào thi đua của quần chúng.

*Năm là, phát triển kinh tế phải gắn với củng cố an ninh, quốc phòng.* Đây là hai nhiệm vụ chiến lược cần được cụ thể hóa trong kế hoạch, vì nó có mối quan hệ qua lại với nhau, thúc đẩy nhau phát triển. Trong những năm qua, mối quan hệ đó đã được thể hiện trong việc liên kết giữa các cơ sở kinh tế với quân đội để làm kinh tế và giữa các đơn vị quân đội, an ninh với nhân dân, với các cơ quan, trường học để giữ vững an ninh, xây dựng quốc phòng.

*Sáu là*, nhân tố quyết định thắng lợi của việc vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng ở cơ sở là việc kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ chủ chốt. Hai mặt này có quan hệ chặt chẽ với nhau. *Chỉ khi nào bố trí đúng cán bộ có năng lực lãnh đạo và tổ chức quần chúng thì chủ trương, chính sách của Đảng mới thành phong trào cách mạng của quần chúng.* Những cán bộ chủ chốt ấy phải được lựa chọn qua các phong trào ở cơ sở. Trong cán bộ có hai loại: cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn. Do đó, khi bố trí sắp xếp cán bộ phải biết kết hợp cả hai loại cán bộ, không được lầm lẫn và tách rời nhau. Đảng bộ Võ nhai nhiều năm yếu kém chỉ vì cán bộ thiếu đấu tranh, gương mẫu, bố trí cán bộ chủ chốt không hợp lý... Nay Võ nhai đã vươn lên xóa được yếu kém cũng chính bắt đầu từ khâu bố trí cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

*Bảy là*, cùng với việc xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp, cần phải xóa bỏ tư tưởng tự ty, trông chờ, ỷ lại. *Đây chính là sự tự thân vận động. Khi từng địa phương, đơn vị đã vươn lên làm chủ, năng động và sáng tạo thì*



Digitized by Google

*sẽ xốc dậy được phong trào.* Vấn đề ở đây là các cấp ủy Đảng phải thật sự có niềm tin vào tinh thần cách mạng của quần chúng. Huyện Phổ yên do cấp ủy năng động và làm chủ trên địa bàn, thật sự tin vào sức mạnh của quần chúng, cho nên từ một huyện yếu, năm 1983—1984 đã vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ công tác ở địa phương. Điều quan trọng là, để giúp các cơ sở vươn lên, cần có sự hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, trên cơ sở thực hiện kế hoạch thống nhất từ tỉnh tới huyện và cơ sở.

★

Bắc thái là một tỉnh có tiềm năng dồi dào về đất đai, lao động, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Sự nghiệp phát triển kinh tế—xã hội trong tỉnh bốn mươi năm qua tuy gặp nhiều khó khăn gian khổ, hy sinh to lớn nhưng đã đạt được nhiều thắng lợi rất đáng tự hào. Bắc thái không chỉ tự hào với những đồng ruộng, nương chè bát ngát xanh tươi với những nhà máy, xí nghiệp, trường học đã và đang mọc lên ngày càng nhiều; mà còn tự hào hơn là, trải qua bốn mươi năm đấu tranh và xây dựng, đảng bộ Bắc thái đã lớn mạnh không ngừng. Bắc thái đã đào tạo được một lớp người mới vừa anh hùng trong chiến đấu, vừa dũng cảm, cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất và xây dựng cuộc sống mới. *Lớp người mới này vừa có nhiệt tình cách mạng, vừa có kiến thức khoa học kỹ thuật, có tinh thần đoàn kết nhất trí, đang trở thành lực lượng vật chất to lớn góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.*

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến, đảng bộ Bắc thái đang tiếp tục vận dụng đúng đắn, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống cách mạng, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, sự bình đẳng giữa các dân tộc, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng, nhanh chóng làm cho Bắc thái trở thành tỉnh có kinh tế—xã hội phát triển, quốc phòng vững mạnh.

---

## *Công đoàn và...*

*(Tiếp theo trang 17)*

người mới xã hội chủ nghĩa, với giai cấp công nhân ngày càng đông đảo và vững mạnh. Thực hiện thắng lợi sự nghiệp đó chẳng những là trách nhiệm đối với hiện tại mà còn là trách nhiệm đối với tương lai, đối với muôn đời con cháu mai sau. Đó là nhân tố quyết định bảo đảm cho thắng lợi vĩnh viễn của chủ nghĩa xã hội.

Tiến bước theo lá cờ của Đảng, giai cấp công nhân và phong trào công đoàn hãy xứng đáng với sự nghiệp vẻ vang đó.



Digitized by Google

# Bến tre mười năm thử thách, mười năm trưởng thành và thắng lợi

NGUYỄN VĂN TRUNG
*Bí thư Tỉnh ủy Bến tre*

SAU những năm dài nô lệ, Cách mạng Tháng Tám thành công đã đem lại nền độc lập thật sự cho đất nước với nỗi mừng vui khôn xiết của cả dân tộc. Nhưng chẳng bao lâu cả dân tộc đã phải đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến 30 năm chống thực dân xâm lược Pháp và đế quốc Mỹ.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Bác Hồ, phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhân dân cả nước ta nói chung và nhân dân Bến tre nói riêng đã tiến hành cuộc chiến tranh dai dẳng, ác liệt suốt 30 năm, với biết bao thử thách hy sinh cho đến ngày 30-4-1975, ngày toàn thắng của cuộc trường chinh ngót 11 ngàn ngày không nghỉ, mà mỗi dòng sông con lộ, mỗi thửa ruộng góc vườn, mỗi căn nhà hẻm phố, đều in đậm chiến công.

Mừng vui vô hạn trước mơ ước giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước đã trở thành hiện thực. Nhưng đi liền theo đó là nỗi lo âu, trăn trở của toàn đảng bộ trước nhiệm vụ cách mạng mới, trước nhu cầu bức xúc về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân sau 30 năm chiến tranh liên tục. Phải làm những gì và làm như thế nào để khôi phục, cải tạo và phát triển nền kinh tế xã hội, sớm ổn định đời sống của nhân dân và phát huy truyền thống Đồng khởi, mạnh bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

*Từ lãnh đạo chiến tranh chuyển sang lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội*, hầu hết cán bộ và nhân dân Bến tre không khỏi ngỡ ngàng và lúng túng. Ở tỉnh Bến tre, kẻ thù thua chạy, để lại những hậu quả hết sức nặng nề của cuộc chiến tranh xâm lược. Trên bốn vạn gia đình liệt sĩ, thương binh, hàng vạn quần chúng chết chóc, thương tật, trên 3 vạn tàn binh các loại của địch rã tại chỗ cùng hơn 6 vạn người thân của họ không có công ăn việc làm. Chiến tranh đã tàn phá, hủy diệt đến tận cùng mọi cơ sở hạ tầng của sản xuất và đời sống. Khắp Bến tre lúc đó, hầu như không còn màu xanh. Hàng chục ngàn héc ta vườn dừa và các cây ăn trái khác bị chất độc hóa học hủy diệt, trên 50 000ha ruộng hoang hóa. Đồng ruộng, vườn tược, xóm làng xơ xác, dầy dẫy những hố bom, đầu đạn chưa nổ. Cơ sở vật chất, nhất là điện, công trình thủy lợi, hệ thống công nghiệp... gần như là con số không. Đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài gòn không xây dựng một cái gì trên mảnh đất này trừ đồn bốt, nhà tù và ấp chiến lược. Nếu sản xuất nhỏ vốn đã là cản trở lớn cho bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì



Digitized by Google

các chính sách kinh tế, văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ đã nhân thêm nhiều lần khó khăn, phức tạp của quá trình khôi phục, cải tạo và phát triển nền kinh tế xã hội vốn đã cùng kiệt. Khó khăn càng chồng chất khi thiên tai, địch họa lại đến. Mất mùa liên tiếp trong những năm 1977–1979 làm hàng chục ngàn người dân thiếu lương thực. Liền đó là cuộc chiến tranh lấn chiếm của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ri tay sai của bọn phản động Trung quốc ở phía tây nam làm cho tình hình càng diễn biến phức tạp, uy hiếp trực tiếp thành quả cách mạng mới giành được.

Có thể nói, khi bước vào giai đoạn cách mạng mới đảng bộ và nhân dân Bến tre đứng trước những thử thách to lớn và khó khăn toàn diện, vừa phải lo khôi phục, cải tạo và phát triển nền kinh tế, giải quyết khó khăn về đời sống của nhân dân và hậu quả của chiến tranh, vừa phải đương đầu với thiên tai, địch họa trong hoàn cảnh hầu hết cán bộ, đảng viên vừa ra khỏi hai cuộc kháng chiến với một gia tài đổ nát.

## II

Trước tình tình nói trên, đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi được đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, cùng các nhiệm vụ chiến lược và các mục tiêu do Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng đề ra đường, chỉ lối. Thêm vào đó, truyền thống cách mạng "anh dũng đồng khởi thắng Mỹ diệt ngụy" năm xưa đã nâng bước cho đảng bộ và nhân dân Bến tre phát huy vai trò làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, tính năng động sáng tạo vượt lên khó khăn, vừa học vừa làm, nỗ lực thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Sau 10 năm gian khổ và nỗ lực phấn đấu trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, đảng bộ và nhân dân tỉnh Bến tre hết sức phấn khởi trước những thành tựu bước đầu đã giành được về cải tạo và phát triển nền kinh tế xã hội và về an ninh, quốc phòng của quê hương.

1 – Từ nền kinh tế sản xuất nhỏ, cá thể, phân tán, trình độ sản xuất lạc hậu đi lên, với *quan điểm toàn diện* và phương châm đi *« từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, tích cực vững chắc, coi trọng cả số lượng và chất lượng »* 10 năm qua, Bến tre đã tiến hành nhiệm vụ cải tạo và phát triển nền kinh tế xã hội một cách toàn diện: cải tạo kinh tế ruộng, cải tạo kinh tế vườn, cải tạo kinh tế biển, gắn liền với cải tạo công thương nghiệp, giao thông vận tải và các ngành kinh tế xã hội khác. Trải qua những bước thăng trầm, với quyết tâm cao, vận dụng linh hoạt đường lối của Đảng và các Nghị quyết của Trung ương, đến nay Bến tre đã hoàn thành cơ bản hợp tác hóa đất ruộng, đưa 89% diện tích và 86% hộ nông dân đi vào sản xuất tập thể. Gắn liền với hợp tác hóa đất ruộng, Bến tre tiến hành cải tạo tổ chức sản xuất đất vườn với hình thức: "Tổ nông dân trồng dừa trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đất ruộng" và "tổ đoàn kết sản xuất» thâm canh, thu mua, sơ chế dừa (nơi không có đất ruộng). Đất vườn dừa vẫn thuộc quyền sở hữu của nông dân, nhưng hợp tác xã, tập đoàn và tổ đoàn kết sản xuất hướng dẫn nông dân thâm canh, trồng xen, nuôi xen, cải tạo vườn dừa, tạo ra nhiều loại sản phẩm với khối lượng lớn. Khâu quản lý, thu mua, huy động sản phẩm, tổ chức sơ chế do tập đoàn và tổ đoàn kết sản xuất đảm nhận. Với hình thức này, chúng tôi *vừa nâng cao hiệu quả kinh tế vườn, đem lại lợi ích cho nông dân, vừa nắm được sản phẩm cho Nhà nước, tổ chức phân công lại lao động,*



Digitized by Google

*giải quyết lao động dư thừa*, tăng tích lũy cho tập đoàn sản xuất và tổ đoàn kết sản xuất. Hình thức này được đại bộ phận nông dân chấp nhận, đồng tình và hăng hái tham gia, vì xét cho cùng trước hết nó bảo đảm lợi ích của chính họ. Bến tre đang tập trung chỉ đạo để đến quý 3-1985 hoàn thành cơ bản cải tạo và tổ chức lại sản xuất dất vườn.

Bằng hai hình thức tổ hợp và tổ đoàn kết sản xuất đánh bắt, tuy còn nhiều khó khăn, công tác cải tạo nghề thủy sản, nghề muối, nghề rừng đang được đẩy mạnh. Việc cải tạo công thương nghiệp đang có chuyển biến khá tốt. Trên các lĩnh vực giao thông vận tải, văn hóa, y tế v.v. việc cải tạo cũng đạt một số kết quả. Cuối năm 1985 Bến tre sẽ hoàn thành cơ bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực. Ở Bến tre quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đang tạo ra các loại hình kinh tế trên địa bàn xã: hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, tổ đoàn kết sản xuất dất vườn, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải v.v.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tuy còn không ít khó khăn, song đã tạo nên hình thù của chủ nghĩa xã hội trong các ngành kinh tế với hai hình thức chủ yếu: kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đặc biệt là trong nông nghiệp đã xóa bỏ bóc lột ở nông thôn, giải phóng nông dân một cách toàn diện, tạo ra bước chuyển biến về mọi mặt ở nông thôn và trên dị bàn huyện: thúc đẩy nông nghiệp phát triển toàn diện, từng bước ổn định trật tự phân phối lưu thông, huy động nông sản thực phẩm, sản phẩm cây công nghiệp và thủy sản khá tốt. Cuộc sống văn hóa ở nông thôn đang đổi mới; an ninh quốc phòng được giữ vững; liên minh công nông được củng cố, nông dân tin tưởng Đảng và chế độ, yên tâm phấn khởi lao động sản xuất tập thể.

2 — Từ đặc điểm và điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái của Bến tre, đảng bộ chúng tôi đã xác định cơ cấu kinh tế của tỉnh là công — nông nghiệp, ở các huyện là nông — ngư — công nghiệp. Thế mạnh về *nông nghiệp bao gồm cả đất ruộng, đất vườn (cả cây lương thực và cây công nghiệp), nghề chăn nuôi, nghề đánh bắt thủy sản và nghề rừng*. Đó là thế mạnh của nông nghiệp toàn diện. Bên cạnh đó là công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Những năm qua, đặc biệt là mấy năm gần đây, các cấp, các ngành, từ tỉnh đến huyện và cơ sở, trong nội bộ Đảng và ngoài nhân dân đều nhất trí cao với quan điểm của tỉnh ủy là Bến tre *không thể đi lên chủ nghĩa xã hội, không thể góp phần công nghiệp hóa đất nước và công nghiệp hóa tỉnh nhà chỉ bằng cây lúa, bằng kinh tế ruộng, mà phải kết hợp với kinh tế vườn, kinh tế biển; kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp toàn diện và công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp để nhanh chóng phát triển toàn diện nền kinh tế*. Đồng thời đẩy mạnh xuất nhập khẩu để tự cân đối.

Quan điểm đó được quán triệt và đang biến thành sức mạnh tinh thần và vật chất trong các đơn vị kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và hàng chục vạn nông dân.

Từ chỗ không đủ lương thực, thiếu ăn, bằng con đường thâm canh với biện pháp phù hợp ở từng địa bàn, từng vùng, tỉnh chúng tôi đã mở ra gần 40 000 ha trồng 2 vụ lúa (trong tổng số trên 90 000 ha đất lúa). Bến tre đã giải quyết tương đối tốt vấn đề lương thực, đưa sản lượng từ dưới 200 ngàn tấn (năm đầu giải phóng) lên 340 ngàn tấn (1983) và lên 440



Digitized by Google

ngàn tấn (1984) đưa số thóc bình quân đầu người từ non 200 kg (1976) lên 350 kg (1984). Về cây công nghiệp, từ 10 000 ha dừa sau giải phóng, Bến tre đã khôi phục, cải tạo và trồng mới, đưa tổng diện tích dừa lên 40 000 ha trong đó 24 000 ha đã có thu hoạch, đưa sản lượng dừa từ 30 triệu trái (1976) lên 120 triệu trái (1984). Sản lượng mía tiếp tục tăng nhanh với trên 500 ngàn tấn mía cây. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng năm 1984 được trên 40 000 tấn, bằng 2 lần năm 1976. Do gắn nông nghiệp với công nghiệp, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế công—nông nghiệp của tỉnh và nông — ngư — công nghiệp ở huyện và thực hiện phân công, phân cấp sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trên các địa bàn tỉnh, huyện và cơ sở, cho nên tốc độ phát triển công nghiệp khá cao. Sau ngày giải phóng, từ 19 xí nghiệp cũ kỹ, nhỏ bé, què quặt, Bến tre vừa cải tạo, vừa xây dựng, đã tạo nên 117 xí nghiệp công nghiệp chế biến, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, trong đó 2 phần 3 là xí nghiệp công nghiệp chế biến, 82 xí nghiệp công nghiệp nhỏ của huyện, và một số xí nghiệp công nghiệp vừa. Về điện, sau ngày giải phóng chỉ có một trạm phát điện di ê đen nhỏ phục vụ khu vực thị xã. Đến nay đã có nhà máy điện, mạng lưới điện được mở rộng đến 3 huyện phục vụ công nghiệp, thủy lợi và các ngành kinh tế xã hội khác. Khai thác các tiềm năng tại chỗ để tự cân đối, dựa vào sức dân trong phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm, trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý. Bến tre đã khôi phục, cải tạo và phát triển giao thông vận tải với hàng trăm ki lô mét đường liên huyện, liên xã và đường nông thôn, xây dựng một số cầu lớn và hàng trăm cầu vừa và nhỏ, xây dựng và mở rộng năng lực vận tải đường thủy, khắc phục một bước khó khăn về đi lại của nhân dân ở vùng nhiều sông ngòi, kênh rạch, phục vụ tốt sản xuất, dân sinh và an ninh, quốc phòng.

Phân phối lưu thông được đặc biệt quan tâm. Từ chỗ thương nghiệp tư nhân tràn ngập, khống chế thị trường, giá cả, gây nhiều khó khăn cho đời sống nhân dân, đến nay thương nghiệp quốc doanh đã phát triển và tăng cường, vươn rộng tới trung tâm các tiểu vùng. Hợp tác xã mua bán được củng cố và phát triển đều khắp các xã trong tỉnh và đang vươn về các ấp với doanh số ngày càng lớn, phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng tốt. Hợp tác xã mua bán ngày càng lớn, đang làm trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh, nhất là trong nhiệm vụ thu mua nông sản. Hoạt động thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được gắn với cải tạo tư thương, quản lý giá cả, thị trường từ cơ sở và trên địa bàn huyện, về cơ bản làm chủ được các mặt hàng chiến lược, làm tốt khâu bán buôn, chi phối tốt khâu bán lẻ. Tuy còn lắm khó khăn, cuộc đấu tranh trên mặt trận phân phối lưu thông còn diễn biến phức tạp, song đã đạt một số thắng lợi quan trọng. Điểm nổi rõ nhất là hầu hết các chỉ tiêu huy động, nắm hàng, nắm tiền đều cao hơn nhiều so với năm 1983 và vượt xa so với nhiều năm trước. Điều động hàng về trung ương năm nào cũng vượt kế hoạch, năm sau cao hơn năm trước, năm 1984 vượt kế hoạch 13%. Huy động lương thực, đường, heo vượt từ 5 đến 35%, cá tôm đạt 210% kế hoạch trung ương giao. Kim ngạch xuất khẩu tăng 2 lần. Thu ngân sách đạt 137% kế hoạch trung ương giao, tăng 68% so với năm 1983 ; thuế công nghiệp đạt 112%, tăng 32% so với năm 1983, thu tiền mặt vượt kế hoạch 16%.

Do sản xuất và phân phối lưu thông hoạt động tốt cho nên đã giải quyết được việc làm cho 35 000 lao động, đời sống vật chất và văn hóa



Digitized by Google

của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh so với những năm đầu sau giải phóng đã có bước cải thiện đáng mừng.

3 — Sau ngày giải phóng cơ sở vật chất của các ngành kinh tế xã hội gần như con số không, nay đã hình thành và phát triển liên hoàn trên địa bàn từng huyện và giữa các huyện với nhau, phục vụ tương đối tốt sản xuất, dân sinh và an ninh quốc phòng. Nổi rõ là hệ thống thủy lợi, giao thông, điện, hệ thống công nghiệp, kho chứa, bến bãi v.v.

Văn hóa, y tế, giáo dục xã hội chủ nghĩa có bước tiến đáng kể. Hệ tư tưởng và nền văn hóa phản động — đồi trụy của chủ nghĩa thực dân mới với bao nhiêu hậu quả đã cơ bản bị xóa bỏ. Hệ tư tưởng cách mạng và nền văn hóa mới đã chiếm lĩnh trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đài phát thanh và đài phát sóng được xây dựng ở tất cả các huyện. Đài truyền thanh xã phát triển nhanh. Ở huyện Giồng trôm 100% xã có hệ thống truyền thanh. Các huyện đều có nhà hát, bãi hát, nhà truyền thống, nhà văn hóa, thư viện. Cơ sở vật chất về văn hóa tuy còn nhỏ về quy mô, còn giản đơn về hình thức, nhưng có nội dung phong phú. Hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa phát triển tương đối nhanh. Trước đây cả huyện chỉ có 1 trường trung học, huyện lớn có thêm 1 — 2 trường ở một số khu vực tập trung, nay tất cả các xã đều có trường phổ thông cơ sở, các huyện đều có trường phổ thông trung học, trường này đang vươn tới một số trung tâm tiểu vùng của huyện, đáp ứng về cơ bản nhu cầu học tập của nhân dân. Sự nghiệp y tế không ngừng phát triển. Trước ngày giải phóng mỗi huyện chỉ có 1 trạm cấp cứu và nhà hộ sinh, không có bệnh viện; ở xã không có cơ sở y tế chữa trị, khu vực bình định trọng điểm của Mỹ — ngụy có một vài cơ sở cấp phát thuốc có tính chất mị dân. Nay tất cả các xã có trạm y tế, 50% số xã có nhà hộ sinh, tất cả các huyện và thị xã đều có phòng khám và bệnh viện với 1 150 giường bệnh. Số cán bộ y tế tăng lên không ngừng, từ 12 bác sĩ lúc mới giải phóng nay tăng lên 67 bác sĩ, từ 100 y sĩ nay đã có 480 y sĩ.

4 — Trong khi ra sức xây dựng và phát triển toàn diện nền kinh tế xã hội của tỉnh nhà, đảng bộ và nhân dân Bến tre luôn luôn kết hợp với xây dựng và củng cố an ninh, quốc phòng, luôn luôn hướng ra phía trước — nơi chiến sĩ và đồng bào đang canh giữ biên cương của Tổ quốc, hoặc đang làm nghĩa vụ quốc tế. Suốt 10 năm qua đảng bộ và nhân dân Bến tre đã sẵn sàng nhận lãnh và hoàn thành vượt mức mọi nhiệm vụ mà phía trước đặt ra. Đồng bào, đồng chí Bến tre hiểu sâu sắc rằng sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền đất nước gắn liền với cuộc sống và hạnh phúc của mỗi nhà, mỗi người. Bến tre đã thực hiện vượt mức liên tiếp nhiều năm công tác tuyển quân, tích cực bảo vệ bờ biển, giữ yên nội địa, góp phần bảo vệ biên giới phía bắc và làm nghĩa vụ quốc tế đối với Cămpuchia (Cam-pu-chia) kết nghĩa v.v. Pháo đài quân sự huyện đang hình thành. Thế trận chiến tranh nhân dân đã được bố trí sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, chiến tranh do địch gây ra.

Trong quá trình tiến hành các nhiệm vụ cách mạng mới mẻ, đầy khó khăn, thử thách, đảng bộ và đội ngũ cán bộ Bến tre phát triển và trưởng thành nhanh chóng. Trong chiến tranh đảng bộ và nhân dân Bến tre *đã chấp nhận sự thử thách hy sinh vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, đã đoàn kết, chiến đấu và chiến thắng.* Ngày nay, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân, đảng bộ và nhân dân Bến tre đã phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực tự cường, tính năng động, sáng tạo,



Digitized by Google

vượt qua những khó khăn và thử thách mới, tạo nên thắng lợi bước đầu đáng phấn khởi.

Mười năm thử thách, mười năm trưởng thành và thắng lợi khẳng định bước đi đúng đắn của Bến tre trong chặng đường đã qua: *« dù cho hoàn cảnh và điều kiện khó khăn đến như thế nào, dù cho mới bước ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt, vẫn có thể và cần phải đi ngay vào cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ; nếu quyết tâm cách mạng cao, phương pháp cách mạng đúng, trên cơ sở nắm vững đường lối của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tiễn, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, phát huy truyền thống Đồng khởi, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng lao động, đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, sẽ thực hiện có kết quả mọi nhiệm vụ, mục tiêu về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. »*

Tuy nhiên, những thành tựu đã đạt được mới chỉ là bước đầu. Bến tre còn có những khuyết điểm, thiếu sót cần ra sức khắc phục:

Một là, tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề to lớn, phong phú và đa dạng, nhưng tốc độ khai thác còn chậm, quy mô còn nhỏ, hiệu quả còn thấp.

Hai là, khối lượng nông sản, thực phẩm, sản phẩm cây công nghiệp, thủy sản và các sản phẩm xuất khẩu làm ra ngày càng lớn, nhưng năng lực công nghiệp bao gồm: điện, thiết bị chế biến còn rất nhỏ bé và phân tán, chất lượng sản phẩm chế biến thấp, hiệu quả chế biến chưa cao.

Ba là, nông sản hàng hóa sản xuất ra ngày càng nhiều, nhưng việc thu mua, nắm hàng còn kém, nhất là dừa.

Bốn là, yêu cầu sản xuất, xây dựng cơ bản ngày càng lớn nhưng tiền vốn, vật tư, năng lượng, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý chưa đáp ứng, công tác xuất nhập khẩu chưa góp phần tích cực giải quyết vấn đề này.

Năm là, sản xuất ngày càng mở rộng với tốc độ cao, khối lượng lớn đòi hỏi hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhưng cơ chế quản lý có mặt chưa phù hợp, tệ quan liêu, bao cấp mới bị đẩy lùi một bước, chưa bị xóa bỏ triệt để.

Sáu là, yêu cầu chỉ đạo sản xuất và quản lý kinh tế đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, song tổ chức bộ máy và năng lực cán bộ còn yếu, cơ sở vật chất, phương tiện thiếu; đặc biệt là không có đủ tiền, đủ hàng đối lưu để thu mua nắm hàng và vật tư cho sản xuất, xây dựng, việc lưu thông hàng hóa chậm trễ, gây ra khủng hoảng thừa giả tạo.

## III

Nhiệm vụ chung của đảng bộ và nhân dân Bến tre chúng tôi trong thời gian tới là: *« tăng cường lãnh đạo, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động, quyết tâm thực hiện cao nhất hai nhiệm vụ chiến lược và bốn mục tiêu kinh tế—xã hội, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 1985 và kế hoạch 5 năm (1986—1990), trên cơ sở đó cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế xã hội ; thực hiện một bước công nghiệp hóa tỉnh nhà ; tăng cường quốc phòng an ninh ; kiện toàn và tăng cường hệ thống chuyên chính vô sản, tạo bước đi lên với tốc độ nhanh hơn, quy mô lớn hơn, hiệu quả cao hơn, toàn diện, đồng đều và vững chắc ».*

Mục tiêu cụ thể của năm 1985 và 5 năm tới là tiếp tục *đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, phát triển mạnh chăn nuôi, khai thác thủy sản, tạo nguồn nguyên liệu*



Digitized by Google

*cho công nghiệp chế biến, và nguồn hàng xuất khẩu.* Củng cố và phát triển hệ thống công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, cơ khí, vật liệu xây dựng... hình thành cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp tỉnh và nông – ngư – công nghiệp huyện. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng và các thế mạnh kinh tế của tỉnh tạo ra nhiều loại sản phẩm *với khối lượng lớn hơn, tốc độ cao hơn, chất lượng tốt hơn, hiệu quả lớn hơn, nhất là khai thác thật tốt kinh tế vườn, kinh tế biển, công nghiệp chế biến và xuất khẩu.*

Đồng thời tiếp tục cải tạo và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng hợp tác hóa nông nghiệp, thực hiện bước chuyển tiếp từ tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã nông nghiệp. Chỉ khi nào tự thân các tập đoàn sản xuất thực hiện tốt nội dung của bước chuyển tiếp thì mới đưa tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Hiện nay *củng cố và nâng cao chất lượng tập đoàn sản xuất, phá thế độc canh, bảo đảm tính chất xã hội chủ nghĩa của các đơn vị kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh, là nhiệm vụ trọng tâm và yêu cầu bức thiết.* Hoàn thành cải tạo kinh tế vườn với hình thức tổ đoàn kết sản xuất. Tập trung sức tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp, nghề thủy sản, nghề muối, nghề rừng, ngành vận tải v.v. lựa chọn và định ra hình thức phù hợp với từng ngành nghề. Cố gắng phấn đấu để đến cuối năm 1985 hoàn thành cơ bản cải tạo toàn bộ các ngành kinh tế – xã hội và từng bước hoàn thiện trong những năm sau đó. Đẩy mạnh công tác phân phối lưu thông, chiếm lĩnh toàn bộ thị trường, quản lý tốt giá cả, nắm hàng, nắm tiền, bảo đảm phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân tốt hơn. Tiến hành xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trước hết tập trung đầu tư khai thác các thế mạnh kinh tế của tỉnh, nhất là dừa, thủy sản, công nghiệp chế biến và các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất, đời sống. Nâng cao hơn nữa chất lượng sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng nông thôn mới, đào tạo cán bộ, xây dựng con người mới.

Tiếp tục thực hiện và hoàn chỉnh nội dung xây dựng pháo đài quân sự huyện. Đẩy mạnh việc xây dựng huyện và phân cấp quản lý toàn diện cho cấp huyện ngang tầm vị trí chiến lược của huyện. Gắn xây dựng huyện với củng cố cơ sở và xây dựng các ngành ở tỉnh. Xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng huyện và các phong trào cách mạng sôi động của quần chúng trong tất cả các ngành kinh tế, các lĩnh vực hoạt động, với yêu cầu cao hơn, nội dung toàn diện hơn. Củng cố tổ chức Đảng, nhất là tổ chức cơ sở Đảng, bảo đảm quán triệt các đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện toàn diện, đặc biệt là tổ chức chỉ đạo phát triển nền kinh tế đa dạng, thực hiện có kết quả các mục tiêu kinh tế – xã hội là mục tiêu cơ bản và nội dung chủ yếu của quá trình xây dựng Đảng, củng cố và tăng cường hệ thống chuyên chính vô sản.

Qua mười năm thử thách, mười năm trưởng thành và thắng lợi, nhiều khả năng to lớn và dày triển vọng tốt đẹp đang mở ra trước đảng bộ và nhân dân Bến tre. Đảng bộ và nhân dân Bến tre quyết phấn đấu, đi lên, vươn tới những thắng lợi mới to lớn hơn.



Digitized by Google

# Trên dải đất Bình trị thiên hôm nay

NGUYỄN ĐỨC THIỆNG

BÌNH TRỊ THIÊN là một tỉnh miền Trung, bao gồm đất đai của các tỉnh Quảng bình, Quảng trị, Thừa thiên và khu vực Vĩnh linh cũ sáp nhập lại năm 1976, có diện tích đứng hàng thứ 4 và dân số đứng hàng thứ 9 trong cả nước. Phần lớn đất đai của tỉnh là gò đồi, rừng núi, đồng bằng hẹp mà độ phì nhiêu lại thấp. Bình trị thiên, ngoài đường sắt thống nhất và đường quốc lộ 1A nối liền Nam—Bắc chạy qua, còn có đường số 9 — tuyến đường giao thông quan trọng nhất nối liền Việt nam với nước bạn Lào. Đây là tỉnh có nhiều cửa biển, bến cảng vừa có giá trị về kinh tế vừa có tầm quan trọng về quân sự, như cửa Nhật lệ, cửa Tùng, cửa Việt, cửa Thuận an, cửa Tư hiền, cảng sông Gianh, cảng Đông hà,... cũng là tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều công trình kiến trúc, văn hóa cổ nổi tiếng trong nước và thế giới.

Với những đặc điểm trên đây, Bình trị thiên có nhiều thuận lợi và khó khăn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời có vị trí chiến lược hết sức quan trọng đối với cách mạng Việt nam và Đông dương. Chính điều này giải thích vì sao trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ lại chọn mảnh đất này mà chúng gọi là « khu vực cần xoong » làm trọng điểm đánh phá. Chúng đã đánh phá Bình trị thiên với những thủ đoạn hết sức dã man tàn bạo hòng biến mảnh đất này thành vành đai trắng và tấm lá chắn, bảo vệ cho chủ nghĩa thực dân kiểu mới của chúng ở miền Nam, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc, của các nước xã hội chủ nghĩa đối với miền Nam Việt nam, Lào và Cam-pu-chia ; nhằm duy trì ách thống trị của chúng trên toàn cõi Đông dương. Trên vùng phía nam của tỉnh, Mỹ — ngụy xây dựng hàng chục nhà giam — những « địa ngục trần gian » — bắt giam và tra tấn hơn 10 vạn người dân vô tội, chúng lập ra những cái gọi là « ấp tân sinh », « khu trù mật » mà thực chất là trại tập trung, ấp chiến lược và dồn gần một triệu lượt người vào hơn 3200 ấp trại đó. Chúng xây dựng hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra và hệ thống căn cứ quân sự, dồn bốt dày đặc từ bờ biển đến biên giới Việt—Lào. Chúng tiến hành gần 6 vạn cuộc hành quân lớn nhỏ, huy động hàng chục vạn lần chiếc máy bay, kể cả máy bay chiến lược B52, ném hàng chục triệu quả bom. Trong hơn 20 năm tiến hành chiến tranh tàn khốc, đẫm máu, Mỹ — ngụy đã giết và làm bị thương hơn 130 nghìn dân thường ; hủy diệt 7 550 lượt thôn xóm, phá hủy 230 nghìn ngôi nhà ; giết và cướp hơn 100 nghìn trâu, bò ; phá hủy và làm hoang hóa hàng chục nghìn héc ta đất nông nghiệp và hơn 200 nghìn héc ta đất rừng với trữ lượng 4 triệu mét khối gỗ ; phá hỏng hàng nghìn ki lô mét đường giao thông và hơn 50 nghìn cầu cống lớn nhỏ...

Đến ngày được giải phóng, Bình trị thiên chìm ngập trong cảnh điêu



Digitized by Google

tàn, đổ nát. Hàng vạn người bị tàn phế vì tra tấn, từ đày, bom đạn, chất độc hóa học của Mỹ — ngụy; hàng chục vạn người từ khu dồn dân hoặc nơi sơ tán trở về quê cũ, không còn nhà cửa, lương thực, công cụ sản xuất; hàng nghìn trẻ mồ côi, người già cô đơn không nơi nương tựa. Mạng lưới y tế bị phá hủy hầu hết, bệnh tật phát triển ở nhiều nơi trong nhiều lứa tuổi; sức khỏe nhân dân bị hủy hoại nghiêm trọng. Đại bộ phận trường học, công trình văn hóa bị phá sập, nạn không biết chữ phổ biến; sức lao động thiếu trầm trọng; tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội rất phức tạp. Hầu hết ruộng đất bị bom đạn cày xới. Cứ 1 héc ta có 5 hố bom lớn, vài chục hố đạn pháo, nhiều mảnh bom đạn; diện tích lúa và hoa màu bị thu hẹp, độ phì của đất bị giảm sút, nhiều vùng lau lách mọc dày. Chất độc hóa học, bom đạn đã cướp mất màu xanh của rừng; vùng phi lao ven biển bị diệt, cát di chuyển xâm lấn ruộng vườn; 1/3 diện tích rừng của tỉnh là rừng nguyên sinh đã bị tàn phá, thay vào đó là cỏ tranh, sim mua; rừng gỗ quý bị phá hủy, cây gỗ còn lại đã ít lại khó khai thác vì đất có độ dốc lớn. Cây công nghiệp, cây ăn quả bị tàn phá nghiêm trọng (đồi cà phê ở Khe sanh bị phá trụi, hơn 100 nghìn cây mít, 320 nghìn gốc chè, toàn bộ cây hạt tiêu, cây mắc ca và hàng trăm héc ta chuối ở vùng Cửa bị hủy diệt). Nhiều loài chim, thú bị diệt hết hoặc bỏ đi nơi khác; gia súc gia cầm chẳng còn bao nhiêu, các loài thủy sản giảm sút rõ rệt.

Những hậu quả nghiêm trọng của chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đè nặng lên nền kinh tế và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân Bình trị thiên.

Bắt tay vào khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới trong tình hình như thế quả là một cuộc phấn đấu gian khổ, một thử thách quyết liệt, không chỉ tốn nhiều mồ hôi mà còn phải đổ cả máu. Tuy vậy, đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên có những thuận lợi rất cơ bản: Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước quy về một mối, có sự lãnh đạo sáng suốt và kịp thời của Trung ương Đảng và Chính phủ. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh có truyền thống cách mạng kiên cường, đã được rèn luyện, thử thách trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Khi quê hương được giải phóng, trong cán bộ, đảng viên và quần chúng bừng bừng khí thế cách mạng tiến công. Mọi người hồ hởi bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới trong khung cảnh đất nước đã được độc lập tự do. Nhân dân trong tỉnh vốn cần cù lao động qua chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt ở dải đất miền Trung nóng bỏng này, đã có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và tổ chức cuộc sống, có tinh thần chất chịu, chịu đựng gian khổ, tự lực tự cường, tìm tòi sáng tạo để nâng cao trình độ canh tác cũng như tay nghề.

Nhận rõ đặc điểm của quê hương, thuận lợi và khó khăn trước mắt cũng như lâu dài, dưới ánh sáng của đường lối và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, với tinh thần tiếp thụ có chọn lọc các kinh nghiệm thành công cũng như không thành công của các tỉnh bạn trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, hơn 10 năm qua đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên đã xác định được tiềm năng, thế mạnh, mục tiêu và hướng đi đúng đắn phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Vấn đề bức bách nhất đối với nhân dân và cán bộ Bình trị thiên sau ngày giải phóng là phải nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống quần chúng, trong đó vấn đề lương thực nổi lên hàng đầu. Tỉnh đã tập trung mọi cố gắng, bằng mọi cách, mọi biện



Digitized by Google

pháp để tháo gỡ bom, mìn, đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, xây dựng hệ thống thủy lợi, khôi phục diện tích canh tác. Trên mặt trận này, đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên đã có cố gắng phi thường và phải trả giá rất đắt: để lấy đất trồng trọt, phải tháo gỡ trên 12 triệu quả bom, mìn các loại, và đã có hơn 4000 người bị thương vong, bị tàn phế (hiện nay trên đất Bình trị thiên còn nhiều triệu quả bom, mìn Mỹ — ngụy để lại, riêng tỉnh Quảng trị cũ còn lại ít nhất 2 triệu quả, cứ 1 mét vuông có từ 2 đến 3 quả, thậm chí có nơi đến 8 quả; từ 1975 đến nay đã có hơn 10 nghìn người chết và bị thương do bom, mìn của Mỹ — ngụy gây ra). Tỉnh chủ trương đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, kết hợp thâm canh với mở rộng diện tích, xen canh tăng vụ; vừa trồng lúa vừa trồng rau màu ngắn ngày để nhanh chóng đẩy lùi nạn đói. Nhân dân trong tỉnh đã bỏ ra hàng chục triệu ngày công làm thủy lợi. Với chủ trương đúng đắn này, lại được sự chi viện kịp thời và to lớn của trung ương, chỉ trong một thời gian ngắn, sản xuất được phục hồi, đời sống nhân dân dần dần ổn định và từng bước được cải thiện. Từ chỗ những năm đầu còn phải nhận sự chi viện của trung ương mỗi năm trên 100 nghìn tấn lương thực, những năm gần đây, Bình trị thiên đã tự túc được lương thực. Từ chỗ sản lượng lương thực toàn tỉnh năm 1976 chỉ đạt 348 433 tấn, bình quân đầu người một năm chỉ có 198 kg, đến năm 1984 Bình trị thiên đã đạt 530 nghìn tấn, bình quân đầu người 300 kg, riêng huyện Triệu hải đã từ 350 kg nâng lên 410 kg. Hơn thế nữa, năm 1984 vừa qua Bình trị thiên còn huy động được 7 646 tấn lương thực để làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Hạt thóc nghĩa tình của Bình trị thiên đã đến tận biên giới phía bắc góp phần đánh thắng quân Trung quốc xâm lược

Khi hòa bình mới được lập lại, đàn gia súc, gia cầm của Bình trị thiên không còn bao nhiêu. Thậm chí xã Triệu trạch, huyện Triệu hải không còn lấy một con gà, con vịt; huyện Cam lộ (cũ) ngày trước có 5000 con trâu bò, đến ngày giải phóng chỉ còn 170 con; huyện Triệu phong (cũ) trước có khoảng 10 nghìn con trâu bò, đến ngày giải phóng chỉ còn 300 con; huyện A lưới trước kia làng nào cũng nuôi hàng trăm con trâu bò (có nhà nuôi đến 20 — 30 con), nhưng đến năm 1968, 1969 hầu như không còn con nào, kể cả các loại gia cầm. Mười năm qua, bằng mọi biện pháp tích cực: nhập giống từ các tỉnh phía bắc vào, khuyến khích chăn nuôi đến tận gia đình nông dân, cán bộ, Bình trị thiên đã phát triển nhanh, mạnh đàn gia súc, gia cầm, Tỉnh không những đã có đủ sức kéo mà còn có thực phẩm cung cấp cho cán bộ, nhân dân trong tỉnh, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước và chi viện cho một số địa phương khác. Đàn lợn của tỉnh từ 342 nghìn năm 1976 đã lên đến 520 nghìn con năm 1984, một số huyện có phong trào chăn nuôi khá, như Triệu hải (21 000 trâu, bò và 60 000 lợn), thị xã Đông hà (gần 40 000 trâu, bò, lợn), huyện Bến hải (23 000 trâu, bò và 45 000 lợn) v.v.

Về lâm nghiệp, từ chỗ rừng tự nhiên, rừng trồng bị chất độc hóa học, bom đạn của Mỹ — ngụy phá trụi, đến nay Bình trị thiên đã có hàng chục lâm trường chuyên trồng rừng để phủ xanh đồi trọc, giữ nguồn nước, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sống, lấy gỗ xây dựng và cung cấp cho công nghiệp, xuất khẩu. Toàn tỉnh đã trồng được hàng chục nghìn héc ta rừng mới, riêng năm 1984 trồng thêm 15 000 ha; hàng trăm ki lô mét bờ biển đã được trồng phi lao chắn gió và ngăn cát. Huyện Bến hải đã trồng 17 000 ha với 43 triệu cây lấy gỗ; huyện Triệu hải, năm 1983 trồng 5 triệu cây, và bờ biển của huyện đã


Digitized by Google

được trồng phi lao với chiều dài 32 km và bề rộng từ 500 đến 1 500 m.

Từ năm 1982, Bình trị thiên bắt đầu tiến hành công tác xuất khẩu. Mặt hàng xuất khẩu ở đây khá phong phú, đa dạng; mành trúc, hàng thêu ren, đồ mộc, cao su, ớt, hạt tiêu, hải sản đông lạnh... Giá trị hàng xuất khẩu tăng rõ rệt: năm 1982 mới đạt 2 triệu rúp, đến năm 1984 đã đạt 16 triệu rúp. Có thể nói, những thế mạnh của Bình trị thiên mở ra triển vọng lớn về xuất khẩu, chỉ cần tổ chức tốt và đầu tư thích đáng.

Ngành y tế của Bình trị thiên mười năm qua đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Khi mới giải phóng, cơ sở khám và chữa bệnh của tỉnh gần như con số không, số lượng thầy thuốc quá ít, bệnh tật phát sinh, phát triển đáng lo ngại, đặc biệt là các bệnh hoa liễu, sốt rét, ung thư, các bệnh dịch. Nếu năm 1976 chỉ có 10 phòng khám lớn nhỏ, phương tiện ít ỏi, thô sơ, thì đến năm 1981 toàn tỉnh đã có 38 phòng khám với đội ngũ thầy thuốc khá đông, được trang bị nhiều phương tiện hiện đại. Cứ 10 nghìn dân có 26 giường bệnh, 5, 8 y, bác sĩ, bình quân mỗi người dân được khám bệnh 2, 5 lần trong một năm; một số bệnh đã được ngăn chặn và ngày càng giảm. Đặc biệt công tác sinh đẻ có kế hoạch được đặt ra một cách tích cực. Riêng huyện Triệu hải đã hạ tỷ lệ sinh đẻ xuống 1,68% — mức thấp nhất hiện nay ở nước ta.

Về giáo dục, trước đây ở các huyện phía nam sông Bến hải, số trường học và học sinh rất ít. Cùng với bước phát triển của ngành giáo dục trong cả nước, Bình trị thiên đã có những tiến bộ nhảy vọt. Toàn tỉnh đã thanh toán nạn không biết chữ sau 3 năm giải phóng; phổ cập cấp I trong toàn dân; đối với cán bộ, thanh niên thì phổ cập cấp II và tiến tới phổ cập cấp III. Huyện nào cũng có ít nhất 2 trường phổ thông trung học, xã nào cũng có 1 trường phổ thông cơ sở, riêng huyện Bến hải có 4 trường phổ thông trung học. Ở Bình trị thiên hiện nay cứ 3 người dân thì có 1 người đi học, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Hằng năm ngành giáo dục Bình trị thiên vẫn đóng góp học sinh giỏi một số môn cho đội tuyển học sinh giỏi toàn quốc đi thi quốc tế.

Mười năm qua, nhằm phục vụ và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, tỉnh đã bỏ nhiều vốn để xây dựng những công trình văn hóa công cộng. Thành phố Huế có nhiều di tích lịch sử, văn hóa lâu đời nổi tiếng, nhưng bị tàn phá nhiều trong cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; ngày nay công việc tu bổ đang được tỉnh hết sức quan tâm nhằm bảo tồn những vốn quý của dân tộc và phục vụ khách du lịch trong nước và nước ngoài. Huyện nào cũng có nhà bảo tàng, nhà truyền thống, có thư viện với hàng trăm nghìn sách báo các loại, có rạp chiếu bóng, rạp hát... Một số xã như Triệu ái, Triệu thượng, Hải thượng, Vĩnh thủy... đã xây dựng được nhà truyền thống có quy mô khang trang với nội dung khá phong phú.

Sau ngày 26-3-1975 (ngày giải phóng hoàn toàn Bình trị thiên), ở Bình trị thiên, số ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, tình báo, gián điệp, đảng viên các đảng phái phản động tan rã tại chỗ có tới gần 60 nghìn. Trước khí thế của cách mạng, nhận thức được chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta, phần lớn những người này đã biết ăn năn hối cải, trở về làm ăn lương thiện, trở thành công dân của nước Việt nam xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, còn nhiều tên ngoan cố vẫn cam tâm làm tay sai cho đế quốc Mỹ và bọn phản động Trung quốc ngấm ngầm hoạt động chống chính quyền cách mạng. Chúng ra sức hoạt động chiến tranh tâm lý, phao tin thất thiệt, gây nghi ngờ đối với chế độ mới, truyền bá lối sống Mỹ. Chúng tìm cách chui vào một số


Digitized by Google

tổ chức chính quyền và đoàn thể để phá hoại; chúng tổ chức các cuộc vượt biên, vượt biển chạy trốn ra nước ngoài; gây nhiều vụ nổ bom, mìn, lựu đạn, giết người, cướp của, gây rối an ninh, trật tự xã hội. Chúng móc nối, lôi kéo, tập hợp một số tên thuộc ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái phản động cũ không chịu cải tạo và những tên phản động đội lốt tôn giáo, lập ra những tổ chức phản động (mặt trận dân quân phục quốc Việt nam, Đại việt phục quốc, thanh niên chống cộng, mặt trận cứu nguy dân tộc, mặt trận thanh niên yêu nước Việt nam, nhóm hội thơ «hồn nhiên»...) hòng thực hiện âm mưu gây bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng khi có thời cơ. Chúng lén lút dùng các loại văn hóa phẩm đồi trụy, dùng xì ke ma túy, gái điếm để làm hư hỏng và lôi kéo một số thanh niên và những người nhẹ dạ theo chúng. Hoạt động chống đối của bọn chúng lúc ngấm ngầm, giấu mặt, lúc diên cuồng trắng trợn và đều có bàn tay chỉ đạo của đế quốc Mỹ và bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc theo kế hoạch «hậu chiến» và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt nguy hiểm, độc ác. Nhưng những hoạt động đen tối của bọn chúng không thể lọt qua con mắt cảnh giác của nhân dân, của lực lượng an ninh và quốc phòng. Từ 1976 đến 1984, Bình trị thiên đã phát hiện và trừng trị đích đáng 15 tổ chức phản động với hơn 6 000 tên có âm mưu gây bạo loạn phản cách mạng. Quân và dân Bình trị thiên còn trừng trị kịp thời bọn gián điệp biệt kích Trung quốc đã dùng tàu thuyền có vũ trang lén lút xâm nhập vùng biển Bình trị thiên đầu tháng 3-1982. Lực lượng quốc phòng và an ninh của Bình trị thiên ngày càng lớn mạnh, đảm đương tốt nhiệm vụ chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền của dân tộc. Năm nào tỉnh cũng làm nghĩa vụ quân sự vượt mức trên giao; con em Bình trị thiên không chỉ làm nhiệm vụ bảo vệ mảnh đất quê hương, mà còn có mặt ở nhiều vùng, kể cả biên giới, hải đảo để góp phần canh giữ đất trời của Tổ quốc và tình nguyện sang giúp các bạn Lào và Cam-pu-chia. Phát huy truyền thống tốt đẹp của quân và dân tỉnh nhà, các chiến sĩ con em Bình trị thiên đã chiến đấu dũng cảm và nhiều người đã ngã xuống vì cuộc sống yên vui hạnh phúc của đồng bào, vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của Tổ quốc. An ninh, chính trị, trật tự xã hội được củng cố vững chắc làm cho quần chúng tin tưởng, yên tâm sản xuất, xây dựng cuộc sống mới.

Mười năm qua là một quãng thời gian thật ngắn ngủi so với chiều dài lịch sử, nhưng đó là thời kỳ mà đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên đã nêu cao ý chí tiến công đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác; đồng thời phát huy tinh thần làm chủ tập thể, nêu cao ý thức tự lực tự cường, đem bàn tay lao động cần cù và khối óc sáng tạo xây dựng lại quê hương đất nước ngày một đàng hoàng, tươi đẹp hơn. Đến ngày hôm nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình trị thiên rất vui mừng và tự hào vì trên đống tro tàn của chiến tranh, mảnh đất đau thương và anh dũng này đã thay da đổi thịt và đang hằng ngày, hằng giờ tiến lên. Những thành tựu đạt được trong mấy năm qua tuy chưa nhiều nhưng đối với nhân dân Bình trị thiên là những điều kỳ diệu, lớn lao.

Với đà thắng lợi của những năm qua, dưới ánh sáng của đường lối, chủ trương của Đảng, chắc chắn đảng bộ và nhân dân Bình trị thiên sẽ lập được nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

# Bốn mươi năm dưới chính quyền nhân dân

NGUYỄN QUÁN

CÁCH mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi đã đưa đến sự ra đời Nhà nước dân chủ nhân dân Việt nam do giai cấp công nhân lãnh đạo. Bốn mươi năm qua nhân dân ta đã làm nên những kỳ tích trong công cuộc kháng chiến cứu nước cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống mới của mình.

## XÓA BỎ CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN, CẢI TẠO NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trước Cách mạng Tháng Tám, gần 2/3 ruộng đất canh tác của nước ta tập trung trong tay bọn thực dân, phong kiến ; nếu tính cả đất trồng cây lâu năm, thì tỷ lệ đó là 70%. Gần 60% số hộ ở nông thôn không có một tấc đất cắm dùi ; đặc biệt ở miền Nam, số hộ này lên tới gần 68%. Trung bình hằng năm nông dân lao động bị địa chủ và thực dân bóc lột dưới hình thức địa tô và các hình thức khác gần 40% sản lượng lương thực lúc bấy giờ. « Người cày có ruộng » là nguyện vọng lâu đời của người nông dân. Chính vì vậy, từ sau Cách mạng Tháng Tám đến năm 1953, chính quyền cách mạng đã đem lại cho nông dân 422,1 nghìn ha (số liệu ở 3653 xã) ở miền Bắc và 410 nghìn ha ở miền Nam lấy từ tay thực dân Pháp, địa chủ phản động và ruộng bỏ hoang, ruộng công. Tháng 10-1945, chính phủ đã ra thông tư giảm tô 25% so với trước cách mạng. Tháng 12-1953, luật cải cách ruộng đất đã được ban hành. Chính sách ruộng đất đã đưa đến việc xóa bỏ quan hệ sản xuất bóc lột ở nông thôn, giải phóng lực lượng sản xuất, đem lại niềm phấn khởi cho quân và dân ta, góp phần quan trọng vào chiến thắng lịch sử Điện biên phủ. Đến năm 1958, cải cách ruộng đất ở miền Bắc hoàn thành thắng lợi, 810 nghìn ha ruộng đất tịch thu, trưng thu, trưng mua của địa chủ đã được đem chia cho 2,1 triệu hộ với 8,3 triệu nhân khẩu.. Còn ở miền Nam : « Cách mạng miền Nam sở dĩ có sức mạnh bách chiến bách thắng là vì nhân dân miền Nam mà lực lượng đông đảo là hơn mười triệu nông dân đã từng được hưởng



Digitized by Google

những quyền lợi dân tộc và dân chủ thực sự do cách mạng đưa lại» (1). Tuy nhiên, sau giải phóng (1975) ở đây tình trạng chênh lệch quá nhiều về sở hữu ruộng đất vẫn còn phổ biến (ở nông thôn vẫn còn khoảng 20—30% số hộ là bần nông và đi làm thuê), cho nên đã tiến hành tích cực điều chỉnh ruộng đất, xóa bỏ sự bóc lột của phú nông và các phần tử tư sản khác ở nông thôn.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa các thành phần kinh tế, đưa nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đã được tiến hành ngay sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng năm 1954. Bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp và thủ công nghiệp, Nhà nước đã thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh. Đến năm 1975, ở miền Bắc thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm 84,1% trong thu nhập quốc dân, 95,5% trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp, 97,1% trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp,...

Khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc tiếp tục hoàn thiện và củng cố quan hệ sản xuất mới, miền Nam đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư bản tư doanh, tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ, quốc hữu hóa những cơ sở công thương nghiệp của tư sản mại bản, bọn phản quốc và tư sản chạy ra nước ngoài; thành phần kinh tế quốc doanh lớn mạnh nhanh chóng. Cho nên đến 1984, tính chung trong cả nước, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm trên 60% tổng sản phẩm xã hội; trên 15 600 hợp tác xã nông nghiệp đã được thành lập (chưa kể 27 300 tập đoàn sản xuất nông nghiệp ở miền Nam); riêng ở miền Bắc số hộ xã viên chiếm tới 97% số hộ nông dân lao động. Chúng ta đã có mấy trăm nông trường quốc doanh trung ương và địa phương, và mấy nghìn xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh. Năm 1985, chúng ta cố gắng hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam, tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.

## XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế nước ta trước cách mạng hết sức nhỏ bé, lạc hậu, không có công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ thì què quặt, nông nghiệp độc canh,... hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài, trải qua những năm chiến tranh lại bị tàn phá nặng nề. Cách mạng Tháng Tám nổ ra vào lúc đang có nạn vỡ đê ở Bắc bộ: 17 khúc đê vỡ làm ngập nhiều tỉnh ở trung du và đồng bằng Bắc bộ. Trước kia, thực dân Pháp đầu tư chủ yếu vào ngành khai thác mỏ (thời kỳ 1913 — 1945, 40% vốn đầu tư vào công nghiệp toàn Đông dương là để khai thác mỏ), nhằm vơ vét các nguyên liệu quý đem về Pháp, nước ta không có một cơ sở luyện kim, cơ khí, hóa chất nào, chỉ có một số cơ sở sản xuất

(1) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 17.



Digitized by Google

rượu, bia, diêm, vải... Số công nhân viên chức cả nước chỉ có khoảng 90 nghìn người, số công chức có trình độ cao đẳng và đại học thời kỳ 1930 – 1945 chỉ vài trăm người, trong đó cán bộ ngành thủy lợi chỉ có 12 người. Sản lượng điện tính theo đầu người chưa đầy 5 kWh. Trong chiến tranh chống Pháp, đại bộ phận các hệ thống nông giang ở miền Bắc đều bị đế quốc Pháp phá hủy. Sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1951 được ký kết, đế quốc Pháp tháo dỡ nhiều máy móc, lôi kéo nhiều cán bộ kỹ thuật vào miền Nam. Khi chúng ta tiếp quản thủ đô, Hà nội chỉ có 15 cán bộ có trình độ đại học làm việc trong công nghiệp, tỷ trọng của công nghiệp trong giá trị sản lượng công nông nghiệp ở miền Bắc chỉ còn 1,5% với 20 xí nghiệp công nghiệp cũ kỹ, nhiều bộ phận hư hỏng. Từ năm 1965 đến năm 1973, các cơ sở kinh tế và cả dân cư đều là mục tiêu đánh phá ác liệt của không quân, hải quân Mỹ. Ở miền Nam, dưới chế độ thực dân mới của Mỹ, kinh tế phát triển què quặt với một số cơ sở công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và cơ sở giao thông vận tải. Cho đến ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, nước nhà thống nhất, cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân nằm trong đặc điểm lớn là: « nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ ».

Từ trong những điều kiện ấy, Đảng và Nhà nước ta đã chú ý tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân nhằm đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn.

Trong kháng chiến chống Pháp, với tư tưởng cơ bản chỉ đạo là tự cấp tự túc, thực hiện khẩu hiệu « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng », chúng ta đã chú ý làm thủy lợi, sửa chữa đường giao thông, xây dựng một số cơ sở công nghiệp nhằm bảo đảm các nhu cầu của kháng chiến, phá tan âm mưu phong tỏa của địch. Công nghiệp quốc phòng đã sản xuất được súng SKZ, súng phóng lựu, súng ba zô ka, súng cối... Các ngành công nghiệp và tiểu công nghiệp đã sản xuất gần 35 triệu mét vải các loại, gần 11 nghìn tấn giấy. Năm 1951 thương nghiệp quốc doanh được hình thành và bắt đầu phát triển, đến cuối năm 1953, doanh số bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh đã chiếm 20% hàng bách hóa và 30% lâm, thổ sản. Từ đầu năm 1946 để củng cố nền độc lập tự chủ của đất nước, Nhà nước ta đã phát hành giấy bạc Việt nam (lúc đó gọi là tiền tài chính), đến tháng 5-1951, phát hành giấy bạc ngân hàng để thay thế giấy bạc tài chính.

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ vừa xây dựng vừa chiến đấu bảo vệ căn cứ địa chung của cả nước, đồng thời chi viện ngày càng nhiều sức người, sức của cho miền Nam để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, trong suốt 20 năm (1955 – 1975), vốn của ngân sách Nhà nước chi cho kiến thiết kinh tế chiếm tỷ trọng lớn; riêng thời kỳ 1961 – 1964 chiếm 61,2% trong tổng chi ngân sách Nhà nước. Vốn đầu tư xây dựng của Nhà nước tập trung vào các ngành sản xuất vật chất. Tài sản cố định trong các ngành sản xuất vật chất năm 1975 so với năm 1960 bằng 5,1 lần; riêng trong nông, lâm nghiệp bằng 7,2 lần; trong công nghiệp bằng 4,8 lần; vận tải, bưu điện bằng 2,8 lần (tài sản hai ngành này thiệt hại nặng nề nhất trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ). Phân bố lao động giữa các ngành đã có những biến đổi rõ rệt: lao động làm việc trong công nghiệp từ 7,0% (1960) lên 10,6% (1975); xây dựng cơ bản từ 1,7% lên 7,5%, nghiên cứu khoa học, giáo dục, văn hóa, y tế,... từ 1,3% lên 6,2% so với tổng số lao động xã hội. Lao động thường xuyên trong khu vực sản xuất vật chất năm 1975 so với năm 1955 bằng 10,1 lần. Đội



Digitized by Google

ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật tăng nhanh, đến năm 1975 số cán bộ có trình độ đại học làm việc trong khu vực Nhà nước bằng 129,4 lần so với năm 1955, số cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp bằng 81,3 lần,... Nếu như năm 1955, trong 1000 công nhân viên chức chỉ có 5 cán bộ có trình độ đại học, 15 cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp, thì đến năm 1975, có 64 người có trình độ đại học và 131 người có trình độ trung học. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xây dựng một bước. Năng lực sản xuất của các ngành công nghiệp, giao thông, xây dựng, nông nghiệp đều tăng, thu nhập quốc dân năm 1975 bằng 1,8 lần so với năm 1955; sản xuất công nghiệp bằng 16,2 lần; sản xuất nông nghiệp bằng 1,7 lần, tổng mức hàng hóa bán lẻ bằng 7,8 lần, và tổng trị giá xuất nhập khẩu bằng 12,5 lần...

Sau ngày thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, mặc dù có nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa liên tiếp, do hậu quả của chiến tranh và của chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, do bản thân nền sản xuất nhỏ và cả những sai sót trong công tác quản lý gây ra, nhưng nền kinh tế nước ta đã có những biến đổi lớn, cơ sở vật chất kỹ thuật đã được tăng cường, nhiều công trình lớn đã được xây dựng, một số công trình đã đi vào hoạt động. Vốn đầu tư của Nhà nước năm 1984 gấp hơn 2 lần so với năm 1976; tài sản cố định trong khu vực sản xuất vật chất bằng 6,5 lần, riêng trong công nghiệp bằng 7,4 lần, vận tải—bưu điện bằng 8,3 lần; lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân bằng 1,2 lần, riêng trong công nghiệp bằng gần 1,4 lần; gần 3,6 triệu người làm việc trong khu vực Nhà nước, chiếm trên 15% lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân. Các ngành kinh tế nói chung đều phát triển hơn so với năm 1976 (thu nhập quốc dân năm 1984 bằng 1,36 lần so với năm 1976, công nghiệp bằng 1,76 lần, nông nghiệp bằng 1,36 lần, vốn đầu tư xây dựng cơ bản Nhà nước bằng 2 lần, khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng 1,7 lần). So với năm 1939, sản xuất công nghiệp năm 1984 gấp bằng 14 lần, sản xuất nông nghiệp bằng 3,3 lần. Nhưng quan trọng hơn là cơ cấu sản xuất của nền kinh tế quốc dân có những thay đổi lớn, giá trị sản lượng công nghiệp năm 1939 chỉ chiếm khoảng 1/4, nay chiếm 1/2 giá trị sản lượng công — nông nghiệp. Trong ngành công nghiệp, nhóm A năm 1939 chỉ chiếm hơn 1/4 giá trị sản lượng công nghiệp (chủ yếu sản xuất bằng thủ công), nay chiếm trên 1/3, với khối lượng sản xuất bằng 19 lần năm 1939, nghĩa là mức sản xuất công nghiệp nhóm A trong 20 ngày của năm 1984 bằng mức sản xuất trong cả năm 1939. Ngày nay sản lượng nhiều sản phẩm công nghiệp vượt xa năm 1939: điện đạt 4,85 tỷ kWh, bằng 56,1 lần; than những năm 1980 — 1983 đạt trên 6 triệu tấn, bằng 2,4 lần; xi măng đạt 1,3 triệu tấn, bằng 4,2 lần; gỗ đạt 1,4 triệu $m^3$, bằng 2,1 lần, sản lượng cá biển bằng 4,6 lần; muối bằng 3,8 lần; vải đạt 364 triệu mét, giấy đạt 69,5 nghìn tấn,... Sản lượng lương thực năm 1984 đạt gần 17,9 triệu tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 310kg, riêng sản lượng lúa đạt trên 15,6 triệu tấn, bằng gần 3,5 lần so với năm 1944 (bình quân thóc đầu người năm 1944 là 215kg, năm 1984 là gần 270kg). Sản phẩm các cây công nghiệp lâu năm như cà phê, chè, cao su... đều tăng so với trước cách mạng. Trong nông nghiệp, nét nổi bật là việc đưa khoa học kỹ thuật và các cơ sở vật chất kỹ thuật (thủy lợi, máy kéo, phân bón, thuốc trừ sâu, giống mới, cùng các biện pháp thâm canh) vào sản xuất và việc thực hiện cơ chế khoán mới đã tạo nên những năng suất cây trồng cao, cho nhiều sản phẩm hàng hóa. Trong chăn nuôi, chúng ta



Digitized by Google

đang cải tạo giống đàn gia súc, gia cầm để có năng suất cao hơn.

Ngày nay ngành chăn nuôi tuy chưa trở thành ngành sản xuất chính, nhưng đã có vị trí ngày càng quan trọng. Năm 1939, ngành chăn nuôi chiếm chưa đầy 17% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp, năm 1984 chiếm 1/4 với sản lượng bằng 5 lần so với năm 1939.

Giao thông vận tải hiện nay vẫn còn là khâu yếu trong nền kinh tế quốc dân, nhưng năm 1984 đã đạt trên 11,2 tỷ tấn/km và chúng ta đã có các phương tiện vận tải đường biển, đường hàng không... mà trước cách mạng không có.

Ngoại thương ngày càng được mở rộng. Trong mười năm lại đây, xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, giảm bớt dần tình trạng nhập siêu, cơ cấu hàng xuất khẩu đã có những thay đổi: hàng công nghiệp chiếm gần 70% tổng trị giá hàng xuất khẩu; cơ cấu hàng nhập cũng thay đổi; tư liệu sản xuất chiếm gần 90% tổng trị giá hàng nhập khẩu.

Những năm vừa qua, chúng ta đã dầu tư sức người, sức của để xây dựng nhiều công trình lớn. Ngoài nhiều nhà máy được xây dựng trong các thập kỷ trước, gần đây chúng ta đã bắt tay xây dựng thêm các nhà máy thủy điện: sông Đà, Trị an và các nhà máy nhiệt điện: Phả lại, Cầu đỏ,... các mỏ than có công suất lớn: Cao sơn, Mông dương, Mạo khê; các nhà máy cơ khí: Sông công, xí nghiệp đóng tàu Phà rừng; các nhà máy xi măng: Bỉm sơn, Hoàng thạch, Hà tiên; các nhà máy sợi Nha trang, Hà nội, Vinh; mở rộng các nhà máy sản xuất phân bón. Chúng ta cũng đã xây dựng các công trình thủy lợi, xây dựng các cầu Thăng long, Chương dương, mở rộng các cảng biển. Các vùng sản xuất lớn về cao su, cà phê đang hình thành. Chúng ta đã và đang tiến hành thăm dò và chuẩn bị khai thác dầu khí ở thềm lục địa khu vực Vũng tàu — Côn đảo.

## NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ VĂN HÓA CỦA NHÂN DÂN

Năm 1964 Bác Hồ đã nhận định: «Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ» (2). Đến ngày nay, tình hình đã có những bước phát triển mới.

Cái quý hơn hết là chúng ta đã giành được độc lập dân tộc, nhân dân ta không phải chịu sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân cũ và mới; các giai cấp bóc lột ở nông thôn và thành thị từng bước bị xóa bỏ.

Chúng ta đã thanh toán nạn đói kinh niên đeo đẳng qua bao thế hệ, mà khủng khiếp là nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm chết hơn 2 triệu đồng bào. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, Bác Hồ đã nêu khẩu hiệu «Chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm». Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và cho đến ngày nay không có nạn đói lan tràn. Đó là một thành tựu lớn nhất, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta.

(2) *Báo cáo của Hồ Chủ tịch tại Hội nghị chính trị đặc biệt*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1964, tr. 9.



Digitized by Google

Sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh mẽ. Năm học 1939—1940, cả nước chỉ có 86 trường cấp II và cấp III, trong đó trường công chỉ có 3 trường cấp III, 16 trường cấp II và 1 trường đại học với 515 sinh viên. Ngày nay, ở nước ta có hơn 12 triệu người đi học, từ vỡ lòng đến đại học, với nhiều hình thức học tập khác nhau : chính khóa, bổ túc, tại chức, chuyên tu..., như vậy là cứ 5 người dân có 1 người đi học ; riêng khối đại học, cao đẳng (kể cả của các lực lượng vũ trang) cả nước có 124 trường với trên 13 nghìn người theo học.

Chúng ta có một mạng lưới y tế rộng khắp chăm lo việc bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, kết hợp đông y và tây y, phòng bệnh và trị bệnh, cho nên một số bệnh xã hội về cơ bản đã bị loại trừ, không xảy ra các bệnh dịch lớn. Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em được chú ý. Năm 1913 cả nước chỉ có 524 bác sĩ, y sĩ, đến nay đã có trên 55 nghìn người, các bệnh viện, bệnh xá đã có trên 200 nghìn giường bệnh ; như vậy nếu trước đây trên 10 nghìn dân chỉ có 0,23 y, bác sĩ, thì nay đã có 9,3 y, bác sĩ. Tỷ lệ tử vong giảm rất nhiều, nếu như thời kỳ 1931 — 1940 tỷ lệ tử vong là từ 2% đến 2,6%, thì nay chỉ còn 0,72%.

Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Số sách phát hành ngày càng nhiều. Các phương tiện truyền thông đại chúng tăng lên nhanh chóng. Cùng với hoạt động của các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các đội chiếu phim... phong trào văn hóa quần chúng phát triển mạnh mẽ. Nếp sống văn hóa cùng với phong trào « ngói hóa », phong trào « mỗi gia đình có 3 công trình (giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh) phát triển rộng rãi ở các vùng nông thôn. Cùng với việc đầu tư rất lớn của Nhà nước trong việc xây dựng nhà ở, các công trình phúc lợi công cộng và các dịch vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đang được củng cố và mở rộng. Ở đây còn phải kể đến những cố gắng to lớn góp phần đổi mới và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, với những kinh nghiệm đã rút ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ tập thể, phát huy thế mạnh của đất nước và sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhân dân ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, xây dựng đất nước ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn.

Digitized by Google

# Kinh nghiệm bước đầu về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Cai lậy

**LÊ VĂN KHỞI**

*Bí thư Huyện ủy Cai lậy*

XÂY dựng huyện và tăng cường cấp huyện là một chủ trương lớn có tính chiến lược của Đảng ta. Thực hiện chủ trương này, trong mấy năm qua, huyện chúng tôi phải mò mẫm làm từng bước để rút kinh nghiệm mà đi lên. Lúng túng ban đầu của chúng tôi là chọn phương hướng về bước đi như thế nào cho phù hợp với điều kiện lao động và đất đai của huyện, tổ chức sản xuất và phân bố lao động như thế nào để khai thác được tiềm năng sẵn có của huyện, hoạt động liên kết kinh tế như thế nào để đem lại hiệu quả cao nhất, làm ra nhiều của cải cho xã hội, đáp ứng được yêu cầu về đời sống của nhân dân trong huyện, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bình quân đầu người ở Cai lậy chỉ có 773 mét vuông đất trồng lúa, 1/4 diện tích bị bỏ hoang hóa trong nhiều năm. Nhiều vùng trong huyện chúng tôi liên tiếp mất mùa, nhân dân trong huyện gặp rất nhiều khó khăn. Tình hình ấy đặt cho đảng bộ và nhân dân Cai lậy nhiệm vụ hết sức nặng nề, vừa khôi phục sản xuất để ổn định đời sống nhân dân, vừa chuẩn bị cơ sở ban đầu để đi vào xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Được sự giúp đỡ của các ngành ở trung ương và của tỉnh, huyện chúng tôi đã xác định phương hướng và bước đi của huyện từ nay cho đến năm 1990.

Chúng tôi đã gắn xây dựng kinh tế với xây dựng quốc phòng, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và xây dựng tổ chức cơ sở để bảo đảm xây dựng huyện vững mạnh.

Đi theo phương hướng trên, trong mấy năm qua huyện Cai lậy đã có những chuyển biến quan trọng. Các mục tiêu kinh tế — xã hội của huyện đề ra đến năm 1985, có những mặt chúng tôi đã gần đạt hoặc vượt mức. Thành tựu nổi bật nhất của huyện chúng tôi là sản xuất nông nghiệp đang trên đà phát triển một cách vững chắc. Hiện nay năng suất lúa bình quân trên một héc ta canh tác của huyện đã đạt 10,5 tấn/năm, các cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu phục vụ cho thâm canh tăng năng suất đã được xây dựng và đang phát huy tác dụng: đồng ruộng ở từng vùng kinh tế đã được cải tạo theo một quy hoạch tổng thể đã được duyệt; hệ thống trạm trại đã hình thành. Chúng tôi đã và đang xây dựng những cơ sở công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, từng bước hình thành cơ cấu nông — công nghiệp, với những bước đi phù hợp, gắn bó giữa cơ sở và huyện, giữa huyện và tỉnh.

Các mặt công tác khác của huyện có quan hệ đến đời sống vật chất và



Digitized by Google

tinh thần của nhân dân trong huyện cũng có nhiều tiến bộ, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Qua xây dựng huyện ở Cai lậy, *chúng tôi rút ra được những kinh nghiệm bước đầu sau đây:*

*Một là*, trong việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, ngay từ đầu *phải xác định phương hướng, bước đi* nhằm hình thành cơ cấu kinh tế của huyện. Từ năm 1977, với sự giúp đỡ của trung ương và tỉnh, Cai lậy đã tiến hành điều tra phân vùng quy hoạch, lên phương án kinh tế — xã hội của huyện. Mục tiêu của phương án kinh tế — xã hội của huyện là xây dựng huyện thành một huyện nông — công nghiệp. Từ quy hoạch tổng thể của huyện được Nhà nước duyệt, chúng tôi tiến hành xây dựng các quy hoạch khác như: quy hoạch tổ chức hợp tác xã, quy hoạch giao thông bưu điện, quy hoạch thủy lợi v.v.

Các quy hoạch, kế hoạch trên, chúng tôi đã làm thông suốt trong đảng bộ huyện và tranh thủ sự nhất trí của các ngành trong tỉnh. Chúng tôi nhận thức rằng xây dựng huyện là một quá trình phấn đấu kiên trì và sáng tạo từ thấp đến cao, từ một mặt đến nhiều mặt, từ phân tán đến tập trung, từ không hoàn chỉnh đến hoàn chỉnh.

Với nhận thức đó, chúng tôi đã chọn điểm bắt đầu. Chúng tôi thấy rằng trước hết phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp mà địa phương có nhiều tiềm năng và có nhiều ưu thế. Ngoài việc phục hóa 5000 ha ruộng lúa, những năm đầu toàn bộ sức lực của huyện chúng tôi (lao động, đất đai, tiền vốn, vật tư) đều dành cho sản xuất lương thực. Chúng tôi đã đưa vòng quay sử dụng đất từ khoảng 1,5 lần lên 2,38 lần. Cai lậy đã huy động hàng triệu ngày công để kiên thiết đồng ruộng (làm mặt bằng, đắp bờ vùng bờ thửa, xây dựng hệ thống thủy lợi), tạo ra điều kiện cơ bản nhất để mở rộng diện tích và thâm canh tăng năng suất. Huyện chúng tôi đã cố gắng xây dựng hệ thống trạm trại phục vụ cho sản xuất lúa với năng suất cao. Các biện pháp canh tác và quy trình kỹ thuật của huyện được áp dụng trong mấy vụ sản xuất vừa qua đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Những năm qua cả huyện đã tập trung công sức làm thủy lợi. Nhờ có chỉ đạo tập trung, trong các năm 1977 — 1978, cả tỉnh bị hạn hán, sâu rầy rất nặng nhưng Cai lậy đã giữ vững được năng suất lúa. Từ năm 1980 trở lại đây Cai lậy có bước phát triển vượt bậc, năng suất lúa bình quân trên 1 héc ta canh tác đạt 10,5 tấn/năm, sản lượng chung tăng hơn hai lần so với năm 1976. Từ năm 1981 đến nay, màu và cây công nghiệp cũng có mức tăng đáng kể. So với năm 1978 là năm có diện tích màu cao nhất, năm 1981 diện tích màu và cây công nghiệp tăng 70%. Mức bình quân lương thực trên một đầu người của huyện tăng từ 680 ki lô gam năm 1979, lên 940 ki lô gam năm 1983. Đàn heo của huyện cũng tăng gần gấp đôi so với năm 1976.

Ổn định được vấn đề lương thực, Cai lậy mới có những điều kiện cần thiết đi vào xây dựng cơ cấu kinh tế huyện theo quy hoạch đã định (quy hoạch của huyện chia địa bàn huyện làm ba vùng sản xuất: vùng chuyên canh lúa; vùng cây công nghiệp dài ngày và cây con xuất khẩu; vùng khai hoang trồng cây công nghiệp ngắn ngày và cây lấy gỗ). Từ năm 1980, Cai lậy bắt đầu xây dựng nông trường chuyên canh dứa, mía, trồng rừng trên vùng đất mới khai hoang, đẩy mạnh trồng mía, dứa và các loại rau màu, và mở rộng các ngành nghề, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Cũng từ đó huyện thực hiện dần sự kết hợp từ cơ sở sản xuất nông nghiệp với sản xuất công nghiệp, trước hết lấy công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Quá trình hình thành công nghiệp của huyện là



Digitized by Google

quá trình khôi phục và xây dựng mới, từ các cơ sở nhỏ của gia đình từng bước tổ chức lại tiến lên tập trung thành xí nghiệp có quy mô lớn, có trang bị máy móc tốt hơn. Hiện nay huyện đang thực hiện tập trung hóa việc sản xuất đường, xay xát gạo, chế biến gỗ. Ngoài ra, huyện đã xây dựng các xí nghiệp quốc doanh cơ khí, gạch, giấy, chế biến thức ăn gia súc. Sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện, tuy chưa thật cân xứng với cơ cấu kinh tế của huyện, nhưng đang trên đà phát triển. Giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện đã tăng từ 800 nghìn đồng năm 1976 lên 120 triệu đồng năm 1981 (tính theo giá cố định năm 1980). Nhìn chung ngành công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện Cai lậy phát triển đúng hướng, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là chế biến nông sản.

Phân phối lưu thông có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng huyện. Trong khi sản xuất chưa phát triển, công tác phân phối lưu thông ở Cai lậy đã chú trọng động viên nhân dân phát huy mọi năng lực góp phần thúc đẩy sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Từ năm 1980, đặc biệt là vài năm trở lại đây, sản xuất lương thực của huyện tương đối ổn định, sản lượng hàng hóa tăng khá, đòi hỏi làm tốt khâu phân phối lưu thông trên địa bàn huyện. Chúng tôi bắt đầu nắm lương thực, chủ yếu là lúa, dần dần mở rộng nắm các sản phẩm khác như: mía, dừa, thịt lợn, tôm, các loại rau quả xuất khẩu. Công tác nắm hàng, nắm tiền của huyện ngày càng khá hơn. Chính nhờ nắm hàng nắm tiền và thông qua các hoạt động tín dụng, giá cả, thương nghiệp, huyện dần dần chủ động hơn trong việc tổ chức đời sống cho nhân dân. Và từ đó huyện mới có điều kiện để cân đối vật tư nguyên liệu dựa vào t nguồn khả năng, mới có quỹ tích lũy để tái sản xuất mở rộng và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện. Năm 1980, doanh số mua vào, bán ra của thương nghiệp quốc doanh huyện đạt 190 triệu đồng và kim ngạch xuất khẩu đạt 9 triệu đồng; mức đóng góp cho Nhà nước mỗi năm một tăng (năm 1984 thu vào ngân sách 151 triệu đồng, tăng gần 2 lần so với năm 1983), các chỉ tiêu giao nộp sản phẩm cho Nhà nước cũng tăng.

Công tác xây dựng huyện đòi hỏi trình độ kế hoạch hóa ngày càng cao, đòi hỏi phải đấu tranh kiên quyết chống các hoạt động tự phát trong sản xuất và phân phối lưu thông, chống những hành động làm ăn phi pháp và các hoạt động phá hoại của địch. Vì vậy xây dựng huyện không thể không có nội dung tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, không thể không gắn xây dựng kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng. Cai lậy thấy rõ điều đó và đã đạt được kết quả là kinh tế có bước phát triển vượt bậc thì an ninh, quốc phòng cũng có bước tiến đáng kể. Hai mặt kinh tế và an ninh quốc phòng đang gắn bó và tác động, thúc đẩy lẫn nhau tiến lên.

*Hai là*, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện cũng là *tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trên địa bàn huyện*. Thắng lợi mà chúng tôi đã giành được trong xây dựng huyện là thắng lợi của ba cuộc cách mạng

Những năm phát triển mạnh của Cai lậy cũng chính là những năm mà toàn huyện có cao trào hợp tác hóa nông nghiệp và hoàn thành cơ bản việc tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể. Đến nay Cai lậy đã có 19 hợp tác xã và 519 tập đoàn sản xuất bao gồm 95% nông hộ và diện tích ruộng đất. Tuy trình độ quản lý không đều, song nhìn chung các tập đoàn sản xuất đều làm ăn khá, đời sống xã viên được cải thiện, quỹ tích lũy của tập thể tăng lên nhanh chóng, nghĩa vụ đối



Digitized by Google

với Nhà nước được thực hiện đầy đủ. Cùng với các hợp tác xã nông nghiệp và các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã mua bán đã được thành lập ở các xã. Đến nay huyện có gần 300 cửa hàng và điểm bán hàng; một số xã còn có hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Cai lậy là một quá trình vượt qua nhiều khó khăn, kiên trì vận động, giáo dục và tổ chức. Nhờ có sự chỉ đạo của trung ương và tỉnh, quán triệt yêu cầu đẩy mạnh sản xuất trong khi tiến hành hợp tác hóa, và rút kinh nghiệm tổ chức hợp tác xã Tân hội, tập đoàn sản xuất Long khánh, huyện chúng tôi đã kiên trì bước đi từ thấp đến cao. Trên cơ sở giáo dục, phát động để quần chúng thấy rõ lợi ích của việc đi vào con đường làm ăn tập thể, Cai lậy đã tiến hành điều chỉnh ruộng đất và đưa toàn bộ nông dân vào các đội đoàn kết sản xuất. Cai lậy đã có nhiều biện pháp giúp cho người nông dân ngày càng gắn bó với tổ chức tập thể và có chính sách khuyến khích xây dựng tập đoàn sản xuất. Khi có chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng, huyện đã kịp thời phát động cao trào hợp tác hóa, thực hiện khoán sản phẩm từ đầu. Hàng loạt đội đoàn kết sản xuất đã lần lượt tiến lên tập đoàn sản xuất. Hiện nay, toàn huyện đang tích cực chuẩn bị để hợp nhất các tập đoàn sản xuất và xây dựng thành hợp tác xã với quy mô mỗi hợp tác xã có từ 250 đến 300 héc ta đất.

Đi đôi với cải tạo nông nghiệp, Cai lậy đã tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư doanh. Việc này trong những năm qua huyện có làm nhưng không liên tục và dồng bộ.

Đối với cách mạng khoa học kỹ thuật, chúng tôi nhận thức rõ vai trò then chốt của nó trong công cuộc cách mạng trên địa bàn huyện. Cai lậy rất coi trọng xây dựng các đề tài khoa học, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường các phương tiện kỹ thuật cho địa phương, tập trung phục vụ việc phát triển sản xuất cây lương thực và mở rộng các ngành nghề khác. Cai lậy là nơi sớm xây dựng dự án khoa học phát triển vùng lúa năng suất cao, có điều tra phân tích các yếu tố có liên quan đến sản xuất nông nghiệp, có đề ra biện pháp thâm canh theo quy trình sản xuất thích hợp. Cai lậy là nơi có nhiều lò nhân giống lúa mới với năng suất cao và đã góp phần thay đổi cơ cấu giống trên toàn tỉnh, một việc làm có ý nghĩa biến đổi tình hình sản xuất lúa trong tỉnh từ năm 1979. Cai lậy kiên trì thực hiện tốt các biện pháp thâm canh và hết sức cố gắng phấn đấu để thực hiện cơ cấu và quy trình bón phân hóa học hợp lý, chú trọng phân hữu cơ, sớm biết sử dụng phân lân, không chịu bỏ tay trước những thiếu thốn về phân hóa học. Công tác bảo vệ thực vật làm được kịp thời và có hiệu quả. Ngoài việc kiến thiết đồng ruộng với hệ thống tưới tiêu ngày càng bảo đảm tốt cho thâm canh, Cai lậy đã xây dựng một hệ thống trạm trại máy kéo, thú y, bảo vệ thực vật, trại ong, trại cá, trại heo, nông trường chuyên canh dứa, mía. Các trạm trại này đã phát huy tác dụng rõ rệt và đang trong quá trình hình thành những cụm kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh ở từng tiểu vùng. Cách mạng khoa học kỹ thuật ở huyện chúng tôi tuy chưa thật mạnh, nhưng đã là nhân tố quyết định đối với việc phát triển nông nghiệp của Cai lậy trong những năm qua.

Cai lậy cũng rất coi trọng cách mạng tư tưởng và văn hóa. Các tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng chú trọng giáo dục, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, xây dựng ý thức làm chủ tập thể cho nhân

Digitized by Google

dân lao động, kiên quyết đấu tranh chống tính tự phát của nông dân, phổ biến cho quần chúng các kiến thức về khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ văn hóa, trình độ quản lý sản xuất của quần chúng, làm cho mỗi người trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Cai lậy đã chú ý giáo dục xây dựng lối sống mới, cố gắng xây dựng thêm trường lớp để thỏa mãn nhu cầu học tập của nhân dân, mở các lớp đào tạo cán bộ xã, ấp, tập đoàn sản xuất, phát triển phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, làm cho quần chúng gắn bó với chế độ mới, hành động với ý thức vì cả nước, vì địa phương và vì gia đình mình.

Trong mấy năm qua, Cai lậy vừa ra sức phát triển sản xuất vừa tiến hành cải tạo và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Ngày nay mỗi xã có một trạm y tế có từ 1 đến 2 y sĩ và có một trường phổ thông, bình quân 10 người dân có 3 người đi học, một nghìn người có 3 cán bộ y tế và 2 giường bệnh, tăng gấp 3 lần so với năm 1976. Cai lậy có hệ thống đường ô tô đi đến hầu hết các xã trong huyện (đã xây dựng 139 cầu, 600 km đường nông thôn). Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng được tổ chức kết hợp theo từng cụm kinh tế kỹ thuật. Nhà ở của nhân dân tạm ổn định. Hệ thống truyền thanh, điện thoại đã tỏa đến nhiều xã trong huyện.

*Ba là*, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là việc làm có quan hệ đến các cấp các ngành, *nhưng chủ yếu do bản thân huyện chủ động tiến hành*. Thời gian đầu, khi được chọn làm huyện trọng điểm của tỉnh và trung ương, huyện chúng tôi có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự chi viện của trên, do đó về mọi mặt kinh tế—xã hội, vẫn còn trì trệ. Được sự chỉ đạo của tỉnh, huyện đã kịp thời đấu tranh chống tư tưởng sai lầm nói trên, phát động mạnh mẽ tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo khắc phục khó khăn, ra sức khai thác tiềm năng, ưu thế của huyện để xây dựng huyện. Nhưng phải đến năm 1979, được phân cấp về tài chính, huyện chúng tôi mới có điều kiện phát huy tốt các năng lực tại chỗ. Chúng tôi hết sức chú trọng vấn đề phân bố và sử dụng lao động xã hội. Đến nay chúng tôi đã điều tra, phân loại và cơ bản nắm được tình hình lao động trong huyện. Chúng tôi đã có hướng phân bố lao động và đang từng bước thực hiện quy hoạch đã định. Bằng việc tăng hệ số sử dụng ruộng đất, chúng tôi đã mở rộng trồng cây công nghiệp, cây ăn trái, chăn nuôi ; nông dân có thêm công việc làm. Cai lậy đã điều động hàng nghìn người từ vùng dân cư đông đúc sang vùng khai hoang. Việc phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã thu hút được 5000 người trong huyện, trong đó nhiều người là tiểu thương chuyển sang. Chúng tôi đã sử dụng có hiệu quả cao những ngày công lao động nghĩa vụ của mỗi công dân. Trong những năm qua toàn huyện đã sử dụng gần 9 triệu ngày công để làm thủy lợi, giao thông, khai hoang. Với khung cán bộ, nhân viên chưa đầy 150 người, huyện chúng tôi dùng phần lớn lao động nghĩa vụ xã hội chủ nghĩa, lao động nghĩa vụ dài hạn, lao động cưỡng bức để khai hoang, trồng cây theo vùng kinh tế, xây dựng nông trường. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, các công trình trong huyện, nhất là các công trình phúc lợi công cộng phần lớn là do lao động và tiền vốn của nhân dân đóng góp xây dựng. Tổng giá trị ngày công của nhân dân đóng góp trong những năm qua đạt đến 306 triệu đồng. Hiện nay, việc huy động lao động nghĩa vụ đối với nhân dân trong huyện đã trở thành nền nếp và đã được tổ chức thành đơn vị có chỉ huy.



Digitized by Google

*Bốn là*, trong việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, trước hết phải *tăng cường năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của tổ chức Đảng và chính quyền ở cơ sở, đồng thời tổ chức bộ máy của cấp huyện đủ năng lực và đồng bộ* bảo đảm được yêu cầu của nhiệm vụ quản lý kinh tế—xã hội trong huyện.

Những năm qua, Cai lậy đã có những biện pháp tăng cường đội ngũ cán bộ ở xã, bổ sung cán bộ cho nơi thiếu, đẩy mạnh đào tạo cán bộ xuất thân từ phong trào cách mạng của quần chúng. Huyện đã theo dõi chỉ đạo sát việc củng cố Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã. Đến nay ở huyện chúng tôi có 43 tổ chức cơ sở Đảng (trong tổng số 64 cơ sở Đảng) được xếp là tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh. Hiện nay, mỗi xã trong huyện chúng tôi có trung bình 1500 héc ta đất, 10 000 dân, có từ 20 đến 40 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, có hợp tác xã mua bán, có một số cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp (chế biến đường, xay xát gạo, cưa xẻ gỗ), có nhiều công trình phúc lợi công cộng, cho nên đòi hỏi cán bộ xã phải có trình độ quản lý kinh tế khá. Chúng tôi đã phát huy tính chủ động sáng tạo của xã trong tổ chức sản xuất, kết hợp sản xuất nông nghiệp với chế biến nông sản ngay từ cơ sở, nắm phân phối lưu thông để giải quyết yêu cầu của sản xuất và đời sống trong xã theo kế hoạch của huyện. Chúng tôi đã phát động được một phong trào thi đua sôi nổi giữa các xã nhằm đẩy mạnh sản xuất, xây dựng xã và làm nghĩa vụ với Nhà nước. Điều đó có ý nghĩa lớn đối với xây dựng huyện vì nó tạo nên sức mạnh tổng hợp trên địa bàn huyện.

Sau giải phóng, bộ máy của huyện mới được sắp xếp một cách chắp vá. Tuyệt đại bộ phận cán bộ của huyện đều từ trong kháng chiến ra và hầu như không có cán bộ quản lý và nghiệp vụ. Với bộ máy đó huyện gặp rất nhiều khó khăn trong buổi đầu. Vì vậy xây dựng bộ máy của huyện cũng là một nội dung quan trọng trong xây dựng huyện. Đến nay bộ máy của cấp huyện đã lớn hơn và hoạt động có nền nếp hơn nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ. Trong việc phân cấp quản lý giữa các ngành của trung ương và tỉnh, huyện, có mặt chưa thật cụ thể, rõ ràng và ổn định. Để xây dựng bộ máy các ngành ở huyện, tỉnh có chú ý chi viện cho một số cán bộ, nhưng số cán bộ đang có chủ yếu là người xuất thân từ phong trào quần chúng, từ bộ đội chuyển ngành được đào tạo và trưởng thành tại chỗ. Số cán bộ khoa học kỹ thuật còn ít. Hiện nay không kể số giáo viên, huyện có 33 cán bộ có trình độ đại học (phân bố chủ yếu cho ngành nông nghiệp, số còn lại cho các ngành công nghiệp, thống kê, thương nghiệp, y tế), và một số cán bộ có trình độ trung cấp. Tuy số lượng và chất lượng cán bộ của huyện chưa đáp ứng được yêu cầu, nhưng nhiều đồng chí đã vươn lên hoạt động tốt. Việc tháo gỡ những vướng mắc do chế độ quản lý hành chính quan liêu, bao cấp gây ra đã giúp cho các ngành, các xí nghiệp, trạm trại phát huy được tinh thần chủ động sáng tạo, mở rộng sản xuất kinh doanh. Hiện nay huyện chúng tôi đang đi vào hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ. Theo quy hoạch, ngoài số đồng chí đi học ở các trường của tỉnh và trung ương (2200 cán bộ huyện và xã), chúng tôi còn mở lớp đào tạo cán bộ ngay tại huyện. Với sự phấn đấu liên tục, đến nay bộ máy của huyện đã được tăng cường.

Việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Cai lậy đã đạt được những thành tựu đáng kể nhưng vẫn đang ở trong quá trình vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không ngừng bổ sung và hoàn thiện. Đảng bộ và nhân dân Cai lậy quyết tâm phấn đấu xây dựng huyện nhà ngày càng vững mạnh



Digitized by Google

# Hòa vang mười năm xây dựng và trưởng thành

**NGUYỄN TIẾN QUA**

*Chủ tịch UBND huyện Hòa vang*

HÒA vang là một huyện nằm ở phía bắc tỉnh Quảng nam — Đà nẵng, có diện tích tự nhiên 85 000 ha và số dân 156 000 người, trong đó có 60 452 lao động. Huyện Hòa vang có ba vùng: vùng ven biển, vùng đồng bằng và vùng núi, bán sơn địa và là một vành đai của thành phố Đà nẵng.

Trong những năm chiến tranh, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng đã tập trung một lực lượng quân sự rất lớn để tàn phá khốc liệt Hòa vang, gây nên bao đau thương tang tóc trên quê hương chúng tôi: 2/3 diện tích đất nông nghiệp bị hoang hóa hoặc biến thành khu vực quân sự; 2/3 số thôn bị cày ủi trắng, sản xuất bị tê liệt; gần một vạn người thất nghiệp; 2/3 số dân không biết chữ, nạn sốt rét và dịch bệnh lan tràn, xã hội đầy dẫy những tệ nạn của chủ nghĩa thực dân mới, v.v.

Sau ngày giải phóng (tháng 4-1975), dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là của Tỉnh ủy Quảng nam — Đà nẵng, nhân dân Hòa vang chúng tôi đã vượt qua những khó khăn do chế độ cũ để lại, từng bước đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở quê hương tiến lên.

Huyện chúng tôi đã trải qua ba thời kỳ phấn đấu: thời kỳ khôi phục sản xuất (1975 — 1978); thời kỳ cải tạo nông nghiệp, công — thương nghiệp và củng cố chính quyền ở cơ sở (1979 — 1981); thời kỳ tập trung đầu tư nhằm khai thác các tiềm năng về đất đai và lao động trên địa bàn huyện từ năm 1982 đến nay. Từ một miền quê bị chiến tranh tàn phá hầu như không còn gì, đến nay huyện Hòa vang chúng tôi đã đạt được một số thành tựu đáng phấn khởi. Chúng tôi đã bước đầu giải quyết được vấn đề lương thực, bước đầu phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, phân công lại lao động, hình thành cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện. Cùng với những tiến bộ về mặt kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, văn nghệ cũng phát triển; đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ngày càng được củng cố.

Dưới đây là mấy con số cụ thể: (Xem bảng kê ở đầu trang sau)

Do những thành tích nói trên, huyện Hòa vang đã vinh dự được đón nhận 4 huân chương Lao động của Hội đồng Nhà nước, 21 bằng khen của Hội đồng bộ trưởng và của các bộ, 37 cờ và 152 bằng khen của tỉnh... Đảng bộ huyện Hòa vang được Ban bí thư Trung ương Đảng công nhận là « đảng bộ huyện vững mạnh ».

★

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo phong trào của huyện Hòa vang 10 năm



Digitized by Google

| | Đơn vị tính | Năm 1976 | Năm 1984 | Mức tăng |
|---|---|---|---|---|
| – Diện tích gieo trồng | ha | 9000 | 25 500 | tăng 2,8 lần |
| – Tổng sản lượng lương thực | tấn | 20 400 | 70 000 | 3,4 — |
| – Số lương thực huy động | tấn | 2000 | 16 013 | 8 — |
| – Giá trị tổng sản lượng công nghiệp | triệu đồng | 2,4 | 45 | 18 — |
| – Giá trị xây dựng cơ bản | triệu đồng | | 262 | |
| – Số người đi học | người | 16 000 | 46 000 | 2,8 lần |
| – Số trường học | trường | | 51 | |
| – Số nhà trẻ | cái | | 75 | |
| – Số bệnh viện + bệnh xá | cái | 1 | 18 | 18 — |
| – Cán bộ y tế | người/vạn dân | | 40 | |
| – Số giường bệnh | cái/vạn dân | | 15 | |
| – Tỷ lệ phát triển dân số | % | 3,2 | 1,75 | |

qua, chúng tôi rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

Một là: muốn đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên *phải ra sức xây dựng đảng bộ vững mạnh gắn chặt với thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.*

Đảng bộ Hòa vang vốn có truyền thống đoàn kết thống nhất và được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng. Nhưng trước những yêu cầu của nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thể thỏa mãn với những truyền thống đó, chúng tôi chủ trương phải ra sức xây dựng đảng bộ vững mạnh về mọi mặt, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ.

Đảng bộ chúng tôi đã tổ chức nhiều đợt nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng nhằm giúp cán bộ, đảng viên hiểu rõ đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là đường lối phát triển kinh tế, từ đó, xây dựng quyết tâm thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đấu tranh khắc phục những tư tưởng, những thái độ không đúng. Chúng tôi coi việc đảng viên gương mẫu thực hiện và lôi cuốn quần chúng thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là tiêu chuẩn hàng đầu để xem xét tư cách đảng viên, mặt khác, chúng tôi tích cực chỉ đạo những nơi được chọn làm thí điểm, lấy kết quả và kinh nghiệm ở những nơi ấy tiếp tục giáo dục, nâng cao lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với đường lối, chính sách của Đảng.

Về mặt tổ chức, đi đôi với kiện toàn cấp huyện, chúng tôi tích cực củng cố các tổ chức cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng ở cơ sở; kiện toàn đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở, nhất là cán bộ chủ chốt các xã và hợp tác xã. Huyện ủy phân công một số ủy viên thường vụ phụ trách một số vùng trọng điểm, một số huyện ủy viên phụ trách một số xã và ngành quan trọng. Huyện ủy thường xuyên đi sát cơ sở, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, giúp các đảng ủy cơ sở nắm



Digitized by Google

vững nguyên tắc và phương pháp lãnh đạo, quán triệt các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ vững đoàn kết nội bộ. Các đảng bộ cơ sở đã chú ý phát động quần chúng và thông qua phong trào cách mạng của quần chúng để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Ở nhiều nơi, tổ chức Đảng đã dựa vào quần chúng, tổ chức cho quần chúng tham gia ý kiến vào việc lựa chọn, sắp xếp cán bộ, phê bình cán bộ, đảng viên, giới thiệu những người lao động ưu tú để Đảng xét kết nạp, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Đến nay, các tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền ở huyện chúng tôi đã bước đầu được củng cố và kiện toàn. Số cán bộ chủ chốt của các cấp ủy và Ủy ban nhân dân đã dần dần được trẻ hóa. Tuổi đời bình quân của các đồng chí này là 32,5 tuổi. Số lượng đảng viên tăng gấp hơn 3 lần so với ngày mới giải phóng. Sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên tương đối đồng đều. Chúng tôi coi đó là những tiền đề quan trọng để không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo của đảng bộ huyện, phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực.

Hai là, *phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng «trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ», dựa vào quần chúng, phát động phong trào quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và chủ trương của đảng bộ.*

Nhân dân Hòa vang có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm rất oanh liệt. Riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hòa vang chung niềm vinh dự của cả tỉnh được tặng tám chữ vàng: «Trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ». Nhân dân Hòa vang đã góp nhiều nhân lực, vật lực vào cuộc kháng chiến và đã lập được nhiều chiến công rất to lớn, được Nhà nước tặng 12 huân chương Thành đồng, 110 huân chương Chiến công, 687 huân chương Giải phóng, 4 569 huy chương Giải phóng, hàng chục đơn vị và hàng trăm người được phong danh hiệu Anh hùng, Dũng sĩ diệt Mỹ.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, để hoàn thành được những nhiệm vụ do Đảng đề ra, chúng tôi chủ trương phải thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang đó của quê hương, chuyển ý chí kiên cường trong đấu tranh chống Mỹ sang thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chúng tôi coi việc phát động phong trào cách mạng của quần chúng là điều có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Ngay sau ngày giải phóng, chúng tôi đã phát động phong trào nhân dân trở về làng cũ, phá gỡ bom mìn, khai hoang phục hóa, khôi phục sản xuất. Nhân dân rất hào hứng thực hiện chủ trương này. Nhiều người đã anh dũng hy sinh trong cuộc tháo gỡ bom mìn, giải phóng hơn 5 900 héc ta đất canh tác. Chưa đầy 2 năm sau ngày giải phóng đời sống nhân dân đã bắt đầu ổn định, phần lớn đất đai hoang hóa được đưa vào sản xuất.

Khi diện tích đất canh tác được mở rộng, chúng tôi phát động quần chúng làm thủy lợi nhỏ, sau đó thực hiện «Nhà nước và nhân dân cùng làm» để xây dựng các trạm bơm điện và hồ chứa nước có quy mô vừa. Trong 5 năm đầu, toàn huyện đã xây dựng được một hệ thống thủy lợi đủ sức tưới và tiêu nước cho 5 000 ha đất canh tác, đưa diện tích gieo trồng lúa nước lên 14 000 ha. Tổng số vốn đầu tư cho thủy lợi đến nay là 75 triệu đồng.

Đi đôi với phong trào làm thủy lợi, chúng tôi phát động phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Huyện ủy xác



Digitized by Google

định đây là một cuộc vận động chính trị rộng lớn và sâu sắc trong huyện và đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo một cách chặt chẽ, cho nên chỉ trong vòng 2 năm chúng tôi đã xây dựng được 22 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp trong huyện.

Những năm gần đây, chúng tôi tổ chức các cuộc vận động thâm canh tăng năng suất cây trồng bằng cách sử dụng các giống mới, các biện pháp kỹ thuật mới, cải tiến quản lý trong nông nghiệp, phát động phong trào dầy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tạo ra một sự chuyển biến mới trong quan hệ gắn bó giữa nông nghiệp và công nghiệp.

Trên mặt trận tư tưởng và văn hóa cũng có nhiều phong trào nối tiếp nhau, như: phong trào xóa nạn không biết chữ, phong trào học bổ túc văn hóa trong cán bộ và nhân dân, phong trào xây dựng ba công trình vệ sinh, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, cuộc vận động quy hoạch mồ mả, mở rộng diện tích sản xuất, v.v. Cuối năm 1977, huyện chúng tôi xóa xong nạn không biết chữ và đến nay đã có 7 xã thực hiện tốt cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch.

Hình thức ký kết giao ước thi đua giữa các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ quan, xí nghiệp trong huyện cũng như giữa các đơn vị huyện với các địa phương bạn đã tạo nên một không khí thi đua sôi nổi, đem lại hiệu quả thiết thực trong sản xuất và công tác. Và cũng chính từ các phong trào thi đua này nhiều điển hình tiên tiến đã xuất hiện. Trong nông nghiệp có các hợp tác xã Hòa châu 1, Hòa châu 2, Hòa tiến 1, Hòa tiến 2, Hòa xuân, Hòa phước, Hòa quý... là những hợp tác xã đạt năng suất lúa từ 12 đến 16 tấn/ha/năm. Trong sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có các hợp tác xã sản xuất vôi Hòa thọ, hợp tác xã giấy Hưng việt, hợp tác xã gạch ngói Thanh bình, hợp tác xã gỗ Quyết tiến, hợp tác xã chế biến nước mắm xuất khẩu Nam ô... Hợp tác xã Hòa châu 1 là «lá cờ đầu của phong trào thông tin cơ sở cả nước», xã Hòa tiến được Bộ quốc phòng công nhận là đơn vị Quyết thắng 10 năm liền, xã Hòa hải là đơn vị làm tốt công tác bảo vệ bờ biển, chống vượt biên, vượt biển v.v.

Thực tiễn cũng cho chúng tôi thấy, muốn phát động được các phong trào cách mạng của quần chúng, các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng phải phối hợp nhịp nhàng trong công tác vận động quần chúng, làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đồng thời có chế độ khuyến khích bằng lợi ích vật chất một cách hợp lý.

Ba là, *tiến hành đồng thời «ba cuộc cách mạng», kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa với xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó lấy xây dựng làm chính.*

Cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xác lập, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới là con đường tất yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương chúng tôi. Thực hiện chủ trương của Đảng, trên mặt trận nông nghiệp, huyện chúng tôi đã tiến hành nhanh gọn việc điều chỉnh ruộng đất cho nông dân, sớm tổ chức các tổ vần công, đổi công, và ở những nơi có điều kiện thì thành lập ngay các hợp tác xã, từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Chúng tôi kết hợp phong trào hợp tác hóa với phong trào làm thủy lợi. Tùy tình hình cụ thể, có nơi chúng tôi tổ chức hợp tác xã trước rồi mới tổ chức làm thủy lợi nhưng cũng có nơi làm thủy lợi trước để làm cơ sở cho việc hợp tác hóa. Nơi nào có điều kiện thì tiến hành đồng thời cả hai việc, kết hợp chặt chẽ hợp tác hóa với thủy lợi hóa. Cách làm ấy đã được nhân dân ở địa



Digitized by Google

phương chúng tôi nhiệt liệt hưởng ứng. Đến nay toàn huyện đã xây dựng được 24 hợp tác xã nông nghiệp gồm 300 đội sản xuất, thu hút 82% lực lượng lao động với gần 79% diện tích đất canh tác.

Trong sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi tổ chức thợ thủ công vào các tổ hợp tác sản xuất, xây dựng một số hợp tác xã chuyển doanh. Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, chúng tôi vừa chăm lo xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vừa tăng cường công tác cải tạo thương nhân, tăng cường quản lý thị trường. Hiện nay, toàn huyện đã xây dựng được 81 hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, 41 tổ hợp tác sản xuất, thu hút 7500 lao động; 6 cửa hàng thương nghiệp quốc doanh, 18 hợp tác xã mua bán với 132 điểm bán hàng có khả năng chiếm lĩnh phần lớn thị trường nông thôn và phục vụ tốt nhân dân.

Cùng với những việc làm nói trên, chúng tôi coi trọng việc tiến hành cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật để phục vụ công cuộc cải tạo và xây dựng ở địa phương. Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo việc đầu tư vào công tác khoa học — kỹ thuật, xây dựng một số cơ sở khoa học phục vụ sản xuất. Những tiến bộ khoa học từng bước được đưa vào sản xuất trên đồng ruộng, trong xí nghiệp. Những giống lúa mới được sử dụng rộng rãi, chế độ thâm canh được thực hiện tương đối đồng bộ, cơ cấu cây trồng được xác định tương đối hợp lý. Chính nhờ đó mà năng suất cây trồng và con vật nuôi ở huyện chúng tôi tăng lên khá nhanh. Năm 1984, trong hoàn cảnh thời tiết và vật tư rất khó khăn, huyện chúng tôi lần đầu tiên đạt năng suất lúa bình quân hơn 10 tấn/ha, có hợp tác xã đạt 17 tấn/ha.

Từ nhận thức về tầm quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, đảng bộ Hòa vang đã gắn chặt công tác tư tưởng và văn hóa với việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cùng với việc xóa nạn không biết chữ, mở rộng các lớp học bổ túc văn hóa, chúng tôi phát động nhân dân từng bước quét sạch tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi đặc biệt coi trọng việc giáo dục tư tưởng làm chủ tập thể trong nhân dân, đồng thời coi trọng việc quét sạch những văn hóa phẩm đồi trụy, phản động do chủ nghĩa thực dân mới để lại, bài trừ hủ tục, mê tín, xây dựng quy ước mới về hội hè, cưới xin, tang lễ để góp phần thiết thực vào việc xây dựng nông thôn mới, nếp sống mới. Toàn huyện xây dựng 34 đài, trạm truyền thanh, 150km đường dây, 7000 chiếc loa lớn nhỏ, xây dựng 15 nghĩa trang với 12 000 ngôi mộ.

Bốn là, *sắp xếp lại sản xuất và cải tiến quản lý từ huyện đến cơ sở.*

Xuất phát từ đặc điểm tự nhiên và xã hội của huyện, được sự giúp đỡ của cấp trên, chúng tôi đã tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng vùng của huyện, chia huyện thành 4 vùng kinh tế — dân cư và 6 cụm kinh tế — kỹ thuật, xác định lại phương hướng sản xuất chung của huyện cũng như phương hướng sản xuất của từng vùng. Trên cơ sở đó, huyện giúp các cơ sở xác định rõ thế mạnh và trọng tâm công tác của mình để có kế hoạch đầu tư các mặt một cách hợp lý và chủ động điều hành công tác. Trong 5 năm qua, chúng tôi đã đưa 3 700 lao động dư thừa trong nông nghiệp sang làm các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đưa 3 000 dân lên khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới ở miền tây của huyện, và đưa hơn 10 000 người đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở ngoài tỉnh. Các hợp tác xã nông nghiệp cũng đã bố trí một lực lượng



Digitized by Google

lao động đáng kể làm các nghề phụ. Đến nay, hằng năm mỗi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thêm từ 50 vạn đến 2 triệu đồng thu nhập từ các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Trong việc sắp xếp lại sản xuất, phân bố lại lao động, chúng tôi chú ý kết hợp tính chủ động của cơ sở với vai trò điều hòa phân bố của huyện. Chúng tôi yêu cầu các cơ sở phải tự tính toán cân đối đất đai và lao động của mình để chủ động có kế hoạch bố trí hợp lý. Huyện có trách nhiệm chỉ đạo và giúp đỡ một phần về phương tiện và tài chính.

Song song với việc sắp xếp lại sản xuất, chúng tôi chăm lo cải tiến quản lý ở cơ sở, thực hiện chính sách khoán mới trong nông nghiệp. Năm 1984, đã có 100% số hợp tác xã, số hộ nông dân nhận khoán, cả 100% đều đạt và vượt mức khoán. Mối quan hệ giữa hợp tác xã và xã viên được tăng cường, xã viên hăng hái sản xuất. Mức thu nhập lương thực bình quân đầu người ở huyện chúng tôi từ 144 kg năm 1976 đã tăng lên 450 kg năm 1984.

Trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi quy định: huyện quản lý một số xí nghiệp quốc doanh mà quy trình kỹ thuật không phức tạp, sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn huyện; phường, xã quản lý các tổ sản xuất và nghề phụ gia đình. Hiện nay chúng tôi đang triển khai việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của BCHTƯĐ (khóa V) về xóa bỏ quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhờ có những biện pháp thích hợp mà ở Hòa vang, cùng với nông nghiệp, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển khá mạnh. Tính ra các ngành nghề ở Hòa vang đã sản xuất hơn 500 mặt hàng chủ yếu bằng những nguyên liệu khai thác tại địa phương, nâng giá trị sản lượng của toàn ngành năm 1984 lên 45 triệu đồng, gấp 18 lần so với năm 1976. Tình hình đó làm cho tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp ở huyện chúng tôi ngày càng thay đổi. Nếu như năm 1976 giá trị sản lượng công nghiệp chỉ chiếm gần 20%, nông nghiệp chiếm hơn 70%, thì đến năm 1984 công nghiệp chiếm hơn 40%; nông nghiệp chiếm hơn 50% giá trị tổng sản lượng công — nông nghiệp của huyện (chưa kể lâm nghiệp).

Tuy nhiên, trên bước đường đi lên của mình, huyện Hòa vang chúng tôi cũng còn có những khó khăn, thiếu sót và nhược điểm. Khó khăn lớn nhất và tập trung nhất là điều kiện sản xuất, cơ sở vật chất — kỹ thuật của huyện còn nghèo nàn; trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là năng lực chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và quản lý kinh tế của các cấp ủy Đảng và cơ quan chính quyền từ huyện đến cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Chúng tôi đang tìm cách khắc phục khó khăn, thiếu sót để tiếp tục vươn lên lãnh đạo nhân dân hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng ở huyện nhà, xây dựng huyện thành huyện giàu mạnh và phồn thịnh vững chắc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Digitized by Google

# Nam hải – một hợp tác xã thủ công nghiệp tiên tiến

ĐẠM MAI

HỢP tác xã thủy tinh Nam hải (huyện Kiến an, Hải phòng) là một cơ sở sản xuất khá đặc biệt và nổi tiếng. Nó đặc biệt là vì hơn 80% xã viên thuộc diện thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội, những người tàn tật, những người nguyên là thanh niên chậm tiến; và do một đồng chí thương binh hạng đặc biệt làm chủ nhiệm. Nó nổi tiếng là vì trong nhiều năm nó là lá cờ đầu của toàn ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cả nước, đã được nhận nhiều phần thưởng cao quý của Hội đồng Nhà nước, của Chủ tịch nước, của Hội đồng bộ trưởng, của nhiều bộ, ngành, đoàn thể và địa phương; đã vinh dự đón nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, nhiều đoàn khách quốc tế và trong nước đến thăm.

Từ một tổ hợp tác làm hộp giấy đựng thuốc được thành lập năm 1963, đến nay Nam hải đã trở thành một hợp tác xã thủy tinh có quy mô tương đương một xí nghiệp quốc doanh, bao gồm 430 lao động, 35 triệu đồng tài sản cố định, chuyên sản xuất chai lọ y tế cho 7 xí nghiệp trung ương và địa phương và sản xuất nhiều mặt hàng thủy tinh cao cấp phục vụ sản xuất, nghiên cứu khoa học và đời sống nhân dân. Quá trình xây dựng và trưởng thành của hợp tác xã Nam hải là quá trình phấn đấu rất gian khổ nhưng liên tục đạt được những thành tích vẻ vang. Sự trưởng thành và những thành tích của hợp tác xã gắn liền với công lao to lớn của người chủ nhiệm thương binh Nguyễn Hữu Vọng và sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ đảng ở đây.

## Về người chủ nhiệm thương binh Nguyễn Hữu Vọng.

Nói tới hợp tác xã Nam hải không thể không nhắc tới người chủ nhiệm Nguyễn Hữu Vọng, cũng như nhắc tới cuộc đời người đảng viên thương binh Nguyễn Hữu Vọng trong hơn 20 năm qua không thể không nói tới bước đường đi lên của hợp tác xã Nam hải. Xã viên hợp tác xã Nam hải khẳng định rằng có anh Vọng mới có hợp tác xã Nam hải, hợp tác xã Nam hải đã rèn luyện, nâng bước đi lên cho anh Vọng, trong khi anh Vọng là người thành lập, người lãnh đạo, là trụ cột và linh hồn của hợp tác xã. Gặp anh Vọng không ai không xúc động, không cảm phục và yêu mến. Sức hấp dẫn và cảm hóa của anh trước hết là sức hấp dẫn và cảm hóa của một người chiến sĩ cách mạng, một đảng viên cộng sản rất giàu nghị lực và ý chí phấn đấu, gương mẫu, tận tụy trong việc làm, liêm khiết, trong sạch trong lối sống và chan chứa lòng nhân ái, tình yêu thương đối



Digitized by Google

với con người, đối với đồng chí và đồng đội.

Là một thương binh từ trong kháng chiến chống Pháp, tay trái bị cụt, tay phải bị tật, một mắt bị mù, một mắt bị lòa, lại bị bệnh huyết áp cao, anh Vọng thuộc diện được Nhà nước nuôi dưỡng hoàn toàn. Nhưng anh không chấp nhận điều đó. Anh đã xin ra khỏi trại an dưỡng tìm việc làm để tự nuôi sống mình và đóng góp cho xã hội. Năm 1963, với 50 đồng tiền trợ cấp thương tật của mình làm vốn, anh đứng ra thành lập hợp tác xã nhằm tạo việc làm cho một số gia đình có người thân đang chiến đấu và công tác ở chiến trường B, C; và bắt đầu từ đó anh gắn đời mình với hợp tác xã. Suốt 20 năm làm chủ nhiệm, anh đã làm việc hết sức, hết lòng vì sự lớn mạnh của hợp tác xã. Anh luôn luôn có mặt ở nơi khó khăn, ác liệt nhất để duy trì sản xuất và động viên xã viên hăng hái, tự giác lao động. Anh thường xuyên đến kiểm tra các ca sản xuất ban đêm, các ca sản xuất trong các ngày nghỉ. Những đêm mưa rét, vết thương đau nhức anh vẫn gắng dậy từ hai, ba giờ sáng để đến với lò. Mỗi ngày trôi qua là một ngày anh phải tự đấu tranh với bệnh tật để làm việc liên tục, để chăm lo từng công việc của tập thể.

Những năm giặc Mỹ đánh phá miền Bắc nước ta, việc tổ chức sản xuất gặp nhiều khó khăn, anh Vọng càng phải làm việc nhiều hơn. Anh vừa lãnh đạo sản xuất ở cơ sở chính của hợp tác xã vừa lãnh đạo sản xuất ở nơi sơ tán, lại vừa có mặt thường xuyên ở nơi trực chiến của đơn vị tự vệ, động viên anh em sẵn sàng chiến đấu. Có lần thuyền chở nguyên liệu sản xuất của hợp tác xã bị đắm ở khúc sông có bom nổ chậm, anh Vọng đã cùng một số anh em dũng cảm và mưu trí cứu được thuyền. Có thời gian địch đánh phá bến than rất căng thẳng, anh Vọng tổ chức một tổ tình nguyện gồm 12 người do anh làm tổ trưởng đi lấy than trong điều kiện rất nguy hiểm, sẵn sàng chấp nhận sự hy sinh. Trận ném bom hủy diệt của máy bay B 52 cuối năm 1972 đã làm cho toàn bộ nhà xưởng, thiết bị của hợp tác xã bị phá hủy, 6 chiến sĩ tự vệ hy sinh. Anh đã cùng ban lãnh đạo hợp tác xã tổ chức thu dọn và đưa xã viên đi sơ tán, chỉ còn anh và một đồng chí ở lại trông coi cơ sở. Bị thương tật như vậy nhưng trong lãnh đạo sản xuất và chiến đấu chưa bao giờ anh chịu lùi lại phía sau.

Nam hải là cơ sở sản xuất tập thể, việc cấp nguyên liệu, vật tư cho hợp tác xã thường không bảo đảm đúng hợp đồng, anh Vọng đã phải chủ động liên hệ với nhiều cơ quan, nhiều ngành, phải chạy vạy rất gian khổ mới có đủ nguyên liệu, vật tư cho sản xuất. Và nhờ thế, từ ngày thành lập đến nay, năm nào Nam hải cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất với khối lượng năm sau cao hơn năm trước, với mặt hàng ngày càng phong phú và chất lượng cao.

Xã viên Nam hải rất khâm phục, kính trọng và hết lời ca ngợi người chủ nhiệm của mình về phẩm chất đạo đức, về sự công tâm, sự trong sáng trong tư tưởng, tình cảm và trong lối sống. Cho đến hôm nay, anh Vọng đã sống hơn 60 năm ở đời và có gần 40 tuổi Đảng, trong đó 30 năm anh công tác và làm việc không tiếc sức mình trong điều kiện sức khỏe xếp loại thương tật đặc biệt. Hơn 20 năm làm chủ nhiệm hợp tác xã, anh luôn luôn giữ được cuộc sống trong sạch, giản dị, trung thực và gần gũi mọi xã viên. Anh làm việc hết lòng vì tập thể, thật sự nêu gương "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư". Trong hoàn cảnh kinh tế và đời sống còn khó khăn, bản thân mình là chủ nhiệm và đã có



Digitized by Google

những đóng góp không nhỏ cho hợp tác xã nhưng anh chưa bao giờ đòi hỏi một quyền lợi, một sự ưu tiên cho riêng mình và chưa hề xâm phạm tới tài sản, tiền nong của tập thể. Chính điều đó đã có sức cảm hóa và thuyết phục lớn đối với xã viên. Đối với các cơ quan giao dịch, anh chân tình, thẳng thắn, cố gắng tránh những sự «móc ngoặc» chỉ biết lợi ích cá nhân, lợi ích cục bộ mà quên lợi ích của Nhà nước. Anh xây dựng cho xã viên Nam hải ý thức phục vụ không điều kiện. Các cơ quan về nhận hàng ở Nam hải, dù đến vào giờ nào cũng được hợp tác xã phục vụ chu đáo, nhanh chóng, không bị gây khó khăn, phiền hà. Khách hàng đã một lần đến Nam hải khi ra về đều giữ lại ấn tượng tốt đẹp.

Đối với xã viên của hợp tác xã, anh thương yêu, trân trọng một cách chân thành. Anh gần gũi và hiểu rõ hoàn cảnh, cuộc sống từng người, từng gia đình. Anh chăm lo, giúp đỡ họ như chăm lo cho những người thân của mình. Và chính anh là người đã quyết tâm và kiên trì thuyết phục hợp tác xã nhận những người tàn tật, mù lòa, những thanh niên chậm tiến vào hợp tác xã, bố trí việc làm cho họ, tạo điều kiện để họ tiến bộ. Không phải ngẫu nhiên mà hiện nay những người tàn tật, mù lòa, những thanh niên chậm tiến đã trưởng thành ở Nam hải đều quý trọng anh, coi anh như người ruột thịt.

## Sự lãnh đạo vững vàng của chi bộ hợp tác xã Nam hải.

Sự đi lên và lớn mạnh của hợp tác xã Nam hải còn là do có sự lãnh đạo vững vàng của chi bộ hợp tác xã. Đây là nhân tố cơ bản bảo đảm cho hợp tác xã phát triển một cách mạnh mẽ và đúng hướng.

Trong những năm đầu, ở hợp tác xã Nam hải chỉ có một vài đảng viên. Năm 1967 chi bộ hợp tác xã mới được thành lập. Và cho đến nay cũng chỉ có 18 đảng viên (chiếm hơn 4% tổng số xã viên của hợp tác xã). Nhưng trong suốt quá trình đi lên của hợp tác xã, chi bộ vẫn cố gắng phát huy được vai trò quyết định của mình, thật sự là *hạt nhân lãnh đạo* của hợp tác xã.

Sở dĩ như vậy là do chi bộ đã cố gắng làm tốt công tác củng cố, xây dựng tổ chức, giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đoàn kết nội bộ, tăng cường vận động quần chúng, tạo ra được một sức mạnh tổng hợp dưới sự lãnh đạo của chi bộ. Đặc biệt là, chi bộ đã thực hiện khá tốt việc phân công đảng viên vào các lĩnh vực công tác, kể cả công tác vận động quần chúng, đồng thời chú trọng việc quản lý đảng viên. Chi bộ chú ý tổ chức cho đảng viên tự phê bình trong chi bộ, trong đơn vị sản xuất theo nhiệm vụ được giao và yêu cầu mọi đảng viên phải hành động thống nhất theo nghị quyết của chi bộ. Sinh hoạt chi bộ được tiến hành dều đặn. Hằng năm chi bộ tổ chức để quần chúng phê bình đảng viên, phê bình sự lãnh đạo của chi bộ. Quần chúng ở Nam hải đánh giá cao sự lãnh đạo của chi bộ, thừa nhận vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên. Qua nhiều lần xác định tư cách đảng viên, 100% số đảng viên trong chi bộ được công nhận là đủ tư cách. 100% số đảng viên là lao động tiên tiến, nhiều đảng viên là chiến sĩ thi đua. Năm 1984, có 9 đảng viên là chiến sĩ thi đua trong tổng số 18 chiến sĩ thi đua của hợp tác xã. Chi bộ hợp tác xã Nam hải là một trong 5 tổ chức cơ sở Đảng đầu tiên được đảng bộ thành phố Hải phòng công nhận là tổ chức cơ sở Đảng trong sạch và vững mạnh.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo của mình, chi bộ hợp tác xã Nam hải đã xây dựng một phương thức lãnh đạo



Digitized by Google

đúng đắn nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức trong hợp tác xã từ ban chủ nhiệm đến Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội phụ nữ. Chi bộ cùng các đoàn thể xác định rõ chức năng của từng tổ chức, động viên các tổ chức chủ động và hăng hái xây dựng hợp tác xã. Vai trò lãnh đạo của chi bộ thể hiện trước hết trong việc *lãnh đạo hợp tác xã tổ chức tốt sản xuất*. Sản xuất là vấn đề sống còn của hợp tác xã, là thước đo năng lực lãnh đạo hợp tác xã của chi bộ. Trên cơ sở xác định rõ phương hướng sản xuất, hằng năm chi bộ lãnh đạo hợp tác xã xây dựng tốt kế hoạch sản xuất rồi đưa về các tổ sản xuất dân chủ bàn bạc và tổ chức thực hiện. Chi bộ đặc biệt chú ý lãnh đạo hợp tác xã cải tiến công tác quản lý, thực hiện tốt nguyên tắc quản lý tập thể. Đội ngũ cán bộ của hợp tác xã từ tổ phó sản xuất trở lên đều được bồi dưỡng kiến thức quản lý qua các lớp học do hợp tác xã mở. Hợp tác xã xác định rõ chức năng của từng cán bộ để mỗi người phát huy tính chủ động, năng động trong công tác. Hợp tác xã còn mạnh dạn tổ chức lại bộ phận quản lý sản xuất từ hợp tác xã đến tổ sản xuất sao cho thật gọn nhẹ và thuận tiện. Nhờ vậy, số lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ rất thấp: 18 người/430 xã viên. Đối với xã viên, từ năm 1967 hợp tác xã bắt đầu nghiên cứu xây dựng các định mức lao động, vật tư, kỹ thuật; đến năm 1976 hợp tác xã đã có 146 định mức khá hoàn chỉnh làm căn cứ để thực hiện khoán có thưởng theo lũy tiến đến từng tổ, từng máy, từng người lao động, góp phần đưa năng suất lao động tăng từ 15% đến 25%. Hiện nay ở hợp tác xã Nam hải có 192 định mức cho 48 mặt hàng, trong đó có nhiều định mức ngày càng được hoàn chỉnh, và có phần chặt chẽ hơn của một số xí nghiệp quốc doanh.

Để nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng mặt hàng sản xuất, chi bộ có kế hoạch động viên và khuyến khích xã viên phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mạnh dạn tạo điều kiện cho kỹ sư, cán bộ kỹ thuật nghiên cứu đề tài. Hợp tác xã khen thưởng kịp thời và áp dụng rộng rãi những sáng kiến có giá trị. Nhờ thế các kỹ sư công tác ở hợp tác xã Nam hải rất yên tâm với công việc của mình; phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật ngày càng lôi cuốn đông đảo xã viên tham gia và góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Từ tháng 5-1984 phân xưởng sản xuất phích nước chính thức hoạt động. Sự ra đời và hoạt động của phân xưởng phích nước là một thành công lớn, một bước tiến vượt bậc của hợp tác xã Nam hải, nó xác nhận năng lực lãnh đạo và trình độ chuyên môn vững vàng của đội ngũ cán bộ Nam hải. Nó khẳng định một chủ trương đúng mà chi bộ đã đề ra.

Sản xuất của hợp tác xã phát triển, giá trị tổng sản lượng tăng lên qua từng năm: 1965: hơn 142 000 đồng; 1970: 270 000 đồng; 1975: hơn 2 triệu đồng; 1980: hơn 3 triệu đồng; 1984: hơn 14 triệu đồng. Thu nhập của xã viên cũng tăng không ngừng: 1981: 250 đồng/người/tháng; 1983: 465 đồng/người/tháng; 1984: 748 đồng/người/tháng (chưa kể bữa ăn trưa mỗi ngày 13 đồng). Các chế độ phúc lợi được bảo đảm.

Cùng với việc lãnh đạo tổ chức tốt sản xuất, chi bộ lãnh đạo hợp tác xã chăm lo *xây dựng đội ngũ những người lao động mới* có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có ý thức làm chủ tập thể đối với hợp tác xã, có văn hóa, có tay nghề vững. Chi bộ coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, gắn công tác giáo dục tư tưởng với những biện pháp quản lý của hợp tác xã. Chi bộ giao cho từng đảng viên tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết, chính sách



Digitized by Google

của Đảng đến từng xã viên. Mỗi ngày lễ kỷ niệm, chi bộ đều tổ chức để các đoàn thể sinh hoạt chính trị, nghe thời sự. Các đợt sinh hoạt chính trị này đều được cụ thể hóa bằng các đợt thi đua sản xuất sôi nổi. Chi bộ coi trọng việc sử dụng hệ thống loa truyền thanh của hợp tác xã để đưa tin sản xuất, phổ biến các chủ trương của chi bộ, của hợp tác xã, nêu gương người tốt, việc tốt... Hợp tác xã thực hiện phạt rất nghiêm đối với những người tham ô, lãng phí nguyên liệu, vật tư, tài sản của hợp tác xã và khen thưởng kịp thời những người phát hiện các hiện tượng tiêu cực.

Chi bộ cùng ban chủ nhiệm hợp tác xã chăm lo nâng cao trình độ văn hóa cho xã viên, coi việc học văn hóa là một trong những tiêu chuẩn thi đua của xã viên, tạo điều kiện cho xã viên đi học. Các lớp học được tổ chức thường xuyên tại hợp tác xã. Khi vào hợp tác xã một số xã viên chưa biết chữ, nhiều người mới học lớp 1, lớp 2. Đến nay hợp tác xã có 5 kỹ sư (có 2 người tốt nghiệp đại học tại chức tại hợp tác xã), 10 cán bộ trung cấp, 39% xã viên có trình độ văn hóa cấp III, 42% cấp II, 9% cấp I và không còn ai không biết chữ (người mù biết đọc chữ nổi). Trình độ văn hóa được nâng cao đã giúp cho xã viên tiếp thu nhanh khoa học kỹ thuật và phát huy nhiều sáng kiến, cải tiến trong sản xuất.

Chi bộ hợp tác xã Nam hải còn quan tâm đào tạo thợ, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho xã viên. Hợp tác xã đã đào tạo được 385 thợ kỹ thuật thủy tinh, thợ cơ điện, cơ khí từ bậc 1 đến bậc 6; ngoài ra còn đào tạo giúp cho 8 đơn vị bạn 156 thợ thủy tinh. Hiện nay Nam hải đang gửi 62 thợ kỹ thuật sang học tập và lao động tại Cộng hòa dân chủ Đức và Tiệp khắc.

Trong việc xây dựng đội ngũ những người lao động mới, ở Nam hải nổi lên vấn đề giáo dục thanh niên chậm tiến và tạo được cuộc sống có ích, ổn định cho người tàn tật. Đây là một nét rất đặc biệt của hợp tác xã Nam hải. Từ năm 1967 đến nay hợp tác xã nhận 86 thanh niên chậm tiến vào hợp tác xã. Họ đã từng ăn chơi lêu lổng, trộm cắp, cướp giật, nhiều người đã can án bị tập trung cải tạo từ một năm đến tám năm. Việc tiếp nhận cũng như giáo dục thanh niên chậm tiến quả thật là một vấn đề khó khăn. Khi đề ra chủ trương này chi bộ phải họp nhiều lần, bàn bạc kỹ để thống nhất về quan niệm và biện pháp giáo dục. Các đoàn thể, các tổ sản xuất cũng họp nhiều lần để nhất trí với chủ trương của chi bộ. Trên cơ sở đó mỗi năm hợp tác xã nhận một số người. Mỗi lần như vậy tổ chức Đảng và Đoàn phân công đảng viên và đoàn viên ưu tú kèm cặp, giúp đỡ họ về nghề nghiệp, về phẩm cách. Chi bộ còn phối hợp với công an địa phương để nắm vững diễn biến tư tưởng từng người. Được giáo dục bằng chính cuộc sống lao động, được sống trong sự bình đẳng, thương yêu của mọi người, sự giúp đỡ chỉ bảo tận tình của cán bộ từ ban chủ nhiệm đến tổ sản xuất, những thanh niên này đã trở thành những người lao động lương thiện. 32 người trở thành đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, 18 người lên đường bảo vệ Tổ quốc, 14 người chuyển sang đơn vị khác. Số anh em còn ở hợp tác xã đều là người lao động tốt, có người là chiến sĩ thi đua, là tổ trưởng, tổ phó sản xuất. Điều đáng mừng là không một người nào trở lại con đường hư hỏng.

Với sự thông cảm và thương yêu sâu sắc đối với những người có hoàn cảnh giống như mình, từ năm 1970 đến



Digitized by Google

nay anh Vọng còn đề nghị với chi bộ và hợp tác xã thu nhận 26 người bị mù lòa, tàn tật không nơi nương tựa làm xã viên của hợp tác xã Nam hải, sắp xếp việc làm thích hợp cho họ, giúp đỡ họ trở thành những người có ích. Đến nay, nói chung số người này đã có cuộc sống ổn định như những xã viên bình thường khác. Một số người đã xây dựng gia đình riêng. Họ đã tìm thấy niềm vui, hạnh phúc trong lao động, trong tình thương yêu của hợp tác xã, gắn bó với hợp tác xã và coi hợp tác xã là gia đình lớn của mình.

Chi bộ rất chú trọng lãnh đạo *chăm lo đời sống mọi mặt cho xã viên*, coi việc bảo đảm đời sống cho xã viên là điều kiện quan trọng giúp xã viên yên tâm, tập trung sức hoàn thành nhiệm vụ sản xuất. Chi bộ đã có nhiều nghị quyết về vấn đề này. Từ năm 1967 đến nay, theo chủ trương của chi bộ, hợp tác xã thành lập hội đồng sản xuất và phân phối để giải quyết mọi vấn đề về sản xuất và phân phối của hợp tác xã. Ban đời sống hiểu rõ hoàn cảnh, thu nhập của từng gia đình xã viên, bố trí công việc làm thêm ở nhà cho từng gia đình để tăng thu nhập. Nhờ vậy, mức thu nhập của các gia đình không chênh lệch nhau nhiều. Những gia đình quá túng thiếu được hợp tác xã trợ cấp đột xuất.

Là cơ sở sản xuất tập thể nhưng hợp tác xã Nam hải đã sớm thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động cho xã viên ngang với các xí nghiệp quốc doanh. Ngay từ năm 1967 xã viên đã được nghỉ phép năm, được nghỉ và chăm sóc khi đau ốm, khi sinh đẻ... Những xã viên có 15 năm công tác ở hợp tác xã khi hết tuổi lao động được nghỉ hưu hưởng 75% lương. Hợp tác xã trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như quần áo, găng tay, kính chống nóng... Các chế độ bồi dưỡng độc hại được thực hiện đầy đủ. Người bị tai nạn lao động phải nghỉ việc được hưởng 100% lương...

Hợp tác xã có khu nhà tập thể tuy còn đơn sơ nhưng cũng đủ chỗ ở cho 50% gia đình xã viên. Xã viên ở nhà tập thể của hợp tác xã không phải trả tiền nhà, tiền điện, tiền nước. Nhà trẻ, lớp mẫu giáo của hợp tác xã thu hút 100% các cháu trong độ tuổi. Trẻ em ở nhà trẻ và lớp mẫu giáo được hợp tác xã cho ăn bữa trưa và được trạm y tế của hợp tác xã chăm sóc sức khoẻ. Những cháu đến tuổi lao động được hợp tác xã bố trí việc làm.

Đời sống tinh thần của xã viên Nam hải cũng khá phong phú. Loa truyền thanh của hợp tác xã hoạt động rất đều. Các sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao được hợp tác xã khuyến khích. Đội văn nghệ có trên 30 người, đã phục vụ hàng trăm buổi cho cơ sở và địa phương. Đội bóng chuyền, đội bóng bàn hoạt động thường xuyên, đã nhiều lần tham gia thi đấu hữu nghị. Hằng tuần xã viên có giờ sinh hoạt văn nghệ, sinh hoạt câu lạc bộ. Hàng quý xã viên được xem phim, xem văn nghệ.

Có cuộc sống vật chất tạm đủ, có cuộc sống tinh thần tương đối thoải mái, xã viên Nam hải gắn bó với hợp tác xã. Từ trước đến nay không có xã viên nào tự động bỏ hợp tác xã ra buôn bán. Ở Nam hải hầu như không có hiện tượng trộm cắp tài sản của hợp tác xã. Trái lại, xã viên chăm lo xây dựng hợp tác xã, thật sự thương yêu, đùm bọc nhau.

Trong bước trưởng thành của hợp tác xã Nam hải, bên cạnh những cố gắng của cán bộ và xã viên, phải kể đến sự giúp đỡ tận tình, sự động viên lớn lao của các ngành, các cấp, các đoàn thể đối với hợp tác xã. Sự giúp đỡ và động viên đó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với cán bộ và xã viên Nam hải.



Digitized by Google

Tuy nhiên, trong quá trình trưởng thành của mình, hợp tác xã Nam hải cũng gặp không ít khó khăn do một số cơ quan hữu quan chưa coi trọng đúng mức vị trí của hợp tác xã. Trong nhiều năm nay hợp tác xã Nam hải đã sản xuất một khối lượng hàng rất lớn: 1000 tấn chai lọ y tế, 25 — 30 triệu ống dựng thuốc tiêm và nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng khác. Sản phẩm của hợp tác xã đều giao đủ 100% và đúng theo kế hoạch Nhà nước, sản phẩm ngoài kế hoạch cũng đều giao theo giá chỉ đạo, nhưng hợp tác xã lại không được cung cấp đầy đủ nguyên liệu, vật tư như hợp đồng kinh tế đã ký kết. Năm 1984 hợp tác xã không được cung cấp hóa chất để nấu chảy xi li cát trong khi có những nhà máy thủy tinh được cấp dùng không hết, hợp tác xã phải đến vay. Tháng 11-1984 do không được cấp đủ than, ban lãnh đạo hợp tác xã phải huy động tiền mặt của xã viên mua than ngoài. Việc mua gạo hằng tháng cho xã viên cũng gặp rất nhiều khó khăn và những điều bất hợp lý, v.v. Nếu những điều bất hợp lý nói trên được khắc phục, chắc chắn Nam hải còn thu được nhiều thành tích hơn nữa trong sản xuất.

Năm 1985, hợp tác xã phấn đấu đạt giá trị tổng sản lượng 24 triệu đồng, mặt hàng sản xuất mới là bóng điện và 5 mặt hàng khác là bình đong xăng dầu, bình đựng nước lọc, bóng đèn ốp tic cho tín hiệu đường sông, phích nước 1,5 lít và 2,5 lít, 1000 tấn chai lọ y tế và các hàng tiêu dùng khác. Với một khối lượng hàng như vậy, bên cạnh sự cố gắng của bản thân mình, hợp tác xã Nam hải rất cần được sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, nhất là trong việc cung cấp nguyên liệu, vật tư để Nam hải thực hiện tốt kế hoạch, đóng góp tích cực vào việc giải quyết những khó khăn về mặt hàng thủy tinh cho đất nước.

---

## NHỚ LẠI CUỘC...

*(Tiếp theo trang 42)*

trộm cắp, ban đêm nhà không cần đóng cửa, trong xóm làng không còn nghe tiếng chửi mắng gây gổ nhau. Trước niềm vui lớn, không ai bận tâm với những lợi ích riêng tư nhỏ nhen.

Nhưng bọn đế quốc không muốn cho nhân dân ta được sống yên lành. Chúng tìm cách xâm chiếm lại nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Thừa thiên—Huế cùng nhân dân cả nước sẵn sàng chiến đấu bảo vệ nền độc lập, tự do vừa giành được.



Digitized by Google

# Gia trưởng

GIA trưởng, theo nghĩa gốc của từ đó, chỉ là người đứng đầu một gia đình, cũng như tộc trưởng là người đứng đầu một dòng họ, hương trưởng đứng đầu một thôn, xã trưởng đứng đầu một xã... Bản thân từ đó không mang một nghĩa xấu nào. Nhưng dưới chế độ cũ, trong khuôn khổ của lễ giáo phong kiến, gia trưởng thường là người có quyền hành tuyệt đối trong nhà. Họ được ăn trên ngồi trốc, quát tháo, sai bảo, đè nén, trấn áp mọi người, chi phối mọi việc; rất chủ quan, lộng quyền và hách dịch. Trong dân gian đã có câu: «Muốn nói ngoa làm cha mà nói», hoặc «Cha nói oan, quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa». Có lẽ vì thế mà dần dần từ «gia trưởng» được dùng để chỉ những người có thái độ hách dịch, có hành vi độc đoán, chuyên quyền, không phải chỉ trong gia đình mà cả ngoài xã hội.

Như vậy tư tưởng gia trưởng là một thứ tàn dư tư tưởng của xã hội phong kiến. Tư tưởng ấy in đậm dấu ấn của thứ tâm lý thống trị.

Thế mà ngày nay, trong đội ngũ chúng ta cũng đang có không ít người nhiễm phải tư tưởng gia trưởng; thậm chí có một số người nhiễm khá nặng. Trong báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V, Đảng đã chỉ rõ: «Trong bộ máy của Đảng và Nhà nước ta, tệ độc đoán, chuyên quyền, *bệnh gia trưởng phong kiến* còn khá nặng» (1).

Có người cậy mình có chút ít công trạng, lại có tuổi tác, sinh ra công thần, kiêu ngạo, dương dương tự đắc, giở giọng «cha chú» với mọi người. Có người nắm được chức này, quyền nọ thì sinh ra hách dịch, quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, tự đặt mình lên trên tập thể, tự cho mình có quyền định đoạt mọi việc. Họ thích quát nạt, sai khiến; họ muốn và họ đòi những người dưới quyền phải nhất nhất tuân theo lời họ, làm theo ý họ. Ai làm trái ý họ thì... hãy coi chừng!

Với con mắt hẹp hòi, họ cho người này là non nớt về chính trị, người kia cống hiến chưa nhiều, và nhất là với «cánh đàn bà con gái» thì họ càng dễ coi thường. Họ coi những người dưới quyền họ chỉ xứng làm «cánh đàn em» hoặc như «con cháu trong nhà»; chỉ có họ mới là «cao siêu», là «đáng kính». Họ nhắc tới «quá khứ vẻ vang» của họ một cách cuồng nhiệt; họ luôn luôn tụng niệm cái «tôi» tự cho mình là một tấm gương, một khuôn mẫu để khuyên răn, dạy bảo người khác. Nếu có ai trẻ hơn họ, không có «quá trình» bằng họ mà được đề bạt, cất nhắc thì dù là người có tài có đức, họ cũng ấm ức, không sao chịu nổi.

Hồ Chủ tịch đã gọi những người mắc tệ gia trưởng là những người có «óc quân phiệt, quan liêu». «Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoạnh họe. Đối với cấp trên thì coi thường, đối với cấp dưới độc quyền lấn áp, đối với quần chúng thì ra vẻ quan cách, làm cho quần chúng

(1) Văn kiện Đại hội V. Nxb Sự thật. Hà nội. 1982, tập III, tr 55.



Digitized by Google

sợ hãi. Cái đầu óc «ông tướng», «bà tướng» ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp trên xa cấp dưới đoàn thể xa dần chúng» (2).

Cũng có người bề ngoài làm ra vẻ «dân chủ» và tôn trọng mọi người nhưng trong thâm tâm, họ cũng gia trưởng không kém. Sau khi thảo ra một chương trình, kế hoạch nào đó, họ cũng đưa ra để tập thể bàn bạc hoặc để trưng cầu ý kiến quần chúng. Song, tập thể có ý kiến gì, họ bỏ ngoài tai; cấp dưới và quần chúng có đề đạt, kiến nghị ra sao, họ phớt lờ tắt. Ai tán dương họ thì họ khen, họ quý. Còn ai phê bình họ thì hãy coi chừng. Có thể lúc đầu, trước ý kiến phê bình của anh, họ cũng tủm tỉm gật đầu, cũng cao giọng: «Xin tiếp thu ý kiến». Nhưng hãy chờ đó, hễ lúc nào gặp dịp, ví dụ khi anh có thiếu sót, khuyết điểm gì, anh lập tức sẽ được họ «dạy» cho đến nơi đến chốn.

Trong khi điều hành công việc, có những người gia trưởng cũng không to tiếng lắm lời đâu. Nghĩa là, họ cũng mềm mỏng, dễ rồi lạt càng mềm, buộc càng chặt. Bởi vì, họ cũng thừa biết, trong xã hội ta ngày nay, quát tháo là một hành vi vô đạo đức, không được ai đồng tình; vả lại, nhiều khi cũng chẳng được việc. Ngược lại, có khi chỉ một câu rỉ tai nho nhỏ, một cái vỗ về thâm thiết của bậc cha chú, cộng thêm một vài câu hứa hẹn hào hiệp của người lãnh đạo có quyền hành cũng đủ làm cho cấp dưới lệ thuộc vào họ một cách... êm như ru. Mọi người cứ lặng lẽ mà vâng lời. Chẳng ai biết là họ có dầu óc gia trưởng. Chỉ đến khi có người nào đó «không biết điều», dám «vuốt râu hùm», dám thẳng thắn đấu tranh vạch trần những sai trái của họ, không làm theo ý họ, lúc ấy mới vỡ ra và biết thế nào là «oai quyền» của người thủ trưởng có dầu óc gia trưởng.

Trong giao tiếp, ứng xử với mọi người hằng ngày, những người mắc tệ gia trưởng đôi khi cũng cố làm ra vẻ tươi cười, vồn vã, nhưng rốt cuộc họ vẫn không sao che giấu nổi bản chất thực của họ là con người khệnh khạng, quan cách, thích người khác suy tôn, sùng bái mình. Họ nói với mọi người chung quanh thường bằng một giọng kẻ cả, làm ra vẻ ta đây là đấng bề trên, là người có quyền thế.

Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ thấy rằng, người mắc tệ gia trưởng dù có ngụy trang hay không, trước sau vẫn lộ rõ là *người luôn luôn tự coi mình là bậc cha chú, đàn anh của người khác, rồi lạm dụng quyền hành, đàn áp dân chủ, tự ý quyết định mọi việc, không đếm xỉa đến ý kiến của tập thể và quần chúng, bất chấp nguyên tắc và kỷ luật, hòng củng cố địa vị, quyền lực cá nhân.* Đó là người độc đoán, bảo thủ trong tư tưởng; quan liêu, chuyên quyền trong công tác; quan cách, hách dịch trong quan hệ với mọi người. Thực chất, đó cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa chủ quan, của tâm lý muốn thống trị, muốn làm thầy người khác.

Chính vì trong chúng ta còn có những người gia trưởng như thế mà ở nhiều nơi tính chủ động, sáng tạo của đảng viên và quần chúng bị kìm hãm; nhiều người thường sợ sệt không dám phê bình người phụ trách, hoặc e dè, nể nang, bỏ qua cho xong chuyện. Ở những nơi ấy, quyền làm chủ tập thể chỉ là hình thức và thường xảy ra những hiện tượng trấn áp, trù đập quần chúng, bảo thủ, trì trệ, cũng như những hiện tượng cơ hội chủ nghĩa, kéo bè kéo cánh, ninh bợ, luồn cúi, gây mất đoàn kết nội bộ. Và nguy hại hơn, những thói tệ đó làm «ô nhiễm» bầu không khí của chúng ta, làm giảm sút lòng tin của

(2) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1980. tr. 29.



Digitized by Google

quần chúng đối với Đảng, ảnh hưởng xấu đến mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Hiển nhiên, chúng ta không thể để thói gia trưởng, tệ độc đoán tồn tại trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ta. Nhưng, sẽ là nóng vội nếu chúng ta muốn loại trừ thói tệ này bằng những biện pháp đơn giản, bằng những mệnh lệnh hoặc những khẩu hiệu chung chung, những hình thức giáo dục « chay », hay bằng việc thi hành kỷ luật qua quýt. Vì dù muốn hay không, ta đều biết, trong tư tưởng và nếp sống của con người, những nét này nét khác, kể cả mặt tích cực và mặt tiêu cực bao giờ cũng có tính ổn định tương đối của nó, khó mà làm thay đổi ngay được. Đó là chưa kể về mặt tâm lý, lòng tự ái, tính cố chấp của những người này là một sức ỳ ghê gớm. Do đó, chỉ có thông qua một cuộc đấu tranh liên tục, có lý có tình, lâu dài và kiên quyết với nhiều biện pháp tích cực, cụ thể, chúng ta mới gột rửa được tệ này. Ở đây, điều quan trọng nhất là phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, phát huy đầy đủ dân chủ nội bộ, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức rộng rãi quần chúng tham gia phê bình đảng viên; đồng thời, đề cao kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; coi trọng công tác kiểm tra, xây dựng và thực hiện tốt quy chế công tác.

Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể từng bước quét sạch thói gia trưởng tệ hại này.

*NHỊ LÊ*

Digitized by Google

# Đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng

VŨ ĐỨC PHÚC

KHI nói đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ, nhiều người thường nghĩ đến việc các nhà lý luận, phê bình bác bỏ lý thuyết sai trái này, phê phán tác phẩm xấu kia. Đó là một quan niệm có mặt đúng nhưng còn phiến diện. Nhiệm vụ của đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ là góp phần xây dựng và phát triển một nền văn nghệ cách mạng cao đẹp và nhân đạo. Văn nghệ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội, cho nên, đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ phải là việc của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là của tất cả những người làm công tác văn nghệ, chứ không phải chỉ là việc của các nhà lý luận, phê bình.

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng, trước hết, cần nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1918, trong bản *Yêu sách của dân tộc Việt nam* gửi Hội nghị Vécxay, Người đã đòi đế quốc Pháp phải để cho Việt nam có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận (yêu sách 3). Từ đó cho đến năm 1930, Người đã viết nhiều bài báo và sách tổng kết, tố cáo và lên án chính sách báo chí và văn nghệ phản động của đế quốc Pháp. Người phê phán gay gắt những nhà báo, nhà văn Pháp xuyên tạc tình hình thuộc địa để ủng hộ và bợ đỡ bọn đế quốc. Người đề cao những nhà báo, nhà văn tiến bộ đã lên tiếng tố cáo bọn quan cai trị tại các thuộc địa áp bức dân bản xứ. Người khen ngợi và cổ vũ những nhà văn thuộc địa có tài, Người ngợi ca nền văn nghệ nhân dân ở Liên xô...

Được sự chỉ dẫn và giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta, từ sau khi ra đời, đã đấu tranh triệt để chống hiện tượng các sách báo viết những điều viển vông, không thiết thực, không thích hợp với quần chúng lao động, « viết văn theo lối tư bản ». Ở đây, qua thực tiễn, ta thấy Đảng đã nêu cao yêu cầu về tính đảng, tính hiện thực, tính nhân dân trong công tác báo chí và trong văn nghệ.

Thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 — 1939) là thời kỳ vận động văn hóa rất lớn của Đảng. Chỉ nói riêng về đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ, Đảng đã vận dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Tiêu biểu nhất cho cuộc đấu tranh trên mặt trận văn nghệ trong thời kỳ này là cuộc tranh luận giữa hai phái « nghệ thuật vị nghệ thuật » và « nghệ thuật vị nhân sinh ». Phái « nghệ thuật vị nhân sinh » do một số đảng viên của Đảng lãnh đạo, đứng đầu là Hải Triều. Cuộc tranh luận này được nhiều nhà nghiên cứu phân tích kỹ và có kết luận rõ ràng. Những nhân vật chủ chốt của phái « nghệ thuật vị nghệ thuật » cuối cùng đã phải thừa nhận quan điểm của mình



Digitized by Google

về văn nghệ là sai lầm và sau đó đã đi theo cách mạng.

Trong thời kỳ 1940 — 1945, về mặt đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn hóa, văn nghệ, không thể không nói đến *Đề cương về cách mạng văn hóa Việt nam* (gọi tắt là *Đề cương văn hóa*) của Đảng ra đời năm 1943 và bài giải thích bản dề cương này của đồng chí Trường-Chinh. Lâu nay, nói đến *Đề cương văn hóa*, chúng ta thường chỉ chú ý đến ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng. Ngoài những vấn đề như văn học yêu nước, có tính dân tộc (dân tộc); văn nghệ hiện thực, sáng tác theo thế giới quan Mác — Lê-nin (khoa học); văn nghệ phục vụ nhân dân lao động (đại chúng), bản dề cương còn vạch ra nguy cơ của văn hóa, văn nghệ Việt nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa, văn nghệ toàn quốc, vạch ra cương lĩnh về cách mạng văn hóa, v.v. *Đề cương văn hóa* đã thật sự trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ Việt nam trên mặt trận văn hóa, văn nghệ, trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết những người làm công tác văn hóa, văn nghệ tiến bộ và có tài năng để phục vụ sự nghiệp cách mạng nói chung và sự nghiệp văn hóa, văn nghệ cách mạng nói riêng.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, những năm 1945 — 1946, tình hình văn nghệ khá phức tạp. Nhiều nhà xuất bản, nhà in, nhiều tờ báo và tạp chí vẫn ở trong tay bọn tư sản. Bọn việt gian Quốc dân đảng, bọn tờ rốt kít, bọn thân Pháp giấu mặt liên tiếp tiến công Đảng và Chính phủ ta cả về chính trị lẫn văn nghệ. Tuy vậy, văn nghệ cách mạng đã trở thành chính thống. Hầu hết các nhà văn nghệ đã tham gia cách mạng. Những sáng tác văn nghệ theo lối cũ, xa rời những vấn đề cấp bách nhất của cuộc sống đều không được chấp nhận.

Từ cuối năm 1946 đến năm 1954, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, văn nghệ chia ra làm hai trận tuyến rõ rệt: văn nghệ kháng chiến và văn nghệ trong vùng tạm bị địch chiếm.

Văn nghệ trong vùng tạm bị địch chiếm chủ yếu là phục vụ Pháp, ngụy hoặc bị chúng kiểm soát gắt gao. Nên văn nghệ đó yếu ớt và què quặt. Bởi vậy, mặc dù cuộc đấu tranh của chúng ta chống nền văn nghệ đó không được mạnh mẽ, sâu sắc, và nhiều khi phê phán không trúng đích, nhưng đến khi chúng ta giải phóng thủ đô Hà nội năm 1954 thì đại đa số các sáng tác trong vùng bị chiếm cũ chết hẳn, không còn dấu vết trong ký ức người đọc.

Cuộc đấu tranh tư tưởng chủ yếu được tiến hành trong nội bộ văn nghệ kháng chiến. Nói cho thật chính xác thì đây không phải là đấu tranh mà là tranh luận giữa những đồng chí làm công tác văn nghệ để tìm ra chân lý; bởi vì, trừ một số ít kẻ thù giấu mặt là bọn tờ rốt kít và bọn phản cách mạng, văn nghệ sĩ kháng chiến nói chung là những người yêu nước, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cuộc tranh luận này cũng diễn ra khá gay gắt.

Sự lưu luyến các trường phái văn nghệ hiện đại chủ nghĩa, quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật còn rơi rớt lại, đã làm cho một số văn nghệ sĩ đặt ra vấn đề phân biệt giữa nghệ thuật và tuyên truyền. Họ cho nghệ thuật là « vĩnh cửu », còn tuyên truyền là « nhất thời ». Quan điểm sai lầm này đã bị chống lại và đồng chí Trường-Chinh đã giải quyết một cách thỏa đáng trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* (1948). Bài nói chuyện này của đồng chí Trường-Chinh trước Đại hội văn hóa toàn quốc thứ II, mở rộng và phát triển *Đề cương văn hóa* (1943), đã trở thành một văn kiện chủ yếu về văn hóa, văn nghệ của Đảng, làm cẩm



Digitized by Google

nang cho tất cả những nhà văn nghệ kháng chiến, trên cơ sở đó, nền văn nghệ cách mạng của chế độ dân chủ nhân dân được xây dựng.

Những quan điểm lạc hậu về thơ ca cũng được chính vị «chủ tướng» cũ của phái «nghệ thuật vị nghệ thuật» là Hoài Thanh phê phán mạnh trong *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951).

Những cuộc thảo luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa không gay gắt lắm vì ai cũng thiết tha tìm hiểu mô hình về phương pháp sáng tác đó. Nhưng vấn đề tính nhân dân của văn nghệ là một vấn đề khó giải quyết, vì khi chấp nhận văn nghệ phải phục vụ nhân dân lao động, người ta thấy một trở ngại rõ ràng là đại đa số nhân dân lao động còn chưa biết chữ, hoặc trình độ văn hóa còn kém. Do đó đã có nhà văn nghệ cho rằng quần chúng phải học đã rồi mới nói tới chuyện thưởng thức và phê bình nghệ thuật. Đảng đã khẳng định: văn nghệ phải có tính nhân dân ngay trong bản thân nó; các sáng tác văn nghệ phải phục vụ nhân dân: phải nâng họ lên, đồng thời phải tiếp thụ ý kiến phê bình nhiều khi rất xác đáng của họ.

Để xây dựng một nền văn nghệ nhân dân, các nhà văn nghệ sau khi thảo luận kỹ, đều tán thành đường lối của Đảng là phải «cách mạng hóa tư tưởng» và đi sâu tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động, gọi là «quần chúng hóa sinh hoạt».

Cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ văn nghệ kháng chiến là đúng đắn và cần thiết. Nó đã giải quyết một cách thỏa đáng nhiều vấn đề văn nghệ; góp phần thúc đẩy nền văn nghệ kháng chiến phát triển lành mạnh. Điều đó được chứng minh rất rõ qua Đại hội văn công toàn quốc đầu năm 1955 và qua việc tái bản hàng loạt tác phẩm văn học kháng chiến tại thủ đô. Tuy số lượng các tác phẩm hay không nhiều lắm, nhưng về mọi mặt, văn nghệ dưới chế độ ta đều phát triển mạnh, trên một cơ sở vững chắc là đường lối đúng đắn của Đảng.

Thời kỳ 1954 — 1975, đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ mở đầu bằng cuộc đấu tranh dai dẳng chống bọn Nhân văn — Giai phẩm suốt từ năm 1955 đến năm 1958. Nhân văn — Giai phẩm là một phong trào chính trị đồng thời là một phong trào văn hóa văn nghệ hoàn toàn có tính chất tư sản phản động. Bọn Nhân văn — Giai phẩm định kích động dân chúng nổi loạn, chống sự lãnh đạo của Đảng, đòi chia quyền lãnh đạo với Đảng, muốn sửa đổi Hiến pháp theo hướng dân chủ tư sản. Quan điểm văn nghệ của chúng hoàn toàn có tính chất tự do tư sản, chống sự lãnh đạo của Đảng và đường lối văn nghệ của Đảng về từng điểm một.

Tư tưởng dân chủ tư sản có sức hấp dẫn của nó, cho nên một số nhà văn nghệ cũng chịu ảnh hưởng của bọn Nhân văn — Giai phẩm, mặc dù không tán thành chúng. Chỉ sau khi chống bọn Nhân văn — Giai phẩm, các nhà văn nghệ một mặt nghiên cứu đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, mặt khác đi sâu vào quần chúng để tìm hiểu cuộc sống mới, thì hàng loạt sáng tác văn nghệ có giá trị mới được nảy sinh. Cũng từ năm 1958 trở đi, các tài năng văn nghệ xuất hiện mỗi ngày một nhiều hơn.

Những năm sau đó, trong phong trào toàn quốc chống Mỹ (1965 — 1975), cuộc đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ có một số sự kiện đáng chú ý:

— Ở miền Nam, ngay trong vùng bị Mỹ — ngụy chiếm đóng, chúng ta cũng gây được một trào lưu văn nghệ yêu nước, chống Mỹ — ngụy và phê phán một phần nào đó những hiện tượng tiêu cực của văn nghệ dưới ách Mỹ — ngụy. Những chiến sĩ văn nghệ của ta hoạt động trong lòng địch phải đối phó gay go với những thủ đoạn đàn



Digitized by Google

áp của địch, đã sáng tạo và phát huy nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Ở miền Bắc cũng thường xuyên có những bài phê phán nền văn nghệ phản động, đồi trụy dưới chế độ Mỹ — ngụy.

— Đối với cái gọi là « cách mạng văn hóa » ở Trung quốc thì từ đầu đến cuối chúng ta không chấp nhận mặc dù có sự o ép từ phía Trung quốc. Chúng ta không can thiệp vào nội bộ Trung quốc, nhưng theo dõi cuộc « cách mạng văn hóa » ở Trung quốc, chúng ta thấy rõ đó là một sự tiêu diệt văn hóa, văn nghệ chân chính nếu chỉ đứng riêng từ góc độ văn hóa, văn nghệ mà xét. Điều ấy càng làm cho chúng ta cảnh giác với tất cả những gì gọi là « tư tưởng Mao Trạch Đông » và tỉnh táo hơn với tất cả những gì từ Trung quốc đưa tới.

— Trong tình hình cả nước chống Mỹ, sự phát triển của văn nghệ cách mạng là rất thuận lợi. Nhưng sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết (1973), đất nước vẫn chưa hoàn toàn được giải phóng, một số người chưa thấy rõ sách lược của Đảng là « đánh lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận » chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, những mất mát, hy sinh to lớn của chúng ta trong cuộc chiến đấu sống mái với quân thù cũng làm nảy ra tâm trạng bi quan, dao động. Những tâm trạng đó được thể hiện ít nhiều trong một số sáng tác. Tình hình ấy cũng được phê phán kịp thời trong các năm 1973, 1974. Mặc dù lệch lạc này trong phong trào sáng tác là rất nhỏ bé, nhưng nếu không có sự đấu tranh kịp thời thì chắc chắn nó sẽ phát triển, gây nên những rạn nứt lớn.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, trong những năm 1975 — 1978, chúng ta đã đấu tranh để dần dần quét sạch ảnh hưởng của văn nghệ thực dân mới ở miền Nam, trước hết là văn nghệ chống cộng, chống cách mạng và văn nghệ dâm ô đồi trụy. Việc này được tiến hành thận trọng vì không phải những gì từ Âu — Mỹ đưa tới cũng đều là « thực dân kiểu mới », không phải tất cả những sáng tác trong vùng Mỹ — ngụy đều là đáng vứt bỏ. Chúng ta đã giúp đỡ văn nghệ sĩ trong các vùng mới giải phóng sáng tác và hoạt động theo hướng lành mạnh. Mặt khác, chúng ta cũng đẩy mạnh hoạt động của văn nghệ cách mạng.

Từ năm 1979 đến nay, vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ được đặt ra trên mấy khía cạnh:

— Đấu tranh chống những tàn dư và ảnh hưởng của văn hóa văn nghệ phản động, đồi trụy của chủ nghĩa thực dân mới đang tác động ở nước ta. Về mặt này, Đảng nhận định là chúng ta đã và đang làm, nhưng chưa được tốt lắm. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã phê phán nhiều nơi còn buông lỏng cuộc đấu tranh chống văn hóa phản động đồi trụy. Vì vậy « văn hóa phản động đồi trụy của chủ nghĩa đế quốc, thực dân mới *chẳng những chưa bị quét sạch ở miền Nam mà còn ảnh hưởng ra miền Bắc* » (1).

Ngoài văn nghệ phản động của bọn đế quốc thì dường lối sáng tác văn nghệ của bọn phản động trong giới cầm quyền ở Bắc kinh chống Liên xô, chống Việt nam, tiếp tay cho đế quốc phá hoại hòa bình thế giới, cũng cần phải chống lại một cách liên tục.

— Đấu tranh chống những hiện tượng lệch lạc, những khuynh hướng không lành mạnh nảy sinh trong công tác văn hóa, văn nghệ, nhất là « khuynh hướng « thương mại » chạy theo thị hiếu thấp kém để thu lợi, kiếm tiền, rơi vào vũng bùn của nghệ thuật tư sản » (2).

---

(1), (2) Trường-Chinh: Diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt nam. *Tạp chí Cộng sản* số 4-1984, tr. 26.



Digitized by Google

— Phương hướng phấn đấu khó khăn nhất là làm sao cho văn nghệ ta phát triển hài hòa và có nhiều sáng tác ưu tú. Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng khẳng định: chúng ta đã có những sáng tác văn nghệ hay, xuất sắc, có giá trị quốc tế, nhưng công tác văn hóa, văn nghệ chưa vươn tới đáp ứng được những nhu cầu mới của xã hội. Nói chung chất lượng của nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ chưa cao, nội dung xã hội chủ nghĩa chưa sâu sắc, chưa có sức hấp dẫn mạnh. Nếu ta chống văn nghệ phản động, đồi trụy, chống văn nghệ « thương mại » mà văn nghệ của ta kém hấp dẫn, chất lượng thấp thì thật là một nhược điểm không thể tha thứ được. Thế mà, cuộc đấu tranh về mặt này còn quá yếu, bởi lẽ Đảng thì nhận xét như vậy nhưng các cơ quan sản xuất văn nghệ thường cho là công tác mình làm tốt hoặc rất tốt, còn phê bình thường là khen xuôi một chiều.

★

Cuộc đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng ở mỗi thời kỳ một khác, nhưng trước sau vẫn nhất quán. Kinh nghiệm đấu tranh ở mỗi thời kỳ, về mỗi vấn đề đều hết sức phong phú. Qua các cuộc đấu tranh đó ta có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm sau đây:

1 — Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc, còn kẻ thù của cách mạng thì chúng ta vẫn còn phải chống lại văn nghệ thù địch. Có điều là cách chống ở mỗi thời kỳ mỗi khác và trong *bất cứ thời kỳ nào cũng phải xác định rõ thế nào là văn nghệ thù địch*: âm mưu, thủ đoạn, chính sách của kẻ địch về văn nghệ chống ta như thế nào.

2 — Trong nội bộ nền văn nghệ cách mạng, *mỗi khi có khó khăn về chính trị* (thí dụ, Đảng mắc một sai lầm nhất thời nào đó, gặp một trở ngại nào đó, hoặc thiếu cảnh giác...) *thì những khuynh hướng tiêu cực trong văn nghệ thường nảy sinh*. Những khuynh hướng ấy *có khi là khuynh hướng thù địch* (như bọn Nhân văn-Giai phẩm 1955 — 1958), *có khi chỉ là khuynh hướng lệch lạc* của những nhà văn nghệ trong một lúc bi quan, dao động, thiếu lòng tin... Trong khi đấu tranh, tuyệt đối không nên lẫn lộn bạn, thù. Trước cách mạng, Đảng ta đã chú ý đặc biệt đến điều đó. Trong việc đấu tranh chống bọn Nhân văn — Giai phẩm, Đảng ta cũng phân biệt bọn cầm đầu với những người ít nhiều chịu ảnh hưởng của chúng để có thái độ đúng mức.

3 — Một trong những yêu cầu cốt tử của cuộc đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ là phải *nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng nói chung và đường lối, quan điểm của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ nói riêng*. Đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ phải nhằm bảo vệ các đường lối, quan điểm đó của Đảng. Vì vậy, đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ phải có *tính đảng, tuân theo sự lãnh đạo của Đảng*, và phải loại trừ mọi động cơ cá nhân.

Những cuộc tranh luận thông thường về lý luận văn nghệ, mỹ học, thi pháp, những sự đánh giá khác nhau về một tác phẩm nhưng đều xuất phát từ một động cơ đúng đắn, cần được khuyến khích vì chính qua đó mà văn nghệ phát triển. Có thời kỳ báo Đảng đã cho đăng hai bài có ý kiến trái ngược nhau về một vở kịch. Tất nhiên cuối cùng đúng, sai phải được xác định, chân lý phải rõ ràng. Nên hết sức tránh sự đánh giá thiên lệch, nhất là nên tránh việc gạt bỏ một cách khắc nghiệt và vội vã.

Đã có trường hợp những người có quyền thế ở một địa phương nào đó căn cứ vào ý kiến hết sức chủ quan của mình ra lệnh cấm đoán một vở kịch, một bộ phim, một cuốn sách đã



Digitized by Google

được phép phổ biến trong toàn quốc. Đó là một hiện tượng vô kỷ luật, thiếu tính đảng và lạm quyền chứ không phải là biết đấu tranh một cách chính đáng.

Đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ là một việc vô cùng tế nhị, vì đây không chỉ là tư tưởng mà còn là nghệ thuật.

4 — Đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ có hai mặt «chống» và «xây» không tách rời nhau. «Trong cách mạng tư tưởng và văn hóa, cần nắm vững mối quan hệ giữa *xây* và *chống* trên tất cả các mặt: tư tưởng, văn hóa và con người» (3).

Nếu ta đấu tranh chống văn nghệ tiêu cực nhưng không đấu tranh để xây dựng văn nghệ cách mạng cao đẹp thì chỉ mới làm được một nửa công việc mà Đảng yêu cầu, và có khi công việc dở dang ấy làm cho mình thất bại. Người ta sẽ hỏi: anh chống văn nghệ tiêu cực nhưng lấy gì thay thế nó? Cái văn nghệ tích cực của anh có hay, có hấp dẫn không, hay là một thứ văn nghệ khó tiêu hóa, buồn chán.

Đường lối văn nghệ của Đảng ta là đúng đắn. Tất cả mọi người làm công tác văn nghệ đều đã thảo luận kỹ, thấy rằng không thể khác được. Đảng ta thường xuyên lắng nghe ý kiến của giới văn nghệ, sẵn sàng chấp nhận mọi ý kiến hay. Với một đường lối văn nghệ như thế mà chúng ta không xây dựng được những kiệt tác là lỗi của tất cả những người làm công tác văn nghệ, chứ không phải chỉ là lỗi của người sáng tác.

5 — Đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ là việc của toàn thể những người làm công tác sản xuất, lưu thông, phân phối, phổ cập, phê bình, quản lý, lãnh đạo và chỉ đạo văn nghệ các cấp, các tổ chức, chứ không phải là việc riêng của các nhà lý luận, phê bình văn nghệ. Đáng tiếc là không phải tất cả những người, những tổ chức nói trên bao giờ cũng ý thức được công việc của mình với một sự thận trọng cần thiết và một tinh thần trách nhiệm cao nhất. Chỉ cần đặt một câu hỏi: tại sao có nhiều tác phẩm chất lượng kém được ra đời, tại sao có tình trạng «thương mại» trong văn nghệ, tại sao để cho ảnh hưởng của văn nghệ đồi trụy lan tràn, là đủ rõ chúng ta còn thiếu trách nhiệm đến mức độ nào.

Tuy nhiên, trong công việc này, thực tế đã chứng tỏ rằng vai trò của các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình văn nghệ là quan trọng nhất. Chẳng hạn, đường lối của Đảng là tiếp thụ toàn bộ tinh hoa của văn nghệ thế giới. Nhưng văn nghệ thế giới là một cái rừng, cái biển hết sức phức tạp. Phân biệt được cụ thể từng trường hợp một xem cái gì là «tinh hoa» thật không phải dễ, mà lại phải biết phân biệt tinh vi, chi li, theo một quan điểm mỹ học chính xác, không cho phép cẩu thả và lầm lẫn. Tất cả mọi vấn đề khác đều đòi hỏi các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình đi sâu tìm hiểu như vậy. Bởi thế cho nên trong cơ cấu nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, vai trò của nghiên cứu, lý luận, phê bình lớn hơn nhiều so với trong cơ cấu văn nghệ tư sản. Và cũng không thể phủ nhận công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình văn nghệ dưới chế độ ta đã có nhiều thành tích. Tuy nhiên, Đảng vẫn thường nhận định là nó còn yếu. Tình trạng trì trệ về lý luận, «giẫm chân tại chỗ»; sự cẩu thả, thiếu tính khoa học trong nghiên cứu; sự phê bình hời hợt vẫn đang còn là nhược điểm lớn cần khắc phục.

---

(3) Trường-Chinh: Tài liệu đã dẫn, tr. 27.



Digitized by Google

# Thành tựu to lớn của nền giáo dục cách mạng Cam-pu-chia

LÊ DÂN

NỀN giáo dục cách mạng của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia còn rất non trẻ, mới trải qua sáu năm học, nhưng đã đạt được những thành tựu rất to lớn. Nền giáo dục ấy được xây dựng trên một đất nước bị hủy diệt nặng nề bởi bọn diệt chủng Pôn Pốt — Iêng Xa-ry — Khiêu Xăm-phon. Bọn diệt chủng đã đóng cửa tất cả các trường học, biến trường sở thành kho tàng, nhà tù, trại nuôi súc vật; giết hại hàng vạn giáo sư, giáo viên, học sinh đại học; bắt nhà giáo và học sinh phải lao động khổ sai.

Sau chiến thắng lịch sử 7-1-1979 giải phóng hoàn toàn đất nước khỏi nạn diệt chủng, mặc dù phải tập trung sức vào công cuộc hồi sinh dân tộc, ổn định dân cư và truy quét bọn tàn quân địch, chính quyền cách mạng đã xác định ngay phương hướng và nêu rõ ba nhiệm vụ: khôi phục và xây dựng ngành giáo dục; phấn đấu xóa bỏ nạn không biết chữ và tiến hành công tác bổ túc văn hóa; nâng cao trình độ, khả năng và chất lượng ngành giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo.

Được các cấp ủy Đảng và chính quyền từ trung ương đến các địa phương quan tâm chăm sóc và toàn thể nhân dân Cam-pu-chia vốn có truyền thống hiếu học nhiệt tình giúp đỡ, công cuộc khôi phục và xây dựng ngành giáo dục đã đạt những thành tích rất lớn. Nhân dân, giáo viên và học sinh bỏ ra hàng triệu ngày công thu dọn và sửa chữa trường sở cũ bị hư hại và xây dựng hàng trăm trường mới. Ngành giáo dục tổ chức ngay bộ máy quản lý giáo dục từ trung ương đến các địa phương; xây dựng cơ cấu giáo dục mới, soạn nội dung chương trình, sách giáo khoa mới bằng tiếng Khơ-me; đào tạo cấp tốc hàng vạn giáo viên.

Năm học 1979 — 1980 — năm học đầu tiên của kỷ nguyên mới — đã khôi phục và xây dựng mới được gần 4200 trường phổ thông các cấp, với gần 953 000 học sinh; 96 trường mẫu giáo với hơn 8 200 học sinh; 1 trường đại học Y-Dược với hơn 700 học sinh. Tới năm học 1984 — 1985 này, số học sinh phổ thông các cấp lên tới gần 1,7 triệu, tăng gần gấp đôi so với năm học đầu tiên; số học sinh mẫu giáo lên tới gần bốn chục nghìn, tăng gần gấp năm lần; số học sinh đại học lên tới ngót 2 000, học tại năm trường đại học và một lớp chuyên tu. Hiện nay, hơn 90 phần trăm trẻ em đến tuổi đã vào học các trường phổ thông cấp I; phần lớn các huyện có trường cấp II; 11 trong số 20 tỉnh, thành phố trong cả nước có trường cấp III; ngoài năm trường đại học (Y-Dược, Sư phạm, Kỹ thuật, Kinh tế, Nông nghiệp), còn có bảy trường trung học chuyên nghiệp với gần 3 000 học sinh. Hàng trăm học sinh đại học và phổ thông được cử đi học tại các nước xã hội chủ nghĩa anh em; một số người đã tốt nghiệp đại



Digitized by Google

học hoặc trở thành công nhân kỹ thuật trở về nước, đang phục vụ công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Trường dạy nghề đã đào tạo được 235 công nhân, và hiện có 125 học sinh.

Năm 1980, chính quyền cách mạng phát động phong trào xóa nạn không biết chữ và bổ túc văn hóa. Hàng chục vạn người lớn tuổi, dưới các chế độ cũ không được học hành. Ngày nay tham dự các lớp học buổi tối. Hàng vạn giáo viên, học sinh và cán bộ đã tình nguyện đi dạy tại các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa. Nhiều học viên, sau khi biết đọc biết viết, lại tiếp tục theo học tại các lớp bổ túc văn hóa. Cả nước đã hoàn thành chương trình ba năm thứ nhất, xóa nạn không biết chữ cho 69 nghìn người, đạt hơn 67 phần trăm tổng số người không biết chữ; tổ chức học bổ túc văn hóa cho hơn 370 nghìn người, hầu hết thuộc các lực lượng vũ trang và cán bộ, công nhân, nhân viên Nhà nước; gần 2000 người đã tốt nghiệp cấp III và cấp II bổ túc văn hóa. Hiện nay, hàng chục vạn người đang dự các lớp xóa nạn không biết chữ — trong chương trình ba năm thứ hai — và gần 260 nghìn người đang theo học tại các trường bổ túc văn hóa chính quy, nửa chính quy, trường học ngoài giờ làm việc và trường vừa học vừa làm.

Nhìn chung, ngành giáo dục đã đáp ứng được yêu cầu học tập của các em đến tuổi, yêu cầu của Nhà nước về đào tạo cán bộ yêu cầu xóa bỏ nạn không biết chữ và nâng cao trình độ văn hóa của các lực lượng vũ trang, công nhân, cán bộ và nhân viên Nhà nước.

Nền giáo dục mới đang từng bước tiến lên thành nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu của nó là đào tạo con người mới bảo vệ và xây dựng đất nước Cam-pu-chia từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội giáo dục toàn quốc thứ tư (năm 1983), đồng chí Hêng Xom-rin, Tổng bí thư ĐNDCM, Chủ tịch HĐNN nước CHND Cam-pu-chia nói: « Giáo dục mới của chúng ta có mục tiêu rõ ràng là đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa là người lao động mới, chiến sĩ mới, cán bộ mới trung thành với cách mạng, với nhân dân, có tinh thần yêu nước chân chính, yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa gắn liền với tinh thần quốc tế vô sản, đặc biệt là tình hữu nghị Cam-pu-chia — Việt nam — Lào, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em ».

Ngành giáo dục có những cố gắng rất lớn phấn đấu thực hiện những nội dung cơ bản của công tác giáo dục, nhất là công tác giáo dục chính trị — tư tưởng, đạo đức cách mạng, biến công tác giáo dục thành hành động cụ thể qua thực tiễn học tập, giảng dạy, lao động sản xuất và hoạt động xã hội.

Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Từ năm học 1981 — 1985, các năm học phải là « năm học chất lượng ». Các trường cố gắng thực hiện mục tiêu đào tạo, đặc biệt là coi trọng công tác giáo dục chính trị — tư tưởng, trong đó nhấn mạnh việc giáo dục lòng yêu nước, phân biệt rõ bạn — thù, lòng yêu lao động, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có tinh thần đoàn kết nội bộ và đoàn kết quốc tế, nhất là tinh đoàn kết chiến đấu đặc biệt Cam-pu-chia — Việt nam.

Giáo viên và học sinh, cảm thụ nhạy bén và sâu sắc bản chất tốt đẹp của chế độ mới, đã tích cực phấn đấu dạy tốt và học tốt, đồng thời tham gia sôi nổi ba phong trào cách mạng của đất nước: bảo vệ Tổ quốc, sản xuất và xây dựng lực lượng cách mạng. Nhiều giáo viên và học sinh ở nông thôn tham gia canh gác bảo vệ xóm làng, vận động những người lầm đường theo địch trở về với nhân dân; một số học sinh lớn tuổi tình nguyện gia nhập quân đội bảo vệ đất



Digitized by Google

nước. Nhiều trường có đất sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, xưởng thủ công để sửa chữa trường sở, làm đồ dùng học tập, làm một số mặt hàng thủ công phục vụ đời sống. Ngành giáo dục đã bắt đầu tổ chức việc giáo dục kỹ thuật cho học sinh. Thầy và trò, trong những ngày mùa vụ, còn giúp các tổ đoàn kết sản xuất cày cấy và thu hoạch lúa. Họ còn tích cực tham gia các công tác xã hội, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của chính quyền trong nhân dân, lập thành tích trong chiến dịch « ánh sáng văn hóa », vận động xóa bỏ tệ mê tín, xây dựng nếp sống mới lành mạnh. Đội thiếu niên tiền phong được thành lập ở các trường cấp I. Hội thanh niên và Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng được thành lập ở nhiều trường cấp II, cấp III, đại học và trung học chuyên nghiệp.

Năm học này, cả nước có hơn bốn mươi nghìn giáo viên phổ thông, gần 1440 giáo viên mẫu giáo và hàng trăm giáo sư, giáo viên đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đội ngũ giáo viên này thể hiện lòng trung thành với chế độ mới, thấm nhuần đường lối, quan điểm giáo dục mới, có năng lực và tinh thần tích cực công tác.

Để xây dựng nền giáo dục ngày càng vững chắc, Nhà nước rất chú ý công tác đào tạo giáo viên. Hệ thống trường sư phạm đào tạo dài hạn một cách chính quy được tổ chức, củng cố và phát triển. Đến nay, đã có một trường đại học sư phạm, một trường sư phạm bồi dưỡng ở trung ương, bảy trung tâm sư phạm của vùng (trong đó có một trung tâm đào tạo giáo viên cho vùng các dân tộc thiểu số bốn tỉnh đông bắc) với 1500 học sinh, và 20 trường sư phạm bồi dưỡng của tỉnh, thành phố. Hai trường đại học Y—Dược và Sư phạm đã đào tạo được gần 700 bác sĩ và giáo viên, đáp ứng một phần yêu cầu cấp bách của ngành y tế và ngành giáo dục đang phát triển. Các trường trung học chuyên nghiệp cũng đào tạo được 1400 cán bộ phục vụ công cuộc xây dựng đất nước.

Bộ giáo dục tập trung cố gắng biên soạn sách giáo khoa, đến nay đã hoàn thành hơn một trăm loại chương trình và sách giáo khoa, với tổng số bản in hơn mười triệu, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập.

Việc xây dựng trường sở cũng được quan tâm. Chính quyền các cấp cùng với Hội cha mẹ học sinh, sư sãi và nhân dân xây dựng được nhiều trường, lớp học, đóng nhiều bàn ghế, tính ra hơn một trăm triệu riên (tiền Cam-pu-chia). Ở vùng đông bắc, một số trường tổ chức được khu nội trú cho học sinh các dân tộc thiểu số ở các bản làng xa xôi đến học tập. Một số lớp mẫu giáo được tổ đoàn kết sản xuất dựng ra tổ chức, đồng thời chăm lo đời sống cho cô giáo. Chính quyền địa phương còn cấp ruộng đất, giống lúa, sức kéo để giáo viên và học sinh sản xuất, thực hành; xây dựng các lớp xóa nạn không biết chữ và bổ túc văn hóa. Một số trường xây dựng được phòng thí nghiệm, thư viện nhà trường, sản xuất được một số đồ dùng học tập.

Hơn sáu năm qua, được sự quan tâm chăm sóc của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân, với sự cố gắng và nhiệt tình cách mạng của giáo viên và học sinh, nền giáo dục cách mạng Cam-pu-chia đã đạt được những thành tựu rất to lớn, hệ thống giáo dục mới đã hình thành và ngày càng được củng cố vững chắc, đáp ứng được yêu cầu học tập của con em các dân tộc cũng như của toàn thể nhân dân Cam-pu-chia, đào tạo được một số giáo viên và cán bộ quản lý ngành giáo dục, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ đại học, cán bộ và công nhân kỹ thuật, xóa bỏ từng bước nạn không biết chữ và nâng cao một bước trình độ văn hóa cho nhân dân.



Digitized by Google

# Vấn đề ăn, mặc, ở tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên

LÊ TỊNH

MỘT đặc điểm lớn đồng thời cũng là khó khăn chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp ở Triều tiên trước đây là diện tích nông nghiệp có hạn, trên 70% diện tích tự nhiên là rừng núi, diện tích canh tác chỉ gồm khoảng hai triệu héc ta, trong đó một bộ phận khá lớn là đất đồi, độ dốc cao, ít màu mỡ. Sự hạn chế về diện tích và về chất đất đã khiến nông nghiệp đạt sản lượng thấp, ngành nghề ít phát triển, và do vậy, chăn nuôi cũng gặp khó khăn, đàn gia súc nhỏ bé. Người dân Triều tiên trước đây rất ít được ăn thịt. Cây trồng rất thiếu phân chuồng.

Trước tình hình đó, ngay sau khi hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp vào năm 1958, Triều tiên đã chú trọng phát triển nông nghiệp theo nhiều hướng. *Một là*, tiến hành cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp với nội dung chủ yếu là thủy lợi hóa, điện khí hóa, hóa học hóa, cơ khí hóa, nhằm nâng cao độ màu mỡ của đất, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, tăng sản lượng trên đơn vị diện tích. *Hai là*, áp dụng những thành tựu của khoa học, kỹ thuật và lợi dụng thế mạnh vốn có của công nghiệp nặng trong nước để xây dựng các công trình chinh phục tự nhiên nhằm mở rộng diện tích đất nông nghiệp. *Ba là*, nêu cao tính ưu việt của chế độ chính trị và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, động viên và khuyến khích tính tích cực lao động và ý thức tổ chức, kỷ luật của nông dân nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Coi thủy lợi là khâu quan trọng hàng đầu để khôi phục và phát triển ngành trồng lúa, loại cây lương thực chủ yếu, Triều tiên chủ trương thủy lợi hóa đi trước một bước. Lúc đầu, dựa vào nhân dân và bằng lao động thủ công để đào mương, khơi ngòi với khẩu hiệu « toàn dân làm thủy lợi ». Về sau, đi đôi với sự phát triển của công nghiệp, Triều tiên đã xây dựng những công trình thủy lợi lớn bao gồm những hồ chứa nước lớn, những công trình chinh phục dòng sông v.v. từng bước thay đổi bộ mặt của nông thôn. Nhờ có sự giúp đỡ đắc lực của công nghiệp, cuối những năm 60 của thế kỷ này, Triều tiên đã căn bản hoàn thành bước một của thủy lợi hóa. Hiện nay nông thôn Triều tiên có 1 700 hồ chứa nước, 1 600 trạm bơm nước, với một hệ thống mương máng dài trên 10 nghìn km. Ngoài ra còn có nhiều công trình bảo vệ đất và bảo vệ hệ sinh thái thực vật, như rừng chống xói mòn, rừng chắn gió, rừng ven biển, đê chống lũ lụt, đê ngăn nước biển. Những công trình này được củng cố và tăng cường hằng năm, đồng thời được luật pháp bảo vệ hết sức nghiêm ngặt.

Nhờ hệ thống tưới tiêu hoàn chỉnh, chủ động đối phó với thiên tai, Triều tiên đã có 1,5 triệu héc ta đất trồng



Digitized by Google

cây lương thực có năng suất ổn định. Hiện nay Triều tiên đang thực hiện bước hai của thủy lợi hóa nhằm hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu cho vùng trồng màu.

Ở Triều tiên, sự phát triển của công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng, một mặt đòi hỏi phải đẩy nhanh tốc độ phát triển của nông nghiệp nhằm bảo đảm quan hệ cân đối trong kinh tế quốc dân, mặt khác, tạo khả năng phục vụ đắc lực sự phát triển của nông nghiệp. Những thành quả của công nghiệp nặng đã được sử dụng vào việc phát triển nông nghiệp. Hiện nay hầu khắp nông thôn Triều tiên đã có điện dùng cho sản xuất và thắp sáng. Hằng năm Triều tiên dành 2,2 tỷ ki lô oát giờ điện cho khu vực nông nghiệp. Ngành hóa chất đã bảo đảm đủ phân bón và thuốc trừ sâu cho nhu cầu trong nước. Mỗi héc ta được bón trên một tấn phân hóa học. Ngành chế tạo nông cụ cũng đã đáp ứng nhu cầu về các máy móc chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1984 so với năm 1977, sản lượng máy kéo tăng 1,7 lần, máy cày tăng 1,3 lần, máy đập lúa tăng 1,1 lần, máy cấy tang 1,5 lần, máy gặt tăng 6,3 lần, máy làm cỏ tăng 2 lần, máy bơm nước tăng 2,3 lần. Việc dùng máy cấy đã nâng năng suất cấy lên gấp 20 lần so với cấy tay.

Với những cố gắng to lớn nói trên, năm 1984, với 17 triệu dân, Triều tiên đã sản xuất 10 triệu tấn lương thực, trong đó chủ yếu là lúa và ngô. Hiện nay Triều tiên đang tiến hành những công trình cải tạo đất mặn ven biển để biến 300 nghìn héc ta bãi biển thành ruộng lúa. Khi những công trình đó được hoàn thành, cùng với việc tăng sản lượng trên diện tích đã có, tổng sản lượng lương thực ở Triều tiên sẽ lên tới 15 triệu tấn.

Để giải quyết *vấn đề ăn cho nhân dân*, Triều tiên còn chú ý tạo nguồn thực phẩm dồi dào phù hợp với điều kiện tự nhiên của đất nước. Năm 1984, Triều tiên đánh bắt 3,5 triệu tấn hải sản, sản xuất 900 nghìn tấn thịt, 1,5 triệu tấn quả, trên 300 nghìn tấn đường. Trong các ngành thực phẩm, ngành đánh cá được chú trọng nhất, một mặt vì cá là nguồn thực phẩm chủ yếu của Triều tiên, mặt khác vì ngành công nghiệp đóng tàu biển ở Triều tiên có khả năng tạo ra cơ sở vật chất và kỹ thuật tương đối đầy đủ cho ngành đánh cá. Triều tiên hiện có một đội tàu đánh cá khá lớn, trong đó có 10 tàu đánh cá loại có trọng tải 14 nghìn tấn do Triều tiên tự chế tạo. Các cảng đánh cá được trang bị những phương tiện hiện đại.

Để giải quyết *vấn đề mặc*, Triều tiên phải khắc phục một khó khăn rất lớn là diện tích đất trồng bông không nhiều, không thể có nhiều sợi bông để dệt vải, lại không thể nuôi nhiều cừu để lấy sợi len. Dựa vào lao động sáng tạo của cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật, xuất phát từ chỗ trong nước có các loại nguyên liệu dồi dào có thể chế biến thành sợi tổng hợp — than gầy, đá vôi và lau sậy —, cách đây 20 năm, Triều tiên đã tự sản xuất sợi vi na lon, một loại sợi bền thay thế được sợi bông. Hiện nay sản lượng sợi vi na lon hằng năm đạt 50 nghìn tấn, riêng ngành sợi tổng hợp chế biến từ lau sậy có sản lượng hằng năm trên 10 nghìn tấn. Bằng các loại sợi tổng hợp nói trên, năm 1984, Triều tiên đã sản xuất 800 triệu mét vải. Triều tiên đã và đang cố gắng nâng cao chất lượng vải và đa dạng hóa mặt hàng vải nhằm không chỉ thỏa mãn về số lượng mà cả về chất lượng và yêu cầu thẩm mỹ của nhân dân. Triều tiên đang xây dựng thêm xí nghiệp sợi vi na lon có sản lượng hằng năm 100 nghìn tấn, đồng thời đẩy mạnh việc cải tạo đất mặn để biến hàng nghìn héc ta đất ven biển thành đất trồng lau sậy, tạo ra những cơ sở nguyên liệu trong nước ổn định cho ngành dệt.



Digitized by Google

Đất nước Triều tiên đã từng bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh. Riêng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã phá hủy hoàn toàn 28 triệu mét vuông nhà ở, hơn 1000 bệnh viện, hơn 260 rạp chiếu bóng và nhà văn hóa. Tình hình đó làm cho vấn đề nhà ở sau chiến tranh trở thành một trong những vấn đề cấp bách nhất trong đời sống của nhân dân cả nước. Sau khi chiến tranh chấm dứt, Triều tiên bắt tay ngay vào việc tạo ra những điều kiện cần thiết nhằm từng bước xây dựng lại nhà ở cho nhân dân. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, gạch, ngói, cấu kiện nhà ở, bê tông đúc sẵn... được chú trọng phát triển. Về sản xuất xi măng, Triều tiên có nguồn nguyên liệu dồi dào. Hiện nay Triều tiên có hàng chục nhà máy xi măng cỡ lớn và hiện đại, mỗi cái có sản lượng trên 1 triệu tấn/năm. Sản phẩm của các nhà máy này dành chủ yếu cho xây dựng công nghiệp và giao thông, và một phần cho xuất khẩu. Ngoài ra, còn có hàng loạt xí nghiệp xi măng địa phương cấp tỉnh và huyện. Xi măng địa phương chủ yếu được sử dụng ở tỉnh, huyện và nông thôn. Nhờ có công nghiệp xi măng và sắt thép phát triển, việc xây dựng nhà cửa ở Triều tiên được tiến hành với tốc độ khá cao. Từ 1961 đến 1970, Nhà nước đã xây dựng nhà ở cho 910 nghìn hộ lao động. Trong thời kỳ 1970 — 1984 lại có hàng triệu người lao động được nhận nhà mới. Thủ đô Bình nhưỡng và nhiều thành phố khác ở Triều tiên hầu như được xây dựng mới từ sau chiến tranh. Ở các vùng nông thôn, phần lớn gia đình nông dân tập thể đã có nhà mới bằng gạch theo một quy hoạch tổng thể nhằm từng bước thành thị hóa nông thôn.

Năm nay, nhân dân Triều tiên long trọng kỷ niệm lần thứ 40 ngày giải phóng Triều tiên (15-8-1945 — 15-8-1985) và kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng lao động Triều tiên (10-10-1945 — 10-10-1985).

Những thành công trong việc giải quyết vấn đề ăn, mặc, ở nói trên là một bộ phận trong những thành tựu về mọi mặt mà nhân dân Triều tiên đã đạt được kể từ sau ngày giải phóng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng lao động Triều tiên do đồng chí Kim Nhật Thành đứng đầu, với tinh thần lao động cần cù và sáng tạo, không ngừng vươn lên phía trước, nhân dân Triều tiên đã biến đất nước vốn nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề thành một nước có nền kinh tế phát triển, văn hóa khoa học tiên tiến, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Đó là những cơ sở rất quan trọng để nhân dân Triều tiên tiếp tục tiến lên và đấu tranh thống nhất Tổ quốc.

Chào mừng những ngày lễ lớn của nhân dân Triều tiên, nhân dân Việt nam bày tỏ niềm vui mừng trước những thắng lợi của nhân dân Triều tiên anh em và chân thành chúc nhân dân Triều tiên thu được nhiều thắng lợi mới to lớn hơn nữa.

---

## Xã hội Trung quốc...

*(Tiếp theo trang 106)*

những kẻ đang gieo tai họa mới cho đất nước Trung hoa. Nay thì lời lẽ mị dân đã nuốt mất rồi, cánh cửa dân chủ giả hiệu cũng đóng lại rồi. Song liệu người ta có bịt nổi dòng « văn học bộc lộ » phê phán hiện thực xã hội Trung quốc đen tối được không, khi nguyên tắc « kiên trì chủ nghĩa xã hội » trong « bốn nguyên tắc lớn » được nêu lên làm phép để rồi công khai phản bội lại, khi « ô nhiễm tinh thần » bị chống bằng lời nói, lại được khuyến khích bằng việc làm, bằng những cơ sở xã hội hiện thực ?



Digitized by Google

# Xã hội Trung quốc qua một số tác phẩm văn học Trung quốc gần đây

LÊ HUY TIÊU

CÁCH mạng văn hóa (1966 — 1976) là một thảm họa đối với đất nước Trung hoa. Nó kéo lùi xã hội Trung quốc đến mấy chục năm và phá nát những giá trị tinh thần của người dân Trung quốc. Điều này đã được báo chí phương Tây nói khá tỉ mỉ, ngay cả báo chí của người Trung quốc cũng phải thừa nhận. Mười năm nội loạn đó cũng đã được phản ánh vào trong những tác phẩm văn học gọi là « văn học vết thương ». Tác phẩm tiêu biểu là kịch bản phim *Mối tình cay đắng* (khổ luyến) của Bạch Hoa. Cái xác lạnh cứng của họa sĩ Lăng Thần Quang và dấu hỏi anh để lại trên cao nguyên tuyết trắng xoáy sâu vào lòng người đọc mang ý nghĩa tố cáo mãnh liệt.

Từ khi Mao chết và bọn bốn tên đổ đến nay, những người lãnh đạo Bắc kinh thường khoe khoang rằng: xã hội Trung quốc là xã hội « *ổn định, đoàn kết, dân chủ và pháp trị* » (1), nhân dân Trung quốc « *tràn đầy vui sướng và tự hào* » (2).

Xã hội Trung quốc ngày nay có thật đúng như vậy không? Đọc một số tác phẩm văn học Trung quốc thuộc loại « văn học bộc lộ » viết trong thời gian gần đây ta sẽ phần nào thấy được điều đó.

★

Xã hội Trung quốc thời ông Mao trước kia và thời ông Đặng ngày nay chưa có khi nào ổn định, đoàn kết và dân chủ. Thời ông Mao đã có bao đợt « chỉnh phong » gây nên đại loạn trong xã hội Trung quốc. Giờ đây ông Đặng ồ ạt mở chiến dịch « chỉnh đảng » nhằm gạt bỏ tất cả những người không ăn cánh với mình. Do đấy không khí nghi ngờ, hằm hè, đấu đá lẫn nhau bao trùm lên xã hội Trung quốc từ trung ương đến các địa phương và cơ sở. Bài thơ *Một con thuyền, hai lòng dạ* (3) diễn tả sự bằng mặt mà chẳng bằng lòng của hai ông chánh chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ở một cơ quan nọ đã nói lên sự thật ấy:

« Kìa xem hắn ngẩng đầu nhìn ra cửa sổ
Đích thị là đang nghĩ kế chi?
Hẳn là bắt mối với ngoại quốc chứ gì.
Đến ngày nào hắn khai hỏa tiến công ta đấy.
Kìa xem hắn cúi đầu viết hý hoáy
Chắc hẳn là vu cáo ám hại ta... ».

Bài thơ kết luận, đất nước chưa ổn định, lòng người còn ly tán thế này, thì còn tâm trí đâu mà làm việc, và

(1), (2) Diễn văn của Đặng Tiểu Bình đọc trước Thiên an môn ngày 1 tháng 10 năm 1984.
(3) Tác giả Khổng Tường Hữu. *Nhân dân nhật báo*, ngày 5-2-1980.



Digitized by Google

« Bốn hiện đại hóa » chắc chắn chỉ là câu chuyện viển vông, khôi hài trên giấy mà thôi. Chuyện bè phái, đấu đá, giết hại nhau là căn bệnh kinh niên của Trung quốc. Hồi cách mạng văn hóa, ở Trung quốc đã từng có câu ca :

« Ngữ lục bất ly thủ
Vạn tuế bất ly khẩu
Đương diện thuyết hảo thoại
Bối hậu hạ độc thủ ».

(nghĩa là : Sách trích lời Mao không rời tay, miệng không ngớt hô vạn tuế. Trước mặt toàn nói tốt, nhưng sau lưng tìm cách triệt hạ nhau).

Xã hội không ngừng chao đảo, cán bộ mải mê tranh giành quyền lực, cho nên thế hệ trẻ bị bỏ rơi, nhiều em biến thành thú dữ, căm thù cả người thân :

« Miệng mím chặt hận thù
Cánh tay, tảng ngực còn in
Vết răng bầy thú quần nhau
cắn xé ».
(Nhớ trẻ thơ ác thú)

Tác giả bài thơ trên còn đưa ra câu hỏi đớn đau và sâu sắc

« Dưỡng đi của các em
Sao lại hướng nhà tù ? ».

Thanh niên Trung quốc cũng đang mất phương hướng, chán chường vì « đánh mất chìa khóa » mở cửa cuộc đời. Do đó, kẻ thì lao vào rượu chè, người thì sa đọa thành những tên lừa bịp, lưu manh trộm cắp. Vở kịch *Hãy cứu lấy cô ta* (4) cho thấy quá trình lưu manh hóa của thanh niên Trung quốc. Nhân vật Lý Hiểu Hà nguyên là một cô gái ngây thơ trong trắng. Do cô không a dua theo những hành động phá phách, đánh người của « phái tả » cho nên cô bị đuổi học, bị cưỡng bức về nông thôn lao động khổ sai. Mặc dù lao động quần quật suốt ngày đêm, cô vẫn không được công nhận là phần tử tích cực, do đấy không được tuyển về làm công nhân ở thành phố. Đau khổ vì tiền đồ mờ mịt, cô nghĩ ra một kế : tự xưng là cháu ngoại của một cán bộ cỡ vai vỡ để thi vào đại học. Việc bại lộ, cô sinh ra chán chường, cộng thêm sự xa lánh của gia đình, dần dần cô đi vào con đường tội lỗi. Cô gia nhập một tổ chức lưu manh, cướp của, giết người rất thành thạo, sống xả láng không cần gì đời. Rượu, thuốc lá đối với cô cần hơn cả cơm gạo... Xã hội Trung quốc ngày nay đã xô đẩy thế hệ trẻ đến bước đường cùng như vậy đó.

Sau bao nhiêu năm biến loạn, chao đảo, bây giờ cái thói vun vén cá nhân, vơ vét cho mình trở thành hiện tượng phổ biến trong giới cán bộ lãnh đạo từ lớn đến bé ở đại lục Trung hoa. Họ thường lợi dụng chức quyền ra sức vơ vét cho đầy túi tham. Vở kịch *Quyền lực và pháp luật* (5) phản ánh sự thối tha của chính quyền và cấp ủy đảng ở một thành phố Trung quốc trước và sau cuộc đảo chính 1976. Đại diện cho chính quyền thành phố là Tào Đạt. Tự vỗ ngực là nhà cách mạng lão thành, hắn vơ vét của cải của nhân dân, « cướp mất lương thực của nhân dân bị lụt », « buôn bán xe du lịch và kinh doanh nhà cửa ». Hễ ai có ý kiến là hắn lên mặt ông quan đe dọa người đó là phá hoại đoàn kết, là chống đảng, chống cách mạng. Pháp luật của « Nhà nước xã hội chủ nghĩa Trung quốc » chỉ dùng để bỏ tù những người dân đen vô tội, còn những vị quan lớn như Tào Đạt thì không dám động đến lông chân chúng. Ở đây không còn gì là công lý nữa. Người dân thấp cổ, bé họng kêu sao thấu trời !

Cán bộ trung cấp thì như thế, cán bộ cao cấp còn ghê gớm hơn nhiều. Bài thơ *Tướng quân, không được làm như thế* (6) cho biết có một vị tướng

(4) Tác giả kịch bản : Triệu Quốc Khánh, đoàn kịch Trường Xuân diễn, năm 1979.

(5) Đã an kịch nói Bắc kinh diễn năm 1979. Dẫn theo *Quang minh nhật báo*, ngày 2-1-1980.

(6) Tác giả Diệp Văn Phúc. *Thi san*, số 8-1979.



Digitized by Google

trong quân đội Trung quốc đã ỷ thế phá vườn trẻ để xây dựng biệt thự riêng cho mình. Toàn bộ đồ dùng trong nhà hắn là những thiết bị của Nhà nước vừa mới nhập từ nước ngoài vào để xây dựng « bốn hiện đại hóa ». Số cán bộ như vị tướng quân này không phải là hiếm. Họ choáng váng, ngây ngất trước những « viên đạn bọc đường » nên mất hết « bản sắc giai cấp vô sản », quên hết lời trăng trối cuối cùng của các chiến hữu đã hy sinh trong cánh tay của họ. Trong lúc « các bà mẹ Thái hàng sơn xưa từng nuôi nấng họ bằng cháo kê », giờ đây vẫn còn phải « dùng chiếc thìa gỗ xúc rau rừng trong bát »; trong lúc những người chị Lạc dương xưa kia đã từng băng bó vết thương cho họ, giờ đây vẫn còn phải sống chật chội trong những ngôi nhà nhỏ « chỉ có sáu mét vuông », phải « bắc nồi trên giường nằm », thì các vị ấy đắm mình trong chén rượu Mao đài và thả mình trong bộ xa lông sang trọng. Cuộc sống quá thừa mứa ấy, họ vẫn cảm thấy chưa đủ, họ còn đòi hỏi, vơ vét :

« Cho tôi... »
« Cho tôi »...
Cho ngài mặt trăng
Ngài chê quá lạnh !
Cho ngài mặt trời
Ngài chê quá nóng !
Ngài muốn ôm
Cả quả địa cầu... ! »

Còn ngài thứ trưởng trong truyện vừa *Con bướm* (7), khi bị thất sủng ông ta mới khám phá ra mình còn có đôi tay và đôi chân, bởi vì hồi còn làm việc, tay ông ta chỉ để ký, để cạn chén, đi đâu thì đã có ô tô con, cần gì đến đôi chân. Ông ta lại khám phá ra mình còn có đôi tai và đôi mắt nữa, bởi vì hồi còn làm việc ông ta có cần nghe ai và nhìn ai ! Ngay chính cậu con trai vị thứ trưởng ấy đã phải nói về người bố của mình như sau : « Bố mà được phục hồi chức cũ, bố lại bắt đầu bằng việc xử tội hàng loạt người... » và « Phải chăng con sẽ được là tên đầu tiên trong danh sách ? »

Bài thơ *Ta là kiêu ngạo, ta là cái cân thăng bằng* (8) cho thấy một dạng cán bộ lãnh đạo khác ở Trung quốc hiện nay. Bài thơ miêu tả tính cách ngược đời của một vị quan lại. Hắn chỉ thích cuộc sống đơn điệu và ghét cuộc sống đa dạng phong phú. Hắn đánh đồng tất cả người chăm chỉ và kẻ lười biếng. Hắn không phân biệt được mùi thơm và mùi thối, hắn coi màu xanh và màu vàng như nhau. Hắn sùng bái ốc sên vì nó đi chậm chạp. Hắn ca ngợi bọ hung vì nó chui rúc được vào cả phân thối. Hắn tán dương con người không biết chữ vì sẽ dễ sai bảo. Hắn độc ác và ngược đời đến mức muốn thả sói ra khỏi lồng, muốn ban cho thằng lười một món thưởng, muốn cưới cho thằng ngốc một cô vợ đẹp...

Với những tên lãnh đạo quan liêu, độc ác, tham lam, và điên rồ như vậy thì nhân dân Trung quốc « Cứ đời đời ăn cháo loãng mà thôi ».

Một trong những bi kịch của thanh niên thành phố ở Trung quốc hiện nay là bị đưa về nông thôn để cho nông dân « giáo dục lại ». Anh thanh niên Lý Tiểu Chương, trong vở kịch *Giả sử tôi là thật* (9) có số phận hẩm hiu như vậy. Cùng về nông thôn lao động với anh, nhưng có đứa lắm tiền dút lót cho cán bộ công xã thì được về sớm. Nếu là con ông này bà nọ thì được miễn đi, hoặc được làm việc nhẹ ở công xã. Lợi dụng tâm lý của thanh niên muốn được trở về thành phố tiếp tục học tập, cả một lô một lốc cán bộ trên dưới đã tìm mọi cách làm giàu trên lưng dám trẻ vô tội. Có đứa vì nghèo túng, vì thân cô thế cô đành

(7) Tác giả Vương Mông. Tạp chí *Tháng mười*, số 4-1980.
(8) Hoàng Tân Trung. Tạp chí *Măng chồi* (Liêu ninh), số 10-1981.
(9) Diệp Nguyệt Tân. Đoàn kịch Thượng hải diễn, năm 1979. Dẫn theo *Nhân dân nhật báo*, ngày 19-3-1980.



Digitized by Google

cam chịu theo số phận, nhưng cũng có đứa tìm mọi cách để tự cứu mình: Lý Tiểu Chương đã bịa ra một lý lịch giả mạo là con một ông bí thư tỉnh ủy để được ưu đãi. Nhưng anh ta bị phát giác và bị đưa ra tòa. Khi tòa hỏi anh có biết mình phạm tội gì không. Anh ta trả lời « Tôi chỉ có một sai lầm là tôi không phải cái người mà tôi giả danh. Tôi sai lầm vì tôi không phải là con một cán bộ cao cấp của Đảng. Giả sử tôi là con cái họ thì mọi việc tôi làm sẽ trở nên hợp pháp ngay lập tức. Giả sử tôi là thật thì tôi là hợp lý ».

Vở kịch này được công chúng Trung quốc hoan nghênh nhiệt liệt vì nó lên án chính sách « hạ phóng » có từ thời Mao đến nay, đồng thời vạch trần tác phong hủ bại của đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Chính vì vậy, trên tạp chí *Hồng Kỳ* số 20 năm 1980, Hồ Diệu Bang đã lên tiếng chỉ trích và ra lệnh cấm công diễn vở kịch này. Sự thật thì vở kịch cũng chưa phản ánh hết thảm trạng của thanh niên Trung quốc bị đày về nông thôn lao động khổ sai.

Nông dân Trung quốc chiếm 80% dân số đất nước. Ở xã hội cũ, họ bị đè bẹp không ngóc đầu lên được. Giờ đây họ vẫn bị đọa đày, đau khổ. Truyện ngắn *Lý Thuận Đạt làm nhà* (11) cho biết có một người nông dân Trung quốc dự định xây một ngôi nhà ba gian mà suốt 30 năm nay vẫn chưa thực hiện được vì không đủ tiền mua vật liệu. Truyện ngắn *Buổi sớm ở thôn Ngân hạnh* (12) cho biết nông thôn Trung quốc năm 1979 vẫn còn có người đội trưởng sản xuất tên là Học Tân nghèo đến nỗi không sắm nổi chiếc áo rét cho nên phải « mượn » chiếc áo bông rách của con gái mình để tiếp ông bí thư công xã.

Số phận những người trí thức cũng chẳng hơn gì số phận những người nông dân. Giới trí thức thời Mao đã phải chịu bao cảnh đắng cay, chết chóc thảm thương. Giờ đây đề mị dân, tập đoàn lãnh đạo mới ở Trung quốc tâng bốc họ lên tận mây xanh, gọi họ là « tài sản quý báu » nhưng thực tế thì lại khác hẳn.

Nữ bác sĩ nhãn khoa Lục Văn Đình — nhân vật chính trong truyện vừa *Con người đến tuổi trung niên* (13) — rất tận tụy với công việc. Chị bận công tác đến nỗi việc nội trợ và săn sóc con cái phải dồn hết cho chồng. Tay nghề chị rất vững. Tốt nghiệp bác sĩ năm 1961, đến năm 1980 chị vẫn chỉ được hưởng lương 56 đồng 5 hào, lương của bác sĩ trong thời kỳ thực tập. Trong khi đó những kẻ tay nghề kém chị xa nhưng giỏi nịnh thì được tăng lương vùn vụt. Cả nhà chỉ chỉ có mỗi một cái bàn làm việc. Chồng, con và chị phải lập thời gian biểu để thay nhau ngồi làm việc. Ưu tiên là đứa con rồi đến chị; đến phiên chồng ngồi đọc sách thì đã quá khuya. Chồng chị mới hơn 40 tuổi mà trông như một ông già, đầu hói, trán nhăn. Là nhà khoa học mà anh ít có thời gian dành cho khoa học. Người vợ bận suốt ngày ở bệnh viện, anh phải làm tất cả công việc nội trợ và săn sóc con cái. Anh nói một cách mỉa mai rằng anh đã trở thành « vú em nam » mất rồi.

Căn phòng của bác sĩ Văn Đình chật chội đến nỗi « không có chỗ xoay người ». Một con người kiên nghị như chị mà cũng phải thốt lên: « Có lẽ, sai lầm của đời người là hôn nhân. Chẳng phải người ta thường nói hôn nhân là nấm mồ của tình ái đó sao ». Chị sống giản dị đến mức dễ sợ: chưa bao giờ mặc một chiếc áo hoa, ăn uống toàn rau dưa, sống ở Bắc kinh hơn mười năm mà chưa đi chơi công viên Bắc hải lấy một lần.

---

(11) Cao Hiểu Thanh. Dẫn theo *Nhân dân nhật báo* ngày 2-1-1980.

(12) Bạch Hoa. *Nhân dân nhật báo*, ngày 9-2-1980.

(13) Thẩm Dung. Tạp chí *Thu hoạch*, số 1, 1980.



Digitized by Google

Vất vả, mệt mỏi, túng thiếu, chật chội mà chẳng được ai quan tâm giúp đỡ. Nhiều đêm chị cảm thấy « trong thế giới bao la này, hình như mỗi góc đều đang rạn vỡ ».

Một lần vì phải mổ ba ca liền trong một ngày, về đến nhà, chị ngất xỉu vì nhồi máu cơ tim. Chồng chị vội gọi điện đến bệnh viện xin xe cấp cứu. Người phụ trách đội xe trả lời « chưa có lệnh cấp trên, không được điều xe ». Anh phải bế vợ ra đường và « may mắn » nhờ được một chiếc xe tải đưa vợ đi bệnh viện. Trong cơn hấp hối chị vẫn còn hối hận chưa tết được đuôi sam cho đứa con gái 6 tuổi, và buồn bã vì chưa mua nổi đôi giày đá bóng cho đứa con trai.

Gần đây, báo chí và đài phát thanh Bắc kinh luôn tuyên truyền về cuộc sống lứa đôi hạnh phúc. Nào là nam nữ thanh niên được tự do yêu đương, nào là tuần trăng mật vợ chồng mới cưới đi du ngoạn những nơi danh lam thắng cảnh. Hãy đọc truyện ngắn *Góc bị tình yêu bỏ quên* (14) ta sẽ thấy thanh niên nam nữ Trung quốc vẫn còn là nạn nhân của những tư tưởng phong kiến cổ hủ, lạc hậu. Truyện nói về số phận của ba người phụ nữ : người mẹ, trong cải cách ruộng đất đã phải tủi hờn vì không lấy được người mình yêu. Người con gái thứ nhất của bà trong cách mạng văn hóa yêu một người con trai, do nhẹ dạ cô có mang nên bị toàn thôn khinh rẻ. Cuối cùng không chịu được nhục cô đã nhảy xuống sông tự tử. Anh người yêu bị bắt đưa đi cải tạo. Tình yêu của đứa con gái thứ hai của bà sau cách mạng văn hóa lại bị chính bàn tay của bà tàn phá. Vì tham tiền bà ép con gái phải lấy một người mà cô không yêu.

★

Tóm lại, qua một số tác phẩm văn học nêu trên, ta thấy xã hội Trung quốc ngày nay vẫn đang vỡ ra từng mảng, năm bè bảy bối, Thanh niên thấy tiền đồ mờ mịt. Cán bộ tha hóa. Những người trí thức chính trực bị đối xử bất công. Nhân dân nói chung mất hết lòng tin vào những người cai trị họ. « Ổn định », « đoàn kết » theo giọng lưỡi của nhà cầm quyền vẫn chỉ là cái bánh vẽ. Vả lại, làm sao mà « ổn định » « đoàn kết » một khi nhà cầm quyền Trung quốc tiếp tục xóa bỏ thành quả cách mạng của nhân dân lao động Trung quốc, chủ trương một số người hãy cam chịu bóc lột để cho một số người khác bóc lột làm giàu trước đã, chủ trương trong một nước Trung hoa cùng một lúc có cả hai chế độ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa tồn tại hòa thuận bên nhau.

Những tác phẩm « văn học bộc lộ » một thời đã làm giàu cho văn học đương đại Trung quốc bởi vì nó dám nhìn thẳng vào hiện thực bi hài của xã hội Trung quốc hiện nay và lên tiếng phê phán hiện thực đó.

Có người sẽ hỏi : bằng cách nào mà những tác phẩm « văn học bộc lộ » ấy có thể xuất hiện được ở một xã hội của bạo lực cường quyền như xã hội Trung quốc ngày nay ? Khi mới giành được quyền lực, những người lãnh đạo hiện nay ở Bắc kinh muốn mị dân bằng chủ trương « giải phóng tư tưởng », « phát huy dân chủ » muốn lợi dụng dòng « văn học vết thương », « văn học bộc lộ » để hạ uy tín « phái tả » trong cách mạng văn hóa và những người khác không cùng cánh cản trở « bốn hiện đại hóa ». Nhưng những tác phẩm này không hoàn toàn chiều theo ý của nhà cầm quyền. Chúng như những « con dao hai lưỡi » : tố cáo, lên án thời cách mạng văn hóa, đồng thời cũng chĩa mũi nhọn vào

*(Xem tiếp trang 101)*

(14) Trương Huyền : *Văn học Thượng hải*, số 1-1980.



Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 8 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – Отстоять революционные завоевания, построить родину могущественным и процветающим государством. ТЮ ГУИ МАН – Союз трех стран Индокитая непрерывно набирает силу. НГУЕН ДЫК ТХУАН–Профсоюзы и дело социалистической индустриализации. НГУЕН КЮЕТ–О восстании в Ханое 1945 года. ХОАНГ АНЬ–Воспоминание о восстании за власть в Хюэ. ВУ НГОК ЛИНЬ–Умножая революционные традиции, превратить Бактхай в процветающий и могущественный край. НГУЕН КУАН–40 лет при народной власти. ЛЕ ЗАН – Крупные достижения революционного народного образования Кампучии. ЛЕ ТИНЬ – Жилищно-бытовые проблемы в Корейской Народно-Демократической Республике.

## REVIEW OF COMMUNISM N° 8-1985

**Editorial** – Firmly Safeguarding the Revolutionary Fruits and Building the Powerful and Prosperous Homeland. CHU HUY MÂN – The Three Indochinese Countries' Alliance Ever Been Developing. NGUYỄN ĐỨC THUẬN – The Trade-Unions and the Cause of Socialist Industrialization. NGUYỄN QUYẾT – Hanoi's Uprising. HOÀNG ANH – In Retrospect to the Insurrection to Seize Power in Hue. VŨ NGỌC LINH – Bringing into Full Play the Revolutionary Traditions and Resolutely Making Bac Thai a Strong and Prosperous Province. NGUYỄN QUÁN – Forty Years under the People's Power. LÊ DÂN – Great Achievements Won by the Revolutionary Education Authorities of Kampuchea. LÊ TỊNH – The Problems of Food, Clothing and Housing in the Democratic People's Republic of Korea.

## REVUE DU COMMUNISME N° 8-1985

**Editorial** – Défendre solidement les acquis de la révolution, édifier notre Patrie puissante et prospère. CHU HUY MÂN – L'alliance des trois pays indochinois grandit sans cesse. NGUYỄN ĐỨC THUẬN – Le syndicat et l'industrialisation socialiste. NGUYỄN QUYẾT – Hanoi se soulève. HOÀNG ANH – Sur l'insurrection de la population de Hue. VŨ NGỌC LINH – Faire valoir les traditions révolutionnaires, être résolu à faire du Bacthai une province prospère. NGUYỄN QUÁN – 40 ans sous le pouvoir populaire. LÊ DÂN – Les grandes réalisations de la révolution kampuchéenne dans le domaine de l'enseignement. LÊ TỊNH – Le problème de la nourriture, de l'habillement et du logement en République démocratique populaire de Corée.

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 8-1985

**Editorial** – Defender sólidamente los frutos de la revolución y construir la Patria poderosa y próspera. CHU HUY MÂN – El creciente desarrollo de la alianza de los tres países de Indochina. NGUYỄN ĐỨC THUẬN – El sindicato y la industrialización socialista. NGUYỄN QUYẾT – Hanoi en sublevación HOÀNG ANH – Recuerdos de la toma del poder en Hue. VŨ NGỌC LINH – Poniendo en juego la tradición revolucionaria, nos esforzamos por edificar Bac Thai en una provincia próspera. NGUYỄN QUÁN – 40 años bajo el poder popular LÊ DÂN – Grandes éxitos de la educación revolucionaria de Kampuchea. LÊ TỊNH – La alimentación, vestimenta y vivienda en la República Democrática Popular de Corea.

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 8-1985. NĂM THỨ XXXI (356)

# Mục lục

**Xã luận** — Bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, xây dựng Tổ quốc hùng mạnh, phồn vinh 1

CHU HUY MÂN — Liên minh ba nước Đông dương không ngừng lớn mạnh 5

NGUYỄN ĐỨC THUẬN — Công đoàn và sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa 12

Chủ tịch Hồ Chí Minh (Biên niên tóm tắt Từ 14-8-1945 đến 20-12-1946) 18

NGUYỄN QUYẾT — Hà nội khởi nghĩa 26

HOÀNG ANH — Nhớ lại cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế 34

VŨ NGỌC LINH — Phát huy truyền thống cách mạng, quyết tâm xây dựng Bắc thái giàu mạnh 43

NGUYỄN VĂN TRUNG — Bến tre mười năm thử thách, mười năm trưởng thành và thắng lợi 50

NGUYỄN ĐỨC THIỆNG — Trên dải đất Bình trị thiên hôm nay 57

NGUYỄN QUÁN — Bốn mươi năm dưới chính quyền nhân dân 62

LÊ VĂN KHỞI — Kinh nghiệm bước đầu về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Cai lậy 68

NGUYỄN TIẾN QUA — Hòa vang mười năm xây dựng và trưởng thành 74

ĐẠM MAI — Nam hải — một hợp tác xã thủ công nghiệp tiên tiến 80

**Sinh hoạt tư tưởng** ★ NHỊ LÊ — Gia trưởng 87

VŨ ĐỨC PHÚC — Đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng 90

LÊ DẦN — Thành tựu to lớn của nền giáo dục cách mạng Cam-pu-chia 96

LÊ TỊNH — Vấn đề ăn, mặc, ở tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên 99

LÊ HUY TIÊU — Xã hội Trung quốc qua một số tác phẩm văn học Trung quốc gần đây 102

Bìa 1 — Tranh của họa sĩ PHẠM THANH LIÊM

Bìa 3 — Một số thành tựu về công nghiệp

Bìa 4 — Tranh của họa sĩ DƯƠNG HƯỚNG MINH

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

# CÔNG NGHIỆP



## GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG CÔNG NGHIỆP

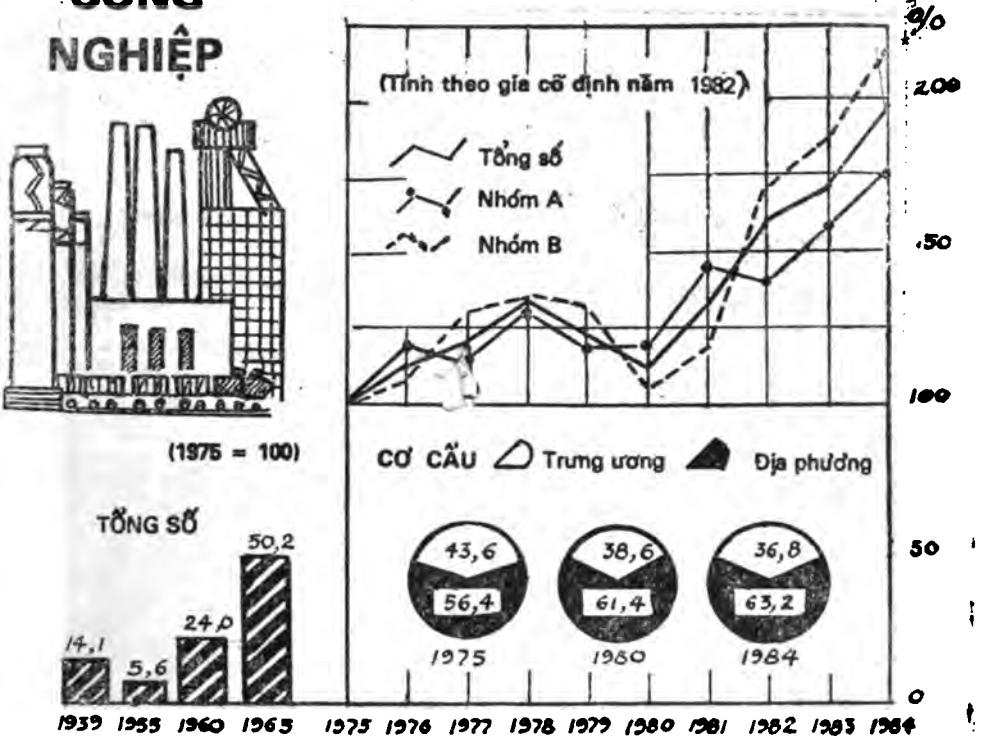


## MỘT SỐ SẢN PHẨM

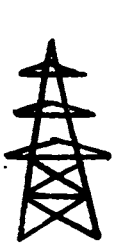

ĐIỆN (triệu kwh)

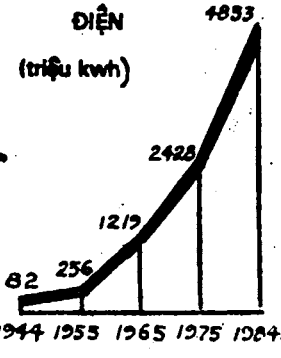

THAN SẠCH (triệu tấn)

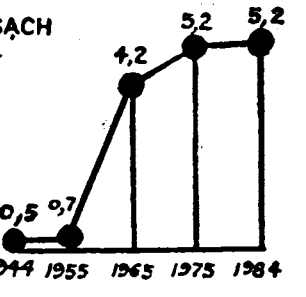

VẢI (triệu mét)

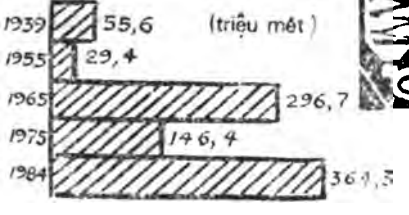


CÁ BIỂN (nghìn tấn)

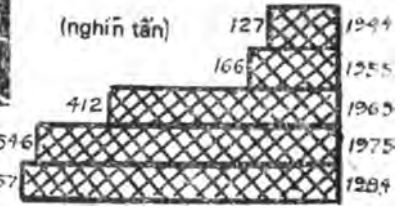


Digitized by Google

In tại nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 – Giá 4đ

Digitized by Google

# Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

JAN 8 1986

9

9 . 1985

Digitized by Google

*Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.*

Hồ Chí Minh
(1951)

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

## *Xã luận*

# BỐN MƯƠI NĂM TRƯỞNG THÀNH CỦA NHÀ NƯỚC TA

*TRONG lịch sử đấu tranh cách mạng, hiếm có một dân tộc nào như dân tộc Việt nam, chỉ trong thời gian mấy chục năm, đã phải trải qua những thử thách ghê gớm.*

*Liền ngay sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền nhân dân vừa ra đời đã phải đứng trước tình thế « ngàn cân treo sợi tóc ». Nền kinh tế của đất nước kiệt quệ. Nền tài chính quốc gia chỉ là con số không. Hậu quả của nạn đói với 2 triệu người chết, do các đế quốc Nhật — Pháp gây ra, đè nặng lên đất nước. Lại thêm nạn lụt chưa từng thấy xảy ra. Ở phía Nam, quân đội Anh kéo đến, mượn cớ để tước vũ khí quân đội Nhật bản, nhưng kỳ thật là để giúp thực dân Pháp cướp lại nước ta. Ở phía Bắc, 20 vạn quân Tưởng kéo sang, cũng với chiêu bài như trên, nhưng kỳ thật là để tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt minh, giúp bọn phản động Việt nam lật đổ chính quyền nhân dân, lập ra chính phủ bù nhìn làm tay sai cho chúng.*

*Như V.I. Lê-nin đã từng nói, giành chính quyền đã khó, nhưng bảo vệ chính quyền càng khó hơn. Đảng ta, dưới sự lãnh đạo kính mến, đã có sự quyết đoán mau chóng và sáng suốt, một mặt động viên sức mạnh của nhân dân cả nước, xây dựng và củng cố lực lượng, mặt khác sử dụng sách lược khôn khéo đối phó có hiệu quả với thù trong giặc ngoài, cuối cùng đưa con thuyền Việt nam vượt qua những thác ghềnh nguy hiểm. Chính quyền cách mạng được giữ vững. Nhân dân ta bước vào những thử thách mới với tư thế đã sẵn sàng.*

*Thử thách lớn nhất đối với dân tộc ta là hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, kéo dài 30 năm.*

*Sau khi giành được độc lập, tự do, nhân dân ta chỉ có một nguyện vọng: có hòa bình để xây dựng đất nước. Nhưng thực dân Pháp quyết tâm cướp lại*



Digitized by Google

*nước ta. Trước sự thách thức của chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dõng dạc trả lời:*

*« Không!... Dân tộc Việt nam thà chết chứ không chịu mất độc lập, tự do! » (1).*

*Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bắt đầu, lực lượng so sánh giữa ta và địch thật là chênh lệch, đến nỗi có người cho là « châu chấu đấu voi ». Nhưng nhờ đường lối kháng chiến lâu dài, kháng chiến toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến vừa xây dựng đất nước, sau 9 năm, chúng ta đã chuyển từ yếu thành mạnh, cuối cùng thực dân Pháp thất bại, phải ký Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954*

*Lẽ ra, nước ta đã được thống nhất vào tháng 7-1956. Nhưng đế quốc Mỹ đã nhảy vào xâm chiếm miền Nam nước ta. Bao nhiêu năm trời, đồng bào ta ở miền Nam bị đọa đày dưới chế độ Mỹ — ngụy. Trong cảnh nước sôi lửa bỏng đó, nhân dân cả nước ta đã cùng một lòng chấp nhận cuộc đụng đầu lịch sử với đế quốc Mỹ. Miền Bắc ra sức phấn đấu tiến lên chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn của miền Nam; miền Nam tiến hành chiến tranh cách mạng để tự giải phóng và bảo vệ miền Bắc. Bị sa lầy ở miền Nam, như con thú dữ bị thương nặng lồng lộn điên cuồng, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại hết sức ác liệt đối với miền Bắc hòng « đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá », ngăn cản sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam, chia cắt vĩnh viễn nước ta.*

*Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố:*

*« Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt nam quyết không sợ! **Không có gì quý hơn độc lập, tự do.** Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn! » (2).*

*Hơn hai mươi năm chiến đấu anh dũng, kiên cường dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã làm cho Mỹ phải cút (1973), ngụy phải nhào (1975). Đất nước được giải phóng hoàn toàn, Bắc Nam sum họp một nhà, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Thế và lực của cách mạng Việt nam mạnh lên gấp bội.*

*Lẽ ra, với thế và lực ấy, nhân dân ta có thể tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội, sớm có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nhưng vừa ra khỏi chiến tranh, vết thương chưa lành, nhân dân ta lại phải đương đầu với một thế lực phản động mới — bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc. Ấy là vì một nước Việt nam độc lập, thống nhất, giàu mạnh là một cản trở lớn trên con đường bành trướng, xâm lược của những kẻ mang nặng đầu óc sô vanh nước lớn ở Bắc kinh. Thử thách mới, quyết tâm mới. Nhân dân ta đã đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, và đang đánh thắng chiến tranh lấn chiếm biên giới và phá hoại nhiều mặt của chúng.*

*Bốn mươi năm thử thách ác liệt chứng tỏ dân tộc ta có sức sống mãnh liệt, Nhà nước ta thật là vững mạnh.*

★

(1) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 69
(2) Sách đã dẫn, tr 282.



Digitized by Google

*Nhà nước ta ra đời sau Cách mạng Tháng Tám và trưởng thành trong khói lửa chiến tranh lâu dài, đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình qua các giai đoạn cách mạng.*

*Trong giai đoạn đầu, Nhà nước ta làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính công nông. Thành tựu nổi bật trong giai đoạn này là đã thực hiện được hai cuộc vận động cách mạng có liên quan với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau: giải phóng dân tộc và cải cách ruộng đất. Hai cuộc vận động đó không diễn ra đồng đều, vì bọn đế quốc cướp nước là kẻ thù lớn mạnh nhất, hung hãn nhất của cả dân tộc, có đánh bại được chúng thì mới giành được độc lập dân tộc, mới có ruộng đất cho người cày. Vì vậy, Nhà nước ta đã tập trung huy động sức người, sức của phục vụ kháng chiến nhằm đánh bật bọn đế quốc, đánh đổ bọn tay sai, đồng thời thực hiện các quyền tự do dân chủ của nhân dân, xây dựng quân đội cách mạng, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục dân tộc và dân chủ, thực hiện quyền bình đẳng giữa nam và nữ, giữa các dân tộc, đặt quan hệ hữu nghị với các nước, ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân trên thế giới. Về cách mạng ruộng đất, Nhà nước ta đã tiến hành ba bước: tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và việt gian phản quốc chia cho nông dân nghèo, chia lại công điền một cách hợp lý; giảm tô, giảm tức, hoãn nợ và xóa nợ của địa chủ; cải cách ruộng rất, xóa bỏ quyền chiếm hữu phong kiến về ruộng đất, tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất của giai cấp địa chủ chia cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng.*

*Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa (ở miền Bắc từ năm 1954, trong cả nước từ năm 1975), Nhà nước ta làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Một mặt, Nhà nước kiên quyết thực hiện chuyên chính với kẻ thù của nhân dân, đánh bại chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, âm mưu lật đổ của bọn đế quốc và tay sai, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững an ninh trật tự, bảo đảm quốc phòng. Mặt khác, Nhà nước phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân thiết thực tham gia quản lý Nhà nước.*

*Nắm vững chức năng chủ yếu của chuyên chính vô sản là triệt để xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xác lập quan hệ sản xuất mới, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ta đã tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt.*

*Mục đích của cách mạng về quan hệ sản xuất là xác lập quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về những tư liệu sản xuất chủ yếu cũng như về sản xuất và phân phối. Trải qua một quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, đến nay chúng ta đã căn bản xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất trong cả nước, căn bản xóa bỏ áp bức, bóc lột, làm cho nhân dân lao động trở thành người chủ thật sự của đất nước. Ở miền Bắc, chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đã được xác lập vững chắc dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Ở miền Nam, từ năm 1975, Nhà nước đã quốc hữu hóa những cơ sở kinh tế lớn của chủ nghĩa tư bản, của bọn bán nước và bọn chạy ra nước ngoài, cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh, chủ yếu bằng hình thức công tư hợp doanh, xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, phát triển thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã. Đến năm 1984, trong cả nước, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm trên 56% thu nhập quốc dân và trên 60% tổng sản phẩm xã hội. Việc cải tạo xã*



Digitized by Google

*hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam sẽ được hoàn thành trong năm 1985. Đến nay, các hợp tác xã ở miền Bắc đã thu hút tới 97% số hộ nông dân và trên 90% diện tích canh tác ; các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở miền Nam — 65% số hộ nông dân và 59,6% diện tích canh tác*

*Trong hoàn cảnh nước ta, cách mạng khoa học — kỹ thuật giữ địa vị then chốt, nó phục vụ đắc lực việc xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Về mặt này, Nhà nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhờ áp dụng những thành tựu khoa học—kỹ thuật, Nhà nước sử dụng với hiệu quả ngày càng cao những cơ sở đã có ở miền Bắc, những cơ sở được tiếp quản nguyên vẹn ở miền Nam. Nhà nước đã và đang đầu tư xây dựng nhiều công trình mới, hiện đại. Trong kế hoạch 5 năm thứ II 1976 — 1980, Nhà nước đã đầu tư xây dựng 200 công trình, trong đó có những công trình lớn như thủy điện Hòa bình, nhiệt điện Phả lại, cầu Thăng long, nhà máy đóng tàu Phà rừng, công trường thủy lợi Dầu tiếng... Trong thời kỳ 1981—1985, Nhà nước chủ trương tập trung đầu tư cho các mục tiêu lớn về điện, than, nông nghiệp và xuất khẩu. Có thêm những công trình trọng điểm như thủy điện Trị an, xi măng Bỉm sơn, xi măng Hoàng thạch, nhà máy giấy Vĩnh phú, các mỏ Vàng danh, Khe tam, Cao sơn... Cơ sở dầu khí Vũng tàu — Côn đảo đang chuẩn bị đi vào khai thác bước đầu.*

*Căn cứ vào điều kiện cụ thể của nước nhà, Nhà nước ta tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa đồng thời với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học—kỹ thuật. Đến nay, hệ tư tưởng Mác — Lê-nin đã chiếm địa vị thống trị trong xã hội ta. Nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa đã có những thành quả đáng kể. Con người mới, xã hội chủ nghĩa đang hình thành. Nhân dân ta đã đạt được những thành tựu nổi bật về giáo dục và y tế. Dưới thời Pháp, 95% số dân không biết chữ, cả nước chỉ có một trường đại học với 515 sinh viên. Ngày nay, cả nước ta đã có hơn 12 triệu người đi học, bình quân cứ 5 người dân có một người đi học, cả nước có 124 trường đại học và cao đẳng với 13 vạn người theo học. Mạng lưới y tế đã trải rộng khắp cả nước, công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em được chú ý. Năm 1943 chỉ có 524 bác sĩ, y sĩ, đến nay đã có trên 55 000 người.*

*Bốn mươi năm qua, Nhà nước ta đã tỏ rõ là một Nhà nước thật sự cách mạng, Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nó là công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà cũng như phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.*

★

*Bước vào giai đoạn cách mạng mới, Nhà nước ta đứng trước những thử thách mới. Bọn đế quốc, bọn bành trướng, bá quyền còn chống phá nước ta. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước kinh tế lạc hậu, chủ yếu là sản xuất nhỏ, lại trải qua chiến tranh lâu dài như nước ta, có rất nhiều khó khăn mà phải có thời gian mới khắc phục được. Trong khi đó, chúng ta phải cố gắng hết sức để đáp ứng cho được 4 mục tiêu kinh tế — xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.*

*Để thực hiện những mục tiêu ấy, chúng ta cũng có những thuận lợi. Đó là đường lối đúng đắn của Đảng, là sức mạnh của nhân dân đã trải qua 40 năm*



Digitized by Google

thử thách, là Quân đội nhân dân anh hùng, trăm trận trăm thắng, là những lợi nguyên thiên nhiên, những tiềm năng về đất đai, lao động, ngành nghề chưa được khai thác, là những cơ sở vật chất — kỹ thuật đã được xây dựng, là những kinh nghiệm thành công và không thành công trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là quan hệ hợp tác anh em với các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là với Liên xô vĩ đại, với Lào, Cam-pu-chia anh em.

Để thực hiện những mục tiêu ấy, Nhà nước ta cần được tăng cường về mọi mặt. Nếu như sức mạnh của Nhà nước ta bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, thì tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa trước hết có nghĩa là phải **bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động để họ thật sự tham gia công việc của Nhà nước.** Như đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã từng nói, chế độ làm chủ tập thể vừa là động lực vừa là mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu, hành động hằng ngày của quần chúng. Làm chủ tập thể phải bắt đầu từ làm chủ đời sống kinh tế. Làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ sản xuất và làm chủ phân phối là điều kiện cơ bản để làm chủ trên các lĩnh vực khác.

Chính theo tinh thần đó mà Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng (khóa V) đã thông qua nghị quyết kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân. Hội nghị chủ trương lập lại hệ thống giá cả, cải tiến chế độ tiền lương, coi đó là những khâu đột phá có tính quyết định để xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp, xây dựng một cơ chế kế hoạch hóa và quản lý kinh tế có hiệu quả nhằm tổ chức lại toàn bộ nền sản xuất xã hội. Ý nghĩa của chủ trương ấy cũng là ở chỗ xác lập quyền làm chủ của người lao động trước hết trên vấn đề giá và lương nhằm kích thích sản xuất có hiệu quả, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, kết hợp hài hòa các lợi ích. Làm như vậy cũng chính là bồi dưỡng động lực của cách mạng, tạo ra một phong trào thật sự của quần chúng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, các cơ quan Nhà nước phải **xác định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cán bộ,** kiên quyết sắp xếp, chấn chỉnh những tổ chức, những khâu không hợp lý, loại bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, giảm biên chế bộ máy Nhà nước, sửa đổi chương trình, nội dung, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế, bảo đảm chuyển mạnh sang cơ chế quản lý mới. Phải phát huy vai trò của các cơ quan dân cử trong việc xây dựng pháp luật, quyết định những vấn đề lớn của Nhà nước và giám sát hoạt động của các cơ quan chính quyền. Phải thường xuyên củng cố và kiện toàn các cấp chính quyền, kể cả chính quyền xã và phường, nhằm làm cho các cơ quan đó trong sạch vững mạnh, năng động, có hiệu lực.

**Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết** để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Tiếp tục cụ thể hóa Hiến pháp của Nhà nước bằng hệ thống pháp luật. Xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh những bộ luật về bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự xã hội, bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh bộ Luật hình sự mà Quốc hội vừa thông qua, chú trọng xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế. Nhà nước ta sử dụng đầy đủ quyền lực của mình để giữ vững kỷ cương xã hội, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi phạm pháp và các tệ nạn xã hội. Có thái độ kiên quyết ngăn ngừa và loại trừ các hành vi vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thẳng tay trấn áp bọn phản cách mạng, trừng trị bọn lưu manh, côn đồ, bọn đầu cơ, buôn lậu, tham ô. Tăng cường công



Digitized by Google

*tác kiểm sát, thanh tra, kịp thời giải quyết các đơn từ khiếu tố của nhân dân, đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục về pháp luật trong nhân dân. Sống và làm việc theo pháp luật phải là khẩu hiệu của toàn dân.*

*Các cơ quan quản lý Nhà nước phải* **cải tiến phương pháp hoạt động, đổi mới phong cách làm việc,** *làm cho hoạt động quản lý có tính chiến đấu, năng động, sắc bén, thiết thực, tuyệt đối không được có thái độ hách dịch, cửa quyền với nhân dân.*

*Muốn cho Nhà nước ta mạnh, điều có ý nghĩa quyết định là* **tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.** *Các cấp ủy Đảng không bao biện công việc của các cơ quan Nhà nước, nhưng phải đi sâu vào từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, nhất là lĩnh vực kinh tế, để phát huy những nhân tố tích cực, uốn nắn những việc làm sai trái, phát hiện những vấn đề thuộc về chính sách, chủ trương, biện pháp cần sửa đổi, bổ sung, từ đó mà xây dựng và hoàn thiện phương pháp lãnh đạo phù hợp với tính chất và đặc điểm của từng ngành, từng cấp. Căn cứ vào yêu cầu, nội dung lãnh đạo cụ thể của từng ngành, từng cấp mà xây dựng tổ chức Đảng, bố trí cán bộ cho sát hợp với tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương. Các cấp ủy Đảng, các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thi hành Hiến pháp và pháp luật, đi đầu trong cuộc đấu tranh để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.*

*Chúng ta tin rằng Nhà nước ta đầy dạn kinh nghiệm và trưởng thành trong đấu tranh và xây dựng 40 năm qua, nhất định sẽ hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn cách mạng mới, làm cho đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.*

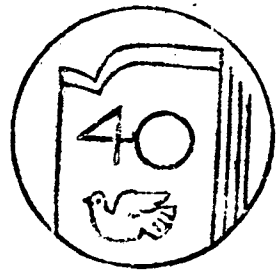




Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Digitized by Google

Digitized by Google

# Một số thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi người Mỹ năm 1945

**Lời Bộ biên tập.** — *Trong chiến tranh thế giới thứ hai Việt nam dứt khoát đứng về phía Đồng minh chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Để chĩa mũi nhọn đấu tranh vào phát xít Nhật, Đảng ta và Việt minh, do Hồ Chủ tịch đứng đầu, chủ trương tranh thủ hợp tác với Mỹ để chống Nhật. Trong khi đánh nhau với Nhật, người Mỹ bị nạn trên đất Việt nam đã được chúng ta cứu và giúp đỡ. Trong thư từ trao đổi với người Mỹ, Hồ Chủ tịch khéo léo tranh thủ sự hợp tác của Mỹ đồng thời nói lên ý chí sắt đá của nhân dân ta kiên quyết chiến đấu để giành độc lập dân tộc.*

*Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, người Mỹ nhanh chóng lãng quên những đóng góp của Việt nam trong cuộc chiến đấu chung chống phát xít Nhật. Theo đuổi những mưu đồ đen tối đối với Việt nam, nhà cầm quyền Mỹ từ chối thiện chí và hữu nghị của Việt nam do Hồ Chủ tịch đưa ra trong các bức thư của Người. Nhà cầm quyền Mỹ cũng phớt lờ lời cảnh cáo của Hồ Chủ tịch trong thư của Người : « chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi đạt được điều mà chúng tôi đáng được : độc lập dân tộc ».*

*Mọi người đều biết thái độ ngoan cố đó của nhà cầm quyền Mỹ đã đẩy nước Mỹ đến thảm họa như thế nào ở Việt nam.*

*Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 đánh thắng chủ nghĩa phát xít Nhật, chúng tôi công bố một số bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi người Mỹ năm 1945 để bạn đọc tham khảo. Các bức thư này, một số do Hồ Chủ tịch viết tay, một số đánh máy có chữ ký viết tay của Hồ Chủ tịch. Tất cả đều bằng tiếng Anh. Chúng tôi dịch ra tiếng Việt.*

★



Digitized by Google

**Ông Bernard**

**và ông Fenn thân mến,**

Tôi rất cám ơn các ông đã chăm sóc những thanh niên của chúng tôi. Tôi mong họ có thể học vô tuyến điện và các thứ khác cần thiết cho cuộc chiến đấu chung của chúng ta chống bọn Nhật.

Tôi mong các ông sẽ sớm có điều kiện đến thăm chúng tôi ở đây, tại căn cứ của chúng tôi. Được như vậy thì tuyệt! Cho phép tôi gửi lời kính chào tướng Chenault.

*Kính chào*
*Ngày 9 tháng 5*
HOO

**Ông Fenn thân mến,**

Tôi muốn viết cho ông một bức thư dài, thật dài để cảm ơn tình bạn của ông. Rất tiếc, tôi không viết được nhiều vì hiện giờ sức khoẻ tôi kém (không ốm lắm đâu, ông đừng lo!).

Ông Tam sẽ nói với ông những điều tôi muốn nói. Nếu ông gặp các ông Bonard, Vincent. Reiss và Carlson (của cơ quan Thông tin) và các bạn khác của chúng ta, cho tôi gửi lời thăm hỏi thân tình nhất.

Tam có nói là ông sẽ đến đây. Chúng tôi đã sẵn sàng tiếp đón ông nồng nhiệt nhất. Ông cố gắng đến càng sớm càng tốt.

Chúc ông mạnh khoẻ và may mắn.

*Thân ái,*
*21-7-45*
C. M. HOO

**Ông Fenn thân mến,**

Ông T. và người *trợ thủ* hoặc *thư hai* của ông ta rất tâm đầu ý hợp. Chúng tôi trở thành một gia đình lớn. Tôi hy vọng ông sẽ sớm đến thăm chúng tôi.

Yêu cầu ông vui lòng chuyển thư này cho bạn tôi là ông Sung Minh Fang ở quán cà phê Đông dương. Mười hoặc mười hai ngày sau đó, họ sẽ trao cho ông một gói cờ của Đồng minh. Tôi rất cám ơn nếu ông gửi gói ấy cho tôi bằng con đường nhanh nhất.

Xin gửi lời chào ông già quý mến và ông Bernard và tất cả bạn hữu của chúng ta.

Chúc ông mạnh khoẻ và may mắn.

*Thân ái,*
HOO
*9-6-45*



Digitized by Google

Dear Mr Bernard &c
Mr Farrer

I shall be very much obliged
to you if you can give me your
best opinion on the case
made & other things necessary
in our common Petition against
the Jurats
I hope soon we shall be
able to make out a case in our
favor. If not we must
submit to be ruined
to Queen's Bench

Believe me
Yours sincerely

**Ông Tam thân mến,**

Chiến tranh đã kết thúc. Mọi việc đã đổi thay, nhưng tình bạn của chúng ta vẫn mãi mãi như vậy, không bao giờ thay đổi.

Như ông biết, chúng tôi không được hưởng phần nào trong chiến thắng. Để có phần trong đó, chúng tôi còn phải chiến đấu gian khổ. Trên thực tế chúng tôi đã chiến đấu và chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi đạt được điều mà chúng tôi đáng được: độc lập dân tộc.

Tôi chỉ tiếc là những người bạn Mỹ của chúng tôi phải rời chúng tôi sớm quá và từ đó, quan hệ giữa chúng ta trở nên khó khăn. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ông. Đừng quên chúng tôi nhé! Hãy mong đợi cái ngày tươi sáng chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Một ngàn lần xin lỗi: người bạn chịu trách nhiệm mua xuyến tay cho ông đã bị ốm, anh ta giao nhiệm vụ này lại cho người thứ hai. Người này lại được cử đi công tác khác ở xa Hà nội, anh ta đã giao việc mua này cho người thứ ba. Người này đã không làm được như ý muốn và chỉ mua một vài chiếc trong số ông cần. Giá tất cả là 440 đồng!

Tôi xin gửi cho ông những thứ mà họ đã gửi cho tôi và số chênh lệch 2 560 đồng.

Tôi xin chúc ông mạnh khoẻ và may mắn. Tôi cũng xin chúc ông sớm có một vị hiền thê.

*Thân ái,*
C.M. HOO

*Tháng 8-1945*

**Ông Fenn thân mến,**

Chiến tranh đã kết thúc. Đó là điều tốt cho tất cả mọi người. Tôi chỉ tiếc là tất cả những người bạn Mỹ của chúng tôi sắp rời chúng tôi. Và việc họ rời khỏi xứ này có nghĩa là quan hệ giữa ông và chúng tôi sẽ khó khăn hơn.

Chiến tranh kết thúc thắng lợi. Nhưng là những nước nhỏ và bị phụ thuộc, chúng tôi không được phần lợi nào, dù chỉ là một phần rất, rất nhỏ trong thắng lợi của tự do và dân chủ. Có lẽ nếu chúng tôi muốn có phần lợi đầy đủ, chúng tôi còn phải chiến đấu. Tôi tin rằng sự đồng tình của ông và sự đồng tình của nhân dân Mỹ vĩ đại sẽ luôn luôn hướng về chúng tôi.

Tôi cũng tin chắc rằng sớm hay muộn, chúng tôi sẽ đạt được mục tiêu của chúng tôi vì nó là chính nghĩa. Và đất nước chúng tôi sẽ độc lập. Tôi mong đợi cái ngày vui mừng được gặp ông và những người bạn Mỹ khác của chúng tôi hoặc trên đất Đông dương hoặc ở nước Mỹ.

Tôi chúc ông may mắn và mạnh khoẻ.

C.M. HOO



Digitized by Google

# VÌ MỘT NƯỚC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỮNG MẠNH, PHỒN VINH

**Bài phát biểu của đồng chí LÊ DUẨN**

*Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, trong buổi lễ trọng thể kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 tại Quảng trường Ba đình*

*Thưa đồng bào và chiến sĩ thân mến,*

*Các đồng chí và các bạn thân mến,*

*Thưa các vị khách quốc tế thân mến,*

Hôm nay, chúng ta tập hợp tại Quảng trường Ba đình, nơi cách đây 40 năm, sau thắng lợi huy hoàng của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, công bố trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Bản tuyên ngôn lịch sử đó đã khẳng định:

«Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy».

Bốn mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và giáo dục, nhân dân ta đã tiến bước mạnh mẽ vào kỷ nguyên mới do Cách mạng Tháng Tám mở ra: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Toàn thể dân tộc ta đã giữ vững lời thề độc lập, anh dũng chiến đấu, vượt qua mọi gian lao, thử thách và đã giành được những thắng lợi hết sức vẻ vang, phát triển những thành quả của cách mạng Tháng Tám, bảo vệ và xây dựng nước cộng hòa trẻ tuổi của mình.

Sát cánh cùng nhân dân hai nước anh em trên bán đảo Đông dương, nhân dân ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của các thế lực đế quốc phương Tây, đập tan mưu đồ của thực dân Pháp đặt lại ách thống trị của chúng trên đất nước ta, và cuồng vọng của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ và sen đầm quốc tế, muốn nghiền nát dân tộc ta và giáng đòn phản kích quyết liệt hòng ngăn chặn và đẩy lùi các trào lưu cách mạng của thời đại.

Hai cuộc kháng chiến cứu nước thần thánh của nhân dân ta là cuộc chiến đấu tiêu biểu chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Đó là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trong thời đại mới, góp phần làm sâu sắc thêm những



Digitized by Google

thay đổi trong cục diện cách mạng chung trên thế giới, có lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tiếp sau những thắng lợi oanh liệt đó, nhân dân ta lại phải đương đầu với các thế lực bành trướng, bá quyền và bè lũ tay sai của chúng, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc. Đồng thời, chúng ta làm tròn nghĩa vụ giúp đỡ nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia hoàn thành sự nghiệp giải phóng và bảo vệ đất nước, củng cố liên minh ba nước anh em cùng tiến bước trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Từ ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước ta đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng.

Những vết thương nặng nề của chiến tranh đã được hàn gắn. Nền kinh tế quốc dân đã được khôi phục và có một số mặt phát triển. Những cơ sở vật chất — kỹ thuật quan trọng của chủ nghĩa xã hội đã và đang được xây dựng. Quan hệ người bóc lột người đã được xóa bỏ về căn bản. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã được thiết lập trong một bộ phận lớn của nền kinh tế. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động không ngừng được xây dựng và củng cố. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh. Quốc phòng và an ninh được bảo đảm. Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, mặc dù còn nhiều khó khăn, đang được ổn định và từng bước cải thiện.

Bốn mươi năm qua là một thời kỳ chiến đấu rực rỡ chiến công, một thời kỳ phát triển nhanh chóng chưa từng thấy trong lịch sử lâu dài của dân tộc ta

Sự nghiệp vĩ đại này là thành quả cuộc đấu tranh kiên trì và anh dũng của nhiều thế hệ người Việt nam, trực tiếp là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước ta trong hơn nửa thế kỷ dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng. Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tính thời đại của nhân dân ta gắn liền với sự giúp đỡ tận tình, quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của giai cấp công nhân và phong trào cộng sản quốc tế, của các dân tộc yêu chuộng tự do và loài người tiến bộ.

Trong buổi kỷ niệm trọng thể này, thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương chủ nghĩa anh hùng cách mạng tuyệt vời của nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng của chúng ta; nhiệt liệt biểu dương công lao bất diệt của các anh hùng, liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã anh dũng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vì nghĩa vụ dân tộc thiêng liêng và nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Tôi xin gửi lời chào đoàn kết và tình sâu nghĩa nặng của nhân dân ta đến nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, những người bạn chung chiến hào đã cùng chúng ta chia ngọt sẻ bùi, làm nên thắng lợi vĩ đại cho sự nghiệp cách mạng chung của ba nước Đông dương.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc về sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn của Liên xô, Tổ quốc vĩ đại của V.I. Lê-nin, và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, của các đảng cộng sản và công nhân, các quốc gia bầu bạn, các dân tộc yêu chuộng hòa bình, công lý và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

*Thưa các đồng chí và các bạn,*

Cuộc chiến đấu thắng lợi bốn mươi năm qua đã mang lại cho dân tộc ta một tầm vóc mới. Việt nam đã trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất; dân tộc ta là một dân tộc chiến thắng, một dân tộc anh hùng. Đảng ta, Đảng cộng sản Việt nam, là một



Digitized by Google

đảng Mác — Lê-nin vĩ đại. Nhân dân ta có đủ điều kiện tinh thần và vật chất để bảo vệ vững chắc mọi thành quả cách mạng, xây dựng thành công một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là Nhà nước của nhân dân lao động. Nhân dân lao động làm chủ tập thể, đó là bản chất của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong thời kỳ mới, toàn bộ năng lực và trí tuệ của nhân dân cần tập trung vào việc tiến hành đồng thời và đồng bộ ba cuộc cách mạng, then chốt là cách mạng khoa học — kỹ thuật, xây dựng từng bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho mọi người lao động, tập thể và cá nhân, đều làm chủ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ từ sản xuất đến phân phối, lưu thông; làm chủ trong cả nước, ở địa phương và cơ sở; làm chủ ngày càng cao đối với xã hội, thiên nhiên và bản thân.

Phải dấy mạnh tổ chức lại sản xuất nhằm khai thác tốt lao động, đất đai và tài nguyên thiên nhiên khác; trước mắt, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, mà trọng tâm là lương thực, thực phẩm; đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nắm vững công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ, phấn đấu xây dựng đúng tiến độ những công trình công nghiệp nặng then chốt. Từng bước xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, mà nòng cốt là cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại trong phạm vi cả nước; ra sức xây dựng huyện, lấy huyện làm địa bàn phân công lao động mới, tổ chức sản xuất và đời sống. Kiên quyết đổi mới quản lý kinh tế, bãi bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm; thực hiện một cơ chế năng động, cho phép động viên mọi nguồn dự trữ, hướng mọi hoạt động vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, đó là cơ chế tổng thể của chế độ ta. Phải sử dụng sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể ở tất cả các cấp, các ngành để phát triển kinh tế, xây dựng văn hóa, bồi dưỡng con người mới, củng cố quốc phòng và an ninh, tổ chức và bảo đảm đời sống của nhân dân.

Thấu suốt đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, phát huy năng lực lao động sáng tạo của nhân dân và tinh thần chiến đấu anh hùng của quân đội, chúng ta đang thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược và các mục tiêu cách mạng do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, đưa các nghị quyết của Trung ương Đảng, gần đây nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám, đi vào cuộc sống. Bằng những cố gắng to lớn hơn nữa, chúng ta hãy ra sức thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1985, chào mừng một cách xứng đáng Đại hội lần thứ VI sắp tới của Đảng cộng sản Việt nam, tạo điều kiện thuận lợi đưa cách mạng nước ta vào một thời kỳ phát triển mới.

Thay mặt Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, tôi kêu gọi đồng bào và chiến sĩ, cán bộ các cấp, các ngành hãy phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc ta, ra sức lao động quên mình và chiến đấu dũng cảm vì một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa vững mạnh, phồn vinh, góp phần ngày càng to lớn vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Đảng, Chính phủ và nhân dân ta làm hết sức mình để tăng cường liên minh đặc biệt giữa nước ta với Lào và Cam-pu-chia, nâng cao trình độ hợp tác toàn diện giữa Việt nam với Liên xô và cả cộng đồng xã hội chủ



Digitized by Google

nghĩa. Đó là một bảo đảm cực kỳ quan trọng cho thắng lợi của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta hoàn toàn đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu tranh nhằm ngăn ngừa và loại trừ nguy cơ hủy diệt hạt nhân do chính sách điên cuồng chạy đua vũ trang của bọn đế quốc hiếu chiến gây ra, bảo vệ hòa bình và cuộc sống con người trên hành tinh chúng ta. Nhân dân ta nhiệt liệt hoan nghênh Liên xô đơn phương ngừng mọi cuộc thử hạt nhân và đòi Mỹ cũng phải làm như vậy.

Cùng với các dân tộc ở châu Á và Thái bình dương, chúng ta kiên quyết đấu tranh làm thất bại các kế hoạch của Oa-sinh-tơn và đồng minh của chúng muốn biến khu vực rộng lớn này thành một nơi đối đầu quân sự, chính trị với các nước xã hội chủ nghĩa và tất cả các dân tộc yêu chuộng độc lập, tự do trong khu vực. Chúng ta tin tưởng rằng châu Á và Thái bình dương có thể và cần phải trở thành một khu vực hòa bình.

Chúng ta đánh giá cao vai trò to lớn của Phong trào các nước không liên kết do Ấn độ làm chủ tịch, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hòa bình, độc lập dân tộc và một trật tự kinh tế thế giới mới. Chúng ta đặc biệt bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu với nước Cu-ba anh em, và sự ủng hộ mạnh mẽ đối với cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Ni-ca-ra-goa, En Xan-va-đo, Na-mi-bi-a, Pa-le-xtin, Li-băng và nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la tinh khác.

Trước sau như một, chúng ta kiên trì chính sách hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc. Đối với các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á, chúng ta chủ trương chấm dứt tình trạng đối đầu, đi vào thương lượng nhằm giải quyết các vấn đề tranh chấp. Chúng ta mong rằng những đề nghị thiện chí do các nước Đông dương đưa ra sẽ được các bên hữu quan đáp ứng một cách tích cực.

Thời đại chúng ta là thời đại thắng lợi của hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Mọi hành động xâm lược, can thiệp đều không tránh khỏi bị trừng phạt. Kẻ nào đi ngược xu thế của thời đại nhất định sẽ thất bại.

Một lần nữa, tại quảng trường lịch sử này, dân tộc Việt nam ta khẳng định mạnh mẽ ý chí của mình quyết đem hết tinh thần và lực lượng giữ gìn non sông đất nước mà biết bao thế hệ đã chiến đấu, hy sinh để bảo vệ, đem hết nghị lực và tài năng xây dựng nước ta « đàng hoàng hơn, to đẹp hơn » như ước mong của Bác Hồ vĩ đại và nguyện vọng của toàn dân.

Dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của Đảng, đồng bào và chiến sĩ cả nước, triệu người như một, hãy anh dũng tiến lên!



Digitized by Google

# BỐN MƯƠI NĂM CÁCH MẠNG, THÀNH QUẢ VÀ TRIỂN VỌNG

PHẠM VĂN ĐỒNG

MÙA thu năm 1945. Cách mạng Tháng Tám thành công, dẫn đến sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Từ 15 năm trước đó, khi Đảng cộng sản được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã kết hợp thiên tài dân tộc và chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tinh hoa của loài người, quyện chặt độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, hòa nhập chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, gắn liền cách mạng Việt nam với cách mạng thế giới. Trong thời đại mới mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười, đường lối, ý nghĩa và thành quả của sự nghiệp cách mạng Việt nam tiêu biểu cho cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Sau Cách mạng Tháng Tám, đất nước ta trở thành một giao điểm lịch sử, nơi gặp gỡ của ba dòng thác cách mạng của thời đại, nơi đối đầu giữa các lực lượng cách mạng với các lực lượng phản động. Bọn đế quốc, bọn bành trướng nối tiếp nhau xâm lược và phá hoại nước ta, hòng đánh bại sự nghiệp cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến đấu bắt đầu ngay sau khi nước Việt nam mới ra đời và liên tục diễn biến cho đến ngày nay.

Bốn mươi năm qua chỉ là một phần trăm thời gian của lịch sử dân tộc. Song đó là 40 năm của thời đại Hồ Chí Minh, 40 năm đẹp đẽ và hào hùng nhất, đưa nhân dân ta từ bóng đêm ra ánh sáng, từ thân nô lệ thành người tự do, từ dân mất nước không có tên trên thế giới thành người chiến sĩ kiên cường chống đế quốc được cả loài người tiến bộ quý trọng, thành người xây dựng sáng tạo, đang từ nghèo nàn, lạc hậu về kinh tế vươn lên xây dựng đời sống xã hội chủ nghĩa ấm no, hạnh phúc.

Hòa nhịp với thời đại sôi nổi cách mạng trên thế giới sau chiến thắng của Liên xô chống phát xít, 40 năm qua là bản anh hùng ca cách mạng của dân tộc ta với những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc quốc tế, cống hiến xứng đáng cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân các nước, chứng minh rằng cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền nhau, về cả không gian và thời gian, trong một nước cũng như trên thế giới, là cuộc đấu tranh chính nghĩa và tất thắng. 40 năm phát huy những gì tốt đẹp nhất trong quá khứ vẻ vang của dân tộc, mang lại hiện tại đáng tự hào



Digitized by Google

ngày nay và mở ra triển vọng tươi sáng cho chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, thực hiện 3 cuộc giải phóng lớn: thay đổi vận mệnh đầy đọa của dân tộc, tình trạng trì trệ của xã hội, thân phận tha hóa của con người.

## BA MƯƠI NĂM KHÁNG CHIẾN

Chín năm kháng chiến chống Pháp kết thúc bằng chiến thắng Điện biên phủ đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ chấm dứt bằng đại thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh, báo hiệu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới. 30 năm chói lọi chủ nghĩa anh hùng cách mạng của «một dân tộc hiệp sĩ», như lời nhà họa sĩ lớn và người cộng sản Pi-cát-xô, làm sáng tỏ một chân lý của thời đại: «Không có gì quý hơn độc lập tự do» Nhân dân ta làm tròn một sứ mệnh lớn lao, mà Hội nghị văn hóa thế giới ở La Ha-ba-na năm 1968 đã nêu rõ: «Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt nam là tiên vệ, trung tâm và tột điểm của cuộc đấu tranh cách mạng của những người lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ... Chính trên các chiến trường ở Việt nam, số phận của thế giới, sự sống còn của nền văn hóa và văn minh của hành tinh chúng ta đang được định đoạt. Vật đặt cược của cuộc đấu tranh này là tự do và phẩm giá con người. Thắng lợi hoàn toàn của Việt nam là thắng lợi của loài người». Nhân dân ta xứng đáng với lòng tin yêu của bầu bạn năm châu đã từng nói về Việt nam những lời đầy tình cảm chân thành và cảm phục: «Nếu chúng ta muốn định nghĩa lòng dũng cảm, chủ nghĩa anh hùng tập thể, tình bạn chiến đấu, những hành động quên mình vĩ đại của các dân tộc đấu tranh cho nền độc lập của mình hoặc bảo vệ các thành quả xã hội chủ nghĩa, chúng ta chỉ cần nói một tiếng: «Việt nam» (Xi-nây Goóc-đơn, nhà văn Ca-na-đa). «Cũng chẳng cần gọi người Việt nam là anh hùng nữa, vì như thế là thừa. Chỉ một từ duy nhất «Việt nam» cũng đủ để diễn tả lòng dũng cảm và khí phách anh hùng» (Pi-tơ Hem-mơn, nhà văn Mỹ). «Hy vọng của toàn thế giới, kể cả hy vọng về tương lai nước Mỹ, nằm trong thắng lợi của nhân dân Việt nam» (Phi-líp Bô-nốt-xky, nhà văn Mỹ).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, cả dân tộc vùng lên kháng chiến với toàn bộ sức mạnh từ lòng sâu của lịch sử và từ bản chất cách mạng của thời đại. Chúng ta đã làm những cuộc chiến tranh nhân dân vĩ đại, động viên lòng dũng cảm, trí thông minh và tài sáng tạo của nhân dân ta, tranh thủ mọi lực lượng đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ trên thế giới, kể cả nhân dân nước Pháp và nước Mỹ, kết hợp mọi biện pháp và hình thức đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Trong chiến tranh, chúng ta đã biết tính toán và sử dụng đến hết mức mọi khả năng đánh giặc, hôm qua và ngày nay, sự gắn bó với thành quả đã có và niềm tin ở tương lai sẽ đến, sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, bên trong thì huy động mọi người dân và sử dụng cả thiên nhiên của đất nước, bên ngoài thì huy động mọi người phản đối xâm lược Việt nam và sử dụng cả những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù. Có thể nói chúng ta đã làm chiến tranh một cách rất hợp lý, nhờ vậy mà giành được thắng lợi với những hy sinh, tổn thất to lớn nhưng đã được hạn chế ở mức thấp nhất. Nhân dân ta quyết đánh và biết thắng, đã luôn luôn chủ động, càng đánh càng mạnh, giành thắng lợi từng bước cho đến thắng lợi cuối cùng, đồng thời



Digitized by Google

trong quá trình đó xây dựng được lực lượng vũ trang hùng hậu, nền quốc phòng toàn dân và nghệ thuật chiến tranh nhân dân Việt nam.

Ba thập kỷ chiến tranh chống đế quốc là một lò lửa kiểm tra, sàng lọc và rèn luyện, một quá trình tìm hiểu, nhận biết và hành động, đã bồi dưỡng cho nhân dân ta những phẩm chất cao đẹp mới, tạo cho cách mạng nước ta những kinh nghiệm quý. Các cuộc kháng chiến đã từng bước nâng cao trình độ làm chủ của nhân dân, gắn liền với sự tiến triển của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta. Đó là cái vốn quan trọng để xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

## MƯỜI NĂM CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG CẢ NƯỚC

Mười năm từ ngày dân tộc ta hoàn toàn độc lập, đất nước ta hoàn toàn thống nhất, cả nước cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội, là thời gian thử thách rất lớn, trong xây dựng cũng như trong bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### Thắng lợi và thành tựu.

Ngay sau khi kháng chiến chống Mỹ giành được toàn thắng, bọn bành trướng Bắc kinh công khai trở mặt, thi hành chính sách thù địch đối với nước ta, tiến hành chiến tranh xâm lược ở biên giới phía nam và biên giới phía bắc, hòng thôn tính nước ta và 3 nước Đông dương để mở đường tràn xuống Đông Nam Á. Trước kẻ thù mới và trong điều kiện mới, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân và quân đội ta lại bừng lên rực rỡ trong muôn ngàn tấm gương chiến đấu thông minh và dũng cảm, thế hệ trẻ ngày nay tỏ ra xứng đáng với lớp cha anh thời chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc chứng minh sức mạnh vô địch của mình, cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt nam biểu hiện thế và lực lớn mạnh hơn bao giờ hết. Thắng lợi của nhân dân ta đã làm thất bại âm mưu của bọn bành trướng Bắc kinh, giữ vững biên cương của đất nước, giúp vào sự hồi sinh và nảy nở của dân tộc Cam-pu-chia, thắt chặt quan hệ đoàn kết đặc biệt với hai nước láng giềng anh em, hình thành khối 3 nước xã hội chủ nghĩa trên bán đảo Đông dương, tạo ra cục diện cách mạng thuận lợi chưa từng có ở khu vực này. Hiện nay, quân và dân ta nhận rõ việc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một trong hai nhiệm vụ chiến lược lâu dài của cách mạng nước ta, không ngừng nâng cao cảnh giác, tiếp tục chiến đấu đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Đồng thời, chúng ta sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Trung quốc, và kiên trì theo hướng này, vì chúng ta luôn luôn coi trọng tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, sau hơn 30 năm chiến tranh tàn phá, trong hoàn cảnh địch họa và thiên tai dồn dập, đó là một thử thách ghê gớm mà lịch sử dân tộc ta chưa từng trải qua, một công cuộc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, hầu như không có tiền lệ hoặc hình mẫu trên thế giới.

Đại hội thứ IV của Đảng năm 1976 đã vạch đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đại hội thứ V của Đảng năm 1982 đã nêu những mục tiêu và chính sách lớn cho chặng đường đầu tiên lên chủ nghĩa xã hội. Ăn khớp với



Digitized by Google

đường lối cách mạng trong nước, Đảng ta đã vạch đường lối đối ngoại, xác định thái độ của nước ta đối với các nước, các khu vực và các vấn đề lớn của thế giới ngày nay. Đường lối, chủ trương về mọi mặt kể trên đã được thực tiễn chứng minh là đúng đắn. Vạch được đường lối đúng về một giai đoạn lịch sử mới, chỉ một thời gian ngắn sau ngày chống Mỹ thắng lợi, chứng tỏ trình độ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tầm nhìn xa rộng và ý chí cách mạng mạnh mẽ của Đảng ta và dân ta. Sớm có đường lối đúng là một thành tựu to lớn và cơ bản, bảo đảm những thắng lợi vừa qua và sắp tới của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đồng bào miền Nam hòa hợp trong lòng dân tộc, toàn thể nhân dân Việt nam phấn khởi tiến lên chủ nghĩa xã hội, nền chuyên chính vô sản mở rộng ra cả nước, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được xác lập một bước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ra đời, những sự kiện quan trọng đó diễn ra nhanh chóng và tự nhiên, từ sự phát triển tất yếu của lịch sử và cách mạng nước ta.

Cải tạo toàn bộ miền Nam 100 năm dưới chủ nghĩa thực dân cũ và mới, lại vừa trải qua 30 năm chiến tranh, đưa chủ nghĩa xã hội vào mọi mặt sinh hoạt xã hội và thâm nhập từng gia đình, vừa là một sự đảo lộn tận gốc quan điểm và kiểu sống của hàng chục triệu con người, vừa là một cuộc gặp gỡ đẹp đẽ giữa xu thế lịch sử, truyền thống dân tộc và quá trình cách mạng. Đây là một cuộc cải tạo cực kỳ sâu rộng mà các lực lượng phản động quốc tế không bao giờ nghĩ rằng có thể diễn ra thuận lợi và nhanh chóng, với sự tham gia hào hứng của nhân dân lao động, như thực tế ở thành phố Hồ Chí Minh và các nơi khác tại miền Nam. Đến nay, những biến đổi sâu xa đã diễn ra trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, và nhiều tỉnh, thành ở miền Nam trở thành những nơi năng động, sáng tạo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đóng góp được kinh nghiệm tốt cho cả nước. Cải tạo miền Nam là một thành quả kỳ diệu của chủ nghĩa xã hội ở Việt nam 10 năm qua.

Trong cả nước, các giai cấp bóc lột về cơ bản đã bị xóa bỏ, phần lớn nông dân và những người lao động khác đã đi vào con đường làm ăn tập thể, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đang tiếp tục được xác lập và củng cố. Các vết thương chiến tranh được hàn gắn, nền kinh tế được khôi phục, cơ sở vật chất — kỹ thuật được tăng cường một bước, nền sản xuất, nhất là sản xuất lương thực, có tiến bộ rõ rệt. Các hoạt động khoa học và kỹ thuật, giáo dục và đào tạo, văn hóa và xã hội phát triển nhanh và những năm gần đây đang có chuyển biến tốt về quan điểm. Khoa học kỹ thuật cố gắng đạt đến sự kết hợp liên ngành và phát huy tác dụng từ việc xây dựng các chủ trương, kế hoạch đến việc nêu ra và thực hiện các biện pháp công nghệ tiên tiến ở từng cơ sở. Công tác giáo dục, đào tạo đội ngũ người lao động và đội ngũ cán bộ vươn lên theo hướng kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề. Sự nghiệp văn hóa, y tế, thể dục, thể thao gắn bó hơn với kinh tế và làm tốt hơn vai trò là một động lực thúc đẩy kinh tế phát triển. Trật tự và an toàn xã hội tốt lên, an ninh chính trị của chế độ và quốc phòng của đất nước được bảo đảm vững chắc. Công cuộc công nghiệp hóa nước nhà có một bước tiến triển, tuy còn nhỏ hẹp và ít ỏi. Những nhu cầu thiết yếu nhất về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động được đáp ứng, ở nhiều vùng nông thôn mức sống được cải thiện, mặc dù trong 10 năm, do kế

*(Xem tiếp trang 73)*



Digitized by Google

# Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong đấu tranh giữ vững an ninh quốc gia và trật tự xã hội

PHẠM HÙNG

I

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, trong 40 năm chiến đấu liên tục, nhân dân ta, lực lượng Công an nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, làm nên những thắng lợi to lớn trên mặt trận đấu tranh chống bọn phản cách mạng và tội phạm khác, giữ vững an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Thành tựu to lớn nhất của Công an nhân dân Việt nam trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia là đã cùng với toàn dân đánh thắng những đội quân tình báo nhà nghề của phát xít Nhật, đặc vụ Tưởng, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các loại phản động quốc tế khác, kiên quyết đập tan chiến tranh lăn chiếm và phá hoại nhiều mặt của chúng.

Qua những chặng đường đấu tranh dầy gian khổ và chiến thắng vẻ vang của mình, dân tộc ta phải liên tiếp đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù xâm lược có nhiều âm mưu thâm độc, điên cuồng đánh phá cách mạng nước ta. Một trong những âm mưu đó của chúng là tiến công vào nội bộ ta, trước hết là tiến công vào các cơ quan đầu não, ám hại các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta. Công an nhân dân Việt nam là một lực lượng tin cậy của Đảng, là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, là con em yêu quý của nhân dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta *bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não của Đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước; bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; bảo vệ tính mạng, tài sản và cuộc sống yên lành của nhân dân.* Đây là một nhiệm vụ rất đáng tự hào, vì Công an nhân dân đã nghiêm chỉnh thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu: «Phải tuyệt đối trung thành với Đảng» và đã làm đúng lời chỉ bảo của đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành



Digitized by Google

trung ương Đảng: «Đảng lựa chọn cán bộ công an trong những người trung thành nhất với Đảng, những người chỉ biết sống chết với Đảng, chỉ biết còn Đảng thì còn mình» (1).

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, Công an nhân dân Việt nam phát huy vai trò nòng cốt, xung kích, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể nhân dân, kết hợp biện pháp quần chúng với các biện pháp nghiệp vụ và khoa học — kỹ thuật, *đã chủ động phòng ngừa, kịp thời trấn áp bọn lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, cướp của, giết người, góp phần đấu tranh chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, chống đầu cơ buôn lậu phá rối thị trường, bài trừ tệ nạn xã hội, góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội lúc bình thường cũng như khi có chiến tranh.*

Trên lĩnh vực hợp tác quốc tế và thực hiện nghĩa vụ quốc tế, Công an nhân dân Việt nam cũng đã đạt được những thành tích to lớn. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, nhận thức rõ mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa cách mạng ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia là quy luật phát triển của cách mạng của mỗi nước, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc. *Công an nhân dân đã cố gắng làm hết sức mình để tăng cường hợp tác có hiệu quả với các cơ quan an ninh và nội vụ Lào và Cam-pu-chia trên tinh thần đoàn kết hợp tác và chiến đấu chống kẻ thù chung trên cùng một chiến trường. Công an nhân dân cũng quán triệt sâu sắc đường lối đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô, luôn luôn coi đây là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, là một bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Với nhận thức đó, chúng ta đã tăng cường hợp tác với các cơ quan an ninh, nội vụ Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.* Sự hợp tác đó, trước hết là với Liên xô, đã tạo điều kiện tăng cường hiệu quả công tác và khả năng chiến đấu của lực lượng công an chống kẻ thù chung, đồng thời xây dựng lực lượng Công an nhân dân Việt nam giành những thắng lợi to lớn.

Từ những thành tựu đã đạt được trong 40 năm qua, nhìn lại quá trình đấu tranh bảo vệ an ninh và trật tự xã hội trong các thời kỳ cách mạng, Công an nhân dân Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng, tất cả những chiến công và thành tựu vẻ vang đã giành được, trước hết đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam quang vinh.

## II

Khoa học và nghệ thuật chỉ đạo cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự xã hội là một bộ phận hợp thành của khoa học và nghệ thuật chỉ đạo cách mạng của Đảng. Từ nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng từng thời kỳ, từ chiến lược đến sách lược của cuộc đấu tranh, từ phương pháp cách mạng đến biện pháp nghiệp vụ, Công an nhân dân Việt nam đều quán triệt và vận dụng vào nhiệm vụ, vào tổ chức và hành động của mình, nhằm góp phần đưa cách mạng đến thắng lợi.

Nắm vững chuyên chính vô sản, nắm vững nội dung cơ bản của đường lối cách mạng là *kết hợp ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng làm chủ tập thể của nhân dân lao động và chiến lược tiến công*, Đảng ta đã giải quyết thắng lợi những vấn đề về quy luật giành thắng lợi trong

(1) Bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị công an toàn quốc thứ 13, năm 1959.



Digitized by Google

sự nghiệp bảo đảm an ninh và trật tự xã hội.

**1—Chủ động phòng ngừa, chủ động tiến công và tiến công liên tục, làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ để tiêu diệt và làm tan rã bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác.**

Nói về chiến lược của cách mạng Việt nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu bật tư tưởng « kiên quyết không ngừng thế tiến công ». Tư tưởng ấy có cơ sở khách quan, khoa học, phù hợp với quy luật phát triển của thời đại, gắn liền với sức mạnh của quần chúng công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, với truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc, với thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới.

Ngày nay, được đặt trên một cơ sở mới là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, chiến lược tiến công đó có điều kiện phát triển lên một chất lượng mới, tạo thành sức mạnh to lớn nhất của nhân dân, hơn hẳn bất cứ giai đoạn nào trong lịch sử.

Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong đấu tranh chống bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự xã hội, Đảng ta đã giải quyết thành công những vấn đề về chiến lược đấu tranh và đã có những hình thức, biện pháp đấu tranh đúng đắn.

An ninh quốc gia và trật tự xã hội là một mặt trận, trong đó diễn ra hết sức gay go, quyết liệt và phức tạp cuộc đấu tranh giữa ta với địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường với những đặc điểm và quy luật đặc thù của nó. Đó là một cuộc đấu tranh, như Lê-nin chỉ rõ, chống lại bọn « phá hoại ngầm », và chủ yếu được thực hành bằng « thủ đoạn bí mật ». Vì vậy, cảnh giác là yêu cầu cao nhất trong cuộc đấu tranh này. Lê-nin đã phân tích rằng, muốn chiến thắng bọn tình báo gián điệp đế quốc thì « mọi người đều phải có mặt tại vị trí của mình!

Bất cứ ở đâu cũng đều phải tăng cường gấp bội tinh thần cảnh giác, phải đề ra và áp dụng một cách nghiêm ngặt nhất những biện pháp đầy đủ nhằm đò xét cho ra bọn gián điệp và bọn bạch vệ mưu loạn và lật lấy chúng... phải đặc biệt tăng cường gấp bội những biện pháp đề phòng... Mọi người đều phải ở tại vị trí canh phòng của mình, và phải giữ mối liên hệ thường xuyên, được tổ chức theo lối quân sự, với các cấp ủy Đảng, với các cơ quan công an và với những đồng chí chắc chắn nhất và giàu kinh nghiệm nhất trong các cơ quan hành chính xô viết » (2).

Rõ ràng, trên mặt trận này, muốn chiến thắng kẻ thù, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho cách mạng, trước hết, các lực lượng cách mạng phải làm chủ được mình. Do đó, quản lý nội bộ thật chặt chẽ, xây dựng nội bộ thật trong sạch, vững mạnh là một vấn đề đặc biệt quan trọng trong công tác phòng ngừa, không để sơ hở cho kẻ địch lũng đoạn nội bộ và phá hoại ta.

Trong kế hoạch chủ động phòng ngừa, chúng ta phải tổ chức những khu vực, những địa bàn, nhằm đúng mục tiêu và bố trí lực lượng phòng ngừa thật kiên cố, vững chắc.

Đảng và các tổ chức của Đảng phải là những trận địa được phòng ngừa kiên cố nhất. Các chi bộ Đảng phải thật sự là một pháo đài chiến đấu, cảnh giác cao với mọi âm mưu và hành động của địch. Hiện nay, các loại kẻ thù trong và ngoài nước đang chĩa mũi nhọn chủ yếu vào Đảng ta, tìm mọi cách phá hoại Đảng ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vì vậy, nhiệm vụ then chốt nhất của công tác

(2) V.I Lê-nin: *Những bài viết và nói về quân sự* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà nội, 1978 tập IV, tr. 368—369.



Digitized by Google

bảo vệ Đảng là không ngừng nâng cao tính giai cấp, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước chuyên chính vô sản là công cụ thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và thể hiện trực tiếp sự lãnh đạo của Đảng. Đó cũng là một hướng tiến công của bọn phá hoại. Cho nên đây cũng là một trận địa phải tổ chức phòng ngừa một cách vững chắc. Phải thường xuyên củng cố và kiện toàn các cấp chính quyền nhất là cấp cơ sở, bố trí đúng cán bộ, kiên quyết thanh loại những phần tử quan liêu, thoái hóa, biến chất; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, khắc phục cho được tình hình không bình thường là nhiều luật và pháp lệnh đã ban hành không được thi hành nghiêm chỉnh, thậm chí không được thi hành; cải tiến phương pháp hoạt động, đổi mới phong cách làm việc. Đó là những vấn đề cơ bản để củng cố và kiện toàn bộ máy Nhà nước, đồng thời bảo đảm công tác phòng ngừa có hiệu quả trong các cơ quan Nhà nước.

Điều rất nguy hiểm là kẻ địch tiến hành những hoạt động hòng chia rẽ nội bộ, chia rẽ quần chúng với Đảng, chia rẽ nhân dân ba nước Đông dương, chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, bảo đảm sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần trong nhân dân là cơ sở để bảo đảm an ninh quốc gia, chủ động phòng ngừa vững chắc, trên cơ sở đó, chủ động và kịp thời trấn áp mọi hoạt động phá hoại của địch.

Có tích cực xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh, chủ động phòng ngừa vững chắc ở các tổ chức Đảng, các tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng, và trên những địa bàn then chốt, chúng ta mới tạo được những trận địa phòng ngự chủ động vững chắc, từ đó mà phát huy thế tiến công bọn phản cách mạng và tội phạm một cách chủ động. Phải tiến công chúng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tiến công chúng một cách liên tục ở mọi lúc, mọi nơi, trên mọi lĩnh vực, bằng nhiều lực lượng, nhiều hình thức, nhiều phương pháp khác nhau.

**2 — Tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện trên mặt trận an ninh và trật tự xã hội, lấy lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt, có lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách và cơ sở quần chúng rộng khắp; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản.**

Để thực hiện làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ, chủ động phòng ngừa và chủ động tiến công và tiến công liên tục, phải tổ chức lực lượng của toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản trong cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội.

Bảo đảm an ninh và trật tự xã hội luôn luôn là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong các thời kỳ cách mạng. Trên lĩnh vực này, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã dạy: «Phải làm sao có hàng chục triệu đôi tai, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được. Muốn như vậy, phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn» (3).

Do những điều kiện cụ thể của các giai đoạn cách mạng, cho nên mức độ sâu rộng của toàn dân đấu tranh và các hình thức vận động, tổ chức quần

(3) *Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với ngành Công an nhân dân Việt nam*. Bộ nội vụ xuất bản, 1980, tr. 10—11.



Digitized by Google

chúng trong các phong trào không giống nhau. Ngày nay, trong điều kiện của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, cuộc đấu tranh của toàn dân bảo đảm an ninh và trật tự xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã có sự phát triển mới cả về lượng và chất. Đó là sức mạnh dựa trên thế làm chủ của nhân dân ta trên cả nước, từng địa phương và từng cơ sở.

Vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội trước hết phải động viên cổ vũ được nhiệt tình cách mạng của quần chúng đi đôi với chăm lo giải quyết quyền lợi hằng ngày của quần chúng. Đồng thời phải quan tâm bồi dưỡng một cách có hệ thống để quần chúng hiểu đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, quyền lợi và nghĩa vụ công dân, tình hình chung của đất nước, những khó khăn và thuận lợi của đất nước và phương hướng, mục tiêu phấn đấu của Đảng, của Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tất cả những điều trên đây chỉ có thể thực hiện được thông qua phong trào quần chúng. Phải tạo nên một phong trào quần chúng bảo đảm an ninh và trật tự xã hội — đó phải là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, vừa mang tính chất giai cấp, vừa mang tính chất dân tộc, thể hiện sức mạnh chuyên chính của nhân dân làm chủ trong cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội, vừa có uy lực nghiêm trị kẻ địch bộc lộ, vừa có khả năng chặn tay kẻ địch giấu mặt, vừa có sức mạnh trấn áp, vừa có sức mạnh giáo dục cải tạo, xây dựng chế độ mới, con người mới.

*Vận động tổ chức quần chúng đấu tranh bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội phải đi đôi với không ngừng xây dựng lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt.*

Sinh ra và lớn lên trong phong trào cách mạng sôi nổi, rộng khắp và liên tục của nhân dân ta, Công an nhân dân Việt nam ngay từ đầu là một đội quân mang bản chất của giai cấp công nhân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh giữ vững an ninh và trật tự xã hội, luôn luôn sát cánh, sống và chiến đấu với nhân dân, các lực lượng công an Việt nam đã vượt qua những chặng đường lịch sử đầy gian khổ, thử thách và rực rỡ chiến công.

Hiện nay, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự xã hội mà toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải gánh vác hết sức nặng nề. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng, tình hình và nhiệm vụ giữ gìn an ninh và trật tự trong hoàn cảnh mới, càng làm nổi lên vị trí đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân đã được Đại hội thứ V của Đảng chỉ rõ: « *Phải xây dựng lực lượng Công an nhân dân* trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, thật sự là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân, có lực lượng chuyên trách chính quy, hiện đại, vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, có trình độ khoa học kỹ thuật khá, được trang bị chuyên môn cần thiết; có lực lượng nửa chuyên trách vững mạnh, có cơ sở quần chúng rộng khắp bảo đảm hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ » (4). Muốn như vậy phải không ngừng tăng cường xây dựng và củng cố Công an nhân dân một cách toàn diện, cả chính trị, tư tưởng và tổ chức.

*Xây dựng Công an nhân dân về chính trị là một nguyên tắc cơ bản* hàng đầu bảo đảm cho Công an nhân dân luôn

(4) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 45 — 46.



Digitized by Google

luôn giữ vững được bản chất giai cấp, bản chất cách mạng, bản chất nhân dân. Nội dung xây dựng về chính trị và tư tưởng phải toàn diện, bao gồm: bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng đối với Công an nhân dân; đoàn kết chặt chẽ với nhân dân, sẵn sàng hy sinh chiến đấu để bảo vệ nhân dân, chỉ biết đem lại lợi ích cho nhân dân, không làm gì có hại cho nhân dân; không ngừng xây dựng Công an nhân dân làm công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và khoa học công an, gắn hoạt động nghiên cứu lý luận và khoa học với thực tiễn công tác và chiến đấu, luôn luôn làm tròn nhiệm vụ đối với Tổ quốc và sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

*Xây dựng Công an nhân dân về tổ chức* một cách đồng bộ và cân đối, vừa thống nhất, vừa chuyên sâu, bao gồm hệ thống lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, có cơ sở rộng khắp, bảo đảm lãnh đạo, chỉ huy thống nhất.

Sức mạnh của lực lượng Công an nhân dân chuyên trách chỉ được tăng cường trong quá trình chính quy hóa và từng bước hiện đại hóa các mặt hoạt động của Công an nhân dân. Việc xây dựng Công an nhân dân theo phương hướng chính quy hóa phải phản ánh những đặc điểm và yêu cầu của công tác chỉ đạo đấu tranh bảo vệ an ninh, tương ứng với quá trình sử dụng trang bị kỹ thuật nghiệp vụ ngày càng phát triển, đồng thời phản ánh yêu cầu về xây dựng nếp sống có văn hóa, có kỷ luật, lành mạnh và trong sạch của Công an nhân dân. Mục đích của chính quy hóa là nhằm tăng cường tính tập trung thống nhất về mọi mặt tổ chức, đi đôi với sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, đạt tới sự thống nhất cao độ về hành động trong mọi mặt công tác, chiến đấu và xây dựng. Đó là quá trình giải quyết đồng bộ các vấn đề tổ chức biên chế, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, bảo đảm vật chất, kỹ thuật và hậu cần, hoàn chỉnh và ban hành hệ thống các điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định trong Công an nhân dân, giữ vững kỷ luật, khắc phục hiện tượng tự do, tùy tiện, vô kỷ luật, đấu tranh chống tệ quan liêu, hách dịch, thiếu lễ độ với mọi người.

Chính quy hóa luôn luôn gắn liền với từng bước hiện đại hóa, giải quyết các vấn đề trang bị kỹ thuật nghiệp vụ và hậu cần Công an nhân dân. Nâng cao tinh thần tự lực tự cường, tinh thần làm chủ, từng bước hiện đại hóa trang bị kỹ thuật nghiệp vụ, xây dựng con người Công an nhân dân; nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật cho cán bộ, chiến sĩ để trên cơ sở không ngừng làm chủ trang bị, phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ công an mà sáng tạo nhiều cách đánh mưu trí và đạt hiệu quả cao.

Động viên sức mạnh toàn dân đi đôi với xây dựng lực lượng Công an nhân dân là cơ sở để tạo nên sức mạnh tổng hợp của cuộc đấu tranh. *Sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội, được hình thành trên cơ sở sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt nam.*

Đó là sức mạnh của toàn dân được tổ chức thành tầng tầng lớp lớp « mạng lưới an ninh nhân dân », một thứ « thiên la địa võng » được tổ chức chặt chẽ và rộng khắp ở phường, xã, ở quận, huyện, thành phố, tỉnh, ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện; mỗi người dân đều làm nhiệm vụ công an, mỗi xóm làng là một pháo đài mà không kẻ địch nào thoát được.

Trong mạng lưới tầng tầng lớp lớp đó phải kết hợp tính tích cực cách mạng của quần chúng với kỹ thuật, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên trách. Kết hợp sức mạnh làm chủ của nhân dân với sức mạnh nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân. Kết hợp lực lượng Công an nhân dân chuyên trách chính quy, hiện đại với lực lượng nửa chuyên trách và cơ sở



Digitized by Google

quần chúng rộng khắp, trên phạm vi cả nước, từng địa phương và từng cơ sở. Phải phối hợp giữa các ngành, các cơ quan, đoàn thể, các lực lượng, các thứ quân, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành công an, kiểm sát, tư pháp, nhất là giữa Công an nhân dân với Quân đội nhân dân, dân quân tự vệ.

Việc động viên sức mạnh trên đây để đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội phải được thể hiện trong một kế hoạch thống nhất, có tính toán một cách khoa học, nhằm vào những đối tượng chủ yếu, trên những địa bàn trọng điểm, giải quyết dứt điểm trong một thời gian nhất định nhằm những mục tiêu cụ thể.

**3 — Kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; kết hợp chặt chẽ chức năng tổ chức xây dựng với chức năng trấn áp bằng bạo lực của chuyên chính vô sản; kết hợp an ninh với quốc phòng, an ninh với kinh tế, an ninh với trật tự, an toàn xã hội.**

Kết hợp dựng nước và giữ nước, kết hợp xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một quan điểm cơ bản trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, đồng thời là một quy luật phát triển của cách mạng nước ta trong 40 năm qua.

Quán triệt quan điểm cơ bản đó trong sự nghiệp đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự, phải giải quyết tốt các mối quan hệ cơ bản sau đây:

*Kết hợp chặt chẽ chức năng tổ chức xây dựng với chức năng trấn áp bằng bạo lực của chuyên chính vô sản*, trong đó tổ chức xây dựng là chủ yếu nhất; phải quán triệt tinh thần kiên quyết và thận trọng, khách quan và toàn diện; nâng cao cảnh giác không để lọt kẻ gian, đề phòng lệch lạc, không làm oan người ngay. Nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trấn áp kết hợp với giáo dục cải tạo. Trấn áp, trừng trị phải nghiêm minh, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng pháp luật. Giáo dục, cải tạo phải tích cực, kiên trì, sâu sắc, triệt để.

Chức năng bạo lực và tổ chức xây dựng của chuyên chính vô sản phải được hiểu và được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, tất yếu phải kết hợp đúng đắn giữa an ninh với tất cả các lĩnh vực khác.

Trong các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác công an, Người đã từng nêu rõ tư tưởng về sự kết hợp chặt chẽ đó, đặc biệt giữa an ninh với quốc phòng, giữa an ninh với kinh tế. Đối với an ninh và quốc phòng, Người chỉ rõ: «Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì Quân đội đánh giặc, lúc hòa bình thì tập luyện. Còn Công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc» (5). Đối với kinh tế, Người chỉ rõ «công an không thể đi sau công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, tốt nhất là công an đi trước» (6).

Hiện nay, trước tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với kiểu chiến tranh lấn chiếm và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, chúng ta phải có một kế hoạch chiến lược an ninh, quốc phòng, kinh tế thống nhất nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

**4 — Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quốc tế.**

*Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, thực hiện liên minh chiến lược với Liên xô, liên minh chiến đấu với Lào và Cam-pu-chia* là một quan điểm hết sức cơ bản của

(5) (6) *Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành Công an nhân dân Việt nam*, Bộ nội vụ xuất bản, Hà nội, 1980, tr. 19, 22.



Digitized by Google

Đảng ta. Quan điểm đó trong đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự xã hội bao hàm rất nhiều mặt, chủ yếu là phục vụ cho cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Đường lối quốc tế của Đảng chi phối sâu sắc cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự xã hội. Trong khi giải quyết các vấn đề về an ninh, trật tự, chúng ta phải quán triệt đường lối đối ngoại của Đảng, tính toán đầy đủ những yếu tố chính trị, kinh tế, quân sự... quốc tế với những phát triển biến động của nó.

## III

Vận dụng những phương châm, nguyên tắc trên đây trong tổ chức thực tiễn đấu tranh là vấn đề thuộc về nghệ thuật chỉ đạo đấu tranh của Đảng. Đây là một bộ phận rất trọng yếu trong sự nghiệp đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

Nghệ thuật chỉ đạo bao quát rất nhiều mặt, gắn liền với các thời kỳ phát triển khác nhau của cách mạng. Chỉ đạo đấu tranh bảo đảm an ninh và trật tự xã hội là nhiệm vụ của tất cả các tổ chức Đảng từ trung ương đến các địa phương và cơ sở, của tất cả các cơ quan, đoàn thể và các lực lượng vũ trang, trong đó quyết định nhất là sự chỉ đạo của Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị Trung ương Đảng.

Trong nghệ thuật chỉ đạo đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, phải hết sức sắc bén, nhanh nhạy. Muốn vậy, phải đánh giá đúng kẻ thù, phải biết tạo thế và lực trong đấu tranh và phải biết giành quyền chủ động đối với kẻ địch.

Có thể nói, chỉ rõ từng đối tượng đấu tranh, nắm vững âm mưu, phương thức hoạt động, thủ đoạn của các loại đối tượng, chủ động vạch ra phương án chiến đấu cụ thể là vấn đề có ý nghĩa quyết định nhất trong nghệ thuật chỉ đạo cuộc đấu tranh. Đây là những vấn đề mà Đảng ta đã có những thành công nổi bật.

Trên cơ sở nhiệm vụ cách mạng, phân biệt rõ ta, bạn, thù, trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã xác định đúng đắn các loại đối tượng cần tập trung mũi nhọn đấu tranh và trừng trị trên mặt trận an ninh và trật tự xã hội. Yêu cầu cơ bản trong nghệ thuật đánh giá kẻ thù là phải nắm vững âm mưu, phương thức hoạt động, thủ đoạn của từng đối tượng, xác định chính xác đối tượng nguy hiểm, nguy hiểm trực tiếp, bọn cốt cán, bọn chủ mưu, xác định mối quan hệ giữa các đối tượng, nhất là quan hệ giữa bọn tình báo gián điệp đế quốc và các loại phản động, tội phạm khác; lợi dụng mâu thuẫn trong các loại đối tượng, phân hóa cô lập chúng cao độ, vừa đánh địch một cách toàn diện, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào loại nguy hiểm nhất, vừa đánh vào bọn cốt cán, vừa loại trừ bọn tay sai và thu hẹp, đi đến xóa bỏ chỗ dựa của chúng.

Kẻ địch trên lĩnh vực an ninh hết sức nguy hiểm, bề ngoài tưởng như bình thường, nhưng khi có thời cơ là chúng phá ta ngay, đưa đến những tổn thất không thể lường được cho cách mạng. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng và tội phạm khác, không những chúng ta phải có những dự kiến trên những nét chiến lược, mà đồng thời phải nắm chắc tình hình để có những dự kiến về mọi tình huống cụ thể. Do đó một yêu cầu rất lớn trong nghệ thuật chỉ đạo là phải luôn luôn giành quyền chủ động ngay từ đầu đối với kẻ địch, bất kỳ trong tình huống nào.

Trên lĩnh vực này, trước khi hành động, kẻ địch thường xác định kế



Digitized by Google

hoạch phá hoại, sử dụng lực lượng, lựa chọn thời gian và không gian, lại tiến hành một cách ngấm ngầm. Nếu ta biết đánh địch « từ xa », nắm chắc diễn biến âm mưu, thủ đoạn của chúng, bí mật điều khiển địch theo ý định của ta, đẩy địch vào thế bị động thì nhất định sẽ tạo được tiền đề vững chắc để chiến thắng.

Trong nghệ thuật chỉ đạo còn phải biết tạo ra thế và lực thì mới có thể giành quyền chủ động. Đó là thế trận tầng tầng lớp lớp mạng lưới an ninh nhân dân, tạo nên « thiên la địa võng » chiến thắng bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác. Đó là nghệ thuật phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách và cơ sở quần chúng ; giữa các ngành, các cơ quan, đoàn thể, các lực lượng công an và quân đội ; giữa các ngành công an, kiểm sát, tòa án, tư pháp trong việc giữ vững pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, chống địch phá hoại, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó còn là nghệ thuật nắm vững thời cơ, biết tập trung lực lượng vào đối tượng chủ yếu, địa bàn trọng điểm.

Các tổ chức Đảng và các cấp ủy Đảng phải thực hiện chức năng chỉ đạo cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự trong phạm vi của mình. Trước hết, vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là chỉ đạo công tác vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh chống bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, lãnh đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển một cách liên tục, sâu rộng và bền vững. Đồng thời, « các cấp ủy Đảng phải thật sự giúp đỡ và lãnh đạo chặt chẽ công an »(7), làm cho Công an nhân dân phát huy mạnh mẽ chức năng thường trực của mình để làm tham mưu cho các cấp ủy Đảng chỉ đạo đấu tranh chống các loại tội phạm, bảo vệ vững chắc an ninh và trật tự xã hội. Công an nhân dân phải nắm chắc tình hình, kịp thời nghiên cứu đề xuất kế hoạch, phương án đấu tranh, làm chỗ dựa cho cấp ủy Đảng chỉ đạo ; đồng thời phát huy triệt để nghiệp vụ chuyên môn và vai trò trực tiếp thực hiện chủ trương, kế hoạch đó của cấp ủy. Các tổ chức Đảng và cấp ủy Đảng phải triệt để thực hiện lời dạy của Bác Hồ : « phải nghiên cứu công tác chuyên môn, hiểu biết chuyên môn thì giải quyết các vấn đề mới được thiết thực »(8).

Sự chỉ đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự phải được thực hiện thông qua chức năng quản lý của các cơ quan Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Là công cụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta luôn luôn phải coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng đủ sức dập tan mọi cuộc tiến công của bọn gây chiến, bọn xâm lược và những hành động chống đối của bọn phản cách mạng.

Công tác quản lý kinh tế — xã hội có tác động đến hiệu quả đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự. Ngược lại, hiệu quả công tác bảo vệ an ninh, trật tự tác động trở lại công tác quản lý kinh tế — xã hội. Những khuyết điểm, nhược điểm của chúng ta, nhất là tệ nạn tập trung quan liêu bao cấp trong quản lý kinh tế — xã hội thời gian qua đã làm hạn chế năng lực tổ chức thực tiễn của các tổ chức Đảng

*(Xem tiếp trang 41)*

(7) *Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành Công an nhân dân Việt nam*, Bộ nội vụ xuất bản, Hà nội, 1980, tr. 47.

(8) Sách đã dẫn, tr. 28.



Digitized by Google

# Triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp, giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá — lương — tiền, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, làm chủ thị trường xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân

TỐ HỮU

## I — VỀ TÌNH HÌNH GIÁ — LƯƠNG — TIỀN

TRẢI qua 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, nền kinh tế nước ta không có điều kiện phát triển; để bảo đảm nhu cầu về chiến đấu và đời sống của nhân dân, chúng ta đã phải dựa một phần quan trọng vào viện trợ của các nước anh em và nhờ đó giá cả, tiền lương cũng như tài chính, tiền tệ về cơ bản giữ được ổn định. Chế độ bao cấp có ý nghĩa cần thiết trong hoàn cảnh kháng chiến đã trở thành một thói quen trong lối sống và cách quản lý kinh tế — xã hội.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, *điều kiện kinh tế — tài chính của nước ta thay đổi căn bản*: viện trợ không hoàn lại không đáng kể; số vốn vay dài hạn của các nước anh em và bè bạn phần lớn dành cho các công trình thiết bị toàn bộ. Muốn nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu và hàng tiêu dùng thì phải đẩy mạnh xuất khẩu; từ năm 1981 trở đi, lại không còn sự ưu đãi về giá hàng nhập nữa, giá hàng nhập tăng lên hơn gấp đôi, khối lượng nhiều loại vật tư và hàng tiêu dùng nhập khẩu giảm đáng kể. Mặc dù chúng ta đã ra sức phát triển sản xuất trong nước theo phương hướng của nghị quyết Hội nghị thứ 6 của BCHTƯĐ (khóa IV) và đã đạt được một số thành tựu đáng phấn khởi, nhưng số của cải do sản xuất trong nước tăng thêm vẫn chưa nhiều hơn số của cải từ các nguồn bên ngoài giảm đi. Hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung quốc ở biên giới phía tây nam và phía bắc năm 1979 đã gây cho ta nhiều thiệt hại. Dân số lại tăng lên quá nhanh. Vì vậy, thu nhập quốc dân sử dụng bình quân đầu người, sau khi đã giảm đột ngột 20% năm 1975, vẫn tiếp tục giảm mỗi năm từ 2 đến 3%. Trong khi đó, nhu cầu về quốc phòng rất lớn, chi về xây dựng cơ bản vẫn phải duy trì ở mức cao.



Digitized by Google

Năm 1980, trước những khó khăn và mất cân đối lớn trong nền kinh tế và biến động của giá quốc tế, Bộ chính trị đã ra nghị quyết số 26 và sau đó, năm 1981 ra chỉ thị số 109 về cải tiến phân phối — lưu thông.

Nghị quyết số 26 của Bộ chính trị (tháng 6-1980) đề ra phương hướng và chủ trương cải tiến phân phối — lưu thông theo ba bước: *bước một*: ổn định tình hình kinh tế và đời sống, thực hiện cân bằng ngân sách và tiền mặt, chuẩn bị các điều kiện để cải cách giá và lương; *bước hai*: cải cách giá bán lẻ và giá thu mua, cải cách tiền lương; *bước ba*: cải cách giá bán buôn, hoàn chỉnh hệ thống phân phối lưu thông.

Thực tiễn đã cho thấy phương hướng và chủ trương chung về điều chỉnh phân phối — lưu thông là đúng đắn và cần thiết, nhưng việc chia ba bước như trên là không đúng: *không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt*, nếu trước hết không tiến hành cải cách giá cả, tiền lương và làm chủ thị trường xã hội, theo quan điểm *triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp*, chuyển toàn bộ cơ chế quản lý sang *hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mà vẫn duy trì bao cấp qua giá và lương.*

Phát hiện ra nhược điểm ấy, tháng 5-1981, Bộ chính trị đã ra chỉ thị số 109: đưa hệ thống giá Nhà nước lên sát giá trị hàng hóa, phù hợp với sức mua của đồng tiền, thu hẹp diện bao cấp, giảm mạnh số lượng mặt hàng cung cấp bằng hiện vật, phụ cấp tiền lương cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

Thực hiện các nghị quyết và chỉ thị của Bộ chính trị, năm 1981 — 1982, Nhà nước đã điều chỉnh tương đối toàn diện hệ thống giá (trừ giá cung cấp, chủ yếu đối với 9 mặt hàng thiết yếu). Mặt bằng giá năm 1981 — 1982 được nâng lên từ 5 đến 7 lần, đã phản ánh tương đối sát giá trị hàng hóa, sức mua thực tế của đồng tiền và sát với giá thị trường lúc đó. Việc điều chỉnh giá lần này đã góp phần mở rộng hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thu mua, nắm hàng vào tay Nhà nước, điều chỉnh tỷ giá công — nông nghiệp hợp lý hơn; làm cho các xí nghiệp (công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải) từ bị lỗ đã bắt đầu có lãi; giảm bớt khó khăn cho ngân sách Nhà nước.

Nhưng vấn đề giá cả, tiền lương là những vấn đề cực kỳ phức tạp, chúng ta lại thiếu kinh nghiệm, cho nên cuộc điều chỉnh giá — lương năm 1981 — 1982 có nhiều nhược điểm và khuyết điểm, chủ yếu là:

— Chưa nhận rõ căn bệnh sâu xa của cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân là *quan liêu bao cấp*; chưa quán triệt quan điểm xóa bỏ bao cấp, chuyển hẳn nền kinh tế và công tác quản lý sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

— Duy trì giá cung cấp quá thấp và chế độ tiền lương thấp làm cho giá thành sản phẩm không phản ánh đúng chi phí về tiền lương, giá cả tuy đã được điều chỉnh lên cao, nhưng vẫn chưa phản ánh đúng giá trị và sức mua của đồng tiền đang biến động, ngân sách Nhà nước bù lỗ lớn, hoạt động của thương nghiệp gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

— Không đồng bộ trong tính toán cũng như trong việc điều hành: phụ cấp tiền lương không tương ứng với mức tăng giá; điều chỉnh giá mà không đồng thời sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, tăng cường cải tạo, quản lý và làm chủ thị trường.

— Cơ chế giá — lương cứng nhắc, không phù hợp với tình hình kinh tế — tài chính còn có những mất cân đối lớn và chưa có cơ sở ổn định vững chắc.

— Từ sau đợt điều chỉnh giá và phụ cấp lương năm 1981 — 1982 đến



Digitized by Google

nay, tình hình phân phối, lưu thông không đi vào thế ổn định mà lại tiếp tục diễn biến phức tạp và rối ren; *giá — lương — tiền* trở thành những vấn đề nóng bỏng, chứa đựng *nhiều mâu thuẫn*, cần được *xử lý cấp bách*.

Tình hình trên đây chứng tỏ *chính sách giá — lương — tiền* trong mấy năm qua, mặc dù có một số đổi mới từng phần, *nhưng cơ bản vẫn mang nặng tính quan liêu, bao cấp*, trước hết là ở cấp trung ương.

*Cơ chế giá — lương — tiền thiếu tính năng động cần thiết, chưa thích ứng với nền kinh tế đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ* từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Việc *điều chỉnh giá — lương — tiền* trong những năm qua tiến hành *không đồng bộ* trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, từ sản xuất đến phân phối, lưu thông và tiêu dùng, không gắn việc điều chỉnh giá — lương — tiền với sản xuất và làm chủ thị trường, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Khi điều chỉnh giá thì không đồng thời điều chỉnh thỏa đáng tiền lương, cũng không điều chỉnh, sửa đổi chính sách và cơ chế về tài chính và tiền tệ một cách tương ứng. Nhìn chung việc *điều chỉnh giá — lương — tiền* cũng như toàn bộ công tác quản lý *chưa thoát ra khỏi cơ chế quan liêu, bao cấp*. Công tác kế hoạch hóa và quản lý vẫn theo kiểu tập trung quan liêu bao cấp, đơn thuần dựa vào cấp phát và giao nộp, cấp phát và giao nộp bất kể với giá nào, lãi thì Nhà nước thu, lỗ đã có Nhà nước chịu, hạch toán kinh tế chỉ hoàn toàn là hình thức, giả tạo. Cơ chế đó đặt các cơ sở sản xuất kinh doanh vào tình trạng thụ động, ỷ lại, không kích thích, đồng thời cũng không ràng buộc họ phải quan tâm đến năng suất, chất lượng, hiệu quả. Và cũng chính vì vậy mà những cơ sở nào có tính năng động muốn đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế thì phải « xé rào », « làm chui ».

Rõ ràng là công tác chỉ đạo và điều hành giá — lương — tiền cũng như cơ chế quản lý kinh tế nói chung không nhạy bén, không sâu sát và kiên quyết, thiếu sự nhất trí trong tư tưởng và hành động; do đó vừa có tình trạng tập trung quan liêu, vừa có tình trạng buông lỏng, phân tán; kỷ luật và pháp luật Nhà nước không nghiêm, bộ máy quản lý kém hiệu lực; nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm nghiêm trọng.

Năng lực cán bộ nói chung còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, xóa quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

## II — MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ GIÁ — LƯƠNG — TIỀN

Căn cứ vào tình hình nói trên và nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội do Đại hội V của Đảng và các hội nghị thứ 6, thứ 7 BCHTUĐ đề ra, việc giải quyết các vấn đề giá — lương — tiền nhằm đạt các *yêu cầu chủ yếu* sau đây:

— Thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý (ngành, vùng, thành phần); khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có nhằm phát triển mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn.



Digitized by Google

– Ổn định tình hình phân phối, lưu thông, làm chủ thị trường và giá cả; ổn định đời sống nhân dân lao động nói chung, trước hết là công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

– Góp phần tạo dần nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

– Góp phần thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế quốc doanh và tập thể, chống tiêu cực và chống địch phá hoại.

*Quan liêu bao cấp là căn bệnh của toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế hiện nay*, đặc biệt trên các lĩnh vực giá cả, tiền lương, tài chính – tín dụng, lưu thông tiện tệ, thương nghiệp. Cho nên, lúc này xóa quan liêu bao cấp trong giá – lương – tiền là yêu cầu hết sức cấp bách, là *khâu đột phá có tính quyết định* để đẩy mạnh sản xuất, làm chủ thị trường, ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân lao động, thay đổi toàn bộ cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân.

*Nội dung xóa quan liêu bao cấp* trong giá – lương – tiền hiện nay chủ yếu là:

*1 – Tính đủ chi phí hợp lý* trong giá thành sản phẩm, giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thỏa đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy; xóa bỏ tình trạng Nhà nước Lù lỗ bất hợp lý

Thực hiện *cơ chế một giá*, khắc phục những sai sót và sơ hở trong việc định giá và quản lý giá, loại trừ những hoạt động đầu cơ.

Thực hiện đúng dần *việc phân công, phân cấp trong cơ chế quản lý giá*, vừa bảo đảm quyền tập trung thống nhất của trung ương trong việc định giá những vật tư hàng hóa chủ yếu *có tính chất toàn quốc*; vừa bảo đảm quyền chủ động, linh hoạt của địa phương và cơ sở về những vật tư và hàng hóa *có tính chất địa phương*. Trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý, phải *siết chặt kỷ luật giá*.

*2 – Tiền lương thực tế phải thực sự bảo đảm tái sản xuất sức lao động, phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân.*

Gắn chặt tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động, thực hiện *phân phối theo lao động*.

Thực hiện *chế độ lương thống nhất trong cả nước* có tính đến sự khác biệt hợp lý giữa các vùng, các ngành; ưu đãi thỏa đáng các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, có yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật cao.

Thực hiện *trả lương bằng tiền* có quỹ hàng hóa bảo đảm, xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp thoát ly giá trị hàng hóa.

*3 – Xác lập quyền tự chủ về tài chính của ngành, địa phương và cơ sở.* Chuyển hẳn mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành, địa phương và cơ sở sang *hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*; xóa bỏ mọi khoản bù lỗ bất hợp lý của ngân sách Nhà nước (trung ương và địa phương) về các hoạt động sản xuất – kinh doanh. Trường hợp có bù lỗ chỉ là cá biệt, tạm thời và phải được xem xét thật nghiêm ngặt. Tất cả các tổ chức kinh tế phải *tự chịu trách nhiệm* về lời–lỗ của ngành, địa phương và đơn vị mình.

Xóa bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương và địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan, các khoản chi tiêu không đúng chế độ Nhà nước; siết chặt *kỷ luật tài chính*, phấn đấu tích cực thực hiện cân bằng ngân sách trong thời gian ngắn; tạo điều kiện cho ngân sách địa phương có nguồn thu ổn định và phát triển; trung ương không bao cấp cho địa phương



Digitized by Google

4 — Công tác tiền tệ và tín dụng phải nhanh chóng *chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, làm tốt các chức năng của ngân hàng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các ngành, địa phương, cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; lấy *hiệu quả kinh tế của đồng vốn* làm tiêu chuẩn hàng đầu trong hoạt động của ngân hàng.

Chủ động phát hành trên cơ sở làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường, làm chủ phân phối — lưu thông; *kế hoạch hóa phát hành*, chống phát hành bị động, phấn đấu sớm chấm dứt lạm phát cho chi tiêu ngân sách.

Xét về *quy mô* và *mức độ*, đây là một *cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện* về giá — lương — tiền, một sự sắp xếp lại các quan hệ kinh tế giữa các ngành, các địa phương, giữa trung ương, địa phương và cơ sở, giữa các thành phần kinh tế, giữa tích lũy và tiêu dùng...; tức là liên quan đến cuộc sống của toàn dân, đến toàn bộ nền sản xuất xã hội, không phải chỉ đơn thuần là trong nội bộ kinh tế quốc doanh. Đặt vấn đề đó trong tình hình kinh tế đang biến động, chưa ổn định, thì thấy cần *phải làm ngay, làm tích cực, khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán kỹ lưỡng các phương án vững chắc gắn liền với việc phát triển sản xuất, xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới.*

*Các chủ trương và việc tổ chức thực hiện ngay trong mỗi bước phải đồng bộ*, quán triệt quan điểm xóa bỏ quan liêu bao cấp, phải dựa trên những phương án và kế hoạch hành động được tính toán chu đáo phù hợp với thực tế, không những dự kiến được *mặt tích cực* mà phải lường trước cả những *hệ quả kinh tế, chính trị và xã hội* bất lợi nhất thời có thể xảy ra để có biện pháp tích cực để phòng, uốn nắn và khắc phục.

Vì vậy, cần phải chống thái độ do dự, chần chừ hoặc nóng vội, giản đơn trong suy nghĩ và hành động.

## III — NHỮNG CHỦ TRƯƠNG VÀ BIỆN PHÁP LỚN

*1. — Về giá cả*

Căn cứ vào những mục tiêu và phương hướng đã nói trên, việc *điều chỉnh mặt bằng giá cả* (bao hàm cả việc điều chỉnh các quan hệ tỷ giá) và *cơ chế quản lý giá* như sau:

Nguyên tắc chung điều chỉnh mặt bằng giá là xác định *giá phù hợp giá trị* (mà thực thể là lượng lao động xã hội cần thiết), phù hợp với *sức mua thực tế của đồng tiền*. Định giá phải trên *cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm*, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quan hệ thị trường, quan hệ cung — cầu.

Trong điều kiện nước ta từ sản xuất nhỏ còn phổ biến tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp còn là mặt trận hàng đầu, *phải lấy giá lúa làm chuẩn* để tính toán các loại giá khác và toàn bộ mặt bằng giá.

*a) Tính đủ các yếu tố chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm công nghiệp*; cụ thể là:

— Tính đủ chi phí tiền lương mới (V tính theo giá mới) của khu vực sản xuất.

— Tính đủ khấu hao tài sản cố định (C1), theo hướng tính đủ khấu hao sửa chữa lớn; đối với khấu hao cơ bản thì tạm thời tính tỷ lệ khấu hao theo thực tế sử dụng công suất máy móc, thiết bị.



Digitized by Google

— Tính đúng và đủ giá trị vật tư (C2): vật tư sản xuất trong nước tính đủ giá vốn; vật tư nhập khẩu dựa trên giá vốn nhập tính theo tỷ giá kết toán nội bộ mới và theo chính sách giá trong nước.

Đồng thời với việc tính đủ các chi phí hiện còn để ngoài giá thành làm cho giá bị «hạ thấp» một cách giả tạo, phải loại bỏ ngay các chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ làm cho giá bị «vống lên» một cách giả tạo.

Trong vấn đề tính đủ và tính đúng giá thành sản phẩm, điều hết sức quan trọng là phải *trị giá lại vật tư nhập khẩu*. Muốn vậy, cần xác định đúng *tỷ giá kết toán nội bộ* trên cơ sở lấy giá trị dân tộc và quan hệ trong nước làm chính, chủ động phản ánh giá cả quốc tế vào hệ thống giá nội địa thông qua tỷ giá kết toán nội bộ. Tỷ giá kết toán mới phải sát thực tế, bảo đảm kinh doanh xuất — nhập khẩu bình thường có lãi; trên cơ sở tổ chức lại, hình thành từng bước cơ cấu xuất — nhập khẩu có hiệu quả ngày càng cao và tăng cường quản lý xuất — nhập khẩu theo đúng nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và Nhà nước thống nhất quản lý ngoại hối, chống cạnh tranh mua bán đẩy giá vốn xuất lên; có chính sách đúng đắn về thu bù chênh lệch ngoại thương và thực hiện thuế xuất — nhập khẩu.

*b) Điều chỉnh giá bán buôn hàng công nghiệp* (vật tư và hàng tiêu dùng) trên cơ sở giá thành tính đủ chi phí, có lãi thỏa đáng cho người sản xuất và thể hiện chính sách kinh tế của Nhà nước.

*Giá bán buôn xí nghiệp* phải bù đắp chi phí sản xuất trên cơ sở định mức (vật tư, lao động...) hợp lý, và có lợi nhuận định mức thỏa đáng để xí nghiệp có thể tái sản xuất mở rộng và có tích lũy cho Nhà nước. Giá bán buôn xí nghiệp cùng với chế độ tài chính xí nghiệp phải khuyến khích và tạo điều kiện cho xí nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính, chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh, đi vào hạch toán kinh tế thực sự.

*Giá bán buôn công nghiệp đối với vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng* phải thể hiện chính sách tích lũy và tiêu dùng của Đảng và Nhà nước: đối với tư liệu sản xuất, Nhà nước không thu quốc doanh hoặc thu có mức độ (đặc biệt đối với tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, Nhà nước không thu quốc doanh, cá biệt có thể còn bù lỗ, xem như là một chính sách đầu tư cho nông nghiệp); đối với hàng công nghiệp tiêu dùng, Nhà nước có thu quốc doanh thỏa đáng tùy theo tính chất loại hàng hóa. Nhìn chung, việc điều chỉnh giá bán buôn không được làm giảm nguồn thu của Nhà nước mà phải làm cho công nghiệp và Nhà nước ngày càng có thu tài chính lớn hơn. Điều chỉnh giá bán buôn, phải thu lại phần «chênh lệch giá» lâu nay địa phương và cơ sở hưởng do trung ương cung cấp vật tư, năng lượng, nguyên liệu theo giá thấp.

Giá bán vật tư hàng hóa nhập khẩu phải phù hợp với các quan hệ giá cả và chính sách giá trong nước; đồng thời khuyến khích sản xuất vật tư trong nước thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng tiết kiệm vật tư nhập khẩu.

*Trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh những vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng chủ yếu, Nhà nước trung ương định một giá thống nhất* (có chênh lệch mức độ theo khu vực) *cho những loại hàng này.*

Phải tính đủ trong giá thành sản phẩm các chi phí về tiền lương (V), khấu hao tài sản cố định (C1) và giá trị vật tư (C2), nhất là vật tư nhập khẩu, bảo đảm lợi nhuận thỏa đáng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh và tích lũy cần thiết cho Nhà nước, điều chỉnh giá bán hàng công nghiệp lên cho sát giá trị, nhưng phải xử lý chặt chẽ các yếu tố hình thành nên mức giá mới để nói chung nền kinh tế



Digitized by Google

và xã hội chấp nhận được. Có thể có một số loại hàng hóa Nhà nước chủ động điều chỉnh lên cho phù hợp với giá vốn mới tính đủ chi phí, nhưng không thể một lúc đưa đồng loạt giá bán lẻ của Nhà nước vượt lên trên giá thị trường với mức độ lớn. Vì làm như vậy sẽ dẫn đến những hệ quả hết sức phức tạp, đối với sản xuất, kinh doanh của các ngành, địa phương và cơ sở, đối với đời sống và các mặt kinh tế, xã hội. Do vậy, phải quán triệt các nguyên tắc và chủ trương nêu ở phần trên, xác định một cách đúng đắn các yếu tố V, C1, C2, đặc biệt là tỷ giá kết toán — yếu tố rất quan trọng trong việc xác định mặt bằng giá mới và tỷ giá công — nông.

*Tỷ giá kết toán* phải được tính trên cơ sở thu mua chủ yếu theo *hợp đồng kinh tế với giá cả hợp lý*, người sản xuất bù đắp được chi phí và có lãi thỏa đáng, *theo tỷ giá công — nông* đúng đắn; đối với hàng công nghiệp xuất khẩu phải trên cơ sở tổ chức sản xuất và lưu thông hợp lý; sản xuất hàng xuất khẩu có chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Đồng thời, việc tổ chức quản lý xuất — nhập khẩu phải được chấn chỉnh theo nguyên tắc xóa bỏ bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhất thiết phải *sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, sắp xếp lại công tác xuất — nhập khẩu* cho có hiệu quả hơn, *chấn chỉnh lưu thông, tính đúng định mức*, loại bỏ chi phí sản xuất và lưu thông bất hợp lý và bất hợp lệ. Điều chỉnh tỷ giá kết toán lên cho phù hợp với tình hình kinh tế — tài chính và sức mua của đồng tiền, khuyến khích xuất khẩu, nhưng nhất định không chấp nhận giá và tỷ giá bị « vống » lên do tranh mua, tranh bán, xuất — nhập khẩu với bất cứ giá nào. Cùng với việc tính lại giá bán buôn, đi vào hạch toán kinh tế, phải xử lý một loạt vấn đề về cơ cấu và tổ chức sản xuất, quản lý ở tầm kinh tế quốc dân cũng như ở từng ngành và từng cơ sở theo quan điểm triệt để xóa bỏ bao cấp, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đối với những xí nghiệp và sản phẩm bị lỗ, phải xem xét lại mặt hàng, nếu cần thì phải chuyển hướng sản xuất, thậm chí đóng cửa. *Phải sắp xếp lại hệ thống lưu thông* (cung ứng vật tư, nội thương, ngoại thương...), *xóa ngay các khâu trung gian không cần thiết*, để hàng hóa có thể đi từ nơi sản xuất đến người tiêu dùng bằng con đường ngắn nhất với giá cả hợp lý. *Làm tốt các biện pháp trên đồng thời với việc điều chỉnh phân phối, lưu thông cho phép tính tỷ giá kết toán và giá vật tư ở mức thỏa đáng mà vẫn có thể không gây ra những đảo lộn lớn đối với sản xuất, kinh doanh, thị trường và giá cả.*

*c) Giá bán lẻ*

Giá bán lẻ phải được xác định trên cơ sở giá trị hàng hóa, tính đến quan hệ cung — cầu, tiền — hàng, và phải thể hiện chính sách kinh tế — xã hội của Đảng và Nhà nước. Chính sách giá bán lẻ hàng tiêu dùng cần phân biệt theo tính chất mặt hàng và đối tượng tiêu dùng.

Hàng công nghiệp thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng, nói chung, phải có tích lũy thỏa đáng cho ngân sách, trừ một vài mặt hàng thiết yếu thì tích lũy ít hoặc không tích lũy; đối với một số mặt hàng thuộc loại cơ bản, thiết yếu nhất, Nhà nước không tích lũy, thậm chí có thể bù lỗ theo chính sách xã hội (ví dụ thuốc chữa bệnh, sữa cho trẻ em, sách giáo khoa...).

Theo chính sách như trên, trên cơ sở nắm hàng và làm chủ thị trường, thực hiện Nhà nước độc quyền kinh doanh và thống nhất quản lý. *Nhà nước trung ương định một giá thống nhất cho những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu* (có những mặt hàng trung



Digitized by Google

ương định giá khung), có phân biệt thỏa đáng về mức giá theo vùng, nhất là về lương thực — thực phẩm, và một số loại vật tư, hàng hóa đòi hỏi vận chuyển xa, chi phí vận tải lớn.

*Giá bán lẻ hàng công nghiệp để tính lương cơ bản phải thống nhất cả nước.* Giá một số *sản phẩm lương thực, thực phẩm* như gạo, thịt... *tính theo vùng có mức giá thấp nhất* (trên cơ sở chi phí sản xuất và lưu thông theo mặt bằng giá mới). Mức chênh lệch giữa giá bán lẻ lương thực, thực phẩm ở các vùng khác cao hơn giá tính lương cơ bản được xử lý bằng khoản phụ cấp đắt đỏ theo khu vực. Mức giá cụ thể và chênh lệch vùng phải trên cơ sở tính toán chặt chẽ giá trị hàng hóa, tính đến giá thị trường nhưng không phải theo giá thị trường hiện nay rất rối loạn và đối với nhiều loại hàng là không bình thường, đang bị hoạt động đầu cơ chi phối. Để hạn chế tác động phức tạp do giá cả còn có thể biến động và để thực hiện việc kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, cần *ổn định giá bán lẻ để tính lương trong một thời gian nhất định và có quy định thống nhất cho các vùng* trong cả nước. Khi tình hình đòi hỏi phải thay đổi, Nhà nước sẽ chủ động tính toán, điều chỉnh giá và lương cho phù hợp.

Việc thực hiện chính sách và cơ chế giá bán lẻ như trên đòi hỏi tính toán, cân đối quỹ hàng hóa với quỹ tiền đưa ra *trên từng địa phương và khu vực*; nhất thiết không «thả nổi» công nhân, viên chức để thị trường điều tiết thu nhập của họ; phải cải tạo và quản lý chặt chẽ thị trường tự do, xóa đầu cơ, buôn lậu. Phải *siết chặt kỷ luật Nhà nước về tài chính và giá cả* đối với tất cả các tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhất là thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán; nghiêm trị mọi hành vi tăng giá trái phép.

*d) Xác định giá mua nông sản* trên cơ sở tính lại giá thành, bảo đảm người sản xuất bù đắp đủ chi phí, có lãi hợp lý.

Chính sách giá mua nông sản phải thể hiện và góp phần thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp trong cơ cấu công—nông nghiệp thống nhất, thể hiện quan hệ công—nông, cùng làm chủ, quan hệ tích lũy—tiêu dùng đúng đắn, làm cho cả công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển và đóng góp đúng mức cho Nhà nước, đời sống nông dân, công nhân đều được cải thiện và có tương quan thỏa đáng.

Nông sản nói chung, đặc biệt lúa, là sản phẩm chung của nông dân và công nhân; giá thành nông sản bao hàm cả những yếu tố của bản thân nông nghiệp và công nghiệp; giá nông sản bao hàm nội dung quan hệ công — nông. Cho nên, giá thành nông sản phải được tính toán căn cứ vào những yếu tố năng suất tự nhiên, hao phí lao động của nông dân và giá hàng công nghiệp (giá vật tư và hàng tiêu dùng thiết yếu).

Để tính đủ giá thành nông sản, chi phí các vật tư chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp do Nhà nước cung ứng được tính theo giá mới ổn định từng thời kỳ. Phần vật tư nông dân tự lo (không phải hàng Nhà nước tuồn ra ngoài) tính theo giá thực tế. Muốn có giá thành nông sản hợp lý và tương đối ổn định, phải tập trung hàng công nghiệp (nhất là tư liệu sản xuất) để cung ứng cho nông dân thông qua hợp đồng kinh tế, không để tình trạng hiện nay là Nhà nước chỉ bảo đảm 40—50% vật tư cho nông dân sản xuất, còn lại họ phải mua trên thị trường (phần quan trọng cũng là hàng Nhà nước thống nhất quản lý như xăng, dầu, phân bón... bị lọt ra ngoài).

Tiền công trong giá thành sản phẩm nông nghiệp tùy thuộc vào giá trị ngày công tính trên cơ sở số ngày công trên 1 ha, năng suất và sản lượng trên 1 ha, trừ hao phí vật chất và thuế phải nộp; thu nhập của



Digitized by Google

nông dân, kể cả kinh tế gia đình, cần xác định tương đương với thu nhập của công nông trường (tính theo vùng). Giá trị ngày công cũng phụ thuộc nhiều vào giá bán lẻ hàng công nghiệp tiêu dùng của Nhà nước.

Đối với những vùng điều kiện thiên nhiên không thuận lợi (đất đai, thời tiết...) và cơ sở vật chất — kỹ thuật thấp kém, đời sống còn nhiều khó khăn, Nhà nước có chính sách giá mua cao hơn, đi đôi với chính sách đầu tư hoặc trợ giá.

Đối với những vùng có điều kiện thiên nhiên thuận lợi, cần có chính sách thu phần lớn địa tô chênh lệch I vào Nhà nước thông qua chính sách giá và thuế.

Giá mua nông sản phải khuyến khích các sản phẩm chủ yếu ở những vùng mà Nhà nước có quy hoạch tạo vùng chuyên canh, khuyến khích các vùng kinh tế mới và khuyến khích thâm canh, tăng vụ; đặc biệt chú trọng những vùng chuyên trồng lúa.

Muốn định giá mua nông sản hợp lý theo vùng, trước tiên phải tính đúng giá thành theo vùng, có tham khảo giá thị trường từng vùng và đặt trong mối quan hệ đúng đắn giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông dân và Nhà nước. Giá đó phải tính đủ giá trị và trao đổi «ngang giá» với hàng công nghiệp của Nhà nước. Đặc biệt đối với lương thực là mặt hàng chiến lược số một, nhất thiết phải do Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh, không để mua bán tự do, cho nên không thể lấy giá thị trường tự do làm chuẩn. Hơn nữa, số lương thực còn lưu thông trên thị trường tự do chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ, và thường xuyên chịu sự chi phối của quy luật cung — cầu, nhất là những lúc mất mùa, cho nên, giá đó không thể đại diện cho giá thực, đúng giá trị, mà trong nhiều trường hợp đã tách rời xa giá trị thực. Vì vậy, phải thực hiện ngay việc *Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh lương thực và các nông sản chủ yếu* bằng chính sách giá và phương thức mua hợp lý. Thực hiện *cơ chế một giá mua thống nhất* (có phân biệt theo vùng và được điều chỉnh theo từng vụ sản xuất) trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và nông dân. Thông qua hợp đồng kinh tế, Nhà nước nắm hầu hết lương thực hàng hóa (sau khi đã để lại phần cần thiết cho nông dân), và đại bộ phận nông sản hàng hóa chủ yếu khác.

*d) Cơ chế quản lý giá.*

Trong điều kiện chuyển hẳn cơ chế quản lý kinh tế sang cơ chế mới lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế đầy đủ và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cơ chế hình thành và quản lý giá phải là bộ phận cấu thành của cơ chế kinh tế chung.

*Phải thực hiện chính sách và cơ chế một giá thống nhất*, do Nhà nước quy định *trên cơ sở làm chủ kế hoạch sản xuất*, phân phối đối với những sản phẩm quan trọng, thiết yếu, cải tạo, quản lý và *làm chủ thị trường hàng hóa, tiền tệ.*

*Thực hiện sự phân công, phân cấp quản lý giá* giữa các cơ quan Nhà nước trung ương và địa phương. Giá những vật tư quan trọng, giá mua những nông, lâm, hải sản chủ yếu, giá bán những hàng tiêu dùng thiết yếu phải do *trung ương quy định thống nhất trong cả nước* (có phân biệt theo vùng). Đối với các hàng hóa khác, trung ương quy định *khung giá tối đa* để địa phương vận dụng cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Đối với một số hàng hóa sản xuất bằng nguyên liệu của địa phương, lưu thông chủ yếu trên thị trường địa phương, thì giá cả do chính quyền địa phương quyết định.

Sau khi đã tính lại giá thành và định hệ thống giá cả mới, thực hiện



Digitized by Google

phân công, phân cấp hợp lý, phải siết chặt kỷ luật giá cả; mọi sự thay đổi giá phải trong khuôn khổ của pháp luật Nhà nước.

*2—Tiền lương:*

Tiền lương phải bảo đảm *tái sản xuất sức lao động* của người ăn lương và nuôi con. Trong điều kiện lực lượng hàng hóa và nguồn tài chính của Nhà nước hiện nay, cần thực hiện yêu cầu này từng bước, nhưng ngay trong bước đầu tiên, tiền lương thực tế của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang phải được cải thiện so với hiện nay.

Với mức chi tiêu về ăn chiếm 65—70%, tiền lương tối thiểu phải bảo đảm cung cấp ít nhất 2000 ca lo/ngày cho người lao động. Căn cứ vào mức nhu cầu đã được xác định như trên, tính lại tiền lương tối thiểu theo mặt bằng giá mới, lấy đó làm cơ sở để tính hệ thống lương cơ bản thống nhất cho cả nước.

Trong tình hình hiện nay, cần giữ mức chênh lệch hợp lý giữa các thang lương, bảng lương với hệ số lương trung bình bằng 1,3 lần và lương cao nhất bằng 3,5 lần lương tối thiểu.

Xóa bỏ giá cung cấp quá thấp hiện nay, *tính lại tiền lương danh nghĩa theo giá bán lẻ mới và trả lương bằng tiền.*

Tiền lương cơ bản theo ngành nghề và cấp bậc công việc được quy định thống nhất trong cả nước, căn cứ vào giá Nhà nước ở vùng có giá sinh hoạt thấp nhất.

Ngoài tiền lương cơ bản, còn có những khoản phụ cấp như sau: *phụ cấp khu vực* do trung ương quy định cho những vùng có nhiều khó khăn (miền núi, biên giới, hải đảo...) cần thu hút nhiều lao động đến; *phụ cấp đắt đỏ* do trung ương quy định thống nhất cho từng vùng, tùy theo chênh lệch giữa mức giá tính lương cơ bản và mức giá Nhà nước định theo vùng và chỉ số sinh hoạt từng quý (3 tháng).

Tiền lương cơ bản và các khoản phụ cấp khu vực, phụ cấp đắt đỏ và các khoản phụ cấp khác (theo chế độ quy định) được hạch toán vào quỹ lương và vào giá thành sản phẩm.

Điều kiện bảo đảm thực hiện chế độ tiền lương mới có hiệu quả là bố trí đủ *quỹ hàng và quỹ tiền*, đồng thời Nhà nước làm chủ thị trường và giá cả, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tổ chức tốt việc lưu thông hàng hóa, ổn định từng bước sức mua của đồng tiền.

*3— Tài chính và tiền tệ*

a) Điều chỉnh giá — lương tác động rất lớn đến tài chính và ngân sách Nhà nước phản ánh đúng đắn và chân thực hơn hiệu quả của nền sản xuất xã hội của ta (bao gồm cả trong sản xuất và phân phối, lưu thông). Đây chính là một cơ sở rất tốt để tiến lên xây dựng chính sách tài chính quốc gia phù hợp với chặng đường phát triển hiện nay của nền kinh tế quốc dân.

Điều chỉnh giá sẽ làm thay đổi lớn tổng mức và cơ cấu của tài chính Nhà nước (nhất là của ngân sách) và các mối quan hệ giữa Nhà nước và đơn vị sản xuất—kinh doanh, giữa trung ương và địa phương, giữa Nhà nước với dân cư. Đi đôi với việc thay đổi tỷ giá kết toán nội bộ và điều chỉnh giá, *Nhà nước cần quản lý tài chính* chặt chẽ, tăng thu, tiết kiệm chi một cách nghiêm ngặt, mới có đủ nguồn vốn đáp ứng các yêu cầu chi tiêu cần thiết tăng lên; tích cực phấn đấu sớm thực hiện cân bằng ngân sách và chấm dứt phát hành chi tiêu cho ngân sách.

b) Điều chỉnh giá — lương theo hướng xóa bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở xác định và thực



Digitized by Google

**hiện** chế độ *tự chủ tài chính của xí nghiệp*, làm cho giá cả, tiền lương, tài chính, tín dụng... phát huy tốt hơn các chức năng thước đo hiệu quả và đòn bẩy kích thích các đơn vị cơ sở phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh và buộc phải làm ăn có tính toán hiệu quả kinh tế.

Toàn bộ chế độ tài chính xí nghiệp (theo nghị quyết số 15b — HĐBT) cần được xem xét lại và sửa đổi cho phù hợp với mặt bằng giá — lương mới và quán triệt tinh thần xóa bao cấp, khuyến khích người sản xuất đi vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi xí nghiệp phải kinh doanh có hiệu quả thì mới có lãi và mới có điều kiện phát triển.

*Chuyển đại bộ phận vốn đầu tư và toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp* sang hình thức *tín dụng*, đồng vốn bỏ ra nhất thiết phải đem lại hiệu quả kinh tế cần thiết.

Sau khi điều chỉnh giá Nhà nước, các xí nghiệp phải *hạch toán lại giá thành và doanh lợi*, phản ánh đúng đắn hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Những trường hợp lỗ theo chính sách thì Nhà nước bù; những trường hợp lỗ do quản lý kém, làm ăn với bất cứ giá nào, thì phải tìm biện pháp sắp xếp lại sản xuất, chấn chỉnh quản lý để tăng năng suất, hạ giá thành, giảm bớt lỗ và tiến lên có lãi; nếu không thì buộc phải chuyển hướng sản xuất hoặc chuyển thành hợp tác xã, hoặc giải thể.

c) Điều chỉnh giá — lương lần này tác động lớn đến mối quan hệ giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Nguồn thu của ngân sách địa phương sẽ giảm đi (vì đại bộ phận chênh lệch giá—giữa giá vật tư Nhà nước cung cấp và giá kinh doanh thương nghiệp ở địa phương—không còn nữa), trong khi các yêu cầu chi lại tăng lên (thí dụ chi cho tiền lương). Do đó Nhà nước cần xem xét lại *các tỷ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương* để bảo đảm các nhu cầu chi tiêu cần thiết trên tinh thần triệt để tiết kiệm.

Chế độ phân cấp quản lý ngân sách trung ương và địa phương phải được giải quyết trên quan điểm 3 cấp cùng làm chủ, bảo đảm sự nhất trí giữa các loại lợi ích (xã hội — tập thể — cá nhân), tạo điều kiện và buộc các địa phương phấn đấu tối đa khai thác các tiềm năng của địa phương để tăng nguồn thu đáp ứng các nhu cầu của mình. *Trung ương sẽ không bao cấp đối với địa phương.*

d) Áp dụng đồng bộ các loại biện pháp để *thu hút tiền nhàn rỗi*, đẩy nhanh tốc độ *vòng quay đồng tiền*, nắm và kiểm soát lượng tiền mặt trong lưu thông:

— Chuyển hoạt động của ngân hàng sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

— Cải tiến chế độ gửi tiền tiết kiệm, chính sách công trái, xổ số.

— Cải tiến chính sách lãi suất tiền gửi và tín dụng.

— Tăng cường chế độ mở tài khoản và gửi tiền ở ngân hàng đối với các hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh.

— Khai thác tồn kho, đẩy mạnh bán ra để thu tiền về.

— Mở rộng hoạt động của các hợp tác xã tín dụng và quỹ tín dụng nhân dân.

— Tăng cường kỷ luật sử dụng tiền mặt trong khu vực Nhà nước và kinh tế quốc doanh, hạn chế "tọa chi".

Nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯĐ về giá — lương — tiền là sự đúc kết kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua trên lĩnh vực này, là sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc trong chủ trương, chính sách của Đảng ta không những về giá cả, tiền lương, mà cả về thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, cơ chế kế hoạch hóa và quản lý, nhằm triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nước ta phát triển lên một bước mới.



Digitized by Google

# 40 năm xây dựng và phát huy vai trò của Tòa án nhân dân

**PHẠM HƯNG**
*Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*

## I. VAI TRÒ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỦA TA

Nhà nước không chỉ đặt ra pháp luật, mà còn tổ chức ra các cơ quan chuyên trách bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh. Một trong các cơ quan đó là Tòa án nhân dân. Vì vậy, Tòa án ra đời cùng với sự ra đời của Nhà nước. Nhà nước thực hiện việc quản lý xã hội bằng pháp luật, « Nhà nước quản lý bằng pháp luật, tức là định ra các luật lệ, phổ biến và giải thích pháp luật, kiểm tra nghiêm ngặt việc thi hành pháp luật, cưỡng bức đối với những người không tự giác, và trừng trị đích đáng bất kỳ ai vi phạm. Bằng việc kiên quyết thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa, Nhà nước tỏ rõ quyền lực và hiệu quả quản lý của mình, bảo đảm chế độ làm chủ tập thể của nhân dân, tạo ra cuộc sống cộng đồng có kỷ cương, trật tự, ngăn chặn và loại trừ mọi sự hà lạm, mọi biểu hiện tiêu cực, mọi tệ nạn và thói xấu trong xã hội » (1).

Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng trong cuộc đấu tranh để bảo vệ chính quyền nhân dân và khôi phục lại trật tự nhất thiết phải có trấn áp và cưỡng chế. Người đã nhiều lần phê phán thái độ thiếu kiên quyết của chính quyền xô viết và chỉ rõ rằng chuyên chính vô sản phải là « một chính quyền sắt, có dũng khí cách mạng và nhanh chóng, thẳng tay khi cần trấn áp bọn bóc lột cũng như bọn lưu manh » (2). Người coi Tòa án là một « biểu hiện điển hình của sự trấn áp và cưỡng bức » (3). Vì trong bộ máy Nhà nước chỉ có Tòa án mới có quyền kết tội và áp dụng hình phạt đối với những người phạm pháp.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước ta đã thành lập các Tòa án quân sự do cán bộ của Đảng trực tiếp phụ trách để xét xử những tội phương hại đến nền độc lập của nước Việt nam dân chủ cộng hòa xảy ra trước hay sau ngày 19-8-1945. Tiếp theo đó các Tòa án thường được thành lập để xét xử các

(1) Lê Duẩn: *Hiến pháp mới, hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật. Hà nội 1980, tr. 23–24.
(2), (3) V.I. Lê nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va. 1977, tập 36. tr. 240, 241.



Digitized by Google

việc hình sự và dân sự. Song, vì buổi đầu luật pháp của chế độ mới chưa kịp xây dựng đầy đủ, cho nên sắc lệnh ngày 10-10-1945 của Nhà nước tạm thời cho phép áp dụng luật lệ của chế độ cũ *trừ những điều khoản trái với nền độc lập và chính thể dân chủ cộng hòa*. Do đó, một số anh chị em cán bộ trong các Tòa án thường lúc đó phần lớn là trí thức cũ còn chịu ảnh hưởng của pháp lý tư sản, đã áp dụng pháp luật cũ một cách máy móc, không đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh của nhân dân lao động giành lại những quyền lợi đã bị giai cấp bóc lột tước đoạt. Họ quan niệm nguyên tắc « độc lập xét xử của Tòa án » theo kiểu ba quyền phân lập của giai cấp tư sản, cho nên ở một số nơi Tòa án đã đối lập với Ủy ban nhân dân, xa rời sự lãnh đạo của Đảng, đi đến những lệch lạc, sai lầm trong xét xử.

Năm 1948, báo *Sự thật* của Đảng đã nghiêm khắc phê phán những quan điểm đó và trong những năm 1950 — 1951 Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm tổ chức cho các cán bộ Tòa án, trước hết là các thẩm phán học tập đường lối chính sách của Đảng, và những quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin về Nhà nước và pháp luật. Các Tòa án thường được củng cố về tổ chức, bổ sung những cán bộ công nông làm thẩm phán và khi xét xử có hội thẩm nhân dân tham gia. Trên cơ sở đó các Tòa án thường được gọi là Tòa án nhân dân. Các Tòa án quân sự được giải thể, nhiệm vụ của Tòa án quân sự được giao cho các Tòa án nhân dân. Trong quân đội có Tòa án binh để xét xử những quân nhân phạm tội.

Ngày 14-7-1960, đi đôi với việc ban hành Hiến pháp mới, Quốc hội thông qua Luật tổ chức Tòa án nhân dân. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển mới về tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án nhân dân.

Theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân, ngành Tòa án được tổ chức theo một hệ thống hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương. Hệ thống Tòa án nhân dân gồm có Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh và Tòa án quân sự (thay cho Tòa án binh) tổ chức trong quân đội. Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất có nhiệm vụ hướng dẫn các Tòa án nhân dân địa phương và Tòa án quân sự áp dụng thống nhất pháp luật và đường lối xét xử, giám đốc công tác xét xử của tất cả các Tòa án nhân dân.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm 20 năm hoạt động của ngành Tòa án nhân dân, kế thừa luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 1960, ngày 3-7-1981 Quốc hội đã thông qua luật mới về tổ chức Tòa án nhân dân, quy định thêm : thủ tục tái thẩm đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có những tình tiết mới ; vấn đề mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện ; trách nhiệm của các Tòa án nhân dân và của các cơ quan khác của Nhà nước trong việc thi hành các bản án ; sự phối hợp giữa Tòa án nhân dân với các cơ quan công an, kiểm tra trong việc phòng ngừa tội phạm ; sự phối hợp giữa Tòa án nhân dân với các tổ chức xã hội trong việc phát huy kết quả của các phiên tòa và thi hành án ; Tòa án có quyền yêu cầu các cơ quan Nhà nước sửa chữa những thiếu sót, sơ hở trong công tác quản lý đã là nguyên nhân hoặc điều kiện phát sinh tội phạm.

Như vậy là những nguyên tắc về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân đã từng bước được xây dựng đầy đủ, bảo đảm cho Tòa án thực hiện được vai trò là công cụ chuyên chính sắc bén của Nhà nước, đồng thời là công cụ giáo dục một cách chặt chẽ nhất kỷ luật của Nhà nước, kỷ cương



Digitized by Google

của xã hội. Thông qua việc xét xử chính xác các vụ án, Tòa án xử phạt và giáo dục các bị cáo, các đương sự, răn đe những kẻ có thể phạm tội và giáo dục nhân dân tự giác tuân theo pháp luật.

## II – TÍNH CHẤT NHÂN DÂN TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

Các Tòa án của nước ta được gọi là Tòa án nhân dân vì công tác của Tòa án phục vụ những lợi ích của nhân dân; tính chất nhân dân đó thể hiện cả trong tổ chức và hoạt động của Tòa án.

*– Thực hiện chế độ bầu thẩm phán thay cho chế độ bổ nhiệm.*

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chúng ta chưa có điều kiện thực hiện chế độ bầu cử các thẩm phán, cho nên các thẩm phán do Chính phủ bổ nhiệm. Từ năm 1960, dựa theo luật tổ chức Tòa án nhân dân, chúng ta đã thực hiện chế độ bầu cử thẩm phán. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu ra, các phó chánh án và thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử; các chánh án, phó chánh án và thẩm phán các Tòa án nhân dân địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra. Những người được bầu ra có thể bị cơ quan đã bầu ra mình bãi miễn, nếu họ không còn xứng đáng với tín nhiệm của nhân dân. Việc bầu cử thẩm phán chính là việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân đối với cơ quan chuyên chính của mình. Các đại biểu của nhân dân bầu ra những người mà nhân dân tín nhiệm. Ngược lại, các thẩm phán được bầu ra cũng có ý thức trách nhiệm đối với nhân dân cao hơn. Lê-nin coi nguyên tắc « các thẩm phán đều được bầu trong số những người lao động và chỉ do những người lao động bầu ra »(4) là một nguyên tắc có tính giai cấp.

*– Chế độ hội thẩm nhân dân là một hình thức nhân dân tham gia quản lý Nhà nước.*

Theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân, hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử, hội thẩm của các Tòa án nhân dân địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra và bãi miễn khi họ không xứng đáng là hội thẩm nhân dân. Khi xét xử, các hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán về mọi mặt. Hội đồng xét xử sơ thẩm có thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân. Các hội thẩm nhân dân giúp cho việc xét xử được chính xác chủ yếu ở chỗ họ sát với thực tế và có thể phản ánh với Tòa án những yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

*– Tòa án nhân dân chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước cơ quan quyền lực đã bầu ra mình*

Tòa án nhân dân phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện và cũng là cơ quan quyền lực Nhà nước cùng cấp. Điều đó thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm cho các cơ quan đó giám sát được công tác của Tòa án và kịp thời giải quyết những vấn đề cần thiết để tăng cường công tác phòng ngừa và chống những tội phạm, những việc làm vi phạm pháp luật.

Tính chất nhân dân trong công tác của Tòa án còn thể hiện ở chỗ thủ

(4) V.I. Lê-nin: *Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 83.



Digitized by Google

tục tố tụng trước Tòa án nhân dân đơn giản và chế độ án phí rất nhẹ để không gây trở ngại cho việc thực hiện quyền tố tụng của nhân dân.

Khác với các nước tư bản, ở nước ta các đương sự có quyền tự mình tiến hành việc kiện mà không nhất thiết phải có luật sư; dù có luật sư hay không, những ý kiến của đương sự đều được xem xét kỹ lưỡng. Tòa án đã chủ động đưa ra thi hành những bản án đã có hiệu lực pháp luật mà không đòi hỏi đương sự phải có yêu cầu.

Trong công tác, các Tòa án nhân dân liên hệ mật thiết với nhân dân, chứ không phải chỉ làm việc ở bàn giấy. Tòa án xuống cơ sở để điều tra những việc kiện, dựa vào các đoàn thể nhân dân để giáo dục, động viên các đương sự hòa giải, thi hành án, v.v

## III – SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN

Trong 10 năm qua, đặc biệt là từ khi có luật tổ chức Tòa án nhân dân (1960), ngành Tòa án nhân dân được tổ chức thành hệ thống từ trung ương đến địa phương. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, sự giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, ngành Tòa án đã phối hợp với các ngành có liên quan tích cực thực hiện nhiệm vụ của mình, phục vụ nhiệm vụ chính trị trong các giai đoạn của cách mạng. Đã trừng trị nghiêm khắc bọn phản cách mạng, bọn lưu manh côn đồ xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhà nước và nhân dân, những phần tử thoái hóa biến chất lợi dụng chức quyền tham ô, trộm cắp của công, ăn hối lộ, ức hiếp quần chúng; xử phạt thích đáng những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất hoặc đời sống của nhân dân. Đối với người phạm tội nhưng đã tự thú, thật thà khai báo, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, tự nguyện sửa chữa hoặc đã bồi thường thiệt hại đã gây ra, người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng đã hối cải, Tòa án xét xử khoan hồng.

Cùng với việc xét xử về hình sự, các Tòa án nhân dân còn xét xử những việc dân sự và hôn nhân gia đình.

Đi đôi với việc xét xử nhằm chống tội phạm đã xảy ra, việc phòng ngừa tội phạm cũng được các Tòa án quan tâm thích đáng. Điều đó thể hiện ở các hình thức như tuyên truyền phổ biến pháp luật trong cán bộ và nhân dân, mở các phiên tòa lưu động để thông qua đó mà giáo dục ý thức tuân theo pháp luật cho nhân dân.

Trong hoàn cảnh luật lệ về tư pháp của ta còn thiếu và không đồng bộ, ngành Tòa án, đặc biệt là Tòa án nhân dân tối cao, rất chú trọng việc tổng kết thực tiễn xét xử về hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, các vấn đề về tố tụng hình sự, dân sự, thi hành án và tư pháp quốc tế. Những tổng kết nói trên là những công trình nghiên cứu khoa học gắn liền với thực tiễn, có tác dụng hướng dẫn cho các cấp Tòa án giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác và góp phần vào việc dự thảo các bộ luật quan trọng như bộ Luật hình sự đã được Quốc hội thông qua, Luật về tố tụng hình sự, Luật dân sự, Luật về tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình.

Bằng các hoạt động xét xử, thi hành án, tuyên truyền giáo dục pháp luật, Tòa án nhân dân đã góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng



Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bằng hoạt động của mình, Tòa án nhân dân góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, với chủ nghĩa xã hội, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, kỷ luật lao động, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, phòng ngừa và chống các tội phạm và các việc vi phạm pháp luật, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, đối chiếu với yêu cầu của cách mạng, ngành Tòa án nhân dân còn bộc lộ những khuyết điểm và nhược điểm sau đây:

— Tổ chức của ngành Tòa án chưa mạnh, có nơi chưa thật trong sạch, đội ngũ cán bộ nhất là đội ngũ thẩm phán các cấp còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

— Công tác xét xử nói chung còn chậm, có việc còn thiếu kiên quyết. Việc phối hợp giữa các ngành công an, Viện kiểm sát, tư pháp chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ, làm ảnh hưởng đến việc phát huy sức mạnh tổng hợp của công cụ chuyên chính trong việc bảo vệ pháp luật.

— Việc thi hành các bản án chưa nghiêm túc. Còn nhiều trường hợp án xử rồi không được thi hành, hoặc thi hành không triệt để, khiến cho công tác xét xử kém phát huy tác dụng, làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự nghiêm minh của pháp luật.

Trong mấy năm qua, việc thi hành nghị quyết của Đại hội thứ V và nghị quyết của các hội nghị Trung ương Đảng, đặc biệt là Hội nghị thứ 8 về xóa bỏ cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đã đem lại những chuyển biến mới trong việc phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân. Tuy nhiên, những âm mưu và hành động của bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và bọn bành trướng bá quyền Trung quốc cùng những khó khăn khách quan và chủ quan của chúng ta đã tác động tiêu cực đến tình hình xã hội nước ta. Trước tình hình đó, trong năm 1985 và những năm tới, toàn ngành Tòa án nhân dân phải thấu suốt hơn nữa tư tưởng chỉ đạo và nội dung Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và nghị quyết của các hội nghị Ban chấp hành trung ương, đẩy mạnh hơn nữa các mặt hoạt động với chất lượng và hiệu quả cao, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đấu tranh chống tham ô, trộm cắp, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, phá rối thị trường, đấu tranh chống những hành vi xâm phạm nghiêm trọng tính mạng, tài sản của nhân dân và những hành vi xâm phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, toàn ngành Tòa án cần làm tốt những công tác chủ yếu sau đây:

1—Phối hợp chặt chẽ với các ngành kiểm sát, công an và các ngành khác nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xét xử, bảo đảm cho việc xét xử được nhanh chóng, đúng luật pháp, xử lý thích đáng những trường hợp phạm tội nghiêm trọng, không để lọt kẻ phạm tội, không xử lý oan người vô tội; giải quyết kịp thời có lý, có tình những tranh chấp dân sự, những việc về hôn nhân gia đình, phát huy tác dụng của công tác xét xử trong việc phòng ngừa tội phạm.

2—Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra công tác thi hành án, bảo đảm những bản án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành nghiêm chỉnh, kiên quyết chống những hiện



Digitized by Google

tượng tiêu cực trong công tác thi hành án.

3 – Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám đốc xét xử để kịp thời phát hiện sai sót và uốn nắn, rút kinh nghiệm, đồng thời tăng cường công tác sơ kết, tổng kết chuyên đề về công tác xét xử, công tác thi hành án nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ.

4 – Phối hợp chặt chẽ với ngành tư pháp, tích cực kiện toàn ngành Tòa án mà khâu then chốt là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Xây dựng ngành Tòa án trong sạch, vững mạnh; cán bộ Tòa án, trước hết là các thẩm phán phải có năng lực, có đạo đức và phẩm chất tốt. Gấp rút xây dựng Tòa án nhân dân cấp quận, huyện có đủ khả năng làm công tác xét xử theo quy định của pháp luật.

5 – Phối hợp chặt chẽ với các ngành hữu quan, tích cực tham gia việc tuyên truyền phổ biến sâu rộng bộ Luật hình sự trong toàn dân, đồng thời tổ chức cho cán bộ toàn ngành Tòa án nắm vững tinh thần và nội dung bộ Luật hình sự, để vận dụng, thi hành cho đúng, tạo nên một sự chuyển biến mới trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

★

Chúng ta tin chắc rằng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, cuộc đấu tranh của bộ máy Nhà nước chuyên chính vô sản, trong đó có hệ thống Tòa án nhân dân các cấp và của toàn dân ta để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa sẽ góp phần xứng đáng vào việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

---

# Sự lãnh đạo của Đảng...

*(Tiếp theo trang 27)*

và các cấp ủy Đảng trong công tác chỉ đạo cuộc đấu tranh bảo đảm an ninh, trật tự.

★

Dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, tiến hành đồng bộ mọi mặt hoạt động, gắn liền công tác an ninh, quốc phòng với sản xuất, đời sống, văn hóa, xã hội, tổ chức, tư tưởng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sử dụng mọi lực lượng, thực hiện đồng bộ mọi biện pháp, tích cực xây dựng nội bộ vững mạnh, chủ động phòng ngừa, chủ động tiến công các loại tội phạm, tập trung lực lượng đối với các địa bàn trọng điểm, các đối tượng chủ yếu, chúng ta nhất định giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, góp phần xứng đáng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam yêu quý của chúng ta.



Digitized by Google

# Tăng cường công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc

Trung tướng NGUYỄN NAM KHÁNH

BẢO vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ là nghĩa vụ, trách nhiệm, mà đã trở thành ý thức sâu sắc, tình cảm thiêng liêng của người dân Việt nam. Trải qua mấy chục năm liên tục chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, nhân dân ta, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên, từ thế hệ này đến thế hệ khác đã lớp lớp nối tiếp nhau cầm súng bảo vệ Tổ quốc, lập nên biết bao chiến công oanh liệt, làm rạng rỡ thêm trang sử hào hùng chống ngoại xâm của dân tộc.

Ngày nay, trước những âm mưu và hành động phá hoại, xâm lược của chủ nghĩa bá quyền bành trướng Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, toàn dân, toàn quân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, vẫn phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. «Phải xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt những kết quả thiết thực làm cho đất nước ta mạnh lên về mọi mặt và trong mọi hoàn cảnh thì mới có đủ sức đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ngược lại, có tăng cường phòng thủ đất nước, làm thất bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và bảo đảm cho đất nước luôn luôn được bảo vệ vững chắc thì mới có điều kiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội» (1).

Để góp phần tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, chúng ta cần làm tốt hơn nữa công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên chấp hành nghiêm chỉnh luật nghĩa vụ quân sự. Gần đây ở một số nơi, công tác này không được chú ý đúng mức. Có nơi cho rằng đã là nghĩa vụ thì bắt buộc phải thực hiện, coi nhẹ công tác giáo dục, tổ chức. Hoặc chỉ làm công tác giáo dục, tổ chức đối với thanh niên, không làm tốt trong nhân dân. Có nơi coi công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự chỉ đến khi giao quân là xong, không thấy những công việc phải làm tiếp theo. Hoặc chỉ coi trọng việc giao quân nhập ngũ, coi nhẹ việc tiếp nhận những quân nhân hết hạn tại ngũ trở về địa phương. Thực tế cho thấy, công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự là cả một quá trình và có nội dung nhiều mặt. Nó không phải chỉ là những việc làm đơn thuần về nghiệp vụ như tổ chức đăng ký lực lượng, tiến hành giao nhận quân, tổ chức cho ra quân hoặc đón nhận

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 42.



Digitized by Google

quân nhân xuất ngũ về địa phương v.v. mà thực chất là một cuộc vận động chính trị thiết thực, sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân nhằm phát huy cao độ tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống kiên cường bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc, động viên và tổ chức các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên thực hiện quyền làm chủ vận mệnh của Tổ quốc. Có thể nói đây là một quá trình hoạt động kết hợp nhiều mặt, tiến hành những công việc nối tiếp nhau, qua nhiều khâu, nhiều bước: bước trước chuẩn bị cho bước sau, bước sau kế thừa, phát triển kết quả của bước trước đồng thời chuẩn bị cho bước tiếp theo. Nếu ở địa phương, công tác giáo dục, tổ chức tạo được phong trào nhân dân và thanh niên hăng hái làm nghĩa vụ quân sự, bảo đảm số lượng, chất lượng những người nhập ngũ, thì thời kỳ ở trong quân đội, thanh niên sẽ có điều kiện thuận lợi để rèn luyện và chiến đấu tốt. Công tác giáo dục, rèn luyện thanh niên tại ngũ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhận những thanh niên có chất lượng tốt nhập ngũ, lại tiến hành tốt việc giáo dục, rèn luyện trong thời gian tại ngũ — đây là bước công tác có tác động mạnh mẽ đến chiều hướng phát triển của thanh niên trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau khi họ hoàn thành nghĩa vụ quân sự, việc tổ chức đón nhận họ trở về địa phương tiến hành được tốt cũng có tác dụng lớn. Nó cổ vũ và thúc đẩy anh em tiếp tục phát huy truyền thống và bản lĩnh của người chiến sĩ Quân đội nhân dân, tích cực tham gia xây dựng quê hương; đồng thời nó tạo thêm điều kiện thuận lợi để địa phương tiếp tục thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự. Có thể nói, trên đây là ba giai đoạn của quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự, mỗi giai đoạn có vị trí và tầm quan trọng riêng, nhưng liên quan chặt chẽ và ảnh hưởng lẫn nhau.

★

Từ những thành công và những mặt còn thiếu sót trong những năm qua, nhất là qua thực tiễn sinh động, phong phú của công tác vận động nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự, chúng ta thấy cần làm tốt mấy vấn đề:

*1 — Thường xuyên kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, làm chủ đất nước với giáo dục, tổ chức chấp hành nghiêm chỉnh Luật nghĩa vụ quân sự, chủ động chuẩn bị mọi mặt, bảo đảm cho người thanh niên sẵn sàng làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.*

Luật nghĩa vụ quân sự đã quy định: « Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của người công dân. Công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân ». Để nghĩa vụ đó được thực hiện tốt, trước hết phải chăm lo công tác giáo dục, vận động quần chúng nhằm làm cho mọi người nhận thức rõ tình hình, nhiệm vụ cách mạng, nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; đối với thế hệ trẻ, tập trung vào vấn đề cơ bản hàng đầu là giáo dục bồi dưỡng lý tưởng, mục tiêu phấn đấu cách mạng, định hướng tư tưởng và hành động, phát huy trí tuệ, làm cho họ nhận rõ trách nhiệm lịch sử của mình, ra sức cống hiến nhiều nhất, cao nhất cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cần làm cho thanh niên nhận rõ quân thù hiện nay đang thường xuyên uy hiếp nền độc lập của Tổ quốc ta tức là đụng đến vấn đề sống còn của dân tộc, đụng đến tình cảm



Digitized by Google

thiêng liêng nhất của mỗi người. Trước tình hình đó, không thể có một công dân yêu nước nào lại chần chừ, không dám xả thân vì Tổ quốc. Nếu do dự, chần chừ thì sẽ bị quân thù đè bẹp; trốn tránh và tự ý rút lui khỏi vị trí chiến đấu là có tội, là làm tổn thương truyền thống yêu nước của dân tộc. Có một số thanh niên đang làm nghĩa vụ quân sự suy bì với cuộc sống yên ổn ở hậu phương, không thấy nhân dân lao động yên vui chính là niềm tự hào, là nguồn hạnh phúc to lớn của mình.

Song công tác tư tưởng phải thấy hết tính chất phức tạp của tình hình mới. Việc gọi thanh niên nhập ngũ trong hoàn cảnh đất nước có những diễn biến phức tạp, khó khăn đòi hỏi chúng ta phải bỏ nhiều công sức để làm công tác giáo dục, tổ chức, phải có nội dung và cách làm thích hợp, tác động tốt đến tư tưởng, tình cảm của cả người ở nhà lẫn người ra đi.

Công tác giáo dục, tổ chức cần đi vào từng vùng, từng đối tượng khác nhau để có nội dung, hình thức sát hợp, kịp thời cổ vũ những nhân tố tích cực cách mạng của quần chúng, đấu tranh khắc phục những nhận thức lệch lạc, sai trái ảnh hưởng không tốt đến tinh thần hăng hái nhập ngũ của thanh niên, có biện pháp xử lý nghiêm minh đối với các hiện tượng trốn tránh, hối lộ, bao che, nể nang, không gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Một yêu cầu rất quan trọng của công tác giáo dục, tổ chức là làm cho các tầng lớp nhân dân và thanh niên nắm được những nội dung cơ bản của luật nghĩa vụ quân sự. Đây chính là chỗ dựa để mọi người xác định phương hướng hành động của mình và đấu tranh chống những hiện tượng vi phạm luật. Hình thức tốt mà nhiều nơi đã áp dụng là công bố danh sách những người trong diện đi khám sức khỏe, danh sách người trúng tuyển, danh sách người được tạm hoãn, qua đó động viên quần chúng tự giác chấp hành, giám sát việc tổ chức thực hiện của cơ quan Nhà nước, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong nội bộ nhân dân. Làm như vậy chính là tạo điều kiện cho quần chúng thực hiện quyền làm chủ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm công bằng, hợp lý và đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự. Đồng thời chú ý chống mọi luận điệu chiến tranh tâm lý, các hoạt động phá hoại của địch đối với tuyển quân, kịp thời xét xử các vụ, việc vi phạm pháp luật, giữ nghiêm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, cần đẩy mạnh giáo dục về quốc phòng, kết hợp chặt chẽ huấn luyện quân sự phổ thông, thực hiện nếp sống quân sự hóa trong các trường với phát động phong trào thể dục thể thao rộng rãi trong toàn dân. Qua đó góp phần tích cực chuẩn bị cho thanh niên về ý thức quốc phòng, sức chịu dựng dẻo dai và năng lực hành động quân sự để sẵn sàng gia nhập lực lượng vũ trang.

Điều tác động rõ rệt đến tinh thần, thái độ tích cực thực hiện nghĩa vụ quân sự của cả nhân dân và thanh niên là các cấp, các ngành chăm lo giải quyết các chính sách hậu phương quân đội, tạo điều kiện thuận lợi cho anh em xuất ngũ trở về địa phương sớm có công việc làm, ổn định cuộc sống, yên tâm, phấn khởi đem hết nhiệt tình, năng lực tham gia xây dựng hậu phương, và chú ý thích đáng đến các quân nhân nghỉ hưu, mất sức. Cần khắc phục tình trạng khi gần đến đợt tuyển quân mới lo thực hiện chính sách hoặc cho rằng nhà ai cũng phải làm nghĩa vụ, « cào bằng tất cả », không thấy hết ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

2— *Nâng cao trách nhiệm và phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành.*



Digitized by Google

*các đoàn thể trong công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.*

Thực tế trong những năm qua cho thấy ở địa phương nào có sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền và sự hoạt động tích cực của các đoàn thể quần chúng, cơ quan quân sự thực hiện tốt chức năng tham mưu, cơ quan tòa án, kiểm sát có những hoạt động thiết thực, góp phần tích cực vào việc chấp hành luật, thì ở địa phương đó việc gọi thanh niên nhập ngũ thực hiện được tốt. Dựa theo kế hoạch chung của các bước thực hiện nghĩa vụ quân sự và sự phân công cụ thể, mỗi tổ chức làm tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phối hợp chặt chẽ với nhau thì công tác giáo dục, tổ chức sẽ đạt kết quả cao. Dương nhiên công tác đó cần tiến hành bằng nhiều hình thức sinh động, chẳng hạn như thông qua các ngày kỷ niệm lớn mà tổ chức sinh hoạt chính trị, tuyên truyền luật nghĩa vụ quân sự, tổ chức thi tìm hiểu truyền thống đấu tranh của Đảng, Đoàn, quân đội, của địa phương, kể chuyện truyền thống bằng hệ thống loa thông tin lưu động, tổ chức chiếu phim, hội diễn nghệ thuật, hoạt động thể thao quốc phòng,... hoặc dùng hình thức đề cử: chính quyền cử, đoàn thể cử, gia đình cử thanh niên nhập ngũ. Kinh nghiệm cho thấy, hoạt động tuyên truyền, động viên, giúp đỡ của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các bà mẹ có tác dụng lớn trong công tác giáo dục, tổ chức, nhất là khi ở cơ sở đã tạo được phong trào nhân dân động viên con em mình lên đường nhập ngũ. Không khoán trắng cho cơ quan quân sự địa phương, phát huy vai trò và trách nhiệm của các tổ chức ở địa phương, đó là yếu tố quan trọng hàng đầu để động viên được mọi thanh niên đến tuổi đăng ký, tình nguyện nhập ngũ, hạn chế được những biểu hiện tiêu cực.

*3— Thấy rõ vị trí, trách nhiệm của quân đội trong thời kỳ thanh niên tại ngũ: vừa là nơi bồi dưỡng bản lĩnh chiến đấu, vừa là trường học lớn rèn luyện thanh niên thành con người mới xã hội chủ nghĩa.*

Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ: "Giáo dục sâu rộng cho nhân dân và thanh niên hiểu rõ luật nghĩa vụ quân sự, chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang, kinh qua trường học lớn của quân đội để rèn luyện mình thành con người mới xã hội chủ nghĩa" (2).

Quân đội đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó cho vinh dự to lớn và trách nhiệm nặng nề giáo dục, rèn luyện lớp trẻ đang tham gia chiến đấu. Thời gian người thanh niên tại ngũ không dài, nhưng đây là một trong những thời cơ tốt nhất để giáo dục, huấn luyện họ trở thành người chiến sĩ có bản lĩnh chiến đấu, có ý chí, quyết tâm cao, có tinh thần kỷ luật tốt, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao, và trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa tiếp tục làm tròn các nhiệm vụ sản xuất, công tác khi xuất ngũ về địa phương.

Thực tiễn của nhiều đơn vị đã chỉ rõ, để quân đội thật sự là trường học lớn đối với thanh niên, thì trước hết mỗi đơn vị phải là "một gia đình nhỏ" thân thương, bình dẳng, đoàn kết; mỗi một cán bộ, một người chỉ huy phải là một tấm gương sáng, hết lòng thương yêu chiến sĩ, luôn luôn vì sự tiến bộ của người chiến sĩ, vì sự chiến thắng ở chiến trường và sự vững mạnh của hậu phương mà ra sức phấn đấu làm tròn nhiệm vụ của mình. Phải khắc phục triệt để tư tưởng dễ làm khó bỏ, thái độ nóng nảy, thô bạo, ưa dùng mệnh lệnh, trừng phạt hơn thuyết phục, cảm hóa. Đối với

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 45.



Digitized by Google

những vấp váp, thiếu sót ban đầu của những chiến sĩ mới, người chỉ huy cần có thái độ bình tĩnh, thông cảm với tinh thần đồng chí, đồng đội để kiên trì giáo dục, giúp đỡ anh em phấn đấu trở thành những người có bản lĩnh. Với trách nhiệm của những người đi trước, cán bộ, chiến sĩ cũ cần nêu tấm gương sáng cho chiến sĩ mới noi theo. Việc thường xuyên trao đổi kinh nghiệm về giáo dục, quản lý chiến sĩ mới trong đội ngũ cán bộ các cấp và trong toàn đơn vị có tác dụng thiết thực giúp chiến sĩ mới làm quen với nếp sống và tác phong quân đội, tiếp thu những kinh nghiệm công tác và chiến đấu, tạo điều kiện cho anh em hoàn thành nhiệm vụ từ thấp đến cao, làm cho anh em yên tâm, gắn bó với đơn vị. Đồng thời, việc biểu dương, khen thưởng kịp thời những biểu hiện tốt, chủ động ngăn ngừa, khắc phục những mặt còn non yếu của chiến sĩ mới là hết sức cần thiết, cần được chú ý đúng mức.

Có thể nói, bất cứ đơn vị nào, làm nhiệm vụ gì và ở đâu, nếu nhận thức sâu sắc trách nhiệm của quân đội — trường học lớn rèn luyện thế hệ trẻ — thì dù hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, thiếu thốn như thế nào, dù tiếp nhận chiến sĩ từ thành phố hay nông thôn, vùng dân tộc thiểu số hay vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa, cũng đều tìm được những biện pháp giáo dục tích cực, có hiệu quả. Thực tế, đã có đơn vị tiếp nhận hầu hết những anh em có khuyết điểm được huy động trở lại, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn tập trung làm tốt công tác giáo dục, giúp đỡ, anh em đã nhận ra thiếu sót, sai lầm của mình, xác định lại vị trí, trách nhiệm của người chiến sĩ Quân đội nhân dân, tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Những nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm quân đội là trường học lớn của thanh niên là: tình thương yêu chiến sĩ, đồng đội, năng lực quản lý, giáo dục chiến sĩ và tính gương mẫu của đội ngũ cán bộ chỉ huy, sự vững mạnh của tổ chức Đảng, vai trò tích cực của tổ chức Đoàn, thực tiễn chiến đấu chống quân thù.

*4 — Chăm lo xây dựng cơ sở vững mạnh về mọi mặt là bảo đảm vững chắc để nâng cao tiềm lực quốc phòng, thực hiện tốt công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự.*

Cơ sở là nơi thể hiện cụ thể bằng hành động cách mạng của quần chúng việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, nơi cung cấp sức người, sức của cho yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, nếu không có cơ sở xã, phường vững mạnh (cả về chính trị, kinh tế, quốc phòng và an ninh) thì khó có thể làm tốt công tác động viên tuyển quân, bảo đảm các yêu cầu tuyển quân cả về số lượng, chất lượng, đưa đi nhập ngũ và đón nhận anh em về địa phương một cách chu đáo.

Thấy rõ vị trí của cơ sở, trong những năm qua, nhiều tỉnh, thành đã tăng cường cán bộ bám sát cơ sở, xây dựng và nhân lên những cơ sở mạnh, tập trung giúp đỡ những cơ sở yếu, giải quyết dứt điểm những mặt yếu kém, nâng nhanh độ đồng đều giữa các cơ sở.

Quá trình triển khai công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự ở cơ sở cũng là quá trình phát huy vai trò, chức năng của các cấp, các ngành, từ quận, huyện đến cơ sở, nhất là phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cơ sở để đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thực tiễn vừa qua cho thấy, trong khi phấn đấu làm tốt công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, nhiều cơ sở đã nâng cao chất lượng đội ngũ

*(Xem tiếp trang 57)*



Digitized by Google

# 40 năm xây dựng và phát triển ngành đại học và trung học chuyên nghiệp nước ta

NGUYỄN ĐÌNH TỨ

TRƯỚC Cách mạng Tháng Tám 1945, thực dân Pháp đã lập ra ở Hà nội một số trường đại học, cao đẳng chung cho cả 3 nước Đông dương. Hằng năm chỉ tuyển khoảng 200 sinh viên, năm đông nhất (1942) tổng số sinh viên cũng chỉ có 1 085 người. Việc giảng dạy, học tập ở các trường này đều dùng tiếng Pháp, giáo sư cũng đều là người Pháp (khoảng 50 người), chỉ có một số ít trợ lý giảng dạy là người Việt nam.

Từ Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (ĐH và THCN) không ngừng phát triển và đến nay đã đạt được những thành tựu to lớn. Chúng ta đã xây dựng được một hệ thống trường, lớp ĐH và THCN xã hội chủ nghĩa. Tiếng Việt đã được dùng để giảng dạy trong tất cả các trường, các cấp học và được làm phong phú thêm bằng hệ thống tương đối hoàn chỉnh các thuật ngữ khoa học và kỹ thuật. Hệ thống trường lớp này là cơ sở vững chắc cho công tác đào tạo và bồi dưỡng hầu hết các cán bộ khoa học và kỹ thuật ĐH, THCN và những năm gần đây cả cán bộ sau đại học. Ngay trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đặc biệt là thời kỳ chống Mỹ, cứu nước vô cùng ác liệt, ngành ĐH và THCN vẫn không ngừng phát triển cả về tốc độ lẫn quy mô. Chẳng hạn, năm học 1964 — 1965 ở miền Bắc có 16 trường đại học và cao đẳng với 2 750 cán bộ giảng dạy, 29 300 học sinh ; 112 trường THCN gồm 3 000 giáo viên và 42 000 học sinh thì năm học 1969 — 1970 đã có 42 trường ĐH, CĐ với 7 700 cán bộ giảng dạy, 75 000 học sinh ; 213 trường THCN với 6 900 giáo viên và 127 750 học sinh. Trong khoảng 10 năm (1965 — 1974) đã có trên 100 000 học sinh tốt nghiệp ĐH — CĐ, 200 000 học sinh tốt nghiệp THCN, bổ sung một lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật quan trọng phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, ngành ĐH và THCN bước sang giai đoạn phát triển mới. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng ta đã tiếp thu, cải tạo các trường đại học và chuyên nghiệp của chế độ cũ ở miền Nam, xây dựng hệ thống ĐH và THCN xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước. Mạng lưới trường, lớp và cơ cấu ngành nghề của các trường được điều chỉnh, sắp xếp lại cho phù hợp với giai đoạn cách mạng mới. Một số nơi ở miền Nam trước đây không có trường, lớp đại học đã được mở trường mới: Trường đại học bách khoa Đà nẵng, Trường đại học Tây nguyên, Trường



Digitized by Google

đại học thủy sản (Nha trang) và nhiều trường cao đẳng và THCN khác.

Do yêu cầu của công tác đào tạo, bồi dưỡng cấp bộ và sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, từ năm 1976, chúng ta đã bắt đầu đào tạo cán bộ sau đại học ở trong nước. Đó là một bước phát triển mới về chất của hệ thống giáo dục đại học nước ta. Đến nay, đã có 49 cơ sở đào tạo cán bộ sau đại học gồm 132 chuyên ngành với trên 700 nghiên cứu sinh; 310 cán bộ khoa học — kỹ thuật đã bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ ở trong nước.

Tính đến giữa năm 1985, cả nước có 93 trường, lớp ĐH — CĐ với 18 720 giáo viên, 115 600 học sinh học trong 200 khoa gồm 1 700 bộ môn; 278 trường THCN với 11 000 giáo viên và 100 000 học sinh (+). Trong số giáo viên ĐH — CĐ có 9,1% là tiến sĩ, phó tiến sĩ, 384 người là giáo sư, phó giáo sư, trên 4 800 nữ, 26% là đảng viên.

Song song với hệ thống đào tạo tập trung, từ năm 1959 chúng ta đã mở các lớp học tại chức và đến nay đã có 82 cơ sở đào tạo, hơn 35 000 cán bộ đã tốt nghiệp đại học và gần 40 000 cán bộ đã tốt nghiệp trung học tại chức, nhiều tỉnh đã thành lập trung tâm đào tạo tại chức. Tại các lớp tại chức cạnh xí nghiệp, 70 — 80% học viên là công nhân đang trực tiếp sản xuất. Hình thức này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công nhân, cán bộ, đảng viên từ trung ương tới cơ sở. Hiện nay số người học tại chức chiếm khoảng 25% tổng số học sinh đại học.

Mấy năm qua, thực hiện nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, các trường ĐH và THCN đã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức; cải tiến chương trình, phương pháp đào tạo, đẩy mạnh thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, gắn nhà trường với các mục tiêu kinh tế — xã hội của cả nước và của từng địa phương. Do vậy, bước đầu đã có những chuyển biến tích cực về chất lượng giáo dục.

Hệ thống giáo dục ĐH và THCN của chúng ta mấy chục năm qua đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo, xuất thân từ công nhân, nông dân lao động, từ cán bộ cách mạng, với đủ các ngành nghề cần thiết cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, quốc phòng; có tinh thần hăng hái, tận tụy hy sinh phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt quan điểm của Đảng ta về công tác cán bộ, ngành ĐH và THCN đã từng bước làm thay đổi một cách cơ bản cơ cấu thành phần xã hội và giai cấp trong học sinh. Hầu hết học sinh các cấp đều xuất thân từ các gia đình công nhân, nông dân, trí thức xã hội chủ nghĩa và con em nhân dân lao động. Bằng nhiều biện pháp, trong đó có việc tổ chức các trường và khoa dự bị đại học, tỷ lệ học sinh người các dân tộc thiểu số, học sinh đã qua chiến đấu, qua lao động sản xuất, công tác, học sinh nữ ngày càng tăng (có trường học sinh thuộc diện chính sách chiếm 60%). Những cán bộ quản lý, cán bộ nòng cốt, những người giỏi được bố trí học các ngành then chốt nhằm chọn lọc, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ sự nghiệp cách mạng. Tính đến năm 1984, đội ngũ cán bộ của ta đã có 5 000 tiến sĩ, phó tiến sĩ, 350 000 cán bộ có trình độ ĐH — CĐ, 670 000 có trình độ THCN (1). Trong đội ngũ cán bộ đạt trình độ đại học có 29% là nữ; 3,5% là cán bộ người các dân tộc

(+) Chưa kể 8 học viện, 1 trường đại học, 30 trường cao đẳng và các trường THCN thuộc Bộ nội vụ và Bộ quốc phòng.

(1) Theo số thống kê năm 1983 và tính thêm số tốt nghiệp năm học 1983—1984.



Digitized by Google

thiểu số; hơn 6% được đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Nhìn chung, chúng ta đã vượt qua thời kỳ mà đòi hỏi về số lượng là cấp bách nhất. Đồng thời với việc tiếp tục bổ sung thích đáng số lượng cần thiết để đáp ứng nhu cầu của từng ngành, từng địa phương, nhất là những ngành và địa phương còn thiếu cán bộ thì vấn đề quan trọng nhất hiện nay là phải hết sức chú trọng chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo.

Mấy chục năm qua, các trường ĐH và THCN đã góp phần tích cực vào việc phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật, giải quyết được nhiều vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra thông qua những hoạt động phổ biến, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học và các tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là tiến bộ khoa học kỹ thuật) vào sản xuất, đời sống. Từ năm 1980 đến nay, các trường đại học đã chủ trì hơn 200 đề tài khoa học trong các chương trình trọng điểm của Nhà nước, 292 đề tài cấp bộ và 1680 đề tài cấp trường. Trong các đề tài này có khoảng 20% về khoa học xã hội, 15% về khoa học giáo dục còn lại là về các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, đời sống và quốc phòng. Kết quả các công trình nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất, đời sống, quốc phòng ngày một tăng, nghiên cứu khoa học và kỹ thuật của các trường đã gắn bó chặt chẽ hơn với các địa phương, các cơ sở sản xuất. Lực lượng cán bộ khoa học — kỹ thuật của nhiều trường được tập hợp để phục vụ các mục tiêu kinh tế — xã hội và các địa bàn lớn: thủ đô Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu long và nhiều ngành, nhiều địa phương khác. Công tác nghiên cứu khoa học, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống thông qua hợp đồng trách nhiệm và hợp đồng kinh tế, những năm gần đây đã phát triển mạnh mẽ, đa dạng. Một số tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng và triển khai ở quy mô tương đối lớn, đưa lại hiệu quả kinh tế cao (sản xuất vòi phun bơm cao áp của động cơ đi ê den, tạo giống lúa kháng rày cho năng suất cao, sản xuất thuyền xi măng lưới thép, tạo giống lợn lai, sản xuất sơn e po xy — lac con, bào chế thuốc bec bê rin, thuốc chữa bỏng, thiết kế và chế tạo hệ thống nấu ăn bằng nồi hơi, sản xuất bê tông cốt thép ứng lực trước v.v.); trên 500 tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được ứng dụng ở quy mô nhỏ.

Những thành tựu của sự nghiệp giáo dục, đào tạo cán bộ của chúng ta, chứng tỏ ngành ĐH và THCN, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã luôn luôn phấn đấu theo quỹ đạo chủ nghĩa xã hội, phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn. Với những thành tựu đó, ngành ĐH và THCN đã được vinh dự nhận phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước ta: Huân chương Hồ Chí Minh.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, ngành ĐH và THCN cũng còn nhiều nhược điểm, thiếu sót làm hạn chế những thành quả và ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành. Nhược điểm nổi bật hiện nay là chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung còn thấp và có những mặt giảm sút. Nhiều học sinh đã tốt nghiệp ĐH—CĐ hay THCN nhưng năng lực công tác yếu, không giải quyết có hiệu quả những vấn đề khoa học—kỹ thuật do thực tiễn đặt ra. Chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức còn thấp. Việc bố trí, sử dụng học sinh khi ra trường chưa được giải quyết tốt. Trong lúc có nơi, học sinh ra trường không phân phối công tác được thì ở một số ngành, địa phương lại vẫn thiếu cán bộ có trình độ ĐH và THCN. Cơ cấu giữa công nhân kỹ thuật và cán bộ trung học, đại học cũng không cân đối. Trước



Digitized by Google

những yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giáo dục ĐH và THCN có những mặt chưa phù hợp, thiếu ăn khớp với nền kinh tế của chúng ta hiện nay. Bên cạnh đó, những khó khăn về đời sống của cán bộ, giáo viên, học sinh, những thiếu thốn về cơ sở vật chất – kỹ thuật, sự chậm đổi mới trong công tác quản lý... cũng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

★

Nhìn lại 40 năm xây dựng và phát triển với những thành tựu và những nhược điểm, thiếu sót trên đây, ngành ĐH và THCN có thể rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Đảng, giúp cho sự phát triển trong giai đoạn mới.

1 – Trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, hệ thống giáo dục ĐH và THCN vừa cùng với các ngành giáo dục, văn hóa tích cực tham gia quá trình xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, vừa là một bộ phận khăng khít của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của nước ta hiện nay. Công tác giáo dục, đào tạo cán bộ ĐH và THCN được làm tốt sẽ góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội. Nó không chỉ và không phải là vấn đề phúc lợi xã hội đơn thuần mà còn là vấn đề gắn bó trực tiếp và quan hệ mật thiết với nền kinh tế, với sản xuất và tiến bộ xã hội. Nhận thức như trên làm cho cán bộ ngành ĐH và THCN thấy đầy đủ hơn trách nhiệm nặng nề của mình, đồng thời làm cho xã hội quan tâm đầy đủ hơn, đầu tư thích đáng hơn cho ngành.

2 – Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ĐH và THCN phải gắn bó chặt chẽ với những mục tiêu kinh tế – xã hội trước mắt cũng như lâu dài của cả nước, của từng ngành, từng địa phương. Do vậy, việc kế hoạch hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ trên cơ sở quy hoạch cán bộ của các ngành, các địa phương là rất quan trọng và cần thiết. Có như vậy việc đào tạo, bồi dưỡng mới có phương hướng, mục tiêu rõ ràng, có hiệu quả và chất lượng cao. Đồng thời, bằng nhiều hình thức, ngành ĐH và THCN phải từng bước đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đông đảo người lao động.

Chất lượng đào tạo toàn diện gắn với hiệu quả sử dụng cán bộ. Trước hết chất lượng được thể hiện ở nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa, có lòng yêu nước, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có phẩm chất và năng lực của người làm chủ tập thể, có sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng làm tốt một nghề, hợp với sự phân công của xã hội, có khả năng giải quyết được những vấn đề khoa học – kỹ thuật nhất định do thực tiễn đặt ra. Mặt khác có được bố trí sử dụng đúng thì chất lượng mới được phát huy đầy đủ, mới đưa lại hiệu quả cao. Gắn bó chặt chẽ với các mục tiêu kinh tế – xã hội của cả nước và từng ngành, từng địa phương, xây dựng mục tiêu đào tạo sát hợp, cải tiến mạnh mẽ nội dung và phương pháp giáo dục, đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và đội ngũ cán bộ, giáo viên, làm tốt hơn nữa việc bố trí sử dụng, đó là con đường để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của ngành.

3 – Một mặt quan trọng trong việc thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng trong các trường ĐH và THCN là kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học. Các trường ĐH và THCN phải đồng thời thực hiện tốt hai chức năng: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học – kỹ thuật và lao



Digitized by Google

động sản xuất (chủ yếu là theo ngành nghề đào tạo). Hai chức năng này phải được thực hiện cân đối, đồng bộ, kết hợp chặt chẽ với nhau để vừa đạt hiệu quả giáo dục, vừa đạt hiệu quả kinh tế. Bằng nghiên cứu khoa học — kỹ thuật và lao động sản xuất, các trường vừa trực tiếp phục vụ cho sản xuất, đời sống vừa nâng cao được chất lượng đào tạo và tạo thêm nguồn vốn để tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật, góp phần cải thiện đời sống của cán bộ, giáo viên và học sinh.

4 — Hết sức quan tâm và có nhiều biện pháp cụ thể để tăng thêm ngày càng nhiều công nhân trực tiếp sản xuất hoặc con em gia đình công nhân, gia đình liệt sĩ, những thanh niên ưu tú đã qua chiến đấu, sản xuất vào các trường ĐH — CĐ và THCN. Có chính sách thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người các dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Chọn người tốt và giỏi bố trí học các ngành then chốt. Để chủ trương đó được thực hiện tốt, cần chọn nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo cho phù hợp với từng đối tượng.

Đồng thời với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật đông đảo đáp ứng nhu cầu của các ngành, các địa phương, các cấp, hết sức quan tâm xây dựng một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đồng bộ có tài năng và phẩm chất, đáng tin cậy cho đất nước.

5 — Ngay trong hoàn cảnh chiến tranh cực kỳ khó khăn, trong điều kiện nền kinh tế còn chưa phát triển, chúng ta vẫn có thể phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung và giáo dục ĐH và THCN nói riêng. Chính thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, trường học phải sơ tán về nông thôn, lại là thời kỳ giáo dục ĐH và THCN phát triển nhanh chóng nhất. Được như thế là do chúng ta có cách làm thích hợp. Sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Phương châm phát triển giáo dục là « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « Trung ương và địa phương cùng làm ». Trong hoàn cảnh hiện nay, lại càng phải ra sức huy động cả 4 nguồn khả năng để phát triển giáo dục, đào tạo: đầu tư của Nhà nước (cả trung ương và địa phương); của các cơ sở sản xuất (cả quốc doanh và tập thể); sự đóng góp của gia đình học sinh, của nhân dân; kết quả nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, lao động sản xuất của thầy và trò. Trong khi tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ đào tạo tập trung dài hạn, cần hết sức đẩy mạnh việc đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên với nhiều hình thức linh hoạt. Phải bằng mọi cách làm cho công tác giáo dục, đào tạo sớm phát huy tác dụng đối với nền kinh tế, từ chỗ là một « gánh nặng » đối với nền kinh tế trở thành một nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế — xã hội.

★

Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ phương hướng của các ngành giáo dục những năm 80 là: « phát triển sự nghiệp giáo dục một cách tích cực và vững chắc theo bước đi phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân và phải ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục » (2). Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục đã chỉ rõ mục tiêu của ngành ĐH và THCN là « tạo ra một đội ngũ đông đảo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ, với cơ cấu đồng bộ và cân đối về ngành nghề, trình độ và loại hình, phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa của đất nước, những cán bộ vừa

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 97.



Digitized by Google

có phẩm chất chính trị tốt, vừa có năng lực chuyên môn giỏi, để từng bước giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật và quản lý do thực tiễn nước ta đề ra » (3).

Quán triệt nghị quyết của Đảng, trong nửa sau thập kỷ 80 này, ngành ĐH và THCN phải giải quyết tốt những vấn đề mấu chốt sau đây:

*1 — Hoàn chỉnh, cụ thể hóa mục tiêu và cơ cấu hệ thống giáo dục, cải cách nội dung và phương pháp đào tạo.*

Cơ cấu hệ thống giáo dục ĐH và THCN phải phong phú, linh hoạt để vừa đáp ứng được nhu cầu cán bộ của cả nước, từng ngành, từng địa phương rất đa dạng về trình độ, nghề nghiệp, về loại hình, vừa đáp ứng được nhu cầu học tập, thường xuyên nâng cao trình độ của đông đảo người lao động. Có nhiều hình thức học tập, đào tạo, bồi dưỡng: dài hạn và ngắn hạn, tập trung và tại chức, chính quy và không chính quy, bồi dưỡng theo chuyên đề v.v. Cố gắng để mọi đối tượng muốn học tập, nâng cao trình độ đều có thể được đáp ứng. Tuy nhiên, cơ cấu này phải hướng vào một số trọng điểm đang thiếu cán bộ: cấp huyện và các hợp tác xã (nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp), đồng bằng sông Cửu long, Tây nguyên, vùng núi phía bắc. Cán bộ của các ngành khoa học liên quan đến quản lý kinh tế, xã hội, cán bộ người các dân tộc thiểu số, các ngành mũi nhọn... càng cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng.

Củng cố và mở rộng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng sau tốt nghiệp, đặc biệt là sau đại học. Phấn đấu để dần dần đào tạo sau đại học ở trong nước trở thành chủ yếu. Có quy hoạch và những biện pháp tích cực để nhanh chóng xây dựng được một đội ngũ cán bộ đầu đàn, vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, thực hành, công nghệ và vững vàng trong quản lý kinh tế, xã hội

*Danh mục các ngành nghề đào tạo* cũng phải được xây dựng, điều chỉnh cho phù hợp với sự phân công lao động, mở mang ngành nghề ở nước ta trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mạng lưới các trường học phải được sắp xếp lại cho phù hợp với việc phân vùng kinh tế — xã hội, phân bố dân cư của cả nước cũng như của từng địa phương. Xây dựng các trường trọng điểm, đầu ngành để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chất lượng cao.

Giải quyết một cách đồng bộ các vấn đề cơ cấu, hình thức đào tạo, danh mục ngành nghề, mạng lưới trường học là tạo ra một cấu trúc mới của hệ thống giáo dục ĐH và THCN, làm cho nó gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp phát triển kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên cũng như trong cả thời kỳ quá độ, làm cơ sở để xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo cho từng ngành, từng trường cụ thể.

Vấn đề đặc biệt quan trọng là phải nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức trong trường học. Trong quá trình học tập và rèn luyện, học sinh phải được nâng cao giác ngộ về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng yêu nước, yêu nghề, có ý thức sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung, chương trình giảng dạy cũng phải sửa đổi, cải tiến để bảo đảm tính cơ bản, hiện đại và thiết thực. Chú trọng nâng cao khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, khả năng thực hành và công nghệ; biết tính toán hiệu quả kinh tế, có phương pháp tư duy khoa học, tư duy kinh tế, năng lực tổ chức và quản lý v.v. Xây dựng thử một số trường liên kết với các cơ sở sản xuất, các trung tâm nghiên cứu, các

(3) Nghị quyết của Bộ chính trị về *Cải cách giáo dục*, 1979, tr. 7.



Digitized by Google

tổ hợp đào tạo – khoa học – sản xuất

*2 – Tổ chức thực hiện tốt công tác thực nghiệm, nghiên cứu khoa học – kỹ thuật và lao động sản xuất.*

Phần trên đã nói đến vị trí, vai trò rất quan trọng của công tác nghiên cứu, thực nghiệm, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng. Muốn triển khai tốt công tác này, trước tiên phải làm cho nhà trường gắn với xã hội, thầy và trò hiểu biết các mục tiêu kinh tế – xã hội, xác định được đúng đắn các vấn đề, các đề tài cần nghiên cứu giải quyết, đồng thời phải giải quyết tốt việc tổ chức, quản lý, các chế độ chính sách, các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật. Sự liên kết giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, giữa các trường với nhau đã đem lại hiệu quả rất lớn, tạo cho nhà trường khả năng nghiên cứu và giải quyết những vấn đề có tính chất liên ngành, tầm cỡ ngày càng lớn.

Các trường vừa phải thực hiện tốt các đề tài nghiên cứu thuộc các chương trình trọng điểm của Nhà nước, vừa phải đẩy mạnh việc ký kết và thực hiện các hợp đồng nghiên cứu với các cơ sở sản xuất, các ngành, các địa phương. Lấy việc áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật làm trung tâm, đồng thời quan tâm thích đáng đến công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu về khoa học giáo dục. Mỗi trường phải biết phát huy thế mạnh của mình; xây dựng các ngành mũi nhọn trong các trường, nhất là các trường trọng điểm đầu ngành.

*3 – Kiện toàn và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.*

Muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cải cách và phát triển giáo dục, nhân tố quan trọng nhất là nâng cao chất lượng của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Phải không ngừng nâng cao phẩm chất và trình độ của đội ngũ này, phải hoàn chỉnh cơ cấu, đồng bộ hóa, có biện pháp thích hợp để cán bộ, giáo viên có điều kiện đi sát và gắn bó chặt chẽ với sản xuất, với thực tế xã hội. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý chủ chốt và cán bộ chuyên môn đầu đàn của các ngành học. Đội ngũ giáo viên giảng dạy lý luận chính trị phải được đặc biệt chú ý chọn lọc, bồi dưỡng, đào tạo. Giáo viên đại học phải được tiêu chuẩn hóa, sắp xếp theo các chức vụ khoa học. Nâng cao tỷ lệ giáo viên đại học có học vị bằng cách mở rộng đào tạo nghiên cứu sinh. Xây dựng tiêu chuẩn cho đội ngũ giáo viên THCN và sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện nay theo tiêu chuẩn đó.

Tiềm năng của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của chúng ta rất dồi dào. Nhưng muốn phát huy tiềm năng đó một cách có hiệu quả thì cần có chế độ, chính sách thỏa đáng và bố trí sử dụng hợp lý, nhất là đối với những cán bộ, giáo viên giỏi. Nâng cao địa vị xã hội và ổn định, cải thiện đời sống của cán bộ, giáo viên là thiết thực góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục.

*4 – Cải tiến tổ chức và quản lý giáo dục:*

Phải cải tiến tổ chức và quản lý hệ thống giáo dục ĐH và THCN theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương, nhất là nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng (khóa V). Nhiều chế độ chính sách (học bổng đồng loạt, cách tuyển sinh và phân phối công tác v.v.) cần thiết và có tác dụng tốt trong hoàn cảnh chiến tranh, đến nay đã trở thành lỗi thời, mang nặng tính chất quan liêu, bao cấp, bình quân, không khuyến khích sự nỗ lực học tập của học sinh, không đòi hỏi nhà trường quan tâm đến chất lượng và nhất là hiệu quả đào tạo. Công tác kế hoạch hóa đào tạo mang nặng tính chất quan



Digitized by Google

liệu, bao cấp, hình thức. Nhiều nơi có nhu cầu cán bộ chỉ biết «xin phân phối», mà chưa tham gia đóng góp vào công tác đào tạo, chưa cân nhắc tính toán để bố trí sử dụng cán bộ một cách có hiệu quả nhất. Hình thức «tuyển sinh theo địa phương», «đào tạo theo địa chỉ», theo «hợp đồng» mới chỉ được thực hiện trong vài năm gần đây và đang còn nhiều mặt phải được bổ sung, hoàn chỉnh

Sự phân công, phân cấp trong công tác đào tạo cần được quy định cụ thể và đầy đủ hơn

Công tác hợp tác quốc tế cần phải được mở rộng có kế hoạch, coi trọng hiệu quả hợp tác. Đặc biệt coi trọng việc mở rộng hợp tác với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, bảo đảm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ nói trên. Phải cụ thể hóa nhằm thực hiện tốt hơn cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Chất lượng của đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý có tác dụng lớn đối với mọi hoạt động của nhà trường Thường xuyên quan tâm đến phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong trường là thể hiện quan điểm quần chúng của Đảng. Sự đoàn kết nhất trí giữa các đồng chí Bí thư đảng ủy và Hiệu trưởng là yêu cầu không thể thiếu được, bảo đảm sự phát triển thuận lợi của nhà trường.

★

Bước vào năm học 1985 — 1986, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 1981 — 1985, năm mở đầu của kế hoạch 1986—1990, những nhiệm vụ to lớn và nặng nề đang đặt ra cho toàn ngành ĐH và THCN. Ngành ĐH và THCN từng bước khắc phục những mất cân đối lớn hiện nay, tạo ra cơ cấu, hệ thống và cơ chế quản lý mới phù hợp hơn với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế quốc dân, nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, góp phần tích cực thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

---

## Tăng cường công...

*(Tiếp theo trang 49)*

cán bộ, đảng viên, củng cố được các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. Ở những nơi có đời sống kinh tế khá hoặc có truyền thống cách mạng lâu năm, mà nếu buông lỏng công tác động viên, giáo dục quần chúng, ít quan tâm xây dựng cơ sở vững mạnh về chính trị, thì việc tuyển quân cũng chật vật.

Đối với cơ sở yếu kém, phải tìm ra đúng nguyên nhân để vừa động viên cơ sở cố gắng vươn lên, vừa tăng cường sự giúp đỡ cụ thể của cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp của cơ sở. Không bao biện làm thay, kiên quyết khắc phục tình trạng tùy tiện, dễ làm khó bỏ, lấy quân nơi phong trào khá bù cho nơi yếu mà thiếu biện pháp giúp đỡ tích cực, tạo điều kiện cụ thể để cho các cơ sở yếu kém tự phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân.



Digitized by Google

# Hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý — một yêu cầu cấp bách của nước ta hiện nay

NGUYỄN CÔNG THẮNG

NĂM 1945, dân số của cả nước Việt nam là 23 triệu người. Đến đầu năm 1985, sau 40 năm, con số đó đã tăng lên đến gần 60 triệu người. Điều đáng chú ý là ngay cả trong các thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tốc độ tăng dân số vẫn cao.

Ăng-ghen thường nói : Việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân của một nước sẽ trở nên vô nghĩa nếu không làm chủ được sự phát triển dân số. Thật vậy, việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân của nước ta có mối quan hệ hết sức chặt chẽ với sự phát triển dân số hợp lý, mà cốt lõi của nó là cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch để đưa tỷ lệ phát triển dân số giảm đến mức cân đối nhịp nhàng với khả năng phát triển của nền kinh tế quốc dân. Điều này đã được chứng minh rất rõ ràng trong thực tế. Chỉ tính riêng ở thành phố Hà nội, mỗi năm có thêm khoảng 66 800 cháu (con số bình quân của nhiều năm gần đây). Với con số đó, Hà nội mỗi năm phải có thêm ít nhất 600 lớp học, 70 bác sĩ nhi khoa, 600 cô giáo, 1800 cô giữ trẻ, 68 triệu đồng tiền vải và sữa, 1500 tấn gạo, 130 000 mét vuông nhà ở (tính 2 mét vuông/đầu người). Nhìn rộng ra toàn quốc, mỗi năm nước ta có thêm 1,3 triệu cháu, như vậy, những con số nói trên sẽ lớn biết chừng nào. Tỷ lệ phát triển dân số như thế rõ ràng không phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt của việc hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý, cho nên, ngay từ năm 1963, Đảng và Nhà nước ta đã phát động cuộc « vận động sinh đẻ có kế hoạch »; Ủy ban vận động sinh đẻ có kế hoạch đã được thành lập do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch.

Năm 1975, Hội đồng Chính phủ lại có quyết định số 283/CP giao cho Bộ y tế chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc tập trung huy động và sử dụng mọi lực lượng chuyên môn, kỹ thuật của ngành y tế phục vụ cho công tác sinh đẻ có kế hoạch.

Đến năm 1976, vấn đề này được nêu rõ trong nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng : « Làm tốt công tác *bảo vệ bà mẹ trẻ em*. Đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch » (1).

Và, tiếp đến tháng 10-1978 Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng có chỉ thị 265/CP quyết định đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch trong cả nước

(1) *Nghị quyết Đại hội IV*. Nxb Sự thật, Hà nội 1977, tr. 59.



Digitized by Google

nhằm đạt mục tiêu hạ tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1980 còn khoảng trên 2% một ít.

Tháng 8-1981 Hội đồng bộ trưởng ra chỉ thị số 29/HĐBT yêu cầu cụ thể trong kế hoạch 1981 — 1985: «các ngành, các cấp phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch mạnh mẽ và đều khắp với mục tiêu là mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có 2 con, đẻ thưa cách nhau 5 năm để đến năm 1985 phải đạt mục tiêu hạ tỷ lệ phát triển dân số bình quân cả nước là 1,7%, trong đó các thành phố, các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc bộ tỷ lệ phát triển dân số từ 1,3 — 1,5%, các tỉnh miền Trung từ 1,5 — 1,7%, các tỉnh miền Nam và miền núi từ 1,7% — 2%».

Chỉ tiêu phát triển dân số hạ xuống mức 1,7% vào năm 1985 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng thông qua. Cũng tại Đại hội này, một lần nữa Đảng ta lại khẳng định: «Phải quyết định và thi hành *chính sách dân số* đúng đắn, trong đó một công việc cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược về kinh tế và xã hội, mà tất cả các tổ chức Đảng và chính quyền các cấp phải hết sức quan tâm và trực tiếp chăm lo, là tiếp tục đẩy mạnh cuộc *vận động sinh đẻ có kế hoạch*. Sửa lại một số chính sách, chế độ cụ thể không còn thích hợp, bổ sung và ban hành những chính sách có liên quan, và có sự chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, kiên quyết, nhằm hạ tỷ lệ phát triển số dân đến mức hợp lý» (2).

★

Sau nhiều năm kiên trì tổ chức cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, đến nay tỷ lệ phát triển dân số ở nước ta đã giảm đến mức đáng kể: từ 3,6% (năm 1962) giảm xuống còn trên 2% một ít (năm 1984). Đã có những tỉnh, thành, tỷ lệ phát triển dân số hằng năm xuống dưới mức 2% như thành phố Hồ Chí Minh 1,9%, Thái bình và Hải phòng 1,8%, Nghệ tĩnh và Quảng nam—Đà nẵng 1,83%, Hải hưng 1,9%, Hà nội 1,97%. Có 50 huyện, quận, thị xã và 2500 xã, phường đạt tỷ lệ phát triển dân số từ 1,7% trở xuống, trong đó có 15 huyện, quận đạt tỷ lệ phát triển dân số dưới 1,5% và trên 200 xã đạt tỷ lệ phát triển dân số dưới 1%.

Tuy nhiên, so với mục tiêu giảm tỷ lệ phát triển dân số trong cả nước xuống 1,7% và các mục tiêu khác của chỉ thị 29/HĐBT thì còn nhiều điểm chưa đạt. Cụ thể là: số người đẻ sớm, đẻ dày, đẻ nhiều con, nhiều tuổi còn đẻ vẫn chiếm một tỷ lệ đáng kể. Ngoài ra, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch không duy trì được liên tục; một số huyện, xã đã hạ được tỷ lệ sinh và phát triển dân số đến mức đáng kể, nhưng không có kế hoạch và biện pháp tích cực để duy trì cho nên những năm sau các tỷ lệ đó lại lên cao.

Những thiếu sót nêu trên có nhiều nguyên nhân. Trước hết, về mặt nhận thức còn nhiều lệch lạc. Không ít người cho rằng công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch không cấp bách, thậm chí không cần thiết lắm, cứ ra sức đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế thì việc gì mà phải hạn chế sinh đẻ. (Thực tế đã cho thấy đâu có phải như vậy! Nhiều địa phương hằng năm đều tăng thêm sản lượng lương thực, kinh tế phát triển, nhưng mức thu nhập của người dân vẫn cứ giảm dần, vì tốc độ tăng dân số quá cao, khả năng phát triển kinh tế không thể nào đuổi kịp. Ngay ở các nước có trình độ phát triển cao về kinh tế và khoa học kỹ thuật cũng phải chấp nhận một tỷ lệ phát triển dân số hàng năm dưới 1%, có nước gần như giữ

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập I, tr. 72.



Digitized by Google

thăng bằng dân số). Một số người khác lại cho rằng cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chỉ liên quan đến nữ, do đó không chú trọng vận động nam giới. (Đây là một nhận thức sai lầm, không ít người chồng đã phản đối cuộc vận động và gây khó khăn, trở ngại cho người vợ trong việc thực hiện kế hoạch sinh đẻ). Bên cạnh đó, cũng còn nhiều quan niệm phong kiến và tập quán lâu đời không đúng như trọng nam khinh nữ; nhiều con là nhiều của; phải có người nối giõi tông đường; trời sinh voi trời sinh cỏ; việc sinh đẻ là quyền của người chồng, của riêng từng gia đình, xã hội không nên can thiệp vào, v.v. gây khó khăn rất lớn cho cuộc vận động.

Do chưa thấy rõ được tầm quan trọng đặc biệt của việc hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý, cho nên nhiều cấp ủy và chính quyền địa phương đã coi nhẹ cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, không trực tiếp chỉ đạo phong trào, khoán trắng công việc đó cho ngành y tế. Nhiều cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, chưa làm nòng cốt cho cuộc vận động.

Sự phối hợp hoạt động giữa các ngành, các đoàn thể, các cơ quan tuyên truyền, giáo dục còn rời rạc, thiếu sâu sắc. Mặc dù đối tượng của cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chủ yếu là thanh niên (chiếm tới 70—80%) nhưng hoạt động của các tổ chức thanh niên về mặt này còn rất yếu.

Mạng lưới của ngành y tế chưa đáp ứng được đầy đủ, thuận lợi và rộng khắp nhu cầu về các phương tiện tránh thai và các biện pháp khoa học kỹ thuật hạn chế sinh đẻ; có nơi, có lúc, cán bộ y tế còn gây phiền hà cho chị em đến thực hiện các biện pháp sinh đẻ có kế hoạch.

Thiếu những công trình nghiên cứu khoa học có hệ thống, đồng bộ và toàn diện về tâm lý xã hội, tuyên truyền giáo dục, y học cổ truyền, về dân số học v.v. nhằm đi đến những kết luận cơ bản cần thiết cho cuộc vận động.

Công tác xây dựng các chế độ, chính sách mới tiến hành còn chậm. Các chế độ, chính sách cũ không phù hợp với cuộc vận động vẫn chưa được kịp thời sửa đổi và thay thế

★

Muốn hạ được tỷ lệ phát triển dân số xuống còn 1,7% theo đúng kế hoạch đã định, cần tiến hành tích cực hơn nữa những biện pháp sau đây:

— Thứ nhất, *tăng cường sự chỉ đạo thật chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và các cấp chính quyền Nhà nước* đối với cuộc vận động phát triển dân số hợp lý và sinh đẻ có kế hoạch; không thể khoán trắng công việc này cho ngành y tế. Thực tiễn cho thấy, địa phương nào, cơ sở nào mà cấp ủy Đảng và tổ chức chính quyền buông lỏng sự chỉ đạo đối với vấn đề này thì kết quả đạt được rất thấp. Các cấp ủy Đảng cần nắm vững nội dung, mục tiêu và đối tượng của cuộc vận động để có phương hướng chỉ đạo sát hợp, biến chủ trương của cấp ủy Đảng thành những biện pháp chỉ đạo cụ thể của chính quyền. Có như thế, cuộc vận động mới được triển khai nhanh, mạnh, tích cực và kiên quyết theo đúng yêu cầu của Hội đồng bộ trưởng.

— Thứ hai, *đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục rộng khắp, linh hoạt và thường xuyên*. Công tác tuyên truyền, giáo dục cần thiết thực, tránh hình thức và phải bám sát các nội dung như: cơ sở lý luận về dân số học; mối quan hệ giữa dân số và xã hội, giữa dân số và sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, giữa dân số và sự phát triển văn hóa; mô hình một gia đình Việt nam; quan niệm về hạnh phúc; cơ sở khoa học và kỹ



Digitized by Google

thuật của việc sinh đẻ có kế hoạch; các chế độ, chính sách có liên quan tới việc sinh đẻ có kế hoạch, v.v. Cần làm cho mọi người thấy rõ mục tiêu của cuộc vận động là: mỗi cặp vợ chồng chỉ nên đẻ 2 con, con gái cũng như con trai; đẻ thưa cách nhau 5 năm; người phụ nữ chỉ nên đẻ khi cơ thể đã phát triển hoàn thiện, tốt nhất từ 22 tuổi trở lên. Đối tượng của công tác tuyên truyền về dân số và sinh đẻ có kế hoạch là tất cả mọi người dân, nhưng trước hết nhằm vào các đối tượng: cán bộ, đảng viên; đoàn viên; các cặp vợ chồng đang độ tuổi sinh đẻ; các cụ phụ lão; các giới tôn giáo và học sinh các trường. Cần sử dụng mọi phương tiện và hình thức tuyên truyền như: phương tiện truyền thông đại chúng (sách, báo, áp phích, truyền thanh, truyền hình...); các hình thức văn nghệ (thơ ca, hò vè, kịch, tấu, múa, các truyện ký...); các hình thức tiếp xúc, trao đổi (nói chuyện, tâm sự, tọa đàm...).

— Thứ ba, có sự *phối hợp hoạt động một cách đồng bộ* giữa các ngành, các cấp, các đoàn thể và các địa phương, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch là một cuộc vận động lớn, có liên quan đến tất cả các ngành, các cấp, các đoàn thể và các địa phương. Nói tóm lại, nó là công việc của toàn xã hội. Đã là công việc của toàn xã hội thì toàn xã hội phải chăm lo.

Lâu nay thường có quan niệm cho rằng vận động sinh đẻ có kế hoạch là công tác riêng của ngành y tế. Quan niệm như vậy không đúng, không phù hợp với quan điểm của Đảng và cũng không phù hợp với thực tế. Đương nhiên, ngành y tế phải chịu trách nhiệm chính trước Đảng và Nhà nước về cuộc vận động này. Song, nếu khoán trắng công việc đó cho ngành y tế là sai lầm và hiệu quả đạt được sẽ rất hạn chế. Xin lấy một vài thí dụ: theo số liệu thống kê, những người sinh đẻ hằng năm chủ yếu là thanh niên (chiếm 70 — 80%). Vận động được đối tượng này sinh đẻ có kế hoạch sẽ có một ý nghĩa rất lớn. Nhưng nếu chỉ riêng ngành y tế làm việc đó, không có sự phối hợp chặt chẽ của Đoàn thanh niên thì kết quả đạt được chắc chắn sẽ thấp. Việc vận động sinh đẻ có kế hoạch bắt buộc phải có những dụng cụ và phương tiện chuyên môn đi kèm theo nó như: thuốc tránh thai, vòng tránh thai, các màng ngăn tránh thai (bao cao su, màng ngăn âm đạo, mũ cổ tử cung), v.v. Mặc dù chúng ta đang tích cực đẩy mạnh sản xuất trong nước những thứ đó nhưng chưa thể đáp ứng được đầy đủ mọi nhu cầu của công tác sinh đẻ có kế hoạch, do đó vẫn phải nhập thêm của nước ngoài, đòi hỏi phải có ngoại tệ. Thử hỏi, nếu không có sự phối hợp, giúp đỡ của các ngành kế hoạch, tài chính, ngoại thương, vật tư thì làm sao một mình ngành y tế có thể hoàn thành tốt được nhiệm vụ. Lại nữa, kèm theo cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch phải có ngân sách và một số chế độ, chính sách thích hợp. Rõ ràng, ngành y tế không thể thay thế các ngành khác trong việc đó.

— Thứ tư, *áp dụng triệt để các biện pháp tránh thai, chăm lo xây dựng đội ngũ y tế làm công tác sinh đẻ có kế hoạch*. Song song với công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho người dân nói chung và các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ nói riêng có kiến thức để rồi họ có thái độ đồng tình và chấp nhận kế hoạch hóa gia đình, sinh đẻ ít, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, xây dựng một cuộc sống văn minh, hạnh phúc, phải áp dụng triệt để các biện pháp khoa học kỹ thuật giúp họ thực hiện một cách dễ dàng, thuận lợi và có hiệu quả ý đồ tránh thai.

Muốn thực hiện được đầy đủ các biện pháp tránh thai cho các đối



Digitized by Google

tượng được nhanh chóng, an toàn, kín đáo, thường xuyên, vấn đề đặt ra là phải có một đội ngũ cán bộ y tế làm công tác sinh đẻ có kế hoạch từ trung ương đến địa phương và các cơ sở thật vững mạnh. Nghĩa là đội ngũ ấy vừa phải thành thạo về chuyên môn vừa phải nhiệt tình, tận tụy và có ý thức trách nhiệm cao trong công tác. Hiện nay, chúng ta đã có một mạng lưới y tế rộng khắp ở các tỉnh, thành miền Bắc, miền Trung, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh ở đồng bằng sông Cửu long. Ngành y tế đã xây dựng được rộng khắp mạng lưới nữ hộ sinh ở tuyến xã, khoa sản phụ ở các bệnh viện từ huyện đến trung ương, các đội đặt vòng ở địa phương. Tuy nhiên, ở một số địa phương, nhất là các tỉnh phía Nam mạng lưới y tế cơ sở còn mỏng, đội ngũ cán bộ làm công tác sinh đẻ có kế hoạch còn thiếu và yếu. Ngành y tế cần tập trung làm tốt hơn nữa việc đào tạo, huấn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác sinh đẻ có kế hoạch, trước hết là đội ngũ nữ hộ sinh tuyến xã, làm sao để chị em biết tuyên truyền, hướng dẫn về công tac sinh đẻ có kế hoạch và quản lý thai sản; biết đặt vòng tránh thai, biết làm tốt việc điều hòa kinh nguyệt.

— Thứ năm, *có chế độ và chính sách khuyến khích người thực hiện sinh đẻ có kế hoạch.* Các tỉnh, thành cần hoàn thiện các chế độ, chính sách nhằm khuyến khích những người thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Tỉnh, thành nào chưa ban hành chế độ, chính sách, cần căn cứ vào các Nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng về các chế độ, chính sách đối với công tác dân số và sinh đẻ có kế hoạch, đồng thời, tham khảo kinh nghiệm của các tỉnh, thành đã có các chế độ và chính sách khuyến khích tốt việc sinh đẻ có kế hoạch để đề ra các chế độ và chính sách khuyến khích sinh đẻ có kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương mình. Các ngành tổng hợp của Nhà nước cần sớm ban hành các chế độ, chính sách khuyến khích việc sinh đẻ có kế hoạch; đồng thời sửa đổi và bãi bỏ các chế độ và chính sách không hợp lý, không khuyến khích được việc sinh đẻ có kế hoạch. Nhà nước nên có ngân sách thích đáng đầu tư cho cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch nhằm giảm nhanh tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý. Ngân sách chi cho cuộc vận động này cần được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch Nhà nước ở các cấp.

— Thứ sáu, *hoàn thiện các tổ chức chỉ đạo công tác dân số và sinh đẻ có kế hoạch từ trung ương đến địa phương.* Ngày 11-4-1984, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng được sự ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã ra quyết định số 58/HĐBT thành lập Ủy ban quốc gia dân số và sinh đẻ có kế hoạch.

Ủy ban quốc gia dân số và sinh đẻ có kế hoạch có nhiệm vụ giúp Hội đồng bộ trưởng chỉ đạo công tác dân số và sinh đẻ có kế hoạch, chủ trì việc phối hợp giữa các cơ quan, các đoàn thể quần chúng tổ chức thực hiện công tác dân số và sinh đẻ có kế hoạch trong cả nước.

Để công tác dân số và sinh đẻ có kế hoạch được triển khai nhanh, mạnh và có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, cần tiến hành tốt việc tổ chức các Ủy ban dân số và sinh đẻ có kế hoạch ở các tỉnh, thành, đặc khu trực thuộc trung ương và các Ban chỉ đạo sinh đẻ có kế hoạch tại các quận, huyện các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị hành chính khác. Điều quan trọng là lựa chọn cho được những cán bộ có năng lực, có quyết tâm cao phụ trách chỉ đạo và điều hành công tác dân số và sinh đẻ có kế hoạch.



Digitized by Google

# Bảo vệ môi trường

VÕ QUÝ

NƯỚC ta đang trên con đường xây dựng nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa, điều đó đòi hỏi ngày càng nhiều tài nguyên thiên nhiên. Tiềm năng đất đai, rừng biển sẽ được huy động mạnh mẽ hơn cả về chiều sâu và chiều rộng. Các loại khoáng sản, các dạng năng lượng sẽ được khai thác nhiều hơn. Môi trường sống ở thành phố, khu công nghiệp và cả ở nông thôn, khu kinh tế mới sẽ thay đổi. Các hệ sinh thái rừng, đồng bằng, đồi, núi, ven biển, cửa sông sẽ bị các hoạt động của con người tác động một cách mạnh mẽ hơn. Tất cả những diễn biến đó đang đặt ra cho đất nước ta *nhiều vấn đề cấp bách về môi trường cần phải giải quyết*. Vậy, những vấn đề cấp bách đó là gì?

*1* — Thảm rừng, một tài nguyên vô giá, một yếu tố cơ bản của chất lượng môi trường sống đã *suy tàn quá mức cho phép và đang tiếp tục giảm sút nhanh chóng.*

Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, do đó tỷ lệ che phủ của rừng phải đạt mức trên 50% mới bảo đảm sự cân bằng về môi trường. Nhưng chỉ trong khoảng 40 năm qua, nước ta đã mất 1/2 diện tích rừng; hiện nay chỉ còn khoảng 24% diện tích có rừng che phủ, thấp hơn mức cho phép. Trung bình hằng năm nước ta mất khoảng 163 000 ha rừng. Riêng từ năm 1975 đến nay hằng năm mất 225 000 ha rừng. Nếu chiều hướng này tiếp tục, thảm họa mất rừng sẽ đến trong vòng 20 — 30 năm. Đáng chú ý là gần đây, ở các tỉnh miền Nam rừng bị phá nặng, nhất là ở miền Đông Nam bộ. Đặc biệt là rừng lá rộng thường xanh; kiểu rừng này bị giảm hơn 1/2 trong vòng 5 năm qua. Rừng tràm ở Tây Nam bộ bị giảm 86,7% diện tích. Đầu năm 1983 rừng tràm U minh lại bị cháy lớn, cho nên tới nay hầu như không còn rừng tràm thuần thục nữa.

Việc thu hẹp thảm rừng đã làm cho nạn xói mòn đất ngày càng trầm trọng. Hằng năm, các sông, suối ở miền Bắc đã mang ra biển Đông một lượng đất màu khổng lồ. Lớp đất màu ở các đồi núi không có cây che phủ, hằng năm bị bào mòn trung bình 1 — 2cm, làm mất đi khoảng 100 — 200 tấn đất/ha. Trong điều kiện có rừng che phủ, để tạo nên một lớp đất dày 1 cm cần phải một thời gian từ 100 đến 400 năm, còn để có lớp đất dày 30 cm có thể trồng trọt được phải mất từ 3000 đến 12000 năm. Vì thế mà sự mất mát lớp đất màu do xói mòn là một tổn thất biết bao giờ có thể bù lại được. Vì canh tác không hợp lý mà nhiều vùng đất màu mỡ vừa mới khai phá, chỉ sau 3 — 5 năm đã cằn cỗi, không thể trồng trọt được. Diện tích đất trống đồi trọc vì thế mà ngày càng lan rộng. Nạn xói mòn đất còn gây thiệt hại cho các công trình xây dựng, nhất là các hồ chứa nước. Hồ Thác bà hằng năm nhận khoảng 2,7 triệu tấn chất lắng đọng; hồ Đa nhim trong những năm gần đây đã bị cạn nhiều, không đủ nước để bảo



Digitized by Google

đảm công suất phát điện trong mùa khô ; hồ Cấm sơn trong khoảng 10 năm đã cạn khoảng 2m ; hồ Bộc nguyên với sức chứa hơn 30 triệu $m^3$ và một số hồ khác chỉ sau 10 năm đã cạn, không chứa nước được nữa. Việc thu hẹp thảm rừng đã gây ảnh hưởng rõ rệt đến chế độ thủy văn trong vùng. Nhiều sông suối ở Di linh, ở Tây nguyên, ở Vĩnh phú và ở nhiều vùng khác có mức nước trung bình thấp hơn hẳn so với trước kia. Mức nước ngầm ở nhiều nơi cũng bị hạ thấp nghiêm trọng, như ở khu tam giác huyện Thới bình (Minh hải) trước đây chỉ cần đào 0,5 mét đã có nước ngọt, nay phải đào tới hơn 10 mét. Nhiều bản, làng trù phú ở Tây bắc đã phải dời đi nơi khác vì các suối nước đã cạn sau khi các rừng đầu nguồn bị phá hết. Lũ lụt, hạn hán trong những năm gần đây có chiều hướng xảy ra nhiều hơn và nặng hơn. Riêng ở Quảng bình cũ (Bình trị thiên) do 2 vạn ha rừng đầu nguồn bị bom, đạn Mỹ phá vào những năm 1961 — 1968, cho nên từ năm 1970 đến nay lũ lụt xảy ra hầng năm trên sông Gianh và sông Nhật lệ tăng hơn trước 2,7 lần. Thêm vào đó, trong những năm chiến tranh vừa qua, hơn 2 triệu ha rừng ở miền Nam đã bị rải chất diệt cỏ và chất làm cho trụi lá cây từ một đến nhiều lần. Tình trạng đó không những làm cho các hệ sinh thái ở đây bị suy thoái nặng nề, gây thiệt hại lớn về tài nguyên rừng mà còn gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường sống trong vùng.

Phấn đấu đưa diện tích có rừng che phủ lên 30% trong toàn quốc là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Muốn làm được như vậy, phải ngăn chặn ngay nạn phá rừng bừa bãi, khai thác rừng không hợp lý, đốt nương làm rẫy và nạn cháy rừng ; đồng thời phải tổ chức trồng cây một cách rộng rãi trong toàn dân, kết hợp với bảo vệ rừng. Để làm được điều đó một mặt phải có chính sách, biện pháp tổ chức quản lý khoa học, tăng cường hiệu lực pháp luật của Nhà nước ; mặt khác phải giáo dục cho toàn dân hiểu biết sâu sắc tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đến mức trở thành một nếp sống tốt đẹp hằng ngày của tất cả mọi người.

*2 — Tài nguyên đất đang thoái hóa do sử dụng không hợp lý, và tính bình quân theo đầu người đang giảm sút do dân số phát triển quá nhanh.*

Nước ta có diện tích đất tự nhiên đứng thứ 58 trên thế giới. Nhưng vì dân số tăng nhanh cho nên bình quân diện tích tính theo đầu người hiện nay rất thấp (0,56 ha/người). Dự tính đến năm 1990 còn 0,51 ha/người và năm 2000 là 0,44 ha/người, trong khi đó mức bình quân trên thế giới hiện nay là 3,36 ha/người.

Diện tích đất đang canh tác nông nghiệp là khoảng 7 triệu ha, bình quân đầu người là 0,13 ha. Đất có khả năng khai phá để trồng trọt dự tính là 10 triệu ha. Như vậy nếu ta khai thác hết tiềm năng đó thì diện tích canh tác tính theo đầu người cũng không tăng lên được bao nhiêu.

Diện tích đất rừng từ 14,3 triệu ha vào năm 1943, chiếm 43,8% diện tích toàn quốc, đến nay chỉ còn lại khoảng 7,8 triệu ha, chiếm khoảng 21%. Trong 38 năm qua ở Bắc bộ mất 73% diện tích rừng, Trung bộ mất 20% và Nam bộ mất 13,8%. Diện tích rừng bình quân tính theo đầu người giảm quá nhanh, từ 0,57 ha/người vào năm 1943, hạ xuống chỉ còn 0,14 ha/người vào năm 1983. Nếu rừng không bị phá tiếp và được trồng lại, được bảo vệ để đến năm 2000 có được 7,6 — 8 triệu ha thì diện tích rừng bình quân đầu người vào lúc đó cũng chỉ có từ 0,10 đến 0,11 ha/người.

Diện tích đất trống đồi trọc trong lúc đó lại tăng nhanh từ không đáng kể vào năm 1943 lên 10,5 triệu ha vào năm 1975 và 13,8 triệu ha vào năm



Digitized by Google

1983. Nghiêm trọng nhất là ở Tây bắc và Tây nguyên. Theo tài liệu của Viện điều tra quy hoạch rừng thì năm 1962 từ vĩ tuyến 17 trở ra có 4,952 triệu ha đất trống đồi trọc, đến năm 1983 con số đó tăng lên 8,2 triệu ha.

Đất là tài nguyên cơ bản quý giá của con người, tất cả các loại đất đều có giá trị lâu dài và đều có thể mang lại hiệu quả kinh tế nếu ta biết sử dụng nó một cách hợp lý, đúng quy luật. Vì quỹ đất của chúng ta nghèo cho nên phải hết sức tiết kiệm đất. Để sử dụng đất có hiệu suất cao và sử dụng được lâu dài thì dù đất được sử dụng vào mục đích gì cũng phải nghiên cứu để có biện pháp thâm canh và bảo vệ tốt.

*3 — Tài nguyên di truyền chứa đựng trong giới thực vật, động vật và các hệ sinh thái điển hình của nước ta đang mai một đi một cách nhanh chóng.*

Trên lãnh thổ nước ta có nhiều hệ sinh thái độc đáo và giàu có của vùng nhiệt đới như các kiểu rừng ẩm nhiệt đới thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng cây họ dầu, rừng thông, rừng ngập mặn, rừng tràm, các vùng cửa sông ven biển, các bãi san hô, các hải đảo v.v. Động vật và thực vật sống trong các hệ sinh thái đó hết sức đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loài quý, hiếm, nhiều loài có giá trị kinh tế cao và cả nhiều loài mà hiện nay ta chưa biết hết công dụng. Nhiều hệ sinh thái là cơ sở của sự giàu có của một vùng như hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái cửa sông ven biển, hệ sinh thái đảo san hô v.v. Nhưng cho đến nay, các tài nguyên quý giá đó hầu như không được bảo vệ và đang bị khai thác một cách bừa bãi, thiếu kế hoạch, không hợp lý cho nên đang dần dần bị thoái hóa, cạn kiệt. Nhiều loài động vật, thực vật quý có giá trị ngày càng trở nên hiếm. Ngay cả những giống lúa, cây ăn quả, cây công nghiệp quý... cũng chưa được bảo vệ, lưu giữ một cách có tổ chức. Vốn gien quý đó không những quan trọng đối với nước ta mà còn cả với thế giới, đang có nguy cơ bị mai một.

Cần sớm tổ chức các khu rừng quốc gia, khu bảo vệ thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên để bảo vệ, khôi phục các hệ sinh thái điển hình và các động vật, thực vật hiếm, quý của nước ta.

*4 — Việc sử dụng tài nguyên vùng cửa sông và ven biển chưa hợp lý.*

Việt nam có vùng cửa sông, ven biển rộng lớn. Sự tổ hợp chế độ thủy văn các sông ngòi, thủy triều và hải lưu, cùng với sự thay đổi có chu kỳ của khí hậu đã tạo ra ở đây một hệ sinh vật phong phú, đa dạng, có năng suất cao. Sản lượng tự nhiên của hệ sinh thái cửa sông và ven biển cao hơn bất kỳ một hệ sinh thái nào trong việc tổng hợp chất hữu cơ. Năng suất hải sản thu được tại đây có thể cao hơn 20 lần so với các vùng biển khơi. Đây là bãi đẻ của nhiều loài động vật biển, là nơi vỗ béo các đàn cá bố, mẹ và nơi dinh dưỡng của cá con lúc chưa trưởng thành. Có thể xem vùng này là nơi tái sản xuất các nguồn hải sản, còn biển khơi là nơi khai thác.

Từ lâu người Việt nam đã sử dụng tài nguyên của vùng này một cách không hợp lý: khai thác quá mức, đánh bắt những sinh vật còn non, những đàn đi đẻ, hủy hoại các bãi đẻ và các bãi dinh dưỡng tự nhiên, tàn phá các rừng ngập mặn, các bãi san hô là nguồn gốc của sự giàu có về hải sản của cả vùng. Hơn 80% sản lượng cá biển ở Việt nam được đánh bắt tại các vùng ven biển. Ở các nước có kỹ thuật đánh cá tiên tiến, người ta đánh bắt chủ yếu ở vùng biển khơi, dành vùng cửa sông ven biển cho sự tái sinh đàn cá.

Gần đây, hiện tượng ô nhiễm do nước thải sinh hoạt và công nghiệp đã gây nguy hiểm cho đời sống của



Digitized by Google

thủy sinh ở vùng ven biển cửa sông. Đó cũng là vấn đề cần phải chú ý giải quyết.

*5 — Lãng phí tài nguyên khoáng sản.*

Tài nguyên khoáng sản hiện đang được khai thác trong hàng trăm mỏ lớn, nhỏ như các mỏ than, mỏ khoáng kim loại, khoáng không kim loại và vật liệu xây dựng. Do những thiếu sót trong quy trình thăm dò, thiết kế mỏ cũng như trong việc khai thác, chế biến, nên ở hầu khắp các mỏ đều có tình trạng lãng phí tài nguyên khoáng sản. Ở một số nơi, tổn thất này nặng gấp 2 — 3 lần chỉ tiêu cho phép.

Tình trạng đổ đất, đá thải bừa bãi lên những nơi tài nguyên chưa khai thác, chỉ khai thác quặng giàu, hoặc chỉ lựa chọn loại quặng cần thiết và bỏ loại quặng nghèo, không lợi dụng tổng hợp toàn bộ quặng đã khai thác v.v. xảy ra ở nhiều mỏ. Có mỏ đã bỏ phí 1/3 lượng tiềm tàng. Một số nơi vì nhu cầu trước mắt đã khai thác quặng quý để dùng vào những việc bình thường như lấy đá có thể làm vật liệu ốp lát, và trang trí dem rải đường. Có nơi đã xây dựng hồ chứa nước lên trên những vùng có trữ lượng lớn về khoáng sản. Sự khai thác không hợp lý tại một số mỏ than đang làm xuất hiện những quá trình địa chất ngoại sinh biến dạng, gây sụt đất đá bờ mỏ, gây vết nứt tạo nên nhiều khó khăn cho sản xuất. Các bãi thải bố trí tùy tiện đã làm lấp đường giao thông và làm xấu cảnh đẹp ở nhiều nơi.

*6 — Ô nhiễm nước và khí quyển tại một số khu công nghiệp và thành phố.*

Tại một số thành phố và khu công nghiệp ở nước ta đã phát hiện thấy nhiều loại khí độc, trong đó có một số vượt quá nồng độ cho phép. Nhiễm bẩn bụi cũng là vấn đề nghiêm trọng. Ở một số xí nghiệp, bụi chì, bụi khoáng sản rất lớn. Một số nhà máy do không có thiết bị thải khí, bụi độc, bố trí không hợp lý các khu sản xuất, không có vùng bảo vệ cách ly, không chú ý đến các hướng gió khuếch tán khí độc, bụi độc, đã gây ô nhiễm khá nghiêm trọng cho các vùng dân cư lân cận.

Tình trạng nước bị nhiễm bẩn cũng đã xảy ra ở nhiều nơi với mức độ khá nghiêm trọng. Một số khu công nghiệp đã đưa nước phế thải trực tiếp ra sông ngòi, làm nhiễm bẩn nguồn nước dùng cho nông nghiệp và sinh hoạt. Thành phố Hà nội, hằng ngày thải hàng chục nghìn $m^3$ nước bẩn chưa qua xử lý ra một số ao hồ, kênh lạch nội, ngoại thành, trong đó có chất độc vô cơ, hữu cơ, vi trùng và ký sinh trùng gây bệnh. Thành phố Hồ Chí Minh hằng ngày đưa ra hệ thống kênh lạch và sông hàng chục vạn $m^3$ nước phế thải chưa xử lý. Một số cơ quan quản lý tài nguyên nước đã ước lượng rằng: trong 15 năm tới, với sự phát triển của công nghiệp và sự tập trung dân cư trong các thành thị, yêu cầu nước cho công nghiệp và sinh hoạt của ta sẽ lên tới 8 tỷ $m^3$/năm, lượng nước phế thải sẽ lên tới khoảng 5 — 6 tỷ $m^3$/năm, Lưu lượng để pha loãng lượng nước thải đó cần khoảng 6000 $m^3$/s. Lưu lượng này lớn hơn tổng lưu lượng các sông chính của ta về mùa khô.

*7 — Tình hình ô nhiễm do thuốc trừ sâu khá nặng nề.*

Lượng thuốc trừ sâu các loại chúng ta dùng hằng năm tăng khá nhanh. Năm 1959 dùng 100 tấn, năm 1978 dùng 22000 tấn, 50% diện tích canh tác được phun thuốc trừ sâu. Song điều đáng chú ý là nồng độ thuốc dùng để phun thường cao hơn nồng độ cho phép tới 2—3 lần, có khi 10 lần và hơn nữa.

Tình hình sử dụng các loại thuốc trừ sâu một cách bừa bãi như vậy không những gây ô nhiễm môi trường, giết hại nhiều động vật có ích ở đồng



Digitized by Google

ruộng, ao hồ v.v. mà còn gây nhiễm độc cho người.

*8 — Hậu quả của chiến tranh đối với môi trường.*

Trong hơn 30 năm qua, các lực lượng đế quốc và phản động đã gây nên những hậu quả trầm trọng về môi trường cho đất nước Việt nam. Từ 1961 đến 1971 quân đội Hoa kỳ đã ném xuống lãnh thổ Việt nam hơn 13 triệu tấn bom đạn, đào hơn 10 triệu hố sâu, làm hư hỏng hàng chục vạn ha ruộng đất. Cùng trong thời gian đó không quân Mỹ đã thực hiện chương trình hủy diệt môi trường. Khoảng 72 triệu lít chất làm trụi lá và hủy diệt cây cối đã được ném xuống các vùng nông thôn và rừng núi miền Nam Việt nam, 44% tổng diện tích rừng và 43% tổng diện tích đất nông nghiệp tại đây đã bị rải chất độc hóa học một hoặc nhiều lần. Không quân Mỹ còn dùng tên lửa đốt rừng tràm, dùng bom đốt than bùn nằm dưới các khu rừng U minh, bắn phá các núi đá vôi ở Quảng bình, Thanh hóa, Sơn la, Quảng ninh, làm cháy, sụt hàng vạn ha rừng trên núi đá vôi. Quân Mỹ dùng xe tăng, xe ủi san bằng và phá trụi trên một triệu ha làng mạc, đồng ruộng và rừng cây để tạo thành những «khu trắng» quanh các căn cứ đóng quân của chúng. Bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ, không những đã làm tổn hại tài nguyên rừng và đất nước ta, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống.

*9 — Vấn đề dân số và sự bố trí dân cư :*

Dân số tăng nhanh ở nước ta cũng gây ra những sức ép lớn đến tài nguyên và môi trường.

Dân số ở các thành phố, nhất là các thành phố lớn tăng khá nhanh, trong lúc đó các phương tiện sinh hoạt như nhà ở, điện, nước, phương tiện giao thông v.v. không đủ. Các loại rác, bụi không được xử lý tốt cho nên đã gây ra sự suy thoái đáng kể chất lượng môi trường.

★

Nước ta đang đứng trước vấn đề cấp bách về môi trường cần giải quyết. Thiên nhiên nếu tách khỏi mối liên hệ với con người thì chỉ là một cái gì mơ hồ và hoàn toàn vô nghĩa. Hạnh phúc của xã hội và sự phát triển tự do, toàn diện của con người phải được thực hiện trong sự tác động qua lại giữa con người với thiên nhiên, giữa xã hội với môi trường. Môi trường sống vì thế là một vấn đề có tính chất tổng hợp và liên ngành, một vấn đề hết sức phức tạp và rộng lớn chứa đựng những nội dung sâu sắc có liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội và của mọi người. Bảo vệ môi trường sống là để thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội, bảo đảm ngày càng tốt hơn cho sự sống, sự phát triển, sự phồn vinh của dân tộc trong giai đoạn hiện nay và cả mai sau. Bảo vệ môi trường bao gồm cả vấn đề bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên là con đường *tất yếu và chủ yếu* để thực hiện những mục tiêu mà chúng ta đã đề ra và thực chất là bảo đảm những điều kiện cần thiết cho quá trình không ngừng tái sản xuất mở rộng, nâng cao thu nhập quốc dân, xây dựng cuộc sống văn minh và hạnh phúc của nhân dân ta. Chính vì vậy, vấn đề bảo vệ môi trường rõ ràng là một trong những vấn đề cần được quan tâm.



Digitized by Google

# Nhà máy chế tạo máy công cụ số I chuyển hướng sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý

TRẦN XUÂN

NHÀ máy Chế tạo máy công cụ số I do Liên xô giúp ta xây dựng và trang bị là nhà máy sản xuất máy công cụ đầu tiên, có năng lực sản xuất và quy mô lớn nhất ở nước ta. Trước đây và ba năm đầu của kế hoạch 5 năm 1976—1980, tình hình sản xuất của nhà máy khá ổn định và có chiều hướng phát triển tốt. Sản lượng máy công cụ hằng năm đều tăng. Năm 1978 nhà máy đạt mức sản lượng cao nhất, vượt năng lực sản xuất thiết kế mở rộng 15%. Năng suất lao động cũng tăng lên với nhịp độ khá.

Bước vào kế hoạch sản xuất năm 1979, trong tình trạng chung của nền kinh tế, điều kiện sản xuất không còn ổn định, phương tiện vật chất không đủ bảo đảm cho sản xuất của nhà máy phát triển bình thường, việc cung ứng vật tư từ trên xuống cho ngành cơ khí có nhiều khó khăn; mặt khác, nhu cầu của nền kinh tế quốc dân về máy công cụ thể hiện qua nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao cho nhà máy lại giảm — tình hình đó làm cho sản xuất của nhà máy bị biến động và có xu hướng giảm sút. Sản lượng máy công cụ năm 1980 chỉ chiếm 24,1% trong tổng giá trị sản lượng của nhà máy. Tổng sản lượng (không kể thép) năm cao nhất chỉ đạt 81,6% công suất thiết kế và hệ số sử dụng thiết bị cũng chỉ đạt 40%, thậm chí có khâu sản xuất như phân xưởng bánh răng, mức sử dụng này còn thấp hơn. Trong thời gian từ năm 1979 đến năm 1981, nhà máy rơi vào hoàn cảnh lúng túng, bị động về sản xuất và từ đó dẫn đến khó khăn về việc sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật, mặc dù trang bị và thiết bị của nhà máy tương đối hoàn chỉnh, đội ngũ công nhân đông và tương đối lành nghề, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý nói chung có trình độ và năng lực khá. Nếu cứ để tình trạng không có lối thoát này kéo dài thì ngoài việc sản xuất ngừng trệ, mức thu nhập của cán bộ công nhân sẽ giảm sút và những khó khăn về đời sống cũng tăng lên. Đó chính là những điều trăn trở, lo âu của các đồng chí lãnh đạo nhà máy, của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý, của những người trực tiếp sản xuất.

Trước tình hình cấp bách đó, nhà máy đã *kịp thời đổi mới phương hướng sản xuất, đồng thời chú trọng cải tiến cơ chế quản lý.*

Nhiệm vụ của nhà máy — một đơn vị sản xuất cơ khí — được xác định lại trên cơ sở nhiệm vụ của ngành cơ khí Việt nam trong tình hình sản xuất hiện nay là:



Digitized by Google

— Phát huy mạnh mẽ vai trò then chốt để phục vụ có hiệu quả nền kinh tế quốc dân, trước hết là phục vụ nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh sản xuất hàng kim khí tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu cấp bách của nền kinh tế quốc dân.

— Tiếp tục trang bị kỹ thuật mới cho nền kinh tế quốc dân, đi đôi với sản xuất phụ tùng và chi tiết thay thế để phục hồi và tận dụng những phương tiện, thiết bị máy móc hiện có

Từ những nhiệm vụ này, nhà máy thấy rằng trong tình hình có nhiều khó khăn về vật tư, trước mắt cũng như trong nhiều năm nữa duy trì phương hướng chuyên môn hóa sản xuất máy công cụ như trước đây là không phù hợp, vì vậy không thể duy trì và đẩy mạnh sản xuất, do đó phải *phát triển sản xuất theo hướng đa dạng hóa sản phẩm*, nhà máy không thể chỉ sản xuất máy công cụ mà cần làm thêm những mặt hàng cơ khí khác để phục vụ nền kinh tế quốc dân.

Đa dạng hóa sản phẩm theo cơ cấu sản phẩm hợp lý, làm cho sản xuất của nhà máy phát triển đúng hướng và phục vụ có hiệu quả nền kinh tế quốc dân; nâng cao mức thu nhập để giảm bớt khó khăn về đời sống của cán bộ và công nhân, thì mới có thể khắc phục được tình trạng phân tán, rời rạc trong quản lý và xu hướng khép kín trong tổ chức sản xuất. Tuy nhiên không phải ngay một lúc nhà máy đã có thể chuyển ngay được theo hướng sản xuất mới. Bởi vì, muốn đa dạng hóa sản phẩm phải xác định được cơ cấu sản phẩm hợp lý; và để làm được điều đó nhà máy phải khảo sát được nhu cầu của thị trường, cân đối vật tư, chủ động trong việc tiêu thụ sản phẩm, đồng thời phát huy được tiềm năng của nhà máy để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Một vấn đề nữa cũng được đặt ra là đa dạng hóa sản phẩm có xóa bỏ nguyên tắc chuyên môn hóa, có làm giảm năng suất lao động và hiệu quả sản xuất của nhà máy hay không? Thực tế sản xuất của nhà máy trong mấy năm qua cho thấy việc đa dạng hóa sản phẩm trong nhà máy cơ khí là cần thiết vì nó mở đường cho sản xuất đáp ứng thêm nhiều nhu cầu của các ngành kinh tế, tạo cho sản xuất gắn bó mật thiết với thị trường rộng lớn, cho phép nhà máy có điều kiện lựa chọn được các phương án sản phẩm hợp lý trên cơ sở giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa hợp tác sản xuất và chuyên môn hóa sản xuất.

Từ năm 1982, căn cứ vào tiềm lực của mình, nhà máy đã xác định được cơ cấu sản phẩm mới hợp lý và đưa vào sản xuất:

1 — Sản xuất máy công cụ với số lượng hợp lý và bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, sản xuất những máy công cụ có yêu cầu kỹ thuật cao hơn, sản xuất máy chuyên dùng cho thiết bị toàn bộ và dây chuyền sản xuất hàng kim khí tiêu dùng.

2 — Sản xuất phụ tùng (kể cả phụ tùng cơ khí nặng và cơ khí chính xác) phục vụ các ngành, đồng thời sản xuất phụ tùng kèm theo máy

3 — Sản xuất hàng xuất khẩu.

4 — Sản xuất hàng kim khí tiêu dùng.

5 — Sản xuất thiết bị toàn bộ

Qua bốn năm tích cực chuyển hướng sản xuất, kinh nghiệm ở Nhà máy chế tạo máy công cụ số I đã chỉ rõ: muốn đổi mới sản xuất, nhanh chóng mở rộng mặt hàng thì ngoài điều kiện về thiết bị, phải thật sự làm tốt công tác khoa học — kỹ thuật, làm sao tạo cho được một đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân giỏi, và phải có những chuyển biến cơ bản về công tác quản lý mà trước hết là chuyển biến về công tác kế hoạch hóa.



Digitized by Google

Tư tưởng chỉ đạo của nhà máy trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch là lấy hiệu quả kinh tế làm đích, lấy kế hoạch Nhà nước làm cốt lõi trong quản lý, lấy nhu cầu của nền kinh tế quốc dân làm điểm phối hợp liên kết kinh tế trong ngành cơ khí, lấy tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công tác quản lý và thực hành tiết kiệm làm động lực để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, giải quyết hài hòa ba lợi ích kinh tế, đưa sản xuất của nhà máy phát triển.

Từ năm 1979 trở về trước, trong điều kiện sản xuất tương đối ổn định, phương tiện vật chất đủ bảo đảm cho sản xuất phát triển bình thường, Bộ cơ khí và luyện kim có thể căn cứ vào yêu cầu của các ngành và khả năng sản xuất của nhà máy để giao con số kiểm tra kế hoạch. Từ con số kiểm tra, nhà máy cân đối các mặt lao động, thiết bị, vật tư kỹ thuật, kết hợp với việc xem xét một số đơn đặt hàng của các xí nghiệp để lập phương án kế hoạch sản phẩm. Nhưng, trong tình hình kinh tế có nhiều khó khăn và biến động như hiện nay, cách làm này không còn phù hợp nữa, bởi vì nó thường tạo tư tưởng ỷ lại, trông chờ cấp trên, không phát huy được tính chủ động trong sản xuất kinh doanh của cơ sở, và điều quan trọng hơn là làm cho kế hoạch không gắn được với nhu cầu, sản xuất không gắn với tiêu thụ; trong thực tế có nhiều sản phẩm không tiêu thụ hết, gây ứ đọng vốn, sản xuất và kinh doanh không có hiệu quả, mức thu nhập của cán bộ, công nhân viên chức thấp và đặc biệt là rất khó hoàn thành kế hoạch Nhà nước giao. Những năm gần đây, xuất phát từ việc chuyển hướng sản xuất của nhà máy và sự đổi mới trong tư tưởng chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, nội dung xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất và thực hiện kế hoạch cũng được chú trọng cải tiến cho phù hợp với cơ chế sản xuất mới. Tư tưởng thụ động chờ kế hoạch phân bổ của cấp trên được khắc phục. Nhà máy đã phát huy tính tự chủ về sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, nắm vững nhu cầu của nền kinh tế thông qua việc chủ động tìm hiểu thị trường (có tổ chức), xác định phương án sản phẩm phù hợp với năng lực của nhà máy, bảo đảm kế hoạch gắn với thị trường, sản xuất đi đôi với tiêu thụ. Phòng kế hoạch đã từng bước đi vào xây dựng kế hoạch có sự bảo đảm vững chắc, trước hết về nguồn tiêu thụ, khả năng về vốn và xây dựng cơ bản của người tiêu thụ. Đây là một vấn đề không đơn giản, vì hầu hết sản phẩm của nhà máy là tư liệu sản xuất của đơn vị khác, và người tiêu thụ phải bỏ ra một số vốn lớn mới có thể "mua" được. Nhà máy đã cử nhiều đoàn cán bộ đi các địa phương tìm hiểu tình hình sản xuất của các cơ sở, các ngành và địa phương để biết được nhu cầu về sản phẩm cơ khí ở nhiều nơi; đồng thời tìm hiểu yêu cầu cụ thể, khả năng sản xuất và tái sản xuất của các cơ sở, tạo ra những quan hệ lâu dài giữa người sản xuất và người tiêu dùng, bảo đảm độ tin cậy của kế hoạch. Chính vì vậy cho đến nay, khoảng 80% sản lượng kế hoạch hàng năm của nhà máy đã có hợp đồng kinh tế trước khi sản xuất và một phần đáng kể sản lượng năm sau được thực hiện gối đầu cuối năm trước.

Một chuyển biến mới của công tác kế hoạch hóa là gắn kế hoạch sản lượng với kế hoạch tiến bộ khoa học kỹ thuật. Đây là một yêu cầu bức thiết trong tình hình nhà máy chuyển hướng sản xuất đi vào đa dạng hóa sản phẩm, có những sản phẩm mới, quy trình kỹ thuật mới và yêu cầu công nghệ cao. Công tác kế hoạch hóa phải biết áp dụng khả năng công nghệ của nhà máy vào việc tìm ra sản phẩm mới với chất lượng cao, đề ra phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật để giải quyết các nhiệm vụ của nhà



Digitized by Google

máy. Mọi khả năng tiềm tàng về công nghệ đều được huy động để thực hiện nhiệm vụ mà kế hoạch đề ra, mặt khác kế hoạch sản xuất lại được xác định trên cơ sở tổng kết, phân tích các khả năng về công nghệ. Để bảo đảm tính hiện thực của kế hoạch, nhà máy còn chú ý cân đối khả năng cung cấp vật tư. Ngoài việc tiếp nhận các chỉ tiêu vật tư do Nhà nước cung cấp mà phần lớn là không đủ, không đồng bộ và không kịp thời, nhà máy đã chủ động tìm lấy một số lượng lớn vật tư cho cả phần kế hoạch Nhà nước giao. Nhà máy đã giúp nhiều ngành trang bị kỹ thuật và giải quyết các yêu cầu về phụ tùng thay thế mà từ trước đến nay họ vẫn phải nhập của nước ngoài để các ngành này cung cấp lại cho nhà máy những loại vật tư cần thiết. Với cách làm này, hằng năm nhà máy có thể tự bảo đảm từ 20 đến 30% tổng số lượng vật tư cần thiết.

Trong việc thực hiện đổi mới công tác kế hoạch, nhà máy đã chú ý vận dụng một cách sáng tạo và có hiệu quả hình thức liên kết kinh tế, coi đó là một biện pháp quản lý kinh tế năng động, xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp, tạo điều kiện phát huy tiềm năng của nhà máy cũng như của một số ngành, địa phương, hỗ trợ lẫn nhau phục vụ kịp thời nền kinh tế quốc dân. Nhà máy chế tạo máy công cụ số 1 đã liên kết với nhiều ngành kinh tế để sản xuất hệ thống thiết bị toàn bộ cho nhiều công trình xây dựng mới. Để thực hiện các công trình này, nhà máy đã xây dựng kế hoạch sản xuất đối với từng hệ thống thiết bị toàn bộ dưới hình thức tổ chức sản xuất hiệp tác. Đây là kế hoạch xác định nội dung hợp tác sản xuất có phạm vi rộng giữa nhà máy với nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm phối hợp và giáp mối nhiều lĩnh vực sản xuất, nhiều ngành quản lý khác nhau có liên quan đến công trình. Ví dụ, trong việc chế tạo thiết bị toàn bộ và xây dựng hoàn chỉnh nhà máy thủy điện Phú ninh (tỉnh Quảng nam — Đà nẵng), nhà máy thủy điện Bạch mã (tỉnh Bình trị thiên) v.v. Nhà máy chế tạo máy công cụ số 1 đã xây dựng kế hoạch chế tạo thiết bị này như là một chương trình có mục tiêu với sự tham gia của nhiều ngành, được Nhà nước xét duyệt và giao kế hoạch cho các ngành, các địa phương có liên quan. Về thực chất, nhà máy đã thử nghiệm một mô hình mới thay thế nhiệm vụ một công ty vật tư thiết bị đứng ra bao thầu một công trình từ khâu thiết kế đến các khâu sản xuất thiết bị và lắp đặt. Lúc này nhà máy trở thành một trung tâm liên kết kinh tế và làm người tổng giao hàng. Trong liên kết kinh tế, nhà máy cũng thấy rõ tầm quan trọng của việc xác định hợp lý mối quan hệ giữa hiệp tác và chuyên môn hóa sản xuất, thấy được tầm quan trọng của công tác khảo sát thị trường, biết được nhu cầu cấp bách của nền kinh tế quốc dân về sản phẩm cơ khí. Cũng qua việc liên kết sản xuất thiết bị toàn bộ cho nhà máy thủy điện của các địa phương cỡ vừa và nhỏ, thiết bị chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, một số xí nghiệp có thêm việc làm, sắp xếp lại sản xuất trong xí nghiệp, tận dụng được năng lực dư thừa về thiết bị, lao động nhằm tạo ra sản phẩm có ích. Mặt khác việc liên kết kinh tế còn có tác dụng phá vỡ quan điểm bảo thủ, khép kín quy trình sản xuất trong nội bộ một xí nghiệp. Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với sản xuất cơ khí Việt nam vì từ trước đến nay, các xí nghiệp cơ khí hầu như chỉ sản xuất thiết bị lẻ, đơn giản, không cần phải liên kết mà chỉ cần hợp tác theo nghĩa rộng.

★

Qua bốn năm chuyển hướng sản xuất và cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, Nhà máy chế tạo máy công cụ số 1



Digitized by Google

đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi.

Nhà máy đã sản xuất được một số chủng loại máy có độ chính xác cao hơn, khối lượng lớn hơn, như máy phay ngang P 72, máy mài phẳng M 732T, máy ép vít 250 tấn và 340 tấn v.v. Trình độ kỹ thuật và quản lý của nhà máy chẳng những được duy trì mà còn được nâng cao, mở ra khả năng sản xuất các loại máy công cụ lớn sau này.

Nhà máy cũng đã làm được những phụ tùng đòi hỏi kỹ thuật chế tạo cao mà trước đây thường phải mua của nước ngoài, do đó góp phần duy trì hoạt động của nhiều xí nghiệp.

Trước năm 1982 nhà máy chỉ chú ý sản xuất những mặt hàng xuất khẩu trực tiếp, đến nay không dừng ở những mặt hàng ấy mà mở rộng hướng sản xuất làm ra những thiết bị có nhiều tính năng, tạo điều kiện cho các xí nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu nâng cao sản lượng hơn nữa, sản xuất được các mặt hàng lâu nay vẫn phải mua của nước ngoài. Đây là một trong các hướng xuất khẩu gián tiếp có hiệu quả.

Về sản xuất hàng kim khí tiêu dùng, để tận dụng năng lực thừa hiện có, nhà máy đã chọn mặt hàng phù hợp và đưa vào sản xuất hàng loạt lớn, trên cơ sở chỉ đầu tư công nghệ mà không cần đầu tư xây dựng cơ bản lớn, đồng thời tổ chức sản xuất xen kẽ, phát huy được tiềm năng về thiết bị và lao động của phân xưởng. Nhà máy đã sản xuất lốp xe đạp với sản lượng tương đối lớn, năm 1982 đạt 100000 chiếc, năm 1983 150000 chiếc và năm 1984 200000 chiếc. Thực tiễn bốn năm qua cho thấy các nhà máy sản xuất tư liệu sản xuất đều có khả năng tham gia sản xuất hàng tiêu dùng và tiềm năng này cần được phát huy không những trong giai đoạn hiện nay mà cả về lâu dài.

Sản xuất thiết bị toàn bộ là một bước phát triển mới của nhà máy nhằm làm ra những hệ thống thiết bị máy móc khó mà trước đây chúng ta phải nhập khẩu cũng như các nhóm thiết bị phục vụ cho cải tạo và mở rộng một số cơ sở sản xuất. Những năm trước mắt nhà máy vẫn tiếp tục ký hợp đồng sản xuất một số thiết bị toàn bộ trên cơ sở liên kết kinh tế rộng rãi với các cơ sở khác.

Phát huy tính năng động sáng tạo của cơ sở sản xuất, Nhà máy chế tạo máy công cụ số I đã mạnh dạn tìm ra cho mình một cách làm mới, kịp thời chuyển từ cơ chế quản lý quan liêu—bao cấp sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị thứ tám của Trung ương Đảng (khóa V), nhà máy đã phát huy tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng, tạo điều kiện cho họ tham gia quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện việc trả lương hoàn toàn bằng tiền, và hạch toán đầy đủ chi phí vào giá thành sản phẩm, tiếp tục hoàn thiện trả lương khoán sản phẩm trên cơ sở phân cấp quản lý quỹ lương theo sản phẩm cuối cùng, thật sự làm cho từng người công nhân, từng tổ lao động và phân xưởng sản xuất nâng cao ý thức tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc và thu nhập của đơn vị mình và bản thân mình, trên cơ sở đó tạo nên một khí thế lao động mới trong nhà máy.



Digitized by Google

# Bài của đồng chí Phạm Văn Đồng

(Tiếp theo trang 18)

hoạch hóa sinh đẻ chưa tốt, số dân tăng gần 12 triệu người. Trên cái nền tiến bộ chung của cả nước, nổi lên ngày càng nhiều cơ sở, nhiều địa phương và một số ngành xuất sắc, tìm ra những cách làm sáng tạo, có hiệu quả cao.

Về đối ngoại, chúng ta đã mở rộng sự hợp tác toàn diện với Liên xô, từng bước thực hiện liên kết trên nhiều mặt với Lào và Cam-pu-chia, trở thành thành viên chính thức của khối SEV, tham gia sự phân công lao động và tương trợ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã luôn luôn chủ động và tiến những bước vững chắc trong việc đánh thắng âm mưu của bọn bành trướng, bọn đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, tìm giải pháp chính trị đúng đắn cho vấn đề Cam-pu-chia, góp phần xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Chúng ta đã phát triển quan hệ tốt đẹp với các nước không liên kết, nhất là với nước Cộng hòa Ấn độ, và tích cực góp phần vào sự lớn mạnh của Phong trào không liên kết. Chúng ta đã đặt quan hệ với trên một trăm nước và với nhiều tổ chức quốc tế, đem hết sức mình làm tròn nghĩa vụ trong sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình thế giới, hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc. Trong quan hệ quốc tế, đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã được vận dụng linh hoạt với nhiều sáng kiến đối với từng khu vực và từng nước, trong từng vấn đề và từng tình huống khác nhau, đưa lại những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, góp phần vào những thành tựu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Các kết quả về từng lĩnh vực trên đây không phải là những phần rời rạc, mà quyện vào nhau thành một tổng thể, tạo nên cái được lớn của cách mạng nước ta 10 năm qua, mặt chủ yếu của thực trạng kinh tế, xã hội hiện nay.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở mọi nước đều là thời kỳ cách mạng bền bỉ, thời kỳ của những đảo lộn sâu xa, những đấu tranh gay gắt, những tình thế căng thẳng, những khó khăn to lớn. Ở nước ta, thời kỳ quá độ trong chặng đầu của nó, càng chồng chất biết bao gian khổ và phức tạp, những cuộc đọ sức quyết liệt giữa ta và địch, những cuộc vật lộn dai dẳng giữa cái tốt và cái xấu, cái mới và cái cũ, cái đúng và cái sai, bao nhiêu gánh nặng của nhiều nhiệm vụ cùng một lúc đổ lên vai những người vừa ra khỏi chiến tranh và trong cuộc chiến đấu mới, trước những đòi hỏi mới còn phải mò mẫm, tìm tòi. Vượt qua thử thách, chúng ta đã vững vàng, chúng ta đã từng bước lớn lên, chúng ta đã tiến về phía trước. Nhìn toàn cục, cái được là to lớn và cơ bản, cái được là Đảng, là dân, là chế độ, là sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Những người bạn quốc tế, những người quan sát khách quan trên thế giới đều đánh giá, và chính kẻ thù của chúng ta cũng phải thừa nhận là chúng ta vẫn là người chiến thắng và chúng ta vững vàng. Tất cả những thủ đoạn của địch hòng xâm lược, phá hoại, gây bạo loạn, làm chảy máu, bao vây, vu khống nước ta đều thất bại.



Digitized by Google

**Thiếu sót và vấp váp.**

Bức tranh toàn cảnh của thực tế nước ta còn những mảng đen mà chúng ta phải thấy đầy đủ và thấm thía. Chúng ta đã không thực hiện được nhiều việc có thể làm, đã mắc những khuyết điểm không đáng có, đã làm lan rộng và thêm trầm trọng những căn bệnh có thể khắc phục sớm hơn, đã để có phần bị xói mòn một số thành quả đầy công vun xới trong kháng chiến.

Vì sao chúng ta sớm vạch được đường lối đúng, mà trong việc cụ thể hóa, thể chế hóa, vận dụng và thực hiện đường lối, chúng ta lại phạm nhiều thiếu sót và vấp váp? Vì sao những chủ trương sáng tạo về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, đổi mới cơ chế quản lý, phát huy vai trò của công tác tư tưởng, văn hóa và công tác tổ chức, cán bộ, vận dụng cơ chế tổng hợp Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý lại chậm đi vào cuộc sống, không được chấp hành hoặc thậm chí có nơi, có lúc bị chấp hành sai lệch?

Trong những lần phân tích trước đây, chúng ta đã nêu ra những nguyên nhân như sau: chưa nắm vững quy luật tiến từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, chưa hiểu nhất trí và thấu suốt đường lối của Đảng; chưa đánh giá thật sát tình hình và xác định thật đúng đắn, kịp thời mục tiêu và nhiệm vụ của chặng đường đầu tiên cũng như của từng bước kế hoạch 5 năm trong chặng đường ấy; thiếu năng lực tổ chức thực tiễn, nhất là thực tiễn kinh tế; kém sắc bén và linh hoạt trong chỉ đạo và điều hành; thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và sa sút phẩm chất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Vạch đường lối cho một thời gian lịch sử khá dài gồm toàn bộ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một trình độ thấm nhuần chủ nghĩa Mác—Lê-nin, một tầm nhìn khái quát sự vận động của lịch sử nước ta và thế giới, đó là bản lĩnh chúng ta đã có được do hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng. Còn cụ thể hóa và thực hiện đường lối ấy, nhất là về xây dựng và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, lại đòi hỏi những kiến thức, những năng lực những kinh nghiệm mà chúng ta chưa có, chẳng những vì chúng ta chưa trải qua chủ nghĩa xã hội, mà còn vì chúng ta cũng chưa trải qua chủ nghĩa tư bản với nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Những kiến thức, năng lực và kinh nghiệm ấy không thể chỉ học trong sách vở, cũng không thể chỉ học bằng cách đi tham quan, khảo sát các nước anh em; mà phải học chủ yếu bằng thực tiễn hành động, tự mình tìm tòi, va vấp, nhận biết, sửa chữa, và tiến lên. Về mặt này, 10 năm qua chúng ta đã trả giá và đã có những bước trưởng thành. Đội ngũ cán bộ từ trung ương đến cơ sở và đội ngũ người lao động của chúng ta cuối năm 1985 đã vượt hẳn so với trình độ cuối năm 1975, tuy vậy vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta sớm nói được chỗ xuất phát để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, nhưng đang ở trong sản xuất nhỏ mà thấy được hết thế nào là sản xuất nhỏ thật không dễ dàng. Chúng ta chưa thấy chỗ xuất phát nhỏ đến mức nào, và nhỏ như vậy thì tiến lên bằng bước đi và cách làm ra sao. Chúng ta chưa thấy tất cả sự nhỏ bé, ít ỏi về lực lượng sản xuất, về cơ sở vật chất—kỹ thuật, về kết cấu hạ tầng cho hoạt động kinh tế và đời sống, về hiệu quả nền sản xuất xã hội. Chúng ta càng chưa thấy hết cái nhỏ trong tư duy, trong tâm lý, trong phong cách, trong tập quán của xã hội và của từng người, cái nhỏ trong lối làm ăn và cách sinh sống...



Digitized by Google

Con người Việt nam có bản lĩnh và phẩm chất cao quý, do truyền thống lịch sử và quá trình cách mạng hun đúc nên, đồng thời cũng là con người còn mang những nhược điểm của một nền kinh tế nhỏ đã trường diễn nhiều thế kỷ. Chúng ta chưa thấy thấm thía và sâu sắc tất cả những hạn chế, những sức ỳ, những lực cản, những tệ nạn của chỗ xuất phát nhỏ toàn diện này.

Sự thiếu thốn về kiến thức và kinh nghiệm sản xuất lớn khiến cho việc cụ thể hóa đường lối của Đảng trong các quyết định về quản lý bị chậm trễ, và có khi thiếu chuẩn xác. Sự yếu kém về năng lực tổ chức và những tật xấu của sản xuất nhỏ khiến cho việc thực hiện các quyết định không được nghiêm túc, hiệu lực của các kế hoạch và chính sách bị hạn chế, do bệnh cục bộ, ốc địa phương, thái độ thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm, làm qua loa, làm bừa, làm ẩu.

Về các thiếu sót và vấp váp, từ trung ương đến cơ sở, mỗi cấp, mỗi ngành, cho đến mỗi người lao động, ai nấy trên cương vị và nhiệm vụ của mình đều có phần trách nhiệm, đều phải tự phê bình và ra sức sửa chữa, ở cấp càng cao thì đòi hỏi càng lớn và khẩn trương. Thái độ rất không đúng là chỉ chê trách người khác, đổ lỗi cho người khác.

Vì nắm chưa đầy đủ chỗ xuất phát là sản xuất nhỏ, thấy chưa sáng bước đi và cách làm để từ đó tiến lên, cho nên chúng ta đã mắc hai khuyết điểm, mới xem tưởng chừng như trái ngược, song lại cùng một nguồn gốc: một mặt, chúng ta đã chủ quan nóng vội, tưởng có thể làm nhanh, làm lớn, làm nhiều, thể hiện chủ yếu trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980. Mặt khác, chúng ta đã bảo thủ trì trệ, kéo dài cách quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chậm tháo gỡ các trói buộc vô lý để phát huy sức sáng tạo của người lao động, của cơ sở và của địa phương, do đó chưa tận dụng được các năng lực sản xuất và các thế mạnh sẵn có.

Những khuyết điểm này khiến cho điểm nổi bật trong hoạt động kinh tế 10 năm qua là kém hiệu quả, mà hiệu quả lại là điều cần thiết nhất và quan trọng nhất trong kinh tế. Hiệu quả vốn đầu tư, vốn cố định và vốn lưu động đều kém, năng suất lao động thấp, tiêu hao vật chất lớn, giá thành cao, chất lượng sản phẩm đã xấu lại ngày càng tụt đi về một số không ít mặt hàng. Sản xuất phát triển chậm, phân phối, lưu thông có phần rối ren, khiến cho những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp là sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng chia bình quân đầu người cho dân số tăng 12 triệu người, thì không hơn được bao nhiêu so với 10 năm trước. Tính chất sản xuất nhỏ còn đậm, những nét sản xuất lớn xuất hiện thêm chưa được nhiều, nền kinh tế, xã hội chưa ổn định và chưa vào thật đúng quỹ đạo để tiến lên nhanh theo hướng xã hội chủ nghĩa. Tình hình kinh tế như thế, đương nhiên đời sống khó khăn và phấn đành dụm để công nghiệp hóa bị hạn chế.

Trên cái nền của sự thiếu thốn về kinh tế, trong điều kiện công tác tư tưởng và công tác tổ chức chưa đáp ứng được yêu cầu, đã diễn ra sự lỏng lẻo của kỷ luật lao động và pháp luật Nhà nước, tình trạng suy thoái trong một bộ phận cán bộ của Đảng và chính quyền, những hiện tượng tiêu cực về kinh tế, văn hóa và xã hội, về tư tưởng và lối sống của một bộ phận nhân dân và thanh niên.

Đánh giá thực trạng kinh tế, xã hội hiện nay, kết quả tổng hợp của hai kế hoạch 5 năm, chúng ta cần có cái nhìn toàn cục, thấy rừng và thấy cây, thấy ánh sáng và thấy bóng tối, thấy hiện tại và thấy tương lai, không vì muốn khẳng định thắng lợi mà bỏ qua hoặc làm mờ nhạt những sai sót, cũng không vì bực tức trước khuyết điểm



Digitized by Google

mà phủ nhận thành tích, sinh ra bi quan, chán nản.

Thấy đúng và thấy hết chỗ xuất phát sản xuất nhỏ và thể hiện nhận thức đó trong việc làm ngay từ đầu là một đòi hỏi không hiện thực. Song, đến nay, phải chăng chúng ta trả giá như vậy là đủ rồi, đã đến lúc chúng ta rút kết luận để tiến lên, và hiện chúng ta đang làm việc ấy.

## CON ĐƯỜNG VÀ BIỆN PHÁP TIẾN LÊN

Tổng kết những bài học của 10 năm qua và đánh giá đúng thực trạng kinh tế, xã hội hiện nay tạo ra căn cứ đáng tin cậy cho việc xác định chủ trương và biện pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội trong những năm sắp tới. Đây là một công trình phân tích và tổng hợp nghiêm túc và công phu mà chúng ta cần tiếp tục làm sâu hơn, toàn diện và có hệ thống hơn. Vào cuối năm 1985 này, tình hình tóm tắt như sau: Chúng ta có đường lối đúng, có thành tựu lớn, có sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa vững vàng, có đội ngũ người lao động và đội ngũ cán bộ trưởng thành hơn trước, có những điển hình tiên tiến báo hiệu một bước phát triển mới. Đồng thời, nền kinh tế chưa ổn định, thiếu trật tự, đời sống nhân dân, nhất là đời sống công nhân, cán bộ và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn, trong xã hội, trong bộ máy của Đảng và Nhà nước có những biểu hiện tiêu cực.

### Những nhiệm vụ chung.

Nhằm theo những mục tiêu tổng quát mà Đại hội thứ V của Đảng đã nêu ra, nhiệm vụ trong kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 và những năm tiếp sau, đến hết chặng đường đầu tiên, có thể nói tóm tắt là: làm cho kinh tế và xã hội ổn định, quỹ đạo đúng, nhịp độ nhanh. Từ đó, đáp ứng tốt các nhu cầu của đất nước, tạo ra thế và lực kinh tế, xã hội ngày càng mạnh, đạt đến mức có thể kết thúc chặng đường đầu tiên, chuyển sang chặng đường tiếp theo, đẩy mạnh và hoàn thành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân lao động, ổn định sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, nói chung ổn định kinh tế và xã hội.

Quỹ đạo đúng của mọi mặt hoạt động và đời sống, dựa trên quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, luôn luôn nhằm thẳng mục đích tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ổn định và quỹ đạo đúng tức là thanh toán những chỗ không bình thường trong tình hình hiện nay, chấm dứt sự bấp bênh, khắc phục những mặt rối ren, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực, thiết lập trật tự và kỷ luật xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế và xã hội lành mạnh và có thể phát triển tốt, để đạt nhịp độ nhanh.

Nhịp độ nhanh của sự tăng trưởng kinh tế, xã hội, cả số lượng và chất lượng, thực hiện tái sản xuất mở rộng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tái sản xuất đội ngũ công nhân và người lao động, đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật, tái sản xuất cấu trúc thượng tầng của xã hội, chủ yếu là tư tưởng, văn hóa và tập quán văn minh. Qua mỗi chu kỳ hằng năm, quy mô tái sản xuất mở rộng càng lớn, tính chất xã hội chủ nghĩa của tái sản xuất mở rộng càng được hoàn thiện.

### Hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng.

Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương (khóa V) đúc kết kinh nghiệm của Đảng ta và Nhà nước ta những năm qua, thể hiện sự chuyển



Digitized by Google

hướng có ý nghĩa cách mạng nhằm xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hiểu đầy đủ, hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa chủ yếu thực hiện trong kinh tế, đồng thời phải được thấu suốt trong mọi lĩnh vực. Đó không chỉ là phương hướng của cơ chế quản lý mà phải là tinh thần chỉ đạo chung của công cuộc bố trí cơ cấu kinh tế, đổi mới quản lý kinh tế, xã hội, đẩy mạnh công tác tư tưởng, văn hóa, chấn chỉnh công tác tổ chức, cán bộ. Hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một chủ trương bao quát, gắn liền với sứ mệnh lịch sử của Đảng ta lãnh đạo toàn bộ cách mạng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với vai trò của Nhà nước ta tổ chức và điều hành toàn bộ lao động xã hội và mọi lực lượng sản xuất khác trên quy mô cả nước, gắn liền với quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân lao động làm chủ tập thể xã hội, thiên nhiên và bản thân

Hạch toán là kiểm kê, kiểm soát, nắm hết, đánh giá đúng để phát huy toàn bộ các lực lượng và khả năng của đất nước trong từng bộ phận và trong tổng thể của nó. Hiện nay, chúng ta còn phải cố gắng nhiều và dày công nhằm tận dụng lao động và khai thác hết đất đai, động viên được mọi công suất và phương tiện sản xuất sẵn có.

Trên cơ sở hạch toán, nắm vững tất cả các lực lượng và khả năng, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là nhằm những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, huy động mọi lực lượng và khả năng ấy theo một cơ cấu kinh tế hợp lý, một cơ chế quản lý năng động, một sự chỉ đạo và điều hành nhạy bén, vận dụng các quy luật kinh tế để tác động đúng đến các lợi ích vật chất, vận dụng các quy luật của tự nhiên để có công nghệ học tiên tiến thích hợp với từng ngành, nghề, vận dụng các quy luật của tư tưởng và tâm lý để nâng cao giác ngộ chính trị và ảnh hưởng tích cực đến nhiệt tình cách mạng của quần chúng. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phát huy mạnh các động lực, khai thác tốt mọi tiềm năng, phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt chú trọng phát triển chiều sâu, giảm tiêu hao vật chất, hạ giá thành, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Bởi lẽ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa bao quát mọi mặt của đời sống con người, kế hoạch Nhà nước là kế hoạch kinh tế và xã hội. Theo quan điểm hệ thống, chúng ta nhìn nhận rằng tất cả mọi lĩnh vực có quan hệ hữu cơ, chặt chẽ và nhanh nhạy, trong một cơ thể sống rất phức tạp là xã hội, mà kinh tế là nền tảng xét đến cùng có tính chất quyết định, là cái sân khấu lớn của lịch sử trên đó diễn ra toàn bộ sinh hoạt của loài người. Với tư cách lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học và kỹ thuật (bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật) không ở ngoài kinh tế, mà phải là bộ phận hợp thành, hơn thế nữa, là yêu cầu và sức mạnh từ bên trong của mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tác động sâu xa đến đội ngũ người lao động, là lực lượng sản xuất chủ yếu, các ngành giáo dục, đào tạo, thông tin, văn hóa, văn học, nghệ thuật, bảo vệ sức khoẻ, thể dục, thể thao phải là động lực mạnh của kinh tế và có vai trò quan trọng trong chiến lược con người của chúng ta. Mọi ngành đều phải nắm và huy động lực lượng của mình một cách hợp lý nhất, từ đó mà phát triển công tác, đạt hiệu quả cao nhất với chi phí ít nhất.

Theo tinh thần hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tất cả các ngành kinh tế và ngoài kinh tế, tất cả các địa phương và cơ sở phải có phương án hoạt động ăn khớp với nhau, nhằm tháo gỡ cho sản xuất, phát huy từng con người, khai thác từng tấc đất.



Digitized by Google

Như vậy, ba cuộc cách mạng đồng thời tiến hành, gắn bó chặt chẽ và thúc đẩy lẫn nhau. Cách mạng về quan hệ sản xuất diễn ra trong sự kết hợp làm một giữa cải tạo và xây dựng, giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, luôn luôn mở đường cho kinh tế và xã hội tiến lên. Cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, là nhân tố tăng trưởng kinh tế, xã hội mạnh nhất, giữ vai trò quyết định trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Cách mạng tư tưởng và văn hóa trực tiếp xây dựng con người mới, con người làm chủ, đưa tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa thâm nhập quần chúng để trở thành lực lượng vật chất, làm dấy lên phong trào sâu rộng của nhân dân lao động đẩy mạnh cả ba cuộc cách mạng.

Kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng, của hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là đối với cả nước cũng như đối với từng địa phương, bốn chỉ tiêu tổng hợp: sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, quỹ tiêu dùng và quỹ tích lũy tăng lên không ngừng, cải thiện đời sống của nhân dân, dành nhiều vốn để công nghiệp hóa, và bảo đảm quốc phòng của đất nước.

**Sắp xếp lại nền kinh tế và phát triển theo chiều sâu ở cơ sở.**

Hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sắp xếp lại kinh tế trên quy mô cả nước và coi trọng thâm canh, phát triển theo chiều sâu ở từng cơ sở.

Sắp xếp lại nền sản xuất, cùng với việc xây dựng mới, nhằm tạo ra một cơ cấu kinh tế sát với chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, vận dụng các thế mạnh của đất nước và hợp với xu thế tiến lên của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đó là cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý, kết hợp tốt kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, thông suốt nhanh nhạy giữa sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, tận dụng được mọi thành phần kinh tế mà nòng cốt là kinh tế xã hội chủ nghĩa, gắn liền kinh tế trong nước với xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại.

Chủ trương sắp xếp lại kinh tế đã được vạch ra từ gần 10 năm nay ở Đại hội IV, được nhấn mạnh lại ở Đại hội V của Đảng, nhưng cho đến nay chúng ta chưa làm được nhiều. Thực trạng bố trí của nền kinh tế trong cả nước hiện còn bất hợp lý, lộn xộn và chồng chéo. Vạch rõ như thế, để thấy công việc này khó khăn, phức tạp chừng nào và đến nay quan trọng, bức xúc biết bao nhiêu.

Cơ cấu kinh tế hợp lý như một cơ thể hoàn chỉnh, giúp cho từng bộ phận vận hành thuận lợi theo chức năng đúng đắn của mình, tự nó tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống, lớn hơn nhiều số cộng đơn thuần sức mạnh các thành viên. Chỉ có cơ cấu kinh tế ấy mới cho phép phân công mới và phân bổ lại lao động, chấm dứt sự liên kết lộn xộn, thay bằng sự liên kết xã hội chủ nghĩa, khiến cho công suất sản có được sử dụng tốt hơn, chất lượng sản phẩm khá lên. Nhà nước dễ nắm hàng và tiền. Chỉ có cơ cấu kinh tế ấy mới chứa đựng trong bản thân nó khả năng loại bỏ quan liêu bao cấp, và là đối tượng dụng võ thích hợp nhất của cơ chế quản lý hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chỉ có cơ cấu kinh tế ấy mới là cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động.

Về sắp xếp lại và bố trí cơ cấu kinh tế, trong kế hoạch 5 năm 1986 — 1990 và những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, chúng ta tiếp tục coi mặt trận nông nghiệp là hàng đầu, kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp, đưa nông nghiệp tiến



Digitized by Google

lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong sự gắn bó thành cơ cấu với công nghiệp, phấn đấu sử dụng hết lao động và đất, rừng, biển, phân công mới và phân bố lại lao động trong từng địa phương và trên địa bàn cả nước, lấy huyện là một khâu cực kỳ trọng yếu, khiến cho nông nghiệp làm tốt cả 3 nhiệm vụ là cung ứng lương thực cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp và những mặt hàng quan trọng cho xuất khẩu. Đề thúc đẩy nông nghiệp, điều có ý nghĩa quyết định là phát triển nhanh công nghiệp, hết sức phát huy mọi năng lực công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp hàng tiêu dùng, đồng thời coi trọng phát triển công nghiệp nặng, nhất là các ngành then chốt như năng lượng, cơ khí, luyện kim, hóa chất..., trước hết nhằm phục vụ nông nghiệp, đồng thời từng bước trang bị mới cho nền kinh tế.

Trong việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp, chúng ta ra sức phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, đặc biệt chú ý nâng cao chất lượng của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, khuyến khích mạnh mẽ và quan tâm hướng dẫn kinh tế gia đình của xã viên hợp tác xã (đồng thời, phải tính đến kinh tế gia đình của những người lao động khác).

Một chủ trương chiến lược có tầm quan trọng to lớn là đẩy mạnh xuất nhập khẩu, dựa hẳn vào Liên xô, mở rộng hợp tác toàn diện với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, liên kết kinh tế thiết thực giữa ba nước Đông dương, phát triển kinh tế đối ngoại với các nước không liên kết, nhất là với Ấn độ, và với các nước tư bản chủ nghĩa. Với một tầm nhìn rộng lớn vượt hẳn hiện nay, cần tiếp tục cải tiến các chính sách quản lý, tôn trọng đúng đắn nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và thống nhất quản lý ngoại hối, đồng thời khuyến khích mạnh mẽ xuất để nhập, nhập để xuất, phát triển rộng rãi nhiều hình thức và biện pháp linh hoạt về kinh tế đối ngoại. Phải sớm chấm dứt thời kỳ xuất khẩu chỉ bằng cách thu gom nhiều sản phẩm lặt vặt, nhanh chóng tạo được những mặt hàng xuất chủ lực, số lượng lớn, chất lượng tốt, được người tiêu dùng yêu chuộng, có giá trị cao và địa vị vững trên thị trường quốc tế.

Công nghiệp, nông nghiệp, xuất nhập khẩu phải trở thành ba bộ phận gắn bó chặt chẽ với nhau. Bất cứ một cơ sở kinh tế nào cũng phải phấn đấu thực hiện tốt sự liên kết ba mặt đó.

Sắp xếp lại kinh tế chẳng những gặp nhiều khó khăn do bản thân những chỗ mất cân đối trong cơ cấu hiện nay, mà còn gặp những cản trở do đội ngũ cán bộ ta thiếu kiến thức kinh tế, kỹ thuật và quản lý, do sức chống lại tinh vi của những quyền lực cảm thấy bị thu hẹp, của những lợi ích, nhiều khi ích kỷ và bất chính, cảm thấy bị giảm đi. Song, chúng ta chậm trễ, chần chừ đã quá lâu, đến nay không thể trì hoãn nữa. Cuộc sống đòi hỏi chúng ta, nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương đòi hỏi chúng ta sắp xếp lại kinh tế. Chúng ta hãy kiên quyết làm việc này, làm có nghiên cứu, có chuẩn bị vững chắc.

Đi đôi với sắp xếp lại kinh tế trên địa bàn cả nước, phải ra sức phát triển theo chiều sâu ở từng cơ sở. Ở cơ sở, phát triển theo chiều sâu chính là hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Dựa vào kế hoạch Nhà nước làm trung tâm, mỗi cơ sở phải khai thác mọi tiềm lực của mình, xây dựng phương án tốt nhất, sản xuất gắn liền với nhu cầu của người tiêu dùng, động viên công nhân và cán bộ vận dụng khoa học kỹ thuật để có công nghệ ngày càng tiên tiến, giảm tiêu hao vật chất, hạ giá thành, đạt năng



Digitized by Google

suất, chất lượng và hiệu quả cao, có lợi nhuận nhiều; từ đó hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích lũy ngày càng lớn để tái sản xuất mở rộng và nâng cao thu nhập cho từng người lao động. Đối với các cơ sở nông nghiệp ở vùng đất thuộc cũng như ở vùng đất mới khai hoang, phát triển theo chiều sâu tức là thâm canh. Sự lớn lên từ bên trong của nền kinh tế trước hết và cơ bản diễn ra ở từng cơ sở như thế. Phát triển theo chiều sâu là kết quả của việc đồng thời đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

**Đổi mới quản lý kinh tế.**

Gắn liền với sắp xếp lại kinh tế trên cả nước và phát triển theo chiều sâu ở từng cơ sở, sự biến đổi sâu sắc trong những năm sắp tới ở nước ta là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xã hội, chuyển từ tập trung quan liêu bao cấp sang tập trung dân chủ, hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Về sự đổi mới này, hiện nay, yêu cầu cấp bách là xóa bao cấp trong giá, lương, tiền. Như nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương đã nhấn mạnh, cuộc điều chỉnh giá, lương, tiền phải tiến hành khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán kỹ các phương án vững chắc, dự kiến các mặt tích cực, đồng thời lường trước các hậu quả bất lợi nhất thời có thể xảy ra để có biện pháp tích cực đề phòng và khắc phục.

Điều tốt nhất là nhân dịp đẩy mạnh hoàn thành kế hoạch năm 1985, xây dựng kế hoạch năm 1986 và 5 năm 1986 — 1990, mỗi cơ sở, mỗi địa phương lập phương án hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa toàn diện của mình, trong đó phương án về giá, lương, tiền là khâu đột phá, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội. Đi đôi với điều chỉnh giá và lương, phải sắp xếp lại và đẩy mạnh sản xuất, nắm hàng và tiền vào tay Nhà nước, mở rộng mạng lưới và đổi hẳn phương thức của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quét đầu cơ buôn lậu, làm chủ thị trường, chuyển hoạt động tài chính, tiền tệ sang kinh doanh thật sự.

Việc điều chỉnh giá và lương chấm dứt sự giả tạo, làm cho mỗi người, mỗi cơ sở, mỗi địa phương đứng trước kết quả lao động đích thực của mình cho đất nước, từ đó được hưởng thụ tương xứng với mức cống hiến, đúng nguyên tắc phân phối theo lao động. Điều chỉnh giá và lương như vậy là một đòn xeo, cùng với nhiều biện pháp khác, làm cho chúng ta sản xuất tốt hơn, cái bánh của chúng ta to hơn, có như thế thì mới chia được một phần lớn hơn cho mỗi người ngày nay, và dành dụm được nhiều hơn cho ngày mai.

Về bản chất của cơ chế quản lý mới, điều cần nhấn mạnh là: suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong hệ thống các quy luật kinh tế, cần coi trọng quy luật giá trị, dành cho các quan hệ hàng — tiền một phạm vi tác động đúng mức về kinh tế. Phải xây dựng được một cơ chế quản lý cụ thể, bảo đảm kết hợp việc vận dụng các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội với việc vận dụng quy luật giá trị, mỗi quy luật kinh tế phát huy tác dụng đúng theo tầm quan trọng của mình, vai trò chủ đạo luôn luôn thuộc về quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân. Làm chủ quy luật giá trị chứ không để quy luật giá trị tự phát làm chủ quá trình sản xuất, thì đó là một công cụ sắc bén trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một động lực mạnh khuyến khích người lao động, làm sôi nổi hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tạo ra năng suất cao và thể hiện tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội. Việc vận dụng các quy luật kinh



Digitized by Google

tế phải thúc đẩy người lao động và các cơ sở tìm tòi, áp dụng các công nghệ tiên tiến, mở đường cho khoa học kỹ thuật thâm nhập vào sản xuất, kinh doanh.

Lấy kế hoạch làm trung tâm, các chính sách trực tiếp vận dụng quy luật giá trị có tác dụng là thước đo tính toán, đòn bẩy kích thích, phương tiện kiểm tra và công cụ điều tiết.

Từ nhiều năm nay, Đảng ta đã vạch rõ rằng ở mỗi cấp, mỗi ngành, kế hoạch chính là phương án kinh doanh xã hội chủ nghĩa của cấp ấy, ngành ấy và kế hoạch chung của Nhà nước là phương án kinh doanh xã hội chủ nghĩa của cả nước ta. Như vậy thì kế hoạch Nhà nước thật đúng là cương lĩnh thứ hai của Đảng, công cụ hàng đầu của quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, trung tâm của hệ thống quản lý, đòn bẩy mạnh nhất trong các đòn bẩy, và pháp lệnh của Nhà nước.

Loại bỏ quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa không phải là việc làm ồ ạt trong một dợt, mà là một quá trình phấn đấu bền bỉ, đòi hỏi chẳng những phải có quyết tâm xóa cái cũ, mà cao hơn và khó hơn nhiều là phải có năng lực tìm ra và thực hiện cái mới đúng đắn.

Việc sắp xếp lại kinh tế và việc đổi mới cơ chế quản lý cần tiến hành thường xuyên, hoàn thiện không ngừng theo sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

**Chấn chỉnh công tác tổ chức và cán bộ.**

Nhằm vào yêu cầu của cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý mới, phải chuyển mạnh công tác tổ chức và cán bộ. Trên cơ sở phân biệt rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý hành chính kinh tế và chức năng trực tiếp quản lý sản xuất, phải chấn chỉnh cho bộ máy quản lý gọn nhẹ, thấm nhuần tinh thần kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sát thực tế và phục vụ cơ sở nhanh nhạy, chỉ đạo và điều hành có hiệu lực. Kỷ luật lao động, pháp luật Nhà nước phải chặt chẽ, các chế độ kỷ luật, chế độ trách nhiệm, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân phải được chấp hành nghiêm chỉnh, thưởng phạt phải kịp thời và nghiêm minh. Những quy định cơ bản về chế độ làm việc, về quy trình chuẩn bị quyết định, ra quyết định, thực hiện và kiểm tra thực hiện quyết định phải được tôn trọng từ trung ương đến cơ sở. Toàn bộ công tác cán bộ, trên các khâu đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, đề bạt, quản lý, từ quy hoạch lâu dài đến lựa chọn và sắp xếp trước mắt, cần thật sự đổi mới, bảo đảm phát hiện và cất nhắc mạnh dạn các cán bộ đã được thử thách, có năng lực hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, từng bước tạo ra đội ngũ cán bộ ở các cơ sở, các cấp, các ngành đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Phát huy cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.**

Sắp xếp lại kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, chấn chỉnh tổ chức và chuyển biến công tác cán bộ, tất cả những công việc to lớn và khó khăn đó chỉ có thể được thực hiện thành công nhờ phát huy cơ chế tổng hợp: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Ba mặt này trong cuộc sống gắn bó không thể tách rời, thiếu hoặc yếu một mặt nào là cả hệ thống bị giảm sức mạnh.

Nhân dân lao động phải có đủ quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của người làm chủ và phải được bồi dưỡng về ý thức và năng lực làm chủ.

Người lao động làm chủ trước hết là làm chủ lao động của mình, làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, bất cứ trên cương vị nào, lao động chân tay



Digitized by Google

hay trí óc, cũng tạo ra những sản phẩm có giá trị, xứng đáng là thành quả của một người có con mắt, khối óc và bàn tay của người chủ đối với công việc của mình.

Tiến lên một bước, người lao động cùng với tập thể làm chủ quá trình kinh tế ở xí nghiệp, ở hợp tác xã và làm chủ các mặt hoạt động ở phường, ở xóm.

Cao hơn nữa, người lao động cùng với cộng đồng xã hội làm chủ địa phương và làm chủ cả nước thông qua những người đại diện của mình.

Đảng là người đề xướng và lực lượng lãnh đạo chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, vạch ra đường lối cách mạng, nội dung và phương thức làm chủ của nhân dân.

Nhà nước là công cụ chủ yếu của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là giai cấp công nhân và nhân dân lao động tự tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và quản lý hoạt động kinh tế, xã hội theo pháp luật ấy. Công việc này làm được đến đâu, thì mức thực tế làm chủ của nhân dân đạt được đến đấy.

Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước cuối cùng là để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động. Trong lịch sử loài người, mọi biến chuyển lớn của xã hội đều do dân làm ra. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tất cả đều do dân và vì dân, có thật sự do dân, mới thật sự vì dân một cách đầy đủ được, đó là nguyên lý cơ bản của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Sự làm chủ của nhân dân biểu hiện rõ rệt trong phong trào sôi nổi và liên tục của quần chúng, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trước mắt là thực hiện nghị quyết các hội nghị thứ 6, thứ 7 và thứ 8 của Trung ương Đảng, nhằm những công việc thiết thực, những mục tiêu cụ thể từng nơi, từng lúc.

Phong trào cách mạng, và chỉ có phong trào cách mạng của quần chúng, mới xóa bỏ được quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xây dựng và cải tạo đất nước và con người, loại trừ các phần tử phá hoại, phản động, quét sạch mọi rác rưởi, đưa ánh sáng đến xua tan bóng tối.

Từ những thành quả của 40 năm cách mạng vừa qua, từ những bài học kinh nghiệm của 10 năm cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta tin tưởng và phấn khởi tiến theo đường lối của Đảng, từng người và cả dân tộc, từng cơ sở và cả nền kinh tế, cả xã hội lớn lên, hoàn thành tốt kế hoạch năm 1985 và 5 năm 1981 — 1985, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, tiến tới kết thúc thắng lợi chặng đường đầu tiên, để chuyển sang chặng đường đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

# Huyện Thống nhất sau mười năm cải tạo và xây dựng

**LÊ GIA TẶNG**
*Quyền bí thư Huyện ủy Thống nhất*

THỐNG NHẤT là huyện trung du của tỉnh Đồng nai, có diện tích tự nhiên 55 300 héc ta, trong đó có 35 912 héc ta đất ba dan, thích hợp với việc trồng cao su, cà phê, đậu, thuốc lá. Đất đồi, đất có đá trong huyện chiếm tỷ lệ khá cao, đất có điều kiện canh tác rất ít. Năm 1976, diện tích ruộng lúa của toàn huyện chỉ có 250 héc ta. Muốn mở rộng diện tích gieo trồng phải cải tạo đất và làm tốt công tác thủy lợi.

Toàn huyện Thống nhất có 230 000 dân, trong đó 85,6% là người theo đạo Thiên chúa. Ngoài số đồng bào từ miền Bắc bị cưỡng bức di cư vào năm 1954, ở đây còn có nhiều người ở các địa phương khác đến làm ăn sinh sống. Với đặc điểm đó, đồng bào ở huyện Thống nhất có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, nhất là sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Nhưng mấy năm đầu sau giải phóng tình hình sản xuất và đời sống chưa ổn định, năm 1976 40 000 người không có công ăn việc làm, hằng năm Nhà nước phải trợ cấp lương thực. Sản xuất nông nghiệp của bà con trong huyện phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, làm không đủ ăn, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cũng chưa có mấy, cơ sở vật chất, kỹ thuật hầu như không có gì.

Từ sau ngày giải phóng, đảng bộ và nhân dân huyện chúng tôi đã không ngừng phấn đấu, từng bước tiến lên, đạt được những thành tích ngày càng lớn trên các mặt cải tạo và phát triển kinh tế, củng cố an ninh quốc phòng, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, y tế, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đưa tới những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội ở huyện nhà.

★

Cũng như nhiều huyện khác ở miền trung du, huyện chúng tôi có nhiều tiềm năng về nông nghiệp và lâm nghiệp, nhưng chưa có điều kiện khai thác. Để phát huy thế mạnh đó, trước hết chúng tôi phải tập trung sức giải quyết cho được vấn đề lương thực. Việc giải quyết vấn đề này có ý nghĩa lớn về kinh tế và chính trị, trước mắt bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, củng cố lòng tin của đồng bào đối với chính quyền cách mạng, đối với Đảng, với chế độ mới, và là tiền đề cho việc mở mang, phát triển các ngành nghề trong huyện. Đại hội thứ nhất của đảng bộ huyện chúng tôi đã xác định: "Muốn tạo thế đi lên của huyện, thì vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tập trung sức cải tạo và phát triển nông nghiệp, giải quyết vấn đề lương thực. Trên sơ sở phát triển nông nghiệp, từng bước xây dựng huyện



Digitized by Google

thành một huyện có cơ cấu nông – công nghiệp».

Trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, huyện chúng tôi kết hợp đồng bộ các biện pháp thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng chính (lúa, bắp, đậu...). Vấn đề hàng đầu mà huyện chúng tôi phải chủ động giải quyết cho kỳ được là vấn đề nước tưới cho cây trồng. Đối với huyện vùng trung du như huyện chúng tôi, vấn đề thủy lợi có tầm quan trọng đặc biệt. Từ đầu năm 1976 đến nay, chúng tôi không ngừng phát động phong trào làm thủy lợi. Hiện nay làm thủy lợi đã thành phong trào quần chúng rộng rãi và đem lại hiệu quả thiết thực. Từ chỗ toàn huyện chỉ có 1 công trình thủy lợi bị hư hỏng, đến nay đã xây dựng được 24 công trình với các hồ dự trữ nước và các hệ thống kênh mương trong nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhờ làm tốt công tác thủy lợi cho nên huyện chúng tôi đã đưa diện tích cấy 3 vụ từ 250 héc ta năm 1976 lên trên 1 600 héc ta năm 1984.

Trong thâm canh, chúng tôi rất coi trọng việc chọn giống, bỏ các giống cũ và sử dụng rộng rãi các giống mới ngắn ngày có sức kháng sâu bệnh cao. Toàn bộ các giống cũ của địa phương được thay bằng các giống lúa mới. Hệ thống bảo vệ thực vật, phòng, trừ sâu bệnh, đã được tổ chức từ huyện đến xã. Tình hình sâu bệnh được dự báo kịp thời cho nên đã hạn chế được thiệt hại ngay cả trong những mùa vụ bị sâu bệnh nặng. Các loại vật tư phân bón phục vụ cho sản xuất được huyện đầu tư thích đáng và đưa đến tận cơ sở.

Chính nhờ thực hiện tốt các biện pháp trên đây, cho nên diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng hằng năm đều tăng. Diện tích gieo trồng mỗi năm tăng hàng nghìn héc ta, năm 1984 đạt 43 065,5 héc ta, tăng 90,2% so với năm 1976. Sản lượng lương thực năm 1984 đạt 76 503,8 tấn, tăng 211,86% so với năm 1976. Năng suất lúa năm 1976 chỉ đạt 12,8 tạ/ha, trong những năm 1980, 1981, 1982 đạt bình quân gần 30 tạ/ha một vụ. Đặc biệt, trong năm 1984, huyện tập trung chỉ đạo các vùng lúa cao sản, đưa năng suất lên 37,27 tạ/ha một vụ. Năng suất bắp từ 16 tạ/ha một vụ năm 1976 tăng lên 20,53 tạ/ha một vụ năm 1984.

Trong hai năm 1983–1984, trên cơ sở giải quyết được vấn đề lương thực, huyện đã mạnh dạn thay dần những cây trồng ít có hiệu quả kinh tế như lúa rẫy, sắn, bằng những cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao như đậu nành, thuốc lá. Diện tích các cây công nghiệp ngắn ngày năm 1983 so với năm 1976 tăng khá, đặc biệt đậu nành tăng 3 000 héc ta, thuốc lá tăng 1 670 héc ta. Vùng chuyên canh bắp, đậu hành, thuốc lá có hàng chục nghìn héc ta (ở Bầu hàm, Cây gáo, Trảng bom I) tạo ra lượng nông sản hàng hóa đáng kể.

Nông nghiệp phát triển đã góp phần từng bước ổn định đời sống nhân dân. Năm 1984, bình quân giá trị sản lượng nông nghiệp đầu người là 2 563 đồng, tăng 117,6% so với năm 1976; bình quân giá trị sản lượng nông nghiệp trên một lao động nông nghiệp là 2 522 đồng, tăng 106%. Từ một huyện thiếu lương thực trong những năm 1976, 1977 và một phần năm 1978, Thống nhất đã có đủ lương thực để trang trải cho nhu cầu của huyện và đóng góp cho Nhà nước ngày một tăng. Năm 1984, toàn huyện huy động được 18 610 tấn lương thực quy thóc, tăng gấp hơn 7 lần so với năm 1978.

Trên cơ sở ổn định lương thực, ngành chăn nuôi ở huyện có bước phát triển khá. Năm 1976, đàn heo của huyện chỉ có 16 426 con, đàn bò 2 167 con, đàn trâu 509 con; đến năm 1984, đàn heo tăng lên 35 149 con, đàn bò 4 317 con và đàn trâu 1 357 con.



Digitized by Google

Như vậy sau 9 năm, đàn heo tăng hơn 2 lần, đàn bò tăng 2 lần và đàn trâu tăng gần 3 lần. Huyện đã có một cơ sở quốc doanh chăn nuôi kết hợp heo — bò — cá. Huyện đã có công ty bảo hiểm gia súc và ở tất cả các xã trong huyện đều có cán bộ thú y và có tủ thuốc thu y.

Nông nghiệp phát triển đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ra đời và phát triển. Từ khi có nghị quyết Hội nghị thứ 6 (khóa IV) của Trung ương Đảng, ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện có bước phát triển mới.

Năm 1977, huyện chỉ có 1 xí nghiệp quốc doanh gạch sản xuất khoảng 300 000 viên/năm. Đến nay, toàn huyện đã xây dựng được 8 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, gồm các ngành cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, chế biến lương thực, thực phẩm. Ngành cơ khí của huyện đã sản xuất ra nhiều sản phẩm như nông cụ cầm tay, bình phun thuốc trừ sâu, máy tuốt lúa, máy bẻ bắp, đồ mộc dùng trong nhà. Ở các xí nghiệp quốc doanh, huyện đã cho thực hiện việc khoán sản phẩm đến từng tổ sản xuất và đến từng công nhân. Qua quá trình xây dựng và phát triển, ngành công nghiệp quốc doanh của huyện đã đưa giá trị tổng sản lượng năm 1984 lên 6 960 475 đồng, tăng gấp 27 lần so với năm 1977.

Ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở huyện Thống nhất đã cải tạo và tổ chức lại sản xuất, hình thành các nhóm sản phẩm thuộc các ngành cơ khí, xay xát, chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất đồ mộc, v.v. Hiện nay toàn huyện đã có 15 hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và 63 tổ hợp sản xuất, số lao động tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp chiếm 14% lực lượng lao động xã hội. Những năm qua, ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện đã sản xuất được nhiều sản phẩm có giá trị, đáp ứng một phần nhu cầu trong huyện; một số mặt hàng đã được đem bán ra các nơi khác và xuất khẩu. Những năm 1983 — 1984, chúng tôi tập trung cải tạo ngành xay xát, chế biến lương thực, đưa 70 máy chà vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất; thành lập các hợp tác xã chế biến sắn, khoai và làm miến. Một số hợp tác xã nông nghiệp đã mở rộng ngành nghề sản xuất gạch ngói, tơ tằm, v.v.

Từ năm 1980 đến nay, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện tăng với nhịp độ bình quân hằng năm 12%, và chiếm 20% giá trị tổng sản lượng nông—công nghiệp. Cơ cấu nông—công nghiệp trên địa bàn huyện từng bước được hình thành.

Huyện chúng tôi đã gắn cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp, bởi vì nền nông nghiệp của huyện là nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp và thị trường. Nếu chỉ cải tạo nông nghiệp mà không đồng thời cải tạo công thương nghiệp, thì việc cải tạo nông nghiệp không thể sớm hoàn thành, sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp khó phát triển đúng hướng. Nhà nước không nắm được hàng, tư thương gây rối thị trường và đời sống nhân dân lao động còn tiếp tục khó khăn.

Từ tháng 10 năm 1978, huyện đã bắt đầu vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Bước đầu, tuy có gặp khó khăn, phức tạp, nhưng với sự cố gắng của toàn đảng bộ, qua gần 8 năm cải tạo và xây dựng, đến nay huyện đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa.

Những năm 1978 — 1979 và 1980, phong trào hợp tác hóa của huyện chỉ có số lượng, còn chất lượng rất kém. Từ năm 1981 đến nay, sau khi có chỉ thị 100 của Ban bí thư về khoán



Digitized by Google

sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, thì phong trào hợp tác hóa đã đi vào chiều sâu. Các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đã được củng cố vững chắc, hầu hết các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã làm ăn khá. Đời sống của tập đoàn viên, xã viên được nâng lên rõ rệt. Năng suất lúa trong các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đều tăng từ hai đến ba lần, năng suất đậu nành tăng từ ba đến bốn lần so với lúc còn làm ăn cá thể. Từ sản xuất độc canh lương thực, đến nay hầu hết các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đều phát triển chăn nuôi. Một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đã mở mang thêm ngành nghề như hợp tác xã Đức long, hợp tác xã Tân yên (xã Gia tân 3), hợp tác xã Hưng nhơn (xã Hưng lộc), v.v.

Qua cải tạo công thương nghiệp, những người buôn bán nhỏ trong huyện đã được tổ chức và sắp xếp lại, 1 898 hộ kinh doanh buôn bán đã chuyển sang sản xuất nông nghiệp. Chúng tôi đã tổ chức đăng ký, cấp giấy phép hành nghề cho các hộ buôn bán, các hộ kinh doanh ăn uống và dịch vụ. Các ngành hàng, quầy hàng ở chợ nông thôn được bố trí hợp lý và quản lý chặt chẽ. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa của huyện ngày càng phát triển. Hiện nay, thương nghiệp quốc doanh có 7 cửa hàng với 11 điểm bán lẻ. Hệ thống hợp tác xã mua bán đã hình thành từ huyện đến tận cơ sở. Hiện nay ở các xã trong huyện đều có hợp tác xã mua bán với 80 cửa hàng. Hoạt động của hợp tác xã mua bán bước đầu bảo đảm được phần lớn hàng hóa cho nhân dân và thu mua nắm nguồn hàng vào trong tay Nhà nước từ cơ sở.

Song song với cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, huyện đặc biệt quan tâm xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong gần 10 năm qua, huyện đã xây dựng được một số cơ sở vật chất cho ngành văn hóa thông tin như: thư viện, hiệu sách, đài phát thanh, các khu sinh hoạt văn hóa. Tích cực xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng, xây dựng các đội chiếu bóng..., sử dụng nhiều hình thức như thông tin cổ động, sinh hoạt văn nghệ để tuyên truyền giáo dục đường lối, chính sách của Đảng cho nhân dân. Trên cơ sở đó từng bước hình thành nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp giáo dục trong huyện cũng đã có bước phát triển và tiến bộ đáng kể. Trong huyện đã xây dựng thêm nhiều trường lớp. Hiện nay huyện chúng tôi đã cơ bản chấm dứt tình trạng học 3 ca. Hệ thống trường mẫu giáo, nhà trẻ từng bước được mở rộng. Năm học 1983 — 1984, đã có gần 39 000 học sinh phổ thông và gần 4 500 cháu đến các lớp mẫu giáo và nhà trẻ. Công tác bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân từ huyện đến xã được duy trì và đem lại kết quả tốt.

Công tác y tế của huyện cũng được chú trọng đúng mức. Huyện đang xây dựng một bệnh viện huyện gần 100 giường, trong năm tới sẽ hoàn chỉnh với 200 giường, xây dựng các phòng khám bệnh từng khu vực và 17 trạm y tế xã.

Là huyện trước đây nằm trong vùng đai chiến lược của Mỹ — ngụy bảo vệ Sài gòn, cho nên tình hình an ninh trên địa bàn huyện hết sức phức tạp. Chúng tôi đã phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc, thành lập các đơn vị dân quân tự vệ và các tổ an ninh nhân dân từ huyện đến các xã, ấp. Thực hiện phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, chúng tôi chỉ đạo các xã trong khi xây dựng kênh mương, làm đường giao thông... phải vừa tính đến hiệu quả kinh tế, vừa chú ý phục vụ quốc phòng. Từ năm 1976 đến nay, nhờ có sự phối hợp hoạt động của quân đội, công an và nhân dân trong huyện,



Digitized by Google

Thống nhất đã phá hàng trăm vụ án, bắt hàng nghìn tên phản động. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững. Công tác tuyển quân các năm đã đạt và vượt chỉ tiêu.

★

Những thành tựu về kinh tế xã hội của huyện Thống nhất trong 10 năm qua đã từng bước tạo ra cuộc sống mới cho nhân dân trong huyện và qua đó đã tăng thêm niềm tin của quần chúng đối với chế độ mới.

Mười năm qua cũng là 10 năm thử thách đối với huyện chúng tôi trong cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Những thành tựu đã đạt được thể hiện sự vận dụng đúng đắn đường lối chính sách của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của huyện, thể hiện ý chí và quyết tâm cao của đảng bộ và nhân dân huyện Thống nhất thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng đã đề ra, thể hiện vai trò làm chủ tập thể của nhân dân trong huyện.

Qua thực tế của 10 năm cải tạo và xây dựng, chúng tôi rút ra những kinh nghiệm sau đây:

*Một là*, bảo đảm sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và sự vững mạnh về tổ chức trong toàn đảng bộ là một điều kiện cực kỳ quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để tạo sự nhất trí cao trong toàn đảng bộ, trước hết phải làm tốt công tác chính trị, tư tưởng. Trong quá trình giáo dục cán bộ, đảng viên, đảng bộ chúng tôi nhằm làm cho mỗi người xác định rõ phương hướng, bước đi và các mục tiêu kinh tế, xã hội cụ thể của huyện, xác định rõ ranh giới giữa hai con đường, giữa lao động và bóc lột. Đảng bộ chúng tôi đặc biệt quan tâm chăm lo sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng mà trước hết là trong huyện ủy. Sự đoàn kết đó phải thể hiện trước hết ở tính nghiêm túc trong việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng, thực hiện các nhiệm vụ chính trị đảng bộ đề ra.

Việc nâng cao chất lượng đảng viên và xây dựng chi bộ vững mạnh là yêu cầu cấp thiết trong công tác xây dựng Đảng mà đảng bộ chúng tôi rất quan tâm. Yêu cầu này được gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của huyện. Đến nay qua thử thách trong thực tiễn, 34 trên 43 tổ chức cơ sở Đảng trong huyện đã được công nhận là chi bộ, đảng bộ trong sạch và vững mạnh. Phần lớn cán bộ đảng viên của huyện chúng tôi là bộ đội chuyển ngành và là người ở khắp các miền của đất nước được điều động đến đây công tác, số cán bộ tại chỗ ít. Vì thế, chúng tôi đặc biệt chú ý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, nhất là cán bộ cơ sở.

Số lượng đảng viên toàn huyện từ 70 người khi mới giải phóng, đã tăng lên 511 người năm 1981. Năng lực lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ được nâng lên rõ rệt, từ chỗ nhiều ngành, nhiều xã, không có cán bộ phụ trách, nay ngành nào, xã nào cũng có nguồn cán bộ bổ sung. Trong việc bố trí cán bộ chúng tôi chú ý kết hợp cán bộ lớn tuổi có kinh nghiệm với cán bộ trẻ có sức khỏe, có kiến thức khoa học để giúp đỡ, kèm cặp nhau trong công tác. Đối với cán bộ khoa học kỹ thuật, chúng tôi sử dụng một cách hợp lý để phát huy đúng năng lực của từng người, và tạo mọi điều kiện thuận lợi về vật chất, tinh thần, động viên khen thưởng đúng mức để anh chị em đóng góp nhiều cho xã hội.

Đi đôi với công tác xây dựng Đảng, đảng bộ chúng tôi đã từng bước kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp và phát huy vai trò của các cơ quan Nhà



Digitized by Google

nước trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Các đoàn thể quần chúng của huyện đã đóng vai trò nòng cốt trong các phong trào cách mạng của quần chúng.

*Hai là*, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng và sức mạnh tổng hợp của huyện là yếu tố hết sức quan trọng bảo đảm thực hiện có kết quả những mục tiêu kinh tế xã hội của huyện. Trên bước đường đi lên, huyện chúng tôi có nhiều khó khăn trở ngại: sự phá hoại của kẻ thù giai cấp hằng ngày hằng giờ tác động vào nền sản xuất và đời sống trong huyện, tình trạng thiếu thốn và lạc hậu do nền sản xuất nhỏ để lại, sự diễn biến khắc nghiệt của thời tiết, sự yếu kém trong công tác quản lý của đội ngũ cán bộ. Với ý thức tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, chúng tôi dựa vào quần chúng mà đi lên, và đã vượt qua những khó khăn trở ngại đó.

Công tác vận động quần chúng ở huyện chúng tôi thực chất là công tác vận động đồng bào theo đạo Thiên chúa, bởi vì 85,6% dân số toàn huyện là đồng bào theo đạo Thiên chúa. Thành công trong công tác vận động đồng bào theo đạo Thiên chúa, trước hết là đánh giá đúng tình hình tư tưởng của họ để có chủ trương phù hợp. Qua nghiên cứu thực tế, đảng bộ huyện chúng tôi đã thống nhất nhận định: tuyệt đại đa số quần chúng giáo dân là người lao động, yêu nước, bên cạnh mặt tín ngưỡng, họ cũng cần có một đời sống vật chất, tinh thần và tình cảm như mọi người dân khác. Nếu chúng ta biết vận dụng đường lối của Đảng, có hình thức tổ chức và vận động thích hợp, thì họ sẽ có đóng góp tích cực cho cách mạng.

Từ tư tưởng chỉ đạo đó, ngay sau ngày giải phóng, đảng bộ bắt tay vào việc giải quyết công ăn việc làm, chăm lo đời sống giáo dân.

Đi đôi với việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho giáo dân, chúng tôi đẩy mạnh đấu tranh, phân hóa các tầng lớp bên trên của giáo hội ngay từ cơ sở. Đối với các phần tử phản động đội lốt tôn giáo, chúng tôi đã vạch rõ bộ mặt thật của họ cho giáo dân thấy âm mưu của họ lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng, đi ngược lại quyền lợi của giáo dân.

Qua quá trình kiên trì vận động, đến nay hầu hết các giáo xứ đều hưởng ứng phong trào xây dựng giáo xứ «yêu nước mến chúa», «đẹp đời tốt đạo», giáo dân hăng hái tham gia mọi mặt công tác trong huyện, trong xã. Trong các phong trào hợp tác hóa, làm thủy lợi, thực hiện nghĩa vụ quân sự, đóng góp với Nhà nước, v.v. bà con giáo dân đều tham gia tích cực, và những gương sản xuất giỏi, làm nghĩa vụ tốt xuất hiện ngày càng nhiều.

Digitized by Google

# Ninh phước từng bước đi lên

**NGUYỄN ĐÌNH TẤN**
*Bí thư Huyện ủy Ninh phước*

NINH PHƯỚC là một huyện của tỉnh Thuận hải, được xây dựng từ đầu năm 1982.

Dân số toàn huyện có 97 638 người — non một phần ba là đồng bào dân tộc Chăm — sống ở 13 xã, trong đó 9 xã làm nghề nông, 2 xã làm nghề biển, 1 xã kinh tế mới và 1 xã vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Nếu so dân số với diện tích tự nhiên 83 400 héc ta thì bình quân đất đai của mỗi người dân ở Ninh phước còn thấp. Nhưng ngoài 15 200 héc ta đất nông nghiệp, huyện chúng tôi có 55 300 héc ta đất lâm nghiệp, trong đó có gần 4 000 héc ta làm sản quý, và hơn 42 ki lô mét bờ biển cho phép khai thác mỗi năm khoảng trên 3 000 tấn hải sản.

Trên mảnh đất Ninh phước, nhân dân còn có điều kiện phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê, lợn... cũng như trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như thuốc lá, bông, mía, đào lộn hột... Đặc biệt, đồng bào dân tộc Chăm lại có nghề dệt vải, dệt thổ cẩm và làm đồ gốm lâu đời.

Khi bắt tay vào xây dựng huyện, chúng tôi có lực lượng lao động 41 000 người, trong đó có 34 000 lao động nghề nông và 1 270 lao động nghề biển. Một thuận lợi đáng kể là Ninh phước đã sớm hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và ngư nghiệp: trên 90 phần trăm lao động và ruộng đất đã được đưa vào làm ăn tập thể trong 33 hợp tác xã và 17 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, 6 hợp tác xã và 5 tổ đoàn kết đánh bắt hải sản, và 13 hợp tác xã mua bán. Riêng đồng bào Chăm, hầu hết đều đã làm ăn tập thể trong 12 hợp tác xã và 10 tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Từ ba năm nay, được sự giúp đỡ của các cấp trên, Ninh phước phát huy tinh thần làm chủ tập thể, chủ động, tự lực, ra sức phấn đấu về mọi mặt để từng bước tiến lên, và cấp huyện chúng tôi đã trở thành một cấp quản lý kinh tế — xã hội tương đối toàn diện.

Để phát triển kinh tế, trước hết chúng tôi tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết tốt yêu cầu về lương thực, thực phẩm và bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.

Vừa qua, sản xuất lúa và thuốc lá có nhiều tiến bộ đáng phấn khởi. Về lúa, bình quân mỗi năm thu hoạch trên 35 000 tấn (so với năm 1981, tăng hơn 10 000 tấn). Năng suất lúa trên ruộng được tưới nước không ngừng tăng lên: từ 8,8 tấn một héc ta năm 1982 lên 9 tấn năm 1984. Năm 1983 có 17 hợp tác xã đạt 8—11 tấn một héc ta. Huyện và 11 hợp tác xã đã được Bộ nông nghiệp tặng cờ thâm canh lúa giỏi. Về thuốc lá, nói chung năm nào cũng vượt chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng và bán cho Nhà nước.



Digitized by Google

Nếu năm 1982, huyện thu mua được 765 tấn thuốc lá, thì đến năm 1984 đã được 2 200 tấn (đạt 122 phần trăm chỉ tiêu kế hoạch).

Việc đánh bắt hải sản ở Ninh phước bình quân mỗi năm đạt trên 1 500 tấn. Tháng 10-1983, huyện chúng tôi bị cơn bão số 9 gây thiệt hại nặng cho nghề biển cả về của cải vật chất và nhân mạng. Tuy vậy, hiện nay số thuyền lưới đánh cá đã được sửa chữa và mua sắm mới, tổng công suất máy tăng nhiều hơn trước.

Đàn gia súc, gia cầm của huyện không ngừng phát triển. Việc thu mua sản phẩm chăn nuôi năm 1984 đạt khoảng 150 tấn bò hơi và 160 tấn lợn hơi ; so với năm 1982 tăng gấp 3 lần.

Về công nghiệp, Ninh phước đã có bước phát triển khá tốt, đặc biệt là tận dụng được nguyên liệu tại chỗ. Xí nghiệp quốc doanh muối Cà ná năm 1984 đã sản xuất được 57 000 tấn muối công nghiệp và 2 100 tấn thạch cao, vừa đáp ứng nhu cầu trong nước vừa đóng góp cho xuất khẩu. Xí nghiệp quốc doanh gạch Đạo long mỗi năm sản xuất 4 triệu viên gạch và 3 000 tấn vôi. Hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp đều có hoạt động tiểu, thủ công nghiệp, chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng, làm hàng dân dụng, sửa chữa cơ khí. Đồng bào dân tộc Chăm tiếp tục phát triển các nghề thủ công lâu đời, đặc biệt là dệt thổ cẩm với các mặt hàng đẹp có giá trị xuất khẩu cao.

Trong bước đi ban đầu, huyện chúng tôi tuy chưa đạt tới mô hình đầy đủ, toàn diện, nhưng rõ ràng cơ cấu kinh tế của Ninh phước đã có sự chuyển biến theo hướng kết hợp nông—lâm—ngư nghiệp gắn với phát triển công nghiệp để phát huy và sử dụng hợp lý đất đai, lao động và các điều kiện kinh tế hiện có của địa phương.

Sản xuất các mặt có phát triển một bước, tạo điều kiện cho Ninh phước từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bình quân lương thực đầu người trong huyện từ 280 kí lô gam (năm 1981) nay đã tăng lên 400 kí lô gam/năm. Từ chỗ phải nhận trợ cấp gạo của Nhà nước, đến nay huyện chúng tôi đã huy động được 11 nghìn tấn thóc nghĩa vụ. Thu nhập bình quân của một lao động nghề biển mỗi năm được khoảng 12 000 — 13 000 đồng. Các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu của nhân dân được huyện cố gắng giải quyết theo định lượng.

So với ba năm trước đây, ngày nay bộ mặt Ninh phước đã thay đổi khá rõ. Toàn huyện có thêm 1 850 hộ xây cất nhà mới. Nhiều thôn xã đã « ngói hóa » được 50 phần trăm trở lên nhà ở của nhân dân.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế cũng có bước tiến bộ trông thấy. Hệ thống trường lớp được củng cố, xây dựng từ huyện đến xã. Số lượng học sinh các cấp mỗi năm đều tăng. Ở các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc Chăm đều có lớp mẫu giáo. Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh. Nghệ thuật ca múa dân tộc được phục hồi và phát triển theo hướng tiến bộ. Hầu hết các thôn, xã đều có đội văn nghệ quần chúng, nhiều đội đã tham gia biểu diễn cả trong và ngoài tỉnh. 9 xã trong số 13 xã của huyện có đội bóng đá hoạt động thường xuyên.

Đời sống xã hội ở Ninh phước có những chuyển biến đáng kể. Đồng bào các dân tộc ở Ninh phước ngày nay tự hào đã xóa được nạn đói khó, nạn bóc lột, nạn không biết chữ do chế độ cũ để lại. Đặc biệt là xã Phước thái, xã có nhiều đồng bào Chăm đã đi đầu trong việc xóa bỏ các tập tục lạc hậu, tệ mê tín, thực hiện nếp sống mới.

Đi đôi với việc phát triển kinh tế—xã hội, chăm lo ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, huyện chúng tôi còn rất quan tâm đến việc thực hiện



Digitized by Google

nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng. Trong 3 năm 1982 — 1984, các đợt tuyển quân, thi hành nghĩa vụ quân sự của Ninh phước đều vượt chỉ tiêu kế hoạch của trên giao. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng, phát triển cả về số lượng và chất lượng, cùng với phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên trên cả hai tuyến cũng như mặt biển, đã góp phần phá vỡ âm mưu quấy rối, phá hoại của bọn phản động đội lốt tôn giáo, bọn lưu manh chuyên nghiệp và bọn phỉ FULRO.

Trong công tác xây dựng huyện, chúng tôi nhận rõ yếu tố quyết định trước mắt cũng như lâu dài là phải có một đội ngũ cán bộ, đảng viên, cốt cán có phẩm chất tốt và năng lực giỏi. Vì vậy, chúng tôi ra sức củng cố, xây dựng đồng bộ vững mạnh, đồng thời chú ý xây dựng, phát triển các đoàn thể quần chúng, nhất là ở cơ sở; đặc biệt chú ý đến các vùng có đồng bào dân tộc Chăm. Năng lực quản lý kinh tế — xã hội của huyện Ninh phước từng bước được nâng lên nhờ tổ chức, xây dựng được một đội ngũ cán bộ các ban, ngành của Đảng và chính quyền tương đối ổn định, trong đó có khá đông cán bộ người dân tộc Chăm.

Nhìn chung, tuy có đạt được một số kết quả bước đầu trong công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, song huyện Ninh phước chúng tôi cũng còn những khó khăn, yếu kém đang ở trong quá trình phấn đấu khắc phục.

*Một là*, cơ chế quản lý quan liêu — bao cấp nặng nề. Sản xuất phát triển chưa toàn diện, chưa mạnh dạn; chưa thoát khỏi tình trạng « được lúa, sụt màu » hoặc « được thuốc lá lại sụt mía và bông ». Việc trồng cây gây rừng cũng như bảo vệ rừng còn yếu. Tiểu, thủ công nghiệp chưa được quan tâm giải quyết các vấn đề về nguyên liệu và tổ chức tiêu thụ.

Việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất chưa thật nghiêm túc; còn có đơn vị làm ăn tùy tiện, chạy theo cây trồng có giá trị kinh tế cao. Sản phẩm hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu của huyện chưa nhiều. Trong khi đó, công tác phân phối lưu thông còn yếu. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa phát triển rộng và mạnh. Công việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân làm chưa kiên quyết và đồng bộ, do đó trong đời sống kinh tế — xã hội, còn diễn ra các hiện tượng tiêu cực.

*Hai là*, huyện mới bắt đầu tiến hành quy hoạch từng thể nhưng chất lượng công việc còn thấp. Việc triển khai quy hoạch ngành và quy hoạch cơ sở làm chậm.

Việc tổ chức sản xuất, phân công lao động, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu và phân tán.

Mạng lưới kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ gồm các công ty, trạm trại, cửa hàng... còn ít và chưa được phân giao quản lý hợp lý.

*Ba là*, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu, chưa phát huy hết tiềm lực và khả năng của địa phương. Nhược điểm chính là trình độ tổ chức quản lý kinh tế, tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn kém, lại chưa khắc phục được các tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, ỷ lại cũng như các biểu hiện thiếu trách nhiệm, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

★

Quán triệt các nghị quyết của Đảng và Chính phủ về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, về xóa bỏ quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chúng tôi ra sức phấn đấu để trong vòng năm năm tới, Ninh phước sẽ đạt một bước tiến vững chắc với cơ cấu kinh tế nông — lâm — ngư — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Trước hết, huyện chúng tôi tập trung sức phát triển nông nghiệp, đưa



Digitized by Google

nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt ba yêu cầu: bảo đảm lương thực, thực phẩm cho xã hội, cung cấp nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, và tạo nguồn hàng xuất khẩu. Biện pháp hàng đầu là thực hiện thâm canh tăng vụ trên toàn bộ diện tích hiện có. Một cánh đồng lúa cao sản được xây dựng với diện tích 3 900 héc ta chủ động về nước và làm từ hai đến ba vụ lúa mỗi năm. Tổng diện tích gieo trồng năm 1985 là 18 810 héc ta sẽ được mở rộng ra 22 800 héc ta vào năm 1990. Ninh phước cố gắng đạt mức tổng sản lượng lương thực vào năm 1990 là 55 000 tấn. Và như vậy, bình quân lương thực đầu người từ 420 ki lô gam năm 1985 sẽ tăng lên 163 ki lô gam vào năm 1990.

Trong vài năm tới, ở Ninh phước sẽ hình thành các vùng chuyên canh cho từng loại cây công nghiệp. Riêng 3 000 héc ta cây thuốc lá với năng suất 22 tạ/ha sẽ đạt được sản lượng 6 600 tấn/năm.

Việc phát triển chăn nuôi ở các hợp tác xã, nông trường, lâm trường và từng gia đình được khuyến khích đẩy mạnh sẽ cho huyện chúng tôi một đàn gia súc, gia cầm khá lớn. Ước tính trong năm 1985 có khoảng 18 000 con bò, 5 000 con trâu, 16 600 con lợn, 120 000 con vịt...

Đất rừng của Ninh phước phải được khai thác và sử dụng có hiệu quả. Trước hết, hằng năm chúng tôi tổ chức trồng 30 vạn cây, đạt mỗi lao động 5 cây sống, và phủ xanh 800 héc ta đất trống, đồi trọc.

Phát triển nghề biển để hằng năm có thể khai thác bình quân khoảng 3 000 tấn hải sản, thu mua 2 000 tấn trong đó có 20 tấn tôm và 100 tấn mực để xuất khẩu.

Về công nghiệp — bước đầu chủ yếu là thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ và vừa —, đồng thời với việc nâng sản lượng của các xí nghiệp sản xuất muối, gạch lên gấp rưỡi so với hiện nay, chúng tôi sẽ xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn gia súc, chế biến phân bón, sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, sửa chữa xe, máy... Nhiều mặt hàng thủ công như chiếu, nông cụ cầm tay, đồ gỗ, thổ cẩm... cũng được nâng cao sản lượng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Ninh phước kiên quyết thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông. Cuối năm 1985, mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vươn tới chiếm lĩnh bán buôn và đảm nhận 70 phần trăm bán lẻ.

Về văn hóa, giáo dục, y tế, chúng tôi tích cực xây dựng lối sống mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đến năm 1990 sẽ thực hiện phổ cập cấp I cho thanh, thiếu niên, cấp II cho cán bộ xã và hợp tác xã, và cấp III cho cán bộ, công nhân, viên chức các ban, ngành của huyện. Bệnh viện huyện được xây dựng hoàn chỉnh với đủ các khoa cùng với các trạm y tế của xã sẽ bảo đảm trong năm 1985 cứ 500 người dân có 1 giường bệnh, và đến năm 1990, bình quân 2 000 người dân có 1 y sĩ hay bác sĩ chăm sóc sức khỏe. Một sân vận động huyện với 2 vạn chỗ ngồi đang được tiếp tục xây dựng, cùng với khu văn hóa, nhà truyền thống, rạp hát, đài truyền thanh... sẽ tạo cho Ninh phước một bộ mặt văn hóa mới đầy sức sống.

Nhiệm vụ phát triển kinh tế — xã hội sẽ được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ tăng cường củng cố an ninh, quốc phòng. Với phương án phòng thủ được xây dựng hoàn chỉnh, huyện Ninh phước luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu và hành động chiến tranh của địch.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên toàn địa bàn và mọi lĩnh vực, chúng tôi chăm lo làm tốt công tác phát

*(Xem tiếp trang 95)*



Digitized by Google

# Về sự nghiệp cứu nước và dựng nước của Lê Lợi

NHUẬN VŨ

LÊ LỢI là người khởi xướng và tổ chức cuộc khởi nghĩa Lam sơn, đứng đầu cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống giặc Minh đô hộ.

Trong khởi nghĩa và chiến tranh, những phương sách được đưa ra thực hiện là kết quả của những cuộc bàn bạc chu đáo, kỹ lưỡng giữa Lê Lợi và các tướng lĩnh chủ chốt của nghĩa quân Lam sơn; tuy nhiên, quyền quyết định cuối cùng vẫn thuộc về Lê Lợi, vị thống soái tối cao của nghĩa quân.

Từ sau ngày khởi nghĩa (7-2-1418) đến năm 1423, phạm vi hoạt động của nghĩa quân còn bị hạn chế trong miền núi rừng Lam sơn giữa vòng vây quét ác liệt, gay gắt của quân Minh. Đã có lúc, nghĩa quân nằm trong tình trạng:

«Khi Linh sơn lương cạn mấy tuần,
Lúc Khôi huyện, quân không một lữ». (Đại cáo Bình Ngô)

Quyết tâm, lòng tin tưởng sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cứu nước, cách ứng phó tài tình, linh hoạt của Lê Lợi trước những tình huống phức tạp, nguy hiểm nhất — từ tạm lui quân sang Ai lao (Lào) đến «bên ngoài giả thác hòa thân, bên trong lo rèn chiến cụ» (Phú Núi Chí linh — Nguyễn Trãi) — là nhân tố chủ yếu tạo nên kết quả: bảo toàn được lực lượng nghĩa quân Lam sơn trong thời kỳ «trứng nước».

Để chuyển hóa tình hình của cuộc kháng chiến, phải tạo ra những bước ngoặt quyết định trong so sánh lực lượng giữa ta và địch. Vị thống soái của nghĩa quân Lam sơn đã tỏ ra rất nhạy bén trước những thời cơ mới, quyết đoán và hành động táo bạo có tính toán kỹ lưỡng để giáng những đòn sấm sét vào những nơi sơ hở của địch mà ta phát hiện kịp thời. Đấy là cuộc tiến công khoảng cuối năm 1424 vào Nghệ an do tướng Nguyễn Chích đề xuất và được Lê Lợi chấp thuận. Quyết định chiến lược sáng suốt, chính xác này đã đưa đến kết quả: chỉ sau một năm chiến đấu, khu vực giải phóng đã được mở rộng từ Thanh hóa vào đến đèo Hải vân. Thanh niên các vùng được giải phóng nô nức tòng quân, nhân dân phấn khởi đưa sức người, sức của ủng hộ nghĩa quân về mọi mặt. Nghĩa quân Lam sơn lớn mạnh vượt bậc trở thành một đạo quân hùng mạnh đông hàng vạn người, có đủ cả bộ binh, thủy binh, kỵ binh, tượng binh.

Một cục diện mới đã được mở ra trong cuộc kháng chiến. Giữa lúc



Digitized by Google

địch đang hoang mang và lúng túng trước những thất bại dồn dập của chúng tại Nghệ an, Thanh hóa, Tân bình (Quảng bình, Bắc Quảng trị), Thuận hóa (Nam Quảng trị — Thừa thiên) thì vị thống soái của nghĩa quân Lam sơn đã kịp thời bẻ lái con thuyền kháng chiến đi đúng vào « dòng nước căn bản » của đất nước, vào dòng nước sông Hồng.

« Nghĩa kỳ nhất hướng Trung nguyên chỉ ;
Miếu toán tiên tri đại sự thành ».
(Cờ nghĩa mới trở về Trung nguyên một cõi,
Mưu kế của triều đình đã biết trước việc lớn tất thành công). (1)

(Thơ : « Mừng về Lam sơn » II. Ức Trai thi tập)

Tháng 9 năm 1426, ba đạo nghĩa quân Lam sơn đã tiến ra Bắc, tiến sâu vào vùng chiếm đóng của địch, cổ vũ và tạo điều kiện cho nhân dân ta nổi dậy ở các địa phương còn có mặt kẻ thù. Quân Minh phải chuyển sang thế phòng ngự bị động, co cụm lại trong một số thành mà sào huyệt chính là thành Đông quan

Đến tháng 10-1427, khi được tin viện binh địch từ Quảng tây và Vân nam kéo sang, « bấy giờ các tướng sĩ nhiều người dâng thư xin vua đánh thành Đông đô và các nơi. Vua nói rằng : Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành lâu hàng tháng, hàng năm không hạ được, quân ta sức mỏi khí nhụt, nếu viện binh giặc lại kéo đến, thì trước mặt sau lưng đều có giặc. Đó là con đường nguy. Không bằng nuôi sức chứa uy để chờ việc đứt thì thành tất phải hàng. Thế là làm một mà được hai. Đó là kế vạn toàn vậy » — (Lam sơn thực lục — Nguyễn Trãi). Chính quyết định chiến lược đúng đắn đó của Lê Lợi đã mở đường cho các chiến thắng Chi lăng, Xương giang, dẫn đến kết quả cuối cùng là Vương Thông phải tuyên thệ dưới chân thành Đông quan ngày 16-12-1427 xin rút quân về nước, thực chất là xin hàng. Cuộc « hội thề » này đánh dấu ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống Minh của nhân dân ta trong thắng lợi hoàn toàn

Tài năng, công lao và cũng là trách nhiệm của người thuyền trưởng được thể hiện chủ yếu ở chỗ bẻ lái vượt qua những khúc quanh nguy hiểm của ghềnh thác để đưa con thuyền cập lên an toàn. Đập nát được ách đô hộ của nhà Minh, giành lại nền độc lập cho Tổ quốc là sức mạnh của toàn thể nhân dân ta lúc đó mà nòng cốt là nghĩa quân Lam sơn, trong đó có tập thể những nhân vật kiệt xuất như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích v.v. với người đứng đầu là Lê Lợi.

Sau khi thắng quân Minh, Lê Lợi, người lãnh đạo cuộc kháng chiến, lên ngôi và sáng lập ra triều Lê.

Lê Lợi luôn luôn tâm niệm cứu nước với an dân, cứu nước để cho dân an cư lập nghiệp, mà dân càng yên nghiệp thì nước càng giàu mạnh. Ngay trong khi cuộc kháng chiến chống Minh đang diễn ra quyết liệt, vào lúc quân và dân ta đang vây hãm thành Đông quan và chuẩn bị đánh viện binh giặc, Lê Lợi đã « cấm những kẻ xưng là đồng cốt tà thuật, giả tiếng tà thần, đem lời bịa đặt mê hoặc lòng người.

Hạ lệnh cho dân xiêu tán về quê quán cũ mà cày cấy. Người nào không có điền sản thì cho được buôn bán. Người nào bỏ nghề nghiệp thì xử tội nặng » (2) và đã « hạ lệnh cho các tướng và quân nhân rằng : « Giặc Minh tàn ngược dân ta hơn hai chục năm. Buổi đầu quân ta hơn mấy vạn, hiện nay có 35 vạn quân, đợi khi phá được thành Đông quan, sẽ cho 25 vạn

(1) Nguyễn Trãi : *Toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1969, tr. 264 — 265.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1968, tập III, tr. 34.



Digitized by Google

người về làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn làm quân để phòng việc nước. Một nhà 3 người thì 1 người làm quân, phàm phú dịch đều tha cho 3 năm» (3).

Trong kháng chiến, nghĩa quân Lam sơn «vừa cày ruộng, vừa đánh giặc». Sau chiến tranh, mối quan tâm đầu tiên của Lê Lợi trong việc xây dựng lại đất nước là phục hồi nông nghiệp. Vừa lên ngôi xong (1428), Lê Lợi đã «xuống chiếu rằng các thuế như tô ruộng, vàng bạc, đầm, phá, bãi dâu ở trong nước đều tha cho 2 năm không thu» (4). «Chế độ quân điền» được ban hành lần đầu tiên vào năm 1429 nhằm quy định cách phân phối và sử dụng ruộng đất công của công xã. Trong bối cảnh xã hội ta thời đó, chế độ quân điền có tác dụng tích cực trong việc phục hồi và phát triển kinh tế nông nghiệp.

Lê Lợi cũng đã đề ra nhiều biện pháp nhằm tiến hành công cuộc khẩn hoang, phát triển công thương nghiệp, xây dựng bộ máy hành chính, đặt ra nhiều luật pháp, củng cố lực lượng quân sự, định nền giáo dục, bài trừ mê tín, phong tục xấu..

Lê Lợi ở ngôi được 5 năm thì mất. Tuy thời gian đó quá ngắn ngủi đối với sự nghiệp xây dựng lại một đất nước đã trải qua 20 năm đô hộ tàn khốc của giặc Minh và chiến tranh ác liệt, thế nhưng, Lê Lợi cũng đã đặt được nền móng để cho một số người kế tục sau này như Lê Thánh Tông đưa nước ta vào thời kỳ thịnh vượng.

Những người viết sử xưa đã có lời bàn: «Thái tổ từ khi lên ngôi đến nay, thì thố chính sự, có vẻ khả quan, như định luật lệnh, chế lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, đặt quan chức, lập phủ huyện, thu sách vở, dựng học hiệu, cũng có thể gọi là quy mô sáng nghiệp rộng rãi... Vua mặc áo sớm, ăn cơm trưa, phàm mười năm mà thiên hạ đại trị» (5).

Với sự nghiệp cứu nước và dựng nước của ông, Lê Lợi là một trong những anh hùng dân tộc vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt nam.

(3) Sách đã dẫn, tr. 36.
(4) Sách đã dẫn, tr 61.
(5) Sách đã dẫn, tr. 77.

## Ninh phước từng...

*(Tiếp theo trang 92)*

triển Đảng, cố gắng đến cuối năm 1990, hầu hết các hợp tác xã, trường học, xí nghiệp, cửa hàng... đều có đảng viên và chi bộ; đồng thời không ngừng nâng cao phẩm chất và trình độ năng lực tổ chức, quản lý, — nhất là quản lý kinh tế — cho cán bộ, đảng viên, đẩy mạnh đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

Chúng tôi cũng đặc biệt quan tâm xây dựng các tổ chức quần chúng bao gồm ba dân tộc Kinh, Chăm, Rắc-lây, thành một lực lượng đoàn kết thống nhất, hành động cách mạng mạnh mẽ. Mỗi đoàn thể quần chúng phấn đấu đến hết năm 1985 tập hợp được từ 80 — 90 phần trăm số người thuộc giới mình vào tổ chức.

Tóm lại, đảng bộ huyện chúng tôi nhận thức được xây dựng huyện là một nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược. Noi gương các huyện tiên tiến, huyện Ninh phước ra sức phấn đấu xây dựng làm cho huyện ngày càng vững mạnh, góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1985, tạo đà thuận lợi để bước vào kế hoạch năm năm 1986 — 1990 đạt được những thành tựu, tiến bộ to lớn hơn nữa.



Digitized by Google

# Cách đây 40 năm chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản đã bị đánh bại

LÊ TỊNH

SÁNG chủ nhật 2-9-1945, trên thiết giáp hạm Mít-xu-ri đậu trong vịnh Tô-ki-ô, trước đại diện Liên xô và đồng minh chống phát xít, đại diện Nhật bản đã ký văn kiện đầu hàng không điều kiện. Sự kiện này đánh dấu sự thất bại và sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa quân phiệt phát xít Nhật bản, kẻ đầu tiên đã nhen lên ngọn lửa chiến tranh thế giới thứ hai vào năm 1931, khi chúng xâm lược Đông Bắc Trung quốc.

Thể hiện nguyện vọng của nhân dân toàn thế giới, thực hiện cam kết với đồng minh, ngày 8-8-1945, Liên xô tuyên chiến với Nhật bản và, bằng những đòn quyết định đã nhanh chóng làm sụp đổ chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Khi Liên xô tham gia chiến tranh chống Nhật bản, chiến tranh Thái bình dương đã trải qua trên 3 năm, song về phía Nhật bản lực lượng hải quân và không quân chỉ mới bị Mỹ và Anh gây thiệt hại một phần, còn lực lượng bộ binh hầu như còn nguyên vẹn với trên 5 triệu quân được trang bị đầy đủ mà xương sống là đội quân Quan đông, một đạo quân hoạt động độc lập với vũ khí hiện đại, có bộ tư lệnh riêng, có căn cứ hậu cần riêng. Theo sự tính toán của Mỹ, muốn tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản, phải có một đội quân khoảng 5 triệu người, và nếu không có sự tham chiến của Liên xô thì « không thể thắng Nhật bản trước năm 1947 hoặc 1948 ». Toàn thế giới, ngay cả các chính khách và dư luận Mỹ đã nhiều lần công khai khẳng định vai trò quyết định của Liên xô trong việc đập tan chủ nghĩa phát xít Hít le và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản.

★

Bốn mươi năm đã trôi qua, nhưng chiến công vĩ đại có tính chất quyết định của Liên xô đánh bại chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản, chấm dứt hoàn toàn chiến tranh thế giới thứ hai — một chiến công có tầm vóc thời đại — vẫn sáng chói trong lịch sử nhân loại, và được nhân dân các dân tộc châu Á và toàn thế giới đời đời ghi nhớ.

*Chiến công đó góp phần quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên toàn châu Á, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho các dân tộc ở vùng này giành thắng lợi quyết định trong cuộc đấu tranh chống phát xít và tiến lên giành giật phóng dân tộc.* Những thành tựu cách mạng của nước Cộng hòa nhân dân Mông cổ (1), những thắng

(1) Khi quyết định tham chiến chống phát xít Nhật bản, Liên xô đã đưa ra một trong những điều kiện quan trọng là Mỹ và Anh phải công nhận Cộng hòa nhân dân Mông cổ là một quốc gia độc lập.



Digitized by Google

lợi của cách mạng Trung quốc, Triều tiên, Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, Ấn độ, việc hàng loạt nước khác ở châu Á thoát khỏi ách thống trị thực dân, đế quốc, đều gắn liền với chiến thắng oanh liệt của Liên xô đập tan bọn quân phiệt Nhật bản, một nhà nước tư bản kết hợp với tàn dư phong kiến, mang nặng truyền thống quân phiệt lâu đời, bị phát xít hóa từ cuối những năm 20, ôm ấp cuồng vọng thống trị «các dân tộc da vàng» dưới chiêu bài «chủ nghĩa Đại Á», một hiểm họa to lớn đối với tất cả các dân tộc châu Á và thế giới.

*Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản đã tạo cho nhân dân Việt nam thời cơ nghìn năm có một, vùng lên tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á.*

Là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt nam, hơn ai hết, Đảng ta hiểu rõ sự thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945 và những thành tựu to lớn trên đất nước ta trong 40 năm qua gắn liền với thắng lợi vĩ đại nói trên của Liên xô.

*Chiến thắng của Liên xô làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản có tác động hết sức quan trọng đối với tiến trình cách mạng Trung quốc.* Vùng Đông Bắc Trung quốc — nơi đế quốc Nhật bản xâm lược năm 1931 và thành lập cái gọi là «Mãn châu quốc», một cơ sở công nghiệp và nguyên liệu chủ yếu của đế quốc Nhật bản, một căn cứ quân sự quan trọng để chúng đánh chiếm toàn bộ Trung quốc, nơi mà Nhật bản từng mưu tính khi cần có thể di tản toàn bộ hoàng gia Nhật bản sang đó — được quân đội xô viết giải phóng sau khi đập tan đội quân Quan đông, đã trở thành căn cứ cách mạng quan trọng nhất của Trung quốc (2). Trong những năm 1945 — 1949, với việc Liên xô chuyển giao cho Trung quốc toàn bộ chiến lợi phẩm ở vùng đó, giúp Trung quốc nhanh chóng xây dựng lại hệ thống đường giao thông, khôi phục nền kinh tế, đồng thời giúp Trung quốc thành lập một tập đoàn quân chính quy được trang bị hiện đại, vùng Đông Bắc trở thành hậu phương vững chắc của quân đội Trung quốc. Nhờ vậy các lực lượng cách mạng Trung quốc không những có thể vững vàng chặn đứng các cuộc tiến công của quân đội Quốc dân đảng vào Đông Bắc, mà còn tiến lên quét sạch chúng khỏi toàn bộ lục địa Trung quốc.

Trong chiến công tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản, có sự đóng góp xứng đáng của nhân dân và những đảng viên cộng sản Trung quốc. Nhưng cần vạch rõ rằng, trước nguy cơ Liên xô bị tiến công trên hai mặt trận Tây và Đông, và trong điều kiện cực kỳ khó khăn của cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên xô, Mao Trạch Đông chủ trương để 70% lực lượng vào việc tăng gia sản xuất và chỉnh phong, 20% vào việc chống Tưởng Giới Thạch, 10% vào việc chống Nhật bản. Đường lối dân tộc chủ nghĩa «tọa sơn quan hổ đấu» đó của Mao Trạch Đông cùng với thái độ tiêu cực của quân đội Tưởng Giới Thạch đã tạo thuận lợi cho Nhật bản đưa lực lượng từ mặt trận Trung — Nhật lên áp sát biên giới Liên xô, chờ cơ hội tiến công Liên xô.

Thắng lợi có ý nghĩa quyết định của Liên xô đánh bại chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản đã làm thay đổi về căn bản cục diện chính trị, quân sự ở Trung quốc, khiến ban lãnh đạo Trung quốc phải

(2) Vùng Đông Bắc Trung quốc và miền Bắc bán đảo Triều tiên, nơi đội quân Quan đông chiếm đóng, khi được Liên xô giải phóng rộng khoảng 1,5 triệu km² với 70 triệu dân. Riêng vùng Đông Bắc Trung quốc lúc ấy có năng lực sản xuất 25 triệu tấn than, 1,3 triệu tấn thép, 2,5 triệu tấn gang, có 30.0 km đường sắt...



Digitized by Google

thực hiện chính sách dựa vào Liên xô và nhờ đó, đã đưa cách mạng dân chủ ở Trung quốc đến thành công.

*Sự sụp đổ của Nhà nước quân phiệt phát xít Nhật bản đã giúp nhân dân Nhật bản thoát khỏi ách thống trị chuyên chế quân sự phong kiến phát xít*, tạo những điều kiện thuận lợi cho nhân dân Nhật bản đấu tranh cho độc lập, chủ quyền, dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội, tìm kiếm những quan hệ hữu nghị và hòa bình, cải thiện một cách căn bản mối quan hệ giữa Nhật bản và các dân tộc châu Á. Một trong những thắng lợi to lớn của nhân dân Nhật bản là việc giới cầm quyền Nhật bản, đứng trước hậu quả nặng nề của thảm họa hạt nhân do Mỹ gây ra và tâm lý chán ghét chiến tranh của nhân dân, đã buộc phải thông qua bản hiến pháp hòa bình năm 1947. Theo tinh thần của hiến pháp đó, Nhật bản từ bỏ dùng chiến tranh làm quốc sách, không tổ chức lực lượng vũ trang dưới bất cứ hình thức nào, không để cho nước ngoài đóng quân và lập căn cứ trên đất Nhật bản: Nhật bản không tham gia liên minh quân sự để chống lại nước thứ ba, không duy trì và phát triển ngành công nghiệp quân sự; bảo đảm tự do dân chủ làm cơ sở cho việc chống lại sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt. Về sau, Quốc hội Nhật bản căn cứ vào hiến pháp đã quy định ba nguyên tắc: Nhật bản cam kết không chế tạo, không mua sắm, không cho phép đặt vũ khí hạt nhân trên đất Nhật bản.

★

Điều làm cho các lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới quan tâm và lo ngại sâu sắc là chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản bị đánh bại cách đây 40 năm đang được phục hồi. Chưa đầy một thập kỷ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ, chà đạp lên nguyện vọng hòa bình của nhân dân Nhật bản, đã công khai thúc đẩy việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt và quân sự hóa Nhật bản. Mưu đồ của Mỹ là biến Nhật bản thành đồng minh quan trọng của Mỹ ở khu vực châu Á — Thái bình dương nhằm đối phó với cao trào cách mạng đang dâng lên ở đây, hòng đè bẹp các phong trào giải phóng dân tộc, ngăn chặn và làm suy yếu ảnh hưởng của Liên xô và của chủ nghĩa xã hội đối với khu vực này. Hiệp ước an ninh Nhật — Mỹ ký năm 1954 là văn kiện «pháp lý» đầu tiên chống lại hiến pháp năm 1947 của Nhật bản, là cơ sở quan trọng nhất để Mỹ — Nhật bản xúc tiến việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt và tái vũ trang Nhật bản.

Chính quyền Tô-ki-ô hiện nay đi xa hơn bất cứ chính quyền nào trước đây kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai trên con đường cột chặt Nhật bản vào cỗ xe chiến tranh của Mỹ. Mỹ đã lôi kéo được Nhật bản ở mức cao nhất vào mưu đồ biến vùng Bắc Thái bình dương và Đông Á thành một trong những căn cứ tiền tiêu của hệ thống vũ khí giáng đòn phủ đầu ngang với NATO. Nhật bản sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của Mỹ về việc tăng cường vai trò và mở rộng phạm vi hoạt động của các lực lượng vũ trang Nhật bản tại Viễn Đông. Dưới tên gọi «lực lượng phòng vệ», quân đội Nhật bản thật ra vượt rất xa nhiệm vụ phòng vệ, nó bao gồm lục quân, hải quân, không quân hiện có 28 vạn tên, với những trang bị vũ khí hiện đại, và con số đó có thể nhanh chóng tăng lên gấp nhiều lần. Hải quân của Nhật bản đang mở rộng các hoạt động nhằm đảm nhận một phần chức năng của hạm đội Mỹ ở Thái bình dương. Chính quyền Na-ca-xon-nê tình nguyện đóng vai trò tích cực trong chiến lược toàn cầu của Mỹ bằng cách hợp tác chặt chẽ với NATO, đưa quan hệ hợp tác quân sự Nhật — Mỹ ngang



Digitized by Google

tầm với quan hệ quân sự giữa Mỹ và Tây Âu. Nó ủng hộ không điều kiện việc Mỹ đặt tên lửa tầm trung bình tại Tây Âu, tán thành chương trình quân sự hóa vũ trụ của Mỹ, đồng ý chuyển giao cho Mỹ những kỹ thuật cao về quân sự mà Mỹ chưa đạt được, cố biến Nhật bản thành căn cứ vũ khí hạt nhân khổng lồ của Mỹ, sẵn sàng đứng bên cạnh Mỹ trong cuộc «chiến tranh hạt nhân hạn chế» do Mỹ phát động.

Chính quyền Na-ca-xon-nê không ngừng tăng ngân sách quân sự theo một tốc độ cao hơn nhiều so với các thành viên chủ chốt của NATO. Đầu năm 1981, nó đưa ra chương trình hiện đại hóa quân sự trong 5 năm (1986 — 1990) với tổng chi phí lên tới 77,5 tỷ đô la, nhằm từng bước biến Nhật bản thành một cường quốc quân sự, NATO hóa Nhật bản, đưa tiềm lực quân sự của Nhật bản ngang với mức của Cộng hòa liên bang Đức, thành viên mạnh nhất của NATO.

Điều đáng nói nữa là sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản đang được sự đồng tình, ủng hộ của nhà cầm quyền Trung quốc. Trong những năm gần đây, đi đôi với việc xích lại gần Mỹ về mọi mặt, giới cầm quyền Trung quốc ngày càng tỏ thái độ làm ngơ hoặc ủng hộ những việc làm xấu xa của nhà cầm quyền Nhật bản. Họ đã cùng với Nhật bản ghi điều khoản «chống bá quyền» chĩa vào Liên xô trong cái gọi là Hiệp ước hòa bình và hữu nghị Trung — Nhật năm 1978, thế thời xóa sạch những tội ác đẫm máu mà đế quốc Nhật bản gieo rắc trên đất Trung quốc trước đây, cam kết kết nghĩa bạn bè đời đời kiếp kiếp với bọn quân phiệt Nhật bản. Nhà cầm quyền Bắc kinh cũng đã thường xuyên trao đổi các phái đoàn quân sự cấp cao với Nhật bản, cho rằng Nhật bản không có việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt, rằng Nhật bản có quân đội thường trực là «việc bình thường», rằng hiệp ước an ninh Nhật — Mỹ là điều mà Trung quốc có thể chấp nhận được, im lặng hoàn toàn trước việc hàng trăm căn cứ quân sự của Mỹ được triển khai trên đất Nhật bản cùng những hoạt động diễn tập quân sự đầy tính chất khiêu khích được phối hợp giữa Nhật và Mỹ ở ngoài biển ngay sát nách Trung quốc, ngầm ngầm tán thành chính sách Tô-ki-ô theo đuôi Mỹ trên các vấn đề vũ khí hạt nhân. Bắc kinh còn công khai ủng hộ Nhật bản đưa yêu sách lãnh thổ đối với Liên xô, ra sức đầu độc quan hệ Xô — Nhật, đồng tình và khuyến khích việc tăng cường quan hệ chiến lược Nhật—Mỹ, Nhật—Nam Triều tiên. Rõ ràng Trung quốc đang thiết lập quan hệ hợp tác quân sự mang tính chất chiến lược với Nhật bản, trở thành người động viên và cổ vũ sự hình thành liên minh quân sự Mỹ — Nhật bản — Nam Triều tiên, tích cực thực hiện mưu đồ của Mỹ nhằm thiết lập một cơ cấu quân sự chính trị mới ở phương Đông kiểu NATO, một lực lượng xung kích đứng hàng thứ hai về sức mạnh sau NATO, tiếp sức cho NATO, hình thành một thế chiến lược hai gọng kìm, bao vây và uy hiếp Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa từ hai phía, uy hiếp và ngăn cản phong trào cách mạng và hòa bình ở châu Á—Thái bình dương, trước hết là ở Việt nam, các nước Đông dương và các nước châu Á khác không chịu theo đuôi Mỹ, Nhật bản và Trung quốc.

Việc chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản rảo riết ngóc đầu dậy không những nhằm mưu đồ bành trướng về chính trị, quân sự, kinh tế của riêng Nhật bản mà còn phục vụ chiến lược liên minh toàn diện với Mỹ, hợp tác với Trung quốc, giúp Mỹ giành ưu thế quân sự ở khu vực, tạo ra một lò lửa chiến tranh mới, một nguy cơ thường trực ở Viễn Đông, trực tiếp

*(Xem tiếp trang 106)*



Digitized by Google

# Khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa những năm đầu thập niên kỷ 80

NGUYỄN DIỆU

Vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 – 1975 chưa được bao lâu, từ cuối năm 1979 nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản thế giới lại lâm vào một cuộc khủng hoảng mới rất nghiêm trọng.

Cuộc khủng hoảng lần này diễn ra trong bối cảnh của quá trình chạy đua vũ trang và những chấn động của cuộc khủng hoảng cơ cấu nổ ra từ đầu thập niên kỷ 70, đã đặt nền kinh tế tư bản trước nhiều khó khăn mới.

## 1 – NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU

Cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ 1980 – 1982 vừa mang đậm dấu ấn của cuộc khủng hoảng kinh tế 1971 – 1975, vừa có những đặc điểm riêng biệt do những điều kiện tái sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thay đổi.

*1 – Là cuộc khủng hoảng sâu rộng nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.*

Điều này đã được chính những người cầm đầu các nước tư bản thừa nhận. Uyn-li Bran (Willy Brandt), nguyên thủ tướng Cộng hòa liên bang Đức, giám đốc Ủy ban phát triển quốc tế đã nhận xét là « sự suy giảm hiện nay của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa rất giống cuộc đại suy thoái của những năm 30 ». Thủ tướng Ca-na-đa P. Tơ-ru-đô (P. Trudeau) cho rằng nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới tháng 9-1982 đang ở trong tình trạng tồi tệ nhất trong 40 năm qua.

Mức độ nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng thể hiện ở sức tàn phá rộng lớn, kéo dài và gây nhiều hậu quả nguy hiểm. Tới tháng 9-1982, cuộc khủng hoảng bao trùm hầu như tất cả các nước, trong các lĩnh vực của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, đến các ngành dịch vụ, thương mại, tài chính v.v.

Sản lượng công nghiệp giảm sút. So với quý 4 năm 1981, sản xuất công nghiệp quý 4 năm 1982 của các nước thành viên tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), giảm bình quân 3,9%.

*Ở Mỹ*, theo số liệu thống kê chính thức của Bộ thương mại, năm 1982 so với năm 1981, sản lượng ngành công nghiệp luyện kim giảm 17%, công nghiệp khai khoáng giảm 11% ; công nghiệp cơ khí giảm 13% ; công nghiệp dệt giảm 10% ; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng giảm 12% ; công nghiệp hóa chất giảm 9%. Hoạt động thương mại cũng xấu đi trông thấy. Chính quyền Rê-gân đã sử dụng nhiều biện pháp tiền tệ – tín dụng tác động vào lĩnh vực này, nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Nhập siêu hết sức nặng nề và có nguy cơ không khắc phục nổi. Riêng ngành sản xuất



Digitized by Google

quân sự, do thường xuyên nhận được sự tài trợ của Nhà nước dưới nhiều hình thức cho nên không bị tác động trực tiếp của khủng hoảng kinh tế và ngày càng phát triển. Năm 1982, trong khi hầu như toàn bộ nền kinh tế bị chìm sâu trong khủng hoảng, tốc độ tăng của ngành này vẫn đạt 6%.

*Ở Cộng hòa liên bang Đức và I-ta-li-a*, năm 1982, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 3%, tức là gấp 2 lần so với mức giảm sút trung bình của cả khối EEC. Ở Nhật, mức suy giảm sản xuất tuy không nghiêm trọng như ở Mỹ và Tây Âu, nhưng so với những năm trước, tình hình xấu hơn. Sản lượng các ngành công nghiệp như sản xuất kim loại, hóa dầu, và một số mặt hàng công nghiệp cơ khí bị giảm sút trong thời gian nền kinh tế lâm vào khủng hoảng. Khi nhận xét về thực trạng kinh tế Nhật bản, S. O-ki-ta, giám đốc trường đại học quốc tế Tô-ky-ô thừa nhận là không còn những sự kỳ diệu Nhật bản nữa.

Điều đáng chú ý là cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ lần này diễn ra cả trong các ngành công nghiệp mũi nhọn có liên quan chặt chẽ với tiến bộ khoa học kỹ thuật. Điều này được thể hiện đặc biệt rõ nét ở Mỹ, nước có tiềm năng khoa học kỹ thuật lớn nhất trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Về thời gian, cuộc khủng hoảng kinh tế này diễn ra trong suốt 3 năm, dài hơn một năm so với cuộc khủng hoảng 1974 — 1975. Cuộc khủng hoảng bắt đầu nổ ra ở Mỹ cuối năm 1979, tràn vào Tây Âu năm 1980, và sau đó, lan ra cả hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Mãi đến cuối năm 1982, mới được coi như kết thúc, nhưng hậu quả để lại vẫn còn dai dẳng.

Sản xuất giảm sút dẫn đến tình trạng hàng loạt xí nghiệp bị phá sản. Xét trên phạm vi toàn bộ hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là các nước tư bản phát triển, thì số xí nghiệp bị phá sản qua các năm khủng hoảng, như sau: (đơn vị: 1000 xí nghiệp) năm 1979: 61,0; năm 1080: 71,6; năm 1981: 85,7; năm 1982: 102,1; năm 1983: 115,4. Mỹ là nước có số vụ phá sản nhiều nhất, sau đó là Pháp, Nhật bản, Cộng hòa liên bang Đức và Anh.

Sự phá sản diễn ra không chỉ trong các công ty nhỏ mà cả trong các công ty lớn, có tiềm năng về sản xuất, về khoa học kỹ thuật, và được sự giúp đỡ tích cực về tài chính của Nhà nước. Điều đáng chú ý là, khác với những năm 60, những làn sóng phá sản hiện nay không dẫn tới việc hình thành các tổ hợp khổng lồ mà chỉ tạo lập nên những tổ hợp cỡ « trung bình »

Việc sử dụng công suất máy móc, thiết bị giảm xuống. Mỹ và Anh là những nước có mức sử dụng công suất máy móc, thiết bị thấp nhất.

*2—Cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ 1980—1982 nổ ra trong khi cuộc khủng hoảng cơ cấu đang tiếp diễn.*

Những năm 60 trở về trước, khủng hoảng cơ cấu chỉ diễn ra trong những ngành công nghiệp thứ yếu như: dệt, khai thác than, đóng tàu, v.v. Nhưng cuộc khủng hoảng cơ cấu nổ ra từ thập niên kỷ 70 đã diễn ra trong những ngành có tầm quan trọng đặc biệt đối với toàn bộ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa như: năng lượng, nguyên liệu, tài chính — tiền tệ, v.v. Nhiều nhà kinh tế cho rằng, chính sự bùng nổ của khủng hoảng trong những lĩnh vực này là nhân tố chủ yếu phá vỡ cơ cấu hiện hành của nền sản xuất xã hội. Nói cách khác là không có khả năng tiếp tục phát triển kinh tế dựa trên cơ cấu đã được xác lập từ trước.

Nhìn toàn cục, những khó khăn về năng lượng, nguyên liệu vẫn chưa chấm dứt; lĩnh vực tài chính — tiền tệ tư bản chủ nghĩa khủng hoảng sâu sắc; cuộc khủng hoảng môi trường — sinh thái đang đặt ra nhiều vấn đề



Digitized by Google

gay cấn đòi hỏi chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước phải giải quyết.

Thật vậy, các cuộc khủng hoảng dầu mỏ nổ ra trong thập niên kỷ 70 (1973 – 1979) đã gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đối với các ngành năng động nhất của nền kinh tế. Giá cả năng lượng tăng nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho chi phí sản xuất trong các ngành sử dụng nhiều năng lượng nhất như công nghiệp chế biến dầu mỏ, sản xuất giấy, sản xuất xi măng, nhôm sơ chế, thép, công nghiệp hóa chất v.v. tăng nhanh chóng. Đồng thời, giá cả hàng loạt sản phẩm của nhiều ngành kinh tế khác cũng tăng với nhịp độ cao. Nhiều loại hàng trở nên đắt khác thường.

Cuối năm 1980 giá hàng tiêu dùng ở hầu hết các nước tư bản phát triển chủ yếu đều tăng tới mức «hai chữ số» (trừ Nhật bản). Tính bình quân cho các nước thành viên thuộc tổ chức OECD, chỉ số đó là 12,8%; tính riêng từng nước thì ở Mỹ: 13,5%; Pháp: 13,6%; Anh: 18% và I-ta-li-a: 21,2%.

Trong tình hình đó, khả năng thanh toán không ổn định của nhân dân lao động do thu nhập thực tế của họ bị tư bản độc quyền cắt xén trở thành một trong những nhân tố chủ yếu làm giảm sút toàn bộ tiêu dùng cá nhân. Điều này xảy ra trong hàng loạt nước như Cộng hòa liên bang Đức, Anh, Bỉ, Tây ban nha, Thụy điển (năm 1981) và Mỹ (trong nhiều quý của các năm 1980, 1.81).

Cuộc khủng hoảng đã làm trầm trọng các mâu thuẫn kinh tế – xã hội của chủ nghĩa tư bản. Cùng với sự thu hẹp sản xuất, việc sa thải công nhân ngày càng có quy mô rộng lớn. Nếu trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1974–1975, đội quân thất nghiệp là 12,8 triệu người, thì chỉ tính riêng năm 1982 con số đó là 27,6 triệu người. Điều đáng lưu ý là nạn thất nghiệp vẫn tăng mạnh, ngay cả trong thời kỳ phục hồi kinh tế. Năm 1983, số người thất nghiệp toàn phần ở các nước thuộc tổ chức OECD là 34 triệu.

Theo thống kê năm 1982, Tây ban nha là nước có số người thất nghiệp cao nhất trong tổ chức OECD, chiếm 16% lực lượng lao động của nước này; Ái nhĩ lan, Bỉ và Anh là những nước có chỉ số thất nghiệp vượt quá 12%; sau đó là các nước I-ta-li-a, Pháp, Cộng hòa liên bang Đức và các nước Tây Âu khác. Ở Mỹ, cuối quý 1-1982, số người thất nghiệp chiếm 10,8% lực lượng lao động trong khi tháng 11-1981, lúc Rê-gân mới bước vào Nhà trắng, chỉ số đó là 7,4%. Nhưng theo số liệu của liên đoàn lao động Mỹ, số người thất nghiệp toàn phần ở Mỹ còn lớn hơn nữa: 15 triệu người, chiếm 13,5% lực lượng lao động.

Thiếu hụt ngân sách và nợ nhà nước tăng là khía cạnh nổi bật của những chấn động tài chính và tiền tệ tư bản chủ nghĩa. Mỹ là nước điển hình về nợ và thiếu hụt ngân sách. Tính đến cuối năm 1981, số nợ trong nước của Mỹ lên tới 1200 tỷ đô la và nợ nước ngoài của Mỹ là 800 tỷ đô la. Thiếu hụt ngân sách nhà nước Liên bang trong năm tài chính 1982 – 1983 là 195,2 tỷ đô la... Đây là những nhân tố quan trọng làm cho các mối quan hệ tài chính và tiền tệ bị xáo động và trở nên phức tạp hơn.

Nạn ô nhiễm môi trường do hoạt động kinh doanh vô chính phủ vì mục đích lợi nhuận của tư bản độc quyền tư nhân gây ra ngày càng trở thành nguy cơ to lớn. Hàng triệu tấn $CO_2$ được thải liên tục vào khí quyển. Nhiều dòng sông lớn bị ô nhiễm nặng do hàng chục triệu tấn chất phế thải của ngành công nghiệp hóa chất đổ vào. Theo số liệu đã được thống kê, trong 20 năm gần đây, có đến gần 30 triệu tấn lưu huỳnh, 30–38 triệu tấn ni tơ, 103 – 147 triệu tấn hy đrô – các bon được thải vào khí quyển nước Mỹ. Cái giá phải trả cho tình hình



Digitized by Google

này, theo nhiều nhà kinh tế thì trước hết là một bộ phận lớn tài nguyên bị mất do không sử dụng hợp lý các chất phế thải, sau đó là những chi phí để xóa bỏ nạn ô nhiễm môi trường và cuối cùng là sức khoẻ của con người bị hủy hoại. Điều này chứng tỏ, ngày nay, những điều kiện sinh sống thiết yếu nhất của con người như không khí, các nguồn nước... cũng bị lợi tư bản độc quyền phá hủy. Lên án hành động đó, trong những năm gần đây, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động đã diễn ra mạnh mẽ trong các nước tư bản phát triển đòi tăng lương, đòi làm sạch không khí môi trường v.v.

*3 — Khủng hoảng kinh tế chu kỳ 1980—1982 đã nổ ra trong khi giới cầm quyền ở các nước tư bản chủ nghĩa đang đẩy mạnh hơn nữa quân sự hóa kinh tế.*

Bước vào thập niên kỷ 80, quá trình chạy đua vũ trang được chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh với tốc độ chưa từng thấy. Các giới đế quốc hiếu chiến hy vọng rằng, với việc quân sự hóa nền kinh tế và chạy đua vũ trang, chúng có thể cản trở những bước tiến của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, làm suy yếu hệ thống xã hội chủ nghĩa; mặt khác, có thể tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh và giảm thất nghiệp ở trong nước. Bởi vậy, ngân sách quân sự tăng chưa từng có trong tất cả các nước thuộc khối NATO và Nhật bản: (đơn vị tỷ đô la)

| Năm | Mỹ | Pháp | Nhật |
|---|---|---|---|
| 1971 | 71,9 | 17 | 30 |
| 1980 | 146 | 26,7 | 9,8 |
| 1983 | 220,4 | 31,6 | 12,5 |

Từ năm 1981, Rê-gân phát động một chiến dịch rầm rộ hòng tăng cường sức mạnh của Mỹ. Các chương trình hiện đại hóa vũ khí hạt nhân, sản xuất máy bay ném bom B1, đẩy mạnh quân sự hóa khoảng không vũ trụ... đã ngốn hàng trăm tỷ đô la. Quá trình quân sự hóa nền kinh tế đã gây nhiều hậu quả nghiêm trọng: theo tổ chức nghiên cứu về việc làm ở Mỹ, để có 1 tỷ đô la chi cho ngân sách quân sự thì 9000 người mất việc làm. Vì vậy, một số nhà kinh tế cho rằng, chỉ tiêu quân sự quá lớn ở các nước tư bản phát triển là nhân tố quan trọng góp phần tạo nên mức thất nghiệp cao trong các nước tư bản phát triển trong những năm khủng hoảng vừa qua.

Chi phí quân sự tăng còn là nguyên nhân chủ yếu gây nạn thâm hụt ngân sách nặng nề trong suốt những năm đầu thập niên kỷ 80 ở Mỹ và ở nhiều nước thuộc khối NATO, là nhân tố làm cho các quan hệ tài chính và tiền tệ trong các nước tư bản chủ nghĩa thường xuyên mất ổn định.

*4 — Các giai đoạn của chu kỳ khủng hoảng đã có nhiều biến đổi.*

So với cuộc khủng hoảng kinh tế 1971 — 1975 thì các giai đoạn của chu kỳ khủng hoảng 1980 — 1982 có những nét mới. Giai đoạn khủng hoảng và tiêu điều kéo dài. Trong cuộc khủng hoảng 1971 — 1975, thời hạn giảm sút sản xuất trong các nước thành viên tổ chức OECD tính trung bình là 7 quý, của Mỹ là 8 quý, của Cộng hòa liên bang Đức là 7 quý, nhưng trong cuộc khủng hoảng chu kỳ 1980 — 1982, chỉ số đó của OECD là 10 quý, nhiều hơn gần 1,5 lần; của Mỹ là 15 quý; của Cộng hòa liên bang Đức là 10 quý.

Theo nhiều nhà kinh tế, nguyên nhân tình hình này gắn liền với những điều kiện xấu đi trông thấy của quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa. Một là, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Nếu thời kỳ 1971 — 1973 ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, tốc độ tăng hằng năm của tổng sản



Digitized by Google

phẩm xã hội là 4,5%, tốc độ tăng của sản xuất công nghiệp là 5,4%, thì thời kỳ 1974 – 1979 tốc độ tăng hằng năm của tổng sản phẩm xã hội là 2,4%, của sản xuất công nghiệp là 2,1%. *Hai là*, tình trạng không sử dụng hết công suất máy móc, thiết bị. *Ba là*, tích lũy tư bản thực tế và năng suất lao động bị suy giảm diễn ra trong hầu hết các nước tư bản phát triển kể từ nửa sau thập niên kỷ 70 cho đến nay. Giai đoạn phục hồi diễn ra yếu ớt, không đồng đều, không ổn định. Giai đoạn phồn vinh không rõ nét.

Ngay trong giai đoạn phục hồi, nhiều nhà kinh tế đã dự đoán một cuộc khủng hoảng kinh tế mới có thể xảy ra vào năm 1986.

## II – SỰ BẤT LỰC CỦA NHỮNG ĐỐI SÁCH CHỐNG KHỦNG HOẢNG

Trước đây, để khắc phục khủng hoảng kinh tế, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước chủ yếu sử dụng cơ chế điều chỉnh kinh tế theo hướng « trọng cầu », nhằm làm dịu những mâu thuẫn bên trong của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhất là mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chật hẹp. Các biện pháp: giảm thuế, tăng lương, kiểm soát giá cả, mở rộng khu vực sở hữu Nhà nước, mở rộng nhu cầu của Nhà nước..., được chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước sử dụng để điều chỉnh nền kinh tế. Nhưng cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 – 1975 nổ ra đã đánh dấu sự bất lực của kiểu điều chỉnh kinh tế theo hướng « trọng cầu ». Hàng loạt căn bệnh như lạm phát, suy thoái, thiếu hụt ngân sách, nổ ra liên tục và ngày càng lớn, dường như không phương cứu chữa.

Những năm gần đây, để giải quyết những vấn đề kinh tế hóc búa hòng tìm lối thoát khỏi khủng hoảng, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ở nhiều nước tư bản phát triển đã sử dụng một cơ chế có tính chất tổng thể, về cơ bản được thể hiện trên ba phương diện lớn.

*1 – Tăng cường cơ chế điều chỉnh kinh tế độc quyền nhà nước.*

Hoạt động này được phát triển theo hai hướng: hướng « trọng cầu » hay còn gọi là chính sách điều chỉnh kinh tế theo hướng cải lương. Kiểu điều chỉnh này chiếm ưu thế trong chính sách của Pháp Thụy điển và một số nước Tây Âu. Nội dung chủ yếu là cố gắng khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế và những khó khăn về kinh tế – xã hội bằng cách mở rộng khu vực kinh tế công cộng..., sử dụng tương đối mạnh các biện pháp điều chỉnh trực tiếp đối với hoạt động kinh tế, nhượng bộ một số yêu cầu của quần chúng lao động trong những giới hạn nhất định không phương hại đến lợi ích của tư bản độc quyền.

Hướng thứ hai « cứng rắn hơn », là chính sách điều chỉnh kinh tế theo hướng « trọng cung », các nhà kinh tế học phương Tây còn gọi là chính sách kinh tế bảo thủ. Mỹ và Anh là những nước điển hình sử dụng cơ chế này.

Để khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp, khơi động lại không khí kinh doanh tích cực của tư bản độc quyền tư nhân, những người ủng hộ đường lối « trọng cung » đã chủ trương giảm sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào kinh tế. Các chương trình cải cách thuế khóa, cắt giảm chi tiêu của Nhà nước v.v. được các giới cầm quyền ở Mỹ, Anh và ở một số nước khác đề cao trong thực tiễn.

*2 – Tiếp tục thực hiện cuộc cải tổ cơ cấu kinh tế.*

Đến cuối thập niên kỷ 70, ở hầu hết các nước tư bản phát triển đã diễn ra cuộc cải tổ cơ cấu kinh tế. Mục đích



Digitized by Google

của các giới cầm quyền là thông qua cuộc cải tổ, xây dựng một cơ cấu kinh tế thích hợp với những điều kiện phát triển mới của lực lượng sản xuất, hòng làm nhẹ khủng hoảng, tạo tốc độ tăng trưởng « vừa phải », « ổn định » hơn trên cơ sở tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của các quá trình đầu tư. Nội dung thứ nhất của cuộc cải tổ này là tiếp tục ứng dụng thành tựu của khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, và nội dung thứ hai là tiếp tục quá trình đổi mới tài sản cố định trong nhiều ngành công nghiệp chế biến. Do giá cả của nguyên liệu và nhiên liệu tăng, tư bản độc quyền ở nhiều nước vừa sử dụng các quy trình công nghệ mới nhằm tiết kiệm năng lượng, lại vừa hiện đại hóa các ngành công nghiệp tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu.

Nội dung thứ ba của cuộc cải tổ là hướng sang các nước đang phát triển. Thực tế cho thấy, các nước đang phát triển là thị trường quan trọng tiêu thụ hàng hóa thừa ế của các nước tư bản phát triển, và xuất khẩu cũng là một trong những phương thức làm giảm sản xuất thừa ở các nước tư bản chủ nghĩa trong thời gian nền kinh tế lâm vào khủng hoảng.

Ngoài ra, chiến lược nhân nhượng tối thiểu, chấp nhận chiến lược công nghiệp hóa hạn chế của các nước đang phát triển dưới sự kiểm soát của các công ty xuyên quốc gia, các chính sách « ưu tiên », « lựa chọn », vẫn được giới cầm quyền ở nhiều nước tư bản sử dụng nhằm, một mặt, chuyển những ngành công nghiệp nặng tiêu hao nhiều lao động sống, gây ô nhiễm môi trường nặng sang các nước đang phát triển, mặt khác, qua đó, lôi kéo và khống chế các nước này trong phạm vi thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Kết quả là, cuộc khủng hoảng kinh tế 1980 — 1982 đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đối với nền kinh tế của các nước đang phát triển, nhất là những nước có quan hệ chặt chẽ với kinh tế tư bản chủ nghĩa. Một số nhà kinh tế cho rằng, chính sự giảm sút nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu ở các nước tư bản phát triển trong thời gian khủng hoảng đã góp phần quan trọng làm cho sản lượng công nghiệp ở các nước đang phát triển giảm 2% (năm 1982).

*3 — Đẩy mạnh các « giải pháp tập thể ».*

Không phải ngẫu nhiên mà từ nửa sau thập niên kỷ 70, cứ mỗi năm một lần, các nguyên thủ quốc gia của 7 nước tư bản phát triển lại có cuộc gặp mặt.

Thực chất của những cuộc gặp gỡ đó là tìm kiếm và phối hợp chính sách giữa các nước tư bản phát triển chủ yếu với nhau nhằm giải quyết những khó khăn trong các quan hệ kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế v.v.

Ngay từ cuộc họp đầu tiên được tổ chức vào tháng 11-1975, các nhà lãnh đạo Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức, Pháp, Anh, I-ta-li-a, Ca-na-đa và Nhật bản đã thảo ra một chương trình « chống khủng hoảng », nhằm « lành mạnh hóa » chủ nghĩa tư bản. Nhiều nhà tuyên truyền tư sản đề cao chương trình này như « một giải pháp tập thể đầu tiên của các nước dân chủ công nghiệp », kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Nhiều vấn đề trong chương trình như: « quyết tâm chấm dứt nạn thất nghiệp », « phát triển kinh tế ổn định, lâu dài » v.v. được đề cập nhiều lần trong các cuộc hội họp sau đó.

Để tạo ra sự ổn định tương đối trong các quan hệ tài chính và tiền tệ quốc tế, các giới đế quốc còn chủ trương nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng đầu tư và tái thiết quốc tế, Tổ chức quan thuế và mậu dịch.



Digitized by Google

Hạn chế lớn nhất của các giải pháp tập thể này là sự xung đột nghiêm trọng giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của cả khối. Nhiều bất đồng bộc lộ rõ rệt trong chính sách kinh tế của các nước tư bản phát triển. Việc Mỹ thi hành chính sách lãi suất cao đối với tín dụng ngắn hạn để thu hút vốn đầu tư của tư bản nước ngoài vào Mỹ trong mấy năm gần đây đã và đang làm cho nền kinh tế của nhiều nước Tây Âu tiếp tục "chảy máu" là một thí dụ nổi bật.

Cuộc chiến tranh thương mại ngày càng gay gắt giữa ba trung tâm: Mỹ — Nhật bản — Tây Âu diễn ra trong những năm đầu thập niên kỷ này là một trong những trở lực chủ yếu làm giảm hiệu lực của các giải pháp tập thể.

★

Rõ ràng là sự tiến triển của cuộc khủng hoảng kinh tế 1980 — 1982, vừa phản ánh sự bất lực của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước trước việc giải quyết những vấn đề kinh tế — xã hội gai góc, vừa phản ánh những mâu thuẫn ngày càng tăng trong quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa dưới sự tác động của quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị vốn có của chủ nghĩa tư bản. Mặc dù gần đây nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa đang trong giai đoạn phục hồi, nhưng nhiều nhà kinh tế đã dự kiến đến những cuộc suy thoái mới. Và những biện pháp chống khủng hoảng chứa đựng đầy mâu thuẫn, sẽ làm cho chủ nghĩa tư bản trong thời gian tới khó tránh khỏi những hậu quả xấu hơn về kinh tế và xã hội.

## Cách đây 40 năm...

*(Tiếp theo trang 99)*

uy hiếp các dân tộc vốn đã chịu đựng nhiều đau khổ vì chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa bành trướng.

Những việc làm của nhà cầm quyền Nhật bản và bè lũ chứng tỏ họ chưa hề rút được bài học lịch sử trong thất bại thảm hại của chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản cách đây 40 năm. Địa quân phiệt Nhật bản và những thế lực nuôi dưỡng nó, ủng hộ nó cần thấy rằng hiện nay cộng đồng xã hội chủ nghĩa với Liên xô làm trụ cột và các lực lượng hòa bình tiến bộ ở châu Á — Thái bình dương và trên thế giới đã lớn mạnh gấp nhiều lần so với 40 năm trước đây. Các lực lượng này có khả năng ngăn chặn các lực lượng chiến tranh và xâm lược để bảo vệ hòa bình thế giới. Nếu cứ lao sâu vào việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt, nhà cầm quyền Nhật bản nhất định sẽ chuốc lấy những thất bại to lớn, đưa Nhật bản đến những thảm họa không thể lường hết được.

Nhân dân Việt nam vốn có quan hệ hữu nghị lâu đời với nhân dân Nhật bản. Nhân dân Việt nam cùng đã từng chịu đựng nhiều đau khổ dưới ách thống trị của chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Hết tiếng tàn ác. Vì vậy, trước sau như một, chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật bản và của các dân tộc ở châu Á vì một nước Nhật bản dân chủ, hòa bình, tiến bộ xã hội, vì một châu Á — Thái bình dương hòa bình, hữu nghị, hợp tác, không có vũ khí hạt nhân, không có sự đe dọa của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng, bá quyền.



Digitized by Google

## «ТАПТИ КОНГШАН» № 9 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – 40 лет становления нашего государства. ИСТОРИЧЕСКИЕ ДОКУМЕНТЫ – Некоторые письма президента Хо Ши Мина, адресованные американцам в 1945 г. ЛЕ ЗУАН – Во имя прочного, процветающего социалистического Вьетнама. ФАМ ВАН ДОНГ – 40 лет революции – достижения и перспективы. ФАМ ХУНГ – Партийное руководство – фактор, решающий все победы в борьбе за сохранение государственной безопасности и общественного порядка. ТО ХЫУ – Коренным образом уничтожить административно-снабженческую систему управления, решить некоторые актуальные проблемы насчет цен, зарплаты, денег с целью развития производства, владения общественным рынком, стабилизации и постепенного улучшения жизни народа. ЛЕ ТИНЬ – 40 лет тому назад: японский милитаризм потерпел крушение.

## REVIEW OF COMMUNISM N° 9-1985

**Editorial** – Forty years of development of our State. HISTORICAL DOCUMENT – Some letters of President Ho Chi Minh to Americans in 1945. LÊ DUÂN – For the sake of a strong and prosperous socialist Vietnam. PHẠM VĂN ĐỒNG – Forty years of revolution – Its fruits and prospect. PHẠM HÙNG – The Party's leadership is the decisive factor of all the victories in our struggle to maintain national security and social order. TỐ HỮU – Let's thoroughly do away with State budget subsidies and red tape and solve some pressing problems on price-salary-money in order to boost production, control social market, and further stabilize and improve the people's livelihood. LÊ TỊNH – The débâcle of Japanese militarism forty years ago.

## REVUE DU COMMUNISME N° 9-1985

**Editorial** – 40 ans de maturation de notre Etat. DOCUMENT HISTORIQUE – Quelques lettres du Président Ho Chi Minh aux Américains (en 1945). LÊ DUAN – Pour un Vietnam socialiste solide et prospère. PHẠM VĂN ĐỒNG – 40 ans de la révolution : réalisations et perspectives. PHẠM HÙNG – La direction du Parti – facteur décisif de toutes nos victoires dans la lutte pour maintenir la sécurité nationale et l'ordre social. TỐ HỮU – Abolir radicalement le bureaucratisme et le régime des subventions d' Etat, résoudre quelques problèmes urgents du système prix-salaire-monnaie, en vue d'impulser la production, de se rendre maître du marché social, de stabiliser et d'améliorer d'un pas la vie du peuple. LÊ TỊNH – Il y a 40 ans le militarisme japonais est battu.

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 9-1985

**Editorial** – Cuarenta años del crecimiento de nuestro Estado. DOCUMENTOS HISTÓRICOS – Algunas cartas del Presidente Ho Chi Minh enviadas a varios norteamericanos en 1945. LÊ DUÂN – Por un Vietnam socialista, poderoso y próspero. PHẠM VĂN ĐỒNG – Cuarenta años de la revolución: sus frutos y perspectivas. PHẠM HÙNG – La dirección del Partido, el factor decisivo de todas las victorias en la lucha por la defensa de la seguridad nacional y el orden social. TỐ HỮU – Abolir radicalmente el mecanismo burocrático de asignaciones presupuestarias, resolver algunos problemas indispensables sobre el sistema de precios-sueldo-dinero, con el fin de impulsar la producción, controlar el mercado social, estabilizar y mejorar la vida del pueblo. LÊ TỊNH – Cuarenta años antes fracasó el militarismo japonés.

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 9-1985. NĂM THỨ XXXI (357)

# Mục lục

**Xã luận** — Bốn mươi năm trưởng thành của Nhà nước ta 1
**Tư liệu lịch sử** — Một số thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi người Mỹ năm 1945 7
LÊ DUẨN — Vì một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa vững mạnh, phồn vinh 12
PHẠM VĂN ĐỒNG — Bốn mươi năm cách mạng, thành quả và triển vọng 15
PHẠM HÙNG — Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong đấu tranh giữ vững an ninh quốc gia và trật tự xã hội 19
TỐ HỮU — Triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp, giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá — lương — tiền, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, làm chủ thị trường xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân 28
PHẠM HƯNG — 40 năm xây dựng và phát huy vai trò của Tòa án nhân dân 39
NGUYỄN NAM KHÁNH — Tăng cường công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc 45
NGUYỄN ĐÌNH TỨ — 40 năm xây dựng và phát triển ngành đại học và trung học chuyên nghiệp nước ta 50
NGUYỄN CÔNG THẮNG — Hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý — một yêu cầu cấp bách của nước ta hiện nay 58
VÕ QUÝ — Bảo vệ môi trường 63
TRẦN XUÂN — Nhà máy chế tạo máy công cụ số I chuyển hướng sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý 68
LÊ GIA TẶNG — Huyện Thống nhất sau mười năm cải tạo và xây dựng 83
NGUYỄN ĐÌNH TẤN — Ninh phước từng bước đi lên 89
NHUẬN VŨ — Về sự nghiệp cứu nước và dựng nước của Lê Lợi 93
LÊ TỊNH — Cách đây 40 năm chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản đã bị đánh bại 96
NGUYỄN DIỆU — Khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa những năm đầu thập niên kỷ 80 100
Bìa 4 — Tranh hoành tráng 1915 của họa sĩ TRẦN VĂN CẨN

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25788 — 22040

Digitized by Google

# NÔNG NGHIỆP

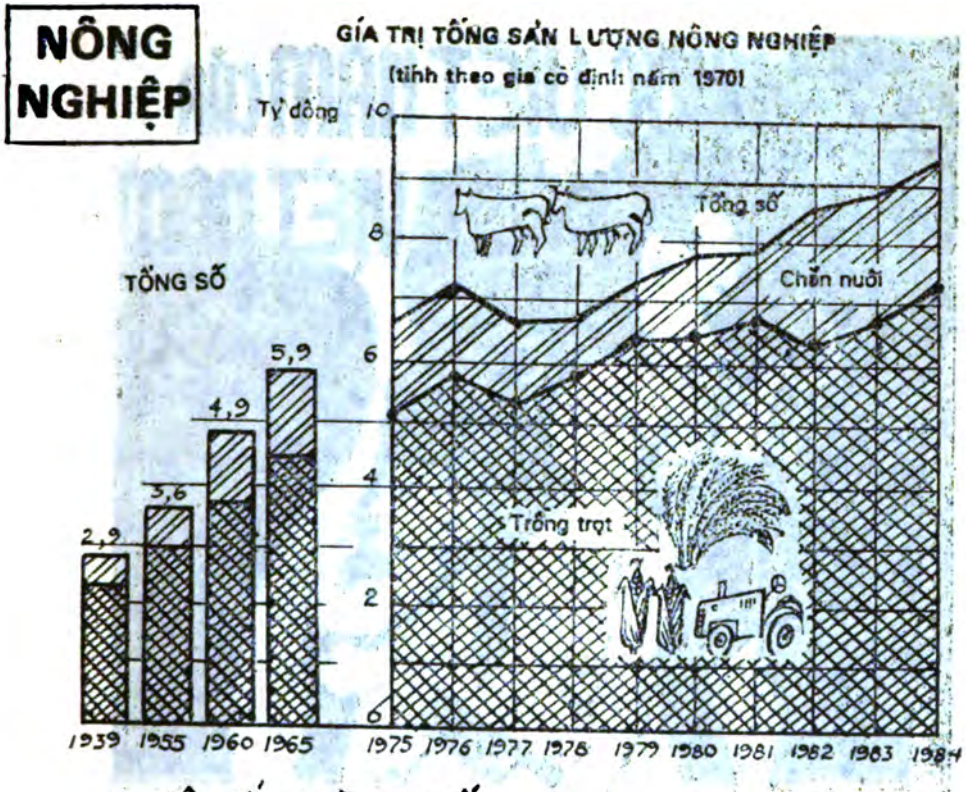


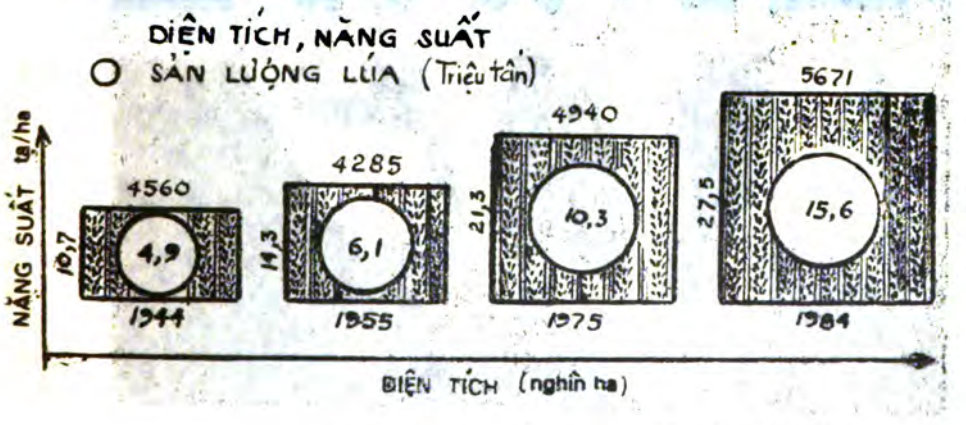


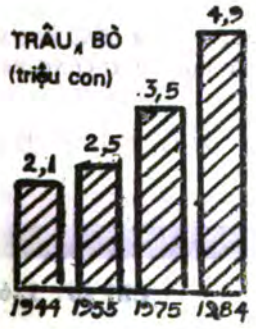

Digitized by Google

*« AI CÓ SÚNG DÙNG SÚNG, AI CÓ GƯƠM DÙNG GƯƠM, KHÔNG CÓ GƯƠM THÌ DÙNG CUỐC THUỔNG GẬY GỘC, AI AI CŨNG PHẢI RA SỨC CHỐNG THỰC DÂN, CỨU NƯỚC ».*

*HỒ CHÍ MINH*

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 — Giá 4đ00

Digitized by Google

# Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. of MICH.
MAR 1 8 1986
Current Serials

10

10 . 1985

Digitized by Google

*Thanh niên ta phải cố gắng học... Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác — Lê-nin kết hợp với đấu tranh và công tác hằng ngày. Cần phải học kinh nghiệm tốt của các đoàn thanh niên bạn. Học đi đôi với hành...*

*Cần phải làm đầu tàu, làm gương mẫu trong phong trào thi đua yêu nước. Phải thực hiện khẩu hiệu « Đâu Đảng cần thì thanh niên có, việc gì khó thì thanh niên làm ».*

Hồ Chí Minh

*(1961)*

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

## *Xã luận*

# TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN

*THANH niên là một bộ phận quan trọng của dân tộc, là lực lượng xung kích của cách mạng. Thanh niên có mạnh, dân tộc mới mạnh. Trong sức mạnh của dân tộc, có sức mạnh của thanh niên.*

*Thanh niên có vị trí quan trọng trong đời sống chính trị và xã hội không phải chỉ vì họ chiếm số đông trong dân cư mà quan trọng hơn là vì họ là lớp người trẻ, khỏe, hăng hái, nhiệt tình, có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, có khả năng đảm đương những việc mới, việc khó. Trong lịch sử nước ta, thanh niên bao giờ cũng là lực lượng nòng cốt trong sản xuất và chiến đấu, trong các cuộc vận động xã hội. Trong vòng hơn nửa thế kỷ nay, tuổi trẻ nước ta lại càng có vai trò đặc biệt quan trọng. « Đảng ta ra đời và thành lập từ tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Điều đó có nghĩa là đã có một giai đoạn trong đó thanh niên nắm vai trò là những người châm ngòi lửa đầu tiên cho phong trào cách mạng ở nước ta »* (1).

*Đảng ta và Bác Hồ rất coi trọng công tác thanh niên, thường xuyên chăm sóc, giáo dục và rèn luyện thanh niên, tổ chức và động viên thanh niên phát huy vai trò xung kích cách mạng, góp phần làm nên những thắng lợi vẻ vang của đất nước. Đảng ta cho rằng, công tác vận động thanh niên ở bất cứ giai đoạn cách mạng nào cũng là* **một nhiệm vụ chính trị quan trọng, một vấn đề chiến lược.** *Bác Hồ đã nói : « Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà..., nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên »* (2).

---

(1) Lê Duẩn : *Tạ nhất định thắng, địch nhất định thua*. Nxb Sự thật Hà nội, 1965, tr. 48 – 49.

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1984, tập IV, tr. 402.



Digitized by Google

*Hiện nay, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội; cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra hết sức gay gắt; có biết bao nhiêu vấn đề mới mẻ, khó khăn, phức tạp đặt ra đòi hỏi phải được giải quyết, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và xã hội. Đất nước lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng và bá quyền Bắc kinh câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Trên phạm vi thế giới, cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, cũng như cuộc đấu tranh giữa ba dòng thác cách mạng với chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến và các thế lực phản động khác đang diễn ra rất quyết liệt. Kẻ địch đang hằng ngày hằng giờ tìm cách lôi kéo, đầu độc thanh niên, mưu toan phá hoại chủ nghĩa xã hội bằng việc đánh vào chính ngay lực lượng xung kích xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta càng phải tăng cường công tác thanh niên, phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên, đồng thời quan tâm đầy đủ đến việc giáo dục, tổ chức và rèn luyện thế hệ trẻ. Nghị quyết số 26 của BCT TƯ Đảng về « Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên » đã chỉ rõ: « Làm tốt công tác thanh niên là bảo đảm sự kế tục và phát triển không ngừng của chế độ ta, bảo đảm hiện tại cũng như tương lai tươi sáng của dân tộc Việt nam ».*

*Nước ta hiện có hơn 15 triệu thanh niên nam nữ, 15 triệu thiếu niên và nhi đồng, chiếm gần 60% số dân. Thanh niên chiếm 65% lực lượng lao động trong các xí nghiệp công nghiệp, 54% lực lượng lao động nông nghiệp, hơn 80% trong các lực lượng vũ trang, 50,7% trong các cán bộ khoa học kỹ thuật trên đại học và đại học, 62% trong các cán bộ trung cấp. Hàng triệu thanh niên nam nữ đang học trong các trường phổ thông trung học, trường dạy nghề, trường đại học và cao đẳng. Sinh ra và lớn lên trong thời kỳ lịch sử vĩ đại của dân tộc, được Đảng và chế độ mới đào tạo, bồi dưỡng, thanh niên ta đã phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, có những cống hiến xuất sắc và trưởng thành nhanh chóng. Nhiều tấm gương tiêu biểu về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thế hệ trẻ Việt nam đã xuất hiện trên các lĩnh vực, góp phần làm rạng rỡ Tổ quốc ta.*

*Trên mặt trận quốc phòng và an ninh, lớp lớp cán bộ, đoàn viên và thanh niên đã nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng, ngoan cường, vượt mọi khó khăn, gian khổ, đánh thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và hăng hái thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả. Tên tuổi của các anh hùng liệt sĩ Lê Đình Chinh, Đinh Trọng Lịch, Lê Thế Bùi, Hoàng Thị Hồng Chiêm,... còn mãi với non sông đất nước ta.*

*Trên mặt trận lao động sản xuất, xây dựng đất nước, với tinh thần « Đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên », hàng chục triệu đoàn viên và thanh niên đang đi đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Các tập thể và cá nhân tiên tiến xuất hiện ngày càng nhiều.*

*Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, đông đảo thanh niên đã hăng hái tham gia xây dựng cuộc sống mới, nền văn hóa mới và con người mới. Tuổi trẻ trong các trường học đã vượt qua nhiều khó khăn, cố gắng dạy tốt, học tốt và xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa. Trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật của thế hệ trẻ ngày càng được nâng cao.*

*Từ năm 1976 đến nay, đã có hơn 3 triệu thanh niên được kết nạp vào Đoàn, hơn 2 triệu thanh niên được kết nạp vào Hội liên hiệp thanh niên Việt nam. Bằng cuộc vận động « Toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng », Đoàn đã giới thiệu với Đảng gần 1,8 triệu đoàn viên ưu tú, trong đó có 423 nghìn đã được kết nạp vào*



Digitized by Google

*Đảng, chiếm 85% tổng số người được kết nạp vào Đảng trong những năm gần đây.*

*Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, thanh niên ta cũng bộc lộ một số nhược điểm và thiếu sót. Đáng chú ý nhất là trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật trong một bộ phận thanh niên chưa cao. Không ít người chưa xác định đúng đắn lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của mình, còn mơ hồ trước cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay, giảm sút lòng tin và ý chí chiến đấu, dao động trước những khó khăn tạm thời của đất nước. Một số thanh niên trốn tránh nghĩa vụ đối với Tổ quốc, lười lao động và học tập, mê tín, chạy theo lối sống thực dụng, sa đọa, vi phạm pháp luật Nhà nước.*

★

**Nhiệm vụ cơ bản của công tác thanh niên trong giai đoạn hiện nay là đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những con người mới lao động, làm chủ tập thể, có lý tưởng cách mạng cao đẹp, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp của Đảng và của dân tộc.** *Phương hướng và nội dung giáo dục thanh niên phải nhằm nâng cao trình độ chính trị, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ,* **bảo đảm cho thanh niên có đủ ý chí và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.** *Đặc biệt cần chăm lo giáo dục cho thanh niên lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thế giới quan Mác — Lê-nin, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của Đảng, làm cho thanh niên hiểu sâu sắc đường lối, nhiệm vụ cách mạng để xác định rõ lý tưởng phấn đấu, ý thức trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Rèn luyện lối sống và nếp sống xã hội chủ nghĩa trong sáng, lành mạnh, tôn trọng kỷ luật và pháp luật, kiên quyết đấu tranh loại bỏ những biểu hiện của lối sống cá nhân ích kỷ, lạc hậu và sa đọa.*

*Việc giáo dục và rèn luyện thanh niên chỉ có ý nghĩa thiết thực và thu được kết quả cụ thể bằng cách tổ chức họ và đưa họ ra hành động cách mạng, gắn chặt việc giáo dục, bồi dưỡng trong nhà trường với việc rèn luyện trong thực tiễn sôi động của cuộc sống. Lê-nin đã chỉ rõ: giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho thanh niên « không phải là mời họ nghe những bài diễn văn êm dịu hay là nghe những thuyết lý đạo đức », mà điều quan trọng là phải đưa họ vào rèn luyện trong đấu tranh cách mạng. Người yêu cầu « Đoàn thanh niên cộng sản gắn liền việc rèn luyện, học tập và giáo dục của mình với lao động của công nhân và nông dân, không tự giam mình trong các trường học và không tự hạn chế mình ở việc đọc sách báo và tài liệu cộng sản. Chỉ khi nào cùng lao động với công nhân và nông dân, người ta mới trở nên một người cộng sản chân chính được » (3).*

*Các cấp ủy Đảng và các cơ quan chính quyền cần thông qua Đoàn thanh niên, tổ chức và động viên thanh niên phát huy tính tự giác, lao động sáng tạo, tinh thần dũng cảm chiến đấu, đạp bằng mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi*

(3) V. I. Lê-nin. *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va. 1978. tập 41, tr. 376.



Digitized by Google

*những mục tiêu và nhiệm vụ do Đảng đề ra. Với sự hăng hái và nhạy bén của tuổi trẻ, thanh niên phải là lực lượng xung kích trên tất cả các mặt trận, đi đầu thực hiện những việc mới, việc khó, nhất là trong lĩnh vực sáng tạo và ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất ; tham gia cải tiến quản lý kinh tế, đấu tranh xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu—bao cấp, chuyển sang thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ý thức và hành động của một thanh niên Việt nam ngày nay là « Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại » ; « sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ».*

*Thực tiễn cách mạng đang là trường học lớn để giáo dục và rèn luyện thanh niên. Cần tổ chức và động viên thanh niên nông thôn đi đầu trong việc thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, phát triển nông nghiệp toàn diện, tổ chức lại sản xuất ở địa phương mình và trên phạm vi cả nước. Mở rộng hơn nữa đội hình thanh niên xung phong, thu hút hàng triệu thanh niên đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở Tây nguyên, ở miền đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu long, vùng núi phía bắc và tiến công ra biển... Thanh niên công nhân phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm. Tổ chức những đội lao động trẻ, phát triển các hình thức công trình thanh niên cộng sản, tổ, đội sản xuất thanh niên, xe, máy thanh niên để phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ. Thanh niên trong các ngành phân phối lưu thông cần nêu cao tinh thần phục vụ tận tụy, trung thực và có thái độ văn minh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Phát triển các hình thức cửa hàng kiểu mẫu của thanh niên. Thanh niên trong các lực lượng vũ trang và an ninh phải có ý chí chiến đấu cao, kỹ thuật giỏi, lao động tốt, kỷ luật nghiêm, nếp sống lành mạnh, sẵn sàng đập tan các tiểu đoàn chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng và bảo đảm sự phát triển lành mạnh của tuổi trẻ. Trên mặt trận văn hóa xã hội, thanh niên phải đi đầu trong cuộc đấu tranh xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, xóa bỏ mọi tàn dư của văn hóa lạc hậu, mê tín, quét sạch văn hóa phản động và đồi trụy.*

*Đứng trước những yêu cầu to lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, cần chăm lo giáo dục cho thanh niên hiểu rõ vinh dự và trách nhiệm trọng đại của thế hệ mình đối với lịch sử. Cần làm cho mỗi đoàn viên, thanh niên nhận rõ rằng, lớp thanh niên ngày nay đang được sống trong một thời đại vẻ vang nhất, sôi nổi nhất của lịch sử nước nhà. Vì vậy, hơn lúc nào hết, họ phải lấy sự hy sinh phấn đấu cho cách mạng làm hạnh phúc cao nhất của đời mình.*

*Đi đôi với việc động viên thanh niên cống hiến ngày càng nhiều cho sự nghiệp cách mạng, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể cần chú ý đến lợi ích chính đáng của thanh niên. Cần tích cực giải quyết việc làm cho thanh niên, trước hết là những người đã được đào tạo và bộ đội xuất ngũ. Phát triển các trường vừa học vừa làm, các trung tâm dạy nghề, khai thác mọi khả năng của địa phương và cơ sở sản xuất để mở rộng ngành nghề thu hút lao động trẻ. Cần có những chính sách cụ thể chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của thanh niên, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của thanh niên trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.*

★



Digitized by Google

**Giáo dục, rèn luyện thanh niên là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng.**

*Sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng là vấn đề có tính nguyên tắc và là điều kiện quyết định thắng lợi của công tác thanh niên và phong trào thanh niên. Các cấp ủy Đảng cần đưa công tác thanh niên vào chương trình hoạt động thường xuyên của mình, có chế độ lãnh đạo Đoàn thanh niên một cách chặt chẽ, có nền nếp. Những năm gần đây, nhiều tổ chức Đảng đã quan tâm đến công tác thanh niên, chăm lo lãnh đạo hoạt động của Đoàn thanh niên và phong trào thanh niên. Song cũng còn không ít cấp ủy Đảng chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng chiến lược của công tác vận động thanh niên cho nên coi thường và buông lỏng công tác này. Nhiều đồng chí không thấy rõ âm mưu và hành động của kẻ thù lôi kéo và làm hư hỏng thanh niên ta nhằm phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nhiều cán bộ, đảng viên thiếu ý thức trách nhiệm, có thái độ hẹp hòi, không đánh giá đúng bản chất của thanh niên, thường chỉ thấy mặt non kém của một số thanh niên, chưa coi trọng phát huy năng lực sáng tạo của tuổi trẻ, không tôn trọng quyền làm chủ tập thể của thanh niên. Một số cấp ủy Đảng chưa chỉ đạo tốt việc phân công và phối hợp hoạt động của các cơ quan chính quyền, các tổ chức quần chúng để chăm sóc và bồi dưỡng thanh niên, chưa phát huy đầy đủ vai trò chính trị của tổ chức Đoàn thanh niên.*

*Các cấp ủy Đảng cần quan tâm hơn nữa đến công tác thanh niên, tăng cường lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Đoàn thanh niên; chăm lo xây dựng Đoàn thanh niên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đoàn thật sự là đội quân xung kích cách mạng, là đội dự bị chiến đấu của Đảng, là trường học cộng sản chủ nghĩa của thanh niên, đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể của tuổi trẻ, phát huy vai trò của Đoàn tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Đội nhi đồng Hồ Chí Minh. Ban thường vụ cấp ủy cần có chế độ định kỳ làm việc tập thể với ban chấp hành Đoàn; từng thời gian mở hội nghị bàn và ra những nghị quyết cần thiết về công tác thanh niên. Cần chọn những cán bộ trẻ tuổi, có phẩm chất và năng lực, được thử thách qua phong trào thanh niên, thật sự được quần chúng thanh niên quý mến, tin cậy làm bí thư Đoàn. Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm nêu gương cho tuổi trẻ học tập và noi theo, đi sâu, đi sát, lắng nghe ý kiến, bàn bạc và giải đáp những vấn đề đặt ra trong cuộc sống của thanh niên. Đảng viên ở độ tuổi thanh niên phải tham gia sinh hoạt Đoàn và làm tốt nhiệm vụ đoàn viên.*

*Trong việc củng cố, xây dựng Đoàn, cần đặc biệt quan tâm* **củng cố các tổ chức cơ sở Đoàn**, *phát triển mạnh mẽ và nâng cao chất lượng đoàn viên, kiện toàn đội ngũ cán bộ Đoàn và đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn. Trong thời gian qua Đoàn thanh niên tuy đã có những cố gắng trong việc tổ chức, giáo dục, động viên thanh niên, có tiến bộ trong việc cải tiến hình thức và phương pháp hoạt động, nhưng tổ chức Đoàn ở cơ sở còn yếu, tỷ lệ đoàn viên so với tổng số thanh niên chưa đầy 30%, nhiều thanh niên chưa được thu hút vào các tổ chức của Hội liên hiệp thanh niên, đội ngũ cán bộ Đoàn còn thiếu và yếu, phương thức hoạt động của Đoàn chậm được đổi mới, còn quan liêu, hành chính, không thích hợp với tính chất công tác của Đoàn, với đặc điểm của tuổi trẻ.*

*Nhà nước coi công tác thanh niên là một bộ phận quan trọng của chiến lược kinh tế — xã hội. Trong các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, cần có nội dung*



Digitized by Google

*cụ thể và có sự đầu tư thích đáng cho công tác này. Các ngành kinh tế, tài chính cần có biện pháp thích hợp để phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên trong lao động sản xuất, quản lý kinh tế, nâng cao trình độ tay nghề và chăm lo lợi ích của lao động trẻ. Các ngành giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, y tế,... chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng, đồng thời đáp ứng những nhu cầu về học tập, nâng cao sức khỏe, sinh hoạt văn hóa cho tuổi trẻ. Khắc phục tình trạng có những cơ quan Nhà nước chỉ nặng về động viên, sử dụng thanh niên, coi nhẹ việc đào tạo, bồi dưỡng thanh niên, không có những biện pháp tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển lành mạnh của tuổi trẻ.*

*Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể công đoàn, phụ nữ, nông dân tập thể... coi công tác thanh niên là một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng và phát triển tổ chức mình. Các trường học, các tập thể lao động, các tổ chức xã hội, đặc biệt là gia đình, có trách nhiệm rất to lớn trong việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Bằng trí tuệ, kinh nghiệm, tình cảm và uy tín của mình, các đồng chí lão thành cách mạng, các anh hùng, nhà giáo dục, nhà khoa học, văn nghệ sĩ,... có thể đóng góp tích cực vào sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng « thế hệ cách mạng cho đời sau ».*

*Một vấn đề hết sức quan trọng bảo đảm chất lượng và hiệu quả của công tác thanh niên là phải* **đổi mới phương pháp vận động thanh niên và cải tiến phương thức hoạt động của Đoàn thanh niên** *cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, với những đặc điểm về lứa tuổi và những nhu cầu mới của thanh niên. Chống khuynh hướng quan liêu hóa, hành chính hóa hoạt động của Đoàn thanh niên. Thực tiễn đã chỉ ra rằng những hình thức « công trình thanh niên cộng sản », « đội thanh niên xung phong », « đội thanh niên xung kích », « đội sản xuất thanh niên », « xe thanh niên », « máy thanh niên », « quầy hàng thanh niên », « tập thể thanh niên xã hội chủ nghĩa », diễn đàn thanh niên, tìm hiểu lịch sử và truyền thống, các loại hình sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao,... là những hình thức tốt để tập hợp, giáo dục và rèn luyện thanh niên. Cần phát triển mạnh mẽ hơn nữa những hình thức này, đồng thời chú ý thích đáng đến đặc điểm của nữ thanh niên, của thanh niên các dân tộc, các tôn giáo, thanh niên quân đội, thanh niên học sinh, thanh niên ở mỗi vùng khác nhau của đất nước. Kết hợp và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các đoàn thể, sử dụng đồng bộ các phương tiện và hình thức để giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, thiếu niên, tập hợp một cách rộng rãi thanh niên, thiếu niên vào tất cả các loại hình tổ chức thích hợp. Kiên quyết đấu tranh đập tan mọi âm mưu và hành động xuyên tạc, kích động, chia rẽ, lôi kéo, phá hoại của kẻ thù đối với thế hệ trẻ.*

*Trong Di chúc, Bác Hồ đã căn dặn chúng ta:* **Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết, Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng** *cho thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

*Toàn Đảng, toàn dân ta kiên quyết thực hiện cho bằng được lời căn dặn đó của Bác Hồ.*



Digitized by Google

# Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trên cơ sở xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa

NÂNG cao năng suất, chất lượng và hiệu quả là một yêu cầu khách quan đối với sự phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là sản xuất ra nhiều của cải để không ngừng thỏa mãn nhu cầu về vật chất, văn hóa ngày càng tăng của mọi thành viên trong xã hội. Nhằm mục đích này, mỗi đơn vị sản xuất không phải chỉ phấn đấu tăng nhanh số lượng sản phẩm mà còn phải quan tâm đến chất lượng sản phẩm, đến hiệu quả kinh tế, nghĩa là phải tạo ra được một khối lượng hàng hóa nhiều nhất, tốt nhất với chi phí ít nhất nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Vì vậy, năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa vừa là những chỉ tiêu tổng hợp để đánh giá kết quả hoạt động của mỗi đơn vị kinh tế và của cả nền kinh tế, vừa là thước đo sự vận dụng các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách và biện pháp nhằm khuyến khích các đơn vị sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Những chính sách và biện pháp đúng đắn đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1981 tăng 7,5% ; công nghiệp trung ương có tiến bộ rõ rệt, một số sản phẩm công nghiệp quan trọng tăng khá so với năm 1983. Công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển khá, nhờ đó, chúng ta đã có thêm một số mặt hàng phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Sản xuất hàng tiêu dùng năm sau cao hơn năm trước 10% ; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, sản lượng lương thực (trong bốn năm qua) bình quân mỗi năm tăng gần 1 triệu tấn.

Tuy đạt được kết quả như trên, song nhìn chung nền kinh tế nước ta hiện nay vẫn đang còn nhiều khó khăn và mất cân đối lớn, nhịp độ phát triển kinh tế chưa đều, chưa mạnh và chưa vững chắc. Sản lượng tuy có tăng nhưng năng suất, chất lượng và hiệu quả còn kém.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan là do cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá yếu, nguyên liệu, vật liệu thiếu, thiên tai liên tiếp xảy ra, kẻ địch tăng cường phá hoại về nhiều mặt...

Nguyên nhân chủ quan là : trong cơ chế quản lý, tệ bảo thủ, tập trung quan liêu, bao cấp còn nặng nề, quan điểm hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa chưa được quán triệt sâu sắc, nhiều đơn vị kinh tế ỷ lại vào sự cấp phát của Nhà nước (làm ăn với bất cứ giá nào), không cần tính toán lời—lỗ ; một số đơn vị, xí nghiệp tuy có cố gắng phấn đấu để đạt hoặc vượt



Digitized by Google

kế hoạch sản xuất về mặt số lượng, nhưng chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế lại rất thấp.

Nhiều khả năng sản xuất chưa được tận dụng, lao động, đất đai và ngành nghề chưa được khai thác tốt, năng lực sản xuất và tiền vốn còn lãng phí nghiêm trọng, năng suất lao động xã hội còn rất thấp.

Những điều kiện để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất như giá cả, tiền lương v.v. chưa được giải quyết về cơ bản và đồng bộ là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình phát triển nền kinh tế quốc dân.

Bài học có thể rút ra là: *sắp xếp lại cơ sở sản xuất kinh doanh, đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giải quyết kịp thời và đồng bộ giá, lương, tiền v.v. là yếu tố quyết định quá trình tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả nền kinh tế trong chặng đường trước mắt.*

Năng suất, chất lượng và hiệu quả thống nhất với nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển. Tùy theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và sự chín muồi của quan hệ sản xuất mà vấn đề năng suất, chất lượng và hiệu quả được đặt ra ở mức độ khác nhau. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn ở mức thấp, lao động chủ yếu bằng thủ công, Nhà nước chưa có đủ nguyên liệu, vật liệu cung cấp kịp thời cho sản xuất; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đang hình thành (nền kinh tế còn nhiều thành phần) thì vấn đề năng suất, chất lượng và hiệu quả được đặt ra như thế nào cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước?

Ai cũng hiểu sự cần thiết phải ra sức tăng năng suất lao động vì đó là thước đo trình độ phát triển sức sản xuất của một xã hội, là yêu cầu cấp bách để cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. V.I. Lê-nin đã chỉ rõ: "Một khi chiếm được chính quyền Nhà nước, giai cấp vô sản có một lợi ích căn bản nhất, sống còn nhất, là phải tăng số lượng sản phẩm, phải nâng cao theo những quy mô rộng lớn lực lượng sản xuất của xã hội» (1). Ở nước ta, một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, mọi cái đều thiếu, lại phải gánh chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh lâu dài và ác liệt, việc phấn đấu *tăng nhanh sản phẩm xã hội* càng cấp bách để góp phần ổn định tình hình kinh tế xã hội trong những năm trước mắt và tạo tiền đề cho sự phát triển vào những năm sau.

Năng suất lao động không ngừng tăng lên là quy luật khách quan của chủ nghĩa xã hội, là cơ sở để bảo đảm tăng cường lực lượng sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tăng năng suất lao động xã hội thể hiện trước hết ở việc tiết kiệm lao động sống và lao động quá khứ trên phạm vi toàn xã hội. Sản xuất xã hội tăng lên là nhờ tăng năng suất lao động xã hội, huy động toàn bộ lực lượng lao động xã hội trong một thời gian nhất định để sản xuất ra nhiều của cải vật chất. Chúng ta cần phải "nắm cho được lao động, quản lý chặt chẽ lao động, phấn đấu giải quyết việc làm cho người lao động..." như nghị quyết Hội nghị thứ 3 của Trung ương Đảng đã nhấn mạnh. Khả năng tiềm tàng của nền kinh tế nước ta còn khá lớn: công suất máy móc, thiết bị mới sử dụng ở tỷ lệ rất thấp, đặc biệt là đất đai chưa được khai thác và sử dụng hợp lý... trong khi đó sức lao động ở thành thị và nông

(1) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va. 1978. tập 44. tr. 422.



Digitized by Google

thôn, trong các ngành chưa được sử dụng hết, nhiều người chưa có việc làm. Vấn đề quan trọng và cấp bách (hợp với khả năng thực tế) hiện nay là phải tìm mọi cách thu hút những người có khả năng lao động vào sản xuất, sử dụng tốt nhất lực lượng lao động, công suất máy móc, thiết bị hiện có để làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội; hướng vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh chăn nuôi, mở mang ngành nghề, khai thác lâm nghiệp, ngư nghiệp, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ ở thành phố. Và trước hết, phải «sử dụng cho hết 27 triệu lao động, khai thác tốt nhất 7 triệu héc ta đất nông nghiệp đang canh tác, gần 12 triệu héc ta đất lâm nghiệp và gần 13 triệu héc ta đồng, bãi, đồi, nương chưa sử dụng» (2).

Thu hút mọi người vào lao động sản xuất, trên cơ sở khai thác triệt để và tiết kiệm những khả năng tiềm tàng hiện có để tăng nhanh sản phẩm cho xã hội — đó là con đường để đưa năng suất lao động xã hội tăng lên, góp phần ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Việc phấn đấu tăng nhanh số lượng sản phẩm phải gắn liền với việc *bảo đảm chất lượng sản phẩm* theo tiêu chuẩn đã quy định. Trong điều kiện cụ thể của nền kinh tế hiện nay, nên đặt vấn đề chất lượng sản phẩm như thế nào cho phù hợp? Có người cho rằng trong khi thị trường khan hiếm hàng hóa, sản phẩm cung không kịp cầu, cốt sao sản xuất ra nhiều sản phẩm là được. Thực chất của quan điểm này là đem số lượng đối lập với chất lượng, muốn tăng số lượng phải hạ thấp chất lượng và ngược lại. Do chạy theo số lượng mà một số xí nghiệp đã không theo đúng quy trình công nghiệp, tạo ra những sản phẩm kém phẩm chất như: lốp xe đạp trước đây có thể sử dụng được vài ba năm, nay chỉ sử dụng được năm bảy tháng; nhiều mặt hàng khác ứ đọng không tiêu thụ được vì phẩm chất không bảo đảm; một số mặt hàng xuất khẩu không đúng quy cách bị nước ngoài trả lại hoặc phải hủy bỏ... Tình hình đó đã gây nhiều thiệt hại cho quỹ công và tốn kém cho người tiêu dùng. Đáng lẽ trong tình hình nguyên liệu, vật liệu khan hiếm, có những thứ phải mua của nước ngoài, cần phải chú trọng bảo đảm chất lượng sản phẩm thì một số đơn vị xí nghiệp lại làm ngược lại, gây tổn thất cho nền kinh tế.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch. Chúng ta phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm là nâng cao giá trị sử dụng của nó, điều này có ý nghĩa như là sản xuất thêm sản phẩm mà không tốn kém thêm nguyên liệu và vật liệu. Mặt khác, trong khi đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nâng cao giá trị sử dụng, mở rộng phạm vi và kéo dài thời gian sử dụng hàng tiêu dùng chẳng những là biện pháp quan trọng để tiết kiệm vốn cho Nhà nước mà còn giảm được chi tiêu, tăng sức mua, cải thiện đời sống cho người tiêu dùng. Nước ta còn nghèo, thu nhập của nhân dân còn rất thấp, một yêu cầu đặt ra đối với chúng ta là phát huy mọi năng lực tiềm tàng, tận dụng mọi khả năng sẵn có về nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu... để sản xuất nhiều *hàng tiêu dùng bền và tốt*, phục vụ đời sống nhân dân. Đó là phương hướng nâng cao chất lượng sản phẩm và cũng là yêu cầu thực tế, không cao xa, chúng ta hoàn toàn có thể làm được.

Đảng ta coi tiết kiệm là quốc sách. Việc tiết kiệm chi phí lao động theo ý nghĩa tuyệt đối là giảm chi phí lao động sống và lao động vật hóa trên đơn vị sản phẩm, theo ý nghĩa tương

(2) Nghị quyết Hội nghị thứ 5 của Trung ương Đảng.



Digitized by Google

đối là nâng cao giá trị sử dụng của sản phẩm. Nâng cao giá trị sử dụng của sản phẩm là làm cho sản phẩm tốt hơn, bền hơn... tiết kiệm được chi phí trên đơn vị sản phẩm; việc đó có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất.

Mục đích của sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa là để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân lao động. Sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa muốn đáp ứng yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội thì phải tính toán hiệu quả kinh tế. Nói đến hiệu quả kinh tế trước hết là nói tiêu hao lao động quá khứ và lao động sống ít nhất mà làm ra được khối lượng sản phẩm *nhiều nhất, tốt nhất* nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, khi mà cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đang hình thành và củng cố, hàng triệu người chưa có việc làm do hậu quả của chiến tranh..., chúng ta phải cố gắng bảo đảm cho mọi người đều có việc làm, bảo đảm đáp ứng những nhu cầu về vật chất, văn hóa bức thiết của người lao động. Sử dụng hết lực lượng lao động, kết hợp lao động với đất đai, mở mang các ngành nghề, tận dụng các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có tạo ra khối lượng sản phẩm lớn nhất với chi phí ít nhất, đó là phương hướng nâng cao hiệu quả kinh tế của chúng ta lúc này. Cách làm ăn theo lối tập trung quan liêu, bao cấp như lâu nay đã đem lại hậu quả không tốt đối với nền kinh tế. Trong khi đất nước còn nghèo, đáng lẽ chúng ta phải thực hiện đúng như lời dạy của Lê-nin: "Hãy tính toán tiền nong cho cẩn thận và thành thực, hãy chi tiêu tiết kiệm..." (4) thì không ít đơn vị, xí nghiệp làm ngược lại. Việc một số đơn vị sản xuất coi tiền vốn, vật tư của Nhà nước như của « trời cho » không tính đến chi phí sản xuất, không tính đến lời — lỗ, việc định giá cả không phản ánh giá trị (thấp hơn giá trị), việc phân phối mang nặng tính chất bình quân... đã dẫn đến sự phung phí của cải của nhân dân, làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Vì vậy, để bảo đảm hiệu quả kinh tế chúng ta phải nhanh chóng xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bất cứ xí nghiệp nào, đơn vị kinh tế nào cũng phải làm ăn có tính toán, vừa bảo đảm mức doanh lợi cho mình, vừa đáp ứng nhu cầu chung của toàn xã hội.

Thông thường thì năng suất, chất lượng và hiệu quả nằm trong mối quan hệ thống nhất với nhau thúc đẩy nhau cùng phát triển. Tuy vậy, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, do nhiều yếu tố tác động, các mặt năng suất, chất lượng và hiệu quả nhiều khi phát triển không cùng chiều với nhau, có khi số lượng tăng nhưng chất lượng lại giảm, tổng sản phẩm xã hội tăng nhưng chi phí cho một đơn vị sản phẩm lại tiêu tốn nhiều hơn, hiệu quả kinh tế thấp. Tình trạng phổ biến hiện nay là số lượng sản phẩm làm ra chưa nhiều, nhưng chất lượng một số mặt hàng lại rất kém, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn bị coi nhẹ. Muốn nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, cần phải áp dụng một hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức quản lý v.v. Trước hết là *sắp xếp và tổ chức lại sản xuất* theo từng ngành kinh tế — kỹ thuật trên phạm vi cả nước, bao gồm các xí nghiệp trung ương và địa phương, các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, kết hợp chặt chẽ giữa ngành với vùng lãnh thổ và địa phương. Mục đích của

(4) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 211.



Digitized by Google

sắp xếp lại sản xuất là nhằm khai thác mọi khả năng tiềm tàng, tận dụng mọi năng lực hiện có và những năng lực mới bổ sung một cách có hiệu quả, triệt để tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu, nâng cao tỷ lệ sử dụng công suất máy móc; phát huy thế mạnh về lao động và đất đai vừa chú trọng đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, vừa mở rộng diện tích, phát triển ngành nghề, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, còn cần có biện pháp tích cực và mạnh dạn chuyển những cơ sở không có đủ điều kiện sản xuất theo nhiệm vụ đã giao sang sản xuất loại sản phẩm khác, nếu thấy cần thiết; kiên quyết loại bỏ những cơ sở không có khả năng bảo đảm sản xuất có hiệu quả, thua lỗ kéo dài trở thành gánh nặng cho nền kinh tế.

Trở ngại chính cho việc phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả là cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp hiện nay. Cơ chế này kìm hãm tính năng động sáng tạo của địa phương và cơ sở, làm cho địa phương và cơ sở luôn luôn phụ thuộc, bị động, lúng túng, trông chờ ỷ lại vào sự cung cấp của cấp trên. Thực chất của bao cấp là mọi khoản chi phí ở đơn vị sản xuất kinh doanh,... đều dựa vào kinh phí do Nhà nước cấp phát, «chi đủ, thu đủ», từ đó gây nên những nhu cầu giả tạo về vật tư, tiền vốn... Nhiều nơi có nhu cầu một, nhưng khai lên gấp hai ba lần, miễn sao rút được càng nhiều càng tốt vật tư, vốn... từ trong kho Nhà nước về cho đơn vị mình (kể cả những nguyên liệu, vật liệu mà đơn vị không có nhu cầu). Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng phân tán trong quản lý, lãng phí trong sử dụng vật tư, tiền vốn...

Nguyên tắc tiết kiệm thời gian lao động đòi hỏi phải tính toán chi phí lao động sống và lao động quá khứ trên một đơn vị sản phẩm. Hiện nay chúng ta chưa có đủ điều kiện để tính toán các yếu tố này. Một là, với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, giá cả không phản ánh được giá trị, thấp xa so với giá trị. Hai là, tiền lương không còn là một yếu tố của sản xuất, thúc đẩy sản xuất, vì nó mang nhiều yếu tố bất hợp lý. Giải quyết vấn đề giá cả, tiền lương đã trở thành cấp bách, vì nó có quan hệ trực tiếp đến điều kiện sống và làm việc của người lao động, quan hệ đến nhiều mặt sản xuất, kinh doanh. Giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị, giá cả được xác định đúng là phản ánh đầy đủ mức hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất hàng hóa đó; tiền lương phản ánh phần hao phí lao động sống, người công nhân dùng tiền lương đó mua tư liệu tiêu dùng đủ để nuôi sống bản thân và con cái họ. Tiết kiệm thời gian lao động suy cho cùng cũng là phấn đấu giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm (giảm chi phí lao động sống hoặc lao động quá khứ hoặc giảm cả lao động sống và lao động quá khứ) — yếu tố cơ bản để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mặt khác, giá thành sản phẩm có được tính toán đầy đủ mới có cơ sở để định giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp một cách hợp lý — điều kiện cơ bản để tiến hành hạch toán kinh tế.

Việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả còn phụ thuộc vào các yếu tố *giáo dục tư tưởng, cải tiến tổ chức, cải tiến quản lý sản xuất, cải tiến kỹ thuật* v.v. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh công tác tư tưởng và tổ chức nhằm giáo dục, động viên quần chúng lao động hăng hái thi đua lao động với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, cần phải thực hiện hàng loạt các biện pháp về cải tiến quản lý sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, hợp lý hóa



Digitized by Google

sản xuất. Trước mắt, chúng ta chưa có điều kiện đổi mới thiết bị, máy móc... và về cơ bản vẫn phải tận dụng các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, cho nên phải tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chặt chẽ và sử dụng tốt lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật, lao động có tay nghề giỏi; chú ý hơn nữa việc bồi dưỡng trình độ văn hóa, khoa học và kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý cho cán bộ và những người trực tiếp sản xuất, mở rộng quyền làm chủ tập thể, tạo điều kiện cho quần chúng tham gia quản lý xí nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc *phân phối theo lao động*: người làm nhiều hưởng nhiều, người làm ít hưởng ít, người có sức lao động mà không làm thì không được hưởng; đó là biện pháp tốt nhất để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả — đó là vấn đề cực kỳ quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực điều hành của bộ máy Nhà nước, dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời mở rộng quyền chủ động sáng tạo cho cơ sở và địa phương, khai thác và sử dụng triệt để mọi khả năng tiềm tàng, nhất là khả năng về lao động và đất đai, về thiết bị, máy móc hiện có để tăng nhanh năng suất, chất lượng và hiệu quả.

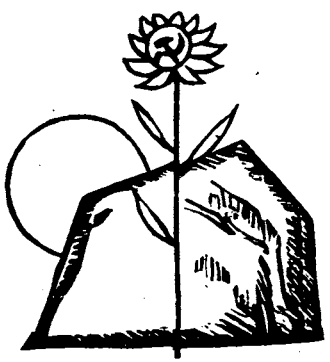



Digitized by Google

# NÂNG CAO SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA CÁC ĐẢNG BỘ PHƯỜNG

NGUYỄN ĐỨC TÂM

## I – VỊ TRÍ CẤP PHƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ PHƯỜNG

Đối với chúng ta, xây dựng đô thị nói chung, xây dựng cấp phường nói riêng, là một vấn đề tương đối mới mẻ. Trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là từ sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng ta đã từng bước xác định việc tổ chức các đơn vị hành chính ở đô thị cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước ta và đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý.

Cho đến nay, chúng ta đã xác định phường là đơn vị hành chính cơ sở ở nội thành, nội thị trong hệ thống chính quyền 4 cấp từ trung ương đến cơ sở; Hội đồng nhân dân phường là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và chính quyền cấp trên. Hội đồng nhân dân phường quyết định và thực hiện các biện pháp nhằm xây dựng phường về mọi mặt, bảo đảm phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân và hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao cho. Phường có quyền quyết định kế hoạch và dự toán ngân sách của địa phương, phê chuẩn việc thực hiện kế hoạch và quyết toán ngân sách của địa phương.

Như vậy, phường giữ vị trí rất quan trọng về tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh; phường là cấp cơ sở *có kế hoạch và ngân sách*. Luận điểm này là kết qua tổng kết sự phát triển phong phú của cấp phường trong cả nước nhằm phục vụ đường lối xây dựng kinh tế của Đảng ta và xuất phát từ thực tế nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm thực tế ở thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà nội và thành phố Hải phòng đã chỉ ra rằng, những phường tiên tiến là những phường nắm vững chức năng và nhiệm vụ của mình, hiểu rõ thế mạnh cùng những đặc điểm của địa phương, vận dụng đúng đắn chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào địa phương, phát động phong trào quần chúng khai thác tốt tiềm năng của phường. Nhiều phường rất năng động, sáng tạo, biết dị lên từ lao động, vật tư, tiền vốn của địa phương mình kết hợp với liên kết kinh tế với các địa phương khác; biết từ việc phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, phát triển hợp tác xã mua bán, hoạt động văn hóa, dịch vụ, kinh tế gia đình... mà giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn phường; kết hợp chặt chẽ việc cải tạo quan hệ sản xuất, quản lý thị trường với việc phát triển sản xuất, tổ chức



Digitized by Google

đời sống, giữ gìn an ninh và trật tự trong phường.

Ngược lại, những phường chậm tiến là những phường chưa xác định rõ vai trò và vị trí của mình, không thấy rõ trách nhiệm quản lý của mình về các mặt, nhất là về kinh tế, do đó không quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn phường. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, — bao cấp đã biến phường thành một đơn vị thụ động, ỷ lại.

Ngày 12-6-1985 Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị số 61 CT/TU «Về tăng cường trách nhiệm, nâng cao sức chiến đấu của các đảng bộ cơ sở phường và xây dựng các đảng bộ phường, quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh) vững mạnh», trong đó đã xác định rõ vị trí quan trọng, trách nhiệm to lớn của cấp phường trong việc xây dựng và bảo vệ các đô thị ở nước ta hiện nay. Chỉ thị chỉ rõ: «Phường là nơi có nhiều tiềm năng về lao động, tay nghề và vật tư, tiền vốn... Phường là nơi cư trú tập trung công nhân, trí thức xã hội chủ nghĩa và nhân dân lao động đô thị, là địa bàn diễn ra hằng ngày cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, nơi kẻ địch và những phần tử xấu có điều kiện lợi dụng để làm ăn phi pháp, hoạt động chiến tranh tâm lý, chiến tranh phá hoại về nhiều mặt». Vì vậy, «các đảng bộ phường phải quán triệt đường lối, chính sách, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, nắm vững đặc điểm của phường mình và những yêu cầu cấp bách về sản xuất, đời sống của quần chúng và về quốc phòng, an ninh, phải phát huy tinh thần làm chủ tập thể, nêu cao tính năng động, chủ động, tự lực tự cường, để lãnh đạo tốt việc xây dựng phường thành cấp cơ sở có kế hoạch và ngân sách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ kinh tế, đời sống văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh».

Trong các nhiệm vụ cấp trên giao cho phường, có việc do phường trực tiếp quản lý, có việc do cấp trên quản lý có sự tham gia, phối hợp của phường, nhất là về mặt chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trên lãnh thổ để bảo đảm cho đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước được thực hiện đầy đủ, kịp thời và thống nhất trong cả nước. Điều kiện phát triển kinh tế — xã hội ở các phường có khác nhau cho nên phải phân cấp cụ thể và hợp lý cho phường, tạo điều kiện để phường phát huy được tính tích cực, chủ động của mình.

Tính năng động của phường cộng với sự giúp đỡ, chỉ đạo của cấp trên sẽ tạo ra những thuận lợi mới để biến lao động và tiền vốn thành của cải vật chất, khai thác tốt hơn tiềm năng to lớn của địa phương. Nếu không phân cấp, giao trách nhiệm cụ thể và dứt khoát cho phường, việc gì cũng tập trung vào quận thì không thể phát huy được sức mạnh của phường trên địa bàn của quận và thành phố.

Việc giao cho phường xây dựng và quản lý một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không có nghĩa là chia cắt sự quản lý tập trung thống nhất ở các đô thị. Khi phân cấp phải căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể của từng phường, phải nhằm vào hiệu quả và bảo đảm tính tập trung thống nhất, chứ không phải phân giao một cách tùy tiện.

Đảng bộ phường là tổ chức cơ sở của Đảng có chức năng lãnh đạo mọi mặt công tác của phường. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở phường là yếu tố quyết định tăng cường trách nhiệm quản lý toàn diện của chính quyền phường và nâng cao vị trí của cấp phường về các mặt chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, đời sống, quốc phòng và an ninh.



Digitized by Google

Sự lãnh đạo của đảng bộ phường là lãnh đạo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng thấm sâu vào quần chúng, phát động phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ cách mạng, thông qua đó bồi dưỡng, giáo dục quần chúng, xây dựng tổ chức, rèn luyện cán bộ, đảng viên và kết nạp đảng viên mới.

Trong việc lãnh đạo phát triển sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế và tổ chức đời sống, đảng bộ phường phải rất chủ động và sáng tạo, phải vừa có nhiệt tình, vừa có kiến thức, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật, có năng lực và nghệ thuật lãnh đạo để sử dụng và phát huy sức mạnh tổng hợp của phường. Xác định trách nhiệm quản lý của cấp phường đối với kinh tế phường là một khâu trong việc xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, — bao cấp, xây dựng cơ chế mới, bảo đảm phát huy tính năng động và sáng tạo của cơ sở.

Đảng bộ phường có trách nhiệm rất lớn trong việc lãnh đạo quản lý hành chính, văn hóa xã hội, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh và quốc phòng. Các chi bộ và đảng bộ phải nắm được tình hình đời sống vật chất và tinh thần, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, phải nắm chắc từng hộ, từng người dân trong khu vực mình. Đó là trách nhiệm chính trị rất lớn. Tổ chức đảng phải thông qua các tổ dân phố, các đoàn thể quần chúng, giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng, phát huy trí thông minh, sáng tạo của quần chúng, tôn trọng và lắng nghe ý kiến quần chúng, giải quyết một cách đúng đắn những thắc mắc của quần chúng theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Chỉ có như vậy mới phát huy được quyền làm chủ tập thể của quần chúng, xây dựng được cốt cán trong quần chúng, bảo đảm quần chúng tích cực bảo vệ chính quyền, chấp hành tốt các chính sách về an ninh, quốc phòng, quản lý, giáo dục và chuyển hóa được những người chậm tiến, các phần tử lạc hậu, phát hiện được bọn phản động và bọn tội phạm ẩn nấp trong quần chúng.

Đảng bộ phường phải có kế hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh, nắm chắc và lãnh đạo trực tiếp các lực lượng tự vệ, các lực lượng công an ở phường; thông qua trưởng công an phường để lãnh đạo công an thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác an ninh, trật tự và định rõ chế độ báo cáo trực tiếp của các lực lượng này với tổ chức Đảng.

Sự lãnh đạo của đảng bộ phường phải rất cụ thể; từng thời gian đảng ủy, chi ủy phải có chương trình, kế hoạch cụ thể về từng mặt hoạt động, đặc biệt là phải xác định rõ mục tiêu về kinh tế, đời sống, về quốc phòng, an ninh, về xây dựng tổ chức và lực lượng cách mạng trong phường. Phải bám sát cuộc sống sinh động và thực trạng kinh tế — xã hội đa dạng, phong phú, và cũng rất phức tạp ở phường; quan tâm đến đời sống thường ngày của mỗi người dân; chấm dứt tình trạng lãnh đạo chung chung, kém hiệu quả.

## II — XÂY DỰNG CƠ CẤU TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ LÀM CHỦ TẬP THỂ VÀ PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên địa bàn phường là điều kiện, là động lực để xây dựng phường vững mạnh.

*Trước hết, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động phải được bảo đảm bằng một hệ thống tổ chức chính quyền mạnh, gắn bó chặt chẽ với nhân dân.*

*Hội đồng nhân dân* phường là cơ quan quyền lực cao nhất ở phường,



Digitized by Google

phải hoạt động một cách thiết thực. Các đại biểu Hội đồng nhân dân phải là những người có phẩm chất và năng lực, chăm lo phục vụ tốt nhân dân trong phường, đồng thời tôn trọng sự quản lý thống nhất của thành phố, thị xã. *Ủy ban nhân dân* phường thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của Hội đồng nhân dân phường. Ủy ban xin ý kiến của đảng ủy trên những vấn đề lớn. Sự lãnh đạo của đảng ủy đối với Hội đồng nhân dân được thực hiện bằng các nghị quyết của đảng ủy và thông qua hoạt động của các đảng viên trong Hội đồng nhân dân nhằm biến nghị quyết của đảng ủy thành quyết định của Hội đồng nhân dân. Trường hợp Hội đồng nhân dân có ý kiến khác với ý kiến của đảng ủy thì đảng ủy xem xét lại ý kiến của mình để có quyết định thích hợp.

*Tổ dân phố* là tổ chức «chân rết» của ủy ban nhân dân, là nơi trực tiếp phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức nhân dân thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các tổ dân phố phải được củng cố và phải cải tiến hoạt động để sao cho mọi việc quan trọng đều được dân hiểu, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; không nên coi tổ dân phố chỉ là nơi phổ biến chỉ thị và giao việc cho quần chúng.

Để tạo điều kiện cho tổ dân phố hoạt động có chất lượng, Ủy ban nhân dân cần phân công các ủy viên ủy ban làm việc trực tiếp với các tổ trưởng tổ dân phố, đồng thời các cán bộ, đảng viên công tác ở đường phố phải tham gia sinh hoạt tổ dân phố; các đoàn thể quần chúng cần có tổ chức ăn khớp với tổ dân phố (ví dụ có thể lập các tổ thanh niên, tổ phụ nữ...).

*Các lực lượng tự vệ, an ninh* (công an, bảo vệ, dân phòng, tổ an ninh nhân dân, đội thanh niên xung kích an ninh...) của phường phải trong sạch, vững mạnh, đủ sức làm tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, chủ động đối phó với mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của địch.

*Thứ hai, các đoàn thể quần chúng và các tập thể lao động có vai trò quan trọng trong việc tập hợp và động viên quần chúng phát huy quyền làm chủ của mình, tham gia các phong trào cách mạng trên địa bàn phường.*

Các đoàn thể quần chúng như Mặt trận Tổ quốc Việt nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam cũng là những người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân, có trách nhiệm giáo dục, động viên, tổ chức các tầng lớp nhân dân tham gia công tác cách mạng, đồng thời chăm lo các mặt đời sống của nhân dân.

Mỗi đoàn thể căn cứ vào tính chất, chức năng và nhiệm vụ của mình, đi sâu vận động và tổ chức đối tượng riêng của mình, đồng thời liên kết và phối hợp hoạt động với các đoàn thể khác phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong phường. Trong giai đoạn hiện nay, các đoàn thể cần ra sức xây dựng, củng cố tổ chức và cải tiến phương thức hoạt động của mình theo hướng năng động, sáng tạo, có hiệu quả, chống khuynh hướng hành chính, quan liêu, bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ mà đảng bộ phường giao cho.

Bên cạnh những tổ chức chính trị nói trên, cần bằng mọi hình thức thu hút quần chúng tham gia các *tổ chức xã hội* thích hợp, bảo đảm cho mỗi người dân ở phường đều đứng trong một tổ chức nhất định, để có điều kiện đóng góp vào công việc chung. Các tổ chức quần chúng rộng rãi như các hội, các câu lạc bộ phải có cốt cán tin cậy để bảo đảm hoạt động lành mạnh, bổ ích, ngăn chặn sự lợi dụng phá hoại của kẻ địch và các phần tử xấu. Các tổ chức an ninh nhân dân, thanh tra nhân dân, các tổ hòa giải, tổ vận động tiết kiệm,... là những hình thức



Digitized by Google

quần chúng tham gia quản lý Nhà nước một cách trực tiếp. Các đoàn thể cử người tham gia các tổ chức này để góp ý kiến về nội dung và phương thức hoạt động dưới sự hướng dẫn về nghiệp vụ của cơ quan chính quyền.

Ở mỗi phường đều có các tổ chức kinh tế và văn hóa của phường như hợp tác xã, tổ sản xuất, tổ dịch vụ, cơ quan, trường học,... Đó là những *tập thể lao động* đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Các phường phải thường xuyên quan tâm xây dựng các tập thể lao động, làm cho chúng trở thành những tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xã hội chủ nghĩa, chống khuynh hướng biến các tập thể lao động thành tổ chức hoạt động mang tính chất phường hội, chỉ lo cho lợi ích của riêng mình, thậm chí xâm phạm lợi ích của Nhà nước hoặc của các tập thể lao động khác.

Hoạt động của các tổ chức trên đây nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản và đặt dưới sự lãnh đạo của đảng bộ phường. Đảng bộ phường là người trực tiếp lãnh đạo mọi mặt công tác của phường. Cùng với việc nêu cao trách nhiệm, phải ra sức nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ phường, xây dựng chi bộ, đảng bộ phường trong sạch và vững mạnh. Cụ thể là phải xây dựng chi bộ, đảng bộ phường theo 5 yêu cầu:

— Lãnh đạo tốt việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của phường.

— Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, lãnh đạo tốt việc xây dựng chính quyền, các tổ dân phố, các đoàn thể, các tập thể lao động và các lực lượng tự vệ, an ninh của phường.

— Xây dựng tốt nội bộ Đảng và đội ngũ đảng viên.

— Đảng ủy, chi ủy đoàn kết, được quần chúng tín nhiệm.

— Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ phường.

Năm yêu cầu ấy thể hiện nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ tổ chức của đảng bộ phường, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa xây dựng Đảng về chính trị với xây dựng Đảng về tổ chức; giữa xây dựng tổ chức Đảng với xây dựng các cơ quan chính quyền và các đoàn thể quần chúng, các tập thể lao động; giữa xây dựng tổ chức Đảng với xây dựng từng cán bộ, đảng viên theo đúng các phương châm về xây dựng Đảng. Khi xem xét, đánh giá một chi bộ, đảng bộ phường phải dựa vào 5 yêu cầu trên đây.

Ở đây cần đặc biệt coi trọng xây dựng *chi bộ đường phố* (tức là tổ chức chi bộ theo cụm dân cư hoặc một số tổ dân phố) và *tổ đảng ở tổ dân phố*, nhằm tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng ở phường, bảo đảm thực hiện có kết quả mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn phường.

## III — XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, CÓ SỨC CHIẾN ĐẤU CAO, GẮN BÓ VỚI QUẦN CHÚNG

Một đảng bộ trong sạch, vững mạnh, một phường vững mạnh nhất thiết phải có đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh, có đội ngũ cốt cán trung thành, tận tụy, năng động, biết cách làm ăn, gắn bó chặt chẽ với quần chúng, thật sự tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng. Vì vậy, trong xây dựng phường và đảng bộ phường, điều quyết định trước hết là phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở phường.

Trong những năm qua, nhờ sự phấn đấu tích cực của các đảng bộ phường



Digitized by Google

nói chung công tác này đã đạt những kết quả bước đầu. Nhiều đảng viên đã tích cực tham gia công tác ở phường, từng bước nâng cao phẩm chất và năng lực công tác của mình. Nhiều đồng chí là cán bộ đã về hưu cũng tận tụy tham gia công tác ở phường. Bên cạnh các đồng chí tuổi cao, ở một số thành phố, nhất là ở miền Nam đã có một đội ngũ đảng viên trẻ được kết nạp từ trong phong trào quần chúng. Đội ngũ này phần lớn xuất thân từ các tầng lớp lao động chân tay và trí óc, tiếp thu được đường lối chính sách của Đảng nên trưởng thành nhanh chóng, có tinh chiến đấu cao, năng động, sáng tạo. Nhiều người trong số này đã trở thành cán bộ chủ chốt ở các phường tiên tiến.

Tuy nhiên, hoạt động của các đảng bộ phường trên lĩnh vực này chưa đều; có nơi hiệu quả còn thấp. Một số đảng viên chưa phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu của mình, chưa thật sự nêu gương cho quần chúng noi theo, chưa gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Việc nâng cao chất lượng đảng viên chỉ có thể thu được kết quả tốt thông qua việc thực hiện các biện pháp về giáo dục, rèn luyện đảng viên, phân công, quản lý đảng viên, cải tiến sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt tổ đảng... Một yêu cầu quan trọng đối với các đảng viên công tác ở phường là phải chú ý thắt chặt mối liên hệ với quần chúng trong phường; các đảng viên là cán bộ phường phải tăng cường liên hệ với các tổ dân phố. Các chi bộ, tổ đảng ở các tổ dân phố phải phân công đảng viên làm công tác quần chúng, công tác xã hội như tham gia hoạt động của tổ thanh tra nhân dân, tổ hòa giải, phụ trách một vài gia đình ngoài Đảng, giúp đỡ chi đoàn thanh niên, làm nòng cốt trong một câu lạc bộ, v.v. Đó là cách tốt nhất để giáo dục và rèn luyện đảng viên.

Đối với những đảng viên già yếu, không còn đủ điều kiện tham gia sinh hoạt chi bộ và làm công tác xã hội thì chi bộ có thể miễn công tác hoặc cho thôi sinh hoạt, nhưng thường xuyên giúp các đồng chí đó hiểu được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quyết định quan trọng của đảng bộ phường, yêu cầu và tạo điều kiện để các đồng chí đó giữ được phẩm chất và có quan hệ tốt với quần chúng, động viên con cháu và gia đình làm tốt nhiệm vụ.

Các chi bộ và tổ đảng theo định kỳ tổ chức việc tự phê bình và phê bình trong chi bộ, tổ đảng, kết hợp với việc tổ chức cho quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên. Những đảng viên công tác ở các cơ quan, xí nghiệp đóng trên địa bàn phường tham gia sinh hoạt với chi bộ đường phố một cách tích cực, thiết thực góp phần xây dựng chi bộ phường vững mạnh.

Trong công tác đảng viên, phải coi trọng việc giáo dục và quản lý chặt chẽ đảng viên, chống các hiện tượng tiêu cực, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, ngăn chặn kịp thời và có kỷ luật nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên phạm tham ô, hối lộ, cửa quyền; hống hách với quần chúng, gây phiền hà cho nhân dân, sinh hoạt bê tha, làm giảm sút uy tín của Đảng, làm tổn thương mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Quần chúng nhìn nhận và đánh giá Đảng nhiều khi thông qua những việc làm và phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Vì vậy phải rất coi trọng việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên, quản lý và bảo vệ cán bộ, đảng viên, chăm lo tăng cường mối liên hệ giữa đảng viên và quần chúng. Hiện nay cuộc đấu tranh giữa « hai con đường » đang diễn ra gay gắt ngay trên từng đường phố, trong địa bàn phường và trong từng người cán bộ, đảng



Digitized by Google

viên. Kẻ địch và các phần tử xấu đang tìm cách lợi dụng những khuyết điểm về phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ của cán bộ, đảng viên để kích động, nói xấu Đảng, hòng chia rẽ Đảng với quần chúng, phá vỡ sự thống nhất giữa Đảng và nhân dân. Chúng ta không được lơ là mất cảnh giác với những mưu đồ đó của địch, không được coi nhẹ việc rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Mặt khác, chúng ta phải rất chú trọng giáo dục, bồi dưỡng quần chúng, đưa vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong các phong trào cách mạng của quần chúng, đặc biệt là trong các lực lượng công an, trong đội ngũ giáo viên và các cốt cán ở phường. Cần khắc phục thiên hướng hẹp hòi trong việc kết nạp người vào Đảng, đồng thời ngăn ngừa các phần tử xấu, cơ hội chủ nghĩa chui vào Đảng.

Hiện nay, trên địa bàn phường thường có ba lực lượng cán bộ: cán bộ đương chức của phường, cán bộ hưu trí và cán bộ làm việc ở các cơ quan, đơn vị do cấp trên quản lý nhưng cư trú tại phường. Khai thác tốt tiềm năng của ba lực lượng cán bộ này là một yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của phường.

Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh và của nhiều thành phố, thị xã khác cho thấy rằng phương hướng cơ bản và lâu dài để xây dựng đội ngũ cán bộ phường là phải đào tạo, bồi dưỡng từ trong phong trào cách mạng tại phường. Chính những cán bộ ấy là những người sâu sát cuộc sống, gần gũi quần chúng ở phường, thiết tha với sự nghiệp xây dựng phường, xây dựng đô thị xã hội chủ nghĩa. Những cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt được cấp trên điều về công tác lâu dài ở phường cũng nên là những người trưởng thành từ các phường; cần tạo điều kiện để các đồng chí đó ở ngay tại phường; không nên để các cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở phường này sinh sống ở phường khác, quận khác.

Bên cạnh các cán bộ đương chức tại phường, các đảng ủy, ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng ở phường cần tìm cách khai thác đến mức cao nhất các tiềm năng về chất xám, kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo; trình độ kỹ thuật, tay nghề của các cán bộ ở các cơ quan và đơn vị do cấp trên quản lý nhưng cư trú tại phường và những cán bộ đã nghỉ hưu.

Để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ ở phường hoạt động tốt, Đảng và Nhà nước sẽ ban hành một số chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ công tác ở phường.

Các ngành, các cấp quan tâm lãnh đạo và giúp đỡ phường xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở phường, trước hết cần tập trung kiện toàn đội ngũ bí thư đảng ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân, trưởng công an, phó chủ tịch phụ trách kinh tế, thư ký ủy ban và đồng chí phụ trách công tác quần chúng.

## IV – XÂY DỰNG PHƯỜNG GẮN VỚI KIỆN TOÀN CẤP QUẬN, XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ QUẬN VỮNG MẠNH, TĂNG CƯỜNG SỰ CHỈ ĐẠO CỦA CẤP TRÊN

Việc xây dựng phường, nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ phường chỉ thu được kết quả tốt với điều kiện không tách rời việc kiện toàn cấp quận, ra sức xây dựng đảng bộ quận vững mạnh và tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên. Bởi vì, cũng như các khu vực khác, hệ thống tổ chức của Đảng ở các thành phố là một cơ cấu thống nhất, có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng, tác động lẫn nhau. Cơ sở phường có vững thì quận, thị xã,



Digitized by Google

thành phố mới mạnh ; ngược lại, quận, thị xã, thành phố có được kiện toàn thì phường mới có điều kiện để không ngừng vươn lên.

Cấp quận giữ vị trí rất quan trọng trong việc xây dựng tỉnh và thành phố (trực thuộc trung ương) thành những đơn vị rất quan trọng về kinh tế, quốc phòng, đồng thời có trách nhiệm quản lý toàn diện các phường về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng và an ninh. Quận vừa quản lý toàn diện các mặt công tác trên địa bàn quận, vừa cùng với thành phố quản lý theo địa phương các cơ sở kinh tế của trung ương và của tỉnh, thành phố đóng trên địa bàn quận.

Các quận ủy có trách nhiệm lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các tập thể lao động và các tổ chức cơ sở Đảng thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, giữ gìn trật tự, an ninh, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng con người mới. Về nhiệm vụ xây dựng Đảng, quận ủy không chỉ lãnh đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở những đơn vị trực thuộc, mà còn có trách nhiệm đối với các tổ chức Đảng ở các đơn vị thuộc tỉnh hoặc trung ương đóng ở quận.

Đó là trách nhiệm rất lớn và quan trọng, đòi hỏi phải kiện toàn cấp quận, đổi mới cấu tạo của quận ủy. Cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chung của quận và nhiệm vụ chính trị cụ thể trong mỗi thời kỳ của từng quận để xây dựng cơ cấu cấp ủy một cách thích hợp. Phương hướng chung là tăng thêm số lượng công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ lãnh đạo ở các cơ sở kinh tế quốc doanh và thành phần nữ trong quận ủy. Cần khắc phục tình trạng có những quận ủy, thị ủy không quan tâm đúng mức đến việc củng cố, xây dựng các chi bộ, đảng bộ cơ sở, không làm đúng chức trách của mình, sa vào giải quyết những công việc thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan chính quyền, coi nhẹ công tác Đảng, công tác kiểm tra, công tác quần chúng.

Tăng cường lãnh đạo và giúp đỡ các tổ chức cơ sở Đảng là một nhiệm vụ thường xuyên và trọng yếu của quận ủy. Quận ủy cần thay đổi cách phân công trong ban thường vụ và cải tiến lề lối làm việc theo phương hướng đẩy mạnh công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng, đưa các mặt công tác này đi vào chiều sâu, thích hợp với nhiệm vụ chính trị của từng loại cơ sở ; chú ý hơn nữa đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu vực kinh tế quốc doanh. Có chế độ truyền đạt các chủ trương, chính sách của cấp trên cho các bí thư đảng ủy cơ sở, và yêu cầu các bí thư đảng ủy cơ sở (bao gồm cả bí thư đảng ủy ở các đơn vị kinh tế quốc doanh đóng trên địa bàn quận) thường xuyên báo cáo tình hình công tác với quận ủy.

Giao cho các quận ủy quản lý tổ chức cơ sở Đảng ở các đơn vị kinh tế quốc doanh không có nghĩa là cấp ủy tỉnh, thành phố không chỉ đạo các tổ chức cơ sở đó. Khi cần thiết, tỉnh ủy, thành ủy vẫn có thể triệu tập các bí thư đảng ủy cơ sở để chỉ đạo một công tác có liên quan. Tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng đảng bộ quận vững mạnh theo 5 yêu cầu mà Ban bí thư Trung ương Đảng đã đề ra, gắn với xây dựng cơ sở Đảng ở phường vững mạnh và trong sạch.

Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, quận ủy phải thật sự đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối, chính sách và nguyên tắc tổ chức của Đảng, phải làm việc theo đúng quy chế mà Ban bí thư Trung ương Đảng đã ban hành, bảo đảm thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý.



Digitized by Google

# Quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác thanh niên

VŨ MÃO
Bí thư thứ nhất TƯ
ĐTNCS Hồ Chí Minh

NGÀY 4-7-1985, Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã ra nghị quyết số 26 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên. Nghị quyết nêu lên phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp công tác thanh niên trong thời kỳ cách mạng mới trên cơ sở tổng kết, đánh giá sâu sắc những thành tựu cũng như những thiếu sót trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ thời gian qua và dưới ánh sáng những quan điểm, tư tưởng của Đảng đối với công tác thanh niên trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mỗi nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên gắn liền với một thời kỳ lịch sử nhất định của dân tộc và của Đảng, phản ánh các nhiệm vụ chiến lược của Đảng trong thời kỳ đó, nhằm đưa đất nước tiến lên giành những thắng lợi mới. Vì vậy trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nghị quyết của Đảng, vấn đề trước tiên là phải tìm hiểu để quán triệt các quan điểm tư tưởng cơ bản mà nghị quyết đã nêu ra.

★

Mười năm qua, hòa nhịp vào quá trình phát triển sôi động của cách mạng nước ta, tuổi trẻ Việt nam vừa có những cống hiến xuất sắc và trưởng thành nhanh chóng, lại vừa bộc lộ những mặt yếu kém và thiếu sót; công tác thanh niên của Đảng vừa có mặt thành công vừa có mặt chưa đạt được kết quả mong muốn, có nơi có lúc bị buông lỏng. Trên cơ sở tổng kết thực tế đó, Đảng ta đề ra đường lối vận động thanh niên trong thời kỳ cách mạng mới. Sau đây là những quan điểm, tư tưởng cơ bản nổi bật trong nghị quyết:

*Trước hết*, nghị quyết của Bộ chính trị đặt công tác vận động thanh niên là « nhiệm vụ chính trị rất quan trọng của Đảng », là vấn đề có « tầm quan trọng chiến lược » của cách mạng nước ta. Đây chính là sự tiếp tục phát triển những tư tưởng cơ bản về công tác thanh niên mà các nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng đã nêu ra. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, thanh niên là lực lượng xã hội rất to lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng thanh niên đang trực tiếp tác động đến các tiến trình cách mạng, thúc đẩy các tiến trình đó phát triển, nhất là trong lĩnh vực tạo ra sức sản xuất mới, ứng dụng những thành tựu và tiến bộ khoa học kỹ thuật, đấu tranh chống quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ, xây dựng cuộc sống mới v.v. Tuy nhiên,



Digitized by Google

tác động của các phong trào cách mạng của tuổi trẻ trong sự nghiệp chung đạt đến mức nào, ở trình độ nào lại tùy thuộc vào công việc tổ chức, giáo dục, động viên của toàn xã hội đối với thế hệ trẻ, trong đó nhân tố quyết định là sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, chăm lo của Nhà nước, của tất cả các đoàn thể. Ý nghĩa chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt của công tác thanh niên chính là ở đó; không nhận thức được bản chất của mối liên hệ này thì không thể hiểu được cách đặt vị trí công tác thanh niên trong nghị quyết của Bộ chính trị.

Mặt khác, cần thấy rằng thời đại chúng ta đang sống là thời đại đấu tranh quyết liệt giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới, và cách mạng nước ta đang diễn ra trong hoàn cảnh vừa có hòn bình vừa phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Nghị quyết của Bộ chính trị đã chỉ rõ, chúng ta không được « mất cảnh giác với kẻ thù », « kẻ thù đang ra sức lôi kéo, đầu độc thanh niên » « nhằm thực hiện âm mưu cơ bản và lâu dài của chúng ». Về phương diện này, tầm quan trọng chiến lược của công tác thanh niên thể hiện ở phạm vi rộng lớn và tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh chống lại những mưu đồ đen tối và thủ đoạn xảo quyệt của mọi kẻ thù đối với thế hệ trẻ của chúng ta.

Tầm quan trọng đặc biệt của công tác vận động thanh niên còn được chỉ rõ trong nghị quyết của Bộ chính trị: « ... Làm tốt công tác thanh niên là bảo đảm sự kế tục và phát triển không ngừng của chế độ ta, bảo đảm hiện tại cũng như tương lai tươi sáng của dân tộc Việt nam... bảo đảm sự phát triển lành mạnh của tuổi trẻ »... Đây là một trong những quan điểm tư tưởng cơ bản được phản ánh dưới nhiều góc độ khác nhau trong nghị quyết.

*Hai là*, nghị quyết của Bộ chính trị vạch rõ thực chất công tác vận động thanh niên là đào tạo, bồi dưỡng lớp người trẻ tuổi có giác ngộ sâu sắc về giai cấp và dân tộc, sẵn sàng đảm đương vai trò xung kích trong cách mạng, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp của Đảng và nhân dân. Công tác giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ được tiến hành trên lập trường của giai cấp công nhân và xuất phát từ mục tiêu của cách mạng. Từ lâu, những nhà kinh điển chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã đề cập đến quy luật kế tục cách mạng và đặt trách nhiệm cho giai cấp công nhân. Mác đã nói: « Tương lai của giai cấp công nhân, qua đó tương lai của cả loài người hoàn toàn tùy thuộc vào việc giáo dưỡng thế hệ công nhân đang lớn lên » (1); Lê-nin nói gọn trong một tiếng « học » và Người đòi hỏi Đảng phải « chuẩn bị cộng sản chủ nghĩa cho thanh niên ». Bác Hồ đã căn dặn trong Di chúc của Người: « Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết ». Như vậy, Bác vừa nêu lên ý nghĩa của vấn đề, vừa khẳng định tính tất yếu của sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Thật vậy, thanh niên là lớp người đang hình thành, họ lại có nhiều đặc điểm về tâm lý, sinh lý, có những đòi hỏi chính đáng để phát triển và cống hiến, trong đó vấn đề nổi bật là đòi hỏi được trang bị kiến thức, khả năng hoạt động thực tiễn và kinh nghiệm đấu tranh giai cấp để thực hiện lý tưởng.

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen. *Toàn tập*. tiếng Nga. Nxb Chính trị. Mát-xcơ-va. 1960. tập 16. tr. 198.



Digitized by Google

Xuất phát từ sự đánh giá đúng đắn bản chất và khả năng cách mạng to lớn của thanh niên, qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn chỉ ra phương hướng và nội dung chuẩn bị cho thanh niên làm người chiến sĩ kiên cường bảo vệ Tổ quốc và người lao động làm chủ tập thể. Đứng trên quan điểm này, nghị quyết của Bộ chính trị đã phê phán mọi thái độ « coi thường và buông lỏng » công tác thanh niên, « chỉ nặng về động viên, sử dụng thanh niên mà coi nhẹ việc đào tạo, bồi dưỡng thanh niên ». Nhìn thẳng vào những thiếu sót của mình, Đảng tự phê bình : « Đảng chưa chỉ đạo tốt sự phân công và phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản để chăm sóc và bồi dưỡng thế hệ trẻ ». Mặt khác nghị quyết cũng nói rõ : « những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất cũng như sự thiếu trách nhiệm của nhiều gia đình đã ảnh hưởng xấu đến công tác giáo dục thanh thiếu nhi ».

Đối với tuổi trẻ, bên cạnh việc biểu dương hàng triệu cán bộ, đoàn viên, thanh niên hăng hái học tập, tu dưỡng, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy tài năng « góp phần làm rạng rỡ gương mặt của Tổ quốc ta », Đảng đã nghiêm khắc phê phán bộ phận thanh niên thiếu ý thức rèn luyện bản thân, lười lao động và học tập, không chịu phấn đấu vươn lên, chạy theo lối sống thực dụng, ích kỷ, buông thả, sa đọa, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Nghị quyết của Bộ chính trị cũng nêu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và giáo dục văn hóa, khoa học kỹ thuật, lao động, nghề nghiệp. Về giáo dục chính trị, tư tưởng, nghị quyết nhấn mạnh : « Giáo dục cho thanh niên lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thế giới quan Mác — Lê-nin, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản, với truyền thống tốt đẹp của Đảng, dân tộc, làm cho thanh niên hiểu sâu sắc đường lối, nhiệm vụ cách mạng để xác định đúng và rõ lý tưởng phấn đấu, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ... xây dựng cho thanh niên biết sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại... ». Đây không chỉ là trách nhiệm của Đoàn thanh niên và các cơ quan giáo dục của Đảng mà « các ngành giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, y tế... phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho thế hệ trẻ ». Nghị quyết đặt vấn đề như vậy có nghĩa là các cơ quan, các ngành của Nhà nước đều có trách nhiệm bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất, nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa cho tuổi trẻ.

Sự nghiệp đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ đòi hỏi sự tham gia tích cực và đồng bộ của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản và toàn xã hội. Tạo ra sự nhất trí trong mọi lực lượng làm công tác giáo dục, mọi gia đình về quan điểm, phương hướng, nội dung, biện pháp giáo dục thanh niên, thiếu niên là điều hết sức cần thiết nhằm tránh tình trạng « trống đánh xuôi, kèn thổi ngược ». Chúng ta đều đã thấy chỉ cần chiếu lên màn ảnh một bộ phim nào đó có nội dung xấu chẳng hạn thì việc ấy đã làm hủy hoại biết bao công sức giáo dục trước đó, khác gì người xây, kẻ phá. Chính vì lẽ đó, nghị quyết của Bộ chính trị yêu cầu tất thảy mọi năng lực giáo dục của xã hội đều cần phải đến với thế hệ trẻ vì sự trưởng thành của thế hệ trẻ : « Các đồng chí lão thành cách mạng, các anh hùng, nhà giáo dục, nhà khoa học, văn nghệ sĩ... bằng trí tuệ, kinh nghiệm, trách nhiệm, tình cảm, uy tín của mình, tích cực tham gia vào sự nghiệp giáo dục thanh thiếu nhi ».

Một yêu cầu hết sức quan trọng nữa trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ là tổ chức cho hàng chục triệu



Digitized by Google

nam nữ thanh niên nhập cuộc và đi đầu trong mọi trận địa đấu tranh cách mạng hiện nay để từ đó lớn lên, tự định hướng cuộc đời, khẳng định vai trò của mình trong sản xuất, tham gia quản lý kinh tế xã hội, tiến quân vào khoa học kỹ thuật... Nghị quyết của Bộ chính trị đã vạch rõ phải: « thông qua lao động, chiến đấu, học tập và hoạt động xã hội mà dào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ... ».

*Ba là*, vấn đề « nâng cao trách nhiệm của hệ thống chuyên chính vô sản đối với công tác thanh niên ». Như chúng ta đều biết, Đảng ta đã tiến hành công tác vận động thanh niên qua nhiều thời kỳ cách mạng khác nhau. Khi còn hoạt động bí mật, Đảng tổ chức, giáo dục, động viên thanh niên thông qua tổ chức Đoàn do Đảng rèn luyện và lãnh đạo; ngoài Đoàn thanh niên cộng sản, các tổ chức công đoàn, phụ nữ và các tổ chức xã hội khác hoạt động dưới ngọn cờ của Đảng cũng đã góp phần công sức vào công tác vận động thanh niên.

Từ khi Đảng ta trở thành đảng lãnh đạo chính quyền, công tác quần chúng của Đảng nói chung và công tác thanh niên nói riêng có sự thay đổi về phương thức. Ngoài Đoàn thanh niên, các hệ thống nhà trường, quân đội v.v. đã được Đảng trao trách nhiệm tiến hành công tác thanh niên. Tuy nhiên phải trải qua thời gian, phương thức vận động thanh niên bằng nhiều hệ thống mới được nhận thức ngày càng sâu sắc. Ngày nay trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, công tác thanh niên của Đảng tất yếu phải tiến hành thông qua hệ thống chuyên chính vô sản được biểu hiện ở những mặt chủ yếu sau đây:

a) Với tư cách là người quản lý toàn bộ hoạt động của xã hội ta, « Nhà nước cần ban hành những chính sách cụ thể về các vấn đề thiết thân của tuổi trẻ, bảo đảm quyền làm chủ tập thể trên lĩnh vực hoạt động xã hội, quyền của thanh niên tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội ». Sự thể chế hóa này được thực hiện từng bước nhưng khẩn trương, trước hết là bổ sung, xây dựng, ban hành một số chế độ, chính sách cần thiết và Luật thanh niên.

b) Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng tích cực tham gia vào quá trình phân công và phối hợp hoạt động để phát huy sức mạnh tổng hợp đối với công tác thanh niên, thiếu niên. Hai mặt phân công và phối hợp được tổ chức theo một kế hoạch hoặc chương trình chung nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt và cả những vấn đề lâu dài. Ví dụ: vấn đề sử dụng các phương tiện và cơ sở vật chất vào mục đích giáo dục, vấn đề sắp xếp việc làm cho thanh niên, việc tổ chức, động viên các phong trào thi đua của tuổi trẻ v.v.

c) Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là chủ thể tích cực tham gia các quá trình phân công và phối hợp bằng cách đề xuất những sáng kiến, những kiến nghị, những dự án chính sách, những chương trình hành động v.v. để đưa vào kế hoạch phân công và phối hợp, đồng thời giúp Đảng theo dõi sự tiến triển của quá trình đó với tư cách là người đại diện quyền làm chủ tập thể của tuổi trẻ.

Nắm vững các mối quan hệ nói trên là yêu cầu hết sức quan trọng trong công tác vận động thanh niên hiện nay. Chỉ nêu một vài dẫn chứng sau đây chúng ta sẽ thấy rõ. Ngày nay chúng ta có trên 600 nghìn giáo viên các cấp hằng ngày tiếp xúc với khoảng 16 triệu học sinh mà phần lớn là đội viên và đoàn viên. Nếu đội ngũ giáo viên đông đảo này quán triệt đầy đủ và phấn đấu thực hiện tốt nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục và về tăng cường



Digitized by Google

sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên để mỗi giáo viên sẽ là một cán bộ vận động thanh niên thì nhất định việc triển khai nghị quyết sẽ đạt được nhiều kết quả. Các lực lượng vũ trang nhân dân ta đang quản lý, rèn luyện một bộ phận đoàn viên, thanh niên không nhỏ. Quân đội là trường học rộng lớn và quan trọng của tuổi trẻ; cán bộ từ cấp trung đội đến tiểu đoàn, kể cả trung đoàn đang trong độ tuổi thanh niên chiếm phần lớn trong cán bộ quân đội. Nếu đội ngũ sĩ quan trẻ tuổi này được trang bị kỹ về đường lối, chủ trương, phương pháp công tác thanh niên của Đảng thì chắc chắn công tác thanh niên trong quân đội sẽ có một chất lượng mới.

Nghị quyết của Bộ chính trị khẳng định: « Nhà nước coi công tác thanh niên là một bộ phận quan trọng của chiến lược kinh tế - xã hội. Trong các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cần có nội dung, biện pháp và có đầu tư thích đáng cho công tác này ». Đây là lần đầu tiên, công tác thanh niên được đặt thành một *bộ phận quan trọng* của chiến lược kinh tế — xã hội, được coi là một vấn đề quan trọng của công tác kế hoạch Nhà nước.

*Bốn là*, vấn đề trách nhiệm của Đảng đối với công tác xây dựng Đoàn. Năm mươi bốn năm trước đây, Đoàn thanh niên cộng sản Đông dương, nay là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, ra đời do Bác Hồ và Đảng ta sáng lập, lãnh đạo. Đoàn đã có lịch sử đấu tranh lâu dài và từng bước trưởng thành dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quá trình lớn mạnh của Đoàn cũng là quá trình đấu tranh khắc phục những quan điểm lệch lạc về tổ chức qua những biểu hiện khi thì hẹp hòi, khi thì mở rộng thiếu nguyên tắc...

Trong những bước gập ghềnh đó, Đảng đã kịp thời uốn nắn và chỉ ra hướng phát triển đúng đắn cho Đoàn. Bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới, công tác xây dựng Đoàn đang đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết thì lại xuất hiện ý kiến cho rằng công tác xây dựng Đoàn là việc của Đoàn và thực tế cũng đã diễn ra như vậy. Đúng là Đoàn thanh niên phải tích cực hoạt động để không ngừng lớn mạnh về mọi mặt nhưng nếu cho rằng xây dựng Đoàn là công việc của Đoàn, còn Đảng chỉ đề ra phương hướng và yêu cầu thôi tức là chưa hiểu được các mối liên hệ bản chất giữa Đảng với Đoàn, xem Đoàn như mọi tổ chức xã hội thông thường khác... Chính Lê-nin đã đấu tranh chống cách suy nghĩ không đúng ấy và Lê-nin là người đầu tiên xác lập mối quan hệ nguyên tắc giữa Đảng với Đoàn. Người đã đưa ra khái niệm Đoàn là tổ chức của những người cộng sản trẻ tuổi, Đoàn là đội dự bị của Đảng.

Trung thành với những nguyên tắc lê nin nít và nhận thức sâu sắc trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng Đoàn, ngay từ khi mới thành lập, Tại Hội nghị Trung ương tháng 10 năm 1930, Đảng ta đã chỉ rõ: « Từ nay sắp tới phải hết sức bài trừ cái ý kiến sai lầm trong đồng chí cho rằng việc Thanh niên cộng sản đoàn chưa có quan trọng mấy, mà phải làm cho hết thảy đảng viên hiểu rằng công việc Thanh niên cộng sản đoàn là một việc cần kíp, quan trọng như là việc Đảng vậy » (2).

Suốt hơn nửa thế kỷ qua, Đảng ta đã đấu tranh không ngừng để xác lập quan điểm đó trong nhận thức cũng như trong hoạt động thực tiễn. Song, ở nhiều nơi, nhiều lúc tư tưởng này không được quán triệt. Một số không ít cấp ủy Đảng đã buông lỏng hoặc khoán trắng vấn đề xây dựng Đoàn cho tổ chức Đoàn.

(2) *Văn kiện Đảng về công tác thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà nội, 1978, tập I, tr. 16.



Digitized by Google

Nghị quyết của Bộ chính trị khẳng định: « Các cấp ủy Đảng trực tiếp chăm lo xây dựng Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức » và: « Các cấp ủy Đảng đưa công tác thanh niên vào chương trình công tác thường xuyên của mình ».

Nghị quyết còn vạch rõ: « Đoàn là đội dự bị chiến đấu của Đảng ». Khái niệm này phản ánh rõ mối liên hệ bản chất giữa Đảng với Đoàn, phản ánh tính chất chính trị cộng sản của tổ chức Đoàn. Chính từ mối liên hệ bản chất này dẫn đến trách nhiệm trực tiếp của Đảng trong sự nghiệp xây dựng đội dự bị chiến đấu của mình. *Trách nhiệm ấy vừa mang tính nguyên tắc vừa là tất yếu khách quan.*

Cũng cần nói ở đây về mối quan hệ giữa tổ chức Đoàn với quần chúng trẻ tuổi. Nghị quyết của Bộ chính trị đã xác định Đoàn « là trường học cộng sản chủ nghĩa của thanh niên, đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể của tuổi trẻ ». Nhìn từ góc độ này chúng ta càng thấy rõ trách nhiệm của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng Đoàn để Đoàn thực hiện có kết quả những chức năng đã nói ở trên.

Trong công tác xây dựng Đoàn, một vấn đề mấu chốt nổi lên hiện nay là xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn. Nghị quyết của Bộ chính trị nhận định đội ngũ cán bộ Đoàn của chúng ta hiện nay « thiếu và yếu », « chưa được lựa chọn và đào tạo tốt ». Rõ ràng đây là một vấn đề cần được quan tâm đặc biệt. Nghị quyết cũng chỉ rõ: « Việc xây dựng Đoàn vững mạnh đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ Đoàn hăng hái, nhiệt tình, có khả năng nắm vững và vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào công tác Đoàn, được quần chúng trẻ tuổi tin yêu mến phục ». Như vậy, Đảng ta vừa đặt ra yêu cầu lại vừa cụ thể hóa những tiêu chuẩn cơ bản của đội ngũ cán bộ Đoàn để hướng dẫn việc lựa chọn và đào tạo.

Vấn đề cán bộ là việc lớn, bản thân Đoàn thanh niên phải có những nỗ lực vượt bậc để tự tạo ra đội ngũ của mình, mặt khác nghị quyết của Bộ chính trị lại chỉ rõ: « Ban tổ chức (Đảng) các cấp phải có quy hoạch lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo và luân chuyển cán bộ Đoàn để vừa làm tốt việc xây dựng bộ máy của Đoàn, vừa tăng cường lực lượng cán bộ trẻ cho Đảng và các ngành ».

Trách nhiệm của Đoàn thanh niên là tích cực phát hiện những nhân tố mới, kiến nghị với Đảng về chính sách, phối hợp chặt chẽ với Ban tổ chức của Đảng để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng trước mắt và lâu dài.

*Năm là*, vấn đề « nâng cao trình độ khoa học và hiệu quả của phương pháp vận động thanh niên ». Vấn đề này được nêu lên trong nghị quyết của Bộ chính trị như là một yêu cầu cấp bách phản ánh cách đánh giá, nhìn nhận và giải quyết các vấn đề về thanh niên theo quan điểm khoa học, chống mọi biểu hiện sơ lược, giản đơn, bảo thủ, trì trệ.

Thanh niên là đối tượng quần chúng đặc thù của Đảng. Họ có nhiều nét về tâm lý, sinh lý không giống các đối tượng khác. Thanh niên lại có những nguyện vọng và yêu cầu chính đáng để phát triển. Do đó, trong những điều kiện của các quá trình chuyển biến cách mạng khẩn trương và phức tạp hiện nay, yêu cầu nghiên cứu về thanh niên và công tác thanh niên trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, không thể chỉ một ngành khoa học riêng lẻ nào có thể dựng lên bức tranh xã hội toàn cảnh về thanh niên ta hiện nay, mà đó phải là công trình nghiên cứu của nhiều ngành từ triết học, xã hội học, tâm lý học cho đến văn học, sư phạm học,



Digitized by Google

cả toán học, y học v.v. Đây là loại công tác nghiên cứu mang tính tổng hợp cao.

Thanh niên là một lực lượng xã hội to lớn, năng động, có vai trò đặc biệt quan trọng trong kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa... Nghiên cứu về thanh niên trong điều kiện trình độ mọi mặt của họ đã được nâng cao, sự thông tin và giao lưu, về văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng mở rộng... không thể tiến hành một cách hời hợt hoặc dừng lại ở những kết luận chung chung đã có sẵn từ trước.

Nghị quyết của Bộ chính trị yêu cầu phải «thường xuyên rút kinh nghiệm», «sử dụng các hình thức», «sử dụng đồng bộ các phương tiện» v.v. nghĩa là hàng loạt vấn đề cần được nghiên cứu, tổng kết dưới ánh sáng của khoa học xã hội mác xít lê nin nít.

Việc đổi mới phương thức công tác thanh niên được nghị quyết của Bộ chính trị dành một vị trí quan trọng. Việc đổi mới ấy tất nhiên phải được tiến hành trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc về đối tượng và tổng kết hoạt động thực tiễn. Các phương thức xây dựng phong trào, xây dựng và nhân điển hình, phương thức liên kết, phối hợp giữa nâng cao tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất, sử dụng và bồi dưỡng, vấn đề đánh giá thanh niên v.v. mà nghị quyết nêu ra là những vấn đề nóng bỏng đòi hỏi khoa học về thanh niên và công tác thanh niên phải đi sâu nghiên cứu và triển khai thực hiện.

Để công tác thanh niên được tiến hành theo quan điểm khoa học, cần phải có đội ngũ cán bộ Đoàn vừa có nhiệt tình vừa có hiểu biết sâu về chuyên môn. Do đó cần «xây dựng hệ thống trường Đoàn các cấp, nâng cao chất lượng đào tạo của trường Đoàn cao cấp ở trung ương... lập Viện nghiên cứu thanh niên trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đoàn để tổ chức và phối hợp với các cơ quan khoa học, giáo dục nghiên cứu công tác thanh niên» như nghị quyết của Bộ chính trị đã chỉ rõ.

★

Những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Đảng ta về công tác thanh niên trong thời kỳ mới cũng như toàn bộ nội dung nghị quyết quan trọng của Bộ chính trị về công tác thanh niên cần được các ngành, các cấp, trước hết là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quán triệt sâu sắc để đưa công tác thanh niên tiến lên mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

Digitized by Google

# Thắng lợi của chính sách dân tộc của Đảng trong 40 năm qua

HOÀNG TRƯỜNG MINH

Do tác động của các điều kiện tự nhiên, môi trường sinh sống đối với mỗi vùng, mỗi dân tộc khác nhau, nhất là do hậu quả của các chế độ áp bức bóc lột trong lịch sử để lại, cho nên giữa dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số, cũng như giữa các dân tộc thiểu số với nhau có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa và khác nhau về phong tục tập quán. Bọn đế quốc và phong kiến luôn luôn lợi dụng những sự khác biệt đó giữa các dân tộc để phục vụ mưu đồ xâm lược và thống trị của chúng.

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc như một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt nam. "Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình đô kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đều phát triển về mọi mặt, đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa» (1). Đó là sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về vấn đề dân tộc vào thực tiễn cách mạng Việt nam. Qua các giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã bổ sung và phát triển chính sách đó phù hợp với nhiệm vụ cách mạng từng thời kỳ.

Trải qua 40 năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, làm thay đổi hẳn bộ mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các dân tộc thiểu số, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của cách mạng cả nước.

Từ những người dân mất nước, tất cả các dân tộc đa số và thiểu số nước ta đã trở thành những thành viên của một nước độc lập tự do, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, có vị trí xứng đáng trên thế giới. Nhân dân lao động các dân tộc thiểu số cùng với dân tộc đa số nước ta đều là những công dân bình đẳng trong đại gia đình dân tộc Việt nam, đang cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Trải qua những thử thách hết sức ác liệt của cách mạng và mấy chục năm chiến tranh liên tiếp, ý chí thống nhất quốc gia và truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của tất cả các dân tộc được tăng cường và củng cố, không lực lượng thù địch nào lay chuyển nổi. Nhân dân các dân tộc đã đánh bại hai đế quốc to là Pháp và Mỹ. Hiện nay chúng ta đã và đang làm phá sản

(1) *Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 164.



Digitized by Google

những âm mưu, thủ đoạn chiến tranh lấn chiếm và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc nhằm làm suy yếu, tiến tới thôn tính nước ta. Khối đoàn kết dân tộc nước ta ngày càng vững mạnh. Quyền bình đẳng về chính trị, pháp luật của các dân tộc thiểu số đã được xác lập rõ rệt và ngày càng mở rộng, nâng cao. Thông qua sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa, thông qua ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa), những tiềm năng tự nhiên to lớn của các vùng dân tộc, những tinh hoa văn hóa tốt đẹp của các dân tộc đã được phát huy một bước, đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần của các dân tộc thiểu số đã được cải thiện rõ rệt. Nền kinh tế mang nặng tính tự nhiên, tự cấp, tự túc đang từng bước phát triển toàn diện, có kế hoạch, có kỹ thuật, có sự kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, giữa nông lâm nghiệp với công nghiệp, giữa sản xuất với lưu thông phân phối, với tỷ suất hàng hóa ngày càng cao. Tệ du canh du cư với tất cả những cay đắng, tủi nhục của nó đang được thanh toán. Nạn thất học, cùng các hủ tục, tệ mê tín, bệnh tật đã và đang bị đẩy lùi. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa nghệ thuật ngày càng đưa ánh sáng văn minh và không khí vui tươi, lành mạnh đến với tất cả các dân tộc thiểu số trên mọi vùng của Tổ quốc. Tuy còn có khó khăn và chưa đồng đều giữa các vùng, các dân tộc, nhưng quyền bình đẳng về mặt kinh tế và văn hóa giữa các dân tộc ngày càng thể hiện rõ trong cuộc sống hiện thực. Đội ngũ cán bộ đảng viên người dân tộc thiểu số phát triển nhanh và ngày một trưởng thành. Mọi thành viên dân tộc nước ta đều có đội ngũ cán bộ, đảng viên của mình tuyệt đối trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đó là lực lượng nòng cốt và là một nhân tố rất quan trọng bảo đảm quyền làm chủ tập thể của các dân tộc trong quốc gia Việt nam thống nhất. Nhìn lại 40 năm qua, chúng ta thấy nổi bật lên khung cảnh chung là các dân tộc nước ta cả đa số và thiểu số, ở miền núi và miền xuôi đều sống trong sự đoàn kết, bình đẳng, gắn bó và hòa hợp với nhau trong đại gia đình dân tộc Việt nam.

Những thành tựu to lớn nói trên bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần tự lực tự cường, lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ kính yêu. Những thành tựu đó cũng bắt nguồn từ tinh thần cần cù lao động, tương thân tương ái, hết lòng giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau của các dân tộc. Nguồn sức mạnh tinh thần ấy, nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và sự dạy bảo ân cần của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được nhân lên gấp nhiều lần.

★

Qua 40 năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, chúng ta có thể rút ra mấy vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất và cần được tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

*1 — Đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc và đoàn kết lao động xây dựng đất nước là vấn đề quan trọng bậc nhất đối với sự sống còn và phát triển của cả cộng đồng dân tộc Việt nam và của mỗi dân tộc.*

Lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc Việt nam ta là lịch sử dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số ở miền xuôi và miền núi đoàn kết chiến đấu giữ nước và lao động dựng nước, chia ngọt sẻ bùi, sướng khổ, no đói có nhau. Tổ quốc bị xâm lược, nước nhà mất độc lập, tự do thì tất cả các dân tộc đa số cũng như thiểu số dù ở đâu cũng đều là những người dân mất nước, đều phải làm tôi tớ cho kẻ thống trị nước ngoài. Và chừng nào



Digitized by Google

nền kinh tế chung của đất nước còn phát triển chưa đồng đều giữa miền xuôi và miền núi, mọi tiềm năng và thế mạnh của đất nước, của mỗi vùng chưa phát huy được, sản xuất còn trì trệ, mất cân đối, thì đời sống đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn và chưa thật sự bình đẳng. Cho nên, các dân tộc nước ta muốn có độc lập, tự do và ấm no hạnh phúc thì không có con đường nào khác là phải cùng nhau, không phân biệt đa số hay thiểu số, miền xuôi hay miền núi, đoàn kết lại thành một khối thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, ra sức thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm tốt những nhiệm vụ của Đảng đề ra. Nhờ khối đoàn kết thống nhất đó, ngay từ những năm đầu của thập kỷ 40 đã dấy lên một cao trào cách mạng sôi nổi ở nhiều vùng dân tộc thiểu số dẫn đến thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945, đánh đổ ách thống trị của Nhật — Pháp và bọn vua quan bán nước, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, cho toàn dân. Được Đảng và Hồ Chủ tịch dẫn dắt, khối đoàn kết chiến đấu vì độc lập, tự do của nhân dân các dân tộc nước ta đã trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến hơn 20 năm chống Mỹ cứu nước, mở ra một thời kỳ mới: cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Khối đoàn kết chiến đấu đó cũng đã làm thất bại hai cuộc chiến tranh xâm lược ở phía tây nam và phía bắc nước ta, và hiện nay đang làm phá sản kiểu chiến tranh lấn chiếm và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác.

Truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm của các dân tộc ngày nay lại được Đảng ta, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến, không ngừng phát huy trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Trên tinh thần dựa vào sức mình là chính, nêu cao ý chí cách mạng tiến công, khắc phục khó khăn gian khổ của nhân dân ta, Đảng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ lao động với đất đai và ngành nghề, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, để từng bước phát triển sản xuất và thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Kết hợp lao động với đất đai, ngành nghề trong phạm vi cả nước thực chất là kết hợp giữa miền xuôi đất hẹp dân đông, có nhiều ngành nghề với miền núi dân thưa, đất rộng, tài nguyên tự nhiên phong phú. Thực hiện chủ trương đó, nhiều vùng dân tộc thiểu số đang trở thành những địa bàn phân bố lại dân cư và lao động trong cả nước; nhiều khu kinh tế mới, nhiều khu công nghiệp mới; hàng trăm nông trường, lâm trường quốc doanh, hợp tác xã khai hoang, xí nghiệp công nghiệp lớn nhỏ, trong đó ngày càng có nhiều bà con người dân tộc tham gia bằng những hình thức, bước đi thích hợp, đã được xây dựng ở các vùng dân tộc thiểu số. Những tổ chức sản xuất ấy đang làm giàu cho nền kinh tế cả nước, đồng thời thúc đẩy kinh tế miền núi phát triển và góp phần từng bước cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đó chính là phương hướng rất cơ bản để làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, để củng cố khối đoàn kết dân tộc trong hoàn cảnh mới, đưa nhân dân các dân tộc thiểu số tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội.

*2 — Thực hiện sự bình đẳng về kinh tế và văn hóa là điều kiện hết sức cần thiết để các dân tộc thiểu số và dân tộc đa số cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa*

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng đã nêu rõ một nhiệm vụ cơ bản của chính sách



Digitized by Google

dân tộc trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa là « thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc » (2). Cùng với sự ra đời của Nhà nước ta, quyền bình đẳng về mặt chính trị và pháp luật của tất cả các dân tộc đã được xác lập và ngày càng được mở rộng và nâng cao. Hệ thống chuyên chính vô sản từ cơ sở đến trung ương được xây dựng và ngày càng kiện toàn với sự tham gia của đông đủ đại biểu ưu tú của tất cả các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ, cùng làm chủ tập thể. Nhưng trình độ phát triển về mặt kinh tế, văn hóa của các dân tộc thiểu số nói chung còn thấp và chênh lệch. Điều đó hạn chế quyền bình đẳng của các dân tộc về kinh tế, văn hóa và cũng không tránh khỏi ảnh hưởng đến việc phát huy quyền làm chủ tập thể của các dân tộc. Nguyện vọng thiết tha của các dân tộc thiểu số là nhanh chóng phát triển kinh tế và văn hóa, xóa bỏ những hậu quả nặng nề của các chế độ cũ để lại, nhằm cải thiện đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần của mình và tiến kịp trình độ chung. Vì vậy, một yêu cầu không thể thiếu được trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng là : « Nhà nước phải tăng đầu tư cho các vùng dân tộc và các cấp đảng bộ, chính quyền, đoàn thể phải ra sức phấn đấu phát triển kinh tế, văn hóa, đáp ứng kịp thời các yêu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc, nhất là ở vùng cao, vùng biên giới, nhằm *khắc phục một bước sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại* » (3). Đó cũng là nguyện vọng chính đáng của các dân tộc thiểu số trong điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội.

Với diện tích đất đai rộng lớn, với nhiều tiềm năng đa dạng về nông nghiệp (nhất là cây công nghiệp, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng), về công nghiệp (nhất là khai khoáng, thủy điện, chế biến nông, lâm, thổ sản...), miền núi nói chung, các vùng dân tộc thiểu số nói riêng, giữ một vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững biên cương của Tổ quốc cũng đòi hỏi phải đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, văn hóa, tổ chức tốt đời sống dân cư ở các vùng dân tộc. Sự nghiệp từng bước thu hẹp, tiến tới xóa bỏ chênh lệch về kinh tế và văn hóa giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số nhằm thực hiện sự bình đẳng trên thực tế giữa các dân tộc là một nội dung rất quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, và hiện nay đang là một yêu cầu cấp thiết để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Song đó là sự nghiệp của cả nước, của tất cả các địa phương, của các ngành, các cấp, chứ không phải của riêng miền núi. Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đó phải kết hợp chặt chẽ sự cố gắng vươn lên của các dân tộc thiểu số với sự đầu tư giúp đỡ to lớn của Nhà nước, phát huy sự tương trợ giữa các dân tộc đa số và thiểu số, giữa các dân tộc thiểu số với nhau. Thiếu sự tương trợ đó và sự đầu tư của Nhà nước thì sự phân bố lại dân cư và lao động từ miền xuôi lên miền núi, có nơi từ vùng cao xuống vùng thấp hoặc ngược lại để phát triển sản xuất, củng cố quốc phòng sẽ không thể thực hiện một cách thuận lợi và đem lại kết quả lâu dài. Do đó không thể thực hiện từng bước sự bình đẳng thật sự về mọi mặt giữa các dân tộc. Điều quan trọng hơn nữa là việc thực hiện sự nghiệp này phải đặt trong kế hoạch tổng thể

(2) Sách đã dẫn. tr, 164.

(3) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội. 1982. tập I. tr. 133.



Digitized by Google

của cả nước, kế hoạch của từng miền, từng tỉnh với những nội dung, yêu cầu thiết thực, những hình thức, bước đi sát hợp, biết sử dụng thế mạnh, khắc phục thế yếu của từng vùng; biết chọn lọc, phát huy những đặc điểm và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

*3 — Trên cơ sở truyền thống đoàn kết dân tộc, tăng cường sự cố kết và hòa hợp giữa các thành phần dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt nam.*

Trong 40 năm qua, truyền thống đoàn kết dựng nước và giữ nước của tất cả các dân tộc nước ta đã trải qua những thử thách rất ác liệt và đã phát triển lên một đỉnh cao chưa từng thấy. Thật vậy, từ xưa đến nay chưa bao giờ những cao trào cách mạng sôi nổi trong cả nước huy động và tập hợp, đoàn kết được rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân và mọi thành phần dân tộc ở miền xuôi cũng như miền núi, đa số cũng như thiểu số, như trong 40 năm qua. Truyền thống đoàn kết dựng nước và giữ nước đó của các dân tộc nước ta lại được Đảng ta, một đảng Mác — Lê-nin chân chính phát huy và phát triển trong điều kiện mới của lịch sử và trên lập trường giai cấp công nhân. Chưa bao giờ dân tộc ta, đa số và thiểu số lại đoàn kết gắn bó với nhau trong một vận mệnh chung và hướng tới một tương lai chung như ngày nay. Nhờ vậy mà những nhân tố chung của cộng đồng dân tộc, những đặc trưng chung của dân tộc Việt nam ngày càng được tăng cường và phát huy. Với đại thắng mùa xuân năm 1975, cộng đồng dân tộc Việt nam đã có một lãnh thổ chung thống nhất để cùng nhau xây dựng và phát triển nền kinh tế chung, nền văn hóa chung xã hội chủ nghĩa.

Hơn 10 năm qua, sau khi cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn, nhân dân ta ở khắp mọi miền đất nước, trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ kinh tế — xã hội do các nghị quyết của Đảng đề ra, đã làm tăng cường rõ rệt sự cố kết và hòa hợp giữa các dân tộc. Những biểu hiện mới của các nhân tố chung trong cộng đồng dân tộc Việt nam ngày càng rõ nét. Chẳng hạn, tiếng nói (và cả chữ viết) phổ thông đã được phổ cập sâu rộng trong mọi vùng của đất nước, trong mọi thành phần dân tộc thiểu số. Ngày nay, nếu chưa phải là tất cả thì cũng đại bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số trong cả nước, kể cả ở những vùng cao, biên giới, đã nói và hiểu tiếng phổ thông. Đó không chỉ là một phương tiện giao tiếp rất thuận lợi giữa các dân tộc với nhau, một công cụ để các dân tộc thiểu số tiếp cận và tiếp thu nhanh văn hóa, khoa học kỹ thuật hiện đại, để thực hiện quyền làm chủ tập thể trong quốc gia thống nhất, mà đó còn là một nhân tố chung hết sức quan trọng để tăng cường đoàn kết dân tộc, và sự hòa hợp dân tộc.

Có thể nói, 40 năm qua, với tất cả những tiến bộ của các dân tộc trên đất nước ta, chúng ta thấy nổi lên chiều hướng rõ nét và ngày càng tăng về sự cố kết và hòa hợp các thành phần dân tộc nước ta trên bước đường tiến lên chủ nghĩa xã hội để tạo thành một cộng đồng dân tộc Việt nam thống nhất xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội càng được đẩy mạnh, các dân tộc trên đất nước ta càng xích lại gần nhau và hòa hợp với nhau; trên cơ sở đó, một cộng đồng dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt nam thống nhất hình thành và phát triển mạnh mẽ. Đó là xu thế phát triển tất yếu của dân tộc Việt nam ta.

*4 — Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng và ngày càng trưởng thành là một nhân tố hết sức quan trọng bảo đảm thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng.*

Cách mạng ở các vùng dân tộc thiểu số trước hết là sự nghiệp của quần



Digitized by Google

chúng các dân tộc thiểu số dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chiếc cầu nối liền Đảng với quần chúng các dân tộc không thể là cái gì khác ngoài những cán bộ, đảng viên xuất thân từ quần chúng các dân tộc, sẵn có những mối quan hệ ruột thịt và tình cảm thắm thiết với nhân dân các dân tộc. Từ trước đến nay Đảng ta rất coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, coi đó là một nội dung rất quan trọng của chính sách dân tộc. Trong các nghị quyết, chỉ thị về công tác miền núi, công tác dân tộc, Đảng ta luôn luôn nhấn mạnh việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, đồng thời có chính sách đúng đắn đối với cán bộ miền xuôi hoạt động ở miền núi. Không thể nói đến việc tổ chức và vận động quần chúng các dân tộc thiểu số làm cách mạng, đến quyền làm chủ tập thể và quyền bình đẳng của các dân tộc nếu không chú ý đến đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc địa phương. Thực tiễn cũng chỉ rất rõ, địa phương nào có đội ngũ cán bộ dân tộc tại chỗ vững mạnh thì ở đó có điều kiện rất thuận lợi để đưa phong trào cách mạng lên cao, nếu không thì gặp nhiều khó khăn.

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, chế độ và các biện pháp cụ thể như chính sách tạo nguồn, tổ chức các trường lớp bổ túc, bồi dưỡng về văn hóa, các trường trung học, cao đẳng, đại học riêng và có quy chế tuyển sinh riêng vào các trường cao đẳng, đại học chung v.v. Trải qua 40 năm bền bỉ phấn đấu, thông qua các phong trào cách mạng của quần chúng trong sản xuất, xây dựng và chiến đấu, bảo vệ chính quyền, phát triển Đảng, Đảng ta đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ, đảng viên thuộc đủ các thành phần dân tộc trong nước, kể cả những dân tộc chỉ có trên dưới 1 nghìn người, bao gồm các cán bộ hoạt động ở cơ sở, địa phương và ở nơi khác, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và cán bộ khoa học kỹ thuật. Số cán bộ, đảng viên dân tộc tại chỗ tham gia cấp ủy Đảng và chính quyền huyện đạt tỷ lệ 60 – 70% so với tổng số, tham gia cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh đạt tỷ lệ 50 – 60% (riêng ở các tỉnh miền Nam tỷ lệ này thấp hơn); có 11 đồng chí tham gia Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), 3 đồng chí giữ chức vụ Phó chủ tịch Quốc hội (khóa VII), 2 đồng chí là ủy viên Hội đồng Nhà nước, 2 đồng chí là bộ trưởng, 6 đồng chí là bí thư tỉnh ủy, 7 đồng chí là chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hàng chục tướng lĩnh, hàng nghìn cán bộ cấp tá trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàng vạn cán bộ chuyên môn, khoa học kỹ thuật, trong đó có khoảng một vạn người có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học... Điều đó nói lên đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số được xây dựng tương đối nhanh và đã trưởng thành một bước khá dài, và đó là một trong những thắng lợi quan trọng nhất của chính sách dân tộc của Đảng. Kết quả rực rỡ nói trên không tách rời sự quan tâm trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Nó cũng không tách rời sự dìu dắt giúp đỡ và nhiệt tình cộng tác của lực lượng cán bộ miền xuôi hoạt động ở các vùng dân tộc thiểu số. Kết quả rực rỡ đó cũng nói lên khả năng cách mạng và sự cống hiến to lớn của nhân dân các dân tộc thiểu số dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ngày nay thật sự là một lực lượng nòng cốt để thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và quyền bình đẳng của các dân tộc thiểu số, là một nhân tố hết sức quan trọng bảo đảm thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng trong giai đoạn mới.



Digitized by Google

# Mấy vấn đề về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

PHAN HIỀN

VỚI thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo tài tình của đảng tiên phong của giai cấp công nhân, đã đập tan ách thống trị của thực dân và tay sai, giành lấy chính quyền, lập ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba đình (Hà nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Tuyên ngôn độc lập. Bản Tuyên ngôn khẳng định: nước Việt nam « thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp », « xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt nam, xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt nam », « *nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do độc lập* ». Là văn bản cơ bản đầu tiên của Nhà nước ta về chính trị và pháp lý, có tác dụng đối nội và đối ngoại, Tuyên ngôn độc lập mở đầu kỷ nguyên nhân dân ta từ người mất nước, nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

40 năm qua, nhân dân ta đã phải hy sinh biết bao xương máu để giữ nước. Hết chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ của đế quốc Pháp lại chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, rồi chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa bành trướng và bá quyền Trung quốc ở biên giới tây-nam và biên giới phía bắc nước ta. Hiện nay nhân dân ta vẫn không một phút buông lơi cảnh giác, luôn luôn sẵn sàng giáng trả bọn xâm lược những đòn đích đáng.

40 năm qua là 40 năm nhân dân ta ra sức xây dựng đất nước về mọi mặt.

40 năm qua cũng là 40 năm xây dựng và thực hiện pháp chế cách mạng góp phần bảo đảm các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước.

**Những cái mốc lịch sử trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp chế cách mạng.**

Sau Tuyên ngôn độc lập, có những cái mốc hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp chế cách mạng của nhân dân ta.

Nhà nước ta vừa ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, trở ngại trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, về đối nội cũng như đối ngoại. Chính quyền cách mạng phải được xây dựng, củng cố ngang tầm những nhiệm vụ mới.

Ngày 6-1-1946, nhân dân ta đã tiến hành tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước ta. Ngày 9-11-1946, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp đầu tiên — Hiến pháp của giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, xác định quyền làm chủ đất nước của nhân dân ta và các quyền tự do dân chủ của công dân.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc nước



Digitized by Google

ta được hoàn toàn giải phóng đã chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi đó miền Nam vẫn phải ở dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến, vẫn tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hiến pháp 1946 không còn hoàn toàn phù hợp. Ngày 31-12-1959, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên. Hiến pháp 1959 khẳng định ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà nhằm xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước ta thống nhất, cả nước cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Quốc hội chung của cả nước (Quốc hội khóa VI) được bầu ra. Quốc hội đổi tên nước ta thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, quyết định thống nhất pháp luật trong cả nước, tiến hành xây dựng Hiến pháp mới. Ngày 18-12-1980, Hiến pháp mới được thông qua. Hiến pháp mới thể chế hóa đường lối của Đảng ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Mỗi bản Hiến pháp là sản phẩm của cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta trong một giai đoạn cách mạng nhất định nhằm bảo vệ, củng cố độc lập dân tộc và giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng đất nước. Nó khẳng định thành quả của giai đoạn cách mạng vừa qua, vạch nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng tới. Trên cơ sở Hiến pháp và để thi hành Hiến pháp — đạo luật cơ bản — Nhà nước ta đã ban hành những văn bản pháp luật cần thiết, quy định những vấn đề cụ thể, góp phần bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng theo đường lối, chính sách của Đảng. Trong mỗi thời kỳ đều có văn bản về những vấn đề có tính chất chung như về tổ chức chính quyền nhân dân, về chống ngoại xâm, về trấn áp phản cách mạng, về quyền và nghĩa vụ của công dân, về bảo vệ tài sản công, về quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội... Tất nhiên mỗi thời kỳ có đặc điểm của nó; những đặc điểm này không được bỏ qua. Bên cạnh những vấn đề chung, có những vấn đề đặc thù cho từng thời kỳ phải quy định. Như trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có pháp luật về giảm tô, giảm tức, về tịch thu ruộng đất của việt gian, phản động chia cho nông dân nghèo, có luật cải cách ruộng đất; trong cách mạng xã hội chủ nghĩa có pháp luật về cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội...

Ngay từ đầu, với sự lãnh đạo vững vàng của Đảng và Hồ Chủ tịch, Nhà nước ta đã tỏ ra là một Nhà nước chính quy. Tuy nhiên, về việc xây dựng và phát triển pháp luật, phải vừa làm, vừa học, tích lũy dần kinh nghiệm; đất nước lại phải liên tục tập trung vào công việc chống ngoại xâm; Nhà nước không thể tránh khỏi những nhược điểm, khuyết điểm. Nhưng nhìn chung, pháp luật của Nhà nước ta đã phục vụ đắc lực các nhiệm vụ cách mạng trong các thời kỳ.

**Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật.**

Đại hội toàn quốc thứ III của Đảng (9-1960) — đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; Đại hội toàn quốc thứ IV của Đảng (12-1976) — đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, đại hội thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, — đều nêu rõ chủ trương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng (3-1982) khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối đã được vạch ra ở Đại hội thứ IV. Khi cụ thể hóa



Digitized by Google

đường lối này. Đại hội thứ V của Đảng cũng nhấn mạnh: «tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước».

Hiến pháp 1980 đã nêu trong điều 12: «Nhà nước quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa».

Pháp chế xã hội chủ nghĩa là phương pháp thực hiện chuyên chính vô sản, theo đó Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý xã hội bằng pháp luật, đặt ra pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội và đòi hỏi pháp luật phải được nghiêm chỉnh tuân theo trong cả nước.

Lê-nin đã chỉ rõ «ý chí, nếu nó là ý chí của Nhà nước thì phải được biểu hiện dưới hình thức một *đạo luật* do *chính quyền* đặt ra, nếu không thế thì hai tiếng «ý chí» chỉ là một sự rung động không khí do những âm thanh rỗng tuếch gây nên» (1). Lê-nin còn dạy: «nếu không rơi vào không tưởng thì không thể nghĩ rằng sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản, người ta sẽ tức khắc có thể làm việc cho xã hội *mà không cần phải có tiêu chuẩn pháp lý nào cả...*» (2). Trong Nhà nước ta, pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nguyện vọng của nhân dân lao động, nó thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã phân tích: «Chỉ có thông qua Nhà nước, bằng các chế độ, quy định, tiêu chuẩn của Nhà nước, bằng hệ thống luật pháp kinh tế và toàn bộ hệ thống pháp chế Nhà nước, thì đường lối, chính sách, những nhiệm vụ do Đảng đề ra mới đi vào cuộc sống xã hội được, mới thực hiện được» (3).

Nhà nước ta đặt ra pháp luật để bảo vệ an ninh, củng cố quốc phòng, sẵn sàng đối phó và làm thất bại những âm mưu và hành động xâm lược, phá hoại của kẻ thù bên ngoài; để trừng trị những phần tử thuộc các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ chưa chịu khuất phục, những kẻ chống lại chủ nghĩa xã hội.

Pháp luật xác định và bảo vệ các nguyên tắc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Pháp luật quy định và bảo đảm việc thực hiện các quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Pháp luật xác định hệ thống, cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội.

Pháp luật thúc đẩy sự ra đời và sự phát triển của các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế đi đến xóa bỏ các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa.

Pháp luật điều hòa lao động, giải quyết vấn đề phân phối trong xã hội.

Pháp luật bảo đảm việc phát triển khoa học và kỹ thuật, bảo đảm việc tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa...

Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý mọi công việc đối nội, đối ngoại của đất nước, quản lý mọi hoạt động kinh tế, mọi mặt của đời sống xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có tính tổ chức cao nhất, tính kỷ luật chặt chẽ nhất. Do vậy phạm vi điều chỉnh của pháp luật xã hội chủ nghĩa rất rộng. Muốn thực hiện tốt chức năng điều chỉnh của mình, pháp luật xã hội chủ nghĩa phải ngày càng đầy đủ, thành hệ thống hoàn chỉnh. Nhưng thực tế ở nước ta, như Chủ tịch Trường Chinh, khi báo cáo về dự thảo Hiến pháp 1980, đã nhận định: «Phải khắc phục tình trạng không bình thường... là hệ thống pháp luật rất không đầy đủ, nhất là thiếu nhiều luật về kinh tế, nhiều khi lấy chỉ thị của Đảng hoặc

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1981, tập 32, tr. 429.

(2) V.I. Lê-nin: *Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1970, tr. 170.

(3) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1976, t. II, tr. 446.



Digitized by Google

văn bản dưới luật của Chính phủ thay cho luật".

Nhà nước ta đã và đang có những cố gắng để sửa chữa thiếu sót trên đây. Sau Hiến pháp 1980, hoạt động lập pháp đã được đẩy lên và bước đầu được tiến hành có chương trình, kế hoạch. Một số luật, pháp lệnh đã được ban hành; một sự kiện đáng ghi nhớ là tháng 6-1985 vừa qua, Quốc hội đã thông qua bộ luật hình sự, bộ luật đầu tiên của Nhà nước ta. Hội đồng bộ trưởng cũng ra nhiều văn bản về những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, chủ yếu về lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên nhìn chung công tác xây dựng pháp luật vẫn chậm. Còn khá nhiều vấn đề chưa được quy định hoặc chưa được quy định cụ thể. Việc dự thảo một số bộ luật, luật được tổ chức đã nhiều năm mà vẫn chưa có cơ hoàn thành... Muốn giải quyết tình hình này, công tác xây dựng pháp luật phải thật sự được kế hoạch hóa, có sự chỉ đạo sít sao của Hội đồng bộ trưởng, sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng; các cơ quan có trách nhiệm phải nêu cao quyết tâm, tập trung những cán bộ cần thiết, dành thì giờ và phương tiện thích đáng cho việc soạn thảo.

Pháp luật có tính ổn định. Những quy định của pháp luật thường là để thi hành trong một thời gian không hạn định trước. Nhưng ổn định không có nghĩa là cố định, không thay đổi. Xã hội không ngừng phát triển. Bám sát cuộc sống, pháp luật phải theo kịp sự phát triển của xã hội, phản ánh và thúc đẩy sự phát triển đó. Khi có những thay đổi quan trọng trong tình hình xã hội thì phải kịp thời bổ sung, sửa đổi pháp luật hiện có, đặt ra pháp luật mới để đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới.

Hội nghị thứ tám của Trung ương Đảng chỉ rõ: phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ và hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Việc thực hiện đúng đắn chủ trương này đang đòi hỏi phải rà soát lại các văn bản pháp luật kinh tế hiện hành có liên quan, để kịp thời có những bổ sung, sửa đổi thích đáng, bãi bỏ những quy định lỗi thời, đặt ra những quy định mới cần thiết.

Vì vậy, muốn tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa thì phải quan tâm làm cho hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ, luôn luôn theo sát các yêu cầu của cách mạng.

**Bảo đảm pháp luật được tuân theo nghiêm chỉnh.**

Pháp luật chỉ có thể thực hiện chức năng tổ chức, điều chỉnh các quan hệ xã hội, chỉ có sức sống khi nó được tuân theo nghiêm chỉnh. Có pháp luật, thậm chí có hệ thống pháp luật đầy đủ nhưng pháp luật không được chấp hành đúng đắn, không thật sự đi vào cuộc sống thì chưa phải là có pháp chế. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa không chỉ là đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, mà về cơ bản phải thực hiện đầy đủ các biện pháp, các công tác nhằm bảo đảm cho pháp luật thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Mọi cơ quan Nhà nước, mọi tổ chức xã hội, mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật. Đảng viên, cán bộ càng phải gương mẫu chấp hành pháp luật; bất cứ ai, dù ở cương vị xã hội nào đều không được đặt mình lên trên pháp luật, đều không có đặc quyền bỏ qua pháp luật, làm sai pháp luật. Rất tiếc là, trong mấy năm qua, trong những người vi phạm pháp luật, lắm khi vi phạm nghiêm trọng, có khá nhiều cán bộ, nhân viên cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. «Những người thừa hành pháp luật, được trao quyền lực lớn, nếu không trước hết tự khép mình vào pháp luật, đi đến chỗ lộng quyền thì hành động sai phạm của họ sẽ gây ra những tổn thất đặc biệt lớn cho xã hội, cho nhân



Digitized by Google

dân» (4). Nhiều văn kiện của Đảng, của Hội đồng bộ trưởng đã chỉ thị phải xử lý đích đáng những cán bộ thoái hóa, biến chất, đục khoét của công, tiếp tay cho những kẻ xấu, lạm dụng chức vụ, quyền hạn ức hiếp quần chúng. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn nói rõ: «người giữ cương vị càng cao, được trao quyền lực càng lớn, thì càng phải gương mẫu thi hành pháp luật, và càng bị xử phạt nặng nếu vi phạm pháp luật» (5).

Pháp luật của Nhà nước ta thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Bản chất của nó làm mọi người dễ dàng tuân theo. Vấn đề là phải tuyên truyền, phổ biến thường xuyên, sâu rộng pháp luật, phải giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật. Nhân dân có hiểu biết rõ nghĩa vụ, quyền lợi của mình, thấy rõ cái gì được làm, cái gì không được làm, cái gì phải làm, tại sao được làm hay không được làm, tại sao phải làm, thì mới nêu cao tinh thần làm chủ, bản thân tuân theo pháp luật, hơn nữa còn chủ động đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, buộc người khác tuân theo pháp luật.

Một số cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước lâu nay có quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục pháp luật, nhưng công tác này chưa được kế hoạch hóa, vì vậy chưa phối hợp được chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, chưa tận dụng được các phương tiện, hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục.

Chúng ta cần học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em về giáo dục công dân ở trường phổ thông, về dạy pháp luật ở các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trường học nghề, cả ở trường Đảng. Ở nhiều nước, ngay khi còn ở vườn trẻ, lớp mẫu giáo, trẻ em đã được làm quen với pháp luật, với một số quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, dưới những hình thức sinh động.

Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương đưa pháp luật vào chương trình học của các trường, nhưng có sự chậm trễ trong việc thực hiện chủ trương này. Các cơ quan có trách nhiệm cần sớm sửa chữa khuyết điểm của mình.

Hiến pháp 1959 trước kia, Hiến pháp 1980 hiện nay đã đặt cơ sở để tổ chức hệ thống các cơ quan, các công tác kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên.

Trước hết là công tác kiểm tra, giám sát mang tính chất Nhà nước của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng nhân dân các cấp, của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, của Hội đồng bộ trưởng, các bộ, cơ quan ngang bộ, tổng cục, của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn. Ngành kiểm sát chuyên trách công tác giám sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và của công dân. Các tòa án, các cơ quan trọng tài kinh tế cũng có chức năng, thông qua công tác xét xử, giám sát việc tuân theo pháp luật.

Bên cạnh công tác kiểm tra, giám sát mang tính chất Nhà nước, công tác giám sát mang tính chất xã hội ngày càng được mở rộng. Cơ sở chính trị của việc giám sát này là quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Chính quyền thuộc về nhân dân, do vậy các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, các nhân viên cơ quan Nhà nước, nhân viên tổ chức xã hội phải chịu sự giám sát của nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền này qua các đoàn thể của mình, nhất là qua Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ. Những năm gần đây, Nhà nước lại đặt ra các ban thanh tra nhân dân gồm những công nhân, nhân viên, công dân ưu

(4), (5) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984 t. IV, tr. 337, 338.



Digitized by Google

tú do quần chúng bầu ra và hoạt động ở các đơn vị chính quyền cơ sở, ở các cơ sở kinh tế, các cơ sở sự nghiệp. Các ban thanh tra nhân dân đã tỏ ra là chỗ dựa rất tốt cho các cơ quan thanh tra chuyên trách của Nhà nước.

Nhà nước đã quy định quyền khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Người khiếu nại, tố cáo tùy trường hợp mà bảo vệ quyền lợi của bản thân, quyền lợi của Nhà nước, của tập thể hoặc quyền lợi của công dân khác. Trong mọi trường hợp người đó đều có quyền phát hiện với cơ quan có thẩm quyền và đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Đây chính là hình thức nhân dân trực tiếp giám sát việc tuân theo pháp luật.

Chỉ trong một Nhà nước do nhân dân làm chủ mới có thể đặt ra hệ thống các cơ quan, tổ chức trên đây, mới có thể tiến hành hệ thống công tác trên đây. Tình hình vi phạm pháp luật, thậm chí phạm tội ở xã hội ta hiện nay đang còn rất phức tạp, có nơi, có lúc nghiêm trọng. Vấn đề đặt ra là, để góp phần giải quyết tình hình này, các cơ quan, tổ chức trên đây phải phát huy hơn nữa vai trò của mình, cần có những hoạt động thường xuyên, sâu rộng, triệt để hơn, cần phối hợp chặt chẽ những hoạt động này với những hoạt động kiểm tra của các tổ chức của Đảng.

Về kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật, có một công tác đặc biệt quan trọng: kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là văn bản quy phạm). Các văn bản quy phạm trực tiếp hoặc gián tiếp quy định quyền hoặc nghĩa vụ nếu không phải cho toàn thể xã hội thì cũng là cho một số đông người. Nó điều chỉnh các quan hệ xã hội trong suốt thời gian thường là dài; việc áp dụng nó sẽ được lặp đi, lặp lại nhiều lần. Do vậy nó sẽ tác động sâu rộng vào đời sống xã hội. Nó sẽ gây hại lớn nếu không phản ánh đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, của Nhà nước, nếu nó không được xây dựng, ban hành đúng thẩm quyền, đúng thủ tục, nếu nội dung của nó trái Hiến pháp, trái các văn bản quy phạm của cấp trên. Việc kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản áp dụng (văn bản áp dụng những quy định của một văn bản quy phạm vào những trường hợp cá nhân) đã là quan trọng, thì việc kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản quy phạm càng bội phần quan trọng. Lâu nay công tác này chưa được chú ý đúng mức; đây là một khuyết điểm cần được sửa chữa.

Việc thi hành pháp luật xã hội chủ nghĩa chủ yếu dựa vào sự tự nguyện, tự giác của mọi người, chủ yếu bằng công tác giáo dục, thuyết phục. Nhưng không vì thế mà xem nhẹ mặt cưỡng chế. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã xác định: «đi đôi với việc giải thích, giáo dục, phải cưỡng chế thi hành pháp luật, kiểm soát chặt chẽ và xử trí thích đáng đối với hành vi phạm pháp» (6)

Mọi hành vi vi phạm pháp luật phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng và nghiêm minh. Tùy trường hợp nhẹ, nặng mà áp dụng các biện pháp xã hội, mà xử lý về hành chính, về dân sự hoặc về hình sự. Việc xử lý đúng đắn có tác dụng giáo dục người vi phạm, ngăn ngừa người đó có vi phạm mới, răn đe, kiềm chế những người khác, động viên nhân dân phòng ngừa, đấu tranh chống vi phạm pháp luật.

★

Trong tình hình xã hội ta hiện nay, để tăng cường pháp chế xã hội chủ

(6) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1984, t. IV tr. 337.



Digitized by Google

nghĩa, phải coi trọng công tác hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, và càng phải coi trọng hơn việc làm cho pháp luật được tuân theo nghiêm chỉnh. Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V của Đảng đặt nhiệm vụ « khắc phục cho bằng được tình hình không bình thường là nhiều luật và pháp lệnh đã ban hành không được thi hành nghiêm chỉnh, thậm chí không được thi hành ». Nói chuyện với Hội nghị tư pháp toàn quốc, tháng 1-1983, Chủ tịch Phạm Văn Đồng nhắc nhở : « Hiện nay pháp luật của chúng ta chưa đủ, pháp chế chưa hoàn thiện, còn phải cố gắng rất lớn trong việc nghiên cứu và xây dựng pháp luật, nhưng điều cấp bách đáng quan tâm bây giờ là phấn đấu làm cho Hiến pháp và pháp luật đã ban hành được thực hiện một cách nghiêm túc ».

Thực hiện chủ trương trên đây của Đảng, thi hành huấn thị của đồng chí Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, các cơ quan có trách nhiệm tùy theo chức năng của mình, phải tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật, giáo dục sâu sắc ý thức pháp luật, giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc tuân theo pháp luật, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Để bảo đảm công tác xử lý, cần đấu tranh mạnh mẽ chống thái độ bao che người có lỗi, có tội, chống những hành vi can thiệp vô nguyên tắc vào công việc của cơ quan xử lý, bất kể người bao che, người can thiệp ở cương vị xã hội nào. Và khi đã xử lý thì phải kiên quyết thi hành quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa rõ ràng là một tất yếu khách quan, gắn chặt với các nhiệm vụ không ngừng mở rộng và củng cố quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, không ngừng củng cố và tăng cường Nhà nước ta, bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước. Chủ trương của Đảng, của Nhà nước ta về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều Lê-nin đã chỉ ra : « Những điều kiện của một chính quyền vững vàng và chắc chắn càng tiến bộ, những sự trao đổi của dân chúng càng phát triển, thì lại càng phải cấp bách đề ra khẩu hiệu kiên quyết phải có một pháp chế cách mạng rộng lớn hơn » (7).

(7) V.I. Lê-nin : *Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 173.



Digitized by Google

# Nghệ tĩnh qua 40 năm đấu tranh cách mạng

NGUYỄN KỲ CẨM
Bí thư Tỉnh ủy Nghệ tĩnh

BỐN mươi năm qua, Nghệ tĩnh đã trải qua bốn chặng đường lịch sử:

— 1945 — 1954: bảo vệ, củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ; tiêu thổ kháng chiến, xây dựng Nghệ tĩnh thành hậu phương vững chắc, chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

— 1954 — 1964: khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh, tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phát triển kinh tế — văn hóa, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tích cực tham gia sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam.

— 1964 — 1975: chiến đấu chống hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo đảm giao thông, thông suốt, chi viện hết sức mình cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế, gắn liền với đẩy mạnh sản xuất, bảo vệ sản xuất và tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới, duy trì và phát triển sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục.

— Từ 1975 đến nay: khắc phục hậu quả nặng nề do chiến tranh và bão lụt liên tiếp gây ra, xây dựng lại từ đầu những cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, sát cánh cùng đồng bào cả nước đánh thắng hai cuộc chiến tranh ở biên giới phía tây nam và biên giới phía bắc, và góp phần từng bước làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt do bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh gây ra, đẩy mạnh sản xuất, tạo ra bước chuyển biến mới về kinh tế.

Nhìn lại những chặng đường lịch sử đã qua, đảng bộ và nhân dân Nghệ tĩnh chúng tôi phấn khởi và tự hào đã có những *cống hiến đáng kể trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, góp phần làm nên những thành quả vĩ đại của dân tộc ta.*

Nhận thức được vai trò quan trọng của hậu phương đối với tiền tuyến trong cuộc chiến tranh giải phóng, ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nghệ tĩnh đã khẩn trương xây dựng lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương, đẩy lùi mọi cuộc tập kích của giặc Pháp, bảo vệ vững chắc vùng tự do, huy động sức người, sức của chi viện cho các chiến trường. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp, Nghệ tĩnh đã có hàng trăm nghìn người tham gia các đơn vị quân chủ lực, hàng trăm nghìn người đi dân công hỏa tuyến. Riêng 7 tháng phục vụ chiến dịch đông — xuân 1953 — 1954, có hơn 1 triệu lượt người đi dân công với hàng nghìn xe



Digitized by Google

đạp thồ, hàng trăm thuyền vận tải và nhiều loại phương tiện khác, đóng góp khoảng 31 triệu ngày công. Trong kháng chiến chống Mỹ, Nghệ tĩnh vừa là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn, vừa là chiến trường nóng bỏng trong hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của giặc Mỹ. Từ 5-8-1964 đến hết năm 1972, đế quốc Mỹ đã huy động 68 944 lượt chiếc máy bay (kể cả máy bay B 52 và F 111) đánh phá Nghệ tĩnh. Chúng đã ném xuống đây hơn 1 triệu quả bom, bắn hàng trăm nghìn quả rốc két và tên lửa; các tàu chiến của chúng từ ngoài biển đã bắn vào 218 171 quả pháo. Bom đạn Mỹ đã giết chết 26 523 người, làm bị thương 30 617 người, phá hủy 225 169 ngôi nhà, 374 trường học, 68 bệnh viện, 544 trạm y tế. Thành phố Vinh, thị xã Hà tĩnh cùng nhiều thị trấn, khu công nghiệp bị đánh phá tới mức hủy diệt. Hầu hết các công trình thủy lợi, các trục đường giao thông, các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng đã bị bom đạn Mỹ tàn phá nặng nề.

Thực hiện lời dạy thiêng liêng của Bác Hồ: « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », quân và dân Nghệ tĩnh đã nêu cao truyền thống « Xô viết Nghệ tĩnh anh hùng », vượt qua mọi gian khổ hy sinh, chiến đấu mưu trí, dũng cảm, bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt, bắn rơi 820 máy bay địch, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái, bắn chìm và bắn cháy 72 tàu chiến địch. Từ năm 1965 đến năm 1972, gần nửa triệu thanh niên Nghệ tĩnh đã tham gia các lực lượng vũ trang, các đội thanh niên xung kích, chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các chiến trường.

Trong hai cuộc chiến tranh biên giới do bọn phản động Bắc kinh gây ra, Nghệ tĩnh cũng đã cùng cả nước góp phần tạo nên chiến thắng oanh liệt. Hiện nay hàng vạn con em Nghệ tĩnh đang ngày đêm cùng đồng đội có mặt ở biên giới, hải đảo, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em.

Trên mặt trận kinh tế, trong điều kiện hòa bình xen kẽ với chiến tranh, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, Nghệ tĩnh đã từng bước *tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, thiết lập và củng cố quan hệ sản xuất mới, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.*

Nền nông nghiệp của tỉnh ngày càng chuyển biến tốt. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được đẩy mạnh từ năm 1960, đang ngày càng được củng cố. So với trước Cách mạng Tháng Tám, diện tích canh tác đã tăng gấp đôi.

Dưới thời thuộc Pháp, Nghệ an và Hà tĩnh chỉ có hai hệ thống thủy nông và một số hồ, đủ sức tưới cho 15 000 héc ta, tức là chưa đầy 6% diện tích canh tác. Đến nay Nghệ tĩnh đã có 900 hồ, đập các cỡ, 142 trạm bơm điện, trong đó có những công trình lớn như công trình đại thủy nông Kẻ gỗ có sức chứa 300 triệu $m^3$ nước, có khả năng tưới cho 22 000 ha. Cùng với những cơ sở thủy lợi, một hệ thống nông trường, trạm, trại được xây dựng với những máy móc, thiết bị nông nghiệp, làm cho lao động nông nghiệp được cơ khí hóa một phần. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp đang từng bước được thực hiện, những thành tựu trong sinh học (về giống cây trồng và con vật nuôi) đang được áp dụng một cách tích cực.

Sự đổi mới về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất đã làm cho năng suất lao động nông nghiệp trong tỉnh ngày càng tăng, tổng sản phẩm nông nghiệp ngày càng lớn. Riêng về sản lượng lương thực, năm 1955 chỉ đạt 437 000 tấn, đến năm 1984 đã đạt 793 000 tấn.



Digitized by Google

Nền công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp của tỉnh đã phải qua nhiều bước thăng trầm. Từ con số không, sau 10 năm khôi phục và xây dựng mới (1955 – 1964), nền công nghiệp của tỉnh bắt đầu hình thành. Nhưng sau đó, hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã làm cho công nghiệp Nghệ tĩnh bị tàn phá nặng nề, hầu như bị xóa sạch.

Sau nhiều năm gian khổ phấn đấu, làm lại từ đầu, được sự giúp đỡ tích cực của trung ương, công nghiệp Nghệ tĩnh đã từng bước khôi phục và có mặt phát triển. Một loạt xí nghiệp công nghiệp đã đi vào sản xuất (như các xí nghiệp cơ khí Vinh, cơ khí thủy lợi, cơ khí xây dựng, xí nghiệp đóng tàu thuyền, xí nghiệp sửa chữa ô tô, các xí nghiệp sản xuất và sửa chữa nông cụ ở các huyện...). Một hệ thống xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi, xi măng, bê tông đúc sẵn), cung cấp một khối lượng khá lớn vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu của Nhà nước và của nhân dân. Công nghiệp hàng tiêu dùng như dệt, làm đồ sành sứ, thủy tinh, chế biến đồ gỗ, nông sản, hải sản bước đầu được xây dựng, đã phát huy tác dụng tích cực phục vụ sản xuất và đời sống. Ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được duy trì trong chiến tranh, nay đã phát triển mạnh. Năm 1981 giá trị sản lượng công nghiệp đã gấp 5 lần so với năm 1955. Cùng với sự phát triển của công nghiệp, giai cấp công nhân trong tỉnh không ngừng được tăng cường về số lượng và chất lượng, ngày càng trở thành một lực lượng quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội.

Về giao thông vận tải, hệ thống đường sắt đã được xây dựng lại. Hệ thống đường bộ được nâng cấp, tỏa rộng đến tận các vùng nông thôn trung du và miền núi. Các phương tiện vận tải được tăng cường đáng kể. Hệ thống thông tin liên lạc được củng cố và phát triển.

Những thành tựu đã đạt được trên mặt trận kinh tế chưa phải là lớn, thậm chí có mặt còn rất thấp so với yêu cầu. Nhưng trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu, lại phải liên tục đối phó với chiến tranh và thiên tai... thì những thành tựu đó cũng đã nói lên phần nào những cố gắng to lớn của đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi.

Một thành tựu quan trọng khác của Nghệ tĩnh trong 40 năm qua là đã bước đầu *xây dựng cuộc sống mới, con người mới, làm biến đổi đời sống của nhân dân trong tỉnh.*

Trước Cách mạng Tháng Tám, cũng như mọi người Việt nam khác, người dân Nghệ tĩnh sống khổ cực với thân phận của kẻ nô lệ. Đất nước được độc lập, họ đã trở thành người tự do, người chủ thật sự của nước nhà. Đây là thay đổi có ý nghĩa nhất, cơ bản nhất. Sau 40 năm sản xuất, chiến đấu và xây dựng, cuộc sống của nhân dân Nghệ tĩnh đã có những biến đổi lớn lao. Thôn xóm mất dần vẻ tiêu điều, lam lũ ngày xưa. Phần lớn nhà ở nông thôn đã là nhà xây lợp ngói, xã nào cũng có trường học, nhà trẻ, nhà văn hóa v.v. Các mặt y tế, văn hóa, giáo dục đã có những tiến bộ vượt bậc.

Về y tế, năm 1945, ở Nghệ tĩnh chỉ có 2 nhà thương, 12 phòng phát thuốc với 300 giường bệnh và một số rất ít thầy thuốc. Đến nay toàn tỉnh có 38 bệnh viện, 2 viện điều dưỡng với 5 780 giường bệnh, 832 bác sĩ và dược sĩ cao cấp, gần 10 nghìn cán bộ y tế trung cấp, sơ cấp. Tính bình quân, cứ 750 người dân thì có một thầy thuốc.

– Về văn hóa: các hoạt động như đọc sách báo, xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật đã thành nếp sinh hoạt hằng ngày của nhân dân. Mạng lưới nhà văn hóa, thư viện, câu lạc bộ đã nhanh chóng được xây dựng



Digitized by Google

rộng rãi khắp nơi. Tỉnh đã có đài phát thanh, đài truyền hình, các huyện có đài truyền thanh và hệ thống loa xuống tận các thôn xóm. Năm 1955, cả Nghệ tĩnh chỉ có hai đội chiếu bóng, nay toàn tỉnh có hơn 60 đội chiếu bóng, 5 đội văn công chuyên nghiệp và hàng trăm đội văn nghệ nghiệp dư. Phong trào thể dục thể thao được đẩy mạnh, thu hút ngày càng đông đảo quần chúng tham gia và đã thu được những kết quả bước đầu.

— Về giáo dục: trước năm 1945, hơn 90% số dân Nghệ tĩnh không biết chữ. Thời đó cả Nghệ tĩnh chỉ có vài chục trường tiểu học và một ít trường trung học với số người đi học chiếm 1,7% số dân. Ngày nay một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh đã được thiết lập từ thành phố đến nông thôn (kể cả vùng xa xôi, hẻo lánh). Hiện nay Nghệ tĩnh có 65 trường phổ thông trung học và 865 trường phổ thông cơ sở với trên 700 000 học sinh. Nếu tính cả hệ thống bổ túc văn hóa thì cứ 3 người dân có 1 người đi học. Đội ngũ giáo viên cũng tăng lên nhanh chóng: từ 500 người trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, nay đã có trên 40 000 người. Hiện nay 13 000 cán bộ có trình độ đại học trở lên và 30 000 cán bộ có trình độ kỹ thuật trung cấp đang công tác trong các ngành của tỉnh. Ngoài ra, Nghệ tĩnh đã cung cấp cho các miền của đất nước hàng trăm nghìn cán bộ có trình độ đại học và trên đại học. Trong phong trào thi đua «hai tốt» của ngành giáo dục, xã Cẩm bình thuộc tỉnh chúng tôi đã nổi lên như một bông hoa quý, được công nhận là một điển hình tiên tiến của cả nước.

Với những thành tựu nói trên, có thể khẳng định rằng bốn mươi năm qua là thời kỳ cách mạng sôi động đáng tự hào của đảng bộ và nhân dân Nghệ tĩnh chúng tôi dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và của Bác Hồ kính yêu. Đây là thời kỳ Nghệ tĩnh phát huy truyền thống «xô viết anh hùng», viết tiếp những trang sử vẻ vang nhất.

Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng tôi bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm để vận dụng và phát huy trong chặng đường tiếp theo.

Một là: *Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, phát huy mạnh mẽ truyền thống tốt đẹp của quê hương là những yêu cầu hàng đầu để giải quyết thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.*

Với truyền thống cách mạng sẵn có, Nghệ tĩnh có niềm tin tuyệt đối và lòng trung thành vô hạn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Mọi chủ trương đường lối của Đảng đều được đảng bộ, trước hết là các cấp ủy tìm hiểu, học tập và quán triệt sâu sắc để nắm vững và áp dụng sát hợp vào tình hình cụ thể của địa phương; đồng thời thông qua các tổ chức cơ sở của Đảng làm cho nhân dân hiểu được chủ trương, đường lối của Đảng, tự nguyện góp sức mình vào sự nghiệp cách mạng.

Nắm vững tư tưởng chiến lược của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp là: «toàn dân kháng chiến, kháng chiến toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh», đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân chiến đấu tự bảo vệ mình, biến Nghệ tĩnh thành hậu phương chiến lược, thực hiện «kháng chiến đi đôi với kiến quốc», huy động sức người, sức của chi viện cho chiến trường. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, đảng bộ Nghệ tĩnh đã làm cho nhân dân hiểu vị trí, vai trò và nhiệm vụ nặng nề của địa phương mình trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Do đó, Nghệ tĩnh bình tĩnh đương đầu với những thử thách khốc liệt của chiến tranh phá hoại mang tính chất hủy diệt, hoàn thành tốt nhiệm vụ chi viện tiền tuyến. Với khẩu hiệu «quân không



Digitized by Google

thiếu một người », trong những năm 1965 — 1972, trên 99% thanh niên ở độ tuổi 18 — 25 đã hăng hái lên đường trực tiếp chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu ở các chiến trường; với khẩu hiệu « xe chưa qua, nhà không tiếc », Nghệ tĩnh đã không lùi bước trước mọi thử thách, hy sinh, bảo đảm mạch máu giao thông thông suốt trong mọi tình huống; với khẩu hiệu « tiếng hát át tiếng bom », Nghệ tĩnh giữ vững niềm lạc quan, tin tưởng, vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa xây dựng cuộc sống mới, nền văn hóa mới.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, đảng bộ Nghệ tĩnh không ngừng làm cho nhân dân hiểu rõ những khó khăn, phức tạp trong việc đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục của đảng bộ, nhân dân Nghệ tĩnh hiểu được rằng trong giai đoạn cách mạng mới cần phải có sự nỗ lực phi thường, cần phải tiếp tục chịu đựng gian khổ, hy sinh; cần phải dành dụm, tiết kiệm để đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, nhân dân tỉnh chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh các phong trào cách mạng với nhiệt tình và quyết tâm lớn.

Trong 40 năm qua, phong trào cách mạng của nhân dân Nghệ tĩnh luôn luôn ở đỉnh cao và có sức mạnh to lớn còn là do đảng bộ Nghệ tĩnh biết phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước và cách mạng của quê hương, không ngừng khơi dậy những đức tính quý báu của nhân dân tỉnh nhà như yêu nước nồng nàn, cần cù trong lao động, dũng cảm trong chiến đấu, có ý chí đấu tranh bền bỉ, quật cường, dám đương đầu với những thử thách khốc liệt, biết chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh... Truyền thống và những đức tính tốt đẹp đó, trong thực tế chiến đấu và sản xuất, đã biến thành sức mạnh vật chất to lớn.

Hai là: *Hiểu rõ và làm chủ địa bàn của mình, nêu cao ý chí tự lực tự cường, khai thác mọi tiềm năng của địa phương.*

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, Nghệ tĩnh đã nhận rõ phải từ lao động và đất đai mà đi lên, và sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Những năm qua, tỉnh chúng tôi đã có những tìm tòi, thể nghiệm và cố gắng đáng kể để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Những tìm tòi thể nghiệm đó không phải lúc nào cũng đưa lại kết quả mong muốn. Đã có lúc muốn giải quyết nhanh vấn đề lương thực, chúng tôi đã sử dụng hầu như mọi diện tích vào việc trồng cây lương thực, không chú ý đầy đủ đến đặc điểm đất đai, khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác của từng vùng. Kết quả là vấn đề lương thực vẫn không được giải quyết trong khi các loại nông sản khác bị giảm, khiến cho tổng sản phẩm nông nghiệp giảm sút rõ rệt. Sau đó chúng tôi đã đi vào nghiên cứu, tìm hiểu địa bàn của tỉnh và phân bố lại thành 5 vùng kinh tế: vùng cát ven biển, vùng đồng bằng, vùng trung du, vùng núi thấp, vùng núi cao; mỗi vùng có cơ cấu kinh tế thích hợp, có loại cây trồng phù hợp với đặc điểm đất đai, điều kiện khí hậu và tự nhiên; chuyển một số đất không thuận cho việc trồng cây lương thực sang sản xuất các loại nông sản xuất khẩu có hiệu quả kinh tế cao hơn. Chúng tôi cũng đã thực hiện đổi mới cơ cấu mùa vụ, chuyển một bộ phận diện tích làm vụ mùa bấp bênh sang làm vụ hè thu ổn chắc, có năng suất cao hơn và sau vụ hè thu lại làm thêm một vụ màu. Thực tiễn mấy năm gần đây đã chứng minh chủ trương này hoàn toàn đúng: sản xuất ổn định hơn, sản lượng



Digitized by Google

lương thực đạt cao hơn và nông sản xuất khẩu nhiều hơn.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, những thành quả mà Nghệ tĩnh đạt được còn bắt nguồn từ chỗ đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh đã nêu cao ý chí tự lực tự cường, tin vào sức mình, không ỷ lại. Ngày nay, trong việc xây dựng kinh tế, chúng tôi cũng tiếp tục phát huy tinh thần đó. Xuất phát từ khả năng và nhu cầu của tỉnh, đảng bộ tỉnh chúng tôi đã từng bước tìm cách phân bố lại lao động, tạo ra cơ cấu hợp lý nhằm khai thác tốt các nguồn lao động và tài nguyên. Từ năm 1954 đến nay, chúng tôi đã đưa gần nửa triệu người từ vùng đông dân đến vùng thưa dân, vì vậy, mặc dù Nghệ tĩnh là một tỉnh rộng lớn với địa hình rất phức tạp nhưng ở khắp mọi nơi đều có dân cư, lao động để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, biến lâm nghiệp, ngư nghiệp thành những ngành kinh tế chính. Ngoài quy hoạch chung và các chỉ tiêu kế hoạch, các chính sách, các chế độ do Trung ương Đảng và Nhà nước quy định mà tỉnh chúng tôi cũng như tất cả các tỉnh khác phải chấp hành đầy đủ, tỉnh chúng tôi đã tự xây dựng quy hoạch, kế hoạch, quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp thích hợp nhằm thực hiện « điều quan trọng nhất, việc có thể và cần phải làm trước tiên là *làm chủ tập thể để sử dụng hợp lý và có hiệu quả lao động và đất đai, mở mang mạnh ngành, nghề*, tại từng cơ sở, trên từng địa phương... » (1).

Ba là : *Kịp thời rút kinh nghiệm từ thực tiễn đấu tranh cách mạng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ.*

Là một đảng bộ ra đời rất sớm trên một địa phương có độ dày truyền thống yêu nước và cách mạng, lại đã kinh qua những thời kỳ đấu tranh khốc liệt với kẻ thù, đảng bộ Nghệ tĩnh thường ở trong số các đảng bộ đi đầu trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Nghệ tĩnh đã đi đầu trong cao trào xô viết, thực hiện khẩn trương và triệt để chủ trương « tiêu thổ kháng chiến » trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện cải cách ruộng đất sớm và triệt để, tiến hành nhanh chóng công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp, thực hiện phân bố lao động và dân cư theo quy mô lớn ; làm thủy lợi sớm và rộng khắp v.v. Đây là những công việc mới của từng thời kỳ cách mạng, đồng thời là những công việc khó khăn, phức tạp mà để có nhận thức đúng bao giờ cũng phải qua một quá trình : người đi đầu có công khởi xướng thường đạt được những kết quả đầu tiên nhưng cũng thường khó tránh khỏi va vấp, thậm chí có khi mắc sai lầm. Điều quan trọng là đảng bộ biết chấp nhận điều đó với thái độ khách quan, khoa học, kịp thời rút kinh nghiệm theo nguyên tắc phê bình và tự phê bình nhằm phát huy những chỗ mạnh, chỗ đúng, khắc phục và sửa chữa chỗ yếu, chỗ sai. Qua những lần như vậy, cán bộ, đảng viên có dịp nhìn lại mình, hiểu mình hơn và hiểu đồng chí hơn, từ đó tăng cường đoàn kết, tiếp tục nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của đảng bộ.

Đảng bộ rất coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, và việc phát triển đảng thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng. Ngày nay Nghệ tĩnh có đội ngũ cán bộ đông đảo, trong đó số đông đã được bồi dưỡng về cả hai mặt hiểu biết thực tế và lý luận, đang cố gắng vươn lên làm tốt nhiệm vụ cách mạng. Đảng bộ Nghệ tĩnh hiện cũng là một trong những đảng bộ lớn với trên 160 nghìn đảng viên. Qua

(1) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t. I, t. 55.



Digitized by Google

từng giai đoạn cách mạng, đội ngũ của Đảng được bổ sung những phần tử ưu tú trong giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa; đồng thời những phần tử thoái hóa biến chất bị đưa ra khỏi Đảng.

Để bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng, đảng bộ đã coi trọng việc xây dựng và củng cố chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Ngày nay, thông qua chính quyền các cấp, các hoạt động kinh tế — xã hội đang được thực hiện theo cơ chế: « Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ ».

★

Trong 40 năm qua, mỗi bước đi lên của Nghệ tĩnh đều gắn liền với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, sự giúp đỡ của các ngành ở trung ương và của các tỉnh bạn, sự đóng viên, cổ vũ, chia ngọt sẻ bùi của đồng bào, đồng chí cả nước.

Trong chặng đường trước mắt, với vị trí và trách nhiệm của mình, Nghệ tĩnh phải vươn lên mạnh mẽ hơn nữa. Đảng bộ và nhân dân tỉnh chúng tôi ghi nhớ sâu sắc những lời chỉ bảo chân tình của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn: « Con người Nghệ tĩnh đối với tài nguyên Nghệ tĩnh là niềm hy vọng lớn lao không chỉ cho ba triệu dân Nghệ tĩnh mà cho cả nước... Trong sự nghiệp chung của dân tộc và đất nước, Nghệ tĩnh là một địa bàn chiến lược quan trọng, gánh vác một trách nhiệm vô cùng lớn lao về kinh tế và quốc phòng » (2).

Để xứng đáng với sự tin cậy của Trung ương Đảng, xứng đáng với những tình cảm cao quý của đồng bào, đồng chí cả nước đối với tỉnh quê hương của Bác Hồ, xứng đáng với những đồng bào, đồng chí trên quê hương xô viết đã ngã xuống vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, đảng bộ và nhân dân Nghệ tĩnh nguyện ra sức phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại, khắc phục mọi biểu hiện bảo thủ, trì trệ, quyết làm thật tốt mọi nhiệm vụ chính trị của tỉnh, trước mắt là thực hiện tốt nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng, tạo một bước chuyển biến mới, làm cho Nghệ tĩnh ngày càng giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa quang vinh của chúng ta.

(2) Lê Duẩn: Bài nói với cán bộ Nghệ tĩnh ngày 21-4-1979.

Digitized by Google

*Nghiên cứu*

# Đổi mới cơ chế quản lý công nghiệp

VŨ HUY TỪ

Từ sau Nghị quyết Hội nghị thứ sáu của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết về cải tiến quản lý kinh tế, trong đó có những chủ trương về cải tiến quản lý công nghiệp, nhằm tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất phát triển. Nghị quyết số 156—HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh, nghị định số 190 — HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về cải tiến quản lý cung ứng vật tư mới đây đã bước đầu phát huy tác dụng tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh ở các đơn vị cơ sở. Nhiều điển hình tốt về quản lý xuất hiện, đã góp phần cùng Nhà nước khắc phục những mất cân đối, bảo đảm duy trì và phát triển sản xuất, ổn định đời sống công nhân, viên chức.

Trong sáu tháng đầu năm 1985, công nghiệp đã hoàn thành được 47,7% kế hoạch năm về giá trị tổng sản lượng, tăng 10,2% so với cùng thời kỳ năm ngoái; trong đó, công nghiệp trung ương tăng 11,7%, công nghiệp địa phương tăng 9,4%. Một số ngành quan trọng như điện lực, hóa chất, công nghiệp nhẹ đã hoàn thành kế hoạch với mức cao; so với sáu tháng đầu năm 1984 tăng từ 5% đến 18,4%.

Tuy nhiên, việc thực hiện các nghị quyết mới về quản lý công nghiệp của Đảng và Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn và kết quả còn hạn chế, bởi vì về cơ bản, chúng ta vẫn duy trì cơ chế quản lý tập trung quan liêu — bao cấp; tiếp tục kế hoạch hóa và quản lý đơn thuần dựa vào chế độ cấp phát và giao nộp, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, giả tạo. Cơ chế đó đã làm cho cơ sở sản xuất, kinh doanh bị gò bó, thụ động, ỷ lại vào cấp trên, cũng không kích thích và ràng buộc các xí nghiệp quan tâm đến năng suất, chất lượng và hiệu quả. Tiền lương mang tính bao cấp, bình quân, không có tác dụng kích thích lao động sản xuất.

Trước thực tế sản xuất và đời sống, trước cơ chế quản lý như vậy, Nghị quyết Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã khẳng định: "phải dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu—bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả". Nghị quyết còn chỉ rõ: "xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp trong giá và lương là yêu cầu cấp bách, là *khâu đột phá có tính quyết định* để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của



Digitized by Google

nhân dân lao động và tính chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cả nước».

Như vậy, các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh muốn đẩy mạnh được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả thì *dứt khoát phải đổi mới cơ chế quản lý*. Và muốn đổi mới được cơ chế quản lý công nghiệp quốc doanh, phải nhận thức đúng đắn và giải quyết những vấn đề chủ yếu và trước mắt sau đây:

Một là, *về giá thành và giá cả*.

Để có thể xác định giá phù hợp với giá trị và với sức mua thực tế của đồng tiền, việc định giá phải dựa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung cầu. Một biện pháp lớn và cấp bách nhằm cải tiến cơ chế quản lý công nghiệp được Đảng ta đề ra là: «Tính đủ các yếu tố chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm công nghiệp».

*Tính đủ* chi phí là không bỏ sót các yếu tố (khoản mục) chi phí hợp lý, cần thiết theo chế độ Nhà nước quy định, theo các định mức kinh tế — kỹ thuật trung bình — tiên tiến về tiêu dùng nguyên liệu, vật liệu, năng lượng; về sử dụng máy móc, thiết bị, tài sản cố định nói chung; về lao động, tiền lương, tiền thưởng v.v. Lâu nay, chúng ta thường không tính đủ các chi phí vào giá thành sản phẩm, ví dụ còn để ngoài giá thành tới 70% tiền lương (bao gồm giá trị các mặt hàng thiết yếu), 50% — 60% giá trị hao mòn tài sản cố định, phần lớn giá trị vật tư, nhất là vật tư nhập khẩu do quy định giá vật tư và tỷ giá hối đoái quá thấp.

*Xác định đúng* giá thành là phản ánh một cách khách quan những chi phí thực tế, hợp lý trong sản xuất — kinh doanh, loại bỏ những chi phí không hợp lý, không hợp lệ khỏi giá thành sản phẩm. Đó là những chi phí vượt quá định mức tiêu hao năng lượng, vật tư, thiết bị, tiền vốn, lao động; những chi phí ngoài chính sách, chế độ hoặc vượt quá các quy định của Nhà nước; là tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế v.v. Số liệu khảo sát thực tế ở Bộ công nghiệp nhẹ cho thấy, trong những năm gần đây đưa thêm từ nguồn cung ứng về tới xí nghiệp thường bị hao hụt từ 15% đến 20%, nguyên liệu giấy hao hụt từ 5% đến 10%. Ở nhiều xí nghiệp thuộc các ngành công nghiệp khác cũng có tình hình tương tự như vậy.

Việc tính đủ các yếu tố chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm *là cần thiết và cấp bách* nhằm phản ánh khách quan *lượng hao phí lao động xã hội cần thiết* đã tạo ra sản phẩm. Đại lượng này chính là thước đo để tính toán, đánh giá hiệu quả sản xuất — kinh doanh của một cơ sở sản xuất, của một ngành, một địa phương và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung. Giá thành sản phẩm còn làm căn cứ đầu tiên để quy định giá cả sản phẩm, để Nhà nước quy định các mối quan hệ về tài chính giữa xí nghiệp, ngành, địa phương với ngân sách, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa sản xuất và đời sống. Lâu nay, chúng ta chưa tính đủ các yếu tố chi phí và chưa xác định đúng giá thành sản phẩm cho nên việc vận dụng các phạm trù kinh tế quan trọng như hạch toán kinh tế, hiệu quả kinh tế, giá cả, tiền lương, tiền thưởng v.v. đều mang nặng tính hình thức, giả tạo, không có tác dụng kích thích, mà ngược lại, còn kìm hãm sản xuất, gây nên không ít hiện tượng tiêu cực.

Tính đủ chi phí sản xuất và xác định đúng giá thành sản phẩm sẽ góp phần tăng cường và cải tiến các mặt quản lý, đề ra được các biện pháp thiết thực nhằm hạ giá thành, tăng tích lũy.



Digitized by Google

Do vậy, tính đủ chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm là điểm xuất phát, đồng thời cũng là kết quả tất yếu của việc hình thành và hoàn thiện cơ chế quản lý mới.

Làm thế nào để tính đủ chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm trong điều kiện sản xuất – kinh doanh không ổn định, không đồng nhất, nhiều căn cứ tính toán chưa đầy đủ, chưa chính xác ở các xí nghiệp công nghiệp nước ta hiện nay?

Để tính đủ chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm cần nhận thức và giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản:

*a) Xác định đúng đắn yếu tố (khoản mục) khấu hao tài sản cố định.* Đây là một vấn đề khó khăn vì tài sản cố định trong công nghiệp nước ta gồm nhiều chủng loại, cũ, mới nhập từ nhiều nước trên thế giới, nhiều thế hệ kỹ thuật, nhiều loại giá, thời hạn mua sắm và sử dụng khác nhau. Do vậy việc tính khấu hao tài sản cố định phải bảo đảm những nguyên tắc chủ yếu:

– Tính khấu hao trên cùng một mặt bằng giá, đủ để khôi phục, tái tạo tài sản cố định. Đối với những thiết bị cũ cần được tổng kiểm kê, đánh giá về tính năng, tác dụng, giá trị còn lại của từng loại và căn cứ vào chi phí để khôi phục lại từng loại tài sản cố định mà tính khấu hao.

Đối với những loại tài sản cố định mới nhập khẩu, cần căn cứ vào giá vốn nhập khẩu, vào tỷ giá hối đoái mới và chính sách giá trong nước để quy định nguyên giá, làm cơ sở để tính khấu hao.

Tỷ lệ khấu hao lâu nay quy định chưa hợp lý, tỷ lệ khấu hao cơ bản quy định quá thấp; theo dự định quy định mới lại quá cao. Do vậy, cần căn cứ vào nguyên giá (hoặc giá quy định lại), vào thời hạn sử dụng hợp lý đối với từng loại tài sản cố định thuộc từng ngành công nghiệp để quy định lại tỷ lệ khấu hao cơ bản.

– Việc tính khấu hao sửa chữa lớn được quy định căn cứ vào mức khấu hao cơ bản là không hợp lý, mức tính quá thấp, không đủ cho công tác sửa chữa lớn thiết bị trong từng kỳ kế hoạch. Để khắc phục tình trạng này, tỷ lệ khấu hao sửa chữa lớn cần tính toán căn cứ vào lịch xích tu sửa, vào định mức vật tư, lao động và chi phí cho một đơn vị sửa chữa lớn, vào giá vật tư, phụ tùng thay thế, vào thang lương, bảng lương mới do Nhà nước ban hành.

– Tài sản cố định đã đưa vào sản xuất đều phải tính khấu hao; căn cứ vào quy định chung để tính đủ, không vì sợ giá thành tăng lên mà giảm mức khấu hao.

– Trong tình hình sản xuất không ổn định hiện nay, cũng cần căn cứ vào mức sử dụng công suất theo kế hoạch, vào đặc điểm hoạt động theo công nghệ hay theo đối tượng của thiết bị để tính khấu hao cho chính xác, đồng thời qua đó khuyến khích xí nghiệp phấn đấu nâng mức sử dụng công suất thiết bị ngày một cao hơn.

*b) Tính đủ và đúng chi phí vật tư cho sản xuất.* Theo Nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTUĐ (khóa V) giá vật tư («đầu vào») cũng như giá tiêu thụ sản phẩm («đầu ra») do Nhà nước thống nhất quản lý đều áp dụng cơ chế một giá. Như vậy có tồn tại «bốn nguồn» vật tư như trước đây nữa không, hay chỉ còn một nguồn duy nhất do Nhà nước cung ứng? Nếu Nhà nước không bảo đảm cung cấp đủ vật tư thì xí nghiệp có được phép mua ngoài, sau đó tiêu thụ sản phẩm với giá cao hơn giá Nhà nước quy định không?

Việc các cơ sở sản xuất chủ động khai thác các nguồn khả năng là một tồn tại tất yếu khách quan. Hiện nay ngay cả ở những nước tiên tiến với



Digitized by Google

điều kiện sản xuất đã được ổn định. Nhà nước cũng không thống nhất quản lý và cung ứng toàn bộ vật tư cần thiết cho xí nghiệp. Trong điều kiện nước ta, như quyết định số 162—HĐBT ngày 14-12-1984 của Hội đồng bộ trưởng về tổ chức hoạt động liên kết trong kinh tế đã khẳng định, sự liên kết đó là cần thiết với mục đích quan trọng là nhằm khai thác các nguồn khả năng, giải quyết các khó khăn, đồng bộ hóa năng lực sản xuất của các xí nghiệp để duy trì và phát triển sản xuất.

Với tinh thần trên, giá vật tư tính vào giá thành của sản phẩm công nghiệp được phân biệt như sau:

Vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý và cung ứng được tính vào giá thành theo giá do các cấp quản lý giá quy định (có phân biệt theo vùng). Đối với nông, lâm, hải sản chủ yếu được tính trong khung giá do Nhà nước quy định.

Vật tư do xí nghiệp tự cân đối: Đối với vật tư phải nhập của nước ngoài được tính theo giá vốn nhập theo tỷ giá kết toán nội bộ do Nhà nước quy định thống nhất trong cả nước và theo chính sách giá trong nước. Nhà nước áp dụng chính sách thu bù chênh lệch nhằm tạo ra mặt bằng giá thống nhất cho cùng một loại vật tư. Đối với vật tư sản xuất trong nước, nếu là vật tư có giá quy định của Nhà nước thì tính theo giá đó cộng thêm chi phí hợp lý cho việc mua và vận chuyển, nếu là vật tư chưa có giá của Nhà nước thì tính theo giá ghi trong hợp đồng hoặc giá thỏa thuận trên cơ sở tính đủ chi phí hợp lý, có lãi cho người sản xuất và có tích lũy cho Nhà nước.

c) *Tính đủ toàn bộ lương bằng tiền vào giá thành sản phẩm* theo chính sách lương mới của Nhà nước. Công việc này đòi hỏi phải soát xét, hoàn thiện hoặc xây dựng định mức lao động tổng hợp cho hợp lý. Định mức này bao gồm hao phí các loại lao động chính, lao động phụ, phụ trợ, lao động quản lý cho đơn vị sản phẩm. Căn cứ vào định mức lao động tổng hợp, thang, bảng và mức lương mới, quy định đơn giá tiền lương để tính vào giá thành.

Nhằm tính đủ tiền lương vào giá thành cũng cần xem xét và định lại tỷ lệ bảo hiểm xã hội, quy định mức chi các khoản tiền nhà, điện, nước, phương tiện đi lại, làm việc và thuốc chữa bệnh thông thường cho hợp lý và đưa toàn bộ các khoản chi phí này vào giá thành.

d) *Các khoản chi phí khác* như chi phí phân xưởng, chi phí quản lý xí nghiệp, chi phí ngoài sản xuất trong những năm gần đây thường tăng lên quá nhiều, đã đẩy giá thành lên cao. Theo yêu cầu của cơ chế quản lý mới, phải khẩn trương xem xét, quy định lại cho hợp lý các khoản chi phí nói trên.

Ngoài ra, cũng cần đưa vào giá thành sản phẩm một số khoản như: chi phí về thăm dò, khai thác trong ngành khai thác mỏ; chi phí thuê chuyên gia và liên kết kinh tế với nước ngoài. Trong tình hình các quan hệ liên kết kinh tế giữa các cơ sở sản xuất với các tổ chức, đơn vị kinh tế của các nước khác ngày càng được mở rộng, những chi phí trên cũng phục vụ trực tiếp cho sản xuất—kinh doanh của cơ sở, do vậy việc tính vào giá thành sản phẩm là cần thiết và hợp lý.

Như vậy các xí nghiệp phải *« tính đủ »* chi phí và *« xác định đúng »* giá thành sản phẩm. Điều này thể hiện tính kiên quyết và triệt để của cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp trong quản lý kinh tế. Tính đủ chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm cũng là một hệ thống biện pháp quan trọng đầu tiên nhằm thực hiện sự *chuyển hẳn* sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

Hai là, *về giá tiêu thụ sản phẩm.*

Thực hiện xí nghiệp tiêu thụ sản phẩm theo *giá bán buôn công nghiệp bình quân do Nhà nước quy định* cho toàn ngành công nghiệp. Trường hợp chưa có điều kiện để quy định giá ngành, mới dùng giá cá biệt của từng xí nghiệp.

Giá bán buôn công nghiệp được quy định trên cơ sở giá thành bình quân của ngành, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, có lãi cho người sản xuất và có tích lũy cho Nhà nước. Trong điều kiện bình thường, các xí nghiệp phải bảo đảm sản xuất — kinh doanh có lãi. Nhà nước không bù lỗ cho xí nghiệp, trừ trường hợp cá biệt phải bù lỗ theo chính sách, cũng phải xem xét cụ thể; xí nghiệp tiêu thụ sản phẩm theo giá bán buôn xí nghiệp (bao gồm giá thành hợp lý và lợi nhuận định mức).

Đối với những sản phẩm chưa có giá của Nhà nước, xí nghiệp tiêu thụ theo giá ghi trong hợp đồng hay giá thỏa thuận, đồng thời phải nộp thuế hoặc thu quốc doanh vào ngân sách. Các xí nghiệp thành viên của liên hiệp xí nghiệp chuyển giao cho nhau bán thành phẩm tự chế hay thực hiện dịch vụ công nghiệp theo giá bán buôn xí nghiệp.

Như vậy, xí nghiệp hạch toán kinh tế dựa vào kế hoạch và hạch toán giá thành, vào giá bán buôn xí nghiệp. Đối với những sản phẩm Nhà nước không quy định lợi nhuận định mức và không thu lợi nhuận (thường là các loại sản phẩm ngoài chỉ tiêu pháp lệnh), xí nghiệp hạch toán kinh tế căn cứ vào giá thành, thuế (hoặc thu quốc doanh) và giá bán buôn công nghiệp. Dù sao, đối với tất cả các loại sản phẩm, xí nghiệp cũng phải quan tâm đến giá bán buôn công nghiệp, vì nếu thu quốc doanh (hoặc thuế) quá lớn sẽ đẩy giá lên làm vượt quá sức mua của thị trường, sản phẩm bị ế đọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp.

Đây chính là một bước rất cơ bản, đòi hỏi xí nghiệp phải đổi mới kế hoạch, thực hiện hạch toán kinh tế, thật sự gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ba là, *gắn chặt tiền lương với năng suất, chất lượng, hiệu quả, thực hiện phân phối theo lao động.*

Muốn thực hiện nhiệm vụ này, các xí nghiệp phải cùng với việc sắp xếp, tổ chức lại sản xuất mà bố trí lại đội ngũ lao động theo yêu cầu của sản xuất — kinh doanh. Qua đó, xí nghiệp vận dụng các thang, bảng lương, bậc lương mới cho phù hợp với trình độ, trách nhiệm, kết quả sản xuất và công tác của mỗi người.

Theo yêu cầu của cơ chế quản lý mới, cần soát xét, quy định lại cho hợp lý các khoản phụ cấp trong quỹ lương như: phụ cấp ca ba, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm, thâm niên... các khoản tiền thưởng trong quỹ lương, khuyến khích làm lương theo sản phẩm. Cần đưa vào tiền lương khoản phụ cấp ăn giữa ca.

Tiền lương là phương tiện rất cơ bản bảo đảm đời sống của công nhân viên chức và gia đình họ. Việc giải quyết tiền lương hợp lý thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí có tính chất quyết định của người lao động trong quá trình sản xuất. Thực tiễn nhiều năm qua ở nước ta cho thấy, nếu tiền lương không được chú ý đúng mức và giải quyết thỏa đáng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì và tái sản xuất sức lao động, đến hiệu quả sử dụng các yếu tố khác của sản xuất và đến hiệu quả sản xuất — kinh doanh nói chung, kèm theo đó là sự phát sinh không ít những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Bốn là, *về tài chính tín dụng.*

Nhằm bảo đảm quyền tự chủ tài chính cho xí nghiệp, tạo điều kiện để



Digitized by Google

xí nghiệp có đủ vốn cho sản xuất — kinh doanh, nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯĐ (khóa V) đã chỉ rõ cần «chuyển đại bộ phận vốn đầu tư và toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp sang hình thức tín dụng»

Với tinh thần nêu trên, từ nay, phần lớn vốn đầu tư cơ bản, xí nghiệp sẽ vay ngân hàng. Nhà nước chỉ cấp phát vốn đầu tư cho các công trình lớn, quan trọng, vượt quá khả năng vốn tự có của xí nghiệp hoặc vốn cho vay của ngân hàng.

Chính sách này sẽ bảo đảm tập trung nguồn vốn trong tay Nhà nước để thực hiện những công trình đầu tư cơ bản lớn, trọng điểm, đồng thời khuyến khích xí nghiệp tạo nhiều vốn tự có, chủ động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư. Từ nay toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp cũng được chuyển sang hình thức vốn vay ngân hàng. Chính sách này nhằm đề cao trách nhiệm của xí nghiệp trong việc sử dụng có hiệu quả vốn, đồng thời tăng nhanh vòng quay đồng vốn trên phạm vi toàn xã hội thông qua việc chuyển hoạt động của ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện chủ trương nói trên, một mặt, đối với các xí nghiệp đang hoạt động, cần đánh giá, kiểm kê, định mức lại vốn lưu động. Nếu chưa đủ 50% vốn lưu động định mức theo nhiệm vụ kế hoạch thì ngân sách cấp cho đủ. Nếu vượt định mức nói trên, xí nghiệp phải nộp vào ngân sách phần vượt đó. Đối với các xí nghiệp mới đưa vào hoạt động, Nhà nước cấp toàn bộ 50% vốn lưu động định mức. Sau đó, mọi nhu cầu tăng thêm về vốn lưu động, các xí nghiệp đều phải vay ngân hàng và phải trả lãi.

Mặt khác, các cơ quan tài chính và ngân hàng cần sắp xếp lại tài chính, bảo đảm nguồn vốn để ngân hàng có thể đáp ứng nhu cầu tín dụng của các xí nghiệp. Ngân hàng cần cải tiến công tác tín dụng, có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất — kinh doanh của các xí nghiệp được thông suốt và có hiệu quả, nhất là ưu tiên đối với các xí nghiệp trọng điểm. Ngân hàng cần áp dụng các hình thức tín dụng và các mức lãi khác nhau nhằm khuyến khích phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật, cải tiến mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng xuất khẩu. Đối với những phương án đầu tư và sản xuất — kinh doanh xét thấy không có hiệu quả, ngân hàng có thể từ chối không cho vay vốn.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất — kinh doanh của xí nghiệp, cần quy định lại mức tiền mặt tồn quỹ theo hướng tăng lên phù hợp với cơ chế giá — lương — tiền mới.

Với cơ chế mới, khi giá cả các mặt hàng trong nước đã được nâng lên để khỏi bù lỗ (cho nhiều mặt hàng), khi tỷ giá hối đoái đã tăng lên, khi giá thành đã tính đủ các chi phí, cần cải tiến chế độ thu quốc doanh theo hướng: giảm tỷ lệ thu so với trước; không thu trùng lặp ở nhiều khâu đối với một loại sản phẩm (xe đạp, sợi, vải, quần áo may sẵn...) mà chỉ thu ở khâu cuối cùng: sản phẩm (hay bán thành phẩm) đã đưa ra lưu thông. Nếu vẫn giữ chế độ thu quốc doanh như hiện nay, chắc chắn giá nhiều loại sản phẩm sẽ tăng nhanh vượt sức mua của xã hội, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sản xuất. Hơn nữa, cũng không có tác dụng khuyến khích tăng cường chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất trong nền kinh tế quốc dân.



Digitized by Google

# Qua mười năm xây dựng huyện

**NGUYỄN VĂN CHÂN**
*Bí thư Huyện ủy Điện bàn*

## QUYẾT TÂM XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG – CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Sau ngày quê hương giải phóng, đảng bộ và nhân dân Điện bàn tập trung sức khôi phục và phát triển sản xuất, nhanh chóng khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, và sau mười năm cải tạo và xây dựng kinh tế, đã bước đầu đưa *huyện trở thành cấp quản lý kinh tế – xã hội toàn diện, có cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp trên địa bàn huyện.*

Kinh nghiệm cho thấy từ một huyện căn bản là nông nghiệp, đất ít người đông, muốn xây dựng và phát triển kinh tế, xây dựng cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp, *trước tiên phải xác định hướng đi đúng, tập trung vào mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, giải quyết cho được vấn đề lương thực, từ đó phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, phân công lại lao động, hình thành cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp trên địa bàn huyện.* Hướng đi đó phù hợp với yêu cầu cấp bách của huyện chúng tôi sau ngày giải phóng là phải nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất nhằm ổn định đời sống nhân dân. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, chúng tôi đã phát động mạnh mẽ phong trào khai hoang, phục hóa, tháo gỡ bom mìn, quy hoạch mồ mả, kết hợp với quy hoạch đồng ruộng, giao thông, thủy lợi và khu dân cư, nhằm mở rộng diện tích canh tác. Đi đôi với mở rộng diện tích canh tác, chúng tôi tiến hành thay đổi cơ cấu mùa vụ, đưa giống lúa mới ngắn ngày có năng suất cao thay hệ thống giống lúa cũ, làm thêm vụ xuân hè, áp dụng đồng bộ các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất cây lúa, cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày, làm tăng nhanh sản lượng lương thực, khắc phục nạn thiếu ăn. Chúng tôi đẩy mạnh chăn nuôi tập thể và gia đình, tăng nhanh sản lượng thịt đủ cung cấp cho nhu cầu đời sống nhân dân, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và tạo ra một lượng phân bón lớn phục vụ cho thâm canh cây trồng và cải tạo đồng ruộng. Với tinh thần tự lực, tự cường, cộng thêm sự giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh, chỉ trong một thời gian ngắn, Điện bàn đã phục hồi được sản xuất, đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Từ đó, chúng tôi chuyển công tác xây dựng huyện sang thời kỳ mới – thời kỳ phát triển kinh tế – xã hội theo quy hoạch và kế hoạch.

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, huyện chúng tôi đã xác định rõ *hai thế mạnh* về kinh tế của địa phương là *nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp* và một mũi nhọn là *xuất khẩu*. Cùng với việc chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện, chúng tôi nhanh chóng khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống: trồng dâu



Digitized by Google

nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa, làm đồ nhuộm đồng, gạch ngói v.v. khuyến khích phát triển các ngành nghề mới như: làm giấy, khai thác, chế biến gỗ, cơ khí, xay xát và làm một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu. Huyện đã xây dựng nhiều cơ sở công nghiệp quốc doanh và tập thể, tổ chức liên doanh sản xuất, chế biến giữa hợp tác xã nông nghiệp với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đồng thời phát triển mạnh ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp và nghề phụ thủ công trong gia đình, từng bước kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ cơ sở và trên địa bàn huyện. Đến nay, ngoài 37 hợp tác xã nông nghiệp, trong huyện còn có 4 xí nghiệp quốc doanh, 2 xí nghiệp liên doanh, 25 hợp tác xã chuyên doanh, 19 tổ hợp tác, 37 đội ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp. Do xác định rõ tiềm năng và thế mạnh của huyện, Điện bàn đã hoàn chỉnh được việc xây dựng quy hoạch tổng thể là nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, mở rộng diện tích canh tác, hình thành các vùng chuyên canh tập trung, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, nhất là cây lúa, sáu năm liền Điện bàn đạt năng suất lúa bình quân hơn 10 tấn ha/năm trên diện tích 6000 ha. Riêng 2 năm 1983 — 1984 Điện bàn đạt năng suất lúa bình quân hơn 11,3 tấn/ha và đang phấn đấu thực hiện mục tiêu huyện 12 tấn vào năm 1985.

Đến cuối năm 1983, Điện bàn đã đạt được một số mục tiêu chủ yếu đề ra trong kế hoạch từ năm 1976 đến hết năm 1985, trong đó, tổng sản lượng lương thực đạt gần 74 000 tấn, tăng gấp 5 lần so với năm 1976, nhịp độ tăng lương thực hàng năm là 20,3%. Bình quân lương thực đầu người từ 129kg năm 1976 lên 500kg năm 1984. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1984 đạt 152 triệu đồng (giá cố định năm 1982), tăng 31 lần so với năm 1976, bình quân hằng năm tăng 52%, tỷ trọng công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chiếm 40,7% trong tổng giá trị sản lượng nông — công nghiệp của huyện. Mười năm liền, Điện bàn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu huy động lương thực (năm 1984 tăng gấp 5 lần so với năm 1976). Công tác thu mua nông sản thực phẩm, hàng xuất khẩu có nhiều tiến bộ.

Điện bàn có bờ biển dài 8km; đây cũng là thế mạnh của huyện. Chúng tôi đã chú trọng phát triển ngư nghiệp để hoàn chỉnh cơ cấu nông — công nghiệp, tập trung cải tạo và phát triển nghề cá, kết hợp "chân biển, chân đồng", vừa đánh bắt, vừa chế biến tại chỗ. Chúng tôi đã liên kết với các huyện miền núi, tổ chức trồng rừng, bảo vệ rừng và khai thác lâm sản, thành lập xí nghiệp khai thác, chế biến gỗ, thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng, từng xã, hợp tác xã đều tổ chức trồng cây thực hiện nông — lâm kết hợp. Toàn bộ vùng đất cát ven biển đều được phủ kín màu xanh, tạo thêm nguồn thu nhập cho nhân dân, phục vụ cho tuyến phòng thủ ven biển.

Dựa vào hai thế mạnh về nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, có kết hợp phát triển ngư nghiệp và lâm nghiệp, huyện chúng tôi chủ trương đẩy mạnh *phong trào làm hàng xuất khẩu*, coi xuất khẩu là *mũi nhọn* để phát triển mạnh kinh tế địa phương. Chỉ trong vòng 8 năm (từ 1981—1984), kim ngạch xuất khẩu của huyện tăng gấp 15 lần — điều này đã có tác dụng đẩy nhanh quá trình hình thành cơ cấu kinh tế nông—công nghiệp trên địa bàn huyện, giải quyết được công ăn việc làm cho người lao động, giúp cho huyện có ngoại tệ để nhập vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân địa phương, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách.

Từ việc xác định đúng những thế mạnh về kinh tế của địa phương và



Digitized by Google

xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế của huyện, ở huyện chúng tôi đã hình thành mô hình kinh tế nông – công nghiệp với 5 vùng kinh tế – kỹ thuật rõ rệt: 1) *Ba xã vùng Gò nổi* (phía nam sông Thu bồn) là vùng chủ yếu trồng dâu, nuôi tằm, trồng cây xuất khẩu và trồng lúa cao sản; 2) *Ba xã vùng cát ven biển* là vùng chủ yếu sản xuất các loại cây màu, cây xuất khẩu ngắn và dài ngày, thuốc lá, trồng rừng, đánh bắt hải sản, phát triển chăn nuôi, làm rau màu và một ít lúa nước. 3) *Mười xã nằm dọc đường số 1, dọc hai bên tỉnh lộ và dọc phía bắc sông Thu bồn* là vùng tập trung sản xuất lúa nước; 4) *Vùng trung tâm huyện* làm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ; 5) *Vùng các xã có lúa và màu*, chuyên canh mía và chế biến nông sản.

Để thúc đẩy sản xuất phát triển, chúng tôi đã tập trung xây dựng các cơ sở kinh doanh thương nghiệp ở trung tâm huyện và từng khu vực (cụm kinh tế kỹ thuật), xây dựng mạng lưới hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng ở các xã và hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Chúng tôi sử dụng đòn bẩy kinh tế, nhất là trong khu vực kinh tế tập thể để kích thích sản xuất và thu mua nắm nguồn hàng. Đến nay, toàn huyện có 7 công ty quốc doanh do huyện quản lý và đi vào hạch toán độc lập, đồng thời mở rộng mạng lưới hợp tác xã mua bán, mở quầy đến từng đội sản xuất nông nghiệp, đưa hàng đến phục vụ tận tay người tiêu dùng, giới hạn bán buôn, tăng cường bán lẻ, chiếm lĩnh được thị trường nông thôn, bảo đảm cung cấp các nhu yếu phẩm cho cán bộ, công nhân, viên chức và người nghỉ hưu, mất sức. Nhờ vậy, huyện đã thu mua nắm được từ 70 đến 75% nguồn hàng sản xuất trong huyện, làm chủ thị trường về hàng hóa, tiền tệ, giá cả, thống nhất phân phối, các sản phẩm hàng hóa chủ yếu. Trên cơ sở đó, huyện đã thực hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều để trao đổi vật tư, nguyên liệu, hàng hóa giữa Nhà nước với nông dân; đồng thời thực hiện việc quản lý ngân sách, và từ năm 1982 đến nay đã cân đối được thu chi trên địa bàn huyện.

Đi đôi với việc chỉ đạo khôi phục và phát triển kinh tế, chúng tôi đã chăm lo phát triển mạng lưới giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, trạm y tế, bệnh viện, vận động nhân dân sinh đẻ có kế hoạch, đã hạ tỷ lệ phát triển dân số từ 2,8% năm 1978 xuống còn 1,6% năm 1984; đẩy mạnh phong trào văn hóa văn nghệ v.v... thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, kết hợp chặt chẽ kinh tế và quốc phòng, xây dựng huyện trở thành đơn vị quản lý kinh tế toàn diện, có cơ cấu nông – công nghiệp và là pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc.

## TẬP TRUNG XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT – KỸ THUẬT

Sau ngày giải phóng, đảng bộ huyện Điện bàn đứng trước cảnh hoang tàn đổ nát hết sức nặng nề, cơ sở vật chất – kỹ thuật còn lại không có gì đáng kể, không có một công trình thủy lợi, một khung dệt, một cơ sở công nghiệp nào. Trong điều kiện như vậy, yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho huyện khá lớn và rất đa dạng, trong lúc điều kiện vốn, vật tư, nguyên liệu của Nhà nước còn khó khăn. Vấn đề đặt ra là phải căn cứ vào đặc điểm tình hình của từng nơi để có phương hướng và bước đi thích hợp với yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế huyện. Phải vừa quy hoạch, hướng dẫn và tạo điều kiện cho cơ sở chủ động làm, vừa xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật trên địa bàn huyện và ở từng tiểu vùng, tạo điều



Digitized by Google

kiện thực hiện tốt quy hoạch của huyện. Trước hết là phải tiến hành quy hoạch khu dân cư, quy tụ mồ mả để mở rộng diện tích canh tác, xây dựng hệ thống thủy lợi, kết hợp tốt giữa giao thông với thủy lợi, thực hiện thục tiêu hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa, xem thủy lợi là biện pháp *hàng đầu* để tăng năng suất cây trồng, tạo điều kiện từng bước đưa cơ giới vào đồng ruộng, ứng dụng các biện pháp đầu tư thâm canh theo chiều sâu, tăng năng suất cây trồng, cải tạo từng vùng sinh thái.

Trong hoàn cảnh vốn đầu tư của Nhà nước rất hạn chế, mỗi năm chỉ trên dưới 1 triệu đồng, đáp ứng không đến 10% yêu cầu tối thiểu của huyện, nếu chỉ trông chờ vào vốn Nhà nước thì không biết bao giờ mới thực hiện được những nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra trong phương án quy hoạch của huyện. Chính từ tình hình đó, huyện ủy sớm đề ra chủ trương huy động sức người, sức của của nhân dân trong huyện để xây dựng kinh tế. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", phát huy tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn đề vươn lên, 10 năm qua, huyện chúng tôi đã *xây dựng được những cơ sở vật chất — kỹ thuật tương đối đồng bộ, đều khắp trên địa bàn huyện*, phát huy được tác dụng, hiệu quả phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện. Đến nay, toàn huyện đã xây dựng được 18 trạm bơm điện với 120 máy bơm, mỗi máy có công suất 1 000 $m^3$/h, 200 km kênh mương chính, mở ra 11 000 ha đất canh tác, cải tạo 3 000 ha đồng ruộng. Tính chung tổng số vốn đầu tư xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa xã hội và quốc phòng của huyện từ năm 1976 đến năm 1984 lên tới gần 315 triệu đồng, trong đó vốn huy động trong nhân dân chiếm hơn 65%, chưa kể hàng triệu ngày công do nhân dân đóng góp.

Chính nhờ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật một cách đồng bộ, huyện chúng tôi đã cơ bản khắc phục được hậu quả nặng nề của chiến tranh, làm thay đổi bộ mặt xã hội, xây dựng nông thôn mới ngày càng văn minh tiến bộ.

## GẮN XÂY DỰNG VỚI CẢI TẠO — GẮN XÂY DỰNG HUYỆN VỚI XÂY DỰNG CƠ SỞ

Thắng lợi có ý nghĩa rất lớn của huyện chúng tôi là từ năm 1979 đã hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, xác lập quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh cũng cơ bản hoàn thành, thu hút 70% thợ thủ công, 60% tiểu thương đi vào sản xuất và làm ăn tập thể. Điều đó đã góp phần làm thay đổi cơ bản tính chất xã hội, tạo nên sức sản xuất mới.

Nhận rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, ngay trong quá trình phục hóa khai hoang, huyện chúng tôi đã tổ chức nông dân vào các tổ sản xuất có định mức khoán việc, nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ trong sản xuất. Đến năm 1978, đi đôi với việc thực hiện quy hoạch thủy lợi, chúng tôi chủ động tiến hành chỉ đạo xây dựng thử hai hợp tác xã nông nghiệp ở xã Điện thọ. Sau khi xây dựng thử thành công hai hợp tác xã này, chúng tôi phát động cả huyện đi vào cao trào hợp tác hóa nông nghiệp. Cuối năm 1979 đã có 37 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 100% hộ nông dân đi vào làm ăn tập thể, 100% ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác được tập thể hóa. Kinh nghiệm cho thấy *thủy lợi hóa đi đôi với hợp tác hóa và quá trình hợp tác hóa từ tổ đoàn kết sản xuất*



Digitized by Google

*có định mức khoán việc tiến thẳng lên hợp tác xã bậc cao là phù hợp với thực tế và sự giác ngộ của nông dân trong huyện chúng tôi.* Vận dụng đường lối của Đảng về hợp tác hóa và phát triển sản xuất nông nghiệp, huyện chúng tôi đã tìm được bước đi thích hợp với quy mô vừa phải từ 200 ha đến 250 ha một hợp tác xã, bình quân mỗi xã có 2,4 hợp tác xã, vừa hợp quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vừa tôn trọng tính tự nguyện của nông dân. Khi đưa nông dân vào hợp tác xã chúng tôi còn vận dụng nhiều chính sách có tác dụng khuyến khích sản xuất phát triển và củng cố quan hệ sản xuất mới như: chính sách đầu tư không hoàn lại cho hợp tác xã, cho mỗi hợp tác xã 10 $m^3$ gỗ, 10 tấn xi măng, 100 tấn vôi để xây dựng sân phơi, nhà kho, cải tạo đồng ruộng; Chính sách trả hoa lợi ruộng đất, hóa giá trâu bò, nông cụ, tạm thời cho xã viên mượn dắt màu sản xuất, đổi phân chuồng bằng thóc không mua bằng tiền v.v.

Sau khi hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp, chúng tôi coi trọng việc ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thay cơ cấu giống lúa cũ bằng tập đoàn giống có năng suất cao. Các hợp tác xã đều có đội chuyên giống cấp II. Huyện tổ chức 3 hợp tác xã chuyên sản xuất giống cung cấp trong địa bàn huyện. Đàn lợn được cải tạo, tỷ lệ lợn lai kinh tế tăng nhanh, trọng lượng lợn xuất chuồng được nâng lên. Các biện pháp khoa học kỹ thuật liên hoàn được thực hiện nghiêm túc. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã quyện chặt với cách mạng quan hệ sản xuất và thật sự đã đóng vai trò then chốt làm cho năng suất và sản lượng cây trồng và con vật nuôi ngày càng tăng nhanh.

Đối với nghề cá, chúng tôi đã hoàn thành cơ bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, hình thành 31 tổ hợp tác đánh bắt, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, trang bị phương tiện đánh bắt, xây dựng cơ sở chế biến, hậu cần phục vụ nghề biển.

Đối với công thương nghiệp tư doanh, trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng tôi đã vận động tư nhân *chung vốn kinh doanh, thành lập nhiều tổ sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm cho huyện và từ hình thức này đi lên.* Ở đây, chúng tôi đã kết hợp các hình thức: *tổ sản xuất, hợp tác xã, quốc doanh, liên doanh giữa các hợp tác xã và giữa hợp tác xã với quốc doanh.* Trong các hình thức tổ chức sản xuất đó, thì *hợp tác xã* là hình thức phổ biến, phù hợp với trình độ sản xuất và quản lý của huyện chúng tôi, đem lại hiệu quả kinh tế lớn. Trong khi phát triển sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi rất coi trọng khu vực sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp và gia đình xã viên. Có xã như xã Điện thắng, hầu hết số hộ xã viên nông nghiệp đều làm thủ công nghiệp và giá trị sản lượng của khu vực thủ công nghiệp gia đình này chiếm 30% giá trị tổng sản lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp toàn xã.

Trong các loại hình thức hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thì *nhà máy giấy Điện bàn* là một điển hình, nó ra đời từ một tổ hợp sản xuất, tư nhân hùn vốn lập tổ hợp, hợp đồng thợ, mua là khai thác nguyên liệu về sản xuất... *Liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng Điện ngọc* là một hình thức liên hợp sản xuất nông–công nghiệp giữa hợp tác xã chuyên doanh tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và ba hợp tác xã nông nghiệp trong cùng xã Điện ngọc (cũng từ một tổ hợp đi lên). Liên doanh sản xuất này nảy sinh từ yêu cầu phải có sự hợp tác giữa hợp tác xã chuyên doanh về vật liệu xây dựng và hợp tác xã nông nghiệp. Các hợp tác xã nông nghiệp góp vốn và cung cấp lao động



Digitized by Google

và đất cho liên doanh sản xuất và cùng với liên doanh chia lãi hằng năm. Ngoài ra, Điện bàn còn liên kết với các huyện bạn như huyện Giằng ở miền núi để xây dựng các cơ sở làm gạch ngói và đồ mộc trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Trong lãnh đạo phát triển tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, huyện ủy mạnh dạn vận dụng nhiều chính sách thu hút và sử dụng những người có vốn, có tay nghề khá, tạo ra được nguồn vốn ban đầu khá dồi dào với hàng trăm tay nghề có nhiều kinh nghiệm. Chúng tôi đã mời các chuyên gia kỹ thuật giỏi ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà nội về Điện bàn để giúp thiết kế và hướng dẫn kỹ thuật trong một số ngành sản xuất. Để khuyến khích họ phát huy hết năng lực chuyên môn, chúng tôi đã trả lương thích đáng.

## XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VỮNG MẠNH, ĐI ĐÔI VỚI PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA QUẦN CHÚNG

Để xây dựng huyện trở thành một đơn vị phát triển kinh tế – xã hội toàn diện, chúng tôi hết sức chú trọng *xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh*, gắn xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán từ đội sản xuất đến các phân hội, tiểu tổ các đoàn thể quần chúng, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của các tổ chức Đảng ở cơ sở, thúc đẩy mọi phong trào cách mạng của quần chúng tiến lên.

Đảng bộ Điện bàn vốn là một đảng bộ có truyền thống đấu tranh cách mạng được tôi luyện, thử thách trong kháng chiến chống đế quốc xâm lược. Từ sau ngày giải phóng chúng tôi chăm lo xây dựng đảng bộ vững mạnh về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, không ngừng nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ, làm cho đảng bộ ngày càng vững vàng và năng động trong xây dựng và quản lý kinh tế – xã hội. Chúng tôi đã có nhiều biện pháp *xây dựng tổ chức Đảng ở cơ sở đi đôi với xây dựng huyện*, coi đây là một phương châm quan trọng trong công tác xây dựng Đảng của đảng bộ. Việc giữ vững và nâng cao phẩm chất đảng viên được tiến hành bằng giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị và năng lực hành động cách mạng của mỗi người.

Để từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, đảng bộ chúng tôi đã chăm lo công tác phát triển Đảng. Mười năm qua đã kết nạp 1200 người vào Đảng, số này hầu hết là đoàn viên thanh niên ưu tú đã được rèn luyện thử thách trong thực tiễn của các phong trào quần chúng. Lực lượng đảng viên được phân bố đều khắp, nhất là ở các đội sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, trường học, các lực lượng vũ trang. Chúng tôi *gắn công tác phát triển Đảng với công tác quy hoạch cán bộ, với việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*, mạnh dạn giao nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ trẻ và qua thực tiễn công tác mà bồi dưỡng họ thành những cán bộ chủ chốt của phong trào cách mạng. Hiện nay trong huyện đã có 2/3 tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở yếu. Do đó đảng bộ huyện chúng tôi đã được Trung ương Đảng công nhận và trao cờ « Đảng bộ huyện vững mạnh ».

Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ xây dựng và quản lý kinh tế đòi hỏi *phải có đội ngũ cán bộ có trình độ chính trị, văn hóa khá, có kiến thức khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế – xã hội, có phẩm chất cách mạng vững vàng*. Trong những năm qua, huyện chúng tôi đã mở trường đào tạo và



Digitized by Google

gửi đi học ở các trường tỉnh, trung ương gần 3 000 cán bộ các loại, kể cả cán bộ đội sản xuất, trong đó phần lớn là cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế. Nhiều cán bộ, đảng viên sau khi đi học về đã trở thành những cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế giỏi, năng động, tháo vát, đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

Mười năm qua, huyện Điện bàn đã có những bước tiến đáng phấn khởi trong nhiệm vụ cải tạo, xây dựng, phát triển kinh tế — xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình huyện nông — công nghiệp được hình thành ngày càng rõ nét, trên địa bàn huyện chúng tôi. Bước vào thời kỳ mới, Điện bàn quyết tâm phấn đấu vươn lên mạnh mẽ hơn nữa, chuyển hướng toàn diện kinh tế — xã hội theo hướng mở ra *3 vùng kinh tế*, khai thác theo chiều sâu tại chỗ, mở rộng ra biển, tổ chức và phân bố lại lao động, mở ra vùng kinh tế mới phía tây của tỉnh, tiếp tục xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, lấy xuất khẩu làm mũi nhọn, gắn chặt việc phát triển kinh tế với đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, gắn việc xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Trước mắt, chúng tôi ra sức thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ Tám của Trung ương Đảng, thi hành các chính sách của Đảng và Nhà nước về giá — lương — tiền kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đưa Điện bàn tiến lên những bước phát triển mới.

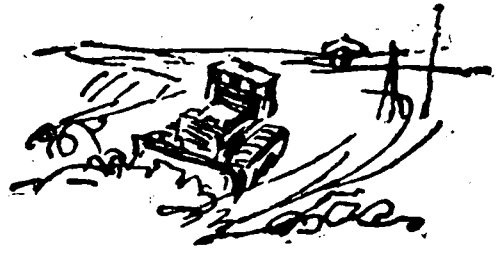



Digitized by Google

# Công tác giáo dục truyền thống ở huyện Bến hải

HOÀNG VĂN HIẾN
*Trưởng ban tuyên huấn*
*Huyện ủy Bến hải*

BẾN HẢI, mảnh đất nằm giữa Bình trị thiên bất khuất, là sự hợp nhất của hai huyện cũ : Vĩnh linh ở phía Bắc và Gio linh ở phía Nam. Do đó Bến hải mang đặc điểm của hai miền, là hình ảnh thu nhỏ của cả tỉnh, cả nước.

Dưới thời thực dân phong kiến, Bến hải nghèo đói xác xơ, nhưng lại rất giàu truyền thống cách mạng. Từ những năm 1930, các chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên như Huỳnh công, Quảng xá, Thương lập, Chợ cầu đã ra đời. Tháng 8-1945, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng bộ Bình trị thiên, hai huyện nhất tề nổi dậy giành chính quyền. Khi thực dân Pháp phát động chiến tranh xâm lược nước ta, hai huyện đã cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp và đã góp phần giành thắng lợi. Năm 1954, hiệp định Giơ-ne-vơ lấy con sông Bến hải làm giới tuyến quân sự tạm thời giữa ta và địch. Và, theo hiệp định, sau 2 năm, hai bên sẽ hiệp thương tuyển cử để thống nhất đất nước. Song, với tham vọng ngông cuồng « kéo dài biên giới Hoa kỳ đến vĩ tuyến 17 », đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã ra sức phá hoại hiệp định. Ở Gio linh, chúng ráo riết gom dân lập ấp chiến lược, từ đây chém giết dã man những người kháng chiến cũ ; xây dựng các hệ thống đồn bốt, rồi thiết lập hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra, tung gián điệp, biệt kích, thám báo, kết hợp tuyên truyền xuyên tạc, bôi nhọ, nói xấu chế độ ta, ra sức phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Từ đó, con sông Bến hải hiền hòa biến thành con sông chia cắt ; cầu Hiền lương nghẽn lối người qua, gây nên cảnh cùng chung một huyện, một xã, một làng, thậm chí một gia đình, mà kẻ Bắc, người Nam, hàng chục năm cách chia thương nhớ.

Song, cũng chính điều đó đã tạo nên sức mạnh căm thù của quân và dân Bến hải đối với kẻ thù xâm lược. Để làm hậu thuẫn cho miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà, với sự nỗ lực của mình, được Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ quan tâm, các nước xã hội chủ nghĩa anh em tận tình giúp đỡ, Vĩnh linh đã từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng kinh tế, quốc phòng ngày càng vững mạnh, thành tiền đồn vững chắc của miền Bắc, hậu phương trực tiếp của miền Nam. Gio linh, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam, từ đấu tranh chính trị, binh vận tiến lên đấu tranh vũ trang ; kết hợp « hai chân, ba mũi » diệt ác, phá kìm, làm thất bại âm mưu



Digitized by Google

bình định của địch. Hai huyện trở thành nơi dụng đầu lịch sử giữa hai thế lực cách mạng và phản cách mạng ở Việt nam và trên thế giới.

Hoảng sợ trước sự lớn mạnh không ngừng của lực lượng cách mạng, ngày 5-8-1964 đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc hòng làm suy yếu hậu phương lớn của cuộc kháng chiến và ngăn chặn sự chi viện trực tiếp của miền Bắc đối với miền Nam. Từ đây Vĩnh linh trở thành mục tiêu đánh phá có tính hủy diệt của địch. Tất cả những gì đảng bộ và nhân dân Vĩnh linh xây dựng được trong 10 năm (1951 — 1961) đều bị bom đạn Mỹ phá hủy hoàn toàn. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, chỉ tính từ năm 1965 đến năm 1972 đế quốc Mỹ đã dội xuống mảnh đất nhỏ hẹp này hơn nửa triệu tấn bom đạn, bình quân mỗi người dân phải chịu 7 tấn, với nhiều loại chất độc hóa học, truyền đơn, hàng tâm lý chiến.. Bao làng xóm ra tro, bao bà con, đồng chí Vĩnh linh bị giết hại, bao bệnh viện, trường học bị thiêu hủy, bao cầu cống, ruộng đồng bị tàn phá. Song « Không có gì quý hơn độc lập tự do », quân và dân Vĩnh linh đã vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, ngoan cường dũng cảm đánh trả máy bay, tàu chiến, biệt kích địch, vừa cùng cả nước chi viện sức người, sức của cho miền Nam mà trực tiếp là cho Trị thiên — Huế, phối hợp tuyệt đẹp với Gio linh, đánh địch giòn giã trên các chiến trường. Đặc biệt ngày 11-11-1966, trong một ngày đã bắn rơi tại chỗ 6 máy bay, bắt sống 4 giặc lái Mỹ, được Bác Hồ gửi thư khen:

« Đánh cho giặc Mỹ tan tành
Năm châu khen ngợi Vĩnh linh anh hùng ».

Gio linh được sự chi viện của cả nước mà trực tiếp là của Vĩnh linh, đã kiên cường dũng cảm, thông minh mưu trí, đập tan tuyến hàng rào điện tử Mác Na-ma-ra của địch kéo dài từ Cửa Việt đến Dốc miếu, Cồn tiên. Gio linh đã phối hợp chặt chẽ với chiến trường Đường 9 — Nam Lào, đánh bại cuộc hành quân « Lam sơn 719 » của Mỹ — ngụy năm 1971, đồng loạt tiến công và nổi dậy phá bung khu tập trung, quét sạch hệ thống đồn bốt của địch, giải phóng hoàn toàn quê hương năm 1972; cùng Trị thiên — Huế tạo ra vùng giải phóng rộng lớn, làm bàn đạp cho quân và dân ta tiến công vào sào huyệt cuối cùng của Mỹ — ngụy trong mùa xuân 1975 đại thắng. Trên thực tế, từ giữa năm 1967 sông Bến hải không còn là giới tuyến quân sự giữa ta và địch.

Tính chung trong 20 năm chống Mỹ, cứu nước, quân và dân Bến hải đã cùng với các lực lượng chủ lực, diệt và loại khỏi vòng chiến đấu gần 50 000 tên địch, trong đó có gần 8 000 tên Mỹ, bắn rơi 461 máy bay, bắn chìm, bắn cháy hàng trăm tàu, sà lan, hàng nghìn xe, thu hàng vạn súng các loại, hàng nghìn tấn quân trang quân dụng; gọi hàng hàng nghìn tên địch. Với thành tích đó, Vĩnh linh đã được Bác Hồ 8 lần gửi thư khen và tặng danh hiệu « Vĩnh linh lũy thép anh hùng »; Gio linh được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam tặng 8 chữ vàng: « Tiến công, nổi dậy, anh dũng, kiên cường ». Toàn huyện được Đảng và Nhà nước tặng một huân chương Độc lập hạng nhất, hai huân chương Độc lập hạng nhì, một huân chương Thành đồng hạng nhì; 26 đơn vị và 17 cá nhân được tuyên dương anh hùng; hàng nghìn đơn vị và cá nhân được tặng huân chương các loại

Truyền thống cách mạng của Bến hải thật vẻ vang. Do có truyền thống đó mà Bến hải được cả nước tin yêu và mến phục. Thế nhưng, từ sau đại thắng mùa xuân năm 1975, trước những khó khăn mới của đất nước, nhiều biểu hiện tiêu cực đã nảy sinh ở Bến hải. Những nọc độc văn hóa đồi trụy dưới thời Mỹ — ngụy đã ảnh hưởng khá lớn đến lớp trẻ. Tư tưởng bao cấp,



Digitized by Google

công thần, thỏa mãn, ỷ lại, trông chờ, bảo thủ, trì trệ xuất hiện trong một số không ít cán bộ, đảng viên. Nhiều đơn vị trước đây nổi tiếng trong đánh giặc, thì nay bị các tư tưởng nói trên kìm bước tiến. Phong trào giẫm chân tại chỗ.

Trước tình hình đó, Huyện ủy Bến hải đã chủ trương *đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống* rộng rãi trong đảng bộ, trong nhân dân và đặc biệt trong thanh niên thiếu niên toàn huyện; coi giáo dục truyền thống cách mạng là bộ phận quan trọng trong sự nghiệp giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, qua đó mà xây dựng ý chí cách mạng, động viên nhân dân vượt qua mọi thử thách để giành thắng lợi trong giai đoạn cách mạng mới.

Ngành văn hóa thông tin Bến hải, được sự chỉ đạo, giúp sức của Sở văn hóa thông tin tỉnh Bình trị thiên đã phát động phong trào kiểm kê các di tích lịch sử, di tích cách mạng ở từng cơ sở, lập bản đồ truyền thống, viết lịch sử địa phương, tổ chức xây bia cắm biển, đánh dấu những địa danh lịch sử, những trận chiến thắng quân thù và cả những chứng tích tội ác do kẻ thù gây ra. Đặc biệt là qua kiểm kê soát xét, mà chọn ngày có ý nghĩa lịch sử để tổ chức hội truyền thống hằng năm của từng đơn vị.

Phong trào kiểm kê di tích, giáo dục truyền thống được chỉ đạo mở đầu ở Vĩnh thủy, một xã vùng trọng điểm lúa của huyện. Vĩnh thủy là nơi có truyền thống cách mạng nhiều đời, là căn cứ kháng chiến của Vĩnh linh thời kỳ chống thực dân Pháp và cũng là nơi đã cùng bộ đội pháo binh lập nên chiến công hiển hách, trong ngày 11-11-1966 bắn rơi tại chỗ 6 máy bay địch, bắt sống nhiều giặc lái, được Bác Hồ gửi thư khen, được Đảng và Nhà nước tuyên dương đơn vị anh hùng. Công việc kiểm kê di tích, phát huy truyền thống được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng, của chính quyền xã và sự hướng dẫn nghiệp vụ của ngành văn hóa thông tin tỉnh và huyện. Qua kiểm kê xác minh, Vĩnh thủy đã lập được bản đồ truyền thống, tổ chức phòng trưng bày về truyền thống trong trường học, vận động nhân dân góp tiền xây dựng bia di tích. Năm 1981 đảng bộ và Hội đồng nhân dân xã Vĩnh thủy quyết định lấy ngày 11-11 hằng năm làm ngày hội truyền thống của xã. Kể từ năm 1981, Vĩnh thủy đã liên tục duy trì đều đặn ngày hội truyền thống của mình và cứ mỗi năm, hình thức, nội dung lại được cải tiến và nâng cao hơn trước. Ngày hội truyền thống ở Vĩnh thủy đã có ý nghĩa và tác dụng thiết thực. Nó giúp mọi người ôn lại và phát huy truyền thống của nhân dân xã nhà, biến ngày hội thành ngày ký giao ước thi đua giữa các đơn vị trong xã, đưa những thành tích, những con số sản phẩm tăng thêm do nâng cao năng suất lao động, những mặt hàng mới của nông nghiệp, thủ công nghiệp, của các đơn vị và cá nhân vào nhà truyền thống xã; thưởng công xứng đáng cho các đơn vị và cá nhân có thành tích trên tất cả các mặt hoạt động. Nhờ vậy, hằng năm không khí thi đua lập thành tích hướng về ngày hội truyền thống thôi thúc mọi người phải làm sao để xứng đáng với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

Từ kinh nghiệm của Vĩnh thủy, đến nay đã có gần nửa số xã trong huyện tiến hành công việc kiểm kê phổ thông về di tích lịch sử. Trên cơ sở đó nhiều đơn vị tiến hành viết lịch sử địa phương, tổ chức phòng trưng bày về truyền thống. Nổi bật là xã Vĩnh quang — một xã vùng biển — sau khi xây dựng bia căm thù trên đồi 61 mộ của 61 đồng bào bị bom Mỹ giết hại trong một ngày giữa năm 1967, đã có chủ trương viết 9 bài lịch sử địa phương đưa vào chương trình giảng



Digitized by Google

dạy của nhà trường để giáo dục truyền thống. Nhờ vậy, Vĩnh quang trước đây liên tục yếu kém, nội bộ mất đoàn kết, nhân dân thiếu lòng tin, nay đã từng bước đi lên. Ba hợp tác xã trong xã đều hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đánh bắt hải sản và giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Năm 1981 đảng bộ xã được công nhận là đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Việc tổ chức ngày hội truyền thống đã được triển khai gần như đều khắp các vùng trong huyện. Nếu như ở vùng trọng điểm lúa có ngày hội truyền thống của các xã Vĩnh thủy, Vĩnh lâm, Trung hải...; ở vùng gò đồi đất đỏ có ngày hội truyền thống của các xã thuộc Vĩnh hoàng (cũ); vùng phía nam huyện có ngày hội của các xã Gio châu, Gio sơn; vùng biển có ngày hội của các xã Gio việt, Trung giang, Vĩnh quang; thì ở cơ quan, xí nghiệp cũng có ngày hội của nông trường Bến hải, của xí nghiệp chế biến gỗ, của ngành y tế, giáo dục v.v. Mỗi xã, mỗi cơ quan, xí nghiệp lại có cách chọn ngày và cách tổ chức hội truyền thống khác nhau. Vĩnh thủy lấy ngày lập chiến công oanh liệt nhất trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước làm ngày hội truyền thống, thì Vĩnh lâm chọn ngày 6-3 (1930), ngày thành lập chi bộ đầu tiên của xã mình làm ngày hội truyền thống. Các xã Trung hải, Trung giang, Gio châu, Gio sơn v.v. lại lấy ngày nhân dân đứng lên đồng khởi cùng lực lượng vũ trang cách mạng giải phóng quê hương làm ngày hội truyền thống của mình. Xã Gio việt vùng biển thì lấy ngày Bác Hồ về thăm làng cá làm ngày hội để vừa ôn truyền thống, vừa phát động quần chúng ra quân đánh cá vụ nam. Các xí nghiệp, nông trường thì lấy ngày hội thao đầu năm làm ngày truyền thống để gây khí thế mở đầu việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Các ngành như giáo dục, y tế lấy ngày Bác Hồ gửi thư thăm làm ngày hội truyền thống v.v. Cứ thế công việc ôn truyền thống và phát huy truyền thống trong từng xã, từng ngành, từng cơ quan, xí nghiệp năm này qua năm khác cứ rộn ràng nối tiếp nhau, thôi thúc các thế hệ người dân Bến hải không ngừng tiến lên, khắc phục những biểu hiện cá nhân, vượt qua những khó khăn thiếu thốn trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội giảm đi nhiều; các hoạt động vui chơi lành mạnh, lối ăn mặc và nói năng có văn hóa ngày càng phát triển. Đặc biệt, trên mặt trận sản xuất, xây dựng, nhiều địa phương, đơn vị đã đạt những năng suất và thành tích kỷ lục, tạo nên những bước nhảy vọt rất đáng khích lệ. Thí dụ, Vĩnh thủy tiếng là vùng lúa nhưng từ bao đời nay chưa vượt qua cửa ải 4 tấn, thì nay đã đạt năng suất lúa bình quân 6—7 tấn/năm; các ngành nghề đều phát triển. Xã đã xây dựng được nhà văn hóa 2 tầng khang trang. Huyện và tỉnh đang xây dựng Vĩnh thủy thành mô hình đơn vị có đời sống văn hóa cao cho toàn tỉnh Bình trị thiên. Vĩnh thạch, Vĩnh kim 3 năm gần đây cũng đều đạt năng suất lúa 9 — 10 tấn/năm — năng suất chưa từng có trên đồng đất Bến hải. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nghỉ hưu, trong đó có người trước những khó khăn tiêu cực của xã hội đã tỏ ra dửng dưng hoặc quay lưng lại với thời cuộc thì nay đã tự tìm đến chính quyền địa phương, đơn vị xin được bố trí công tác phù hợp với sức khoẻ và năng lực của mình. Có người trước đây thấy khó khăn muốn xin thôi, xin nghỉ, không muốn làm chủ nhiệm hoặc đội trưởng sản xuất thì nay phấn khởi tự nguyện tham gia với tinh thần tận tụy gương mẫu thật sự.

40 trong số 90 đảng bộ, chi bộ trực thuộc trong toàn huyện được công nhận là đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh, không còn đảng bộ yếu kém. Ngành văn hóa thông tin và thể dục



Digitized by Google

thể thao nhiều năm liên tục là lá cờ đầu của toàn tỉnh. Ngành y tế là đơn vị thứ 11 của cả nước được tặng cờ về dứt điểm « 5 công trình » và sinh đẻ có kế hoạch. Bến hải là 1 trong 3 huyện khá toàn diện về giáo dục của tỉnh. An ninh quốc phòng được giữ vững. Công tác tuyển quân năm nào cũng dẫn đầu tỉnh về số lượng và chất lượng. Nếu như trước đây riêng cho Vĩnh linh, Nhà nước phải trợ cấp hằng năm hàng chục tấn gạo thì ngày nay Bến hải không những đã tự trang trải được nhu cầu về lương thực, mà còn làm nghĩa vụ đối với Nhà nước mỗi năm trên 6 000 tấn; nhiều năm được tỉnh biểu dương khen thưởng.

Thấy rõ tác dụng to lớn của công tác giáo dục truyền thống, cuối năm 1984, thường vụ Huyện ủy ra nghị quyết: bắt đầu từ năm 1985 toàn huyện sẽ lấy ngày 30-4 — ngày đại thắng của dân tộc, đồng thời là ngày vĩnh viễn xóa bỏ sự chia cắt giữa đôi bờ sông Bến hải, ngày Vĩnh linh, Gio linh sum họp một nhà — làm ngày hội truyền thống hằng năm của huyện.

Chủ trương của thường vụ Huyện ủy Bến hải đã được sự hưởng ứng sôi nổi của toàn đảng bộ và nhân dân trong huyện. Chỉ chưa đầy 4 tháng sau khi có nghị quyết, hàng trăm công trình mới, sản phẩm mới mang tên 30-4 lần lượt ra đời. Và ngày hội truyền thống đầu tiên của huyện đã diễn ra hào hùng ngay bên chân cột cờ Hiền lương lịch sử. Nếu 10 năm trước đây cầu Hiền lương « nghẽn lối » vì sự chia cắt của Mỹ — ngụy, thì trong ngày hội truyền thống 30-4 của Bến hải nó cũng thật nghẽn lối vì sự có mặt của trên 50 nghìn đồng bào, đồng chí. Một sự hội ngộ chưa từng có trong lịch sử của đôi bờ trên bến sông này. Nhiều cụ, nhiều mẹ, cả các đại biểu tỉnh bạn, huyện bạn được mời về dự ngày hội truyền thống cũng không sao cầm được nước mắt trước niềm vui quá lớn của hàng vạn bà con, đồng chí Bến hải ở hai bên chiếc cầu và con sông đã từng chứng kiến biết bao nỗi đau cũng như chiến công của đồng bào, chiến sĩ ta trong những năm mặt đối mặt với quân thù.

Từ khi thế cách mạng hừng hực của ngày hội truyền thống, đảng bộ Bến hải phát động toàn Đảng, toàn dân tiến quân mạnh mẽ hơn nữa vào mọi mặt sản xuất và công tác, tiếp tục hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Từ miền biển đến miền núi, từ các xã, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đến các cơ quan, xí nghiệp, công trường đều dấy lên phong trào thi đua hành động cách mạng sôi nổi.

Có thể nói công tác giáo dục truyền thống ở Bến hải đã tạo nên sức mạnh vật chất đáng kể, góp phần quan trọng đưa Bến hải vượt qua khỏi những khó khăn trước mắt và vững bước tiến lên.



Digitized by Google

# Phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vững mạnh toàn diện

LÊ MINH VƯƠNG

SAU khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cũng như các phường khác trong thành phố Hồ Chí Minh, phường 10, quận 3 có nhiều vấn đề phức tạp do chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ để lại.

Phường có 10 nghìn dân, đa số là nhân dân lao động sống tập trung ở các hẻm các ngõ, làm nghề dịch vụ, buôn bán nhỏ. Cuộc sống của họ không ổn định.

Là một địa bàn dân cư, phường 10 trước kia không có một cơ sở sản xuất nào đáng kể, chỉ có những khách sạn, rạp hát, tiệm nhảy, nhà chứa gái mãi dâm...

Sau mấy năm cải tạo và xây dựng, phường 10 đã có những biến đổi trong đời sống kinh tế xã hội và đã trở thành một phường vững mạnh toàn diện của thành phố Hồ Chí Minh.

★

Ở trong một thành phố trước đây vốn là trung tâm đầu não của Mỹ—ngụy, phường 10 gặp rất nhiều khó khăn trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ đầu, một vấn đề đặt ra cho phường là phải xác định chủ trương, nhiệm vụ và bước đi như thế nào cho thật đúng để có thể đáp ứng được những yêu cầu cấp bách trước mắt nhằm ổn định ngay cuộc sống của hàng vạn người trên địa bàn phường, từng bước đưa phường từ một nơi ăn chơi xa xỉ, trở thành một phường sản xuất và lao động, có đời sống văn hóa lành mạnh, trật tự an ninh được bảo đảm. Đây chính là cuộc đấu tranh gay gắt để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Với tinh thần trách nhiệm trước Đảng và quần chúng, đảng bộ phường đã cố gắng vận dụng đường lối chủ trương của Đảng cho sát hợp với đặc điểm của phường, liên tục tạo ra những phong trào quần chúng, thực hiện tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sản xuất phát triển, động viên nhân dân thực hiện cho được những chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Phường 10 đã xác định phương hướng *cải tạo gắn liền với phát triển sản xuất*, từng bước giải quyết công ăn việc làm cho những người lao động không có việc làm. Theo phương hướng đó, phường 10 đã tiến hành điều tra cơ bản, nắm tình hình kinh tế kỹ thuật, lực lượng lao động và tay nghề trong phường. Phường xác định tổ chức ngành nghề, xây dựng những cơ sở sản xuất mà phường có khả năng tạo lập được. Để làm được việc đó, phường vận động các hộ có khả năng tổ chức những cơ sở sản xuất hoặc giúp đỡ phường giải quyết



Digitized by Google

những khó khăn về tiền vốn, mặt bằng, máy móc. Ngay từ đầu, phường đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất đi vào làm ăn tập thể. Phường đã giúp các cơ sở này xin vay vốn ở ngân hàng, xin nhà của quận để mở rộng mặt bằng sản xuất, đứng ra bảo đảm cho các cơ sở đó xin ký kết hợp đồng hoặc trực tiếp làm việc với cơ quan đặt hàng, tổ chức các hội nghị khách hàng để giới thiệu khả năng của các cơ sở sản xuất trong phường. Năm 1983, hợp tác xã tín dụng của phường đã huy động trên một triệu đồng tiền mặt (tiền cũ) để giúp cho các cơ sở sản xuất thiếu vốn có điều kiện mua nguyên liệu. Phường sử dụng linh hoạt những hình thức tổ chức, đi từ thấp đến cao, để từng bước cải biến chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Hiện nay các tổ hợp lao động phường đã cho hóa giá tư liệu sản xuất và thực hiện trả dần cho người có tư liệu sản xuất, khi chuyển lên hợp tác xã không phải giải quyết các khó khăn về quyền sở hữu nữa. Nhờ đó, tổ chức sản xuất của phường được ổn định, các hợp tác xã giữ được vị trí đầu đàn, các cơ sở sản xuất chưa có điều kiện đi vào làm ăn tập thể đã trở thành những vệ tinh cho các đơn vị tập thể.

Hiện nay, ở phường đã có 3 hợp tác xã, 7 tổ hợp, 12 cơ sở có hợp đồng gia công với Nhà nước và 65 cơ sở dịch vụ sửa chữa. Những người lao động cá thể đã được hướng dẫn làm ăn theo từng ngành kinh tế và nhóm sản phẩm. Trong các ngành kinh tế của phường, cơ khí chiếm 53%, chế biến lâm sản 15%, nhựa, cao su 7,8%.

Trong công tác quản lý sản xuất, phường đã áp dụng nhiều biện pháp linh hoạt. Ngoài các biện pháp kiểm tra định kỳ và đột xuất như nhiều nơi đã làm, phường 10 đã mạnh dạn cử các đảng viên xuống trực tiếp sản xuất ở cơ sở hoặc bố trí những người trung kiên, nòng cốt đảm nhiệm những khâu chủ yếu như: kế toán, thủ kho, thủ quỹ, bảo vệ... đồng thời dựa vào lực lượng lao động của các cơ sở sản xuất là quần chúng ở tổ dân phố (nơi có cơ sở sản xuất) để theo dõi mọi diễn biến của sản xuất, kể cả mức tiêu thụ điện; qua đó mà phường đã quản lý được sản phẩm làm ra. Ngoài ra, phường đã sử dụng các cơ quan chức năng của chính quyền để chỉ đạo và kiểm soát việc chấp hành các chế độ, chính sách, việc hợp đồng sử dụng lao động, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ tại các cơ sở sản xuất, cũng như việc sử dụng vật tư và bồi dưỡng người làm ở nơi độc hại... Mặt khác, phường rất coi trọng việc chọn và bố trí cán bộ có năng lực, có phẩm chất tốt chuyên theo dõi từng loại hình cơ sở sản xuất. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong các cơ sở sản xuất đều gắn liền với lợi ích của người lao động cho nên đã có tác dụng thúc đẩy việc giám sát, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của người lao động trong các cơ sở sản xuất, ngăn chặn những vụ lấy cắp tài sản, trao đổi vật tư, vi phạm hợp đồng kinh tế, những trường hợp làm ăn gian dối, trốn thuế, móc ngoặc, sử dụng lao động theo quan hệ chủ—thợ.

Bằng hội nghị chuyên đề, phường đã cùng với cơ sở sản xuất bàn biện pháp khai thác 4 nguồn khả năng, cùng với cơ quan quản lý điện điều hòa hợp lý việc phân phối điện cho các cơ sở sản xuất, cùng với các khối phố mở rộng nghề phụ để thu hút số lao động dôi ra khi thiếu việc làm ở các cơ sở sản xuất. Việc xây dựng kế hoạch sản xuất từ dưới lên làm cho kế hoạch phù hợp với khả năng về lao động, tiền vốn, vật tư và nguyên liệu của phường, đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

Phường 10 đã chú ý phát hiện và phổ biến kịp thời những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản



Digitized by Google

xuất dễ tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất phát triển. Trong mấy năm qua, phường đã áp dụng 50 sáng kiến làm lợi hàng chục triệu đồng. Phường còn chú ý chỉ đạo xây dựng các mặt hàng xuất khẩu như gỗ, may mặc, cao su v.v. đưa giá trị sản lượng mặt hàng xuất khẩu tăng từ 184 000 đồng năm 1976 lên 1 283 000 đồng năm 1984, chiếm khoảng 20% giá trị tổng sản lượng ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Do có phương thức hoạt động thích hợp, cho nên năm nào phường cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch quận giao, thúc đẩy sản xuất phát triển. Giá trị tổng sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của phường từ 200 nghìn đồng năm 1976, tăng lên 11,07 triệu đồng năm 1984 (theo giá cố định năm 1980). Việc mở rộng các ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong phường đã dem lại công ăn việc làm cho nhiều người lao động không có việc làm. Mặt khác, phường còn dựa vào các cơ quan, xí nghiệp đóng tại địa phương để sắp xếp công việc cho số lao động còn lại, nhất là số thanh niên đến tuổi lao động và số bộ đội xuất ngũ. Số thất nghiệp từ 2 034 người của nhiều năm trước đến 1984 chỉ còn 74; 100% bộ đội xuất ngũ đều có việc làm; số thanh niên đến tuổi lao động đã được học nghề ở các cơ sở sản xuất; các gia đình thuộc diện chính sách được ưu tiên giải quyết công ăn việc làm, đời sống của họ ổn định.

Hoạt động phân phối lưu thông của phường trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, đồng bộ và có chiều sâu trên các mặt cải tạo và xây dựng, phát triển mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý thị trường, góp phần chăm lo đời sống nhân dân trong phường.

Thực hiện các chủ trương chính sách cải tạo của Đảng và Nhà nước, phường đã xóa bỏ 12 hộ tư sản thương nghiệp, thực hiện đăng ký kinh doanh, quản lý các hộ buôn bán, dịch vụ. Đối với tiểu thương, phường đã tổ chức, sắp xếp theo các ngành hàng, mua chung bán chung, mua chung bán riêng hoặc làm đại lý bán hàng cho Nhà nước ăn hoa hồng nhằm sử dụng tay nghề, tiền vốn và mặt bằng sẵn có của họ. Hiện nay phường có 12 hộ đại lý hàng gạo cho ngành lương thực và 3 hộ đại lý hàng thịt cho hợp tác xã tiêu thụ. Đối với những hiện tượng đầu cơ buôn lậu, bán hàng gian, hàng giả, làm ăn phi pháp phát hiện được, phường đã có những biện pháp xử lý nghiêm minh.

Mặt nổi bật trong hoạt động phân phối lưu thông của phường là đã tích cực xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã tiêu thụ. Hệ thống hợp tác xã tiêu thụ của phường hiện nay bao gồm 30 điểm bán hàng, trong đó có 4 cửa hàng khu phố, 7 cửa hàng tại 2 hẻm chợ, 3 cửa hàng tổ dân phố... Mạng lưới cửa hàng, điểm bán hàng của phường được bố trí hợp lý, thuận lợi cho việc mua bán của nhân dân. Với mục đích phục vụ là chính, phương thức hoạt động của hợp tác xã tiêu thụ phường là bám sát cơ sở sản xuất, chủ động nắm nguồn hàng khai thác tại chỗ, hàng đổi lưu giữa các địa phương và hàng của các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp sau khi đã giao nộp đủ theo nghĩa vụ. Hiện nay, riêng về nông sản thực phẩm, thương nghiệp hợp tác xã nắm hàng với tỷ trọng: mua trực tiếp ở các cơ sở sản xuất 40%, mua theo hình thức đổi lưu 25%, mua qua các khâu lưu thông 31%. Ngoài việc mua và bán, hợp tác xã còn tổ chức chế biến thịt, cá, nước chấm... thành những mặt hàng mới. Để bảo đảm nguồn vốn kinh doanh cho hợp tác xã, phường đã tranh thủ sự giúp đỡ của ngân hàng, tài chính quận, vận động các hộ khá giả cho vay không lấy lãi, huy động nhân dân đóng góp cổ phần... Hiện nay



Digitized by Google

100% các hộ trong phường đều là hộ xã viên. Hàng của hợp tác xã bán rẻ hơn so với thị trường tự do từ 10 đến 20%, lượng hàng phục vụ cho xã viên trị giá từ 30 đồng/hộ/tháng (năm 1976), đã tăng lên 950 đồng/hộ/tháng (năm 1983) và 1 300 đồng/hộ/tháng (năm 1984). Các ngày lễ, ngày tết, hợp tác xã đã bán một số mặt hàng với giá bù lỗ cho xã viên và chố các gia đình thương binh, liệt sĩ, các cán bộ hưu trí.

Việc cải tạo và xóa bỏ tàn tích văn hóa đồi trụy, phản động được tiến hành đồng thời với việc xây dựng văn hóa cách mạng, từng bước đổi mới bộ mặt văn hóa, xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Trong một thành phố lớn, việc giao lưu giữa các vùng dân cư rất thuận tiện, cho nên tổ chức đời sống văn hóa ở phường như thế nào cho thiết thực là một vấn đề phải tính toán cụ thể. Phường 10 đã chọn những điểm dân cư đông đúc nằm trong các ngõ, các hẻm thuộc bốn khu phố để tổ chức các cụm văn hóa. Hiện nay, ở mỗi cụm văn hóa như vậy đều có một trạm thông tin, một tủ sách, và mỗi tổ dân phố có một bản tin v.v. Ở khu trung tâm của phường có trạm truyền thanh với hệ thống loa bảo đảm 85% dân trong phường được nghe mỗi ngày 3 buổi. Ngoài ra có 1 tổ phát thanh lưu động. Phường đã duy trì tốt các buổi phát thanh hằng ngày theo chuyên đề do mạng lưới cộng tác viên từ tổ dân phố cung cấp tin tức. Hộ trợ cho công tác tuyên truyền của phường còn có 7 đội văn nghệ quần chúng. Các đội văn nghệ đó đã chủ động trong việc tự biên tự diễn nhằm phát huy mặt tích cực, đả phá những thói hư tật xấu trong quần chúng. Các hoạt động câu lạc bộ, thể dục thể thao của phường cũng phát triển tốt.

Để nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, phường đã tổ chức nhiều lớp học ban đêm cho người chưa biết chữ và cho con em nhân dân lao động không có điều kiện đi học ban ngày. Năm 1976 toàn phường đã thanh toán nạn không biết chữ. 83 trên 83 con em nhân dân lao động nghèo trong phường đã đến học các lớp ban đêm. Lớp bổ túc văn hóa của phường đã có từ cuối năm 1976 vẫn được duy trì và tiếp tục mở cho đến nay.

Ngoài các cơ sở y tế của quận, phường có một phòng y tế vừa khám bệnh vừa chữa bệnh cho nhân dân, vừa tổ chức phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch trong phường. Hiện nay, 75% dân trong phường đã thực hiện « năm dứt điểm ». Phường rất chú ý chăm lo công tác thương binh, chăm sóc gia đình liệt sĩ, các đồng chí cán bộ, công nhân, viên chức đã nghỉ hưu một cách thiết thực và cụ thể. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, với phong trào « đền ơn đáp nghĩa », nhân dân trong phường đã xây dựng và sửa chữa 11 căn nhà « tình nghĩa » trị giá trên 300 000 đồng, tặng 15 giường nằm, mở 25 sổ vắng, mỗi tháng mỗi sổ gửi từ 30 đến 50 đồng để giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, 48/48 tổ dân phố đã tổ chức « hũ gạo tình thương », hằng năm tặng cho mỗi gia đình nghèo 500 kg gạo, với mỗi thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, phường đã lập một sổ tiết kiệm do nhân dân tự góp tiền gửi trung bình mỗi tháng 50 đồng.

Giữ gìn an ninh trật tự xã hội là mối quan tâm thường xuyên của phường. Ngay từ những ngày đầu sau giải phóng, phường 10 đã tiến hành điều tra cụ thể, phân loại đối tượng và xử lý thích đáng các băng cướp, các ổ gái mãi dâm, các quán buôn bán trá hình lưu hành văn hóa phẩm phản động, đồi trụy. Từ những kết quả này, phường đã triển khai các phương án khác để bảo vệ an ninh, phòng gian, phòng cháy. Thực hiện các phương án trên, từng khu phố đã lập



Digitized by Google

ban bảo vệ dân phố, tổ canh gác tuần tra, tổ phòng cháy chữa cháy v.v. Trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, thời gian qua quần chúng đã cung cấp trên 2000 tin giúp cho công an ngăn chặn được hàng chục vụ trọng án, trên 100 vụ lấy cắp tài sản Nhà nước, phá một tổ chức nhen nhóm phản động. Hiện nay tình trạng trộm cắp trong phường đã giảm 80 — 90%, tệ nạn xã hội giảm 95% so với lúc mới giải phóng.

★

Những biến đổi trong đời sống kinh tế xã hội của phường 10 những năm qua thể hiện những cố gắng lớn của chi bộ phường trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng phường vững mạnh toàn diện.

1. Để bảo đảm lãnh đạo tốt mọi lĩnh vực công tác trong phường, chi bộ phường 10 không ngừng phấn đấu nâng cao năng lực lãnh đạo của mình. Với vị trí cấp phường hiện nay, phường 10 không chỉ là cấp quản lý hành chính mà là cấp quản lý toàn diện: chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng... và thật sự đã trở thành cấp có kế hoạch được xây dựng và thực hiện từ cơ sở. Hằng ngày, phường trực tiếp giải quyết những yêu cầu cấp bách của quần chúng, thi hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của cấp phường, chi bộ phường phải khắc phục nhiều khó khăn, nhược điểm. Một nhược điểm đáng chú ý nhất của chi bộ phường 10 là: đa số đảng viên kể cả cấp ủy viên trong chi bộ đều chưa qua một trường lớp nào có hệ thống, cho nên trình độ còn nhiều hạn chế, chưa đủ khả năng làm tốt việc quản lý các hoạt động kinh tế xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp của quần chúng, khai thác tiềm năng tại chỗ, phát triển kinh tế, văn hóa, tổ chức đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh quốc phòng. Trong mấy năm qua phường 10 đã hết sức cố gắng khắc phục nhược điểm này và tăng cường sức chiến đấu của chi bộ, coi đó là điều then chốt bảo đảm mọi thắng lợi.

Mối quan tâm hàng đầu của phường 10 là phải tạo cho được sự nhất trí cao trong chi bộ về quan điểm chính trị, về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, về đánh giá tình hình, về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và bước đi của phường trong từng giai đoạn cụ thể.

Lãnh đạo của chi bộ đã tập trung nhiều vào lĩnh vực kinh tế. Chi bộ dành nhiều tâm sức giải quyết những khó khăn trong sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp do thiếu nguyên liệu, vật tư, thiếu điện; tìm cách tháo gỡ vướng mắc khi có biến động nhiều trên thị trường, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân... Sức mạnh và năng lực lãnh đạo của chi bộ được thể hiện ở sự thống nhất ý chí và hành động, ở việc nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, ở việc thực hiện một cách cụ thể chế độ phân công, phân nhiệm, có kiểm tra và giám sát của tổ chức. Trong các kỳ sinh hoạt Đảng, chi bộ phường tiến hành đều đặn việc rút kinh nghiệm thi hành nghị quyết của chi bộ và qua đó, phát huy mặt đúng, uốn nắn những quan điểm lệch lạc, phát hiện những nhân tố mới, nêu lên những vấn đề cần giải quyết.

Đối với nhiệm vụ trung tâm cần tập trung chỉ đạo, chi ủy bố trí những cán bộ, đảng viên có năng lực, có uy tín, đủ sức thuyết phục quần chúng phụ trách từng công tác cụ thể. Trong những năm đầu sau giải phóng, cần tập trung cải tạo và xây dựng ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và giải quyết công ăn việc làm cho những người lao động thất nghiệp, chi bộ đã phân công đồng chí bí thư trực tiếp chỉ đạo và rút một đồng



Digitized by Google

chí phó chủ tịch đương chức của UBND phường xuống xây dựng hợp tác xã ngành mộc, ngành đầu tiên của phường được tổ chức vào làm ăn tập thể. Ngoài nhiệm vụ đôn đốc thực hiện mọi chủ trương của cấp trên, nghị quyết của chi bộ, các chương trình kế hoạch của phường, tổ Đảng ở khu phố phường 10 còn hướng dẫn phối hợp công tác của ngành trong khu phố, biến quyết tâm của chi bộ thành quyết tâm của quần chúng. Với phương thức hoạt động đó, tổ Đảng đã quản lý tốt đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, giữ mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và quần chúng trong khối phố và tổ dân phố.

Ngoài việc giáo dục chính trị, tư tưởng, chi bộ phường 10 đã thông qua công tác thực tế để rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên. Theo định kỳ, chi bộ tổ chức cho đảng viên tự phê bình trước tổ dân phố và trực tiếp nghe ý kiến nhân dân đóng góp xây dựng. Việc mạnh dạn giao việc, giao trách nhiệm và giao quyền cho cán bộ, đảng viên có hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cũng là một cách làm của phường 10 để nâng cao chất lượng đảng viên. Chi bộ phường 10 từ đầu chỉ có 7 đảng viên, nay đã có 41 đảng viên, nhiều đồng chí đã trưởng thành, một số đồng chí đã trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt của phường hoặc đã lên công tác ở quận. Tất cả các đồng chí cấp ủy, thường trực UBND, trưởng các ngành của phường hiện nay đều đã kinh qua rất nhiều nhiệm vụ, từ công tác đoàn thể đến công tác nghiên cứu tổng hợp, công tác nghiệp vụ hành chính rồi mới trở thành cán bộ quản lý. Qua con đường này, đội ngũ cán bộ, đảng viên của phường gắn với cơ sở, với quần chúng, tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm tổ chức phong trào quần chúng, vươn lên chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào. Chi bộ phường 10 đã có quy hoạch cán bộ. Trong những năm qua, mặc dù quận ủy đã điều một số cán bộ cốt cán của phường lên quận, phong trào các mặt ở phường vẫn duy trì được vì đội ngũ cán bộ đảng viên kế cận, dự bị lên thay đã đảm đương được nhiệm vụ.

Việc kết nạp người vào Đảng và đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng cũng là những biện pháp mà chi bộ coi trọng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên và tăng sức chiến đấu của chi bộ.

2. Trong quá trình xây dựng phường vững mạnh toàn diện, phường 10 đã từng bước lớn lên và trong sự lớn lên ấy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ngày càng được phát huy.

Là một địa bàn dân cư trong một thành phố lớn, phường 10 có nhiều khó khăn phức tạp trong quá trình cải tạo và xây dựng, phát triển sản xuất, tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng chế độ mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Để tháo gỡ những khó khăn đó, phường 10 đã bám sát đường lối chính sách của Đảng và biến nó thành phương hướng, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội sát với tình hình thực tế của phường. Mặt khác phường 10 đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của quần chúng để khai thác tiềm năng sẵn có trong địa phương.

Trong khó khăn chung, từng cơ sở sản xuất đã phát huy trí tuệ của tập thể, chủ động tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Phường 10 đã kịp thời rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp khai thác từng bước 4 nguồn khả năng, tìm hợp đồng mới, mở rộng vệ tinh gia công cho các hợp tác xã. Thực tế cho thấy, 9 tháng đầu năm 1983, phường 10 chỉ đạt 43% kế hoạch cả năm, nhưng khi đã biết khai thác 4 nguồn khả năng thì chỉ trong quý IV/1983, phường đã thực hiện 70% kế hoạch, nhờ đó đã hoàn thành vượt mức kế hoạch cả năm, và cục cơ sở sản



Digitized by Google

xuất tập thể đều có nguyên liệu gối đầu cho năm 1984.

Trong cuộc sống của nhân dân ở phường có nhiều vấn đề cấp bách mà chỉ có cấp phường mới có điều kiện giải quyết được. Từ việc sửa chữa cống rãnh thoát nước, bảo đảm ánh sáng ở các ngõ, các hẻm đến việc xây dựng các công trình văn hóa xã hội, từ việc chăm lo sức khỏe của dân, chăm lo các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các cán bộ hưu trí đến việc giữ yên giấc ngủ cho dân, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm người đi làm nghĩa vụ quân sự yên tâm phục vụ và người hết nghĩa vụ quân sự khi trở về nhà có công ăn việc làm... đều phải dựa vào cơ sở, dựa vào dân để giải quyết một cách cụ thể và thiết thực.

Thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », phường 10 đã huy động sức dân trong phường giải quyết nhiều vấn đề mà trước đây nhân dân lao động không hề nghĩ đến. Từ chỗ thiếu trường lớp, nhiều trẻ em bị thất học, nay các em đến tuổi đi học đều được cắp sách đến trường vào ban ngày hoặc ban đêm; các cháu ở tuổi nhà trẻ và mẫu giáo, đã có nơi để gửi; ở các khu phố đều có nơi để nhân dân đến sinh hoạt văn hóa; các ngõ, các hẻm, các khu dân cư trong phường được tổ chức ăn ở theo nếp sống mới, không còn tình trạng lấy lội, thiếu ánh sáng v.v. Những đổi mới đó, đều có công sức của nhân dân đóng góp.

Các đoàn thể quần chúng đóng một vai trò rất quan trọng trong các hoạt động ở phường. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phường 10 thu hút 90% thanh niên vào các hoạt động kinh tế xã hội, là lực lượng đi đầu trong các hoạt động ở phường. Hội liên hiệp phụ nữ hoạt động một cách thiết thực nhằm giúp đỡ chị em trong việc tổ chức đời sống gia đình, tổ chức dạy nghề, chăm lo công tác xã hội. Mặt trận Tổ quốc phường đã góp phần tích cực vào các hoạt động của phường.

Với một phường có hàng vạn dân nằm trong 48 tổ dân phố, hoạt động của phường phải rất linh hoạt. Phường 10 đã phân công cán bộ, đảng viên xuống hoạt động ở 4 khu phố. Ngoài ra, ở phường 10 đã hình thành một mạng lưới cốt cán, được trưởng thành từ cơ sở, tham gia quản lý đời sống kinh tế, xã hội trong từng tổ dân phố. Với phương thức hoạt động đó, trong mấy năm qua phường 10 đã có điều kiện sát dân, và giải quyết kịp thời những vấn đề có quan hệ đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phường 10 đã liên tục phát động phong trào thi đua nhằm thực hiện kế hoạch Nhà nước hằng năm và xây dựng phường vững mạnh toàn diện. Có những hình thức như tổ chức ký kết thi đua giữa các tổ sản xuất của hợp tác xã, giữa các tổ dân phố trong khu phố, giữa các khu phố trong phường. Phường 10 còn chủ động giao ước thi đua với các phường khác trong quận. Nhân những ngày hội truyền thống, phường còn phát động thi đua từng đợt để duy trì và đưa phong trào vào chiều sâu. Cho đến nay, qua báo công và bình công 10 năm, phường 10 có 907 hộ được khen thưởng (chiếm 50% số hộ trong phường) và trong 48 tổ dân phố của phường đã có 10 tổ tiên tiến cấp thành phố, 20 tổ tiên tiến cấp quận, 18 tổ tiên tiến cấp phường. Không có tổ trung bình và yếu kém. Phường 10 ba năm liền được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động từ hạng ba đến hạng nhất. Về mặt an ninh, phường 10 đã xây dựng được một khu phố quyết thắng, một khu phố tiên tiến, 2 khu phố an toàn và 47/48 tổ dân phố an toàn. Công an phường và phường đội nhiều năm liền được thành phố công nhận là đơn vị quyết thắng và được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa.



Digitized by Google

# Sức mạnh tư tưởng và nghệ thuật trong TRUYỆN VÀ KÝ của Chủ tịch Hồ Chí Minh

LỮ HUY NGUYÊN

TRUYỆN và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những năm 20 của thế kỷ này đã đánh dấu sự hình thành chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học Việt nam.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu những tác phẩm mở đường hết sức quý báu này cho nền văn học mới của giai cấp vô sản Việt nam. « *Truyện và ký* phản chiếu một thời kỳ lịch sử, cũng còn phản chiếu một tâm hồn. Một thời kỳ lịch sử hấp dẫn, sôi nổi đang thai nghén những biến động lớn lao; một tâm hồn lại còn hấp dẫn hơn gồm thứ tinh hoa, nhụy sống của thời kỳ đó, rạo rực những tư tưởng và tình cảm đang trong quá trình trở nên lẽ sống của thời đại ngày nay » (1), giáo sư Phạm Huy Thông đã nhận xét như vậy về cuốn *Truyện và ký* của Nguyễn Ái Quốc (nhà xuất bản Văn học, Hà nội, 1974) gồm sáu bài Người viết từ năm 1922 đến năm 1925.

*Truyện và ký* của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết vào nửa đầu những năm 20 là tác phẩm của một ngòi bút chiến đấu đanh thép, sắc sảo, làm cho chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ khăng khít giữa tài năng nghệ sĩ vĩ đại và sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Người. Các tác phẩm ấy « hừng hực như một cái súng phun lửa » (chữ dùng của giáo sư Nhật Sin-gô-sin-ba-ta) nã vào đầu chủ nghĩa thực dân, vạch trần những tội ác man rợ, ghê tởm của chúng và bọn tay sai thuộc địa, từ Va-ren (*Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*), Bruy-e (*Con người biết mùi hun khói*) đến Khải Định (*Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Vi hành*)... Qua việc tố cáo tội ác của bọn thống trị, tác giả muốn đo mức độ phản ứng của chúng đối với cuộc đấu tranh gay gắt của đông đảo các dân tộc « đứng lên đòi hỏi quyền lợi, công lý và tự do! » (tr. 29) (+) sau đỉnh cao Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Hừng hực căm thù khi tố cáo tội ác giặc, nhưng ngòi bút của Người lại rất thiết tha, trữ tình khi biểu dương tinh thần yêu nước của nhân dân, của các vị anh hùng dân tộc, các nhà yêu nước, từ một Trưng Trắc, một Phan Bội Châu, một nhà vua Hậu Trần có thật trong lịch sử đến cụ Ki-men-gô tóc bạc phơ, lòng lộng như đang đứng giữa cuộc đời. Ngòi bút ấy thể hiện con người — một con người yêu thương tha thiết và căm thù sâu sắc, kết hợp nhuần nhuyễn tinh thần yêu nước cổ truyền của dân tộc với tinh thần quốc tế vô sản của thời đại,

(1) *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*. Nxb KHXH. Hà nội. 1979 tr. 83.

(+) Những đoạn trong ngoặc kép có ghi số trang đều trích từ cuốn *Truyện và ký* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nxb Văn học. Hà nội, 1985.



Digitized by Google

suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của loài người tiến bộ.

Tuyển tập *Truyện và ký* của Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất bản lần này giới thiệu tất cả 28 bài và đoạn trích, trong đó có 15 bài và đoạn trích vốn được tác giả viết bằng tiếng Pháp.

Cùng với sáu bài được giới thiệu trong lần in trước, truyện ký những năm 20 được giới thiệu thêm lần này tiếp tục vạch trần, tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp (*Động vật học, Những người bản xứ được « ưa chuộng », Nói về loài cầm thú, Bản án chế độ thực dân Pháp* (trích)...) và bè lũ tay sai bán nước (*Sở thích đặc biệt*). Không chỉ lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, ngay từ những năm đầu của thế kỷ này, tác giả còn vạch trần cả bản chất dã man « kiểu mới » của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. *Hành hình kiểu Lin sơ, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ* là một bản cáo trạng đanh thép, làm sôi sục lòng người, và cũng như các tác phẩm đã nêu ở trên, nó có giá trị như một lời kêu gọi đấu tranh tha thiết nhất mà cũng hùng hồn nhất đối với các dân tộc bị áp bức, nó là tiếng chuông cảnh tỉnh đối với loài người tiến bộ.

Bức tranh của cả một thời kỳ lịch sử đấu tranh chống một kẻ thù chung là bọn thực dân, đế quốc và tay sai được mở rộng hơn, tô đậm hơn. Trước mắt chúng ta cũng hiện lên rõ nét hơn hình ảnh Bác Hồ trong những ngày đầu đi tìm đường cứu nước: một tấm lòng thiết tha đối với Tổ quốc, nhân dân, với những con người cùng khổ không kể họ thuộc màu da nào; một trí tuệ sắc sảo, uyên thâm; một con người giàu bản lĩnh.

*Pa-ri* — truyện ngắn đầu tay của Người là một dẫn chứng tiêu biểu. Đó là câu chuyện về cuộc sống cay cực, bất hạnh của những người lao động nghèo tại một xóm nhỏ Pa-ri, nơi mà « Khi còn bé, thì trẻ con đi học để mà biết tôn trọng quyền thiêng liêng của các ông chủ. Lớn lên, anh thợ rời nhà trường đi góp phần làm giàu cho giới chủ nhân ông mà mình đã được học tập sùng bái cái uy nghi. Già rồi yếu đi, thì ông lão được, vẫn giới chủ nhân ông đó mà cụ đã làm giàu cho, tống ra ngoài đường, để nhờ chần bần mà sống nốt cuộc đời hay lam hay làm của mình! » (tr. 11). Chiến tranh đế quốc làm nốt phần việc của cái « công cuộc cao cả » bình đẳng, bác ái mà chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị sẵn sàng: cướp đi nốt nguồn sáng duy nhất của họ là gia đình, vợ con. Tố cáo cuộc chiến tranh tàn bạo của các nước đế quốc qua cuộc đời đau khổ của một ông già, tác giả đã đi thẳng vào bản chất, tìm nguyên nhân của những cuộc chiến tranh tội ác do bọn tư bản kếch sù tranh cướp quyền lợi với nhau, do bọn tướng lĩnh, « để thỏa mãn cái tham vọng và cái kiêu kỳ » (tr. 8), gây nên. Câu chuyện đã vượt khỏi khuôn khổ của một cuộc đời bất hạnh, nó hướng người đọc vào những ngăn cách giai cấp, vào những vấn đề chung của xã hội Pháp những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

Ở đây, ngòi bút của tác giả, lúc thì chủ động, bình tĩnh phân tích sâu vào từng cảnh đời, từng hiện tượng, lúc thì mỉa mai, châm biếm giai cấp thống trị một cách sắc sảo, mạnh mẽ, lúc xót xa thông cảm với số phận những người cùng khổ. Truyện ngắn *Pa-ri* vừa tạo ra sự thương cảm sâu sắc vừa giúp người đọc nhận rõ bộ mặt tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc đối với nhân dân lao động, dù đó là người dân ở « chính quốc ». Nó thiết tha kêu gọi giai cấp vô sản cả ở « chính quốc » cả ở thuộc địa cùng đứng lên chống kẻ thù chung.

Ngòi bút chiến đấu sắc sảo của Hồ Chủ tịch đặc biệt thể hiện rõ trong truyện ngắn *Vi ên hàn lâm thuộc địa* (1923). Ngay cái tên truyện cũng đã chứa đựng sự mỉa mai, đả kích sâu



Digitized by Google

cay. Viện hàn lâm, như chúng ta hiểu, là cơ quan khoa học tối cao của một nước, tập hợp những nhà khoa học nổi tiếng nhất, những viện sĩ đầy tài năng để cùng nhau nghiên cứu, phát minh những giá trị khoa học mang lại lợi ích cho loài người. Nhưng đây không phải là Viện hàn lâm khoa.. học mà là khoa... thuộc địa chuyên nghiên cứu và phát minh ra các phương pháp, mưu đồ nhằm cướp bóc thuộc địa có hiệu quả nhất. Ở đầu câu chuyện, nhân vật Xô-ra được tác giả đưa ra với một đặc điểm khó quên trong khi nói. Bất kỳ khi nào gặp âm « K », ông ta đều có thói quen lặp lại hai lần. Nói năng theo kiểu cách ấy, đôi lúc lời lẽ của ông ta trở nên ý vị, đặc biệt làm cho người nghe, người đọc cảm thấy ẩn ý đả kích của tác giả kín đáo mà lại sâu cay đến chết người. Chẳng hạn, một chữ Académie, ông ta nói thành A... caca... démie. Mà caca trong tiếng Pháp có nghĩa là gì thì chúng ta đã biết. Trong truyện ngắn này, ta gặp rất nhiều lần tác giả chơi chữ kiểu ấy. Ở đây, mũi nhọn tập trung vào tên toàn quyền Đông dương An-bê Xa-rô (về sau là Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp) — người cầm lái vĩ đại của con tàu duy nhất thuộc Hải đội Đông dương, chủ nhiệm khoa giải phẫu thân xác con người trong cuộc chiến tranh chém giết nhân dân các thuộc địa. Chỉ qua một truyện ngắn này thôi ta cũng đã thấy rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân. Ta cũng đã hiểu lối văn châm biếm « kín đáo và thú vị » (như đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhận xét) (2), hợp với tính lạc quan yêu đời của Người, hợp với tính hài hước sẵn có của người Pháp. Cách viết ấy là một trong những cách tốt để tranh thủ sự đồng tình, để lôi cuốn thuyết phục bạn đọc, mà ở thời điểm những năm 20 ấy chủ yếu là bạn đọc Pháp.

★

Khác với những bài viết bằng tiếng Pháp thời kỳ trước, truyện và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh những năm 40 và suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp được viết bằng tiếng Việt, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với trình độ của đông đảo quần chúng lao động. Tác phẩm của Người tập trung vào đề tài lực lượng vũ trang cách mạng, là những bài học kinh nghiệm sinh động, quý giá, là bài ca về lòng yêu nước và là nguồn cổ vũ, động viên to lớn đối với nhân dân ta, nhằm thúc đẩy cuộc cách mạng, cuộc kháng chiến của chúng ta mau chóng đến thắng lợi.

Từ khi trở về nước (1941) Hồ Chủ tịch đã biên soạn một số tài liệu quan trọng về chiến thuật du kích, đặc biệt là cuốn *Cách đánh du kích*. Sau này, Người viết *Đánh du kích như đánh cờ* và truyện ký *Kinh nghiệm du kích Pháp*. Hai tác phẩm này cùng có một bố cục giống nhau, đó là những mẩu chuyện ngắn gọn, sinh động, lời văn hoạt bát mà cô đọng, mang lượng thông tin lớn. Tính hấp dẫn nằm ngay trong cách kể mộc mạc, súc tích nhưng lôi cuốn người đọc vì cái mới của tình tiết, cái lý kỳ « nay đông mai tây, lại vô ảnh, khứ vô hình » của chiến thuật du kích. Mỗi mẩu chuyện kể lại một trận đánh du kích cụ thể, giới thiệu những chiến thuật và mưu trí của các chiến sĩ du kích. Mọi người dân yêu nước, gan dạ và có quyết tâm đều có thể đánh du kích. Tác phẩm chỉ rõ: "Đánh du kích không cần phải có sức mạnh... Hễ là người có lòng yêu nước, không chịu làm nô lệ, lại có một chút gan dạ và mưu trí thì bất kỳ trai gái, già trẻ, bất kỳ có súng hay không đều có thể đánh du kích » (tr. 108). Xuyên suốt các tác phẩm này là hình ảnh những người du kích anh hùng thuộc các màu da và xứ sở khác nhau, là những kinh

(2) Trích theo Phạm Huy Thông : Sách đã dẫn, tr. 87.



Digitized by Google

nghiệm quý giá nhằm thúc đẩy phong trào du kích của nước ta.

Hình ảnh người chiến sĩ quân đội cũng sớm xuất hiện trong thơ văn của Người. Riêng trong thể loại truyện ký, chúng ta đã bắt gặp rất sớm một điển hình xã hội tiêu biểu — anh bộ đội Nông Văn Minh (*Giấc ngủ mười năm* — 1949). Thông qua cuộc đời bình thường mà rất tiêu biểu của một anh vệ quốc quân xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo khổ được cách mạng đem lại cho cuộc đời mới và có những đóng góp cho phong trào cách mạng ; thông qua tấm gương chiến đấu của người chiến sĩ đó, tác giả đã lý giải cái ngọn nguồn sẽ làm nên chiến thắng của quân dân ta trong kháng chiến chống Pháp. *Giấc ngủ mười năm* đã giải quyết vấn đề thể hiện cái mất mát, đau khổ trong chiến tranh như thế nào, sức mạnh cầm thú là ở đâu, tội ác của bọn xâm lược cần phải trả giá ra sao. « Thà đánh Tây mà chết còn hơn để nó hành hạ mà chết », đó chính là điều tác giả khắc sâu vào lòng người đọc. Toàn truyện toát lên tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân ta, toát lên niềm tin vào ngày chiến thắng, vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Một niềm tin, niềm mơ ước dựa trên những dự đoán có cơ sở thực tế từ trong phong trào kháng chiến chống Pháp. Mười năm của giấc ngủ anh Nông Văn Minh là mười năm đất nước có biết bao nhiêu thay đổi, mười năm đồng đội của anh đã chiến đấu và chiến thắng quân thù trên các mặt trận và đang bắt tay vào xây dựng hòa bình.

Nếu có dịp đọc lại những bài ký và mẩu chuyện chiến đấu do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong những năm tháng kháng chiến cực kỳ gian khổ và anh dũng, chúng ta thường xuyên gặp hình ảnh những anh bộ đội Cụ Hồ, các điển hình cá nhân và đơn vị anh hùng trong các lực lượng vũ trang nhân dân. Phần lớn đó là các truyện ký viết dưới hình thức độc đáo và sáng tạo : văn xuôi xen lẫn với thơ (như bài *Nữ anh hùng giao thông*) — một hình thức đặc trưng trong truyện ký thời kỳ này của Người. Truyện ký của Người viết về đề tài lực lượng vũ trang phục vụ khởi nghĩa và chiến tranh nhân dân thần thánh, vĩ đại. Người là một trong số những tác giả đầu tiên chiếm lĩnh đề tài này trong văn xuôi cách mạng Việt nam hiện đại.

★

Những bài ký Hồ Chủ tịch viết từ những năm 50 trở về sau chiếm một số lượng trang không nhỏ trong tuyển tập xuất bản lần này. Nhiều bài nhật ký, hồi ký giúp chúng ta hiểu sâu hơn về nhiều phương diện trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người. Đó là những câu chuyện chân thực mà ly kỳ, thú vị như một thứ kỷ niệm sâu sắc trong đời, được chính tác giả ghi lại qua những ngày hoạt động cách mạng ở Thái lan (*Chuyện già mà có thật*) ở Pháp, Liên xô, Trung quốc và trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đặc biệt là trong những ngày Người trực tiếp chỉ đạo chiến dịch biên giới, đi sát mặt trận "chỉ cho thắng không cho thua" này (*Vừa đi đường vừa kể chuyện*). Trong các tác phẩm này Người tiếp tục vạch trần bộ mặt độc ác của các loại kẻ thù, từ bọn thực dân Pháp, đế quốc Anh, phát xít Đức, Ý, Nhật đến bọn Tàu phản động ; đồng thời Người đặc biệt quan tâm đến sức mạnh của quần chúng nhân dân trong các cuộc chiến tranh yêu nước. Kể về đất nước Liên xô trong những năm tháng vượt khó khăn để xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như trong thời kỳ kháng chiến chống phát xít. Bác muốn nêu lên những kinh nghiệm, những bài



Digitized by Google

học gắn gũi với nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Qua 23 lá thư nhật ký đi đường dài hơn 70 trang (*Tình nghĩa anh em Việt—Ấn—Miến*) giàu chất văn học, ngôn ngữ tư liệu có giá trị và tràn đầy cảm xúc, chúng ta còn được theo Người đi thăm đất nước Ấn độ và Miến điện.

Bên cạnh những bài dạng hồi ký là một loạt bài lên án chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Tiếp nối bài viết nổi tiếng từ năm 1921 (*Hành hình kiểu Lin-sơ...*), những bài bình luận chính trị, những mẩu chuyện nho nhỏ như *Tổng Giôn và vụ giết chết nghị sĩ Ken-nơ-đi*, *Đế quốc Mỹ bi và bi*.... mang tính chất châm biếm của những bài đăng trên báo Pháp những năm đầu thế kỷ. Đặc biệt độc đáo là bài *Mật thám Mỹ* viết vào giai đoạn kết thúc của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đế quốc Mỹ đã thò bàn tay bẩn thỉu can thiệp vào cuộc chiến tranh bằng những âm mưu quỷ quyệt. Sử dụng ngay những tư liệu khách quan — những trang nhật ký của kẻ thù, tác giả đã phơi bày bộ mặt xảo trá, âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ, chống Liên xô và các lực lượng hòa bình tiến bộ khác, nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác cho toàn dân.

★

Tuyển tập *Truyện và ký* của Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất bản lần này là một công trình sưu tập đầy đủ nhất từ trước đến nay về các truyện và ký của Người, một bước tiến dài về mặt tổng kết tư liệu để giúp các nhà nghiên cứu và bạn đọc có được nhận thức, tầm nhìn mới và rộng hơn về những sáng tác văn nghệ — vũ khí sắc bén trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Đối với Hồ Chủ tịch, sáng tác văn nghệ là để đấu tranh chính trị, là để qua những lời đẹp truyền được ý hay đến người đọc, đạt hiệu suất cao, có sức cảm hóa mạnh. Với một mục đích, một thái độ trân trọng người đọc như vậy, văn của Người, dù viết bằng tiếng Pháp hay tiếng Việt đều giản dị, súc tích mà rất sinh động, rất đa dạng, dễ đi vào lòng người. Đối tượng đọc là một trong những vấn đề hàng đầu mà Người chú ý trong khi sử dụng nghệ thuật viết văn của mình

Viết cho người đọc phương Tây, ngòi bút của Người sắc sảo, uyên thâm. Viết cho đông đảo quần chúng nhân dân, ngòi bút của Người đặc biệt giản dị và đậm đà phong vị dân gian. Nhiều bài viết mang tính chất cách tân truyện chương hồi—một hình thức cải biên phong cách kể chuyện Á Đông.

Nắm được đặc điểm của từng đối tượng người đọc để từ đó có những cách viết, cách kể, cách bố cục cụ thể, Người đã đưa những tác phẩm văn nghệ của mình vào sâu trong ý thức và tình cảm của đông đảo các tầng lớp bạn đọc, trong nước cũng như ngoài nước.

*Truyện và ký* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một tiếng nói tiêu biểu của thời đại, tiếng nói của một tâm hồn lớn, một tác phẩm có giá trị đặc biệt về nhiều mặt, ra mắt bạn đọc đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh của Người là một sự kiện văn học nổi bật của năm 1985 lịch sử.



Digitized by Google

# Một nền sân khấu nóng bỏng hơi thở của thời đại

ĐƯƠNG NGỌC ĐỨC

NỀN nghệ thuật sân khấu của chúng ta sinh ra và lớn lên trong bão táp của cuộc đấu tranh cách mạng do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo, đến nay vừa tròn 40 tuổi. Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng cho nghệ thuật sân khấu, biến nó thành nền nghệ thuật chuyên nghiệp mang tính hiện đại và dân tộc ngày nay.

Bốn mươi năm qua, nghệ thuật sân khấu đã bám sát hiện thực cách mạng hào hùng, oanh liệt của dân tộc để phản ánh, phục vụ, đồng thời làm nên những thành tựu to lớn.

Ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 và từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật sân khấu đã đi những bước đầu vững chắc, phục vụ kịp thời nhiệm vụ cách mạng. Nhiều vở kịch sôi sục khí thế cách mạng, âm vang giai điệu của thời đại mới đã ra đời. Với vở *Bắc sơn*, lần đầu tiên trong lịch sử sân khấu nước ta, những người lao động bình thường được diễn tả là người chủ cuộc sống, hình tượng người chiến sĩ cộng sản nổi lên là nhân vật trung tâm. Từ đấy, nền nghệ thuật sân khấu cách mạng đã được công khai hình thành và theo sát cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Các vở diễn của sân khấu chuyên nghiệp trong thời kỳ này thường tập trung vào hai đề tài lớn: đề tài về vùng địch hậu diễn tả cuộc sống chiến đấu gian khổ, đau thương nhưng vô cùng anh dũng của đồng bào, chiến sĩ trong vùng tạm bị địch chiếm; đề tài cải cách ruộng đất nói lên khí thế sôi động của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân được tiến hành ở nông thôn kháng chiến.

Do gắn bó mật thiết với hiện thực cách mạng của dân tộc, nghệ thuật sân khấu luôn luôn nhạy bén, đáp ứng kịp thời yêu cầu cổ vũ, tuyên truyền và đã sân khấu hóa được hiện thực. Dần dần tính thời sự nóng bỏng, tính chiến đấu sắc nhọn đã trở thành một truyền thống của nền sân khấu chúng ta. Điều đó càng được thể hiện trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước oanh liệt của dân tộc. Các nghệ sĩ, diễn viên sân khấu, các tác giả kịch bản đã ra tuyến lửa, tới chiến trường, đến tận các hầm hào, ụ pháo để phục vụ đồng bào, chiến sĩ. Nhiều vở kịch được viết ngay dưới chiến hào, bên trận địa; nhiều nghệ sĩ bị giặc bắt hoặc anh dũng hy sinh trên chiến trường. Chu Nghi, nhà viết kịch quân đội đã anh dũng hy sinh ở chiến trường Đường 9 — Khe sanh trong khi lần thảo vở kịch *Bên hàng rào Tà cơn* đang được viết những dòng đối thoại cuối cùng. Nguyễn Vũ, người nghệ sĩ — chiến sĩ suốt đời lăn lộn viết về đề tài đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Và nhiều tác giả đã sống chết với tuyến lửa Quảng bình, Vĩnh linh, vùng sâu Quảng trị hoặc đường Hồ Chí Minh. Hàng trăm vở kịch đã ra đời trong những ngày chống Mỹ, cứu



Digitized by Google

nước. Nhiều vở gây xúc động, để lại dấu ấn khó quên trong lòng người xem. Do bám sát hiện thực hào hùng của dân tộc mà sân khấu đã trưởng thành nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu cách mạng, đồng thời làm nên tính hấp dẫn chân chính của mình. Sân khấu nói gì, đặt vấn đề gì với người xem, với cuộc sống, đó chính là điều mà người xem quan tâm, theo dõi, mong đợi. Qua sân khấu, người xem càng thêm tin yêu cách mạng, tin yêu cuộc đời.

Thực tiễn mấy chục năm xây dựng và phát triển nền nghệ thuật sân khấu cho thấy, chỉ khi nào sân khấu bám sát cuộc sống của nhân dân lao động, theo kịp những bước phát triển mạnh mẽ của cuộc đấu tranh cách mạng thì mới phát triển lành mạnh và thu được những thành tựu đáng kể. Điều đó được thể hiện rất rõ qua mấy đợt Hội diễn sân khấu năm 1985. Sân khấu đã có những chuyển biến đáng phấn khởi. Sự chuyển biến ấy rõ ràng bắt nguồn từ cuộc sống, từ việc sân khấu đi vào cuộc sống để « hiểu biết — khám phá — sáng tạo », làm nên những tác phẩm có tác dụng giáo dục, cải tạo và xây dựng. Điều đáng khích lệ, biểu dương là trong các hội diễn sân khấu vừa qua, có đến 80% số vở về đề tài hiện đại, phản ánh, lý giải nhiều vấn đề của cuộc sống hiện nay

Một đóng góp đáng kể của nghệ thuật sân khấu chúng ta mấy chục năm qua là luôn luôn cố gắng xây dựng những hình tượng con người mới, lực lượng tiên tiến của xã hội mới Trong mỗi giai đoạn của cách mạng đều nổi lên những con người mới mang hết sức mình cải tạo và xây dựng cuộc sống. Sân khấu đã kịp thời nắm bắt và phản ánh, xây dựng những hình tượng nghệ thuật có sức cuốn hút thuyết phục sâu sắc. Từ các chiến sĩ cộng sản hoạt động bí mật, lãnh đạo quần chúng đến những chiến sĩ vệ quốc quân, anh bộ đội, chiến sĩ giải phóng trong hai cuộc kháng chiến ; từ người nông dân, công nhân, đến trí thức xã hội chủ nghĩa ; từ các em nhỏ, các chị phụ nữ đến các cụ già... đều đã được diễn tả một cách sinh động. Nhiều hình tượng về con người mới đã có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Sự diễn tả những con người mới xã hội chủ nghĩa trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhiều vở diễn đã có tác dụng giáo dục và cổ vũ rất lớn. Bước phát triển mới của sân khấu chúng ta mấy năm gần đây, nhất là trong năm 1985 này, cũng là việc xây dựng thành công nhiều hình tượng về con người mới, cuộc sống mới. Hình tượng Bác Hồ, con người mới tiêu biểu của thời đại chúng ta, lần đầu tiên được xây dựng là nhân vật trung tâm khá thành công trong vở *Lịch sử và nhân chứng*. Thành công của vở kịch này cùng với *Bài ca Điện biên* và *Hẹn ngày trở lại* chứng tỏ sân khấu chúng ta đã trưởng thành, có thể đáp ứng được những yêu cầu quan trọng, đảm đương được những nhiệm vụ to lớn mà dân tộc, đất nước và đông đảo người xem mong đợi.

Nền nghệ thuật sân khấu của chúng ta cũng đã phát triển cân đối giữa các kịch chủng. Cùng với kịch nói, một mũi nhọn trong việc phản ánh cuộc sống mới, con người mới, các thể loại khác như chèo tuồng, cải lương, kịch hát bài chòi, kịch hát Huế—Trị thiên, kịch hát dặm Nghệ tĩnh, kịch hát miền núi Việt bắc... đều có tiếng nói của mình, có những đóng góp đáng kể trong việc xây dựng nền sân khấu dân tộc xã hội chủ nghĩa. Đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn của Đảng ta đã làm cho tinh hoa sân khấu dân tộc chẳng những không bị lớp bụi thời gian che mờ mà ngày càng thêm sáng Bốn mươi năm qua, sân khấu kịch hát dân tộc vẫn tiếp tục sống cái sức sống bốn nghìn năm của nó, và đến



Digitized by Google

nay, sức sống ấy còn mãnh liệt hơn, tươi mới hơn.

Chúng ta đã chú ý sưu tầm, chọn lọc, phục hồi gắn với chỉnh lý, cải biên vốn cổ, và sáng tạo cái mới. Chúng ta vừa giữ gìn những tinh hoa của vốn cũ dòng thời phát triển mới cho phù hợp với hiện tại. Chính vì thế mà kịch hát dân tộc vẫn vào được cuộc sống hôm nay, vẫn mang được hơi thở của thời đại. Nhiều vở tuồng, chèo đã phản ánh khá thành công hiện thực mới của cách mạng. Với tinh thần « gạn đục khơi trong », chúng ta đã cố gắng phát huy những bản chất tốt đẹp của nghệ thuật sân khấu truyền thống, làm cho nó thích hợp với cuộc sống mới, có nội dung, hình dáng mới, nhịp điệu, màu sắc và âm thanh mới.

Công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình sân khấu cũng phát triển và đã đạt được những thành tựu bước đầu. Việc sưu tầm, chỉnh lý, cải biên, phục hồi vốn cổ đã thu được nhiều thành tựu thể hiện qua nhiều công trình về tuồng, chèo, cải lương. Những công trình đó góp phần vào việc nhận thức ngày càng đúng đắn, sáng tỏ về kịch hát dân tộc. Ngoài việc tìm hiểu, giới thiệu những tinh hoa sân khấu nước ngoài, công tác lý luận, phê bình đã góp phần quan trọng vào việc phát hiện những vấn đề của sân khấu nước ta, hướng dẫn người xem, uốn nắn những lệch lạc trong sân khấu...

Trên đây là những thành tựu cơ bản của nền nghệ thuật sân khấu 40 năm qua — một nền nghệ thuật gắn bó máu thịt với cuộc sống, tự nguyện chiến đấu, tự nguyện làm người cổ động, tuyên truyền cho những nhiệm vụ chính trị của Đảng, của cách mạng; một nền nghệ thuật được chỉ đạo bằng những nguyên tắc cơ bản của đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Song, nhìn lại chặng đường đã đi, chúng ta thấy nghệ thuật sân khấu vẫn còn những biểu hiện non kém, thậm chí có cả những khuyết điểm khá nghiêm trọng. Đó là tính sơ lược, công thức, sự khô khan, đơn điệu ở một số tác phẩm sáng tác kịp thời. Đó là sự thiếu tinh tế, sâu sắc khi đi vào thể hiện những con người mới... Và, điều đáng chú ý nhất là, từ sau năm 1975, có lúc, một số người làm công tác sân khấu đã có những biểu hiện lúng túng, chệch phương hướng, không nắm vững những nguyên tắc cơ bản của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Ở một số vở diễn có biểu hiện xa rời những mâu thuẫn, những vấn đề lớn của cuộc sống, đi vào những sự việc vụn vặt, những quan hệ cá nhân nhỏ hẹp, không mang được tính xã hội sâu sắc. Một số vở thiên về miêu tả những dằn vặt, trăn trở riêng tư hơn là những dằn vặt, trăn trở về những vấn đề lớn của xã hội, thiên về sự trút bỏ gánh nặng hôm qua hơn là xây dựng những tình cảm lớn và lòng tin ở tương lai. Sự lúng túng, chệch phương hướng, không nắm vững những nguyên tắc cơ bản của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng còn biểu hiện ở xu hướng muốn đưa chức năng giải trí lên trên những chức năng khác của nghệ thuật; để cho nghệ thuật thương mại ảnh hưởng xấu tới nghệ thuật sân khấu cả nước, có nơi, có lúc đã lấn át cả sân khấu cách mạng.

Phải khẳng định rằng trong những năm qua, dòng chủ đạo của hoạt động sân khấu là lành mạnh, đúng hướng. Nhưng để cho sự nghiệp sân khấu phát triển lớn mạnh hơn nữa, không thể coi nhẹ những thiếu sót, những lệch lạc của phong trào.

★

Thời kỳ mới của cách mạng đang đặt ra cho sân khấu rất nhiều vấn đề và đòi hỏi sân khấu phải góp phần lý giải



Digitized by Google

Thời gian qua, nền nghệ thuật sân khấu đang có những khởi sắc. Đó chính là kết quả của sự gắn bó với cuộc sống, với hiện thực của sân khấu chúng ta. Đó là sự kịp thời, nhạy bén trong việc phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược của dân tộc ta: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là kết quả quá trình lao động sáng tạo của các nghệ sĩ sân khấu để tìm tòi cho sân khấu một tiếng nói, một bộ mặt và sức hấp dẫn mới. Đi vào cuộc sống để khám phá và sáng tạo, đó cũng là quy luật của quá trình phát triển của bản thân nghệ thuật sân khấu. Nhưng «muốn hiểu được hiện thực mới phải có quan điểm đúng, phải có tri thức cần thiết. Nếu không tự trang bị cho mình những quan điểm, nhận thức có tính khoa học về sự nghiệp cách mạng, về hiện thực cuộc sống, thì chúng ta sẽ mất phương hướng, sẽ bối rối, thậm chí có thể lầm lạc» (1). Do đó, vấn đề quan trọng hàng đầu đối với những người làm công tác sân khấu hiện nay là phải nắm vững quan điểm, đường lối văn nghệ của Đảng, kiên quyết loại trừ những biểu hiện xa rời cuộc sống, xa rời hiện thực, xa rời quần chúng. Chạy theo những cái xa lạ, những sự hấp dẫn, những thị hiếu thẩm mỹ nghệ thuật tầm thường; chạy theo cả đồng tiền.. thì không thể có những tác phẩm sân khấu có giá trị, đáp ứng yêu cầu của cách mạng và của đông đảo người xem.

Chúng ta chống việc đi tìm sự hấp dẫn tầm thường, rẻ tiền nhưng không có nghĩa là coi thường tính hấp dẫn chân chính của sân khấu. Một vấn đề nóng bỏng, cấp bách hiện nay là phải làm cho sân khấu có sự hấp dẫn chân chính để lôi cuốn và giáo dục người xem. Muốn vậy, vấn đề quan trọng là sân khấu phải phản ánh, lý giải được những vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống của đông đảo người lao động với những hình thức mới mẻ, phù hợp. Một số vở diễn gần đây được đông đảo người xem đánh giá cao chính là đã phản ánh được những vấn đề của cuộc sống hiện nay và có sự hòa hợp giữa nội dung và hình thức thể hiện. Nhiều vở công diễn liên tục hàng tháng mà vẫn đông người xem. Nói chung, đại bộ phận người xem của ta hiện nay là quần chúng cách mạng tiên tiến, có học, đủ trình độ để thưởng thức, đánh giá một vở diễn. Do đó, vấn đề chính hiện nay là phải làm sao nâng cao được chất lượng của sân khấu.

Nghệ thuật sân khấu của chúng ta hiện nay đang được chuyên nghiệp hóa, hoàn chỉnh hóa. Do đó, rất cần thiết phải có những điều kiện vật chất tối thiểu như nhà hát và các phương tiện biểu diễn, trước hết là nhà hát, thì mới thực hiện được. Thiếu những điều kiện vật chất tối thiểu đó, các nghệ sĩ không thể tìm tòi, thử nghiệm, sáng tạo và phát huy hết khả năng cũng như sở trường của mình. Thiếu những điều kiện vật chất tối thiểu đó, thì không thể nói tới việc xây dựng những phong cách sân khấu khác nhau trong nền sân khấu xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Một lĩnh vực quan trọng là công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình sân khấu cũng phải được củng cố, tổ chức cho tốt hơn. Cần đưa những hoạt động này trở thành những hoạt động thật sự khoa học, đó là *khoa học sân khấu*. Đội ngũ những người làm công tác này phải được đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức chu đáo để đảm đương được nhiệm vụ rất quan trọng và tinh tế của nghệ thuật sân khấu. Tính chiến đấu của công tác phê bình phải được nâng cao, nhất là công tác «phê bình trực chiến». Có như vậy, phê bình mới có ích, góp phần hướng dẫn dư

(1) Phạm Văn Đồng — Tố Hữu: *Sự nghiệp văn nghệ và sứ mạng của người nghệ sĩ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr. 63.



Digitized by Google

luận, thúc đẩy sự phát triển không ngừng của nền nghệ thuật sân khấu chúng ta.

Chưa bao giờ chúng ta có một đội ngũ những người làm công tác sân khấu đông đảo như hiện nay. Đội ngũ đó bao gồm nhiều lực lượng, nhiều thế hệ đã từng trải qua những thử thách của cách mạng và có những đóng góp đáng quý. Nhưng đến nay, trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, đội ngũ này cần được đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cả về tác giả, đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, nhạc sĩ, lẫn các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình v.v. Trước hết cần chú ý bồi dưỡng những anh chị em trẻ cả về mặt nhân sinh quan, thế giới quan, lối sống lẫn trình độ văn hóa, nghề nghiệp. Đồng thời phải có chế độ khuyến khích, bồi dưỡng, cổ vũ, tạo điều kiện cho anh chị em làm tốt nhiệm vụ cao cả của mình.

★

Chặng đường trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng rõ ràng chưa bao giờ sân khấu chúng ta có những điều kiện thuận lợi như hiện nay. Phát huy những truyền thống của sân khấu ngót nửa thế kỷ qua, gắn bó hơn nữa với cuộc sống cách mạng của nhân dân ta, nhất định chúng ta sẽ sáng tạo được những tác phẩm sân khấu xứng đáng với dân tộc Việt nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

---

## Đồng bào theo đạo...

*(Tiếp theo trang 100)*

còn nặng nề, việc kế hoạch hóa gia đình còn chậm, đội ngũ cán bộ, nhất là ở miền Nam chưa được rèn luyện, đào tạo đúng mức, việc thực hiện chính sách tôn giáo còn có chỗ chủ quan, nôn nóng...

Chúng ta tin tưởng rằng, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý đúng đắn của các cấp chính quyền, phát huy truyền thống yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, đồng bào các tôn giáo sẽ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

Digitized by Google

# Xây dựng và phát triển nền điện ảnh dân tộc và xã hội chủ nghĩa

LÝ THÁI BẢO

NGÀY 15-3-1953, tại chiến khu Việt Bắc, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh thành lập *Doanh nghiệp Quốc gia chiếu bóng và chụp ảnh Việt nam*. Nền điện ảnh Việt nam chính thức ra đời từ ngày đó.

Có thể nói, sự nghiệp xây dựng và phát triển nền điện ảnh dân tộc Việt nam bắt đầu từ hai bàn tay trắng, bởi vì chế độ xã hội cũ không để lại cho chúng ta một cơ sở vật chất, kỹ thuật điện ảnh nào ngoài mấy rạp chiếu bóng nhỏ bé ở Hà nội và một số tỉnh, thành phố.

Vừa đánh giặc vừa làm phim, vừa xây dựng ngành cho nên trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng điện ảnh cách mạng Việt nam còn quá nhỏ bé.

Những năm hòa bình đầu tiên sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhất là từ năm 1959 đến năm 1965, thật sự là một thời kỳ phát triển mạnh mẽ của điện ảnh Việt nam trên tất cả các mặt: từ xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật đến đào tạo cán bộ, sản xuất tất cả các thể loại phim, đẩy mạnh việc xuất khẩu, nhập khẩu phim, xây dựng và phát triển mạng lưới chiếu bóng... Vai trò của nghệ thuật điện ảnh trong đời sống xã hội lúc này thật to lớn. Bộ phim truyện đầu tiên của Việt nam: *Chung một dòng sông* được chiếu đúng vào ngày 20 tháng 7 năm 1959 nhân dịp kỷ niệm lần thứ tư kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp và bắt đầu cuộc đấu tranh nhằm thống nhất đất nước, đã làm xúc động lòng người. Tiếp sau đó, bộ phim truyện ngắn *Con chim vành khuyên* là một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thầm lặng mà cao quý của em bé gái Việt nam. Phim nói về sự hy sinh mất mát mà vẫn gây được cho người xem tinh thần lạc quan cách mạng. Bộ phim tài liệu *Nước về Bác Hưng Hải* và bộ phim hoạt hình đầu tiên *Dáng đời thông cáo* cũng được người xem hoan nghênh. Những thành tựu rất khiêm tốn của buổi ban đầu ấy đã được dư luận chung trong cả nước khen ngợi. Một số nơi trên thế giới cũng bày tỏ lòng yêu mến và niềm tin vào tương lai của nền nghệ thuật điện ảnh Việt nam non trẻ mà đậm đà tính chất dân tộc. Có thể coi đây là những dấu hiệu tốt đẹp của sự hình thành nền nghệ thuật điện ảnh dân tộc và cách mạng của chúng ta.

Trong những năm đế quốc Mỹ đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam và mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, ngành điện ảnh của chúng ta vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Số lượng phim về tất cả các thể loại làm ra mỗi năm một nhiều. Các tác phẩm điện ảnh như còn đượm mùi thuốc súng của khắp các chiến trường đánh Mỹ và thắng Mỹ. Nhiều bộ phim sản xuất trong khoảng thời gian 10 năm này có giá trị



Digitized by Google

cao về tư tưởng và nghệ thuật, trở thành những giá trị tinh thần đáng kể của nhân dân ta.

Các phim tài liệu: *Đầu sóng ngọn gió, Du kích Củ chi, Lũy thép Vĩnh linh, Đường ra phía trước, Trận địa mặt đường, Chiến thắng Tây ninh, Chiến thắng đường 9 — Nam Lào, Người Hàm rồng, Mở đường Trường sơn, Hà nội — bản hùng ca*... như những thiên anh hùng ca, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, và góp phần quan trọng làm cho thế giới thấy được cụ thể cuộc chiến đấu anh dũng của chúng ta và những tội ác man rợ của đế quốc Mỹ.

Phim truyện cũng hướng vào đề tài bảo vệ Tổ quốc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Các phim: *Trên vĩ tuyến 17, Người chiến sĩ trẻ, Nỗi gió, Nguyễn Văn Trỗi, Chị Tư Hậu, Đường về quê mẹ, Bài ca ra trận, Vĩ tuyến 17 — ngày và đêm*... tuy mức độ thành công khác nhau nhưng đều xuất hiện đúng lúc và gây xúc động lòng người, bởi từ hình tượng điển hình của các nhân vật toát lên vẻ đẹp của phẩm chất con người Việt nam trong sự nghiệp cao cả của mình. Mặt khác, phim truyện vẫn bám sát các nhiệm vụ sản xuất và khai thác thành công các đề tài xã hội: *Tiền tuyến gọi, Người về đồng cói, Truyện vợ chồng anh Lực, Đến hẹn lại lên.*

Về phim hoạt hình, chúng ta đã phát triển đồng thời cả ba phương diện biểu hiện (hoạt họa, búp bê và cắt giấy), cố gắng vận dụng đặc trưng của thể loại để nói về nhiều đề tài trong đó có đề tài chống Mỹ, sản xuất được cả phim màu, đưa phim hoạt hình tiến lên những bước mới. Các phim: *Bài ca trên vách núi, Con sáo biết nói, Con khỉ lạc loài, Mèo con, Chuyện ông Gióng, Sơn tinh — Thủy tinh*... thể hiện rất rõ sự trưởng thành của thể loại phim hoạt hình.

Phim khoa học vừa phục vụ sản xuất vừa nhanh chóng chuyển hướng phục vụ chiến đấu. Các phim: *Bắn máy bay bằng súng bộ binh, Chống bom bi*... đã có tác dụng thiết thực phổ biến kinh nghiệm đánh giặc, bảo vệ xóm làng.

Những người làm công tác điện ảnh sẽ ghi nhớ mãi những ngày lịch sử mùa xuân 1975, toàn ngành điện ảnh ra quân để có thể thu vào ống kính sự kiện có một không hai trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Hàng loạt phim phóng sự và tài liệu đã ghi được khá trọn vẹn cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, từ Quảng trị, Huế, Đà nẵng đến Quy nhơn, Nha trang, Sài gòn, Côn đảo... Bộ phim *Thành phố lúc rạng đông* là tác phẩm tiêu biểu nói về những ngày đầu tiên của Sài gòn sau trận chiến thắng chiến lược của cách mạng Việt nam, đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ

Ngành điện ảnh có quyền tự hào vì đã góp phần đáng kể làm cho nền « văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay » (1).

Tổ quốc thống nhất đã mở ra một trang sử mới. Một nền nghệ thuật điện ảnh dân tộc và xã hội chủ nghĩa được xây dựng và phát triển trên địa bàn cả nước, đạt thành tựu khá cao cả về số lượng và chất lượng. Trong 10 năm 1975 — 1985, các cơ sở điện ảnh trong cả nước đã sản xuất được 140 bộ phim truyện, trong lúc 10 năm trước đó (1965 — 1975) chỉ sản xuất được 50 bộ. Sản lượng phim tài liệu và khoa học, phim hoạt hình đều tăng gấp 3 lần.

(1) *Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1977, tr 121.



Digitized by Google

Mạng lưới phát hành phim và chiếu bóng phát triển nhanh chóng. Cả nước đã có trên 2000 đơn vị chiếu phim, hằng ngày đem đến cho quần chúng những tác phẩm điện ảnh xã hội chủ nghĩa, góp phần bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, nâng cao nhận thức và thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, đáp ứng từng bước nhu cầu văn hóa, nghệ thuật của nhân dân.

Đề tài và chủ đề của tất cả các thể loại phim đều được mở rộng. Có thêm những phim nói về cuộc sống trong vùng Mỹ—ngụy chiếm đóng trước đây. Một số phim đã thành công xuất sắc: nội dung sâu sắc và hình thức thể hiện có những sáng tạo mới. Bên cạnh những phim tiếp tục khai thác cuộc chiến đấu chống Mỹ là những phim nắm bắt nhanh những vấn đề nóng bỏng của đời sống. Các phim truyện: *Mùa gió chướng, Cánh đồng hoang, Mối tình đầu, Bản nhạc người từ, Về nơi gió cát, Xa và gần, Vùng gió xoáy, Biển sáng, Những người đã gặp, Hy vọng cuối cùng, Hồi chuông màu da cam, Ở miền quê xa, Người đi tìm đất..* gợi lên một toàn cảnh sống động của đất nước về những ngày đêm đánh Mỹ hôm qua, những vấn đề xây dựng và đấu tranh trong hòa bình hôm nay không kém phần gay gắt, gian khổ. Cả cuộc chiến đấu ngoài mặt trận chống kẻ thù mới cũng đã nhanh chóng được phản ánh vào các tác phẩm điện ảnh: *Đất mẹ, Thị xã trong lòng tay, Phản bội, Bắc kinh xám lược và thảm bại*... Nhiều thành công mới lại nổi lên trong phim tài liệu và khoa học. Điều này được thể hiện rất rõ qua các bộ phim: *Đường dây lên sông Đà, Bài ca vào trận mới, Tiếng trống trường, Qua cơn vật vã, Mùa rối nước, Hai mươi năm sau, Tiếng nổ định hướng*; hoặc trong những tập phim về 50 năm đấu tranh cách mạng của Đảng cộng sản Việt nam, những tập phim về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, về tình cảm của nhân dân ta, quân đội ta đối với Bác Hồ. Các phim hoạt hình: *Âu cơ—Lạc long quân, Dế mèn phiêu lưu ký, Con kiến và hạt gạo, Ông Trạng thả diều, Đam san*... là những sáng tạo mới, giàu phong cách dân tộc.

32 năm kể từ ngày Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh, hàng nghìn tác phẩm điện ảnh đã ghi lại và miêu tả hầu hết các sự kiện quan trọng nhất của lịch sử đất nước. Những tác phẩm ấy sẽ mãi mãi là nhân chứng của lịch sử dựng nước và giữ nước trong thời đại chúng ta, chân thực và sống động.

Với những thành tựu đã đạt được, ngành điện ảnh Việt nam hoàn toàn xứng đáng với lời khen ngợi của Chủ tịch Trường Chinh « Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao và nhiệt liệt hoan nghênh những cố gắng và thành tựu to lớn của anh chị em ngành điện ảnh Việt nam, những chiến sĩ tin cậy của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận văn hóa — văn nghệ » (2).

Tuy nhiên ngành điện ảnh cũng còn có những biểu hiện non yếu, thậm chí lệch lạc, đã và đang hạn chế nhiều mặt thành tựu của nó.

*Khoảng cách giữa tác phẩm điện ảnh và cuộc sống còn khá lớn*, tầm tư tưởng và nghệ thuật của nhiều bộ phim còn thấp. Điều này càng bộc lộ rõ sau ngày đất nước thống nhất, khi cuộc cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới.

Nhân vật chính diện, điển hình cho con người mới xã hội chủ nghĩa đang xuất hiện ngày càng nhiều trong thực tế cách mạng còn *chưa có vị trí thật xứng đáng trong các tác phẩm điện ảnh những năm gần đây*. Hình tượng người chiến sĩ trong chiến đấu, công nhân và nông dân trong sản xuất được xây dựng thành những nhân vật chính còn chiếm một tỷ lệ thấp.

(2) Báo *Nhân dân* « Lời phát biểu của Chủ tịch Trường Chinh » ngày 16-3-1983.



Digitized by Google

Về mặt hình thức biểu hiện, còn có *những cách hiểu không đúng về « cái mới »* dẫn tới tình trạng đưa những yếu tố không lành mạnh vào tác phẩm. Đối với phim ảnh, ngày nay chúng ta đang mở rộng đề tài, đang có những tìm tòi để đổi mới hình thức, ngôn ngữ biểu hiện, đang có những cố gắng để đi sâu vào nội tâm, tính cách nhân vật, thì việc tác giả phải tái hiện một số chi tiết, một số cảnh nhằm phê phán lối sống sa đọa trụy lạc trong một vài trường hợp là cần thiết. Nhưng điều đáng nói là một số phim đã rơi vào cách sử dụng những cảnh hoặc thủ pháp đó theo khuynh hướng của phim thương mại tư sản, chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận người xem lạc hậu; việc làm sai lệch đó lại được che giấu dưới nhãn hiệu « mạnh dạn thể hiện cái mới »!

★

Quá trình xây dựng và phát triển nền điện ảnh dân tộc và cách mạng của chúng ta mấy chục năm qua là quá trình phấn đấu gian khổ của cả một đội ngũ bao gồm ba thế hệ nối tiếp nhau, có cả sự hy sinh xương máu của hàng trăm cán bộ điện ảnh, và sự giúp đỡ của nhiều ngành, sự ủng hộ của toàn dân.

Ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, ngành điện ảnh đứng trước hàng loạt vấn đề cần giải quyết. Có giải quyết tốt những vấn đề đó, ngành điện ảnh mới có thể hoàn thành được sứ mạng cao cả và vẻ vang của mình.

— Trước hết, cần tiếp tục *phát huy tinh thần tự lực tự cường*. Trong hoàn cảnh đất nước ta còn nghèo mà năm sau phải làm nhiều phim hơn năm trước, nhất là phải làm phim hay hơn, thì nhận thức sâu sắc và phát huy cao độ truyền thống tự lực tự cường trong thực tiễn sáng tác và xây dựng ngành trong những năm tới là điều hết sức quan trọng. Tất cả mọi người trong ngành, trước hết là những người chịu trách nhiệm lãnh đạo và quản lý, những người sáng tác phải có một kế hoạch tích cực, làm việc theo tinh thần chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng là: « chúng ta phải làm phim trong hoàn cảnh của chúng ta, nghĩa là rất thiếu thốn về phương tiện vật chất và kỹ thuật. Tất nhiên đây là điều không hay, song, theo ý tôi, có thể trong cái không hay chúng ta tìm thấy cái hay ở chỗ mặc dù thiếu thốn, chúng ta vẫn làm phim và hoàn toàn có khả năng làm phim có giá trị về cả nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật » (3).

— *Kiên trì sáng tác theo phương pháp luận thực xã hội chủ nghĩa*. Nhận rõ phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp tốt nhất của chúng ta, cho nên hơn 30 năm qua, những người sáng tác điện ảnh cách mạng đã bám sát phương pháp này và có nhiều sáng tạo, do đó nhiều tác phẩm điện ảnh bao gồm tất cả các thể loại đã thành công.

Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa yêu cầu phải phản ánh chân thực cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng của nó, giúp cho quần chúng thưởng thức nghệ thuật nhận thức đúng hiện thực cách mạng của nước ta, vững tin vào tiền đồ xán lạn của dân tộc ta. Trong cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp hiện nay giữa « hai con đường », giữa ta và địch, giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiên tiến và cái lạc hậu, nhiệm vụ chính của điện ảnh ta vẫn phải là miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn cái vĩ đại, cái anh hùng, những đức tính tốt đẹp đang nảy nở trong

(3) Phạm Văn Đồng – Tố Hữu: *Sự nghiệp văn nghệ và sứ mạng của người nghệ sĩ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr. 24.



Digitized by Google

con người mới và cuộc sống mới của chúng ta. Có làm tròn nhiệm vụ ấy mới có thể nói là điện ảnh ta phản ánh đúng hiện thực sôi động của đất nước ta, mới xứng đáng là điện ảnh xã hội chủ nghĩa Việt nam.

— *Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.* Nâng cao chất lượng sáng tác của tất cả các thể loại phim đồng thời chú trọng chất lượng của việc phổ biến phim. Phấn đấu trong những năm 80 phải có được một số phim có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, hạ thấp tỷ lệ các phim sơ lược và công thức. Hết sức coi trọng tính tư tưởng của các tác phẩm điện ảnh từ kịch bản trong sáng tác đến nhập khẩu và phát hành trong phổ biến phim. Không để xảy ra tình trạng làm phim xong rồi mới phát hiện những sai lệch, vừa gây tốn kém công của trong việc sửa chữa, vừa tác động không tốt đến đội ngũ sáng tác. Kể cả trong khâu sáng tác và phổ biến phim đều phải luôn luôn chú ý nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, song phải coi trọng hơn cả là hiệu quả tích cực về nhận thức và tư tưởng đối với các tầng lớp người xem. Kiên quyết không để cho khuynh hướng thương mại xen vào khâu sáng tác hay khâu phổ biến phim. Không chạy theo thị hiếu sai lệch của người xem lạc hậu.

Đó là một mặt. Mặt khác, lại phải chú ý rằng điện ảnh là một ngành sản xuất theo dây chuyền công nghiệp, đòi hỏi nhiều vật tư và máy móc chuyên dùng. Làm một bộ phim tốn không ít công sức và tiền của. Cần cân nhắc kỹ tính mục đích và hiệu quả của phim, nhất là những bộ phim đòi hỏi chi phí lớn trong tình hình chúng ta đang có nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính, ngay cả về phim nhựa.

Cho nên, nghệ thuật điện ảnh với tư cách là một ngành nghệ thuật — sản xuất công nghiệp và mang tính quần chúng rộng rãi nhất có thể và cần phải thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, làm ăn ngày càng có lãi cả về mặt kinh tế, để nhanh chóng phát triển sự nghiệp điện ảnh của chúng ta và đóng góp cho ngân sách Nhà nước, trong khi nó vẫn phải chú trọng trước hết đến chức năng nghệ thuật của nó.

— *Xây dựng, củng cố, kiện toàn đội ngũ những người làm công tác điện ảnh.* Trong thời gian tới, đội ngũ những người làm công tác điện ảnh của chúng ta cần vươn lên mạnh mẽ và toàn diện hơn, khắc phục những lệch lạc, phấn đấu để phát triển ngành nghề, làm tròn nhiệm vụ cao quý của mình trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Việc bồi dưỡng lập trường, quan điểm chính trị và nghệ thuật, vốn sống cho anh chị em sáng tác đang được đặt ra như một nhiệm vụ cơ bản. Chúng ta phải sử dụng tốt quỹ văn hóa và những hình thức khen thưởng, động viên để khuyến khích và giải quyết một phần khó khăn cho anh chị em đi sâu vào đời sống của nhân dân, đến những nơi tiên tiến, sống với những con người tiên tiến trong sản xuất và chiến đấu. Mang tâm hồn nghệ sĩ, chiến sĩ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, hôm nay, đội ngũ những người làm điện ảnh chúng ta sẽ phát hiện được nhiều cái đẹp của cuộc sống mới và con người mới Việt nam đang làm nên chủ nghĩa xã hội hiện thực Việt nam, sẽ có được những rung động thật sự trước cái đẹp chân chính và sáng tác nên những tác phẩm thật sự có giá trị.

Khi cả đội ngũ điện ảnh được rèn luyện để « làm chiến sĩ bằng tác phẩm nghệ thuật của mình » (4), nhất định sẽ có sự chuyển biến thật sự mạnh mẽ, thúc đẩy nền điện ảnh cách mạng tiến lên những bước vững vàng, tốt đẹp trong thời gian tới.

(4) Phạm Văn Đồng — Tố Hữu : Sách đã dẫn, tr. 20.



Digitized by Google

# Nghệ thuật tạo hình cách mạng Việt nam những năm đã qua và thời kỳ sắp tới

DƯƠNG VIÊN

BỐN mươi năm qua, dưới ánh sáng đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta, nghệ thuật tạo hình đã chiếm một vị trí xứng đáng và đã có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới ở nước ta.

Nền nghệ thuật tạo hình cách mạng của chúng ta chỉ thật sự khởi đầu từ Cách mạng Tháng Tám. Bám sát nhiệm vụ cách mạng từng giai đoạn, nghệ thuật tạo hình không ngừng phát triển cả về bề rộng lẫn chiều sâu. Nhìn vào hàng vạn tác phẩm tranh, tượng của hàng nghìn người làm nghệ thuật tạo hình, trong đó có những người đã hy sinh trong chiến đấu, chúng ta thấy hiện lên rõ nét những con người Việt nam, những người nông dân, công nhân mới, người chiến sĩ vũ trang và những đổi thay của cuộc sống. Ngay trong thời kỳ chống Pháp, mỹ thuật đã để lại những tác phẩm hết sức quý báu của lớp họa sĩ dân anh. Họ đã sống và chiến đấu với dân tộc, với nhân dân. Ký họa chống Pháp của họa sĩ Tô Ngọc Vân có thể tiêu biểu cho sự chuyển biến về hình tượng nghệ thuật, đối tượng nghệ thuật và phương pháp sáng tác. Những bộ tranh khắc về các anh hùng chiến sĩ, về các chiến dịch ở Cao—Bắc—Lạng, Khu 5, Nam bộ, Điện biên phủ... là những bằng chứng hùng hồn cho hoạt động của Nghệ sĩ — Chiến sĩ. Đồ họa chống Pháp, với thử thách của thời gian, ngày càng ngời sáng giá trị lịch sử và nghệ thuật của nó. Tranh sơn dầu, sơn mài tuy còn ít ỏi song cũng là sự chuẩn bị trực tiếp cho giai đoạn đỉnh cao sau này.

Mười năm hòa bình (1954 — 1964) trên miền Bắc tràn ngập không khí vui tươi, phấn khởi, đã thổi vào mỹ thuật một làn gió lạc quan. Nhiều tác phẩm sơn mài, sơn dầu lộng lẫy, mô tả cuộc đời mới của người công nhân, người nông dân, người lao động trí óc trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Điêu khắc đã kết tinh những tác phẩm tiêu biểu cho giai đoạn đầu này với bút pháp tả thực chân tình. Cũng trong giai đoạn này và tiếp đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, các ngành nghệ thuật tạo hình phát triển sang bề rộng. Nghệ sĩ thuộc thế hệ thứ hai đóng vai trò chủ lực. Ký họa về chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, về kháng chiến ở miền Nam, tranh tượng về đường Trường sơn, về các chiến trường Đông dương, về hợp tác hóa và xây dựng công nghiệp ở miền Bắc... tăng vọt lên về số lượng và bồi đắp thêm vào chất lạc quan trữ tình của giai đoạn trước cái chắc khỏe, mạnh mẽ trong ngôn ngữ tạo hình.



Digitized by Google

Các ngành lý luận, phê bình, nghệ thuật trang trí, ứng dụng, mỹ thuật công nghiệp phát triển rộng và chia thành nhiều nhánh rẽ chuyên sâu. Mỹ thuật bắt đầu có mặt trong đời sống văn hóa, tinh thần của đông đảo quần chúng. Các triển lãm toàn quốc có quy mô đồ sộ, đa dạng về thể loại, loại hình, đông đảo về tác giả. Nghệ thuật tạo hình của chúng ta cũng đã có tiếng vang trên thế giới qua các triển lãm ở nước ngoài và đã có nhiều tác giả hội họa, đồ họa được giải thưởng quốc tế. Thời kỳ này là thời kỳ đào tạo và thử thách thế hệ tác giả thứ ba với những tiềm năng mới.

Mười năm gần đây (1975 – 1985) là một giai đoạn chuyển biến quan trọng của nền nghệ thuật tạo hình nước ta. Mỹ thuật cách mạng bao quát cả nước và được bổ sung thêm một lực lượng nghệ sĩ yêu nước trước đây trong vùng tạm bị địch chiếm. Nhu cầu về mỹ thuật của các địa phương, các ngành kinh tế, các tổ chức, đoàn thể và của Nhà nước tăng lên đột ngột. Hòa bình xây dựng là môi trường lao động và sinh hoạt của hàng chục triệu người và cũng là đề tài vô cùng phong phú, đa dạng cho nghệ thuật tạo hình. Nhu cầu văn hóa của nhân dân không ngừng tăng lên. Mong ước và đòi hỏi bên trong của người nghệ sĩ về sự thiết lập một đời sống mỹ thuật thật sự gắn bó với đời sống của nhân dân đã trở nên cấp bách. Nhu cầu mô tả hùng hồn và đa dạng hiện thực 40 năm cách mạng vừa là nhu cầu khách quan của xã hội vừa là ước mơ cháy bỏng của mỗi cá nhân nghệ sĩ. Từ triển lãm về đề tài lực lượng vũ trang (1976), triển lãm mỹ thuật toàn quốc (1980), tới các triển lãm sau này như triển lãm chào mừng Đại hội thứ V của Đảng (1982), ta thấy rõ sự biến chuyển mạnh mẽ theo hướng tích cực của nghệ thuật tạo hình nước nhà. Đó là sự mở rộng về đề tài, thể loại, sự tìm tòi các hình thức biểu hiện mới, sự đi sâu vào các chủ đề lớn, các đề tài mũi nhọn. Đội ngũ những người làm mỹ thuật ngày càng đông đảo, hoạt động sôi nổi và sáng tạo được nhiều tác phẩm khá tốt.

Từ 1983, sau Đại hội thứ II của Hội nghệ sĩ tạo hình Việt nam, không khí sáng tác ngày càng được cải thiện. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về tổ chức cũng như về tinh thần và vật chất đã làm cho giới nghệ sĩ tạo hình thêm tự tin, càng nâng cao ý thức trách nhiệm và lòng hăng say sáng tạo. Có thể nói bệnh sơ lược, công thức đang bị đẩy lùi. Tính năng động của tổ chức và hoạt động mỹ thuật đang được phát huy. Song chúng ta vẫn phải luôn luôn tích cực chống lại các biểu hiện xa đời sống, xa đường lối, xa nhân dân lao động, làm ngơ trước các vấn đề nóng bỏng của đất nước, con người Việt nam trong giai đoạn mới. Đó là các biểu hiện tiêu cực chạy theo thị hiếu tầm thường, vụ lợi, lai căng hay nệ cổ.

Năm 1984, giới nghệ sĩ tạo hình Việt nam đã hoạt động với một nhịp độ cao và toàn diện ở nhiều địa bàn. 45 cuộc triển lãm trong và ngoài nước được tổ chức và có tiếng vang tốt. Các ngành phát triển theo chiều sâu. Hàng chục công trình mỹ thuật được thể hiện. Các hội nghị khoa học đã bắt đầu đi thẳng vào những vấn đề của thực tiễn sáng tạo. Sự liên kết với các ngành, các địa phương, các cơ quan, đoàn thể là một nguồn bổ sung thêm cho năng lực của Hội nghệ sĩ tạo hình và là một cách làm có hiệu quả.

Năm 1985 đầy ý nghĩa cũng là một năm quan trọng đối với sự phát triển của nghệ thuật tạo hình nước ta. Rất nhiều địa phương ở phía Nam (Huế, Quảng nam – Đà nẵng, thành phố Hồ Chí Minh...) đang thực hiện nhiều công trình tượng đài, khu tưởng niệm và các triển lãm mỹ thuật lớn. Tại Hà nội có các triển lãm quan trọng như triển lãm của các nghệ sĩ trẻ toàn



Digitized by Google

quốc, triển lãm tranh, tượng của các nữ tác giả, triển lãm 10 năm đồ họa Việt nam và đỉnh cao là triển lãm mỹ thuật toàn quốc thứ 11 được tổ chức trong dịp kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và thành lập Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

★

Vấn đề quan trọng hàng đầu của nghệ thuật tạo hình nước ta hiện nay là làm sao phát huy được năng lực sáng tạo của đội ngũ nghệ sĩ đáng quý, đã từng được tôi luyện trong quá trình cách mạng và không thiếu tài năng, đang làm việc trên mọi miền đất nước. Sự phát triển nghề nghiệp của các nghệ sĩ phải đi đôi với sự phát triển thế giới quan, phát triển tính cách, đạo đức và nhận thức chính trị của họ. Giáo dục chính trị, tư tưởng và bồi dưỡng nghề nghiệp cho anh chị em tác giả là nhiệm vụ của Hội nghệ sĩ tạo hình Việt nam, đồng thời cũng là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các địa phương trực tiếp quản lý đội ngũ nghệ sĩ. Hơn bao giờ hết, trách nhiệm nghệ sĩ, trách nhiệm công dân và lương tâm nghề nghiệp của mỗi nghệ sĩ là quyết định. Đó là tiền đề cho sự ra đời của các tác phẩm có tính tư tưởng, tính nghệ thuật cao, có phong cách cá nhân độc đáo. Sự chỉ đạo, sự cởi mở, sự tôn trọng quyền tự quyết định, cá tính, phong cách khác nhau của nghệ sĩ v.v đều là cần thiết. Người nghệ sĩ trong chủ nghĩa xã hội không thể chỉ là bèn nhận đơn đặt hàng, không thể là người làm thuê hưởng tiền công mà phải thật sự là người làm chủ sáng tạo. Đặc biệt, những nghệ sĩ cao tuổi cần điều kiện thuận lợi để có thể cống hiến hết năng lực, kinh nghiệm của mình. Các nghệ sĩ trẻ đang hăm hở, giàu nhiệt tình cần được quan tâm giúp đỡ một cách thích đáng. Phát triển nhân cách nghệ sĩ, cổ vũ niềm tự tin ở họ và tạo điều kiện cho họ gánh vác các công việc xã hội, nghệ thuật cụ thể là cách giúp cho họ rèn luyện trong sáng tạo nghệ thuật. Không để cho sự nghiệp của lớp nghệ sĩ trẻ phát triển một cách ngẫu nhiên hay chỉ thụ động trông chờ sự tác động của những điều kiện sống tích cực. Lớp nghệ sĩ trẻ không phải lúc nào cũng dễ dàng định hướng một cách đúng đắn, vì thiếu kinh nghiệm sống, cho nên họ thường bị hạn chế trong việc phân biệt và nhận thức thật và giả. Nếu cuộc sống của họ có mục đích rõ ràng và gắn bó với chủ nghĩa xã hội, với nhân dân lao động, thì họ có thể phát triển được tài năng. Nếu sự tìm tòi sáng tạo của họ không có phương hướng, mục đích rõ ràng thì họ sẽ mất tin tưởng về thẩm mỹ và dễ rơi vào chủ nghĩa hình thức.

Thể chế phong kiến đã sản sinh cách bảo trợ nghệ thuật tạo hình bởi cung đình, các lãnh chúa và các cơ sở tôn giáo. Trong xã hội tư bản đã hình thành thị trường tự do của nghệ thuật tạo hình với các hình thức bảo tàng, đơn đặt hàng, các hãng bán tranh, tượng, các triển lãm và các ga lơ ri tư nhân. Chúng ta xóa bỏ các cơ chế hoạt động phong kiến và tư bản chủ nghĩa để giải phóng nghệ thuật và người nghệ sĩ tạo hình. Song phải nhận rằng trong mấy chục năm qua, chúng ta mới tạo ra một cách hoạt động phù hợp với sự vận động của nghệ thuật tạo hình trong điều kiện chiến tranh, đất nước bị chia cắt, chủ nghĩa xã hội chưa bao trùm toàn quốc. Ngày nay, qua 10 năm sau giải phóng miền Nam, Tổ quốc hoàn toàn thống nhất, thực tiễn cụ thể ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải nghĩ tới và bắt tay vào xây dựng một cơ chế hoạt động mỹ thuật: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Xác lập chỗ đứng được bảo đảm về pháp lý, quyền về công ăn



Digitized by Google

việc làm, vấn đề kinh tế, tài chính cho nghệ thuật tạo hình và cho các nghệ sĩ, cụ thể là đưa hoạt động nghệ thuật tạo hình ra khỏi chế độ hành chính, bao cấp, kém hiệu quả, lãng phí là những vấn đề quan trọng hiện nay. Nghệ thuật tạo hình liên quan tới toàn bộ thế giới vật chất nhân tạo của con người, từ tầm đô thị lớn tới cái ấm, cái chén trong nhà. Nó là nghệ thuật gia công vật chất, cho nên có liên quan trực tiếp tới các vấn đề kinh tế, kỹ thuật, tài chính, quản lý của các cấp, các cơ sở, các địa phương. Hiện nay, tuy chưa có quy định của Nhà nước, nhưng hằng năm hàng trăm triệu đồng đã được chi cho những công việc nghệ thuật tạo hình. Có điều là các công việc to lớn có khi lại không đến tay các nghệ sĩ có năng lực, hoặc các cơ quan có thẩm quyền nghệ thuật. Chất lượng không được giám định. Việc sử dụng vật tư và kinh phí không có quy chế rõ ràng. Cần quy định quyền làm nghề của các cơ sở mỹ thuật của Nhà nước và của Hội nghệ sĩ tạo hình Việt nam. Cần có quy định về việc giám định các công trình mà bên chịu trách nhiệm chủ chốt là Hội nghệ sĩ tạo hình Việt nam và Bộ văn hóa, trước mắt là các công trình ở một cấp quản lý nào đó, một quy mô kinh phí nào đó. Sự phối hợp giữa bên A và bên B (các cơ sở và nghệ sĩ nêu trên) trong việc thực hiện các công trình mỹ thuật cũng cần được quy định rõ ràng. Để bảo đảm nghệ thuật tạo hình có mặt ở các công trình văn hóa, dân dụng và nơi ở, nơi làm việc..., cần có quy định tỷ lệ phần trăm quỹ đầu tư xây dựng cho các loại công trình khác nhau. Cuối cùng, cần có những cơ sở để phát hành, phổ biến mỹ thuật rộng rãi hơn nữa trong toàn dân. Một nước như nước ta mà chỉ có một Bảo tàng mỹ thuật, hai, ba phòng tranh thường xuyên, mỗi năm có được vài đầu sách mỹ thuật thì thật là ít ỏi. Rõ ràng để có một cơ chế hoạt động mới, đúng với chủ nghĩa xã hội, cần có những quy định của Nhà nước, những pháp quy bảo đảm việc thực hiện các công việc mỹ thuật. Tình trạng xấu, kém của nhiều công trình công cộng lâu dài và những công trình phục vụ tức thời (như triển lãm, hội chợ, quảng cáo...) đang gây lãng phí cả về tài chính lẫn tài năng. Và nếu tình trạng lộn xộn này tồn tại và phát triển thì trong hằng chục năm tới, với nhu cầu mỹ thuật ngày càng lớn, nó sẽ còn gây nhiều khó khăn, phức tạp cho sự phát triển của nghệ thuật tạo hình nước ta.

Nghệ thuật tạo hình được sử dụng trực tiếp trong đời sống văn hóa, nghệ thuật của nhân dân lao động. Do vậy, giữa người nghệ sĩ tạo hình, Hội nghệ sĩ tạo hình Việt nam và các đoàn thể phụ trách đời sống văn hóa như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ cũng như các sở văn hóa, ty văn hóa, phòng văn hóa, phải khai thông được các mối quan hệ. Các cơ quan đoàn thể này, trong quỹ chi dùng văn hóa phải có hướng dẫn và quy định sử dụng tác phẩm nghệ thuật tạo hình. Sự phối hợp giữa Hội nghệ sĩ tạo hình Việt nam, Bộ văn hóa và các cơ quan đoàn thể nói trên là cơ sở lâu dài, cần thiết bậc nhất cho một đời sống nghệ thuật tạo hình thật sự vì nhân dân, đến tận tay, tận mắt nhân dân lao động.

Nghệ thuật tạo hình đang bước vào một giai đoạn mới với các vấn đề thực tiễn rất bề bộn. Song chắc chắn thời kỳ tới sẽ là thời kỳ quá độ thật sự lên chủ nghĩa xã hội của nghệ thuật tạo hình ở nước ta.



Digitized by Google

# Xây dựng nền âm nhạc Việt nam xã hội chủ nghĩa, hoàn chỉnh, dân tộc, hiện đại

HUY DU

CÙNG với các ngành văn hóa, nghệ thuật khác, ngành âm nhạc rất tự hào về những đóng góp của mình trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta 40 năm qua. Những kỳ tích trong đấu tranh giải phóng, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta mấy chục năm qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng, là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng sự phát triển của nền âm nhạc Việt nam đậm đà tính dân tộc và xã hội chủ nghĩa.

Thành tích nổi bật nhất của nền âm nhạc là đã sáng tạo được những ca khúc phục vụ kịp thời nhiệm vụ cách mạng trong mỗi thời kỳ lịch sử. Hàng nghìn bài hát đã phản ánh, ca ngợi cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Những phong trào cách mạng rộng lớn, sôi nổi trong kháng chiến: « Thanh niên ba sẵn sàng », « Phụ nữ ba đảm đang », phong trào toàn quân cứu nước, « tay cày tay súng », « tay búa tay súng »,... đều đã được thể hiện bằng những bài ca giàu hình tượng, xúc động lòng người. Ca khúc đã có mặt kịp thời ở hầu hết mọi lúc, mọi nơi trong cuộc sống chiến đấu, lao động của nhân dân ta. Nhiều ca khúc được viết ngay hoặc sau một trận chiến đấu ác liệt nhưng vô cùng anh dũng. Nhiều ca khúc kết hợp nhuần nhị giữa truyền thống và hiện đại, phong phú, đa dạng về thủ pháp nghệ thuật. Ca khúc của chúng ta cũng đã vươn ngang tầm với những ca khúc tiên tiến trên thế giới hiện nay mà vẫn thể hiện được bản sắc Việt nam.

Trong lĩnh vực sáng tác giao hưởng, nhạc thính phòng, nhạc kịch, nhạc múa, nhạc sân khấu và điện ảnh cũng đã có những thành tựu đáng kể. Bên cạnh những vở nhạc kịch có quy mô lớn là những vở có quy mô vừa và nhỏ, phù hợp với điều kiện biểu diễn, phục vụ trong chiến tranh. Tuy còn là lĩnh vực mới mẻ nhưng qua hàng loạt những tác phẩm được trình diễn đã thấy xuất hiện những sở trường có nhiều hứa hẹn, những tìm tòi, sáng tạo ngôn ngữ âm nhạc dân tộc.

Lĩnh vực biểu diễn âm nhạc cũng đã phát triển cả về số lượng và chất lượng diễn viên, ca sĩ. Trong những năm chiến tranh, chúng ta vừa phục vụ quần chúng đông đảo trên sân khấu chính quy vừa tổ chức những đoàn nhỏ, nhẹ, xung kích, cơ động phù hợp với điều kiện thời chiến. Với tư cách là những nghệ sĩ — chiến sĩ, anh chị em đã đến những nơi nóng bỏng của cuộc sống. Tiếng đàn, tiếng hát đã trở thành sức mạnh to lớn, cổ vũ, động viên quân và dân ta chiến đấu bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Nhiều nghệ sĩ đã ngã xuống trên chiến trường nóng bỏng khói lửa bom đạn địch.



Digitized by Google

Qua làn sóng điện và các phương tiện thông tin đại chúng, âm nhạc đã đi vào cuộc sống và đã trở thành món ăn tinh thần hằng ngày, không thể thiếu được của nhân dân ta. Âm nhạc của chúng ta cũng đã đến với bầu bạn trên thế giới như là một biểu tượng của ý chí, sức mạnh Việt nam.

Công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình âm nhạc cũng bắt đầu được chú ý và có sự khởi sắc. Đội ngũ những người nghiên cứu, lý luận, phê bình âm nhạc được đào tạo theo chuyên ngành, có trình độ nghề nghiệp đang phát triển. Bước đầu đã có những công trình nghiên cứu, hệ thống một số vấn đề âm nhạc dân tộc, âm nhạc cách mạng. Đã sưu tầm được hàng vạn bài dân ca, nhạc cổ, nhiều hiện vật, nhạc khí dân tộc có giá trị. Việc cải tiến một số nhạc cụ cổ truyền (đàn bầu, đàn t'rưng, sáo Hmông, đàn Klông pút...) đã đem lại kết quả đáng phấn khởi trong hoạt động, biểu diễn âm nhạc.

Những thành tựu âm nhạc của dân tộc ta mấy chục năm qua không thể tách rời phong trào ca nhạc quần chúng rộng rãi, liên tục, sôi nổi ở khắp mọi nơi. Đó là nguồn bổ sung vô tận cho đội ngũ những người sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu, phê bình âm nhạc. Những phong trào « tiếng hát át tiếng bom », « tiếng hát từ hậu phương », « khắp nơi ca hát », « hát cho đồng bào tôi nghe » trong những năm kháng chiến và hàng trăm cuộc liên hoan, hội diễn của quần chúng thuộc các ngành, các giới, ở khắp các địa phương, cơ quan, xí nghiệp, trường học v.v. thể hiện sức sống mãnh liệt của phong trào.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cách mạng Việt nam chuyển sang giai đoạn mới ; cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, ca khúc vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ lực, là mũi nhọn trong nền âm nhạc cách mạng. Nhưng trong bối cảnh mới của đất nước, khi mà nhu cầu sáng tạo và thưởng thức âm nhạc của quần chúng ngày càng cao, khi cuộc đấu tranh giữa ta và địch, giữa « hai con đường » diễn ra quyết liệt, gay gắt thì trong các khâu của hoạt động âm nhạc (tác phẩm — người biểu diễn — công chúng) cũng có những thay đổi và diễn biến phức tạp. Trước đây, *hoạt động chủ yếu của âm nhạc tập trung vào loại hình ca khúc* do thực tế cuộc sống chiến đấu đòi hỏi ; trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ba khâu này có sự gắn bó chặt chẽ và thống nhất với nhau. Giữa người sáng tác, người biểu diễn, người thưởng thức không có những khoảng cách đáng kể. Nhưng từ sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, (đặc biệt là ở các đô thị) còn một số người biểu diễn, một số công chúng xa lạ hoặc có mặc cảm đối với âm nhạc cách mạng. Ở các tỉnh, thành phố miền Nam những năm đầu sau giải phóng, vẫn dầy dẫy những tập bài hát, những băng nhạc, đĩa nhạc xấu của chế độ cũ để lại hoặc mới được đưa từ nước ngoài vào. Thói quen thưởng thức âm nhạc dưới thời Mỹ — ngụy của một bộ phận công chúng chậm thay đổi. Bọn đế quốc, bọn phản động, tay sai ở nước ngoài bằng mọi cách vẫn tiếp tục dùng âm nhạc để đầu độc quần chúng, nhất là thanh niên, nhằm chống phá cách mạng. Cuộc đấu tranh « ai thắng ai » trong lĩnh vực âm nhạc đã diễn ra rất gay go, quyết liệt chẳng những ở các tỉnh, thành phố miền Nam, mà còn lan ra nhiều nơi trên miền Bắc. Trong tình hình đó, một thời gian chúng ta lại buông lỏng khâu biểu diễn và hoạt động âm nhạc quần chúng, lúng túng, thậm chí lẫn lộn trắng đen, không phân biệt được thật, giả một cách nhạy bén, cho nên đã xảy ra những « lộn xộn » trong đời sống âm nhạc.



Digitized by Google

Những «lộn xộn» ấy mấy năm gần đây, nhờ sự chỉ đạo sát sao của các cơ quan có trách nhiệm, đã giảm bớt đi nhiều. Cần chú ý rằng trong lĩnh vực âm nhạc, không thể chỉ đơn thuần dùng biện pháp hành chính (thu, quét), phê phán trên báo chí mà giải quyết ngay được. Nhu cầu thưởng thức và sáng tạo âm nhạc của quần chúng, nhất là của thanh niên, ngày càng cao và luôn luôn đổi mới; cần có những tác phẩm tốt, những mô hình biểu diễn cụ thể thích hợp, đáp ứng được nhu cầu đó, tức là phải có cái mới, cái đẹp thay thế cho cái cũ, cái xấu để không tạo ra những khoảng trống. Trong hội thi đơn ca chuyên nghiệp năm 1985 của thành phố Hồ Chí Minh vừa qua, ca khúc cách mạng đã được đề cao, phong cách diễn xuất lành mạnh đã được hoan nghênh.

★

Sự phát triển của ca khúc cách mạng Việt nam là một thành tích đáng tự hào, nhưng nền âm nhạc của một dân tộc không chỉ dừng lại ở ca khúc, hoặc nói rộng hơn là ở các thể loại thanh nhạc, tuy rằng bất cứ một nền âm nhạc nào cũng phải bắt đầu từ ca hát. Nhu cầu đời sống tinh thần của con người ngày càng phát triển đa dạng và tinh tế đồng thời bản thân sự phát triển của nghệ thuật cũng ngày càng tạo ra sự đa dạng về các loại hình, thể loại. Âm nhạc châu Âu cũng phát triển từ những thể loại ca hát nhỏ, một bè, đến những thể loại ca hát quy mô nhiều bè như hợp xướng, thanh xướng, kịch rồi đến ca kịch, là một thể loại nghệ thuật tổng hợp. Âm nhạc của dân tộc ta cũng đã tiến lên từ những điệu dân ca đến những thể loại nhạc đàn, độc tấu, hòa tấu. Thưởng thức âm nhạc của nhân dân ta từ xưa cũng đã không chỉ dừng lại ở ca hát. Sự thưởng thức nhạc đàn hiện nay ở nước ta tuy còn chưa thật phát triển, nhưng rõ ràng đã có nhu cầu cần đáp ứng. Mấy chục năm qua, việc phát triển âm nhạc tuy bước đầu đã có được sự đa dạng nhưng vẫn mất cân đối và không đồng bộ giữa các lĩnh vực và các khâu hoạt động, giữa các loại hình tác phẩm và các đơn vị biểu diễn, đặc biệt là những loại hình đòi hỏi phải có thời gian, có cơ sở vật chất — kỹ thuật, có công phu đào tạo đội ngũ nghệ sĩ và có công chúng thưởng thức.

Sự mất cân đối trong âm nhạc của ta hiện nay thể hiện ngay trong loại nhạc hát. Thể loại hát đơn ca vẫn chiếm phần chủ yếu, thiếu những bài hát cho tập thể, cho tốp ca, hợp ca, hợp xướng. Những thể loại sau có khả năng miêu tả những chủ đề, đề tài rộng lớn hơn, có tác dụng tích cực trong việc giáo dục tư tưởng, thẩm mỹ âm thanh.

Nhưng sự mất cân đối lớn là giữa nhạc hát và nhạc đàn (thanh nhạc và khí nhạc). Phát triển nhạc đàn là một tất yếu khách quan, do nhu cầu thưởng thức của xã hội, do sự phát triển của bản thân nền âm nhạc, do nhu cầu giao lưu quốc tế. Tác phẩm nhạc đàn không bị hàng rào ngôn ngữ ngăn cách, qua đó chúng ta giới thiệu được với thế giới một bộ phận quan trọng trong nền âm nhạc nước ta, đóng góp tiếng nói nghệ thuật của chúng ta vào những chủ đề lớn của thời đại.

Văn học, nghệ thuật muốn đến được với đông đảo công chúng đều cần có chuyển tải như ấn loát, phòng triển lãm, trưng bày... Âm nhạc lại còn đòi hỏi có những cơ sở vật chất—kỹ thuật khá lớn, có những người biểu diễn có khả năng nghề nghiệp phù hợp, có nhạc cụ (nếu là khí nhạc), có nhà hát, có phòng hòa nhạc v.v Từng tác giả, từng người biểu diễn tự mình không làm được việc đưa tác phẩm đến quần chúng một cách hoàn chỉnh nếu không có sự quan tâm, đầu tư thích



Digitized by Google

đáng cả về sự chỉ đạo phương hướng, đường lối, lẫn về cơ sở vật chất và xây dựng đội ngũ. Đất nước chúng ta đang phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, sự đầu tư cho ngành nhạc cũng chỉ có mức độ, nhưng chúng ta không thể chờ đến khi có cơ sở vật chất đầy đủ mới xây dựng, mà phải tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng một nền văn hóa âm nhạc hoàn chỉnh cho xứng đáng với lịch sử của đất nước anh hùng, của con người Việt nam thời đại Hồ Chí Minh.

Một điều không kém phần quan trọng là phải phát triển sáng tác nhạc đàn (khí nhạc) phù hợp với thực tiễn của đất nước ta. Cho đến nay, chúng ta mới chỉ có một số sáng tác khí nhạc độc lập (một số bản giao hưởng, một vài bản hiệp tấu khúc, một ít tác phẩm nhạc thính phòng v.v.), còn lại là những nhạc không lời viết cho múa, cho ba lê, cho kịch nói, tức là còn gắn bó với loại hình nghệ thuật khác, chưa hoàn toàn độc lập, chưa là *khí nhạc thuần túy*. Nhưng dẫu sao qua đó cũng đã thấy ít nhiều nổi lên một số khuynh hướng. Một số sáng tác của một số tác giả đã xa rời những đặc điểm của ngôn ngữ âm nhạc Việt nam. Khí nhạc bao gồm nhiều yếu tố như giai điệu, hòa thanh, phức điệu, phối khí v.v. nhưng gốc của nó vẫn phải là giai điệu gắn với truyền thống văn hóa âm nhạc Việt nam: có như thế những tác phẩm ấy mới gần gũi quần chúng, có sức phổ cập, làm xúc động được tâm hồn người nghe, đem lại cho họ những khoái cảm thẩm mỹ. Tìm tòi những phương thức biểu hiện mới trong khí nhạc là cần thiết, nhưng phải luôn luôn dựa trên đường lối cơ bản về nghệ thuật mà Đảng ta đã vạch ra là: xây dựng một nền âm nhạc Việt nam dân tộc—hiện đại. Hiện đại ở đây là phản ánh cuộc sống đang diễn ra của dân tộc ta, chứ không chỉ có nghĩa là « tân kỳ » để rồi rơi vào những khuynh hướng « mới để mà mới », biến khí nhạc thành một thế giới thần bí, xa rời những âm hưởng của dân tộc trong thời đại hiện nay, khiến nó trở thành xa lạ, dễ dẫn đến những khuynh hướng âm nhạc giờ đây cũng đã lỗi thời của phương Tây. Để có thể phát triển loại hình khí nhạc Việt nam một cách vững chắc, không cồ lỗ, không lặp lại những thủ pháp âm nhạc châu Âu thế kỷ 19 và không đi vào lối mòn của chủ nghĩa ấn tượng, chủ nghĩa biểu hiện, chủ nghĩa tiền phong v.v. chúng ta phải bám chắc vào vốn âm nhạc truyền thống của dân tộc, vào cuộc sống Việt nam, đồng thời chủ động nâng cao dần trình độ thưởng thức, cảm thụ âm nhạc của đông đảo quần chúng.

Bên cạnh những tổ chức biểu diễn âm nhạc của trung ương cần được tiếp tục đầu tư thích đáng, chúng ta phải từng bước xây dựng những thể loại bắc cầu mà lực lượng ca nhạc ở các địa phương có thể đảm đương được, lại phù hợp với trình độ thưởng thức và yêu cầu của quần chúng, phù hợp với cơ sở vật chất hiện có. Một trong những thể loại đó là ca kịch mới, với quy mô nhỏ và vừa. Thể loại ca kịch mới đáp ứng được một trong những sở thích của người Việt nam bình thường yêu nghệ thuật, vì nó có tích, có truyện, dễ cuốn hút người xem, người nghe, mang tính phổ cập cao. Thể loại này là một bước chuẩn bị có hiệu quả để đưa công chúng đông đảo làm quen dần với những phương thức diễn tả của nhạc không lời. Nó rất phù hợp với các địa phương, và hiện nay hầu như ở tỉnh, thành phố nào cũng đều có đoàn ca múa, những đoàn ca kịch truyền thống (tuồng, chèo, cải lương). Ca kịch mới, với những hình tượng âm nhạc mới, những giai điệu mới, do dàn nhạc mới phụ họa và đệm, sẽ có nhiều thuận lợi để đáp ứng được yêu cầu thể hiện cuộc sống hôm nay. Đội ngũ diễn viên, nhạc công của nhiều



Digitized by Google

đoàn ca múa địa phương hiện nay có thể biểu diễn thể loại ca kịch mới đó.

Ngoài ra, ở nhiều đoàn ca múa địa phương có những nhạc công biểu diễn các loại nhạc cụ quốc tế, có khả năng độc tấu hoặc hòa tấu với dàn nhạc những tiểu khúc viết cho nhạc cụ mới, nhưng chưa được sử dụng trong chương trình biểu diễn. Nhiều đoàn hoặc quá thiên về nhạc nhẹ, hoặc chỉ sử dụng một vài nhạc cụ truyền thống như đàn bầu, sáo trúc để độc tấu, có thể có ý nghĩ cho rằng những nhạc cụ quốc tế, dù là rất phổ biến ở nhiều nước, vẫn không dân tộc, vẫn « tây ». Đã dành rằng âm sắc độc đáo của những nhạc cụ dân tộc truyền thống là rất quý, không gì thay thế được, phải được trân trọng, giữ gìn và phát triển; nhưng âm sắc của nhạc cụ, hình thức dân tộc độc đáo của một cây đàn không phải đã bảo đảm đầy đủ, trọn vẹn cho tính dân tộc của một tác phẩm âm nhạc. Tính dân tộc trước hết thể hiện trong tư duy âm nhạc, trong cấu trúc giai điệu, hòa thanh v.v., tức là trong những nguyên tắc của tư duy âm nhạc, chứ không phải là ở âm sắc cây đàn, hình thức cây đàn. Mỗi dân tộc đều sản sinh ra những nhạc cụ của riêng mình, bằng những vật liệu thường có trong nước mình, với những âm sắc riêng, nhưng xét cho cùng, bản thân nhạc cụ mới chỉ là một phương tiện để biểu hiện âm nhạc. Các trường, lớp âm nhạc chính quy của nước ta đã đào tạo được những nhạc công biết sử dụng tốt những nhạc cụ của ta và của thế giới. Cho nên, trong quá trình giao lưu văn hóa với các dân tộc khác, chúng ta đã có thêm những nhạc cụ mới để góp phần làm cho đời sống âm nhạc của nhân dân ta ngày càng đa dạng, phong phú.

★

Được sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, với cố gắng của bản thân những người làm công tác âm nhạc nước ta, chắc chắn chúng ta sẽ xây dựng được một nền âm nhạc Việt nam xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh, dân tộc hiện đại, góp phần xây dựng con người mới Việt nam phát triển hài hòa, toàn diện.

Digitized by Google

# Đồng bào theo đạo qua 40 năm cách mạng

THẾ HƯNG

NƯỚC ta có nhiều tôn giáo, có tôn giáo từ ngoài du nhập như đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Tin lành, đạo Hồi, có tôn giáo nảy sinh tại địa phương như Cao đài, Hoà hảo, có tôn giáo từ ngoài du nhập nhưng đã dân tộc hóa như đạo Chăm (Bà la môn), Bni (Hồi) của người Chàm. Đồng bào tuy theo đạo khác nhau, sống tập trung hay xen kẽ, nhưng có điểm chung: đại đa số là người lao động trước đây do bị áp bức, bóc lột nặng nề, bị lừa bịp, mê hoặc trong chế độ cũ, bế tắc trước cuộc sống mà phải theo đạo. Bọn đế quốc luôn luôn lợi dụng tôn giáo và đó là âm mưu có tính chiến lược của chúng để xâm lược nước ta và thống trị nhân dân ta. Thiên chúa, Cao đài, Hoà hảo là những tôn giáo bị bọn đế quốc lợi dụng nhiều. Nhưng ngay tôn giáo được coi là có quan hệ tích cực với lịch sử dân tộc như đạo Phật, một bộ phận lớp trên cũng không tránh khỏi bị chúng lợi dụng. Trong xã hội cũ, đồng bào theo đạo sống khổ cực, bị đầu độc theo chính sách ngu dân của chúng, cho nên rất ngoan đạo, nhưng lại tiềm tàng tinh thần yêu nước và có quyền lợi gắn bó với cách mạng, khi được cách mạng khơi dậy, được Đảng dìu dắt, thì tinh thần yêu nước, yêu độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội của họ lại bùng lên mạnh mẽ.

Đảng ta đã nhận định đúng về vấn đề tôn giáo và có chính sách đúng đối với tôn giáo, với đồng bào theo đạo, với các giáo sĩ, giáo hội, cho nên dù địch có xảo quyệt, thâm độc thực hiện những âm mưu lôi kéo, chia rẽ, kích động chống đối, đồng bào và đông đảo giáo sĩ vẫn ngày càng gắn bó với Tổ quốc và dân tộc.

★

40 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân ta đoàn kết chiến đấu đánh thắng hai tên đế quốc to là Pháp và Mỹ và đã giành thêm những thành tích rất có ý nghĩa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng cuộc sống mới.

Đồng bào theo đạo, trong 9 năm chống Pháp và hơn 20 năm chống Mỹ — ngụy, đã ở trong hoàn cảnh đấu tranh phức tạp. Đế hòng lôi kéo đồng bào theo đạo Thiên chúa, ngay từ khi trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, thực dân Pháp đã cho đô đốc Đác-giăng-li-ơ là một tu sĩ, cầm đầu đội quân xâm lược. Đến 1951 chúng lại phái Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi sang; viên tướng này trước khi sang Việt nam đã đến Va-ti-căng gặp giáo hoàng Pi-ô XII và được giáo hoàng chúc phúc cho đội quân viễn chinh Pháp (1). Kết quả là bọn thực dân đã kích động được bọn phản động trong nước như giám mục Lê Hữu Từ ra mặt chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân ta và làm tay sai cho đế

(1) Pierre Darcourt: De Lattre ở Việt nam — La Table ronde. Paris, 1965, tr. 257



Digitized by Google

quốc Pháp. Tổng giám mục Giôn Đu-lây được cử sang Đông dương làm khâm sứ tòa thánh. Đu-lây đã chủ trì cuộc hội nghị giám mục Đông dương cuối năm 1951 cấm giáo dân và giáo sĩ tham gia và ủng hộ kháng chiến, lôi kéo giáo sĩ Việt nam câu kết với giặc; chỉ huy cuộc dụ dỗ và cưỡng ép giáo dân di cư năm 1954 – 1955. Trắng trợn hơn nữa, Đu-lây chủ trì một cuộc hội nghị giám mục cấm người công giáo Việt nam tham gia Ủy ban liên lạc những người công giáo yêu Tổ quốc, yêu hòa bình (3-1955). Trước đây Nhật lợi dụng đạo Cao đài Tây ninh làm chỗ dựa cho chúng, sau đó Pháp lại lợi dụng cả đạo Cao đài và Hòa hảo gây ra cảnh nồi da nấu thịt tại nhiều địa phương miền Nam (1948 – 1949), biến những vùng có đồng bào theo hai đạo này thành những vùng chống lại kháng chiến một cách điên cuồng... Đến khi đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp thì chúng lại rút kinh nghiệm, lợi dụng tôn giáo một cách thâm độc hơn.

Kẻ địch tuy nham hiểm nhưng chúng không tài nào dập tắt được ngọn lửa yêu nước trong lòng đồng bào theo đạo ở nước ta. Ngay từ trước và nhất là những ngày đầu của chính quyền cách mạng (1945), không ít giáo sĩ, giáo dân tích cực tham gia công tác ở các ngành, các cấp. Tại các vùng tự do trong kháng chiến chống Pháp và ở miền Bắc sau thắng lợi Điện biên phủ, đồng bào theo đạo đã có những cống hiến xuất sắc về chiến đấu và phục vụ chiến đấu, về sản xuất và đời sống. Ở những vùng du kích mà cuộc chiến đấu giằng co với địch rất ác liệt, đồng bào theo đạo đã có những đóng góp khá lớn. Ngay trong những vùng bị chiếm sâu mà chính quyền cách mạng chỉ tồn tại được 1 tháng (9-1945) cũng nảy sinh và phát triển những phong trào chính trị và vũ trang bí mật và công khai chống giặc. Hơn nữa, ngay tại những nơi mà kẻ địch cho là tin cẩn nhất đối với chúng, ta vẫn xây dựng được những cơ sở kháng chiến.

Đồng bào theo đạo Phật đã tích cực tham gia các phong trào yêu nước, kháng chiến. 28 nhà sư làm lễ cởi áo cà sa để tòng quân vào ngày đầu kháng chiến chống Pháp tại chùa Cổ lễ (Hà nam ninh). Hội Phật giáo cứu quốc, rồi Hội Phật giáo thống nhất Việt nam đã xứng đáng với vai trò của mình trong cuộc kháng chiến. Các cơ sở cách mạng trong tăng ni được nhân lên gấp bội. Cuộc đấu tranh mạnh mẽ của tăng ni, phật tử tại Huế, Đà nẵng, Sài gòn v.v. đã cổ vũ tinh thần yêu nước của đồng bào nói chung, làm cho Mỹ – ngụy rất đau đầu.

Đồng bào theo đạo Thiên chúa có nhiều khó khăn hơn đồng bào theo các đạo khác, vì phải nằm trong hệ chống tổ chức chặt và thần quyền mạnh. Nhưng những thành tích của đồng bào trong 40 năm qua thật đáng tự hào. Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều thôn, xã du kích công giáo như Xuân thủy (Hải hậu, Hà nam ninh), Nghĩa hoàng (Nghĩa hưng, Hà nam ninh)... đã bẻ gãy nhiều cuộc càn quét của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch; một lõm du kích rất mạnh trong kháng chiến chống Pháp ở Thông tây hội, ngoại thành Sài gòn, đã có gần 1 chục vạn thanh niên công giáo tham gia bộ đội. Nhiều nơi có đồng bào theo đạo Thiên chúa đã lập chiến công bắn rơi máy bay, bắn cháy tàu chiến Mỹ; tiêu biểu là xã Quảng phúc anh hùng, với danh hiệu lũy thép bên bờ sông Gianh, đã bắn rơi 4 máy bay giặc Mỹ và phối hợp với bộ đội bắn rơi 3 chiếc khác. Hố nai, Cái sắn... những điểm mà địch cho là tin cẩn của chúng, cũng có những cơ sở của kháng chiến. Phong trào chống Pháp rồi chống Mỹ – ngụy của giáo dân và một số linh mục, tu sĩ rất phong phú và đa dạng, bí mật



Digitized by Google

lẫn công khai, chính trị và vũ trang, diễn ra ngay tại thành phố Sài gòn. Vinh dự thay cho gần 1 nghìn người ở xã Nhân hòa, ngoại thành Sài gòn, cả giáo dân và linh mục đã hiến dâng xứ đạo của mình cho lực lượng kháng chiến làm một trong những nơi xuất phát của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Những họ đạo Cao đài chung quanh tòa thánh Tây ninh, những thôn xã theo đạo Hòa hảo như Long kiến (An giang) là những nơi có cơ sở của kháng chiến mà địch không thể ngờ tới. Trận Tua hai mở màn cuộc đấu tranh vũ trang chống Mỹ của đồng bào ta ở miền Nam mà ta thu 1000 khẩu súng, đã nổ ra ngay trên đất Tây ninh. Trận càn Gi-an-xơn Xi-ti của giặc Mỹ bị thất bại thảm hại ngay trên vùng có đông đồng bào theo đạo Cao đài.

Mười năm qua, đồng bào vùng mới giải phóng đã có nhiều điều kiện thuận lợi để phát huy tinh thần yêu nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc chiến đấu chống bọn phản động Pôn Pốt, bọn bành trướng bá quyền Bắc kinh cũng như tiễu trừ bọn FULRO, nhiều chiến sĩ là người theo đạo đã lập công. Một số đáng kể là người theo đạo đã đổ máu vì Tổ quốc trong thời kỳ mới!

Bên cạnh việc đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, đồng bào theo đạo ở nông thôn miền Bắc đã đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng được quan hệ sản xuất mới trước khi phải đánh trả chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Đồng bào theo đạo ở miền Nam mấy năm qua, bằng những hình thức thích hợp, đã đi theo con đường làm ăn tập thể. Chính dựa trên cơ sở quan hệ sản xuất mới mà đồng bào theo đạo cùng với đồng bào cả nước có sức đánh giặc, bảo vệ và xây dựng cuộc sống mới. Từ 10 năm nay, dù phải đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược và phá hoại nhiều mặt của địch, dù còn nhiều lúng túng, khó khăn trong quản lý, làm ăn, nhưng đâu đâu, cuộc sống của đồng bào theo đạo cũng có những chuyển biến đáng mừng. Nhiều nơi có tiếng là nghèo, ngày nay nhà ngói đã nhiều hơn nhà tranh. Ở họ giáo Vạn xuân (Nghệ tĩnh), với 110 hộ ngư dân, hợp tác xã nghề cá là một điển hình tốt. Hợp tác xã đã có khả năng trả lương hưu trí cho xã viên có quá trình 25 năm hoạt động tích cực (hiện nay đã trả cho 12 xã viên loại II bốn nghìn đồng (1) một tháng). Châu giang là một hợp tác xã toàn tòng (thuộc xã Trác bút) ở vùng chiêm trũng Hà nam ninh trong nhiều năm nay đã có thành tích về nhiều mặt: chiến đấu, sản xuất, đời sống, văn hóa xã hội. Xã Hải vân (Hải hậu, Hà nam ninh) dưới thời thuộc Pháp có một xóm đồng bào công giáo đi ăn xin, ngày nay ở đây đã có cuộc sống phát triển toàn diện, được nhiều khách nước ngoài đến thăm khen ngợi. Vùng công giáo Trà kiệu (Quảng nam — Đà nẵng), nơi trước đây đã từng xảy ra nhiều chuyện không hay, nay đã trở thành hợp tác xã khá nhất tỉnh. Nơi đây, ngoài lúa còn có nhiều nghề thủ công và 1 xưởng làm giấy với 5000 tấn/năm, lại có cả 1 trạm thủy điện 300 kW. Những vùng Cao đài chung quanh tòa thánh Tây ninh, đồng bào theo đạo đã ổn định được sản xuất và đời sống. An giang, nơi có tỷ lệ đồng bào theo đạo Hòa hảo khá cao (80%), đã sớm nổi tiếng là vùng có năng suất và sản lượng lúa cao, đời sống nhiều mặt được cải thiện rõ rệt...

Đói rét, dốt nát đã bị đẩy lùi ở mọi vùng có đồng bào theo đạo. Ngay ở những vùng rất lạc hậu trước kia, nhiều thôn, xóm công giáo trong những năm chống Mỹ đã có người tốt

(1) Tiền cũ, tương đương với bốn trăm đồng tiền mới.



Digitized by Google

nghiệp trung học chuyên nghiệp, đại học. Ở nhiều nơi, nếp sống mới đã thay thế phong tục tập quán lạc hậu lỗi thời.

Nhớ lại hồi miền Nam mới được giải phóng, kẻ địch thâm độc tung ra luận điệu chiến tranh tâm lý: cộng sản sẽ trả thù, cấm đạo, sẽ có biển máu...; ở nước ngoài cũng có những lời «tiên tri»: chiến tranh ý thức hệ sẽ xảy ra. Thực tế 10 năm qua, chẳng có trả thù và biển máu, cũng chẳng có chiến tranh ý thức hệ, chỉ có tình thương yêu đùm bọc mà thôi. Chính vì vậy mà những tổ chức phản động mới nhen nhóm lên đã bị dập tan ngay từ trong trứng tại giữa thành phố Hồ Chí Minh, tại huyện Thống nhất, tại tòa thánh Tây ninh... và chính đồng bào theo đạo là những người đã giúp cơ quan an ninh phát hiện ra chúng. Có thể nói, tình hình an ninh chính trị ở các vùng tôn giáo đã có những chuyển biến tốt. Tiêu biểu cho những thành tích về mặt này, xứ đạo Cầm trường (Quỳnh lưu, Nghệ tĩnh) mới đây được Bộ nội vụ tặng thưởng Cờ thi đua quyết thắng.

Một đội ngũ hơn 10 nghìn cán bộ cốt cán ở miền Bắc là người theo đạo Thiên chúa đã gánh vác trách nhiệm lớn lao cùng bà con chiến đấu và xây dựng. Đội ngũ đó đang phát triển mạnh mẽ trong các vùng có đồng bào theo đạo. Đó là những con đẻ của phong trào yêu nước trong các vùng tôn giáo. Đội ngũ đó được đảng bộ và chính quyền các cấp rèn luyện, giáo dục, dang ra sức làm tròn nhiệm vụ vẻ vang mà toàn dân ta đang tiến hành: chống nghèo nàn lạc hậu, chống bọn bành trướng xâm lược, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa yêu quý.

Đối với đồng bào theo đạo, điều đáng mừng là đạo của mình thoát khỏi bàn tay nhơ bẩn của bọn đế quốc, được thong dong gắn bó với Tổ quốc, với dân tộc. Có thể nói, cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi cũng đồng thời đánh lui chủ nghĩa thực dân cũ trong đạo: giáo hội Việt nam có được hàng giáo phẩm dân tộc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi lại làm cho giáo hội Việt nam thoát khỏi chủ nghĩa thực dân mới trong đạo, vượt được những sự khống chế trực tiếp của người nước ngoài để được thong dong đi với dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà hội đồng giám mục Việt nam có được một bức thư chung vào đầu tháng 5-1980 với nội dung đáng khích lệ: «Gắn bó với vận mệnh quê hương...». Kẻ thù rất tức tối. Những phần tử xấu trong một số tôn giáo, nhất là trong đạo Thiên chúa ở nước ngoài đã xuyên tạc, vu khống chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo; đả kích, vu cáo Ủy ban đoàn kết yêu nước của người công giáo Việt nam, một tổ chức kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của người công giáo. Nhưng mọi âm mưu và hành động đen tối của chúng đều uổng công vô ích. Chỉ vì một lý do đơn giản: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng cộng sản Việt nam là người đưa đường dẫn lối cho đồng bào theo đạo đi đến độc lập, tự do, hạnh phúc.

★

40 năm đã qua. Tủi cực, đốt nát đã bị đẩy lùi về dĩ vãng. Nghèo nàn, lạc hậu đã bị đánh lui một bước. Những thành tích của đồng bào theo đạo và sự chuyển biến của các vùng tôn giáo thật là lớn. Song những vấn đề còn cần phải giải quyết trong các vùng tôn giáo không phải là ít. Chẳng hạn, trình độ chính trị và sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa chưa đều; phong tục, tập quán lạc hậu ở một số nơi

*(Xem tiếp trang 82)*



Digitized by Google

# VĂN HỌC TỘI ÁC

LÊ XUÂN VŨ

TRÊN văn đàn hỗn tạp của Trung quốc hiện nay, có một thứ văn học ca ngợi và cổ vũ tội ác lớn nhất của Trung quốc đối với Việt nam — tội ác xâm lược. Không có cách nào khác, phải gọi nó là văn học tội ác.

Đưa hơn 60 vạn quân hùng hổ kéo sang Việt nam sau khi làm chiến tranh chống Việt nam qua bàn tay kẻ khác bị thất bại, bọn trùm bành trướng bá quyền Trung quốc nhằm khuất phục nhân dân Việt nam, lập lại nền thống trị tàn bạo của bọn Pôn Pốt diệt chủng ở Cam-pu-chia dưới gậy chỉ huy của họ. Bằng cuộc chiến tranh trực tiếp xâm lược Việt nam tháng 2 năm 1979, họ đã tự phơi bày bộ mặt tàn ác, bản chất phản động của họ chống chủ nghĩa xã hội và phá hủy những thành quả cách mạng của nhân dân Trung quốc. Họ đã bôi nhọ danh dự và lòng tự trọng của nhân dân Trung quốc vốn quý mến tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước Trung — Việt. Họ cũng chà đạp lên cả lá cờ *Bát nhất* của quân đội Trung quốc vốn có truyền thống đấu tranh cho chính nghĩa của dân tộc. Cuộc chiến tranh trực tiếp xâm lược Việt nam tháng 2 năm 1979 là một vết nhơ lớn trong lịch sử hiện đại của Trung quốc. Nó đã bị cả thế giới kịch liệt lên án. Nó đã gây nên sự phẫn nộ chính đáng trong đông đảo cán bộ, chiến sĩ quân đội Trung quốc và nhân dân lao động Trung quốc. Mọi người bình thường có lương tri đều lên án bộ mặt phản bội đê hèn của những kẻ câu kết với Mỹ chủ mưu cuộc chiến tranh xâm lược đáng nguyền rủa ấy. Vậy mà có những người cầm bút Trung quốc được coi là nhà văn lại cứ ra sức tán tụng cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, biện hộ và tô vẽ cho nó thành cuộc « đánh trả tự vệ » anh hùng như giọng lưỡi bịp bợm của bọn chủ mưu, thì đủ thấy thứ văn học tội ác này là thế nào.

Nói gọn một câu: đó là văn học đem bán được giá nhất cho các thế lực đen tối đang thống trị Trung quốc, cho khát vọng bành trướng điên cuồng của họ. Chứng cớ là tác phẩm khuôn sáo và giả tạo, tác giả chẳng ai là nhà văn quen biết có uy tín, nhưng lại được giới cầm quyền Trung quốc khua chiêng gióng trống nhiệt liệt biểu dương. Những người nắm quyền lực cao nhất ở Trung quốc vui mừng trước những tập truyện ký, phóng sự về những kẻ xông pha lửa đạn đi đánh Việt nam, kêu gọi học tập các « anh hùng chiến đấu » ấy. Người ta đánh cắp của các chiến sĩ quân giải phóng nhân dân Trung quốc đi « giúp Triều đánh Mỹ » năm xưa cái danh hiệu cao quý « những người đáng yêu nhất » để bôi mày vẽ mặt cho những tên đi xâm lược nước Việt nam xã hội chủ nghĩa. Trên báo chí, người ta tán dương các tác phẩm kích động tâm lý hiếu chiến và chủ nghĩa sô vanh nước lớn đối với Việt nam, cổ vũ nơi này dựng kịch, chỗ nọ quay phim về đề tài xâm lược Việt nam. Người ta còn « chiêu hiền đãi sĩ »



Digitized by Google

đến tận biên giới phía nam Trung quốc, đến cả những vùng vừa lấn chiếm được của Việt nam, thúc ép các « hiền sĩ » này ca ngợi những tên lính xâm lược đã chết hoặc còn đang sống.

★

Được bọn phản động trong giới cầm quyền Trung quốc cưng chiều là thế, văn học biện hộ và tô vẽ cho chiến tranh xâm lược Việt nam đã hót nên những điều gì ?

Nó chủ yếu vẫn là văn học báo chí. Nếu không kể những văn thơ về Hoàng sa, quần đảo mà Trung quốc thừa cơ chiếm lấy của Việt nam từ tháng 1-1974, thì đó trước hết là những phóng sự, ký sự về những cá nhân và đơn vị của đội quân đi xâm lược Việt nam tháng 2 năm 1979 trở về hoặc đã bỏ mạng.

Một anh lính nọ, quê ở nơi nọ, đảng viên cộng sản Trung quốc, nhét bộc phá vào lỗ châu mai của một đồn công an Việt nam. Bộc phá bị đẩy ra, anh ta lại ấn vào. Nổ tung lô cốt, anh ta tan xác và được Quân ủy trung ương phong « anh hùng chiến đấu ». *Theo dấu chân anh hùng*, lần đến đơn vị rồi quê hương anh ta, ai nấy đều khen ngợi, đâu đâu cũng truyền tụng anh ta xứng đáng anh hùng.

*Từ cheo leo bờ vực đến bước đường bằng phẳng thênh thang* là « tự thuật » của một thanh niên nổi tiếng cán quẫy thời « lũ 4 tên », nay đi đánh Việt nam, nghĩ đến người thân ở nhà đêm đêm nghe đài, giở bản đồ theo dõi bước tiến quân, nên anh ta quyết đánh thật giỏi giã, rồi được kết nạp vào đảng cộng sản Trung quốc ngay trên tuyến lửa. Nước mắt rưng rưng, anh ta viết thư cắt đứt quan hệ với người yêu để yên tâm đánh giặc và được Quân ủy trung ương phong « anh hùng chiến đấu ».

*Mất chim ưng nơi hang hổ* cũng là chuyện một đảng viên cộng sản Trung quốc chập tối 16 tháng 2 năm 1979 dẫn đội trinh sát pháo binh luồn sâu vào đất Việt nam 20 km. Có tên dẫn đường là người đã từng sang « giúp Việt nam » làm đường nên phân đội anh ta rất thông thạo địa hình, xuất quỷ nhập thần, dựng rồi chuyển dịch đài quan sát mà đối phương vẫn không hay biết. Kết quả là diệt 340 « tên địch », chỉ điểm cho pháo binh Trung quốc bắn tan tác trận địa pháo Việt nam và cả đội hình Việt nam đang rút chạy. Dĩ nhiên, anh ta cũng được Quân ủy trung ương phong « anh hùng chiến đấu », và anh ta cũng viết thư dặn vợ yên lòng nuôi con vì anh ta « đang bận chiến đấu anh dũng cho thế hệ tương lai của Tổ quốc » ! vân vân và vân vân.

Đại loại truyện ký, phóng sự của thứ văn học tội ác này cứ tô hồng và rập khuôn như vậy. Những « tác phẩm » ấy ra đời sau tháng 2 năm 1979, được tập hợp lại thành sách, mạo danh là *thế hệ mới những người đáng yêu nhất*, phát hành trong nội bộ quân đội Trung quốc. Giữa năm 1980, một số « tác phẩm » ấy lại được chọn in thành tuyển tập, cũng mang tên là *Thế hệ mới những người đáng yêu nhất* để phát hành công khai. Các tập sách đó đều có Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn đề từ, và Vi Quốc Thanh, chủ nhiệm Tổng cục chính trị, viết Tựa : « Cuộc trường chinh mới cần muôn vạn anh hùng, chiến sĩ ».

Chiến tranh quy mô lớn bị thất bại, bọn bành trướng bá quyền Trung quốc quay ra tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với Việt nam và đẩy mạnh lấn chiếm biên giới bằng quân sự. Lại cũng vẫn là những phóng sự, ký sự về việc lấn chiếm đó mà mấy năm nay đã phát triển thành chiến tranh lấn chiếm biên giới theo phương châm « chiến tranh nhỏ, chiếm cuộc lớn ». Ngón quen dùng của Trung quốc xưa nay là : muốn bành trướng



Digitized by Google

đến nơi nào thì cứ đặt cho nơi ấy một cái tên Trung quốc, coi đó là đất Trung quốc, rồi tùy cơ dùng mưu mẹo, vũ lực chiếm lấy sau. Tháng 5 năm 1981, cùng với việc lấn chiếm nhiều điểm cao trong tỉnh Hà tuyên của Việt nam, trong đó có điểm cao 1 800A và B ở huyện Xín mần mà chúng gọi là núi Khấu lâm của chúng, chúng chuẩn bị nửa năm, huy động 2 – 3 trung đoàn, nướng 400 quân đánh chiếm cho kỳ được bình độ 400 thuộc huyện Cao lộc, tỉnh Lạng sơn của Việt nam mà chúng gọi là núi Phả kha của chúng. (Chính binh sĩ Trung quốc cũng nói rằng: « Cấp trên bảo đánh thì đánh, nào biết đấy là đất Trung quốc hay đất Việt nam, cứ đánh xong, tất cả sẽ thuộc về Trung quốc »). Thế là có phóng sự về bọn đi đánh chiếm và chốt giữ núi Phả kha, núi Khấu lâm. Nào chuyện tiểu đội 7 đại đội 5 hy sinh anh dũng ngày 16-5-1981 trên núi Phả kha. Nào chuyện vợ tiểu đoàn trưởng đóng ở Phả kha quyết tâm ủng hộ chồng giữ gìn núi Phả kha « cho Tổ quốc, cho nhân dân » nên rất ít đến đơn vị thăm chồng để đỡ phiền hà cho chồng. Nào ca ngợi các chiến sĩ núi Phả kha lấy trận địa làm nhà, đào ao thả cá, nuôi lợn, trồng chuối, trồng nhãn, trồng sắn quanh nhà, làm cho núi Phả kha ngày càng xanh tốt, tràn đầy sinh khí... Họ xứng đáng là những người đáng yêu nhất... Họ hát bài « Tôi yêu núi Phả kha » do cán bộ và chiến sĩ cùng sáng tác... ».

Bộ máy bành trướng Trung quốc phát động cả một chiến dịch tuyên truyền rằng: chống Việt nam là yêu nước, đánh chiếm Phả kha, Khấu lâm v.v. là nêu cao chủ nghĩa yêu nước, khiến cho đài phát thanh bí mật *Bát nhất* ở Trung quốc vào lúc đó cũng phải kêu lên: « Đó là đánh đồng chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa trung quân và chủ nghĩa quân phiệt », « những tác phẩm viết về đề tài chủ nghĩa yêu nước như những gì đã viết về chiến tranh chống Việt nam và gần đây về núi Phả kha đều mang màu sắc chủ nghĩa quân phiệt ».

Rùm beng nhất là chung quanh cuốn truyện vừa *Vòng hoa dưới chân núi cao* (1) của một người cầm bút mới ngoài 30 tuổi tên là Lý Tôn Bảo. Báo chí Trung quốc hết lời khen. Trên *Hồng kỳ* số 3 1983 có tới hai bài bình luận, bài sau của Vương Hữu Cầm có phần uốn nắn lại bài trước của Dinh Linh, nhấn mạnh tác phẩm này không tập trung viết về những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và quân đội Trung quốc, về những tệ nạn xã hội Trung quốc ngày nay mà nó ca ngợi chiến tranh « chính nghĩa », « tràn đầy chủ nghĩa anh hùng cách mạng », « là thành tựu sáng tác mới về đề tài quân sự », « là tìm tòi nổi bật về phong cách mỹ học ». Đến *Hồng kỳ* số 5 rồi số 7-1983, nó lại được biểu dương là xuất sắc, là ở đây có « sự chân thật của cuộc sống », có « ánh sáng của lý tưởng » yêu nước và cộng sản chủ nghĩa! Nghĩa là *Vòng hoa dưới chân núi cao* được đề cao như là một sáng tác tiêu biểu. Tiêu biểu cho cái gì vậy?

*Vòng hoa dưới chân núi cao* kể chuyện một đại đội mũi nhọn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam tháng 2 năm 1979 được lệnh ngay trong ngày 17-2 phải thọc sâu vào đất Việt nam hơn 20 km, chiếm lấy đỉnh cao 364 trên đường dẫn đến một thị xã Việt nam. Bộ đội tất cả đều anh hùng. Nông dân, con tướng tá sành ăn chơi, « trí thức » oắt con kiểu hồng vệ binh và cả con nhà tư sản có quan hệ buôn bán với nước ngoài, ham thích lối sống tự do hóa của phương Tây tư sản đều kè vai sát cánh đi đánh Việt nam, lập chiến công đầu, đều là những người đáng yêu nhất. Đại đội trưởng mải lo công việc, bỏ cả phép năm về thăm nhà. Chính trị viên, tư tưởng và tác phong bê bết, định chuồn về thành

(1) Nhà xuất bản Bắc kinh. 1983.



Digitized by Google

phố, bị anh em trong đại đội xa lánh, cấp trên máng nhiếc, vẫn dẫn đại đội mũi nhọn ra trận, không phải để nhận một viên đạn vào gáy, mà lại thành chính trị viên gương mẫu, « cho đến nay vẫn chưa rời khỏi nơi tiền tiêu biên giới ». Rồi cả đến vợ chính trị viên vốn say tăng gô, rum ba, đi xcô, sống trong thế giới nước hoa, son phấn, váy mỏng, rượu uýt ky v.v. cũng bị thuyết phục đến nhận công tác ở biên giới. Binh lính thì đơn xin đi chiến đấu bay đến ban chỉ huy tới tấp như hoa tuyết. Thiên binh vạn mã hùng dũng sang sông, chiến đấu dũng cảm phi thường, và chiến thắng rợp cờ hoa. Hậu phương thì mẹ già, bố ốm, vợ góa, con côi vẫn làm ăn ngày càng dư dật, sung sướng được vì nước hiến dâng, chẳng ai đòi hỏi gì nhiều ở Nhà nước. Thật rõ là... như sách: một quân đội lý tưởng, một hậu phương lý tưởng sẵn sàng làm chiến tranh cho bọn trùm bành trướng bá quyền Trung quốc! Cái quân đội lý tưởng ấy, theo sách, dĩ nhiên còn phải hiện đại hóa. Cho nên, lại có nhân vật chiến sĩ « Bắc kinh » như Tôn Ngộ Không từ trên trời rơi xuống, mộng làm nguyên soái tương lai trong chiến tranh hiện đại chứ không chỉ làm tướng quân như bố, coi trái đất này nhỏ bé so với tham vọng của nó. Và cuối truyện, đề vào túi áo tên lính chết trận này một lá thư sặc mùi hiếu chiến và sô vanh nước lớn, lên lớp cho bố nó và cho cả lớp người cũ như bố nó về việc đi vào khoa học kỹ thuật hiện đại, giành lấy *Ngày mai* cho lớp cháu chắt của Hoàng đế, cho dòng dõi của Hoa Hạ!

Thì ra *Vòng hoa dưới chân núi cao* được đề cao ở Trung quốc vì nó biết kêu gọi hằn thù đối với Việt nam, biết lời tán dương những kẻ đi xâm lược Việt nam mà lại bị lừa dối hoặc dối mình lừa người là chỉ « đánh trả tự vệ », có làm yên lòng nhân dân các dân tộc ở hậu phương đã chịu bao tang tóc do cuộc xâm lược ấy gây nên, động viên họ tiếp tục hy sinh của cải và xương máu cho chiến tranh bành trướng của các ông con trời mới. Nó biết kích thích dầu óc hiếu chiến và chủ nghĩa dân tộc sô vanh nước lớn, biết vuốt ve mộng bành trướng bá quyền của Trung nam hải.

★

Văn học biện hộ và tô vẽ cho chiến tranh xâm lược Việt nam xuất hiện với bộ mặt nanh ác, với lời lẽ thâm độc, nhưng xem ra nó vẫn gầy còm, thiếu máu. Bởi vì nó xây dựng trên sự giả dối, tráo trở.

Đánh tráo ngay cái xương sống của sự kiện, nó giả không chỉ ở ngoài lông da mà từ trong xương tủy. Chính trị viên Triệu Mông Sinh trong *Vòng hoa dưới chân núi cao* đùng đùng lao ra ngoài cuộc họp, thét lính thổi kèn tập hợp khẩn cấp, cắn tay lấy máu trước hàng quân thề không sợ chết, hệt như một tướng tuồng có bộ mặt bôi vôi nhem nhở. Bao nhiêu người thật có lý lịch và địa chỉ hẳn hoi trong tập sách *Thế hệ mới những người đáng yêu nhất* cũng vẫn cứ — mượn lời nhà thơ Viên Mai của Trung quốc xưa — « nằm bẹp trên những trang giấy ». Chỉ có những loại như nhân vật chiến sĩ « Bắc kinh » bộc lộ rõ tính cách hiếu chiến, sô vanh nước lớn và tham vọng ngông cuồng của nó là có được những nét chân thật và sinh động, tuy đó là một nhân vật rất đáng ghét đã chết đáng đời trong cuộc chiến tranh phi nghĩa.

Viết về chiến tranh chống Việt nam mà lại cố tình che giấu ý đồ buộc Việt nam ở vào thế hai gọng kìm của Trung quốc, cái « chỉ lớn » bá chủ Đông Nam Á « gió Đông thổi bạt gió Tây » mà ông Mao đã nói ra từ năm 1965 đang chi phối tư tưởng, tình cảm, kế hoạch của bọn chỉ huy cuộc chiến, che giấu trạng thái mơ hồ, bị lừa bịp, bị dẫn dộc về tư tưởng, cấp trên bảo



Digitized by Google

sao biết vậy, làm vậy của phần lớn binh sĩ đi đánh Việt nam bằng cái gọi là « chủ nghĩa yêu nước », thậm chí bằng cái gọi là « chủ nghĩa Mác — Lênin » (!) thì làm sao mà có được tính chân thật?

Viết về chiến tranh chống Việt nam mà không dám nói ra lý do thật của nó là vì Việt nam độc lập tự chủ không chịu đi theo đường lối phản động của nhà cầm quyền Trung quốc thân Mỹ chống Liên xô, là vì bọn bá quyền nước lớn Trung quốc không muốn có một nước Việt nam thống nhất hùng mạnh trên con đường bành trướng của chúng, lại cứ quanh co kích động hằn thù dân tộc bằng vu khống và nói xấu Việt nam bằng tình cảm sô vanh nước lớn, v.v. thì chỉ có tạp chí *Hồng kỳ* của Trung quốc mới dám khoe đó là « thắng lợi của chủ nghĩa hiện thực cách mạng », là biểu hiện tuyệt đẹp của mối quan hệ « hiện thực — lý tưởng — anh hùng », v.v.

Xuyên tạc những quan hệ hiện thực cơ bản, văn học biện hộ và tô vẽ cho chiến tranh xâm lược Việt nam muốn bịp người tất phải dựa vào một số chi tiết có thật. Đó là những cuộc hành quân vất vả trong rừng núi Việt nam tre pheo mọc ken dầy vững như bức bình phong thiên nhiên, cỏ tranh, cỏ gai lút đầu người, mới qua tiết Vũ thủy mà đã nóng đến 35 độ... na ná như « lam sơn chướng khí » Việt nam nói trong sử sách Trung quốc nam chinh. Đó là súng đạn và khói lửa trong các trận đánh; là thương vong, nước mắt, mẹ già, vợ góa, con côi. Đó là đại họa của Đại cách mạng văn hóa. Đó là những chuyện như trong quân đội Trung quốc, chỉ nửa chiếc bánh bao ăn thừa bỏ vào thùng nước vo cũng suýt dẫy lên một cuộc đấu tố truy bức kiểu « cách mạng văn hóa »; mức sống và cách sống của binh sĩ rất cách biệt nhau; có cán bộ vì thẳng thắn mà không được tin cậy và đánh giá đúng công lao; có bậc quý phu nhân giỏi móc ngoặc, « điều động đường vòng » cả tiểu đội con cháu mang lon sĩ quan về ung dung hưởng lạc ở thành phố v.v.

Nhưng bên cạnh đó lại là vô số chi tiết bịa đặt, nói dối sống sượng. Chẳng hạn tác giả Lý Tồn Bảo hót theo giọng lưỡi bọn trùm bành trướng rằng cuộc « đánh trả tự vệ » điều hơn 60 vạn quân thuộc mấy đại quân khu chỉ là « chuyện bất đắc dĩ, chưa kịp chuẩn bị, tất cả đều cấp bách, cập rập », hoặc « tại phòng tuyến biên giới Trung quốc ở tỉnh Vân nam, phía Trung quốc thực chất là có biên mà không có phòng (?), còn phía Việt nam thì lô cốt lớn nhỏ chen nhau, đen ngòm những lỗ châu mai chuẩn bị ngắm thẳng vào ngực bộ đội Trung quốc mà bắn ». Chỗ thì đem cả những hành động dã man của quân Trung quốc xâm lược gán ghép phi lý cho phía Việt nam, nói rằng quân Trung quốc *đang* đánh chiếm điểm cao, khát cháy cổ, nhưng quanh đấy có một cái giếng thì đã bị quân Việt nam bỏ thuốc độc *trước* khi rút chạy! Chỗ thì hả hê biểu hiện tâm lý báo thù « không được ăn thì đạp đổ », thả sức giết người, cướp của, đốt phá, vơ vét cho bõ của đội quân xâm lược nhưng lại nói rằng quân Trung quốc « không đụng đến mũi kim sợi chỉ của nhân dân Việt nam ». Họ vẽ đội quân xâm lược ấy thành lính nhà trời, nhà phật, gương mẫu « giữ kỷ luật, yêu dân », giúp người già, săn sóc sản phụ, định bẻ một cây mía giải khát cũng bị gọi giật lại, họp chi bộ kiểm điểm lên lớp! Vì vậy khi nghe tin bộ đội Trung quốc rút đi, dân Việt nam quanh vùng chạy đến, nào tặng gà mái, nào nhét trứng gà vào túi quần chiến sĩ, các cô gái gục đầu vào nhau cười ngặt nghẽo, trẻ con chơi trốn tìm giữa các hàng quân, hàng trăm dân làng trai gái trẻ già đội mưa lưu luyến tiễn đưa! Chưa hết. Họ còn trơ tráo nói rằng « lần này xuất quân (đi xâm lược) không chỉ vì lợi ích của nhân dân Trung quốc mà



Digitized by Google

còn vì lợi ích của nhân dân Việt nam » bởi vì « giặc Việt thật là một lũ thổ phỉ » : 30. mồng 1. mồng 2 Tết đều đánh kẻng báo động giả. xua dân trốn lên núi rồi sục vào từng nhà ăn vụng bánh chưng đang còn nấu trên bếp, nắng hết cỗ bàn ngày tết, lại còn bắt gà của bà già cô quả, bà cụ phải đến nhờ quân Trung quốc chặn đường cướp lại cho v.v.

Lố bịch hết chỗ nói! Nhưng chắc họ nghĩ rằng không viết như vậy thì làm sao biện hộ và tô vẽ cho cuộc chiến tranh phi nghĩa của họ được? Thế cho nên trong thứ văn học tội ác này thật giả lẫn lộn, song cái giả là chủ yếu. Những chi tiết có thật chỉ là giấy thông hành cho những chi tiết giả, là nhãn hiệu để tiêu thụ món hàng giả « đánh trả tự vệ ».

Lúng túng trong việc đánh tráo phi nghĩa thành chính nghĩa, biện hộ cho xâm lược thành đánh trả tự vệ, tô vẽ bành trướng thành yêu nước, thứ văn học tội ác này rốt cuộc chỉ nhằm minh họa, diễn giải, phổ cập mấy huấn lệnh như sau:

1. Vu khống, xuyên tạc Việt nam để gây căm thù, chửi rủa Việt nam là tiểu bá, vong ân bội nghĩa, là lên mặt « đệ tam cường quốc quân sự » có dã tâm bành trướng, xâm phạm biên giới Trung quốc.

2. Nói tất cả lính tráng, sĩ quan giàu, nghèo, xấu, tốt, « mèo trắng, mèo đen » đều quyết tâm đi đánh Việt nam để bảo vệ 4 hiện đại hóa. Nên nói thêm: hầu hết đều là nạn nhân trực tiếp hay gián tiếp của « cách mạng văn hóa », của « lũ 4 tên » và đều trao đổi thư từ với vợ, với người yêu, hứa chung thủy, hy sinh tình yêu cho Tổ quốc. Nhiều người được kết nạp vào đảng ở tuyến lửa.

3. Ca ngợi tiền tuyến anh hùng đánh trận rất ác liệt và rất dũng cảm, hậu phương thịnh vượng, yên vui. Chiến thắng tưng bừng, quân dân cả nước.

Đó là văn học « Đặng viết... », cũng giống như văn học « Mao viết » trước kia: làm văn giải thích, tán dương một ý đồ cho trước, bất chấp thực tế.

Văn học biện hộ và tô vẽ cho chiến tranh xâm lược Việt nam về tư tưởng thì phản động, về nghệ thuật thì khuôn sáo, nhưng vẫn rất nguy hiểm. Bởi vì nó cũng có những hoa lá, thủ thuật dối người, lại được giới cầm quyền Trung quốc đề cao, truyền bá trong một đất nước đang thịnh hành chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa ngu dân. Nó lừa bịp nhân dân Trung quốc để đưa con em họ đi làm chiến tranh cho bọn trùm bành trướng bá quyền. Nó phá hoại thêm quan hệ láng giềng và tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước Việt — Trung. Nó đầu độc văn đàn, làm nhơ bẩn văn học hiện đại Trung quốc. Nó tự coi và được giới cầm quyền Trung quốc coi là văn học, nhưng đó là văn học « nước đường Đạo Chích » (1) để tô vào then cửa tâm hồn nhân dân Trung quốc.

Rồi sẽ đến lúc nhân dân lao động Trung quốc nhớ lời Lỗ Tấn năm xưa, quát vào mặt những kẻ ôm mộng bành trướng và tuyên truyền cho chủ nghĩa bành trướng: « Chúng tao không bị lừa nữa đâu. Muốn đánh thì chúng bay đi mà đánh lấy! » (2).

---

(1) Chuyện Trung quốc: Liễu Hạ Huệ bảo nước đường có thể dùng đường lão. Em là Đạo Chích (Chích kẻ trộm) bảo: nước đường có thể tô vào then cửa để mở cho êm.

(2) Xem Lỗ Tấn: *Tạp văn*, tuyển tập II. Nxb Văn học. Hà nội. 1963. tr. 332 — 353



Digitized by Google

## «ТАПТИ КОНГШАН» № 10 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – Усилить партийное руководство в работе с молодежью. ★ ★ ★ – Повышать производительность, качество и эффективность на основе ликвидации централизованного бюрократического снабженческого режима, перехода к хозрасчету и социалистическому хозяйствованию. НГУЕН ДЫК ТАМ – Повышать боевитость партийных комитетов городских микрорайонов. ВУ МАО – Прочно усвоить партийную политику в области работы с молодежью. ХОАНГ ЧЫОНГ МИНЬ – Победы национальной политики партии, одержанные за минувшее сорокалетие. ФАН ХИЕН – Некоторые проблемы упрочения социалистического законодательства. НГУЕН КУ КАМ – Нгетинь, 40 лет революционной борьбы спустя.

## REVIEW OF COMMUNISM N° 10-1985

**Editorial** – Strengthening the Party's leadership towards the work of youth ★ ★ ★ – Increasing productivity, quality and effeciency on the basis of doing away with bureaucratic centralism and subsidy-based management, changing to the economic accounting and the socialist mode of enterprise NGUYÊN ĐỨC TÂM – Raising the combative strength of the Party cells at quarter level. VŨ MÃO – Let us fully grasp the Party's basic viewpoint on the work of youth. HOÀNG TRƯỜNG MINH – The success of the Party's nationality policy in the past forty years. PHAN HIỀN – Some questions on strengthening socialist law enforcement. NGUYÊN KỲ CẨM – Nghe Tinh province in the course of forty years of revolutionary struggle.

## REVUE DU COMMUNISME N° 10-1985

**Editorial** – Intensifier la direction du Parti dans le travail de la jeunesse ★ ★ ★ – Augmenter le rendement, la qualité et l'efficience économique sur la base de la liquidation du régime de concentralisation bureaucratique et des subventions d'Etat, et du passage définitif à celui de la comptabilité économique et de l'entreprise socialiste. NGUYÊN ĐỨC TÂM – Elever la combativité des organisations du Parti dans les quartiers. VŨ MÃO – Assimiler les points de vue fondamentaux du Parti sur le travail en direction de la jeunesse. HOÀNG TRƯỜNG MINH – Les succès de la politique des nationalités du Parti au cours de ces 40 dernières années. PHAN HIỀN – Quelques problèmes sur le renforcement de la législation socialiste. NGUYÊN KỲ CẨM – La province de Nghe Tinh après 40 ans de lutte révolutionnaire.

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 10-1985

**Editorial** – Intensificar la dirección del Partido sobre el trabajo de la juventud. ★ ★ ★ – Elevar el rendimiento, la calidad y la eficacia sobre la base de eliminar el centralismo burocrático de asignaciones financieras y pasar definitivamente al cálculo económico y la comercialización socialista. NGUYÊN ĐỨC TÂM – Acrecentar la combatividad de las organizaciones del Partido de los subarrios. VŨ MÃO – Imbuirse de los criterios fundamentales del Partido sobre el trabajo de la juventud. HOÀNG TRƯỜNG MINH – Victorias de la política de nacionalidades del Partido en los últimos 40 años. PHAN HIỀN – Algunos problemas sobre el fortalecimiento de la legalidad socialista. NGUYÊN KỲ CẨM – Nghe Tinh a través de sus 40 años de lucha revolucionaria.

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 10-1985. NĂM THỨ XXXI (358)

# Mục lục

**Xã luận** — Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên 1

★ ★ ★ — Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trên cơ sở xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa 7

NGUYỄN ĐỨC TÂM — Nâng cao sức chiến đấu của các đảng bộ phường 13

VŨ MÃO — Quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác thanh niên 21

HOÀNG TRƯỜNG MINH — Thắng lợi của chính sách dân tộc của Đảng trong 40 năm qua 28

PHAN HIỀN — Mấy vấn đề về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa 34

NGUYỄN KỲ CẨM — Nghệ tĩnh qua 40 năm đấu tranh cách mạng 41

**Nghiên cứu** ★ VŨ HUY TỪ — Đổi mới cơ chế quản lý công nghiệp 48

NGUYỄN VĂN CHÂN — Qua mười năm xây dựng huyện 54

HOÀNG VĂN HIẾN — Công tác giáo dục truyền thống ở huyện Bến hải 61

LÊ MINH VƯƠNG — Phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vững mạnh toàn diện 66

LÊ HUY NGUYÊN — Sức mạnh tư tưởng và nghệ thuật trong *Truyện và ký* của Chủ tịch Hồ Chí Minh 73

DƯƠNG NGỌC ĐỨC — Một nền sân khấu nóng bỏng hơi thở của thời đại 78

LÝ THÁI BẢO — Xây dựng và phát triển nền điện ảnh dân tộc và xã hội chủ nghĩa 83

DƯƠNG VIỆN — Nghệ thuật tạo hình cách mạng Việt nam những năm đã qua và thời kỳ sắp tới 88

HUY DU — Xây dựng nền âm nhạc Việt nam xã hội chủ nghĩa, hoàn chỉnh, dân tộc, hiện đại 92

THẾ HƯNG — Đồng bào theo đạo qua 40 năm cách mạng 97

LÊ XUÂN VŨ — Văn học tội ác 101

Bìa 4 — Tranh của họa sĩ PHẠM LUNG

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

## CÙNG BẠN ĐỌC THÂN MẾN,

Nhân dịp kỷ niệm thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chí Cộng sản* (15-12-1955 — 15-12-1985) Bộ biên tập chúng tôi kính gửi đến các bạn lời chào thân ái và lời chúc tốt đẹp nhất.

Trong những năm qua, bằng những nhận xét, phê bình, lời khuyên và kiến nghị, các bạn đã góp phần tích cực xây dựng Tạp chí. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các bạn.

Trong dịp kỷ niệm thứ 30 ngày Tạp chí ra đời, chúng tôi mong tiếp được những lời phê bình của các bạn đối với những bài đã đăng trên Tạp chí, những đề nghị của các bạn về các chủ đề và đề tài mới cần đề cập trên Tạp chí, cùng các ý kiến khác của các bạn có liên quan đến việc cải tiến nội dung và hình thức của Tạp chí.

Chúng tôi xin cảm ơn trước các bạn về những ý kiến xây dựng nhằm nâng cao không ngừng chất lượng của cơ quan lý luận và chính trị của Đảng, giúp Bộ biên tập hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong giai đoạn cách mạng mới.

Chúng tôi kính chúc các bạn khỏe mạnh, hạnh phúc, lập được nhiều thành tích mới.

**BỘ BIÊN TẬP**
TẠP CHÍ CỘNG SẢN

☆

Đề nghị các bạn gửi thư cho chúng tôi theo địa chỉ:
*Tạp chí Cộng sản*
*1, Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội.*

Trên phong bì ghi: *Thư trả lời trưng cầu ý kiến*, không phải dán tem.

# *Các bạn chú ý!*

— Ngoài những bài các báo đều phải đăng theo quyết định của Trung ương, *Tạp chí Cộng sản* không đăng bài đã hoặc sẽ đăng trên các báo khác.

— Bài đã hoặc sẽ gửi cho các báo khác, xin miễn gửi đến *Tạp chí Cộng sản*.

— Bài không đăng, không trả lại bản thảo.

— Báo nào đăng lại bài của Tạp chí Cộng sản, xin ghi rõ: «Bài đã đăng trên *Tạp chí Cộng sản*».

Digitized by Google

8209A

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 — Giá: 0,4đ

Digitized by Google

# Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. of MICH.
MAR 1 8 1986
Current Serials

11

II . 1985

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

## *Xã luận*

# TÌNH HỮU NGHỊ ANH EM, SỰ HỢP TÁC TOÀN DIỆN

*Cùng với nhân dân Liên xô và nhân dân lao động toàn thế giới, nhân dân ta hân hoan đón chào kỷ niệm thứ 68 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.*

*Chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, chúng ta chào mừng những đỉnh cao về tiến bộ kinh tế — xã hội và khoa học kỹ thuật mà Liên xô đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô, một đảng kiểu mới, một đảng của tư tưởng cách mạng và hành động cách mạng. Những thành tựu tuyệt vời mà nhân dân Liên xô đã đạt được trong sự nghiệp hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển là tấm gương sáng để các nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh giải phóng dân tộc noi theo. Chúng ta chào mừng sự thống nhất, đoàn kết, sự lớn mạnh, phát triển nhanh chóng và ổn định của cộng đồng xã hội chủ nghĩa với Liên xô là trụ cột, chào mừng sự trưởng thành của các lực lượng cách mạng và tiến bộ khác trên thế giới.*

*Bên cạnh những niềm vui lớn đó, chúng ta phấn khởi tự hào về* **bước phát triển tốt đẹp của tình hữu nghị, sự hợp tác Việt nam — Liên xô.**

*Đảng ta đã chỉ rõ: tình hữu nghị và sự hợp tác toàn diện với Liên xô « là một bảo đảm cho thắng lợi của công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, cũng như cho việc củng cố độc lập dân tộc và vị trí của chủ nghĩa xã hội trên bán đảo Đông dương... »* (1). *Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của tình hữu nghị và sự hợp tác Việt nam — Liên xô, chúng ta ra sức xây đắp nó ngày càng bền vững, ngày càng nở hoa kết trái.*

★

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1982, tập 1, tr. 145.



Digitized by Google

*Tình hữu nghị Việt nam — Liên xô, được soi sáng bởi những tư tưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, bởi những tư tưởng của Lê-nin,* **đã có nguồn gốc sâu xa và những truyền thống vững chắc,** *được thử thách qua những chặng đường lịch sử, cả trong những năm chiến tranh ác liệt cũng như trong những ngày hòa bình. Cách mạng Tháng Mười đã thức tỉnh những người yêu nước Việt nam, đem đến cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chân lý của thời đại, soi sáng con đường đi tới giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Trong những ngày đất nước còn chìm trong đêm dài nô lệ, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người cộng sản đầu tiên của Việt nam đã tìm thấy ở chủ nghĩa Lê-nin con đường cứu dân, cứu nước. Khi đọc Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã vui mừng đến phát khóc. Ngồi một mình trong phòng, Người đã nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo : « Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta ! »* (2). *Tin tưởng tuyệt đối ở con đường của chủ nghĩa Lê-nin, Người đã vượt muôn vàn khó khăn tìm đến Liên xô, quê hương của Lê-nin, từ đó đặt nền móng cho tình hữu nghị Việt nam — Liên xô. Và suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi, Người đã dày công vun đắp cho tình hữu nghị đó ngày càng tươi thắm.*

*Được sự giáo dục, rèn luyện của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, những chiến sĩ cách mạng Việt nam, ngay trong những năm tháng hoạt động bí mật trước mũi súng, lưỡi lê và nhà tù của chủ nghĩa thực dân Pháp, đã tìm thấy ở Liên xô niềm hy vọng lớn lao, niềm tin tất thắng, sự cổ vũ mạnh mẽ. Coi Liên xô là quê hương của chủ nghĩa xã hội, là hình ảnh tươi đẹp của nước Việt nam ngày mai, những người cộng sản Việt nam ngay từ đầu đã coi việc bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Mười, ủng hộ Liên bang Xô viết là nghĩa vụ quốc tế của mình. Và, cũng từ đấy, Tổ quốc của Cách mạng Tháng Mười luôn luôn kề vai sát cánh với đất nước chúng ta trên các chặng đường của Cách mạng Việt nam. Việc thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công — nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á gắn liền với thắng lợi của nhân dân Liên xô trong cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mở ra thời kỳ mới cho mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước Việt nam — Liên xô. Tháng 7 năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta lần đầu tiên sang thăm chính thức Liên xô, và trong các cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo Liên xô đã thảo luận hàng loạt vấn đề về sự hợp tác và giúp đỡ của Liên xô nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế và văn hóa của miền Bắc Việt nam mới được giải phóng, củng cố miền Bắc thành cơ sở và chỗ dựa vững chắc cho cách mạng miền Nam. Kết quả các cuộc hội đàm ấy được thể hiện trong những hiệp định ký kết giữa hai chính phủ Việt nam — Liên xô, và việc thực hiện các hiệp định đó đã góp phần biến các kế hoạch do Đảng ta đề ra thành hiện thực trong cuộc sống.*

*Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược chống nhân dân Việt nam, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác lại kề vai sát cánh với chúng ta, hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta về tinh thần và vật chất nhằm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Sự chi viện to lớn và có hiệu quả đó không những giúp*

(2) Hồ Chí Minh : *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr. 230.



Digitized by Google

*chúng ta củng cố khả năng phòng thủ của đất nước, mà còn tạo điều kiện cho chúng ta tiếp tục xây dựng kinh tế trong điều kiện chiến tranh. Đánh giá tình hữu nghị và sự hợp tác Việt nam — Liên xô trong những năm đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ, đồng chí Lê Duẩn đã nói : « Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên xô luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân Việt nam, và trước sau như một dành cho nhân dân Việt nam sự ủng hộ chí tình, sự giúp đỡ khẳng khái đầy tình thần quốc tế cao cả » (3), và « Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không tách rời sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ nhiều mặt rất to lớn, quý báu và có hiệu lực của Liên xô » (4).*

*Từ những năm cuối thập niên kỷ 70, tình hữu nghị và mối quan hệ hợp tác Việt nam — Liên xô lại có bước phát triển mới. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết được ký kết tháng 11 năm 1978 là một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của nhân dân hai nước. Văn kiện lịch sử này mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ vì nó mở ra quy mô rộng lớn của quan hệ hợp tác Việt nam — Liên xô trong tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện cho nhân dân hai nước tăng cường sự ủng hộ lẫn nhau trong công cuộc bảo vệ hòa bình và trong sự nghiệp lao động sáng tạo, mà còn có ý nghĩa quốc tế to lớn. Nó là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống các hiệp định được coi như cơ sở chính trị — luật pháp của khối liên minh anh em các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Nó góp phần củng cố sự thống nhất và tình đoàn kết của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, công cụ đáng tin cậy để đấu tranh bảo vệ hòa bình, vì an ninh của các dân tộc, vì sự công bằng và bình đẳng trong quan hệ quốc tế.*

*Năm 1985 đã chứng kiến một sự kiện mới có ý nghĩa đặc biệt của tình hữu nghị Việt nam — Liên xô. Đó là chuyến đi thăm hữu nghị chính thức Liên xô của đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu (từ ngày 26-6-1985 đến ngày 1-7-1985). Cuộc đi thăm lần này diễn ra vào lúc công tác chuẩn bị Đại hội thứ 6 của Đảng cộng sản Việt nam và Đại hội thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô đang được triển khai, là một biểu hiện tươi thắm mới của tình hữu nghị anh em Việt nam — Liên xô, một cái mốc hết sức quan trọng đánh dấu một giai đoạn phát triển mới cao hơn và sâu rộng hơn của quan hệ hợp tác toàn diện giữa nước ta và Liên xô. Đánh giá kết quả cuộc đi thăm này của đồng chí Lê Duẩn, đồng chí M.X. Goóc-ba-tr6p, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô đã nói : « Quan hệ Liên xô — Việt nam giờ đây đã đạt tới mức phát triển cao và trở thành bộ phận không thể tách rời của đời sống xã hội của nhân dân hai nước chúng ta... Các cuộc hội đàm... đã khẳng định rằng mối quan hệ anh em Liên xô — Việt nam dựa trên nền tảng vững chắc đã được thử thách là chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đáp ứng những lợi ích và nguyện vọng cơ bản của nhân dân hai nước chúng ta, vì hòa bình trên toàn thế giới » (5).*

★

(3), (4) Lê Duẩn: *Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô là nguyên tắc, là chiến lược và tình cảm của chúng ta*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tr. 37 và tr. 73.

(5) Diễn văn của đồng chí M. X. Goóc-ba-tr6p. Báo *Nhân dân*, số ra ngày 29-6-1985.



Digitized by Google

*Nhân tố quyết định sự phát triển không ngừng của tình hữu nghị và mối quan hệ hợp tác Việt nam — Liên xô là sự* **nhất trí hoàn toàn** *giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt nam — Liên xô về những vấn đề hệ trọng mà hai bên cùng quan tâm trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản,* **sự phối hợp hành động chặt chẽ** *giữa Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô trên cơ sở thống nhất về hệ tư tưởng, tôn trọng và tin cậy lẫn nhau và trên cơ sở những mục tiêu chung trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, cho thành công của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Sự nhất trí đó thể hiện trước hết ở chỗ hai Đảng và hai Nhà nước Việt nam — Liên xô đánh giá cao những thành tựu về mọi mặt mà nhân dân mỗi nước đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng tiền phong. Những thành tựu đó chứng tỏ một cách hùng hồn đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam do Đảng cộng sản Việt nam vạch ra và đường lối hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển và xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên xô do Đảng cộng sản Liên xô vạch ra là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước. Từ sự đánh giá đó, hai Đảng cho rằng việc cùng nhau trao đổi những kinh nghiệm công tác Đảng trong các lĩnh vực chính trị, tổ chức và tư tưởng, việc củng cố các mối quan hệ giữa hai Nhà nước là cần thiết, bổ ích.*

*Về các vấn đề quốc tế, sự nhất trí đó biểu hiện ở sự thống nhất về quan điểm đánh giá tình hình quốc tế phức tạp hiện nay và phương hướng giải quyết những vấn đề cấp bách nhất của thời đại trên toàn thế giới và trong từng khu vực. Đảng ta hoàn toàn ủng hộ đường lối đối ngoại lê nin nít của Đảng cộng sản và Nhà nước Liên xô, hoan nghênh đường lối nhất quán, chính sách hòa bình đầy thiện chí thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Liên xô đối với vận mệnh của loài người nhằm ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang, làm giảm bớt tình hình căng thẳng trên thế giới do các giới đế quốc phản động, đứng đầu là đế quốc Mỹ gây ra, đưa loài người thoát khỏi mối đe dọa của thảm họa hạt nhân. Đảng cộng sản Liên xô kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam nói riêng và nhân dân các nước Đông dương nói chung nhằm làm thất bại các âm mưu của các thế lực đế quốc và bá quyền, hoàn toàn ủng hộ đường lối xây dựng và các biện pháp thực tế của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia nhằm làm lành mạnh tình hình Đông Nam Á, tạo bầu không khí láng giềng tốt, tin cậy và hợp tác ở khu vực.*

*Một trong những bộ phận cấu thành chủ yếu của tổng thể các mối quan hệ Việt nam — Liên xô là* **quan hệ hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật.** *Sự hợp tác này ngày càng bộc lộ những khả năng tiềm tàng to lớn, và trong giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ chủ yếu là « nâng cao hiệu quả hợp tác, hoàn thiện toàn bộ các mối quan hệ kinh tế tay đôi, trên cơ sở dài hạn và có kế hoạch, tiếp tục phát triển các ngành sản xuất chuyên môn hóa, thực hiện các chương trình có mục tiêu cùng có lợi » (6). Trong quan hệ hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, điều làm chúng ta hết sức cảm kích là Liên xô không ngừng dành cho Việt nam sự giúp đỡ ngày càng tăng về mọi mặt. Khối lượng hợp tác kinh tế trong những năm 1976—1980 bằng toàn bộ khối lượng 20 năm trước đó. Trong những năm 1981—1985, khối lượng đó tăng gấp đôi so với những năm 1976—1980. Nhờ sự giúp đỡ về kinh*

(6) Tuyên bố chung Việt nam—Liên xô, ngày 28-6-1985.

Digitized by Google

*tế và kỹ thuật của Liên xô, chúng ta đã khôi phục, mở rộng và xây dựng hơn 200 cơ sở thuộc hầu hết các ngành của nền kinh tế. Liên xô cũng đã giúp chúng ta đào tạo hàng vạn cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học và trên đại học hiện đang phát huy tác dụng tốt trong các lĩnh vực công tác. Những năm gần đây, Liên xô giúp ta xây dựng 23 công trình kinh tế quốc dân lớn, 50 công trình khác đang được thiết kế và soạn thảo. Theo Tuyên bố chung Việt nam — Liên xô ký ngày 28-6-1985, Liên xô tiếp tục tăng sự giúp đỡ về mọi mặt, đặc biệt là về kinh tế cho nước ta. Liên xô cho ta vay một khoản tín dụng với điều kiện ưu đãi trong những năm 1986—1990, hoãn trả các khoản nợ cho vay trước đây, tăng việc xuất khẩu sang Việt nam những hàng hóa quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân như sản phẩm dầu mỏ, phân bón, thép cán và bông. Liên xô sẽ cùng Việt nam tập trung sức thiết kế và xây dựng các công trình có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế và việc phát triển cơ sở xuất khẩu của Việt nam, bao gồm việc đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt nam, xây dựng các công trình lọc dầu và hóa dầu, nhà máy phân đạm trên cơ sở nguồn dầu khí trong nước, các công trình năng lượng, các xí nghiệp cơ khí, cải tạo và nâng cao năng lực thông qua các tuyến đường sắt, hoàn thành luận chứng kinh tế — kỹ thuật xây dựng liên hợp luyện kim, triển khai việc xây dựng nhà máy luyện thép 500 nghìn tấn/năm. Trong quan hệ thương mại giữa hai nước, Liên xô sẽ dành cho Việt nam những điều kiện phù hợp với tinh thần Nghị quyết Hội nghị kinh tế cấp cao của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Theo dự tính, khối lượng hợp tác kinh tế giữa Liên xô và nước ta trong những năm 1986—1990 tăng gấp đôi so với những năm 1981—1985.*

★

*Kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, chúng ta xúc động nhớ lại lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh: «Càng nhớ lại những ngày tủi nhục mất nước, nhớ lại mỗi bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ mà cũng đầy thắng lợi vẻ vang thì giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam càng thấm thía công ơn to lớn của Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười» (7). Nhìn lại ảnh hưởng quyết định của Cách mạng Tháng Mười đối với sự ra đời của Đảng ta, nhìn lại ảnh hưởng to lớn của Liên xô đánh thắng chủ nghĩa phát xít Đức—Nhật đối với Cách mạng Tháng Tám ở nước ta, nhìn lại sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên xô suốt bốn thập niên kỷ qua đối với nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta mãi mãi khắc sâu lòng biết ơn vô hạn đối với Liên xô, mãi mãi giữ vững tình cảm cách mạng tốt đẹp, đoàn kết sắt son với Liên xô.*

*Chúng ta nỗ lực thực hiện nghiêm chỉnh những thỏa thuận đã đạt được giữa hai Đảng và hai Nhà nước, sử dụng với hiệu quả cao nhất sự giúp đỡ và hợp tác của Liên xô, làm tròn các nghĩa vụ đã cam kết. Dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng cộng sản Việt nam, chúng ta quyết phấn đấu xây dựng đất nước*

(7) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr. 305.



Digitized by Google

*ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, xứng đáng là tiền đồn vững chắc của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á, góp phần tích cực vào sự lớn mạnh của cộng đồng xã hội chủ nghĩa với Liên xô là trụ cột. Một lần nữa, chúng ta khẳng định rằng* **đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.** *Toàn Đảng, toàn dân ta nguyện hết lòng phấn đấu góp phần thiết thực tăng cường mối quan hệ đặc biệt vì lòng tin cậy giữa hai Đảng và nhân dân hai nước, làm cho tình hữu nghị Việt nam — Liên xô mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững.*

*Trong ngày vui lớn kỷ niệm thứ 68 Cách mạng Tháng Mười từ đáy lòng mình, chúng ta chúc nhân dân Liên xô anh em đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa trong việc thực hiện những nhiệm vụ mà Đảng cộng sản Liên xô đề ra: chuyển sang giường máy phát triển kinh tế theo chiều sâu, thực hiện cải tổ cơ cấu sản xuất, ứng dụng những hình thức quản lý hiệu nghiệm, tiếp tục nâng cao phúc lợi nhân dân, củng cố sức phòng thủ đất nước. Chúc nhân dân Liên xô hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội 26 của Đảng cộng sản Liên xô đã đề ra, và tiến tới Đại hội 27 với những thành tích rực rỡ nhất.*

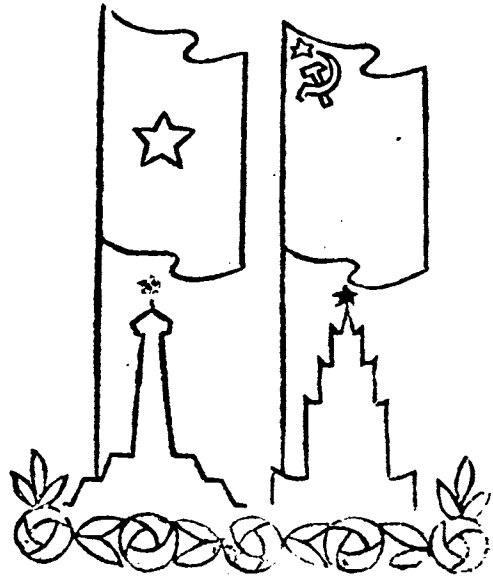



Digitized by Google

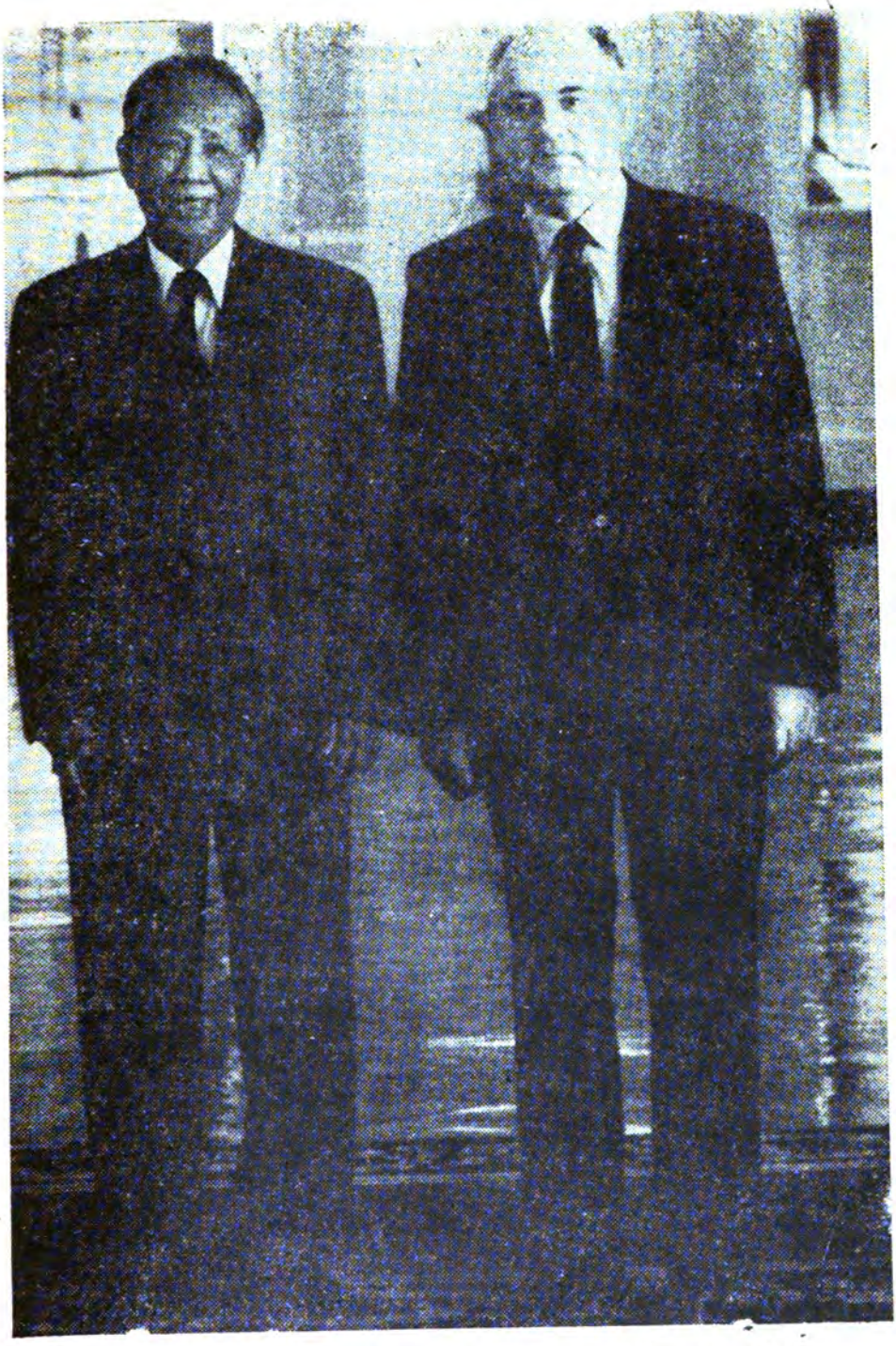

**Đồng chí LÊ DUẨN và đồng chí GOÓC-BA-TRỐP**
**(Mát-xcơ-va — 7-1985)**

Digitized by Google

Digitized by Google

# MỘT SỰ KIỆN TRỌNG ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA

BỈT nước Ăng-co tươi đẹp vừa đón mừng một sự kiện chính trị trọng đại. Tại thủ đô Phnôm Pênh, từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 10 năm 1985, Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V. 250 đại biểu của 22 đảng bộ địa phương và ngành trong cả nước đã về dự Đại hội. Sau những ngày làm việc khẩn trương, thể hiện sự thống nhất hoàn toàn trong Đảng và đạt đào tình đoàn kết quốc tế vô sản, Đại hội đã thành công rực rỡ.

Đại hội đã tổng kết những thành tựu kỳ diệu của cách mạng Cam-pu-chia trong 7 năm qua kể từ ngày đất nước Cam-pu-chia thoát khỏi nạn diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt, sôi nổi thảo luận về tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng. Đại hội đã ra nghị quyết hoàn toàn nhất trí với nội dung của Báo cáo chính trị và Báo cáo đề nghị bổ sung Điều lệ Đảng của Ban chấp hành trung ương Đảng. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành trung ương khóa V (gồm 31 ủy viên chính thức và 14 ủy viên dự khuyết) do đồng chí Hêng Xom-rin làm Tổng bí thư.

Thắng lợi rực rỡ của Đại hội V Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đánh dấu bước phát triển mới, to lớn của cách mạng Cam-pu-chia và bước trưởng thành mạnh mẽ của bản thân Đảng. Những nghị quyết của Đại hội, thể hiện tập trung trí tuệ của toàn Đảng, là ánh sáng soi rọi bước đường đi tới của cách mạng Cam-pu-chia, dẫn dắt nhân dân Cam-pu-chia tiến lên giành những thắng lợi ngày càng rực rỡ.

★

Xem xét, đánh giá tình hình cách mạng Cam-pu-chia bảy năm qua, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội IV, Đại hội kỳ này đã phân tích sâu sắc những âm mưu chống phá cách mạng Cam-pu-chia của các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ. Những thế lực thù địch đó, dựa vào bọn phản động cực hữu Thái lan, đã tìm mọi cách giúp bọn tàn quân Pôn Pốt khôi phục và củng cố lực lượng để chống lại cách mạng Cam-pu-chia. Kẻ thù của nhân dân Cam-pu-chia không từ một thủ đoạn nham hiểm, độc ác nào nhằm làm thay đổi thế trận, lấn chiếm đất đai, lật đổ chế độ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Nhưng chúng đã thất bại thảm hại. Suốt bảy năm qua, cuộc đấu tranh quyết liệt để bảo vệ thành quả cách mạng được quần chúng nhân dân tham gia đông đảo dưới nhiều hình thức, và đã giành những thắng lợi ngày càng to lớn. Đặc biệt từ mùa khô 1984 — 1985, phối hợp cùng Lộ đội tình nguyện Việt nam, quân và dân Cam-pu-chia đã đánh tan toàn bộ căn cứ các loại Khơ me phản động dọc biên giới Cam-pu-chia — Thái lan, giáng một đòn chí mạng vào kẻ địch, làm cho chúng tan rã từng mảng



Digitized by Google

lớn. Thắng lợi đó đánh dấu bước trưởng thành nhanh chóng của các lực lượng vũ trang cách mạng và nền quốc phòng toàn dân của đất nước Cam-pu-chia.

Đại hội cũng đã đánh giá cao những thắng lợi đạt được trên mặt trận *khôi phục kinh tế* và *xây dựng nền văn hóa mới*. Từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé lại bị bọn diệt chủng Pôn Pốt phá hoại đến tận gốc rễ, khiến cho toàn bộ cơ cấu xã hội bị đảo lộn hoàn toàn, qua bảy năm khôi phục, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước Cam-pu-chia đã đạt nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực, đẩy lùi cảnh điêu tàn vào dĩ vãng, đưa lại bộ mặt mới tươi vui cho khắp mọi miền thành thị và nông thôn. Nền kinh tế đang được khôi phục, sản xuất nông nghiệp có bước chuyển biến vượt bậc. Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển mạnh, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước ổn định và cải thiện.

Trong hoàn cảnh đất nước còn đầy dẫy những khó khăn sau khi thoát khỏi nạn diệt chủng, trong tình thế vừa khôi phục kinh tế, xây dựng lại xã hội, vừa đồng thời phải tiếp tục chiến đấu ác liệt chống các loại kẻ thù, những thắng lợi về kinh tế — xã hội của Cam-pu-chia càng có ý nghĩa to lớn.

Đại hội đã phân tích 6 nhân tố cơ bản bảo đảm thắng lợi cần được tiếp tục bồi đắp và phát huy của cách mạng Cam-pu-chia. Những nhân tố đó bao gồm các mặt: củng cố và mở rộng Mặt trận đoàn kết thống nhất dân tộc; tăng cường Nhà nước Cộng hòa nhân dân; xây dựng và không ngừng củng cố đội ngũ cán bộ cách mạng; hướng nền kinh tế, văn hóa, giáo dục theo con đường của chủ nghĩa xã hội; mở rộng và củng cố vững chắc liên minh chiến lược ba nước Đông dương và đoàn kết quốc tế xã hội chủ nghĩa; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Cùng với việc đánh giá đúng những thành tựu về mọi mặt đã đạt được, Đại hội phân tích một cách khách quan, có cơ sở khoa học tình hình hiện nay của Cam-pu-chia, để trên cơ sở đó đề ra những phương hướng nhiệm vụ công tác sát đúng.

Đại hội nêu rõ, sau thắng lợi lịch sử ngày 7 tháng 1 năm 1979, Cam-pu-chia đã kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ và bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên đất nước thật sự độc lập, tự do, từng bước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một trong những đặc điểm của tình hình là, do chế độ Pôn Pốt thực hiện chính sách hủy diệt, mọi thành tựu đã có trước năm 1975 bị xóa bỏ hoàn toàn; sau ngày giải phóng, Cam-pu-chia hầu như chỉ còn hai bàn tay trắng với nền kinh tế — xã hội rất thấp kém và bị xáo trộn. Do đó, việc chuyển sang giai đoạn cách mạng mới phải trải qua hàng chục năm nhằm hồi sinh dân tộc, khôi phục kinh tế, xóa bỏ những hậu quả nghiêm trọng của chế độ diệt chủng, tạo ra những tiền đề và điều kiện để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Một đặc điểm khác của cách mạng Cam-pu-chia hiện nay là đất nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh; chiến tranh diễn ra ở từng phần lãnh thổ và từng thời gian. Âm mưu phản kích chống cách mạng mà kẻ thù tiến hành ở Cam-pu-chia diễn ra dưới hình thái chiến tranh lấn chiếm và lật đổ, nhằm xóa bỏ chế độ Cộng hòa nhân dân, chế độ mà toàn dân Cam-pu-chia đã đổ biết bao xương máu mới giành được. Địch không chỉ dùng các thủ đoạn quân sự mà còn dùng cả thủ đoạn chiến tranh tâm lý thâm độc, những thủ đoạn diễn biến hòa bình để phá hoại cách mạng, làm thoái hóa, biến chất đội ngũ cán bộ của Đảng, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng với



Digitized by Google

nhân dân, phá hoại khối đoàn kết và hợp tác Cam-pu-chia — Việt nam.

Tham vọng của kẻ thù rất lớn, âm mưu của chúng rất xảo quyệt. Nhưng thế và lực của chúng đang suy yếu nghiêm trọng và không thể gượng dậy được, trong khi thế và lực của cách mạng đang không ngừng củng cố và lớn mạnh. Sự ủng hộ quốc tế đầy tình nghĩa cách mạng đã giúp cho sức mạnh tự thân của cách mạng Cam-pu-chia vươn lên. Ngày nay, *nhân dân Cam-pu-chia đã thật sự làm chủ đất nước, bảo vệ được thành quả cách mạng của mình. Thắng lợi cuối cùng của cách mạng Cam-pu-chia phải do chính nhân dân Cam-pu-chia dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia quyết định.*

Xuất phát từ tình hình khách quan và những đặc điểm nói trên, Đại hội xác định *nhiệm vụ chiến lược chung trong giai đoạn cách mạng hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, xây dựng Tổ quốc Cam-pu-chia, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.*

Đại hội nêu rõ những mục tiêu mà cách mạng Cam-pu-chia phải đạt được trong giai đoạn hiện nay là :

— Phát huy thế làm chủ của cách mạng ở cả biên giới và nội địa, đẩy địch đến suy yếu, tan rã hơn nữa và càng thất bại trong mọi âm mưu của chúng.

— Xây dựng thực lực cách mạng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt về chính trị, quân sự, kinh tế, vững mạnh cả số lượng và chất lượng, đủ sức để phát huy thành quả cách mạng chiến thắng kẻ thù, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc độc lập, hòa bình, phồn vinh và tiến bộ.

— Tăng cường liên minh cách mạng và quan hệ đặc biệt giữa Cam-pu-chia và Việt nam và giữa ba nước, ba Đảng trên bán đảo Đông dương, đồng thời phát huy quan hệ liên minh trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà Liên xô là trụ cột.

Để thực hiện những mục tiêu cách mạng quan trọng nói trên, Đại hội chỉ rõ *nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Cam-pu-chia là bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng.* Đại hội nhấn mạnh : toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Cam-pu-chia phải coi trọng nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội. Phải nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cao, đập tan mọi âm mưu và hoạt động phản kháng của các loại kẻ thù, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Cam-pu-chia thân yêu, bảo vệ cuộc sống lao động hòa bình từ thành thị đến nông thôn.

Về *khôi phục và phát triển kinh tế — xã hội*, Đại hội xác định phương hướng trong những năm trước mắt là *ra sức hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế*; tổ chức lại nền sản xuất, xây dựng nền giáo dục và văn hóa xã hội chủ nghĩa. Từng bước xây dựng một nền kinh tế quốc dân có quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, có năng lực sản xuất mới, phát triển, *đưa nông — lâm — ngư nghiệp trở thành thế mạnh thật sự của nền kinh tế quốc dân với bốn mũi nhọn là lương thực, cao su, gỗ và thủy sản*, kết hợp chặt chẽ với phát triển công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và đẩy mạnh xuất khẩu. Từng bước xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân.

Cụ thể hóa phương hướng khôi phục và phát triển kinh tế — xã hội nói trên, Đại hội đã đề ra chương trình khôi phục và phát triển kinh tế — xã hội 5 năm thứ nhất (1986 — 1990) bao gồm 7 nhiệm vụ cơ bản với những chỉ tiêu phấn đấu :

— Tăng sản lượng lương thực bình quân hằng năm 7%, đạt bình quân đầu người 350 kg/năm.

— Đến năm 1990, hoàn thành khôi phục cao su trên diện tích 50 nghìn



Digitized by Google

héc ta với 50 nghìn tấn nhựa khô, khai thác 200 nghìn $m^3$ gỗ, khai thác 130 nghìn tấn thủy sản; đưa tổng diện tích đất trồng day lên 15 nghìn héc ta; đạt tổng sản lượng điện năm 1990 là 300 triệu ki lô oát/giờ; khôi phục với chất lượng tốt các tuyến đường bộ, đường thủy và đường sắt; phân bố lại lao động xã hội; bảo đảm và từng bước ổn định các nhu cầu thật cần thiết về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, v.v

Đại hội đã định rõ nội dung nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa, giáo dục xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng sự nghiệp y tế — xã hội, khoa học kỹ thuật. Đại hội cũng nêu lên những phương hướng quan trọng nhằm củng cố, tăng cường hiệu lực Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận, các tổ chức quần chúng và phong trào quần chúng, nêu rõ chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo của Đảng.

Về *chính sách đối ngoại của Đảng*, Đại hội chủ trương tiếp tục đường lối, chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, phục vụ đắc lực sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước Cam-pu-chia từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội khẳng định phải tăng cường và không ngừng củng cố khối đoàn kết, liên minh chiến lược truyền thống gồm ba nước Cam-pu-chia — Việt nam — Lào trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, coi đó là yêu cầu có ý nghĩa sống còn và có tính quy luật đối với sự ổn định và phát triển của cách mạng Cam-pu-chia và của cách mạng ba nước Đông dương.

Đại hội khẳng định phải ra sức tăng cường và không ngừng củng cố tình đoàn kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trên mọi lĩnh vực giữa Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đó là nền tảng của đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, là nghĩa vụ quốc tế quan trọng của Đảng và nhân dân Cam-pu-chia, và cũng là một trong những nhân tố bảo đảm thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Đại hội nêu rõ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia sẵn sàng phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam châu Á và các nước trên thế giới, kiên quyết chống lại những chính sách thâm độc của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động tay sai, sẵn sàng tiến hành đối thoại và thương lượng để giải quyết những vấn đề có liên quan đến hai nhóm nước Đông dương và ASEAN, góp phần biến Đông Nam châu Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác hữu nghị.

Đại hội bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, châu Đại dương chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc v.v, và đối với sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đại hội tích cực ủng hộ những sáng kiến hòa bình quan trọng mới của Liên xô, kiên quyết chống chính sách xâm lược, chạy đua vũ trang của các thế lực đế quốc hiếu chiến, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Đại hội coi *công tác xây dựng Đảng nhân dân cách mạng* là nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển cách mạng ở Cam-pu-chia.



Digitized by Google

Để hoàn thành những nhiệm vụ to lớn của giai đoạn cách mạng mới, Đại hội chỉ rõ cần *tiếp tục xây dựng Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia thành Đảng Mác — Lê-nin vững mạnh, có đường lối chính trị đúng, có cơ sở trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng trở thành đội tiên phong của giai cấp công nhân Cam-pu-chia, có ý chí chiến đấu dũng cảm, trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Cam-pu-chia, trung thành vô hạn với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có tổ chức thật vững mạnh, bảo đảm cho Đảng gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.*

★

Đảng cộng sản Việt nam và nhân dân Việt nam ta vô cùng phấn khởi trước thành công Đại hội V của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia. Chúng ta coi Đại hội này là sự kiện trọng đại không chỉ đối với cách mạng Cam-pu-chia mà còn đối với sự nghiệp cách mạng của các nước anh em trên bán đảo Đông dương. Nhận lời mời của Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, Đoàn đại biểu Đảng ta do đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn dẫn đầu đã mang đến Đại hội những tình cảm quý mến nồng hậu và tình đoàn kết chiến đấu không gì lay chuyển nổi của những người cộng sản và nhân dân ta đối với Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia và nhân dân Cam-pu-chia anh em.

Những kết quả rực rỡ của Đại hội đã làm nức lòng chúng ta, đưa lại cho chúng ta niềm phấn khởi dạt dào. Chúng ta nguyện đem hết sức mình vun đắp cho tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị vĩ đại Việt nam — Cam-pu-chia, Việt nam — Lào — Cam-pu-chia, làm cho nó ngày càng phát triển tốt đẹp, mãi mãi trong sáng, đời đời bền vững. Chúng ta nguyện tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào anh em trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Hêng Xom-rin kính mến, nhân dân Cam-pu-chia nhất định sẽ thực hiện xuất sắc những nhiệm vụ do Đại hội đề ra, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng thành công một nước Cam-pu-chia độc lập, hòa bình, phồn vinh và tiến bộ, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội



Digitized by Google

# Lời chào mừng

## CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ NĂM ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA

*Thưa đoàn chủ tịch,*
*Thưa các đồng chí đại biểu,*

ĐOÀN đại biểu Đảng cộng sản Việt nam rất vinh dự và phấn khởi tham dự Đại hội lần thứ năm của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia.

Thay mặt Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam, chúng tôi nhiệt liệt chào mừng Đảng quang vinh của các đồng chí, người anh em thân thiết kế tục truyền thống của Đảng cộng sản Đông dương trước đây do Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến sáng lập, đã phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Cam-pu-chia, làm nên những thắng lợi rực rỡ, đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành độc lập, tự do cho dân tộc mình và góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của ba nước trên bán đảo Đông dương.

Chiến thắng lịch sử ngày 7 tháng 1 năm 1979 đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry – Khiêu Xăm-phon, tay sai của bọn bành trướng, bá quyền, mở ra kỷ nguyên mới trên đất nước Ăng-co, kỷ nguyên nhân dân Cam-pu-chia thật sự làm chủ vận mệnh của mình và tiến bước trên con đường xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Báo cáo chính trị do đồng chí Tổng bí thư Hêng Xom-rin trình bày là bản tổng kết sinh động những thắng lợi toàn diện của cách mạng Cam-pu-chia trong bảy năm qua, những bài học kinh nghiệm quý báu và bước phát triển mới mạnh mẽ của Đảng các đồng chí từ sau Đại hội lần thứ tư đến nay.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, nhân dân Cam-pu-chia anh hùng, giàu tài năng và nhiệt tình yêu



Digitized by Google

nước từ trong điều tàn của rạn diệt chủng khủng khiếp, đã vùng lên khắc phục vô vàn khó khăn, thực hiện cuộc hồi sinh dân tộc hiếm thấy trong lịch sử. Nền kinh tế của đất nước đang được khôi phục ; văn hóa, giáo dục, y tế phát triển mạnh ; quốc phòng và an ninh ngày càng vững mạnh ; đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước ổn định và cải thiện. Thắng lợi vang dội trong mùa khô 1984 — 1985 một lần nữa khẳng định thế tiến lên của cách mạng Cam-pu-chia là không thể đảo ngược. Với việc kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị và hợp tác, uy tín và địa vị quốc tế của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia không ngừng được nâng cao.

Những thắng lợi to lớn, toàn diện đó là thực tế sinh động chứng minh đường lối xây dựng và bảo vệ đất nước do Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đề ra là đúng đắn ; chế độ cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia do chính nhân dân xây dựng, được nhân dân hết lòng tin yêu và ủng hộ. Mặc cho các thế lực thù địch ra sức xuyên tạc, trước mắt loài người tiến bộ, Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia trước sau vẫn là người đại biểu thật sự cho độc lập, tự do, là chiến sĩ chân chính đấu tranh cho quyền con người ở Cam-pu-chia.

Đảng cộng sản Việt nam và nhân dân Việt nam nhiệt liệt chào mừng những thắng lợi to lớn của cách mạng Cam-pu-chia. Chúng tôi rất tự hào có người đồng chí thân thiết, người bạn chiến đấu kiên cường là Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia và nhân dân Cam-pu-chia anh em.

*Thưa các đồng chí thân mến,*

Sau gần nửa thế kỷ đấu tranh dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Việt nam, với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Việt nam đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Mười năm qua, theo đường lối do các Đại hội lần thứ tư và thứ năm của Đảng cộng sản Việt nam đề ra, nhân dân Việt nam đem hết tinh thần và lực lượng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân chúng tôi đã đánh thắng chiến tranh xâm lược và đang làm thất bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt do bọn bành trướng, bá quyền phương Bắc câu kết với đế quốc gây ra. Chúng tôi đã khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh, cải tạo nền kinh tế theo chủ nghĩa xã hội, tạo ra những cơ sở vật chất — kỹ thuật ban đầu, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa về các mặt chính



Digitized by Google

trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Chúng tôi đang tiến tới Đại hội lần thứ sáu của Đảng, Đại hội sẽ định ra nhiệm vụ đưa đất nước tiến lên một bước phát triển mới, thực hiện thắng lợi những mục tiêu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Những người cộng sản và nhân dân Việt nam nhận thức sâu sắc rằng mỗi thắng lợi mà cách mạng giành được đều bắt nguồn từ sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, đều gắn liền với tình đoàn kết đặc biệt Việt nam – Cam-pu-chia – Lào, với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với sự đồng tình và ủng hộ quý báu của loài người tiến bộ. Nhân dịp này, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đối với nhân dân hai nước anh em Cam-pu-chia và Lào, với Liên xô vĩ đại và bầu bạn năm châu.

Là một dân tộc chịu nhiều đau khổ do chiến tranh xâm lược gây ra, hơn ai hết, nhân dân Việt nam rất thiết tha với hòa bình. Chúng tôi cho rằng nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân các nước hiện nay là đấu tranh làm thất bại chính sách hiếu chiến của các thế lực đế quốc và phản động đang đe dọa nghiêm trọng hòa bình thế giới và độc lập, chủ quyền của các dân tộc, đấu tranh chống chạy đua vũ trang trên mặt đất cũng như trên vũ trụ, đẩy lùi và xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chính sách hòa bình lêninnit và đường lối đối ngoại có nguyên tắc của Liên xô; nhiệt liệt hoan nghênh những sáng kiến mới quan trọng do đồng chí Tổng bí thư M. X. Goóc-ba-trốp nêu ra với tổng thống Mỹ về việc cấm hoàn toàn các vũ khí vũ trụ tiến công, giảm mạnh số tên lửa đã đặt, ngừng mọi cuộc thử hạt nhân, ngăn chặn việc quân sự hóa vũ trụ.

Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la tinh vì độc lập và chủ quyền dân tộc, vì một trật tự kinh tế thế giới mới. Phải đập tan những hành động khiêu khích của bọn đế quốc chống Cu-ba, chặn tay của chúng ở Ni-ca-ra-goa, En Xan-va-đo, An-gô-la, Na-mi-bi a, Li-băng, Áp-ga-ni xtan.

Chính sách của Mỹ và một số thế lực hiếu chiến quận phiệt âm mưu biến châu Á – Thái bình dương thành một nơi đối đầu về chính trị và quân sự đang làm cho tình hình khu vực này thường xuyên căng thẳng. Việt nam kiên quyết đoàn kết với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, với Ấn độ và các nước dân tộc chủ nghĩa trong vùng đấu tranh làm thất bại âm mưu nguy hiểm đó. Châu Á và Thái bình dương phải trở thành khu vực hòa bình.



Digitized by Google

Trước sau như một, nhân dân Việt nam sát cánh cùng với nhân dân Cam-pu-chia và Lào kiên trì phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác. Việc sử dụng nước này hay nước khác trong khu vực chống lại các nước Đông dương đã thất bại và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn. Con đường đúng đắn, phù hợp với lợi ích và sự sống còn của các nước Đông Nam Á là chấm dứt đối đầu, đi vào đối thoại để giải quyết các vấn đề trong quan hệ giữa các bên, trên tinh thần xây dựng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của mỗi nước, không có sự can thiệp của nước ngoài. Những đề nghị đầy thiện chí do các nước Đông dương đưa ra đang được các bên hữu quan đáp ứng tích cực.

Việt nam cũng như Cam-pu-chia và Lào đã nhiều lần bày tỏ nguyện vọng sớm khôi phục quan hệ bình thường với Cộng hòa nhân dân Trung hoa. Vì tình hữu nghị lâu đời với nhân dân Trung quốc, vì lợi ích của mỗi nước và lợi ích của hòa bình, an ninh trong khu vực, chúng ta mong muốn Trung quốc chấm dứt hành động thù địch, cùng chúng ta giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua con đường thương lượng.

**Thưa các đồng chí thân mến,**

Suốt quá trình đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do, ba dân tộc anh em Việt nam, Cam-pu-chia, Lào đã kề vai sát cánh, sống chết có nhau chống kẻ thù chung, giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tình đoàn kết hữu nghị anh em được Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại dày công vun đắp trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã được xây dựng bằng xương máu của nhiều thế hệ đã trở thành mối quan hệ đặc biệt rất mực trong sáng, thủy chung, thành tài sản vô giá trong đời sống chính trị và tinh thần của nhân dân ba nước chúng ta. Kẻ thù không từ một thủ đoạn nào để chia rẽ và làm suy yếu liên minh chiến đấu của ba dân tộc hòng nô dịch, thôn tính từng nước. Nhưng càng lao sâu vào tội ác, chúng càng thất bại thảm hại.

Ngày nay, khối đoàn kết chiến đấu Việt nam — Cam-pu-chia — Lào được củng cố và tăng cường hơn bao giờ hết. Hiệp ước Hòa bình, Hữu nghị và Hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam với Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia tháng 2 năm 1979, Tuyên bố Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương tháng 2 năm 1983 là những cái mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển về chất của mối quan hệ đặc biệt Việt nam — Cam-pu-chia và Việt nam — Cam-pu-chia — Lào.



Digitized by Google

Mối quan hệ đặc biệt đó, như thực tiễn đã chứng minh, là một quy luật phát triển của cách mạng ba nước, là một nhân tố quyết định thắng lợi của mỗi nước trong chiến đấu giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cũng như trong sự nghiệp xây dựng hòa bình. Và sự lớn mạnh của cách mạng ba nước Đông dương là một nhân tố góp phần bảo đảm cho hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trong khu vực và trên thế giới.

Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam nguyện đem hết sức mình vun đắp cho tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị vĩ đại Việt nam – Cam-pu-chia, Việt nam – Cam-pu-chia – Lào; tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào anh em trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chúng tôi tin chắc rằng, nhân dân Cam-pu-chia, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, siết chặt hàng ngũ trong Mặt trận đoàn kết xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Cam-pu-chia, nhất định sẽ thực hiện xuất sắc những nhiệm vụ do Đại hội này đề ra, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng thành công một nước Cam-pu-chia độc lập, hòa bình, phồn vinh và tiến bộ, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chúc Đại hội lần thứ năm của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia thành công rực rỡ!

Chúc tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt nam, Cam-pu-chia, giữa Đảng và nhân dân ba nước Đông dương đời đời bền vững!

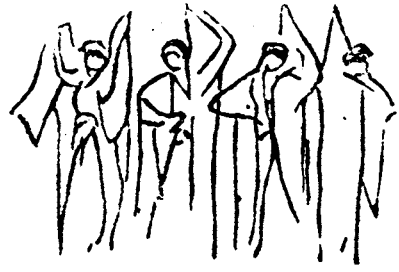



Digitized by Google

# NGHỊ QUYẾT TÁM VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP THIẾT CỦA CÔNG TÁC LÝ LUẬN

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

NGHỊ quyết Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng là nghị quyết về giá — lương — tiền. Song, tầm quan trọng và ý nghĩa sâu xa của nó vượt ra ngoài phạm vi giá—lương—tiền. Trong khi đột phá vào giá, lương, Nghị quyết tám *về thực chất* đánh dấu bước mở đầu quá trình đổi mới cơ bản chiến lược quản lý kinh tế—xã hội ở nước ta.

Vì vậy, Nghị quyết tám vừa là giải pháp cụ thể cho những vấn đề cụ thể, nóng bỏng trong cuộc sống hiện nay, vừa là định hướng chiến lược lâu dài cho toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước ta về mặt quản lý kinh tế—xã hội. Với tính cách như vậy, Nghị quyết tám đặt ra những nhiệm vụ cực kỳ to lớn cho công tác lý luận, cho nhiệm vụ nghiên cứu lý luận cũng như nhiệm vụ giảng dạy lý luận.

Trước mắt đội ngũ cán bộ lý luận chúng ta là một nhiệm vụ hai mặt không thể tách rời nhau. *Một mặt*, công tác lý luận phải hướng trước hết vào việc làm sáng tỏ căn cứ khoa học và thực tiễn của Nghị quyết nhằm góp phần làm quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân những nội dung của Nghị quyết, từ đó đem lại niềm tin và ý chí thúc đẩy hành động cách mạng của quần chúng bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết. *Mặt khác*, bản thân Nghị quyết và chắc chắn quá trình thực hiện Nghị quyết đòi hỏi công tác lý luận *phải đi xa hơn*. Nghị quyết đặt ra cho công tác lý luận một loạt vấn đề có *tính cơ bản, phổ biến, lâu dài*. Nghiên cứu và làm sáng tỏ những vấn đề đó không chỉ nhằm làm quán triệt Nghị quyết trong thời gian trước mắt mà còn góp phần *xây dựng lý luận* cần thiết cho việc hình thành cơ chế kinh tế mới, cho việc xác định chiến lược quản lý mới.

★

Trong hàng loạt vấn đề lý luận đặt ra từ Nghị quyết tám của Trung ương, đầu tiên phải kể đến nhiệm vụ *phê phán triệt để tình trạng tập trung quan liêu — bao cấp*. Cho đến nay, có lẽ không còn ai không tán thành bãi bỏ cơ chế đó. Song như thế không có nghĩa là sự phê phán cái cũ đã không còn cần thiết. Sự thật, cái cũ nếu chỉ bị phê phán trên bề mặt mà chưa bị vạch trần từ bản chất bên trong, nếu chỉ bị lên án trên hậu quả mà chưa được phanh phui từ nguồn gốc, nếu chỉ được hình dung như một hiện tượng thuần túy ngẫu nhiên và chỉ được lên án đủ với tất cả sự phẫn nộ đạo đức, thì vấn đề vẫn chưa phải đã được giải quyết triệt để. «Triệt để có nghĩa là nắm tận gốc rễ sự vật» (C. Mác). Vì vậy, công tác lý luận phải bằng những luận cứ khoa học, có sức thuyết phục, vạch rõ một cách toàn diện và có hệ thống bản chất,



Digitized by Google

nguồn gốc, những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng đã sản sinh ra tình trạng đó; những tác hại của cơ chế cũ, và — điều này hết sức quan trọng — con đường khắc phục nó.

Cái cũ cần được phê phán triệt để bởi nếu nó có lý do lịch sử như sản phẩm không tránh khỏi của một «chủ nghĩa xã hội thời chiến» thì việc nó tồn tại hàng chục năm đã tạo nên một sức ỳ ghê gớm trong nếp suy nghĩ và cung cách làm kinh tế của chúng ta, không phải ngay một lúc mà gỡ bỏ hết được. Vả lại, cái mới ra đời thay thế cái cũ rất không suôn sẻ, dễ dàng. Cơ chế quản lý mới, với Nghị quyết tầm, mới chỉ có tính chất định hướng; cho tới lúc định hình và hoàn chỉnh còn phải mất nhiều năm. Trong quá trình đó không sao tránh khỏi những bước tìm tòi, thử nghiệm, có thành công và rất có thể có cả những vấp váp, thậm chí có thể có sai lầm, phải làm đi làm lại. Mỗi lần như thế khó tránh khỏi xuất hiện ở người này người khác, bộ phận nọ bộ phận kia, những trạng thái dao động, ngả nghiêng và từ đó người ta dễ quay về đường cũ, lối mòn vốn quen thuộc. Đó là lý do vì sao Nghị quyết lần này của Trung ương nhấn rất mạnh hai chữ *triệt để* trong chống quan liêu — bao cấp. Trong cách làm có thể và phải chia ra từng bước, song trong quan điểm tư tưởng, trong phương hướng, mục tiêu phải dứt khoát, triệt để. Giải phóng triệt để tư tưởng khỏi cái cũ, nhiệm vụ đó chỉ có công tác lý luận được tiến hành một cách thật sự khoa học mới làm được.

Việc phê phán cái cũ, với tất cả tầm quan trọng và cần thiết của nó, dù sao vẫn là thứ yếu so với việc *xác định và luận chứng cho cái mới*. Đây là nhiệm vụ khó khăn nhất nhưng là quyết định nhất. Đi vào cơ chế mới có hàng loạt vấn đề phức tạp đặt ra cho công tác lý luận. Nghị quyết tầm tự nó là một thành quả lý luận của Đảng, là cột mốc mới đánh dấu bước tiến lớn lao của Đảng ta về phương diện nắm và vận dụng các quy luật kinh tế. Song như thế không có nghĩa là công tác lý luận không còn việc để làm.

Chuyển hẳn cơ chế quản lý cũ tập trung quan liêu — bao cấp sang cơ chế mới hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải làm sáng tỏ về mặt lý luận rất nhiều vấn đề. Giá cả, tiền lương, thị trường, thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, ngân hàng v.v. đều là những vấn đề không đơn giản. Trên mỗi vấn đề như thế, cuộc sống đang bức bách đòi hỏi những câu trả lời cụ thể, những giải pháp cụ thể, những chính sách, chủ trương cụ thể, những chế độ, quy định cụ thể. Song, cũng trên mỗi vấn đề ấy phải làm rõ những quan niệm xuất phát, phải làm sáng tỏ các khía cạnh lý luận và phương pháp luận. Thiếu *những quan điểm chỉ đạo* này thì không thể định hướng đúng đắn cho những giải pháp và quyết định cụ thể. Cuối cùng, dù là nói về giá, lương, tiền... hay về hạch toán, kinh doanh, tất cả các phạm trù đó đều thuộc về một phạm trù lao quát hơn — đó là những quan hệ hàng hóa — tiền tệ, là sản xuất hàng hóa và quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thế là các vấn đề càng trở nên phức tạp hơn nữa: cái cấp thời, trước mắt xoắn xuýt với cái cơ bản, lâu dài; cái riêng quyện chặt với cái chung; cái cụ thể sinh động không tách rời cái trừu tượng lý luận; không thể giải quyết cái này mà không đụng tới cái kia ngay lập tức v.v. Hơn nữa, ở đây cần đặc biệt lưu ý một luận điểm cực kỳ quan trọng của V.I. Lênin: «Người nào bắt tay vào những vấn đề riêng trước khi giải quyết các vấn đề chung, thì kẻ đó, trên mỗi bước đi, sẽ không sao tránh khỏi «vấp phải» những vấn đề chung đó một



Digitized by Google

cách không tự giác. Mà mù quáng vấp phải những vấn đề đó trong từng trường hợp riêng, thì có nghĩa là đưa chính sách của mình đến chỗ có những sự dao động tồi tệ nhất và mất hẳn tính nguyên tắc» (1).

Chế độ bao cấp đối lập căn bản với chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Còn hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy việc thừa nhận sự tồn tại của quy luật giá trị, thừa nhận các quan hệ hàng hóa — tiền tệ làm tiền đề. Không thể nào hạch toán kinh doanh mà lại không sử dụng các phạm trù của quan hệ giá trị. Như vậy, chính ngay sự chuyển hướng về chiến lược quản lý kinh tế do Hội nghị thứ tám của Trung ương đề ra đã đòi hỏi phải làm sáng tỏ *một vấn đề lý luận cơ bản* : quan hệ hàng — tiền và quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội, đặc biệt trong thời kỳ quá độ. Đây là vấn đề phức tạp bậc nhất. Có lẽ không có vấn đề nào trong lý luận kinh tế lại có nhiều ý kiến khác nhau như vấn đề này ; tranh luận dai dẳng, triền miên gần như suốt lịch sử tồn tại của chủ nghĩa xã hội hiện thực, cho đến hôm nay vẫn chưa dứt. Phức tạp đến mức người ta có thể nói rằng trình độ khoa học của kinh tế chính trị về chủ nghĩa xã hội phụ thuộc ở mức độ đáng kể vào việc làm sáng tỏ số phận của sản xuất hàng hóa và những quy luật của nó dưới chủ nghĩa xã hội.

Trong lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực, có thời kỳ khá dài người ta phủ nhận sự tồn tại của các quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật giá trị. Sau đó, dưới áp lực của thực tế khách quan người ta buộc phải thừa nhận nó, song thừa nhận một cách dè dặt, từng bước, từng phần. Chẳng hạn chỉ thừa nhận nó về hình thức, hoặc thu hẹp phạm vi tồn tại của nó trong khu vực sản xuất tư liệu tiêu dùng, hoặc chỉ thừa nhận nó ở cấp xí nghiệp, chỉ giới hạn nó trong thời kỳ quá độ v.v. Cuối cùng, cho đến những năm 60, trải qua những cuộc tranh luận lâu dài, nhất là qua kinh nghiệm thực tiễn tích lũy được, người ta ngày càng thấy ra rằng việc coi thường quy luật giá trị cũng như các quy luật kinh tế khách quan khác là mở đường cho chủ nghĩa chủ quan trong kế hoạch hóa, trong việc tổ chức đời sống kinh tế, trong thực tiễn kinh tế hằng ngày.

Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh và mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nền sản xuất xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển theo chiều sâu, tất cả những điều đó làm cho các vấn đề về năng suất lao động, về chất lượng và hiệu quả sản xuất, vấn đề giảm chi phí sản xuất xã hội, do đó vấn đề vận dụng có kế hoạch các quan hệ giá trị có ý nghĩa thực tiễn ngày càng lớn. Ngay đến giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển, các quan hệ giá trị chẳng những không bị thu hẹp, mà ngày càng được vận dụng một cách đầy đủ nhất trong mối quan hệ hữu cơ với tổng thể các quy luật vốn có của chủ nghĩa xã hội. Đó là kết luận đã đạt được hầu như nhất trí ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Cũng cần nói rằng khi thấy ra vấn đề, có nước anh em, có lúc, có người đã thổi phồng quá đáng vai trò của các quan hệ hàng — tiền, vai trò của thị trường và quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội, đi đến chỗ làm lu mờ những quy luật riêng có của chủ nghĩa xã hội, trước hết là quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển cân đối, có kế hoạch. Sự lệch lạc sang cực này, như kinh nghiệm cho thấy, cũng từng phải trả giá đắt, có khi hết sức đắt.

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 15, tr. 437.



Digitized by Google

Như vậy, không nên có thái độ giản đơn đối với các vấn đề. Về lý luận, thái độ giản đơn và những khái quát vội vàng bao giờ cũng gây những hậu quả lớn. Đồng thời, không được coi thường kinh nghiệm quốc tế. Chủ nghĩa xã hội thế giới qua 7 thập niên kỷ tồn tại đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm trên những vấn đề chúng ta đang bàn. Chúng ta cần phải biết học tập kinh nghiệm của các nước anh em. Để cho việc học tập không rơi vào giáo điều, máy móc, rập khuôn, phải có một tiềm năng nhất định về lý luận và kinh nghiệm đủ để phân tích có phê phán, chọn lọc và vận dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm và thành tựu lý luận mà các nước anh em đã tích lũy được. Lê-nin viết: «... Phong trào bắt đầu ở một nước trẻ tuổi chỉ có thể đạt được kết quả nếu nó vận dụng được kinh nghiệm của các nước khác. Muốn vận dụng được như vậy thì không thể chỉ tìm hiểu kinh nghiệm ấy hoặc chỉ giản đơn sao chép những nghị quyết mới nhất, mà cần phải biết phân tích một cách phê phán kinh nghiệm ấy và tự mình kiểm nghiệm lại nó. Ai đánh giá được phong trào công nhân hiện đại đã phát triển và lan rộng đến mức nào thì sẽ hiểu được việc thực hiện những nhiệm vụ ấy đòi hỏi phải có một dự trữ về lực lượng lý luận và kinh nghiệm chính trị (và cách mạng) như thế nào» (2).

Đảng ta, với Nghị quyết tám, đã tỏ ra có một tiềm năng lý luận và kinh nghiệm nhất định, bước đầu, trên những vấn đề phức tạp của quản lý kinh tế. Đảng tỏ rõ một lập trường có tính nguyên tắc, một khả năng vận dụng lý luận Mác — Lê-nin trong việc tổng hợp những kinh nghiệm phong phú mà Đảng ta và nhân dân ta tích lũy được trong thực tiễn kinh tế những năm gần đây, cũng như trong việc vận dụng những kinh nghiệm quốc tế. Từ Đại hội IV (1976) đến Hội nghị thứ sáu của Trung ương (1979) khóa IV; từ Hội nghị sáu của Trung ương khóa IV đến Đại hội V (1982); từ Đại hội V đến các hội nghị Trung ương tiếp theo, nhất là Hội nghị sáu của Trung ương (1981) và Hội nghị tám của Trung ương vừa rồi (6-1985) — đó là những nấc thang trưởng thành của Đảng ta về phương diện cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế, nắm và vận dụng các quy luật khách quan vào sự lãnh đạo và quản lý kinh tế.

*Triệt để xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp, thực hiện đúng đắn tập trung dân chủ, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa* — quan điểm cơ bản đó vừa chỉ đạo hoạt động thực tiễn của Đảng và nhân dân ta vừa chỉ ra phương hướng chính xác và địa bàn rộng lớn cho công tác lý luận.

Chế độ tập trung dân chủ hoàn toàn xa lạ và đối lập với tập trung quan liêu. Ở đây, tuyệt đối không được có sự lẫn lộn. Thật là sai lầm tai hại cho người nào bám lấy tập trung quan liêu mà lại coi đó là tập trung dân chủ. Càng tai hại với người nào nhân danh đả phá tập trung quan liêu để vứt bỏ tập trung dân chủ. Điều chủ yếu lúc này là phải «thực hiện đúng đắn tập trung dân chủ» bằng cách kiên quyết và triệt để bãi bỏ tập trung quan liêu, mở rộng quyền hạn và trách nhiệm cho bên dưới, cho cơ sở; đồng thời phải cải tiến các cơ chế như thế nào để cho nguyên tắc tập trung thống nhất chẳng những không bị suy yếu như lâu nay nó bị suy yếu bởi *chính* tệ tập trung quan liêu, trái lại ngày càng được tăng cường tối đa cùng với sự mở rộng tối đa tính chủ động, năng động và sáng tạo của cơ sở, của bên dưới. Phải đổi mới các cơ chế như thế nào để cho tập trung và

(2) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga. Nxb sách chính trị quốc gia. Mát-xcơ-va. 1959. t. 6, tr. 24 — 25.



Digitized by Google

dân chủ chẳng những không loại trừ lẫn nhau, trái lại, thật sự làm tiền đề cho nhau, bảo đảm trong thực tế sự làm chủ tập thể ở cả ba cấp cơ bản.

Quan hệ giữa kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là *vấn đề trung tâm* phải làm thật sáng tỏ về phương diện lý luận.

Khuyết điểm lớn nhất của chúng ta lâu nay là kế hoạch mang nặng tính tập trung quan liêu — bao cấp. Nếu nói tập trung quan liêu—bao cấp là căn bệnh chính của nền kinh tế, của cơ chế quản lý thì điều đó trước hết thể hiện trong kế hoạch. Kế hoạch lâu nay được coi như mệnh lệnh từ trên dội xuống, được thực hiện theo kiểu cấp phát—giao nộp. Trong nhiều trường hợp, quan hệ kế hoạch chỉ còn là quan hệ đòi hỏi và ban phát vật tư, tiền vốn, quỹ lương, không cần tính toán hiệu quả sử dụng. Hạch toán nếu làm thì cũng chỉ là hình thức giả tạo bởi những công cụ tính toán và thước đo hiệu quả là giá, lương, tiền, với chế độ bao cấp tự nó đã không chính xác, che lấp hết thực trạng.

Kế hoạch nhất thiết phải gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phải tiến hành hạch toán trong từng xí nghiệp, từng phân xưởng, từng tổ, đội lao động, cho đến từng người lao động. Từng ngành, từng địa phương cũng phải tiến hành hạch toán kinh tế. Kế hoạch Nhà nước là một bản tổng hạch toán trên quy mô nền kinh tế quốc dân. Tất cả điều đó có nghĩa là kế hoạch đề ra và việc thực hiện kế hoạch không chỉ nhằm bảo đảm yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà còn phải bảo đảm sao cho yêu cầu ấy được thực hiện một cách có hiệu quả nhất, kinh tế nhất, nghĩa là không phải bằng bất cứ giá nào mà là với chi phí ít nhất; muốn thế phải tính đến cả yêu cầu của quy luật giá trị.

Nói đến hạch toán và kinh doanh không thể không nói đến *quy luật giá trị*. Song, như chúng ta đều biết, hạch toán mà ta nói là hạch toán kinh tế, nó khác với hạch toán thương mại. Hạch toán thương mại định hướng vào thị trường; còn hạch toán kinh tế định hướng vào kế hoạch. Hạch toán kinh tế chỉ chủ nghĩa xã hội mới có, còn chủ nghĩa tư bản thì hạch toán thương mại. Hạch toán kinh tế thể hiện sự vận dụng kết hợp và thống nhất nhiều quy luật, trước hết là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, quy luật phát triển cân đối, có kế hoạch và quy luật giá trị. Còn kinh doanh mà ta nói là kinh doanh xã hội chủ nghĩa, được tiến hành trên cơ sở có kế hoạch, theo kế hoạch.

Như vậy, cái chủ yếu điều tiết nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không phải quy luật giá trị (mặc dù trên mức độ nhất định, quy luật giá trị có tham gia điều tiết) mà là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển kinh tế cân đối, có kế hoạch. Vai trò, chức năng chủ yếu của quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội là nó cho phép tiến hành hạch toán kinh tế và kinh doanh trên cơ sở so sánh giữa chi phí bỏ ra với kết quả mang lại, căn cứ vào đó phấn đấu không ngừng hạ chi phí, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất, áp dụng các hình thức kích thích kinh tế. Điều này hết sức cần thiết, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mọi người đều nhớ luận điểm nổi tiếng của V.I. Lê-nin: «Trong một nước tiểu nông, trước hết các dòng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc... tiến lên chủ nghĩa xã hội, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại sinh



Digitized by Google

ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, bằng cách áp dụng chế độ hạch toán kinh tế » (3). Mưu toan thay thế những kích thích kinh tế bằng giáo dục tư tưởng đơn thuần, bằng các hình thức pháp luật — hành chính đơn thuần cũng nguy hại như biến quy luật giá trị, thị trường thành cái điều tiết chủ yếu các quá trình kinh tế trong chủ nghĩa xã hội. Cả hai quan điểm cực đoan ấy đều xa lạ với bản chất kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, công tác lý luận chung quanh vấn đề trung tâm của Nghị quyết tám cần quán triệt quan điểm sau đây mà đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã phát biểu trong Hội nghị thứ sáu của Trung ương (6-1984) : « Kế hoạch không gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì chỉ là sản phẩm chủ quan của những cơ quan quản lý quan liêu, xa cuộc sống. Hạch toán kinh tế không lấy kế hoạch làm trung tâm thì mất đi cái bản chất, cái linh hồn của nó, không còn là hạch toán kinh tế mà chỉ là sự xoay xở phường hội. Kinh doanh thoát ly kế hoạch cũng có nghĩa là thoát ly phương hướng xã hội chủ nghĩa và đề cao vai trò chi phối của quy luật giá trị, của thị trường ».

Cơ chế quản lý mới cho phép phát huy *trong thực tế* quyền và trách nhiệm làm chủ tập thể của mọi người lao động, mọi ngành, mọi cấp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Cơ chế cũ quan liêu — bao cấp xuyên tạc hẳn bức tranh chân thực của hoạt động kinh tế, do đó làm tha hóa bộ máy và con người vào những quan hệ đối trá, lừa lọc và đó là hậu quả nghiêm trọng nhất. Cơ chế mới đi vào hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong khi khôi phục bức tranh chân thực của hoạt động kinh tế thì đồng thời đặt lại *giá trị đích thực* của các bộ máy và của mỗi con người. Mối quan hệ qua lại giữa cơ chế kinh tế với bộ máy, với con người nói chung, với cán bộ, là một đề tài thật đáng đầu tư nhiều công sức nghiên cứu, bởi đó là vấn đề cực kỳ quan trọng.

Việc chuyển sang cơ chế quản lý mới hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hóa là việc có ý nghĩa trọng đại, tác động sâu rộng đến toàn bộ đời sống kinh tế — xã hội. Đây là bước mở đầu của một thời kỳ mới trong hoạt động kinh tế nước ta nhằm khắc phục những hiện tượng không bình thường kéo dài trong quản lý kinh tế, đưa nền kinh tế vận động ngày càng phù hợp với quy luật khách quan nhằm *đạt mục tiêu* làm chủ và khai thác tốt nhất mọi khả năng sẵn có và tiềm tàng về lao động, đất đai, ngành nghề, tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, năng động, có hiệu quả lớn ; mở rộng và tăng cường trận địa của chủ nghĩa xã hội ; ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân ; tạo nguồn tích lũy để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà ; củng cố quốc phòng, an ninh. Để đạt các mục tiêu đó, chỉ riêng việc đổi mới cơ chế đương nhiên chưa đủ. Cùng với đổi mới cơ chế, còn biết bao công việc to lớn phải làm : tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa v.v. Song, trong tất cả các việc phải làm, việc có *ý nghĩa mấu chốt nhất lúc này* là chuyển nhanh từ cơ chế cũ sang cơ chế mới trong quản lý kinh tế, là thực hiện một cách kiên quyết, triệt để nghị quyết Hội nghị thứ tám của Trung ương với những bước đi thích hợp.

Bước chuyển sang cơ chế mới được tiến hành trong điều kiện có rất nhiều

(3) V.I Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va. 1978. t. 44. tr. 189.



Digitized by Google

khó khăn, phức tạp, vì vậy không nên có ảo tưởng mọi việc sẽ tốt lên một cách chóng vánh, dễ dàng. Song, Đảng ta và nhân dân ta sẵn sàng đương đầu với khó khăn và tìm mọi cách khắc phục. Dù khó khăn, phức tạp đến đâu chúng ta cũng nhất quyết vượt qua, chuyển hẳn sang cách làm ăn mới. Đó là mệnh lệnh của chính cuộc sống ; đó là lối thoát ra khỏi khó khăn và đi lên.

Trong bước chuyển lớn lao này, hơn bao giờ hết, công tác lý luận được thực tiễn gọi đến một cách khẩn thiết. Cũng hơn bao giờ hết (xét trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cho đến nay) những người làm công tác lý luận vừa thấy trách nhiệm lớn lao của mình vừa cảm thấy thật là hứng thú biết bao! Bởi, nếu như thực tiễn luôn luôn là « không khí », là môi trường nuôi dưỡng lý luận thì lúc này hơn lúc nào hết, thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa sôi động ở nước ta đang thôi thúc trách nhiệm, gây men kích thích, cung cấp chất liệu vô cùng phong phú cho hoạt động lý luận. Thành công chỉ còn tùy thuộc vào lòng hăng say, quyết tâm, tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực trí tuệ, tính kiên trì, bản lĩnh nắm chắc phương pháp khoa học trong nghiên cứu của chúng ta. Và đương nhiên ở đây công việc không chỉ liên quan đến các nhà khoa học kinh tế mà cả các chuyên gia trên các lĩnh vực triết học, chủ nghĩa xã hội khoa học, xây dựng Đảng, Nhà nước và pháp luật, văn hóa xã hội chủ nghĩa v.v.

Một điều nữa cần được tính đến. Trong khi Nghị quyết tầm đang được triển khai thực hiện thì Hội nghị thứ chín của Trung ương sắp đến nơi và từ đó Đảng tiến sát đến việc chuẩn bị trực tiếp cho Đại hội toàn quốc thứ VI. Như vậy, *Đảng ta đang ở vào thời kỳ của những quyết định trọng đại*. Những người làm công tác lý luận không thể không ý thức đầy đủ và sâu sắc điều đó, không thể không thấy rõ nội dung những nhiệm vụ của mình cùng bối cảnh thực hiện các nhiệm vụ ấy dưới một tầm bao quát chung. Công tác lý luận của chúng ta không thể đứng ngoài việc tổng kết 10 năm cách mạng xã hội chủ nghĩa nếu tính trên cả nước, 30 năm nếu kể từ khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ ; không thể đứng ngoài quá trình hình thành những quyết định có tầm quan trọng chiến lược sắp tới của Đảng. Điều chủ yếu nhất là liệu chúng ta có thể đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ đến mức nào. Mọi người hy vọng rằng đây là dịp để có thể chấm dứt tình trạng công tác lý luận quá lạc hậu so với thực tiễn, một tình trạng kéo dài bao năm nay. Đây cũng là dịp để duyệt lại, đánh giá lại, đổi mới những nhận thức cũ và công việc chúng ta đã làm trong công tác nghiên cứu lý luận cũng như trong giảng dạy lý luận. Đây cũng là dịp thử thách lớn đối với năng lực thực tế và sức cống hiến của tập thể đội ngũ cán bộ lý luận chúng ta cũng như của từng người cho sự nghiệp cách mạng của Đảng.



Digitized by Google

# Đánh thắng chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch

LÊ NGỌC HIỀN

## I – Về cuộc chiến đấu mới mà mỗi người chúng ta cần biết tới.

Gây chiến tranh xâm lược lớn hoặc bạo loạn lật đổ từ bên trong cùng với sức ép quân sự bên ngoài, hoặc xâm lấn đất đai, gặm nhấm dần từng mảnh đối với các nước láng giềng vốn là những thủ đoạn truyền kiếp thâm độc của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc. Bọn phong kiến Trung quốc thời xưa đã sử dụng các thủ đoạn đó. Các nhà cầm quyền Bắc kinh ngày nay cũng sử dụng các thủ đoạn đó.

Ở đất nước liền một dải với Trung quốc, dân tộc ta đã nhiều lần phải đối phó với các cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn và các cuộc chiến tranh lấn chiếm đất đai nước ta của phong kiến Trung quốc. Ông cha ta đã tổng kết, rút ra những bài học sâu sắc về cách đối phó với các cuộc chiến tranh đó. Lịch sử nước ta còn ghi, khi vua Trần Anh Tông đến bên giường bệnh thăm hỏi đức Trần Hưng Đạo: « Chẳng may chết, giặc phương Bắc lại xâm lấn thì kế sách làm sao? ». Trần Hưng Đạo trả lời trước khi Người mất ngày 20-8 năm Canh Tý (1300):

« Nếu thấy quân giặc đến ồ ạt như lửa cháy gió thổi thì thế dễ chế ngự. Nếu nó đi chậm như cách tằm ăn, không cần của dân, không cầu được chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thì mà làm, có thu được quân lính một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước » (1).

Nhiều nước láng giềng với Trung quốc cũng đã từng bị Trung quốc gây hấn, lấn chiếm đất đai. Năm 1962 trong cuộc chiến tranh biên giới Trung – Ấn, Trung quốc đã (và đang còn) chiếm giữ 37 500 km² đất đai thuộc vùng Ca-sơ-mia của Ấn độ. Năm 1969, Trung quốc gây ra các cuộc xung đột vũ trang ở biên giới Xô – Trung nhằm mục đích chính trị vì lợi ích riêng tư của họ, trong đó có cả mưu đồ lấn chiếm đất đai, nhưng đã bị các lực lượng vũ trang Xô viết đánh bại.

Ở nước ta ngay trong thời kỳ có mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước, Trung quốc cũng đã lợi dụng tình hữu nghị và thiện chí của ta, lấn chiếm nhiều điểm trên biên giới, dưới nhiều hình thức khác nhau. Đặc biệt là từ sau thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn tháng

(1) Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb khoa học xã hội, Hà nội, 1967, tập II, tr. 80.



Digitized by Google

2-1979 cho đến nay, không từ bỏ âm mưu và hành động bành trướng, bá quyền của mình, đi đôi với những hành động phá hoại nhiều mặt, bọn phản động Trung quốc vẫn tăng cường sức ép quân sự ở phía bắc nước ta bằng cách duy trì lực lượng quân sự lớn áp sát biên giới, vượt biên xâm nhập lãnh thổ nước ta trinh sát, tiến hành chiến tranh tâm lý, gián điệp. Sau khi rút chạy tháng 2-1979, chúng vẫn tiếp tục chiếm giữ một số điểm cao lấn sang đường biên phía ta để giành lợi thế quân sự, như ở huyện Văn lãng, tỉnh Lạng sơn, huyện Mường khương, tỉnh Hoàng liên sơn. Chúng còn tiến công quân sự lấn chiếm thêm từng điểm đến một số điểm nằm trong lãnh thổ ta như điểm cao 1992 thuộc huyện Xín mần, tỉnh Hà tuyên (15-10-1980), điểm cao 400 thuộc huyện Cao lộc, tỉnh Lạng sơn (4-5-1981), các điểm cao 1800A, 1800 B thuộc huyện Vị xuyên, tỉnh Hà tuyên (23-5-1981). Chúng khiêu khích, bắn phá các mục tiêu kinh tế— dân cư ở sâu trong đất ta trên dưới 10km trong năm 1982 và 1983.

Sang năm 1984, Trung quốc đẩy mạnh việc gây sức ép quân sự lên thành đợng chiến tranh lấn chiếm. Tiếp theo những đợt pháo kích ác liệt, kéo dài từ ngày 2 đến ngày 27 tháng 4 vào các điểm dân cư nằm sâu trong đất ta, đồng thời tổ chức các cuộc tiến công cấp tiểu đoàn, trung đoàn vào các điểm tựa phòng ngự của bộ đội biên phòng ta bị thất bại, 5 giờ 30 ngày 28-4-1984, địch đã tập trung binh lực lớn (gồm nhiều sư đoàn, quân đoàn chủ lực thuộc đại quân khu Côn minh) với hơn 200 khẩu pháo cối hạng nặng, tiến công lấn chiếm nhiều điểm tựa phòng ngự của bộ đội ta trong khu vực hai xã Thanh đức và Thanh thủy, huyện Vị xuyên, tỉnh Hà tuyên. Tiếp đó, ngày 30-4 chúng lấn chiếm thêm điểm tựa Núi bạc thuộc xã Pu lũng, huyện Yên minh và ngày 15-5 lấn chiếm điểm cao 1030 thuộc xã Minh tân, huyện Vị xuyên, tỉnh Hà tuyên. Quân và dân tỉnh Hà tuyên đã anh dũng chiến đấu chống địch lấn chiếm để giữ và giành lại từng tấc đất của Tổ quốc. Chiến sự diễn ra ngày càng ác liệt, tập trung chủ yếu nhất vào hai xã Thanh đức và Thanh thủy, huyện Vị xuyên, nơi mà sau khi lấn chiếm được một số điểm, địch đã trắng trợn tuyên bố đó là vùng đất Lão sơn và Dã âu sơn của chúng. Trên mảnh đất này, tiếng súng có lúc rộ lên quyết liệt, có lúc tạm thời lắng dịu nhưng không ngày nào pháo cối hạng nặng của địch ngừng bắn. Có ngày chúng bắn tới 5 vạn viên đạn cỡ lớn để chi viện cho bộ binh tiến công mở rộng khu vực lấn chiếm. Chúng đã thường xuyên tập trung trong khu vực này một lực lượng 8 sư đoàn, một số trung đoàn độc lập và các đơn vị binh chủng kỹ thuật với số quân lên tới trên 10 vạn tên để củng cố và mở rộng khu vực lấn chiếm. Trong 18 tháng qua, bị đánh tổn thất nặng, sa lầy, bị động, lực lượng đại quân khu Côn minh không đủ sức thực hiện kế hoạch của chúng, địch đã buộc phải điều động các lực lượng dự bị khoảng 7 sư đoàn từ các đại quân khu ở hậu phương xa phía sau như Vũ hán, Nam kinh, Tế nam ra luân phiên tác chiến.

## II — Thực chất về dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch.

Gần hai năm qua, chúng ta đã thật sự phải đương đầu với một dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới kéo dài do chính sách bành trướng của một nước lớn có chung với ta đường biên giới đất liền dài 1463 km. Đây



Digitized by Google

chưa phải là cuộc chiến tranh tổng lực nhằm thôn tính ngay nước ta, chưa phải là lúc « quân địch ầm ầm tràn đến như lửa, như gió » như ông cha ta đã nói, mà chính là lúc địch dùng "chước tằm ăn lá dâu, không cần mau thắng". Đó là cuộc chiến tranh không kém phần nguy hiểm, đòi hỏi chúng ta phải có mưu lược sắc bén, kịp thời để giải quyết đúng với tầm cỡ chiến lược của một cuộc chiến tranh. Không nên nghĩ rằng có thể đánh một trận là xong, xem thường âm mưu, thủ đoạn của địch trong dạng chiến tranh này, rồi sinh ra nóng vội, chủ quan khinh địch, dẫn đến tổn thất không đáng có.

Trước khi đi tới thắng lợi hoàn toàn với tổn thất ít nhất, cuộc chiến đấu mới này của chúng ta sẽ là một cuộc chiến đấu *giằng co, quyết liệt, kéo dài, phức tạp về mặt chính trị, ác liệt về mặt quân sự*. Phức tạp về mặt chính trị, là vì kẻ thù trong khi vừa tiến công xâm lấn đất đai ta, vừa tìm mọi cách bưng bít dư luận, xuyên tạc sự thật, chia rẽ ta với bạn bè gần xa, lừa dối binh sĩ để đẩy họ ra chiến trường thi mạng cho chính sách thù địch của chúng đối với nhân dân ta. Ác liệt về mặt quân sự, là vì địch tập trung đông quân, nhiều pháo vào khu vực hẹp, tiến công lấn chiếm đến đâu thì củng cố công sự vững chắc đến đó, lập thành trận địa phân tuyến, tổ chức đội hình nhiều thê đội nối tiếp nhau đánh sang đất ta ở phạm vi, khu vực không rộng, chưa sâu (ví dụ như ở khu vực địch lấn chiếm một số điểm thuộc hai xã Thanh đức, Thanh thủy có chiều dài 12 km dọc đường biên và điểm chúng lấn sâu vào đất ta khoảng 2–3 km). Địch còn có lực lượng dự bị mạnh, bố trí chủ yếu trên đất của chúng, gây khó khăn cho ta trong chiến đấu nhằm tiêu diệt gọn các đơn vị quân lấn chiếm. Như vậy, thực tế của cuộc chiến đấu phức tạp và ác liệt này đặt ra cho chúng ta nhiều suy nghĩ mới và không thể bằng lòng với những kinh nghiệm đã có trong đánh Pháp, đánh Mỹ, mà phải luôn luôn kịp thời rút kinh nghiệm, tìm cách đánh phù hợp, có hiệu quả cao để giành thắng lợi ngày càng lớn, tiến tới đánh bại cuộc chiến tranh đó.

Đến nay, chúng ta có thể nói : *dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới* mà địch đang tiến hành ở phía bắc nước ta là một phương thức chiến tranh khác thường, được kết hợp với *kiểu chiến tranh phá hoại* ngấm ngầm về nhiều mặt của địch đối với cả nước ta. Là phương thức khác thường, vì địch đã sử dụng binh lực quy mô lớn, tổ chức chỉ huy chặt chẽ với nhiều trận đánh ác liệt, nhiều đợt hoạt động tác chiến liên tục dài ngày nhằm đạt mục tiêu chính trị, chiến lược theo âm mưu của chúng. Đây không còn là những hành động phá hoại lẻ tẻ, ngấm ngầm, nhằm vào các mục tiêu quân sự của ta như chúng đang thực hiện bằng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt. Dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới và kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt là hai phương thức mà kẻ địch kết hợp tiến hành trong âm mưu chung nhằm làm suy yếu, tiến tới thôn tính nước ta. Hơn nữa, dạng chiến tranh lấn chiếm biên giới ở phía bắc nước ta không còn là những cuộc xung đột vũ trang lẻ tẻ hoặc tranh chấp biên giới thông thường. Nó là một cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của nhà cầm quyền Trung quốc. Nó là phương thức được họ lựa chọn trong tình hình chiến tranh phá hoại nhiều mặt đang tiến hành, không đủ sức ép buộc chúng ta phải thay đổi đường lối, và chiến tranh tổng lực xâm lược thôn tính chưa có điều kiện và thời cơ để họ phát động.



Digitized by Google

Trong cuộc chiến đấu mới chống dạng chiến tranh lấn chiếm này, chính nghĩa thuộc về ta. Chúng ta chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quyết không chịu khuất phục trước bất kỳ kẻ thù nào. Hơn ai hết nhân dân ta, dân tộc ta sau hơn 30 năm chiến tranh đầy gian khổ, hy sinh, không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là có hòa bình để xây dựng cuộc sống yên ổn, ấm no của mình, và mong muốn thương lượng để giải quyết các vấn đề tồn tại giữa hai nước. Song sự mong muốn đó đến nay vẫn chưa được đáp ứng.

Trong hoàn cảnh của nhân dân ta như vậy, ai có thể tin được luận điệu của các cơ quan tuyên truyền Trung quốc thường tung ra : « Việt nam xâm lấn đất đai của Trung quốc. Quân Trung quốc phải phản kích để tự vệ ». Đó thật sự là những luận điệu xuyên tạc, vu khống nhằm lừa bịp, che đậy những âm mưu và hành động xâm lược của nhà cầm quyền Bắc kinh khi mà họ đưa 60 vạn quân sang tiến công nước ta hồi tháng 2-1979, và hiện nay họ vẫn tiếp tục đưa quân tiến công lấn chiếm biên giới phía bắc nước ta. Chính những sĩ quan Trung quốc khi giải thích cho binh lính của họ đã buộc phải nói lên sự thật : « Đất đai phía bên kia là thuộc Việt nam, song ta phải chiếm giữ để bảo vệ phòng tuyến của ta » (lời khai của các tù binh Trung quốc).

Rõ ràng cuộc chiến đấu mới của ta chống chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch hiện nay là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh nhằm giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta cũng như của nhân dân ba nước Đông dương với chính sách bành trướng thù địch, phản bội chủ nghĩa xã hội của nhà cầm quyền Bắc kinh và đội quân tay sai của họ. Cuộc đấu tranh này còn kéo dài khi mà nhà cầm quyền Bắc kinh chưa thay đổi chính sách thù địch của họ đối với nhân dân ta. Chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo và cảnh giác ngay cả trong khi cuộc đấu tranh lắng dịu, tạm thời hòa hoãn.

## III — Niềm tin ở thắng lợi của cuộc chiến đấu mới.

Trải qua 18 tháng chiến đấu gian khổ, ác liệt ở các khu vực địch đang lấn chiếm, quân và dân ta, đặc biệt là quân và dân tỉnh Hà tuyên đã giành được thắng lợi hết sức quan trọng.

Ta đã tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 2 vạn tên, đánh thiệt hại nặng nhiều trung đoàn, tiểu đoàn địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng (phá hỏng trên 400 khẩu pháo, cối và trên 200 xe quân sự các loại).

Do bị đánh trả quyết liệt và bị tổn thất nặng, binh lính và sĩ quan cấp dưới của địch, mặc dù bị lừa gạt, bị nhồi sọ tư tưởng bá quyền nước lớn, nhưng trước sự ác liệt của chiến tranh và sự khắc nghiệt của khí hậu ở vùng biên giới (nhất là đối với quân phương Bắc mới tới, như quân của các quân khu Nam kinh, Vũ hán, Tế nam), đã có những biểu hiện giao động, ngại hy sinh, gian khổ, không tin đánh được Việt nam, hoài nghi cấp trên của họ.

Ta đã kịp thời tìm ra cách đánh phù hợp, linh hoạt, có hiệu quả, bước đầu làm thất bại các thủ đoạn, cách đánh của địch, phá thế trận địa phòng tuyến của chúng, buộc địch phải



Digitized by Google

bị động đối phó, sa lầy. Ta đã khôi phục được từng phần đất đai bị địch lấn chiếm, đánh bại được một bước âm mưu của địch định mở rộng vùng lấn chiếm ngay trong khu vực chúng đã lấn chiếm và mở rộng lấn chiếm sang các khu vực khác trên tuyến biên giới, nhất là trong thời gian đầu năm 1985 khi chúng có ý đồ muốn dạy cho Việt nam « bài học thứ hai ».

Trên cơ sở những thắng lợi bước đầu rất quan trọng đã giành được, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, lại được sự chỉ đạo, chỉ huy sát sao, cụ thể của các cấp Đảng, chính quyền các địa phương, các đơn vị, sự ủng hộ, chi viện tích cực, to lớn của hậu phương cả nước, quân và dân ta trên dải biên giới phía bắc của Tổ quốc sẽ tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân tại chỗ để giành thắng lợi.

Bộ đội ta, lực lượng nòng cốt chiến đấu đã được rèn luyện trong các cuộc chiến tranh trước đây, nay lại được thử thách trong thực tế chiến đấu chống dạng chiến tranh lấn chiếm này của địch, có thêm kinh nghiệm mới, có đội ngũ cán bộ chỉ huy dày dạn chiến đấu, xông xáo, sâu sát ; lại có công tác bảo đảm tác chiến, hậu cần và kỹ thuật chu đáo, kịp thời, có công tác chính trị tư tưởng được tiến hành tỉ mỉ tận cơ sở đội. Nhân dân ta bình tĩnh, vững vàng, khắc phục mọi khó khăn, vừa bảo đảm sản xuất, đời sống, vừa hăng hái tham gia chiến đấu cùng bộ đội. Quân với dân đoàn kết một lòng, cùng một ý chí. Đó là những nhân tố bảo đảm cho chúng ta đánh thắng dạng chiến tranh lấn chiếm của địch, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo đảm cả nước yên ổn xây dựng, thực hiện tốt đẹp nghĩa vụ quốc tế của mình.

Trong những năm tới, tình hình có thể diễn biến phức tạp. Quân và dân ta, trực tiếp là quân và dân trên tuyến 1 quyết tiếp tục đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đánh bại mọi hành động phiêu lưu mới của địch.



Digitized by Google

# THẤU SUỐT TINH THẦN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ THỨ 8 CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Từ tháng 4 tới nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước ta sôi nổi thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), tiến hành bù giá vào lương, chuyển hướng hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và tăng cường quản lý thị trường, thực hiện đổi tiền, thực hiện chính sách lương mới, bắt đầu thực hiện chính sách giá mới, thay đổi cơ chế quản lý kinh tế theo hướng xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Việc thu đổi tiền cũ, phát hành tiền mới, thay đổi đơn vị tiền tệ, đã tạo được thế chủ động mới của Nhà nước về nguồn tiền mặt, làm cho Nhà nước nắm được sự phân bố tiền mặt trong xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để làm tốt công tác quản lý tiền tệ, thực hiện cải cách giá cả và tiền lương, thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Việc bù giá vào lương và tiếp đó là việc thực hiện chính sách mới về tiền lương, đã giảm bớt được một phần những khó khăn về đời sống của người hưởng lương, cải thiện một phần tình hình tái sản xuất sức lao động của họ, thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối theo lao động.

Việc mua bán các hàng tiêu dùng thiết yếu theo một giá gần sát giá thị trường tạo điều kiện cho Nhà nước mua lương thực và nông sản khác được khá hơn; hoạt động kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bắt đầu chuyển biến theo chiều hướng tốt; các hiện tượng tiêu cực trong phân phối lưu thông giảm bớt.

Qua việc phấn đấu thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương và nghị quyết số 28 của Bộ chính trị về giá, lương, tiền, các ngành, các cấp đã nâng cao đáng kể năng lực quản lý kinh tế, nhất là chỉ đạo công tác phân phối lưu thông. Công tác quản lý sản xuất, kinh doanh trong xí nghiệp quốc doanh ở một số nơi có những tiến bộ bước đầu. Công tác quản lý lao động ở nhiều cơ sở quốc doanh cũng có tiến bộ. Nhiều thành phố, nhiều tỉnh có cố gắng mới trong công tác cải tạo và quản lý thị trường, cải tạo tư thương, sắp xếp lại các chợ, các ngành hàng, tăng cường kiểm kê hàng hóa, kiểm soát giá cả, thực hiện tốt hơn chính sách thuế, kiên quyết chống đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp. Mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng. Phương thức kinh doanh, phục vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được cải tiến.

Một số nơi đã đưa tiền lương mới vào giá thành, mở thí điểm tính đủ và đúng chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm, thực hiện trả lương khoán theo định mức tiền lương mới, trả lương theo doanh số đối với mậu dịch viên,... đi đôi với sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh ở cơ sở. Qua việc phấn đấu thực hiện nghị quyết, các nơi đã thu được kinh nghiệm tốt về cải tiến quản lý kinh tế, loại trừ các chi phí bất hợp lý, nâng cao năng suất lao



Digitized by Google

động, giảm tiêu hao vật tư, hạ giá thành sản phẩm.

Nhiều tỉnh, thành đã chuẩn bị được phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bỏ bớt những tổ chức đã rõ là bất hợp lý, bỏ những cấp trung gian không cần thiết, chuyển một số cán bộ, nhân viên ở các cơ quan hành chính và ở bộ phận gián tiếp trong bộ máy quản lý sang trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Một số tỉnh, thành đã phân loại, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, có kế hoạch thay thế những người không đảm đương được nhiệm vụ, tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm về hạch toán và kinh doanh cho cán bộ quản lý chủ chốt của các xí nghiệp, cửa hàng, công ty.

Việc phấn đấu thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương và những kết quả đã thu được chứng tỏ hiện nay đang có một sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy kinh tế của đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta.

Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương đã thu được những kết quả về nhiều mặt. Tuy vậy, cũng có những nhược điểm và thiếu sót. Công tác cải tạo và quản lý thị trường còn nhiều mặt yếu. Việc chấn chỉnh tổ chức, mở rộng và chuyển hướng hoạt động kinh doanh, phục vụ của thương nghiệp quốc doanh còn chậm. Việc trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp ở nhiều nơi chưa thật nghiêm. Nhà nước chưa thật sự làm chủ được thị trường. Giá cả có những diễn biến phức tạp. Công tác chuẩn bị cho việc thực hiện một số chủ trương, chính sách của Nhà nước thiếu chu đáo. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa chủ động sắp xếp lại tổ chức, tinh giản bộ máy, bố trí lại cán bộ trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm, và khả năng của mình theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương. Khó khăn chung của các địa phương và các ngành là giải quyết việc làm và đời sống cho những người dôi ra ngoài biên chế. Thêm vào đó, những thiệt hại nghiêm trọng do lũ lụt gây ra làm cho nhiều địa phương gặp khó khăn hơn. Đây là những khó khăn tạm thời. Có biện pháp đúng đắn, với tinh thần phấn đấu kiên cường, chúng ta nhất định sẽ vượt qua được những khó khăn đó.

Xóa bỏ cơ chế quản lý cũ, xây dựng cơ chế quản lý mới là một quá trình phấn đấu, toàn diện, toàn bộ, kiên quyết, khẩn trương, có bước đi vững chắc. Các nguyên tắc chỉ đạo công tác giá, lương, tiền mà nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương đề ra là hoàn toàn đúng, phải tiến lên thực hiện đầy đủ; song trong tình hình kinh tế cụ thể trước mắt phải tiến hành từng bước cho phù hợp.

★

Tiếp tục thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương là công tác trung tâm của toàn Đảng và toàn dân ta trong thời gian trước mắt. Muốn cho nghị quyết đó của Đảng được thực hiện tốt, các cấp, các ngành, toàn thể cán bộ và đảng viên cần nắm vững và quán triệt quan điểm cơ bản của nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng. Đồng thời phải nắm vững và quán triệt tinh thần nghị quyết số 28 của Bộ Chính trị là nghị quyết cụ thể hóa việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương trong thời gian trước mắt.

Quan điểm cơ bản của nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng là kiên quyết xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm. Thực hiện chính sách mới về giá, lương, tiền là khâu đột



Digitized by Google

phải có tính quyết định. Phải xóa bỏ cơ chế quan liêu – bao cấp với quyết tâm cao, xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới một cách năng động, thận trọng nhưng không chần chừ và do dự.

Chúng ta thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng trong tình hình phức tạp: kinh tế – xã hội chưa ổn định; sản xuất chưa phát triển vững chắc; nền kinh tế còn mất cân đối; thương nghiệp và giá cả biến động phức tạp; giá thành sản phẩm chưa được xác định đúng; sức mua của quần chúng còn hạn chế v.v.

Việc tính đủ chi phí sản xuất, xóa bỏ bao cấp, xóa bỏ bù lỗ trong nền kinh tế quốc dân là một quá trình phấn đấu phức tạp. Để đạt được kết quả vững chắc, chúng ta phải thực hiện từng bước cho phù hợp với tình hình cụ thể trước mắt. Cơ chế bao cấp được duy trì và kéo dài hàng chục năm, giờ đây xóa bỏ nó là một việc không dễ dàng, không thể thực hiện trong chốc lát hoặc bằng cách ban bố một mệnh lệnh là xong được. Điều chỉnh giá cả và cải tiến tiền lương không thể chỉ một lần là xong vì điều kiện cụ thể chưa cho phép xóa sạch ngay bao cấp trong một lúc.

Hoàn cảnh đó đòi hỏi phải có bước đi thích hợp để bảo đảm kết quả vững chắc, tránh gây ra những biến động xấu dẫn đến tình hình kinh tế – xã hội thêm mất ổn định. Phải có hình thức và biện pháp phù hợp để từng bước thay đổi dần, tạo điều kiện tiếp tục tiến lên thực hiện đầy đủ các nguyên tắc mà nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng đã đề ra.

Đối với những cái chưa thể xóa bỏ ngay thì phải tạm thời chấp nhận như biện pháp quá độ. Tuy nhiên, đối với những cái có thể xóa bỏ ngay thì không chần chừ do dự hoặc viện lý do vì hoàn cảnh khó khăn để duy trì, gây ra trì trệ, làm chậm bước tiến trong việc xây dựng cơ chế mới về quản lý kinh tế. Bước đi phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể không những là bước đi vững chắc mà là bước đi nhanh nhất vì nó giúp ta tránh khỏi phải qua nhiều đường vòng.

Điều chỉnh giá cả, đồng thời phải sửa đổi kịp thời nền nếp quản lý giá, có biện pháp điều hành và phân cấp quản lý giá một cách năng động, nhanh nhạy để kịp thời kích thích sản xuất phát triển. Giải quyết giá cả đồng thời phải cải tiến tiền lương một cách tương ứng, sử dụng đòn bẩy quan trọng này để thực hiện phân phối theo lao động, tạo thành một động lực thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất lao động. Cải tiến công tác tài chính và tín dụng, quản lý tốt lưu thông tiền tệ, kịp thời mở rộng quyền chủ động cho các xí nghiệp để xóa bỏ mọi sự ràng buộc do cơ chế quan liêu – bao cấp đẻ ra.

Cơ chế quản lý hiện nay chưa bảo đảm quyền chủ động của xí nghiệp. Mặc dù nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng đã đề ra phương hướng mở rộng quyền chủ động cho cơ sở sản xuất và kinh doanh, nhưng các chính sách vẫn chưa được sửa đổi kịp thời để thúc đẩy phát triển sản xuất của các xí nghiệp. Do đó, giải quyết các vấn đề về giá – lương – tiền phải được gắn chặt với việc chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm *quyền chủ động sản xuất cho xí nghiệp*.

Giá cả phải phù hợp với giá trị và sức mua thực tế của đồng tiền. Phải chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung cầu. Hiện nay Nhà nước ta lấy giá thóc làm chuẩn. Giá mua thóc và các nông sản khác được quyết định trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và nông dân.

Về vật tư và sản phẩm công nghiệp, việc định giá rất phức tạp. Theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 8 của



Digitized by Google

Trung ương Đảng, phải tính đủ và tính đúng các chi phí sản xuất vào giá thành sản phẩm. Song, do nhiều nguyên nhân cho nên trong các yếu tố của chi phí sản xuất còn nhiều mặt không hợp lý, hao phí lao động quá khứ và lao động sống còn quá cao, đã đưa lại năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và kinh doanh rất thấp. Việc tính toán giá thành rất khó chính xác, nếu chúng ta cứ máy móc tính đủ theo giá mới và tiền lương mới thì giá thành sẽ lên cao vọt. Từ đó, giá thành hàng công nghiệp «đội» giá thị trường, sẽ đẩy giá thị trường lên cao hơn nữa, xã hội không thể chấp nhận. Như vậy, mặt bằng giá mới dựa trên giá thóc làm chuẩn cũng sẽ bị phá vỡ. Nếu giải quyết bằng cách đặt giá bán sản phẩm thấp xa so với chi phí sản xuất thì ngân sách Nhà nước phải bù lỗ rất lớn, vấn đề bao cấp vẫn tồn tại.

Trước tình hình thực tế phức tạp đó, chúng ta cần phải sử dụng biện pháp quá độ. Căn cứ vào mặt bằng giá và quan hệ tỷ giá hình thành trên thị trường xã hội để định giá vật tư nhập khẩu và giá các tư liệu sản xuất chủ yếu khác, sao cho giá thành và giá tiêu thụ, giá bán lẻ các loại hàng công nghiệp tiêu dùng và giá dịch vụ của Nhà nước không vượt quá khả năng sức mua của xã hội, không «đội» giá thị trường quá mức có thể chịu đựng, không làm đảo lộn các mối quan hệ kinh tế chủ yếu, đặc biệt là quan hệ công — nông, quan hệ giữa giá cả và tiền lương.

Như vậy, cách giải quyết về điều chỉnh giá lần này chưa hoàn toàn xóa bỏ được bao cấp; ngân sách còn phải tiếp tục bù lỗ, tuy mức bù lỗ ít hơn trước. Trước mắt, điều rất quan trọng là kiên quyết phấn đấu giữ cho được hệ thống giá mới và mặt bằng giá mới, vì có giữ được giá mới, mới tạo điều kiện ổn định sản xuất, bảo đảm tiền lương thực tế, ổn định đời sống nhân dân.

Trong hoàn cảnh đất nước đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế, Đảng và Nhà nước đã có nhiều cố gắng để bảo đảm cho người hưởng lương sống chủ yếu bằng tiền lương, tái sản xuất được sức lao động. Chế độ tiền lương mới đã xóa bỏ việc cung cấp hiện vật theo định lượng với giá bù lỗ do bao cấp sinh ra.

Tuy nhiên, hiện nay sản xuất phát triển chậm, hàng hóa tiêu dùng chưa đủ, cho nên việc định lượng vài loại hàng hóa bán theo sổ hoặc phiếu để bảo đảm chính sách tiêu dùng là cần thiết. Trong chế độ tiền lương mới, chúng ta đã xóa bỏ phần tiền lương hiện vật mang tính bao cấp đối với bộ phận quan trọng nhất là những mặt hàng cung cấp qua thương nghiệp, còn một loại cung cấp hiện vật khác như nhà ở, thuốc chữa bệnh,... chưa được tính vào tiền lương, cho nên chưa bảo đảm hoàn toàn công bằng hợp lý theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Tất nhiên, ai cũng biết điều đó là không hợp lý, nhưng hiện nay chưa thể giải quyết ngay được vì khả năng về tài chính của đất nước còn hạn chế.

Trong chế độ tiền lương mới, quan hệ về tiền lương và phụ cấp giữa các ngành nghề, ngạch bậc được sắp xếp lại theo nguyên tắc phân phối theo lao động, đã chú ý các ngành nghề quan trọng, kỹ thuật và tay nghề phức tạp, lao động nặng nhọc, độc hại, các vùng xa xôi hẻo lánh, ưu đãi đối với lực lượng vũ trang, nghiệp vụ y tế, giáo dục, đồng thời quy định phụ cấp thỏa đáng hơn đối với cán bộ xã, phường...

Với hệ số chênh lệch giữa mức lương tối đa và tối thiểu của chế độ tiền lương mới, chúng ta chỉ mới khắc phục một phần tình bình quân bất hợp lý trong tiền lương. Chúng ta cần ra sức đẩy mạnh phát triển sản



Digitized by Google

xuất, nâng cao năng suất lao động để làm cho tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân không ngừng tăng lên. Có như thế chúng ta mới có điều kiện vật chất để cải tiến chế độ tiền lương thêm một bước nữa.

Việc điều chỉnh hệ thống giá cả và cải tiến chế độ tiền lương là một cuộc cải cách rất quan trọng. Nó mở đầu cho việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng. Đây là bước đầu chống cơ chế quản lý theo lối quan liêu—bao cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới các khâu trong cơ chế quản lý, chuyển toàn bộ hoạt động kinh tế sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cuộc cải cách này tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của đất nước. Nó có ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân. Mọi tầng lớp trong xã hội đều quan tâm đến việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng. Bọn địch cũng tìm cách lợi dụng những sơ hở của ta để hòng phá hoại ta. Vì vậy chúng ta phải thực hiện nghị quyết của Đảng với tinh thần kiên quyết nhưng thận trọng, có bước đi vững chắc, đồng thời nâng cao cảnh giác đối với những hoạt động phá hoại của địch.

★

Để tiếp tục thực hiện tốt nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng, các đảng bộ các cấp cần phải làm tốt công tác tư tưởng và công tác tổ chức, phát động phong trào cách mạng của quần chúng, tăng cường công tác kiểm tra, cải tiến cách làm việc.

Công tác tư tưởng cần phải làm cho toàn Đảng, toàn dân hiểu rõ tinh thần và nội dung nghị quyết của Trung ương, trên cơ sở đó làm cho mọi người đoàn kết nhất trí, ra sức nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng. Cần giải thích kịp thời cho mọi người hiểu rõ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giá, lương, tiền, về quản lý thị trường. Cần giải đáp kịp thời các thắc mắc và uốn nắn những nhận thức không đúng của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Qua phổ biến, giáo dục và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà nâng cao nhận thức tư tưởng, phát huy tinh thần chủ động, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện và vận động quần chúng thực hiện nghị quyết.

Về công tác tổ chức, cần đối chiếu với tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương mà soát lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, biên chế của các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở, sửa đổi, bổ sung những quy định đã có, sắp xếp lại tổ chức, giảm nhẹ biên chế, làm cho bộ máy gọn nhẹ mà có hiệu lực. Cần có biện pháp cụ thể và thỏa đáng để giải quyết việc làm cho những người chuyển ra ngoài biên chế.

Để phát động một phong trào quần chúng mạnh mẽ thực hiện nghị quyết, cần tăng cường giáo dục chính trị cho quần chúng, làm cho quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình trong sản xuất, mua bán và dịch vụ, cũng như trong việc kiểm tra hoạt động của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng là một động lực mạnh mẽ để xóa bỏ cơ chế quản lý cũ, xây dựng cơ chế quản lý mới.

Kiểm tra là công tác rất quan trọng để bảo đảm cho nghị quyết được thực hiện. Có kiểm tra mới biết được các ngành và địa phương có thực hiện nghị quyết hay không, có làm đúng nghị quyết hay không. Qua kiểm tra Đảng và Nhà nước phát hiện và xử



Digitized by Google

lý kịp thời những vấn đề mới nảy sinh, uốn nắn những lệch lạc. Có kiểm tra, Đảng và Nhà nước mới có thể sửa đổi và bổ sung các chính sách đã có, đề ra những chủ trương và chính sách mới để thực hiện nghị quyết của Đảng có hiệu quả hơn.

Việc xóa bỏ cơ chế cũ, xây dựng cơ chế mới, việc quản lý theo lối hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, là việc rất phức tạp, đòi hỏi sự chỉ đạo tập trung, chặt chẽ, linh hoạt, khẩn trương. Vì vậy các cấp, các ngành cần phải có cách làm việc mới, năng động, cụ thể, thiết thực. Có cải tiến cách làm việc thì các cấp các ngành mới có thể thực hiện nghị quyết của Đảng về xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế quản lý hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Để thấu suốt và nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng, cần khắc phục hai khuynh hướng tư tưởng sai lầm sau đây:

Một là *nóng vội*, muốn làm ngay một lúc cho xong, không hiểu rằng việc xóa bỏ cơ chế cũ, thực hiện cơ chế mới về quản lý kinh tế là một quá trình, phải tiến hành từng bước vững chắc.

Hai là *do dự, chần chừ* gặp những khó khăn trong việc thực hiện nghị quyết thì lùi lại, muốn duy trì cơ chế quản lý cũ cùng với tính bảo thủ, trì trệ của nó.

Cuộc vận động xóa bỏ cơ chế quản lý cũ, quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế quản lý mới, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, là một cuộc vận động có ý nghĩa cách mạng sâu sắc về quản lý kinh tế. Toàn Đảng toàn dân ta, nắm vững tinh thần nghị quyết của Trung ương và nghị quyết của Bộ chính trị, tăng cường đoàn kết, nêu cao ý chí cách mạng tiến công, kiên quyết phấn đấu, vượt mọi khó khăn, ra sức thực hiện các nghị quyết của Đảng và các chính sách của Nhà nước, nhất định sẽ tạo ra được một sự chuyển biến mới, tốt đẹp, trong nền kinh tế quốc dân và trong cục diện cách mạng của chúng ta.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN



Digitized by Google

# Phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của việc cải tiến tiền lương

TÙNG VÂN

Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) căn cứ tình hình kinh tế – xã hội nước ta hiện nay, đã ra nghị quyết về giá – lương – tiền, nhằm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp trong giá cả và tiền lương, coi đây là khâu *đột phá* có tính quyết định để chuyển nền kinh tế sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện Nghị quyết trên, tháng 9 vừa qua, Nhà nước đã *ban hành chế độ tiền lương mới, đồng thời điều chỉnh hệ thống giá của Nhà nước.*

Tiền lương là nguồn sống chính của hàng chục triệu người lao động ở nước ta. Tiền lương không chỉ là vấn đề đời sống mà còn là yếu tố của sản xuất và là đòn bẩy mạnh mẽ đối với sản xuất. Tiền lương là hình thức trả công theo nguyên tắc phân phối theo lao động, tức là phân phối vật phẩm tiêu dùng cá nhân cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động đã đóng góp cho xã hội, thúc đẩy người lao động quan tâm đầy đủ đến sản phẩm làm ra, đến năng suất lao động. V. I. Lê-nin đã từng nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của nguyên tắc khuyến khích lợi ích vật chất gắn chặt với kết quả lao động và năng suất lao động, phản đối cách kêu gọi người lao động làm việc chỉ bằng các khẩu hiệu suông, mà phải « bằng cách khêu gợi hứng thú cá nhân, lợi ích cá nhân, bằng cách áp dụng nguyên tắc kinh tế hạch toán » (1).

Thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động để bắt buộc mọi người lao động làm việc với năng suất và hiệu quả cao, rèn luyện ý thức trách nhiệm, thái độ lao động và kỷ luật lao động, khắc phục tính bình quân trong phân phối, bài trừ những tư tưởng và thái độ tiêu cực trong lao động.

Tuy nhiên, trong một thời gian dài, chế độ tiền lương của ta không phản ánh đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động, mang nặng tính *bao cấp*, tính *bình quân*, làm giảm nhiệt tình lao động, gây ra trì trệ trong sản xuất, không kích thích cải tiến kỹ thuật và thúc đẩy phát triển sản xuất.

*Tiền lương thực tế* ngày càng giảm, không đủ tái sản xuất sức lao động, làm cho chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các tầng lớp dân cư, ngành nghề và các vùng trở nên không hợp lý. Do vấn đề tiền lương chậm được giải quyết, cho nên đã xảy ra tình hình có nhiều cách trả lương, trả thưởng và mức tiền lương, tiền thưởng cũng chênh lệch nhau một cách không hợp lý, làm cho hệ

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Nga, xuất bản lần thứ tư, tập 33, tr. 29–37.



Digitized by Google

thống tiền lương mất tính thống nhất, ảnh hưởng đến tính thống nhất của giá cả và làm tăng thêm khó khăn cho công tác phân phối lưu thông. Điều đó đòi hỏi Nhà nước phải cấp bách cải tiến chế độ tiền lương.

Chế độ tiền lương mới ban hành, áp dụng thống nhất trong cả nước kể từ ngày 1-9-1985, được xây dựng theo các nguyên tắc được đề ra trong nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V): « Tiền lương thực tế phải thực sự bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng tiền lương, tái sản xuất được sức lao động và phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân. Tiền lương phải gắn chặt với năng suất và chất lượng, hiệu quả lao động, phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Thực hiện trả lương bằng tiền, có hàng hóa bảo đảm, xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hóa. Phải thực hiện chế độ tiền lương thống nhất trong cả nước, có tính đến sự khác biệt hợp lý giữa các vùng và các ngành, ưu đãi thỏa đáng các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, có yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật cao, các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật. Chính sách về tiền lương nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang; phải xóa bỏ bao cấp, bình quân, chênh lệch bất hợp lý trong tiền lương, tiền thưởng trong cả nước ».

Dựa theo những nguyên tắc nêu trong nghị quyết nói trên, chế độ tiền lương mới đã thực hiện những sửa đổi căn bản, nhất là xóa bỏ phần lớn tính bao cấp và tính bình quân trong tiền lương. Chế độ tiền lương mới đã xác định lại mức lương tối thiểu nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng tối thiểu của người hưởng lương phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay. Với mức lương tối thiểu (220đ/tháng) cho vùng có giá sinh hoạt thấp nhất, mức sống của người ăn lương được bảo đảm khá hơn trước. Như vậy chế độ tiền lương mới đã bảo đảm cho *người hưởng lương tái sản xuất được sức lao động phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân.*

Chế độ tiền lương mới xóa bỏ việc cung cấp hiện vật theo định lượng và theo giá bù lỗ mang tính bao cấp. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hàng hóa còn khan hiếm như hiện nay, Nhà nước còn *duy trì chế độ bán theo định lượng* (sổ hoặc phiếu mua hàng) đối với một số mặt hàng thiết yếu: lương thực, chất đốt... Trong lúc tài chính còn khó khăn, Nhà nước chưa có thể làm ngay một lúc việc tính vào lương các loại hiện vật khác mà Nhà nước đã cung cấp như: nhà ở, thuốc men, xe cộ v.v.

Chế độ tiền lương mới đã giải quyết được một số bất hợp lý trong các mặt quan hệ tiền lương: quan hệ tiền lương chung; quan hệ tiền lương giữa các ngành trong khu vực sản xuất vật chất; quan hệ tiền lương giữa các ngành sự nghiệp hành chính; đồng thời sắp xếp lại các loại phụ cấp và tiền thưởng cho phù hợp với điều kiện mới và mức lương cơ bản đã thay đổi.

Việc cải tiến tiền lương lần này mới làm một bước, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng: nó bảo đảm được tái sản xuất sức lao động, bảo đảm được nguyên tắc phân phối theo lao động, ưu đãi các ngành nghề trong nền kinh tế quốc dân một cách thích đáng, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ tay nghề và lập lại trật tự tiền lương thống nhất trong cả nước. Việc trả lương hoàn toàn bằng tiền khiến cho người lao động làm chủ được đồng tiền lương của mình.

Trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, việc thi hành chế độ tiền lương mới là một *cố gắng lớn* của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện rõ sự



Digitized by Google

quan tâm săn sóc của Đảng và Nhà nước đối với đời sống của người lao động. Với chế độ tiền lương mới, đời sống của công nhân viên chức Nhà nước có cải thiện một bước đáng kể so với mức sống hiện nay, nhưng mức lương chỉ là *vừa phải* và mức chênh lệch còn *hẹp*. Do sự chênh lệch giữa tiền lương tối đa và tiền lương tối thiểu chỉ có 3,5 lần, Nhà nước mới khắc phục được một phần tính chất bình quân, bất hợp lý trong tiền lương.

Để phát huy tác dụng tích cực của chế độ tiền lương mới, mọi người *cần nâng cao tinh thần trách nhiệm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, đem hết khả năng lao động nâng cao không ngừng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả công tác, tạo nên một khí thế mới, một phong trào *thi đua lao động xã hội chủ nghĩa thật sự*, đưa nền sản xuất xã hội lên một bước phát triển mới, trên cơ sở đó ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Chế độ tiền lương mới là đòn bẩy kinh tế quan trọng để thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ, công cụ quản lý lao động và quản lý kinh tế tài chính có hiệu lực, khuyến khích người lao động tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế trong từng xí nghiệp, từng đơn vị sản xuất, và điều này sẽ dẫn tới việc nâng cao toàn bộ năng suất lao động xã hội, và đây chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. V.I. Lê-nin đã từng nói: « Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới » (2).

Để phát huy đầy đủ tác dụng đòn bẩy kinh tế của chế độ tiền lương mới, tạo điều kiện cho mọi người lao động và làm việc tốt, làm việc với năng suất và hiệu quả cao, cần thực hiện tốt một số biện pháp chính sau đây:

*1. Tổ chức sắp xếp lại sản xuất và tổ chức lao động trong phạm vi cả nước, trong từng ngành, từng địa phương và nội bộ từng xí nghiệp.*

Yêu cầu của việc sắp xếp lại sản xuất là từng cơ sở căn cứ vào phương án sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và xây dựng của ngành, của địa phương, đồng thời phân tích nguồn lao động hiện có, đề ra những biện pháp để *sử dụng hết số người và quỹ thời gian lao động* của từng đơn vị. Sắp xếp tại chỗ là chính, bố trí vào sản xuất là chính và bằng nhiều biện pháp tích cực, *duy trì và sử dụng hợp lý lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề và cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi*.

Gắn liền với việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất là phải *tổ chức lại lao động*, áp dụng các định mức lao động hợp lý, nghiên cứu các biện pháp để sử dụng có hiệu quả số lao động dôi ra trong các dây chuyền sản xuất. Rà soát bổ sung và sửa đổi các tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật ở mỗi ngành, mỗi cơ sở, xác định chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ, làm căn cứ để xếp lương cho cán bộ và viên chức. Tiến hành sắp xếp mức lương cấp bậc cho từng người lao động để khuyến khích đúng mức lao động và cống hiến của họ nhằm đoàn kết được mọi người, thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, thực hành sản xuất, tiết kiệm, giảm biên chế hành chính và gián tiếp. Trong việc sắp xếp mức lương, cần bảo đảm thực hiện đúng các nguyên tắc, các chính sách về chế độ tiền lương mới, bảo đảm sự công bằng hợp lý, không tùy tiện hạ thấp tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, hoặc tiêu chuẩn nghiệp vụ, bảo đảm quan hệ đúng đắn giữa cán bộ, nhân viên, tăng cường kỷ luật lao động, sự đoàn kết và lòng tin của mọi người để họ hăng say trong lao động và công tác.

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1968, tập 29, tr. 478.



Digitized by Google

Trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất và tổ chức hợp lý lao động, chúng ta có điều kiện nâng cao *tính chủ động của xí nghiệp* đối với việc quản lý lao động như: tiến hành định mức lao động và áp dụng các định mức lao động tiên tiến, đơn giá đúng đắn, hạch toán kinh tế chặt chẽ, kiểm tra kết quả lao động và thu nhập của từng người, khuyến khích bằng tiền lương, tiền thưởng một cách đúng mức. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, từ nay trở đi quỹ tiền lương phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị; do đó các đơn vị sản xuất kinh doanh phải gắn liền việc tổ chức trả lương với tổ chức sắp xếp lại sản xuất, tổ chức lao động hợp lý, áp dụng các định mức lao động có căn cứ khoa học và vận dụng có hiệu quả các hình thức và chế độ trả lương. Đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp, cần khẩn trương xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức để tạo ra chất lượng mới trong đội ngũ cán bộ, viên chức.

2. *Tăng cường quản lý thị trường và giá cả, kiên quyết chống mọi hoạt động đầu cơ, buôn lậu phá rối thị trường, nhằm bảo đảm tiền lương thực tế cho cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước.*

Để phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của chế độ tiền lương mới trong sản xuất và đời sống, điều *quan trọng nhất* là bằng mọi biện pháp *kinh tế hành chính*, Nhà nước phải *bảo đảm cho được tiền lương thực tế* của cán bộ, công nhân viên chức. Chỉ có bảo đảm được tiền lương thực tế cho công nhân viên chức, mới tạo được sự phấn khởi trong lao động sản xuất, mới dấy lên được một cao trào tăng năng suất lao động toàn xã hội.

Vì vậy, các ngành các cấp, các đơn vị sản xuất và kinh doanh, *một mặt*, cần ra sức phát triển sản xuất để tạo ra *quỹ hàng hóa tương ứng với quỹ tiền lương mới*; mặt khác, mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán và dịch vụ xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý và từng bước ổn định thị trường và giá cả, bài trừ có hiệu quả các tệ đầu cơ buôn lậu phá rối thị trường. Bằng các biện pháp kinh tế là chủ yếu, Nhà nước phải nắm chắc hàng và tiền, làm chủ được thị trường và giá cả. Đó là *điều kiện cơ bản* bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân viên chức.

Hiện nay, trong công tác quản lý thị trường và giá cả, một vấn đề nổi lên hết sức cấp bách phải giải quyết là *những hoạt động đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường*. Từ trước đến nay, nhất là từ ngày Nhà nước ban hành một số nghị quyết, chủ trương và biện pháp về « tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý thị trường, chống đầu cơ buôn bán trái phép » đến nay, các cơ quan Nhà nước đã tiến hành nhiều biện pháp kiên quyết, kết hợp các biện pháp kinh tế và hành chính để trừng trị bọn làm ăn bất hợp pháp này. Nhưng từ sau khi đổi tiền đến nay, bọn đầu cơ, buôn lậu, tích trữ, buôn bán hàng trái phép, làm và bán hàng giả đã lợi dụng chính sách tiền lương mới và chính sách điều chỉnh mặt bằng giá cả, rào riết hoạt động mua gom hàng, nhất là những mặt hàng thiết yếu, đẩy giá thị trường lên cao, gây rối loạn thị trường, giá cả, gây tâm lý không ổn định trong các tầng lớp nhân dân.

Vì vậy, cuộc đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu trong bối cảnh xã hội hiện nay đã *trở thành mặt trận nóng bỏng và hết sức cấp bách*. Bọn đầu cơ buôn lậu đã hiện hình là bọn phá hoại kinh tế, phá hoại công cuộc xây dựng đất nước. Hơn lúc nào hết, cần phải dùng sức mạnh tổng hợp của Nhà nước chuyên chính vô sản thẳng

Digitized by Google

tay trừng trị bọn chúng. Những kẻ này dù là tư sản hay không phải tư sản cũng đều là đối tượng phải xử lý về mặt hình sự. Đồng thời, phải chống những hiện tượng tiêu cực trong nội bộ các cơ quan Nhà nước, loại trừ những cán bộ thoái hóa biến chất, móc ngoặc, liên kết với bọn đầu cơ, buôn lậu làm ăn bất hợp pháp.

Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ *trung tâm đột xuất trước mắt* của công tác quản lý thị trường là phải ra sức đấu tranh để giữ được mặt bằng giá mới, làm chủ thị trường, mà mũi nhọn đấu tranh là phải thẳng tay trừng trị bọn đầu cơ buôn lậu, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực trên thị trường, nhằm phát huy tác dụng tích cực của chính sách tiền lương mới, bảo vệ được sức mua của đồng tiền mới. Cần đề cao kỷ luật giá nghiêm ngặt trong các tổ chức quản lý và kinh doanh của Nhà nước, thực hiện việc niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết trong hệ thống cửa hàng Nhà nước và tư nhân. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải lớn mạnh nhanh chóng cả chiều rộng và chiều sâu, vươn lên thật sự làm chủ thị trường. Nhà nước mua toàn bộ lương thực, thực phẩm hàng hóa để phân phối cho nhu cầu xã hội, tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, xóa bỏ tư thương buôn bán đường dài, bảo đảm lưu thông hàng hóa có tổ chức được thực hiện nhanh chóng, phục vụ tốt sản xuất và đời sống của nhân dân. Sự trưởng thành nhanh chóng của các lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa là điều kiện quyết định để xóa bỏ tệ đầu cơ, buôn lậu, ổn định giá cả thị trường, bảo đảm tiền lương thực tế cho người ăn lương.

Việc thay đổi chế độ tiền lương lần này đi đôi với việc điều chỉnh hệ thống giá cả của Nhà nước thật sự là một bước cải cách kinh tế quan trọng, mở đầu cho việc thực hiện nghị quyết Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa V). Nó là một đòn tiến công chống quan liêu bao cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới các khâu trong cơ chế quản lý, chuyển toàn bộ hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, hình thành sớm cơ chế quản lý mới. Do đó, chế độ tiền lương mới là một đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy mọi người hăng hái lao động sản xuất, tăng năng suất và thực hành tiết kiệm, thực hiện khẩu hiệu: mọi người làm việc với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.



Digitized by Google

# Quán triệt quan điểm của Đảng trong việc điều chỉnh hệ thống giá cả

TRẦN XUÂN

DỨT khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, tạo điều kiện để nhanh chóng chuyển toàn bộ nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là thực chất nghị quyết Hội nghị thứ tám BCHTƯĐ (khóa V).

Chuyển hẳn cơ chế quản lý kinh tế từ quan liêu--bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là sự đổi mới có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý, khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có để phát triển mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả tốt hơn.

Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp trong giá cả — tiền lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là khâu đột phá có tính chất quyết định trong hàng loạt các vấn đề phải tháo gỡ để chuyển toàn bộ nền kinh tế sang hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Việc điều chỉnh mặt bằng giá lần này là xây dựng hệ thống giá Nhà nước về những sản phẩm xã hội quan trọng nhất trong nền kinh tế để thiết lập mặt bằng mới thích hợp hơn của giá cả, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hóa, hạch toán và tổng hạch toán nền kinh tế quốc dân, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu.

Việc điều chỉnh mặt bằng giá dựa trên các nguyên tắc sau đây:

— *Xác định giá cả phù hợp giá trị và với sức mua thực tế của đồng tiền.* Giá cả phải phản ánh tất cả mọi chi phí hợp lý mà xã hội thật sự cần thiết phải chi ra cho sản xuất và lưu thông. Các chi phí, kể cả hao phí lao động và hao phí vật chất theo các định mức tiêu hao thực tế hợp lý, đều phải được tính đủ vào mức giá cả những vật tư, hàng hóa, đồng thời, mức giá đó không được tính thấp hơn hoặc cao hơn sức mua thực tế của đồng tiền. Qua hạch toán và kinh doanh theo cơ chế quản lý mới, phấn đấu hạ thấp chi phí, tăng năng suất lao động để tăng tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

— Quy định giá trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung cầu để bảo đảm cho kế hoạch Nhà nước được thực hiện.

— Lấy giá thóc làm chuẩn để tính giá các loại sản phẩm nông nghiệp khác và điều chỉnh toàn bộ mặt bằng giá cả. Phải có phân công phân cấp



Digitized by Google

hợp lý, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Giá mua lương thực và nông sản khác phải thể hiện và góp phần thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp với cơ cấu công—nông nghiệp hợp lý, thể hiện mối liên minh giữa công nhân và nông dân trong điều kiện mới của Nhà nước chuyên chính vô sản, quan hệ đúng đắn giữa tích lũy và tiêu dùng, tạo điều kiện cho cả nông nghiệp và công nghiệp cùng phát triển, đời sống của nông dân và công nhân đều được cải thiện.

Giá mua lương thực và các nông sản khác được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và nông dân, bảo đảm cho người sản xuất bù đắp đủ chi phí, có lãi hợp lý nhằm khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất. Giá mua có phân biệt theo vùng, khuyến khích phát triển các vùng chuyên canh, các vùng kinh tế mới, chú trọng các vùng chuyên canh lúa. Như vậy có ba yếu tố quyết định giá mua lương thực và nông sản là chi phí sản xuất từng vùng, lợi nhuận của người sản xuất và quan hệ cung—cầu về loại sản phẩm trong từng vụ sản xuất. Tùy theo tình hình cụ thể của mùa màng và quan hệ cung cầu ở từng vùng, sẽ điều chỉnh mức giá mua thóc ở từng vụ sản xuất cho phù hợp.

Nguyên tắc điều chỉnh mặt bằng giá đối với vật tư và hàng công nghiệp là tính đủ chi phí sản xuất bao gồm những chi phí về tư liệu sản xuất và tiền lương mới trong khu vực sản xuất, tuy nhiên việc định giá những mặt hàng này phức tạp hơn. Tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm là phải tính đủ, tính đúng ở ngay « đầu vào ». Trong giá thành, do nhiều nguyên nhân đã có những chi phí bất hợp lý như : chi phí về nguyên liệu, vật liệu, vật tư quá lớn, hao phí lao động quá nhiều, công suất sử dụng thiết bị, máy móc rất thấp, bộ máy trung gian cồng kềnh, biên chế gián tiếp lớn v.v. Do đó năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh đều thấp. Bên cạnh đó cơ chế duyệt giá thành và định giá bán hiện nay chưa tạo điều kiện để nắm đúng giá thành được hạch toán một cách trung thực. Do đó, nếu tính đủ theo giá mới và lương mới, giá thành sản phẩm sẽ tăng vọt lên, đồng thời giá sản phẩm này lại « chui » vào giá thành sản phẩm khác, và cứ như vậy tạo nên phản ứng dây chuyền kích toàn bộ giá thành các sản phẩm công nghiệp, sản phẩm xuất khẩu và cước vận tải lên rất cao so với mặt bằng giá đã hình thành trên thị trường xã hội. Và như vậy « đầu ra » cũng không được xã hội chấp nhận, cũng như giá thóc sẽ không còn làm chuẩn được cho mặt bằng giá mới, vì giá thị trường trên diện rộng và mức độ lớn bị đội lên sẽ đẩy giá thóc và các nông sản khác tăng lên. Nếu tính đủ « đầu vào » với tất cả các yếu tố bất hợp lý, và xử lý ở « đầu ra » giá tiêu thụ sản phẩm được định theo khả năng chấp nhận của thị trường, thì giá bán nhiều sản phẩm chủ yếu sẽ thấp xa so với giá vốn, ngân sách Nhà nước phải bù lỗ quá lớn, không chịu đựng nổi. Mặt khác bỏ bù lỗ ở « đầu vào » nhưng phải bù lỗ ở « đầu ra », thì thực chất cũng không xóa bỏ được bao cấp. Như vậy việc điều chỉnh giá sẽ sa vào vòng luẩn quẩn không đạt được mục đích đề ra.

Tình hình thực tế buộc chúng ta phải chọn một giải pháp quá độ sao cho giá thành và giá tiêu thụ sản phẩm, giá bán lẻ hàng tiêu dùng và giá dịch vụ của Nhà nước không vượt quá khả năng sức mua của xã hội, không đội giá thị trường quá mức có thể chịu đựng được, không làm đảo lộn các mối quan hệ kinh tế chủ yếu, đặc biệt là quan hệ công — nông, quan hệ giữa giá cả và



Digitized by Google

tiền lương. Do đó, biện pháp xử lý thích hợp nhất là căn cứ vào mặt bằng giá và các quan hệ tỷ giá đang hình thành trên thị trường xã hội để định giá vật tư nhập khẩu và giá tư liệu sản xuất chủ yếu khác. Như vậy:

— Tỷ giá kết toán nội bộ đối với hàng xuất khẩu tính bình quân chung còn cao hơn hàng nhập khẩu. Nghĩa là một đồng ngoại tệ vật tư, hàng hóa nhập khẩu được bán trong nước với giá bán thấp hơn số tiền Việt nam mà chúng ta phải chi mua hàng xuất khẩu để thu được một đồng ngoại tệ đó. Ngân sách Nhà nước phải tiếp tục gánh chịu khoản bù lỗ này, tuy mức bù giảm hơn trước. Đối với sự chênh lệch về tỷ giá giữa các nhóm hàng xuất khẩu và các loại hàng nhập khẩu, Nhà nước sẽ ban hành thuế xuất nhập khẩu theo hướng khuyến khích xuất khẩu và thúc đẩy việc cải tiến cơ cấu hàng xuất khẩu, tiết kiệm tiêu dùng hàng nhập khẩu.

— Khấu hao tài sản cố định mới tính đủ cho sửa chữa lớn, còn khấu hao cơ bản mới tính ở mức thấp, chưa bảo đảm yêu cầu tái tạo tài sản cố định.

— Giá vật tư cho sản xuất và giá bán lẻ một số mặt hàng công nghiệp tiêu dùng được bù lỗ ở một mức nhất định.

Trong khi khẩn trương xúc tiến việc điều chỉnh mặt bằng giá lần này, chúng ta buộc lòng phải chấp nhận giải pháp quá độ, chấp nhận một mức giá và tỷ giá chưa thật đúng để cho sản xuất, kinh doanh hoạt động bình thường, không bị ngừng trệ. Và vì vậy ngân sách Nhà nước còn phải tiếp tục bù lỗ khá nhiều, tuy mức bù và diện bù ít hơn và hẹp hơn. Việc hình thành giá đúng, tỷ giá kết toán đúng là một quá trình. Trước mắt, chúng ta còn phải dùng biện pháp quá độ, chưa hoàn toàn xóa bỏ được bao cấp, chính vì vậy chúng ta càng thấy rõ sự bức bách phải phấn đấu để tiến tới giá đúng, đi tới xóa bỏ bao cấp hoàn toàn. Quá trình này cũng là thời gian vật chất để cho các cơ sở, xí nghiệp với khả năng giảm giá thành sản phẩm còn rất lớn, phát huy quyền chủ động của mình để hạ giá thành sản phẩm, để nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, và trong một thời gian tương đối nhanh hình thành được giá thành hợp lý, tức là giá thành tính đúng và tính đủ những chi phí thật sự cần thiết để làm ra sản phẩm.

Giá cả là công cụ để hạch toán và quản lý kinh tế. Để phát huy tác dụng tích cực của việc điều chỉnh hệ thống giá lần này chúng ta phải *phấn đấu giữ cho được hệ thống giá mới nhằm ổn định giá cả*, một khâu quan trọng để ổn định tình hình kinh tế và đời sống. Muốn vậy phải thực hiện cho được việc Nhà nước làm chủ thị trường, trước hết về lương thực và các hàng hóa vật tư thiết yếu khác, bảo đảm nắm chắc được các nguồn hàng tận gốc, phân phối đến tận tay người tiêu dùng, quản lý chặt chẽ và phấn đấu ổn định thị trường và giá cả. Hệ thống giá được điều chỉnh đồng bộ, chế độ tiền lương mới bảo đảm tốt hơn đời sống của cán bộ, công nhân và lực lượng vũ trang. Việc đổi tiền giúp cho Nhà nước chủ động quản lý tiền tệ và bảo đảm yêu cầu lưu thông tiền tệ theo mặt bằng mới về giá và lương là những nhân tố hết sức thuận lợi để nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường, ổn định giá cả.

Việc điều chỉnh lần này là một bước cụ thể hóa nội dung nghị quyết Hội nghị thứ tám của Trung ương Đảng, thể hiện tính kiên quyết cách mạng nhằm xóa bỏ quan liêu bao cấp, tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời đòi hỏi đổi mới tất cả các khâu trong cơ chế quản lý, chuyển toàn bộ hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sớm hình thành cơ chế quản lý mới nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đi vào chiều sâu, khai thác tốt hơn mọi khả năng sản xuất hiện có.



Digitized by Google

# Đổi mới tư duy kinh tế

NGUYỄN ĐĂNG QUANG

## I

NGHỊ quyết Hội nghị thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về « giá—lương—tiền », triệt để xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu—bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là nghị quyết có tầm quan trọng về *thực tiễn* và *lý luận*, đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta và nhân dân ta trong việc nhận thức các quy luật của chủ nghĩa xã hội, vận dụng các quy luật đó trong thực tiễn lãnh đạo và quản lý kinh tế—xã hội ở nước ta.

Thi hành nghị quyết này của BCH TUĐ, chúng ta phải triển khai đồng bộ nhiều công tác phức tạp về tổ chức và tư tưởng, trong thực tiễn cũng như trên lý luận. Chiếm vị trí quan trọng trong số các công tác đó là nhiệm vụ *đổi mới tư duy kinh tế* của tất cả những người lao động mà trước hết là của các cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế. Tầm quan trọng đó là do tính độc lập tương đối trong sự phát triển của ý thức xã hội quy định. Đời sống kinh tế mười năm qua chứng tỏ rằng chính những mặt bảo thủ, ấu trĩ và lỗi thời trong tư duy kinh tế của chúng ta đã là một trong các nguyên nhân chủ yếu cản trở quá trình đổi mới chính sách kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế cho phù hợp với *điều kiện kinh tế tài chính của nước ta đã thay đổi căn bản từ sau ngày giải phóng miền Nam*. Chính kiểu tư duy lỗi thời đó đang tồn tại phổ biến trong đầu óc của nhiều cấp quyền lực đã trói buộc, đe dọa, thậm chí đôi truy tố các nhân tố mới trong sản xuất và kinh doanh; đã buộc quy luật phải « đi chui » và làm cho sự năng động, sáng tạo của quần chúng, của cơ sở phải diễn ra dưới hình thức « vượt rào », « bất hợp pháp ».

Tuy nhiên, quy luật khách quan cuối cùng vẫn cứ tự mở đường lấy cho nó. Ý thức xã hội không chỉ có tính lạc hậu mà còn có khả năng vượt trước để đẩy nhanh quá trình giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế đã chín muồi. Xuất phát từ sự bức bách của cuộc sống, không chịu để cho cơ chế cũ trói buộc mãi, một số địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải phòng, tỉnh Long an, tỉnh Quảng nam—Đà nẵng... và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh như Nhà máy dệt Thành công (thành phố Hồ Chí Minh), Xí nghiệp giày da xuất khẩu (Hà nội)... đã trên cơ sở đường lối của Đảng mà suy nghĩ theo lối mới để tìm ra cách làm ăn mới. Bằng con đường như thế, một tư duy kinh tế kiểu mới đã từng bước xuất hiện trong thực tiễn hoạt động kinh tế rồi được khái quát thành quan điểm lý luận và được định hình thành cơ chế kinh tế, thành chính sách và thể chế sản xuất-kinh doanh. Đó là con đường kết hợp giữa « dưới lên và trên



Digitized by Google

xuống», giữa ý Đảng và lòng dân, giữa tự giác và tự phát, giữa lãnh đạo và làm chủ trong quá trình nhận thức và vận dụng các quy luật kinh tế.

Như vậy, đời sống kinh tế mười năm qua đã cho ta thấy rõ tác dụng to lớn của tư duy kinh tế đối với cơ chế quản lý và hoạt động kinh tế. Với tư cách là khuôn mẫu đã lỗi thời, tư duy kinh tế làm chậm quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tạo ra tình trạng bảo thủ, trì trệ, cứng nhắc, kém hiệu quả trong việc điều hành các quá trình kinh tế. Với tư cách là nhân tố mới, hợp quy luật, tư duy kinh tế góp phần quyết định trong việc xác lập cơ chế quản lý mới, tạo ra trạng thái năng động, sáng tạo của các chủ thể quản lý và khắc phục được tình trạng quan liêu bao cấp, ỷ lại trong sản xuất và kinh doanh.

Từ lâu, Đảng ta đã thấy cần phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp, thực hiện cơ chế hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhưng phải đến nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯD (khóa V) mới xác định được một cách rõ ràng rằng: «phải dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp, thực hiện chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả». Sự chậm trễ đó do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có hai nguyên nhân trực tiếp nảy sinh từ trình độ tư duy kinh tế của chúng ta: *Một là*, chế độ bao cấp, có mặt tất yếu trong chiến tranh, nhưng kéo dài suốt 30 năm đã trở thành thói quen, nếp nghĩ, lối sống và cách quản lý kinh tế — xã hội. Hoạt động lý luận kinh tế và giáo dục kinh tế cũng được tiến hành trong hoàn cảnh đó và phù hợp với cơ chế đó. Vì thế cả thực tiễn lẫn lý luận đều tạo ra trong ý thức chúng ta một kiểu tư duy kinh tế mang đặc trưng quan liêu — bao cấp rất sâu sắc, không dễ gì xóa bỏ được. *Hai là*, bản thân tư duy kinh tế kiểu mới cũng chỉ mới đang hình thành từng bộ phận, còn nhiều điểm chưa rõ về lý luận và chưa đủ mô hình thực tế xác nhận. Về quan điểm thì tương đối rõ, nhưng đi vào nội dung cụ thể của tư duy thì còn nhiều chỗ vướng mắc, mà chỗ vướng mắc nhất là giá — lương — tiền, thị trường, lợi ích kinh tế.

Bởi vậy, muốn cải cách cơ chế kinh tế phải cải cách tư duy kinh tế. Muốn cải cách tư duy kinh tế phải làm rõ và loại bỏ những điểm lỗi thời trong tư duy cũ, làm sáng tỏ bản chất và đặc trưng của tư duy mới — tư duy kinh tế khoa học phù hợp với chặng đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta.

## II

Tư duy kinh tế là gì? Có thể định nghĩa vắn tắt: *Tư duy kinh tế là năng lực nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan (trước hết là các quy luật kinh tế) để định hướng đúng đắn trong đời sống kinh tế phức tạp, để tổ chức thành thạo và có hiệu quả các hoạt động sản xuất và kinh doanh.*

Mỗi giai đoạn phát triển của nền kinh tế hoặc mỗi cơ chế quản lý kinh tế đều đòi hỏi một kiểu tư duy kinh tế xác định, phù hợp với giai đoạn hoặc với cơ chế đó. Vì thế, mỗi lần kinh tế chuyển giai đoạn hoặc thay đổi cơ chế quản lý đều kéo theo sự hoàn thiện hoặc đổi mới tư duy kinh tế. Hiện nay ở Liên xô, khi nền kinh tế chuyển từ chỗ phát triển theo chiều rộng là chính sang phát triển theo chiều sâu là chủ yếu đã nảy ra yêu cầu cấp bách phải tăng cường giáo dục kinh tế cho người lao động để xây dựng tư duy kinh tế hiện đại.

Tư duy kinh tế gắn bó hữu cơ với hoạt động kinh tế của chủ thể. Tư duy kinh tế là yếu tố nằm ngay trong quá trình hoạt động kinh tế. Với tư cách là yếu tố điều khiển, tư duy kinh tế có mặt cả trước, trong và sau các hoạt động kinh tế.



Digitized by Google

Căn cứ vào phạm vi và tính chất của hoạt động kinh tế, có thể phân chia tư duy kinh tế thành 5 cấp độ sau đây:

— Tư duy kinh tế cấp lý luận
— Tư duy kinh tế cấp chiến lược
— Tư duy kinh tế cấp chính sách
— Tư duy kinh tế cấp kinh doanh
— Tư duy kinh tế ở người lao động bình thường.

Mỗi cấp độ tư duy kinh tế như thế có đặc trưng riêng đồng thời gắn bó với tất cả các cấp độ tư duy khác thành một hệ thống. Sự yếu kém ở bất cứ cấp độ nào cũng ảnh hưởng đến toàn hệ thống. Ví dụ: sự chậm trễ trong tư duy kinh tế cấp lý luận sẽ gây khó khăn cho tất cả các cấp độ tư duy còn lại; những vướng mắc trong tư duy kinh tế cấp chính sách sẽ làm cho tư duy cấp kinh doanh rất khó hoạt động. Khi xây dựng tư duy kinh tế khoa học cần khắc phục tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" này.

Muốn phân tích đầy đủ cái cũ và cái mới trong tư duy kinh tế còn phải làm rõ kết cấu của nó. Tư duy kinh tế, xét về mặt kết cấu, gồm 4 bộ phận chủ yếu:

— Hệ quan điểm
— Hệ khái niệm và quy luật kinh tế
— Phương thức tư duy
— Hệ phẩm chất của tư duy

Ta lần lượt xét từng bộ phận đó và làm rõ yêu cầu đổi mới tư duy kinh tế.

Một là: *hệ quan điểm*, trước hết là các quan điểm thuộc về thế giới quan và chính trị, tạo thành *bản chất* của tư duy kinh tế. Đối với tư duy kinh tế xã hội chủ nghĩa thì phần chủ yếu trong hệ quan điểm là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin (cả ba bộ phận hợp thành) và đường lối của đảng cộng sản. Ở đây thiếu sót của tư duy kinh tế cũ biểu hiện như sau: về mặt thế giới quan còn có yếu tố chủ quan duy ý chí, cứng nhắc, giản đơn; về kinh tế chính trị, có quan niệm sai về một số quan hệ kinh tế, quy luật kinh tế (ví dụ quan hệ hàng hóa, quy luật giá trị...), mặt chính trị thường lấn át mặt kinh tế, làm cho tư duy kinh tế trở thành tư duy phi kinh tế; về chủ nghĩa xã hội, có một số nhận thức ấu trĩ, ảo tưởng mang tính chất của chủ nghĩa xã hội tình cảm, chủ nghĩa xã hội bình quân; về mặt đường lối, không quán triệt hoặc không cụ thể hóa được quan điểm làm chủ tập thể, quan điểm xóa bỏ quan liêu — bao cấp, quan điểm thống nhất các lợi ích v.v. Vì thế khắc phục các thiếu sót trên đây cũng chính là đổi mới tư duy kinh tế.

Hai là, *hệ khái niệm và quy luật kinh tế* tạo thành *nội dung* cụ thể của tư duy kinh tế. Nói đến tư duy là nói đến bộ máy các khái niệm. Thiếu bộ máy này thì không một quá trình tư duy nào có thể diễn ra được. Mỗi quy luật kinh tế cũng phải được diễn đạt qua một nhóm khái niệm kinh tế xác định. Điều phân biệt tư duy kinh tế với các dạng khác của tư duy lý luận là ở chỗ hệ khái niệm và quy luật của nó không chỉ bao quát lớp bản chất của các quan hệ kinh tế. Trái lại đó là một hệ *nhiều lớp* khái niệm và quy luật để bao quát được từ bản chất đến những hình thái biểu hiện ra trên bề mặt của đời sống kinh tế. Nói cách khác, trong tư duy kinh tế các quy luật kinh tế không tồn tại dưới dạng công thức trừu tượng nữa mà đã được dịch sang ngôn ngữ của cuộc sống, cái bản chất đã hiện ra dưới dạng ai cũng có thể cảm giác được. Ở đây, cái lỗi thời trong tư duy kinh tế của chúng ta biểu hiện như sau:

— Dã tư duy bằng các khái niệm phi kinh tế như "cấp phát", "giao nộp", "thu mua", "cung cấp"...

— Kiêng kị những khái niệm kinh tế gắn liền với chế độ hạch toán, kinh doanh, với lợi ích vật chất.



Digitized by Google

– Đã gạt bỏ hoặc vi phạm nghiêm trọng quy luật giá trị, quy luật phân phối theo lao động, quan hệ hàng hóa, quan hệ cung cầu, vai trò của thị trường, của giá, của lương.

– Còn thiếu hoặc hiểu không đúng những khái niệm kinh tế gắn liền với chặng đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta.

– Còn vướng mắc trong nhận thức và vận dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế (giá, lương, lợi nhuận...) trong cơ chế kế hoạch hóa.

Để xây dựng tư duy kinh tế khoa học phù hợp với chặng đầu của thời kỳ quá độ và với cơ chế hạch toán – kinh doanh, chúng ta phải tập trung trí tuệ để cải cách, bổ sung, đính chính và hoàn thiện bộ máy khái niệm và quy luật kinh tế; loại bỏ khỏi nó những khái niệm, quan điểm đã lỗi thời nảy sinh từ cơ chế quan liêu – bao cấp. Yêu cầu này không dễ thực hiện, nhưng chúng ta phải tiến hành khẩn trương, tích cực. Chẳng hạn, chúng ta phải xác định *hệ khái niệm gốc* (ví dụ: kế hoạch – hạch toán – kinh doanh – lợi ích – cải tạo...) từ đó xác định các *tuyến khái niệm*, các *lớp khái niệm* tỏa rộng ngày càng chi tiết hơn, bảo đảm cho tư duy kinh tế ở tất cả các cấp độ có thể vận hành được chủ động, sáng tạo, kịp thời (ví dụ, khái niệm *phân phối* trong cơ chế kinh doanh hiện nay phải được triển khai thành một tuyến các khái niệm: lương, thưởng, phúc lợi xã hội, trợ cấp xã hội, lãi suất, hoa lợi, địa tô, lợi nhuận, hệ số sinh lợi của vốn v.v.).

Tất cả các khái niệm kinh tế đang sử dụng đều phải được xem xét lại nội dung theo các nghị quyết của Đảng và theo các mô hình sản xuất – kinh doanh đã được tổng kết. Hàng loạt khái niệm phải được thay thế. Ví dụ «cấp phát – giao nộp» phải thay bằng «mua – bán», «quan hệ hiện vật» thay bằng «quan hệ hàng – tiền», «bao cấp» thay bằng «tự lo – tự liệu – tự trang trải», «thu mua» thay bằng «hợp đồng» v.v Tư duy kinh tế dựa chủ yếu trên quan hệ chính trị – hành chính phải chuyển sang dựa chủ yếu trên các quan hệ kinh tế và các quy luật khách quan. Bằng cách đó sẽ tạo ra nội dung mới của tư duy kinh tế khoa học.

Ba là, *phương thức tư duy*. Nói chung tư duy kinh tế vận động theo các nguyên tắc vốn có của tư duy lý luận, tư duy biện chứng, mà mẫu mực tuyệt vời là tư duy kinh tế của C. Mác thể hiện trong bộ *Tư bản*. Đồng thời, tư duy kinh tế có một số *đặc điểm* quan trọng do chính hoạt động kinh tế và trình độ kinh tế quy định. Việc làm rõ những đặc điểm này đòi hỏi nhiều công trình chuyên sâu. Ở đây chỉ có thể nêu lên một số nhận xét sơ bộ.

Tư duy kinh tế chỉ bắt đầu hoạt động khi có lợi ích kinh tế, có thông tin kinh tế và có mục tiêu, hiệu quả kinh tế cụ thể. Đây là một đặc điểm quan trọng, phân biệt tư duy kinh tế với tư duy triết học, tư duy lý thuyết trong toán học và khoa học tự nhiên. Nếu không có thông tin kinh tế, không có mục tiêu và hiệu quả kinh tế cụ thể, thì tư duy kinh tế chỉ còn là những suy luận lô gích, muốn rút các giải pháp kinh tế cụ thể từ lô gích của lý luận, chứ không phải từ lô gích của cuộc sống. Và như thế là tư duy phản kinh tế.

Tư duy đa tuyến – tổng hợp, tư duy gắn với cơ chế kinh tế cụ thể, cũng là những đặc điểm của tư duy kinh tế khoa học. Trong cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp thì về cơ bản không thể có tư duy kinh tế, hoặc chỉ có tư duy kinh tế trên hình thức, bởi vì ở đây các khái niệm giá cả, hạch toán, lỗ, lãi chỉ được sử dụng trên hình thức, lãi giả mà lỗ thật, thậm chí hoàn thành kế hoạch cũng là giả nốt. Trong cơ chế cũ, các cấp tư duy kinh tế ở trong tình trạng chia cắt không



Digitized by Google

phối hợp với nhau, thậm chí đối lập và trói buộc lẫn nhau.

Trong cơ chế hạch toán — kinh doanh, mỗi cấp tư duy kinh tế có đặc điểm riêng nhưng đều hướng về mục đích chung. Ví dụ cấp lý luận hướng tư duy chủ yếu vào bản chất các quá trình kinh tế, giải quyết về lý luận và quan điểm các vướng mắc nảy sinh từ thực tiễn kinh tế, tạo cơ sở lý luận và phương pháp luận cho các cấp tư duy khác.

Nếu tư duy kinh tế cấp chiến lược tập trung trí tuệ vào việc khai thác các động lực và các nguồn cơ bản của nền kinh tế trong những thời hạn lâu dài, thì tư duy kinh tế cấp kinh doanh lại mang tính tác chiến hằng ngày rất rõ rệt, vì thế nó phải rất năng động, sáng tạo và thường không theo một khuôn mẫu nào cả. Ở đây, tư duy diễn ra theo tín hiệu của *thời cơ* chứ không theo giờ làm việc hành chính, diễn ra tại « thị trường » chứ không diễn ra trong các văn phòng cơ quan. Ở đây, tư duy diễn ra theo quy luật của cuộc sống chứ không thể chờ lệnh, chờ bấm nút, chờ bật đèn xanh. Nếu cấp chính sách quan liêu và bảo thủ thì nó buộc phải « chui », phải « vượt rào », phải chọn cái hợp lý dù biết rằng như thế là không hợp pháp. Tóm lại, tư duy kinh tế cấp kinh doanh phải có cái bản lĩnh của *người thuyền trưởng* trên biển khơi. Tư duy này, trong khi bám sát quy luật khách quan lại luôn luôn đặt *người lao động* lên vị trí hàng đầu, luôn luôn coi trọng lợi ích và trí tuệ của họ, coi đó mới là nguồn gốc thật sự của mọi của cải và giá trị xã hội.

Tư duy kinh tế cũ vừa bất chấp quy luật vừa coi thường vị trí con người trong hệ thống sản xuất. Trong cơ chế quan liêu — bao cấp thì đến tư duy kinh tế cũng trở thành một thứ độc quyền và bao cấp.

Bốn là, *hệ phẩm chất của tư duy kinh tế*. Các phẩm chất này tạo ra bản sắc riêng biệt của từng chủ thể của tư duy kinh tế, hoặc tạo nên đặc trưng phong cách tư duy của những thế hệ, những lớp cán bộ kinh tế khác nhau. Ở nước ta cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp duy trì quá lâu đã « tạo ra một lớp cán bộ bảo thủ, cũ kỹ, ỷ lại, vô trách nhiệm, thiếu tính năng động (...) không tính toán hiệu quả kinh tế mà chỉ cần « xin lệnh cấp phát » từ trên xuống, nhất nhất làm theo quy định gò bó đã lỗi thời, thiếu vận dụng có sáng tạo các chủ trương, biện pháp vào điều kiện mới » (1).

Quả vậy, trong số cán bộ kinh tế cấp thi hành thường có tính ỷ lại, bó tay, vô trách nhiệm, cứng nhắc và phi kinh tế. Trong các cán bộ kinh tế cấp quản lý lại có thái độ ban ơn, cửa quyền, thích ra lệnh, áp đặt cho cấp dưới, coi thường quy luật kinh tế, coi thường các động lực vật chất.

Điều đáng mừng là khoảng 5 năm trở lại đây, trong quá trình chống quan liêu — bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đã xuất hiện nhiều giám đốc, chủ nhiệm giỏi, biết tư duy thông minh, dũng cảm và sáng tạo. Những nét đặc trưng trong tư duy kinh tế của các đồng chí đó là : năng động, tự tin, độc lập suy nghĩ trên mảnh đất kinh doanh của mình ; dám quyết đoán, dám sáng tạo, dám chịu trách nhiệm ; chú ý tìm động lực và kích thích động lực ; lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn cho tư duy kinh tế chứ không chịu để cho những lý luận đã cũ, những thể chế đã lỗi thời trói buộc tầm suy nghĩ và cách làm ăn. Trong cách tư duy của các đồng chí này vừa có sự sâu sắc về quan điểm, vừa có tính cách mạng trong các khái niệm ; vừa thiết thực, cụ thể lại vừa có nét phóng khoáng của người làm ăn lớn.

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập 3, tr. 50 — 51.



Digitized by Google

## III

Như thế, một kiểu tư duy kinh tế khoa học đã xuất hiện và hình thành trong đời sống kinh tế nước ta, bắt đầu từ các cơ sở. Nó ra đời không dễ dàng trong cuộc đấu tranh đổi mới cơ chế quản lý kinh tế để thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội mà Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã đề ra. Nó được nhiều người tiếp nhận một cách hào hứng đồng thời cũng gặp sự phản ứng của một số người khác. Nếu như nghị quyết Hội nghị thứ sáu của BCHTƯĐ (khóa IV) đã khai sinh ra tư duy kinh tế mới, thì Nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯĐ (khóa V) quyết định đưa nó vào cuộc sống, chính thức thay thế cho kiểu tư duy lỗi thời đã tồn tại quá lâu và gây tác hại quá nhiều cho xã hội ta.

Tư duy là điều không thể áp đặt được cho bất cứ ai. Đổi mới tư duy kinh tế là công việc của từng người, ở đây sự tự giác sẽ đẩy nhanh quá trình đó.

Tuy nhiên, vì tư duy cũ đã thâm quá sâu, đã thành thói quen trong vài chục năm; đồng thời tư duy kiểu mới cũng chỉ mới hình thành từng bộ phận và không phải trong mọi bộ phận cấu thành của nó cũng như trong mọi cấp độ của nó các vấn đề đều đã được giải quyết xong xuôi, cho nên trách nhiệm của các cơ quan nghiên cứu, các trung tâm lý luận, các hệ thống đào tạo là rất lớn. Tất cả những cán bộ đã học tập và trưởng thành lên trong cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp đều cần được giáo dục lại bằng những chương trình thích hợp. Phải cải cách sách giáo khoa, không chỉ các sách dạy kinh tế chính trị và quản lý kinh tế, mà cả các sách viết về chủ nghĩa xã hội khoa học và triết học. Bởi vì tư duy kinh tế xã hội chủ nghĩa có cơ sở lý luận của nó là cả ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Không nên quan niệm chỉ có kinh tế chính trị mác xít mới có trách nhiệm giáo dục tư duy kinh tế cho mọi người. Bản thân C. Mác, chỉ sau khi đã chuyển từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật biện chứng, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa thì mới có thể đi vào lĩnh vực kinh tế để xây dựng tư duy kinh tế cho giai cấp vô sản, một kiểu tư duy kinh tế vượt xa mọi trình độ tư duy đã có trong lịch sử.

Một biện pháp hấp dẫn và có hiệu quả cao là học tập tư duy mới thông qua các nhân tố mới trong kinh tế, các mô hình kinh tế đã được xác nhận. Tiếc rằng, việc tổng kết, giới thiệu các mô hình này chưa làm được tốt, nhất là chưa chú ý vạch rõ quá trình đổi mới tư duy kinh tế đã diễn ra như thế nào và đã góp phần tạo ra mô hình kinh tế đó ra sao.

Việc tổ chức hai lớp tập huấn về tám chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về nông – lâm – ngư nghiệp cũng là một cách làm hay, thực chất là một hình thức giáo dục lại để hình thành tư duy kinh tế khoa học thông qua thực tiễn một ngành.

Tuy nhiên, trong bất cứ công việc gì, sự cường điệu và đơn giản hóa sự vật cũng như sự lý tưởng hóa quá mức cái mới đều có thể dẫn tới sai lầm. Bản thân tư duy kinh tế kiểu mới mà ta gọi là tư duy kinh tế khoa học, ngay cho dù tới đây nó được xây dựng đầy đủ cũng chỉ là một giai đoạn lịch sử trong sự phát triển liên tục của tư duy mà thôi. Hơn nữa, việc chuyển sang thực hiện cơ chế kinh tế mới không phải chỉ có thuận lợi, nền kinh tế của nước ta đang trong giai đoạn bất bình thường và biến đổi nhanh chóng. Vì thế việc nhận thức cho đúng và vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn. Mà đó lại là nội dung chủ yếu của tư duy kinh tế.



Digitized by Google

# 40 năm phát huy vai trò làm chủ của công nhân và nông dân

NGUYỄN HỮU ĐẠO

40 năm qua; dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhân dân ta đã viết nên những trang sử đẹp nhất, đưa nước ta bước vào một kỷ nguyên mới — kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi rực rỡ mà nhân dân ta giành được trong 40 năm qua do nhiều nhân tố đem lại, trong đó có nhân tố rất quan trọng là Đảng ta đã phát huy cao độ vai trò làm chủ của giai cấp công nhân và nông dân trong quá trình đấu tranh cách mạng. Nhờ vậy, giai cấp công nhân và nông dân đã có được sức mạnh to lớn, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt của khối đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp giúp nhân dân ta vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, giành độc lập tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

☆

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền dân chủ nhân dân đã được thiết lập ở nước ta. Đó là một trong những bước ngoặt quan trọng nhất của lịch sử dân tộc ta. Quần chúng nhân dân lao động ở nước ta từ thân phận người nô lệ, làm thuê, đã trở thành người làm chủ thật sự cuộc sống của mình.

Song sau Cách mạng Tháng Tám ít lâu cho đến nay, nhân dân ta dường như không lúc nào ngừng chiến đấu chống lại các cuộc chiến tranh xâm lược, phá hoại ác liệt kéo dài của địch, hết thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, lại đến bọn bành trướng, bá quyền Trung Quốc cùng bè lũ tay sai của chúng.

Trải qua 40 năm dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, công nhân và nông dân nước ta đã phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của mình trong việc thiết lập và củng cố chính quyền cách mạng, cũng như trong mọi lĩnh vực sản xuất và chiến đấu.

Thật vậy, ngay từ khi mới ra đời, sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền còn rất non trẻ của ta đã phải đương đầu với biết bao khó khăn do kẻ địch trong và ngoài nước gây ra. Cùng với toàn dân, giai cấp công nhân và nông dân, lực lượng chủ yếu của cách mạng nước ta đã là những người hăng hái nhất, với tất cả những gì có trong tay, đứng lên bảo vệ chính quyền cách mạng. Cho nên, chính quyền cách mạng không những không bị « bóp chết từ trong nôi » như kẻ thù mong muốn, mà còn nhanh chóng được kiện toàn từ trung ương đến cơ sở.



Digitized by Google

Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội và việc tham gia xây dựng Hiến pháp nước Việt nam dân chủ cộng hòa là một biểu hiện rất rõ nét vai trò làm chủ của công nhân và nông dân. Công nhân và nông dân với tinh thần làm chủ của mình đã hăng hái gia nhập vệ quốc quân, các tổ chức an ninh, làm cho các lực lượng vũ trang cách mạng phát triển nhanh chóng, đủ sức đập tan nhiều tổ chức việt gian, phản động, đồng thời tích cực tham gia các phong trào diệt giặc dốt, giặc đói, bước đầu đẩy lùi được mấy loại giặc cùng một lúc.

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Hồ Chủ tịch, một triệu thanh niên trai tráng, chủ yếu xuất thân từ công nhân và nông dân đã nô nức tham gia các đơn vị tự vệ, dân quân, du kích và bộ đội. Một lực lượng không nhỏ công nhân đã vận chuyển hàng vạn tấn máy móc, thiết bị lên miền rừng núi, sản xuất vũ khí, đạn dược..., xây dựng nền công nghiệp kháng chiến. Đến năm 1947, chỉ tính riêng công nghiệp quốc phòng, giai cấp công nhân đã xây dựng được 168 công binh xưởng, hàng nghìn tổ sản xuất, sửa chữa các vũ khí nhỏ ở các địa phương nhằm kịp thời trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược.

Đến năm 1950 – 1951 nhiều sản phẩm mới của nền công nghiệp quốc phòng đã xuất hiện như máy dập đầu đạn KT, máy trộn thuốc súng, máy tiện, v.v. Một số ngành công nghiệp quan trọng đã ra đời. Trong cơ cấu chính quyền từ trung ương đến cơ sở lúc này, thành phần công nông đã chiếm tỷ lệ khá cao. Trong Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phần công nông chiếm 20%, cấp xã nơi cao nhất là 72%, nơi thấp nhất 33%.

Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, giai cấp công nhân và nông dân càng đóng góp to lớn cho cuộc kháng chiến. Tính riêng trong 9 chiến dịch lớn: biên giới, trung du, đường 18, Hà nam ninh, Hòa bình, Tây bắc, Thượng Lào, Tây nguyên và Điện biên phủ đã có 1 741 381 nông dân tham gia dân công với tổng số 53 301 570 ngày công. Ở vùng tự do từ 1950 đến 1954, nông dân đã đóng thuế cho Nhà nước 1,5 triệu tấn thóc (đó là chưa kể ngô, khoai, sắn và thực phẩm các loại). Đặc biệt là nông dân trong vùng tạm bị chiếm ở 7 tỉnh Bắc bộ, mặc dù bị địch kiểm soát chặt chẽ, đã chắt chiu gửi ra vùng tự do 20 vạn tấn thóc và góp 7,5 triệu ngày công phục vụ tiền tuyến... Công nhân sản xuất được nhiều vũ khí, đạn dược và các sản phẩm khác phục vụ cho kháng chiến.

Với nguồn bổ sung ngày càng nhiều con em của giai cấp công nhân và nông dân, lực lượng vũ trang nhân dân ta ngày càng đông đảo, từ những đơn vị nhỏ, dần dần tổ chức thành những đại đoàn vững mạnh. Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã có khả năng mở các chiến dịch quy mô lớn, trong một thời gian dài và bảo đảm chiến thắng, tiêu biểu là cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953–1954 mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện biên phủ.

Sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954, nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền có khác nhau, nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau và nhằm một mục đích chung là: bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh đó, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, giai cấp công nhân và nông dân lao động miền Bắc đã phải phấn đấu gian khổ để đưa từng bước nền kinh tế lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa để xây dựng chủ



Digitized by Google

nghĩa xã hội ở miền Bắc và làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, giai cấp công nhân miền Bắc đã thể hiện rõ vai trò làm chủ của mình trong việc xây dựng một nền công nghiệp tương đối phát triển, có một số ngành hiện đại, sản xuất ra những tư liệu sản xuất nhằm trang bị cho các ngành kinh tế quốc dân và để xuất khẩu. Từ một số lượng công nhân ít ỏi, trình độ văn hóa, khoa học – kỹ thuật và nghiệp vụ non kém, năm 1975 giai cấp công nhân đã có một đội ngũ đông đảo, có tư tưởng chính trị vững vàng, có trình độ văn hóa, khoa học – kỹ thuật và nghiệp vụ khá; có khả năng giải quyết được nhiều vấn đề kỹ thuật khó, phức tạp trong quá trình phát triển sản xuất.

Đóng góp tích cực vào nhiệm vụ trung tâm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phát huy thắng lợi của cải cách ruộng đất, nông dân lao động đã hăng hái tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đi vào con đường làm ăn tập thể, phát triển sản xuất nông nghiệp, trở thành người nông dân tập thể xã hội chủ nghĩa. Do đó, vị trí làm chủ của nông dân miền Bắc đã có sự đổi mới về chất, giai cấp nông dân tập thể có điều kiện cơ bản để cùng với giai cấp công nhân tiếp tục phát huy vai trò làm chủ theo những yêu cầu của chủ nghĩa xã hội.

Đi đôi với việc tích cực đẩy mạnh sản xuất để xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể miền Bắc đã cùng với đồng bào miền Nam ruột thịt, trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ đối với miền Bắc, mỗi nhà máy, xí nghiệp, mỗi công trường, nông trường, lâm trường, mỗi hợp tác xã đã thật sự trở thành pháo đài "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Tự vệ công nhân và dân quân du kích ở khắp các địa phương trên miền Bắc đã lập nhiều chiến công xuất sắc: bắn cháy nhiều máy bay, bắn chìm nhiều tàu chiến và bắt sống nhiều giặc lái (chỉ tính riêng tự vệ công nhân trong hai đợt máy bay Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc (1965–1968 và 1972) đã bắn rơi 113 máy bay của chúng).

Chủ yếu là đội quân của con em giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể, lực lượng vũ trang nhân dân ta bao gồm ba thứ quân, với những binh đoàn chủ lực mạnh, các quân chủng, binh chủng kỹ thuật hiện đại, những cán bộ, chiến sĩ giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật khá, biết sử dụng ngày càng thành thạo các trang bị vũ khí tương đối hiện đại và hiện đại. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tính riêng giai cấp nông dân tập thể ở miền Bắc đã tiễn đưa hàng triệu lượt con em mình gia nhập các lực lượng vũ trang nhân dân; đã huy động một khối lượng vật chất to lớn, bao gồm hàng chục triệu tấn lương thực, thực phẩm... cho kháng chiến. Xây dựng hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa vững mạnh về mọi mặt, hết lòng hết sức chi viện cho cách mạng miền Nam, giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể miền Bắc đã góp phần hết sức quan trọng vào chiến thắng vĩ đại của cuộc tổng tiến công mùa xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đó là bước ngoặt tạo nên vị trí làm chủ toàn bộ đất nước về mọi mặt trong độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể, của toàn dân ta.

Vai trò làm chủ về chính trị của hai giai cấp công nhân và nông dân tập thể còn thể hiện ở chỗ số đại biểu của mình chiếm một tỷ lệ thích đáng và ngày càng tăng trong các cơ quan dân cử của Nhà nước. Nếu kể từ Quốc



Digitized by Google

hội khóa III (1964) trong tổng số 366 đại biểu, có 71 là công nhân, 96 là nông dân; Quốc hội khóa IV (1971) trong tổng số 420 đại biểu, có 91 là công nhân, 90 là nông dân; Quốc hội khóa V (1976) trong tổng số 421 đại biểu, có 93 là công nhân, 90 là nông dân. Trong hội đồng nhân dân các cấp, tỷ lệ đại biểu là công nhân, nông dân cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ.

Từ khi cả nước ta độc lập, thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội cho đến nay, một chặng đường 10 năm cũng không ít khó khăn, trở ngại, nhân dân ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, giai cấp công nhân và nông dân cả nước ta đã và đang phát huy vai trò làm chủ của mình để thực hiện những nhiệm vụ của Đảng đề ra. Cho đến năm 1981, 3,5 triệu công nhân viên chức trong cả nước, chiếm 6% tổng số dân và 16% số lao động toàn xã hội, đã tạo ra một khối lượng vật chất chiếm 37% tổng thu nhập quốc dân, bảo đảm được 65,1% ngân sách Nhà nước. Còn nông dân, hiện nay trong các tỉnh phía bắc đã có 96,6% tổng số hộ nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp (trong đó 88,1% số hộ tham gia hợp tác xã bậc cao); các tỉnh phía nam đã có 52% tổng số hộ nông dân với hơn 40% tổng số ruộng đất đi vào con đường làm ăn tập thể. Cùng với việc củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phong trào sản xuất ở nông thôn đang có những bước tiến mới. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất 10 tấn thóc trên 1ha gieo trồng. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp trong những năm gần đây đã tăng lên tương đối nhanh. Và đến nay, cùng với các tầng lớp nhân dân khác, giai cấp công nhân và nông dân nước ta đã và đang đóng góp sức người, sức của để giữ vững quyền làm chủ biên giới của Tổ quốc, chống lại cuộc chiến tranh lấn chiếm và phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc

★

Bốn mươi năm qua, vai trò làm chủ của giai cấp công nhân và nông dân nước ta được phát huy cao độ trước hết là do sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ta. Xuất phát từ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và nhìn rõ hoàn cảnh của đất nước, Đảng ta đã đánh giá đúng đắn vị trí, vai trò của giai cấp công nhân và nông dân, đã nêu cao vai trò làm chủ của họ dựa trên lòng tin vào sự giác ngộ chính trị và ý chí cách mạng của họ, đồng thời có đường lối, chính sách cụ thể, sát hợp trong từng thời kỳ cách mạng nhằm phát huy cao độ sức mạnh và đem lại lợi ích thiết thực cho họ.

Đảng ta một mặt khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng của nó, là giai cấp duy nhất có khả năng đưa nhân dân ta đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, và có lợi ích cơ bản nhất trí với lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động khác. Muốn giải quyết những vấn đề của cách mạng đặt ra phải luôn luôn đứng trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân. Mặt khác Đảng cũng đánh giá cao tinh thần cách mạng và vai trò làm chủ của nông dân lao động

Nông dân nước ta có tinh thần dân tộc rất cao, có lòng yêu nước nồng nàn. Từ khi có Đảng, họ đã một lòng đi theo Đảng hơn nửa thế kỷ qua, và ngày càng gắn bó với giai cấp công nhân, cùng với giai cấp công nhân thật sự trở thành lực lượng lớn mạnh nhất của nhân dân ta trong sự nghiệp giành độc lập tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội. Nông dân thật sự là bạn đồng minh tự nhiên rất đáng tin



Digitized by Google

cậy của giai cấp công nhân. Trong quá trình đi theo cách mạng, nông dân không phải chỉ có yêu cầu về ruộng đất, mà còn có yêu cầu độc lập dân tộc và yêu cầu thay đổi cơ bản cuộc sống khổ cực hàng bao đời nay, yêu cầu xây dựng xã hội mới, yêu cầu đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng ta luôn luôn quan tâm giải quyết thỏa đáng mối quan hệ lợi ích giữa công nhân và nông dân, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ và tạo điều kiện cho họ đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc. Đảng ta chú trọng đấu tranh chống những biểu hiện "tả" hoặc hữu khuynh trong vấn đề nông dân. Đặc biệt, Đảng đã đấu tranh chống lại biểu hiện coi thường khả năng cách mạng to lớn của nông dân. Đảng cũng quan tâm đến việc đấu tranh chống những biểu hiện lầm lẫn giữa vấn đề liên minh công nông với chính sách Mặt trận, hữu khuynh trong chính sách mặt trận, chạy theo «đường lối tầng lớp trên»..., làm ảnh hưởng đến quá trình giác ngộ và phát động lực lượng cách mạng hùng hậu của nông dân. Đồng thời Đảng cũng chống những khuynh hướng theo đuôi quần chúng, buông lỏng quyền lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện liên minh công nông. Vì thế, giai cấp công nhân ở nước ta tuy số lượng chưa lớn, nhưng liên minh chặt chẽ với nông dân, thì sức mạnh của giai cấp công nhân tăng lên gấp bội. Nông dân lực lượng đông đảo, nhưng phân tán, liên minh với giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã trở thành lực lượng cách mạng rất hùng hậu.

Trên cơ sở liên minh công nông vững mạnh, thật sự là lực lượng nòng cốt của khối đoàn kết toàn dân, qua các thời kỳ cách mạng Đảng ta đã tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân, đoàn kết được các dân tộc, các tôn giáo, các đảng phái yêu nước; lôi kéo được các lực lượng có mâu thuẫn với kẻ thù chung của dân tộc, hình thành và xây dựng nên Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn của cả nước để chiến thắng kẻ thù, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của cách mạng. Quyền lãnh đạo cách mạng của Đảng ta nhờ đó ngày càng được bảo đảm vững chắc. Bốn mươi năm qua uy tín chính trị và quyền lãnh đạo của Đảng ta sở dĩ là tuyệt đối, bởi vì nó bắt nguồn từ sức mạnh của cả dân tộc mà nòng cốt là khối liên minh công nông.

Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và nông dân nước ta đang tiếp tục phát huy vai trò làm chủ tập thể của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Đó là một trong những bảo đảm cơ bản để nhân dân ta thu được nhiều thắng lợi hơn nữa.



Digitized by Google

# CHUNG QUANH VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỘI NGHỊ

PHAN VĂN ĐÁNG

Có thể nói chất lượng hội nghị là thước đo năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và các ngành. Vậy, chất lượng các cuộc hội nghị có vấn đề gì cần lưu ý?

Nếu đi sâu tâm trạng ngao ngán của một số cán bộ sau khi dự một số hội nghị, sẽ thấy sự trả lời ngay thẳng nhất về vấn đề này. Tâm lý chung của cán bộ dự hội nghị là muốn sự thật của tình hình được phản ánh trung thực và nguyên nhân cụ thể được phân tích rõ ràng, từ đó mà có những biện pháp thích đáng giải quyết khó khăn, có những chủ trương công tác đúng đắn, phát huy được những cái hay, khắc phục và ngăn ngừa những điều không tốt. Qua đó, trình độ nhận thức, tư tưởng, tổ chức thực hiện sẽ được nâng lên. Nhưng những mong muốn chính đáng ấy chưa được đáp ứng trong một số hội nghị.

Thực trạng một số hội nghị hiện nay ra sao? Có thể nói một không khí mệt mỏi, uể oải, thiếu hứng thú bởi mất nhiều thì giờ phải đọc, phải nghe các báo cáo và đề án mà nội dung không phản ánh đúng tình hình thực tế. Nội dung các văn kiện ấy, hầu như những người dự hội nghị đã thuộc lòng vì được nghe nhiều lần và cũng đã lặp lại nhiều lần với những người khác khi về phổ biến; còn những thắc mắc, khó khăn của địa phương thì không đề cập đến và không được giải quyết cụ thể

Những con số cụ thể nêu lên trong báo cáo là cần thiết, nhưng cùng với những con số đó cần có sự phân tích nguyên nhân những việc làm tốt cũng như việc làm chưa tốt. Nếu không người ta khó nắm được thực chất tình hình và thiếu cơ sở để suy tính những biện pháp có hiệu lực thúc đẩy sự phát triển tình hình.

Hội nghị đề ra các chỉ tiêu công tác là cần thiết, nhưng phải thấy rằng, bản thân các chỉ tiêu ấy không thể biến thành hiện thực được nếu cách thức làm không được bàn sâu tính kỹ, tư tưởng và tổ chức không được giải quyết rõ ràng. Do một số hội nghị còn thoát ly thực tế nên những khuyết điểm, trì trệ, trở ngại không được giải quyết đến nơi đến chốn; do đó, khả năng thì có nhưng kết quả công việc còn thấp so với yêu cầu. Và cũng từ đó, hội nghị thì nhiều nhưng kết quả công việc chưa nhiều, thậm chí có những việc hội nghị nào cũng đặt ra nhưng chúng vẫn nằm ì một chỗ.

Ngoài ra, chất lượng hội nghị chưa cao còn do nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thật sự tôn trọng, cho nên dân chủ trong hội nghị còn thiếu, tập trung cũng không cao, những ý kiến khác nhau không được tranh luận để làm sáng tỏ vấn đề và có kết luận rõ ràng. Do hội nghị còn « thả nổi » cho nên trong khi thi hành nghị quyết, mỗi người hiểu một cách, làm một kiểu theo ý riêng của mình, thậm chí



Digitized by Google

có trường hợp không làm cũng chẳng sao. Do tinh thần trách nhiệm chưa cao cho nên người ta còn đổ lỗi cho nhau, tự phê bình và phê bình thiếu mạnh dạn và thẳng thắn. Có nơi có lúc, do dân chủ chưa được phát huy cho nên trí tuệ của tập thể có phần hạn chế, cán bộ muốn phản ánh sự thật nhưng còn dè dặt, ai mạnh dạn nói thẳng thì lãnh đạo có khi không nghe mà còn thành kiến.

Trong xem xét tình hình, nếu chúng ta không mạnh dạn nhìn thẳng vào sự thật chưa tốt đẹp thì không thể nào có được sự tốt đẹp đến với chúng ta. Nếu có người cho rằng, chú ý nhiều đến những khuyết điểm là cách nhìn bi quan, làm lu mờ thành tích, làm giảm lòng tin..., thì đó chẳng qua là họ chỉ thích mơn trớn, thích phô trương thành tích mà thôi. Những quan điểm tư tưởng ấy chỉ làm hạn chế năng lực của tập thể, làm giảm niềm tin và sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ chứ không phải là ngược lại.

Đánh giá tình hình là để giải quyết tình hình. Do đó, cần phải nắm thật chắc đường lối của Đảng, phải sát thực tế, phải hiểu đặc điểm của từng nơi. Khả năng tự nó không thể biến thành hiện thực, mà phải thông qua năng lực hoạt động thực tiễn. Vì rằng mọi thành quả đạt được không phải do ngẫu nhiên, mọi việc không phải chỉ có một chiều thuận lợi, và cũng không thể có một nghệ thuật động viên tài ba nào thay thế công tác tổ chức thực hiện mà đem lại kết quả theo sự mong muốn của ta được.

Rõ ràng chất lượng hội nghị không tách rời năng lực lãnh đạo và chỉ đạo hội nghị. Chất lượng hội nghị có được nâng cao thì kết quả thực hiện mới nhiều, mới tốt.

Chất lượng hội nghị cao hay thấp còn phụ thuộc vào trình độ theo dõi và nắm bắt tình hình diễn biến trong quá trình công tác. Mang tác phong quan liêu, đại khái, thoát ly thực tế, không sâu sát, lười suy nghĩ... thì không thể nào nâng cao chất lượng hội nghị. Chất lượng hội nghị còn tùy thuộc việc chuẩn bị nội dung hội nghị, mà chuẩn bị hội nghị là cả một quá trình, là một công phu động não chứ không phải chỉ là đưa ra những con số thống kê hời hợt, với những nhận xét đại khái, chung chung và sao chép nội dung nghị quyết của cấp trên. Chuẩn bị hội nghị chu đáo thì mới tránh được sự trùng lặp giữa hội nghị lần này với lần trước, mới khỏi lấn lộn chức năng của cơ quan chủ trì hội nghị.

Để nâng cao chất lượng hội nghị, phải chấn chỉnh, cải tiến nhiều mặt và tiến hành có hệ thống, phải kiên trì, từng bước nâng lên. Các cấp ủy Đảng có sự chuyển biến trước, làm gương cho các ban, ngành; cấp trên nêu gương tốt để cấp dưới noi theo.

Tuy vấn đề có những phức tạp và khó khăn, nhưng với tinh chiến đấu cách mạng cao và đầu óc thực hành sáng tạo, nhất định chúng ta sẽ tạo được sự chuyển biến tốt về chất lượng hội nghị.



Digitized by Google

# Công ty bảo hiểm cây trồng với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Kiến an

NGÔ VĂN DƯỠNG

TRÊN đồng ruộng Kiến an (Hải phòng) những năm qua, sâu bệnh phát triển có chiều hướng ngày càng tăng theo quá trình đưa nhanh các giống mới có năng suất cao vào sản xuất nông nghiệp. Riêng cây lúa, sâu bệnh đã làm giảm năng suất từ 15 đến 20%. Tính ra mỗi năm số thóc mất mát do sâu bệnh phá hoại có thể nuôi sống được vài chục nghìn người.

Một trong những nguyên nhân đưa đến tình trạng trên là việc tổ chức bảo vệ thực vật còn mang tính chất sản xuất nhỏ, khép kín trong mỗi hợp tác xã nông nghiệp; một số nơi chưa củng cố được đội bảo vệ thực vật phù hợp với cách khoán mới và thường khoán trắng việc phòng trừ sâu bệnh cho hộ xã viên; trạm bảo vệ thực vật huyện hoạt động theo lối hành chính, bao cấp, chưa phát huy được vai trò của một trung tâm khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện; mối quan hệ chỉ đạo phân phối, sử dụng thuốc trừ sâu giữa huyện với các hợp tác xã nông nghiệp cũng còn nhiều thiếu sót chưa phục vụ kịp thời và có hiệu quả sản xuất... Do đó, thuốc trừ sâu vốn đã ít lại bị phân tán, sử dụng không đúng kỹ thuật, vừa lãng phí vừa kém tác dụng, đôi khi còn gây độc hại cho người lao động.

Từ yêu cầu về bảo vệ sản xuất và phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu năm 1984 công ty bảo hiểm cây trồng huyện Kiến an đã ra đời trên cơ sở của trạm bảo vệ thực vật huyện.

Khi mới thành lập, công ty có 28 cán bộ thuộc biên chế Nhà nước và 297 lao động bảo vệ thực vật ở các hợp tác xã làm việc theo chế độ hợp đồng cho công ty. Đây là một nét mới trong việc phân công và tổ chức lao động nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay. Do tính chất quan trọng của công việc nên trong tổng số 12 kỹ sư nông nghiệp hiện có ở công ty thì tổ kỹ thuật nghiệp vụ chiếm 11 người. Số cán bộ khoa học kỹ thuật chủ chốt này hoạt động chủ yếu ở các cơ sở sản xuất để chỉ đạo kỹ thuật trực tiếp đối với hoạt động của đội bảo vệ thực vật trong các hợp tác xã. Trung bình mỗi kỹ sư phụ trách từ 500 đến 800 héc ta gieo trồng, nên việc quản lý, kiểm tra kỹ thuật và xử lý những tình huống sâu bệnh đã đạt kết quả tốt hơn khi phải phụ trách hàng nghìn héc ta. Trên cơ sở mỗi lao động bảo vệ thực vật phụ trách 25 ha gieo trồng, hợp tác xã chọn người và thành lập một đội bảo vệ thực vật. Những lao động này được công ty trả thù lao theo định mức khoán (mỗi vụ không quá 300kg lương



Digitized by Google

thực). Đội bảo vệ thực vật chịu sự điều hành trực tiếp của công ty về nghiệp vụ, kỹ thuật, còn các mặt khác do hợp tác xã quản lý. Chế độ làm việc giữa kỹ sư bảo vệ thực vật của công ty với phó chủ nhiệm hợp tác xã phụ trách trồng trọt và đội trưởng bảo vệ thực vật được quy định cụ thể hằng tuần và hằng tháng để thống nhất chỉ đạo và hợp đồng chặt chẽ trong hoạt động giữa công ty với các cơ sở sản xuất.

Với chức năng chủ yếu vừa là cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ thực vật ở huyện, vừa là một tổ chức dịch vụ kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh của cây trồng cho các hợp tác xã nông nghiệp, công ty có các nhiệm vụ chính sau đây: điều tra, phát hiện sớm, thông tin nhanh tình hình sâu bệnh và chủ động phòng trừ; xây dựng kế hoạch, lựa chọn phương án tốt nhất trong công tác bảo vệ thực vật; chuẩn bị chu đáo thuốc trừ sâu, dụng cụ trừ sâu và triển khai công tác phòng trừ sâu bệnh trên đồng ruộng kịp thời bằng nhiều biện pháp; cùng các hợp tác xã và đội bảo vệ thực vật thực hiện, thanh tra, đánh giá kết quả phòng trừ sâu bệnh và việc thực hiện hợp đồng của các bên tham gia v.v.

Trên cơ sở những nhiệm vụ đó, công ty quy định nhiệm vụ cụ thể gắn trách nhiệm với quyền lợi cho từng loại cán bộ và lao động kỹ thuật.

Phương thức hoạt động của công ty là thực hiện bảo hiểm cây trồng theo chế độ hợp đồng trách nhiệm giữa công ty với các hợp tác xã nông nghiệp. Trên nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng, chủ nhiệm hợp tác xã và giám đốc công ty bảo hiểm cây trồng trực tiếp ký hợp đồng với nhau. Ủy ban nhân dân huyện vừa chỉ đạo hoạt động của công ty, vừa là trọng tài kinh tế của các hợp đồng đó.

Công ty hoạt động theo nguyên tắc hạch toán riêng, lấy thu bù chi và dành một tỷ lệ thu nhập hợp lý để làm quỹ bảo hiểm cho năm sau. Trong những năm đầu, công ty tạm thời quy định lệ phí mà các hợp tác xã cần nộp mỗi vụ là 2% sản lượng thóc theo năng suất thống kê từng vùng; đối với những năm về sau, sẽ căn cứ vào định mức chi phí tối ưu để xác định mức thu lệ phí hợp lý.

Do hoạt động mang tính chất dịch vụ kỹ thuật, cho nên cách hạch toán của công ty bảo hiểm cây trồng này cũng khác so với các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất và kinh doanh. Phần lãi không trực tiếp thu về công ty mà được xác định ở sản lượng thóc tăng lên nằm trên đồng ruộng do hạn chế được sự mất mát đáng lẽ sâu bệnh đã gây ra.

Nội dung hợp đồng bảo hiểm cây trồng gồm những quy định về trách nhiệm, quyền lợi và mối quan hệ hoạt động giữa cán bộ công ty, ban quản trị hợp tác xã, đội bảo vệ thực vật đội sản xuất cơ bản và xã viên trong những khâu sản xuất cụ thể. Mức bồi thường thiệt hại do sâu bệnh gây ra cho hợp tác xã nông nghiệp cũng được quy định riêng cho từng trường hợp theo sản lượng thống kê trong vùng. Ví dụ: mức thiệt hại do sâu bệnh gây ra dưới 10% đối với vụ mùa và dưới 5% đối với vụ chiêm xuân thì công ty không phải bồi thường. Mức thiệt hại từ 10 – 20% thì hợp tác xã được bồi thường 1/1 số thiệt hại đó; từ 30–40%, hợp tác xã được bồi thường



Digitized by Google

1/3; từ 50% hợp tác xã được bồi thường 1/2; nếu thiệt hại toàn bộ thì hợp tác xã được công ty bồi thường 100% số thiệt hại đó v.v

★

Sau một thời gian hoạt động, công ty bảo hiểm cây trồng huyện Kiến an đã góp phần quan trọng bảo vệ được sản xuất, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển từng bước vững chắc. Hoạt động đó có tác dụng về nhiều mặt:

*Một là, giảm đáng kể mức thiệt hại do sâu bệnh phá hoại mùa màng, tạo điều kiện ổn định năng suất và tăng thêm sản lượng lương thực.*

Ở Kiến an, năm 1981, nhất là vụ mùa sâu bệnh phá lúa đã nhiều gấp hàng chục lần năm trước, trong khi đó lượng thuốc trừ sâu đã dùng, kể cả dự trữ, không tăng so với các năm qua, thậm chí là có rất ít so với yêu cầu của sản xuất (+). Nhưng nhờ có hoạt động tích cực của công ty cho nên công tác bảo vệ thực vật đã có kết quả tốt.

Vụ chiêm xuân năm 1981, lượng thuốc trừ sâu mà công ty sử dụng chỉ bằng 65% lượng thuốc bình quân đã sử dụng trong vụ chiêm xuân những năm trước, nhưng đã hạn chế được mức thiệt hại do sâu bệnh gây ra ở 21 hợp tác xã có hợp đồng bảo hiểm chỉ còn bình quân dưới 5%. Trong khi đó ở hợp tác xã An thắng chưa thực hiện hợp đồng bảo hiểm, mức thiệt hại là 14,6%.

Vụ mùa năm 1981, tất cả 25 hợp tác xã nông nghiệp đã được bảo hiểm toàn bộ diện tích lúa, mức thiệt hại do sâu bệnh gây ra bình quân toàn huyện là 8,8% (thấp hơn mức cho phép 1,2%), trong khi đó ở các nơi khác trong vùng bị thiệt hại từ 17% đến 28%. Ước tính cả 2 vụ năm 1981, do kết quả phòng trừ tốt sâu bệnh đối với cây trồng, toàn huyện đã giảm bớt mất mát trên hai nghìn tấn lương thực. Kết quả bước đầu này có ý nghĩa quan trọng vì nó khẳng định khả năng bảo đảm an toàn cho cây trồng trên một diện rộng, và *trong điều kiện nguồn thuốc trừ sâu của Nhà nước cung cấp cho nông nghiệp còn hạn chế, nếu biết phân phối, quản lý và sử dụng có hiệu quả, biết tổ chức tốt việc phòng trừ sâu bệnh thì vẫn có thể bảo vệ được sản xuất, hạn chế được nhiều thiệt hại do sâu bệnh gây nên.*

Kết quả hoạt động đó còn cho thấy việc bảo vệ thực vật thật sự là một biện pháp kỹ thuật quan trọng để thâm canh tăng năng suất cây trồng, góp phần tích cực giải quyết vấn đề lương thực thực phẩm trên địa bàn huyện.

*Hai là, thông qua việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm cây trồng, chống được khoán trắng trong việc bảo vệ thực vật, tạo điều kiện thuận lợi để khắc phục tình trạng khoán trắng trong các khâu khác của sản xuất.*

Trong hợp đồng bảo hiểm cây trồng, việc thực hiện đúng quy trình kỹ thuật canh tác cũng là một biện pháp quan trọng để phòng trừ tổng

(+) Ở Kiến an, lượng thuốc trừ sâu (kể cả dự trữ), tính bình quân cho một ha gieo trồng trong 1 vụ mới có 1—1,5 kg. Trong khi đó, ở các hợp tác xã nông nghiệp đạt từ 6 đến 8 tấn thóc/ha/vụ phải dùng tới trên 2 kg thuốc. Còn bình quân ở các nước trên thế giới hiện nay là 6,4 kg/ha/vụ.



Digitized by Google

hợp đối với sâu bệnh. Đó cũng là một trong những tiêu chuẩn cụ thể để xét mức độ được bồi thường thiệt hại đối với các hợp tác xã và từng gia đình nhận khoán. Vì vậy, người xã viên phải tự giác thực hiện những quy định về gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch theo quy hoạch và kế hoạch sản xuất của hợp tác xã, còn hợp tác xã thì phải tổ chức lại các đội chuyên cho phù hợp với cách khoán hiện nay. Hoạt động của công ty làm cho trách nhiệm của ban quản trị hợp tác xã và ban chỉ huy đội sản xuất gắn với nhau, chống được tình trạng buông lỏng quản lý sản xuất. Việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm cây trồng thể hiện sự liên kết kinh tế giữa quốc doanh và tập thể, làm cho quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với hợp tác xã và xã viên gắn bó chặt chẽ hơn trước. Tất cả điều đó cùng tác động vào sản xuất tạo những điều kiện thuận lợi mới để khắc phục dần tình trạng khoán trắng ở nhiều khâu của quá trình sản xuất, góp phần hoàn thiện từng bước cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp.

***Ba là, từ hoạt động có tính chất hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế, công ty bảo hiểm cây trồng Kiến an đã phát huy được quyền chủ động, sáng tạo, làm ăn có hiệu quả, kết hợp tốt hơn trước lợi ích kinh tế của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân người lao động.***

Năm 1984, công ty đã thu lệ phí ở các hợp tác xã được 594,297 tấn thóc. Công ty đã chi các khoản chính như sau: chi phí về tiền lương và tiền thưởng của cán bộ công ty là 96,27 tấn, bằng 16,2% tổng thu; chi về trả công cho 297 lao động chuyên bảo vệ thực vật ở các hợp tác xã là 143,959 tấn, bằng 24,2% tổng thu; chi để đền bù thiệt hại 243,958 tấn, bằng 41% tổng thu.

Như vậy với cách làm này, công ty vừa bù đắp được chi phí sản xuất và trang bị thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, vừa lập được quỹ bảo hiểm cho năm sau. Với đà đó, chỉ sau 5 đến 6 năm, công ty sẽ có được một quỹ bảo hiểm ngang mức thu của năm 1984. Đây là sự tiến bộ rõ rệt vì nó xóa bỏ được lối làm ăn bao cấp kém hiệu quả trước đây. Nếu các khâu khác của quá trình sản xuất (làm đất, làm thủy lợi, bón phân, xử lý giống v.v.) cũng làm được như vậy thì huyện có thể tiến tới bảo hiểm cây trồng theo nghĩa đầy đủ của nó; ngoài ra, còn lập được quỹ dự trữ lương thực để phòng thiên tai mất mùa. Từ đó, tiềm lực kinh tế của huyện cũng được tăng cường và Nhà nước có thể chủ động giúp đỡ nông dân khắc phục nhanh chóng những hậu quả do thiên tai địch họa có thể xảy ra.

Đi vào hạch toán, việc quản lý, phân phối thuốc trừ sâu cũng được cải tiến, tránh được hao hụt, mất mát và đáp ứng nhanh những yêu cầu của cơ sở sản xuất, tránh được những hiện tượng tiêu cực, tham ô, và nhiều thủ tục phiền hà (*).

Đối với hợp tác xã và xã viên, hoạt động của công ty đã mang lại lợi ích không nhỏ. So với mức chi phí trước đây thì mức đóng góp vào quỹ bảo hiểm bình quân 25 kg thóc/ha/vụ (tính ra 1 sào Bắc bộ khoảng 1 kg thóc/vụ) được hợp tác xã và xã viên dễ dàng chấp nhận. Còn thu nhập của cán bộ công ty và lao động chuyên bảo vệ thực vật ở hợp tác xã cũng được tăng lên rõ rệt. Ở hợp tác xã, mỗi đội viên thực vật có thu nhập

(*) Trước đây, do quản lý lỏng đã xảy ra tham ô hàng chục nghìn đồng tiền thuốc trừ sâu. Việc phân phối thuốc trừ sâu trước đây từ huyện đến hợp tác xã có khi chậm hàng chục ngày không đáp ứng yêu cầu dập tắt dịch bệnh, hiện nay việc này chỉ mất vài giờ.



Digitized by Google

tương đương với một lao động giỏi nhận khoán. Ở hợp tác xã Tân viên có người đã thu nhập riêng về công bảo vệ thực vật là 210 kg thóc/vụ.

*Bốn là, thông qua hoạt động của công ty, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được sử dụng đúng sở trường và chuyên môn, được động viên, khuyến khích kịp thời bằng lợi ích vật chất, cho nên đã tích cực làm việc, gắn bó thật sự với sản xuất.* Trên cơ sở đó, mạng lưới bảo vệ thực vật được củng cố vững chắc từ huyện đến hợp tác xã, tạo ra sức mạnh mới của sự phân công chuyên môn hóa lao động trên địa bàn huyện. Cách tổ chức kết hợp cả hai lực lượng cán bộ kỹ thuật trong biên chế Nhà nước và ở các hợp tác xã nông nghiệp như công ty bảo hiểm cây trồng Kiến an đã làm là sự vận dụng linh hoạt, có hiệu quả phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Vì vậy, những tiến bộ khoa học kỹ thuật về bảo vệ thực vật được áp dụng rộng rãi trong nông nghiệp, góp phần dập tắt nhanh các ổ dịch bệnh với chi phí ít nhưng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

*Năm là, qua sự chỉ đạo hoạt động của công ty, huyện có thêm nhiều kinh nghiệm để tổ chức các hoạt động dịch vụ kỹ thuật khác theo hướng bảo hiểm cây trồng một cách toàn diện từ khâu làm đất, làm thủy lợi, bón phân, đến xử lý giống,* bảo vệ thực vật. Thực hiện cách làm đó, sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyên môn hóa, tập trung, góp phần đưa nông nghiệp tiến từng bước vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

★

Hướng đi đúng đắn và những hoạt động có hiệu quả trong việc phục vụ sản xuất nông nghiệp của công ty bảo hiểm cây trồng Kiến an đã được thực tế khẳng định như một nhân tố mới trong việc tổ chức dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp trên địa bàn huyện. Hiện nay, công ty bảo hiểm cây trồng huyện Kiến an đã trở thành một mô hình tốt, đi đầu trong việc phục vụ nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mô hình công ty bảo hiểm cây trồng Kiến an đang được nhiều địa phương nghiên cứu và vận dụng đạt kết quả tốt. Cái mới của công ty này không chỉ là mô hình của nó có nhiều ưu điểm, điều quan trọng hơn là nó đã mạnh dạn thực hiện cách làm ăn có hiệu quả và thể hiện rõ hơn, cụ thể hơn nội dung xây dựng cấp huyện, cũng như nội dung hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp.

Từ những hoạt động của công ty, có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu về tổ chức hoạt động dịch vụ kỹ thuật bảo vệ thực vật.

*Thứ nhất*: cần chuẩn bị tốt việc ký hợp đồng giữa công ty và hợp tác xã với những quy định cụ thể, đầy đủ về việc thu lệ phí và mức bồi thường thiệt hại; xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên trong hợp đồng ký kết theo tinh thần tự nguyện, bình đẳng trong quan hệ kinh tế, hợp tác giúp đỡ nhau với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.



Digitized by Google

*Thứ hai*: người cán bộ kỹ thuật của công ty phải bám sát địa bàn hợp tác xã nông nghiệp, dám làm, dám chịu trách nhiệm về những quyết định xử lý phòng trừ sâu bệnh. Quan hệ giữa cán bộ công ty với phó chủ nhiệm hợp tác xã phụ trách trồng trọt và đội trưởng bảo vệ thực vật phải chặt chẽ; phải phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của hợp tác xã và xã viên. Những định mức chi phí, việc giao nhận vật tư phải công khai, rõ ràng, thanh toán sòng phẳng và chịu sự giám sát của cả công ty và hợp tác xã.

*Thứ ba*: không ngừng hoàn chỉnh tổ chức công ty theo yêu cầu của sản xuất, có chương trình cụ thể để huấn luyện bồi dưỡng nâng cao dần trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ từ công ty đến cơ sở. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ công tác bảo vệ thực vật nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sản xuất và đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

*Thứ tư*: công ty cần chuẩn bị và thực hiện tốt việc khuyến khích và kịp thời bồi dưỡng về vật chất cho những người lao động thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc hại.

*Thứ năm*: cấp huyện chỉ đạo sát để hoạt động của công ty đi đúng hướng, đồng thời quan tâm giải quyết kịp thời những khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty và các hợp tác xã cùng phối hợp thực hiện tốt công tác bảo vệ cây trồng ở địa phương.

Digitized by Google

# Nhìn lại mặt trận ngoại giao trong 40 năm qua

HOÀNG NGUYÊN

NGÀY 28-8-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt nam dân chủ cộng hòa thành lập và năm ngày sau, 2-9-1945, ra mắt nhân dân trong nước và thế giới với bản Tuyên ngôn độc lập bất hủ. Trong Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh kiêm chức Bộ trưởng Bộ ngoại giao. Từ đó đến nay, nhân dân Việt nam đã lập nên những thành tích đáng tự hào trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Chúng ta đã đánh thắng hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, và bước đầu đánh thắng chủ nghĩa bá quyền bành trướng Trung quốc. Trong những thành tích này, ngành ngoại giao, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, đã góp phần xứng đáng.

Một câu hỏi được đặt ra: chúng ta đã có những bí quyết gì để đạt những thành tích kỳ diệu như vậy và ngành ngoại giao đã vận dụng những bí quyết đó ra sao?

## ĐÁNH ĐỊCH BẰNG SỰ KẾT HỢP SỨC MẠNH CỦA DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH CỦA THỜI ĐẠI

Điều cơ bản là phải có cách nhìn đúng đắn về tình hình thế giới và biết vận dụng tình hình đó có lợi cho cuộc đấu tranh vì độc lập tự do. Đảng ta đã xác định rằng cách mạng Việt nam diễn ra trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai, khi ba dòng thác cách mạng đã hình thành và ở thế tiến công, khi chủ nghĩa đế quốc đã suy yếu, do đó cần phải và có thể sử dụng sức mạnh của thời đại để bổ sung và tăng cường cho sức mạnh của dân tộc. Muốn vậy, cần phải đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản và chủ nghĩa Mác – Lênin, từ đó mới thấy rõ được xu thế phát triển của thời đại.

Ngay trước lúc có chính quyền Nhà nước, trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng ta đã dứt khoát đứng về phía các lực lượng chống phát xít và, trước những thắng lợi bước đầu chống chủ nghĩa phát xít, Đảng ta vẫn tiên đoán rằng Liên xô nhất định thắng.

Trong những năm 50 và 60, Mỹ nắm ưu thế về vũ khí hạt nhân và rất hung hăng hiếu chiến. Lúc đó trên thế giới tràn lan tư tưởng phục Mỹ, sợ Mỹ. Nhiều người đánh giá thấp khả năng của ba dòng thác cách mạng và khả năng của con người trước các vũ khí hiện đại mà Mỹ có trong tay. Phong trào cách mạng lại bị chia rẽ khi chủ nghĩa Mao đưa ra những



Digitized by Google

luận điệu cực « tả » hòng tranh giành ảnh hưởng với Liên xô. Tình hình chia rẽ đó làm cho nhiều người lo ngại, và họ càng trở nên bi quan khi thấy cách mạng ở một số nơi có những bước thụt lùi: Công-gô năm 1961, In-đô-nê-xi-a năm 1965, Bô-li-vi-a năm 1967... Tuy nhiên, Đảng ta vẫn đánh giá là lực lượng cách mạng mạnh hơn lực lượng của bọn đế quốc và phản động vì ba dòng thác cách mạng vẫn ở thế tiến công; Liên xô đã phóng lên vũ trụ vệ tinh nhân tạo đầu tiên của loài người, làm phá sản chiến lược của Mỹ « trả đũa ồ ạt » và « đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản »; sau trận Điện biên phủ, chủ nghĩa thực dân cũ bước vào giai đoạn sụp đổ hoàn toàn, và chủ nghĩa thực dân mới cũng bắt đầu lung lay, như ở Cu-ba năm 1959, ở Lào những năm 1960 — 1962.

Dựa trên sự phân tích tình hình thế giới như vậy, Đảng đã quyết định đánh Mỹ, và các hoạt động ngoại giao của ta đều nhằm theo hướng hình thành một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết và ủng hộ Việt nam, chống đế quốc Mỹ xâm lược với một quy mô rộng lớn chưa từng có, lấy Liên xô làm nòng cốt. Mặc dù có ý đồ thâm kín rất xấu xa, nhưng trong lúc Mỹ còn có thái độ thù địch với nó, Trung quốc không thể không viện trợ cho ta. Đó là vì lợi ích bảo vệ an ninh của Trung quốc từ biên giới phía nam, hơn nữa đó là vì Trung quốc muốn lợi dụng cuộc đấu tranh của nhân dân ta để phục vụ lợi ích nước lớn của Trung quốc.

Điều đáng chú ý là mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt nam chống đế quốc Mỹ xâm lược bao gồm cả nhân dân Mỹ.

Sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại đã được biểu hiện tuyệt đẹp trong việc nhân dân ta thực hiện liên minh chiến đấu với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em. Qua kháng chiến chống Pháp, rồi kháng chiến chống Mỹ, liên minh đó đã vượt qua bao nhiêu thử thách, đánh bại bao nhiêu âm mưu chia rẽ của bọn đế quốc và phản động quốc tế, và sau cùng đã đưa cả ba nước tới thắng lợi gần như cùng một thời gian. Với việc đập tan những cố gắng của bọn bá quyền bành trướng Trung quốc định đặt một đầu cầu cuối cùng ở Đông dương trên lãnh thổ Cam-pu-chia, liên minh giữa ba nước bước vào một giai đoạn mới, được đánh dấu bằng cuộc Hội nghị cấp cao Viêng chăn tháng hai năm 1983.

Sở dĩ ta thành công trong việc đoàn kết nhân dân thế giới ủng hộ ta chống Pháp cũng như chống Mỹ, là vì giữa nhân dân ta và nhân dân thế giới, có sự nhất trí về mục tiêu đấu tranh, về xác định bạn thù. Về bạn, thù, ta bao giờ cũng đứng trên lập trường có nguyên tắc, khác hẳn những kẻ luôn luôn thay đổi bạn, thù vì lợi ích dân tộc ích kỷ của họ.

Ta đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, nhưng luôn luôn coi trọng việc giữ gìn hòa bình thế giới. Đó là một trong những lý do vì sao, trong lúc nhiều người tình nguyện sang Việt nam sát cánh cùng nhân dân ta đánh Mỹ, ta trân trọng cảm ơn, nhưng đã từ chối sự giúp đỡ đó.

Từ 10 năm nay, cuộc đấu tranh của ta chống chủ nghĩa bá quyền bành trướng Trung quốc là nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, nhưng cũng nhằm bảo vệ hòa bình và an ninh trong khu vực Đông Nam châu Á. Bọn bá quyền bành trướng Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, xâm lược nước ta, rồi sau khi thất bại, tiến hành một cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống nước ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia. Nhưng một mặt, sự vững mạnh của Việt nam về kinh tế và quốc phòng, sự hồi sinh kỳ diệu của Cam-pu-chia, sự đoàn kết vững chắc của ba nước Đông dương, cùng thiện chí hòa bình biểu hiện qua bao



Digitized by Google

nhiều đề nghị xây dựng của ba nước; mặt khác, dã tâm ngày càng lộ rõ của Trung quốc không chịu chấm dứt sự ủng hộ đối với các đảng mao ít, không chịu rút lui những tham vọng ở khu vực Biển Đông, cùng những thất bại trong việc sử dụng bọn Pôn Pốt, sự tan rã không thể cứu vãn của bọn này; tất cả những tình hình đó đã dần dần khiến cho triển vọng về một khu vực Đông Nam châu Á hòa bình và ổn định ngày càng sáng sủa.

## ĐẨY LÙI TỪNG BƯỚC, ĐÁNH ĐỔ TỪNG BỘ PHẬN, TIẾN LÊN GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN

Trong 40 năm qua, những thế lực xâm lược Việt nam là những tên đế quốc và bá quyền có tiềm lực vật chất to lớn, chúng lại coi chính sách xâm lược Việt nam là một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu của chúng.

Pháp xâm lược Việt nam không phải chỉ nhằm khôi phục nền thống trị của nó ở nước ta, mà còn nhằm giữ vững toàn bộ hệ thống thuộc địa trên thế giới, từ đó khôi phục địa vị cường quốc của Pháp.

Chiến lược toàn cầu của Mỹ trong những năm 60 là nhằm chống phong trào giải phóng dân tộc mà Mỹ cho là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với lợi ích và vị trí của Mỹ trên thế giới. Việt nam chống Mỹ là sự thách thức to lớn đối với Mỹ. Việt nam thắng Mỹ cổ vũ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nơi khác. Cho nên Mỹ quyết tâm đè bẹp cuộc kháng chiến của nhân dân ta, mà ta cũng quyết tâm giải phóng miền Nam. Do đó, cuộc đụng đầu giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ là một cuộc đụng đầu lịch sử.

Trong chiến lược toàn cầu của Trung quốc, Việt nam và Đông dương vừa là bàn đạp để Trung quốc thực hiện bá quyền ở Đông Nam châu Á, vừa là công cụ chủ yếu phục vụ chiến lược toàn cầu và vai trò nước lớn của Trung quốc trên thế giới. Cho nên từ 1949 đến 1975, Trung quốc vừa ủng hộ vừa kiềm chế cách mạng Việt nam. Từ năm 1975 đến nay, Trung quốc thay Mỹ làm sen đầm khu vực và làm chỗ dựa cho các thế lực phản động ở Đông Nam châu Á chống cách mạng Việt nam và Đông dương. Chính sách của Trung quốc đối với Việt nam và Đông dương từ năm 1975 cũng là nằm trong chiến lược toàn cầu của Trung quốc: câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động nhất chống Liên xô và cách mạng thế giới, nhằm tranh thủ vốn và kỹ thuật của Mỹ và phương Tây, phục vụ kế hoạch bốn hiện đại hóa đầy tham vọng của Trung quốc.

Vì tầm quan trọng của Việt nam đối với họ, cho nên cả Pháp, Mỹ và Trung quốc đều đã huy động lực lượng lớn nhất mà họ có thể huy động được để chống Việt nam. Tuy nhiên, họ không thể dốc toàn lực chống Việt nam, vì chỗ yếu cơ bản của họ là phi nghĩa và gặp nhiều mâu thuẫn. Trong khi xâm lược Việt nam, họ đồng thời phải dành một phần quan trọng lực lượng để chống Liên xô và các lực lượng cách mạng khác trên thế giới, chống các thế lực đế quốc và phản động khác nhân cơ hội muốn giành giật quyền lợi với họ ở các khu vực trọng yếu khác, chống nhân dân ở chính nước họ. Hiện tượng leo thang chiến tranh của Mỹ chống hai miền Nam, Bắc nước ta là một thí dụ điển hình của sự hạn chế trong việc sử dụng sức mạnh của Mỹ. Trung quốc huy động 60 vạn quân xâm lược Việt nam, nhưng lại phải huy động một bộ phận quân đội lớn hơn đưa ra khu vực giáp biên giới với Liên xô, Mông cổ.



Digitized by Google

Pháp đánh Việt nam vì những tính toán về lợi ích toàn cầu, nhưng rồi thất bại, cho nên năm 1951 Pháp thấy nếu còn tiếp tục đánh sẽ còn thua nặng hơn, ảnh hưởng tai hại tới vị trí của Pháp ở châu Âu và lợi ích của Pháp trên toàn thế giới. Những tính toán về lợi ích toàn cầu khi đó đã khiến Pháp tìm cách chấm dứt chiến tranh tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Mỹ lao vào Việt nam vì Việt nam là mũi nhọn của phong trào giải phóng dân tộc đang đe dọa Mỹ. Nhưng rồi Mỹ thua ở Việt nam và Mỹ phải rút khỏi Việt nam để tránh thua đậm hơn nữa, ảnh hưởng nặng nề hơn nữa đến lợi ích của Mỹ trên toàn thế giới. Nhưng vì đây là cuộc đụng đầu lịch sử và Mỹ đã thua, cho nên khi Mỹ rút, sự thiệt hại của Mỹ trên toàn thế giới cũng rất nghiêm trọng, và thế giới đã bước vào « thời kỳ sau Việt nam » trong đó ba dòng thác cách mạng có sức phát triển và thế tiến công mới, còn bọn đế quốc thì lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu và chia rẽ sâu sắc.

Bọn bá quyền bành trướng Trung quốc đã bước đầu nếm mùi thất bại khi chúng thực hiện chính sách đối đầu với Việt nam. Chúng sẽ còn thất bại nặng hơn nữa nếu chúng ngoan cố tiếp tục chính sách thù địch với nước ta. Liệu chúng có rút được bài học của Pháp và Mỹ trước đây không?

Về phía nhân dân ta, đứng trước những kẻ thù lúc đầu hùng hổ và cố bám như vậy, rõ ràng ta không thể nhanh chóng đánh thắng bọn chúng và cùng một lúc đạt tất cả các mục tiêu cuối cùng. Ta, « ở mỗi thời kỳ nhất định hay mỗi tình thế nhất định, biết đề ra được mục tiêu cụ thể sát hợp nhất, biết dựa theo quy luật khách quan mà điều khiển cuộc đấu tranh thế nào để thực hiện mục tiêu đó với mức thắng lợi tối đa, mở đường cho cách mạng tiến lên những bước mới cao hơn và tạo ra triển vọng chắc chắn nhất cho thắng lợi cuối cùng » (1).

Hoạt động ngoại giao đã cụ thể hóa những thắng lợi nói trên qua những bước đi khác nhau. Năm 1946, ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ 6-3: từ một nước bị xóa tên trên bản đồ, ta buộc Pháp phải thừa nhận Việt nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng, tuy còn nằm trong Liên bang Đông dương và trong khối Liên hiệp Pháp.

Năm 1954, với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ ta đạt được thắng lợi cao hơn: Pháp và bọn đế quốc nói chung phải thừa nhận nước ta là một nước có đầy đủ các quyền dân tộc cơ bản: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Một nửa nước ta hoàn toàn giải phóng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, một nửa nước phải tạm thời sống dưới ách thực dân mới của Mỹ.

Năm 1960, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam ra đời với cương lĩnh đấu tranh cho một miền Nam độc lập và hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Cương lĩnh này là sự vận dụng sách lược hết sức tài tình, tạm thời gác lại vấn đề đưa miền Nam lên chủ nghĩa xã hội để tập trung chống Mỹ xâm lược. Sách lược này đã có tác dụng phân hóa cao độ hàng ngũ địch, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân trong nước và dư luận thế giới.

Năm 1964 — 1965, Mỹ tiến hành chiến tranh cục bộ chống Việt nam, dùng lực lượng không quân đánh phá miền Bắc và đưa quân xâm lược miền Nam. Ta đưa ra khẩu hiệu tập trung vào việc đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc. Năm 1968, Mỹ phải làm

(1) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr. 38.



Digitized by Google

theo đòi hỏi của ta, tạo điều kiện thuận lợi cho ta xây dựng hậu phương lớn miền Bắc.

Năm 1973, ta ký với Mỹ Hiệp định Pa-ri, góp phần làm thay đổi căn bản lực lượng so sánh. Trước đây, Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 quy định quân đội Pháp phải rút khỏi miền Bắc, đồng thời quân đội Việt nam cũng phải rút khỏi miền Nam. Hiệp định Pa-ri năm 1973 quy định quân Mỹ rút khỏi miền Nam trong khi quân đội miền Bắc tiếp tục có mặt tại đó. Đây là điều quyết định nhất đưa đến thắng lợi hoàn toàn giải phóng miền Nam Việt nam mùa xuân năm 1975.

## ĐẤU TRANH TRÊN CẢ BA MẶT TRẬN: QUÂN SỰ, CHÍNH TRỊ NGOẠI GIAO

Cuộc chiến đấu chống kẻ thù của chúng ta đã diễn ra trên nhiều mặt trận. Trong kháng chiến chống Pháp, ta có khẩu hiệu « kháng chiến toàn diện ». Trong kháng chiến chống Mỹ, ta đấu tranh trên ba mặt trận : quân sự, chính trị và ngoại giao. Có kẻ chỉ muốn ta đấu tranh quân sự, họ muốn Việt nam làm chiến tranh với Mỹ để họ đàm phán với Mỹ. Nhưng ta kiên trì đường lối độc lập, tự chủ của ta.

Đảng đã dành riêng một kỳ họp của Ban chấp hành trung ương để bàn về việc đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao. Nghị quyết Hội nghị thứ 13 của Trung ương Đảng (khóa III) viết : « Đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu, quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao có vai trò quan trọng, tích cực và chủ động ».

Thực hiện nghị quyết nói trên, ngoại giao một mặt tiếp tục mở rộng các hoạt động nhằm tranh thủ thêm bạn bớt thù dựa trên cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng, mặt khác mở một cuộc tiến công trực diện vào đế quốc Mỹ. Ta đưa ra khẩu hiệu đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc và tuyên bố nếu Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống nước Việt nam dân chủ cộng hòa thì Việt nam có thể nói chuyện với Mỹ. Đòi hỏi chính đáng này đã gây sức ép lớn đối với địch. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), Mỹ phải chấm dứt ném bom bộ phận lãnh thổ miền Bắc và bước vào quá trình xuống thang chiến tranh. Ta tuyên bố chấp nhận ngồi lại với Mỹ để xác định việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện ném bom miền Bắc. Kết quả là ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc và họp Hội nghị bốn bên với sự tham gia của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt nam. Bên cạnh Hội nghị bốn bên công khai, một cuộc đàm phán bí mật giữa Mỹ và miền Bắc Việt nam đã được tiến hành để thật sự giải quyết cuộc chiến tranh. Trên bàn Hội nghị, ta tiến công địch trên hai vấn đề cơ bản : đòi quân Mỹ phải rút khỏi miền Nam và Mỹ phải thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam. Cục diện « vừa đánh vừa đàm » kéo dài trong bốn năm đã góp phần cùng đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị thực hiện chiến lược kiềm chế và thắng địch ở



Digitized by Google

miền Nam và bảo vệ miền Bắc, đồng thời đã tác động mạnh mẽ vào hậu phương của Mỹ, vào dư luận thế giới, đặc biệt là phân hóa hàng ngũ địch và khoét sâu mâu thuẫn giữa Mỹ và ngụy. Bốn năm « vừa đánh vừa đàm », cùng với những thất bại của Mỹ trong việc mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia và đường 9 – Nam Lào, đã buộc Mỹ phải đi vào giai đoạn kết thúc chiến tranh.

Mặt trận ngoại giao đã làm trách nhiệm chính của mình, đưa đến việc ký kết Hiệp định Pa-ri năm 1973. Hiệp định Pa-ri rõ ràng đã phản ánh đầy đủ những thắng lợi của quân và dân ta trên chiến trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam năm 1975.

## XỬ LÝ TỐT VẤN ĐỀ THỜI GIAN, BIẾT NẮM THỜI CƠ

Lợi ích của bọn xâm lược chống Việt nam là đánh nhanh thắng nhanh. Chúng không thể tiến hành chiến tranh lâu dài, vì càng kéo dài càng phải đối phó với thêm nhiều khó khăn, mâu thuẫn.

Về phía ta, đấu tranh chống những kẻ địch có sức mạnh vật chất áp đảo, ta phải dựa vào chính nghĩa và đường lối đúng đắn, nhưng ta cần có thời gian để xây dựng lực lượng vật chất và tranh thủ sự ủng hộ của dư luận rộng rãi; thời gian cũng có tác dụng khoét sâu những chỗ yếu của kẻ địch, và làm cho dư luận thấy rõ sự phi nghĩa và những tội ác của chúng. Nhưng đánh lâu dài không có nghĩa là « trường kỳ mai phục ». Ta chủ trương, cùng với phương châm chiến lược đánh lâu dài, ra sức tranh thủ giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài, khi chấm dứt một giai đoạn đấu tranh, ta cần có thời gian để củng cố thắng lợi và chuẩn bị cho bước đấu tranh tiếp theo. Trong những trường hợp đó, ngoại giao được sử dụng vào việc tranh thủ thời gian hòa hoãn.

Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng còn trứng nước mà phải đứng trước 30 vạn quân của bốn nước đế quốc và phản động nhất trí với nhau trong việc thủ tiêu cách mạng Việt nam, Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch đã vạch ra đường lối sáng suốt và dày mưu trí: tạm thời hòa hoãn với quân đội Tưởng Giới Thạch, sau đó ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946 với Pháp để có hòa bình. Trong thời gian hòa bình tạm thời đó, ta đã xây dựng và củng cố chính quyền và lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt bọn phản động tay sai nước ngoài, mở rộng và củng cố mặt trận dân tộc thống nhất.

Với việc ký Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, ta có điều kiện để giữ vững hòa bình ở miền Bắc cho tới năm 1964. Trong 10 năm, ta đã hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng kinh tế, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Ta đã tranh thủ sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thắt chặt mối quan hệ đồng minh với các nước này, mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước dân tộc chủ nghĩa, phát huy vai trò và vị trí quốc tế của Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Chính nhờ có lực lượng chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao được xây dựng trong 10 năm đó mà miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã có thể đóng được vai trò quyết định, chi viện được sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, đồng thời đánh thắng được cuộc chiến tranh bằng không quân của Mỹ ở miền Bắc.



Digitized by Google

Ra sức tranh thủ giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất có thể được, ta nắm bắt kịp thời những thời cơ thuận lợi để đẩy cách mạng tiến lên vượt bậc.

Từ tháng 5 năm 1941, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã phán đoán sự phát triển của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai là cuối cùng Liên xô sẽ thắng Đức, thắng Nhật. Trên cơ sở đó, Đảng đề ra phương hướng đón thời cơ, chuẩn bị lực lượng và phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền vào đúng lúc Nhật vừa đầu hàng và trước khi quân đồng minh vào nước ta.

Năm 1974, cũng với sự đánh giá tình hình sắc bén và phán đoán đúng thời cơ, Đảng ta hạ quyết tâm chiến lược giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta. Một vấn đề rất quan trọng phải xem xét là nếu phát động tổng tiến công và nổi dậy, Mỹ có khả năng can thiệp trở lại hay không. Ngoại giao có nhiệm vụ quan sát và tham mưu để Đảng đi đến kết luận rằng xu thế ở Mỹ là không muốn có một Việt nam thứ hai, Mỹ đang bị khủng hoảng chính trị (vụ Oa-tơ-ghết), khủng hoảng kinh tế và năng lượng, Mỹ khó có khả năng quay trở lại. Trên cơ sở sự phân tích biện chứng và khoa học đó, cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 đã được phát động và giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta đã nhân những năm bầu cử tổng thống Mỹ là thời gian những mâu thuẫn giữa các tập đoàn thống trị Mỹ nổ ra gay gắt, để tiến công địch về quân sự và ngoại giao.

Ra sức tranh thủ thời cơ thuận lợi. Đảng ta còn chuẩn bị sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Năm 1954, ta buộc phải chấp nhận những điều khoản chưa phù hợp với so sánh lực lượng lúc bấy giờ. Rút kinh nghiệm, ta đã chuẩn bị để có thể vẫn tiếp tục chiến đấu ngay trong trường hợp xấu nhất là Trung quốc lại phản bội ta trong chống Mỹ và cắt viện trợ quân sự. Do đó, việc câu kết Trung – Mỹ qua thông cáo Thượng hải năm 1972 và sức ép của Trung quốc đã không buộc được ta nhân nhượng và chúng ta đã tiếp tục chiến đấu đến thắng lợi.

★

Qua hai cuộc kháng chiến, nhất là kháng chiến chống Mỹ, Việt nam đã trở thành biểu tượng của lòng dũng cảm, trí thông minh và sự quyết tâm đấu tranh cho độc lập tự do. Vị trí và ảnh hưởng quốc tế của cách mạng Việt nam được nâng cao chưa từng có. Nước ta hiện có quan hệ ngoại giao với trên 100 nước và nhiều tổ chức quốc tế. Việt nam là thành viên của Liên hợp quốc, của Phong trào không liên kết. Ngày nay, chúng ta tiếp tục thực hiện và phát triển đường lối đối ngoại của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa hoạt động ngoại giao phục vụ một cách có hiệu quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

# Một số tư liệu về quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa Việt nam — Liên xô

TRONG sự nghiệp cách mạng của mình, nhân dân ta luôn luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình, sự giúp đỡ hào hiệp, quý báu của nhân dân Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Ngày 30-1-1950, quan hệ ngoại giao giữa Việt nam và Liên xô được thiết lập, mở ra một giai đoạn mới cho mối quan hệ hữu nghị vốn có từ lâu giữa nhân dân hai nước.

Tháng 7 năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta lần đầu tiên sang thăm chính thức Liên xô. Ngày 18-7-1955, Hiệp định thương mại đầu tiên giữa Việt nam và Liên xô được ký kết.

Trong những năm 1955 — 1959, Liên xô giúp Việt nam khôi phục và xây dựng 45 công trình nhằm khắc phục hậu quả nặng nề của 9 năm chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp, và tạo nền tảng cho khu vực kinh tế Nhà nước. Trong số này có những công trình có ý nghĩa quan trọng như nhà máy cơ khí Hà nội, mỏ thiếc Tĩnh túc và khu mỏ a pa tít Lao cai, các nhà máy nhiệt điện ở Lao cai, Vinh, nhà máy cá hộp ở Hải phòng, một số trạm phát điện, các xí nghiệp chế và các công trình khác.

Hiệp định hợp tác văn hóa (được ký ngày 15-2-1957), Hiệp định hợp tác khoa học — kỹ thuật (được ký ngày 7-3-1959) giữa Việt nam và Liên xô đã góp phần mở rộng quan hệ giữa hai nước, tạo điều kiện phát triển sự hợp tác toàn diện.

Ngày 23-12-1960, trước khi nước ta bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm thứ nhất (1961 — 1965), Hiệp định về việc Liên xô giúp đỡ về kinh tế và kỹ thuật cho Việt nam trong công cuộc phát triển kinh tế quốc dân những năm 1961 — 1965 được ký kết.

Trong những năm 1961 — 1965, Liên xô đã giúp chúng ta xây dựng 43 công trình lớn nhằm giải quyết các nhiệm vụ của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nền công nghiệp dân tộc nhiều ngành. Trong ngành nhiên liệu — năng lượng, nhà máy nhiệt điện Uông bí, nhà máy thủy điện Thác bà được xây dựng và đưa vào khai thác làm cho sản lượng điện của nước ta tăng gấp đôi; các xí nghiệp khai thác than được khôi phục và phát triển, ngay từ năm 1962 đã khai thác được 3 triệu tấn than đá. Ngành chế tạo máy cũng được xây dựng và phát triển, ngoài việc mở rộng và hiện đại hóa nhà máy cơ khí Hà nội, Liên xô còn giúp ta xây dựng một loạt các xí nghiệp sửa chữa cơ khí và sản xuất phụ tùng. Với sự giúp đỡ của Liên xô, hệ thống đường giao thông được sửa sang và phát triển, các phương tiện vận tải được tăng cường và hiện đại hóa, một loạt các kho tàng được xây dựng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhiều nông trường quốc doanh được



Digitized by Google

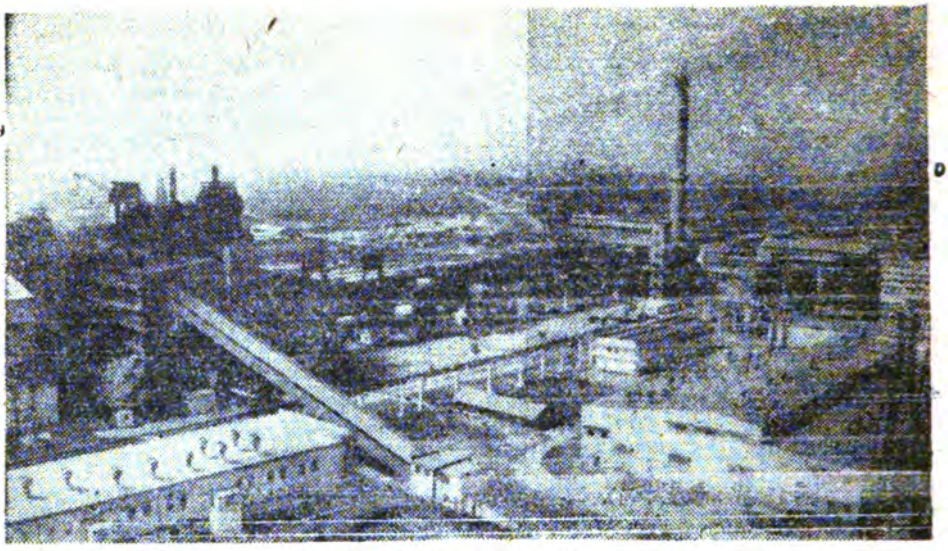

*Nhà máy xi măng Bỉm sơn*

thành lập và phát triển ; một hệ thống thủy lợi được xây dựng đã góp phần quan trọng vào việc thâm canh tăng năng suất ở đồng bằng Bắc bộ, một loạt các nhà máy, xí nghiệp chế biến nông sản ra đời.

Cũng trong những năm đó, Liên xô giúp ta xây dựng xong Trường đại học bách khoa Hà nội — trường đại học lớn nhất và hiện đại nhất ở Việt nam.

Từ năm 1965, do cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nền kinh tế của Việt nam phải chuyển từ thời bình sang thời chiến. Trong giai đoạn vô cùng khó khăn và ác liệt này, những hiệp định mới về việc Liên xô giúp Việt nam phát triển kinh tế quốc dân và củng cố khả năng phòng thủ đất nước tiếp tục được ký kết. Trong những năm 1965—1975, Liên xô đã đưa đến Việt nam những hàng hóa vô cùng cần thiết đối với cuộc sống lao động và chiến đấu của nhân dân Việt nam, góp phần quan trọng vào cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Ngày 18-12-1975, Hiệp định về việc Liên xô giúp đỡ Việt nam xây dựng 40 công trình thuộc các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp than và hóa chất, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm, nông nghiệp, giao thông vận tải và các ngành kinh tế khác được ký kết. Hiệp định này đáp ứng những nhu cầu phát triển của các miền trên đất nước Việt nam đã hoàn toàn thống nhất. Bản hiệp định này cũng đã dự kiến một hình thức mới trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, đó là hình thức giúp đỡ kỹ thuật trên cơ sở có hoàn lại (trong việc sản xuất thiếc, trồng chè, cà phê, một số cây ăn quả và cây công nghiệp).

Với sự giúp đỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, ngay sau khi miền Nam được giải phóng, việc phục hồi tuyến đường sắt Hà nội — thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành và đến tháng 1-1977, tuyến đường này đã thông suốt, góp phần quan trọng vào việc vận chuyển hàng hóa và hành khách.



Digitized by Google

Ngày 3-11-1978, trong dịp đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ nước ta do đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn và đồng chí Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm Liên xô, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt nam và Liên xô được ký kết. Đây là một sự kiện trọng đại, đặt nền tảng cho việc tiếp tục tăng cường các mối quan hệ tương hỗ, tình hữu nghị anh em và sự hợp tác toàn diện giữa Việt nam và Liên xô.

Trong những năm 1976 – 1980, quan hệ hợp tác kinh tế – kỹ thuật Việt nam – Liên xô được mở rộng. Nhiều công trình có tầm vóc to lớn đã được khởi công xây dựng. Đặc biệt trong những năm 1981 – 1985, Liên xô giúp ta thiết kế, xây dựng, cải tạo và hoàn tất nhiều công trình và đề tài hợp tác, trong đó lớn nhất là nhà máy thủy điện Hòa bình trên sông Đà với công suất 1,92 triệu ki lô oát; nhà máy nhiệt điện Phả lại với công suất 660 000 ki lô oát; nhà máy thủy điện Trị an, với công suất 400 000 ki lô oát; nhà máy xi măng Bỉm sơn với công suất 1,2 triệu tấn/năm; nhà máy chế tạo động cơ di ê den Gò dầm với công suất 100 000 sức ngựa/năm; nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông làm nhà ở Xuân mai với công suất 109 000 $m^2$ nhà ở/năm; nhà máy thiếc Quỳ hợp 1000 tấn/năm; mở rộng nhà máy su pe phốt phát Lâm thao từ 100 000 tấn/năm lên 300 000 tấn/năm, khôi phục và mở rộng mỏ a pa tít Lao cai và xây dựng nhà máy làm giàu quặng với công suất 1,8 triệu tấn/năm; xây dựng một loạt nhà máy hóa chất, các xí nghiệp sửa chữa cơ khí; 2 trạm liên lạc vệ tinh mặt đất Hoa sen; cầu Thăng long, Cung văn hóa công nhân ở Hà nội; một loạt công trình nông nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm v.v. Đến nay phần lớn các công trình đó đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đã phát huy hiệu quả kinh tế, một số khác đang ở giai đoạn thi công khẩn trương. Hiện nay hơn 200 công trình do Liên xô giúp đỡ xây dựng đang hoạt động trong các ngành

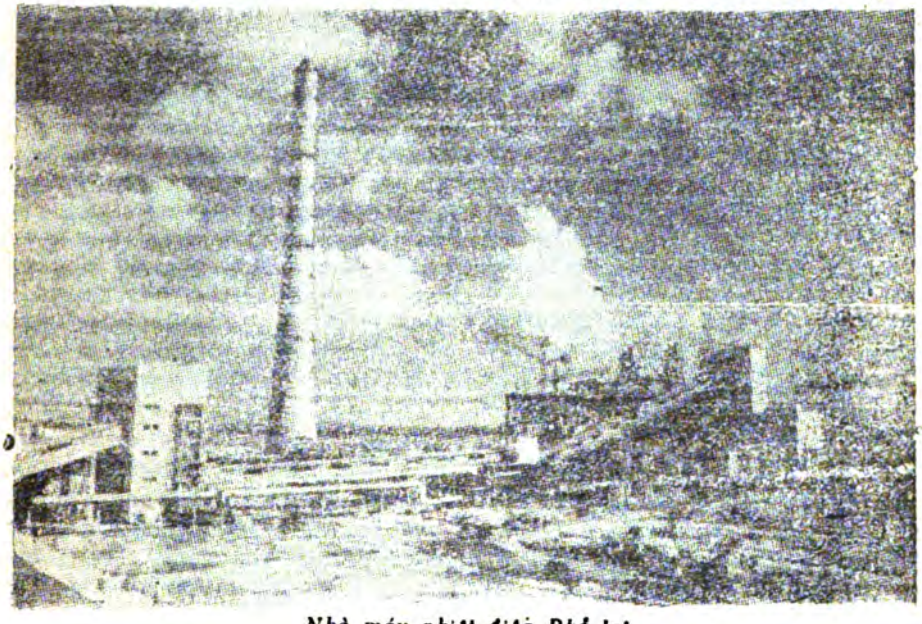

*Nhà máy nhiệt điện Phả lại*



Digitized by Google

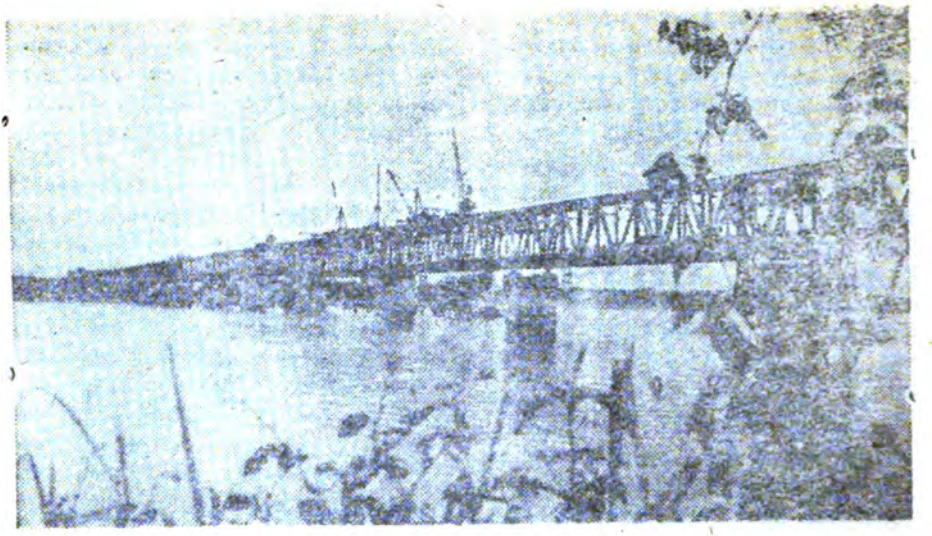

*Cầu Thăng long*

kinh tế của nước ta với năng lực sản xuất đã được đưa vào khai thác, bao gồm : ngành điện – hơn 500 000 ki lô oát, chiếm 35% sản lượng điện ; ngành khai thác than – gần 6 triệu tấn/năm, chiếm 95,2% sản lượng than ; sản xuất xi măng – 1 200 000 tấn/năm, chiếm 50,5% sản lượng xi măng ; thiếc – 550 tấn/năm chiếm 38% ; khai thác quặng a pa tít – 500 000 tấn/năm, chiếm 100% ; toàn bộ sản lượng su pe phốt phát, a xít xun phua ríc, máy cắt gọt kim loại ; các nông trường quốc doanh trồng chè, cà phê và các cây nhiệt đới với diện tích 100 000 héc ta... Liên xô không những giúp ta về vật chất – kỹ thuật mà còn gửi hàng nghìn người con ưu tú – những chuyên gia đầy nhiệt tình và giàu kinh nghiệm – đến làm việc trên đất nước chúng ta.

Trong những năm 1976 – 1980, khối lượng hợp tác kinh tế Việt nam – Liên xô gần bằng toàn bộ khối lượng của cả 20 năm đầu tiên của sự hợp tác (1955 – 1975). Trong những năm 1981 – 1985, khối lượng đó lại tăng gấp 2 lần và theo dự tính, trong những năm 1986 – 1990, khối lượng hợp tác kinh tế đó sẽ tăng gấp đôi so với những năm 1981 – 1985

Trước năm 1975, mối quan hệ kinh tế – thương mại giữa Việt nam và Liên xô được thể hiện bằng việc Liên xô giúp Việt nam xây dựng các công trình, cung cấp hàng hóa cho Việt nam trên cơ sở không hoàn lại và cho vay ; Việt nam cung cấp cho Liên xô một số sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, hàng thủ công mỹ nghệ v.v. Sau năm 1975, khi đất nước Việt nam đã thống nhất, mối quan hệ kinh tế – thương mại giữa Việt nam và Liên xô bước vào giai đoạn mới và phát triển vượt bậc với hình thức trao đổi hàng hóa, hai bên cùng có lợi. Trong những năm 1981 – 1985, kim ngạch ngoại thương giữa nước ta và Liên xô tăng lên gấp đôi so với thời kỳ 1976 – 1980 ; năm 1982 lần đầu tiên kim ngạch ngoại thương giữa hai nước vượt quá 1 tỷ rúp, năm 1984 đạt 1 tỷ 268,8 triệu rúp. Liên xô luôn luôn là bạn hàng lớn nhất của ta ; năm 1984 giá trị buôn bán giữa ta với Liên xô chiếm 63,3% tổng giá trị



Digitized by Google

ngoại thương của nước ta. Hàng hóa ta nhập của Liên xô có ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống kinh tế của nước ta : 100% nhu cầu về xăng dầu, 90,9% số lượng ô tô vận tải, 81,2% sản phẩm luyện kim và máy móc, 68% nhu cầu phân bón...

Liên xô nhập của ta cao su nguyên chất, thiếc, chè, thuốc lá, muối, cà phê, rau quả, hàng may, thảm...

Ngày 6-12-1983, lần đầu tiên giữa Việt nam và Liên xô đã ký Hiệp định liên chính phủ về việc hợp tác sản xuất rau quả ở Việt nam để xuất khẩu sang Liên xô. Thực hiện Hiệp định đó, năm 1984 Việt nam đã xuất sang Liên xô 70,4 ngàn tấn rau quả. Ngày 20-1-1985, Việt nam và Liên xô đã ký Hiệp định về hợp tác sản xuất rau quả trong những năm 1986 – 1990. Theo Hiệp định này, phía Liên xô sẽ giúp xây dựng ở Việt nam hai liên hợp nông – công nghiệp chuyên sản xuất và chế biến dứa, mở rộng công suất bốn nhà máy đồ hộp, xây dựng và cải tạo 5 kho lạnh và máy đông lạnh, 6 xí nghiệp sấy và làm lạnh nhanh rau quả, các xưởng sản xuất hộp bằng bìa cứng. Ngày 19-4-1985, Việt nam và Liên xô đã ký Hiệp định chung về hợp tác sản xuất cao su nguyên chất ở Việt nam cho đến năm 2000. Đây là những hình thức hợp tác đầy triển vọng nhằm khai thác khả năng đất đai và khí hậu nhiệt đới của Việt nam bằng vốn và kỹ thuật của Liên xô.

Việc thành lập xí nghiệp liên doanh thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía nam Việt nam là một hướng mới, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong quan hệ hợp tác Việt nam – Liên xô. Việc thăm dò và khai thác dầu khí có ý nghĩa chiến

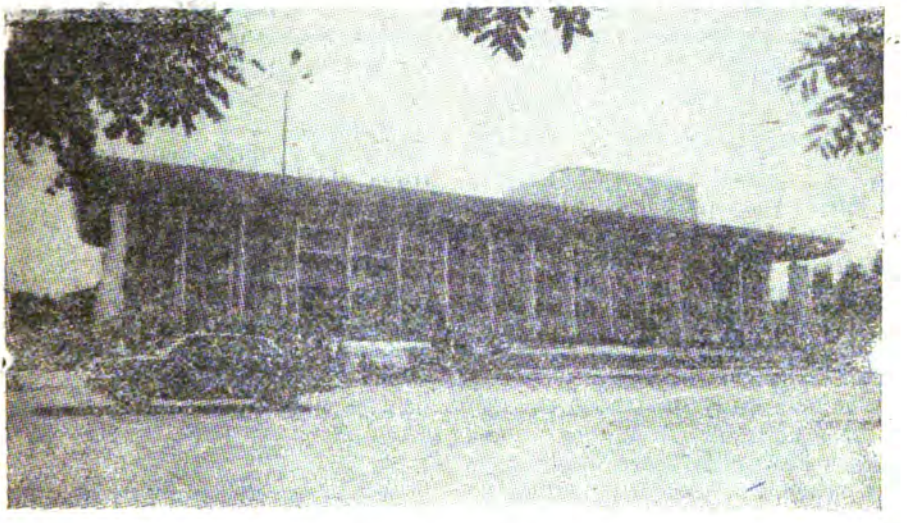

*Cung văn hóa công nhân*

lược đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt nam ; công việc này đòi hỏi một khối lượng vốn và phương tiện kỹ thuật khổng lồ, mà chỉ có hợp tác với Liên xô mới giải quyết được. Việc thăm dò đã mang lại kết quả bước đầu đáng phấn khởi, và công cuộc khai thác đang được triển khai.



Digitized by Google

*Công trường thủy điện Sông Đà*

*Hợp tác khoa học, kỹ thuật* là một trong những nhân tố quan trọng của toàn bộ quan hệ hợp tác Việt nam — Liên xô. Suốt trong hơn 30 năm qua, các nhà bác học, các giáo sư, thầy giáo, cô giáo xô viết đã giúp đỡ đào tạo cho Việt nam hàng vạn công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, hơn 20 000 người có trình độ đại học và trên đại học, trong đó có hơn 3 000 phó tiến sĩ và 70 tiến sĩ. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đó là vốn quý đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta. Nhiều người trong số đó đã trở thành những cán bộ lãnh đạo kinh tế xuất sắc, một số khác giảng dạy trong các trường đại học hoặc điều khiển việc nghiên cứu khoa học. Các nhà bác học xô viết không những giúp đỡ chúng ta trong việc đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật và xây dựng nền khoa học Việt nam mà còn kề vai sát cánh làm việc cùng với chuyên gia Việt nam. Trong phạm vi hoạt động của tiểu ban thường trực về hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Việt nam và Liên xô, trong những năm 1981 — 1985, các công trình nghiên cứu bao gồm 88 vấn đề và đề tài thuộc 23 ngành kinh tế quốc dân đã được tiến hành. Các nhà khoa học Việt nam và Liên xô đã thực hiện thành công nhiều công trình quan trọng như công trình chống sét bảo vệ đường dây tải điện, việc tạo những giống cây có năng suất cao, việc dầy lùi các bệnh dịch nguy hiểm v.v. Chuyến bay vũ trụ của đội bay quốc tế Liên xô — Việt nam gồm các nhà du hành vũ trụ Go-rơ-bát-cô và Phạm Tuân là một chứng minh hùng hồn về hiệu quả của hợp tác khoa học, kỹ thuật

*Sự hợp tác văn hóa* giữa Việt nam và Liên xô nhằm phục vụ những mục tiêu cao cả là khẳng định những nguyên tắc nhân đạo của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, phát triển những truyền thống văn hóa dân tộc tiến bộ, làm phong phú nền văn hóa của mỗi nước. Trong hơn 30 năm qua, những hình thức hợp tác trong lĩnh vực



Digitized by Google

này thật là đa dạng và đã đạt những đỉnh cao. Tháng 12 năm 1982, lần đầu tiên ở Việt nam đã tiến hành « Những ngày văn hóa Liên xô », tháng 5-1985 tại Liên xô đã tiến hành « Những ngày văn hóa Việt nam ». Đây là những ngày hội của nền nghệ thuật xô viết và Việt nam, thể hiện rực rỡ sự hợp tác chặt chẽ và có hiệu quả trong lĩnh vực văn hóa giữa hai nước anh em. Đặc biệt, gần đây đã diễn ra sự kiện có ý nghĩa to lớn: Việc khánh thành tượng đài V.I. Lê-nin tại Hà nội ngày 31-8-1985 và lễ đặt phiến đá tượng trưng xây dựng tượng đài Hồ Chí Minh tại Mát-xcơ-va hồi tháng 6-1985; đó là những biểu tượng rực rỡ mới không những về mặt chính trị mà cả về mặt văn hóa của quan hệ hữu nghị hợp tác Việt nam — Liên xô.

Cuối tháng 6-1985 vừa qua, nhân dịp đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn dẫn đầu thăm hữu nghị chính thức Liên xô, các đồng chí lãnh đạo hai nước đã xem xét toàn diện các mối quan hệ Việt nam — Liên xô. Hai bên cho rằng sự hợp tác nhiều mặt giữa Việt nam và Liên xô đã góp phần to lớn vào việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế — xã hội của mỗi nước; đồng thời khẳng định tiếp tục không ngừng củng cố và đẩy mạnh quan hệ hợp tác, thắt chặt tình hữu nghị mật thiết giữa hai nước anh em. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong mối quan hệ giúp đỡ và hợp tác, tuân theo những nguyên tắc quốc tế xã hội chủ nghĩa lê nin nít, xét nhu cầu cấp bách của Việt nam, Liên xô quyết định tăng sự giúp đỡ kinh tế cho Việt nam trong những năm 1986 — 1990 sắp tới.

Ngày nay mỗi người dân Việt nam đều nhận thức được tầm vóc to lớn của mối quan hệ hợp tác Việt nam — Liên xô trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc mình. Trong mọi lĩnh vực kinh tế — xã hội, trong mỗi công trình, mỗi sản phẩm làm ra ở Việt nam đều ít nhiều mang dấu ấn của sự hợp tác chặt chẽ đó. Với truyền thống tốt đẹp « uống nước nhớ nguồn » nhân dân ta luôn luôn biết ơn nhân dân Liên xô về sự ủng hộ nhiệt tình, sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt nam; chúng ta sẽ làm hết sức mình để tình hữu nghị nồng thắm giữa Việt nam và Liên xô không ngừng được củng cố và phát triển.



Digitized by Google

# Tư duy biện chứng của Ph. Ăng-ghen và tư duy kinh tế

HỒNG LONG

PHRI-ĐRÍCH Ăng-ghen (28-11-1820 — 5-8-1895) là một trong những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân thế giới, nhân vật kiệt xuất của lịch sử loài người, người bạn tâm huyết của Các Mác. Không thể tách rời Mác và Ăng-ghen với nét riêng của mỗi người trong sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và quần chúng lao động, trong phong trào cách mạng và sự tập hợp đầu tiên của các lực lượng vô sản quốc tế ở nửa sau của thế kỷ XIX, trong mọi công trình lý luận thức tỉnh và mở đường cho loài người đi đến thế giới mới của con người chân chính, thông minh và sáng tạo.

Một trong những năng lực phi thường của Ăng-ghen là tư duy biện chứng. Ăng-ghen đã viết: « Có thể nói rằng hầu như chỉ có Mác và tôi là những người đã cứu phép biện chứng tự giác ra khỏi nền triết học duy tâm Đức và đưa nó vào trong quan niệm duy vật về tự nhiên và lịch sử » (1).

Theo Ăng-ghen, *tư duy biện chứng trước hết là sự phản ánh của các quá trình biện chứng của tự nhiên, xã hội.* Không có phép biện chứng khách quan, không thể có biện chứng chủ quan, và phép biện chứng chủ quan, ở mọi biểu hiện theo nhiều góc độ và tiềm năng phong phú của nó, chỉ có thể là sự phản ánh của phép biện chứng khách quan. Cũng ở Ăng-ghen, với tư duy biện chứng, *sự thống nhất giữa biện chứng, nhận thức và lô gích tạo nên năng lực sáng tạo vô hạn của tư duy*, phát huy triệt để tinh hoa trí tuệ của con người trong quá trình chinh phục và cải tạo tự nhiên chung quanh mà con người chỉ là một bộ phận. Cũng ở Ăng-ghen, với tư duy biện chứng, *tính cụ thể và chuẩn xác về mặt lịch sử của tư duy tạo nên sự giàu có và phong phú vô hạn của con người trong hành động sáng tạo* làm nên lịch sử của chính mình trong phép biện chứng của tự nhiên và xã hội.

Trong khoa học và chừng nào trong đời sống hằng ngày, nếu nắm vững được đối tượng cần nhận thức và có quá trình lao động tư duy nghiêm túc, con người có thể « tự phát » đi đến phép biện chứng và tư duy biện chứng. Song sự phát triển tự phát ấy vẫn chỉ là yếu tố nhất thời, ngẫu nhiên, có giới hạn.

Ở thời kỳ đầu của lịch sử, con người tư duy theo phép biện chứng tự phát. Những nhà triết học Hy lạp thời cổ, như Ăng-ghen đã nhận xét,

(1) Ph. Ăng-ghen: *Chống Đuy rinh*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 14.



Digitized by Google

« đều là những nhà biện chứng bẩm sinh, tự phát » và « A-ri-xtốt đã nghiên cứu những hình thức căn bản nhất của tư duy biện chứng ». Hàng chục thế kỷ sau, do yêu cầu của thực tiễn và khoa học, con người dần dần đã biết đi sâu phân tích sự vật và hiện tượng thành từng bộ phận. Phương pháp phân tích đó là phép siêu hình. Phép siêu hình khởi đầu có vị trí khoa học quan trọng. Sau đó nó bị tuyệt đối hóa và xuyên tạc thành phép tư duy siêu hình, máy móc, cứng đờ.

Đến thế kỷ XVIII—XIX, phép biện chứng được hoàn thiện, và Mác — Ăng-ghen đã đem lại cho phép biện chứng và tư duy biện chứng nội dung khoa học chính xác. Đó là « khoa học về sự liên hệ phổ biến », về sự nhận thức của con người đối với quy luật vận động của tự nhiên, của xã hội và của tư duy.

*Muốn nắm vững phép biện chứng và hình thành tư duy biện chứng phải có một quá trình nhận thức và giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn biện chứng, tính thống nhất biện chứng của các mối liên hệ giữa thực tiễn và lý luận, giữa cảm tính và lý tính, giữa kiến thức, hiểu biết, ý thức và nhận thức, giữa chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức, giữa cá nhân và xã hội...*

Con người sinh ra, lớn lên và hoạt động ở những môi trường xác định. Từ mối quan hệ ấy, tính năng động của tư duy là khả năng tiếp cận và thâm nhập hiện thực theo nhiều phương pháp và hình thức khác nhau, tìm ra nội dung bí ẩn của tự nhiên, tìm ra quy luật vận động khách quan của mọi sự vật và hiện tượng, và khẳng định được biện pháp và năng lực có hiệu quả của con người nhằm tác động vào các quá trình khách quan theo chính quy luật khách quan để cải biến tự nhiên theo ý muốn của con người. Mỗi lĩnh vực hoạt động của con người trở thành những lĩnh vực khoa học khác nhau với bao nhiêu thành tựu cho đến nay chứng minh khả năng to lớn của tư duy, của trí tuệ con người. Người ta có thể phân chia hoạt động tư duy theo nhiều loại hình khác nhau như tư duy lô gích, tư duy hình tượng, tư duy thực nghiệm..., song hình thái hoạt động chung nhất của tư duy đúng đắn và có khả năng sáng tạo là tư duy biện chứng hoặc còn gọi là tư duy khoa học. Sự nghiệp và mọi công trình của Ăng-ghen cũng như bản thân quá trình tư duy, tìm tòi, khám phá của ông đã để lại cho thế giới loài người những chỉ dẫn sinh động về tư duy biện chứng.

Kinh tế là lĩnh vực hoạt động trực tiếp tạo ra của cải vật chất của con người và vì con người. Hoạt động trên lĩnh vực này, để nhận thức đúng đối tượng kinh tế, con người vận dụng phương pháp tư duy biện chứng, phát hiện và sử dụng các quy luật kinh tế, quyết định việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế. Kinh tế là một đối tượng phức tạp và luôn luôn biến động, nếu không có *năng lực và phương pháp tư duy biện chứng và khoa học*, không thể có năng lực và phương pháp tư duy kinh tế đúng đắn. Cũng như mọi lĩnh vực tư duy khác như toán học, nghệ thuật, tâm lý, lịch sử... tư duy kinh tế có những nét chung của quá trình phát triển biện chứng của tư duy, của tư duy biện chứng, đồng thời cũng có những nét riêng, nét đặc thù. *Tư duy kinh tế là một bộ phận hoạt động tư duy, nó phản ánh quá trình và quy luật sản xuất và phân phối của cải vật chất của xã hội với tính năng động của tư duy trong hoạt động kinh tế nói chung hoặc thuộc những lĩnh vực kinh tế cụ thể khác nhau nói riêng* như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, nội thương, ngoại thương, ngân hàng, tài chính, giá cả...

Tính đặc thù của tư duy kinh tế *trước hết* là ở chỗ nó phải *phản ánh*



Digitized by Google

*cụ thể và chuẩn xác* mọi yếu tố từ nhỏ đến lớn về kinh tế, vì kinh tế là lĩnh vực quyết định trực tiếp và trước nhất đối với toàn bộ đời sống xã hội.

*Hai là*, tư duy kinh tế phải nhạy cảm với mọi biến động của hiện thực kinh tế, phải phân tích theo chiều sâu của tư duy biện chứng đối với thực tế kinh tế khách quan. Không nên hiểu kinh tế là vật chất một cách quá đơn giản và từ đó lại hiểu tư duy kinh tế là loại tư duy vật chất quá thô thiển và máy móc. Kinh tế là hoạt động sản xuất và trao đổi các tư liệu sinh hoạt vật chất của xã hội, là tổng hòa những mối quan hệ giữa người và người được che giấu sau những mối quan hệ giữa vật và vật vốn rất phức tạp và luôn luôn biến động. Do đó tư duy kinh tế là loại tư duy luôn luôn nhạy cảm và linh hoạt. Cũng không nên hiểu lầm kinh tế là cụ thể, do đó ngộ nhận rằng tư duy kinh tế là loại tư duy đối lập với tư duy trừu tượng. Chính cái cụ thể lại luôn luôn là sự tổng hợp phức tạp của nhiều mối liên hệ, do đó để nhận thức được đúng đắn và tiếp cận cái cụ thể, phải có năng lực tư duy trừu tượng sâu sắc. Tư duy kinh tế do đó là năng lực tư duy trừu tượng, tiếp cận với hiện thực kinh tế, là năng lực tư duy hiện thực.

Sản xuất và trao đổi là hai khâu cơ bản của quá trình tái sản xuất xã hội, song bức tranh hiện thực của đời sống kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ phức tạp khác nhau, chúng không chỉ tồn tại dưới chủ nghĩa tư bản mà cũng tồn tại ngay dưới chủ nghĩa xã hội, chúng chỉ khác nhau về tính chất và nội dung theo các phương thức sản xuất khác nhau. Những yếu tố khách quan ấy là điều quy định về tư duy kinh tế. Như vậy *tư duy kinh tế chỉ có hiệu lực và trở nên chính xác khi nó là tư duy biện chứng, nhạy cảm với các mối liên hệ luôn luôn biến động ấy*, trong đó tính hiệu quả của những hành động của con người chỉ có thể đạt được mức tối đa khi nắm bắt được điểm trùng hợp có ích của các yếu tố kinh tế khách quan ở những thời điểm có hạn và không bao giờ nhắc lại, và nếu ngược lại, thì chỉ là sự thất bại không thể cứu vãn được.

*Ba là*, kinh tế là điểm nóng của cuộc đấu tranh giữa các phương thức sản xuất, của cuộc đấu tranh giai cấp. Tư duy kinh tế do đó không thể không *phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt* ấy ngay trong việc khẳng định vị trí chủ thể của tư duy phản ánh đúng đắn hiện thực một cách khoa học.

Gần một thế kỷ đã qua, kể từ khi Ăng-ghen từ trần, thế giới loài người đã thay đổi biết bao. Thế hệ ngày nay không những được chứng kiến sự chính xác trong các luận điểm khoa học của Ăng-ghen về tư duy biện chứng, mà còn thấy ngày càng rõ sức sống mãnh liệt của phương pháp tư duy khoa học đó đối với cuộc sống hiện thực xây dựng chế độ xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã thu được nhiều thành tựu. Song cơ chế tập trung quan liêu bao cấp với nếp tư duy siêu hình, bảo thủ, trì trệ là sự cản trở lớn trên bước đường đi lên của đất nước ta. Những điểm mạnh của nguyên tắc tập trung dân chủ làm nên những thành tựu ở giai đoạn trước, chưa tạo ra được nội dung và hình thức mới khi cuộc cách mạng đã chuyển giai đoạn, khi xây dựng kinh tế nói chung đã có vị trí hàng đầu, mà có lúc có nơi còn bị đưa đi chệch khỏi quỹ đạo của nó, tạo ra thói quen « nguyên tắc và không cụ thể » và lối mòn « đã có sẵn từ trước » trong tư duy, không tiếp thụ được đúng những chỉ dẫn của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học ngay ở những khái niệm sơ đẳng nhất như kinh tế, hàng hóa, giá trị, lao động... Những



Digitized by Google

biến dạng và sai lệch đối với chủ nghĩa tập trung dân chủ ngay trong thời kỳ chiến tranh chưa kịp được nhận thức và sửa chữa, sang giai đoạn mới dễ trở thành chủ nghĩa tập trung quan liêu, bằng lòng với thành tựu đã thu được mà không nhận thức được hiện thực sinh động và cụ thể của đời sống xã hội ngày nay, những yêu cầu và nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động về xây dựng kinh tế và cải thiện đời sống. Những yếu kém về kinh tế của chúng ta nói trên đều gắn liền với sự yếu kém và lệch lạc của chúng ta trong năng lực và phương pháp tư duy biện chứng, tư duy kinh tế. Chính vì vậy, việc bồi dưỡng năng lực và phương pháp tư duy biện chứng, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế như nghị quyết Hội nghị thứ 8 BCHTƯĐ (khóa V) đã vạch ra là yêu cầu cấp thiết của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội nói chung và phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nói riêng, tạo ra sức mạnh mới cho chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Tư duy kinh tế có nội dung vô cùng phong phú và sinh động từ bản thân cuộc sống hiện thực... Trước mắt, tư duy kinh tế là năng lực phân tích điều kiện và các yếu tố kinh tế cụ thể của đất nước, tìm ra giải pháp có hiệu quả, nhằm xác định một cách đúng đắn đường lối, chiến lược và kế hoạch kinh tế, xác định cơ cấu kinh tế hợp lý và cơ chế kinh tế có hiệu lực, trước mắt, nhằm giải quyết đúng đắn các vấn đề về cải tiến cơ chế quản lý, từng bước xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trong hoạt động kinh tế, khái niệm kinh doanh thông thường hằng ngày được sử dụng theo nghĩa hẹp là mua bán. Ngay theo nghĩa hẹp ấy cũng đã có biết bao nhiêu điều mới lạ, chỉ có sự tìm tòi cần mẫn trong hành động linh hoạt và quyết đoán mới khẳng định được đường đi đúng đắn và có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu thiết thân của đông đảo quần chúng lao động và có ích cho chủ nghĩa xã hội.

Theo nghĩa rộng, *kinh doanh là toàn bộ hoạt động kinh tế, bao gồm quá trình từ sản xuất đến phân phối, trao đổi, tiêu dùng.* Trong quá trình đó, sản xuất và trao đổi là những khâu cơ bản nhất, đúng như Ăng-ghen đã nói: « Sản xuất và trao đổi là hai chức năng khác nhau... Hai chức năng đó trong mỗi trường hợp nhất định luôn luôn chế ước lẫn nhau và ảnh hưởng lẫn nhau đến nỗi người ta có thể gọi hai chức năng đó là đường hoành và đường tung của con đường cong kinh tế » (2).

Tuy nhiên, hoạt động kinh tế là một quá trình liên tục từ sản xuất đến phân phối, trao đổi, tiêu dùng, mỗi khâu của quá trình sản xuất và tái sản xuất lại bao gồm một loạt những yếu tố phức tạp, trong đó mối liên hệ ngang dọc của các yếu tố tạo nên một bức tranh hoàn chỉnh, đa dạng và sinh động, mà chúng ta không thể coi nhẹ khâu nào. Nếu không nhận rõ toàn bộ mối liên hệ phức tạp đó, chúng ta không thể có quan niệm đúng đắn về kinh doanh, dù là kinh doanh tư bản chủ nghĩa, hay kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa theo nghĩa đầy đủ của nó, đối với giai cấp nhà tư bản là cả quá trình tái sản xuất ra giá trị thặng dư, bảo đảm lợi nhuận tối đa, còn đối với mỗi nhà tư bản cá biệt là toàn bộ hoạt động của tư sản lợi dụng những khâu thích hợp nhất của quá trình sản xuất và trao đổi để giành được lợi nhuận cao nhất. *Kinh doanh không phải chỉ là phạm trù kinh tế tư bản chủ nghĩa*

(2) Ph. Ăng-ghen: Chống Đuy rinh. Nxb Sự thật. Hà nội 1971, tr.249.



Digitized by Google

*mà còn là phạm trù kinh tế của chủ nghĩa xã hội* do tính chất của quá trình tái sản xuất trong điều kiện còn những thành phần kinh tế khác nhau và có phân công lao động khác nhau quy định. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa cũng đòi hỏi phải có lợi nhuận – mặc dù không phải chỉ vì lợi nhuận mà trước hết phải vì quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Những nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa xã hội, xem chủ nghĩa xã hội là sự đối lập tuyệt đối và phủ định tuyệt đối đối với những cái gì có ở chủ nghĩa tư bản, kể cả lợi nhuận, giá trị, hàng hóa... không thực hiện đúng những dự đoán khoa học của Mác và Ăng-ghen về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đã dẫn đến những ngộ nhận nghiêm trọng trong hoạt động kinh tế. *Đó là những nhận thức và tư duy siêu hình chỉ biết có sản xuất mà coi thường các khâu khác của cả quá trình sản xuất, cô lập mọi yếu tố trong hoạt động kinh tế, chỉ biết có kế hoạch tập trung mà coi nhẹ các đòn bẩy kinh tế, hoặc xem kế hoạch là cứng đờ, máy móc, phủ định cả hàng hóa và giá trị, hoặc xem kế hoạch là kế hoạch sản xuất thuần túy và máy móc, thực tế không có nội dung của kế hoạch kinh tế.* Thực tế, tư duy kinh tế theo phép biện chứng đòi hỏi phải thừa nhận rằng, trong kinh doanh, trong hoạt động kinh tế, hạch toán và sử dụng tốt mọi công cụ kinh tế là điều tự nhiên như đánh giặc, vừa phải tính đến hiện trạng các binh chủng của mình vừa phải biết sử dụng tốt các binh chủng ấy.

Nhà tư bản biết tính toán chi ly khi anh ta còn là người sản xuất nhỏ, chắt chiu từng đồng vốn để có thể trở thành nhà tư bản, và khi đã trở thành nhà tư bản, anh ta lại biết tính toán ở quy mô lớn hơn và với hiệu quả cao hơn nhiều do phạm vi hoạt động của tư bản thuộc quyền anh ta. Và ở đây, chủ nghĩa tư bản có những công cụ kinh tế quyết định: tài chính, tiền tệ, giá và lương. Tài năng của các nhà tư bản cá biệt là ở chỗ biết sử dụng những công cụ ấy, còn đối với chế độ tư bản và giai cấp tư sản, sự tồn tại và củng cố vị trí của chúng là do quy luật giá trị thặng dư chi phối. *Tư duy kinh tế của nhà tư bản là tư duy bóc lột giá trị thặng dư, với một công cụ kinh tế của nó nhằm giành được lợi nhuận tối đa.* Phản ánh lối tư duy kinh tế tư bản chủ nghĩa, kinh doanh tư bản chủ nghĩa trước hết đòi hỏi có hiệu quả, nhưng là hiệu quả tính bằng giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Kinh doanh tư bản chủ nghĩa, loại trừ bản chất bóc lột giá trị thặng dư, là một lối làm ăn rất có tính toán, biết nắm bắt và dựa vào công cụ kinh tế, xa lạ với lối kinh doanh kiểu hành chính, quan liêu.

Vậy kinh doanh xã hội chủ nghĩa và tư duy kinh tế trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa là như thế nào? Nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội là nền kinh tế kế hoạch hóa dựa trên cơ sở sở hữu công cộng và tập thể đối với tư liệu sản xuất. Không phải kế hoạch hóa là không có kinh doanh, không cần hạch toán và chỉ thực hiện theo cơ chế tập trung cứng nhắc bằng các chỉ tiêu chủ quan đội từ trên xuống hoặc theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp bằng hệ thống mệnh lệnh đặt hàng và cấp phát. Kế hoạch hóa thể hiện tính ưu việt và sức mạnh mới của chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong kinh tế, thống nhất giữa tính tập trung của Nhà nước với tính chủ động và năng động của các đơn vị kinh tế cơ sở với người lao động làm chủ kinh tế. Việc thực hiện cơ chế hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là nhằm sử dụng các công cụ kinh tế và đòn bẩy kinh tế như vốn đầu tư, hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá thành, lợi nhuận, thị trường. Tư duy kinh tế trong kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải dẫn đến tính năng động trong tính toán và hành động, biết làm theo quy luật



Digitized by Google

khách quan, lấy kế hoạch làm trung tâm, nhưng biết nắm và sử dụng các quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật giá trị và các đòn bẩy kinh tế gắn liền với sản xuất hàng hóa, nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao trong phạm vi toàn bộ kinh tế quốc dân. Có thể khẳng định mục tiêu cuối cùng của kinh doanh xã hội chủ nghĩa là hiệu quả kinh tế trên cơ sở của quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa. Hiệu quả đó phải được đo bằng giá trị thặng dư được tạo ra trong một thời hạn nhất định. Nếu không có hiệu quả kinh tế, không có sản phẩm thặng dư, tức là làm chỉ có «của ăn» không có «của dề» — chưa nói rằng có khi ta làm không «đủ ăn» — thì không thể gọi là kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sản phẩm thặng dư (m) là yêu cầu quan trọng nhất, là quy luật nghiêm khắc đối với mọi hoạt động kinh doanh dưới chủ nghĩa xã hội, dù là trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế, hay trong một ngành, một địa phương, một đơn vị, một tập thể hay mỗi người lao động. Sản phẩm thặng dư là thước đo đối với mọi hoạt động kinh tế, là cơ sở duy nhất để tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa, là con đường duy nhất để thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Chính Ăng-ghen đã từng nói: «Sản phẩm lao động thặng dư ngoài những chi phí để duy trì lao động và việc thành lập và tích lũy từ số thặng dư để có quỹ sản xuất xã hội và quỹ dự trữ — tất cả những cái đó đã và mãi mãi vẫn là cơ sở của bất kỳ sự tiến bộ nào về xã hội, chính trị và trí óc» (3).

- Chỉ có hiểu kinh doanh xã hội chủ nghĩa như vậy chúng ta mới thấy rằng việc chuyển hướng từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một bước chuyển biến mang ý nghĩa cách mạng, không chỉ về kinh tế mà cả về chính trị, không chỉ riêng kinh tế mà cả xã hội, không chỉ về cơ chế quản lý mà cả về cơ cấu kinh tế, phương hướng đầu tư, không chỉ đòi hỏi đổi mới kinh tế mà còn đòi hỏi đổi mới con người làm kinh tế, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế.

Điều cơ bản và sâu xa nhất trong sự nghiệp và mọi công trình của Mác cũng như của Ăng-ghen để lại cho loài người là vốn kiến thức khoa học phong phú mở đường chuyển từ «vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do» với năng lực trí tuệ kỳ diệu của tư duy biện chứng, là chủ nghĩa duy vật biện chứng, khoa học về phương pháp nhận thức và cải tạo thế giới. Đúng như Lê-nin đã từng nói: «Vận dụng phép biện chứng duy vật chủ nghĩa vào môn kinh tế chính trị để hoàn toàn cải tạo môn học đó, vận dụng phép đó vào lịch sử, vào khoa học tự nhiên, vào triết học, vào chính sách và sách lược của giai cấp công nhân — đó là điều làm cho Mác và Ăng-ghen để tâm nhiều nhất; chính trong việc này hai ông đã cống hiến những cái căn bản nhất và mới mẻ nhất; bước tiến thiên tài của hai ông trong lịch sử của tư tưởng cách mạng, chính là ở chỗ đó (4).

---

(3) C. Mác—Ph Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Nhà nước về sách chính trị, Mát-xcơ-va, 1961, tập 20, tr. 199.

(4) V.I. Lê-nin: *Mác—Ăng-ghen—Chủ nghĩa Mác*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, tr. 59.



Digitized by Google

# AN-GÔ-LA
# mười năm xây dựng và chiến đấu

HỒ BẤT KHUẤT

DƯỚI sự lãnh đạo của Phong trào nhân dân giải phóng An-gô-la (gọi tắt là MPLA), sau hàng chục năm đấu tranh kiên cường, dũng cảm, ngày 11-11-1975, nhân dân An-gô-la đã giành được độc lập; nước Cộng hòa nhân dân An-gô-la tự do, độc lập ra đời. Cùng với cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, Mô-dăm-bích và các nước khác ở châu Phi, châu Á, châu Mỹ la tinh, cách mạng An-gô-la thành công đã giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân đang trên đà sụp đổ. Mùa thu năm 1976, Hội nghị thứ 3 của MPLA đã quyết định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là *xây dựng An-gô-la thành một nước độc lập, tự do, thống nhất, dân chủ nhân dân và tiến lên chủ nghĩa xã hội*. Ở Hội nghị này, lần đầu tiên những người cách mạng, đứng đầu là đồng chí A. Nê-tô — đã công khai nói lên sự gắn bó giữa MPLA với chủ nghĩa xã hội khoa học, với học thuyết Mác — Lê-nin. MPLA đã xác định chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất giúp An-gô-la tránh khỏi cảnh lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc và tình trạng kém phát triển.

Sau khi An-gô-la giành được độc lập chính trị, cuộc đấu tranh giai cấp ở đất nước này diễn ra gay gắt. Thực tế đã chỉ rõ: cách mạng An-gô-la không thể thực hiện được nhiệm vụ chiến lược của mình trong điều kiện MPLA chỉ tồn tại với tư cách là phong trào giải phóng dân tộc. Nhu cầu xây dựng một đảng mang tính chất giai cấp công nhân, đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh để xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa đã trở nên bức thiết. Từ ngày 4 đến ngày 10-12-1977, Đại hội thứ nhất MPLA đã tiến hành ở thủ đô Lu-an-đa, và tại Đại hội lịch sử này MPLA đã trở thành Đảng lao động — đảng mác xít — lê nin nít của cách mạng An-gô-la.

An-gô-la là một trong những nước giàu nhất châu Phi, có tiềm năng lớn về nông nghiệp, có nhiều loại khoáng sản quý như dầu mỏ, kim cương, vàng, bạc, đồng, sắt... với trữ lượng lớn, cho nên đã một thời đây là miếng mồi béo bở đối với nhiều nước tư bản phương Tây và Mỹ. Cựu ngoại trưởng Mỹ Kít-xinh-giơ đã từng nói: « An-gô-la là nước châu Phi mà ở đó quyền lợi của Oa-sinh-tơn là đáng kể nhất ». Vì vậy, khi nhân dân An-gô-la thật sự trở thành người chủ đất nước, bắt tay vào việc xây dựng nền kinh tế dân tộc thì bọn đế quốc và bọn phản động vô cùng cay cú. Chúng điên cuồng chống lại bằng mọi cách: xâm lược trắng trợn, tung gián điệp, biệt kích hoạt động phá hoại, tiến hành chiến tranh tâm lý chia rẽ nội bộ bao vây kinh tế, gây sức ép chính trị, ngoại giao... Thêm vào đó, trước khi buộc phải tháo



Digitized by Google

chạy, chúng cũng đã gây cho An-gô-la rất nhiều khó khăn: các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng bị phá hoại, máy móc, thiết bị bị tháo gỡ mang đi, cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề giỏi bị cưỡng bức rời bỏ đất nước, 80% phương tiện giao thông vận tải bị phá hủy, 130 cầu bị đánh sập, các đồn điền cà phê, bông bị tàn phá... Với những hành động tội ác đó, bọn đế quốc, phản động hy vọng cách mạng An-gô-la sẽ chùn bước. Nhưng nhân dân An-gô-la không hề nao núng, cách mạng An-gô-la vẫn không ngừng phát triển.

Dưới sự lãnh đạo của MPLA — Đảng lao động, các cuộc cải cách rộng lớn đã được tiến hành thắng lợi trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, tư tưởng. Chính phủ An-gô-la đã tiếp quản những nhà máy, xí nghiệp, đồn điền của bọn chủ thực dân đã bỏ chạy để duy trì sản xuất. Tiếp đó An-gô-la quốc hữu hóa các cơ sở khai thác dầu, hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng, trang trại để tạo cơ sở xây dựng một nền kinh tế dân tộc độc lập. Bằng sự nỗ lực to lớn và tinh thần lao động cần cù, chỉ sau một thời gian ngắn, nhân dân An-gô-la đã từng bước đưa nền kinh tế của đất nước đi dần vào thế ổn định: các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng đã hoạt động trở lại, cung cấp những mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Về dầu mỏ là loại tài nguyên chiến lược có vai trò hết sức quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân, năm 1979, An-gô-la khai thác được 10 triệu tấn, nhiều hơn 2 triệu tấn so với năm 1974 là năm có mức khai thác cao nhất trước ngày giành được độc lập. Theo ước tính của công ty dầu khí quốc gia « Xa-na-gôn », năm 1985 mức khai thác dầu tăng gấp đôi so với năm 1983 và sẽ đạt 25 triệu tấn. Gần 80% sản lượng dầu mỏ của An-gô-la dùng để xuất khẩu thu ngoại tệ và giúp các nước đang phát triển giải quyết vấn đề năng lượng. Những vùng bị tàn phá trong chiến tranh nay đã xanh tốt trở lại, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp đang được củng cố và đẩy mạnh. Trong việc khôi phục và phát triển nền kinh tế An-gô-la, các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa đã có sự giúp đỡ to lớn và quý báu: Liên xô giúp về máy móc, phương tiện kỹ thuật và chuyên gia trong nhiều lĩnh vực; Cu-ba giúp về trồng mía; Cộng hòa dân chủ Đức giúp về chăn nuôi; Bun-ga-ri giúp về xây dựng tổ hợp nông — công nghiệp; Việt nam giúp về trồng lúa...

Trên lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, An-gô-la cũng đã thu được những kết quả tốt. An-gô-la đã bước đầu xây dựng một nền văn hóa mới. Thông qua giao tiếp văn hóa, các bộ tộc trong nước gần bó với nhau hơn, và cũng thông qua giao tiếp văn hóa, nhân dân An-gô-la tiếp xúc với những nền văn hóa tiên tiến trên thế giới. Ngày nay nhân dân An-gô-la được học tập và chữa bệnh không mất tiền.

Trong mười năm qua, An-gô-la hầu như không được hưởng một ngày hòa bình trọn vẹn. Cuộc chiến tranh không tuyên bố của Nam phi chống An-gô-la bắt đầu ngay sau khi nhân dân An-gô-la giành được độc lập. Từ đó đến nay, quân đội của bọn phân biệt chủng tộc Nam phi đã tiến công trên 3000 lần vào đất An-gô-la. Có những cuộc tiến công quy mô lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng cho An-gô-la như tháng 12-1980 chúng tiến công bốn tỉnh: Cu-an-đô — Cu-ban-gô, Cu-nê-nê, Mô-xa-me-đít và U-i-la, giết và làm bị thương hơn 5 nghìn dân thường, phá hủy hàng chục trường học, bệnh viện, gây thiệt hại hơn 7 tỷ đô la. Từ năm 1981 đến nay, ngoài việc chiếm đóng một số vùng phía nam tỉnh Cu-nê-nê, chúng còn tiến hành những cuộc hành quân càn quét đẫm máu, dùng pháo và máy



Digitized by Google

Lay bắn phá nhiều thành phố, làng mạc của An-gô-la. Những ngày gần đây, chính quyền phân biệt chủng tộc Nam phi lại cho các đơn vị quân cơ động, có máy bay yểm trợ tiến công vào sâu lãnh thổ An-gô-la 190 km, đánh phá một số vùng rộng lớn. Bằng vũ khí và đô la của Mỹ, hai tổ chức phản động « Mặt trận dân tộc giải phóng An-gô-la » (FNLA) do tên gián điệp CIA Rô-bét-tô Hôn-den cầm đầu và « Liên minh dân tộc vì độc lập hoàn toàn của An-gô-la » (UNITA) do tên Sa-vim-bi (tên này năm 1964 đã đến Trung quốc dự huấn luyện quân sự) cầm đầu, đã có nhiều hành động quấy rối, phá hoại nhằm ngăn cản những tiến bộ trong đời sống kinh tế, chính trị xã hội của nước Cộng hòa nhân dân An-gô-la.

Biết trước rằng với bản chất hiếu chiến và ngoan cố, bọn đế quốc sẽ câu kết với bọn phản động phản kích quyết liệt, ban lãnh đạo cách mạng An-gô-la đã chuẩn bị sẵn sàng để đối phó. Khẩu hiệu « Cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn » đã được nêu lên ngay sau ngày giành được độc lập. Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng An-gô-la (FAPLA) sát cánh cùng toàn thể nhân dân chiến đấu mưu trí, dũng cảm, đẩy lùi hàng nghìn đợt tiến công, diệt hàng vạn tên xâm lược Nam phi, bắn rơi hàng trăm máy bay, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại do Mỹ và một số nước tư bản phương Tây cấp cho Nam phi và các tổ chức phản động An-gô-la. Mặc dù thất bại liên tiếp, chính quyền Prê-tô-ri-a vốn hiếu chiến và cực kỳ phản động lại được đế quốc Mỹ giúp đỡ và khuyến khích vẫn điên cuồng tiến công An-gô-la, hy vọng tạo ra « hành lang » ở phía đông cho bọn phỉ UNITA ẩn nấp và hoạt động. Cùng với những hoạt động quân sự, bọn chúng còn tăng cường sức ép về chính trị, ngoại giao và bao vây kinh tế hòng làm cho An-gô-la kiệt quệ. Trước tình hình đó, MPLA – Đảng lao động đã đề ra các chương trình khẩn cấp : động viên cao độ các đơn vị lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, giai cấp công nhân và nông dân lao động tích cực, khẩn trương và có hiệu quả vì lợi ích sống còn của Tổ quốc. Năm 1984 được coi là « năm quốc phòng và sản xuất ». MPLA – Đảng lao động kêu gọi « Để tiến lên phía trước theo con đường đã chọn – xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cần phải làm ra nhiều sản phẩm hơn nữa ». Lời kêu gọi này được toàn thể nhân dân lao động An-gô-la nhiệt liệt hưởng ứng. Tháng 12-1984, Chủ tịch Đốt Xan-tốt nhận xét là đã có nhiều tiến bộ trong việc thực hiện các chương trình khẩn cấp đã đề ra, sản xuất được đẩy mạnh, tổng sản lượng tăng đáng kể, an ninh chính trị được giữ vững. Riêng ở thủ đô Lu-an-đa, hơn 150 xí nghiệp đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Trên mặt trận chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ tháng 6 đến tháng 12-1984 lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng An-gô-la diệt gần 2000 tên phỉ FNLA và UNITA, buộc 1500 tên ra đầu thú.

Về đối ngoại, An-gô-la là thành viên đáng tin cậy của Phong trào giải phóng dân tộc và Phong trào không liên kết. Đối với khu vực châu Phi, An-gô-la đã nhiều lần khẳng định tình đoàn kết với nhân dân Na-mi-bi-a, Tổ chức nhân dân Tây Nam phi (SWAPO) và Đại hội dân tộc Phi của Nam phi (ANC) trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ. Vị trí và uy tín quốc tế của An-gô-la ngày càng được nâng cao. Từ ngày 4 đến ngày 7-9-1985 tại Lu-an-đa, thủ đô của An-gô-la, đã diễn ra một sự kiện quan trọng : Hội nghị các bộ trưởng ngoại giao các nước không liên kết. Cùng với các nước thành viên của Phong trào không liên kết, An-gô-la đang góp phần tích cực vào cuộc đấu

*(Xem tiếp trang 88)*



Digitized by Google

# Trung quốc —
## Hậu quả của chính sách «mở cửa»

PHƯƠNG SƠN

CÁCH đây 700 năm, một người phương Tây tên là Mác-cô Pô-lô «phát hiện» ra nước Trung hoa, «mở cửa» nước Trung hoa cho bọn xâm lược phương Tây vào phá phách nước Trung hoa, bóc lột, chém giết người Trung hoa. Phải trải qua hàng thế kỷ, đổ biết bao xương máu, nhân dân các dân tộc ở nước Trung hoa mới có thể đánh đuổi được bọn xâm lược nước ngoài và đóng cửa nước Trung hoa lại.

Cách đây 7 năm, «cửa» của nước Trung hoa lại «mở»! Lần này không phải do người phương Tây mở mà do chính một người Trung hoa mở. Người đó tên là Đặng Tiểu Bình.

Cuối năm 1978, vừa lên cầm quyền ở Trung nam hải, ông Đặng tuyên bố chính sách «mở cửa» sang phương Tây. Ông Đặng «mở cửa» sang phương Tây nhằm mục đích gì? Nhằm kiếm tiền vốn và kỹ thuật của các nước phương Tây để thực hiện «bốn hiện đại hóa», làm cho Trung quốc trở thành «đệ nhất siêu cường», biến giấc mộng bá chủ thế giới của các ông «con trời» trở thành hiện thực.

Bảy năm đã trôi qua, chính sách «mở cửa sang phương Tây» của ông Đặng đã đem lại những kết quả như thế nào?

Là người nước ngoài, chúng ta không thể biết được mấy những kết quả mà Trung quốc thu được trong khi thực hiện chính sách «mở cửa» của họ; nhất là về mặt quân sự, vì đây là lĩnh vực bí mật. Mà lĩnh vực này lại là mối quan tâm hàng đầu của nhà cầm quyền Trung quốc. Chẳng phải hiện đại hóa quốc phòng đứng hàng đầu trong «bốn hiện đại hóa» đó sao? Tuy vậy, ngay cả trong lĩnh vực này nữa, qua báo chí phương Tây chúng ta cũng có thể biết được các việc sau đây:

Một là Trung quốc «mở cửa» để Mỹ đưa hai trạm do thám quân sự của Mỹ vào đặt trên đất Trung quốc để theo dõi các vụ thử vũ khí hạt nhân và tên lửa xuyên lục địa của Liên xô; hai trạm này trước Mỹ đặt ở I-ran, sau khi vua I-ran bị lật đổ, Mỹ phải rút đi và chuyển sang Trung quốc.

Hai là Trung quốc «mở cửa» cho các nước phương Tây đem chất thải nguyên tử vào chứa trên đất Trung quốc, biến Trung quốc thành «bãi rác nguyên tử» của các nước phương Tây.

Ba là Trung quốc «mở cửa» để đón nhận một khối lượng dạn trọng pháo



Digitized by Google

của Mỹ trị giá 6 triệu đô la (đây là đợt đầu tiên) để tăng thêm kho dạn của Trung quốc bị vợi đi do đánh phá các tỉnh biên giới Việt nam, nhất là Vị xuyên, huyện đã bị Trung quốc bắn hàng triệu quả đạn trọng pháo.

Đó là chưa kể Trung quốc « mở cửa » đón hàng vạn lượt người tướng lĩnh và đô đốc của Mỹ đến Bắc kinh để bàn việc câu kết quân sự Mỹ — Trung nhằm chống Liên xô, Việt nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Về mặt kinh tế, Trung quốc « mở cửa » cho hàng hóa thừa ế của Nhật, Mỹ và các nước tư bản khác ào ạt tuồn vào Trung quốc, biến Trung quốc thành một cái chợ lớn của chủ nghĩa tư bản quốc tế. Những hàng hóa kém phẩm chất, các nước tư bản không bán cho nhau được, thì đem bán cho Trung quốc. Công ty Mit-su-bi-si (Nhật bản) cho biết đã bán cho Trung quốc 821 xe tải hư hỏng (khung xe đã rạn nứt, hộp số đã hỏng). Khối lượng buôn bán giữa Trung quốc và các nước tư bản chiếm hơn 90% tổng kim ngạch ngoại thương của Trung quốc. Trong lúc đó khối lượng buôn bán giữa Trung quốc với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trước đây có thời gian lên tới 70% nay chỉ còn khoảng 7%. Hiện nay, trên thực tế, Trung quốc đã sáp nhập vào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới.

Ông Đặng « mở cửa » nhiều thành phố lớn của Trung quốc cho các nước tư bản đầu tư, kinh doanh. Vùng để cho các nước tư bản đầu tư, kinh doanh bao gồm trên 200 triệu người dân Trung quốc. Trung quốc có kế hoạch lập 11 « đặc khu » kinh tế để thu hut vốn đầu tư và kỹ thuật của các nước tư bản, trong đó có 4 « đặc khu » đã hình thành, mà nổi tiếng nhất là « đặc khu » Thẩm quyến. Các « đặc khu » này thật sự là những « tô giới quốc tế » kiểu mới trên lục địa Trung quốc ngày nay.

Chủ nghĩa tư bản Nhật và phương Tây xâm nhập Trung quốc lôi cuốn Trung quốc phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Báo chí Trung quốc đưa tin chỉ riêng trong năm 1981 ở Trung quốc có 200 000 công ty và trung tâm buôn bán mới được thành lập; trong số này Bắc kinh có 6591, Liêu ninh có 8067, Cáp nhĩ tân có 1172. Các « công ty » và « trung tâm buôn bán » này kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Hầu hết các « công ty » và « trung tâm buôn bán » này đều nằm trong tay những người có chức có quyền hoặc vợ con họ. Những người này tìm cách buôn bán với nước ngoài để kiếm lời. Báo chí Trung quốc đã đưa tin về nhiều vụ « buôn lậu » trong đó đáng chú ý hơn cả là « vụ đảo Hải nam ».

Từ ngày 1-1-1984 đến ngày 5-3-1985 các nhà cầm quyền ở đảo Hải nam (thuộc tỉnh Quảng đông) đã mua của nước ngoài 89 000 chiếc xe ô tô, 2 860 000 máy thu hình vô tuyến màu, 252 000 máy ghi hình, 122 000 xe mô tô, cùng nhiều hàng tiêu dùng xa xỉ... rồi đem bán lại cho các địa phương khác ở Trung quốc với giá đắt gấp ba lần để kiếm lời. Tham gia vụ buôn lậu này có cả phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Ủy ban hành chính đảo Hải nam, 872 công ty và 88 công sở ở các địa phương của Trung quốc đã tham gia vụ buôn lậu này. Các nhà ngân hàng nhận hối lộ của bọn buôn lậu để cho họ vay tiền mua ngoại tệ trị giá tương đương 570 triệu đô la. Riêng phó giám đốc một xí nghiệp làm máy thu hình vô tuyến đã mua một triệu đô la và thu được món lãi 200 000 nguyên (tiền Trung quốc). Một đảng ủy được tên này chia cho 30 000 nguyên tiền lời vì đã cho nó mượn tài khoản để làm việc này. Trong vụ buôn lậu ở đảo Hải nam nhiều người



Digitized by Google

kiếm được trên một triệu nguyên. Một nhân viên nông trường kiếm được 2,09 triệu nguyên. Tờ *Hải nam nhật báo* cũng kiếm được 4,3 triệu nguyên. Báo chí phương Tây ước tính trong vụ buôn lậu ở đảo Hải nam số tiền những người tham gia bỏ vào túi riêng của mình lên tới 1,5 tỷ đô la. Một khu vực nhỏ, lạc hậu mà như thế. Các nơi khác, lớn hơn, « tiên tiến » hơn, chắc chắn là « kinh doanh » lớn hơn gấp bội. Hết ngày nọ sang ngày kia báo chí Trung quốc đăng tin về những vụ buôn lậu và tham ô của những cán bộ giữ những chức vụ có thể lợi dụng được nhờ sự tiếp xúc với người nước ngoài. Có vụ như vụ sản xuất và tiêu thụ thuốc giả ở Tân giang được tổ chức khu vực của Đảng cộng sản bao che và giúp đỡ.

Về văn hóa, tư tưởng, Trung quốc đã « mở cửa » cho tư tưởng và văn hóa thối nát của chủ nghĩa tư bản quốc tế tràn vào và gây ra nạn « ô nhiễm tinh thần ». Sách báo, phim ảnh khiêu dâm, đồi trụy của phương Tây được lưu hành rộng khắp. Báo chí Trung quốc vừa đưa tin một cán bộ cao cấp của Đảng ở tỉnh Vân nam sử dụng công quỹ mua băng ghi hình khiêu dâm đem lậu từ nước ngoài vào. Những rác rưởi của văn hóa phương Tây ào ạt tràn vào Trung quốc. Hãng Ki-ô-tô (Nhật bản) ngày 19-10-1985 đưa tin: « Hiện nay ở Trung quốc đang tràn đầy phim trụy lạc và những ảnh khiêu dâm ».

Về mặt tâm lý xã hội, việc xâm nhập chủ nghĩa tư bản phương Tây vào Trung quốc đã khuyến khích tư tưởng « chỉ thấy tiền » và « sùng bái đồng tiền » trong cán bộ và nhân dân Trung quốc. Tờ *Nhân dân nhật báo* ra ngày 1-10-1985 đã viết: « Phải thấy rằng trong thời gian qua, kết quả xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa chưa thật lý tưởng, nọc độc tư sản và phong kiến vẫn chưa giảm xuống mức thấp nhất có thể được, thậm chí một số hiện tượng xấu đã mất đi từ sau giải phóng nay lại ngóc đầu dậy ».

Báo cáo công tác của chính phủ Trung quốc tại kỳ họp thứ ba của Quốc hội khóa 5 ngày 27-3-1985 thừa nhận: « Thời gian qua những hiện tượng không lành mạnh như lợi dụng chức vụ quyền hành để buôn gian bán lận các loại vật tư khan hiếm, chè chén, biếu xén, hối lộ và nhận hối lộ, v.v. có chiều phát triển ».

Ông chủ tịch ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương của Đảng cộng sản Trung quốc, trong bài nói tại hội nghị toàn thể của ủy ban này ngày 24-9-1985, đã thừa nhận: « Hễ nói mở cửa với bên ngoài, sống động bên trong, các cơ quan đảng, chính quyền, quân đội, và cán bộ đảng, chính quyền cũng như con cái họ đều đua nhau lao vào kinh doanh. Chỉ riêng điều tra mười mấy tỉnh và thành phố đã thấy: chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, từ quý IV năm ngoái đến nay đã lập ra trên 2 vạn công ty các kiểu, phần lớn các công ty này đã móc ngoặc với những phần tử phi pháp, những nhà buôn nước ngoài để kinh doanh bất hợp pháp. Đã xuất hiện rất nhiều chuyện xấu xa như lợi dụng sơ hở của cải cách để buôn bán nước bọt, buôn gian bán lận, ăn hối lộ và hối lộ, tuồn hàng phi pháp ra ngoài, làm ăn giả dối, cậy thế kiếm lời, trốn thuế lậu thuế, sản xuất và tiêu thụ thuốc giả, rượu giả, mưu tìm cuộc sống giàu sang, cho đến những hiện tượng như buôn bán, chiếu những băng ghi hình dâm ô, trụy lạc. Tư tưởng thối nát tư bản chủ nghĩa « tất cả vì tiền » đang làm mục ruỗng nghiêm trọng đảng



Digitized by Google

phong và phong cách xã hội của chúng ta ».

Việc « mở cửa » sang phương Tây và sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản quốc tế đã gây ra ở Trung quốc cao trào đi buôn để kiếm lời. « Phi thương bất phú » (1), mọi người tìm cách kinh doanh buôn bán, nhằm kiếm lợi nhuận tối đa. Nông dân không quan tâm đến việc trồng ngũ cốc, thậm chí không nuôi lợn, không trồng rau để đi làm những thứ khác kiếm được nhiều tiền hơn. Nhiều người ở Trung quốc thấy đó là một nguy cơ lớn. Họ cho rằng sự thiếu hụt về ngũ cốc sẽ dẫn đến tình trạng rối loạn xã hội. Họ đưa ra thuyết « vô lương tắc loạn » (2), kêu gọi phải coi trọng việc phát triển nông nghiệp. Phái « phi thương bất phú » và phái « vô lương tắc loạn » đang đấu tranh chống nhau quyết liệt.

Chính sach « mở cửa » sang phương Tây đã làm cho xã hội Trung quốc phân hóa đồng thời làm chia rẽ nội bộ Đảng cộng sản Trung quốc. Hậu quả của chính sách « mở cửa » sang phương Tây của ông Đặng Tiểu Bình rất tai hại cho nhân dân Trung quốc và những người cộng sản chân chính ở Trung quốc.

Chính sách « mở cửa » của ông Đặng Tiểu Bình đưa Trung quốc đi đến đâu ? Không cần đợi đến « hồi » sau — mọi người đều đã rõ.

(1) Không đi buôn thì không giàu .
(2) Không có lương thực thì nổi loạn.

## An-gô-la mười năm...

*(Tiếp theo trang 84)*

tranh chống đế quốc thực dân, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhân dân Việt nam chúng ta theo dõi với mối thiện cảm sâu sắc những diễn biến cách mạng trên đất nước An-gô-la, và phấn khởi, tự hào trước những thắng lợi mà cách mạng An-gô-la đã đạt được. Nhân dịp nước Cộng hòa nhân dân An-gô-la tròn mười tuổi, chúng ta gửi đến nhân dân An-gô-la những tình cảm thắm thiết ; chúc nhân dân An-gô-la anh em đạt được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng cao cả của mình.



Digitized by Google

## «ТАПТИ КОНГШАН» № 11 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – Братская дружба и всестороннее сотрудничество. ★★★ – Важное событие кампучийской революции.–Приветственная речь Генерального секретаря ПК КПВ на V съезде Народно–Революционной партии Кампучии. НГУЕН ДЫК БИНЬ – Резолюции VIII пленума ПК КПВ и актуальные задачи в области теоретической работы. ЛЕ НГОК ХИЕН – Победить врага в его войне по захвату границы. ★★★ – Проникнуться духом резолюций VIII пленума ПК КПВ. ХОАНГ НГУЕН–Оглядываясь на дипломатию минувшего сорокалетия. ХО БАТ ХУАТ–Десять лет борьбы и строительства в Анголе. ФЫОНГ ШОН–Китай – последствие политики «открытых дверей»

## REVIEW OF COMMUNISM N° 11-1985

**Editorial** – Brotherly friendship and allround cooperation. ★★★ – An event of paramount importance of the Kampuchean revolution. – General Secretary Le Duan's greetings at the 5th Congress of the Kampuchean People's Revolutionary Party. NGUYÊN ĐỨC BÌNH – The 8th Resolution and the urgent tasks in the theoretical work. LÊ NGOC HIÊN – Let us defeat the enemy's borderland-nibbling war. ★★★ – Grasping the spirit of the Resolution of the 8th Plenum of the Party Central Committee. HOÀNG NGUYÊN – Looking back upon the diplomatic front in the past 40 years. HÔ BÂT KHUÂT – Angola : ten years' construction and struggle. PHUƠNG SƠN – China – the sequels of her «open-door» policy.

## REVUE DU COMMUNISME N° 11-1985

**Editorial** – Amitié fraternelle et coopération sur tous les plans. ★★★ – Un événement important de la révolution du Kampuchéa. – Allocution du Secrétaire général du PCV Lê Duân au Ve Congrès national du Parti populaire révolutionnaire du Kampuchéa. NGUYÊN ĐỨC BÌNH – La résolution du 8è Plénum du CC du PCV et les tâches urgentes du travail théorique. LÊ NGOC HIÊN – Vaincre la guerre d'empiétement de l'ennemi sur nos frontières. ★☆★ – Se pénétrer de la résolution du 8è Plénum du CC du PCV. HOÀNG NGUYÊN – Aperçu sur le front diplomatique pendant les 40 années passées. HÔ BÂT KHUÂT – 40 années d'édification et de lutte de l'Angola. PHUƠNG SƠN – La Chine – Les conséquences de la politique «d'ouverture».

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 11-1985

**Editorial** – La amistad fraternal y la cooperación global. ★★★ – Un evento trascendental de la revolución kampucheana. – Saludos de Lê Duân, Secretario General del Partido Comunista de Vietnam, en el V Congreso Nacional del Partido Popular Revolucionario de Kampuchea. NGUYÊN ĐỨC BÌNH – La Resolución del Octavo Pleno del CC del Partido y las tareas urgentes del trabajo teórico. LÊ NGOC HIÊN – Derrotar la guerra de usurpación fronteriza del enemigo ★★★ – Asimilar profundamente la Resolución del Octavo Pleno del CC del Partido. HOÀNG NGUYÊN – Una vista retrospectiva al frente diplomático en los últimos 40 años. HÔ BÂT KHUÂT – Angola – diez años de edificación y lucha. PHUƠNG SƠN – China y consecuencias de la política de «puerta abierta».

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 11-1985. NĂM THỨ XXXI (359)

# Mục lục

**Xã luận** — Tình hữu nghị anh em, sự hợp tác toàn diện 1
★ ★ ★ — Một sự kiện trọng đại của cách mạng Cam-pu-chia 7
Lời chào mừng của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn tại Đại hội thứ V Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia 12
NGUYỄN ĐỨC BÌNH — Nghị quyết 8 và những nhiệm vụ cấp thiết của công tác lý luận 17
LÊ NGỌC HIỀN — Đánh thắng chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch 24
★ ★ ★ — Thấu suốt tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng 29
TÙNG VÂN — Phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của việc cải tiến tiền lương 35
TRẦN XUÂN — Quán triệt quan điểm của Đảng trong việc điều chỉnh hệ thống giá cả 40
**Nghiên cứu** ★ NGUYỄN ĐĂNG QUANG — Đổi mới tư duy kinh tế 43
NGUYỄN HỮU ĐẠO — 40 năm phát huy vai trò làm chủ của công nhân và nông dân 49
PHAN VĂN ĐÁNG — Chung quanh vấn đề nâng cao chất lượng hội nghị 54
NGÔ VĂN DƯỠNG — Công ty bảo hiểm cây trồng với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Kiến an 56
HOÀNG NGUYÊN — Nhìn lại mặt trận ngoại giao trong 40 năm qua 62
**Tư liệu** — Một số tư liệu về quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa Việt nam — Liên xô 69
HỒNG LONG — Tư duy biện chứng của Ph. Ăng-ghen và tư duy kinh tế 76
HỒ BẤT KHUẤT — An-gô-la mười năm xây dựng và chiến đấu 82
PHƯƠNG SƠN — Trung quốc — hậu quả của chính sách « mở cửa » 85
Bìa 4 : Tranh của họa sĩ TRẦN MAI

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch — T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

# VẬN TẢI

## KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN

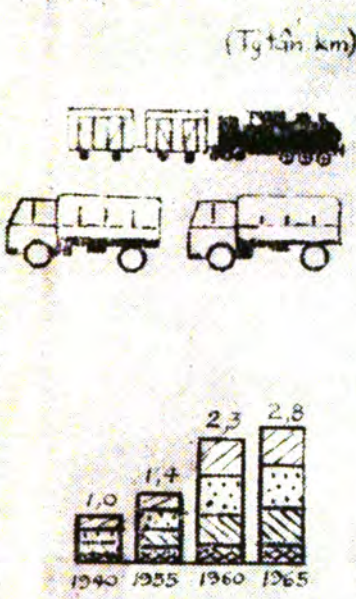


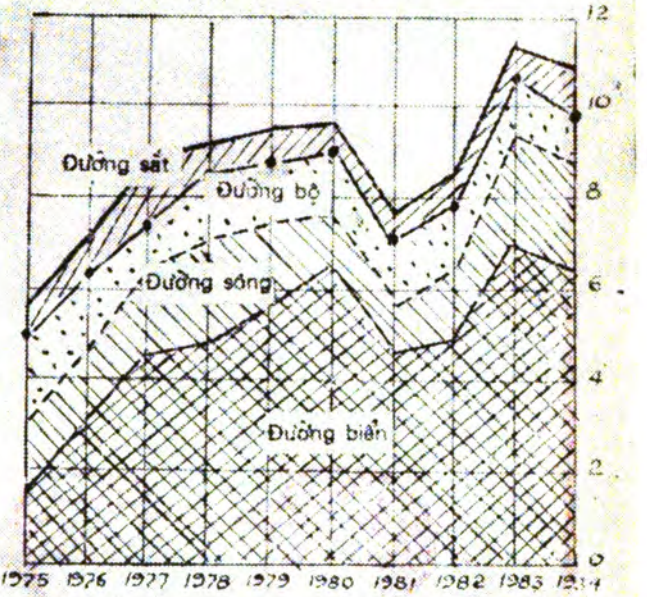


## KHỐI LƯỢNG HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN

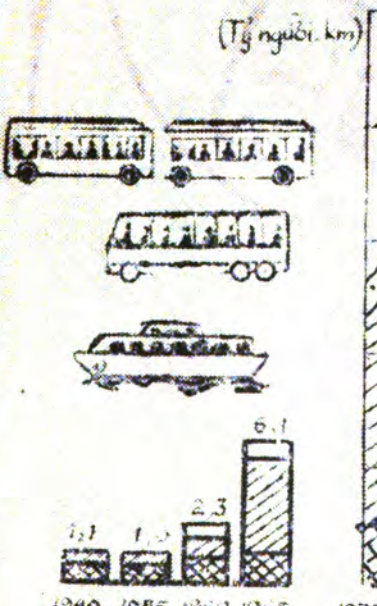


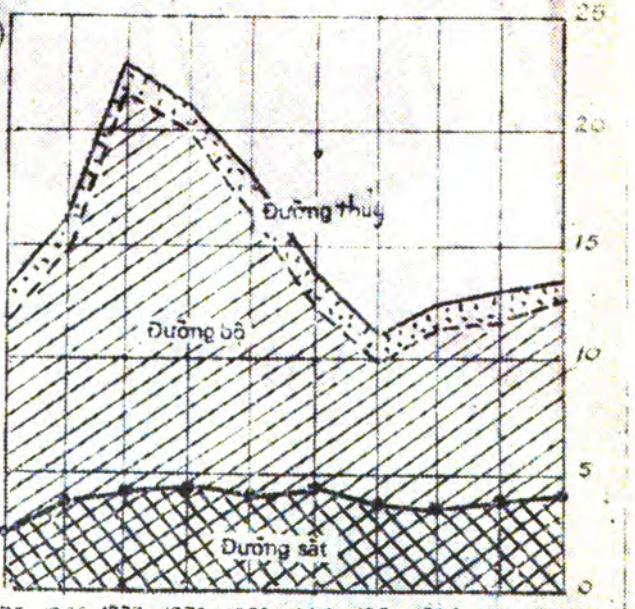


Digitized by Google

In tại nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số : 12551 — Giá 0,40đ

Digitized by Google

# Tạp chí Cộng sản

HX
9
.H68B

UNIV. of MICH.
APR 22 1986
Current Serials

12

12. 1985

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam

## *Xã luận*

# MƯỜI NĂM THẮNG LỢI VẺ VANG CỦA CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

*Cách đây mười năm, Cách mạng Lào đã giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Nắm vững thời cơ thuận lợi do cục diện cách mạng của các nước anh em trên bán đảo Đông dương tạo nên lúc đó, Đảng nhân dân cách mạng Lào đã nêu quyết tâm chiến lược lãnh đạo nhân dân nổi dậy đồng loạt và tiến công toàn diện, kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị — pháp lý, nhanh chóng đập tan toàn bộ lực lượng và bộ máy thống trị phản động, giành lấy chính quyền Nhà nước. Ngày 2 tháng 12 năm 1975, Đại hội quốc dân, đại diện cho khối đoàn kết vững chắc và ý chí làm chủ của nhân dân các bộ tộc Lào, đã long trọng* **tuyên bố thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.**

*Sự ra đời của Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là sự kiện chính trị có ý nghĩa hết sức trọng đại. Nó chấm dứt hoàn toàn chế độ thống trị của bọn thực dân cũ và mới kéo dài gần một thế kỷ, xóa bỏ chế độ quân chủ yếu hèn và lỗi thời đã từng ngự trị hàng nghìn năm trên đất nước Lào. Nó mở ra kỷ nguyên mới rực rỡ nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân các bộ tộc Lào: kỷ nguyên vĩnh viễn độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Sự kiện lịch sử vĩ đại đó còn đánh dấu bước phát triển cách mạng của nhân dân ba nước trên bán đảo Đông dương và góp phần thắng lợi vào sự nghiệp đấu tranh của loài người tiến bộ vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

*Mười năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Cay-xôn Phôm-vi-hản kính mến, nắm vững công cụ sắc bén để thực hiện và bảo vệ quyền làm chủ của mình là Nhà nước Cộng hòa*



Digitized by Google

dân chủ nhân dân, nhân dân các bộ tộc Lào đồng tâm, nhất trí, chiến đấu dũng cảm, lao động cần cù và sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, kiên quyết bảo vệ Tổ quốc, đã có bước trưởng thành vượt bậc về mọi mặt.

Sự **nghiệp bảo vệ Tổ quốc** đã giành được những thắng lợi to lớn. Ngay sau khi chính quyền cách mạng được thành lập trong cả nước Lào, đế quốc Mỹ thực hiện « kế hoạch hậu chiến » đã dựa vào bọn phản động cực hữu Thái lan và bọn phản động Lào lưu vong, không ngừng khiêu khích, gây xung đột vũ trang ở biên giới và gây rối ở các vùng rừng núi thuộc đất nước Lào. Từ những năm cuối thập niên kỷ 70, những hành động xấu xa đó lại được sự phối hợp, tiếp sức mạnh mẽ của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh. Bọn này đã bộc lộ hoàn toàn chân tướng phản động của chúng, câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động cực hữu Thái lan, tiến hành các hoạt động phá hoại nhiều mặt trên mọi lĩnh vực quân sự, an ninh, chính trị — tư tưởng, kinh tế, văn hóa — xã hội, v.v. nhằm làm suy yếu để tiến tới xâm lược, thôn tính Lào. Nhưng, mọi ý đồ nham hiểm của các loại kẻ thù đều đã bị vạch trần và chặn đứng trước ý thức cảnh giác cao và sức chiến đấu ngoan cường của nhân dân Lào. Các căn cứ hoạt động của bọn phản động cùng với các kế hoạch bạo loạn của chúng bị đập tan, các vụ khiêu khích lấn chiếm biên giới của quân Thái lan bị đánh trả đích đáng. Âm mưu của kẻ thù chia rẽ Lào với các nước trên bán đảo Đông dương bị phá vỡ. An ninh chính trị được giữ vững, quân đội nhân dân và các lực lượng an ninh nhân dân Lào không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Công cuộc **khôi phục và phát triển kinh tế** đã và đang làm biến đổi sâu sắc bộ mặt của đất nước Lào. Kế hoạch ba năm (1978 — 1980) và kế hoạch năm năm thứ nhất (1981 — 1985) được hoàn thành tốt, tổng sản phẩm xã hội và thu nhập bình quân đầu người đều tăng nhanh. Năm 1985 so với năm 1976, tổng sản phẩm xã hội tăng 218%, thu nhập bình quân đầu người tăng 157%. Công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp được xúc tiến mạnh mẽ. Gần ba nghìn hợp tác xã nông nghiệp được thành lập khắp mọi miền đất nước, đang ra sức làm thủy lợi, thi đua áp dụng những biện pháp canh tác mới, những tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm tạo những năng suất cao. Năm 1985 so với năm 1976, tổng sản lượng nông nghiệp tăng 204,9%, sản lượng thóc tăng 222,5%, đàn trâu tăng 151,9%, đàn bò tăng 176,7%, sản lượng gỗ khai thác tăng 26 lần... Trước kia hằng năm phải nhập khẩu lương thực, từ năm 1980, Lào đã căn bản tự túc được lương thực. Năm 1984, mặc dù bị hạn nặng, Lào vẫn giành thắng lợi lớn trong nông nghiệp, thu hoạch 1,3 triệu tấn thóc.

Về công nghiệp, khi mới giải phóng, do di hại của bàn tay phá hoại của bọn phản động, nhiều nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa hoặc sản xuất cầm chừng. Đến nay, tất cả các nhà máy, xí nghiệp đó đã hoạt động lại, trong đó nhiều cơ sở đã đạt và vượt mức sản xuất của thời kỳ trước ngày giải phóng. Nhà máy thủy điện Nậm ngừm đã được mở rộng, nâng công suất lên gấp 5 lần so với năm 1975, bảo đảm điện cho sản xuất và tiêu dùng trong nước. Hàng chục nhà máy, xí nghiệp được xây dựng mới và đã đi vào sản xuất.

Thủ công nghiệp cũng có những chuyển biến mới. Những mặt hàng thủ công truyền thống đã được phục hồi. Về giao thông vận tải, trong 10 năm qua, 12 982 ki lô mét đường bộ đã được mở rộng, nâng cấp; đường thủy trên sông Mê kông được cải tạo, tận dụng. Hàng chục sân bay lớn, nhỏ được sửa chữa,



Digitized by Google

*bảo đảm việc đi lại bằng đường không giữa các vùng trong nước và ra nước ngoài.*

*Trên* **mặt trận văn hóa xã hội**, *cùng với thành tích nổi bật là đã hoàn thành việc xóa nạn mù chữ trong cả nước, mạng lưới giáo dục, y tế của Lào đang ngày càng được mở rộng. Hiện nay, cả nước có gần 7 000 trường phổ thông các cấp với số lượng học sinh tăng 177% so với năm 1976. Trong chế độ cũ, ở Lào không có trường đại học, nay đã xây dựng được 8 trường. Hằng năm có khoảng 7000 học sinh tốt nghiệp cấp III và đại học. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật đã lên tới 40 nghìn người, trong đó 5 000 người có trình độ đại học. Nhiều bệnh viện mới được xây dựng, năm 1985 so với năm 1976, số giường bệnh tăng 160%, đội ngũ cán bộ y tế tăng 87%. Hiện nay, cả nước có khoảng 870 bệnh viện, bệnh xá thuộc các cấp từ trung ương đến xã, với hơn 10 nghìn cán bộ y tế đang ngày đêm chăm sóc sức khỏe của nhân dân.*

*Với* **chính sách đối ngoại hòa bình**, *Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã có những đóng góp to lớn vào việc tăng cường sức mạnh của khối liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa nhân dân ba nước trên bán đảo Đông dương, vào cuộc đấu tranh chung nhằm biến Đông Nam châu Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác. Cùng với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã tích cực góp phần củng cố và tăng cường tình đoàn kết và quan hệ hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng đã góp phần đáng kể vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Địa vị và uy tín quốc tế của Lào không ngừng được nâng cao.*

*Đối với lịch sử một nước, mười năm chỉ là khoảng thời gian rất ngắn. Nhưng, mười năm qua, với chính quyền cách mạng, nhân dân Lào đã lập được những thành tích to lớn làm thay đổi hẳn bộ mặt của đất nước mình. Trong hoàn cảnh nước Lào phải đi lên từ tình hình kinh tế – xã hội nghèo nàn, lạc hậu, mang nặng những vết thương chiến tranh và những di hại về nhiều mặt của chế độ thực dân, phong kiến, lại liên tiếp bị các loại kẻ thù bên ngoài tìm mọi cách chống phá, những thành tích đó càng có ý nghĩa, không những xứng đáng là niềm tự hào chân chính của nhân dân Lào, mà còn làm nức lòng anh em bầu bạn và mọi người yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới.*

★

*Là những nước láng giềng cùng gối chung dãy Trường sơn, lại cùng chung cảnh ngộ trong cuộc đấu tranh để tồn tại và tiến lên, từ bao đời nay Việt nam và Lào đã có mối quan hệ gắn bó. Trong hơn một thế kỷ qua, công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc càng làm cho nhân dân hai nước gắn bó, đoàn kết, hiểu biết và thông cảm với nhau hơn. Những tình cảm truyền thống đó càng được phát huy mạnh mẽ với sự vun đắp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mãi mãi trong chúng ta vang vọng những lời thơ đầy xúc động của Bác Hồ :*



Digitized by Google

*Thương nhau mấy núi cũng trèo.*
*Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.*
*Việt — Lào hai nước chúng ta,*
*Tình sâu hơn nước Hồng hà, Cửu long.*

*Chính nhờ sự gắn bó chặt chẽ, luôn luôn sát cánh bên nhau theo tinh thần « hạt gạo cắn đôi, cọng rau bẻ nửa », chung lòng chung sức chiến đấu với sự phối hợp nhịp nhàng, hai dân tộc đã đánh bại những « đế quốc to » là Pháp và Mỹ, đưa sự nghiệp cách mạng của hai nước đi từ thắng lợi này đến thắng khác Đúng như lời đồng chí Lê Duẩn đã nhận định : « Được xây đắp trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, mối quan hệ đặc biệt Việt — Lào đã tạo nên một sức mạnh kỳ diệu về tinh thần và vật chất, giúp nhân dân hai nước luôn luôn nhận rõ kẻ thù, nhìn thấu những âm mưu thâm độc của chúng, lướt qua mọi nguy hiểm, nhấn chìm mọi thế lực phản động, đưa hai dân tộc đến bến vinh quang » (1).*

*Những người cộng sản và nhân dân Việt nam ta theo dõi với sự khâm phục, mối cảm tình đặc biệt và đánh giá cao những thắng lợi của nhân dân Lào anh em. Nhận thức rõ ràng mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam đều có sự đóng góp của nhân dân Lào, chúng ta bày tỏ niềm vui mừng, phấn khởi sâu sắc trước những thành tựu về mọi mặt của đất nước Lào, chân thành cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ quý báu mà nhân dân các bộ tộc Lào đã dành cho nhân dân ta. Chúng ta hết sức vui mừng trước bước phát triển mới của tình hữu nghị và quan hệ hợp tác Việt nam — Lào. Chúng ta cảm kích trước những lời nói chí tình của đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản, Tổng bí thư Đảng nhân dân cách mạng Lào về mối quan hệ Việt — Lào « Sự hợp tác đầy tình nghĩa đồng chí anh em giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước trên mọi lĩnh vực với những phương thức phong phú và có hiệu quả... đã góp phần rất quan trọng tạo nên một thế chiến lược vững chắc và phát triển mạnh mẽ các nhân tố chủ quan của cách mạng Lào trong giai đoạn mới. Truyền thống đoàn kết liên minh chiến đấu mẫu mực, trong sáng thủy chung giữa hai dân tộc ngày nay lại càng nở hoa kết trái rực rỡ hơn bao giờ hết » (2).*

*Trung thành với lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, quán triệt lập trường của Đảng ta coi quan hệ đặc biệt Việt nam — Lào — Cam-pu-chia là một* **quy luật phát triển** *của cách mạng ba nước, là* **điều có ý nghĩa sống còn** *đối với vận mệnh của ba dân tộc, theo tinh thần của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Lào ký năm 1977 và Tuyên bố của Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương họp tại Viêng-chăn tháng 2 năm 1983, chúng ta nguyện làm hết sức mình vun đắp cho tình đoàn kết chiến đấu, quan hệ đặc biệt và tình hữu nghị thủy chung trong sáng Việt nam — Lào, cũng như Việt nam — Lào — Cam-pu-chia, mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững. Từ thế hệ này đến thế hệ khác, chúng ta luôn luôn hết lòng hết sức làm tròn mọi nghĩa vụ quốc tế đối với các nước anh em trên bán đảo Đông dương, không ngại gian khổ, không sợ hy sinh, đồng thời không ngừng*

*(Xem tiếp trang 14)*

(1) Lê Duẩn : *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta.* Nxb Sự thật. Hà nội. 1981. tr. 121.

(2) Cay-xôn Phôm-vi-hản : « Ba mươi năm đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng nhân dân cách mạng Lào » *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 3 năm 1985. tr. 35.



Digitized by Google

# NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO MƯỜI TUỔI

XU-PHA-NU-VÔNG
Ủy viên Bộ chính trị Trung ương
Đảng nhân dân cách mạng Lào
Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

VẤN đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là chính quyền Nhà nước. Thấm nhuần lời dạy đó của Lê-nin vĩ đại, suốt ba chục năm qua, trong cuộc chiến đấu chống Lọn đế quốc và bè lũ tay sai của chúng nhằm giải phóng đất nước, nhân dân các bộ tộc Lào đã anh dũng và kiên trì đấu tranh để từng bước giành chính quyền về tay mình. Mùa xuân năm 1975, cục diện cách mạng ở Đông dương chuyển biến vô cùng nhanh chóng. Nhân dân Việt nam và nhân dân Cam-pu-chia anh em đã giành được thắng lợi trọn vẹn trong công cuộc giải phóng đất nước. Nắm lấy thời cơ lịch sử có một không hai này, nhân dân các bộ tộc Lào, được sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng nhân dân cách mạng Lào, đã nổi dậy đồng loạt, đập tan về cơ bản ngụy quyền tay sai ở các tỉnh, thành phố và thủ đô Viêng-chăn, lập ra chính quyền dân chủ nhân dân.

Với thắng lợi này, nhân dân các bộ tộc Lào đã giải phóng hoàn toàn đất nước và giành được chính quyền trên phạm vi cả nước.

Ngày 1 và 2 tháng 12 năm 1975, Đại hội đại biểu nhân dân cả nước họp ở thủ đô Viêng-chăn đã chấp nhận sự thoái vị của vua Xi-xa-vang Vát-tha-na, chấp nhận sự giải thể của Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp và Chính phủ liên hiệp lâm thời được lập ra theo Hiệp định Viêng-chăn năm 1973 về Lào, và thành lập Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ra đời là một sự kiện có ý nghĩa vô cùng trọng đại trong lịch sử đất nước Lào. Nó xóa bỏ hoàn toàn chế độ thống trị của bọn thực dân cũ và mới đã áp bức bóc lột nhân dân Lào gần một thế kỷ qua, kìm hãm đất nước Lào trong vòng nô lệ, tối tăm. Đồng thời nó cũng chấm dứt chế độ quân chủ lạc hậu, yếu hèn và lỗi thời.

Với sự thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân, nhân dân các bộ tộc Lào, từ địa vị là người dân thuộc địa bị áp bức, nô dịch, trở thành người chủ đất nước, ra sức xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc của mình. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén của nhân dân các bộ tộc Lào trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc thân yêu của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thật sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, ra sức bảo vệ quyền làm chủ



Digitized by Google

của nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân có chỗ dựa vững chắc là Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể thành viên trong Mặt trận đang ngày càng mở rộng khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và phát huy tinh thần làm chủ, tích cực đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Ra đời vào lúc đất nước đã được hoàn toàn giải phóng, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thực hiện chức năng của chuyên chính vô sản và có nhiệm vụ đưa đất nước tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa theo đường lối do Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào đã vạch ra. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một mặt phải đập tan mọi sự chống đối của bọn phản cách mạng trong nước, đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù bên ngoài. Mặt khác phải ra sức xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ này đều quan trọng và gắn bó với nhau chặt chẽ, nhiệm vụ xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa được coi là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định nhất đối với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, vì đây là mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cơ sở để bảo vệ vững chắc Tổ quốc và chế độ mới.

Trong mười năm qua, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không ngừng được củng cố và lớn mạnh. Không những bộ máy chính quyền ở trung ương được kiện toàn và tăng cường mà bộ máy chính quyền ở địa phương cũng được củng cố. Hội đồng nhân dân tối cao được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc năm 1975 cử ra đã hoạt động tích cực nhằm thực hiện chức năng của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Hội đồng bộ trưởng, cơ quan chấp hành và hành chính Nhà nước cao nhất, trong quá trình thực hiện việc quản lý Nhà nước đã không ngừng được kiện toàn và củng cố, nhất là các ngành làm chức năng quản lý kinh tế, văn hóa. Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng được ban hành năm 1978 và bổ sung năm 1982 nhằm giúp cho Hội đồng bộ trưởng phát huy mạnh mẽ hiệu lực quản lý mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội. Tòa án nhân dân tối cao được thành lập theo quyết định số 01/83 ngày 11-1-1983 của Ban thường vụ Hội đồng nhân dân tối cao nhằm bảo đảm cho việc xét xử được đúng đắn, bảo vệ chặt chẽ quyền lợi chính đáng của công dân. Ở các địa phương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban chính quyền các cấp được bầu ra và hoạt động theo tinh thần và nội dung của Luật số 101 ngày 31-7-78 tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban chính quyền các cấp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân các bộ tộc trong việc bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Các lực lượng quốc phòng, lực lượng an ninh nhân dân được Nhà nước chăm lo xây dựng và không ngừng lớn mạnh.

Mười năm chỉ là một thời gian ngắn ngủi so với lịch sử của một dân tộc. Trong thời gian này, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã tỏ rõ tính ưu việt của mình và đã đạt những thành tựu đáng kể.

**I— Về mặt quốc phòng — an ninh.**

Sau 30 năm chiến đấu nhằm giải phóng đất nước, nhân dân các bộ tộc Lào muốn sống yên ổn trong hòa bình để xây dựng đất nước, ngày càng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của mình. Nhưng ngay từ khi giải phóng đất nước, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã phải đương đầu với các kẻ thù cũ và mới



Digitized by Google

câu kết với nhau dùng mọi thủ đoạn hòng làm suy yếu và lật đổ Nhà nước cách mạng vừa mới lập nên.

Đế quốc Mỹ, dù đã thất bại và phải rời khỏi Đông dương, vẫn ngoan cố bám lấy Thái lan và dùng lãnh thổ nước này làm bàn đạp tung tay chân trở lại Lào nhằm xây dựng các cơ sở phản động. Chúng còn giở trò dụ dỗ cưỡng ép hàng vạn người di cư ra nước ngoài và tổ chức hàng trăm vụ gây rối, gây bạo loạn trên đất Lào. Bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh câu kết với đế quốc Mỹ và bọn phản động cực hữu Thái lan cũng tích cực tiến hành chiến tranh tâm lý, tìm mọi cách mị dân, chia rẽ nhân dân với cách mạng, chia rẽ nội bộ nhân dân các bộ tộc, chia rẽ Lào với các nước anh em, nhất là với Việt nam, nhằm cô lập và làm suy yếu nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Chúng nuôi dưỡng, huấn luyện hàng nghìn tên phản động Lào lưu vong, tập hợp một số tay sai tổ chức các hoạt động thổ phỉ, biệt kích, gây rối và phá hoại đời sống yên lành của nhân dân ở một số vùng. Chúng tìm mọi cách để gây đối địch giữa Thái lan và Lào. Chúng sử dụng những phần tử cực hữu Thái lan gây ra nhiều vụ khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ Lào, đóng cửa biên giới Thái—Lào hòng bao vây Lào về mặt kinh tế và vừa qua đã dùng lực lượng quân sự tiến công lấn chiếm ba bản của Lào thuộc tỉnh Xay-nha-bu-ly.

Thấy rõ bản chất phản động và âm mưu thâm độc của kẻ thù, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đã giáo dục các tầng lớp nhân dân các bộ tộc thường xuyên đề cao cảnh giác, và không ngừng củng cố tăng cường nền quốc phòng và an ninh toàn dân, do đó đã kịp thời ngăn chặn và đập tan mọi âm mưu và hoạt động khiêu khích xâm nhập gây rối và lật đổ của kẻ thù. Trong 10 năm qua, dù kẻ thù có dùng trăm phương nghìn kế gây khó khăn cho Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trẻ tuổi, về cơ bản Nhà nước này vẫn giữ được an ninh chính trị và bảo vệ được trật tự xã hội mới trong cả nước. Quân đội nhân dân Lào và các lực lượng an ninh nhân dân Lào không ngừng trưởng thành và phát triển cả về số lượng và chất lượng, phát huy truyền thống chiến đấu anh dũng của dân tộc, đã trở thành lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm lược, phá hoại của kẻ thù.

Một thắng lợi nữa là hàng vạn binh lính, cảnh sát, sĩ quan của chế độ cũ đã được Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giáo dục, cải tạo và phục hồi quyền công dân. Họ đã thấy rõ chính sách nhân đạo và khoan hồng của Nhà nước, đã tỏ ra ăn năn hối lỗi về những sai lầm của mình trước đây, tham gia lao động sản xuất, góp phần của mình vào công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân.

**2— Về mặt kinh tế.**

Sau khi giải phóng đất nước, một nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là phải ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, hàn gắn các vết thương chiến tranh, ổn định đời sống của nhân dân. Tiếp đó là nhiệm vụ đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nền kinh tế còn mang nặng tính chất tự nhiên tự túc tự cấp. Đại bộ phận lao động xã hội là lao động nông nghiệp với kỹ thuật sản xuất thô sơ, năng suất lao động còn rất thấp. Nền nông nghiệp hết sức nhỏ bé và phụ thuộc vào bên ngoài. Sản xuất hàng hóa chưa phát triển. Giao thông vận tải có nhiều khó khăn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước dân



Digitized by Google

chủ nhân dân luôn luôn coi nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và đã ra sức khắc phục những khó khăn, khôi phục và phát triển sản xuất, từng bước ổn định đời sống của nhân dân. Nhà nước đã quốc hữu hóa tất cả các ngân hàng và các xí nghiệp lớn của chính quyền cũ và của tư nhân, nắm các ngành tài chính, giao thông, bưu điện, điện nước, và các ngành kinh tế quan trọng khác. Trong 10 năm qua, nhờ có đường lối đúng đắn và có sự cố gắng của mình cộng với sự giúp đỡ to lớn, quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn trên thế giới, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trong công cuộc khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế. Tổng sản phẩm xã hội tăng 218%, thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người tăng 157% so với năm 1976.

Trên mặt trận nông nghiệp và lâm nghiệp là hai thế mạnh của nền kinh tế Lào, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đã chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, phát huy thế mạnh của đất nước là cây lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nhưng trọng tâm là phấn đấu để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm một cách vững chắc, đồng thời làm ra nhiều nông lâm sản hàng hóa để xuất khẩu, nhằm góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà và đáp ứng nhu cầu về ăn, về mặc của nhân dân. Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp thực hiện đường lối của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân còn thực hiện thắng lợi việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Nhờ đường lối chủ trương đúng đắn và sự tích cực thực hiện đường lối chủ trương này cho nên trong mười năm qua, mặt trận sản xuất nông nghiệp đã giành được những thắng lợi quan trọng. Tổng sản lượng nông nghiệp năm 1985 tăng 204,9% so với năm 1976, sản lượng thóc tăng 222,54%, đàn trâu tăng 151,95%, đàn bò tăng 176,69%, sản lượng gỗ khai thác tăng 26 lần, sản lượng lâm thổ sản khai thác hằng năm tăng 1,27%. Nhà nước còn ra sức tổ chức việc khai hoang phục hóa và thực hiện thâm canh, tăng vụ, làm thủy lợi. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp cũng phát triển mạnh. Hiện nay, cả nước đã có 2932 hợp tác xã nông nghiệp. Nhờ sản xuất nông nghiệp phát triển cho nên từ năm 1980 Lào không phải nhập gạo từ nước ngoài.

Trên mặt trận công nghiệp, trong 10 năm qua Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng thu được những thắng lợi quan trọng. Khi vừa mới thành lập, chính quyền cách mạng phải tiếp nhận một nền công nghiệp què quặt, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá. Nhiều nhà máy, xí nghiệp ở vùng mới giải phóng bị bọn phản động phá hoại trước khi bỏ chạy. Chúng tháo gỡ những máy móc phụ tùng quý đem đi và dụ dỗ, lôi kéo công nhân lành nghề chạy theo chúng. Vì vậy nhiều nhà máy phải đóng cửa hoặc sản xuất cầm chừng, chỉ bằng nửa trước ngày giải phóng.

Nắm vững vai trò của công nghiệp trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện đường lối về công nghiệp của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đã ra sức khôi phục và mở rộng các nhà máy đã có, bổ sung những máy móc cần thiết, đào tạo ở trong nước hoặc ở nước ngoài hàng nghìn kỹ sư và công nhân kỹ thuật để bổ sung cho ngành công nghiệp. Cho đến nay, tất cả các xí nghiệp đã hoạt động trở lại. Nhiều xí nghiệp đã đạt và vượt mức sản xuất trước ngày giải phóng, như các nhà máy thuốc lá, dệt, diêm, nhà máy cưa và chế biến gỗ, các nhà máy điện, nước, v v.



Digitized by Google

Nhà máy thủy điện Nậm-ngừm năm 1975 chỉ đạt công suất 30 000 kW với hai tuyếc bin, nay nhà máy đã được mở rộng nâng công suất lên 150 000 kW với năm tuyếc bin. Các mỏ thiếc ở tỉnh Khăm-muộn trước đây thực dân Pháp khai thác bằng phương pháp thủ công thì nay đã được trang bị máy móc cần thiết và mở rộng khai thác.

Đi đôi với việc khôi phục và mở rộng các xí nghiệp cũ, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân còn chú trọng xây dựng nhiều nhà máy, xí nghiệp mới. Đến nay đã có hàng chục nhà máy, xí nghiệp mới được xây dựng và đi vào sản xuất như nhà máy xay xát, nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, các nhà máy cơ khí, nhà máy sản xuất thức ăn và thuốc phòng bệnh, thuốc chữa bệnh cho gia súc, các cơ sở khai thác muối, thạch cao, v.v.

Cùng với việc khôi phục và phát triển nền công nghiệp, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân cũng quan tâm đến việc khôi phục và phát triển thủ công nghiệp. Trước ngày giải phóng, nhiều mặt hàng thủ công nổi tiếng phản ánh truyền thống văn hóa dân tộc được thế giới ưa thích như các đồ đan mây, tre, đồ gốm, thổ cẩm, v.v. bị mai một vì không cạnh tranh được với hàng nước ngoài. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển thủ công nghiệp, Nhà nước quan tâm tổ chức và giúp đỡ các hợp tác xã, các tổ thủ công đan lát, dệt thảm, làm đồ gốm, v.v. sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị phục vụ đời sống nhân dân và xuất khẩu.

Sự phát triển của công nghiệp tuy mới chỉ là bước đầu nhưng đã góp phần phục vụ cho nông nghiệp, lâm nghiệp và thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế cả nước.

Trên mặt trận giao thông vận tải, từ ngày đất nước được giải phóng Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào rất quan tâm đến việc tu bổ và mở rộng mạng lưới giao thông trong toàn quốc. Với địa hình đất nước khá phức tạp và hiểm trở, dân cư ít, phân tán, giao thông vận tải được coi là mũi nhọn, không chỉ quan trọng đối với kinh tế, đời sống, mà còn rất quan trọng đối với chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa.

Trong mười năm qua, số đường sá được mở rộng và nâng cấp là 12 982 ki lô mét trong đó chủ yếu là các đường liên tỉnh. Cùng với việc tu bổ, mở rộng đường bộ, Nhà nước còn chú ý mở rộng giao thông đường thủy, chủ yếu là cải tạo giao thông trên sông Mê-kông chạy từ Bắc đến Nam Lào và tận dụng các đường sông khác, chi nhánh lớn của sông Mê-kông, bảo đảm cho thuyền bè đi lại an toàn, việc vận chuyển được nhanh chóng và thuận lợi. Nhà nước cũng sửa chữa hàng chục sân bay lớn, nhỏ, khôi phục và phát triển giao thông hàng không giữa các tỉnh trong nước và với nước ngoài.

Những thành tựu nói trên về giao thông vận tải đã góp phần quan trọng trong việc phục vụ lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và phục vụ quốc phòng.

**3 — Về mặt văn hóa giáo dục.**

Do hậu quả nặng nề của ách thống trị thực dân, phong kiến cho nên trình độ văn hóa của đại bộ phận nhân dân và cán bộ còn thấp. Phần lớn nhân dân các bộ tộc bị mù chữ. Ở nhiều nơi, nạn mê tín dị đoan và các tập quán lạc hậu còn tồn tại nặng nề gây trở ngại lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sau khi đất nước được giải phóng, thực hiện đường lối của Đảng lãnh đạo là đưa cách mạng văn hóa tư tưởng đi trước một bước trong đó lấy giáo dục làm nhiệm vụ trung tâm, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã ra sức xóa nạn mù chữ và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục.



Digitized by Google

Về công tác giáo dục, Nhà nước đã phát động phong trào học văn hóa một cách rộng rãi, liên tục trong nhân dân, cán bộ, công nhân, bộ đội và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục trên cả ba mặt: bình dân, bổ túc, phổ thông. Nhìn chung, trong 10 năm qua, công tác giáo dục đã đạt được những thắng lợi đáng phấn khởi. Nạn mù chữ về căn bản đã bị xóa bỏ trong toàn quốc. Số người học bổ túc văn hóa hiện nay lên tới 177 938 người. Mạng lưới giáo dục phổ thông phát triển mạnh mẽ. Số lượng học sinh phổ thông năm 1985 đã tăng 177% (không kể các trường sư sãi) so với năm 1976. Nhà nước còn quan tâm đến việc giáo dục ở cấp đại học. Trước đây ở Lào không có trường đại học. Nay, căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế và văn hóa, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đã xây dựng được tám trường đại học.

Về công tác văn hóa, Nhà nước đã tích cực xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa, có tính cách mạng, tính dân tộc và tính đại chúng. Trên mặt trận văn hóa, một mặt Nhà nước ra sức phấn đấu nhằm xóa bỏ những tàn dư văn hóa và tư tưởng của thực dân, phong kiến, đặc biệt là của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai để lại, xóa bỏ từng bước những tập quán lạc hậu gây trở ngại cho sản xuất và đời sống của nhân dân; mặt khác chú ý duy trì và bảo vệ những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, phát huy nền văn hóa mới đã được hình thành và được xây dựng trong quá trình kháng chiến và cách mạng. Trong mười năm qua, các ngành thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản, phim ảnh, văn học, nghệ thuật, v.v. đã ngày càng phát triển và đã tích cực góp phần vào việc xóa bỏ những tàn dư văn hóa cũ và xây dựng nền văn hóa mới như đã nói trên, làm phong phú thêm đời sống tinh thần, văn hóa của nhân dân các bộ tộc Lào, cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Một thành tựu đáng kể nữa là về mặt y tế. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đã quan tâm chăm lo sức khỏe của nhân dân. Trước đây nhân dân các bộ tộc Lào, khi đau ốm, thường ít được điều trị theo phương pháp khoa học mà chủ yếu theo kinh nghiệm địa phương và nhiều khi họ trông mong vào cúng lễ. Tình trạng đó đã dần dần được khắc phục. Nhà nước đã ra sức phát triển mạng lưới y tế đến cấp xã, nhất là ở các vùng xa xôi hẻo lánh. Nhiều bệnh viện, bệnh xá và nhà hộ sinh được xây dựng, củng cố và phát triển. Nhà nước cũng chú ý đến việc đào tạo cán bộ y tế. Ngoài các trường y tế trung cấp, sơ cấp đào tạo các dược sĩ, y sĩ, y tá, trường đại học y dược được thành lập nhằm đào tạo các bác sĩ chuyên khoa và y sĩ cao cấp. Nhà nước còn quan tâm xây dựng các xí nghiệp dược phẩm nhằm nghiên cứu và chế biến thuốc từ những dược liệu có sẵn trong nước, theo phương châm kết hợp tân dược với thuốc cổ truyền của dân tộc. Nhà nước đẩy mạnh phong trào vệ sinh, lấy việc phòng bệnh, phòng dịch làm chính kết hợp với việc chữa bệnh, cho nên đã kịp thời dập tắt các bệnh dịch và từng bước diệt trừ các bệnh phổ biến trong nhân dân như sốt rét, thương hàn, lao phổi, v.v.

Tính trong 10 năm qua, số bệnh viện, bệnh xá từ trung ương đến xã lên tới 872, số giường bệnh tăng 160% so với năm 1976. Đội ngũ cán bộ y tế đến năm 1985 đã tăng 4 370 người, bằng 187% so với năm 1976.

**4 — Về mặt đối ngoại.**

Trong 10 năm qua, thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, độc lập và xã hội chủ nghĩa, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã thu được những kết quả to lớn.



Digitized by Google

Trước hết tình đoàn kết, hữu nghị và liên minh chiến đấu, mối quan hệ đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Lào — Việt nam, Lào — Việt nam — Cam-pu-chia ngày càng được tăng cường. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào coi vấn đề này là một tất yếu lịch sử của ba dân tộc trên bán đảo Đông dương vốn có những quan hệ lịch sử, địa lý và tình cảm cách mạng đặc biệt, cùng có kẻ thù chung trước đây là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ngày nay là bọn bành trướng bá quyền trong giới cầm quyền Bắc kinh, và cùng có mục tiêu cách mạng chung là làm cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đây không những là một nhiệm vụ chiến lược, một nhân tố thắng lợi của cách mạng Lào mà còn là một nghĩa vụ quốc tế của Nhà nước và nhân dân Lào. Các mối quan hệ hữu nghị đặc biệt nói trên được biểu hiện bằng việc ký kết hiệp ước hợp tác Lào — Việt nam tháng 7 năm 1977 và các hiệp định khác, bằng những hiệp định Lào — Cam-pu-chia trao đổi về kinh tế, văn hóa, thương mại và các lĩnh vực khác. Một thắng lợi lớn của mối quan hệ Lào — Việt nam — Cam-pu-chia là Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương họp tại Viêng-chăn tháng 2 năm 1983 đã xem xét tình hình chung của cách mạng ba nước và đã định ra những nguyên tắc chỉ đạo, phương hướng và biện pháp nhằm tăng cường đoàn kết và hợp tác về mọi mặt, giúp đỡ nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Đi đôi với đoàn kết liên minh chiến đấu với nhân dân hai nước Việt nam, Cam-pu-chia, Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã ra sức củng cố và tăng cường tình đoàn kết và quan hệ hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Đây là một chính sách lâu dài, kiên định và có tính nguyên tắc của Đảng và Nhà nước Lào, quyết định thành công của công cuộc bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong những năm qua, nhiều đoàn đại biểu của Lào đã đi thăm Liên xô cùng nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác và đã ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên xô, Tiệp khắc, Bun-ga-ri, Mông cổ, Cộng hòa dân chủ Đức, Cu-ba, v.v. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng tham gia với tư cách quan sát viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng quan tâm phát triển mối quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trong khu vực Đông Nam Á trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, phát triển quan hệ hợp tác kinh tế và trao đổi văn hóa trên cơ sở cùng có lợi, vì mục đích xây dựng đất nước theo con đường riêng của mỗi nước. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào còn luôn luôn hết lòng ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ la tinh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi ô nít và a pác thai, ủng hộ các nước dân tộc chủ nghĩa đấu tranh nhằm bảo vệ và hoàn thiện nền độc lập dân tộc; hết lòng hết sức ủng hộ các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Do thực hiện đường lối đối ngoại tích cực, đúng đắn như đã nói ở trên, trong mười năm qua, vị trí và uy tín của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay là thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của Liên hợp quốc, của phong trào không liên kết và của nhiều tổ chức quốc tế tiến bộ, đã đặt quan hệ ngoại



Digitized by Google

giao với trên ba mươi nước và có quan hệ thương mại với hàng chục nước khác trên thế giới

★

Những thành tựu nói trên của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong mười năm qua so với chế độ cũ quả là vượt bậc. Song đó cũng chỉ là những thành tựu ban đầu còn rất khiêm tốn trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Như Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào đã chỉ rõ: «Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế tiểu nông còn mang tính chất tự nhiên, tự cung tự cấp là con đường rất mới mẻ, trên thế giới hầu như chưa có tiền lệ. Con đường đó phải trải qua nhiều bước trung gian quá độ, phải lâu dài và hết sức khó khăn gian khổ». Cùng với Việt nam và Cam-pu-chia, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào lại có vị trí tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, hợp đế quốc cùng với các thế lực phản động trong và ngoài nước đang câu kết với nhau ra sức thực hiện mọi âm mưu và hoạt động phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của Lào. Trong điều kiện ấy, cuộc đấu tranh để tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào sẽ rất gian khổ, khó khăn, phức tạp và quyết liệt. Trong cuộc đấu tranh này, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các bộ tộc Lào có công cụ sắc bén của mình là Nhà nước dân chủ nhân dân. Vì vậy, để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đi đến thắng lợi, điều có ý nghĩa quan trọng và có tính chất cấp bách là cần phải ra sức tăng cường và không ngừng phát huy hiệu lực của Nhà nước dân chủ nhân dân trong giai đoạn mới của cách mạng. Về vấn đề này, từ thực tiễn những năm đã qua và theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ III của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Nhà nước dân chủ nhân dân được củng cố và tăng cường theo phương hướng dưới đây:

1 — Bộ máy chính quyền Nhà nước ở Trung ương cũng như ở địa phương, nhất là ở cơ sở cần được chú ý kiện toàn.

Nhà nước dân chủ nhân dân Lào là Nhà nước của dân, cơ sở chính trị của nó là Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra để bảo đảm quyền làm chủ tập thể đất nước của mình. Với vị trí là cơ quan đại biểu của nhân dân, Hội đồng nhân dân thay mặt nhân dân mà sử dụng quyền lực Nhà nước. Mọi vấn đề quan trọng của đất nước và của nhân dân, trên phạm vi toàn quốc hoặc ở từng địa phương, đều do Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng quyết định. Song nhận thức này chưa được quán triệt trong cán bộ và nhân dân. Ở nhiều nơi, Hội đồng nhân dân không được củng cố, còn hoạt động yếu ớt, hình thức, thậm chí có nơi không hoạt động, do đó không phát huy được tác dụng của cơ quan quyền lực Nhà nước. Đây là một chỗ yếu trong hoạt động của bộ máy Nhà nước. Trong thời gian tới cần tiến hành củng cố và kiện toàn Hội đồng nhân dân các cấp bằng cách bầu cử các Hội đồng nhân dân đã hết nhiệm kỳ và bảo đảm cho các Hội đồng nhân dân thực hiện được quyền làm chủ của nhân dân và hoạt động được đúng với vị trí của mình là thay mặt nhân dân mà quyết định các công việc quan trọng của Nhà nước và giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền Nhà nước ở các cấp.

Tăng cường và hoàn thiện Nhà nước cũng đòi hỏi phải tăng cường hiệu lực của bộ máy quản lý Nhà nước, đặc biệt là bộ máy quản lý kinh tế vì hoạt động kinh tế là cơ sở cho



Digitized by Google

mọi hoạt động khác và là lĩnh vực tương đối mới mẻ và khó khăn của Nhà nước. Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, tình hình đất nước ngày một phát triển, các cơ quan quản lý Nhà nước cần luôn luôn được chú ý tăng cường và hoàn thiện để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước. Mọi cơ quan quản lý Nhà nước phải cải tiến tổ chức, cải tiến phương thức quản lý và chống tệ quan liêu, cửa quyền và thói tri trệ, bảo thủ, ra sức tinh giản bộ máy, khiến cho việc quản lý đất nước, quản lý xã hội đem lại hiệu quả cao về mọi mặt. Mặt khác, là công cụ xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, Nhà nước dân chủ nhân dân cần coi trọng việc tăng cường lực lượng quốc phòng và lực lượng an ninh, bảo đảm cho các lực lượng này đủ sức ngăn ngừa và đập tan mọi hoạt động chống phá của kẻ thù trong nước và ngoài nước.

Sau nữa để thực hiện được tốt việc chuyên chính với kẻ thù và bảo đảm các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân, hệ thống cơ quan xét xử cần được củng cố và kiện toàn nhất là ở cấp huyện. Hiện nay các cơ quan này còn yếu cả về mặt tổ chức và hoạt động. Hệ thống cơ quan xét xử cần được củng cố về mặt tổ chức, chế độ xét xử cần được hoàn thiện. Cần bảo đảm cho Tòa án nhân dân tối cao thật sự là cơ quan xét xử cao nhất của Nhà nước, thực hiện được đúng đắn quyền giám đốc đối với công tác xét xử trong cả nước, tòa án các cấp thể hiện được quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực này. Đi đôi với việc củng cố và kiện toàn hệ thống cơ quan xét xử, cũng cần thành lập hệ thống cơ quan kiểm sát có nhiệm vụ bảo đảm cho việc thi hành pháp luật của Nhà nước dân chủ nhân dân được đúng đắn và thống nhất trong cả nước, chống mọi việc làm vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

2— Một vấn đề quan trọng nữa là cần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Để việc quản lý xã hội đem lại hiệu quả mong muốn, Nhà nước cần chú ý xây dựng pháp luật và quản lý theo pháp luật. Pháp luật thể hiện ý chí của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng lãnh đạo khiến cho đường lối chính sách đó đi vào cuộc sống và thực hiện được tốt. Trong thời gian qua, việc xây dựng pháp luật của Nhà nước chưa tiến triển được nhiều. Sắp tới việc này cần được đẩy mạnh hơn. Nhà nước cần sớm hoàn thành xây dựng bản Hiến pháp xã hội chủ nghĩa của mình và trên cơ sở Hiến pháp, dần dần xây dựng một hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ, làm căn cứ hoạt động cho mọi cơ quan, mọi tổ chức, cho mọi cán bộ và công dân. Trong hệ thống pháp luật này, cần đặc biệt quan tâm xây dựng các pháp luật về kinh tế nhằm bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Nhà nước cũng cần chú ý đẩy mạnh việc phổ biến các văn bản pháp luật được ban hành, bảo đảm cho việc thi hành được đúng đắn và có hiệu quả, ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh những hành động vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền làm chủ của nhân dân.

3— Muốn củng cố và tăng cường chính quyền dân chủ nhân dân không thể không nói tới vấn đề cán bộ, bởi vì hiệu lực của Nhà nước chủ yếu là do đội ngũ cán bộ quyết định. Nhân dân các bộ tộc Lào từ địa vị bị trị, đã trở thành người chủ đất nước, lên nắm chính quyền và tự mình quản lý đất nước. Trong điều kiện ấy, nhân dân phải xây dựng lấy một đội ngũ cán bộ Nhà nước của mình đủ sức quản lý xã hội được tốt. Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, hoạt động của Nhà nước ngày càng mở rộng trên mọi lĩnh vực. Do đó Nhà nước phải chú trọng đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ



Digitized by Google

nhất là cán bộ chính quyền và cán bộ quản lý kinh tế, khiến cho họ vừa có trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, vừa có phẩm chất cách mạng, đủ sức đảm đương và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn mới của cách mạng. Đồng thời cần giáo dục ý thức phục vụ nhân dân vô điều kiện, chống thói chuyên quyền độc đoán, xa rời quần chúng và tệ tham ô, lãng phí, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước và lợi ích chính đáng của nhân dân.

4— Để phát huy hiệu lực của Nhà nước, một biện pháp quan trọng cần được chú ý tiến hành là tăng cường sự kiểm tra hoạt động của các cơ quan Nhà nước, bảo đảm cho việc quản lý đất nước thực hiện được tốt, đúng chính sách, đúng pháp luật, đem lại hiệu quả cao. Trong thời gian tới, Nhà nước cần chú ý xây dựng và kiện toàn các cơ quan thanh tra Nhà nước các cấp, bổ sung những cán bộ có năng lực, phẩm chất và có uy tín, bảo đảm cho công tác thanh tra thực hiện được tốt, giúp cho hoạt động quản lý Nhà nước khắc phục được sai lầm thiếu sót và tiến hành được đúng chính sách, pháp luật. Cần xây dựng và củng cố cơ cấu kiểm tra bao gồm hoạt động của hệ thống thanh tra của Nhà nước, sự kiểm tra của Đảng, sự giám sát của các đoàn thể quần chúng và sự kiểm tra của các tổ chức thanh tra nhân dân do quần chúng lập ra ở cơ sở.

★

Năm nay, cùng với việc kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các bộ tộc Lào vui mừng đón ngày quốc khánh 2-12, kỷ niệm 10 năm ngày thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Với niềm phấn khởi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các bộ tộc Lào quyết tâm ra sức củng cố và tăng cường Nhà nước của mình nhằm đạt được những thành tựu ngày càng to lớn hơn nữa, sát cánh cùng với nhân dân Việt nam và nhân dân Cam-pu-chia anh em, đưa đất nước thân yêu của mình tiến từng bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

---

# Mười năm thắng lợi vẻ vang...

*(Tiếp theo trang 4)*

*góp phần tích cực tăng cường sự hợp tác chặt chẽ với nhau về mọi mặt nhằm phục vụ ngày càng có hiệu quả sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mỗi nước.*

*Cùng với nhân dân Lào anh em, chúng ta vui mừng phấn khởi kỷ niệm lần thứ 10 ngày cách mạng thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2-12-1975 — 2-12-1985). Nhân dịp này, từ đáy lòng mình, chúng ta gửi đến nhân dân Lào anh em những tình cảm chân thành nhất. Chúc nhân dân Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Cay-xỏn Phôm-vi-hản kính mến, ngày càng giành được những thắng lợi to lớn hơn, rực rỡ hơn, làm cho đất nước hoa chăm pa tươi đẹp ngày càng phồn vinh, vững mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng ở Đông dương và trên toàn thế giới.*



Digitized by Google

# ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG, CHỐNG ĐẦU CƠ BUÔN LẬU

THỰC hiện Nghị quyết Hội nghị thứ tám Ban chấp hành trung ương Đảng, vừa qua, Nhà nước đã tiến hành đổi tiền cũ, phát hành tiền mới, ban hành chế độ tiền lương mới, đồng thời điều chỉnh hệ thống giá cả Nhà nước. Trên cơ sở các chính sách giá — lương — tiền được cải tiến, cơ chế quản lý kinh tế đang từng bước được đổi mới. Đây là những việc làm hợp quy luật, được sự đồng tình của quần chúng. Nhưng muốn bảo vệ và phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của các chính sách mới đối với việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp trong quản lý kinh tế, nhằm kích thích sản xuất phát triển, ổn định tình hình kinh tế và đời sống, điều *chủ yếu trước mắt là phải quản lý chặt thị trường*, nhằm giữ vững mặt bằng giá mới, củng cố sức mua của đồng tiền, bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, viên chức Nhà nước.

Muốn quản lý thị trường và giá cả, Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh *cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh*, theo phương châm « kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính », sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và sắp xếp lại thị trường, cải tạo thương nghiệp tư nhân theo từng ngành hàng, tăng cường lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép.

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, Nhà nước ta đã thực hiện ngay việc xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, về thực chất là xóa bỏ sự lũng đoạn lâu đời của giai cấp tư sản người Hoa đối với nền kinh tế miền Nam, giành lại quyền độc lập về kinh tế, đập tan mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, bảo vệ nền độc lập tự chủ và chủ nghĩa xã hội của nước ta ; đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh bằng những hình thức thích hợp, sắp xếp và cải tạo thương nghiệp tư nhân, chuyển những người buôn bán nhỏ sang sản xuất và đi vào con đường làm ăn tập thể. Tuy nhiên, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh không được tiến hành triệt để và liên tục. Từ năm 1979, sau khi phát hiện có một số khuyết điểm trong công tác cải tạo, chúng ta đã không kịp thời tổng kết kinh nghiệm để tiếp tục công tác này tốt hơn, lại *buông trôi nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường trong một thời gian*, để cho giai cấp tư sản phục hồi và phát triển cả ở hai miền, để cho thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động và kẻ địch lợi dụng sơ hở ấy chống phá ta trên nhiều mặt, làm hỗn loạn trật tự kinh tế — xã hội. Một số tư sản và gian thương đã chống lại Nhà nước ta bằng mọi thủ đoạn thâm độc và tinh vi ; chúng móc ngoặc với các phần tử thoái hóa biến chất trong cán bộ nhân viên Nhà nước để lấy hàng hóa vật tư của Nhà nước, tiến hành đầu cơ buôn lậu, làm giàu trên mồ hôi của nhân dân lao động.

Để sửa chữa khuyết điểm này, những năm vừa qua, Nhà nước đã



Digitized by Google

tiến hành nhiều biện pháp tích cực, kết hợp các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục để *tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu*, đã bắt và xử lý hàng nghìn vụ buôn lậu, tịch thu hàng triệu đồng (tiền cũ), và nhiều vật tư nguyên liệu quý... Tuy nhiên, những hoạt động đầu cơ, buôn lậu, làm và bán hàng giả, kinh doanh trái phép vẫn diễn ra ở nhiều nơi, nhất là ở thành phố lớn, gây tác hại nhiều đến đời sống xã hội và trật tự an ninh. Điều đặc biệt nổi lên từ sau khi đổi tiền đến nay là bọn đầu cơ, buôn lậu lợi dụng chính sách mới về giá — lương — tiền hòng phá hoại nền kinh tế nước ta; chúng ráo riết hoạt động, tiến công vào trận địa xã hội chủ nghĩa, phao tin thất thiệt, ra sức vét hàng hóa, tiền lẻ, nhất là mua gom những mặt hàng thiết yếu đối với của đời sống nhân dân, đẩy giá thị trường lên cao, phá hoại chính sách lưu thông hàng hóa và tiền tệ của Nhà nước, làm rối loạn thị trường, gây tâm lý không ổn định trong nhân dân.

Vì vậy, cuộc đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu trong tình hình hiện nay trở thành *hết sức cấp bách*. Hiện nay, bọn đầu cơ, buôn lậu đã hiện hình là bọn phá hoại kinh tế, phá hoại công cuộc xây dựng đất nước, đúng như Lê-nin đã từng nói: «Đó là kẻ thù chính «bên trong» của chúng ta, kẻ thù đối với những biện pháp kinh tế của chính quyền xô viết» (1).

Do đó, *nhiệm vụ trung tâm đột xuất trước mắt của công tác quản lý thị trường là kiên quyết đấu tranh chống bọn đầu cơ, buôn lậu*, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực trên thị trường, bảo vệ chính sách giá — lương — tiền mới ban hành, ổn định tình hình kinh tế và đời sống, xây dựng một trật tự kinh tế mới, tạo đà cho nền kinh tế phát triển bình thường và tiến lên.

★

Bài học kinh nghiệm của những năm qua là: *muốn quản lý tốt thị trường, phải chống đầu cơ buôn lậu*.

Đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu là một việc làm hết sức phức tạp, vì nó liên quan đến nhiều ngành, nhiều cơ quan, nhiều lĩnh vực, đòi hỏi các ngành như: công an, tòa án, kiểm sát, thanh tra, quân đội, tài chính, thương nghiệp v.v. phải thật sự hành động theo một sự chỉ huy thống nhất của Nhà nước. Chính quyền chuyên chính vô sản phải dùng sức mạnh tổng hợp của mình thẳng tay trừng trị bọn chúng, nhất là bọn đầu sỏ, không phải chỉ xử phạt về mặt hình sự, mà còn phải xử phạt thật nặng về kinh tế nữa. Cần đưa ra ánh sáng bọn buôn lậu, làm hàng giả, bọn ăn cắp tài sản Nhà nước, cùng những kẻ thoái hóa, biến chất trong các cơ quan Nhà nước để xét xử thật nghiêm và kịp thời bằng luật pháp của Nhà nước.

Muốn làm tốt công tác này, *trước hết* cần *đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng vững mạnh trong sạch trong các cơ quan Nhà nước*, làm cho các cơ quan này thật sự là *nòng cốt* của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cần đặt mạnh công tác *giáo dục và quản lý nội bộ cơ quan Nhà nước*, nhằm chống tiêu cực trong bộ máy Nhà nước, vừa tăng cường việc quản lý nội bộ, vừa trấn áp bọn đầu cơ, buôn lậu chuyên nghiệp, gắn công tác này với công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng và chính quyền chuyên chính vô sản. Có làm tốt công tác này, mới chống được những thủ đoạn của kẻ địch và bọn gian thương lôi kéo mua chuộc cán bộ móc ngoặc với chúng, tuồn vật tư, hàng hóa cho chúng để tiến hành đầu cơ buôn lậu. Đây chính là *một biện pháp rất quan trọng* để xóa tận gốc nguồn hàng đầu cơ buôn lậu trên thị trường.

(1) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1960, quyển II, phần II, tr. 489.



Digitized by Google

Trong công tác này, cần *phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể* của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức thanh tra nhân dân, dựa vào quần chúng ở cơ sở để phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm pháp luật.

Để thực hiện công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ buôn lậu đạt kết quả tốt, chúng ta không chỉ dùng biện pháp hành chính, biện pháp giáo dục, mà còn phải thực hiện thật tốt các biện pháp *kinh tế*, nhất là phải *phát triển mạnh mẽ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa*, tổ chức tốt việc nắm hàng, nắm tiền, chiếm lĩnh thị trường, coi đó là *điều kiện quyết định* để loại trừ tệ đầu cơ, buôn lậu, ổn định giá cả thị trường, giữ vững trật tự kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong thời gian tới, các ngành thương nghiệp quốc doanh phải vươn lên làm chủ thị trường, thực hiện chức năng *quản lý hành chính thương nghiệp* đối với các hoạt động mua bán của các tổ chức thương nghiệp trên thị trường nội địa. Mọi hoạt động thương nghiệp trên thị trường đều phải đăng ký và phải có giấy phép kinh doanh, phải tuân theo luật lệ và quy chế của Nhà nước. Tất cả các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức xã hội không có chức năng kinh doanh thương nghiệp đều không được phép buôn bán. Chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán giữa các tổ chức thương nghiệp.

Trên cơ sở đó, Nhà nước lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường, tiến hành quản lý việc lưu thông hàng hóa theo *đường lối chính sách thống nhất*. Trước hết, *thực hiện ngay việc Nhà nước thống nhất quản lý, độc quyền kinh doanh lương thực và các nông sản chủ yếu, bằng chính sách giá và phương thức thu mua hợp lý*; thực hiện cơ chế một giá mua thống nhất (có phân biệt theo vùng và được điều chỉnh theo từng vụ sản xuất) trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và nông dân. Thông qua hợp đồng kinh tế, *Nhà nước nắm hầu hết lương thực hàng hóa và đại bộ phận nông sản hàng hóa chủ yếu khác*.

Ngành thương nghiệp phải coi việc *nắm hàng là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất* của hoạt động thương nghiệp, vì có nắm được các nguồn hàng mới nắm được quyền chủ động trên thị trường, đáp ứng kịp thời các nhu cầu của sản xuất, chiến đấu và đời sống, mở mang được quan hệ trao đổi hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, tăng cường được quyền lực kinh tế của Nhà nước, nhằm giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông.

Thấu suốt quan điểm trên, các đơn vị kinh doanh thương nghiệp, từ trung ương đến địa phương và cơ sở, không thụ động ngồi chờ hàng, mà phải năng động vươn lên vận dụng đúng đắn *các chính sách đòn bẩy, các biện pháp thu mua với giá cả hợp lý*, theo tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯĐ (khóa V), khai thác mọi khả năng và thế mạnh của nền kinh tế nhằm tăng cường lực lượng hàng hóa cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Trong việc khai thác nguồn hàng, cần coi trọng khai thác *tiềm năng tại chỗ*. Hiện nay chúng ta còn bỏ sót rất nhiều nguồn hàng từ nông sản, thực phẩm đến hàng công nghiệp sản xuất tại địa phương và nguồn hàng nhập khẩu phi mậu dịch bằng con đường hợp pháp ở các địa phương. Khai thác nguồn hàng tại chỗ sẽ khắc phục được những khó khăn về nhiên liệu và phương tiện cho vận tải, vừa có đủ lực lượng hàng hóa để cân đối cho các nhu cầu, vừa tạo ra nguồn nguyên liệu và hàng hóa phong phú, đa dạng để xuất khẩu và liên kết kinh tế với các địa phương.



Digitized by Google

Trong tình hình hiện nay, khi ngành nội thương chưa nắm hết các sản phẩm hàng hóa, công tác thu mua nắm hàng còn yếu, chưa tương xứng với kết quả sản xuất, hàng hóa của xã hội còn lưu thông nhiều trên thị trường không có tổ chức, thì vấn đề *Nhà nước nắm hàng được đặt ra hết sức khẩn trương, tích cực*. Điều này đòi hỏi các ngành kinh tế tổng hợp, các cơ quan quản lý sản xuất và lưu thông hàng tiêu dùng phải nhất trí cao với chủ trương trên đây và bằng mọi cách tập trung đến mức cao nhất mọi loại hàng tiêu dùng vào tay thương nghiệp xã hội chủ nghĩa theo kế hoạch Nhà nước, theo hợp đồng với thương nghiệp, và các đơn vị sản xuất bán hết những sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt cho thương nghiệp. Đó là điều kiện tối cần thiết để cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hoạt động bình thường và làm tốt chức năng hậu cần của sản xuất và đời sống. Về phần mình, ngành thương nghiệp cần làm tốt công tác thu mua, nhanh chóng sửa đổi phương thức mua theo lối bao cấp, cửa quyền trước đây, thực hiện nghiêm túc những chỉ tiêu kế hoạch và hợp đồng kinh tế đã ký, thực hiện kế hoạch hóa việc lưu thông hàng hóa trên cơ sở tính toán đúng nhu cầu, cân đối các nguồn khả năng, điều chỉnh việc phân phối hàng hóa nhằm bảo đảm chính sách phân phối của Nhà nước đối với từng loại đối tượng một cách công bằng hợp lý trong điều kiện hàng hóa còn thiếu. Trước mắt, một mặt ngành thương nghiệp cần thông qua việc *kiểm kê vật tư, kiểm kê hàng hóa định kỳ cuối quý và hàng hóa có tỷ lệ đổi giá bán*, nắm chắc toàn bộ lực lượng hàng hóa hiện có của các tổ chức thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp tập thể và thương nghiệp cải tạo (hợp tác kinh doanh, liên doanh, đại lý) cả về số lượng, chủng loại, chất lượng hiện vật và về giá trị. Mặt khác, phân tích những yếu tố mới về nhu cầu hàng hóa tiêu dùng trên từng địa bàn, lập bảng cân đối mới về cung — cầu hàng hóa trong cả nước và trên từng địa bàn, trước hết là những mặt hàng quan trọng, thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nhân dân. Trên cơ sở đó, thực hiện ngay những *biện pháp thật tích cực và cụ thể nhằm tăng cường quỹ hàng hóa*, đáp ứng những yêu cầu trước mắt và có dự trữ.

Muốn làm tốt nhiệm vụ trên, cần *xây dựng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa theo phương hướng xóa bỏ tập trung quan liêu — bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, theo đúng tinh thần nghị quyết Hội nghị thứ tám của BCHTƯĐ (khóa V).

*Trước hết*, kiện toàn và củng cố các công ty bán buôn trung ương để đủ sức *nắm trọn* nguồn hàng lưu thông trong cả nước, thực hiện việc độc quyền bán buôn của Nhà nước, làm nhiệm vụ tiếp cận các công ty bán lẻ, tiếp nhận hàng và rót hàng trực tiếp cho các công ty bán lẻ, làm cho sự vận động hàng hóa được thông suốt qua con đường ngắn nhất, không bị ách tắc bởi những nấc thang hành chính.

*Tăng cường và củng cố hợp tác xã mua bán, trước hết là các hợp tác xã mua bán xã, phường* để vừa làm nhiệm vụ bán lẻ trực tiếp hàng tiêu dùng cho nông dân, giáo viên, công nhân viên chức về hưu tại xã, đáp ứng các nhu cầu dịch vụ, vừa làm nhiệm vụ thu mua những sản phẩm của nông dân cần bán, cắt đứt được mối liên hệ giữa nông dân và tư thương, thiết lập mối quan hệ kinh tế trực tiếp giữa Nhà nước với nông dân và các tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Cần xây dựng hợp tác xã mua bán ở tất cả các xã, mở rộng mạng lưới mua bán và dịch vụ của hợp tác xã mua bán đến tận thôn, ấp, tây xã, phường làm địa bàn hoạt động chủ yếu, lấy việc phục vụ sản



Digitized by Google

xuất và đời sống nhân dân lao động trong xã, phường làm mục đích, tăng cường cán bộ có năng lực, có phẩm chất đạo đức để làm tốt công tác quản lý, đưa hợp tác xã mua bán hoạt động đúng hướng và có hiệu quả kinh tế cao.

Trên cơ sở nắm các nguồn hàng nông sản và hàng công nghiệp, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán *tổ chức tốt việc bán lẻ hàng hóa*, chấm dứt ngay tình trạng gián đoạn trong mua bán đã diễn ra sau khi đổi tiền. Các đơn vị bán lẻ cần mở rộng mạng lưới, cải tiến và nâng cao kỹ thuật nghiệp vụ và phong cách phục vụ, bảo đảm bán đúng đối tượng, phục vụ khách hàng một cách thuận tiện, văn minh, chống những hiện tượng đầu cơ, *chấp hành nghiêm chỉnh chính sách giá bán lẻ của Nhà nước, không được tự tiện thay đổi*; tiếp tục tổ chức tốt việc kinh doanh ăn uống công cộng và mở rộng các hoạt động dịch vụ, nhằm phục vụ tốt người tiêu dùng với chất lượng tốt, giá cả phải chăng, lành đạo có hiệu quả tiền công dịch vụ của tư nhân.

Để bảo đảm làm tốt các nhiệm vụ nói trên, ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần *tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật* nhằm đổi mới bộ mặt thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu công tác kinh doanh, *đi đôi với giáo dục rèn luyện đội ngũ lao động thương nghiệp* có đầy đủ đức tính «cần kiệm liêm chính, chí công vô tư» luôn luôn trau dồi nghiệp vụ, nâng cao văn minh thương nghiệp, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân.

*Đẩy mạnh hơn nữa công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư doanh*, nhằm quản lý thị trường một cách đồng bộ, thống nhất trên phạm vi cả nước. Xóa bỏ ngay tư sản thương nghiệp, coi đây là đối tượng của cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận thương nghiệp. Xóa bỏ tư sản thương nghiệp là xóa bỏ phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa, loại trừ việc bán buôn và những hoạt động tranh mua tranh bán với Nhà nước, đầu cơ tích trữ phá giá thị trường của họ, xóa bỏ tính chất bóc lột của họ, cải tạo họ thành người lao động.

Trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay, sản xuất nhỏ phân tán còn chiếm vị trí quan trọng, do đó thị trường «tự do» còn tồn tại trong phạm vi nhất định. Đó là một tất yếu khách quan. Nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là biết *tổ chức hướng dẫn thị trường đó phát triển theo chiều hướng lành mạnh*: một thị trường ngoài kế hoạch bổ sung cho thị trường có kế hoạch, một thị trường chỉ có những người buôn bán nhỏ được phép hoạt động theo sự quản lý của Nhà nước. Muốn vậy, ngoài việc phải xóa bỏ tư sản thương nghiệp và bọn đầu cơ, buôn lậu..., cần sắp xếp lại những người buôn bán nhỏ theo hướng chuyển bớt sang sản xuất, trước hết là những người mới ra buôn bán và những người có điều kiện chuyển sang sản xuất, hoặc chuyển sang các hoạt động dịch vụ của ngành thương nghiệp. Nhà nước không để cho những người buôn bán nhỏ tự do mua bán những mặt hàng Nhà nước độc quyền kinh doanh, mà sử dụng họ bằng các hình thức đại lý, ủy thác, tổ chức liên kết kinh doanh theo từng ngành hàng dưới sự chỉ đạo của thương nghiệp quốc doanh. Đối với các mặt hàng khác mà Nhà nước khuyến khích lưu thông, thì Nhà nước cho phép họ kinh doanh, nhưng họ phải có giấy phép kinh doanh và kinh doanh đúng những mặt hàng ghi trong giấy phép, phải chấp hành đầy đủ các chính sách và luật pháp của Nhà nước về quản lý thị trường như: nộp thuế, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết v.v. chấp hành nghiêm kỷ luật giá của Nhà nước. Nhà nước tổ chức các đội kiểm

*(Xem tiếp trang 42)*



Digitized by Google

# Kỷ niệm
# lần thứ 30 ngày xuất bản Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng

## Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn thăm Tạp chí Cộng sản

TTXVN – Vừa qua, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chi Cộng sản* – cơ quan lý luận và chính trị của Đảng CS Việt nam – đồng chí Lê Duẩn, Tổng bi thư BCHTƯĐ đã đến thăm và nói chuyện với tập thể Bộ biên tập của tạp chí.

Đồng chí Hồng Chương, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, các đồng chí trong Ban biên tập cùng đông đảo cán bộ của tạp chí, các cộng tác viên và những đồng chí

Digitized by Google

đang phụ trách công tác tư tưởng, báo chí của Đảng hết sức phấn khởi nồng nhiệt chào đón đồng chí Tổng bí thư kính mến.

Trong cuộc nói chuyện thân tình và cởi mở, đồng chí Tổng bí thư đã đề cập nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt nam.

Cách mạng nước ta, kể từ ngày Đảng CS Việt nam ra đời đến nay, đã liên tiếp giành được những thắng lợi vĩ đại. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lê-nin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, một nước từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác–Lê-nin để giải quyết đúng đắn những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kho tàng lý luận của học thuyết cách mạng nhất, khoa học nhất của thời đại. Đưa chủ nghĩa Mác–Lê-nin vào quần chúng đông đảo, Đảng đã khơi dậy và bồi dưỡng tinh thần làm chủ truyền thống của nhân dân ta, biến thành sức mạnh to lớn để giành chính quyền, đánh thắng những kẻ thù hung hãn nhất trong hai cuộc kháng chiến nối tiếp, và ngày nay xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Đường lối của Đảng nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động thông qua việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học–kỹ thuật là then chốt, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm, đã được

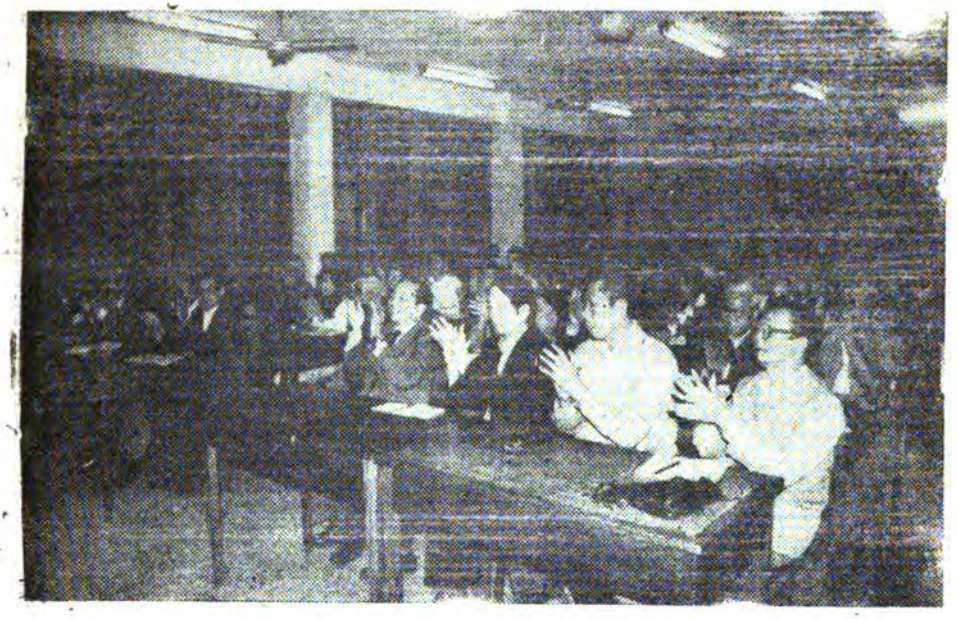



Digitized by Google

thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội mười năm qua chứng minh là đúng. Các nghị quyết của Đảng gần đây nhất là các nghị quyết sáu, bảy và tám của Trung ương đã chỉ ra phương hướng khắc phục tệ tập trung quan liêu bao cấp, đổi mới toàn diện quản lý kinh tế xã hội, thực hiện tập trung dân chủ, lấy kế hoạch làm trung tâm, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là nhằm động viên sức mạnh làm chủ, tính năng động và sáng tạo của các ngành, các địa phương và cơ sở trong việc giải quyết những vấn đề bức bách của sản xuất và đời sống, từng bước thực hiện làm chủ ở cả ba cấp: trung ương, địa phương và cơ sở, làm chủ từ sản xuất đến phân phối lưu thông. Trong việc xây dựng kinh tế nói riêng, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa nói chung, đồng chí Tổng bí thư đặc biệt nhấn mạnh phải tập trung sức xây dựng hơn 400 huyện và bốn thành phố lớn vững mạnh đồng thời với việc xây dựng các ngành kinh tế – kỹ thuật vững mạnh.

Đồng chí Tổng bí thư căn dặn những người làm công tác thông tin và lý luận cần nắm vững đường lối của Đảng, bằng trí tuệ và lao động sáng tạo trong thực tiễn, góp phần làm phong phú thêm lý luận cách mạng, đưa đường lối và chính sách của Đảng thấm sâu vào đông đảo nhân dân lao động, tạo thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



Digitized by Google

# Chủ tịch Trường Chinh tiếp Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản

TTXVN—Vừa qua, nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản *Tạp chí Cộng sản* (1955 — 1985), đồng chí Trường Chinh Ủy viên BCTTƯĐ, Chủ tịch HĐNN, đã tiếp Đoàn đại biểu Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*, do đồng chí Hồng Chương, Tổng biên tập làm trưởng đoàn.

Chủ tịch Trường Chinh khen ngợi Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã có nhiều cố gắng và đạt được những thành tích tốt đẹp trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chủ tịch Trường Chinh ân cần nhắc nhở Bộ Liên tập *Tạp chí Cộng sản* phải nâng cao hơn nữa tính tư tưởng, tính chiến đấu và tính thời sự của những bài đăng trên tạp chí.

Digitized by Google

# HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH cho Tạp chí Cộng sản

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
Số 788–KT/HĐNN 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

**HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam;

Theo đề nghị của Hội đồng bộ trưởng;

## Quyết định

Tặng thưởng Huân chương HỒ CHÍ MINH cho *Tạp chí Cộng sản*, trong 30 năm qua đã có nhiều cống hiến vào việc giáo dục chủ nghĩa Mác–Lê-nin và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ và nhân dân.

*Hà nội, ngày 28 tháng 11 năm 1985*

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chủ tịch: **TRƯỜNG CHINH**



Digitized by Google

# Thư của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*

*Hà nội, ngày 3 tháng 12 năm 1985*

**Thân ái gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*,**

NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, tôi thân ái gửi đến cán bộ, nhân viên, biên tập viên, cộng tác viên, thông tin viên *Tạp chí Cộng sản* lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng nhiệt liệt.

Ba mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* đã cố gắng kết hợp lý luận Mác — Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt nam để tuyên truyền đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta một cách sâu sắc. Tạp chí đã góp phần nâng cao trình độ lý luận và chính trị của cán bộ, đảng viên, đoàn viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Đông đảo cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng coi Tạp chí là tài liệu tin cậy để học tập, nghiên cứu đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. *Tạp chí Cộng sản* xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng cộng sản Việt nam.

*Các đồng chí thân mến,*

**Hiện nay, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang ra sức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. *Tạp chí Cộng sản* có nhiệm vụ hướng dẫn lý luận và hoạt động trong việc thực hiện hai nhiệm vụ đó, nhất là nhiệm vụ kinh tế — xã hội, góp phần vào việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.**



Digitized by Google

Bác Hồ kính yêu đã dạy : « Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông ». Tôi mong rằng *Tạp chí Cộng sản* hãy ghi nhớ lời căn dặn của Bác Hồ, kết hợp nhuần nhuyễn hơn nữa lý luận Mác — Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt nam để soi sáng các vấn đề của cách mạng nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ đó, để tuyên truyền đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta một cách sâu sắc và có hệ thống.

Để làm tròn nhiệm vụ của mình trong giai đoạn cách mạng mới, cán bộ, nhân viên, biên tập viên, cộng tác viên, thông tin viên của *Tạp chí Cộng sản* phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trau dồi phẩm chất và đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ nghiên cứu và biên tập, bám sát thực tế và liên hệ chặt chẽ với quần chúng.

Chúc các đồng chí thu được nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong việc nâng cao chất lượng của *Tạp chí Cộng sản*, làm cho Tạp chí phát huy mạnh mẽ tác dụng của mình là một công cụ sắc bén của Đảng trên mặt trận lý luận và tư tưởng.

Thân ái gửi các đồng chí lời chào cộng sản.

TRƯỜNG CHINH



Digitized by Google

# Lễ kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản Tạp chí Cộng sản và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Tạp chí

Sáng 3-12, tại Trung tâm báo chí Hà nội, lễ kỷ niệm 30 năm xuất bản *Tạp chí Cộng sản* — cơ quan lý luận và chính trị của Đảng — và trao tặng huân chương cao quý của Đảng và Nhà nước — Huân chương Hồ Chí Minh — cho tạp chí, đã được tổ chức trọng thể.

Đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng; nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, trưởng, phó các ban của Đảng; Bộ trưởng, Thứ trưởng, các đồng chí lãnh đạo một số ngành, đoàn thể và đại diện Thành ủy, UBND thành phố Hà nội đã tới dự. Tới dự còn có các đồng chí cán bộ lâu năm của tạp chí và đông đảo các cộng tác viên đã viết bài cho tạp chí trong 30 năm qua.

Đọc diễn văn tại lễ kỷ niệm, thay mặt Bộ biên tập tạp chí, đồng chí

Digitized by Google

Hồng Chương, Tổng biên tập đã điểm lại chặng đường lịch sử kể từ tháng 12-1955 khi *Tạp chí Học tập* — nay là *Tạp chí Cộng sản* — ra số đầu tiên.

Tiếp đó, đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban tuyên huấn Trung ương, đã trân trọng đọc thư của Chủ tịch HĐNN Trường Chinh, nguyên là Tổng biên tập đầu tiên của *Tạp chí Cộng sản*, gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản tạp chí và đọc quyết định của HĐNN trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho tạp chí.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng, trân trọng trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho *Tạp chí Cộng sản*.

Đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng không tới dự được, đã gửi thư và bài nói tới Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Đồng chí Hoàng Tùng trân trọng đọc bài nói của đồng chí Võ Chí Công.

Phát biểu tại lễ kỷ niệm, đồng chí Hoàng Tùng phân tích sâu sắc nguồn gốc sâu xa và những nguyên nhân đã làm nên những thành tựu cùng những cống hiến của *Tạp chí Cộng sản* cũng như những cơ quan nghiên cứu lý luận khác của Đảng ta. Đồng chí còn chỉ ra phương hướng nhiệm vụ công tác của *Tạp chí Cộng sản* trong thời gian tới.

Tại lễ kỷ niệm, các đồng chí: Đại tướng Hoàng Văn Thái, ủy viên TƯĐ; Nguyễn Thị Như, ủy viên TƯĐ, Phó chủ tịch HLHPN Việt nam; Vũ Mão, ủy viên TƯĐ, Bí thư thứ nhất TƯ ĐTNCS Hồ Chí Minh; Trần Tấn, ủy viên dự khuyết TƯĐ, Phó bí thư Thành ủy Hà nội; Vũ Xuân Cận, ủy viên Ban thư ký TCĐ Việt nam, đã chào mừng những cống hiến của Tạp chí và đóng góp những ý kiến xây dựng nhằm làm cho *Tạp chí Cộng sản* luôn luôn xứng đáng là "ngọn cờ lý luận của Đảng cộng sản Việt nam".



Digitized by Google

# Bài nói của đồng chí Võ Chí Công

## Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

Các đồng chí thân mến,

HÔM nay tôi rất vui mừng thay mặt Bộ chính trị và Ban bí thư Trung ương Đảng gửi lời chúc mừng đến các đồng chí nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Đảng ta từ trước tới nay rất coi trọng công tác lý luận và ngay sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Hội nghị thứ 7 của Trung ương Đảng quyết định xuất bản tạp chí lý luận để giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng một cách hệ thống trong điều kiện cho phép. Từ *Tạp chí Học tập*, sau Đại hội lần thứ IV của Đảng, Bộ chính trị đã quyết định đổi thành *Tạp chí Cộng sản*.

Trong ba mươi năm qua tạp chí lý luận của Đảng đã quán triệt và thể hiện đúng đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng, góp phần nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng của cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng, xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị của Đảng, động viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân.

Sở dĩ có được những thành tích đó là do tạp chí được Trung ương Đảng lãnh đạo chặt chẽ; đảng bộ các cấp các ngành quan tâm xây dựng tạp chí, giúp tạp chí tìm hiểu tình hình, cung cấp tài liệu, viết bài cho tạp chí; các cộng tác viên và thông tấn viên của tạp chí cũng như cán bộ và nhân viên Bộ biên tập tích cực công tác, vượt mọi khó khăn, ra sức nghiên cứu biên tập với chất lượng ngày càng nâng cao, làm tốt việc biên tập và xuất bản tạp chí; công nhân Nhà in đã lao động quên mình; nhân viên phát hành báo chí của Bưu điện đã tận tụy để phát hành tạp chí; bạn đọc trong cả nước nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ tạp chí.

Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích xuất sắc mà tạp chí đã đạt được



Digitized by Google

trong 30 năm qua. Tôi khen ngợi các đồng chí Bộ biên tập, các biên tập viên, cộng tác viên, thông tấn viên của tạp chí đã có nhiều cố gắng trong công tác nghiên cứu biên tập và xuất bản tạp chí; các công nhân Nhà in đã tích cực lao động ngày đêm để in tạp chí, tranh thủ cho tạp chí ra đúng kỳ hạn; anh chị em nhân viên phát hành bưu điện đã lặn lội khắp các miền đất nước, ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, để đưa tạp chí đến tay cán bộ, đảng viên và quần chúng. Các đồng chí có quyền tự hào về những thành tích to lớn mà tạp chí đã đạt được trong 30 năm qua, và sự đóng góp của mỗi người trong thành tích chung đó.

Các đồng chí thân mến,

Hiện nay nhân dân cả nước ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* hiện nay là vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin để hướng dẫn phổ biến về lý luận việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đã đề ra, nhất là việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế — xã hội, và trên cơ sở tổng kết thực tiễn cách mạng của nước ta để góp phần vào việc chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Để hoàn thành nhiệm vụ của tạp chí trong giai đoạn cách mạng mới, cán bộ, công nhân, nhân viên Bộ biên tập và cộng tác viên, thông tấn viên của tạp chí phải ra sức học tập lý luận, đường lối của Đảng, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, trau dồi phẩm chất, đạo đức cách mạng và nghiệp vụ, đi sát cuộc sống, đi sát quần chúng nhân dân. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, có đi sát thực tế, đi xuống cơ sở quần chúng mới thấy hết được cái mới, cái sáng tạo, và ngược lại, từ thực tế, sẽ bổ sung cho sự phát triển năng động vững chắc của lý luận.

*Tạp chí Cộng sản* là tạp chí của Đảng, các đảng bộ trong cả nước có nhiệm vụ góp phần xây dựng tạp chí của Đảng. Các cấp, các ngành phải hết sức quan tâm xây dựng tạp chí của Đảng bằng cách tổng kết công tác của mình, và từ thực tế đó, rút ra những kết luận có tính lý luận — khoa học, đóng góp bài viết cho tạp chí.

Các quan điểm chủ yếu của Đảng, đường lối và các chính sách lớn của Đảng đều được trình bày trên tạp chí. Các cấp, các ngành cần sử dụng tốt tạp chí, tổ chức và hướng dẫn việc đọc tạp chí để phổ biến rộng rãi quan điểm, đường lối và chính sách của Đảng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, làm cho mọi người thấu suốt quan điểm của Đảng, ra sức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng.

Các đồng chí thân mến,

Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao sự đóng góp của đội ngũ cán bộ lý luận của Đảng, đánh giá cao sự đóng góp của tạp chí lý luận của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản tạp chí lý luận của Đảng, Đảng và Nhà nước đã quyết định tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho *Tạp chí Cộng sản*.

Việc tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho *Tạp chí Cộng sản* vừa khẳng định sự đóng góp to lớn của *Tạp chí Cộng sản* đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, vừa nhắc nhở các đồng chí luôn luôn giương cao ngọn cờ của Bác Hồ vĩ đại, ra sức học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong của Bác Hồ, hết lòng hết sức phấn đấu nâng cao chất lượng của Tạp chí, làm cho *Tạp chí Cộng sản* luôn luôn xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng cộng sản Việt nam quang vinh.



Digitized by Google

# Gắn liền lý luận với thực tiễn

## (Bài nói của đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng)

ĐỒNG chí Hồng Chương đã tổng kết toàn diện công tác của *Tạp chí Cộng sản* trong 30 năm qua, chỉ ra những thành tựu và những khuyết điểm, nhược điểm của tạp chí.

Trong một bức thư ngắn gọn, đồng chí Trường Chinh đã khẳng định những thành tựu to lớn, những cống hiến có giá trị của *Tạp chí Cộng sản* đối với sự nghiệp cách mạng và lý luận của Đảng ta, đồng thời cũng chỉ rõ những nhiệm vụ của tạp chí trong giai đoạn mới. Đồng chí nhắc lại lời giáo huấn của Bác Hồ kính yêu: «Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì là thực tiễn mù quáng. Lý luận không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông».

Thay mặt Bộ chính trị và Ban bí thư, đồng chí Võ Chí Công cũng đã biểu dương những thành tựu, những cống hiến của *Tạp chí Cộng sản* và chỉ ra những nhiệm vụ mới của tạp chí; những nhiệm vụ ấy gắn liền với giai đoạn mới của cách mạng, với việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Một số đồng chí đại diện các ngành, các địa phương vừa phát biểu ý kiến với tư cách một người lãnh đạo, một cộng tác viên và một bạn đọc của tạp chí, đã phân tích những thành tựu, nêu ra những thiếu sót, nhược điểm của tạp chí, đồng thời cũng «đặt hàng» một cách sòng phẳng. Những vấn đề mà các đồng chí nêu lên cho thấy rằng, dù *Tạp chí Cộng sản* đã cố gắng hết sức mình nhưng rõ ràng cũng vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết tốt, nghĩa là tạp chí còn «nợ» đối với sự nghiệp cách mạng những vấn đề khá lớn.

*Tạp chí Cộng sản* là cơ quan ngôn luận, cơ quan báo chí, cơ quan thông tin đầu tiên ở nước ta được tặng thưởng Huân chương mang tên Bác Hồ vĩ đại. Các cơ quan ngôn luận, thông tin, tuyên truyền, giáo dục khác của Đảng ra đời sớm hơn và sự cống hiến không kém phần xuất sắc, nhưng chưa được tặng thưởng huân chương đó. Tôi đoán chắc là các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta muốn dành



Digitized by Google

vinh dự đầu tiên cho cơ quan lý luận của Đảng. Có lý luận tiên phong mới có phong trào cách mạng. Theo tôi, vinh dự ấy dành cho *Tạp chí Cộng sản* là xứng đáng, và nên như thế. Các bạn đồng nghiệp chúng ta ở đây, những người làm công tác lý luận, thông tin, báo chí không phải vì cơ quan mình được thưởng sau mà không nhiệt liệt biểu dương. Tôi chắc rằng sắp tới sẽ có những cơ quan ngôn luận, thông tin khác nữa cũng được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh

★

Nhân dịp kỷ niệm trọng thể này và nhất là nhân dịp *Tạp chí Cộng sản* được vinh dự lớn nhận phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước ta — Huân chương Hồ Chí Minh — chúng ta cần thấy nguồn gốc sâu xa những cống hiến và những thành tựu của *Tạp chí Cộng sản* là từ đâu? Từ đồng chí Hồ Chí Minh. Bắt đầu từ đồng chí Hồ Chí Minh. Vì chính Người đã truyền bá học thuyết cách mạng duy nhất đúng đắn trong thời đại ngày nay vào nước ta. Như Mác đã nói, khi lý luận thâm nhập quần chúng thì nó sẽ trở thành lực lượng vật chất to lớn. Bác Hồ của chúng ta đã truyền bá học thuyết cách mạng vào nước ta và đã tổ chức cuộc đấu tranh cách mạng anh hùng của dân tộc ta, của các lực lượng vũ trang cách mạng của nước ta, đưa đến những thắng lợi lịch sử quan trọng, làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt đất nước và xã hội ta. Nguồn gốc những thành tựu lý luận của *Tạp chí Cộng sản*, cũng như của các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học khác, là những thành tựu cách mạng, thành tựu lý luận của Đảng cộng sản Việt nam, của cách mạng Việt nam. Đảng ta thường nói, thắng lợi của cách mạng Việt nam là thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin ở nước ta, tức là thắng lợi của học thuyết cách mạng ở nước Việt nam ta. Đó cũng là sự khẳng định một phương châm cực kỳ quan trọng trong hoạt động lý luận, khoa học của chúng ta là *sự liên hệ giữa lý luận và thực tiễn, giữa lý thuyết và thực hành.*

Đảng cộng sản Việt nam do Hồ Chủ tịch sáng lập và lãnh đạo, ở bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, cũng là một đảng có năng lực gắn liền lý luận với thực tiễn. Chính Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng ta không một thời kỳ nào, không một nhiệm vụ nào không gắn liền lý luận với thực tiễn. Do đó, không ngừng đưa cách mạng tới thắng lợi. Tôi nghĩ rằng, sau Bác Hồ, người cộng sản thứ hai rất tiêu biểu, thật sự thể hiện được phong cách Hồ Chí Minh gắn lý luận với thực tiễn một cách sắc sảo, mặc dù cuộc đời hoạt động của mình hết sức ngắn ngủi, đó là đồng chí Ngô Gia Tự. Ngô Gia Tự là một trong những người tổ chức ra Đảng cộng sản đầu tiên ở trong nước, ở Hà nội. Trong lúc tuổi còn rất trẻ, anh đã gắn liền tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng cách mạng của giai cấp công nhân với những vấn đề thực tiễn của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, những vấn đề của cách mạng Việt nam. Sau này còn nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng như Trần Phú, Lê Duẩn, Trường Chinh và nhiều đồng chí khác luôn luôn gắn liền lý luận với thực tiễn, giải quyết đúng đắn, kịp thời những vấn đề của cách mạng Việt nam. Không chỉ xuất phát từ tình hình cuộc đấu tranh của Việt nam mà còn xem xét vấn đề trong mối quan hệ với tình hình thế giới. Chính Bác Hồ kính yêu của chúng ta, ngay từ những năm đầu của thập kỷ 20 đã khẳng định rằng, trong thời đại ngày nay, sau Cách mạng Tháng Mười Nga, sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức chỉ có thể thắng lợi khi nó gắn



Digitized by Google

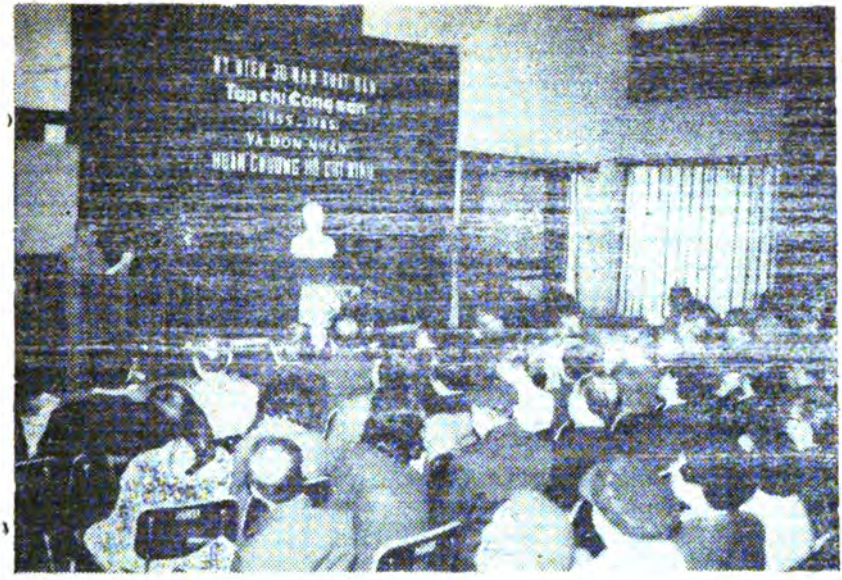


tiễn với cách mạng vô sản thế giới và là một bộ phận của cách mạng chung ấy. Đó là tư tưởng của Lê-nin, nhưng Bác Hồ đã cụ thể hóa. Và cũng chính Bác Hồ ngay từ những năm 20 đã xác định đúng đắn vấn đề nông dân, vai trò của nông dân và công nhân trong cách mạng dân tộc dân chủ. Người đã nắm vững những chỉ thị của Lê-nin về cách mạng thuộc địa, nói rằng những người cộng sản phương Đông phải giải quyết những vấn đề chế độ trung cổ để lại.

Chúng ta thấy trên *Tạp chí Cộng sản* cũng như trong công tác lý luận nói chung hiện nay vẫn có khoảng cách nhất định giữa lý luận và thực tiễn. Có thể nói đây là một vấn đề mà những người cộng sản, những người mác xít – lê nin nít luôn luôn vấp phải và chưa bao giờ hoàn toàn khắc phục được, mà có lẽ cả về sau này nữa, cũng không hoàn toàn khắc phục được. Ai dám nói rằng công tác lý luận không lúc nào bị tụt hậu, không có khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn? Có lý luận tiên phong mới có vận động cách mạng. Đó là chân lý. Nhưng lại có tình hình khác là cuộc sống luôn luôn vận động và phát triển cho nên luôn luôn có khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn. Chắc các đồng chí đã biết người ta đang thêm vào các cặp phạm trù của triết học một cặp phạm trù mới: cặp phạm trù «lý luận và thực tiễn». Phạm trù ấy nếu nói là một quy luật cũng được vì nó lặp đi lặp lại các quá trình phát triển của mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, giữa nhận thức của con người với thực tiễn sinh động của cuộc sống. Quá trình nhận thức của loài người đối với thế giới khách quan là quá trình liên tục, từng bước, trong khi thế giới khách quan phát triển và biến đổi không ngừng.

Giai cấp công nhân và những người lao động nhận thức được khoa học cách mạng, nhận thức được thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; họ đã trở thành lực lượng chiến đấu và lực lượng cải tạo thế giới. Mác nói rằng học thuyết của ông không chỉ giải



Digitized by Google

thích thế giới khách quan mà còn nhằm cải tạo nó. Thực tiễn không ngừng vận động, thay đổi; giữa lý luận và thực tiễn cũng luôn luôn có một khoảng cách.

★

Bắt đầu từ năm 1975, sau thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nước ta đã bước vào giai đoạn mới của cách mạng, nhưng chúng ta chưa nhận thức hết sự biến đổi của nó. Thông thường, khi bước vào một quá trình mới của cách mạng, nhất là ở những bước ngoặt quan trọng, có những đột biến về chất lượng, thì sự nhận thức đối với quá trình mới là chậm. Phải có thời gian nhất định mới nhận thức được sự biến đổi của thực tiễn. *Tạp chí Cộng sản* cũng như những người làm công tác lý luận của Đảng ta đang đứng trước một giai đoạn mới mà chưa hiểu hết các quy luật vận động của nó. Đảng ta đã có những cống hiến to lớn đối với kho tàng lý luận Mác — Lê-nin về cách mạng giải phóng dân tộc và chiến tranh giải phóng dân tộc, về khoa học quân sự, về nghệ thuật quân sự, về khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng... Nhiều nhà cách mạng ở các nước châu Mỹ, châu Phi... đã tới Việt nam tham khảo rút kinh nghiệm. Họ nói những kinh nghiệm của cách mạng Việt nam thật là phong phú, là một kho tàng quý báu. Nếu không có sự sáng tạo phong phú của Đảng ta, thì chúng ta không thể viết nên những bài lý luận có giá trị khoa học.

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta phải tiếp tục không ngừng suy nghĩ tìm tất cả các biện pháp, phương thức hoạt động thích hợp để giảm bớt khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, làm cho lý luận không khô cứng, không thoát ly cuộc sống sinh động đang thay đổi sâu sắc. Có bao nhiêu vấn đề đặt ra cho một nước bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đang xây dựng một chế độ mới, một nền kinh tế mới, một nền văn hóa mới, con người mới. Đó là những vấn đề mà 55 năm trước đây không đặt ra. Vấn đề lớn nhất là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bảo vệ Tổ quốc, vấn đề đối phó với bọn bành trướng bá quyền Trung quốc, vấn đề cuộc đấu tranh chung của các nước xã hội chủ nghĩa và các dân tộc cách mạng chống lại và sẵn sàng đối phó với nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới, bao gồm cả chiến tranh hạt nhân và chiến tranh thông thường. Cuộc chiến đấu của chúng ta không bao giờ chỉ là của riêng ta, mặc dù trước hết là vì Việt nam, cũng như trước đây, chúng ta đánh Mỹ không chỉ vì giải phóng nước ta mà còn góp phần thúc đẩy sự nghiệp giải phóng của các dân tộc, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc Mỹ là lực lượng thù địch lớn nhất của cách mạng thế giới trong thời đại chúng ta. Những vấn đề biện chứng như thế của chiến tranh giải phóng cũng như một loạt vấn đề mới của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đang được đặt ra và cần được giải quyết. Ngoài ra, còn có nhiều vấn đề khác nữa như: Lối sống có phải là sức mạnh không? Văn hóa có phải là sức mạnh không? Văn hóa quan hệ với quốc phòng và với chủ nghĩa anh hùng cách mạng như thế nào? Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa như thế nào? v.v. Đó là những vấn đề cuộc sống đã đặt ra mà chúng ta vẫn chưa với tới. Chắc các đồng chí ở *Tạp chí Cộng sản* cũng thấy rằng mình đang bơi trong một cái biển mới mà mức nước nông sâu còn phải tiếp tục thăm dò. Nghĩa là còn hàng nghìn, hàng vạn vấn đề đang đặt ra với chúng ta.

Chúng ta trở lại vấn đề làm chủ tập thể. Vấn đề người lao động làm chủ tập thể, chính Mác và Ăng-ghen đã nói tới. Ngày nay, Đảng cộng sản Liên



Digitized by Google

xô, trong Dự thảo Cương lĩnh đưa ra Đại hội lần thứ 27 của mình, đã khẳng định đây là vấn đề quan trọng to lớn của xã hội xô viết. Bởi vì càng ngày người ta càng thấy rõ rằng, sau khi thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, giải phóng dân tộc và xã hội, con người đã trở thành người chủ tập thể của đất nước; chuyên chính vô sản và làm chủ tập thể là thống nhất và trở thành một sức mạnh mới mà loài người chưa từng thấy vì trước đây chưa có một xã hội nào như thế.

Gần đây, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, nói rằng có sự mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở Liên xô. Theo đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, cái gây nên sự trì trệ và làm cho lực lượng sản xuất, tiềm lực kinh tế, tiềm lực của con người, của trí tuệ, tiềm lực khoa học chưa được khai thác tốt nhất, đó chính là do cơ chế kinh tế. Vì sao trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tuy chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã được thiết lập, sự nghiệp văn hóa, giáo dục đều rất phát triển, nhưng nhiệt tình lao động của quần chúng lại không mạnh mẽ, sôi nổi như ngày hội? Vì cơ chế có chỗ chưa đúng. Trong xã hội mới, sự phát triển của mỗi người là điều kiện phát triển của mọi người. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản viết cách đây gần 150 năm và chủng ta có thực tiễn gần 70 năm của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Nhưng thực tiễn vẫn đang đặt ra một loạt vấn đề với chủ nghĩa xã hội mà lý luận còn cách rất xa.

Chúng ta đang đứng trước một vấn đề hết sức phức tạp, nóng bỏng, gay gắt, đó là vấn đề giá — giá cả và giá trị. Giá trị, giá cả là cái gì? Sách kinh điển của chủ nghĩa Mác—Lê-nin không thiếu. Trước đây, nhiều nhà lý luận nổi tiếng đã nói nhiều về vấn đề này. Nhưng giá cả cụ thể ở Việt nam, trong xã hội Việt nam ở chặng đường đầu tiên này là thế nào? Giá lúa gạo, giá thép, giá thịt ra sao? Đó là những cái rất cụ thể chứng tỏ còn có khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Cộng sản* có viết về giá cả nhưng có khi cũng chỉ là lôi ở sách ra, chứ không cắt nghĩa được tại sao vấn đề giá cả lại lôi thôi, phiền toái như vậy. Vì không hiểu cuộc sống, không hiểu thực tiễn. Nếu không hiểu quy luật giá trị và giá cả, giá trị sử dụng và giá trị, cũng như tất cả các vấn đề về tiền tệ, tài chính... thì không thể thay đổi được cơ chế. Nhận thức những vấn đề có tính quy luật của chủ nghĩa xã hội ở Việt nam phải do chính người Việt nam thực hiện, chứ không có ai thay thế được. Có đi tham quan hàng vạn lần, đọc hàng vạn cuốn sách cũng không thể giải quyết đúng vấn đề này. Đây cũng là một nhiệm vụ đặt ra cho *Tạp chí Cộng sản*. Nếu tạp chí không tham gia giải quyết được những vấn đề như thế thì nó sẽ vẫn có khoảng cách ghê gớm giữa lý luận và thực tiễn. Phải giải quyết những vấn đề thực tiễn theo đúng quan điểm mác xít. Lý luận là như thế. Các đồng chí ở *Tạp chí Cộng sản* phải trở lại học Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh, đồng thời phải tiếp xúc với thực tiễn và tham gia hoạt động thực tiễn. Bây giờ, nếu không vào xí nghiệp, không điều tra thị trường, thì không hiểu kinh doanh là cái gì. Mà đã như thế, thì không thể viết lý luận được. Hãy đi vào nhà máy, đi đến cửa hàng, xem người ta quản lý như thế nào, người ta xử lý cái gì là đúng chủ nghĩa Mác, cái gì trái với học thuyết của chúng ta. Ở những nơi ấy người ta làm thế nào để thực hiện cơ chế quản lý, hạch toán kinh tế trong tình hình vật tư, nguyên liệu, năng lượng thiếu thốn, giá cả đang biến động, đời sống công nhân khó khăn.

★



Digitized by Google

Càng có chính quyền Nhà nước trong tay, những người mác xít, những nhà lý luận lại càng có nguy cơ thoát ly thực tiễn cuộc sống, chứ không phải là tiếp xúc gần hơn. Đó cũng là một điều trái khoáy. Nhưng chúng ta có thể khắc phục được. Nếu các đồng chí ở *Tạp chí Cộng sản* biết phát hiện vấn đề, nắm lấy và tập trung trí tuệ, tập hợp các nhà lý luận, tổ chức những cuộc trao đổi khoa học, thì sẽ góp phần vào việc nắm bắt và giải quyết những vấn đề lý luận. Không có đầu óc thánh nào sống trong bốn bức tường mà xử lý, giải quyết đúng những vấn đề thực tiễn.

Nói rằng số bài của cộng tác viên đăng trên tạp chí trong 30 năm qua chiếm ba phần tư, còn một phần tư là sự cống hiến của anh chị em ở Bộ biên tập có nghĩa là phải đánh giá cao sự đóng góp của các cộng tác viên. Cộng tác viên của tạp chí là các đồng chí ở Bộ chính trị, ở Ban bí thư, các đồng chí ủy viên trung ương, từ đồng chí Tổng bí thư đến các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành và đơn vị cơ sở.

Theo bản chất và truyền thống của báo chí cách mạng, *Tạp chí Cộng sản* phải mang hơi thở cuộc sống, phải gắn liền lý luận với thực tiễn. Nếu chỉ là hoạt động theo kiểu câu lạc bộ đầu thế kỷ này ở nước Nga — mà Lê-nin đã phê phán — thì không tác động gì đối với quá trình biến đổi cách mạng.

Thành tựu của *Tạp chí Cộng sản*, nguồn gốc thành công của công tác lý luận của Đảng ta trong suốt mấy chục năm qua chính là ở chỗ chúng ta đã kết hợp được lý luận với thực tiễn, giải quyết được những vấn đề do thực tiễn đặt ra theo đúng quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, phần thưởng cao quý mà các đồng chí lãnh đạo muốn dành cho tạp chí lý luận của Đảng, và đề xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng, *Tạp chí Cộng sản* cần hiểu rõ vấn đề đó và tiếp tục coi đây là phương hướng hoạt động của mình.

★

Như vậy là tôi đã bình luận một điều mà Chủ tịch Trường Chinh muốn nhắc nhở *Tạp chí Cộng sản* phải luôn luôn khắc phục khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, không mắc bệnh lý luận suông.

Một lần nữa tôi xin chúc mừng *Tạp chí Cộng sản* về những thành tựu to lớn của mình và nhắc các đồng chí muốn sau này được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ hai hoặc Huân chương Sao vàng, thì phải tổ chức tốt hơn nữa hoạt động lý luận của tạp chí, làm cho tạp chí ngày càng đi liền với thực tế cuộc sống, của con người và xã hội, của những vấn đề đang đặt ra.



Digitized by Google

# BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐẠI TƯỚNG HOÀNG VĂN THÁI
## Ủy viên BCHTƯĐ

Thưa các đồng chí,

Là *một đảng viên* của Đảng và là một *cộng tác viên* của tạp chí lý luận của Đảng, tôi *rất phấn khởi được dự cuộc họp mặt* đông đủ và thân tình này nhân kỷ niệm lần thứ 30 ngày ra đời *Tạp chí Cộng sản*.

Nhân dịp này, tôi nhiệt liệt chào mừng những thành công và những cống hiến to lớn của *Tạp chí Cộng sản* đối với sự nghiệp cách mạng, đối với việc nâng cao trình độ lý luận Mác — Lê-nin của toàn Đảng, toàn dân nói chung cũng như của các lực lượng vũ trang nhân dân nói riêng. Với những thành tích đó, *Tạp chí Cộng sản* thật xứng đáng được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương cao quý — Huân chương Hồ Chí Minh.

Thưa các đồng chí,

Trong mấy chục năm qua, *Tạp chí Học tập* trước đây, *Tạp chí Cộng sản* ngày nay luôn luôn là *một trong những tài liệu rất quý* đối với tôi, đối với đông đảo cán bộ của Đảng trong quân đội. Qua nhiều bài luận văn trên tạp chí, chúng tôi *có thêm điều kiện hiểu toàn diện hơn, sâu sắc hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng và chiến tranh cách mạng* Việt Nam, cả cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là đường lối kinh tế của Đảng và những vấn đề có tính quy luật trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ở trong quân đội hầu hết các chi bộ đều mua *Tạp chí Cộng sản*, các thư viện, tủ sách các đơn vị đều có *Tạp chí Cộng sản*. Ngoài việc động viên cán bộ, đảng viên thường xuyên đọc tạp chí, từng thời kỳ các chi bộ còn tổ chức đọc và học những bài quan trọng trong kỳ sinh hoạt Đảng. *Tạp chí Cộng sản* đã góp phần giáo dục chính trị tư tưởng cho bộ đội trong xây dựng cũng như trong chiến đấu.

Qua từng thời gian, theo yêu cầu của tạp chí và được sự hướng dẫn, giúp đỡ của Bộ biên tập tạp chí, tôi *đã viết được một số bài về cách mạng và chiến tranh cách mạng ở nước ta*



Digitized by Google

*đăng trên tạp chí, góp phần nhỏ bé của mình đối với tạp chí lý luận của Đảng.* Nhiều đồng chí cán bộ trong quân đội cũng đã tích cực tham gia viết bài cho Tạp chí. Qua đó chúng tôi cũng có điều kiện học hỏi thêm về mặt lý luận và thực tiễn, về mặt nghiên cứu khoa học cũng như về chỉ đạo công tác.

Một lần nữa, tôi *nhiệt liệt chào mừng* những thành công và những cống hiến của *Tạp chí Cộng sản* và *chân thành cảm ơn* Ban biên tập và toàn thể anh chị em trong Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản.*

Nhân đây, tôi muốn phát biểu một vài ý kiến về vấn đề *quán triệt đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng trên Tạp chí Cộng sản.*

*1—Trong những năm qua,* Tạp chí đã có nhiều bài luận văn quan trọng về quân sự, đã góp phần tích cực vào việc giáo dục, tuyên truyền đường lối quân sự đúng đắn của Đảng, nghệ thuật quân sự độc đáo của chiến tranh nhân dân Việt nam, bản chất, truyền thống tốt đẹp của các lực lượng vũ trang nhân dân... Trong đó, có cả những bài về kinh nghiệm trong chiến tranh giải phóng dân tộc và những bài nghiên cứu, chỉ đạo về củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới của cách mạng.

Tuy nhiên, theo tôi, *số bài ấy còn chưa tương xứng với yêu cầu, đặc điểm của nhiệm vụ cách mạng nước ta.* Chúng ta đều biết, trước đây, trong kháng chiến chống Mỹ, quân và dân ta cùng một lúc phải tiến hành *hai chiến lược cách mạng*: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; trong đó, 10 năm từ 1965 đến 1975, cả nước có chiến tranh, toàn dân tiến hành kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Còn ngày nay, quân và dân ta lại phải đồng thời tiến hành *hai nhiệm vụ chiến lược* là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cả hai nhiệm vụ ấy khăng khít với nhau và đều rất cấp bách. Theo tư tưởng chỉ đạo của Đảng, chúng ta không được xem nhẹ bất kỳ một nhiệm vụ nào. Tôi được biết, vừa qua, *các địa phương ở biên giới phía Bắc* có quán triệt sâu hơn việc kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ấy; *còn ở phía sau: cả ở địa phương và các cơ quan, các ngành ở trung ương* không phải tất cả đã nắm thật vững cả hai nhiệm vụ chiến lược đó. Tôi nghĩ, *Tạp chí Cộng sản* cần kịp thời góp phần tích cực vào việc làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trước hết là hệ thống chuyên chính vô sản, quán triệt chủ trương của Đảng, cần nêu cao tinh chiến đấu của báo chí cách mạng, uốn nắn những sai lệch trong cán bộ, nhân dân về vấn đề này. Tôi nghĩ rằng, đây là một vấn đề rất hệ trọng, không khi nào được xem nhẹ vì nó liên quan đến sự sống còn của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân và vì dân tộc ta đã, đang và sẽ còn phải đối phó lâu dài với một kẻ thù tàn bạo và nham hiểm là bọn bành trướng, bá quyền Trung Quốc mà chúng lại liền đất, liền trời, liền biển với ta. Đó là suy nghĩ của tôi, đề nghị các đồng chí tham khảo.

*2—Trong những năm tới,* việc *quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược ấy* vẫn là một vấn đề rất lớn, đòi hỏi phải làm rõ hơn, sâu hơn, có cơ sở lý luận và thực tiễn, cả về chủ trương và biện pháp tổ chức thực hiện, ở cả các cấp trung ương, địa phương và cơ sở, ở cả các ngành quốc phòng—an ninh, kinh tế—kỹ thuật và văn hóa, tư tưởng, ở cả trong nội bộ Đảng, trong hệ thống chuyên chính vô sản và ngoài nhân dân, trước hết là các cấp ủy Đảng, nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt.

Đề nghị Tạp chí *có một hệ thống các bài luận văn về những vấn đề cơ bản trong đường lối quân sự của Đảng*



Digitized by Google

trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (cố nhiên trong phạm vi được nói công khai, để giữ đúng nguyên tắc bí mật). Về yêu cầu này tôi nêu một số ví dụ sau đây:

*Một là*: những vấn đề thực tiễn và lý luận về nền *quốc phòng toàn dân*, mà lớn nhất là việc chuẩn bị đất nước ngay từ thời bình. Cụ thể là:

— Trước hết, *phải chuẩn bị tư tưởng, tinh thần*, giáo dục cho mỗi người hiểu rõ trách nhiệm bảo vệ đất nước, thấy cả tính chất ác liệt, khẩn trương của chiến tranh tương lai, sẵn sàng hy sinh, xả thân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, hoàn toàn tự nguyện, tự giác tòng quân và làm sĩ quan, coi đây là sứ mệnh lịch sử của chính mình. Ta đã phải trải qua bao nhiêu năm đấu tranh vô cùng khó khăn, gian khổ, quyết liệt, phức tạp với biết bao hy sinh xương máu mới giành được chính quyền, giành và giữ được độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Từ đây ta nhất định phải bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng vô giá ấy.

— Phải *chuẩn bị về kinh tế, về cơ sở vật chất, kỹ thuật, của chủ nghĩa xã hội*, làm rõ tầm quan trọng của việc xây dựng kinh tế, vì kinh tế có mạnh thì quốc phòng mới mạnh, làm giàu cho đất nước cũng là làm mạnh cho quốc phòng. Đồng thời phải biết kết hợp kinh tế với quốc phòng: việc bố trí lại lực lượng lao động trên cả nước và từng địa phương phải đáp ứng yêu cầu của cả kinh tế và quốc phòng, chú ý đưa dần lên những vùng cần phân bố lại cả lực lượng sản xuất và lực lượng chiến đấu; việc bố trí các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải đều phải tính tới yêu cầu của cả kinh tế và quốc phòng; việc tổ chức bộ đội tham gia làm kinh tế phải nhằm vừa cải thiện đời sống cho họ, vừa góp phần đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế...

Phải *chuẩn bị động viên lực lượng*, xây dựng quân dự bị hùng hậu, có tổ chức; nhận rõ đặc điểm của chiến tranh hiện đại, nếu không có kế hoạch động viên ngay từ thời bình thì không thể động viên được nhanh lực lượng lớn khi chiến tranh xảy ra. Có chuẩn bị tốt thì sẽ không bị bất ngờ, không bị lúng túng.

Những vấn đề trên liên quan đến tất cả các cấp của Đảng và Nhà nước, các ngành kinh tế quốc dân, các đoàn thể quần chúng... do đó cần được giáo dục sâu sắc và phải thành luật pháp của Nhà nước, thành phong trào của quần chúng; có như thế thì nền quốc phòng mới thật sự là của toàn dân.

*Hai là*: Vấn đề *xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân* tiến lên chính quy ngày càng hiện đại, trong điều kiện của Việt nam. Phải luôn luôn nắm vững nguyên tắc xây dựng ba thứ quân, xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng rộng rãi, coi trọng xây dựng cả dân quân tự vệ, bộ đội địa phương, đồng thời phải nắm vững việc xây dựng quả dấm chủ lực chính quy, hiện đại, được huấn luyện và có đủ cán bộ giỏi. Cần làm cho toàn Đảng, toàn dân hiểu rõ: ngay từ trong thời bình, có xây dựng tốt lực lượng vũ trang thì khi kẻ thù tiến hành chiến tranh xâm lược, mới có lực lượng đủ mạnh làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Do đó trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng quân đội, cần giáo dục tinh thần làm chủ, động viên tinh thần tự giác của mọi người; phải chống tiêu cực, khắc phục tệ đào ngũ, động viên con em hăng hái tòng quân, làm sĩ quan; xây dựng đội ngũ kế tiếp và những người kế tiếp ấy phải được giác ngộ dân tộc, giác ngộ giai cấp sâu sắc, trước hết là Đoàn thanh niên phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong vấn đề này. Phải coi trọng công tác hậu phương quân đội, coi đó là một mặt công tác rất quan trọng



Digitized by Google

để động viên quân đội không ngừng sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, vì nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Chúng ta còn phải xây dựng và hoàn chỉnh nền khoa học, nghệ thuật quân sự độc đáo Việt nam, cách đánh sáng tạo Việt nam.

*Ba là*: phải nghiên cứu quy luật của *chiến tranh tương lai*, nghiên cứu kỹ đối tượng tác chiến, cả khả năng và cách đánh của chúng. Từ đường lối quân sự của Đảng mà chỉ đạo giải quyết những vấn đề về khoa học, nghệ thuật quân sự, biết phòng ngự kiên cường, vững chắc; phản công, tiến công nhanh chóng, sắc bén; giáo dục toàn thể cán bộ, đảng viên của Đảng nắm được khoa học, nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Bộ chính trị TƯ Đ đã có nghị quyết số 24 về vấn đề đường lối quân sự; rất tiếc cho đến nay nghị quyết này chưa được quán triệt sâu sắc trong các cấp, các ngành. Rồi đây, chắc chắn phải tổ chức quán triệt sâu sắc, không chỉ trong ngành quân sự mà cả các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành... thì mới biến Nghị quyết đúng đắn của Đảng thành hiện thực được.

Cuối cùng, tôi muốn nói tới *trách nhiệm cán bộ của Đảng trong quân đội* đối với tạp chí lý luận của Đảng. Cùng với nhiệm vụ *đọc và học* Tạp chí, *sử dụng và phát huy tốt hơn nữa tác dụng* của Tạp chí trong sinh hoạt chính trị, tư tưởng của bộ đội, cán bộ còn có trách nhiệm *viết bài và góp ý* với Tạp chí. Tôi muốn *nhấn mạnh trách nhiệm viết bài* cho Tạp chí; cán bộ cao cấp trong quân đội cần chủ động tích cực cộng tác với Bộ biên tập Tạp chí trong việc tuyên truyền giáo dục đường lối, tư tưởng, quan điểm quân sự của Đảng một cách có hệ thống và ngày càng sâu sắc trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Tôi sẽ *tiếp tục cộng tác tích cực* với Tạp chí và đề nghị Bộ biên tập chủ động gợi ý, hướng dẫn, giúp đỡ thêm.

Xin chúc các đồng chí sức khỏe và thắng lợi.

Xin cảm ơn các đồng chí.



Digitized by Google

# BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN THỊ NHƯ, Ủy viên BCHTƯĐ, Phó chủ tịch Hội LHPN Việt nam

Kính thưa các đồng chí,

Tôi rất hân hạnh được xếp vào đội ngũ cộng tác viên của *Tạp chí Cộng sản* và được vinh dự dự lễ kỷ niệm 30 năm xuất bản Tạp chí, dự lễ trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cao quý của Đảng và Nhà nước cho cơ quan lý luận và chính trị của Đảng ta. *Tạp chí Cộng sản* suốt 30 năm qua là tiếng nói hướng dẫn tư duy cách mạng của toàn Đảng. Tôi xin chân thành chúc mừng những đóng góp lớn lao của *Tạp chí Cộng sản*. Xin chúc mừng các đồng chí trong Bộ biên tập và toàn thể các đồng chí đã và đang làm việc hết mình để xây dựng tạp chí lý luận của Đảng, tức là góp phần xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, quan điểm, đường lối, để Đảng ta vững vàng vượt qua muôn trùng khó khăn, lãnh đạo cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Với trách nhiệm là một cán bộ phụ vận của Đảng, tôi rất lo lắng thấy rõ khuyết điểm của chị em chúng tôi đã đóng góp quá ít ỏi vào nhiệm vụ giới thiệu, trao đổi trên Tạp chí các vấn đề về công tác phụ vận — một bộ phận quan trọng của công tác quần chúng của Đảng ta.

Hôm nay nhân có cuộc gặp mặt rất quý này, tôi xin phép được đề xuất một vài việc, mong được Ban biên tập, các đồng chí biên tập viên và cộng tác viên của *Tạp chí Cộng sản* quan tâm tham khảo trong quá trình chỉ đạo công tác biên tập của Tạp chí, hướng dẫn quan điểm đối với các vấn đề công tác phụ vận và công tác quần chúng của Đảng ta.

1 — Cơ quan *Tạp chí Cộng sản*, bằng công tác tổ chức phối hợp lực lượng (hiện đang rất phân tán, tản mạn), tổ chức việc nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề về giai cấp công nhân Việt nam, về thanh niên, về phụ nữ, trẻ em, về dân tộc, về tôn giáo, về xã hội... để làm cơ sở khoa học cho công tác biên tập các loại bài về công tác vận động quần chúng của Đảng ta trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2 — Trong cơ cấu bài trên Tạp chí trong một năm, một kỳ báo, dành một



Digitized by Google

tỷ lệ thỏa đáng cho các loại bài về chính trị, kinh tế, xã hội và làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa các vấn đề đó để nâng tầm nhìn, tầm nghĩ của cán bộ, đảng viên. Hiện nay, mặt xã hội còn rất bị coi nhẹ và dường như mối quan hệ hữu cơ giữa các vấn đề xã hội với các vấn đề kinh tế, chính trị lớn lao của đất nước chưa được chỉ rõ. Một thí dụ nhỏ là về vấn đề gia đình, trong năm 1985 trên *Tạp chí Cộng sản* của chúng ta chỉ có một bài của nữ giáo sư Đặng Thanh Lê... Dù sao thì Tạp chí cũng đã bước đầu có bài, và tôi hy vọng nó sẽ mở đầu cho một quá trình nghiên cứu, đề cập có hệ thống vấn đề lớn lao này trên Tạp chí của Đảng.

3 — Ban biên tập và các đồng chí biên tập viên giúp đỡ cộng tác viên viết bài cho Tạp chí trên cơ sở có tổ chức hướng dẫn nghiên cứu theo một chương trình có định hướng của *Tạp chí Cộng sản*.

Xin cảm ơn các đồng chí đã quan tâm lắng nghe. Xin kính chúc các đồng chí sức khỏe.

Kính chúc Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng ta mãi mãi là ngọn đuốc soi sáng mọi mặt công tác cách mạng của Đảng ta.

---

## ĐẨY MẠNH...

*(Tiếp theo trang 19)*

tra, kiểm soát việc chấp hành các luật lệ của Nhà nước trên thị trường, đặt dưới sự chỉ đạo và quản lý của Ban chỉ đạo cải tạo và quản lý thị trường các cấp. Các đội kiểm tra này cùng với các lực lượng thanh tra nhân dân và các ngành, các đoàn thể quần chúng tiến hành kiểm tra nghiêm ngặt việc niêm yết giá và thực hiện giá niêm yết trong tất cả các tổ chức và cá nhân kinh doanh thương nghiệp (kể cả các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa), đồng thời phối hợp với các lực lượng khác ngăn chặn, bài trừ các hoạt động đầu cơ buôn lậu, làm và bán hàng giả, kinh doanh trái phép.

Để bảo đảm làm tốt công tác cải tạo thương nghiệp tư nhân và quản lý thị trường, vấn đề quan trọng hiện nay là *nhanh chóng giải quyết kinh tế chợ*, vì sự tồn tại của chợ có tác động rất lớn đến sản xuất và đời sống hằng ngày của nhân dân. Hiện nay chợ là nơi tiêu thụ nhiều loại sản phẩm theo cơ chế kinh doanh ở chợ mà đặc trưng của nó là « thuận mua vừa bán », chi phối bởi quy luật cung cầu. Từ trước đến nay, Nhà nước chỉ mới thiết lập được việc quản lý chợ về mặt hành chính, còn việc quản lý kinh tế chợ là khâu cốt lõi thì chưa được chú ý đúng mức. Vì vậy, cần tiến hành *cải tạo, sắp xếp, giáo dục, dẫn dắt* những người buôn bán nhỏ ở chợ từng bước đi theo quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức thích hợp, dưới sự lãnh đạo của thương nghiệp quốc doanh và sự kiểm tra, kiểm soát của các tổ chức có trách nhiệm, tránh khuynh hướng buông lỏng quản lý các hoạt động ở chợ, đồng thời cũng tránh khuynh hướng cải tạo, sắp xếp một cách gò bó, không đếm xỉa đến đặc trưng « thuận mua, vừa bán », làm mất tính chất linh hoạt, cơ động, thuận tiện của chợ.

Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư doanh dưới những mô hình thích hợp, cải tạo và sắp xếp lại thị trường, chống đầu cơ buôn lậu chính là tạo điều kiện cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường. Hai mặt công tác này phải kết hợp chặt chẽ, bổ sung cho nhau, không thể xem nhẹ mặt nào, nhằm cuối cùng là quản lý tốt thị trường, ổn định tình hình giá cả, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông.



Digitized by Google

# BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ VŨ MÃO, Ủy viên BCHTƯ Đảng, Bí thư thứ nhất BCHTƯ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Kính thưa các đồng chí,

NHÂN dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản *Tạp chí Cộng sản* và nhân dịp Đảng và Nhà nước trao tặng cho Tạp chí phần thưởng cao quý Huân chương Hồ Chí Minh, thay mặt BCHTƯ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tuổi trẻ cả nước, tôi xin nhiệt liệt chào mừng những thành tích to lớn, sự trưởng thành toàn diện của Tạp chí.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam, trong suốt 30 năm qua *Tạp chí Cộng sản* đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng, tổng kết những kinh nghiệm hay của nhiều điển hình tiên tiến, góp phần tích cực vào việc xây dựng nền lý luận cách mạng Việt nam, đấu tranh cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa

Trong gần 55 năm xây dựng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, được Đảng và Bác Hồ dìu dắt, thế hệ trẻ Việt nam đã trưởng thành vượt bậc. Ở mọi giai đoạn cách mạng, Đoàn thanh niên luôn luôn là đội quân xung kích cách mạng, là lực lượng dự bị chiến đấu hùng hậu của Đảng. *Tạp chí Cộng sản* đã góp phần to lớn trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện thế hệ trẻ Việt nam. Nhiều bài viết trong Tạp chí đã có tác dụng hướng dẫn, chỉ đạo giúp cho đội ngũ cán bộ Đoàn hiểu sâu sắc những quan điểm và đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, làm tốt hơn công tác vận động quần chúng thanh niên thực hiện thắng lợi mọi nghị quyết của Đảng và của Đoàn.

Với trách nhiệm của mình, trong nhiều năm qua, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã có những đóng góp nhất định trong việc xây dựng tạp chí lý luận của Đảng. Nhiều đồng chí cán bộ Đoàn đã viết bài cho Tạp chí. Ban bí thư Trung ương Đoàn và đồng chí



Digitized by Google

Tổng biên tập Tạp chí đã có những cuộc trao đổi ý kiến về việc nâng cao chất lượng của Tạp chí và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên.

Thưa các đồng chí,

Nghị quyết số 26 của Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã chỉ rõ: vận động thanh niên là một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng của Đảng; làm tốt công tác thanh niên là bảo đảm sự kế tục và phát triển không ngừng của chế độ ta, bảo đảm hiện tại cũng như tương lai tươi sáng của dân tộc Việt nam. Nghị quyết 26 của Bộ chính trị đã khẳng định những cống hiến xuất sắc và sự trưởng thành nhanh chóng của tuổi trẻ nước ta trên khắp các mặt trận: an ninh quốc phòng và lao động sản xuất, xây dựng đất nước; đồng thời cũng chỉ ra những mặt còn yếu, kém của thanh niên và công tác của Đoàn thanh niên (như trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của thanh niên còn thấp, tổ chức Đoàn ở cơ sở còn yếu, v.v.). Một trong những nguyên nhân dẫn đến thiếu sót đó là nhiều cấp ủy Đảng và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng chiến lược của công tác vận động thanh niên, coi thường và buông lỏng lãnh đạo công tác thanh niên; một số cán bộ, đảng viên thiếu ý thức trách nhiệm, có thái độ hẹp hòi, đánh giá không đúng bản chất của thanh niên, chưa coi trọng phát huy năng lực sáng tạo của thanh niên, chưa cố gắng đáp ứng những yêu cầu phát triển lành mạnh của tuổi trẻ...

Chúng tôi mong rằng, với chức năng của mình *Tạp chí Cộng sản* quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp giáo dục và rèn luyện thanh niên, hướng dẫn các cấp ủy Đảng thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên. Chúng tôi đề nghị Tạp chí dành thêm số trang viết về công tác thanh vận của Đảng, giới thiệu những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên, nhất là những kinh nghiệm giáo dục thế hệ trẻ. Những người làm công tác Đoàn chúng tôi sẽ tích cực viết bài gửi Tạp chí, cung cấp tin và tư liệu cho Tạp chí, thường xuyên góp ý kiến để Tạp chí ngày càng có nhiều bài về công tác thanh niên.

Chúng tôi tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với những kinh nghiệm đã có trong 30 năm qua, được sự cổ vũ, động viên của bạn đọc, *Tạp chí Cộng sản* sẽ ngày càng đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa, xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng ta.

Nhân dịp này tôi xin chúc các đồng chí trong Bộ biên tập và các đồng chí cộng tác viên dồi dào sức khỏe.

Xin gửi các đồng chí lời chào cộng sản.



Digitized by Google

# BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN TẤN
## Ủy viên dự khuyết BCHTƯĐ, Phó bí thư Thành ủy Hà nội

Thưa các đồng chí,

Tôi rất vinh dự được thay mặt Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hà nội tới dự kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chí Cộng sản* — cơ quan lý luận và chính trị của Đảng ta và lễ trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh, phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước ta cho Tạp chí. Xin cho phép tôi được chuyển lời chào mừng nồng nhiệt nhất của đảng bộ và nhân dân Thủ đô Hà nội tới Ban biên tập và tất cả các đồng chí cán bộ biên tập, trị sự và nhân viên phục vụ của *Tạp chí Cộng sản*

Thưa các đồng chí!

Với vị trí, chức năng là một cơ quan lý luận và chính trị của Đảng ta, 30 năm qua *Tạp chí Cộng sản* đã thường xuyên giới thiệu với bạn đọc trong và ngoài nước những vấn đề về đường lối và những chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Với những bài có giá trị tổng kết về kinh nghiệm lịch sử và đi sâu vào chuyên đề về chính trị, kinh tế, xã hội, triết học, an ninh quốc phòng, văn hóa, giáo dục, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng v.v.. Tạp chí đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta cùng bầu bạn quốc tế hiểu rõ thêm sự vận dụng sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào thực tế Việt nam của Đảng ta. Đặc biệt Tạp chí đã giúp cho người đọc, các nhà nghiên cứu... sáng tỏ những vấn đề lý luận, khoa học trong đường lối của Đảng ta, phân tích những vấn đề đã diễn ra trong thực tiễn và hướng dẫn, cổ vũ hoạt động thực tiễn của cơ sở và quần chúng.

Chúng tôi nghĩ rằng Tạp chí chẳng những đã góp phần nâng cao lòng tự hào của chúng ta về quá trình đấu tranh cách mạng hào hùng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng quang vinh do Bác Hồ kính yêu sáng lập và rèn luyện trên nửa thế kỷ qua



Digitized by Google

mà còn làm cho các đảng anh em và bầu bạn quốc tế hiểu thêm và quý trọng Đảng ta, nhân dân ta, đất nước ta.

Đảng bộ và nhân dân Thủ đô Hà nội đã nhận được ở *Tạp chí Cộng sản* những điều chỉ dẫn để hiểu sâu hơn đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng; đồng thời học tập được những kinh nghiệm chung và những phương thức chỉ đạo thực tiễn cụ thể của các địa phương trong cả nước đã được phân tích, khái quát bằng lý luận. Từ đó gợi mở cho chúng tôi những suy nghĩ và cách làm mới trong hoạt động thực tiễn ở Thủ đô. Chẳng hạn như các vấn đề: về đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện; về xây dựng Đảng, sinh hoạt tư tưởng, quản lý đảng viên, về giáo dục phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng, xây dựng đạo đức, nếp sống mới v.v.

Việc Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho *Tạp chí Cộng sản* nhân kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản (12-1955 — 12-1985) chính là sự khẳng định vị trí quan trọng, sự lớn mạnh vững chắc và đóng góp to lớn của Tạp chí trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thưa các đồng chí!

Thủ đô Hà nội được vinh dự là nơi các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước và các cơ quan ban, ngành, đoàn thể ở trung ương trong đó có cơ quan *Tạp chí Cộng sản* đóng và làm việc. Do vậy, Hà nội cũng là địa bàn xuất bản, và phát hành Tạp chí sớm nhất. Đảng bộ và nhân dân Hà nội có vinh dự được là bạn đọc gần nhất và nhanh nhất của Tạp chí. Nhân dịp này, chúng tôi mong muốn được Tạp chí quan tâm viết bài về Hà nội nhiều hơn. Bằng lý luận Mác—Lê-nin và bút pháp của mình, Ban biên tập, các nhà nghiên cứu, biên tập viên của Tạp chí soi rọi, phân tích, làm rõ những vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể v.v. đang diễn ra ở Hà nội chẳng những để cả nước hiểu rõ hơn về Thủ đô mà còn trực tiếp cổ vũ giúp đỡ đảng bộ và nhân dân Hà nội chúng tôi phấn đấu thực hiện tốt hơn đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xứng đáng là trung tâm đầu não của cả nước.

Về phần mình, nhân dịp này chúng tôi xin hứa sẽ động viên các ngành, các đơn vị trong địa phương, nhất là anh chị em cán bộ nghiên cứu và chỉ đạo trong thành phố có trách nhiệm giúp đỡ các biên tập viên của Tạp chí viết về Hà nội và trực tiếp viết bài cho Tạp chí. Chúng tôi sẽ tổ chức hướng dẫn cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ đô sử dụng tốt *Tạp chí Cộng sản*, đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận, chính trị của Đảng đề cập trong Tạp chí để nâng cao trình độ nhận thức và vận dụng vào việc thực hiện đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng: nghiên cứu học tập những bài học kinh nghiệm về mọi mặt của các ngành, các địa phương khác. Từ đó nâng tầm suy nghĩ và không ngừng cải tiến phong cách chỉ đạo của các cấp Đảng, chính quyền, đoàn thể trong thành phố, thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của quần chúng thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Trung ương giao cho đảng bộ và nhân dân Thủ đô.

Xin kính chúc *Tạp chí Cộng sản* — cơ quan lý luận và chính trị của Đảng — không ngừng phát triển và đạt được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa, giương cao ngọn cờ lý luận của Đảng ta trong giai đoạn mới.



Digitized by Google

# BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ VŨ XUÂN CẬN, Ủy viên ban thư ký TCĐ Việt nam

Thưa các đồng chí thân mến,

NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chí Cộng sản* — cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam — và nhân dịp Tạp chí được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh — phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước ta, cho phép tôi được thay mặt Tổng công đoàn Việt nam, gửi tới các đồng chí lãnh đạo và toàn thể anh chị em cán bộ, công nhân, viên chức *Tạp chí Cộng sản* lời chào mừng nồng nhiệt nhất.

Ba mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của BCHTƯĐ, *Tạp chí Cộng sản* đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt. Các đồng chí đã thường xuyên đem đến cho giai cấp công nhân, cho cán bộ, đoàn viên công đoàn những hiểu biết về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những vấn đề cấp bách của tình hình thế giới và trong nước..., góp phần nâng cao thêm quan điểm, lập trường giai cấp công nhân, giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ công đoàn và đông đảo công nhân viên chức.

Với chức năng của mình, *Tạp chí Cộng sản* đã tích cực góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt nam, đặc biệt là mối quan hệ mật thiết giữa việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân gắn với nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, với việc xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản, xây dựng tổ chức công đoàn không ngừng vững mạnh.

Chúng tôi rất phấn khởi nhận thấy rằng, thời gian qua, mối quan hệ giữa *Tạp chí Cộng sản* và Tổng công đoàn Việt nam ngày càng được tăng cường. Các đồng chí đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để tổ chức công đoàn chúng tôi có tiếng nói của mình trên Tạp chí của Đảng. Các bài nói, bài viết của các đồng chí lãnh đạo Tổng công đoàn phổ biến những chỉ thị, nghị quyết và những chủ trương công tác lớn của Tổng công đoàn đã lần lượt được các đồng chí quan tâm sử dụng trên Tạp chí. Do đó, Tạp chí đã



Digitized by Google

góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng về vai trò, vị trí, nhiệm vụ, chức năng của công đoàn Việt nam, làm cho những chủ trương công tác của công đoàn nhanh chóng đến với công nhân viên chức và biến thành hành động cách mạng. Thay mặt Tổng công đoàn Việt nam, tôi xin cảm ơn các đồng chí về sự giúp đỡ đầy nhiệt tình và quý báu đó.

Các đồng chí thân mến,

Giai cấp công nhân nước ta hiện nay có nhiệm vụ rất trọng đại là nêu cao vai trò tiên phong của mình, cùng toàn dân phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình. Là tổ chức quần chúng rộng lớn của giai cấp công nhân, là trường học chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, trường học quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, công đoàn chúng tôi có trách nhiệm rất lớn trong cuộc đấu tranh cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi đang cố gắng tập trung mọi hoạt động của mình vào việc giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa, tổ chức, phát động trong công nhân viên chức phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, hăng hái tiến quân vào khoa học, kỹ thuật, tham gia thiết thực vào việc xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới, kiên quyết xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền chủ động sáng tạo, khai thác mọi khả năng tiềm tàng ở cơ sở để phát triển sản xuất, theo tinh thần nghị quyết 8 của BCHTƯĐ. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, tham gia quản lý sản xuất, quản lý thị trường, công đoàn chúng tôi từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đi sâu vào sản xuất và đời sống, đi sát công nhân, phát huy những nhân tố tích cực, đấu tranh chống mọi hiện tượng tiêu cực, phản ánh kịp thời với Đảng và Nhà nước nguyện vọng của công nhân viên chức, cùng với Nhà nước giải quyết những kiến nghị hợp lý nhằm khắc phục những khó khăn trong sản xuất và đời sống của công nhân viên chức.

Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, công đoàn chúng tôi đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục cho công nhân viên chức thấu suốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chính sách mới về kinh tế và xã hội, hiểu rõ Hiến pháp xã hội chủ nghĩa, để nâng cao thêm lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào việc tổ chức thực hiện của Nhà nước, nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của kẻ thù, bảo vệ sản xuất, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Đó là những công tác lớn mà công đoàn chúng tôi đang tổ chức thực hiện. Đó cũng là những vấn đề mà trong thời gian tới *Tạp chí Cộng sản* có thể tiếp tục đề cập một cách rộng rãi hơn, sâu sắc hơn. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự giúp đỡ đầy nhiệt tình của Tạp chí, những chủ trương công tác của chúng tôi sẽ nhanh chóng đến với các cấp công đoàn và cán bộ, công nhân viên chức cả nước.

Về phần mình, chúng tôi sẽ cố gắng hơn nữa, chủ động hơn nữa trong việc phối hợp với *Tạp chí Cộng sản* để tuyên truyền giáo dục, nhằm xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước chuyên chính vô sản vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

Xin gửi các đồng chí lời chào trân trọng.

Chân thành cảm ơn các đồng chí



Digitized by Google

# Báo cáo của đồng chí Hồng Chương

## Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản

Thưa các đồng chí,

THAY mặt Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*, chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh các đồng chí, cảm ơn các đồng chí đã đến dự cuộc họp long trọng kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản *Tạp chí Học tập* (15-12-1955) và kỷ niệm lần thứ 55 xuất bản *Tạp chí Cộng sản* (1-2-1931).

Thưa các đồng chí,

Cách đây đúng 30 năm, tháng 12 năm 1955, tạp chí *Học tập*, nay là *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng, ra số đầu. Tạp chí lý luận của Đảng được xuất bản theo một nghị quyết của Trung ương Đảng. Hội nghị thứ 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa II) họp từ ngày 3 đến ngày 12 tháng 3 năm 1955, Hội nghị đầu tiên của Trung ương Đảng họp tại thủ đô Hà nội sau khi cuộc Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, đã quyết định « xuất bản Tạp chí *Học tập* để giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng ».

Thi hành nghị quyết đó của Trung ương Đảng, một Ban biên tập do đồng chí Trường Chinh làm Tổng biên tập, đã được thành lập. Sau nhiều tháng chuẩn bị khẩn trương, cuối năm 1955, tạp chí lý luận và chính trị của Đảng ra mắt bạn đọc. Trong những năm đầu tạp chí lấy tên là tạp chí *Học tập*. Cuối năm 1976 Đại hội thứ IV của Đảng quyết định đổi tên Đảng ta là Đảng cộng sản Việt nam. Để cho tên của tạp chí lý luận và chính trị của Đảng phù hợp với tên của Đảng và phù hợp với nhiệm vụ cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, Bộ chính trị Trung ương Đảng (khóa IV) trong nghị quyết số 01/NQ — TƯ ngày 5-1-1977 đã quyết định đổi tên tạp chí *Học tập* là *Tạp chí Cộng sản*.

Tạp chí lý luận và chính trị của Đảng ra đều đặn hằng tháng suốt 30 năm qua. Nó kế thừa truyền thống tốt đẹp của báo chí cách mạng Việt nam do Bác Hồ sáng lập. Nó tiếp tục sự nghiệp vẻ vang của các tạp chí đã có trước đó của Đảng ta.

Thưa các đồng chí,

Đảng ta do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện đặc biệt coi trọng công tác lý luận, coi trọng việc xuất bản tạp chí lý luận. Hội nghị thành lập Đảng họp từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930 dưới sự chủ tọa của Bác Hồ đã quyết định: Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng xuất bản một tạp chí lý luận (chung cho toàn Đảng) và ba tờ báo để tuyên truyền (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ, mỗi xứ có một tờ báo).



Digitized by Google

Thi hành nghị quyết đó của Hội nghị hợp nhất Đảng, Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng đã xuất bản tạp chí lý luận lấy tên là *Tạp chí Đỏ*. Số 1 *Tạp chí Đỏ* ra ngày 5-8-1930. Đồng chí Trần Phú là người sáng lập *Tạp chí Đỏ*.

Tháng 10-1930 Ban chấp hành trung ương Đảng họp Hội nghị thứ nhất. Sau Hội nghị này Trung ương Đảng quyết định xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, thay thế *Tạp chí Đỏ*.

Ngày 1-2-1931 *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận của Đảng ra số đầu tiên. Trong «Lời nói đầu», *Tạp chí Cộng sản* nói rõ mục đích của mình là: «giải thích chính sách của Quốc tế cộng sản và của Đảng ta, kịch liệt công kích những tư tưởng sai lầm, những xu hướng hoạt đầu và bè phái, làm cho nền tư tưởng và cách hành động trong Đảng được nhứt thống». Sau khi cơ quan của Trung ương Đảng bị vỡ, đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư của Đảng bị bắt, *Tạp chí Cộng sản* phải ngừng xuất bản.

Sau cuộc khủng bố trắng năm 1931, Ban lãnh đạo tối cao của Đảng ở trong nước không còn, Trung ương Đảng không xuất bản được tạp chí lý luận.

Tháng 6-1934, với sự giúp đỡ của Quốc tế cộng sản, Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng được thành lập do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu. Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng đã xuất bản *Tạp chí Bôn-sơ-vic*. *Tạp chí Bôn-sơ-vic* là «cơ quan lý thuyết của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng cộng sản Đông dương». Sau Đại hội thứ nhất của Đảng (tháng 3-1935), *Tạp chí Bôn-sơ-vic* được đổi thành «cơ quan lý luận của Đảng cộng sản Đông dương». *Tạp chí Bôn-sơ-vic* ra số 1 hồi tháng 6-1934. Đồng chí Lê Hồng Phong là người sáng lập *Tạp chí Bôn-sơ-vic*. Trong các năm 1934 — 1935 — 1936, *Tạp chí Bôn-sơ-vic* được in ở nước ngoài và bí mật chuyển về phát hành ở trong nước. Cuối năm 1936 Trung ương Đảng chuyển cơ quan về trong nước và xuất bản *Tạp chí Bôn-sơ-vic* (loại mới); số 1 ra ngày 15-1-1937.

Trong những năm cao trào của Mặt trận Dân chủ, Trung ương Đảng không xuất bản được tạp chí lý luận. Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng họp hồi tháng 3-1938 có ghi trong nghị quyết: «Ban trung ương cần ra một tạp chí bí mật để giải thích những vấn đề mà các sách báo công khai không thể bàn đến được». Tuy vậy, do hoàn cảnh khó khăn lúc bấy giờ, Đảng không thể xuất bản được tạp chí bí mật như đã ghi trong nghị quyết đó.

Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, cách mạng Việt nam trải qua một bước ngoặt. Hội nghị thứ tám của Trung ương Đảng dưới sự chủ tọa của Bác Hồ (tháng 5-1941) quyết định chuyển hướng chiến lược cách mạng. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đề lên hàng đầu. Cuối năm 1941 trung ương Đảng xuất bản *Tạp chí Cộng sản* để phổ biến nghị quyết Hội nghị thứ Tám của Trung ương.

Năm 1943 tình hình trong nước và thế giới có những chuyển biến lớn. Cuộc chiến tranh cứu nước vĩ đại của Hồng quân Liên xô chuyển sang thế tiến công. Phong trào cách mạng của nhân dân Việt nam có bước phát triển mới. Mâu thuẫn giữa Pháp và Nhật ở Đông dương trở nên gay gắt. Vấn đề khởi nghĩa giành chính quyền trở thành vấn đề thời sự cấp bách. Trung ương Đảng quyết định xuất bản *Tạp chí Cộng sản* để trang bị tư tưởng cho cán bộ và đảng viên nhằm tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân.

*Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng do đồng chí Trường Chinh làm chủ nhiệm. Tham gia viết bài cho tạp chí có đồng chí



Digitized by Google

Hoàng Văn Thụ và một số đồng chí khác.

Ngày 28-2-1943 *Tạp chí Cộng sản* ra số 1. Ngày 21-9-1943 tạp chí ra số 2. Số 3 của tạp chí đã chuẩn bị xong bài vở, chưa kịp in, thì nổ ra Tổng khởi nghĩa. Sau Cách mạng Tháng Tám (1945) tình hình đã thay đổi, tạp chí không ra nữa.

Cùng với báo *Cờ giải phóng*, *Tạp chí Cộng sản* hồi bấy giờ đã có vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám.

Năm 1950 cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn mới. Công tác tư tưởng đòi hỏi Đảng phải có tạp chí lý luận. Theo nghị quyết của Hội nghị toàn quốc thứ ba của Đảng, Ban chấp hành trung ương Đảng đã xuất bản *Tạp chí Cộng sản*. Đồng chí Trường Chinh là chủ nhiệm của *Tạp chí Cộng sản*. Số 1 của *Tạp chí Cộng sản* ra tháng 7-1950. Số 2 của tạp chí ra tháng 8-1950.

Trong « Lời nói đầu », đăng trong số 1, *Tạp chí Cộng sản* nói rõ tạp chí « có nhiệm vụ giải thích đường lối, chủ trương của Đảng, đem chủ nghĩa Mác—Lê-nin soi sáng các vấn đề cách mạng Đông dương và các vấn đề quốc tế ».

Sau khi ra được số 2, *Tạp chí Cộng sản* phải đình bản « vì lý do chuyên môn » (theo thông báo của tạp chí đăng trong số 2). Từ đó cho đến khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, do gặp nhiều trở ngại, Trung ương Đảng không xuất bản được tạp chí.

Từ khi Đảng ta được thành lập (năm 1930) đến khi cuộc kháng chiến chống Pháp giành được thắng lợi (năm 1954) Trung ương Đảng ta đã nhiều lần xuất bản tạp chí lý luận. Tuy vậy do gặp rất nhiều khó khăn, tạp chí lý luận của Đảng mỗi lần xuất bản chỉ tồn tại một thời gian rồi phải đình bản. Điều đó cho thấy rằng việc xuất bản tạp chí lý luận của Đảng không phải là một việc dễ dàng.

Sau chiến thắng Điện biên phủ, Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông dương, quân và dân ta tiếp quản Thủ đô Hà nội, tạp chí lý luận của Đảng mới có điều kiện xuất bản đều đặn liên tục cho đến ngày nay. Việc tạp chí lý luận của Đảng được xuất bản liên tục từ năm 1955 đến nay là một bằng chứng về thắng lợi to lớn mà cách mạng Việt nam đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Thưa các đồng chí,

Tạp chí lý luận của Đảng xuất bản liên tục đã được 30 năm và đến tháng 12 năm nay tạp chí ra được 360 số. Có thể chia lịch sử 30 năm qua của Tạp chí ra làm 3 thời kỳ như sau:

— Thời kỳ thứ nhất, từ năm 1955 đến năm 1964, tạp chí phục vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc đấu tranh nhằm hòa bình thống nhất nước nhà.

— Thời kỳ thứ hai, từ năm 1965 đến năm 1975, tạp chí phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân cả nước ta.

— Thời kỳ thứ ba, từ năm 1975 đến nay, tạp chí phục vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Trong bất cứ thời gian nào của 3 thời kỳ trên đây, *Tạp chí Học tập — Tạp chí Cộng sản* đều có vai trò tích cực trong công tác lý luận và tư tưởng của Đảng ta.

Cách đây đúng 30 năm, trong bài « Việc xuất bản Tạp chí *Học tập* và công tác xây dựng Đảng » đăng trên Tạp chí *Học tập* số 1, tháng 12 năm 1955, đồng chí Trường Chinh đã viết:



Digitized by Google

« Mong rằng Tạp chí *Học tập* ra đời sẽ đánh dấu một bước tiến mới của Đảng ta trong công tác lý luận và tư tưởng, trong việc củng cố Đảng và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác của Đảng và của Nhà nước.

« Mong rằng, với Tạp chí *Học tập* ra đời, Đảng ta sẽ đẩy mạnh phê bình, tự phê bình, đẩy mạnh đấu tranh chống mọi khuynh hướng sai lầm trong khi chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, chống mọi sự xuyên tạc về tư tưởng đã khá nhiều ở nước ta hiện nay. Đồng thời, Đảng sẽ làm cho lý luận của mình tiến trước và chỉ đường cho công tác thực tiễn, khắc phục được chủ nghĩa sự vụ thiển cận hiện đang phổ biến trong cán bộ đảng viên ».

Nhìn lại công tác xây dựng Đảng và công tác tạp chí lý luận của Đảng trong 30 năm qua, chúng ta có thể khẳng định rằng trong một chừng mực rất lớn, sự mong ước đó của đồng chí Trường Chinh, Tổng biên tập đầu tiên của tạp chí lý luận của Đảng, đã trở thành hiện thực.

Quả đúng như vậy, cùng với báo *Nhân dân*, trong 30 năm qua *Tạp chí Học tập — Tạp chí Cộng sản* đã đứng ở tuyến đầu của cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng. Tạp chí đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tư tưởng phản động của nhóm *Nhân văn — Giai phẩm*; chống thuyết nhân vị — duy linh của tập đoàn Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ; chống chủ nghĩa xét lại hiện đại và chủ nghĩa giáo điều; chống chủ nghĩa Mao cùng mọi khuynh hướng khác của chủ nghĩa cơ hội; chống tư tưởng phản động của chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ; chống hệ tư tưởng tư sản cùng các trào lưu tư tưởng phản động của nó như chủ nghĩa hiện sinh, thuyết hội tụ, v.v. Tạp chí đã góp phần tích cực bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, bảo vệ đường lối và quan điểm cách mạng của Đảng ta.

Tạp chí đã góp phần làm sáng tỏ các luận điểm lý luận của Đảng về làm chủ tập thể; về ba cuộc cách mạng tức cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; về cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; về cơ chế quản lý kinh tế xã hội, hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ; về sử dụng sức mạnh tổng hợp; về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân; về chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; về phẩm chất và đạo đức cách mạng; về Đảng cầm quyền; v.v.

Tạp chí cũng đã góp phần làm sáng tỏ các luận điểm lý luận của Đảng ta về các vấn đề quốc tế như: thế tiến công của cách mạng thế giới; ba dòng thác cách mạng của thời đại chúng ta; hòa bình và cách mạng; con đường phi tư bản chủ nghĩa; ...

Tạp chí đã tuyên truyền cho đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Tạp chí đã vạch trần bản chất phản động hiếu chiến và cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc; bản chất phản động và thất bại của chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung quốc, góp phần nâng cao cảnh giác của nhân dân ta trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; chống chạy đua vũ trang hạt nhân của chủ nghĩa đế quốc do Mỹ đứng đầu, bảo vệ hòa bình thế giới; ủng hộ phong trào độc lập dân tộc và phong trào công nhân quốc tế. Tạp chí đã giới thiệu các thành tựu và kinh nghiệm của Liên xô và các nước anh em khác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa



Digitized by Google

cộng sản. Tạp chí đã tuyên truyền cho những thắng lợi của cách mạng hai nước Lào và Cam-pu-chia, giáo dục nhân dân nghĩa vụ củng cố tình hữu nghị đặc biệt giữa ba nước Đông dương.

Tuy vậy, Tạp chí còn có một số nhược điểm và khuyết điểm. Trong một số bài việc kết hợp giữa lý luận và thực tiễn chưa nhuần nhuyễn. Tính chiến đấu của Tạp chí còn chưa mạnh. Một số bài dài quá mức cần thiết. Chất lượng một số bài còn thấp. Khuyết điểm lớn của Tạp chí mà đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã chỉ ra là bài về kinh tế trên Tạp chí còn yếu; khuyết điểm này cho tới nay chúng tôi vẫn chưa khắc phục được.

Trong 30 năm qua, *Tạp chí Học tập — Tạp chí Cộng sản* đã vận dụng chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tuyên truyền đường lối và chính sách của Đảng và của Nhà nước, góp phần nâng cao trình độ chính trị và lý luận của cán bộ trong Đảng và cán bộ ngoài Đảng, đấu tranh chống những quan điểm tư tưởng sai lầm, tăng cường sự đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, động viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân, góp phần tổng kết các kinh nghiệm của Đảng. Tạp chí đã làm sáng tỏ những vấn đề lớn trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác—Lê-nin và trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm cách mạng đã tích lũy được.

Tạp chí làm được như vậy trước hết là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng. Trung ương Đảng, Bộ chính trị, Ban bí thư quan tâm chăm sóc Tạp chí, chỉ đạo chặt chẽ công tác của Bộ biên tập. Không kể những nghị quyết và chỉ thị chung của Đảng trong đó có phần nói về công tác tư tưởng được dùng làm bó đuốc soi đường cho công tác biên tập của Tạp chí, riêng đối với Tạp chí, trong 30 năm qua, Trung ương Đảng đã có 7 nghị quyết và chỉ thị về công tác của Tạp chí. Những nghị quyết và chỉ thị này là kim chỉ nam cho công tác của Tạp chí trong các thời kỳ.

Khi còn sống Bác Hồ kính yêu đã quan tâm đến công tác của Tạp chí, đã cho Bộ biên tập những lời chỉ dẫn quý báu. Mặc dù bận trăm công nghìn việc Bác Hồ đã dành thì giờ viết bài cho Tạp chí. Trong những bài Bác Hồ viết và dành riêng cho Tạp chí cái vinh dự được đăng có những bài rất nổi tiếng như : bài « Đạo đức cách mạng » (12-1958) (Bài này Bác lấy bút danh Trần Lực); bài « Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội » (1-1961) ; bài « Con đường tiến đến ấm no sung sướng » (5-1962).

Bác Hồ cũng đã gửi đến cho Bộ biên tập một số tờ báo hằng ngày trong đó có những bài Bác đánh dấu bằng bút chì đỏ và chỉ thị cho Tạp chí phải đăng lại, đặc biệt là các bài về kinh nghiệm xây dựng cấp huyện.

Các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng rất quan tâm đến công tác tạp chí, đã nhiều lần đến thăm Bộ biên tập, nói chuyện với biên tập viên và cộng tác viên của Tạp chí, cho Bộ biên tập những lời chỉ bảo quý báu. Các đồng chí đã viết cho Tạp chí những bài có chất lượng cao.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nhiều lần gặp Bộ biên tập và cho những chỉ thị rất quý báu đối với công tác của Tạp chí. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản Tạp chí, vừa qua đồng chí Lê Duẩn đã đến thăm Bộ biên tập và nói chuyện với các biên tập viên và cộng tác viên của Tạp chí về nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt nam. Sự quan tâm chăm sóc của đồng chí Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng là nguồn cổ vũ rất lớn



Digitized by Google

đối với các cán bộ, nhân viên và đội ngũ cộng tác viên của Tạp chí.

Là Tổng biên tập đầu tiên của Tạp chí, đồng chí Trường Chinh dìu dắt đội ngũ cán bộ Tạp chí ngay từ những bước chập chững ban đầu. Đồng chí đã để nhiều thì giờ viết bài, chữa bài, duyệt bài cho Tạp chí. Trong nhiều năm đồng chí đã thông qua xã luận và những bài quan trọng của Tạp chí. Trong việc dìu dắt cán bộ Tạp chí chữa bài, đồng chí Trường Chinh không chỉ hướng dẫn chữa ý mà còn chữa từng dấu phẩy, dấu chấm. Phong cách của Tạp chí được hình thành như ngày nay là do đồng chí Trường Chinh đào luyện ngay từ đầu.

Sự đóng góp của đồng chí Trường Chinh đối với Tạp chí lý luận của Đảng là vô cùng to lớn. Hôm nay, nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản Tạp chí, đồng chí Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh lại gửi thư cổ vũ cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Tạp chí và cho những chỉ thị quý báu. Thay mặt Bộ biên tập, chúng tôi cảm ơn đồng chí Trường Chinh và xin hứa chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của đồng chí trong Thư đồng chí gửi cho Tạp chí.

Đồng chí Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng cũng quan tâm đến Tạp chí, đã đến thăm Bộ biên tập và đã viết nhiều bài rất có giá trị cho Tạp chí.

Các đồng chí Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Võ Chí Công, Hoàng Tùng, v.v. đã quan tâm chỉ đạo công tác của Tạp chí, đã viết nhiều bài cho Tạp chí.

Nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu xây dựng Tạp chí và viết bài cho Tạp chí.

Các bài của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đăng trên Tạp chí trong 30 năm qua đã có tác dụng to lớn thúc đẩy các mặt công tác, lao động sản xuất và chiến đấu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Tiếp nhận được mỗi số tạp chí, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta trước hết tìm đọc các bài của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước để tìm hiểu đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta.

Các đảng ủy ở các địa phương và các ngành hết sức giúp đỡ Tạp chí. Các đồng chí đã tạo điều kiện cho cán bộ Tạp chí nắm tình hình để viết bài. Các đồng chí tổng kết kinh nghiệm công tác của địa phương mình, của ngành mình, rồi viết bài gửi đăng trên Tạp chí.

Đặc biệt các đồng chí trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam đã viết nhiều bài có chất lượng cho Tạp chí. Các bài này có giá trị tổng kết những bài học về đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng ta. Những bài này đã góp phần tích cực xây dựng lý luận quân sự độc đáo của Việt nam.

Các đồng chí ở Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng và ở Viện Mác—Lênin đã đóng góp với Tạp chí những bài về lịch sử Đảng, góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử của cách mạng Việt nam và rút ra những kết luận có tính lý luận.

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cũng như các Viện nghiên cứu khoa học đã cung cấp nhiều bài cho Tạp chí.

Các đồng chí hoạt động thực tiễn ở các ngành đã viết cho Tạp chí những bài phản ánh thực tiễn cách mạng sinh động, giới thiệu những điển hình tiên tiến trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Thật là một vinh dự lớn đối với Tạp chí là Tạp chí đã trở thành một trung tâm nghiên cứu lý luận tập hợp chung quanh mình một đội ngũ đông đảo các nhà lý luận



Digitized by Google

vừa vững vàng về chính trị, vừa có năng lực nghiên cứu, biên tập. Đó là những cộng tác viên của Tạp chí. Đội ngũ cộng tác viên của Tạp chí đã đóng góp từ hai phần ba đến ba phần tư các bài đăng trên Tạp chí.

Bức tranh sẽ không đầy đủ nếu chúng tôi không nói một chút gì về sự đóng góp mặc dù rất khiêm tốn của Bộ biên tập. Bộ biên tập chúng tôi được Trung ương giao nhiệm vụ tổ chức việc biên tập và xuất bản Tạp chí. Được sự dìu dắt của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, anh chị em trong Bộ biên tập chúng tôi, qua 30 năm hoạt động cũng đã trưởng thành một bước. Chúng tôi bảo đảm khoảng một phần năm số bài đăng trên Tạp chí, phần lớn là các bài xã luận, bình luận và các bài không ký tên khác. Năng lực của chúng tôi còn xa mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ Tạp chí. Vì vậy, chúng tôi ngày đêm học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin, học tập đường lối và chính sách của Đảng, đi vào thực tế, đi vào quần chúng, nâng cao trình độ văn hóa và nghiệp vụ của mình, ra sức tu dưỡng về đạo đức và phẩm chất cách mạng để thật sự trở thành những chiến sĩ của Đảng trên mặt trận lý luận và tư tưởng.

Bộ biên tập Tạp chí đã được thử thách và rèn luyện qua đấu tranh cách mạng. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng « phải bảo đảm xuất bản Tạp chí trong bất cứ tình huống nào », trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, dưới những trận ném bom của máy bay Mỹ, kể cả máy bay chiến lược B52, Bộ biên tập Tạp chí vẫn ở Hà nội, tiếp tục tổ chức việc biên tập và xuất bản Tạp chí. Chính nhờ vậy Tạp chí vẫn ra đều đặn hằng tháng, ngay trong những tháng giặc Mỹ ném bom ác liệt nhất, và được đưa đến tay bạn đọc không những khắp các tỉnh ở miền Bắc mà ngay cả đến các tỉnh ở miền Nam.

Ở đây, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh những cố gắng của anh chị em công nhân Nhà máy in Tạp chí Cộng sản, những người đã phấn đấu anh dũng, vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, lao động quên mình để cho Tạp



Digitized by Google

chí ra đúng thời hạn. Chúng tôi cũng không quên anh chị em nhân viên phát hành báo chí của Bưu điện, những người anh dũng đội mưa bom bão đạn, lặn lội ngày đêm khắp các miền đất nước để đưa Tạp chí đến tay bạn đọc.

Trong giờ phút này chúng tôi đặc biệt nghĩ đến bạn đọc của Tạp chí. Chúng tôi trân trọng thư bạn đọc mà chúng tôi nhận được hàng nghìn bức mỗi năm. Trong những bức thư này, bạn đọc đã cổ vũ chúng tôi, nói rõ cho chúng tôi biết những điều bổ ích mà bạn đọc thu nhận được qua việc đọc Tạp chí, đồng thời vạch rõ những thiếu sót trong các bài đã đăng trên Tạp chí. Bạn đọc đã nhận xét, phê bình Tạp chí cả về nội dung biên tập lẫn hình thức trình bày, đồng thời đưa ra những kiến nghị nhằm cải tiến và nâng cao Tạp chí.

Thưa các đồng chí,

Kiểm điểm lại 30 năm qua, Tạp chí đã đạt được những thành tích đáng phấn khởi. Có được những thành tích đó là nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, sự giúp đỡ nhiệt tình của các đảng ủy các cấp các ngành, sự cộng tác chặt chẽ của các cộng tác viên, sự cố gắng của anh chị em công nhân Nhà máy in, sự tận tụy của anh chị em nhân viên phát hành Tạp chí, sự ủng hộ quý báu của bạn đọc trong cả nước.

Nhân dịp kỷ niệm long trọng này, chúng tôi xin phép được thay mặt Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* gửi đến Trung ương Đảng, đến đảng ủy các cấp các ngành, đến các cộng tác viên, đến anh chị em công nhân Nhà máy in và nhân viên phát hành, đến bạn đọc thân mến trong cả nước và ở ngoài nước, lời cảm ơn sâu sắc của chúng tôi.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* trong thời gian tới, như chỉ thị ngày 12-2-1985 của Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ rõ là « góp phần hướng dẫn về lý luận và hoạt động thực tiễn trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhất là thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội, góp phần vào việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng ».

Thấu suốt tinh thần Chỉ thị của Ban bí thư về công tác của *Tạp chí Cộng sản*, Bộ biên tập chúng tôi quyết tâm khắc phục khuyết điểm và nhược điểm, phát huy ưu điểm và thành tích, ra sức phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của Tạp chí lý luận của Đảng. Với sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, sự quan tâm giúp đỡ của đảng ủy các cấp, các ngành, sự cộng tác chặt chẽ của cộng tác viên, sự phấn đấu của anh chị em công nhân Nhà máy in và nhân viên phát hành, sự ủng hộ nhiệt tình của bạn đọc, và sự cố gắng bản thân của Bộ biên tập Tạp chí, chúng tôi tin chắc rằng *Tạp chí Cộng sản* sẽ thực hiện được nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang mà Đảng và nhân dân giao phó.

Xin cảm ơn các đồng chí.



Digitized by Google

# Bài nói của đồng chí Hồng Chương thay mặt Bộ biên tập đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước trao tặng Tạp chí Cộng sản

Thưa các đồng chí,

THẬT là một vinh dự lớn cho *Tạp chí Cộng sản* được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương mang tên Bác Hồ vĩ đại. Vinh dự lớn này thuộc về tất cả những người đã có công tham gia xây dựng Tạp chí trong suốt 30 năm qua. Trước hết thuộc về các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã viết cho Tạp chí những bài rất có giá trị, những bài chủ yếu tạo nên chất lượng và hiệu quả của Tạp chí. Vinh dự này thuộc về đội ngũ cộng tác viên của Tạp chí, những cây bút xuất sắc đóng góp ba phần tư số bài đăng trên Tạp chí. Vinh dự này thuộc về anh chị em Nhà máy in *Tạp chí Cộng sản* đã lao động quên mình để in Tạp chí, thuộc về anh chị em nhân viên phát hành đã vượt qua gian khổ để phát hành Tạp chí. Bộ biên tập chúng tôi có vinh dự và trách nhiệm bảo quản Huân chương cao quý này.

Thưa các đồng chí,

Trao phần thưởng cao quý này cho *Tạp chí Cộng sản*, Đảng và Nhà nước không chỉ đánh giá cao những cống hiến của *Tạp chí Cộng sản* đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, mà còn trao cho *Tạp chí Cộng sản* một trách nhiệm nặng nề là mãi mãi giương cao và bảo vệ ngọn cờ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Thay mặt Bộ biên tập, thay mặt các biên tập viên và cộng tác viên của *Tạp chí Cộng sản*, chúng tôi xin hứa với Đảng và Nhà nước quyết tâm làm tròn trách nhiệm nặng nề và vẻ vang đó. Chúng tôi nguyện ra sức học tập tư tưởng, đạo đức và tác phong của Bác, cùng nhau đoàn kết, làm tốt công tác nghiên cứu và biên tập, nâng cao chất lượng và hiệu quả của Tạp chí, làm cho *Tạp chí Cộng sản* xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh.

Xin cảm ơn các đồng chí.



Digitized by Google

# THƯ VÀ ĐIỆN CHÚC MỪNG

## Gửi Bộ biên tập TẠP CHÍ CỘNG SẢN

### Cơ quan lý luận và chính trị của BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam

Các đồng chí thân mến!

Bộ biên tập tạp chí *Người cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô nhiệt liệt chúc mừng Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam nhân dịp kỷ niệm thứ 30 ngày tạp chí ra số đầu. Chúng tôi đánh giá cao sự đóng góp của các đồng chí vào cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt nam vì tự do và độc lập dân tộc và vào sự nghiệp lao động hòa bình sáng tạo xây dựng cơ sở của xã hội xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Tiếng nói mang tính đảng của các đồng chí đã và đang phục vụ Đảng cộng sản Việt nam trong việc vạch ra những cơ sở lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt nam.

Nhân dịp này, Bộ biên tập tạp chí *Người cộng sản* chúc các đồng chí đạt được nhiều thành tích trong việc tuyên truyền lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cao cả, kiên quyết và nhất quán thực hiện đường lối tư tưởng của Đảng.

TẠP CHÍ NGƯỜI CỘNG SẢN
**Tổng biên tập**
**CÔ-XÔ-LA-PỐP**



Digitized by Google

*Hà nội, ngày 5 tháng 12 năm 1985*

**Kính gửi : Đồng chí HỒNG CHƯƠNG**
**Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản**

Đồng chí HỒNG CHƯƠNG kính mến,

Thay mặt toàn thể cán bộ Liên xô và Việt nam làm việc tại Cơ quan Đại diện Thông tấn xã Nô-vô-xti tại nước CHXHCNVN xin chân thành chúc mừng đồng chí, và thông qua đồng chí, tập thể cán bộ *Tạp chí Cộng sản* nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày xuất bản tạp chí và lễ đón nhận phần thưởng cao quý của Chính phủ Việt nam — Huân chương Hồ Chí Minh.

Xin chúc các đồng chí đạt nhiều thành tích trong công tác, sức khỏe và hạnh phúc.

Xin gửi tới các đồng chí lời chào trân trọng.

**Phó Giám đốc Cơ quan Đại diện TTX**
**Nô-vô-xti tại Việt nam**
**A. ZI-U-DIN**

★

**Kính gửi : Đồng chí HỒNG CHƯƠNG**
**Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản**

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm *Tạp chí Cộng sản* (1955—1985), tôi xin thay mặt tập thể báo Nhân Dân và nhân danh cá nhân, gửi tới đồng chí và tập thể *Tạp chí Cộng sản* những lời chúc mừng nhiệt liệt nhất.

Xin chúc *Tạp chí Cộng sản* đạt nhiều thành tựu to lớn hơn trong sự nghiệp vẻ vang của mình.

*Hà nội, ngày 3 tháng 12 năm 1985*

**Tổng biên tập**
**HỒNG HÀ**



Digitized by Google

**Gửi Bộ biên tập TẠP CHÍ CỘNG SẢN,**

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản TẠP CHÍ CỘNG SẢN, chúng tôi gửi tới các đồng chí lời chúc mừng nhiệt liệt ; chúc các đồng chí thu được những thành tích to lớn hơn nữa trong công tác.

BÍ THƯ TỈNH ỦY HẬU GIANG
LÊ PHƯỚC THỌ

★

**Gửi TẠP CHÍ CỘNG SẢN,**

Ban thường vụ Tỉnh ủy Nghệ tĩnh xin gửi đến các đồng chí lời chúc mừng nhiệt liệt nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản Tạp chí. Chúng tôi hết sức vui mừng trước sự phát triển nhanh chóng của Tạp chí. Là bạn đọc của Tạp chí chúng tôi xin gửi đến các đồng chí lời cảm ơn chân thành. Chúc các đồng chí đạt được nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong công tác.

BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY NGHỆ TĨNH

★

# Thư bạn đọc

« Nhân dịp *Tạp chí Cộng sản* được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, là một độc giả của *Tạp chí Học tập* (trước đây) và *Tạp chí Cộng sản* (ngày nay), tôi xin có lời chúc mừng Bộ biên tập Tạp chí, xin chúc các đồng chí luôn luôn mạnh khỏe và có nhiều bài báo sắc sảo hơn nữa ».

HOÀNG SỸ THỤC
*B2 — 46, Vĩnh hồ, Đống đa, Hà nội*



Digitized by Google

★

« ... Nhân dịp kỷ niệm thứ 30 ngày xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, là bạn đọc thường xuyên của Tạp chí, tôi xin trân trọng gửi tới Bộ biên tập lời kính chào cộng sản. Xin kính chúc Tạp chí ta đạt được những thành tích to lớn hơn nữa.

*Tạp chí Cộng sản* luôn luôn là người bạn thân thiết, người đồng chí gần gũi của chúng tôi. Tư tưởng của Đảng thể hiện trên nhiều bài viết của các tác giả, đặc biệt là của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đã hướng dẫn hành động của cán bộ, đảng viên chúng tôi và uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước...

Chúng tôi đề nghị Tạp chí đề cập nhiều hơn đến vai trò và nhiệm vụ của các tổ chức quần chúng. Bài đăng trên Tạp chí nên viết ngắn và súc tích hơn... »

Đại tá **PHẠM HỮU LỢI**
*Phó trưởng phòng vệ sinh phòng dịch,*
*Cục quân y, Bộ quốc phòng*

★

« Kính mừng Tạp chí được Huân chương
Ba mươi năm chiến đấu kiên cường
Lý luận Mác — Lê dày đóng góp
Con đường Cộng sản sáng như gương »

**LÊ CHÂN**
*34/5a Quang Trung, P12. quận Gò vấp*
*T.P. Hồ Chí Minh*

★

« ...Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày *Tạp chí Cộng sản* ra đời, tôi xin kính gửi các đồng chí lời chúc sức khỏe và lời cảm ơn chân thành. Tạp chí đã giúp cho tôi hiểu rõ cơ sở lý luận của đường lối, chính sách của Đảng. Nhờ đó một phần mà tôi đã từng bước trưởng thành trong công tác.



Digitized by Google

Đề nghị Tạp chí có nhiều hơn nữa những bài bàn về quốc phòng và an ninh, nhất là về công tác quân sự địa phương; về công tác thanh tra, kiểm tra và về xây dựng Đảng...»

PHẠM ĐÌNH VĂN

*Ban chỉ huy quân sự Hương sơn — Nghệ tĩnh*

★

«...*Tạp chí Cộng sản* là một trường đại học đối với tôi, giúp tôi không ngừng tiến bộ về mọi mặt.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, tôi xin kính chúc các đồng chí trong Bộ biên tập luôn mạnh khỏe, «sản phẩm» của các đồng chí ngày càng có chất lượng cao...»

PHẠM ÂN

*Nhà máy chế tạo đá mài Hải hưng*

★

«... Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, xin kính chúc các đồng chí sức khỏe và thành công..

Đề nghị Tạp chí thường xuyên có mục Sinh hoạt tư tưởng, vì những bài đăng trong mục này có tác dụng tốt đối với việc giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên ở cơ sở...»

NGỌC VĂN

*Hợp tác xã thêu Sông Trà, thị xã Thái bình*

★

«... Nhân dịp kỷ niệm 30 năm xuất bản *Tạp chí Cộng sản*, xin gửi tới các đồng chí lời chào mừng trân trọng.

Về nội dung, đề nghị Tạp chí có thêm nhiều bài về: kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước anh em; về phong trào công nhân và về những diễn biến của chủ nghĩa tư bản trên thế giới...

Về hình thức, nên in bìa Tạp chí bằng giấy dày và tốt hơn để dễ bảo quản vì Tạp chí số nào cũng có bài có tính chất «cẩm nang» mà chúng tôi cần giữ lại để sử dụng lâu dài...»

NGUYỄN VĂN AN

*3 — Lương sử C, Hà nội.*



Digitized by Google

# Nhân tố quyết định thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: Sự lãnh đạo của Đảng

**Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà nội, 1985, 330 tr.**

HÀ DŨNG

CÁCH đây hơn 10 năm, vào những năm 1973 – 1975, cả nước ta từ tiền tuyến đến hậu phương đã trải qua những tháng ngày cực kỳ sôi động, hào hùng.

Đó là những năm tháng có ý nghĩa vô cùng trọng đại trong lịch sử dân tộc. Những năm tháng mà Bộ thống soái của cách mạng và chiến tranh cách mạng nước ta đã đi tới một quyết tâm chiến lược đúng đắn, sáng suốt, táo bạo, kịp thời: kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Những năm tháng mà đồng bào, chiến sĩ cả nước ta từ Nam chí Bắc đã có những nỗ lực vượt bậc, những sáng tạo lớn lao trong chuẩn bị cũng như trong thực hành thắng lợi những trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của 20 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, của cả 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc.

Mười năm sau mùa xuân toàn thắng 1975, theo yêu cầu của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, đồng chí Đại tướng Hoàng Văn Thái đã viết cuốn Hồi ký nhan đề *Những năm tháng quyết định*, để ghi nhớ lại những sự kiện lịch sử chủ yếu trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, trực tiếp là Bộ chính trị, Quân ủy trung ương và cơ quan tham mưu chiến lược của Đảng, cũng như một phần hoạt động phong phú, sinh động trên các chiến trường, các lĩnh vực đấu tranh khác (...) trong những năm tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc.

Ở những cương vị phụ trách cao, tác giả có điều kiện trực tiếp chỉ đạo, tiếp cận và hiểu biết nhiều mặt những hoạt động chủ yếu của cơ quan Tổng hành dinh cũng như của chiến trường, ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương. Cuốn *Những năm tháng quyết định* vừa được phát hành đã được phần lớn những bạn đọc đầu tiên – chủ yếu là cán bộ cao cấp và trung cấp trong và ngoài quân đội – ghi nhận là một cuốn sách tốt, một cuốn hồi ký cách mạng và chiến tranh cách mạng phản ánh một cách khách



Digitized by Google

quan, trung thực, đúng đắn, có lượng thông tin nhiều và mới, đáp ứng những mong muốn hiểu biết của đông đảo cán bộ, chiến sĩ, nhân dân về những gì đã đưa tới thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong một thời kỳ lịch sử oanh liệt.

★

Hiệp định Pa ri được ký kết đã tạo nên một niềm phấn khởi rất lớn trong toàn dân và toàn quân ta từ Nam chí Bắc. Nhân dân ta tin tưởng có thể qua đấu tranh thực hiện Hiệp định Pa-ri để từng bước đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

Từ thực tế chiến trường, trước những hoạt động điên cuồng chống phá cách mạng của bọn ngụy tay sai Mỹ, tác giả cùng với tập thể các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy và cả nhiều cán bộ, chiến sĩ, nhân dân sớm đi tới một nhận định: «*Chiến trường chưa tm tiếng súng*» (1). Tác giả đã dành nhiều trang để nói về ý đồ của địch «một tay ký, một tay phá». «Hiệp định vừa công bố, chúng đã tung quân đi thực hiện kế hoạch «tràn ngập lãnh thổ» trên toàn miền Nam và chỉ hơn một tháng sau khi ký hiệp định, chúng đã chiếm lại gần như toàn bộ 391 ấp mà ta vừa giải phóng trước ngày ký kết. Còn trong cán bộ và nhân dân ta thì xuất hiện «hai khuynh hướng cực đoan, một là, coi như không có hiệp định, cứ «làm tới»; hai là, không dám cầm súng đánh lại địch khi chúng tiến công ta, tự trói buộc vào các điều khoản của hiệp định mà chính kẻ địch đã phá hoại ngay từ đầu».

Thực tế của chiến trường những tháng đầu năm 1973 đã chứng tỏ: «Quân đội ngụy được Mỹ khuyến khích và hỗ trợ đang thực hiện «ngừng chiến nhưng không ngừng bắn». Hiệp định đã được ký kết nhưng kẻ thù vẫn hằng ngày gây tội ác. Máu đồng bào, đồng chí vẫn tiếp tục đổ. Tiếng súng trên chiến trường miền Nam không những chưa im mà dang có chiều hướng ngày càng tăng lên rõ rệt». Bên cạnh niềm vui lớn sau Hiệp định Pa-ri là nỗi băn khoăn của nhiều người: Mỹ đã phải ký kết hiệp định, đã phải rút quân, nhưng chính quyền Thiệu vẫn còn đó, quân địch còn đông, trang bị còn nhiều, chúng đang trắng trợn lấn chiếm, bình định, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục hà hơi, tiếp sức cho chúng điên cuồng chống phá cách mạng miền Nam; trước tình hình đó, cách mạng miền Nam sẽ tiến lên như thế nào? bằng con đường nào? với phương châm, phương thức nào? Khu 9 tuy là một mô hình đấu tranh tốt trong hoàn cảnh mới, nhưng toàn miền, cả nước phải làm gì và làm như thế nào để đi tới thắng lợi cuối cùng?

Sau một tuần lễ thảo luận sôi nổi, sâu sắc về hàng loạt vấn đề vừa rất cơ bản, vừa rất cấp bách của cách mạng miền Nam, ngày 1 tháng 6 năm 1973, tập thể Bộ chính trị cùng các đồng chí trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy ở chiến trường đã đi tới nhất trí hoàn toàn về những vấn đề cốt yếu có tầm quan trọng quyết định. Bộ thống soái đã dự kiến rất đúng về «hai khả năng phát triển của tình hình miền Nam lúc đó — khả năng thứ nhất: do đấu tranh tích cực trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, pháp lý, ta buộc địch phải thi hành Hiệp định Pa-ri về Việt nam, hòa bình được lập lại thật sự; khả năng thứ hai: do âm mưu và bản chất cực kỳ phản động của Mỹ — ngụy, chúng vẫn cố tình vi phạm và phá hoại hiệp định, xung đột quân sự ngày càng tăng, quy mô chiến tranh ngày càng mở rộng, ta

(1) Những đoạn trong ngoặc kép không ghi chú thích là trích từ cuốn *Những năm tháng quyết định*.



Digitized by Google

phải tiếp tục chiến tranh cách mạng một thời gian nữa để đánh bại địch, giành thắng lợi hoàn toàn. Ta cố gắng tranh thủ thực hiện khả năng thứ nhất, đồng thời sẵn sàng đối phó với khả năng thứ hai. Hai khả năng này đều đang tồn tại, đang diễn biến và đang trong quá trình phát triển, ta phải chủ động, kiên quyết và linh hoạt » Bộ thống soái nhấn mạnh: « Dù khả năng nào, con đường của cách mạng miền Nam cũng chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng, bất kỳ tình huống nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên... ».

Nghị quyết Hội nghị thứ 21 của BCHTƯĐ ra đời đã trở thành một nghị quyết lịch sử. Nghị quyết 21 đã làm bừng lên trong chúng ta « niềm vui trước *hướng đi lên của cách mạng miền Nam* », « niềm tin vào tiền đồ của sự nghiệp cách mạng mà mỗi người đang cùng nhau ghé vai gánh vác ».

Vấn đề quan trọng, cấp bách, tập trung, bao quát nhất lúc này của ta là phải ra sức « *tạo thế mới, lực mới* ». Lực của ta lúc này đã mạnh — mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó — nhưng vẫn chưa đủ mạnh để giành thắng lợi cuối cùng. Thế của ta hồi đó đã vững — vững chưa từng có kể từ khi bắt đầu chiến tranh — nhưng vẫn chưa thật đủ để đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi có Nghị quyết 21, « guồng máy » chiến tranh cách mạng cả nước chuyển động — chuyển động mạnh mẽ chưa từng thấy — tạo nên những bước tiến mới với nhịp độ tăng gấp năm, mười lần trước đó. Trên tiền tuyến lớn cũng như ở hậu phương lớn đều có những hoạt động tích cực, khẩn trương về nhiều mặt. « Lần đầu tiên, chỉ trong một thời gian ngắn, từ tháng 10 năm 1973 — chúng ta đã tạo được một thế chiến lược mới đang ngày càng có lợi, một lực lượng mới đang trên đà phát triển ngày càng hùng hậu trước khi bước vào mùa khô 1974 — 1975. Thế mới, lực mới đã tạo được từ tiền tuyến đến hậu phương đã chứng minh Nghị quyết 21 của Trung ương là hoàn toàn chính xác ».

Gần như song song với quá trình tạo thế mới, lực mới trên phạm vi cả nước là quá trình hình thành dần dần « *kế hoạch chiến lược* » giải phóng miền Nam của Bộ thống soái. Phải tích cực tạo ra và nắm lấy « thời cơ chiến lược », bởi vì « vài năm tới là thời điểm khẩn thiết nhất và cũng là thời cơ thuận lợi nhất để giành thắng lợi quyết định... Cần có quyết tâm và kế hoạch đánh lớn, đánh nhanh để Mỹ — ngụy không kịp trở tay, những nước có mưu đồ xấu xa không kịp can thiệp ». Kế hoạch chiến lược hai năm 1975 — 1976 được gấp rút soạn thảo và hơn một tháng sau, ngày 26 tháng 8, bản dự thảo kế hoạch chiến lược ấy đã hoàn thành.

Hội nghị Bộ chính trị và Quân ủy trung ương họp từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 4 tháng 10 đã nghe báo cáo kế hoạch chiến lược hai năm 1975 — 1976 và, sau khi phân tích hết sức sâu sắc, toàn diện khả năng can thiệp của Mỹ, chỗ yếu, chỗ mạnh của ngụy, kết quả tạo thế mới, lực mới, chuẩn bị chiến lược của ta..., đã đi đến hạ quyết tâm chiến lược: « Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân ngụy, đánh chiếm Sài gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ ngụy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam... ».



Digitized by Google

Để có thể hạ được quyết tâm chiến lược này, «điều mấu chốt nhất phải cân nhắc là liệu Mỹ có trở lại miền Nam hay không? Chọn thời cơ chiến lược này, ta phán đoán Mỹ không có khả năng quay lại. Song ta cũng khẳng định dù Mỹ có can thiệp trở lại trong chừng mực nào thì chúng cũng không xoay chuyển được tình thế và ta vẫn thắng». Sau một thời gian tiếp tục chuẩn bị chiến lược theo phương hướng trên, quyết tâm chiến lược này đã được chính thức thông qua tại Hội nghị Bộ chính trị và Quân ủy trung ương họp vào cuối tháng 12-1974, có cả các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt của các chiến trường ở miền Nam tham dự.

«Kế hoạch chiến lược» hai năm giải phóng miền Nam đã được coi là một kế hoạch rất táo bạo; nhưng «thực tế đã chứng minh sức mạnh phi thường và tài năng sáng tạo vô tận của quần chúng cả ở tiền tuyến lớn và hậu phương lớn đã thúc đẩy tiến trình lịch sử phát triển nhanh hơn tất cả những dự kiến táo bạo nhất».

Tất cả những sự chuẩn bị tích cực của ta đã dồn tụ lại và đưa tới «*Cuộc đấu trí tháng Ba*», mà «ấn tượng sâu sắc nhất đối với tôi (tác giả) là những cuộc hội nghị của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương, những cuộc họp vạch đường cho quân và dân ta đi từ chiến thắng này đến chiến thắng khác ngay trong tháng ba và cũng là vạch đường cho dân tộc ta giành thắng lợi trọn vẹn, cuối tháng tư».

Trận tiến công Buôn mê thuột bắt đầu rạng sáng ngày 10 tháng 3 như một tiếng sét bất ngờ giáng xuống đầu bọn trùm sỏ Mỹ — ngụy. Ngày hôm sau, cuộc họp thứ nhất trong tháng ba lịch sử của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương đã phát hiện ngay khả năng mới: «Trước đây ta đề ra kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm. Vừa qua có Phước long, nay có Buôn mê thuột. Vậy ta có thể đẩy mạnh hơn nữa được không?»

Ngày 17 tháng 3, khi ta cơ bản đã đánh bại cuộc phản kích của địch ở quanh Buôn mê thuột và dấu hiệu chúng rút khỏi Plây-cu — Công tum đã khá rõ rệt thì ngay ngày hôm sau, 18 tháng 3, cuộc họp thứ hai trong tháng ba của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương đã quyết định bổ sung ngay kế hoạch chiến lược: «Hoàn thành kế hoạch hai năm giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975».

Đến ngày 24 tháng 3, chiến dịch Tây nguyên đã cơ bản kết thúc thắng lợi, trên chiến trường quan trọng này đã gần sạch bóng quân thù, tất cả các chiến trường đều đẩy mạnh hoạt động, đặc biệt là mặt trận Huế — Đà nẵng. Sáng 25 tháng 3, cuộc họp thứ ba trong tháng ba của Bộ chính trị sớm phát hiện: «Thời cơ chiến lược lớn đã tới, phải nhanh chóng thực hiện trận quyết chiến chiến lược thứ hai giải phóng Huế — Đà nẵng và tập trung mọi mặt cho phương hướng chủ yếu: tiến hành trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, giải phóng Sài gòn, trước mùa mưa».

Sau chiến thắng Trị thiên — Huế, — Đà nẵng, bọn cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền ở hầu hết các tỉnh ven biển miền Trung rục rịch bỏ chạy. Ngày 31 tháng 3, cuộc họp thứ tư trong tháng ba của Bộ chính trị từ một nhận định mới: «Cả về thế chiến lược và lực lượng quân sự, chính trị, ta đã có sức mạnh áp đảo quân địch», đã đi tới một quyết định mới: «Giải phóng Sài gòn, giải phóng miền Nam trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng tư, không thể để chậm».

«Tháng ba năm 1975, có thể nói là một tháng kỳ diệu trong lịch sử cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam, một tháng có những bước tiến



Digitized by Google

thần tốc một ngày bằng hai mươi năm, một tháng, với bốn cuộc họp liên tiếp của Bộ chính trị và Quân ủy trung ương, chỉ đạo chiến lược của Đảng ta phát triển lên một đỉnh cao mới», một tháng đã gây nhiều ấn tượng sâu sắc nhất trong những năm tháng quyết định.

Với phương hướng đúng đắn, sáng suốt đã được Bộ thống soái quyết định: «*Tất cả cho chiến trường trọng điểm*» sau cuộc họp ngày 31-3, cơ quan Tổng hành dinh bước vào những ngày đầu tháng tư lịch sử với một không khí sôi động và nhịp độ khẩn trương lạ thường. Tất cả các đơn vị, cơ quan, các ngành, các cấp với hàng triệu con người rầm rập ngày đêm liên tục chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Sáng 22 tháng 4, Bộ chính trị đã nhận định: «Thời cơ quân sự, chính trị để mở cuộc tổng tiến công vào Sài gòn đã chín muồi... phải tranh thủ từng ngày, từng giờ kịp thời phát động tiến công địch trên các hướng, không để chậm. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn... Các hướng phải hành động kịp thời và chú trọng kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng. Sự hiệp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiến công và nổi dậy sẽ thực hiện trong quá trình hành động...».

Ta đã tập trung lực lượng chủ lực và lực lượng hậu cần, kỹ thuật lớn mạnh chưa từng có trong lịch sử chiến tranh cách mạng Việt nam, hoàn toàn bảo đảm không chỉ cho kế hoạch chiến dịch giành thắng lợi trong tháng tư, mà còn chuẩn bị một phần cho trường hợp chiến dịch phải kéo dài sang tháng năm.

Với biết bao công lao chuẩn bị của toàn dân, toàn quân, của cả nước dưới sự chỉ đạo kỳ diệu của một Bộ thống soái theo một phương hướng duy nhất lúc đó «Tất cả cho chiến trường trọng điểm», đến sáng 26 tháng tư: «Các binh đoàn trên tất cả các hướng đều đã sẵn sàng bước vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của 20 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, của cả 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc với sức mạnh lớn nhất và khí thế hào hùng nhất». Nếu cả khoảng thời gian 1973 — 1975 là những năm tháng quyết định, thì thời điểm lịch sử từ ngày 26, nhất là từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 là những ngày giờ quyết định: «*Trận quyết chiến cuối cùng*» của 45 năm đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng để giành toàn thắng.

Rạng sáng ngày 29 tháng tư, các đơn vị chiến đấu ở tất cả các hướng, từ những vị trí xuất phát ở vùng phụ cận Sài gòn — Gia định, các binh đoàn cơ giới hóa binh chủng hợp thành — với sự hiệp đồng tuyệt đẹp của các phân đội đặc công biệt động đánh chiếm trước các cầu — đã nhanh chóng thọc sâu theo các trục đường, tiến nhanh qua các vùng ven, xông thẳng vào những mục tiêu chiến lược đã xác định trong nội thành Sài gòn, gần như song song với quần chúng nhiều vùng ven đô và nội đô cùng với lực lượng vũ trang địa phương kết hợp nổi dậy và tiến công, giành quyền làm chủ ở cơ sở.

10 giờ sáng ngày 29 tháng tư, Bộ chính trị và Quân ủy trung ương tiếp tục ra chỉ thị cho toàn Mặt trận: «Tiến công vào Sài gòn theo kế hoạch; tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng...».

11 giờ 30 ngày 30 tháng tư, nhiều cánh quân giải phóng Sài gòn đã hợp điểm ở «dinh Độc lập»: toàn bộ ngụy quyền trung ương phải đầu hàng không điều kiện. Quân và dân ta ở đồng bằng sông Cửu long chớp thời



Digitized by Google

cơ lớn, bằng sức mạnh tổng hợp của cả đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và binh vận, cả tiến công và nổi dậy, đã nhanh chóng tiến vào các thành phố, thị xã, buộc quân địch phải ra hàng, giải phóng toàn bộ miền Nam ngay trong ngày 30 tháng tư hoặc ngày 1 tháng năm. Trước đó và cùng lúc đó, quân địch trên các đảo cũng bị tiêu diệt hoặc phải đầu hàng.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng!

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã toàn thắng!

Rõ ràng, đây là một hiệu quả lớn chưa từng có của một hoạt động chiến lược trong lịch sử chiến tranh giải phóng dân tộc ở nước ta. Đây cũng là một sự kiện quân sự, chính trị hiếm thấy trong lịch sử các cuộc chiến tranh giải phóng của các dân tộc trên thế giới.

★

Cuốn hồi ký *Những năm tháng quyết định* của đồng chí Đại tướng Hoàng Văn Thái về cơ bản đã tái hiện được những sự kiện lịch sử chủ yếu trong chiến công vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, trước hết là hoạt động của Bộ thống soái của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt nam trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Mười năm đã trôi qua kể từ mùa Xuân toàn thắng 1975. « Sau 10 năm, nhìn lại càng thấy thắng lợi của quân và dân ta trong mùa Xuân 1975 như một viên ngọc quý, càng mài càng sáng ». Chương cuối của cuốn hồi ký là *« Những suy nghĩ sau 10 năm »*, những suy nghĩ lắng đọng nhất trong những năm tháng quyết định và cả cuộc chiến đấu anh hùng của dân tộc ta trong một thời kỳ lịch sử vĩ đại.

« Thắng lợi mùa Xuân 1975 là thiên anh hùng ca vĩ đại nhất trong lịch sử 4 000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, xét cả về bề rộng, chiều sâu, tầm cao và sức nặng. Âm vang của nó đã vượt qua mọi không gian và sẽ tồn tại mãi mãi với thời gian.

« Thắng lợi mùa Xuân 1975 là một bước phát triển nhảy vọt vĩ đại chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Nó kết thúc thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đầy hy sinh gian khổ đã kéo dài hàng trăm năm, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

« Thắng lợi của dân tộc ta trong mùa Xuân 1975 đã từng làm nức lòng hàng trăm triệu người trên trái đất... mà báo chí thế giới hồi đó từng mô tả: khi lá cờ cách mạng Việt nam tung bay trên « dinh Độc lập » ở Sài gòn, chính là lúc « cơn bão lửa » chiến tranh 20 năm trên hành tinh chúng ta vừa tắt, cũng chính là lúc một làn gió trong lành lan nhanh, lan xa khắp bốn biển, năm châu, đến với từng người, từng nhà ».

« Thắng lợi mùa Xuân 1975 là một thực tế hùng hồn phủ định « tính bất khả chiến thắng » của đế quốc Mỹ, chôn vùi cái huyền thoại về « sức mạnh vô địch của không lực Hoa kỳ », đồng thời cũng là lời kết luận cuối cùng cuộc tranh luận dai dẳng nhiều năm ở nhiều nước trên thế giới, chung quanh vấn đề « Ai sẽ thắng, ai sẽ thua ở Việt nam? ».

Suy nghĩ về thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt nam, tác giả đã nói lên những gì đã tạo nên sức mạnh thần kỳ cho dân tộc để lập nên chiến công hiển hách: đánh thắng tên đế quốc giàu mạnh, xảo quyệt và hung hãn nhất thời đại.



Digitized by Google

Tác giả đã suy nghĩ về « Vị trí lịch sử và vai trò quyết định của Đảng ta »; về « Ban chấp hành trung ương Đảng ta, Bộ tham mưu tối cao của dân tộc, nơi tập trung trí tuệ sáng suốt và khí phách kiên cường của toàn Đảng »; về « Bộ chính trị Trung ương Đảng ta... Bộ thống soái kiệt xuất trong chỉ đạo cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt nam »; về « Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà chiến lược thiên tài, nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng và chiến tranh cách mạng nước ta; về « nhân dân ta, dân tộc ta, những con người anh hùng đã làm lập nên những chiến công kỳ diệu; về « Vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang ta, của quân đội ta... về « các cơ quan trong Tổng hành dinh của Bộ thống soái tối cao, về Bộ tổng tham mưu », mà tác giả « từng gắn bó nhiều năm tháng trong cả quá trình trưởng thành, chiến đấu và chiến thắng của quân đội ta » và về « đội ngũ cán bộ của Đảng... vốn quý của cách mạng và chiến tranh cách mạng nước ta »...

Tác giả cũng nói lên những suy nghĩ về đất nước 10 năm qua kể từ sau ngày toàn thắng 1975. Nếu « thắng lợi vĩ đại của ta trong mùa Xuân 1975 đã làm cho dân tộc ta mạnh hẳn lên », thì « qua lao động và chiến đấu trong 10 năm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và làm nghĩa vụ quốc tế, dân tộc ta — vượt qua được những thử thách mới — càng mạnh hơn bất cứ thời nào từ trước đến nay ».

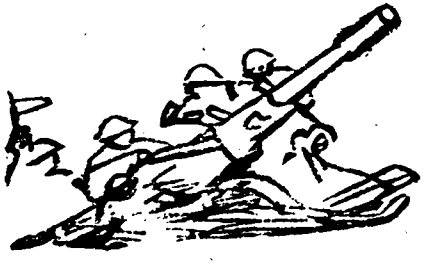



Digitized by Google

# Về việc nâng cao hiệu lực của chính quyền phường

HỮU ĐỨC

CHÍNH quyền phường, được tổ chức theo Hiến pháp 1980, sau bốn năm hoạt động, đã khẳng định vị trí của nó trong hệ thống tổ chức chính quyền nhân dân, trong đời sống xã hội đô thị. Nó đã đạt được những thành tích đáng kể. Song còn nhiều vấn đề phải giải quyết để thật sự nâng cao hiệu lực của chính quyền phường. Qua tìm hiểu tình hình ở một số phường thuộc các thành phố Hồ Chí Minh, Hải phòng, Hà nội, chúng tôi thấy nổi lên những vấn đề cơ bản sau đây

★

Cả nước ta hiện có 847 phường với 8 triệu dân sống trên khoảng diện tích 3 388km$^2$. Số dân chiếm tới 13% — 14%, số dân cả nước, nhưng diện tích đất đai chỉ chiếm 1% diện tích cả nước. Phường có số dân cao nhất là 25000 người, thấp nhất là 2000 người. Mỗi phường có từ 40 đến 70 tổ dân phố. Mỗi tổ dân phố có từ 70 đến 100 hộ, với số người từ 200 đến 300. Xét về những điều kiện kinh tế — xã hội, có thể thấy phường có các loại khác nhau: có phường hầu như không có cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, dân cư phần lớn là cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước như ở Kim liên, Trung tự, Giảng võ (Hà nội); có phường vừa có một ít cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, vừa có đất nông nghiệp hoặc chỉ có một trong hai loại đó; có phường có cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp tương đối lớn được tổ chức theo hình thức hợp tác xã hoặc tổ hợp sản xuất có khả năng xây dựng được kế hoạch và ngân sách.

Dân cư trong phường cũng đa dạng, bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau, nghề nghiệp, cách sống và mức sống không giống nhau, quan hệ xã hội, hàng xóm, thân thuộc khá phức tạp, không phải dễ dàng hiểu được. Sinh hoạt văn hóa tinh thần có nhiều mặt khác nhau, trong đó còn tồn tại cả những tệ nạn của xã hội cũ, những ảnh hưởng không tốt của nước ngoài đội vào. Bọn địch và những phần tử xấu móc nối với nhau, lợi dụng những sơ hở trong quản lý của phường để ẩn nấp và hoạt động phá hoại ta về nhiều mặt. Sống trong điều kiện của thành phố, nhân dân ở phường thường nhạy cảm với những diễn biến của tình hình xã hội, với những luồng thông tin mới. Song cuộc sống ở phường không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi của nó, mà còn liên quan, xen kẽ với các phường khác; là một bộ phận hữu cơ của quận, của thành phố phường không thể duy trì cuộc



Digitized by Google

sống bình thường được nếu không có sự quản lý của quận, của thành phố.

Rõ ràng phường có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì thế, nâng cao hiệu lực của chính quyền phường là một yêu cầu cấp thiết.

So với chức năng và nhiệm vụ được giao thì hiện có 20—25% tổ chức chính quyền phường hoàn thành tốt, 60 — 65% khá và trung bình, trên dưới 10% yếu kém.

Ở những nơi hoàn thành tốt, chính quyền phường thường tập trung giải quyết ba nhiệm vụ chính:

— Chăm lo đời sống của nhân dân, chủ yếu là giải quyết việc làm tại chỗ.

— Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

— Xây dựng cuộc sống lành mạnh về văn hóa tinh thần, góp phần bồi dưỡng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thật ra, hằng ngày chính quyền phường phải chịu trách nhiệm giải quyết tới 27 loại công việc lớn nhỏ. Song công việc lớn nhất và có ý nghĩa thiết thực nhất là chăm lo giải quyết việc làm cho nhân dân. Chúng ta biết rằng, số người đến tuổi lao động chưa có việc làm ở các thành phố hiện nay không nhỏ; bình quân hằng năm mỗi phường có trên 200 người đến tuổi lao động. Số người có thể thu hút vào cơ quan, xí nghiệp Nhà nước chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Số người ăn theo ở thành phố Hồ Chí Minh chiếm từ 60% đến 81%, còn ở thành phố Hà nội chiếm từ 21% đến 51%. Những người trong độ tuổi lao động do phường quản lý có kỹ thuật chiếm tỷ lệ thấp (5% — 10%). Ở thành phố Hồ Chí Minh có phường có trên 2000 lao động nhưng chỉ 237 người có kỹ thuật. Trong tình hình đó, một số phường đã giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân bằng các hình thức: khôi phục và phát triển tiểu, thủ công nghiệp, làm dịch vụ và phát triển kinh tế gia đình.

Yêu cầu quan trọng nhất để khôi phục và phát triển tiểu, thủ công nghiệp là làm thế nào có vốn và mặt bằng sản xuất. Ủy ban nhân dân phường ở một số nơi đã tiến hành các biện pháp: điều tra cơ bản, mở hội nghị chuyên đề, trình bày các phương án cụ thể phát triển tiểu, thủ công nghiệp để nhân dân góp ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến của những người cao tuổi, sống nhiều năm ở phường. Ủy ban nhân dân phường còn mời những cán bộ quản lý kinh tế như giám đốc, chuyên viên kinh tế ở các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn phường tham gia ý kiến, giới thiệu nguồn nguyên liệu, phế liệu nơi có thể hợp đồng gia công sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm. Có phường đã cử người thay mặt Ủy ban nhân dân đi ký kết hợp đồng, thực hiện liên kết kinh tế trên cơ sở pháp lý, tạo nên sự tin tưởng và yên tâm cho các cơ sở sản xuất và nhân dân. Nhờ vậy, nhân dân tự nguyện đóng góp vốn, cho tập thể thuê hoặc mượn mặt bằng để phát triển sản xuất. Nhiều hộ cá thể mạnh dạn bỏ vốn ra trang bị máy móc, làm « vệ tinh » cho các tổ chức sản xuất tập thể của phường. Khi cần thiết, Ủy ban nhân dân phường đứng ra giúp các tổ chức sản xuất tập thể vay tiền mặt trong nhân dân với lãi suất 4% — 5% một tháng trong thời gian 3 — 6 tháng để mở rộng sản xuất và như thế cũng buộc cơ sở sản xuất phải hạch toán cụ thể, bảo đảm hiệu quả sản xuất và kết hợp đúng đắn lợi ích.

Để giải quyết khó khăn về nguyên liệu, phường 24, quận Tân bình (thành phố Hồ Chí Minh) thành lập tổ đi thu mua ở các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp trong thành phố



Digitized by Google

và cả ở các tỉnh khác. Phường 24 còn xây dựng phương án sản xuất phụ để khi mất điện lâu hoặc khan hiếm nguyên liệu chính, người lao động vẫn có việc làm. Đặc biệt phường 24 biết sử dụng số cán bộ khoa học kỹ thuật sống ở phường thành lập một tổ khoa học, kỹ thuật gồm 48 người (có 3 trên đại học, 27 kỹ sư, còn lại là công nhân kỹ thuật bậc cao) làm hợp đồng ngoài giờ Nhà nước. Tổ khoa học này có nhiệm vụ chính là nghiên cứu sử dụng nguyên liệu trong nước phục vụ việc khôi phục và phát triển sản xuất của phường. Tổ đã chế tạo được hóa chất thuộc da từ vỏ cây được (hóa chất thuộc da trước đây phải nhập khẩu), nấu thành công thủy tinh từ cát trắng Cam ranh, sản xuất được vỏ chụp bóng đèn cao áp (mặt hàng này đã được xuất khẩu sang nước bạn). Hoạt động của tổ đã góp phần quan trọng đưa giá trị tổng sản lượng tiểu, thủ công nghiệp của phường trong năm 1985 lên tới 220 triệu đồng (tiền cũ), trong đó những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tại chỗ đã làm lợi cho phường 7 triệu đồng. Thu nhập về phần làm thêm của mỗi người trong tổ khoa học là từ 150 – 200 đồng tháng. Hằng năm phường 24, quận Tân bình còn mở hội nghị khách hàng để ký hợp đồng gia công sản xuất, thu mua nguyên liệu; cùng khách hàng rút kinh nghiệm về chất lượng sản phẩm, hình thức mặt hàng. Do năng động trong việc tổ chức phát triển sản xuất, phường 24, quận Tân bình đã giải quyết được việc làm cho gần 2000 lao động tại chỗ.

Nhiều phường ở quận Lê Chân (Hải phòng) đã xây dựng mô hình sử dụng sức lao động ở phường: trung tâm dạy nghề của quận – phường – (xí nghiệp Nhà nước + hợp tác xã, tổ sản xuất tiểu, thủ công nghiệp + gia công sản xuất ở gia đình). Phương pháp dạy nghề ở đây là mời các nghệ nhân, thợ bậc cao đến trung tâm dạy nghề hoặc xuống tận cơ sở để truyền nghề cho người học việc trong thời gian 2 – 6 tháng. Tính đến tháng 10-1984, đã có 778 người ở các lứa tuổi (kể cả người đi cải tạo trở về) được tổ chức học các nghề mộc, nề, rèn, đan lát mây tre và thêu ren xuất khẩu. Sau khi học thành nghề, những người học khá có tay nghề tương đương thợ bậc 2 được Ủy ban nhân dân phường giới thiệu vào làm việc ở xí nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn phường nếu có chỉ tiêu lao động, hoặc bố trí làm ở các hợp tác xã, tổ sản xuất tiểu, thủ công nghiệp của phường. Phần lớn số còn lại về gia đình nhận làm hàng gia công xuất khẩu, mỗi tháng thu nhập được từ 50 đến 90 đồng (tiền mới), bước đầu tạo được cuộc sống ổn định.

Mạng lưới thương nghiệp của phường đã góp phần đấu tranh với thị trường không có tổ chức. Tổ phụ nữ của phường được giao quản lý việc bán đúng giá niêm yết ở các chợ. Một số điểm bán hàng của hợp tác xã mua bán phường đã bán với giá thấp hơn giá thị trường tự do từ 15 đến 20%, có mặt hàng đến 30%. Ngày lễ, ngày tết có phường còn bán bù lỗ cho các hộ thuộc diện chính sách ưu tiên. Ở thành phố Hồ Chí Minh, tính đến tháng 7-1985 đã có 4479 điểm bán hàng của phường, bình quân mỗi điểm phục vụ 131 hộ. Song việc cải tạo tư thương trên địa bàn phường vẫn là một vấn đề tồn tại lớn, chưa có biện pháp tích cực, thích hợp. Tư thương hoạt động dưới nhiều hình thức, gây lộn xộn về giá cả và khó khăn cho đời sống nhân dân. Ở những phường đã tiến hành cải tạo, cũng còn những sơ hở để họ lợi dụng. Một số phường ở thành phố Hà nội đã tổ chức hợp tác xã mua bán liên doanh với các hộ tư thương để sử dụng tay nghề và tiền vốn của họ, nhưng do quản lý không chặt, cho nên có tình trạng tư thương nộp ít lãi cho hợp tác xã và lợi dụng kinh doanh một số mặt hàng khác, gây khó khăn cho



Digitized by Google

việc thu thuế và quản lý thị trường, thậm chí có một số hợp tác xã mua bán đã tìm cách móc hàng của Nhà nước ra bán cho tư thương để chia lời. Trong các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, số hộ sản xuất cá thể chiếm tỷ lệ khá lớn. Ở thành phố Hải phòng, trong 11 000 cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp có 10 000 hộ sản xuất cá thể. Ở thành phố Hồ Chí Minh trong 22 000 cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp có trên 19 000 hộ sản xuất cá thể, các hộ này chiếm 43% giá trị sản lượng tiểu, thủ công nghiệp của thành phố.

Chính quyền phường 24, quận Tân bình (thành phố Hồ Chí Minh) đã có biện pháp tốt cải tạo tư thương. Lực lượng công an, thuế vụ, tổ trưởng dân phố và nhóm kiểm tra chất lượng sản phẩm của tổ khoa học kỹ thuật kết hợp với nhau để kiểm kê, kiểm sát hoạt động của các đối tượng sản xuất kinh doanh. Chính quyền phường đã căn cứ vào kế hoạch hợp đồng sản xuất, điện năng tiêu thụ thực tế, doanh số mua vào bán ra để định thuế suất hợp lý và giảm thuế cho những hộ tư nhân vào tổ chức sản xuất tập thể. Đối với các tổ chức sản xuất tập thể trá hình và các hộ sản xuất cá thể làm hàng trái phép thì bắt phải giải tán hoặc buộc phải chuyển hướng sản xuất.

Những phường giải quyết tốt việc làm, chăm lo đời sống nhân dân đã thật sự tạo được cơ sở thuận lợi bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Nhiều phường đã dựa vào các tổ trưởng, tổ phó dân phố, tổ an ninh, tổ thanh tra nhân dân kết hợp với công an khu vực, phường đội để nắm chắc tình hình an ninh, trật tự, biến động nhân khẩu, hộ khẩu và tiến hành phân loại đối tượng. Đi đôi với việc tuyên truyền giáo dục nhân dân trong phường có ý thức cảnh giác, bảo vệ trật tự, an ninh, một số nơi rất chú trọng tìm ra những hình thức tổ chức thích hợp để thu hút các tầng lớp nhân dân vào phong trào quần chúng bảo vệ an ninh. Có phường đã giao cho lực lượng thanh niên cờ đỏ tự quản đoạn đường và ngõ hẻm đã xảy ra trộm cắp, cướp giật. Có phường tổ chức lực lượng an ninh liên hoàn theo dõi, giám sát những khu vực giáp ranh giữa các phường, nơi bọn gian thương, trộm cắp gây rối trật tự hay trú ngụ, ẩn nấp. Có phường dùng kẻng báo động khi có kẻ cắp, hỏa hoạn để huy động lực lượng dân phòng ở các khối phố đến ứng phó kịp thời. Có phường còn có kế hoạch cụ thể phối hợp với các cơ quan xí nghiệp đóng ở địa bàn phường để giữ vững trật tự an ninh bên trong cơ quan, xí nghiệp và bên ngoài xã hội, ngăn chặn tệ ăn cắp của công, tuồn hàng của Nhà nước ra ngoài. Do đó đã phát hiện kịp thời nhiều vụ việc mà bọn xấu không thể ngờ được. Một số phường đã chủ động tìm kiếm việc làm cho gia đình cán bộ, chiến sĩ, công an, phường đội để giảm bớt khó khăn và ngăn ngừa ảnh hưởng tiêu cực trong lực lượng an ninh, đồng thời quan tâm xây dựng, kiểm tra lực lượng an ninh. Tuy nhiên ở không ít phường, tình trạng Ủy ban nhân dân chưa coi trọng việc bảo đảm trật tự, an ninh, các lực lượng an ninh ở phường không nắm chắc và kịp thời tình hình biến động của các đối tượng, nặng về quản lý hành chính, xử phạt, giải quyết hậu quả các vụ việc xảy ra; đặc biệt là chưa đi sâu đi sát nhân dân, dựa vào dân và tạo điều kiện để dân thật sự làm chủ trên mặt trận an ninh.

Việc tổ chức đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa đã có những tiến bộ đáng kể. Một số phường đã tự lo được việc sửa chữa nhỏ trường học, cống rãnh, đèn đường, hẻm đường, cải tạo vùng sình lầy, bãi rác thành nơi vui chơi cho các cháu, mở lớp bồ túc văn hóa cho



Digitized by Google

những người không có điều kiện đi học ở trường lớp chính quy; tổ chức hội trợ họ cho các cụ già, lập hồ sơ khám bệnh định kỳ và tổ chức trồng thuốc nam chữa bệnh cho nhân dân. Có phường hơn 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa mới. Chính quyền phường 3, quận 1 (thành phố Hồ Chí Minh) tổ chức sinh hoạt đều kỳ 7 loại câu lạc bộ: văn nghệ, diễn giảng, người yêu sách, năng khiếu, thể dục thể thao, gia đình văn hóa mới, nuôi trồng hoa và cá cảnh. Hình thức sinh hoạt này đã có tác dụng giáo dục đối với các tầng lớp, nhất là thanh niên, thu hút 1500 hộ trở thành hội viên của câu lạc bộ «gia đình văn hóa mới», tự nguyện đóng góp sinh hoạt phí. Nhiều đám cưới đã được tổ chức tại nhà văn hóa của phường, không tốn kém mà lại vui vẻ, lịch sự. Thanh niên trong phường không còn lo vay mượn như trước đây để tổ chức cưới. Chính quyền phường còn thông qua hoạt động văn nghệ của câu lạc bộ để động viên các gia đình trong phường đi xây dựng vùng kinh tế mới. Tình thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân ở phường được tăng cường. Nhiều gia đình có khó khăn về đời sống được bà con góp tiền, công lao động giúp đỡ. Nhân dân các phường ở thành phố Hồ Chí Minh mấy năm qua đã quyên góp xây cất được 420 ngôi nhà tình nghĩa tặng các gia đình thuộc diện chính sách phải giúp đỡ.

Tuy vậy, trong lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần, trên địa bàn phường còn không ít vấn đề phải tiếp tục giải quyết. Đáng chú ý là việc xây dựng nếp sống mới về các mặt trật tự vệ sinh, bảo vệ của công, tiết kiệm, kế hoạch hóa gia đình, đồng thời xóa bỏ nếp sống cũ, cùng những tàn dư của nó chưa được chính quyền phường quan tâm đúng mức, cho nên còn nhiều hiện tượng tiêu cực. Tính sơ bộ, nếu mỗi người dân thành phố, thị xã có ý thức sử dụng tiết kiệm điện, nước, vứt rác đúng chỗ quy định thì có thể làm lợi cho Nhà nước hàng trăm triệu đồng và hàng vạn ngày công lao động mỗi năm. Hoặc nếu các cơ quan có trách nhiệm ở phường đi sâu sát từng gia đình và có biện pháp tích cực thì có thể giảm đáng kể tỷ lệ sinh đẻ của nhân dân, hạn chế và ngăn ngừa có kết quả các hiện tượng tiêu cực đang len lỏi vào đời sống các gia đình.

★

Nhìn lại những việc làm của chính quyền phường 4 năm qua, chúng tôi thấy những nguyên nhân làm cho chính quyền phường phát huy được vai trò và hiệu lực của mình là:

— Đội ngũ cán bộ phường đoàn kết nhất trí, vừa có nhiệt tình vừa có năng lực, đặc biệt là luôn luôn năng động, sáng tạo, không chịu bó tay trước khó khăn, không ỷ lại cấp trên, biết học hỏi, rút kinh nghiệm trong công tác, biết dựa vào dân và tạo ra thế mạnh của phường mình, tìm tòi các hình thức, bước đi thích hợp tổ chức cuộc sống của nhân dân trong phường.

— Chính quyền thật sự quan tâm đến đời sống của nhân dân, dựa vào dân và phát huy quyền làm chủ tập thể của dân về các mặt, giải quyết có kết quả những vấn đề liên quan đến đời sống của dân, trước hết là công việc làm, vấn đề ăn ở, đi lại.

— Dưới sự lãnh đạo cụ thể, sâu sát của tổ chức Đảng, chính quyền phường phát huy sức mạnh của các tổ chức quần chúng trong phường để cùng nhau giải quyết những công việc lớn nhỏ của phường.

Phường được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của quận, thành phố, nhất là đối với những công việc vượt quá khả năng giải quyết của phường.



Digitized by Google

Để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, thiếu sót, nâng cao hơn nữa hiệu lực của chính quyền phường hiện nay, chúng tôi nghĩ nên tiến hành những việc sau đây:

1. Sớm phân cấp cho phường về quyền hạn và trách nhiệm sao cho phù hợp với thực tế cuộc sống; trong đó có vấn đề nội dung và giới hạn quản lý kinh tế của phường để vừa phát huy được tính chủ động sáng tạo của phường vừa bảo đảm sự quản lý thống nhất của quận, thành phố. Trên cơ sở đó, phường xây dựng kế hoạch kinh tế — xã hội của mình bao gồm: kế hoạch phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, phát triển kinh tế gia đình, phát triển dịch vụ, cải tạo tiểu thương và quản lý thị trường; kế hoạch phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; kế hoạch thu chi ngân sách của phường.

Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hải phòng cho thấy, nhờ có nghị quyết về phân cấp quản lý kinh tế một cách cụ thể cho phường mà chính quyền phường đã đi vào sản xuất, kinh doanh, có điều kiện bảo đảm đời sống của nhân dân. Đồng thời các ngành dọc của thành phố cũng xác định trách nhiệm cụ thể của ngành mình trong việc giúp cho phường thực hiện kế hoạch kinh tế — xã hội.

2. Với vị trí, nhiệm vụ của cấp phường hiện nay, nên sắp xếp sao cho cán bộ phường có chất lượng cao hơn; nếu cứ như hiện nay thì nhiều nơi không đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ. Cán bộ cấp phường nên phần lớn là trẻ, khỏe, có trình độ văn hóa, được bồi dưỡng kiến thức quản lý, đặc biệt là có tính chủ động sáng tạo, hoạt động năng nổ.

3. Củng cố các tổ dân phố, có nội dung sinh hoạt thiết thực, quan trọng nhất là xây dựng một mạng lưới tổ trưởng, tổ phó dân phố hoạt động thật sự, nắm được tình hình nhân dân trong tổ, làm chiếc cầu nối chặt chẽ giữa chính quyền phường với nhân dân. Nếu không có mạng lưới tổ trưởng, tổ phó dân phố hoạt động tốt thì chính quyền phường khó mà nắm chắc được dân, giải quyết kịp thời những việc xảy ra đột xuất ở phường, hiểu được tâm tư nguyện vọng của dân. Đội ngũ cán bộ tổ trưởng, tổ phó này cần được phường quan tâm giúp đỡ, bồi dưỡng, có sự khuyến khích nhất định.

4. Có những hình thức, biện pháp thích hợp để phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân phường không chỉ trong các kỳ họp, mà cả trong thời gian không họp. Các ban, các ủy viên của Hội đồng nhân dân cần có những hoạt động thiết thực nhằm thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân và giám sát việc thi hành các nghị quyết ấy của Ủy ban nhân dân.

5. Từng bước xây dựng các quy chế cụ thể về làm chủ ở phường và về mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và nhân dân ở phường, nhằm thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân trong phường. Đồng thời cần chú ý làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng bằng những hình thức sinh động nhằm nâng cao ý thức và năng lực làm chủ của nhân dân.

6. Đã đến lúc cần có sự tổng kết rút kinh nghiệm về hoạt động của chính quyền cấp phường trong mấy năm qua để bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của nó, đáp ứng những yêu cầu mới hiện nay. Trước mắt, các cấp trên của chính quyền phường cần quan tâm đúng mức đến hoạt động của nó.



Digitized by Google

# ĐẶC QUYỀN ĐẶC LỢI

TRONG xã hội mới, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là người chủ xã hội, Đảng và Nhà nước giao cho từng cán bộ, đảng viên những nhiệm vụ cụ thể tùy theo khả năng, sở trường của mỗi người. Nhiệm vụ thường được kèm theo quyền hạn nhằm bảo đảm cho người cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Vì thế, mỗi cán bộ, đảng viên dù nhận một nhiệm vụ lớn hay nhỏ, ở trung ương hay ở cơ sở, ở thành phố hay ở nông thôn... đều có quyền hạn nhất định trong phạm vi công tác của mình. Mỗi chức vụ, quyền hạn mà người cán bộ được giao hôm nay là kết quả của quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Quyền của mỗi cán bộ, đảng viên là do Đảng, nhân dân giao phó. Người cán bộ chỉ được sử dụng quyền đó vào mục đích duy nhất là vì lợi ích của Đảng, của nhân dân.

Nhưng hiện nay, trong cán bộ, đảng viên chúng ta còn có một số người lạm dụng quyền hạn được giao để mưu lợi ích cá nhân, thực hiện những mưu toan, dục vọng trái với đạo đức, phẩm chất của người cán bộ cách mạng, đi ngược lại lợi ích của Đảng và Nhà nước. Không ít người đã dựa vào chức vụ, quyền hạn, tự đặt cho mình những chế độ đãi ngộ riêng, vượt xa những tiêu chuẩn do Đảng và Nhà nước quy định. Đó là những tư tưởng, hành động đặc quyền đặc lợi. Đảng ta đã nhiều lần phê phán một số cán bộ, đảng viên "do những động cơ không trong sáng xuất phát từ chủ nghĩa cá nhân cùng những tư tưởng không vô sản khác như gia trưởng, phong kiến, đặc quyền đặc lợi (...) đã gây nên tình trạng *thiếu đoàn kết, kém hợp tác*, thậm chí bè cánh trong một số cán bộ ở không ít địa phương, cơ quan, đơn vị." (1).

Khi nói đến hai từ đặc quyền đặc lợi, chúng ta đã hình dung thấy một cái gì đó không bình thường, vượt ra ngoài khuôn khổ cái chung, vượt quá cái quyền và cái lợi đã được quy định. Đặc quyền thường đi đôi với đặc lợi. Đặc lợi là mục đích. Đặc quyền là phương tiện để thực hiện mục đích.

Tư tưởng đặc quyền đặc lợi thường hay có ở một số người lãnh đạo nắm trong tay chức vụ, quyền hành quan trọng. Ở đây, đặc quyền đặc lợi thường được biểu hiện dưới những

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật Hà nội, 1982, tập III, tr. 26.



Digitized by Google

hình thức tinh vi, phức tạp, được ngụy trang bằng các "tiêu chuẩn", "chế độ", "phương tiện làm việc", v.v. Đúng là mỗi cán bộ, đảng viên khi được Đảng, Nhà nước giao cho một chức vụ thường có những quyền hạn nhất định, phù hợp với chức vụ để bảo đảm hoàn thành công việc và được hưởng những tiêu chuẩn, quyền lợi như nhà cửa, tiền lương, phương tiện công tác... tương xứng với nhiệm vụ được giao. Song những quyền lợi đó phải theo những quy định chung, thống nhất của Đảng và của Nhà nước, không được tự ý định ra cho mình những quyền đặc biệt và lợi đặc biệt trái với quy định của Đảng và Nhà nước. Thế mà thực tế hiện nay, ở nơi này, nơi nọ đã có những vi phạm đáng trách. Có cán bộ lãnh đạo bình thường ở cấp tỉnh mà cũng chiếm hẳn một biệt thự riêng với đầy đủ tiện nghi; có cán bộ lãnh đạo ở cơ quan quản lý và phân phối điện, lúc cả phố, cả khu tập thể chỉ leo lét đèn dầu thì nhà mình vẫn sáng choang, điện dùng "xả láng" cả ngày lẫn đêm; có những giám đốc, phó giám đốc nhà máy, xí nghiệp, công trường, nông trường... trong lúc còn đương chức đã cho "quân" xây dựng những dinh cơ, biệt thự có cả vườn cây, ao cá chuẩn bị cho "tuổi già" sau này v.v. Một số cán bộ lãnh đạo ở cấp này, cấp khác nắm trong tay nhiều hàng hóa, vật tư của Nhà nước, đã "phân phối" những thứ đó qua thư tay, giấy giới thiệu cho "người nhà" "người thân" để được "của người phúc ta" (!) (chỉ có Nhà nước là thiệt đơn thiệt kép).

Tư tưởng đặc quyền đặc lợi không chỉ có ở một số người có chức to, quyền lớn mà ở cả những cán bộ nhân viên bình thường. Chẳng hạn, một số nhân viên ngành thương nghiệp quốc doanh có thái độ hách dịch, ban ơn cân đong thì đối trá, ăn bớt một cách trắng trợn. Nếu bạn tỏ thái độ khó chịu hoặc góp ý, phê bình, thì hãy coi chừng! Đến lượt bạn mua, họ sẽ gây khó dễ. Họ sẽ "dành" cho bạn miếng thịt bèo nhèo, bèo nhèo, bìa đậu nát hay bao gạo xấu.. trong lúc đó họ dành cho họ và những người thân quen của họ những thứ ngon nhất, tốt nhất, và những điều kiện thuận lợi nhất. Vẫn chưa hết, nếu bạn là khách hàng thường xuyên phải mua lương thực, thực phẩm ở cửa hàng đó thì chưa biết những gì sẽ xảy ra với bạn.

Những người có tư tưởng đặc quyền đặc lợi thường "ăn cánh" với nhau để đục khoét xã hội. Chỉ cần anh là cấp lãnh đạo một ngành, một địa phương, anh sẽ có đủ vây cánh và muốn gì sẽ có nấy. Đó là chưa nói đến kiểu đặc quyền đặc lợi của một số cán bộ lãnh đạo được kết hợp với tư tưởng cục bộ, địa phương gây tác hại lớn cho sự nghiệp cách mạng.

Điều đáng làm chúng ta lo ngại là hiện nay tư tưởng đặc quyền đặc lợi được biểu hiện khá phổ biến trong một số tập thể cơ quan, xí nghiệp, địa phương. Nó mang tính chất "tập thể" phường hội, thâm nhập khá sâu vào đầu óc một số tầng lớp xã hội, trong đó có thanh niên. Từ tư tưởng đặc quyền đặc lợi đã nảy sinh tâm lý "làm nghề gì ăn nghề ấy". Tâm lý đó chi phối nhiều người trong việc chọn ngành, chọn nghề, thuyên chuyển công tác... cốt sao có lợi cho bản thân mình, bất chấp có phù hợp với năng lực, sở trường của mình, có lợi cho công việc chung hay không. Người ta cố tìm cách "kiếm ăn" trong nghề nghiệp của mình; dưới hình thức "kế hoạch ba", "phân phối nội bộ", "cải thiện đời sống" v.v. Ngay một số ngành như văn hóa, giáo dục, y tế cũng có nhiều biểu hiện đặc quyền đặc lợi dưới nhiều hình thức, kiểu cách khác nhau, gây nhiều lộn xộn trong những lĩnh vực này.



Digitized by Google

Hiện nay, chúng ta đang từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu—bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đã lấp được nhiều kẽ hở, chặn được nhiều con đường làm ăn bất chính của một số cán bộ, nhân viên có tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, đặc quyền đặc lợi. Nhưng những người này chưa chịu bó tay. Họ đang tìm những phương thức hoạt động mới, thích nghi với điều kiện mới để mưu lợi cho cá nhân mình.

Đặc quyền đặc lợi là một căn bệnh rất nguy hại. Nó thường là nguyên nhân của tình trạng chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết trong nội bộ các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể. Nó còn làm cho lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước bị giảm sút nhanh chóng, bởi vì, như Hồ Chủ tịch vẫn thường nhắc nhở: nhân dân ta không sợ thiếu, mà chỉ sợ phân phối không công bằng.

Suy cho cùng, tất cả những biểu hiện của tư tưởng đặc quyền đặc lợi đều có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân. Do đó việc đấu tranh chống những biểu hiện đó không thể tách rời việc rèn luyện, giáo dục cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân». Mỗi người phải thấm nhuần tư tưởng: người cán bộ phải là người đầy tớ thật trung thành, tận tụy của nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ; phải lo trước dân, hưởng thụ sau dân. Người cán bộ không được lạm quyền, hám lợi, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của nhân dân. Muốn được như vậy, người cán bộ phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng. Mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị thường xuyên kiểm tra, đấu tranh phê bình và tự phê bình trên cơ sở những chính sách, chế độ, quy chế hiện hành và các chức vụ, quyền hạn của cán bộ; kịp thời sửa đổi quy chế, cải tiến tổ chức cho phù hợp với nhiệm vụ mới. Một điều rất quan trọng là phải thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng để ngăn chặn tệ đặc quyền đặc lợi, và phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ có những biểu hiện của tệ đó.

Đấu tranh có hiệu quả chống những biểu hiện đặc quyền đặc lợi sẽ góp phần rất quan trọng vào việc củng cố và tăng cường lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo và quản lý kinh tế — xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

ĐẶC CÔNG



Digitized by Google

# Về cuộc đối thoại cấp cao Xô—Mỹ

THÀNH TÍN

CUỘC gặp cấp cao Xô—Mỹ tại Giơ-ne-vơ tháng 11-1985 vừa qua là sự kiện chính trị quan trọng thu hút sự chú ý của tất cả các giới, các tầng lớp xã hội, bao gồm những người dân bình thường ở tất cả các nước thuộc các lục địa khác nhau trên quả đất. Từ đó đến nay, các nhà bình luận thời sự quốc tế, các nhà hoạt động chính trị không ngừng bàn luận về sự kiện này. Bộ máy tuyên truyền ở các nước đế quốc cố tình đưa ra những luận điệu kiểu chiến tranh tâm lý để xuyên tạc tình hình, đưa ra những nhận định sai lạc nhằm tô vẽ cho cái gọi là thiện chí to lớn của Oa-sinh-tơn và hạ thấp đường lối hòa bình và thái độ xây dựng của Liên xô.

***Sự kiện quốc tế nổi bật nhất năm 1985.***

Cuộc gặp cấp cao Xô — Mỹ ở Giơ-ne-vơ đúng là sự kiện quốc tế nổi bật nhất của năm 1985. Thành phố Giơ-ne-vơ trong 3 ngày 19, 20 và 21 tháng 11 năm 1985 sống những giờ phút sôi động đặc biệt. Bộ máy truyền thông được huy động đến mức cao nhất trong lịch sử truyền thông quốc tế. Từ ngày 15 đến ngày 25-11-1985 đã có 500 buổi truyền tin từ Giơ-ne-vơ đi khắp các nơi trên quả đất; 700 đường dây điện thoại quốc tế mới được đặt. Trung tâm báo chí Giơ-ne-vơ mở 52 phòng liên lạc truyền tin với 3 500 máy điện thoại tự động và một mạng lưới 2 500 km đường dây nối liền các trung tâm truyền tin và các nơi diễn ra các cuộc họp chính thức, các cuộc gặp mặt và những cuộc chiêu đãi của đoàn đại biểu Liên xô và Mỹ. Số phóng viên, bình luận viên báo chí, nhiếp ảnh, quay phim, truyền thanh và truyền hình bám sát sự kiện này lên đến hơn 5 000 người, thuộc các quốc tịch khác nhau.

Cuộc gặp cấp cao Xô — Mỹ là sự kiện quốc tế được truyền tin và truyền hình nhanh nhất, rộng nhất trong năm 1985 là điều dễ hiểu. Đó là vì Liên xô là thành trì của cách mạng và hòa bình thế giới, tiêu biểu cho tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ của loài người, và Mỹ là đinh lũy của chủ nghĩa đế quốc, nơi tập hợp tất cả các lực lượng gây chiến và phản động trên thế giới. Liên xô mang tiếng nói chính nghĩa của thế giới mới đang lên và Mỹ là người phát ngôn cho thế giới cũ đang ở vào thời kỳ khủng hoảng và suy tàn.

Đó còn là vì từ sau khi Ri-gân lên cầm quyền, Oa-sinh-tơn thi hành một đường lối đối đầu cực đoan, khiến quan hệ Mỹ—Xô xuống đến mức thấp nhất. Trong lời nói và việc làm, Ri-gân đã đi xa hơn bất cứ tổng thống Mỹ nào trong đường lối chống Liên xô, chống chủ nghĩa cộng sản. Mãi đến cuối năm thứ năm làm tổng thống, Ri-gân mới buộc phải nhận đến



Digitized by Google

Giơ-ne-vơ để gặp người lãnh đạo cao nhất của Liên xô, mở đầu thời kỳ đối thoại mới. Sự thay đổi này rất cần được phân tích, đánh giá trong đời sống chính trị quốc tế.

### *Thắng lợi của lý trí, thắng lợi của hòa bình.*

Từ trước đến nay, thi hành nhất quán đường lối đối ngoại hòa bình, Liên xô luôn chủ trương giải quyết các mối bất đồng giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau bằng con đường thương lượng. Trong quan hệ với Mỹ, Liên xô luôn đề xuất những sáng kiến ngoại giao để những người lãnh đạo hai nước ngồi lại thương lượng với nhau, cùng nhau trao đổi ý kiến trực tiếp và thẳng thắn về những vấn đề bức thiết nhất: ngăn chặn chạy đua vũ trang, giảm các kho vũ khí của hai bên, kể cả vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, ngăn cấm quân sự hóa vũ trụ và sử dụng hòa bình khoảng không vũ trụ, bình thường hóa và cải thiện quan hệ Xô—Mỹ cùng những vấn đề khác mà hai bên cùng quan tâm. Suốt sáu năm qua, Oa-sinh-tơn một mực khước từ mọi đề nghị đầy thiện chí nói trên của Liên xô.

Có thể nói chỉ riêng việc tổng thống Ri-gân vừa qua chịu đến Giơ-ne-vơ để gặp Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-trốp đã là một biểu hiện thất bại của Oa-sinh-tơn trong đường lối đối đầu mù quáng chống Liên xô trong suốt sáu năm qua. Đó cũng là một bằng chứng về sự thất bại cay đắng của Ri-gân trong nhiệm kỳ tổng thống đầu tiên đã không sao giành được ưu thế quân sự chiến lược đối với Liên xô, không sao ép buộc được những đồng minh của Mỹ tập hợp sau lưng Mỹ để cùng nhau đối đầu với Liên xô, chấm dứt hòa hoãn với Liên xô.

Rõ ràng cuộc đối thoại thẳng thắn và trực tiếp Xô—Mỹ đã diễn ra là thắng lợi quan trọng của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, là thắng lợi to lớn của lý trí và lẽ phải, của xu thế tất yếu dùng đối thoại để giải quyết các vấn đề chung của thế giới, các vấn đề khu vực và quan hệ giữa các nước; là thắng lợi nổi bật của phong trào đấu tranh cho hòa bình ở khắp các lục địa, kể cả ở Mỹ và các nước tư bản phát triển khác.

### *Chỉ mới là bước khởi đầu.*

Xét nội dung và kết quả của cuộc gặp cấp cao Xô—Mỹ vừa qua, chúng ta nhận thấy đây mới chỉ là bước khởi đầu. Do bản chất của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, do chính quyền Ri-gân chưa chịu từ bỏ đường lối đối đầu với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, do di sản của quá khứ trong chính sách đối nội và đối ngoại phản động của chủ nghĩa đế quốc Mỹ còn nặng nề, cho nên kết quả của cuộc gặp cấp cao Xô—Mỹ còn hạn chế trên nhiều mặt, chưa đáp ứng được nguyện vọng của những người có lương tri trên toàn thế giới.

Trước hết, về sự sắp xếp ưu tiên các vấn đề đưa ra thảo luận, Oa sinh-tơn muốn nêu lên giải quyết trước hết những vấn đề ở các khu vực (Trung Đông, Trung Mỹ, Tây Á, Đông Nam châu Á...), nhấn mạnh cái gọi là vấn đề nhân quyền, sau đó đến quan hệ Mỹ — Xô và cuối cùng mới là vấn đề giảm bớt và kiểm soát vũ khí chiến lược. Ngược lại, Liên xô luôn nêu lên vấn đề số 1, quan trọng nhất, bức thiết nhất, có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh và tương lai của loài người là vấn đề chấm dứt chạy đua vũ trang, giảm vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, cấm chỉ quân sự hóa vũ trụ...

Tuy nhiên, do Liên xô kiên trì thiện chí hòa bình của mình, cho nên phía Mỹ đã buộc phải thỏa thuận ghi trong tuyên bố chung: "Hai bên tuyên bố



Digitized by Google

không bao giờ nên gây chiến tranh hạt nhân, trong cuộc chiến tranh đó không thể có người thắng», và: «hai bên sẽ không tìm cách giành ưu thế về quân sự». Nếu trên việc làm, cùng với Liên xô, Mỹ thực hiện đúng như những điều đã thỏa thuận trên đây thì tình hình thế giới sẽ có chuyển biến đáng kể, hòa bình thế giới và an ninh của loài người được bảo đảm.

Về vũ khí hạt nhân và quân sự hóa vũ trụ, cuộc gặp đã không đem lại được những kết quả cụ thể theo như đề nghị của phía Liên xô và theo sự mong muốn của dư luận rộng rãi trên thế giới. Đó là vì tổng thống Ri-gân vẫn giữ chặt lập trường bảo vệ đến cùng cái gọi là «sáng kiến phòng thủ chiến lược» viết tắt là SDI, hay còn được gọi là «cuộc chiến tranh các vì sao». Ông ta còn ngụy biện rằng kế hoạch chiến lược đó chỉ đơn thuần mang tính chất phòng thủ (!), không nhằm sát hại con người mà chỉ nhằm triệt phá những tên lửa và đầu đạn bay trên trời cao (!). Ai nấy đều biết kế hoạch này về thực chất mang tính chất tiến công, vì một khi Mỹ đã lập được một chiếc ô che hoàn hảo về chiến lược thì tính chất hung hăng hiếu chiến, đe dọa hòa bình thế giới của họ sẽ tăng thêm và nguy cơ một cuộc bùng nổ hạt nhân sẽ đến gần hơn hiện nay rất nhiều. Tuy nhiên trong vấn đề này, phía Mỹ buộc phải đồng ý ghi trong Tuyên bố chung Xô—Mỹ: «Hai bên thỏa thuận sẽ thúc đẩy công việc tại cuộc đàm phán này, chú ý đến việc thực hiện những nhiệm vụ được nêu trong tuyên bố chung Liên xô — Mỹ ngày 8-1-1985; đó là: ngăn chặn chạy đua vũ trang trên vũ trụ và chấm dứt chạy đua vũ trang trên trái đất, hạn chế và giảm bớt vũ khí hạt nhân và tăng cường sự ổn định chiến lược»; «Hai bên thỏa thuận tăng cường các cuộc thảo luận tay đôi ở cấp chuyên viên về tất cả các khía cạnh của vấn đề cấm vũ khí hóa học, kể cả các vấn đề kiểm soát. Hai bên cũng thỏa thuận bắt đầu thảo luận vấn đề ngăn chặn việc phổ biến vũ khí hóa học»; «Hai bên khẳng định sự cần thiết phải thông qua một văn kiện bao gồm cả những biện pháp cùng có thể chấp nhận được về củng cố lòng tin và an ninh, cũng như cụ thể hóa nguyên tắc không sử dụng vũ lực và làm cho nguyên tắc đó có hiệu lực».

Tất cả vấn đề hiện nay là phía Mỹ có thật sự thực hiện những điều đã thỏa thuận hay không, có thật sự tiếp tục các cuộc thương lượng một cách nghiêm chỉnh và khẩn trương hay không? Và trên hết là chính quyền Ri-gân có thật sự từ bỏ đường lối đối đầu để tiếp tục đi vào đối thoại thẳng thắn và bổ ích theo xu thế tất yếu của thời đại dẫn đến những thỏa thuận cụ thể, những giải pháp cụ thể có thể kiểm soát được, hay không?

Chính vì những câu hỏi ấy còn tồn tại, cho nên dư luận thế giới có nhiều lý do để lạc quan một cách dè dặt và cho rằng kết quả cuộc gặp Xô — Mỹ vừa qua mới chỉ là một cuộc khởi đầu, tất cả đang còn ở phía trước, cần phải có thời gian để theo dõi những việc làm tiếp theo của Oa-sinh-tơn, thử thách cái gọi là thiện chí của Oa-sinh-tơn mà họ không ngừng rêu rao trong thời gian qua.

### *Đẩy tới cuộc đấu tranh trên tư thế tiến công.*

Dư luận Mỹ nhiều lần nêu lên rằng ở Mỹ có những thế lực cực hữu rắp tâm ngăn cản cuộc đối thoại Mỹ—Xô. Đó là những lực lượng quân phiệt gắn liền với các tập đoàn tài phiệt chuyên sản xuất các vũ khí chiến lược đang phất to với những lợi nhuận khổng lồ (hàng chục tỷ đô la) do chạy đua vũ trang và chương trình SDI mang lại. Không còn là điều gì bí mật, khi dư luận thế giới cho rằng chính Rô-nan



Digitized by Google

Ri-gân, với những quan điểm chính trị cực đoan cố hữu của mình, là người của phía cực hữu. Do đó có nhiều lý do để nhận định rằng Ri-gân đang có những tính toán chính trị phục vụ cho Đảng cộng hòa của ông ta, khi ở Mỹ từ đầu năm 1986 tới sẽ diễn ra cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, bầu lại toàn bộ hạ nghị sĩ, một phần ba thượng nghị sĩ và thống đốc các bang. Ông ta cũng đang tính tới cuộc vận động bầu cử tổng thống trong năm 1988, làm sao Đảng cộng hòa ở vào thế có lợi. Phải chăng cựu diễn viên điện ảnh Mỹ muốn xóa bỏ hình ảnh một tổng thống cộng hòa khét tiếng diều hâu để khoác lấy bộ cánh bồ câu hiền lành, biết điều, thực lòng mong muốn hòa hoãn và hòa bình trên trái đất ? Phải chăng Nhà trắng đang làm thủ thuật để vừa tranh thủ lá phiếu của cánh hữu, lại vừa giành thêm được sự ủng hộ của những lực lượng thật lòng mong muốn hòa hoãn ? Đối với cánh hữu, Ri-gân có thể trấn an : lập trường Mỹ vẫn rất cứng rắn, bằng chứng là chương trình SDI vẫn nguyên vẹn, xin các ngài yên tâm. Với những người chủ trương hòa hoãn, ông ta có thể tuyên bố : vâng, tôi đang đi theo chính sách hòa hoãn, giảm bớt căng thẳng, xin các ngài cứ ủng hộ và tin ở tôi !

Do đó, nhân loại tiến bộ nhận rõ kết quả bước đầu của cuộc gặp cấp cao Xô — Mỹ, càng nâng cao cảnh giác, không mảy may có ảo tưởng đối với bản chất của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Cuộc đấu tranh còn gay go và phức tạp. Không thể lơ là cảnh giác và giảm nhẹ đấu tranh. Nếu như phong trào đấu tranh cho hòa bình rộng lớn trên quy mô toàn thế giới đã góp phần quan trọng thúc đẩy xu thế đối thoại, buộc phía Mỹ phải đi đến bàn đàm phán thì sau khi cuộc họp cấp cao kết thúc, phong trào này càng phải kiên trì, bền bỉ và đẩy mạnh hơn gấp bội, ngay cả trên đất Mỹ. Phong trào hòa bình cần nhận rõ thời cơ mà thừa thắng xốc tới, gây nên sức ép chính trị mạnh mẽ buộc phía Mỹ phải thực hiện bằng việc làm cụ thể những điều họ đã thỏa thuận, và ngay trước mắt là đòi Oa-sinh-tơn phải tiếp tục đi vào thương lượng nghiêm chỉnh với Liên xô ở Giơ-ne-vơ để đi đến những kết quả cụ thể về giảm vũ khí chiến lược, về cấm chỉ quân sự hóa vũ trụ, về giảm ngay 50% tổng số tên lửa mang đầu đạn hạt nhân của Mỹ và của Liên xô có thể bắn đến lãnh thổ của nhau, cam kết không dùng vũ khí hạt nhân đầu tiên, giảm đáng kể vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường của khối quân sự NATO và Tổ chức các nước tham gia Hiệp ước Vác-sa-va, theo nguyên tắc công bằng và bình đẳng, như phía Liên xô đã nhiều lần đề nghị.

Một tín hiệu rất đáng mừng là ngay sau khi cuộc gặp cấp cao Xô — Mỹ kết thúc, đầu tháng 12-1985, hàng trăm nhà bác học nổi tiếng ở Mỹ, trong đó có hơn 100 người từng được giải thưởng quốc tế Nô-ben, lên tiếng đòi chính quyền Ri-gân từ bỏ kế hoạch SDI — một cuộc phiêu lưu quân sự tốn phí hơn 1 000 tỷ đô la kéo dài 20 năm, và đòi Mỹ phải thỏa thuận với Liên xô chỉ dùng khoảng không vũ trụ vào những mục đích hòa bình. Các chiến sĩ hòa bình ở Tây Âu và Nhật bản đang mở rộng cuộc đấu tranh đòi triệt phá các tên lửa Mỹ, hủy bỏ các căn cứ Mỹ với một khí thế quyết liệt.

Với cuộc ra quân mới của đội ngũ hết sức hùng hậu các chiến sĩ hòa bình toàn thế giới, chắc chắn cuộc đấu tranh cho hòa bình trong năm 1986 sẽ mở rộng quy mô và cường độ, với những hình thức phong phú, chặn tay bọn hiếu chiến, buộc giới cầm quyền Mỹ phải nghiêm chỉnh thực hiện những điều đã thỏa thuận với



Digitized by Google

Liên xô, đi những bước tiếp, theo hướng đối thoại thẳng thắn và xây dựng, cải thiện thật sự bầu không khí quốc tế, loại bỏ nguy cơ chiến tranh hủy diệt.

Cuộc gặp gỡ cấp cao Xô — Mỹ cần phải có thời gian để kiểm nghiệm qua thực tiễn mới có thể bộc lộ đầy đủ và chính xác tầm quan trọng của nó. Cuộc đấu tranh rộng lớn, có phối hợp chặt chẽ của Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và lao động trong các nước tư bản, phong trào hòa bình rộng khắp, nhất định sẽ giành được những thắng lợi mới, phát huy khả năng làm cho cuộc gặp gỡ cấp cao Xô — Mỹ có ý nghĩa ngày càng tích cực và to lớn, thật sự trở thành một cột mốc quan trọng đẩy lùi chính sách đối đầu, chạy đua vũ trang và gây chiến của các thế lực đế quốc, mở ra một thời kỳ mới cải thiện bầu không khí quốc tế, loại hẳn nguy cơ chiến tranh hủy diệt đang đe dọa cuộc sống lao động sáng tạo trên hành tinh tươi đẹp của chúng ta.


***Các bạn đón đọc***

**Tạp chí**

**LỊCH SỬ QUÂN SỰ**

Của Viện lịch sử quân sự Việt nam (Bộ quốc phòng)

Ra hàng tháng — 100 trang, khổ 19 × 27

*Giá 10đ*




Digitized by Google

# CHIẾN LƯỢC CHÂU Á—THÁI BÌNH DƯƠNG CÙNG NHỮNG MƯU ĐỒ CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

PHAN LANG

TRONG mấy năm trở lại đây, ở Mỹ và một số nước phương Tây, trước sau đã có tới 20 cuộc hội thảo lớn về chủ đề « vị trí chiến lược » của châu Á — Thái bình dương » của « cộng đồng Thái bình dương » — những khái niệm địa lý thuần túy do Mỹ đưa ra làm bình phong để mưu đồ triển khai một chiến lược xâm lược nguy hiểm: « chiến lược châu Á — Thái bình dương ». Đây cũng là một đề mục xếp vào loại « vấn đề số 1 » được đưa ra bàn bạc tại các cuộc hội đàm giữa tổng thống Mỹ Ri-gân và thủ tướng Nhật bản Na-ca-xon-nê, giữa người cầm đầu Nhà trắng, Lầu năm góc và các nhân vật chóp bu của thế lực bành trướng bá quyền Trung quốc.

Có thể đọc thấy những lời bình luận trên các tờ báo lớn phát hành ở Mỹ đại loại như sau: « Việc đề ra chiến lược châu Á — Thái bình dương là một thành tích nổi bật của Ri-gân trong 4 năm cầm quyền và đây sẽ là nhiệm vụ đối ngoại chủ yếu của chính quyền này trong nhiệm kỳ thứ hai ». « Trong sự đi lên của một thế giới đang thay đổi, nổi bật lên vị trí của khu vực châu Á — Thái bình dương từ lâu bị xem thường... Hành tinh của chúng ta rồi sẽ nghiêng một cách không thể cưỡng lại được về phía đại lục và đại dương này ». « Lịch sử nhân loại mở đầu bằng kỷ nguyên Địa trung hải, tiếp tục bằng thời kỳ Đại tây dương và đang đi vào giai đoạn Thái bình dương ». « Châu Á — Thái bình dương có một tầm quan trọng cốt tử và ngày càng lớn đối với Mỹ về các mặt chiến lược, kinh tế, chính trị » v.v.

Đó là lời nói, còn đây là hành động cụ thể: lực lượng quân sự Mỹ ở khu vực này bao gồm gần 15 vạn tên (chiếm 1 phần 3 tổng số quân Mỹ hiện đóng ở nước ngoài), chỉ trong một thời gian ngắn, đã được tăng cường về mọi mặt, đặc biệt là về không quân, hải quân, 23 tàu khu trục, 6 tàu ngầm thuộc thế hệ mới cùng 16 phi đội máy bay F 16 và 116 máy bay lên thẳng loại hiện đại nhất đã được Lầu năm góc cấp tốc điều tới tăng cường cho vùng này đi đôi với việc gấp rút mở rộng các căn cứ quân sự của Mỹ ở Ấn độ dương và các cụm căn cứ khác.

Vậy chiến lược châu Á—Thái bình dương thật ra là một chiến lược như thế nào?

Cho rằng châu Á—Thái bình dương là một khu vực từ lâu bị Mỹ xem thường là không đúng. Sự thật là, ngay sau khi trở thành nước đế quốc và biến Tây bán cầu thành « sân sau », Mỹ đã với tới khu vực này, đoạt từ trong tay Tây ban nha 7 nghìn hòn đảo Phi-líp-pin, biến thành thuộc địa



Digitized by Google

của Mỹ. Năm 1941, Mỹ là đối tượng số 1 của Nhật bản trong cái gọi là chiến tranh Thái bình dương. Sau chiến tranh thế giới thứ 2, các « ông chủ cũ » khu vực là Pháp và Anh đều kiệt quệ. Điều này đã tạo ra một thời cơ hiếm có để đế quốc Mỹ nhảy xổ vào « lấp chỗ trống », kiểu như chúng đã làm trong việc hất cẳng thực dân Pháp trên bán đảo Đông dương.

Từ đó, đế quốc Mỹ liên tục theo đuổi một đường lối nhất quán: không ngừng củng cố trận địa, thay thế chủ nghĩa thực dân cũ bằng chủ nghĩa thực dân mới, ráo riết phát huy ảnh hưởng ra toàn khu vực.

Tuy vậy, do so sánh lực lượng ở từng thời điểm lịch sử không giống nhau, cho nên bên cạnh tính liên tục, đường lối của Mỹ theo đuổi ở vùng này còn mang tính giai đoạn, trong từng thời kỳ có những đặc trưng không hoàn toàn giống nhau.

Thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt nam là một cái mốc lớn, mở ra « thời kỳ sau Việt nam » với đặc trưng chủ yếu là sự suy yếu mang ý nghĩa chiến lược của Mỹ, sự rạn nứt của hệ thống các nước đồng minh của Mỹ việc Mỹ mất ưu thế quân sự và sự xác lập thế cân bằng chiến lược giữa Mỹ và Liên xô, sự lớn mạnh chưa từng có của Liên xô và các lực lượng của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, sự xuất hiện nhóm-nước xã hội chủ nghĩa ở bán đảo Đông dương và vai trò tích cực của nhóm nước này ở Đông Nam châu Á.

Sự mở đầu « thời kỳ nước Mỹ sau Việt nam » cũng là sự kết thúc vĩnh viễn thời kỳ đế quốc Mỹ có thể làm sen đầm quốc tế một mình, thực hiện những tham vọng chiến lược chỉ cần bằng lực lượng quân sự của chính chúng.

Chiến lược châu Á — Thái bình dương được đưa ra thì thố chính là sau khi biện pháp giành ưu thế quân sự bằng thủ đoạn tăng cường mọi mặt khối NATO, bằng việc liều lĩnh triển khai hàng trăm tên lửa tầm trung bình của Mỹ ở một số nước đồng minh Tây Âu có lãnh thổ gần Liên xô và các nước khối Vác-sa-va đã không đạt được kết quả như đế quốc Mỹ mong muốn.

Bối cảnh ra đời của nó là như thế, rõ ràng, chiến lược châu Á — Thái bình dương không chỉ là sản phẩm của bản chất cuồng chiến, ngoan cố cố hữu mà còn là sản phẩm của thế thất bại của đế quốc Mỹ và phe lũ.

Chiến lược châu Á — Thái bình dương theo đuổi những mục tiêu mang tính toàn cầu, là con đẻ của chính sách trực tiếp đối đầu với Liên xô của Nhà trắng, nhằm phá bỏ thế cân bằng chiến lược, giành ưu thế quân sự trên toàn cầu và trong từng khu vực.

Chính quyền Ri-gân nhiều lần tuyên bố rằng « ở đâu Liên xô và cộng sản thắng thì ở đấy Mỹ và thế giới phương Tây thua »; rằng « trong mọi mối nguy cơ thì cộng sản là trung tâm của tai họa ». Vì vậy, nó chủ trương đối đầu trực tiếp với Liên xô không chỉ trên lãnh thổ Liên xô, trên lãnh thổ các nước gần Liên xô, không chỉ ở châu Âu mà cả ở châu Á và trên các lục địa khác; không chỉ trên đất liền mà cả trên các đại dương, trong khoảng không vũ trụ.

Triển khai chiến lược châu Á — Thái bình dương, đế quốc Mỹ và phe lũ muốn hình thành thêm một « NATO » nữa ở phương Đông, hòng bao vây Liên xô từ cả hai hướng chiến lược. « Cộng đồng châu Á — Thái bình dương » cùng với khối quân sự xâm lược NATO, lực lượng vũ khí tên lửa tầm trung bình mới đặt ở Tây Âu và chương trình SDI —, tất cả những « con bài » này kết hợp lại, theo tính toán của Nhà trắng, sẽ tạo ra một lực tổng hợp giúp đế quốc Mỹ vượt lên trước Liên xô về quân sự.



Digitized by Google

Ngoài tính « toàn cầu », chiến lược châu Á — Thái bình dương còn theo đuổi những mục tiêu mang tính khu vực : nhằm ngăn chặn các lực lượng đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì hòa bình, tiến bộ xã hội, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và phản động trong phạm vi khu vực. Tất nhiên, khi chính quyền Ri-gân đã xác định « cộng sản là trung tâm tai họa » thì đối tượng của chiến lược châu Á — Thái bình dương tuy trải rộng ra như thế nhưng đối tượng trung tâm ắt là các nước xã hội chủ nghĩa trong khu vực, trong đó, sau Liên xô là phải kể ngay đến Việt nam và các nước trên bán đảo Đông dương, vốn là những nước đang có vai trò to lớn đối với hòa bình và ổn định trong vùng. Câu kết với các thế lực phản động, các thế lực cầm quyền cực hữu trong khu vực tiến hành một cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt trên tất cả các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, tâm lý... nhằm bao vây, kiềm chế, làm suy yếu và nếu có điều kiện thì tiến hành lật đổ đối với ba nước Đông dương — đó là mưu đồ mà đế quốc Mỹ, kẻ thù cơ bản lâu dài của cách mạng thế giới và khu vực, đã và sẽ còn ra sức thực hiện, nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội để không mất thêm trận địa khi chưa giành lại được những thiên đường đã mất.

Ngoài những mưu đồ quân sự, người ta cũng không nên quên là chiến lược châu Á — Thái bình dương còn nhằm những mục tiêu đầy tham vọng về kinh tế.

Quả thật, khu vực Thái bình dương có một tiềm năng to lớn về kinh tế. Khu vực này cung cấp cho các nước tư bản chủ nghĩa hai phần ba hơi đốt và dầu mỏ, gần 90% thiếc, hơn 50% u ra ni om và một lượng lớn kim loại khác. Lòng đất Thái bình dương chứa từ 30% đến 40% toàn bộ trữ lượng dầu mỏ và khí đốt của các đại dương và một trữ lượng hầu như vô tận về các loại khoáng sản quý như sắt, măng gan, kền, đồng, cô ban... Các nước ở khu vực Thái bình dương chiếm gần 50% sản lượng công nghiệp thế giới tư bản chủ nghĩa, tiêu thụ gần 70% số hàng xuất khẩu của Nhật bản, Mỹ và Trung quốc, hơn 70% số hàng xuất khẩu của các nước Đông Nam châu Á.

Đây còn là khu vực có nhiều đường giao thông xuyên đại dương hết sức quan trọng, trên đó có nhiều hải cảng lớn, nhiều trung tâm tài chính và tiền tệ tầm cỡ quốc tế. Việc chuyên chở bằng đường hàng không ở đây cũng phát triển nhanh chóng. Do đó, việc buôn bán giữa các nước trong khu vực ngày càng tăng mạnh.

Do vị trí kinh tế cực kỳ quan trọng như vậy, cho nên ngay từ năm 1963, Nhật bản đã công bố kế hoạch thành lập cái gọi là « cộng đồng châu Á — Thái bình dương » với mưu đồ bành trướng về kinh tế, chính trị, quân sự ở khu vực. Về sau, Mỹ đã phối hợp hành động và trở thành kẻ chủ mưu. Sau chiến tranh Việt nam, ở Mỹ có xu hướng chuyển dịch về chính trị, quân sự và kinh tế từ phía Đại tây dương sang phía Thái bình dương. Xu hướng này tăng lên mạnh mẽ kể từ sau khi Trung quốc công khai câu kết với Mỹ, phản bội Liên xô, phản bội Việt nam. Trong nhiệm kỳ đầu của chính quyền Ri-gân, buôn bán hai chiều giữa Mỹ với các nước trong khu vực châu Á — Thái bình dương lần đầu tiên, trong lịch sử ngoại thương Mỹ, đã vượt quá giá trị buôn bán giữa Mỹ và châu Âu. Các nhân vật chóp bu Nhà trắng nối gót nhau đến vùng kho người kho của chưa được khai thác bao nhiêu này, bán rao công thức « vốn đầu tư, kỹ thuật Mỹ + nhân lực và tài nguyên châu Á — Thái bình dương », với hy vọng biến vùng này thành thị trường tiêu thụ hàng hóa, thành nơi khai thác quan trọng về nguyên liệu và nhân công rẻ mạt để



Digitized by Google

giải quyết những khó khăn chồng chất mà nền công nghiệp Mỹ đang vấp phải; để « trước ngoài sân, sau lấn vào bếp », trước buôn bán, sau tiến lên thâm nhập lũng đoạn về kinh tế, chính trị, giữ chặt các nước ở khu vực này trong vòng tay ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây.

Nhiều nhà quan sát trên thế giới, ngay từ đầu đã lưu ý dư luận về thủ đoạn tập hợp lực lượng của chính quyền Ri-gân khi đề ra chiến lược châu Á — Thái bình dương. Lực lượng chiến lược được Mỹ dự liệu cho chiến lược này như sau: Xếp hàng ngay sau lực lượng quân sự Mỹ, là Nhật bản rồi đến Nam Triều tiên (thật ra còn có cả Đài loan). Phải vạch rõ rằng ở Nhật bản chính quyền Na-ca-xon-nê đã đi xa hơn bất cứ chính quyền nào trước đây trên con đường liên kết với Mỹ, cam kết biến Nhật bản thành tàu sân bay không bao giờ bị đánh chìm của Mỹ, đẩy nhanh tiến trình phục hồi chủ nghĩa quân phiệt, tăng ngân sách quân sự với tốc độ vượt quá giới hạn truyền thống, ủng hộ việc Mỹ chạy đua vũ trang hạt nhân và triển khai chương trình SDI, một chương trình nguy hiểm bị một số đồng minh của Mỹ phản đối. Chính là với vai trò phản động đó của chính quyền Na-ca-xon-nê mà liên minh quân sự Mỹ — Nhật bản — Nam Triều tiên đang hình thành trên thực tế, tạo chỗ dựa vững chắc nhất cho Mỹ triển khai chiến lược quân sự ở châu Á — Thái bình dương.

Ngoài ra, Mỹ đang tìm cách lôi cuốn khối ANZUS (bao gồm Mỹ, Úc, Niu Di-lơn) ở phía Nam, hy vọng khối này đóng vai trò nòng cốt của « cộng đồng châu Á — Thái bình dương » Còn khối các nước ASEAN, trong khi Mỹ chưa thực hiện được âm mưu « làm sống lại khối SEATO » dưới một dạng nào đó, thì được lôi kéo gia nhập cộng đồng bằng công thức: Mỹ « liên kết tay đôi, tay ba » với từng nước hoặc từng nhóm nước trong khối này.

*Lời kéo Trung quốc vào mặt trận phía Đông do Mỹ cầm đầu nhằm chống Liên xô, chống Việt nam và cách mạng châu Á là một trong những con tính lớn nhất của Mỹ ở châu Á—Thái bình dương.* Thật vậy, điều này được ghi nhận rõ ràng trong Cương lĩnh chấp chính của Đảng cộng hòa Mỹ, một tuyên ngôn chống cộng của toàn bộ chủ nghĩa tư bản trong thời đại hiện nay. Hy vọng đó của Oa-sinh-tơn đặt vào Bắc kinh quả thật không hão huyền chút nào. Nhiều người hẳn còn chưa quên rằng chính Đặng Tiểu Bình đã lên tiếng sớm nhất tự nguyện biến Trung quốc thành một « NATO phương Đông ». Khi Mỹ triển khai chiến lược quân sự châu Á — Thái bình dương, Đặng Tiểu Bình vội tuyên bố ủng hộ « Mỹ tập trung vũ khí và phương tiện chiến tranh ở vùng này », và cho rằng hoạt động của Mỹ ở Thái bình dương là « phòng thủ », chống lại sự « bành trướng của Liên xô »! Triệu Tử Dương sang Mỹ và Ri-gân sang Trung quốc đều công khai kêu gọi Mỹ và Trung quốc phải tăng cường lực lượng ở Thái bình dương để ngăn chặn cái gọi là « sự tăng cường sức mạnh quân sự của Liên xô » ở vùng này. Do đặt hy vọng vào Trung quốc trong chiến lược châu Á—Thái bình dương mà trước khi đến Bắc kinh, Ri-gân đã huênh hoang tại Hô-nô-lu-lu rằng: « Thái bình dương, chứ không phải châu Âu, sẽ đóng vai trò trọng yếu đối với tương lai của Mỹ ». Tờ *Nhân dân nhật báo* của Trung quốc ngày 30-3-1984 kích động với giọng lưỡi độc ác như sau: « Chính sách cứng rắn của chính quyền Ri-gân đối với Liên xô rất được nhiều nước châu Á ủng hộ kể cả Úc và Niu Di-lơn. Điều đó khiến Mỹ thấy cần thiết và cũng có khả năng đưa lực lượng lớn vào khu vực châu Á — Thái bình dương để không cho Liên xô giành



Digitized by Google

được địa vị chi phối về quân sự ở châu Á ».

Theo tạp chí *Kinh tế Viễn Đông* số ra ngày 14-7-1983, Trung quốc đã đưa ra điều kiện để Trung quốc tham gia « Cộng đồng Thái bình dương » — một bộ phận hợp thành của chiến lược châu Á — Thái bình dương của Mỹ — là gạt Liên xô, Việt nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác ra ngoài kế hoạch này. Rõ ràng Trung quốc đang « phối hợp hành động », « hợp tác chiến lược với Mỹ » trong chiến lược châu Á — Thái bình dương của Mỹ, là kẻ đồng lõa và tòng phạm với Mỹ trong mọi hoạt động chống phá cách mạng từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á, sang Tây Á và Ấn độ dương.

★

Ngay sau khi chiến lược châu Á — Thái bình dương được khai sinh, nhiều người đã đánh một dấu hỏi lớn về tiền đồ của nó và vạch ra rằng, nhiều lắm thì sự tập hợp lực lượng này cũng chỉ có thể dẫn đến một « cộng đồng lỏng lẻo » quy tụ nhão nhão những kẻ dông sàng dị mộng, có bao nhiêu « trụ cột » thì có bấy nhiêu mưu đồ chiến lược chồng chéo nhau.

Thật vậy, một loạt mâu thuẫn đã nổ ra. *Trước hết*, mâu thuẫn giữa Mỹ với các thành viên mà điển hình là mâu thuẫn giữa Mỹ với Niu Di-lơn. Mâu thuẫn này đã gay gắt tới mức dẫn đến một cuộc khủng hoảng đang có nguy cơ làm tan rã khối ANZUS. *Hai là*, mâu thuẫn giữa các thành viên với nhau mà tiêu biểu là giữa khối các nước ASEAN với Trung quốc. Để Trung quốc đóng được vai trò như Mỹ mong muốn, chính quyền Ri-gân quyết định tăng cường hợp tác về quân sự với Trung quốc. Nhưng điều này lại gây ra sự lo lắng sâu sắc trong khối ASEAN bao gồm những nước vốn đã và vẫn đang là đối tượng của chính sách bành trướng bá quyền của Trung quốc, vì Trung quốc vẫn chưa chịu cắt đứt mọi quan hệ với các tổ chức lật đổ nằm vùng. Việc Mỹ chắp nanh mài vuốt cho Bắc kinh càng tạo thêm nguy cơ to lớn đối với hòa bình, ổn định trong khu vực. *Ba là*, mâu thuẫn giữa Mỹ với Nhật bản, giữa Mỹ với Trung quốc. Nhật bản vẫn xem khu vực Đông Nam châu Á và châu Á nói chung là « thị trường nội địa » của mình. Chẳng lẽ Nhật bản sẽ chịu bó tay ngồi yên để mặc Mỹ tha hồ xông vào tranh cướp thị trường, nguồn nguyên liệu và các nguồn lợi khác trên tay Nhật bản? Thắt chặt quan hệ với các thế lực bành trướng bá quyền Trung quốc, chính quyền Ri-gân đang « giúp » nước « bạn bè » này, song chắc chắn không bao giờ Mỹ lại giúp « ông bạn » đó trở thành địch thủ nguy hiểm của mình. Còn về phía các thế lực bành trướng bá quyền Trung quốc thì khi có điều kiện họ cũng sẽ không từ chối việc hất cẳng Mỹ như họ đã và đang làm ở một số nơi trong vùng.

Rõ ràng, cộng đồng châu Á — Thái bình dương là một quần thể ô hợp. Chưa nói tới sự chống trả tất yếu của các lực lượng cách mạng, thử hỏi, với một công cụ như vậy, chẳng lẽ đế quốc Mỹ và phe lũ lại có thể đạt được những mục tiêu mà ngay trong thời kỳ « trước Việt nam », chúng cũng chịu không với tới?



Digitized by Google

## «ТАПТИ КОНГШАН» № 12 – 1985

ПЕРЕДОВАЯ – 10 лет славной победы Лаосской Народно-Демократической Республики. СУФАНУВОНГ–Лаосской Народно-Демократической Республике – десять лет. ★ ★ ★ – Усилить работу по управлению рынком и борьбу против спекуляции и контрбанды. – Государственный Совет наградил журнал «Тапти конгшан» орденом Хо Ши Мина.–Письмо Председателя Госсовта Чыонг Тиня, адресованное Редакции журнала «Тапти конгшан». Речь тов. Во Ти Конга. – Речь тов. Хоанг Тунга. Отчетный доклад тов. Хонг Тыонга. ТХАНЬ ТИН – О советско- американском диалоге на высшем уровне. ФАН ЛАНГ–Стратегия в отношении Азии–Тихого океана и замыслы США.

## REVIEW OF COMMUNISM N° 12-1985

**Editorial** – Ten years of glorious victory of the Democratic People's Republic of Laos. SOUPHANOUVONG – The Democratic People's Republic of Laos at the age of ten. ★ ★ ★ – Pushing up the work of controlling markets and fighting the speculative and smuggling activities. The *Review of Communism* was awarded a Ho Chi Minh Medal by the State Council. President of the State Council Truong-Chinh's letter to the Editorial Staff of the *Review of Communism*. Speech delivered by Comrade Vo Chi Cong. Speech delivered by Comrade Hoang Tung. Report made by Comrade Hong Chuong. THÀNH TÍN – On the dialogues at the Soviet-American Summit. PHAN LANG – The Asian-Pacific Strategy together with the schemes of the US imperialists.

## REVUE DU COMMUNISME N° 12-1985

**Editorial** – Dix années de victoires glorieuses de la République démocratique populaire lao. SOUPHANOUVONG – La République démocratique populaire lao a dix ans. ★★★ – Donner une forte impulsion au travail de gestion du marché et à la lutte contre la spéculation et la contrebande. L'Ordre de Ho Chi Minh décerné par le Conseil d'Etat à la Revue du Communisme. Lettre de Truong-Chinh, président du Conseil d'Etat à la Rédaction de la Revue du Communisme. Allocution de Vo Chi Cong. Allocution de Hoang Tung. Rapport de Hong Chuong. THÀNH TÍN – Sur le dialogue au sommet URSS–EU. PHAN LANG – La stratégie Asie-Pacifique et les visées de l'impérialisme américain.

## REVISTA DEL COMUNISMO N° 12-1985

**Editorial** – Diez gloriosos años de victorias de la República Democrática Popular Lao. SOUPHANOUVONG – Diez años de fundación de la RDPL. ★ ★ ★ – Impulsar el trabajo de gestión de mercado y la lucha contra la especulación y el contrabando. Condecoración de la Orden «Ho Chi Minh» por el Consejo de Estado a la Revista del Comunismo. Carta del Presidente del Consejo de Estado, Truong Chinh, a la Redacción de la Revista del Comunismo. Alocución del compañero Vo Chi Cong – Alocución del compañero Hoang Tung. Informe del compañero Hong Chuong. THÀNH TÍN – Sobre el diálogo de alto nivel URSS–EEUU. PHAN LANG – La estrategia de Asia-Pacífico y las maniobras del imperialismo norteamericano.

Digitized by Google

**TẠP CHÍ CỘNG SẢN**
SỐ 12-1985. NĂM THỨ XXXI (360)

# Mục lục

**Xã luận** – Mười năm thắng lợi vẻ vang của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 1

XU-PHA-NU-VÔNG – Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào mười tuổi 5

★ ★ ★ – Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ buôn lậu 15

*Kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản tạp chí lý luận của Đảng*

– Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn thăm TCCS 20

– Chủ tịch Trường Chinh tiếp Bộ biên tập TCCS 23

– HĐNN tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho TCCS 24

– Thư của Chủ tịch HĐNN Trường Chinh gửi Bộ biên tập TCCS 25

– Lễ kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản TCCS và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho Tạp chí 27

– Bài nói của đồng chí Võ Chí Công 29

– Bài nói của đồng chí Hoàng Tùng 31

– Phát biểu của các đồng chí Đại tướng Hoàng Văn Thái, Nguyễn Thị Như, Vũ Mão, Trần Tấn, Vũ Xuân Cận 37

– Báo cáo của đồng chí Hồng Chương 49

– Thư và điện chúc mừng 58

**Đọc sách** ★ HÀ DŨNG – Nhân tố quyết định thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: Sự lãnh đạo của Đảng 63

**Điều tra nghiên cứu** ★ HỮU ĐỨC – Về việc nâng cao hiệu lực của chính quyền phường 70

**Sinh hoạt tư tưởng** ★ ĐẶC CÔNG – Đặc quyền đặc lợi 76

THÀNH TÍN – Về cuộc đối thoại cấp cao Xô – Mỹ 79

PHAN LANG – Chiến lược châu Á – Thái bình dương cùng những mưu đồ của đế quốc Mỹ 84

Bìa 4: Tranh của họa sĩ XUÂN ĐÔNG (T. P. Hồ Chí Minh)

**Trụ sở Bộ biên tập:**

1, Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062

**Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:**

19, Phạm Ngọc Thạch – T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22040

Digitized by Google

# thành tựu NGÀNH DẠY NGHỀ:

| Số trường | Trước 1945. | 1961 | 1973 | 1984 |
|---|---|---|---|---|
| | 4 | 38 | 101 | 313 |
| Số học sinh có mặt tại trường | | 17.000 | 36.400 | 120.000 |

CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO **396** NGHỀ

CHIA RA ...

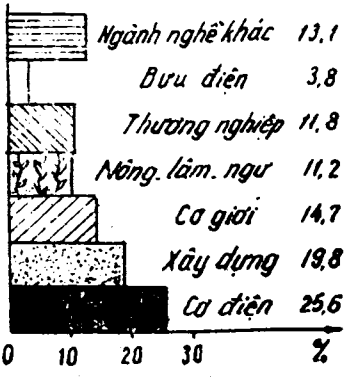


Hướng thanh niên vào học nghề tại một trong các cơ sở đào tạo

ĐÃ CÓ

**10000** Giáo viên dạy nghề

ĐÃ ĐÀO TẠO

**1.400.000** công nhân kỹ thuật

Trong đó có 70000 đào tạo ở ngoài nước

| 4 trường sư phạm kỹ thuật | 155 trường dạy nghề do trung ương quản lý | 158 trường dạy nghề do địa phương quản lý | Các lớp dạy nghề tại cơ sở sản xuất | Trung tâm dạy nghề (tại quận, huyện thị xã...) | Ở ngoài nước |
|---|---|---|---|---|---|

Digitized by Google

89 09 A

In tại nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Chỉ số: 12651 — Giá 0,4đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

# MỤC LỤC

UNIV. of MICH.
MAY 1 9 1986

## TẠP CHÍ CỘNG SẢN

## NĂM 1985


| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| **I. Những vấn đề chung về đường lối, chính sách của Đảng.** | | |
| — Nâng cao ý chí kiên cường, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1985 | *Xã luận* | 1 |
| — Phấn đấu giành thắng lợi lớn nhất cho kế hoạch Nhà nước năm 1985 | *Võ Văn Kiệt* | 1 |
| — Bảo đảm tư cách đảng viên, nâng cao danh hiệu đảng viên | *Xã luận* | 2 |
| — Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân | *Lê Duẩn* | 2 |
| — Mấy vấn đề cấp bách nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị kinh tế quốc doanh | *Nguyễn Đức Tâm* | 2 |
| — Đảng nhân dân cách mạng Lào tròn 30 tuổi | *Xã luận* | 3 |
| — Mười năm phấn đấu kiên cường, mười năm thắng lợi vẻ vang | *Xã luận* | 4 |
| — Học tập quan điểm quần chúng của Bác Hồ, tăng cường công tác quần chúng của Đảng | *Xã luận* | 5 |
| — Thiên anh hùng ca vĩ đại | *Lê Duẩn* | 5 |
| — Cải tiến cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp | *Xã luận* | 6 |
| — Diễn văn của đồng chí Trường Chinh tại lễ kỷ niệm lần thứ 95 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh | | 6 |
| — Xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa | *Xã luận* | 7 |
| — Bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, xây dựng Tổ quốc hùng mạnh, phồn vinh | *Xã luận* | 8 |


Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| — Liên minh ba nước Đông dương không ngừng lớn mạnh | *Chu Huy Mân* | 8 |
| — Bốn mươi năm trưởng thành của Nhà nước ta | *Xã luận* | 9 |
| — Vì một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa vững mạnh, phồn vinh | *Lê Duẩn* | 9 |
| — Bốn mươi năm cách mạng, thành quả và triển vọng | *Phạm Văn Đồng* | 9 |
| — Triệt để xóa bỏ quan liêu — bao cấp, giải quyết một số vấn đề về giá — lương — tiền, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, làm chủ thị trường xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân | *Tố Hữu* | 9 |
| — Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên | *Xã luận* | 10 |
| — Nâng cao sức chiến đấu của các đảng bộ phường | *Nguyễn Đức Tâm* | 10 |
| — Tình hữu nghị anh em, sự hợp tác toàn diện | *Xã luận* | 11 |
| — Lời chào mừng của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn tại Đại hội thứ V Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia | | 11 |
| — Mười năm thắng lợi vẻ vang của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào | *Xã luận* | 12 |
| **II. Kinh tế.** | | |
| — Thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp | *Nguyễn Cảnh Dinh* | 1 |
| — Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng | *Phan Xuân Đạt* | 1 |
| — Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện | ★★★ | 1 |
| — Thực hiện tốt chế độ phân cấp quản lý ngân sách địa phương | *Chu Tam Thức* | 3 |
| — Từng bước cải tiến cơ chế quản lý kinh tế ở công ty xuất khẩu thủy sản | *Trần Võ Mân* | 3 |
| — Kinh tế Việt nam sau 10 năm thống nhất đất nước | *Nguyễn Quán* | 6 |
| — Mở rộng quyền chủ động sáng tạo của cơ sở trong xây dựng cơ bản | *Nguyễn Văn Tân* | 6 |
| — Một số ý kiến về mối quan hệ giữa cải tạo thị trường và phân phối lưu thông | *Nguyễn Mại* | 6 |
| — Về vận dụng quy luật giá trị trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta | *Trần Hồ* | 6 |
| — Đảng bộ huyện Hoài đức lãnh đạo phát triển thủ công nghiệp trên địa bàn huyện | *Nguyễn Văn Đức* | 6 |
| — Cải tiến tiền lương | *Đào Thiện Thi* | 7 |
| — Mấy vấn đề cấp bách về cải tiến chính sách giá cả hiện nay | *Phan Văn Tiệm* | 7 |
| — Mấy kinh nghiệm về cải tiến phân phối lưu thông, xóa bỏ cơ chế quan liêu — bao cấp ở tỉnh Long an | *Tân Bình* | 7 |
| — Những kết quả tích cực của việc bù giá vào lương, từng bước đưa lương vào giá thành sản phẩm ở Quảng nam — Đà nẵng | *Tùng Vân* | 7 |
| — Nhà máy chế tạo máy công cụ số 1 chuyển hướng sản xuất và đổi mới cơ chế quản lý | *Trần Xuân* | 9 |
| — Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trên cơ sở xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa | ★★★ | 10 |




Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| – Đổi mới cơ chế quản lý công nghiệp | *Vũ Huy Từ* | 10 |
| – Nghị quyết 8 và những nhiệm vụ cấp thiết của công tác lý luận | *Nguyễn Đức Bình* | 11 |
| – Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng | ★★★ | 11 |
| – Phát huy đầy đủ tác dụng tích cực của việc cải tiến tiền lương | *Tùng Vân* | 11 |
| – Quán triệt quan điểm của Đảng trong việc điều chỉnh hệ thống giá cả | *Trần Xuân* | 11 |
| – Đổi mới tư duy kinh tế | *Nguyễn Đăng Quang* | 11 |
| – Công ty bảo hiểm cây trồng với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Kiến an | *Ngô Văn Dưỡng* | 11 |
| – Tư duy biện chứng của Ph. Ăng-ghen và tư duy kinh tế | *Hồng Long* | 11 |
| – Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ buôn lậu | ★★★ | 12 |
| **II. Chính trị — Quân sự** | | |
| – Một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta | ★★★ | 1 |
| – Nguyên tắc và sáng tạo | *Nguyễn Vịnh* | 2 |
| – Kiên quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc | *Minh Nghĩa* | 3 |
| – Từ Điện biên phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử | *Hoàng Văn Thái* | 4 |
| – Hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc | *Lê Trọng Tấn* | 4 |
| – Xuân 1975, đỉnh cao mới của nghệ thuật quân sự Việt nam | *Hoàng Minh Thảo* | 4 |
| – Mấy suy nghĩ về tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh | *Hoàng Phương* | 5 |
| – Chủ tịch Hồ Chí Minh với công an nhân dân | *Lê Quang Thành* | 5 |
| – Mười năm xây dựng và củng cố chính quyền ở các tỉnh miền Nam | *Vũ Trọng Kiên* | 5 |
| – Hai mươi lăm năm hoạt động và trưởng thành của ngành kiểm sát nhân dân | *Trần Lê* | 7 |
| – Thi hành tốt Bộ luật hình sự, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa | *Phan Hiền* | 7 |
| – "Chuyện được thua có thể biết được" | *Nhuận Vũ* | 7 |
| – Nhớ lại cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế | *Hoàng Anh* | 8 |
| – Hà nội khởi nghĩa | *Nguyễn Quyết* | 8 |
| – Bốn mươi năm dưới chính quyền nhân dân | *Nguyễn Quán* | 8 |
| – Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong đấu tranh giữ vững an ninh quốc gia và trật tự xã hội | *Phạm Hùng* | 9 |
| – 40 năm xây dựng và phát huy vai trò của Tòa án nhân dân | *Phạm Hưng* | 9 |
| – Tăng cường công tác giáo dục, tổ chức nhân dân và thanh niên làm nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc | *Nguyễn Nam Khánh* | 9 |
| – Thắng lợi của chính sách dân tộc của Đảng trong 40 năm qua | *Hoàng Trường Minh* | 10 |


Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| – Mấy vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa | *Phan Hiền* | 10 |
| – Đồng bào theo đạo qua 40 năm cách mạng | *Thế Hưng* | 10 |
| – Đánh thắng chiến tranh lấn chiếm biên giới của địch | *Lê Ngọc Hiền* | 11 |
| – 40 năm phát huy vai trò làm chủ của công nhân và nông dân | *Nguyễn Hữu Đạo* | 11 |
| – Về việc nâng cao hiệu lực của chính quyền phường | *Hữu Đức* | 12 |
| **IV. Văn hóa — giáo dục.** | | |
| – Xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta | ☆★★ | 1 |
| – Mấy suy nghĩ về lễ hội quần chúng hiện nay | *Lê Như Hoa* | 1 |
| – Chiến thắng Rạch gầm — Xoài mút cách đây vừa chẵn 200 năm | *Văn Tân* | 1 |
| – Văn học Việt nam với đề tài chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang | *Đinh Xuân Dũng* | 1 |
| – Mười năm xây dựng và phát triển giáo dục phổ thông của nước Việt nam thống nhất | *Nguyễn Thị Bình* | 5 |
| – Mười năm xây dựng nền văn hóa mới ở các tỉnh miền Nam | *Nguyễn Văn Hiếu* | 5 |
| – Bốn mươi năm phục vụ và trưởng thành của ngành y tế nước ta | *Dặng Hồi Xuân* | 5 |
| – Sức mạnh « Bản án » và hình ảnh « Người kết án » | *Phong Lê* | 5 |
| – Vấn đề xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số Tây nguyên | *Mạc Dường* | 6 |
| – Ngày báo chí Việt nam | ★★★ | 6 |
| – Tờ báo cách mạng đầu tiên ở Việt nam | *Nguyễn Thành* | 6 |
| – Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học và giáo dục hiện nay | *Lê Quang Đạo* | 7 |
| – Phấn đấu cho sự phát triển mạnh mẽ của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa | *Tạ Quang Chiến* | 7 |
| – Đấu tranh tư tưởng trên mặt trận văn nghệ dưới sự lãnh đạo của Đảng | *Vũ Đức Phúc* | 8 |
| – 40 năm xây dựng và phát triển ngành đại học và trung học chuyên nghiệp nước ta | *Nguyễn Đình Tứ* | 9 |
| – Hạ thấp tỉ lệ phát triển dân số đến mức hợp lý — một yêu cầu cấp bách của nước ta hiện nay | *Nguyễn Công Thăng* | 9 |
| – Bảo vệ môi trường | *Võ Quý* | 9 |
| – Về sự nghiệp cứu nước và dựng nước của Lê Lợi | *Nhuận Vũ* | 9 |
| – Sức mạnh tư tưởng và nghệ thuật trong Truyện và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh | *Lữ Huy Nguyên* | 10 |
| – Một nền sân khấu nóng bỏng hơi thở của thời đại | *Dương Ngọc Đức* | 10 |
| – Xây dựng và phát triển nền điện ảnh dân tộc và xã hội chủ nghĩa | *Lý Thái Bảo* | 10 |
| – Nghệ thuật tạo hình cách mạng Việt nam những năm đã qua và thời kỳ sắp tới | *Dương Viên* | 10 |
| – Xây dựng nền âm nhạc Việt nam xã hội chủ nghĩa, hoàn chỉnh, dân tộc, hiện đại | *Huy Du* | 10 |
| – Văn học tội ác | *Lê Xuân Vũ* | 10 |




Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| *Trao đổi ý kiến—về xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay.* | | |
| (Hà Xuân Trường, Quang Đạm, Lê Anh Trà, Vũ Mão, Tương Lai, Phan Lang) | | 1 |
| (Trần độ, Hồng Long, Bùi Đăng Duy, Đỗ Huy, Hoàng Vịnh, Đức Minh, Võ Quý) | | 2 |
| (Nông Quốc Chấn, Bùi Văn Nguyên, Đặng Thanh Lê, Bùi Ngọc Trình, Lê Viết Thụ, Vũ Ngọc Lan, Hồng Chương) | | 3 |
| **V. Đảng – Các tổ chức quần chúng.** | | |
| – Về sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng kinh tế | *Đào Duy Tùng* | 2 |
| – Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở đơn vị chiến đấu Quân đội nhân dân Việt nam | *Đặng Vũ Hiệp* | 2 |
| – Phát huy vai trò của cán bộ nữ, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của phụ nữ | *Nguyễn Thị Định* | 2 |
| – Tìm hiểu sự lãnh đạo cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta | *Lê Ngọc* | 2 |
| – Từ việc thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên, đến việc thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng ta | *Thế Tập* | 2 |
| – Về vấn đề tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng | *Phan Văn Đáng* | 2 |
| – Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt nam | *Văn Tạo* | 5 |
| – Học tập tác phong của Bác Hồ | *Đặng Xuân Kỳ* | 5 |
| – Cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị tại chức cho cán bộ, đảng viên | *Lê Hùng Tâm* | 5 |
| – Vài vấn đề trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ hiện nay | *Lê Đức Bình* | 6 |
| – Những chuyển biến mới trong công tác phát triển Đảng của đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh | *Phạm Xuân Ái* | 6 |
| – Công đoàn và sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa | *Nguyễn Đức Thuận* | 8 |
| – Quán triệt những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác thanh niên | *Vũ Mão* | 10 |
| – Chung quanh vấn đề nâng cao chất lượng hội nghị | *Phan Văn Đáng* | 11 |
| *Sinh hoạt tư tưởng.* | | |
| – « Liên hoan » | *Dương Tùng* | 1 |
| – « Nhớ » | *Nhuận Vũ* | 2 |
| – Bí mật của đồng tiền | *Chinh Tâm* | 3 |
| – « Làm xiếc » | *Trọng Nghĩa* | 6 |
| – « Phi thương bất phú » | *Thanh Thanh* | 7 |
| – Gia trưởng | *Nhị Lê* | 8 |
| – Đặc quyền đặc lợi | *Đặc Công* | 12 |




Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| **VI. Các địa phương, cơ sở.** | | |
| – Quảng nam – Đà nẵng qua bước đường mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội | *Hoàng Minh Thắng* | 4 |
| – Nhìn lại chặng đường mười năm cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp của Hậu giang | *Lê Phước Thọ* | 4 |
| – Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở huyện Hòa thành | *Trần Văn Lên* | 4 |
| – Nông nghiệp Tiền giang mười năm sau giải phóng | *Huỳnh Văn Niềm* | 4 |
| – Thành phố Hồ Chí Minh mười năm thử thách, mười năm đi tới | *Nguyễn Văn Linh* | 5–6 |
| – Hải phòng 30 năm phấn đấu vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội | *Lê Danh Xương* | 5 |
| – Bến tre mười năm thử thách, mười năm trưởng thành và thắng lợi | *Nguyễn Văn Trung* | 8 |
| – Trên dải đất Bình trị thiên hôm nay | *Nguyễn Đức Thiệng* | 8 |
| – Phát huy truyền thống cách mạng, quyết tâm xây dựng Bắc thái giàu mạnh | *Vũ Ngọc Linh* | 8 |
| – Kinh nghiệm bước đầu về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Cai lậy | *Lê Văn Khởi* | 8 |
| – Hòn vang mười năm xây dựng và trưởng thành | *Nguyễn Tiến Qua* | 8 |
| – Nam hải – một hợp tác xã thủ công nghiệp tiên tiến | *Đạm Mai* | 8 |
| – Huyện Thống nhất sau mười năm cải tạo và xây dựng | *Lê Gia Tặng* | 9 |
| – Ninh phước từng bước đi lên | *Nguyễn Đình Tân* | 9 |
| – Nghệ tĩnh qua 40 năm đấu tranh cách mạng | *Nguyễn Kỳ Cẩm* | 10 |
| – Qua mười năm xây dựng huyện | *Nguyễn Văn Chân* | 10 |
| – Công tác giáo dục truyền thống ở huyện Bến hải | *Hoàng Văn Hiến* | 10 |
| – Phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng vững mạnh toàn diện | *Lê Minh Vương* | 10 |
| **VII. Quốc tế.** | | |
| – Thực hiện sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân nước này với giai cấp công nhân tất cả các nước khác, thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản | *Quyết Tiến* | 1 |
| – Những kẻ phản bội chủ nghĩa Mác tự vạch mặt | *Vũ Tiến* | 1 |
| – Nước Cộng hòa Ấn độ trên đường phát triển | *Thành Tín* | 1 |
| – Ba mươi năm đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng nhân dân cách mạng Lào | *Cay-xôn Phôm-vi-hản* | 3 |
| – Về sự hợp tác kinh tế, văn hóa giữa ba nước Đông dương trong giai đoạn mới | *Đặng Thí* | 3 |
| – Chủ nghĩa Lê-nin trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay | *V. Gô-lô-bô-cốp* | 4 |
| – Những thành tựu về nông nghiệp ở Hung-ga-ri | *Hồ Bắt Khuất* | 4 |
| – Ý nghĩa thời đại của chiến thắng chủ nghĩa phát xít | *Hoàng Tùng* | 5 |
| – Kinh tế Tiệp khắc trên đà phát triển | *Yến Vân* | 5 |
| – Một vài ý kiến về "chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung quốc" | *Nguyễn Thành Lê* | 5 |




Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| – Cộng hòa nhân dân Mô-dăm-bích qua mười năm xây dựng | *Hồ Bắt Khuất* | 6 |
| – Đại hội VII Quốc tế cộng sản và nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới | ★★★ | 7 |
| – Thành tựu to lớn của nền giáo dục cách mạng Cam-pu-chia | *Lê Dân* | 8 |
| – Vấn đề ăn, mặc, ở tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên | *Lê Tịnh* | 8 |
| – Xã hội Trung quốc qua một số tác phẩm văn học Trung quốc gần đây | *Lê Huy Tiêu* | 8 |
| – Cách đây 40 năm chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản đã bị đánh bại | *Lê Tịnh* | 9 |
| – Khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa những năm đầu thập niên kỷ 80 | *Nguyễn Diệu* | 9 |
| – Một sự kiện trọng đại của cách mạng Cam-pu-chia | ★★★ | 11 |
| – Nhìn lại mặt trận ngoại giao trong 40 năm qua | *Hoàng Nguyên* | 11 |
| – Ăng-gô-la mười năm xây dựng và chiến đấu | *Hồ Bắt Khuất* | 11 |
| – Trung quốc – hậu quả của chính sách « mở cửa » | *Phương Sơn* | 11 |
| – Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào mười tuổi | *Xu-pha-nu-vông* | 12 |
| – Về cuộc đối thoại cấp cao Xô – Mỹ | *Thành Tín* | 12 |
| – Chiến lược châu Á – Thái bình dương cùng những mưu đồ của đế quốc Mỹ | *Phan Lang* | 12 |
| **VIII. Đọc sách báo.** | | |
| – Một cuốn sách quý của đồng chí C.U. Trác-nen-cô : « Những vấn đề về công tác của bộ máy Đảng và Nhà nước » | *Đào Duy Tùng* | 3 |
| – Ba văn kiện quý được xuất bản nhân kỷ niệm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng | *Phạm Thành* | 4 |
| – Những văn kiện chủ yếu về chống Mỹ, cứu nước | *Viện Mác–Lê-nin* | 4 |
| – Một đóng góp to lớn và quý báu | *Lê Xuân Vũ* | 6 |
| – Nhân tố quyết định thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ : sự lãnh đạo của Đảng | *Hà Dũng* | 12 |
| **IX. Văn kiện – Tư liệu.** | | |
| – Kết luận của đồng chí Lê Duẩn tại hội nghị Bộ chính trị bàn về tình hình và nhiệm vụ của cuộc chống Mỹ, cứu nước | | 3 |
| – Thông báo của BCHTƯ ĐCS Việt nam, Quốc hội, HĐNN và HĐBT nước CHXHCN Việt nam về việc đồng chí C.U. Trác-nen-cô từ trần | | 3 |
| – Lời điếu của BCHTƯ ĐCS Việt nam, HĐNN, HĐBT và UBTƯMTTQ Việt nam | | 3 |
| – Điện của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn gửi các đồng chí lãnh đạo ở các chiến trường miền Nam trong cuộc tổng tiến công mùa xuân năm 1975 | | 4 |
| – Hội nghị lần thứ tám BCHTƯĐ (khóa V) về giá – lương – tiền | | 7 |
| – Thư của đồng chí Trường Chinh, ủy viên Bộ chính trị TƯĐ, Chủ tịch HĐNN gửi các nhà báo nhân Ngày báo chí Việt nam | | 7 |




Digitized by Google

| TÊN BÀI | TÁC GIẢ | SỐ |
|---|---|---|
| – Chủ tịch Hồ Chí Minh (Biên niên tóm tắt – từ 14-8-1945 đến 20-12-1946) | *Thế tập* | 8 |
| – Một số thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi người Mỹ năm 1945 | | 9 |
| – Một số tư liệu về quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa Việt nam – Liên xô | ★★★ | 11 |
| **X. Kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản Tạp chí lý luận của Đảng.** | | |
| – Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đến thăm Tạp chí Cộng sản | | 12 |
| – Chủ tịch Trường Chinh tiếp Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản | | – |
| – Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho Tạp chí Cộng sản | | – |
| – Thư của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh gửi Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản | | – |
| – Lễ kỷ niệm lần thứ 30 xuất bản Tạp chí Cộng sản và trao tặng huân chương Hồ Chí Minh cho tạp chí | | – |
| – Bài nói của đồng chí Võ Chí Công, ủy viên Bộ chính trị | | – |
| – Bài nói của đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng | | – |
| – Bài phát biểu của đại tướng Hoàng Văn Thái, ủy viên BCHTUĐ | | – |
| – Bài phát biểu của đồng chí Nguyễn Thị Như, ủy viên BCHTUĐ, Phó chủ tịch Hội LHPN Việt nam | | – |
| – Bài phát biểu của đồng chí Vũ Mão, ủy viên BCHTUĐ, Bí thư thứ nhất BCHTU Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | | – |
| – Bài phát biểu của đồng chí Trần Tấn, ủy viên dự khuyết BCHTUĐ, phó bí thư Thành ủy Hà nội | | – |
| – Bài phát biểu của đồng chí Vũ Xuân Cận, ủy viên Ban thư ký TCĐ Việt nam | | – |
| – Báo cáo của đồng chí Hồng Chương, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản | | – |
| – Bài nói của đồng chí Hồng Chương, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản (khi nhận Huân chương Hồ Chí Minh do HĐNN tặng thưởng Tạp chí Cộng sản) | | – |
| – Điện mừng của tạp chí Người cộng sản (Liên xô) | | – |
| – Thư của Đại diện TTX Nô-vô-xti tại Việt nam | | – |
| – Thư của đồng chí Hồng Hà, Tổng biên tập báo Nhân dân | | – |
| – Điện mừng của tỉnh ủy Hậu giang | | – |
| – Điện mừng của tỉnh ủy Nghệ tĩnh | | – |
| – Thư bạn đọc | | – |




Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5148

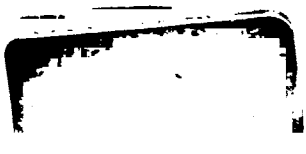

Digitized by Google